

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 31/4

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẶNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 31/4 - No. 1604 - 1627

SỐ 1604
LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 11

*Bồ-tát Vô Trước tạo luận
Đường, Thiên Trúc tam tạng Ba-la-phả-mật-đa dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 21 – 2: GIÁC PHẦN

Giải thích: Đã nói tu tập đạo phần, tiếp nói Bồ-tát tu tập chỉ quán.

Kệ nói:

*An tâm nơi chính định,
Đây tức gọi là chỉ.
Chính trụ pháp phân biệt,
Gọi tên là quán tướng.*

Giải thích: An tâm nơi chính định, đây tức gọi là chỉ, nghĩa là tâm y vào chính định mà không thấy tâm, chẳng phải không chính định mà lập chỉ cho nên gọi là chỉ tướng. Chính trụ pháp phân biệt, gọi tên là quán tướng, nghĩa là y vào chính trụ pháp thể phân biệt gọi là quán tướng.

Hỏi: Hai hành này tu như thế nào?

Kệ nói:

*Khấp muốn các công đức,
Thì phải tu cả hai.
Một phần chẳng một phần,
Vì tu có đơn song.*

Giải thích: Khấp muốn các công đức, thì phải tu cả hai, nghĩa là nếu người muốn khắp cầu các công đức thì phải tu cả hai hạnh chỉ và quán. Như trong kinh nói: “Phật bảo các Tì-khuru nếu có cầu thì làm sao để được? Các Tì-khuru ! Lìa dục lìa pháp ác bất thiện, cho đến nói rộng. Các Tì-khuru ! Có hai pháp cần phải tu tập. Đó là chỉ và quán.” Một phần chẳng một phần, nghĩa là một phần là chỉ hoặc quán. Chẳng phải một phần là hợp chỉ và quán.

Hỏi: Vì sao vậy?

Đáp: Vì tu có đơn song. Đơn tu là một phần, hoặc tu chỉ, hoặc tu quán. Song tu là không phải một phần, tức chỉ quán hợp tu.

Hỏi: Hai hành này chủng loại khác nhau thế nào? Và là nghiệp gì?

Kệ nói:

*Năng thông và năng xuất,
Vô tướng cũng vô vi,
Tịnh độ và tịnh quả,
Là hai tức là nghiệp.*

Giải thích: Nửa trên kệ này nói khác nhau về chủng loại, nửa dưới nói về nghiệp. Hai pháp này ở tín hành địa gọi là y chỉ tu. Nếu vào đại địa lại có 4 thứ sai biệt: 1. Năng thông tu, nghĩa là nhập sơ địa. 2. Năng xuất tu, nghĩa là nhập cho đến địa thứ sáu. Ở địa thứ sáu kia xuất phương tiện hữu tướng. 3. Vô tướng tu, nghĩa là nhập địa thứ bảy. 4. Vô vi tu, nghĩa là nhập ba địa sau. Tu mà còn làm dụng công gọi là hữu vi. Ba địa sau không làm dụng công nên gọi là vô vi. Năm

thứ này gọi là chủng loại sai biệt. Tịnh độ, nghĩa là y vào ba địa sau tu hành tịnh độ. Tịnh quả, nghĩa là làm hạnh chuyển y. Hai tịnh này là nghiệp đó. Đã nói xong chỉ quán của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu tập 5 thứ xảo phương tiện.

Kệ nói:

*Tự thực và thành sinh,
Mau quả và tác nghiệp.
Đường sinh tử không dứt,
Đây 5 xảo phương tiện.*

Giải thích: Năm thứ xảo phương tiện là: 1. Tự thực Phật pháp, dùng trí vô phân biệt làm xảo phương tiện. 2. Thành thực chúng sinh, dùng 4 nhiếp pháp làm xảo phương tiện. 3. Mau được Bồ-đề, dùng sám hối, tùy hỷ, thỉnh chuyển pháp luân, sinh khởi thắng nguyện làm xảo phương tiện. 4. Tác nghiệp thành tựu, dùng 2 môn làm xảo phương tiện. Hai môn là Đà-la-ni môn và Tam-muội môn. Vì dùng 2 môn này có thể thành tựu nghiệp lợi ích chúng sinh. 5. Đường sinh tử không dứt, dùng Niết-bàn vô trụ xứ làm xảo phương tiện.

Hỏi: Thế nào là xảo sai biệt, thế nào là xảo nghiệp?

Kệ nói:

*Bồ-tát xảo không sánh,
Sai biệt dựa các địa.
Thành tựu tự tha lợi,
Và gọi đó là nghiệp.*

Giải thích: Nửa trên kệ này nói về xảo sai biệt. Nửa dưới nói xảo nghiệp. Sai biệt, là 5 phương tiện này nơi chư Bồ-tát là tối thượng không gì bằng. Bởi vì sao? Vì trong các địa không chung với nhị thừa nên sai biệt. Nghiệp, là có thể thành tựu tất cả lợi ích đối với tự thân

tha thân, gọi là nghiệp. Đã nói Bồ-tát xảo phương tiện, tiếp nói Bồ-tát Đà-la-ni.

Kệ nói:

*Nghiệp báo và nghe tập,
Cũng lấy định làm nhân.
Y chỉ 3 hạnh này,
Trì loại có 3 thứ.*

Giải thích: Phạm loại Đà-la-ni có 3 thứ: 1. Báo được, nghĩa là được do nghiệp lực đời trước. 2. Tập được, nghĩa là được do nghe và sức hành trì. 3. Tu được, nghĩa là được do dựa vào định lực.

Hỏi: Chủng loại sai biệt thế nào?

Kệ nói:

*Hai tiểu một là đại,
Một đại có 3 thứ.
Địa tiên với địa thượng,
Vì bất tịnh và tịnh*

Giải thích: Hai tiểu một là đại, nghĩa là ở trong 3 thứ phạm loại thì báo được và tập được thuộc tiểu. Tu được, chỉ một này là đại. Một đại lại có 3 thứ, nghĩa là trong chủng loại đại kia lại có 3 thứ là nhuyển, trung và thượng. Có được khi chưa nhập địa Bồ-tát là nhuyển. Có được khi nhập bất tịnh địa Bồ-tát là trung, tức là sơ địa đến địa thứ 7. Có được khi nhập thanh tịnh địa Bồ-tát là thượng, tức 3 địa sau.

Hỏi: Nghiệp như thế nào?

Kệ nói:

*Phải biết các Bồ-tát,
Hằng y Đà-la-ni.*

*Nghe pháp và trì pháp,
Tác nghiệp đều như vậy.*

Giải thích: Chư Bồ-tát y chỉ Đà-la-ni hằng khai thị diệu pháp và thường thụ trì lấy đó làm nghiệp. Đã nói Bồ-tát Đà-la-ni, tiếp nói Bồ-tát khởi các nguyện.

Kệ nói:

*Tư dục cùng làm thể,
Riêng trí là nhân kia.
Các địa tức là địa,
Hai quả cũng là quả.
Phải biết sai biệt 3,
Chủng chủng đại thanh tịnh.
Nghiệp này có 2 thứ,
Tự lợi và lợi tha.*

Giải thích: Hai kệ này dùng 6 nghĩa phân biệt các nguyện: 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Địa. 4. Quả. 5. Sai biệt. 6. Nghiệp. Nghiệp tương ưng với tư dục làm tự tính, lấy trí làm nhân, các địa làm địa, 2 quả làm quả. Hai quả tức quả hiện tại và quả vị lai. Lấy các nghiệp làm nhân thì tâm được toại. Tâm toại tức đúng như tâm muốn đều được thành tựu. Lại dùng nguyện lực đạo qua các quả nguyện. Như thân phóng ánh sáng, miệng phát âm vang. Cho đến nói rộng, sai biệt có 3 thứ: 1. Các thứ, nghĩa là tín hành địa muốn được các nguyện như vậy như vậy. 2. Rộng lớn, tức là 10 đại nguyện của nhập địa Bồ-tát. 3. Thanh tịnh, nghĩa là các địa sau chuyển dần chuyển dần thành thanh tịnh, cho đến Phật địa thì cực thanh tịnh, đó là sai biệt.

Hai thứ nghiệp là: 1. Thành tựu tự lợi. 2. Thành tựu lợi tha. Đó là nghiệp. Đã nói các nguyện của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát tu Tam Tam-muội.

Kệ nói:

*Phải biết 2 vô ngã,
Cùng với 2 ngã y,
Hai y thường tịch diệt,
Ba định cảnh sở hành.*

Giải thích: Tam Tam-muội có 3 thứ sở hành: 1. Nhân pháp 2 vô ngã là không Tam-muội sở hành. 2. Hai chấp kia dựa vào 5 thủ ấm là vô nguyện Tam-muội sở hành. 3. Kia dựa vào rốt ráo tịch diệt là vô tướng Tam-muội sở hành. Sở thủ thể của 3 thứ kia là 3 thứ cảnh giới. Năng thủ thể của 3 thứ kia là 3 thứ Tam-muội. Cho nên gọi đó là Tam Tam-muội.

Hỏi: Tam Tam-muội danh nghĩa như thế nào?

Kệ nói:

*Không định vô phân biệt,
Vô nguyện yếm bối sinh.
Vô tướng hằng lạc đắc,
Kia y thường tịch diệt.*

Giải thích: Không định vô phân biệt, nghĩa là nghĩa của vô phân biệt là nghĩa của không Tam-muội, do không phân biệt nhân pháp 2 ngã. Vô nguyện yếm bối sinh, nghĩa là nghĩa của yếm bối là nghĩa của vô nguyện, do chán bỏ sở y ngã chấp. Vô tướng hằng lạc đắc, kia y thường tịch diệt, nghĩa là nghĩa của lạc đắc là nghĩa của vô tướng Tam-muội, do thích được sở y rốt ráo tịch diệt.

Hỏi: Tam Tam-muội khởi như thế nào?

Kệ nói:

*Phải biết và phải đoạn,
Cùng với phải tác chứng.*

*Tuần tự không v.v... các định,
Tu tập có 3 thứ.*

Giải thích: Nói phải biết, phải đoạn và phải chứng, nghĩa là phải biết nhân pháp 2 vô ngã, phải đoạn sở y của 2 ngã chấp, phải chứng rốt ráo tịch diệt. Tuần tự không v.v... các định có 3 thứ tu tập, nghĩa là trong đây vì biết nhân pháp 2 vô ngã nên tu không Tam-muội, vì đoạn sở y 2 chấp kia nên tu vô nguyện Tam-muội, để chứng rốt ráo tịch diệt kia nên tu vô tướng Tam-muội. Đã nói Bồ-tát tu Tam Tam-muội, tiếp nói Bồ-tát 4 pháp Ưu-đà-na.

Kệ nói:

*Như trước 3 Tam-muội,
Bốn ấn làm y chỉ.
Bồ-tát nói như vậy,
Vì lợi ích quần sinh.*

Giải thích: Bốn pháp ấn là: 1. Tất cả hành vô thường ấn. 2. Tất cả hành khổ ấn. 3. Tất cả pháp vô ngã ấn. 4. Niết-bàn tịch tịnh ấn. Trong đây phải biết vô thường ấn và khổ ấn là thành tựu y chỉ của vô nguyện Tam-muội. Vô ngã ấn là thành tựu y chỉ của không Tam-muội. Tịch diệt ấn là thành tựu y chỉ của vô tướng Tam-muội. Bồ-tát nói 4 pháp ấn này làm y chỉ 3 Tam-muội đều vì lợi ích các chúng sinh.

Hỏi: Những gì là nghĩa của vô thường v.v... cho đến những gì là nghĩa của tịch diệt?

Kệ nói:

*Vô nghĩa nghĩa phân biệt,
Không chân nghĩa phân biệt.
Dứt các nghĩa phân biệt,
Là nghĩa 4 pháp ấn.*

Giải thích: Trong đây chữ Bồ-tát lấy vô nghĩa làm nghĩa của vô thường, vì do tướng phân biệt rất ráo là vô thường, lấy nghĩa phân biệt làm nghĩa của vô ngã, do tướng phân biệt chỉ có phân biệt. Vì 2 tướng phân biệt này là vô thể. Không chân nghĩa phân biệt là nghĩa của khổ, vì 3 cõi tâm tâm pháp là thể của khổ. Đây là tướng y tha. Dứt các nghĩa phân biệt là nghĩa của tịch diệt. Đây là tướng chân thật. Lại nữa phải biết tướng y tha lại lấy sát-na sát-na hoại diệt làm nghĩa của vô thường.

Hỏi: Làm sao thành lập nghĩa của sát-na hoại diệt?

Kệ nói:

*Do khởi và theo nhân,
Mâu thuẫn và không trụ,
Vô thể và tướng định,
Tùy chuyển với diệt hết,
Biến đổi nhân và quả,
Chấp trì với tăng thượng,
Tùy tịnh và tùy sinh,
Thành nghĩa có 15.*

Giải thích: Hai bài kệ này dùng 15 nghĩa thành lập nghĩa sát-na sát-na diệt: 1. Do khởi. 2. Theo nhân. 3. Mâu thuẫn. 4. Không trụ. 5. Vô thể. 6. Tướng định. 7. Tùy chuyển. 8. Diệt hết. 9. Biến đổi. 10. Nhân. 11. Quả. 12. Chấp trì. 13. Tăng thượng. 14. Tùy tịnh. 15. Tùy sinh. Do 15 nghĩa này có thể thành lập nghĩa sát-na hoại diệt.

Thứ nhất, do khởi nghĩa là các hành liên tục chảy như dòng nước gọi là khởi. Nếu không có nghĩa sát-na sát-na diệt mà có các hành liên tục chảy như dòng nước thì không đúng. Nếu ông nói vật có tạm thời dừng trụ, sau rồi cái trước diệt cái sau khởi gọi là liên tục thì không liên tục vì do khi tạm trụ sau khởi là không.

Thứ hai, theo nhân nghĩa là tất cả vật gì trước diệt sau khởi đều phải nhờ nhân duyên. Nếu lia nhân duyên là vô thể. Nếu ông nói vật kia nhân ban đầu sau có thể sinh nhiều quả là không đúng. Nhân ban đầu tác nghiệp thì liền diệt hết, lẽ nào được làm nhân cho nhiều quả sau. Nếu ông nói nhân ban đầu khởi rồi không khởi nữa thì lập nhân này dùng làm gì? Nếu ông nói khởi rồi nhưng chưa diệt, sau mới diệt thì về sau cái gì là nhân của diệt?

Thứ ba, mâu thuẫn nghĩa là nếu ông chấp nhân năng khởi cũng là nhân của diệt thì không đúng. Khởi và diệt mâu thuẫn nhau mà đồng một nhân là vô lý, ví như ánh sáng và bóng tối, lạnh và nóng không chung cùng nhau được, đây cũng vậy. Cho nên khởi nhân tức không phải diệt nhân. Nếu ông chấp các hành khởi rồi không phải diệt liền thì trái với A-hàm và trái đạo lý. Trái với A-hàm là Phật bảo các Tì-khưu các hành như huyễn là pháp hoại diệt, đó là tạm thời pháp sát-na không trụ. Trái đạo lý là những người tu hành ở trong các hành sinh diệt tư duy sát-na sát-na diệt. Nếu không như vậy thì khi lâm chung thấy tướng diệt kia sẽ không chán ghét lia dục giải thoát. Thế là đồng với các phàm phu khác.

Thứ tư, không trụ nghĩa là nếu ông nói các hành khởi rồi có trụ lại, vậy hành đó tự trụ hay trụ được do nhân khác? Nếu hành tự trụ sao không trụ mãi? Nếu do cái khác mà trụ vậy là vô thể, sao có thể làm nhân được? Cả hai đều không phải vậy, cho nên không thành nghĩa sát-na sát-na diệt.

Thứ năm, vô thể nghĩa là nếu ông chấp nhân của trụ tuy không, nhưng nhân của hoại chưa đến, cho nên được trụ. Nếu nhân của hoại đến thì sau đó liền diệt. Không phải như lửa biến đổi cục sắt đen là không phải vậy. Nhân của hoại rất ráo là vô thể. Cho nên lửa biến đổi sắt ví cho ngã là vô lý. Sắt và lửa hợp lại tướng đen tựa như diệt tướng đỏ tựa như khởi. Có thể làm cho tướng đỏ khởi lên là công năng của lửa, thật sự không phải lấy lửa biến đổi sắt đen. Lại nữa như

đun nước cho đến cạn không còn nước nữa, cũng không phải hợp với lửa nước mới thành vô thể.

Thứ sáu, tướng định, nghĩa là Phật nói pháp hữu vi tướng hữu vi hoàn toàn chắc chắn gọi là vô thường. Ông chấp các hành khởi rồi không diệt liền, tức là pháp hữu vi có một chút thời gian ngắn không phải vô thường, như vậy là rơi vào không phải hoàn toàn một tướng quyết định.

Thứ bảy, tùy chuyển nghĩa là nếu ông nói nếu như vật sát-na sát-na sinh mới thì sao trong đó đem cái cũ mà hiểu? Phải nói do tương tự tùy chuyển mà được như vậy. Ví như ngọn đèn cháy tương tự khởi, cho nên khởi cái biết ngọn đèn cũ mà thật sự là khác với trước, vì không thật thể.

Thứ tám, diệt hết nghĩa là nếu ông nói làm sao biết được vật sau không phải trước? Phải nói vì do diệt hết. Nếu trụ không diệt thì sát-na sau với sát-na ban đầu trụ không sai biệt. Do có sai biệt nên biết vật sau không phải vật trước.

Thứ chín, biến đổi, nghĩa là nếu ông nói vật mới khởi không biến đổi khác ngay là không đúng. Thể của nội ngoại pháp, hậu biên là bất khả đắc. Do khi mới khởi liền dần dần biến đổi đến rõ ràng. Ví như sữa để chua đông lại thì tướng sữa đông mới hiện, nhưng sự biến thể rất tinh vi khó biết được. Do tương tự tùy chuyển gọi là vật trước. Vì vậy thành nghĩa sát-na sát-na diệt.

Thứ mười, nhân, nghĩa là nếu ông chấp nhận tâm là sát-na diệt, khởi nhân của tâm kia là nhãn sắc v.v... các hành, quả kia sát-na diệt nên nhân cũng sát-na, do không thể lấy nhân thường khởi quả vô thường được.

Thứ mười một, quả, nghĩa là nhãn v.v... các hành kia cũng là quả của tâm. Cho nên thành nghĩa của sát-na diệt, do không thể lấy nhân vô thường khởi quả thường được.

Thứ mười hai, chấp trì, nghĩa là nếu ông nói làm sao biết được nhân v.v... các hành cũng là quả của tâm. Phải nói vì do tâm chấp trì mà được tăng trưởng.

Thứ mười ba, tăng trưởng, nghĩa là lại như Phật nói tâm đem thế gian đi, tâm dắt thế gian đến. Do tâm tự tại thế gian tùy chuyển. Thức duyên danh sắc cũng vậy. Cho nên các hành là quả của tâm.

Thứ mười bốn, tùy tịnh, nghĩa là tịnh là tâm người thiền định. Các hành của người ấy tùy theo tịnh tâm chuyển. Như trong kinh nói: Ti-khuru tu thiền đầy đủ thần thông tâm được tự tại. Nếu muốn khiến cây thành vàng liền được tùy ý. Cho nên biết các hành đều là quả của tâm.

Thứ mười lăm, tùy sinh, nghĩa là như chúng sinh tạo tội thì được ngoại vật tất cả đều xấu kém, tạo phúc thì được ngoại vật tất cả đều tốt đẹp. Cho nên biết các hành đều là quả của tâm. Nhân là sát-na quả chẳng phải sát-na là không có đạo lý như thế, vì nhân tự tại.

Như vậy là đã thành lập chung tất cả các hành trong ngoài là sát-na rồi, tiếp thành lập nội pháp là sát-na.

Kệ nói:

*Sơ khởi và tục khởi,
Trưởng khởi và y khởi,
Liệt khởi và thắng khởi,
Minh khởi vô minh khởi,
Cho đến dị xứ khởi,
Chủng khởi vô chủng khởi,
Tượng khởi 14 khởi.*

Giải thích: Kệ này dùng 14 thứ khởi thành lập nghĩa sát-na của các hành nội pháp: 1. Sơ khởi, nghĩa là tự tính sinh đầu tiên. 2. Tục

khởi, nghĩa là trừ sát-na đầu tiên, các sát-na khác sinh. 3. Trưởng khởi, nghĩa là ngủ, ăn, Phạm hạnh, chính thụ, trưởng dưỡng nên sinh. 4. Y khởi, nghĩa là nhãn v.v... các thức y chỉ nhãn v.v...các căn sinh. 5. Biến khởi, nghĩa là tham v.v...nhiễm ô khiến sắc v.v...biến đổi sinh. 6. Thực khởi, nghĩa là thành thai, ấu nhi, đồng tử, thiếu niên, tráng niên, trung niên già v.v... sinh. 7. Liệt khởi, nghĩa là sinh các ác đạo. 8. Thắng khởi, nghĩa là sinh các thiện đạo. 9. Minh khởi, nghĩa là sinh Dục giới 2 cõi trời sau và Sắc giới Vô sắc giới tất cả các cõi trời. 10. Vô minh khởi, nghĩa là trừ các minh xứ trước, sinh các xứ còn lại. 11. Dị xứ khởi, nghĩa là chết xứ này sinh xứ kia. 12. Chủng khởi, nghĩa là trừ A-la-hán tối hậu 5 ám sinh. 13. Vô chủng khởi, nghĩa là trừ tối hậu 5 ám sinh ở trước, do vì không có chủng tử hậu sinh. 14. Tượng khởi, nghĩa là người nhập giải thoát thiền, định tự tại lực nên các hành tượng sinh.

Hỏi: Lại vì nhân gì thành lập 14 thứ khởi này?

Kệ nói:

*Tục dị và đoạn dị,
Tùy trưởng và tùy y,
Trụ quá và khứ quá,
Vô trụ vô vô tử,
Cũng có tùy tâm tướng,
Hành giả cần phải biết.
Chín thứ nhân như thế,
Thành 14 khởi trước.*

Giải thích: Hai kệ này dùng 9 thứ nhân thành lập 14 khởi trước. Chín thứ nhân là: 1. Tục dị. 2. Đoạn dị. 3. Tùy trưởng. 4. Tùy y. 5. Trụ quá. 6. Khứ quá. 8. Hữu tử. 9. Tùy tâm.

Thứ nhất, tục dị, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ nhất sơ khởi. Nếu đầu tiên khi mới khởi, thể của nhân là không khác biệt

thì lúc sau các hành tiếp tục khởi cũng không khác biệt, vì thể của nhân không khác biệt. Do nhân có khác biệt nên sau các hành sát-na được thành.

Thứ hai, đoạn dị, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ hai tục khởi. Nếu mỗi một sát-na nhân không khác biệt, thì lúc sau đoạn sự khác biệt cũng không thể được, vì sự đoạn có khác nhau. Vì vậy thành nghĩa các hành sát-na.

Thứ ba, tùy trưởng, nghĩa là nhân này thành lập cái thứ ba là trưởng khởi. Có thể khiến các hành viên mãn nên gọi là trưởng. Nếu không có sát-na mà có các hành trưởng dưỡng là không đúng, là và nó trụ đứng yên. Nếu các hành trụ thì đứng yên không thể dần dần lớn lên viên mãn được. Thế không gọi là trưởng dưỡng.

Thứ tư, tùy y, nghĩa là nhân này thành lập thứ tư y khởi. Nếu chấp năng y không trụ còn sở y thì trụ là không đúng. Ví như người cưỡi ngựa, người đi ngựa không đi là không có lý. Cũng như vậy thức y vào căn, thức có sát-na mà y không sát-na là không đúng.

Thứ năm, trụ quá, nghĩa là nhân này thành lập 6 khởi, đó là: biến khởi, thực khởi, liệt khởi, thắng khởi, minh khởi, vô minh khởi. Thành lập biến khởi, thực khởi, là nếu chấp các hành sơ khởi tức trụ không diệt là không phải, vì không biến khởi. Nghĩa là tham v.v... biến sắc hằng không thể được, do ban đầu không biến sau cũng vậy. Nếu ban đầu không biến, sau các thực vị cũng không thể được, do trước có biến sau mới thực. Thành lập liệt khởi, thắng khởi sát-na cũng vậy. Nếu chấp các hành được trụ, mà có thiện ác luân tập lần lượt cùng quả là không đúng. Các hành không trụ lần lượt liên tục đều được cùng với quả. Nghĩa này là như vậy. Thành lập minh khởi, vô minh khởi sát-na cũng vậy. Nếu các hành được trụ, thì minh khởi cũng không không trụ mà có vì do tâm chuyển. Không vô minh khởi cũng vậy, vì sau không biến đổi.

Thứ sáu, khứ quá, nghĩa là nhân này thành lập thứ 11 là dị xứ khởi. Nếu chấp các hành qua các nơi mà gọi đi là không đúng. Tôi nay hỏi ông các hành đi là khởi rồi đem các hành sang các nơi khác, hay là không khởi mà đem các hành sang các nơi khác? Nếu khởi rồi đem sang, tức là nơi này khởi rồi, các nơi khác không khởi, thế tức là trụ, mà nói đi vậy là trái nghĩa. Nếu không khởi đem sang, không khởi tức xưa nay không đi, mà nói đi là vô nghĩa. Lại nữa nếu các hành đi làm trụ nơi đây, tức làm sở tác khiến các hành đi, thì cũng không đúng, vì trụ thì không được đến các nơi khác. Nếu các hành đến các nơi khác mới làm sở tác thì cũng không đúng, vì không lia đi mà có các hành đến các nơi khác. Nếu nơi này trụ, nếu các nơi khác trụ, lia các hành ra ngoài rất ráo cầu làm không thể được. Cho nên không khác các hành liên tục mà có đi, làm đi đã vô thể thì thành nghĩa sát-na. Nếu ông nói nếu thật không đi sao người đời thấy đi. Phải nói rằng do liên tục không gián đoạn nên giả nói là đi thật không có cái thể của đi. Nếu ông nói lại có nhân gì các hành được liên tục đi thì phải nói có vô lượng nhân duyên. Có tâm lực tự tại như oai nghi v.v... là đi. Có nghiệp đời trước tự tại như trong thân trung ấm là đi. Có sức mạnh của tay tự tại như bắn tên, ném đá là đi. Có ý chí tự tại như cỡi xe đi thuyền là đi. Có sức tác động tự tại như gió thổi vật là đi. Có tự thể tự tại như tính gió tạt đi, tính lửa đi lên, tính nước đi xuống. Có sức phép thuật tự tại như chú thuật, linh dược đi trên không. Có đá nam châm tự tại có thể khiến sắt đi. Có sức thần thông tự tại như nương thần thông mà đi. Có các nhân duyên vô lượng như vậy có thể khiến các hành tương tục giả gọi là đi. Nên biết như thế.

Thứ bảy, vô trụ, nghĩa là nhân này thành lập thứ 12 là chủng khởi. Nếu các hành được trụ mà lúc khác lại có chủng tử khởi là không đúng, vì sát-na sát-na không có nhân khác. Nếu các hành không trụ, sau có chủng tử khởi thì nghĩa này có thể được.

Thứ tám, hữu tử, nghĩa là nhân này thành lập thứ 13 vô chủng khởi. Nếu không có sát-na mà có lúc chết, tức vô chủng khởi là không đúng. Trước có chủng khởi, sau khi mạng chung mới không chủng khởi cũng không đúng, vì mỗi một sát-na nhân là vô thể. Cho nên tử tâm sát-na là không thể thành.

Thứ chín, tùy tâm, nghĩa là nhân này thành lập thứ 14 tượng khởi, do tâm tự tại sát-na sát-na tượng kia được khởi.. Nếu không sát-na mà tượng được khởi là vô lý.

Hỏi: Như vậy là thành lập riêng nội hữu là pháp sát-na rồi. Vậy lại có nhân gì có thể thành lập ngoại pháp 4 đại và 6 thứ tạo sắc là sát-na ư?

Kệ nói:

*Do đầy và do cạn,
Tính động tăng và giảm,
Hai khởi với 4 biến,
Sức củi và yếu dần,
Cũng nói tùy tâm khởi,
Cũng vì nạn vấn thành,
Tất cả các ngoại pháp,
Đều là sát-na thể.*

Giải thích: Hai bài kệ này dùng 14 nhân thành lập ngoại pháp là sát-na. Nước có 2 nhân: 1. Đầy. 2. Cạn. Nếu không có sát-na thì hoặc đầy hoặc cạn không thể hiện ra. Nếu có người hỏi như thế này: Nếu không có sát-na thì nước do nhân gì mà đầy và do nhân gì mà cạn? Người kia sẽ không trả lời được. Nay thấy nước có đầy cạn cho nên biết sát-na là nhân của nước đầy hoặc cạn. Gió có 3 nhân: 1. Tính động. 2. Tăng mạnh. 3. Giảm dứt. Nếu tính của gió là trụ thì khi không động nó là vô thể cũng không tăng mạnh cũng không giảm dứt, vì do nó trụ. Đất có 6 nhân: là 2 khởi 4 biến

đổi. Hai khởi là do nước do gió mà đất khởi được. Nghĩa là khi kiếp sinh thì đất kia là quả của nước và gió, cho nên biết đất cũng là sát-na. Bốn biến đổi, là do 4 thứ làm cho đất có thể biến đổi: 1. Nghiệp lực làm ra, vì do nghiệp lực của chúng sinh có sai khác. 2. Nhân công làm ra, như đào lấp v.v... 3. Các đại làm ra, như do lửa, nước, gió. 4. Thời tiết làm ra, do thời tiết thay đổi làm hiện tượng khác. Nếu không sát-na không thể có 4 sự biến đổi này. Vì nhân vô số, như đất có 6 nhân biết là sát-na. Sắc, hương, vị, xúc 6 nhân cũng vậy cho nên cũng là sát-na. Lửa có 1 nhân là sức của củi, sức lửa của củi tăng nên lửa khởi. Đã cùng với lửa khởi thì củi không được trụ. Lửa đốt củi rồi thì lửa cũng không trụ. Nếu lửa không do củi thì sau không có củi lửa phải trụ lâu, do tùy đồng nghĩa với lửa. Tiếng sau khi nói, tiếng có 1 nhân, như yếu nhỏ dần. Ví như tiếng chuông lúc sau nhỏ dần. Nếu không có sát-na thì lúc sau không có tiếng nhỏ yếu. Lý pháp nhập sắc có 1 nhân, là tùy tâm khởi. Như khi thụ giới tùy tâm khởi hạ trung thượng. Nhân của tâm là sát-na nên quả của nó cũng sát-na. Cho nên ngoại pháp sát-na cũng thành lập.

Lại nữa đều do nạn vấn. Nay tôi hỏi ông vì sao muốn được các hành vô thường không muốn được các hành sát-na diệt? Nếu ông nói không thể biết được mỗi mỗi sát-na diệt thì không đúng. Ví như ngọn đèn, trong trường hợp bất động ta cũng không thấy biết cái sát-na của nó. Vì sao ông muốn bảo cái thể của nó là không sát-na? Nếu ông bảo cái thể của ngọn đèn có sát-na vì tế nên không biết được, thì các hành cũng vậy chứ sao không muốn bảo là có sát-na? Nếu ông nói ngọn đèn với các hành không giống nhau, thể là không đúng. Có 2 thứ không giống nhau: 1. Tự tính không giống nhau. 2. Thời phần không giống nhau. Nếu đây là trường hợp tự tính không giống nhau thì thí dụ này đúng, vì lấy phi tự thể làm thí dụ., không phải như lấy đèn dụ cho đèn, lấy con bò dụ con bò thì

thí dụ không thành. Nếu lấy thời phần không giống nhau thì thí dụ cũng thành, vì ngọn đèn và các hành đều sát-na giống nhau. Nếu chẳng phải sát-na mà thí dụ thì không thành. Nay lại hỏi ông nếu như người cỡi một vật gì mà vật ấy trụ đứng yên thì người ấy có đi không? Đáp: Không. Nếu vậy căn sở y trụ mà thức năng y đi cũng không hợp lý. Nếu ông nói vì sao hiện thấy ngọn đèn mỗi niệm mỗi niệm diệt mà tim đèn trụ như vậy? Phải nói rằng chỗ thấy của ông lị thấy không đúng. Do tim đèn liên tục sát-na sát-na có hoại có khởi mà ông không biết như thật. Nếu ông nói các hành sát-na như ngọn đèn thì vì sao người đời chẳng biết? Phải nói rằng các hành là vật điên đảo cho nên liên tục sát-na tùy chuyển. Đây không biết được mà thật sự là riêng biệt khởi. Người đời gọi là vật hiện tiền mà sinh cái biết điên đảo. Nếu không vậy đã không có sự điên đảo thường và vô thường. Nếu cái thể của điên đảo là không thì cũng không có nhiễm ô, vậy chỗ nào gọi giải thoát? Do các nạn vấn đó mà các hành sát-na thành. Đã thành lập nghĩa của vô thường rồi, tiếp thành lập nghĩa của vô ngã.

Hỏi: Con người có thể nói là có hay là không?

Kệ nói:

*Người giả chẳng thật có,
Không thể nói là thật.
Điên đảo và nhiễm ô,
Vì nhân nhiễm thành lập.*

Giải thích: Người là giả chẳng thật có, nghĩa là có thể nói người là giả gọi có, chẳng phải thật thể có. Nếu như vậy là không rơi vào cái chấp một bên, vì lìa có không.

Hỏi: Người là thật có, sao biết là không?

Đáp: Thật, là không thể được, do người ấy không như sắc v.v... có cái thể có thể có được, vì chẳng phải giác trí chúng.

Hỏi: Người chẳng phải giác trí không chứng. Phật lại nói: Ta hiện tại có thể được. Ông nói không thể được là không đúng.

Đáp: Đây nói có thể được, chẳng phải thật có thể được, vì do điên đảo. Phật nói vô ngã chấp ngã, gọi là điên đảo.

Hỏi: Làm sao biết là điên đảo?

Đáp: Do nhiễm ô. Thân kiến là nhiễm ô. Như là chấp ngã ngã sở. Nếu không điên đảo thì không phải nhiễm ô.

Hỏi: Làm sao biết ngã chấp là nhiễm ô?

Đáp: Vì nhân nhiễm ô. Do ngã chấp là nhân mà tham v.v... các nhiễm ô được khởi, cho nên biết là nhiễm ô.

Hỏi: Như ông đã chấp nhận nơi sắc v.v... 5 ấm nói người là giả có. Vậy người và ấm này là một hay là khác?

Kệ nói:

*Người giả với ám thật,
Không thể nói một, khác.
Nếu nói là một, khác,
Thì có 2 lỗi sinh.*

Giải thích: Người giả với ám thật không thể nói là một, không thể nói là khác. Nếu nói là một, khác thì sinh 2 lỗi. Hai lỗi là: Nếu nói người với ám là một thì ám tức là người, và người là thật. Nếu nói người với ám là khác, ám tuy chẳng phải người, người cũng là thật. Vì lẽ đó, người là do lập ra mà có, không thể nói một hay khác. Cho nên Như Lai ngăn sự dự đoán mà luận thành.

Kệ nói:

*Nếu chấp người là thật,
Phải nói là một, khác.*

*Một khác không thể nói,
Mà nói thể, vô lý.*

Giải thích: Nếu người trái với sự giáo huấn của Đại sư chấp người là có thật, thì con người thật với âm có thể nói một hoặc khác. Nhưng chấp với âm không thể nói một hoặc khác, thì nói thể là không đúng lý. Nếu ông nói người không thể nói như lửa với củi chẳng phải khác chẳng phải không khác là không đúng.

Kệ nói:

*Khác tướng và đời thấy,
Phật nói không phải vậy.
Lửa củi chẳng không nói,
Có thể được có 2.*

Giải thích: Khác tướng, là lửa và hòa đại. Củi, là các đại khác, đều có tướng riêng, cho nên lửa khác củi. Đời thấy, là người đời lìa lửa thấy củi, nghĩa là những cây gỗ có thể đốt cháy. Cũng tách rời củi thấy lửa, như gió thổi lửa tắt, cho nên lửa khác củi. Phật nói không như vậy, nghĩa là Phật Thế Tôn không có chỗ nói lửa với củi không thể nói một, khác. Cho nên ông chấp lửa củi không thể nói một, khác. Nói thể không đúng. Nếu ông nói không phải tách rời củi thấy lửa, gió tức là củi là không đúng, vì có 2 có thể được, do lửa và gió 2 khác nhau. Lại nữa,

Kệ nói:

*Hai có nên thức khởi,
Người duyên thì phi nghĩa.
Tốt diệt và xấu sinh,
Nói sinh lại phi lý.*

Giải thích: Nếu người chấp người có thật, nghĩa là thấy, nghe, giác, thức, ăn, biết, nói, nếu vậy nhãn thức kia v.v...khởi, là

lấy người làm duyên nói người là tác giả, hay lấy người làm chủ nói người là tác giả? Nếu lấy người làm duyên, thì 2 có nên thức khởi người và duyên là phi nghĩa, do người trong lúc thức khởi không có chút sức nào có thể thấy. Nếu lấy người làm chủ, thì tốt diệt và xấu sinh, nói sinh lại phi lý. Nếu người là chủ đã sinh sở ái thức, ắt phải làm cho không diệt, không nên khiến diệt. Chưa sinh cái thức không yêu, chắc chắn phải khiến không sinh, không nên khiến sinh. Vì lẽ này, ông không nên chấp người là thấy cho đến thức. Lại nữa,

Kệ nói:

*Ông chấp trong người thật,
 Nghiệp gì được thành lập?
 Không thật cưỡng nói thật,
 Trái Phật Tam Bồ-đề.*

Giải thích: Nếu người là thật có, ông lấy nghiệp gì có thể thành lập được? Phàm là thật có, ắt có sự nghiệp. Như mắt v.v... các tịnh sắc lấy sự thấy làm sự nghiệp được thành lập. Người không có các sự nghiệp như thế có thể thành lập, cho nên người không phải thật có.

Lại nữa, ông ở trong con người không thật cố cưỡng ép làm con người có thật, tức trái với 3 thứ Bồ-đề của Như Lai: 1. Thâm thâm Bồ-đề. 2. Bất cộng Bồ-đề. 3. Xuất thế Bồ-đề. Nếu thấy người thật, là chẳng phải thâm thâm Bồ-đề, là chẳng phải ngoại đạo bất cộng Bồ-đề, là chẳng phải thế gian không tập Bồ-đề. Cho nên chỗ chấp này là chấp của thế gian, là chỗ chấp trước của ngoại đạo, là sinh tử hằng tập.

Lại nữa nếu người là do thấy, cho đến do nhận thức thì mắt v.v... các căn là có công dụng hay không công dụng? Nếu có công dụng thì nó tự nhiên khởi hay do người khởi? Hỏi ông nghi chỗ nào?

Kệ nói:

*Nếu lấy tự nhiên khởi,
Tức có 3 lỗi sinh.
Nếu lấy người làm duyên,
Thì mất v.v... vô dụng.*

Giải thích: Nếu nói công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi thì người đối với mắt v.v... không tạo sự nghiệp, tức sẽ có 3 thứ lỗi sinh. Nếu nói lấy người làm duyên công dụng được khởi, tức là mất v.v... các căn hoàn toàn không có công dụng.

Hỏi: Thế nào là công dụng tự nhiên khởi 3 lỗi?

Kệ nói:

*Người không phải tác giả,
Vì dụng phi thường khởi.
Vì khởi chẳng nhất thời,
Tự khởi thì không vậy.*

Giải thích: Nếu công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi không đợi người làm, thì người không phải là tác giả, làm so gọi là thấy cho đến nhận thức? Đó là lỗi thứ nhất. Nếu công dụng của mắt v.v... tự nhiên khởi, tức phải thường khởi, không nên phi thường khởi. Đó là lỗi thứ hai. Nếu công dụng của mắt v.v... thường khởi thì khởi phải nhất thời, sao không được cùng khởi? Đó là lỗi thứ ba. Do nghĩa này nếu nói tự nhiên khởi là không đúng.

Hỏi: Lấy người làm duyên còn có lỗi gì?

Kệ nói:

*Người trụ, dụng trước không,
Người hoại thì người đoạn.
Lại có thể thứ ba,
Làm duyên là vô nghĩa.*

Giải thích: Nếu nói người trụ với công dụng làm duyên thì người đã thường có, lý do gì công dụng trước không sau có? Nghĩa ấy không đúng. Nếu nói người hoại là duyên thì người hoại tức rơi vào vô thường. Đây cũng không đúng. Nếu nói lại có cái thứ ba là không trụ, không hoại, người làm duyên, là không có nghĩa. Như vậy theo đạo lý mà nói không thể có con người thật. Lại nữa,

Kệ nói:

*Các pháp vô ngã ẩn,
Và nói chân thật không.
Có ngã có 5 lỗi,
Cho nên biết không ngã.*

Giải thích: Trong Kinh Pháp Ẩn, Phật nói: “Tất cả pháp không có ngã.” Trong Kinh Chân Thật Không, Phật nói: “Có nghiệp có báo, tác giả không thể được. Bồ tiền ám khởi hậu ám, khởi diệt chỉ có pháp.” Trong Kinh Tăng Ngũ nói: “Nếu chấp có ngã, có 5 lỗi: 1. Rơi vào chỗ kiến chấp, khởi ngã kiến, mạng giả kiến. 2. Đồng với ngoại đạo. 3. Tích hạnh tà hạnh. 4. Không muốn, không tin, không trụ nơi không. 5. Thánh pháp không được thanh tịnh.” Như vậy theo A-hàm nói cũng không thể có được con người thật.

Hỏi: Nếu không có người thật, sao nhiều nơi trong kinh Thế Tôn nói có người? Như Kinh Tri, Kinh Phụ Đâm, và kiến lập những người tùy tín hành v.v.. ư?

Kệ nói:

*Do y pháp nhiễm tịnh,
Vị đoạn nói có khác.
Hành khác tương tục khác,
Không thật, giả nói người.*

Giải thích: Do dựa vào pháp nhiễm ô và pháp thanh tịnh, có vị sai biệt và đoạn sai biệt., cho nên kiến lập con người giả có sai biệt.

Nếu không có con người giả sai biệt thì không thể nói có hành sai biệt và tương tục sai biệt. Như trong Kinh Tri nói: “ Các pháp gì là pháp nhiễm ô? Những gì là biết là pháp thanh tịnh? Như trong Kinh Phụ Đảm nói: “ Phụ đảm gì là pháp nhiễm ô? Bỏ những phụ đảm gì gọi là pháp thanh tịnh? “ Nếu không có hành sai biệt và tương tục sai biệt thì không thể nói hai pháp này là biết là phụ đảm. Nghĩa là pháp Bồ-đề phần có nhiều vị sai biệt, như phương tiện đạo, kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo. Nếu không có hành và tương tục sai biệt thì không thể nói được pháp Bồ-đề phần kia có tùy tín hành v.v... những người sai biệt. Do con người là không thật, ước theo pháp sai biệt có thể giả nói. Do đạo lý này nên biết chỗ nói chỉ là người giả. Nếu ý Phật không nói là người giả mà nói người thật thì vô dụng, bởi chúng sinh khởi ngã kiến.

Kệ nói:

*Không làm khởi ngã kiến,
Do kiến đã khởi nên
Vô thủy đã tập,
Vô dụng nên giải thoát.*

Giải thích: Phật không phải vì khởi chúng sinh ngã kiến mà nói có người thật, do chúng sinh đã khởi ngã kiến cho nên, cũng không phải vì khiến chúng sinh thường tập ngã kiến mà nói có người thật, đó là do chúng sinh trước đã thường tập ngã kiến, cũng không phải vì khiến chúng sinh ngã kiến được giải thoát nên nói có người thật, vì tất cả vô công dụng thì tự nhiên đều được giải thoát. Vì vậy cho nên tất cả những ai chưa thấy chân lý, có ngã kiến thì không giải thoát. Không phải như cái thể của khối trước không thấy lúc sau mới thấy. Con người không như vậy, không phải trước không thấy sau mới thấy. Lại cũng như thể của cái khối trước không thấy sau cũng không thấy, tức thể của người không giải thoát cũng vậy, trước cũng thấy sau cũng thấy thì không giải thoát. Nếu thật có ngã thì chắc chắn

có ngã sở. Từ 2 chấp đó khởi ngã ái và các phiền não, như vậy thì không giải thoát. Vì thế không nên muốn được có con người thật, vì sẽ khởi tất cả các lỗi về ngã kiến v.v...

Như vậy đã nói riêng biệt về Bồ-đề phần xong, tiếp đến tổng kết nghĩa trước.

Kệ nói:

*Xấu hổ... các công đức,
Bồ-tát thường đầy đủ.
Tự lợi đã không bỏ,
Cũng khiến lợi tha thành.*

Giải thích: Nghĩa này như trước đã lược nói.

Xong Phẩm giác phần.

HẾT QUYỂN 11

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYỂN 12

Phẩm 22: CÔNG ĐỨC

Giải thích: Đã nói các giác phần của Bồ-tát, tiếp nói các công đức của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Xả thân và thắng vị,
Nhẫn hạ và trường cần.
Bát vị bất phân biệt,
Sáu hạnh nói hy hữu.*

Giải thích: Kệ này hiển thị hạnh hy hữu. Đản hạnh, là nếu có thể thí thân mạng mình là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Giới hạnh, nghĩa là nếu có thể xả bỏ địa vị cao sang mộ đạo xuất gia là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Nhẫn hạnh, là nếu có thể không kể thân mạng nhẫn nhịn chúng sinh hạ liệt là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Tinh tiến hạnh, là nếu có thể thời gian dài siêng năng chân chính cho đến tận cùng sinh tử không đoạn dứt là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Thiền hành, là nếu có thể nơi thắng định lạc mà không hưởng thiền vị, không thụ sinh nơi kia mới là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Tuệ hạnh, là nếu có thể khởi trí vô phân biệt mới là hy hữu, ngoài ra không hy hữu. Nếu người Thanh Văn phân biệt 4 đế mà có chán lìa, Bồ-tát thì không vậy. Đó gọi là 6 hạnh hy hữu.

Kệ nói:

*Sinh vào nhà Như Lai,
Được ký và thụ chức.
Và được chứng Bồ-đề,
Bốn quả là hy hữu.*

Giải thích: Kệ này hiển thị quả hy hữu. Bồ-tát có 4 quả: 1. Nhập sơ địa, sinh vào nhà Như Lai, là quả Tu-đà-hoàn. 2. Trong địa thứ 8 được thụ ký, là Tu-đà-hàm. 3. Trong địa thứ 10 được thụ chức, là quả A-na-hàm. 4. Phật địa, là quả A-la-hán. Ba quả trước là quả hữu học. Quả thứ tư là quả vô học. Đã nói hy hữu của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát phi hy hữu.

Kệ nói:

*Lìa dục và đại bi,
Thắng tu và bình đẳng.
Theo đây tu các độ,
Là hành phi hy hữu.*

Giải thích: Bồ-tát đã được lìa dục mà hành bố thí không phải là hy hữu, vì không nhiễm trước nơi vật, vật dễ xả bỏ. Bồ-tát đã được đại bi mà trì giới, nhẫn nhục không phải là hy hữu. Nếu Bồ-tát đã được thắng tu, nghĩa là địa thứ 8, do không công dụng, không phân biệt nên thực hành 3 độ sau không phải hy hữu. Nếu Bồ-tát đã được tâm tự tha bình đẳng, hành tất cả các độ cũng chẳng phải hy hữu, do khi lợi tha tức là tự lợi, không có tâm thoái lui. Đã nói xong Bồ-tát phi hy hữu, tiếp nói Bồ-tát tâm bình đẳng.

Kệ nói:

*Bồ-tát thương chúng sinh,
Không đồng sinh 5 ái.
Tự thân và quyến thuộc,
Con, bạn và người thân.*

Giải thích: Kệ này hiển thị tâm bình đẳng của Bồ-tát đối với chúng sinh. Chúng sinh có 5 thứ tâm yêu không bình đẳng: 1. Yêu bản thân. 2. Yêu bà con. 3. Yêu con cái. 4. Yêu bạn bè. 5. Yêu người thân. Do 5 cái yêu này không bình đẳng cũng không rốt ráo, như người có lúc cũng hành tự hại. Còn tâm Bồ-tát yêu thương chúng sinh thì bình đẳng, do không bỏ, không thoái lui.

Kệ nói:

*Không thiên lệch không phạm,
Khấp nhĩn khởi thiện lợi.
Thiền và vô phân biệt,
Sáu độ tâm bình đẳng.*

Giải thích: Kệ này nói Bồ-tát hành 6 độ được tâm bình đẳng. Không thiên lệch, là tâm bố thí bình đẳng, đối với người cầu không phân biệt yêu ghét. Không phạm, là tâm trì giới bình đẳng, cho đến giới nhỏ nhất cũng không khuyết phạm. Khấp nhĩn, là tâm nhẫn nhục bình đẳng phổ biến khắp chúng sinh hơn kém đều có thể nhẫn. Khởi thiện lợi, là tâm tinh tiến bình đẳng để khởi tất cả thiện căn và khởi tự tha tất cả lợi ích mà siêng năng làm. Thiền, là tâm học định bình đẳng. Bồ-tát tu định cũng để khởi các thiện căn và khởi các lợi ích mà tinh tiến. Vô phân biệt, là tu tâm tuệ bình đẳng, từ mới phát tâm cho đến cứu cánh, mọi tu hành các độ đều tam luân thanh tịnh. Đó gọi là các độ tâm bình đẳng. Đã nói xong Bồ-tát tâm bình đẳng, tiếp nói việc Bồ-tát nhiều ích chúng sinh.

Kệ nói:

*Khiến khí và khiến cảm,
Nhĩn ác và giúp thiện.
Nhập pháp và đoạn nghi,
Sáu hạnh việc nhiều ích.*

Giải thích: Kệ này nói chư Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật nhiều ích các chúng sinh. Khiến khí, nghĩa là dùng thí nhiều ích khiến kia được thành khí cụ tu thiện. Khiến cảm, nghĩa là dùng giới nhiều ích, tùy sức kham năng mà khiến hộ trì. Nhịn ác, là dùng nhẫn nhiều ích, có thể nhận chịu những việc trái nghịch của chúng sinh. Giúp thiện, là dùng tiền nhiều ích, trợ giúp chúng sinh làm các thiện nghiệp. Nhập pháp, là dùng định nhiều ích bằng sức thần thông làm cho hồi tà quy chính. Đoạn nghi, là dùng trí nhiều ích, dù phàm dù thánh nếu có lưới nghi đều giải trừ. Đã nói xong 6 độ nhiều ích của Bồ-tát, tiếp nói 7 nhiều ích tương tự của Bồ-tát: 1. Nhiều ích tựa như người mẹ. 2. Nhiều ích tựa như người cha. 3. Nhiều ích tựa thiện hữu. 4. Nhiều ích tựa đồng bạn. 5. Nhiều ích tựa như người giúp việc khỏe mạnh. 6. Nhiều ích tựa như A-xà-lê. 7. Nhiều ích tựa như Hòa thượng.

Hỏi: Thế nào là nhiều ích tựa như người mẹ?

Kệ nói:

*Đặng tâm sinh thánh địa,
Nuôi thiện phòng các ác.
Dạy tập bằng nghe nhiều,
Năm nghiệp như mẹ hiền.*

Giải thích: Ví như mẹ hiền làm 5 nghiệp lợi ích cho con: 1. Mang thai. 2. Sinh ra. 3. Nuôi dưỡng. 4. Phòng hại. 5. Tập nói. Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh cũng có 5 nghiệp như vậy: 1. Tâm bình đẳng đối với chúng sinh. 2. Làm cho chúng sinh sinh nơi đất thánh. 3. Nuôi lớn các thiện căn. 4. Phòng hộ các việc làm ác. 5. Dạy tập cho nghe nhiều. Đó là 5 thứ sự nghiệp của Bồ-tát tương tự như một bà mẹ.

Hỏi: Thế nào là làm lợi ích như một người cha?

Kệ nói:

*Khiến tin khiến giới định,
Khiến thoát khiến khuyển mời,*

*Và phòng hộ các chướng,
Năm nghiệp như người cha.*

Giải thích: Ví như người cha lãnh àm 5 nghiệp lợi ích cho đứa con: 1. Gieo giống. 2. Dạy nghề nghiệp. 3. Dựng vợ gả chồng cho con. 4. Phụ bạn tốt. 5. Tuyệt nợ nần không để sau con phải trả. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy: 1. Khiến tin để làm chủng tử của thánh thể. 2. Khiến học tăng thượng giới định để làm nghề nghiệp. 3. Khiến được niềm vui giải thoát để làm việc cưới gả. 4. Khiến khuyến thỉnh chư Phật để làm thiện hữu. 5. Ngăn chặn chướng ngại để tuyệt nợ nần. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự như một người cha.

Hỏi: Thế nào là làm lợi ích như người bạn lãnh?

Kệ nói:

*Bí thâm và kha phạm,
Tán trì và giáo thụ.
Khiến biết các việc ma,
Năm nghiệp như thiện hữu.*

Giải thích: Ví như bạn lãnh làm cho mình 5 nghiệp lợi ích: 1. Mật ngữ làm che chở. 2. Khiến dứt việc làm ác. 3. Khen ngợi việc làm thiện. 4. Phụ giúp công việc làm. 5. Ngăn việc tập theo điều ác. Có 4 thứ việc ác: 1. Săn bắn. 2. Gian phi. 3. Say rượu. 4. Cờ bạc. năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy: 1. Người không kham thụ Phật pháp thì dùng bí mật ngữ nói. 2. Người phạm giới thì như pháp quở trách. 3. Người giữ đầy đủ giới luật thì khen ngợi. 4. Người tu hành thì dạy khiến mau chứng. 5. Người làm việc tà ma thì khiến biết mà giác ngộ. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự như người bạn lãnh.

Hỏi: Thế nào là làm việc lợi ích tương tự như một người đồng bạn?

Kệ nói:

*Cho vui và cho lợi,
Hằng vui cũng hằng lợi,*

*Cho đến không chia tan,
Năm nghiệp như đồng bạn.*

Giải thích: Ví như đồng bạn có trí làm cho mình 5 nghiệp lợi ích: 1. Cho điều vui. 2. Cho điều lợi ích. 3. Thường xuyên cho điều vui. 4. Thường xuyên làm cho điều lợi ích. 5. Không mâu thuẫn chia lìa. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy: 1. Cho điều vui không điên đảo. Thế gian thành tựu gọi là vui, vì do đó được cảm thụ vui. 2. Cho điều lợi không điên đảo. Xuất thế thành tựu gọi là lợi, vì do đó đối trị bệnh phiền não. Còn 3 cái nữa có thể hiểu được. Đó gọi là 5 nghiệp tương tự đồng bạn của Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là làm việc lợi ích như người giúp việc khỏe mạnh?

Kệ nói:

*Thành sinh, khai xuất yếu,
Nhẫn hại với 2 thành.
Bằng phương tiện khéo léo,
Năm việc như kiện nô.*

Giải thích: Ví như người giúp việc khỏe mạnh làm 5 việc lợi ích cho chủ: 1. Hết lòng các công việc. 2. Không lừa dối. 3. Nhịn chịu sự đánh mắng. 4. Làm việc được rất tốt. 5. Biết giỏi các phương tiện. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy: 1. Thành thực chúng sinh. 2. Khai thị xuất yếu. 3. Nhẫn các việc ác. 4. Cho vui thế gian. 5. Cho lợi xuất thế. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát tương tự người giúp việc.

Hỏi: Thế nào là làm lợi ích tương tự một A-xà-lê?

Kệ nói:

*Dạy khắp và chỉ bày,
Vui vẻ lời dịu ngọt.
Không cầu người trả ơn,
Năm nghiệp như Xà-lê.*

Giải thích: Được vô sinh nhẫn thì gọi là Xà-lê. Ví như Xà-lê làm 5 việc lợi ích cho đệ tử: 1. Dạy cho các pháp. 2. Chỉ bày những thiết yếu mau chóng. 3. Nét mặt vui vẻ. 4. Lời nói từ ái. 5. Tâm không mong đáp trả. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là làm lợi ích như Hòa thượng?

Kệ nói:

*Khiến đủ và giải thoát,
Đoạn chướng vui thế gian.
Và cho lợi xuất thế,
Năm nghiệp như Hòa thượng.*

Giải thích: Ví như Hòa thượng làm 5 việc lợi ích cho đệ tử: 1. Độ khiến xuất gia. 2. Cho thụ giới. 3. Cấm đoán các tội lỗi. 4. Thâu giữ bằng của cải. 5. Dạy dỗ bằng giáo pháp. Năm nghiệp của Bồ-tát cũng vậy: 1. Khiến đủ 2 tụ. 2. Khiến được giải thoát. 3. Khiến đoạn các chướng. 4. Cho vui thế gian. 5. Cho lợi xuất thế. Đó là 5 nghiệp của Bồ-tát làm lợi ích như một Hòa thượng. Đã nói xong 7 nhiều ích tương tự của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ chúng sinh báo ân.

Kệ nói:

*Không chấp trước, không phạm,
Biết làm và thiện hạnh.
Như vậy tu 6 độ,
Là báo ân Bồ-tát.*

Giải thích: Như Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh, chúng sinh cũng như vậy báo ân Bồ-tát. Không chấp trước, là bố thí báo ân. Không phạm, là trì giới báo ân. Biết làm, là tu nhẫn báo ân. Bồ-tát thương yêu nhẫn nhịn kia biết mà làm, tức là báo ân. Thiện hành, là làm 3 độ còn lại báo ân. Lấy tinh tiến hành định tuệ tức được giải thoát, nên 3 độ sau hợp gọi là thiện hành. Đã nói chúng sinh 6 thứ báo ân, tiếp nói Bồ-tát 5 thứ hy vọng.

Kệ nói:

*Sáu tăng và 6 giảm,
Thành sinh và tiến địa.
Đại giác là 5 xứ,
Hy vọng có 5 thứ.*

Giải thích: Chư Bồ-tát có 5 chỗ thường khởi hy vọng: 1. Hy vọng 6 độ tăng trưởng. 2. Hy vọng 6 tế tổn giảm. 3. Hy vọng thành thực chúng sinh. 4. Hy vọng thắng tiến các địa. 5. Hy vọng vô thượng Bồ-đề. Đó là 5 thứ hy vọng. Đã nói xong 5 thứ hy vọng của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ quả bất không của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Dứt sợ và phát tâm,
Trừ nghi và khởi hành.
Bốn việc hóa chúng sinh,
Quyết định quả bất không.*

Giải thích: Chư Bồ-tát 4 nghiệp lợi ích chúng sinh quyết được quả bất không: 1. Vì nói pháp rất sâu, quyết được không sợ hãi. 2. Khiến phát tâm Bồ-đề quyết được Phật quả. 3. Vì dứt nghi, quyết định không khởi lại. 4. Vì nói 6 độ, quyết có thể tu tập. Đó là 4 nghiệp quả bất không. Đã nói 4 thứ quả bất không của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ chính hạnh của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Lìa cầu, lìa hậu hữu,
Khấp khởi các công đức,
Tu thiên xả Vô sắc,
Trí hợp phương tiện hành.*

Giải thích: Lìa cầu, nghĩa là chính hạnh bố thí không cầu mong báo đáp. Lìa hậu hữu, nghĩa là chính hạnh giới nhẫn không cầu có

thân sau. Khấp khởi các công đức, nghĩa là chính hạnh tinh tiến. Tu thiền xả Vô sắc, nghĩa là chính hạnh thiền định. Trí hợp phương tiện hành, nghĩa là chính hạnh Bát-nhã. Tam luân thanh tịnh là Bát-nhã. Hồi hướng Bồ-đề là phương tiện. Như Kinh Bảo Tích nói: “Thí không cầu báo, như vậy nói rộng.” Đã nói 6 thứ chính hạnh của Bồ-tát, tiếp nói 6 độ tiến thoái phần của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Đảm của cải, hủy cảm,
Mạn hạ và đọa thiện,
Thường vị và phân biệt,
Là thoái, ngược là tiến.*

Giải thích: Sở đối trị 6 độ là nhân của thoái phần. Ngược lại sở đối trị là năng đối trị. Đó là nhân của tiến phần. Đã nói 6 độ tiến thoái phần của Bồ-tát, tiếp nói công đức chân thật và tương tự 6 độ của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Giả cho và trá tướng,
Dối vui và ngụy siêng,
Thân tĩnh, miệng nói khéo,
Là tự, ngược là chân.*

Giải thích: Giả cho, là giả vờ bố thí. Nghĩa là người cầu xin thì nói của mình tha hồ lấy nhưng khi người đến thì keo kiệt. Trá tướng, nghĩa là giả vờ như giữ giới, tức che giấu các ác, trá hiện oai nghi. Dối vui, nghĩa là giả vờ nhẫn nhục, tức lời ngon ngọt mà chờ hại người. Ngụy siêng, nghĩa là giả vờ tinh tiến, tức chỉ nói suông rằng ta cầu Phật quả mà thật tâm mong cầu quả báo thế gian. Thân tĩnh, là giả vờ thiền định, nghĩa là thân miệng thì đoan chính mặc nhiên mà ác giác thì náo loạn trong tâm. Nói khéo, nói hay, là tựa như Bát-nhã, nghĩa là vì người mà nói khéo nhưng chính bản thân không

thực hành. Sáu thứ này là hành nghiệp không chân chính, ngược lại hành nghiệp không chân chính này là hành nghiệp chân chính. Đã nói công đức chân tự của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát vì chúng sinh trừ 6 tế chướng.

Kệ nói:

*Hành 6 độ cho kia,
Trừ kia 6 tế chướng,
Bồ-tát hóa chúng sinh,
Mỗi địa đều như vậy.*

Giải thích: Chúng sinh có 6 thứ ngăn che có thể chướng ngại 6 Ba-la-mật. Đó là xan tham, phá giới, giận dữ, lừa dối, loạn tâm, ngu si. Bồ-tát theo tuần tự khiến chúng sinh hành bố thí, cho đến khiến hành Bát-nhã, làm cho chúng sinh trừ được 6 thứ ngăn che, tức cho thí cho đến cho trí. Đã nói xong Bồ-tát trừ 6 thứ ngăn che chúng sinh, tiếp nói chư Phật thụ ký cho Bồ-tát.

Kệ nói:

*Thụ ký có 2 thứ,
Người khác và thời khác.
Chuyển ký và đại ký,
Đây cũng có 2 thứ.*

Giải thích: Thụ ký có 2 thứ: 1. Người sai biệt. 2. Thời sai biệt. Người sai biệt thụ ký có 4 thứ: 1. Chưa hát tâm thụ ký, là tính vị. 2. Đã phát tâm thụ ký. 3. Hiện tiền thụ ký. 4. Không hiện tiền thụ ký. Thời sai biệt thụ ký có 2 thứ: 1. Thụ ký có số lượng. 2. Thụ ký vô số lượng. Lại nữa còn có 2 thứ thụ ký: 1. Chuyển thụ ký. 2. Đại thụ ký. Chuyển thụ ký, là ghi nhận cho vị Bồ-tát kia sau nơi Như Lai ấy, vào thời tiết ấy sẽ được thụ ký.

Hỏi: Thế nào là đại thụ ký?

Kệ nói:

*Bát địa được vô sinh,
Đoạn mạn, đoạn công dụng.
Chư Phật và Phật tử,
Đồng một thể như nhau.*

Giải thích: Đại thụ ký, nghĩa là trong địa thứ 8 khi được vô sinh nhãn, do dứt sự ngã mạn nói ta sẽ thành Phật, và dứt tất cả công dụng tướng phân biệt, nên được đồng một thể với tất cả chư Phật Bồ-tát.

Hỏi: Thế nào là đồng một thể?

Đáp: Không thấy chư Phật Bồ-tát với tự thân có sai biệt. Bởi vì sao? Vì đồng như một.

Kệ nói:

*Cõi nước và danh hiệu,
Thời tiết với tên kiếp,
Quyển thuộc và pháp trụ,
Ký lại có 6 thứ.*

Giải thích: Lại có 6 thứ thụ ký này: 1. Nơi cõi nước ấy. 2. Có danh hiệu như vậy. 3. Trải qua thời tiết như vậy. 4. Có kiếp tên như vậy. 5. Có quyển thuộc như vậy. 6. Chính pháp trụ thể vào thời tiết như vậy. Đã nói xong về chư Phật thụ lý, tiếp nói 6 thứ quyết định của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Tài thành và sinh thắng,
Bất thoái và tu tập.
Định nghiệp vô công dụng,
Sáu việc quyết định thành.*

Giải thích: Bồ-tát do 6 độ tăng thượng được 6 thứ quyết định: 1. Của cải thành quyết định, do thí thường được thành tựu nhiều

của cải. 2. Sinh thắng quyết định, do giới thường được tùy ý thụ sinh. 3. Bất thoái quyết định, do nhân các khổ thường không thoái lui. 4. Tu tập quyết định, do tinh tiến thường thời tập thiện không gián đoạn thôi nghỉ. 5. Định nghiệp quyết định, do thiện nghiệp thành tựu chúng sinh vĩnh viễn không thoái lui. 6. Vô công dụng quyết định, do trí được vô sinh nhân, trí vô phân biệt tự nhiên tựu. Đã nói xong 6 thứ quyết định của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ phải làm của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Cúng dường và học giới,
Tu bi, siêng việc thiện,
Xa ồn ào vui pháp,
Sáu việc quyết phải làm.*

Giải thích: Đề thành tựu 6 độ nên chư Bồ-tát trong các địa quyết định phải làm 6 việc: 1. Phải cúng dường, đây là để thành tựu đàn độ. Nếu không cúng dường thời gian dài lâu thì đàn độ không được viên mãn. Nghĩa của cúng dường, như có nói trong Phẩm cúng dường. 2. Phải học giới, đây là để thành tựu giới độ. Nếu không học giới thời gian dài lâu thì giới độ không được viên mãn. 3. Phải tu bi, đây là để thành tựu nhân độ. Nếu không nhân những việc không nhiều ích thời gian dài lâu thì nhân độ không được viên mãn. 4. Phải siêng việc thiện, đây là để thành tựu tiến độ. Nếu tâm phóng dật không tu các thiện pháp thì tiến độ không được viên mãn. 5. Phải lìa xa nơi huyên náo, đây là để thành tựu thiền độ. Nếu ở nơi làng xóm ồn ào cãi cọ làm náo loạn tâm thì thiền độ không được viên mãn. 6. Phải vui với pháp, đây là để thành tựu trí độ. Nếu không trải khắp chư Phật nghe pháp không chán, như biển thấm nhận nước dòng sông không bao giờ đầy thì trí độ không được viên mãn. Đã nói xong 6 thứ phải làm của Bồ-tát, tiếp nói 6 thứ Bồ-tát thường làm.

Kệ nói:

*Chán trần và tự tĩnh,
Chịu khổ tu thiện pháp,
Không hưởng, không phân biệt,
Sáu hạnh phải thường khởi.*

Giải thích: Để thành tựu 6 độ, chư Bồ-tát thường phải làm 6 việc: 1. Chán trần, nghĩa là biết 5 dục trần là tội lỗi, ví như phân nhơ, dù một chút xíu cũng hôi thối. Quả báo bố thí tuy nhiều cũng khổ. Do không tham trước nên có thể hành 3 thí. Việc này thường tu thì dần độ viên mãn. 2. Tự tĩnh, nghĩa là ngày đêm 6 thời thường tự tĩnh xem xét 3 nghiệp đã làm, biết lỗi thì sửa đổi. Việc này thường tu thì giới độ viên mãn. 3. Chịu khổ, nghĩa là nếu có ai đến làm việc không lợi ích, và tự cầu pháp nhịn chịu các khổ lạnh nóng, thường tu những việc này thì nhẫn độ viên mãn. 4. Tu thiện pháp, nghĩa là thiện là 6 Ba-la-mật. Trong các địa thường tu việc này thì tiến độ viên mãn. 5. Không hưởng, nghĩa là trong thiền không hưởng thụ thắng lạc hằng đến cõi Dục thụ sinh. Thường tu việc này thì thiền độ viên mãn. 6. Không phân biệt, nghĩa là trong tam luân dị tướng không khởi phân biệt. Thường tu việc này thì trí độ viên mãn. Đã nói xong 6 thứ thường làm của Bồ-tát, tiếp nói 6 độ thắng loại của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Pháp thí và thánh giới,
Vô sinh khởi Đại thừa
Định bi như thật trí,
Sáu hạnh đây là hơn.*

Giải thích: Thí có nhiều thứ, lấy pháp thí là hơn cả. Giới có nhiều thứ, lấy giới vô lưu mà thành nhân yếu thích là hơn hết. Nhẫn có nhiều thứ, lấy vô sinh nhẫn của địa thứ 8 là hơn hết. Tĩnh tiến có nhiều thứ, lấy khởi Đại thừa độ thoát chúng sinh là hơn hết. Định có

nhiều thứ, lấy xuất thế đệ tứ thiên hợp với đại bi là hơn hết. Trí có nhiều thứ, lấy trí thông đạt các pháp như thật là hơn hết. Đã nói xong thẳng loại của 6 độ, tiếp nói 4 thứ giả kiến lập.

Kệ nói:

*Lập pháp và lập đế,
Lập lý và lập thừa.
Năm bảy bốn ba thứ,
Kiến lập giả sai biệt.*

Giải thích: Bốn thứ giả kiến lập là: 1. Pháp giả kiến lập. 2. Đế giả kiến lập. 3. Đạo lý giả kiến lập. 4. Thừa giả kiến lập.

Hỏi: Mỗi giả kiến lập có bao nhiêu thứ?

Đáp: Pháp giả kiến lập có 5 thứ sai biệt. Đế giả kiến lập có 7 thứ sai biệt. Đạo lý giả kiến lập có 4 thứ sai biệt. Thừa giả kiến lập có 3 thứ sai biệt.

Pháp giả kiến lập có 5 thứ là:

Kệ nói:

*Đó là 5 minh xứ,
Đều là Đại thừa chủng.
Tu-đa-la, Kì-dạ v.v...
Vì loại có sai biệt.*

Giải thích: Pháp giả kiến lập 5 thứ tức là Ngũ minh luận. Năm cái này đều là Đại thừa Tu-đa-la Kì-dạ v.v... chủng loại khác nhau. Ngũ minh xứ, như có nói trong Phẩm Giác phần.

Đế giả kiến lập 7 thứ là:

Kệ nói:

*Luân chuyển và không tướng,
Duy thức với y chỉ,*

*Tà hạnh cùng thanh tịnh,
Chính hạnh như 7 thứ.*

Giải thích: Bảy thứ sai biệt, tức 7 như: 1. Luân chuyển như. 2. Không tướng như. 3. Duy thức như. 4. Y chỉ như. 5. Tà hạnh như. 6. Thanh tịnh như. 7. Chính hạnh như.

Luân chuyển như, là sinh tử, tức là 3 cõi tâm tâm pháp, đây từ phân biệt khởi. Cái phân biệt này lại từ nhân duyên khởi, không từ Tự Tại v.v... các nhân khác sinh, cũng không phải không có nhân mà sinh. Do cảnh giới phân biệt là không, cho nên tất cả mọi thời chỉ có 2 tính là phân biệt và y tha luân chuyển. Không tướng như, là pháp vô ngã. Vì tất cả các pháp đồng một không như làm tướng. Duy thức như, là trí vô phân biệt. Y chỉ như, là khổ đế. Đây có 2 thứ: một là khí thể gian, hai là chúng sinh thể gian. Tà hạnh như, là tập đế, đây tức là ái. Thanh tịnh như, là diệt đế. Đây có 2 thứ: một là phiền não chướng tịnh, hai là trí chướng tịnh. Chính hạnh như, là đạo đế. Bảy thứ như này gọi là đế giả kiến lập.

Phải biết trong đây 3 thứ như, là phân biệt và y tha 2 tính, đó là luân chuyển như, y chỉ như và tà hạnh như. Bốn thứ như, là chân thật tính, đó là không tướng như, duy thức như, thanh tịnh như và chính hạnh như. Gồm trong 2 tính phân biệt và y tha tức là thể đế. Gồm trong chân thật tính tức là chân đế.

Đạo lý giả kiến lập 4 thứ là:

Kệ nói:

*Chính tư, chính kiến quả,
Trạch pháp, hiện v.v... lượng,
Cũng nói không nghĩ bàn,
Đạo lý có 4 thứ.*

Giải thích: Đạo lý giả kiến lập có 4 thứ: 1. Đạo lý tương đãi. 2. Đạo lý nhân quả. 3. Đạo lý thành tựu. 4. Đạo lý pháp nhiên.

Đạo lý tương đãi, là chính tư. Do đợi có chính tư xuất thể chính kiến mới bắt đầu khởi được, lia chính tư duy không có phương tiện nào khác. Đạo lý nhân quả, là chính kiến và quả. Đạo lý thành tựu, là dùng hiện lượng v.v... giản trách các pháp. Đạo lý pháp nhiên, là chỗ không thể nghĩ bàn. Pháp này đã thành nên gọi là như.

Hỏi: Vì sao chính tư duy có thể khởi chính kiến? Điều này đã thành tựu không nên nghĩ đến nữa. Vì sao chính kiến có thể đoạn phiền não và được diệt? Điều này đã thành tựu không thể nghĩ nữa. Các nghĩa như vậy đều là đạo lý pháp nhiên. Bốn thứ như thế gọi là đạo lý giả kiến lập.

Thừa giả kiến lập có 3 thứ là:

Kệ nói:

*Tâm thuyết hành tụ quả,
Năm có hạ trung thượng.
Dựa vào 3 phẩm này,
Kiến lập có 3 thừa.*

Giải thích: Dựa vào 5 nghĩa của 3 phẩm kiến lập 3 thừa. Năm nghĩa là: 1. Tâm. 2. Thuyết. 3. Hành. 4. Tụ. 5. Quả. Ba phẩm là hạ trung thượng. Nếu Thanh Văn thì 5 việc đều hạ. Tâm hạ, là cầu tự giải thoát. Thuyết hạ, là thuyết pháp tự lợi. Hành hạ, là hành tự lợi hạnh. Tụ hạ, là phúc trí hẹp nhỏ, chỉ có tam sinh v.v... Quả hạ, là được quả Thanh Văn. Nếu Duyên Giác thừa thì 5 việc đều trung. Nếu Bồ-tát thừa thì 5 việc đều thượng.

Tâm thượng, là 4 thứ ân tâm, như Kinh Kim Cương Bát-nhã nói. Thuyết thượng, là theo như ân tâm mà thuyết pháp. Hành thượng, là thực hành y như thuyết pháp. Tụ thượng, là như sự thực hành được đầy đủ các tụ. Quả thượng, là như sự đầy đủ các tụ được vô thượng Bồ-đề. Lại nữa nếu Thanh Văn thừa thì từ người nghe pháp, nội tự tư duy dùng trí phân biệt đắc quả. Nếu Duyên Giác thừa thì không từ

người nghe pháp, nội tự tư duy cũng dùng trí phân biệt đặc quả. Nếu Bồ-tát thừa thì không từ người nghe, dùng trí vô phân biệt đặc quả. Ba thứ này gọi là thừa giả kiến lập. Đã nói xong 4 thứ giả kiến lập, tiếp nói 4 thứ cầu tri của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Vật làm khách cho nhau,
Hai tính đều là giả.
Hai sai biệt không được,
Đó là nghĩa 4 cầu.*

Giải thích: Chư Bồ-tát có 4 thứ cầu các pháp: 1. Cầu tên. 2. Cầu vật. 3. Cầu tự tính. 4. Cầu sai biệt.

Cầu tên, là suy tìm cái tên nơi vật là khách, đó gọi là cầu tên. Cầu vật, là suy tìm vật nơi tên là khách, đó gọi là cầu vật. Cầu tự tính, là suy tìm tự tính của tên và tự tính của vật biết đều là giả, đó gọi là cầu tự tính. Cầu sai biệt, là suy tìm cái sai biệt của tên và sai biệt của vật, biết đều là không, nên hoàn toàn không thể được, đó là cầu sai biệt. Đã nói 4 cầu xong, tiếp phân biệt 4 cái biết như thật.

Kệ nói:

*Chân trí có 4 thứ,
Tên v.v...không thể được.
Hai lợi là nghiệp lớn,
Thành ở trong các địa.*

Giải thích: Chư Bồ-tát đối với các pháp có 4 thứ biết như thật: 1. Duyên tên biết như thật. 2. Duyên vật biết như thật. 3. Duyên tự tính biết như thật. 4. Duyên sai biệt biết như thật. Biết như thật, nghĩa là do biết tất cả tên v.v... đều không thể được. Hai lợi là nghiệp lớn, thành ở trong các địa, nghĩa là chư Bồ-tát ở trong các địa khởi việc lớn tự lợi lợi tha, đó gọi là biết nghiệp như thật.

Kệ nói:

*Trụ trì và thụ dụng,
 Chúng tử hợp 3 nhân.
 Y chỉ và tâm pháp,
 Cũng chúng bị kia buộc.*

Giải thích: Ba nhân là: 1. Nhân trụ trì. 2. Nhân thụ dụng. 3. Nhân chúng tử. Nhân trụ trì, là khí thể giới. Nhân thụ dụng, là cảnh giới ngũ dục. Nhân chúng tử, là thức A-lê-da. Bởi thức này là nhân của chúng tử các pháp trong ngoài. Ba nhân này như sợi dây có thể trói buộc.

Hỏi: Sự trói buộc này là trói buộc những vật gì?

Đáp: Y chỉ và tâm pháp cũng là chúng tử bị kia trói buộc. Bị trói buộc cũng có 3 thứ: 1. Y chỉ. 2. Tâm pháp. 3. Thức A-lê-da.

Hỏi: Y chỉ là những gì?

Đáp: Là nhãn v.v... 6 căn.

Hỏi: Thức A-lê-da là những gì?

Đáp: Là chúng tử các pháp trong ngoài của 3 cõi. Trong đây chỉ có thức A-lê-da có thể trói buộc, không có nhân ngã có thể trói buộc. Đó là biết sự trói buộc như thật.

Kệ nói:

*An tướng tại trước tâm,
 Cùng với tự nhiên trụ,
 Tất cả đều quán sát,
 Đến được Đại Bồ-đề.*

Giải thích: An tướng tại trước tâm, nghĩa là an tướng là phương tiện văn tư tu tuệ. Nhân sở duyên khởi phân biệt nên gọi là an tướng. Cùng với tự nhiên trụ, nghĩa là tướng kia là tự tính hiện tiền không phải phân biệt nên gọi là tự nhiên trụ. Tất cả đều quán sát, nghĩa là

2 sở duyên kia không phải là thể sở duyên vì không phân biệt. Dùng phương tiện này làm đối trị các tướng. Hai đó cần phải quán sát theo thứ tự. Nghĩa là trước quán an tướng, sau quán tự nhiên trụ tướng. Hai này đều không phải thể của duyên. Kia khởi 4 đảo tức thành tùy diệt. Đến được Đại Bồ-đề, nghĩa là nếu người tu hành chỉ quán sát tướng người, thì chỉ được Bồ-đề của Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu quán sát tướng tất cả các pháp tức được vô thượng Bồ-đề. Như vậy tùy theo chỗ trói buộc mà được giải thoát. Đây gọi là biết giải thoát như thật.

Hỏi: Giải thoát này do gì biết được, do gì hết?

Kệ nói:

*Nếu trí duyên chân như,
Xa lìa 2 chấp kia,
Cũng biết nhân huân tụ,
Tính y tha tức hết.*

Giải thích: Nếu biết đủ 3 tính tức hết tính y tha. Nếu trí duyên chân như, nghĩa là biết tính chân thật. Xa lìa 2 chấp kia, nghĩa là biết tính phân biệt. Cũng biết nhân huân tụ, nghĩa là biết tính y tha. Tính y tha tức hết, nghĩa là do biết 3 tính tức huân tập tụ hết. Huân tập tụ, là thức A-lê-da.

Hỏi: Cái này hết có công đức gì?

Kệ nói:

*Duyên trí chân như kia,
Quán sát không tướng khác,
Hữu phi hữu hiện thấy,
Tướng làm tự tại thành.*

Giải thích: Quán sát không tướng khác, nghĩa là thấy biệt tướng và như là không sai biệt. Đây là nói nhị thừa và Bồ-tát sai biệt. Tướng nhị thừa và vô tướng sai biệt mà thấy như vậy thấy rồi phải xả tướng.

Trong vô tướng khởi duyên tác ý nhập vô tướng Tam-muội. Bồ-tát thì không như vậy. Ngoài chân như không thấy có các tướng khác, trong vô tướng cũng thấy vô tướng bởi trí Bồ-tát không tu các thứ tướng. Hữu phi hữu hiện thấy, nghĩa là cảnh giới chân như có tên chẳng phải cảnh giới tướng có tên, vì đều hiện thấy. Tự làm tự tại thành, nghĩa là muốn làm các việc thần thông, tất cả đều do nhớ tướng phân biệt mà thành. Đây là biết lợi ích như thật.

Hỏi: Phàm phu và Bồ-tát 2 cái thấy hiển thị như thế nào?

Kệ nói: Phàm phu vô công dụng không thấy chân như, thấy tướng không chân thật. Bồ-tát vô công dụng thấy chân như, không thấy tướng không chân thật.

Hỏi: Đã biết sai biệt, làm sao chuyển y và được giải thoát?

Kệ nói:

*Phải biết không thấy thấy,
Cảnh vô nghĩa hữu nghĩa,
Chuyển y và giải thoát,
Vì để được tự tại.*

Giải thích: Cảnh giới vô nghĩa, là các tướng, đây tức không thấy. Cảnh giới hữu nghĩa, là chân như, đây tức thấy. Như vậy gọi là chuyển y. Thấy cảnh giới sở chấp là vô thể, và thấy chân như là hữu thể. Như vậy gọi là giải thoát. Bởi vì sao? Vì được tự tại. Tự tại, nghĩa là tùy ý mình chuyển tự nhiên không làm các cảnh giới. Như kinh nói nếu có tướng tức bị trói buộc, nếu bị trói buộc tức không giải thoát. Không làm tất cả cảnh giới tức là giải thoát.

Hỏi: Thế nào là biết tịnh độ phương tiện như thật?

Kệ nói:

*Chúng sinh đồng một giống,
Địa cảnh đều thấy khắp,*

*Đây tức chướng tịnh độ,
Nên biết cũng nên xả.*

Giải thích: Chúng sinh đồng một giống, địa cảnh đều thấy khắp, nghĩa là khí thể giới là cảnh giới lớn. Tất cả chúng sinh đồng thấy một chủng loại, đều gọi đây là đại địa. Đây tức chướng tịnh độ, nghĩa là do cái thấy như thế tức với tịnh độ phương tiện thành ra chướng ngại. Nên biết cũng nên xả, nghĩa là Bồ-tát biết ý tưởng này là chướng ngại rồi tức phải siêng năng xả bỏ ý tưởng ấy, đó là đối trị. Đã nói xong Bồ-tát 4 thứ biết như thật, tiếp nói 5 thứ vô lượng của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Ứng hóa và ứng tịnh,
Ứng đắc và ứng thành,
Ứng thuyết, đây 5 việc,
Bồ-tát 5 vô lượng.*

Giải thích: Năm việc vô lượng là: 1. Việc ứng hóa vô lượng, do bao gồm tất cả chúng sinh giới. 2. Việc ứng tịnh vô lượng, do bao gồm tất cả khí thể giới. 3. Việc ứng đắc vô lượng, do bao gồm tất cả pháp giới. 4. Việc ứng thành vô lượng, do bao gồm tất cả chúng sinh có thể hóa độ. 5. Việc ứng thuyết vô lượng, do bao gồm 12 bộ kinh là phương tiện giáo hóa chúng sinh. Đã nói xong 5 thứ vô lượng của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát thuyết pháp có 8 quả.

Kệ nói:

*Phát tâm và được nhãn,
Tịnh nhãn và tận lậu,
Pháp trụ học cũng đoạn,
Thụ dụng là 8 quả.*

Giải thích: Bồ-tát nếu siêng năng thuyết pháp có thể được 8 quả: 1. Các người nghe pháp hoặc phát tâm Bồ-đề. 2. Hoặc được vô

sinh nhân. 3. Hoặc đối với các pháp xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh. Đây gọi là gồm cả hạ thừa. 4. Hoặc được hết các lậu. 5. Khiến chính pháp tồn tại lâu dài, vì do thuyết chính pháp được tiếp tục thụ trì. 6. Người chưa học nghĩa khiến được học nghĩa. 7. Người chưa đoạn nghi khiến được đoạn nghi. 8. Người đã đoạn nghi khiến được thụ dụng chính pháp, được hoan hỷ lớn không chướng ngại. Đã nói xong về Bồ-tát thuyết pháp có 8 quả, tiếp nói 7 nghĩa lớn của Đại thừa

Kệ nói:

*Duyên, hành, trí, cần, xảo,
Quả, việc, đều đầy đủ.
Dựa vào 7 đại nghĩa,
Mà kiến lập Đại thừa.*

Giải thích: Nếu đầy đủ 7 nghĩa lớn thì gọi là Đại thừa: 1. Duyên lớn, do Tu-đa-la v.v... vô lượng đại pháp rộng lớn làm duyên. 2. Hạnh lớn, do hạnh tự lợi lợi tha đều đầy đủ. 3. Trí lớn, do nhất thời thông đạt nhân pháp 2 vô ngã. 4. Siêng năng lớn, do 3 đại A-tăng-ki kiếp tu hành không gián đoạn. 5. Thiệt xảo lớn, do không bỏ sinh tử mà không nhiễm. 6. Quả lớn, do rất đặc lực không sợ pháp không chung. 7. Việc lớn, do thường thường thị hiện Đại Bồ-đề, Đại Niết-bàn. Đã nói 7 nghĩa lớn của Đại thừa, tiếp nói 8 pháp bao gồm các Đại thừa.

Kệ nói:

*Tính, tín, tâm, hành, nhập,
Thành, tịnh, Bồ-đề thắng.
Như vậy có 8 việc,
Bao gồm các Đại thừa.*

Giải thích: Đây là 8 việc bao gồm tất cả Đại thừa. Tám việc là: 1. Chủng tính, như đã nói trong Phẩm tính. 2. Tin pháp, như đã

nói trong Phẩm tín. 3. Phát tâm, như đã nói trong Phẩm phát tâm. 4. Hành hạnh, như đã nói trong Phẩm độ nhiếp. 5. Nhập đạo, như đã nói trong Phẩm giáo thụ. 6. Thành thực chúng sinh, là 7 địa đầu. 7. Tịnh Phật quốc độ, là địa thứ 8 bất thoái. 8. Bồ-đề thắng, là Phật địa.

Bồ-đề có 3 thứ: Thanh Văn Bồ-đề, Duyên Giác Bồ-đề, Phật Bồ-đề. Phật Bồ-đề là lớn nên gọi là thắng. Nơi Phật địa này thị hiện Đại Bồ-đề và Đại Niết-bàn. Đã nói 8 pháp bao gồm Đại thừa, tiếp nói 5 người Bồ-tát sai biệt.

Kệ nói:

*Tín hành và tịnh hành,
Tướng hành, vô tướng hành,
Cùng với vô tác hành
Sai biệt theo các địa.*

Giải thích: Bồ-tát có 5 người sai biệt: 1. Người tín hành, là địa tiền một A-tăng-kì kiếp. 2. Người tịnh tâm hành, là nhập sơ địa. 3. Người tướng hành, là địa thứ 2 đến địa thứ 6. 4. Người vô tướng hành, là địa thứ 7. 5. Người vô tác hành, là 3 địa sau. Đã nói xong Bồ-tát 5 người sai biệt, tiếp nói Bồ-tát các tướng sai biệt.

Kệ nói:

*Không đắm và thanh tịnh,
Hàng phục sân, cần đức,
Bất động và kiến thật,
Hữu dục là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy tự lợi môn nói tướng Bồ-tát. Không đắm, là có thể hành thí không đắm trước các dục. Thanh tịnh, là có thể trì giới. Hàng phục sân, là có thể nhẫn nhục. Cần đức, là có thể tinh tiến. Bất động, là có thể tập định. Kiến thật, là có thể tu trí. Hữu dục, là có thể khởi nguyện ưa thích Đại Bồ-đề. Hành 7 việc này gọi là tướng Bồ-tát.

Kệ nói:

*Tùy nhiếp và vô não,
Nại tổn và dũng lực.
Không phóng dật, đa văn,
Lợi kia là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy lợi tha môn nói tướng Bồ-tát. Tùy nhiếp, là thí, hằng dùng tứ nhiếp nhiếp hóa chúng sinh. Vô não, là giới, tự tin nơi người, không khởi não hại. Nại tổn, là nhẫn, người đến làm trái nghịch không ôm lòng đáp trả. Dũng lực, là tiến, nghĩa là trong cảnh khổ độ chúng sinh không thoái tâm. Không phóng dật, là định, nghĩa là không đắm trước thiên vị để sinh vào hạ xứ. Đa văn, là trí, có thể đoan trừ các nghi hoặc cho chúng sinh. Như vậy siêng làm việc lợi tha là tướng của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Chán của cải, xả dục,
Quên oán, siêng làm thiện,
Tướng khéo, không ác kiến,
Nội trụ là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy trụ công đức môn nói tướng Bồ-tát. Chán của cải, là trụ thí công đức. Biết tội lỗi của keo kiệt là đọa ác đạo làm kẻ bần cùng. Xả dục, là trụ giới công đức, vì nếu đắm trước ngũ dục thì không thể xuất gia thụ trì giới. Quên oán, là trụ nhẫn công đức. Ai đến làm tổn hại mình cũng không có tâm trả báo. Ôm lòng trả báo như vẽ trên đá. Không ôm lòng trả báo như vẽ trên mặt nước. Một đàng là đọa ác đạo. Một đàng là sinh cõi thiện. Siêng làm thiện, là trụ tiến công đức, vì thường thực hành 6 Ba-la-mật tự lợi lợi tha. Tướng khéo, là trụ định công đức, vì có khả năng khéo phân biệt 3 tướng là chỉ, cử và xả. Không ác kiến, là trụ trí công đức, vì tất cả các tướng là không thể được. Nội trụ, là trụ nguyện công đức. Nội nghĩa là Đại thừa luận trụ không lay động.

Kệ nói:

*Đủ bi và hổ thẹn,
Nại khổ và xả vui,
Giữ niệm, khéo thiên định,
Không bỏ, là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy bất thoái môn nói tướng Bồ-tát. Đủ bi, là thí bất thoái. Thương người khổ nên năng hành thí. Sinh hổ thẹn, là giới bất thoái. Quán sát đời này đời khác và pháp, nhân, không tạo các tội lỗi. Nại khổ, là nhẫn bất thoái. Gió mưa lạnh nóng và người khác làm trái, tổn hại tất cả đều nhẫn nhịn. Xả vui, là tiến bất thoái, vì người hay làm việc siêng năng chân chính thì không đấm trước vui riêng. Giữ niệm, là định bất thoái, là người có niệm lực khéo nhiếp giữ cái tâm. Khéo thiên định, là tuệ bất thoái, vì đầy đủ trí vô phân biệt. Không bỏ, là nguyên bất thoái, vì Đại thừa đại xả.

Kệ nói:

*Trừ khổ không làm khổ,
Chịu khổ không sợ khổ,
Thoát khổ không nghĩ khổ,
Dục khổ, là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy lìa khổ môn nói tướng Bồ-tát. Trừ khổ, là thí, vì khi thí vật cho người trừ cho người sự nghèo cùng. Không làm khổ, là giới, vì khi ở trong giới không làm khổ não người khác. Chịu khổ, là nhẫn, khi tự tha đều lợi thì khổ có thể chịu được. Không sợ khổ, là tiến, khi làm việc khó làm thường không thoái lui. Thoát khổ, là định, khi lìa dục cõi Dục là giải thoát khổ khổ. Không nghĩ khổ, là tuệ, vì khi tam luân thanh tịnh thì không khởi phân biệt. Dục khổ, là nguyện vì hóa độ chúng sinh nên muốn trụ nơi sinh tử.

Kệ nói:

*Lạc pháp và tính pháp,
Kha pháp và cần pháp,
Tự tại pháp, minh pháp,
Hương pháp, là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy nhiếp pháp môn nói tướng Bồ-tát. Lạc pháp, là thí, vì yêu thích thí v.v... các pháp. Tính pháp, là giới, vì tự tính hộ trì. Kha pháp, là nhãn nhĩ các pháp giận dữ chê bai. Cần pháp, là tiến, vì siêng hành pháp Đại thừa. Tự tại pháp, là định, vì các thiền được tự tại. Minh pháp, là tuệ, vì đầy đủ Bát-nhã vô thượng. Hương pháp, là nguyện vì hoàn toàn yêu thích Đại Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp?

Đáp: Vì tất cả các pháp Ba-la-mật đều tùy chuyên.

Kệ nói:

*Tài, chế, hộ, thiện, lạc,
Pháp, thừa, 7 thứ đây:
Bảy thứ bất phóng dật,
Nên gọi là Bồ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy bất phóng dật môn nói tướng Bồ-tát. 1. Tài bất phóng dật, đây là do bố thí, không thí thí mà không kiên cố, thì kiên cố. 2. Chế bất phóng dật, đây là do trì giới, như Phật nói nên làm thì làm, không nên làm không làm. 3. Hộ bất phóng dật, đây là do nhẫn nhục, không hại tự tâm tha tâm. 4. Thiện bất phóng dật, đây do tinh tiến thường khởi chính cần tu hành 6 độ. 5. Lạc bất phóng dật, đây là do tu định thụ các thiền lạc mà không đắm trước thiền vị. 6. Pháp bất phóng dật, đây là do có thể biết chân pháp như thật. 7. Thừa bất phóng dật, đây là do đại nguyện, ma vương đến pháp hoại tâm Bồ-đề cũng không thoái lui.

Kệ nói:

*Không toại và tội nhỏ,
Không nhẫn, thoái, và loạn,
Tiểu kiến và thừa khác,
Bảy hổ thẹn: Bỏ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy hữu tu môn nói tướng Bỏ-tát, tức Bỏ-tát có các tướng biết hổ thẹn: 1. Hổ thẹn không toại, hổ thẹn vì xan tham. 2. Hổ thẹn tội nhỏ, hổ thẹn tội nhỏ vì thấy sợ hãi. 3. Hổ thẹn không nhẫn, hổ thẹn vì không nhẫn nhịn. 4. Hổ thẹn thoái lui, hổ thẹn vì lười biếng. 5. Hổ thẹn loạn tâm, hổ thẹn vì thoái lui định lực. 6. Hổ thẹn tiểu kiến, hổ thẹn vì kiến chấp nhỏ cho là thông đạt pháp vô ngã. 7. Hổ thẹn thừa khác, hổ thẹn vì khởi tâm Tiểu thừa bỏ Đại Bồ-đề.

Kệ nói:

*Kim thể, hậu thể, xả,
Khởi cần, và đặc thông,
Đẳng thuyết và đại quả:
Bảy nhiếp là Bỏ-tát.*

Giải thích: Kệ này lấy nhiếp sinh môn nói tướng Bỏ-tát. 1. Kim thể nhiếp, nghĩa là lấy bố thí nhiếp hóa chúng sinh hiện tại. 2. Hậu thể nhiếp, nghĩa là lấy trì giới nhiếp hóa chúng sinh vị lai vì được sinh vào thắng xứ mới có thể nhiếp hóa. 3. Xả nhiếp, nghĩa là lấy nhẫn nhục nhiếp hóa chúng sinh bị não loạn. 4. Khởi cần nhiếp, nghĩa là lấy tinh tiến nhiếp hóa chúng sinh trây lười. 5. Đặc thông nhiếp, nghĩa là dùng thiền định sang nhiếp hóa chúng sinh ở phương khác. 6. Đẳng thuyết nhiếp, nghĩa là dùng trí tuệ nhiếp hóa chúng sinh các hàng hạ trung thượng, vì tâm bình đẳng thuyết pháp không tăng giảm. 7. Đại quả nhiếp, nghĩa là dùng đại nguyện nếu được Phật quả sẽ nhiếp hóa chúng sinh không bỏ sót.

Nghĩa của các kệ này là dùng dị môn mà nói 6 độ và đại nguyện, đó là tướng Bồ-tát.

Đã nói xong các tướng sai biệt của Bồ-tát, tiếp nói các tên sai biệt của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Phải biết chư Bồ-tát,
Cũng gọi Ma-ha-tát,
Cũng gọi người có tuệ,
Cũng gọi thượng thành tựu,
Cũng gọi hàng phục tử,
Cũng gọi hàng phục trì,
Cũng gọi năng hàng phục,
Cũng gọi hàng phục nha,
Cũng gọi là dũng mãnh,
Cũng gọi là thượng thánh,
Cũng gọi là đạo sư,
Cũng gọi đại danh xưng,
Cũng gọi là hữu bi,
Cũng gọi đại phúc đức,
Cũng gọi tự tại hành,
Cũng gọi chính thuyết giả.*

Giải thích: Mười sáu tên gọi này đều dựa vào nghĩa lập ra. Tất cả Bồ-tát nói chung có các tên này. Nếu nghe có tên này thì biết đó là Bồ-tát. Đã nói các tên khác nhau của Bồ-tát, tiếp nói các nghĩa sai biệt của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Thật giác, đại nghĩa giác,
Nhất thiết giác, hằng giác,
Cùng với phương tiện giác,
Năm giác: tên Bồ-tát.*

Giải thích: Do có 5 giác nên gọi là Bồ-tát: 1. Thật nghĩa giác, vì giác ngộ nhân pháp vô ngã. 2. Đại nghĩa giác, là nghĩa của tự giác giác tha. 3. Nhất thiết giác, giác ngộ nghĩa của nhất thiết chúng. 4. Hằng giác, nghĩa là tuy hiện Niết-bàn mà giác là vô tận. 5. Phương tiện giác, nghĩa là tùy vật, tùy cơ mà làm phương tiện.

Kệ nói:

*Tùy ngã và tiểu kiến,
Cùng với các thức thân,
Và hư vọng phân biệt,
Bốn giác là Bồ-tát.*

Giải thích: Do có 4 giác mà gọi là Bồ-tát: 1. Tùy ngã giác, vì do giác tâm. Tâm tức là thức A-lê-da. 2. Tiểu kiến giác, vì do giác ý. Ý, nghĩa là cùng với ngã kiến v.v... 4 hoặc tương ưng duyên với thức A-lê-da. 3. Thức thân giác, vì do giác thức. Thức là 6 thức thân. 4. Hư vọng phân biệt giác, vì giác do phân biệt không chân thật. Phân biệt không chân thật, tức tâm, ý và thức ở trước. Tất cả Bồ-tát chỉ có giác. Đây là phân biệt không chân thật.

Kệ nói:

*Vô cảnh và chân nghĩa,
Vĩnh vô và viên mãn,
Cũng nói bất khả đắc,
Năm giác là Bồ-tát.*

Giải thích: Lại do 5 giác gọi là Bồ-tát: 1. Vô cảnh giác, vì giác dựa vào tha tính. 2. Chân nghĩa giác, vì giác ngộ tính chân thật. 3. Vĩnh vô giác, nghĩa là giác ngộ nó vĩnh viễn là không. Vì đó là tính giác phân biệt. 4. Viên mãn giác, vì giác nhất thiết cảnh, nhất thiết chúng. 5. Bất khả đắc giác, vì giác tam luân thanh tịnh. Tam luân là: 1. Ứng giác, là cảnh của Bồ-tát, 2. Y giác, là thân Bồ-tát. 3. Giác tính, là trí Bồ-tát. Ba thứ này là bất khả đắc, nên gọi là bất khả đắc giác.

Kệ nói:

*Thành tựu và xứ sở,
Thai tạng, tùy thứ hiện,
Cùng với đoạn thâm nghi,
Năm giác là Bồ-tát.*

Giải thích: Lại do 5 giác gọi là Bồ-tát: 1. Thành tựu giác, là thành Phật quả. 2. Xứ sở giác, là ở cung trời Đâu-suất. 3. Thai tạng giác, là nhập thai mẹ. 4. Tùy thứ hiện giác, là xuất thai, thụ dục, xuất gia, tu hành, thành đạo. 5. Đoạn thâm nghi giác, là vì chúng sinh chuyên đại pháp luân.

Kệ nói:

*Được, không được và trụ,
Nơi tự cũng nơi tha,
Có nói với không nói,
Có mạn và mạn dứt,
Chưa thực và đã thực,
Như đây 11 thứ,
Tất cả đều giác ngộ,
Thì gọi là Bồ-tát.*

Giải thích: Do 11 thứ giác nên gọi là Bồ-tát. Được, không được và trụ, là theo thứ tự quá khứ, vị lai, hiện tại giác. Nơi tự cũng nơi tha, là nội giác và ngoại giác. Có nói với không nói, là thô giác và tế giác. Có mạn và mạn dứt, là liệt giác và thắng giác. Chưa thực và đã thực, là viễn giác và cận giác. Chưa thực là cái giác kia còn lâu xa mới giác được. Đã thực là cái giác biết đã đến gần.

Xong Phẩm công đức.

HẾT QUYỂN 12

LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH

QUYÊN 13

Phẩm 23: HÀNH TRỤ

Giải thích: Đã nói công đức của Bồ-tát, tiếp nói 5 tướng của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Nội tâm có lân mẫn,
Ái ngữ và dững kiện,
Khai thủ và thích nghĩa,
Đây 5 tướng Bồ-tát.*

Giải thích: Bồ-tát có 5 tướng: 1. Lân mẫn. 2. Ái ngữ. 3. Dững kiện. 4. Khai thủ. 5. Thích nghĩa.

Lân mẫn, là dùng tâm Bồ-đề nhiếp hóa lợi ích chúng sinh. Ái ngữ, là khiến được chính tín trong Phật pháp. Dững kiện, là không thoái khuất các khổ hạnh khó làm. Khai thủ, là dùng của cải để nhiếp hóa. Thích nghĩa, là dùng giáo pháp nhiếp hóa. Phải biết 5 tướng này, 1 cái đầu tiên là tâm, 4 cái sau là hạnh. Đã nói 5 tướng của Bồ-tát, tiếp nói phần Bồ-tát tại gia và xuất gia.

Kệ nói:

*Bồ-tát trong mọi thời,
Hàng ở vị Luân vương,*

*Làm lợi ích chúng sinh,
Tại gia phân như thế.*

Giải thích: Bồ-tát tại gia hằng làm vị Chuyển luân vương hành hóa 10 điều thiện là bỏ 10 điều ác, làm lợi ích như vậy.

Kệ nói:

*Thụ đắc và pháp đắc,
Cùng với thị hiện thành
Ba thứ xuất gia phần,
Ở trong tất cả địa.*

Giải thích: Bồ-tát xuất gia có 3 phần: 1. Phần thụ đắc, nghĩa là được hộ từ người khác. 2. Phần pháp đắc, nghĩa là được vô lưu hộ. 3. Phần thị hiện, nghĩa là biến hóa tác thụ. Phần đắc, là tín hành địa. Phần pháp đắc và phần thị hiện, là nhập đại địa.

Kệ nói:

*Phải biết phần xuất gia,
Đủ vô lượng công đức.
Muốn sánh với tại gia,
Vượt trội không sánh được.*

Giải thích: So sánh 2 phần thì phần xuất gia hơn, do đầy đủ vô lượng công đức. Đã nói xong phần Bồ-tát tại gia và xuất gia, tiếp nói Bồ-tát 5 thứ tâm cực đại.

Kệ nói:

*Ái quả và thiện căn,
Niết-bàn muốn khiến được,
Chưa tịnh tịnh cực tịnh,
Là ở trong các địa.*

Giải thích: Năm tâm cực đại là: 1. Tâm lạc cực đại. 2. Tâm lợi cực đại. 3. Tâm chưa tịnh cực đại. 4. Tâm đã tịnh cực đại. 5. Tâm

cực tịnh cực đại. Ái quả, là tâm lạc cực đại, nghĩa là khiến các chúng sinh đời sau được quả yêu thích. Thiện căn, là tâm lợi cực đại, nghĩa là khiến các chúng sinh hiện làm các thiện và được Niết-bàn. Chưạ tịnh, là tâm chưạ tịnh cực đại, tức Bồ-tát ở tín hành địa. Tịnh, là tâm đã tịnh cực đại, tức Bồ-tát sơ địa đế địa thứ 7. Cực tịnh, là tâm cực tịnh cực đại, tức Bồ-tát 3 địa sau. Đã nói xong Bồ-tát 5 thứ tâm cực đại, tiếp nói 4 thứ nhiếp chúng sinh của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Dục lạc và bình đẳng,
Tăng thượng với đồ chúng,
Bốn tâm nơi các địa,
Nhiếp thụ khắp chúng sinh.*

Giải thích: Bốn thứ nhiếp chúng sinh là: 1. Dục lạc tâm nhiếp, là do dùng tâm Bồ-đề nhiếp hóa. 2. Bình đẳng tâm nhiếp, là do nhập sơ địa được tâm tự tha bình đẳng nhiếp hóa chúng sinh. 3. Tăng thượng tâm nhiếp, nghĩa là do trụ chủ vị, dùng sức tự tại nhiếp hóa chúng sinh. 4. Đồ chúng tâm nhiếp, nghĩa là do thân nhiếp làm đệ tử của mình. Đã nói 4 thứ nhiếp chúng sinh của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ thụ sinh của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Nghiệp lực và nguyện lực,
Định lực, thần thông lực,
Dựa vào 4 lực này,
Mà Bồ-tát thụ sinh.*

Giải thích: Bốn thứ thụ sinh là: 1. Nghiệp lực sinh. 2. Nguyện lực sinh. 3. Định lực sinh. 4. Thông lực sinh.

Nghiệp lực sinh, là Bồ-tát ở tín hành địa, nghiệp lực tự tại có thể thụ sinh tùy nơi mình muốn. Nguyện lực sinh, là Bồ-tát nhập đại địa, nguyện lực tự tại, vì để thành thực kia mà thụ sinh vào các loài

như súc sinh v.v... Định lực sinh, là Bồ-tát được định, định lực tự tại có thể bỏ cõi trên thụ sinh cõi dưới. Thông lực sinh, nghĩa là Bồ-tát được thân thông, sức thần thông tự tại có thể ở trời Đâu-suất v.v... thị hiện các tướng thụ sinh. Đã nói xong 4 thứ thụ sinh của Bồ-tát, tiếp nói 11 trụ tướng của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Chúng không, chúng nghiệp quả,
Trụ thiên, trụ giác phần,
Quán đế, quán duyên khởi,
Vô tướng, vô công dụng,
Hóa lực tịnh 2 môn,
Cùng với tịnh Bồ-đề,
Dùng các điều nói đây,
Lập địa tướng nên biết.*

Giải thích: Mười một trụ, tức 11 địa, vì trụ là tên của địa. Chúng không, là hiển thị trụ tướng đầu tiên, vì phần nhiều trụ ở nhân pháp 2 vô ngã. Chúng nghiệp quả, là hiển thị trụ tướng thứ 2, vì chúng nghiệp và quả thì không hư hoại có thể hộ trì giới. Trụ thiên, là hiển thị trụ tướng thứ 3, vì có thể sinh cõi Dục mà không thoái thiên. Trụ giác phần, là hiển thị trụ tướng thứ 4, vì có thể vào sinh tử mà không bỏ giác phần. Quán đế, là hiển thị trụ tướng thứ 5, vì dùng sự sáng suốt mà giáo hóa, phiền não chỉ phiền não ở tâm vì không có ngã. Quán duyên khởi, là hiển thị trụ tướng thứ 6, vì có thể không khởi nhiễm tâm mà dựa vào duyên khởi thụ sinh. Vô tướng, là hiển thị trụ tướng thứ 7, vì hành tụy có công dụng mà tham hợp một đạo lý trên đa phần trụ nơi vô công dụng. Hóa lực là hiển thị trụ tướng thứ 9, vì tự tại 4 vô ngại giải có thể thành thực tất cả chúng sinh. Tịnh 2 môn, là hiển thị trụ tướng thứ 10, vì Tam-muội môn và Đà-la-ni môn cực kỳ thanh tịnh. Tịnh Bồ-đề, là hiển thị trụ tướng thứ 11, vì rốt ráo đoạn tất cả trí chướng. Đã

nói xong 11 trụ tướng của Bồ-tát, tiếp nói Bồ-tát căn cứ vào địa lập tên.

Kệ nói :

*Trước 3, 3 hành tịnh,
Tiếp 3, 3 mạn đoạn,
Sau 3: giác, xả, hóa,
Thứ 10 có 4 tên.*

Giải thích: Trong 10 địa kiến lập 10 tên Bồ-tát.

Trước 3, 3 hành tịnh, nghĩa là sơ địa tên là kiến tịnh, vì Bồ-tát được trí đối trị nhân pháp 2 kiến. Địa thứ 2 tên là giới tịnh, vì Bồ-tát vi tế phạm cấu, vĩnh viễn là vô thể. Địa thứ 3 tên là định tịnh, vì Bồ-tát các thiền Tam-muội đều được không thoái lui.

Tiếp 3, 3 mạn đoạn, nghĩa là địa thứ 4 tên là đoạn pháp môn dị mạn, vì Bồ-tát phá phát khởi sai biệt mạn trong các kinh pháp. Địa thứ 5 tên là đoạn tương tục dị mạn, vì Bồ-tát nhập vào 10 tâm bình đẳng thì trong tất cả mọi sự tương tục đều được bình đẳng. Địa thứ 6 tên là đoạn nhiễm tịnh dị mạn, vì Bồ-tát như tính bản tịnh khách trần, nên nhiễm có thể trụ pháp duyên khởi nếu không khởi kiến chấp hắc bạch sai biệt.

Sau 3: giác, xả, hóa, nghĩa là địa thứ 7 tên là đặc giác, vì Bồ-tát trụ vô tướng lực có thể trong mỗi niệm mỗi niệm tu 37 giác phần. Địa thứ 8 tên là hành xả, vì Bồ-tát trụ vô công dụng vô tướng, nên cũng gọi là tịnh độ, vì Bồ-tát phương tiện hành hợp với Bồ-tát bất thoái địa. Địa thứ 9 tên là hóa chúng sinh, vì Bồ-tát có thể thành thực tất cả chúng sinh. Địa thứ 10 có 4 tên: 1. Tên đại thần thông, vì Bồ-tát được thần thông lớn. 2. Tên mãn pháp thân, vì Bồ-tát đủ vô lượng Tam-muội môn, Đà-la-ni môn. 3. Tên năng hiện thân, vì Bồ-tát ở trời Đâu-suất v.v... thị hiện thân tướng. 4. Tên thụ chức, vì Bồ-tát được thụ chức nơi Phật. Đã nói xong về Bồ-tát căn cứ các địa mà lập tên, tiếp nói Bồ-tát tùy theo địa mà tu học và học quả.

Kệ nói:

*Thứ tự y trước 6
Kiến tính tu 3 học.
Thứ tự y sau 4
Được quả có 4 thứ.*

Giải thích: Thứ tự y trước 6 kiến tính tu học 3, nghĩa là BỒ-tát ở sơ địa thông đạt chân như, địa thứ 2 học tăng thượng giới, địa thứ 3 học tăng thượng tâm, địa thứ 4, thứ 5, thứ 6 học tăng thượng tuệ. Tuệ có 2 cảnh: một là pháp thật, tức khổ v.v... 4 đế, hai là duyên khởi, tức quán nghịch thuận 12 nhân duyên. Hai cảnh này cũng ở trong địa thứ 2, địa thứ 3, cho nên địa ấy cũng kiến lập tăng thượng tuệ. Nhưng trong địa thứ 4 thì BỒ-đề phần tuệ tăng thượng. Trong địa thứ 5 thì đế quán tuệ tăng thượng. Trong địa thứ 6 thì duyên khởi quán tuệ tăng thượng. Cho nên 3 địa này kiến lập tăng thượng tuệ học.

Thứ tự y sau 4 được quả có 4 thứ, nghĩa là y địa thứ 7 được vô tướng hữu công dụng trụ là quả thứ nhất. Y địa thứ 8 được vô tướng vô công dụng trụ là quả thứ 2. Y địa thứ 9 được thành thực chúng sinh là quả thứ 3. Y địa thứ 10 được 2 môn thành thực là quả thứ 4. Đã nói xong tùy địa tu học và học quả, tiếp nói BỒ-tát tùy địa tu tập 5 ấm vô lưu.

Kệ nói:

*Kiến tính tịnh 3 thân,
Cũng ở trước 6 địa,
Địa khác tịnh 2 khác,
Để xa lia 5 chương.*

Giải thích: Sơ địa kiến tính như trước giải thích. Trong địa thứ 2 giới thân thanh tịnh. Trong địa thứ 3 định thân thanh tịnh. Trong địa thứ 4, thứ 5, thứ 6 tuệ thân thanh tịnh. Sau 4 địa và Phật địa giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân thanh tịnh, do lia 5 chương. Năm chương

là trong địa thứ 7 lấy chấp tướng, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 8 lấy công dụng, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 9 lấy không thể hóa sinh, vô tri làm chướng. Trong địa thứ 10 lấy chưa tịnh 2 môn, vô tri làm chướng. Trong Phật địa lấy chướng ngại vô tri làm chướng, nghĩa là cái vô tri này có thể chướng ngại trí đối với cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Chư Phật biết tất cả cảnh không chướng ngại, vì giải thoát chướng ngại này. Đã nói xong Bồ-tát tùy địa tu 5 âm vô lưu, tiếp nói Bồ-tát tùy địa thành tựu chưa thành tựu.

Kệ nói:

*Chưa thành tựu thành tựu,
Thành rồi chưa thành thành.
Như địa kiến lập tri,
Phân biệt vô phân biệt.*

Giải thích: Chưa thành tựu thành tựu, nghĩa là tín hành địa kia là chưa thành tựu. từ các địa khác là thành tựu. Thành rồi chưa thành thành, nghĩa là ở trong các địa thành tựu, lại có chưa thành tựu thành tựu. Bảy địa trở về trước là chưa thành tựu, vì có công dụng. Tám địa trở lên là thành tựu, vì vô công dụng.

Hỏi: Trước có nói hoan hỷ địa cũng là thành tựu. Nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Như địa kiến lập biết phân biệt vô phân biệt. Đây do trong địa kiến lập nên biết chỉ là phân biệt. Nơi phân biệt này cũng vô phân biệt, vì sở chấp năng chấp đều là vô thể. Theo nghĩa này nên nói là thành tựu.

Kệ nói:

*Phải biết trong các địa,
Tu tập và thành tựu,
Hai đây không nghĩ bàn,
Vì cảnh giới chư Phật.*

Giải thích: Bò-tát ở trong các địa đều có tu tập và thành tựu. Phải biết mỗi địa mỗi địa đều không thể nghĩ bàn, bởi chư Bò-tát nội tự chứng giác là chư Phật biết, vì không phải cảnh giới của mọi người. Đã nói xong Bò-tát tùy địa thành tựu chưa thành tựu, tiếp nói 10 tướng nhập địa của Bò-tát.

Kệ nói:

*Minh tín và không kém,
Không khiếp cũng không đọi,
Thông đạt và bình đẳng,
Lìa lệch, lìa đấm trước,
Cho đến biết phương tiện,
Và trong thánh chúng sinh,
Như đây 10 thứ tướng,
Mỗi địa đều viên mãn.*

Giải thích: Bò-tát nhập địa, mỗi địa mỗi địa đều có 10 tướng. Những gì là 10? 1. Minh tín. 2. Không kém. 3. Không khiếp. 4. Không đọi. 5. Thông đạt. 6. Bình đẳng. 7. Lìa lệch. 8. Lìa đấm. 9. Biết phương tiện. 10. Thánh chúng sinh.

Minh tín, nghĩa là nơi tự địa được sáng suốt, vì trong các pháp loại trừ vô tri, nơi tha địa được tin, vì sinh nguyện lạc các địa sau. Không kém, nghĩa là nghe diệu pháp sâu xa không kinh sợ. Không khiếp, nghĩa là làm việc khó làm, làm rất dũng mãnh. Không đọi, nghĩa là khởi tự địa mà làm không đọi dạy bảo. Thông đạt, nghĩa là có thể khởi phương tiện tha địa nên bình đẳng, vì khắp chúng sinh đồng tự tâm. Lìa lệch, nghĩa là tai nghe chê khen không cao hạ. Lìa đấm, nghĩa là được địa vị như Chuyển luân vương cũng không ái nhiễm. Biết phương tiện, nghĩa là biết các pháp là không thể được vì là phương tiện của Phật. Thánh chúng sinh, nghĩa là đồ chúng chư Phật hằng sinh. Mười tướng này mỗi địa mỗi địa đều đủ. Đã nói xong 10 tướng nhập địa của Bò-tát, tiếp nói tướng 10 độ trong Bò-tát địa.

Kệ nói:

*Có dục, không 6 chướng,
Tiếp đến không loạn tuệ,
Không trôi không quay lui,
Phụng sự bạn, cúng dường,
Hồi hướng cho thắng sinh,
Tu thiện và hỷ thông,
Kho công đức như vậy,
Phật tử 16 tướng.*

Giải thích: Chư Bồ-tát ở trong các địa được 10 độ và 16 tướng. Những gì là 16? 1. Có dục lạc, vì hành các độ. 2. Không keo kiệt, vì lìa thí chướng. 3. Không sai trái, vì lìa giới chướng. 4. Không giận dữ, vì lìa nhẫn chướng. 5. Không lười biếng, vì lìa tiến chướng. 6. Từ bi, vì lìa định chướng. Từ bi có thể cho vui cứu khổ, đó là đối trị lại giận dữ và não hại do định đạt được. 7. Không ác tuệ, vì lìa tuệ chướng. Ác tuệ có 3 là tự tính phân biệt, tùy ức phân biệt và hiển thị phân biệt, đây đều có thể đoạn. 8. Không loạn tuệ, vì lìa tâm dị thừa. 9. Không cuốn trôi vì không bị những cái vui của nhân thiên làm tâm say đắm. 10. Không quay lui, vì không làm, không thành tựu khổ và những việc khó làm, cái khổ khiến thoái tâm. 11. Phụng sự bạn, vì căn cứ Phật chỉ thị thiện tri thức nghe pháp Đại thừa. 12. Cúng dường, tức cúng dường Tam Bảo. 13. Hồi hướng phương tiện thiện xảo. 14. Sinh thắng. Đây là hiển thị tướng của nguyện Ba-la-mật, lìa nơi 8 nạn không lìa chư Phật Bồ-tát. 15. Tu thiện. Đây là hiển thị tướng của lực Ba-la-mật, tu các thiện căn không gián đoạn. 16. Hỷ thông. Đây hiển thị tướng của trí Ba-la-mật, vận dụng tự tại các công đức đại thần thông.

Bồ-tát nếu được các tướng đây thì làm thượng thủ trong tất cả chúng. Đó gọi là 16 tướng của Phật tử. Đã nói xong tướng 10 độ trong Bồ-tát địa, tiếp nói 5 công đức trong mỗi độ mỗi độ của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Mỗi địa khi thăng tiến,
Mỗi độ có 5 đức.
Hai và hai và một,
Phải biết chỉ quán đủ.*

Giải thích: Mỗi địa khi thăng tiến, mỗi độ có 5 đức, nghĩa là Bồ-tát trong mỗi một địa tu mỗi một độ, trong mỗi một độ đủ 5 thứ công đức. Những gì là 5? 1. Diệt tập. 2. Đắc ý. 3. Viên minh. 4. Khởi tướng. 5. Quảng nhân.

Diệt tập, là mỗi một sát-na diệt trừ y trong tập khí tụ. Đắc ý, là lia các tướng, được pháp lạc. Viên minh, là biết khắp nhất thiết chủng không làm phân đoạn. Tướng khởi, là do nhập vào đại địa, tướng vô phân biệt sinh. Quảng nhân, là đầy đủ, là thanh tịnh nhất thiết chủng pháp thân, phúc tụ, trí tụ gồm khiến tăng trưởng.

Hai và hai và một, phải biết chỉ quán đủ, nghĩa là phải biết trong đây 2 công đức đầu tiên là phần Xa-ma-tha, 2 công đức tiếp theo là phần Tì-bát-xá-na. Công đức thứ 5 thì đủ cả 2 phần ấy. Đã nói xong mỗi độ mỗi độ 5 công đức của Bồ-tát, tiếp đến giải thích tên 10 địa của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Thấy chân, thấy lợi vật,
Nơi đây được hoan hỷ.
Khởi phạm, khởi dị tâm,
Gọi là ly cấu địa.
Sức câu pháp, trì pháp,
Làm sáng tỏ là minh.
Hoặc chướng, trí chướng: củi,
Đốt cháy là lửa tuệ.*

*Khó đẩy lui 2 thứ,
 Lui được là nan thắng.
 Không trụ 2 pháp quán,
 Hằng hiện gọi hiện tiền.
 Nhiều đường một đường gần,
 Đi xa gọi viễn hành.
 Tướng tướng, không tướng tướng,
 Không động: bất động địa.
 Bốn biện trí lực khéo,
 Khéo nói xung thiên tuệ.
 Hai môn như mây che,
 Mưa pháp gọi pháp vân.*

Giải thích: Thấy chân, thấy lợi vật, nơi đây được hoan hỷ, nghĩa là Bồ-tát ở trong sơ địa một là thấy chân như tức thấy tự lợi. Xưa chưa từng thấy nay mới thấy vì cách Bồ-đề gần. Hai là thấy lợi vật tức thấy lợi tha vì mỗi một sát-na có thể thành thực trăm chúng sinh. Do được 2 cái thấy này khởi vô cùng hoan hỷ nên gọi tên là hoan hỷ địa. Khởi phạm, khởi dị tâm, gọi là ly cấu địa, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 2 ra khỏi 2 cấu bần. Một là ra khỏi cấu bần của sự phạm giới. Hai là ra khỏi cấu bần của sự nảy sinh tâm dị thừa. Do ra khỏi 2 cấu bần này nên có tên là ly cấu địa. Như Kinh Thập Địa nói: “Đề được, đề thanh tịnh nhất thiết chủng trí, nên chúng ta siêng năng tinh tiến.” Sức cầu pháp trì pháp làm sáng tỏ là minh, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 3 được sức Tam-muội tự tại, trong vô lượng Phật pháp có thể cầu, có thể thụ trì, được sáng tỏ đại pháp và làm cho người khác sáng tỏ. Do có thể lấy đại pháp làm sáng tỏ mình sáng tỏ người nên gọi tên là minh địa. Hoặc chướng, trí chướng: củi, đốt cháy là lửa tuệ, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 4 dùng tuệ Bồ-đề phần làm ngọn lửa tự tính, lấy hoặc trí 2 chướng làm củi tự tính. Bồ-tát ở địa này có thể khởi ngọn lửa tuệ đốt cháy 2 thứ củi chướng nên có tên là diệm tuệ địa. Khó

đẩy lui 2 thứ, lui được là nan thắng, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 5 có 2 cái khó: khó thứ nhất là siêng năng giáo hóa chúng sinh mà tâm không sâu nã, khó thứ hai là chúng sinh không nghe theo sự giáo hóa của mình mà tâm không sâu nã. Ở địa này Bồ-tát có thể đẩy lui 2 cái khó ấy. Đối với cái khó làm mà thắng được nên có tên là nan thắng. Không trụ 2 pháp quán, hằng hiện gọi hiện tiền, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 6 y vào sức Bát-nhã có thể không trụ 2 pháp sinh tử Niết-bàn. Cái tuệ quán như thế thường hiện tiền nên gọi tên là hiện tiền địa. Nhiều đường một đường gần, đi xa gọi viễn hành, nghĩa là Bồ-tát trong địa thứ 7 gần nhất thừa đạo cho nên gọi là đi xa.

Hỏi: Cái gì đi xa?

Đáp: Cứu cánh của phương tiện công dụng có thể đi xa. Do sự đi xa này nên gọi tên là viễn hành địa. Tướng tướng, không tướng tướng, không động: bất động địa, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 8, tướng hữu tướng và tướng vô tướng hữu công dụng, cả 2 tướng đều không thể động. Do không có động nên tên là bất động địa. Bốn biện trí lực khéo, khéo nói xung thiện tuệ, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 9, 4 vô ngại tuệ là vô cùng vượt trội, trong khoảng một sát-na có bao nhiêu dị loại nhân thiên trong 3 ngàn thế giới dùng tiếng khác nhau, nghĩa khác nhau, câu hỏi khác nhau, Bồ-tát có thể dùng một thứ tiếng đáp tất cả các câu hỏi đoạn dứt các nghi. Do nói được như vậy nên có tên là thiện tuệ địa. Hai môn như mây che, mưa pháp gọi pháp vân, nghĩa là Bồ-tát ở trong địa thứ 10 do Tam-muội môn và Đà-la-ni môn nhiếp hóa làm nhân huân tập cho tất cả người nghe biến khắp trong thức A-lê-da. Ví như đám mây nổi che khắp bầu trời, có thể dùng cái mây nghe huân tập này trong mỗi một sát-na, trong mỗi một tướng, trong mỗi một hình hảo, trong mỗi một mao không mưa xuống vô lượng vô biên cơn mưa pháp, sung túc tất cả chúng sinh hóa độ được. Do có thể được như mây pháp mưa pháp nên gọi tên là pháp vân địa.

Hỏi: Giải thích tên riêng rồi, còn thế nào là trụ, thế nào là địa?

Kệ nói:

*Nhóm họp các thiện căn,
Lạc trụ nên nói trụ.
Số số, số, vô úy,
Lại lấy địa làm tên.*

Giải thích: Nhóm họp các thiện căn, lạc trụ nên nói trụ, nghĩa là chư Bồ-tát vì thành tựu các thứ thiện căn nên trong tất cả mọi thời lạc trụ tất cả địa. Cho nên gọi các địa là trụ. Số số, số, vô úy, lại lấy địa làm tên, nghĩa là Bộ-di-da gọi là địa. Bộ là số số nghĩa. Di là thật số nghĩa. Da là vô úy nghĩa. Chư Bồ-tát muốn tiến lên thượng địa, trong mỗi địa mỗi địa thường thường đoạn chướng ngại, thường thường được công đức. Đó là nghĩa của số số. Địa lấy số 10 làm lượng. Chư Bồ-tát trong mỗi địa mỗi địa biết đoạn những chỗ chướng ngại như vậy, biết được những công đức như vậy, biết đây là không dối, đó là nghĩa của thật số. Thượng địa là nơi vô úy. Chư Bồ-tát sợ ở trong tự địa thoái mất công đức tự tha lợi nên tiến lên cầu thượng địa, đó là nghĩa của vô úy. Do 3 nghĩa đây nên gọi là địa. Đã nói xong tên 10 địa của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ đắc địa sai biệt của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Do tín và do hành,
Do đạt cũng do thành.
Phải biết chư Bồ-tát,
Được địa có 4 thứ.*

Giải thích: Bốn thứ được địa là: 1. Được do tín. 2. Được do hành. 3. Được do thông đạt. 4. Được do thành tựu.

Do tín, là dùng tín được các địa, như nói trong tín địa. Do hành, là dùng chính hạnh được các địa. Chư Bồ-tát trong pháp Đại thừa có 10 thứ chính hạnh: 1. Chép viết. 2. Cúng dường. 3. Lưu truyền. 4. Nghe thụ. 5. Chuyển đọc. 6. Dạy người khác. 7. Tập tụng. 8. Giảng

giải. 9. Tư duy chọn lựa. 10. Tu tập. Mười chính hạnh này có thể sinh vô lượng công đức tụ. Thực hành các hạnh này được địa nên gọi hạnh được. Thông đạt, là thông đạt đệ nhất nghĩa đế. Cho đến 7 địa gọi là thông đạt. Được thành tựu, là 8 địa đến Phật địa gọi là thành tựu được. Đã nói xong 4 thứ được địa sai biệt của Bồ-tát, tiếp nói 4 thứ tu hành sai biệt của Bồ-tát.

Kệ nói:

*Các độ, các giác phần,
Các thông và các nhiếp,
Là đại cũng là tiểu,
Đều nhập cũng đều thành.*

Giải thích: Nói chung tất cả hạnh Bồ-tát không quá 4 thứ: 1. Hạnh Ba-la-mật. 2. Hạnh Bồ-đề phần. 3. Hạnh thần thông. 4. Hạnh nhiếp sinh.

Nói hạnh Ba-la-mật, là nói chúng sinh cầu Đại thừa. Nói hạnh Bồ-đề phần, là nói chúng sinh cầu Tiểu thừa. Nói hạnh thần thông, là nói khiến 2 loại chúng sinh được nhập Phật pháp. Nói hạnh nhiếp sinh là nói khiến 2 loại chúng sinh thành thực Phật pháp.

Xong Phẩm hành trụ.

Phẩm 24: KÍNH PHẬT

Giải thích: Đã nói hành trụ của Bồ-tát, tiếp nói công đức lễ Phật.

Kệ nói:

*Hợp tâm và lìa tâm,
Không lìa, lợi ích tâm.
Thương xót các chúng sinh,
Cứu đời, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai vô lượng thắng công đức. Hợp tâm, là tâm từ, do cho vui. Lìa tâm, là tâm bi, do cứu khổ. Không

lia tâm, là tâm hỷ, do thường hỷ duyệt. Lợi ích tâm, là tâm xả, do không nhiễm.

Kệ nói:

*Tất cả chướng giải thoát,
Tất cả thế gian thắng,
Tất cả nơi biến khắp,
Tâm thoát, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai 3 chỗ thắng công đức. Tất cả chướng giải thoát, là hiển thị giải thoát thắng, do được giải thoát tất cả hoặc chướng, tất cả trí chướng. Tất cả thế gian thắng, là hiển thị chế nhập thắng, do tâm tự tại tùy sở duyên tùy ý chuyển. Tất cả nơi biến khắp, là hiển thị biến nhập thắng, do trí biến khắp trong tất cả cảnh. Do 3 nghĩa đây, trong 3 chỗ tâm được giải thoát, cho nên nói tâm giải thoát.

Kệ nói:

*Có thể ngăn hoặc khởi,
Và cũng hại hoặc kia,
Nhiễm ô các chúng sinh,
Bi giả, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai vô tránh thắng công đức. Có thể ngăn hoặc khởi, nghĩa là chúng sinh thì khởi hoặc phiền não, Như Lai tất cả mọi tác nghiệp có thể khiến không khởi. Và cũng hại hoặc kia, nghĩa là nếu hoặc kia đã khởi, Như Lai cũng có thể khiến khởi phương tiện đối trị. Như lai vô tránh thì không như vậy, chẳng những chỉ khiến không khởi, mà cũng khiến kia khởi đối trị, cho nên là thắng. Nhiễm ô các chúng sinh, bi giả co đánh lễ, nghĩa là Như Lai vô tránh Tam-muội, đối với tất cả chúng sinh nhiễm ô đều khởi xót thương, cho nên gọi Như Lai là bi giả.

Kệ nói:

*Không dụng công, không đấm,
Không ngại, hằng tịch tĩnh,
Hay giải tất cả nghi,
Thắng trí, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai nguyện trí thắng công đức. Nguyện trí của Như Lai do 5 việc thắng: 1. Với khởi không dụng công. 2. Với cảnh không đấm trước. 3. Ở trong không ngại. 4. Hằng thời tịch tĩnh. 5. Có thể giải các nghi. Do 5 nghĩa này nên gọi là thắng. Nguyện trí của những người khác thì: 1. Không phải không dụng công, vì khởi tác ý. 2. Không phải không đấm trước, vì giả định lực. 3. Không phải không ngại, vì biết một phần ít. 4. Không phải hằng tịch tĩnh, vì phi thường định. 5. Không giải nghi, vì có chỗ không biết.

Kệ nói:

*Sở y và năng y,
Với ngôn và với trí,
Thuyết giả vô ngại tuệ,
Thiện thuyết, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai vô ngại thắng công đức. Sở thuyết có 2 thứ: một, sở y là pháp, hai, năng y là nghĩa. Thuyết, có 2 thứ: một là phương ngôn, hai là trí xảo. Như Lai đối với sở thuyết và thuyết này đầy đủ tuệ thường vô ngại, cho nên là thắng. Thuyết giả, tức hiển thị nghiệp vô ngại. Khai thị có nơi nên nói là thiện thuyết.

Kệ nói:

*Năng khứ và năng vãng,
Tri hành, tri lai, khứ,
Khiến kia được xuất ly,
Giáo thụ, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai thân thông thắng công đức. Năng khứ, là như ý thông, có thể qua các nơi kia. Năng văn, là thiên nhĩ thông, có thể nghe âm thanh kia. Tri hành, là tha tâm thông, có thể biết tâm hành sai biệt của người khác. Tri lai, là túc trụ thông, có thể biết đời trước người kia từ nhân này mà đến. Tri khứ, là sinh tử thông, có thể biết người kia đời từ nhân này sẽ đi. Khiến kia được xuất ly, là lậu tận thông, có thể như thật vì người kia nói pháp.

Kệ nói:

*Chúng sinh nếu có thấy,
Biết chắc là trượng phu,
Khởi sâu tâm tịnh tín,
Phương tiện, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai tướng hảo thắng công đức. Tất cả chúng sinh nếu trông thấy liền biết Như Lai là bậc Đại trượng phu, và khởi nghiệp tịnh tín nơi Như Lai, vì do lấy tướng hảo làm phương tiện.

Kệ nói:

*Thủ, xả, trụ, biến hóa,
Định trí được tự tại,
Như thế 4 thanh tịnh,
Thế Tôn, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai thanh tịnh thắng công đức. Thanh tịnh có 4 thứ: 1. Thân thanh tịnh. 2. Duyên thanh tịnh. 3. Tâm thanh tịnh. 4. Trí thanh tịnh. Thủ xả trụ, là hiển thị thân thanh tịnh, có thể đối với thọ mạng của tự thân hoặc thủ, hoặc xả, hoặc trụ đều được tự tại. Biến hóa, là hiển thị duyên thanh tịnh, có thể khởi chuyển biến nơi các cảnh để hóa độ được tự tại. Định, là hiển thị tâm thanh tịnh, có thể xuất nhập tự tại nơi các định. Trí,

là hiện thị trí thanh tịnh, có thể được tự tại biết các cảnh không trở ngại.

Kệ nói:

*Phương tiện và quy y,
Thanh tịnh với xuất ly,
Ở đây phá 4 đối,
Hàng ma, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai lực thắng công đức. Ma dựa vào 4 việc phá hoại chúng sinh. Bốn việc là gì? 1. Dựa vào phương tiện đối gạt chúng sinh, nói thụ dụng 5 trần được sinh thiện đạo không đọa ác đạo. 2. Dựa vào quy y đối gạt chúng sinh, nói trời Tự Tại v.v... là nơi quy y, những nơi khác là sai. 3. Dựa vào thanh tịnh đối gạt chúng sinh, nói chỉ có các định thế gian là thanh tịnh, những gì khác không thanh tịnh. 4. Dựa vào xuất ly đối gạt chúng sinh, nói chỉ có đạo quả Tiểu thừa là xuất ly không phải Đại thừa. Để phá trừ 4 việc của ma, Phật hiện thị 10 lực: 1. Lấy trí lực phải quấy phá trừ việc thứ nhất của ma. Do phương tiện thiện mới có thể sinh cõi trời không phải phương tiện ác. 2. Lấy trí lực của tự nghiệp phá trừ việc thứ hai của ma. Do nghiệp của chính mình được sinh cõi trời, không phải dựa vào sức của trời Tự Tại v.v... 3. Lấy trí lực thiện định phá trừ việc thứ ba của ma. Do hiểu biết đầy đủ thiện định giải thoát Tam-muội Tam-ma-bạt-đề. 4. Bày trí lực sau phá trừ việc thứ tư của ma. Do an trí hạ căn v.v... khiến lìa bỏ thượng căn v.v...

Kệ nói:

*Nơi trí và nơi đoạn,
Nơi lìa và nơi chướng,
Hay nói tự tha lợi,
Đẹp tà, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai vô úy thắng công đức. Nơi trí, là nói nhất thiết trí vô úy. Nơi đoạn, là nói lậu tận vô úy. Nơi lìa, là nói hết khổ đạo vô úy. Nơi chướng, là nói chướng đạo vô úy. Trong đó trí và đoạn là nói công đức tự lợi. Lìa và chướng là nói công đức lợi tha. Nếu các ngoại đạo nói bài bác rằng: Cồ-đàm không đủ nhất thiết trí, không hết tất cả lậu, nói đạo không thể hết khổ, nói chướng không thể hại đạo. Như Lai đối với 4 thứ bài bác này đều có thể xô dẹp, cho nên gọi là vô úy.

Kệ nói:

*Nơi chúng rất trị phạt,
Tự mình không chỗ hộ,
Lìa 2 nhiệm chính trụ,
Nhiếp chúng, con đánh lễ.*

Giải thích: Nơi chúng rất trị phạt, tự mình không chỗ hộ, đây là đánh lễ Như Lai bất hộ thắng công đức. Nếu chính mình có chỗ bảo hộ che chở thì không thể nói sự trị phạt rất ráo được. Lìa 2 nhiệm chính trụ, đây là đánh lễ Như Lai niệm xứ thắng công đức. Lìa 2 nhiệm, là không hỷ không ưu. Chính trụ, là không quên mất niệm. Do 2 thứ công đức vượt trội này có thể thâm nhiếp tất cả đồ chúng. Đây tức là nghiệp.

Kệ nói:

*Đi đứng ở mọi nơi,
Không không nhất thiết trí,
Do đoạn tất cả tập,
Thật nghĩa, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai đoạn tập thắng công đức. Như Lai trong mọi lúc ở mọi nơi, các việc đi đứng v.v... không việc gì không có oai nghi nhất thiết trí, do đoạn đủ tất cả tập phiền não. Nếu không nhất thiết trí thì phiền não tuy hết mà tập chưa hết. Ở nơi

đi đứng, nếu khi gặp xe, ngựa chạy nhanh sẽ bị tổn hại là do không phải oai nghi nhất thiết trí. Như Lai thì không có chuyện này, do thật có nhất thiết trí.

Kệ nói:

*Việc lợi ích chúng sinh,
Tùy thời không bỏ quá,
Việc làm không sai sót,
Không mất, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai không mất thắng công đức. Như Lai làm việc lợi ích chúng sinh thường được đúng thời không bỏ quá. Đó là nghiệp không quên mất pháp. Như Lai làm việc trong mọi lúc đều thật không hư dối. Đó là tự tính không quên mất pháp.

Kệ nói:

*Ngày đêm 6 thời quán,
Tất cả cõi chúng sinh,
Vì đại bi đầy đủ,
Lợi ý, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai đại bi thắng công đức. Như Lai vì đại bi nên ngày đêm 6 thời quán sát chúng sinh ai thoái ai tiến. Người chưa khởi thiện căn thì khiến khởi. Người đã khởi thiện căn thì khiến tăng tiến. Tuy nói ngày đêm 6 thời mà kỳ thật tất cả mọi thời hằng chuyển pháp luân, do đại bi đầy đủ. Đó tức là nghiệp đại bi. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi ý lợi ích. Đó là tự tính của đại bi.

Kệ nói:

*Do làm và do được,
Do trí và do nghiệp,
Trong tất cả 2 thừa,
Cao tột, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai bất cộng thặng công đức. Như Lai có 18 pháp không chung: 1. Thân không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không dị tướng. 5. Không gì không định tâm. 6. Không gì không biết xả kỷ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tiến không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Trí biết quá khứ không dấm trước không ngại. 14. Trí biết vị lai không dấm trước không ngại. 15. Trí biết hiện tại không dấm trước không ngại. 16. Thân nghiệp làm theo trí tuệ. 17. Khẩu nghiệp làm theo trí tuệ. 18. Ý nghiệp làm theo trí tuệ. Trong đây do làm, là gồm 6 bất cộng đầu, do được gồm 6 bất cộng tiếp theo, do trí gồm 3 bất cộng tiếp theo, do nghiệp gồm 3 bất cộng sau cùng. Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác trong các chúng sinh khác là trên. Như Lai do 4 việc không chung nên trên cả những người kia, vì vậy gọi là cao tột.

Kệ nói:

*Ba thân Đại Bồ-đề,
Vì được nhất thiết chủng,
Chúng sinh các chỗ nghi,
Năng trừ, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai chúng trí thặng công đức. Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và hóa thân. Đây là nói tự tính của chúng trí.

Hỏi: Trí này trong tất cả cảnh biết nhất thiết chủng như thế nào?

Đáp: Tất cả chúng sinh trong tất cả mọi nơi sinh trí này có thể đoạn. Đây là nói nghiệp của chúng trí.

Kệ nói:

*Không dấm và không lỗi,
Không uế cũng không dứt,*

*Không động, không hý luận,
Thanh tịnh, con đánh lễ.*

Giải thích: Kệ này đánh lễ Như Lai độ mãn thắng công đức. Không đắm, nghĩa là đối với của cải không đắm nhiễm. Không lỗi, nghĩa là đối với các nghiệp của thân v.v... vĩnh viễn không cấu uế. Không uế, nghĩa là các khổ của thể pháp không làm tâm uế trước. Không dứt, nghĩa là sở đắc chút ít không trụ lại ngay. Không động, nghĩa là tâm hằng tịch tĩnh không tán loạn. Không hý luận, nghĩa là trong tất cả pháp đều không hành phân biệt. Như lai đầy đủ 6 viên mãn lia 6 chương, nên gọi là thanh tịnh.

Kệ nói:

*Thành tựu đệ nhất nghĩa,
Xuất ly tất cả địa,
Với người được cực tôn,
Giải thoát các chúng sinh,
Công đức sánh vô tận,
Hiện tại đều đầy đủ,
Thế thấy chúng cũng thấy,
Không thấy các nhân thiên.*

Giải thích: Hai kệ này đánh lễ Như lai Phật tướng thắng công đức. Trong đây lược nói tướng của Phật có 6 thứ: 1. Thể. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Sai biệt. Do 6 thứ này biểu thị thì biết là Phật nên nói là tướng Phật. Thành tựu đệ nhất nghĩa, nghĩa là đây là thể tướng, vì do chân như tối thanh tịnh đệ nhất nghĩa thành tựu. Xuất ly tất cả địa, nghĩa là đây là nhân tướng, vì do xuất ly tất cả Bồ-tát địa. Với người được cực tôn, nghĩa là đây là quả tướng, vì được bậc nhất trong tất cả chúng sinh. Giải thoát các chúng sinh, nghĩa là đây là nghiệp tướng, vì có thể khiến tất cả chúng sinh được giải thoát. Công đức sánh vô tận hiện thế đều đầy đủ, nghĩa là đây

là tương ưng tướng. Thế thấy chúng cũng thấy, không thấy các nhân thiên, nghĩa là đây là sai biệt tướng. Thế thấy, nghĩa là các thứ thế giới đều thấy, đây là hóa thân. Chúng cũng thấy, nghĩa là chúng đại đệ tử của Phật cũng thấy, đây là thụ dụng thân. Không thấy, nghĩa là nhân thiên v.v... mọi thời không thấy, đây là tự tính thân. Đây tức 3 thân sai biệt.

Xong Phẩm kính Phật.

Luận Đại Thừa Tu-đa-la Trang Nghiêm, đã nói xong lúc cực kỳ thanh tịnh.

TRỌN BỘ 13 QUYỂN HẾT

SỐ 1605
ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN
QUYỂN 1

*Bồ-tát Vô Trước tạo luận
 Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
 Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: PHẨM BA PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

*Bản sự với quyết trạch,
 Là đều có 4 thứ,
 Gồm 3 pháp nên thành,
 Để pháp được luận nghị.
 Thủ tướng bao nhiêu nhân,
 Kiến lập với thứ tự,
 Nghĩa dụ rộng phân biệt,
 Gồm hết tất cả tụng.*

Uẩn, giới, xứ mỗi thứ có bao nhiêu?

Uẩn có 5, là sắc uẩn, thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Giới có 18, là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Xứ có 12, là nhân xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Vì lẽ gì uẩn chỉ có 5? Vì hiển thị 5 việc của ngã, là thân cụ, thụ dụng, ngôn thuyết, tạo tác tất cả pháp phi pháp. Y chỉ của chúng là tự thể của ngã.

Vì lẽ gì giới chỉ có 18? Vì thân cụ v.v... có thể duy trì tính thụ dụng của 6 hành quá khứ và hiện tại.

Vì lẽ gì xứ chỉ có 12? Vì chỉ do thân cụ có thể cùng với 6 hành thụ dụng vị lai làm sinh trưởng môn.

Vì lẽ gì gọi là thủ uẩn? Bởi hợp với thủ nên gọi thủ uẩn. Những gì là thủ? Là trong các uẩn có dục tham. Vì sao gọi dục tham là thủ? Là vì các uẩn trong vị lai hiện tại có thể dẫn không bỏ mong cầu vị lai, đả nhiễm hiện tại dục tham gọi là thủ. Vì sao giới xứ gọi là pháp hữu thủ? Nên nói như uẩn.

Tướng của sắc uẩn thế nào? Tướng biến hiện là sắc tướng. Đây có 2 thứ: một là xúc đối biến hoại, hai là thị hiện phương sở. Thế nào là xúc đối biến hoại? Là do tay chân khối đá dao gây lạnh nóng đói khát muỗm mòng rần rết, khi xúc đối thì liền biến hoại. Thế nào gọi là thị hiện phương sở? Là do có tướng phương sở thị hiện sắc như thế như thế. Sắc như vậy như vậy hoặc do định tâm, hoặc do bất định tâm tư tương ưng vẽ ra các thứ.

Tướng của thụ uẩn thế nào? Tướng lãnh nạp là tướng thụ. Nghĩa là do thụ nên lãnh nạp các quả dị thực của các thứ nghiệp tịnh bất tịnh.

Tướng của tưởng uẩn thế nào? Cấu tạo ra tướng là tướng tưởng. Nghĩa là do tưởng cho nên vẽ ra các loại hình tượng các pháp rồi tùy theo nghĩa của thấy nghe hay biết mà khởi các ngôn thuyết.

Tướng của hành uẩn thể nào? Tạo tác tướng là tướng hành. Nghĩa là do hành nên khiến tâm tạo tác các phẩm loại thiện bất thiện vô ký trong đó sai khiến cái tâm.

Tướng của thức uẩn thể nào? Tướng liễu biệt là tướng thức. Nghĩa là do thức nên liễu biệt các cảnh giới sắc thanh hương vị xúc pháp.

Tướng của nhãn giới thể nào? Là mắt từng hiện thấy sắc và chủng tử này chứa nhóm trong thức A-lại-da dị thực là tướng của nhãn giới. Như tướng của nhãn giới, tướng của nhĩ tỷ thiết thân ý giới cũng vậy.

Tướng của sắc giới thể nào? Là sắc mắt từng hiện thấy và nhãn giới nơi đó tăng thượng là tướng của sắc giới. Như tướng của sắc giới, tướng của thanh hương vị xúc pháp giới cũng vậy.

Tướng của nhãn thức giới thể nào? Là y nhãn duyên sắc, liễu biệt tương tự sắc và chủng tử này chứa nhóm trong thức A-lại-da dị thực là tướng của nhãn thức giới. Như tướng của nhãn thức giới, tướng của nhĩ tỷ thiết thân ý thức giới cũng vậy.

Tướng của xứ thể nào? Nên biết như giới tùy theo thích ứng.

Sắc uẩn kiến lập thể nào? Là các sở hữu sắc như tứ đại chủng và những thứ do tứ đại chủng tạo ra. Thế nào là tứ đại chủng? Là địa giới, thủy giới hỏa giới phong giới. Những gì là địa giới? Là những gì có tính cứng. Những gì là thủy giới? Là những gì có tính ướt và trôi chảy. Những gì là hỏa giới? Là những gì có tính ấm nóng. Những gì là phong giới? Là những gì nhẹ và có tính động.

Thế nào là sở tạo sắc? Là nhãn căn nhĩ căn tỷ căn thiết căn thân căn, sắc thanh hương vị một phần của xúc, và pháp xứ sở nhiếp sắc. Những gì là nhãn căn? Là thanh tịnh sắc, sở y của nhãn thức, do tứ đại chủng tạo ra. Những gì là nhĩ căn? Là thanh tịnh sắc, sở y của nhĩ thức, do tứ đại chủng tạo ra. Những gì là tỷ căn? Là thanh tịnh sắc, sở

y của tỹ thức, do tứ đại chủng tạo ra. Những gì là thiết căn? Là thanh tịnh sắc, sở y của thiết thức, do tứ đại chủng tạo ra. Những gì là thân căn? Là thanh tịnh sắc, sở y của thân thức, do tứ đại chủng tạo ra.

Những gì là sắc? Là nghĩa sở hành của nhãn căn do tứ đại chủng tạo ra. Như xanh vàng đỏ trắng dài ngắn vuông tròn thô tế cao hạ chính bất chính, ánh sáng bóng tối mây khói bụi mù, hánh sắc biểu sắc không nhất hiển sắc. Lại có 3 thứ: sắc đẹp, sắc không đẹp và sắc trái với cả hai.

Những gì là thanh? Là nghĩa sở thủ của nhĩ căn do tứ đại chủng tạo ra, hoặc vừa ý hoặc không vừa ý hoặc trái với cả hai, hoặc chấp thụ đại chủng làm nhân hoặc không chấp thụ đại chủng làm nhân hoặc cả hai làm nhân, hoặc thế gian đã cực thành hoặc thành dẫn đến hoặc do biến kế khởi ra, hoặc gồm có lời Thánh nhân nói hoặc không có trong Thánh nhân nói.

Những gì là hương? Là nghĩa sở thủ của tỹ căn do tứ đại chủng tạo ra, như mùi thơm mùi hôi mùi bình thường mùi cùng tạo ra mùi hỗn hợp mùi đối khác.

Những gì là vị? Là nghĩa sở thủ của thiết căn do tứ đại chủng tạo ra, như đắng chua ngọt cay mặn nhạt, hoặc vừa ý hoặc không vừa ý hoặc trái cả hai, hoặc hòa hợp hoặc mùi đối khác.

Những gì là một phần của xúc? Là nghĩa sở thủ của thân căn do tứ đại chủng tạo ra, như tính trơn láng tính thô ráp, tính nặng tính nhẹ, tính nhuyễn, hoãn gấp lạnh đói khát no sức lực yếu ngọt ngạt ngứa bám dính bệnh già chết mệt mỏi hơi thở mạnh mẽ.

Những gì là pháp xứ sở nhiếp sắc? Phải biết có 5 thứ: cực lược sắc, cực hánh sắc, thụ sở dẫn sắc, biến kế sở khởi sắc, định tự tại sở sinh sắc.

Thụ uẩn kiến lập thế nào? Là 6 thụ thân do nhãn xúc sinh thụ, nhĩ xúc sinh thụ, tỹ xúc sinh thụ, thiết xúc sinh thụ, thân xúc sinh

thụ, ý xúc sinh thụ. Như vậy 6 thụ của thân, hoặc vui hoặc khổ hoặc không khổ không vui. Lại có lạc thân thụ, khổ thân thụ, không khổ không lạc thân thụ, lạc tâm thụ, khổ tâm thụ, không khổ không lạc tâm thụ. Lại có lạc hữu vị thụ, khổ hữu vị thụ, bất khổ bất lạc hữu vị thụ, lạc vô vị thụ, khổ vô vị thụ, bất khổ bất lạc vô vị thụ. Lại có lạc dựa vào đăm mê thụ, khổ dựa vào đăm mê thụ, không khổ không lạc dựa vào đăm mê thụ, lạc dựa vào xuất ly thụ, khổ dựa vào xuất ly thụ, không khổ không lạc dựa vào xuất ly thụ.

Những gì là thân thụ? Là 5 thức tương ưng thụ. Những gì là tâm thụ? Là ý thức tương ưng thụ. Những gì là hữu vị thụ? Là tự thể ái tương ưng thụ. Những gì là vô vị thụ? Là ái này không tương ưng thụ. Những gì là dựa vào đăm mê thụ? Là diệu ngũ dục ái tương ưng thụ. Những gì là dựa vào xuất ly thụ? Là ái này không tương ưng thụ.

Tướng uẩn kiến lập thế nào? Là 6 tướng thân, như nhãn xúc sinh tướng, nhĩ xúc sinh tướng, tỷ xúc sinh tướng, thiệt xúc sinh tướng, thân xúc sinh tướng, ý xúc sinh tướng. Do tướng này hoặc biết là có tướng hoặc biết là không có tướng, hoặc biết nhỏ hoặc biết lớn, hoặc biết vô lượng hoặc biết không có chút nào, không có chỗ nào.

Những gì là tướng có tướng? Là trừ những ngôn thuyết bất thiện, đó là định của vô tướng giới, định của Hữu định và các tướng khác.

Những gì là tướng không có tướng? Là các tướng khác. Những gì là tiểu tướng? Là những tướng chỉ biết Dục giới. Những gì là đại tướng? Là những tướng có thể biết Sắc giới. Những gì là vô lượng tướng? Là những tướng có thể biết Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ. Những gì là tướng không có chút gì, không có chỗ nào? Là những tướng có thể biết đến Vô sở hữu xứ.

Hành uẩn kiến lập thế nào? Là 6 tư thân, như nhãn xúc sinh tư, nhĩ xúc sinh tư, tỷ xúc sinh tư, thiệt xúc sinh tư, thân xúc sinh tư, ý

xúc sinh tư. Do các tư duy này mà tư duy làm các thiện, tư duy làm các tạp nhiễm, tư duy làm các phân vị sai biệt. Lại nữa, nơi các tư duy này trừ thụ và tương với các tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành, đều gọi chung là hành uẩn.

Những gì gọi là các tâm sở pháp? Đó là tác ý, xúc, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, tuệ, tín, tầm quý, không tham, không sân, không si, cần, an, không phóng dật, xả, không hại, tham, sân, mạn, vô minh, nghi, Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, kiến thủ, giới cầm thủ, tà kiến, phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuồng, siểm, kiêu, hại, không tầm, không quý, hôn trầm, trạo cử, không tin, lười biếng, phóng dật, mất niệm, không chính tri, tán loạn, me ngủ, làm điều xấu, tầm, tứ.

Những gì là tư? Là nơi tâm tạo tác ý nghiệp làm thể, trong thiện bất thiện vô ký nó điều khiển cái tâm làm nghiệp.

Những gì là tác ý? Là phát động cái tâm làm thể, trong cảnh sở duyên, giữ tâm làm nghiệp.

Những gì là xúc? Là dựa vào 3 thứ hòa hợp các căn biến đổi phân biệt làm thể, thụ sở y làm nghiệp.

Những gì là dục? Là đối với việc vui dẫn phát hy vọng làm thể, chính cần sở y làm nghiệp.

Những gì là thắng giải? Là đối với những việc quyết định, tùy chỗ quyết định ấn trị làm thể, không thể dẫn chuyển làm nghiệp.

Những gì là niệm? Là trong những việc tập quen khiến tâm ghi nhớ rõ ràng không quên làm thể, không tán loạn làm nghiệp.

Những gì là Tam-ma-địa? Là những việc sở quán khiến tâm trụ vào một cảnh làm thể, trí sở y chỉ làm nghiệp.

Những gì là tuệ? Là trong việc sở quán, trạch pháp làm thể, đoạn nghi làm nghiệp.

Những gì là tin? Là nơi hữu thể có đức, có công năng, nhẫn khả, thanh tịnh, hy vọng làm thể, lạc dục sở y làm nghiệp.

Những gì là tà? Là đối với tội lỗi, tự hổ thẹn là thể, sở y chắm dứt ác hành làm nghiệp.

Những gì là quý? Là đối với tội lỗi, xấu hổ với người làm thể, nghiệp của nó giống như đã nói ở tà.

Những gì là không tham? Là không đắm trước những gì mình có làm thể, ác hành không chuyển sở y làm nghiệp.

Những gì là không sân? Là đối với các khổ của hữu tình không giận làm thể, ác hành không chuyển sở y làm nghiệp.

Những gì là không si? Là do báo giáo chứng trí quyết trạch làm thể, ác hành không chuyển sở y làm nghiệp.

Những gì là cần? Là tâm dừng cảm làm thể, hoặc mặc áo giáp, hoặc gia hành, hoặc không hạ thấp, hoặc không thoái lui, hoặc không đủ, sai biệt thành mãn thiện phẩm làm nghiệp.

Những gì là an? Là thân tâm chắm dứt thô trọng, điều hòa thư thái làm thể, trừ bỏ tất cả chướng ngại làm nghiệp.

Những gì là không phóng dật? Là y chỉ chính cần, không tham không sân không si tu các thiện pháp, trong tâm phòng hộ các pháp hữu lậu làm thể, thành mãn tất cả phúc thể gian xuất thể gian làm nghiệp.

Những gì là xả? Là y chỉ chính cần, không tham không sân không si, trái với tạp nhiễm trụ, tâm bình đẳng tính, tâm chính trực tính, tâm vô công dụng trụ tính làm thể, không dung tạp nhiễm sở y làm nghiệp.

Những gì là không hại? Là không sân, một phần thiện căn tâm bi mãn làm thể, không tổn hại làm nghiệp.

Những gì là tham? Là 3 cõi ái làm thể, sinh các khổ làm nghiệp.

Những gì là sân? Là trong cái khổ và tâm làm nhân duyên sinh khởi khổ của hữu tình, giận dữ làm thể, không an ổn, trụ ác hành sở y làm nghiệp.

Những gì là mạn? Là y chỉ Tát-ca-da kiến, tâm cao cử làm thể, bất kính khổ sinh sở y làm nghiệp.

Những gì là vô minh? Là 3 cõi vô tri làm thể, trong các pháp tà quyết định nghi tạp sinh khởi sở y làm nghiệp.

Những gì là nghi? Là đối với đế lý do dự làm thể, thiện phẩm không sinh sở y làm nghiệp.

Những gì là Tát-ca-da kiến? Là trong 5 thủ uẩn, tùy quán chấp ngã và ngã sở, các nhãn dục giác quán kiến làm thể, tất cả kiến thú sở y làm nghiệp.

Những gì là biên chấp kiến? Là trong 5 thủ uẩn, tùy quán chấp đoạn hoặc chấp thường, các nhãn dục giác quán kiến làm thể, trong chương xứ hành xuất ly làm nghiệp.

Những gì là kiến thủ? Là trong các kiến và kiến sở y 5 thủ uẩn v.v..., tùy quán chấp là rất, là hơn, là trên, là tốt, các nhãn dục giác quán kiến làm thể, chấp bất chính kiến sở y làm nghiệp.

Những gì là giới cấm thủ? Là đối với các giới cấm và giới cấm sở y 5 thủ uẩn v.v..., tùy quán chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, các nhãn dục giác quán kiến làm thể, nhọc mà không kết quả làm nghiệp.

Những gì là tà kiến? Là hủy báng nhân hủy báng quả, hoặc hủy báng tác dụng, hoặc phá hoại sự thật, hoặc tà phân biệt, các nhãn dục giác quán kiến làm thể, đoạn thiện căn làm nghiệp và bất thiện căn kiên cố sở y làm nghiệp, bất thiện sinh khởi làm nghiệp, thiện không sinh khởi làm nghiệp.

Năm kiến chấp như vậy, bao nhiêu là tăng ích kiến, bao nhiêu là tổn giảm kiến? Bốn là tăng ích kiến. Nghĩa là vì trong cảnh sở tri tăng

ích tự tính và sai biệt. Ở trong các kiến tăng ích thứ nhất và thanh tịnh. Một là đa phần là tôn giảm kiến. Chấp các kiến của đời trước đời sau. Chúng ở trong mấy kiến của 5 kiến này? Hoặc 2 hoặc tất cả. Đối với những việc không thể ghi nhận trong các kiến thì chúng có bao nhiêu trong 5 kiến này? Hoặc 2 hoặc tất cả. Bạc-già-phạm quán lỗi gì mà trong uẩn giới xứ dùng 5 thứ tướng phá hủy chấp ngã? Do quán thấy chúng nhiếp thụ Tát-ca-da kiến có 5 lỗi. Đó là lỗi về khác tướng, lỗi về vô thường, lỗi về không tự tại, lỗi về không thân, lỗi về không do công dụng giải thoát. Trong 5 thủ uẩn có 20 câu về Tát-ca-da kiến. Đó là chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, ngã thuộc ta, ta ở trong sắc.

Trong các kiến đây bao nhiêu là ngã kiến, bao nhiêu là ngã sở kiến? Năm là ngã kiến. Mười lăm là ngã sở kiến. Vì lẽ gì 15 là ngã sở kiến? Vì nó tương ưng với ngã sở, tùy chuyển theo ngã sở, không tách rời ngã sở. Tát-ca-da kiến đối với sự việc có rõ ràng hay không rõ ràng? Phải nói là đối với sự việc nó không rõ ràng, như thấy cái dây mà cho là con rắn.

Những gì là phần? Là hiện tiền có tướng không lợi ích thì một phần giận, tâm nộ làm thể, cầm cây vung lên sở y làm nghiệp.

Những gì là hận? Là từ đây trở đi nơi một phần của giận ôm oán hờn không bỏ làm thể, không nhân sở y làm nghiệp.

Những gì là phú? Là khi mình làm lỗi, người khác nêu ra cho thấy, một phần của si che giấu làm thể, hối hận không an trụ sở y làm nghiệp.

Những gì là não? Trước tiên là phần hận, một phần của giận ở lại trong tâm làm thể, cử chỉ lời nói thô bạo sở y làm nghiệp, sinh khởi phi phúc làm nghiệp, chất chứa bất an làm nghiệp.

Những gì là tật? Là đấm trước lợi dưỡng không chịu được người khác phồn vinh, một phần của giận tâm đồ kỵ làm thể, khiến tâm rầu buồn chất chứa bất an làm nghiệp.

Những gì là xan? Là đắm trước lợi dưỡng, đối với phương tiện cho đời sống có một phần của tham, tâm keo kiệt làm thể, sở y của không xả bỏ làm nghiệp.

Những gì là cuồng? Là tham đắm lợi dưỡng, một phần của tham và si, đối trá hiện công đức không thật làm thể, sở y của tà mạng làm nghiệp.

Những gì là siểm? Là tham đắm lợi dưỡng, một phần của tham và si, giả lập phương tiện che giấu sự thật tội lỗi làm thể, trở ngại việc giáo thụ chân chính làm nghiệp.

Những gì là kiêu? Là hoặc dựa vào tướng trẻ tuổi không bệnh tật sống lâu, hoặc được một trong những vinh lợi hữu lậu, một phần của tham khiến tâm vui mừng hãnh diện làm thể, tất cả phiền não và tùy phiền não sở y làm nghiệp.

Những gì là hại? Là một phần của giận, không thương, không xót làm thể, tổn hại hữu tình làm nghiệp.

Những gì là vô tâm? Là thuộc về tham sân si, đối với tội lỗi không tự hổ thẹn làm thể, tất cả phiền não và tùy phiền não trợ bạn làm nghiệp.

Những gì là quý? Là thuộc tham sân si, đối với tội lỗi không xấu hổ với người làm thể, tất cả phiền não và tùy phiền não trợ bạn làm nghiệp.

Những gì là hôn trầm? Là thuộc về ngu si, tâm không kham làm một việc gì làm thể, chương Ti-bát-xá-na làm nghiệp.

Những gì là trạo cử? Là thuộc tham dục, tùy tướng niệm tịnh, tâm không vắng lặng làm thể, chương Xa-ma-tha làm nghiệp.

Những gì là bất tín? Là thuộc ngu si, đối với các thiện pháp tâm không chấp nhận, tâm không thanh tịnh không hy vọng làm thể, sở y của lười biếng làm nghiệp.

Những gì là lười biếng? Là thuộc ngu si, thích nằm dật nằm dựa ngủ nghê, không cố gắng làm thể, chướng tu phương tiện thiện phẩm làm nghiệp.

Những gì là phóng dật? Là dựa vào lười biếng và tham sân si không tu thiện pháp, đối với pháp hữu lậu tâm không ngăn ngừa làm thể, sở y của tăng ác tổn thiện làm nghiệp.

Những gì là quên mất niệm? Là các niệm tương ưng phiền não làm thể, sở y của tán loạn làm nghiệp.

Những gì là bất chính tri? Là tuệ tương ưng các phiền não làm thể, do tuệ này nên khởi bất chính tri, thân ngữ tâm hành hủy sở y làm nghiệp.

Những gì là tán loạn? Là thuộc tham sân si, tâm lưu tán làm thể. Đây lại có 6 thứ là: tự tính tán loạn, ngoại tán loạn, nội tán loạn, tướng tán loạn, thô trọng tán loạn, và tác ý tán loạn.

Thế nào là tự tính tán loạn? Là 5 thức thân. Thế nào là ngoại tán loạn? Là khi chính tu thiện, đối với 5 diệu dục tâm giống ruồi tán loạn. Thế nào là nội tán loạn? Là khi chính tu thiện, đả trước đạo vị. Thế nào là tướng tán loạn? Là vì người quy tín, tỏ ra kiêu kỳ tu thiện. Thế nào là thô trọng tán loạn? Là dựa vào chấp ngã ngã sở và sức ngã mạn phẩm thô trọng, nên khi tu thiện pháp đối với các thụ đã sinh khởi, khởi ngã ngã sở và cùng với ngã mạn chấp thụ thủ tướng xen tạp. Thế nào là tác ý tán loạn? Là dựa vào các thừa các định, hoặc y hoặc nhập, có những lưu tán có thể chướng ly dục làm nghiệp.

Những gì là thùy miên? Là dựa vào thùy miên nội duyên, thuộc ngu si tâm rất sơ suất làm thể, hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký, hoặc thời hoặc phi thời, hoặc hợp hoặc không hợp, vượt mất khả năng tác sự sở y làm nghiệp.

Những gì là ố tác? Là dựa vào thích làm không thích làm, nên làm không nên làm, thuộc ngu si phân, tâm truy hồi làm thể, hoặc

thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký, hoặc phải thời hoặc không phải thời, hoặc vậy hoặc không vậy, có thể cưỡng tâm trụ làm nghiệp.

Những gì là tâm? Là hoặc dựa vào tư, hoặc dựa vào tuệ, tìm cầu ý ngôn, khiến tâm thô chuyển làm thể.

Những gì là tứ? Là hoặc dựa vào tư hoặc dựa vào tuệ dò xét ý ngôn, khiến tâm tế chuyển làm thể. Như vậy 2 thứ này an trụ bất an trụ sở y làm nghiệp.

Lại nữa, các thiện tâm sở đoạn tự sở trị làm nghiệp, phiền não tùy phiền não chướng tự năng trị làm nghiệp.

Những gì là tâm bất tương ưng hành? Là đắc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thể tốc, thứ đệ, thời, phương, số, hòa hợp v.v...

Những gì là đắc? Là trong pháp thiện bất thiện vô ký hoặc tăng hoặc giảm giả lập đạt được thành tựu.

Những gì là vô tướng định? Là tướng xuất ly đã lia dục của Biến tịnh, chưa lia dục cõi trên. Những gì là đắc? Là vì tác ý làm trước, nên diệt tâm tâm sở không hằng hành, giả lập định vô tướng.

Những gì là diệt tận định? Là đã lia dục của Vô sở hữu xứ, vượt quá Hữu định tạm dứt tướng. Vì tác ý làm trước, nên diệt tâm tâm sở không hằng hành và một phần tâm tâm sở không hằng hành, giả lập định diệt tận.

Những gì là vô tướng dị thực? Là đã sinh trong hữu tình trời Vô tướng, trong tâm tâm sở không hằng hành diệt, giả lập vô tướng dị thực.

Những gì là mạng căn? Là ở trong chúng đồng phần được nghiệp trước dắt dẫn, trụ thời quyết định giả lập mạng căn.

Những gì là chúng đồng phần? Là những loài hữu tình như vậy như vậy trong nhiều chủng loại tự thể tương tự giả lập chúng đồng phần.

Những gì là sinh? Là trong chúng đồng phần, các hành vốn không nay có, giả lập là sinh.

Những gì là lão? Là trong chúng đồng phần, các hành liên tục đổi khác, giả lập là lão.

Những gì là trụ? Là trong chúng đồng phần, các hành liên tục biến hoại, giả lập là trụ.

Những gì là vô thường? Là trong chúng đồng phần, các hành liên tục biến hoại, giả lập là vô thường.

Những gì là danh thân? Là trong các pháp tự tính tăng lời nói, giả lập ra tên gọi.

Những gì là cú thân? Là trong các pháp sai biệt tăng lời nói, giả lập ra câu nói.

Những gì là văn thân? Là trong 2 kia dựa nơi chữ, giả lập ra câu văn. Đây nói văn là có thể làm rõ 2 kia. Đây cũng gọi là hiển, vì có thể hiển thị nghĩa của chúng. Đây cũng gọi là chữ vì chuyển đổi không khác.

Những gì là dị sinh tính? Là trong Thánh pháp không được, giả lập dị sinh tính.

Những gì là lưu chuyển? Là nhân quả liên tục không dứt, giả lập lưu chuyển.

Những gì là định dị? Là nhân quả mỗi thứ mỗi thứ khác nhau, giả lập định dị.

Những gì là tương ưng? Là ở nơi nhân quả tương xứng, giả lập tương ưng.

Những gì là thế tốc? Là nơi nhân quả lưu chuyển nhanh chóng, giả lập thế tốc.

Những gì là thứ đệ? Là trong nhân quả mỗi mỗi lưu chuyển, giả lập thứ đệ.

Những gì là thời? Là trong nhân quả lưu chuyển liên tục, giả lập là thời.

Những gì là phương? Là trong Đông Tây Nam Bắc, 4 phương bàng và trên dưới, nhân quả sai biệt, giả lập là phương.

Những gì là số? Là trong các hành mỗi mỗi sai biệt, giả lập là số.

Những gì là hòa hợp? Là trong nhân quả các duyên hội lại, giả lập hòa hợp.

Thức uẩn kiến lập thế nào? Là tâm ý thức khác nhau.

Những gì là tâm? Là cái mà uẩn, giới, xứ huân tập vào, là A-lại-da nhất thiết chủng tử thức, cũng gọi dị thực thức. Cũng gọi A-đà-na thức, vì nó có công năng chứa nhóm các tập khí.

Những gì là ý? Là tất cả mọi lúc nó duyên thức A-lại-da suy tư lường đặc làm tính, hằng tương ưng với 4 phiền não là ngã kiến, ngã ái, ngã mạn và vô minh. Ý này phổ biến khắp tất cả vị thiện bất thiện và vô ký, chỉ trừ Thánh đạo hiện tiền, nếu ở trong định diệt tận và trong vô học địa, lại nữa 6 thức lấy vô gián diệt thức làm ý.

Những gì là thức? Là 6 thức thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Những gì là nhãn thức? Là dựa vào nhãn duyên sắc liễu biệt làm tính.

Những gì là nhĩ thức? Là dựa vào nhĩ duyên thanh liễu biệt làm tính.

Những gì là tỹ thức? Là dựa vào tỹ duyên hương liễu biệt làm tính.

Những gì là thiết thức? Là dựa vào thiết duyên vị liễu biệt làm tính.

Những gì là thân thức? Là dựa vào thân duyên xúc liễu biệt làm tính.

Những gì là ý thức? Là dựa vào ý duyên pháp liễu biệt làm tính.

Giới kiến lập thế nào? Là sắc uẩn, tức 10 giới: nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, thanh giới, tỹ giới, hương giới, thiết giới, vị giới, thân giới, xúc giới và một phần ý giới. Thụ uẩn, tướng uẩn, hành uẩn, tức một phần của pháp giới. Thức uẩn tức 7 thức giới, nghĩa là nhãn v.v...6 thức giới và ý giới.

Những gì giới pháp uẩn không bao gồm? Là các pháp vô vi trong pháp giới. Pháp vô vi này lại có 8 thứ. Đó là thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như, hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động và tướng thụ diệt.

Những gì là thiện pháp chân như? Là tính vô ngã. Cũng gọi là tính không, là pháp giới vô tướng thật tế thắng nghĩa. Vì sao chân như được gọi là chân như? Là vì tự tính của nó không biến đổi. Vì sao chân như gọi là tính vô ngã? Vì lia 2 ngã. Vì sao chân như gọi là tính không? Vì tất cả tạp nhiễm không hiện hành. Vì sao chân như gọi là vô tướng? Vì tất cả tướng đều vắng lặng. Vì sao chân như gọi là thật tế? Vì tính không điên đảo sở duyên. Vì sao chân như gọi là thắng nghĩa? Vì là nơi sở hành của Thánh trí tối thắng. Vì sao chân như gọi là pháp giới? Vì là tướng sở y của diệu pháp của tất cả Thanh Văn, Độc Giác, chư Phật. Giống như thiện pháp chân như, phải biết bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như cũng như vậy.

Những gì là hư không? Là tính vô sắc vì dung nhận tất cả sở tác nghiệp.

Những gì là phi trạch diệt? Là diệt không ly hệ.

Những gì là trạch diệt? Là diệt là ly hệ.

Những gì là bất động? Là đã lia dục của Biến tịnh, chưa lia dục khổ lạc diệt của cõi trên.

Những gì là tướng thụ diệt? Là đã lia dục của Vô sở hữu xứ, vượt quá tướng tạm dứt của Hữu đỉnh, vì tác ý làm trước nên diệt các tâm tâm sở không hằng hành, và diệt một phần tâm tâm sở hằng hành. Lại nữa hoặc 5 thứ sắc, hoặc thụ tướng hành uẩn và 8 pháp vô vi nói ở đây, như vậy gọi chung 16 tên là pháp giới.

Xứ kiến lập thế nào? Là 10 sắc giới, tức 10 sắc xứ. Bảy thức giới tức ý xứ. Pháp giới, tức pháp xứ.

Do đạo lý này thâm nhiếp 3 pháp các uẩn giới xứ. Tức là sắc uẩn, pháp giới, ý xứ. Như nói nhãn và nhãn giới. Nếu có nhãn cũng là nhãn giới ư? Nếu có nhãn giới cũng là nhãn ư? Hoặc có nhãn chẳng phải nhãn giới, tức tối hậu nhãn của A-la-hán. Hoặc có nhãn giới chẳng phải nhãn, tức như khi ở trong trứng, trong Yết-la-lam, trong Át-bộ-đàm, trong Bé-thi, trong bụng mẹ, hoặc không có nhãn, có rồi mất, hoặc sinh vô sắc dị sinh có nhãn nhân. Hoặc có nhãn cũng là nhãn giới, tức như các vị khác. Hoặc có trường hợp không nhãn không nhãn giới, nghĩa là như đã nhập vô dư y Niết-bàn giới và các Thánh giả sinh cõi Vô sắc. Giống như nhãn và nhãn giới, nhĩ tỷ thiết thân với nhĩ giới v.v... tùy chỗ thích ứng đều phải biết. Nếu có ý cũng là ý giới ư? Nếu có ý giới cũng là ý ư? Hoặc có ý chẳng phải ý giới, tức tối hậu ý của A-la-hán. Hoặc có ý giới chẳng phải ý, tức như người ở trong diệt định có ý nhân. Hoặc có ý cũng là ý giới, tức như các vị khác. Hoặc có trường hợp không ý không ý giới, nghĩa là đã nhập vô dư y Niết-bàn giới. Nếu sinh trưởng cõi kia tức dùng nhãn của địa kia lại thấy sắc của địa kia ư? Hoặc có dùng nhãn của địa kia lại thấy sắc của địa kia. Hoặc lại các địa khác, nghĩa là sinh trưởng

cõi Dục dùng sắc triền nhãn thấy cái Dục triền sắc. Hoặc dùng sắc triền thượng địa nhãn thấy cái hạ địa sắc. Giống như lấy nhãn đối sắc, cũng vậy lấy nhĩ đối thanh. Giống như sinh trưởng cõi Dục, sinh trưởng cõi Sắc cũng vậy. Nếu sinh trưởng cõi Dục tức lấy Dục triền tỷ thiết thân lại ngữ nếm biết các Dục triền hương vị xúc. Nếu sinh trưởng Sắc giới, tức Sắc triền thân lại cảm giác cái xúc của tự địa. Tự tính cõi kia chắc chắn không có hương vị, vì đã lìa cái tham của đoàn thực. Do đạo lý này cũng không có tỷ thiết 2 thức. Nếu sinh trưởng cõi Dục tức dùng Dục triền ý biết pháp 3 cõi và pháp vô lậu. Giống như sinh trưởng cõi Dục, sinh trưởng cõi Sắc cũng như vậy. Nếu sinh trưởng cõi Vô sắc dùng Vô sắc triền ý biết pháp Vô sắc triền tự địa và pháp vô lậu. Nếu dùng vô lậu ý biết pháp 3 cõi và pháp vô lậu thì vì sao các uẩn theo thứ tự như vậy? Do thức trụ nên gọi 4 thức trụ và thức. Lại nữa trước là y cứ của sau cho nên như có sắc tướng nên có lãnh thọ, có lãnh thọ nên có liễu tri, có liễu tri nên có tư tác, có tư tác thì tùy theo đó có minh liễu phân biệt.

Lại nữa do nhiễm ô thanh tịnh, nghĩa là nếu ở nơi này mà khởi nhiễm tịnh, nếu do lãnh thọ thủ tướng tạo tác nên nhiễm ô thanh tịnh thì hoặc nhiễm ô hoặc thanh tịnh. Do đạo lý này mà nói thứ tự của uẩn.

Vì sao các giới theo thứ tự như vậy? Là do thể sự sai biệt chuyển. Thế nào là thể sự sai biệt chuyển? Nghĩa là người đời lần đầu gặp nhau, gặp nhau rồi hỏi han, hỏi han rồi thụ nhận mộc dục đồ hương tràng hoa, rồi thụ các thức thượng diệu ẩm thực, rồi thụ các thứ ngọa cụ thị nữ. Nhiên hậu ý giới xứ xứ phân biệt, dùng nội giới tuần tự nên kiến lập ngoại giới, tùy theo tuần tự này kiến lập thức giới. Giống như giới tuần tự, xứ giới cũng như vậy.

Nghĩa của uẩn thế nào? Các sở hữu sắc hoặc quá khứ hoặc vị lai hoặc hiện tại, hoặc nội hoặc ngoại, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, کیا tất cả lược nói là một sắc uẩn. Vì

nghĩa chứa nhóm như chứa nhóm của cái, như vậy cho đến thức uẩn. Lại nữa khổ tướng rộng lớn nên gọi là uẩn, như đại tài uẩn như khế kinh nói: Như vậy thuần đại khổ uẩn nhóm họp. Lại nữa gánh vác tạp nhiễm gọi là uẩn, như vai gánh vác.

Nghĩa của giới thế nào? Là nghĩa chủng tử của tất cả pháp, lại có thể giữ nghĩa của tự tướng, lại có thể giữ nghĩa của tính nhân quả, lại gìn giữ nghĩa sai biệt của tất cả pháp.

Nghĩa của xứ thế nào? Nghĩa của thức sinh trưởng môn là nghĩa của xứ.

Như Phật đã nói sắc như bọt nước, thụ như bong bóng nước, tướng như sóng nắng, hành như lá chuối, thức như ảo hóa. Dùng nghĩa gì mà nói sắc như bọt nước tụ cho đến thức như ảo hóa? Dùng nghĩa vô ngã, lìa tịnh.

HẾT QUYỂN 1

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 2

Phẩm 1 - 2: PHẨM BA PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

*Tính thật hữu ... sở tri ...,
Sắc ... lậu ... với đã sinh,
Đời quá khứ ... các duyên ...
Thế nào, mấy thứ, nghĩa?*

Trong uẩn giới xứ thế nào là thật hữu? Có bao nhiêu thật hữu? Vì nghĩa gì quán thật hữu? Nghĩa là không đợi đến danh ngôn, bao nhiêu căn cảnh đây là nghĩa của thật hữu. Tất cả đều là thật hữu. Để xả bỏ chấp trước thật có ngã nên quán sát thật hữu.

Thế nào là giả hữu? Có bao nhiêu giả hữu? Vì nghĩa gì mà quán giả hữu? Nghĩa là đợi danh ngôn các căn cảnh này là nghĩa của giả hữu, tất cả đều là giả hữu. Để xả bỏ chấp trước thật có ngã nên quán sát giả hữu.

Thế nào là thế tục hữu? Có bao nhiêu thế tục hữu? Vì nghĩa gì mà quán thế tục hữu? Nghĩa là tạp nhiễm sở duyên là nghĩa của thế tục hữu. Tất cả đều là thế tục hữu. Để xả bỏ chấp trước tạp nhiễm tướng ngã nên quán sát thế tục hữu.

Thế nào là thắng nghĩa hữu? Có bao nhiêu thắng nghĩa hữu? Vì nghĩa gì mà quán thắng nghĩa hữu? Nghĩa là thanh tịnh sở duyên là

thắng nghĩa hữu. Tất cả đều là thắng nghĩa hữu. Để xả bỏ chấp trước thanh tịnh tướng ngã nên quán sát thắng nghĩa hữu.

Thế nào là sở tri? Có bao nhiêu sở tri? Vì nghĩa gì mà quán sở tri? Sở tri có 5 thứ: 1. Sắc. 2. Tâm. 3. Tâm sở hữu pháp. 4. Tâm bất tương ưng hành. 5. Vô vi. Hoặc ở nơi này là tạp nhiễm thanh tịnh, hoặc sở tạp nhiễm và sở thanh tịnh, hoặc năng tạp nhiễm và năng thanh tịnh, hoặc nơi phần vị này, hoặc đây là tính thanh tịnh, do dựa vào đây nên tất cả đều là sở tri.

Trong đây, sắc là sắc uẩn, là 10 sắc giới, 10 sắc xứ và các sắc gồm trong pháp giới pháp xứ.

Tâm là thức uẩn, là 7 thức giới và ý thức.

Tâm sở hữu pháp là thụ uẩn, tưởng uẩn, tương ưng hành uẩn và một phần của pháp giới pháp xứ.

Tâm bất tương ưng hành là tâm bất tương ưng hành uẩn và một phần của pháp giới pháp xứ.

Vô vi là một phần của pháp giới pháp xứ.

Lại nữa, pháp sở tri là thắng giải trí sở hành, đạo lý trí sở hành, bất tán trí sở hành, nội chứng trí sở hành, tha tính trí sở hành, hạ trí sở hành, thượng trí sở hành, yếm hoạn trí sở hành, bất khởi trí sở hành, vô sinh trí sở hành, trí trí sở hành, cứu cánh trí sở hành, đại nghĩa trí sở hành, đó là nghĩa của sở tri, tất cả đều là sở tri. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tri ngã kiến nên quán sát sở tri.

Thế nào là sở thức? Có bao nhiêu sở thức? Vì nghĩa gì mà quán sở thức? Nghĩa là không phân biệt, có phân biệt, nhân, chuyên, tướng, tướng sở sinh, năng trị sở trị, vi tế sai biệt, là nghĩa của sở thức, tất cả đều là sở thức. Để xả bỏ chấp trước cái ngã năng kiến v.v... nên quán sát sở thức.

Thế nào là sở thông đạt? Có bao nhiêu sở thông đạt? Vì nghĩa gì mà quán sở thông đạt? Đó là chuyên biến, là tùy văn, là nhập hành, là đến, là đi, là xuất ly là nghĩa của sở thông đạt. Tất cả đều là sở thông đạt. Để xả bỏ chấp trước có cái ngã có uy đức nên quán sát sở thông đạt.

Thế nào là hữu sắc? Có bao nhiêu hữu sắc? Vì nghĩa gì mà quán hữu sắc? Đó là tự tính của sắc, là dựa vào đại chủng, là hỷ tập, là có phương sở, là xứ biến khắp, có thể nói phương sở, có phương xứ đi đến, 2 cùng đồng hành, thuộc vào nhau, theo đuổi, hiển rõ, biến hoại, hiển thị, chứa nhóm kiến lập, ngoại môn nội môn, lâu xa, phần hạn, tạm thời, thị hiện là nghĩa của hữu sắc. Tất cả đều là hữu sắc. Tùy chỗ thích ứng để xả bỏ chấp trước cái ngã hữu sắc nên quán sát hữu sắc.

Thế nào là vô sắc? Có bao nhiêu vô sắc? Vì nghĩa gì mà quán vô sắc? Đó là trái nghịch với hữu sắc là nghĩa vô sắc. Tất cả đều là vô sắc. Tùy chỗ thích ứng, để xả bỏ chấp trước cái ngã vô sắc nên quán sát vô sắc.

Thế nào là hữu kiến? Có bao nhiêu hữu kiến? Vì nghĩa gì mà quán hữu kiến? Đó là cảnh sở hành của nhãn là nghĩa của hữu kiến. Còn những sai biệt khác như đã nói trong hữu sắc. Tất cả đều là hữu kiến. Hoặc tùy chỗ thích ứng, để xả bỏ chấp trước nhãn cảnh ngã nên quán sát hữu kiến.

Thế nào là vô kiến? Có bao nhiêu vô kiến? Vì nghĩa gì mà quán vô kiến? Đó là trái với hữu kiến là nghĩa của vô kiến. Tất cả đều là vô kiến. Hoặc tùy chỗ thích ứng, để xả bỏ chấp trước phi nhãn cảnh ngã nên quán sát vô kiến.

Thế nào là hữu đối? Có bao nhiêu hữu đối? Vì nghĩa gì mà quán hữu đối? Đó là các hữu kiến đều là hữu đối. Lại nữa vì 3 nhân nên nói là hữu đối. Đó là chủng loại, là tích tập, là không tu trị. Chủng

loại là các sắc pháp làm năng ngại và sở ngại cho nhau. Tích tập là từ cực vi trở lên. Không tu trị là không phải Tam-ma-địa tự tại chuyên sắc. Lại nữa y xứ của tổn hại là nghĩa của hữu đối. Tất cả đều là hữu đối. Hoặc tùy chỗ thích ứng, để xả bỏ chấp trước bất biến hành ngã nên quán sát hữu đối.

Thế nào là vô đối? Có bao nhiêu vô đối? Vì nghĩa gì mà quán vô đối? Đó là trái nghịch với hữu đối là nghĩa của vô đối. Tất cả đều là vô đối. Hoặc tùy chỗ thích ứng, để xả bỏ chấp trước biến hành ngã nên quán sát vô đối.

Thế nào là hữu lậu? Có bao nhiêu hữu lậu? Vì nghĩa gì mà quán hữu lậu? Đó là tự tính của lậu, tương thuộc của lậu, bị trói buộc của lậu, tùy thuộc của lậu, tùy thuận của lậu, chủng loại của lậu là nghĩa của lậu. Năm thủ uẩn, toàn 15 giới 10 xứ và một phần ít của 3 cõi 2 xứ là hữu lậu. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp với lậu nên quán sát hữu lậu.

Thế nào là vô lậu? Có bao nhiêu vô lậu? Vì nghĩa gì mà quán vô lậu? Đó là trái nghịch với hữu lậu là nghĩa vô lậu. Toàn 5 vô thủ uẩn, và một phần ít của 3 cõi 2 xứ là vô lậu. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tách rời lậu nên quán sát vô lậu.

Thế nào là hữu tránh? Có bao nhiêu hữu tránh? Vì nghĩa gì mà quán hữu tránh? Là dựa vào tham sân si mà cầm dao gây nổi lên tranh cãi, tự tính của nó, sự tùy thuộc lẫn nhau, sự trói buộc, sự tùy theo, sự tùy thuận, chủng loại của nó là nghĩa của hữu tránh. Cho đến hữu lậu hữu nhĩ sở lượng, hữu tránh cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp với tranh cãi nên quán sát hữu tránh.

Thế nào là vô tránh? Có bao nhiêu vô tránh? Vì nghĩa gì mà quán vô tránh? Trái nghịch với hữu tránh là nghĩa vô tránh. Cho đến vô lậu hữu nhĩ sở lượng, vô tránh cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tách rời với tranh cãi nên quán sát vô tránh.

Thế nào là hữu nhiễm? Có bao nhiêu hữu nhiễm? Vì nghĩa gì mà quán hữu nhiễm? Là dựa vào tham sân si nên nhiễm trước tự thân hậu hữu, tự tính của nó, sự tùy thuộc lẫn nhau, sự trói buộc, sự theo đuổi, sự tùy thuận, chủng loại của nó là nghĩa của hữu nhiễm. Cho đến hữu tránh hữu nhĩ sở lượng, hữu nhiễm cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp với nhiễm nên quán sát hữu nhiễm.

Thế nào là vô nhiễm? Có bao nhiêu vô nhiễm? Vì nghĩa gì mà quán vô nhiễm? Trái nghịch với hữu nhiễm là nghĩa vô vô nhiễm. Cho đến vô tránh hữu nhĩ sở lượng, vô nhiễm cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lìa nhiễm nên quán sát vô nhiễm.

Thế nào là dựa vào thèm muốn đam mê? Có bao nhiêu dựa vào thèm muốn đam mê? Vì nghĩa gì mà quán dựa vào thèm muốn đam mê? Nghĩa là dựa vào tham sân si nên nhiễm trước 5 dục, tự tính của nó, sự tương thuộc, sự trói buộc, sự theo đuổi, sự tùy thuận, chủng loại của nó là nghĩa của dựa vào thèm muốn đam mê, cho đến hữu nhiễm hữu nhĩ sở lượng, dựa vào thèm muốn đam mê cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp với thèm muốn đam mê nên quán sát dựa vào thèm muốn đam mê.

Thế nào là dựa vào xuất ly? Có bao nhiêu y xuất ly? Vì nghĩa gì mà quán y xuất ly? Trái nghịch với thèm muốn đam mê là nghĩa của y xuất ly. Cho đến vô nhiễm hữu nhĩ sở lượng, xuất ly cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tách rời thèm muốn đam mê nên quán sát xuất ly.

Thế nào là vô vi? Có bao nhiêu vô vi? Vì nghĩa gì mà quán vô vi? Trái nghịch với hữu vi là nghĩa vô vi. Một phần của pháp giới pháp xứ là vô vi. Để xả bỏ chấp trước cái ngã thường trụ nên quán sát vô vi.

Năm uẩn vô thủ nên nói là hữu vi hay nên nói là vô vi? Không nên nói nó là hữu vi hay vô vi. Bởi vì sao? Các nghiệp phiền não là

không làm nên không nên nói là hữu vi, tùy ý muốn mà hiện tiền hay không hiện tiền nên không nên nói là vô vi. Như Thế Tôn nói pháp có 2 thứ là hữu vi và vô vi. Sao nay nói pháp này chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi? Nếu do nghĩa này gọi là hữu vi thì không lấy nghĩa này nói là vô vi. Nếu do nghĩa này nói là vô vi thì không lấy nghĩa này nói là hữu vi. Căn cứ đạo lý này chỉ nói 2 thứ.

Thế nào là thế gian? Có bao nhiêu thế gian? Vì nghĩa gì mà quán thế gian? Là bao gồm 3 cõi, và trí xuất thế hậu sở đắc tương tự nó hiển hiện là nghĩa của thế gian. Một phần các uẩn, toàn phần 15 giới 10 xứ, và một phần 3 cõi 2 xứ là thế gian. Để xả bỏ chấp trước cái ngã dựa vào thế gian nên quán sát thế gian.

Thế nào là xuất thế? Có bao nhiêu xuất thế? Vì nghĩa gì mà quán xuất thế? Là năng đối trị 3 cõi, vì không điên đảo, không hý luận, không phân biệt là nghĩa của xuất thế gian vô phân biệt. Lại nữa xuất thế hậu sở đắc cũng gọi là xuất thế. Y chỉ xuất thế nên là nghĩa của xuất thế. Một phần của các uẩn và một phần của 3 cõi 2 xứ là xuất thế. Để xả bỏ chấp trước cái ngã độc lập tồn tại nên quán sát xuất thế.

Thế nào là đã sinh? Có bao nhiêu là đã sinh? Vì nghĩa gì mà quán đã sinh? Quá khứ, hiện tại là nghĩa của đã sinh. Tất cả, một phần là đã sinh. Để xả bỏ chấp trước phi thường ngã nên quán sát đã sinh. Lại nữa có 24 thứ đã sinh, đó là đã sinh mới bắt đầu, liên tục đã sinh, nuôi lớn đã sinh, nương tựa đã sinh, chuyển biến đã sinh, thành thực đã sinh, thoái đọa đã sinh, thắng tiến đã sinh, thanh tịnh đã sinh, không thanh tịnh đã sinh, vận chuyển đã sinh, có chủng đã sinh, không chủng đã sinh, ảnh tượng tự tại thị hiện đã sinh, phát triển đã sinh, sát-na hoại đã sinh, chia tan đã sinh, vị khác đã sinh, sinh tử đã sinh, thành hoại đã sinh, thời trước đã sinh, thời điểm chết đã sinh, thời gian giữa đã sinh, thời gian nối tiếp đã sinh.

Thế nào là chẳng phải đã sinh? Có bao nhiêu là chẳng phải đã sinh? Vì nghĩa gì mà quán chẳng phải đã sinh? Vị lai và pháp vô vi là nghĩa của chẳng phải đã sinh. Tất cả, một phần là chẳng phải đã sinh. Để xả bỏ chấp trước cái ngã thường trụ nên quán sát chẳng phải đã sinh. Lại nữa trái nghịch với đã sinh là nghĩa của chẳng phải đã sinh.

Thế nào là năng thủ? Có bao nhiêu là năng thủ? Vì nghĩa gì mà quán năng thủ? Các sắc căn và tâm tâm sở là nghĩa năng thủ. Toàn 3 uẩn, một phần của sắc hành uẩn, toàn 12 giới 6 xứ, và một phần pháp giới pháp xứ là năng thủ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã năng thụ dụng nên quán sát năng thủ. Lại nữa năng thủ có 4 thứ: không đến năng thủ, đến năng thủ, tự tướng hiện tại cảnh giới khác biệt năng thủ, tự tướng cộng tướng tất cả thời tất cả cảnh giới năng thủ. Lại nữa do hòa hợp thức v.v... sinh ra nên giả lập năng thủ.

Thế nào là sở thủ? Có bao nhiêu là sở thủ? Vì nghĩa gì mà quán sở thủ? Nghĩa là các năng thủ cũng là sở thủ. Hoặc có sở thủ chẳng phải năng thủ. Tức là chỉ là nghĩa thủ sở hành. Tất cả đều là sở thủ. Để xả bỏ chấp trước cảnh giới ngã nên quán sát sở thủ.

Thế nào là ngoại môn? Có bao nhiêu là ngoại môn? Vì nghĩa gì mà quán ngoại môn? Nghĩa là pháp trời buộc cõi Dục là nghĩa của ngoại môn, trừ căn cứ vào Phật dạy được sinh văn tư tuệ và tùy pháp hành gồm trong tâm tâm sở v.v... toàn 4 giới 2 xứ và một phần những cái khác, những gì bao gồm trong cõi Dục là ngoại môn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã không lìa dục nên quán sát ngoại môn.

Thế nào là nội môn? Có bao nhiêu là nội môn? Vì nghĩa gì mà quán nội môn? Nghĩa là trái nghịch với ngoại môn là nghĩa của nội môn, trừ toàn 4 giới 2 xứ và một phần những cái khác là nội môn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lìa dục nên quán sát nội môn.

Thế nào là nhiễm ô? Có bao nhiêu là nhiễm ô? Vì nghĩa gì mà quán nhiễm ô? Nghĩa là pháp bất thiện và hữu phú vô ký là nghĩa của

nhiễm ô. Hữu phú vô ký là biến hành ý tương ưng phiền não v.v... và các phiền não ràng buộc cõi Sắc, Vô sắc v.v..., một phần các uẩn 10 giới 4 xứ là nhiễm ô. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp phiền não nên quán sát nhiễm ô.

Thế nào là không nhiễm ô? Có bao nhiêu là không nhiễm ô? Vì nghĩa gì mà quán không nhiễm ô? Nghĩa là pháp thiện và vô phú vô ký là nghĩa của không nhiễm ô. Toàn 8 giới 8 xứ, một phần các uẩn và các giới xứ khác là không nhiễm ô. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lia phiền não nên quán sát không nhiễm ô.

Thế nào là quá khứ? Có bao nhiêu là quá khứ? Vì nghĩa gì mà quán quá khứ? Nghĩa là tự tướng đã sinh đã diệt, nhân quả đã thụ dụng, công dụng nhiễm tịnh đã hết, nhiếp nhân đã hoại, quả và tự tướng hữu phi hữu, tướng ức niệm phân biệt, tướng luyến ái tạp nhiễm, tướng xả thanh tịnh là nghĩa của quá khứ. Tất cả, một phần là quá khứ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lưu chuyển nên quán sát quá khứ.

Thế nào là vị lai? Có bao nhiêu là vị lai? Vì nghĩa gì mà quán vị lai? Nghĩa là có nhân chẳng phải đã sinh, chưa được tự tướng, nhân quả chưa thụ dụng, tính tạp nhiễm thanh tịnh chưa hiện tiền, nhân và tự tướng hữu phi hữu, ít tướng tạp nhiễm, không ít tướng thanh tịnh là nghĩa của vị lai. Tất cả, một phần là vị lai. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lưu chuyển nên quán sát vị lai.

Thế nào là hiện tại? Có bao nhiêu là hiện tại? Vì nghĩa gì mà quán hiện tại? Nghĩa là tự tướng đã sinh chưa diệt, nên nhân quả thụ dụng chưa thụ dụng, tạp nhiễm thanh tịnh chính hiện tiền, có thể hiển tướng quá khứ vị lai, tác dụng hiện tiền là nghĩa của hiện tại. Tất cả, một phần là hiện tại. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lưu chuyển nên quán sát hiện tại.

Vì sao quá khứ vị lai hiện tại gọi là sự chẳng phải Niết-bàn v.v... Vì nội tự sở chứng, bất khả thuyết. Vì chỉ hiện tại nói là sở y.

Thế nào là thiện? Có bao nhiêu là thiện? Vì nghĩa gì mà quán thiện? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, thắng nghĩa, là sinh đắc, là gia hành, là hiện tiền cúng dường, là nhiều ích, là dẫn nhiếp, là đối trị, là tịch tĩnh, là đặng lưu là nghĩa của thiện. Một phần của 5 uẩn 10 giới 4 xứ là thiện. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp với pháp nên quán sát thiện.

Những gì là tự tính thiện? Là tín v.v... 11 tâm sở hữu pháp.

Những gì là tương thuộc thiện? Là pháp tương ưng với chúng.

Những gì là tùy trực thiện? Là các pháp tập khí của chúng.

Những gì là phát khởi thiện? Là thân ngữ nghiệp do chúng phát khởi.

Những gì là thắng nghĩa thiện? Là chân như.

Những gì là sinh đắc thiện? Là các thiện pháp của chúng do quán tập trước cảm được báo như vậy. Do tự tính này tức ở nơi ấy không do tư duy mà tự nhiên lạc trụ.

Những gì là gia hành thiện? Là y chỉ thân cận thiện trọng phu, nghe chính pháp, như lý tác ý, tu tập tịnh thiện pháp tùy pháp hành.

Những gì là hiện tiền cúng dường thiện? Là tưởng đối Như Lai, xây dựng miếu thờ họa vẽ tôn tượng. Hoặc tưởng đối chính pháp, sao chép pháp tạng cúng dường.

Những gì là nhiều ích thiện? Là dùng 4 nhiếp sự làm lợi ích tất cả hữu tình.

Những gì là dẫn nhiếp thiện? Là thí tính phúc nghiệp sự và giới tính phúc nghiệp sự cho nên dẫn nhiếp sinh lên cõi trời hưởng lạc, dị thực thì dẫn nhiếp sinh vào nhà giàu sang, dẫn nhiếp tùy thuận thanh tịnh pháp.

Những gì là đối trị thiện? Là yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị, viễn phân đối trị, phục đối trị, ly hệ đối trị, phiền não chương đối trị, sở trị chương đối trị.

Những gì là tịch tĩnh thiện? Là vĩnh đoạn tham dục, vĩnh đoạn sân nhuế, vĩnh đoạn ngu si, vĩnh đoạn tất cả phiền não. Hoặc tưởng thụ diệt, hoặc hữu dư y Niết-bàn giới, hoặc vô dư y Niết-bàn giới, hoặc vô sở trụ Niết-bàn giới.

Những gì là đẳng lưu thiện? Là người đã được tịch tĩnh, do đây có sức tăng thượng nên phát khởi thắng phẩm thân thông, được công đức cộng bất cộng thế gian và xuất thế gian.

Thế nào là bất thiện? Có bao nhiêu bất thiện? Vì nghĩa gì mà quán bất thiện? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, là thắng nghĩa, là sinh đắc, là gia hành, là hiện tiền cúng dường, là tổn hại, là dẫn nhiếp, là sở trị, là chương ngại là nghĩa của bất thiện. Một phần của 5 uẩn, 10 giới, 4 xứ là bất thiện. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hợp phi pháp nên quán sát bất thiện.

Những gì là tự tính bất thiện? Là trừ tương ưng nhiễm ô ý và phiền não của cõi Sắc, Vô sắc v.v... còn lại bao nhiêu cái khác có thể phát ác hành phiền não tùy phiền não.

Những gì là tương thuộc bất thiện? Là pháp tương ưng với phiền não tùy phiền não này.

Những gì là tùy trực bất thiện? Tức tập khí của chúng.

Những gì là phát khởi bất thiện? Là chúng khởi thân ngữ nghiệp.

Những gì là thắng nghĩa bất thiện? Là tất cả lưu chuyển.

Những gì là sinh đắc bất thiện? Là do quán tập bất thiện nên cảm được dị thực như vậy. Do đây tự tính tự nhiên lạc trụ nơi bất thiện.

Những gì là gia hành bất thiện? Là y chỉ thân cận bất thiện trượng phu, nghe bất chính pháp, tác ý không như lý, hành thân ngữ ý ác hạnh.

Những gì là hiện tiền cúng dường bất thiện? Là tương đối quy y theo một thiên chúng nào đó rồi hoặc chủ yếu hành sát hại hoặc hành tà ác xây dựng miếu đền tạo nghiệp cúng dường, khiến vô lượng chúng sinh tạo những điều phi phúc.

Thế nào là tổn hại bất thiện? Là ở tất cả mọi nơi khởi các thứ tà hạnh thân ngữ ý.

Những gì là dẫn nhiếp bất thiện? Là hành thân ngữ ý các ác hạnh rồi, trong các ác thú thiện thú dẫn đến quả dị thực không ưa thích, hoặc dẫn hoặc đây.

Những gì là sở trị bất thiện? Là các pháp đối trị sở đối trị.

Những gì là chướng ngại bất thiện? Là khả năng cản trở các pháp thiện phẩm.

Thế nào là vô ký? Có bao nhiêu vô ký? Vì nghĩa gì mà quán vô ký? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, là thắng nghĩa, là sinh đắc, là gia hành, là hiện tiền cúng dường, là nhiều ích, là thụ dụng, là dẫn nhiếp, là đối trị, là tịch tĩnh, là đẳng lưu là nghĩa của vô ký. Toàn 8 giới, 8 xứ và một phần của các uẩn giới xứ khác là vô ký. Để xả bỏ chấp trước cái ngã lia pháp phi pháp nên quán sát vô ký.

Những gì là tự tính của vô ký? Là các phẩm tương ung của 8 sắc giới xứ ý, mạng căn, chúng đồng phần, danh cú văn thân v.v...

Những gì là tương thuộc vô ký? Là hoại cái tâm phi uế phi tịnh, sở hữu do danh cú văn thân nhiếp thụ tâm tâm sở pháp.

Những gì là tùy trực vô ký? Là các tập khí hý luận của chúng.

Những gì là phát khởi vô ký? Là các tâm tâm pháp do chúng nhiếp thụ phát ra thân nghiệp ngữ nghiệp.

Những gì là thắng nghĩa vô ký? Là hư không phi trạch diệt.

Những gì là sinh đắc vô ký? Là các bất thiện hữu lậu thiện pháp dị thực.

Những gì là gia hành vô ký? Là phi nhiễm phi thiện tâm, sở hữu oai nghi lộ, công xảo xứ pháp.

Những gì là hiện tiền cúng dường vô ký? Là như có một người tương đối quy y theo một thiên chúng, xa lìa sát hại ý tà ác kiến, xây dựng miếu thờ tạo nghiệp cúng dường, khiến vô lượng chúng ở nơi đó không sinh trưởng phúc phi phúc.

Những gì là nhiều ích vô ký? Là như có một người đối với tôi tớ vợ con, đem tâm phi ướ phi tịnh mà hành huệ thí.

Những gì là thụ dụng vô ký? Là như có người đem tâm không lựa chọn không nhiễm ô thụ dụng các nhu yếu.

Những gì là dẫn nhiếp vô ký? Là như có một người quen tập các công xảo, đến đời sau lại dẫn nhiếp thân tướng như vậy, do thân ấy nên đối với việc tập công xảo mau chóng thành đạt.

Những gì là đối trị vô ký? Là như có một người vì chữa trị tật bệnh được an lạc nên dùng tâm chọn lựa uống thuốc tốt.

Những gì là tịch tĩnh vô ký? Là các phiền não của cõi Sắc, Vô sắc do Xa-ma-tha làm cho nép phục không xuất hiện.

Những gì là đẳng lưu vô ký? Là biến hóa tâm câu sinh phẩm.

Lại nữa có thị hiện pháp thiện bất thiện vô ký. Đây là thế nào? Là Phật và các Bồ-tát được đệ nhất cứu cánh, vì muốn nhiều ích các hữu tình nên có thị hiện như vậy. Phải biết trong đó không thể có được một pháp chân thật.

Thế nào là Dục giới hệ? Có bao nhiêu Dục giới hệ? Vì nghĩa gì mà quán Dục giới hệ? Là các pháp thiện bất thiện vô ký của những

người chưa ly dục. Đó là nghĩa của Dục giới hệ. Toàn 4 giới 2 xứ và một phần các uẩn giới xứ là Dục giới hệ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã chưa ly dục của Dục giới nên quán sát Dục giới hệ.

Thế nào là Sắc giới hệ? Có bao nhiêu Sắc giới hệ? Vì nghĩa gì mà quán Sắc giới hệ? Là các pháp thiện, vô ký của những người đã ly dục của Dục giới mà chưa ly dục của Sắc giới. Đó là nghĩa của Sắc giới hệ. Trừ trước đã nói 4 giới 2 xứ và một phần các uẩn giới xứ là Sắc giới hệ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã ly dục của Dục giới nên quán sát Sắc giới hệ.

Thế nào là Vô sắc giới hệ? Có bao nhiêu Vô sắc giới hệ? Vì nghĩa gì mà quán Vô sắc giới hệ? Là các pháp thiện, vô ký của những người đã ly dục của Sắc giới mà chưa ly dục của Vô sắc giới. Đó là nghĩa của Vô sắc giới hệ. Một phần của 3 giới 2 xứ 4 uẩn là Vô sắc giới hệ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã ly dục của Sắc giới nên quán sát Vô sắc giới hệ.

Lại nữa, lại có nhất phần ly dục, cụ phần ly dục, thông đạt ly dục, tổn phục ly dục, vĩnh hại ly dục.

Lại có 10 thứ ly dục là: tự tính ly dục, tổn hại ly dục, nhiệm trì ly dục, tăng thượng ly dục, ngu si ly dục, đối trị ly dục, biến tri ly dục, vĩnh đoạn ly dục, hữu thượng ly dục, vô thượng ly dục.

Những gì là tự tính ly dục? Là đối với khổ thụ và thuận khổ thụ xứ pháp sinh tính chán bỏ.

Những gì là tổn hại ly dục? Là người quen dục thỏa thuê khi khổ não rồi sinh tính chán bỏ.

Những gì là nhiệm trì ly dục? Là đã ăn no rồi thì đối với món ngon sinh tính chán bỏ.

Những gì là tăng thượng ly dục? Là đã được thắng xứ rồi thì đối với nơi thấp kém sinh tính chán bỏ.

Những gì là ngu si ly dục? Là những người ngu đối với Niết-bàn giới sinh tính chán bỏ.

Những gì là đối trị ly dục? Là do thế gian xuất thế gian đạo đoạn các phiền não.

Những gì là biến tri ly dục? Là người đã được kiến đạo đối với pháp 3 cõi sinh tính chán bỏ.

Những gì là vĩnh đoạn ly dục? Là đã vĩnh viễn đoạn phiền não các địa rồi sinh tính chán bỏ.

Những gì là hữu thượng ly dục? Là thế gian Thanh Văn Độc Giác đã ly dục.

Những gì là vô thượng ly dục? Là Phật Bồ-tát đã ly dục vì muốn lợi lạc hữu tính.

Thế nào là hữu học? Có bao nhiêu hữu học? Vì nghĩa gì mà quán hữu học? Là người cầu giải thoát có các thiện pháp là nghĩa của hữu học. Một phần các uẩn của 10 giới 4 xứ là hữu học. Để xả bỏ chấp trước cái ngã cầu giải thoát nên quán sát hữu học.

Thế nào là vô học? Có bao nhiêu vô học? Vì nghĩa gì mà quán vô học? Là người đối với các học xứ đã được cứu cánh có các thiện pháp là nghĩa của vô học. Để xả bỏ chấp trước cái ngã đã giải thoát nên quán sát vô học.

Thế nào là phi học phi vô học? Có bao nhiêu phi học phi vô học? Vì nghĩa gì mà quán phi học phi vô học? Là các dị sinh có các thiện bất thiện vô ký pháp và các người học có nhiễm ô vô ký pháp, các người vô học có vô ký pháp và vô vi pháp là nghĩa của phi học phi vô học. Toàn 8 giới 8 xứ và một phần các uẩn giới xứ khác là phi học phi vô học. Để xả bỏ chấp trước cái ngã không giải thoát nên quán sát phi học phi vô học.

Thế nào là kiến sở đoạn? Có bao nhiêu kiến sở đoạn? Vì nghĩa gì mà quán kiến sở đoạn? Là phân biệt khởi các nhiễm ô kiến nghi kiến, xứ nghi xứ, và trong các kiến khởi tà hạnh phiền não tùy phiền não, và do các kiến phát sinh thân ngữ ý nghiệp, và uẩn giới xứ tất cả ác thú v.v... là nghĩa của kiến sở đoạn. Tất cả một phần là kiến sở đoạn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã kiến trọn vẹn nên quán sát kiến sở đoạn.

Thế nào là tu sở đoạn? Có bao nhiêu tu sở đoạn? Vì nghĩa gì mà quán tu sở đoạn? Là sau khi được kiến đạo, kiến đoạn các pháp hữu lậu trái nghịch là nghĩa của tu sở đoạn. Tất cả một phần là tu sở đoạn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tu viên mãn nên quán sát tu sở đoạn.

Thế nào là phi sở đoạn? Có bao nhiêu phi sở đoạn? Vì nghĩa gì mà quán phi sở đoạn? Là các pháp vô lậu trừ thuận quyết trạch phần là phi sở đoạn. Một phần các uẩn của 10 giới 4 xứ là phi sở đoạn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã thành mãn nên quán sát phi sở đoạn.

Thế nào là duyên sinh? Có bao nhiêu duyên sinh? Vì nghĩa gì mà quán duyên sinh? Là tướng, là phân biệt chi, là lược nhiếp chi, là kiến lập chi duyên, là kiến lập chi nghiệp, là chi tạp nhiễm nhiếp, là nghĩa, là thâm thâm, là sai biệt, là thuận nghịch là nghĩa của duyên sinh. Tất cả đều là duyên sinh, chỉ trừ các pháp vô vi của một phần của pháp giới pháp xứ. Để xả bỏ chấp trước ngã pháp là không có nhân, là nhân bất bình đẳng nên quán sát duyên sinh.

Những gì là tướng? Là vô tác duyên sinh, là vô thường duyên sinh, là thể dụng duyên sinh là tướng của duyên sinh.

Những gì là phân biệt chi? Là phân biệt duyên sinh làm 12 phần. Những gì là 12? Là vô minh hành thức danh sắc 6 xứ xúc thụ ái thủ hữu sinh và lão tử.

Những gì là lược nhiếp chi? Là năng dẫn chi, sở dẫn chi, năng sinh chi, sở sinh chi. Năng dẫn chi, là vô minh hành thức. Sở dẫn chi,

là danh sắc 6 xứ xúc thụ. Năng sinh chi, là ái thủ hữu. Sở sinh chi, là sinh lão tử.

Những gì là kiến lập chi duyên? Là tập khí, là dẫn phát, là tư duy, là câu hữu, tùy theo thích ứng mà kiến lập chi duyên.

Những gì là kiến lập chi nghiệp? Là vô minh có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình ở trong ngu si. 2. Làm duyên với hành. Hành có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình ở trong các thú sai biệt. 2. Làm duyên với thức do huân tập. Thức có 2 thứ nghiệp: 1. Gìn giữ hữu tình có các nghiệp buộc. 2. Làm duyên với danh sắc. Danh sắc có 2 thứ nghiệp: 1. Giữ tự thể các hữu tình. 2. Làm duyên với 6 xứ. Sáu xứ có 2 thứ nghiệp: 1. Giữ tự thể viên mãn các hữu tình. 2. Làm duyên với xúc. Xúc có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình lưu chuyển trong cảnh giới thụ dụng. 2. Làm duyên với thụ. Thụ có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình trong chỗ thụ dụng sinh quả lưu chuyển. 2. Làm duyên với ái. Ái có 2 thứ nghiệp: 1. Dẫn các hữu tình lưu chuyển sinh tử. 2. Làm duyên với thủ. Thủ có 2 thứ nghiệp: 1. Là thủ hậu hữu. Khiến các hữu tình phát sinh cái thức giữ lấy. 2. Làm duyên với hữu. Hữu có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến cái hậu hữu của các hữu tình hiện tiền. 2. Làm duyên với sinh. Sinh có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến danh sắc 6 xứ xúc thụ của các hữu tình tuần tự sinh khởi. 2. Làm duyên với lão tử. Lão tử có 2 thứ nghiệp: 1. Thường khiến hữu tình thời phần đổi khác. 2. Thường khiến hữu tình thọ mạng đổi khác.

Những gì là chi tạp nhiễm nhiếp? Là hoặc vô minh, hoặc ái, hoặc thủ, là thuộc phiền não tạp nhiễm. Là hoặc hành, hoặc thức, hoặc hữu là thuộc nghiệp tạp nhiễm. Ngoài ra là thuộc sinh tạp nhiễm.

Những gì là nghĩa? Không làm là nghĩa, nhân là nghĩa, ly hữu tình là nghĩa, y tha khởi là nghĩa, không tác dụng là nghĩa, vô thường là nghĩa, có sát-na là nghĩa, nhân quả nối tiếp không dứt là nghĩa, nhân quả tương tự nhiếp thụ là nghĩa, nhân quả sai biệt là nghĩa, nhân quả quyết định là nghĩa. Đó là nghĩa của duyên khởi.

Những gì là thậm thâm? Nhân là thậm thâm, tướng là thậm thâm, sinh là thậm thâm, trụ là thậm thâm, chuyển là thậm thâm. Đó là nghĩa của thậm thâm.

Lại nữa các pháp duyên khởi tuy sát-na diệt mà có thể trụ, tuy không có tác dụng duyên mà có công năng có thể duyên được, tuy liã hữu tình mà có thể được hữu tình, tuy không làm mà có thể được các nghiệp quả không hoại. Cho nên là thậm thâm.

Lại nữa các pháp duyên khởi không từ tự sinh, không từ tha sinh, không từ cộng sinh, chẳng phải không tự tác tha tác nhân sinh. Cho nên là thậm thâm.

Những gì là sai biệt? Là thức sinh sai biệt, nội tử sinh sai biệt, ngoài vỏ v.v...sinh sai biệt, thành hoại sai biệt, ăn duy trì sai biệt, ái phi ái thú phân biệt sai biệt, thanh tịnh sai biệt, uy đức sai biệt. Là nghĩa của sai biệt.

Những gì là thuận nghịch? Là tạp nhiễm thuận nghịch, thanh tịnh thuận nghịch. Đó là nói nghĩa thuận nghịch của duyên khởi.

HẾT QUYỂN 2

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 3

Phẩm 1 - 3: PHẨM BA PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

Thế nào là duyên? Có bao nhiêu duyên? Vì nghĩa gì mà quán duyên? Là nhân, là đấng vô gián, là sở duyên, là tăng thượng. Đó là nghĩa của duyên. Tất cả đều là duyên. Để xả bỏ chấp trước ngã là pháp của nhân nên quán sát duyên.

Những gì là nhân duyên? Là thức A-lại-da và thiện tập khí. Lại nữa, tự tính, sai biệt, trợ bạn, đấng hành, tăng ích, chương ngại, nhiếp thụ, đều là nghĩa của nhân duyên.

Tự tính là nhân năng tác.

Tự tính sai biệt là sai biệt của nhân năng tác. Đại lược có 20 thứ: 1. Sinh năng tác, là thức hòa hợp trong tim thức. 2. Trụ năng tác, là ăn uống nhắm đến đã sinh và cầu sinh hữu tình. 3. Trì năng tác, là đại địa hướng đến hữu tình. 4. Chiếu năng tác, là đèn v.v...chiếu đến các sắc. 5. Biến hoại năng tác, là lửa tìm đến củi. 6. Phân ly năng tác, là cái liềm hướng đến vật để cắt. 7. Chuyển biến năng tác, là trí công xảo nhắm đến các vật vàng bạc. 8. Tín giải năng tác, là khói chò lửa. 9. Hiện liễu năng tác, là tông nhân dụ nhắm thành nghĩa. 10. Đẳng chí năng tác, là Thánh đạo hướng đến Niết-bàn. 11. Tùy thuyết năng tác, là danh tướng kiến. 12. Quán đãi năng tác, là quán sát chờ đợi ở đây để muốn cầu sinh nơi kia. Như cầu thức ăn uống đợi sự

đôi khát. 13. Khiên dẫn năng tác, là duyên một cái gì xa xôi, như vô minh vọng lão tử. 14. Sinh khởi năng tác, là duyên một cái gì gần kề, như vô minh chờ hành. 15. Nhiếp thụ năng tác, là các duyên khác, như ruộng, nước, phân v.v... đơm lúa má sinh. 16. Dẫn phát năng tác, là duyên tùy thuận, như trung thành thờ vua khiến vua hoan hỷ. 17. Định biệt năng tác, là duyên sai biệt, như duyên ngũ thú vọng quả ngũ thú. 18. Đồng sự năng tác, là duyên hòa hợp, như căn không hư hỏng thì cảnh giới hiện tiền, khi tác ý khởi thì hướng đến sinh thức. 19. Tương vi năng tác, là duyên chướng ngại, như mưa đá xảy ra với hoa màu. 20. Bất tương vi năng tác, là duyên không chướng ngại, như lúa má hoa màu không gặp trở ngại.

Trợ bạn, là các pháp có cùng chung nhau sinh thì không khuyết giảm, như tứ đại chủng và sở tạo sắc tùy theo mỗi thích ứng.

Đẳng hành, là các pháp cùng có chung nhau đẳng hành sở duyên thì không khuyết giảm, như tâm tâm sở.

Tăng ích, là đời trước tu các pháp thiện bất thiện vô ký có thể khiến đời sau các pháp thiện v.v...phát triển tăng hơn cho đến sinh khởi về sau nữa.

Chướng ngại, là tùy theo tập các phiền não, tùy theo có hoặc, chúng đều liên tục tăng trưởng và kiên cố khiến cứ liên tục xa cách Niết-bàn.

Nhiếp thụ, là pháp bất thiện và thiện hữu lậu có thể nhiếp thụ tự thể.

Những gì là đẳng vô gián duyên? Là trung gian không xen hở, là đều đặn không gián đoạn, là tâm tâm sở đồng phần dị phần sinh một cách đều đặn không ngắt. Đó là nghĩa của đẳng vô gián duyên.

Những gì là sở duyên duyên? Là cảnh sở duyên có giới hạn sai biệt, cảnh sở duyên không giới hạn phân biệt, cảnh sở duyên không

có hành tướng khác, cảnh sở duyên có hành tướng khác, cảnh sở duyên hữu sự, cảnh sở duyên vô sự, sở duyên sự, sở duyên phân biệt, sở duyên có điên đảo, sở duyên không điên đảo, sở duyên có ngại, sở duyên không ngại, là nghĩa của sở duyên duyên.

Những gì là tăng thượng duyên? Là nhiệm trì tăng thượng, dẫn phát tăng thượng, câu hữu tăng thượng, cảnh giới tăng thượng, sản sinh tăng thượng, trụ trì tăng thượng, thụ dụng quả tăng thượng, thể gian thanh tịnh ly dục tăng thượng, xuất thể gian thanh tịnh ly dục tăng thượng là nghĩa của tăng thượng duyên.

Thế nào là đồng phần kia đồng phần? Có bao nhiêu là đồng phần kia đồng phần? Vì nghĩa gì mà quán đồng phần kia đồng phần? Là không lia thức, kia tương tự căn đối với cảnh liên tục sinh. Là lia thức, tự nó tương tự liên tục sinh. Đó là nghĩa của đồng phần kia đồng phần. Một phần của sắc uẩn, một phần của nhãn v.v...5 hữu sắc, giới, xứ, là đồng phần kia đồng phần. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tương ưng không tương ưng với thức nên quán sát đồng phần kia đồng phần.

Thế nào là chấp thụ? Có bao nhiêu chấp thụ? Vì nghĩa gì mà quán chấp thụ? Là sắc sở y của thụ sinh là nghĩa của chấp thụ. Một phần của sắc uẩn, toàn 5 hữu sắc giới xứ và một phần của 4 là chấp thụ. Để xả bỏ chấp trước thân tự tại chuyển ngã nên quán sát chấp thụ.

Thế nào là căn? Có bao nhiêu căn? Vì nghĩa gì mà quán căn? Là thủ cảnh tăng thượng, chủng tộc bất đoạn tăng thượng, chúng đồng phần trụ tăng thượng, thụ dụng tịnh bất tịnh nghiệp quả tăng thượng, thể gian ly dục tăng thượng, xuất thể ly dục tăng thượng. Đó là nghĩa của căn. Toàn thụ thức uẩn, một phần sắc hành uẩn, toàn 12 giới 6 xứ, một phần pháp giới pháp xứ là căn. Để xả bỏ chấp trước cái ngã tăng thượng nên quán sát căn.

Thế nào là tính khổ khổ? Có bao nhiêu tính khổ khổ? Vì nghĩa gì mà quán tính khổ khổ? Là khổ thụ tự tướng, tùy thuận khổ thụ pháp tự tướng. Đó là nghĩa của tính khổ khổ. Tất cả, một phần là tính của khổ khổ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã có khổ nên quán sát tính khổ khổ.

Thế nào là tính hoại khổ? Có bao nhiêu tính hoại khổ? Vì nghĩa gì mà quán tính hoại khổ? Là lạc thụ biến hoại tự tướng, tùy thuận lạc thụ pháp biến hoại tự tướng, nơi ái tâm biến hoại. Đó là nghĩa của tính hoại khổ. Tất cả, một phần là tính của hoại khổ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã có vui nên quán sát tính hoại khổ.

Thế nào là tính hành khổ? Có bao nhiêu tính hành khổ? Vì nghĩa gì mà quán tính hành khổ? Là bất khổ bất lạc thụ tự tướng, tùy thuận bất khổ bất lạc thụ pháp tự tướng. Kia 2 thô trọng nhiếp thụ. Không lia 2 vô thường không an ổn. Đó là nghĩa của tính hành khổ. Trừ một phần các uẩn của 3 giới 2 xứ, tất cả là tính của hành khổ. Để xả bỏ chấp trước cái ngã có không khổ không vui nên quán sát tính hành khổ.

Thế nào là có dị thực? Có bao nhiêu có dị thực? Vì nghĩa gì mà quán có dị thực? Là bất thiện và thiện hữu lậu. Đó là nghĩa của có dị thực. Một phần các uẩn của 10 giới 4 xứ là có dị thực. Để xả bỏ chấp trước cái ngã năng xả năng tục các uẩn nên quán sát có dị thực. Lại nữa dị thực là chỉ thức A-lại-da và pháp tương ưng. Ngoài ra chỉ dị thực sinh phi dị thực.

Thế nào là ăn? Có bao nhiêu cái ăn? Vì nghĩa gì mà quán cái ăn? Là biến hoại, có biến hoại là cảnh giới, có cảnh giới là hy vọng, có hy vọng là thủ, có thủ là nghĩa của ăn. Một phần của 3 uẩn 11 giới 5 xứ là ăn. Để xả bỏ chấp trước ngã là do ăn tồn tại nên quán sát ăn. Lại nữa cái ăn này sai biệt kiến lập đại lược có 4 thứ: 1. Bất tịnh y chỉ trụ. 2. Tịnh bất tịnh y chỉ trụ. 3. Thanh tịnh y chỉ trụ. 4. Thị hiện trụ.

Thế nào là hữu thượng? Có bao nhiêu hữu thượng? Vì nghĩa gì mà quán hữu thượng? Tất cả hữu vi, một phần vô vi là nghĩa của hữu thượng. Trừ một phần pháp giới pháp xứ, tất cả là hữu thượng. Để xả bỏ chấp trước cái ngã hạ liệt nên quán sát hữu thượng.

Thế nào là vô thượng? Có bao nhiêu là vô thượng? Vì nghĩa gì mà quá vô thượng? Một phần vô vi là nghĩa của vô thượng. Một phần của pháp giới pháp xứ là vô thượng. Để xả bỏ chấp trước ngã là tối thắng nên quán sát vô thượng.

Do các đạo lý sai biệt nói đây, ngoài ra có vô lượng môn có thể quán sát tương tự. Lại nữa, sai biệt của uẩn giới xứ đại lược có 3 thứ. Đó là tướng sai biệt của biến kế sở chấp, tướng sai biệt của sở phân biệt, tướng sai biệt của pháp tính.

Những gì là tướng sai biệt của biến kế sở chấp? Là trong uẩn giới xứ chấp ngã khắp tất cả, như hữu tình, mạng, sinh, dưỡng, số thủ thú, ý sinh, Ma-nạp-bà v.v...

Những gì là tướng sai biệt của sở phân biệt? Tức uẩn giới xứ pháp.

Những gì là tướng sai biệt của pháp tính? Là trong uẩn giới xứ ngã v.v... vô tính, vô ngã, hữu tính.

Lại có 4 thứ sai biệt là: tướng sai biệt, phân biệt sai biệt, y chỉ sai biệt, tương tục sai biệt.

Những gì là tướng sai biệt? Là uẩn giới xứ mỗi mỗi tự tướng sai biệt.

Những gì là phân biệt sai biệt? Là trong uẩn giới xứ nào thật hữu giả hữu, nào thế tục hữu thắng nghĩa hữu, nào có có sắc có không sắc, có trông thấy có không trông thấy, như vậy có vô lượng phân biệt sai biệt như trước đã nói.

Những gì là y chỉ sai biệt? Là cho đến hữu tình y chỉ có chỗ sai biệt như vậy thì biết uẩn giới xứ cũng vậy.

Những gì là tương tục sai biệt? Là mỗi một sát-na uẩn giới xứ chuyển. Đối với tướng sai biệt thiện xảo làm sao biết được? Là biết cái sai lầm của ngã chấp. Đối với phân biệt sai biệt thiện xảo làm sao biết được? Là biết cái sai lầm của tụ tướng. Đối với y chỉ sai biệt thiện xảo làm sao biết được? Là biết cái sai lầm của không làm mà tưởng được, tuy làm mà tưởng mất. Đối với tương tục sai biệt thiện xảo làm sao biết được? Là biết cái sai lầm của tưởng rằng đứng yên.

Lại nữa, uẩn giới xứ có 6 thứ sai biệt là: ngoại môn sai biệt, nội môn sai biệt, trường thời sai biệt, phần hạn sai biệt, tạm thời sai biệt, hiển thị sai biệt.

Những gì là ngoại môn sai biệt? Là đa phần Dục giới sai biệt. Những gì là nội môn sai biệt? Là tất cả định địa. Những gì là trường thời sai biệt? Là các dị sinh. Những gì là phần hạn sai biệt? Là các hữu học và trừ uẩn giới xứ của sát-na sau cùng, ngoài ra các vô học. Những gì là tạm thời sai biệt? Là uẩn giới xứ sát-na sau cùng của các vô học. Những gì là hiển thị sai biệt? Là chư Phật và Bồ-tát Ma-ha-tát đã được cứu cánh thị hiện các uẩn giới xứ.

Phẩm 2: PHẨM NHIẾP TRONG BẢN SỰ PHẦN

Thế nào là nhiếp? Lược nói nhiếp có 11 thứ là: tướng nhiếp, giới nhiếp, chủng loại nhiếp, phần vị nhiếp, bạn nhiếp, phương nhiếp, thời nhiếp, nhất phần nhiếp, cụ phần nhiếp, cánh hỗ nhiếp, thắng nghĩa nhiếp.

Những gì là tướng nhiếp? Là mỗi mỗi tự tướng của uẩn giới xứ, tức thể tự nhiếp.

Những gì là giới nhiếp? Là uẩn giới xứ có chủng tử A-lại-da thức có thể nhiếp giới kia.

Những gì là chủng loại nhiếp? Là uẩn giới xứ tướng của chúng tuy khác nhưng nghĩa của uẩn nghĩa của giới nghĩa của xứ lẫn hồi nhiếp lẫn nhau.

Những gì là phần vị nhiếp? Là lạc vị uẩn giới xứ tức tự tướng nhiếp. Khô vị, bất khô bất lạc vị cũng vậy vì phần vị như nhau.

Những gì là bạn nhiếp? Là sắc uẩn với các uẩn khác bạn với nhau, tức nhiếp trợ lẫn nhau, các uẩn giới xứ khác cũng vậy.

Những gì là phương nhiếp? Là y như các uẩn giới xứ của phương Đông là tự tướng nhiếp, uẩn giới xứ các phương khác cũng vậy.

Những gì là thời nhiếp? Là các uẩn giới xứ của đời quá khứ là tự tướng nhiếp, các uẩn giới xứ của vị lai hiện tại cũng vậy.

Những gì là nhất phần nhiếp? Là các pháp uẩn giới xứ nhiếp là chỉ nhiếp một phần không nhiếp những phần khác. Đó gọi là nhiếp một phần.

Những gì là cụ phần nhiếp? Là các pháp uẩn giới xứ nhiếp là có thể nhiếp toàn phần. Đó gọi là cụ phần nhiếp.

Những gì là cánh hõ nhiếp? Là sắc uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Mười toàn phần, một thiếu phần. Thụ uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Một thiếu phần. Giống như thụ uẩn, tướng uẩn hành uẩn cũng vậy. Thức uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Bảy giới một xứ. Nhãn giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Sắc uẩn một phần ít, một xứ toàn phần. Giống như nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc giới cũng vậy. Ý giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Một uẩn một xứ. Pháp giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Ba uẩn toàn phần, sắc uẩn một phần ít, một xứ toàn phần. Nhãn thức giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Thức uẩn ý xứ một phần ít. Giống như nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng vậy. Nhãn xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Sắc uẩn

một phần ít, một xứ toàn phần. Giống như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ cũng vậy. Ý xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Một uẩn, bảy giới. Pháp xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Ba uẩn toàn phần, một thiếu phần, một giới toàn phần. Như vậy các pháp khác lấy tên uẩn giới xứ nói, và ngoài ra lấy tên phi uẩn giới xứ nói. Phải biết rằng thật hữu, giả hữu, thể tục hữu, thắng nghĩa hữu, sở tri, sở thức, sở đạt, có sắc, không sắc, có trông thấy, không trông thấy v.v... như trước đã nói rõ, tùy chỗ thích ứng với uẩn giới xứ mà nhiếp lẫn nhau.

Những gì là thắng nghĩa nhiếp? Là chân như nhiếp uẩn giới xứ. Đối với nhiếp được thắng lợi gì? Được đối với sở duyên lược tập thắng lợi, tùy theo các cảnh lược tụ nơi tâm. Cứ như vậy thiện căn tăng thắng.

Phẩm 3: PHẨM TƯƠNG ƯNG TRONG BẢN SỰ PHẦN

Thế nào là tương ưng? Lược nói tương ưng có 6 thứ là: bất tương ly tương ưng, hòa hợp tương ưng, tụ tập tương ưng, câu hữu tương ưng, tác sự tương ưng, và đồng hành tương ưng.

Những gì là bất tương ly tương ưng? Là tất cả những gì có phương, phần, sắc, cùng với cực vi xứ hằng không lìa nhau.

Những gì là hòa hợp tương ưng? Là cực vi trở lên tất cả những gì có phương, phần, sắc, hòa hợp lẫn nhau.

Những gì là tụ tập tương ưng? Là phương, phần, tụ sắc, lần hồi tụ hội.

Những gì là câu hữu tương ưng? Là trong một thân các uẩn giới xứ đều đồng thời lưu chuyển đồng sinh trụ diệt.

Những gì là tác sự tương ưng? Là những việc làm nơi một chỗ lần hồi nhiếp lẫn nhau, như 2 Bí-sô làm việc ở một chỗ nhiếp lẫn nhau.

Những gì là đồng hành tương ưng? Là tâm tâm sở ở nơi một sở duyên lần hồi đồng hành. Tương ưng của đồng hành này lại có nhiều

nghĩa. Nghĩa là tương ưng với tính khác không phải tính mình, tương ưng với không mâu thuẫn chứ không phải mâu thuẫn, tương ưng với đồng thời chứ không phải khác thời, tương ưng với giới địa đồng phần chứ không phải giới địa khác phần.

Lại có đồng hành tương ưng với tất cả biến hành. Là thụ tướng tư xúc tác ý thức. Lại có đồng hành tương ưng với nhiễm ô biến hành. Là 4 thứ phiền não nơi nhiễm ô ý. Lại có đồng hành tương ưng với không phải tất cả mọi thời. Là y chỉ tâm, hoặc có khi khởi các thiện pháp như tín v.v... , hoặc có khi khởi phiền não tùy phiền não pháp như tham v.v... Lại có đồng hành tương ưng với phần vị. Nghĩa là cùng với các pháp tương ưng lạc thụ, tương ưng khổ thụ, bất khổ bất lạc thụ. Lại có đồng hành tương ưng với vô gián. Nghĩa là ở hữu tâm vị. Lại có đồng hành tương ưng với hữu gián. Nghĩa là vô tâm định làm gián đoạn. Lại có đồng hành tương ưng với ngoại môn. Nghĩa là phần nhiều tâm tâm sở thuộc Dục giới hệ. Lại có đồng hành tương ưng với nội môn. Nghĩa là tâm tâm sở các định địa. Lại có đồng hành tương ưng với đã từng tập. Nghĩa là tâm tâm sở của các dị sinh và một phần tâm tâm sở của các hữu học. Lại có đồng hành tương ưng với chưa từng tập. Nghĩa là các tâm tâm sở xuất thế gian, và các tâm tâm sở của sơ hậu thời xuất thế hậu sở đắc.

Đối với tương ưng thiện xảo được thắng lợi gì? Có thể liễu ngộ tốt chỉ y chỉ tâm, có nghĩa tương ưng không tương ưng với các pháp nhiễm tịnh của thụ tướng v.v... Do sự liễu ngộ này có thể xả bỏ chấp ngã, xả bỏ các chấp trước nhiễm tịnh của năng tướng, năng tư, năng niệm. Lại có thể khéo léo mau chóng nhập vô ngã.

Phẩm 4: PHẨM THÀNH TỰU TRONG BẢN SỰ PHẦN

Thế nào là thành tựu? Là tướng thành tựu như trước đã nói. Sai biệt này có 3 thứ là: chủng tử thành tựu, tự tại thành tựu, hiện hành thành tựu.

Những gì là chủng tử thành tựu? Nghĩa là nếu sinh Dục giới, Dục, Sắc, Vô sắc giới hệ phiền não tùy phiền não do chủng tử thành tựu nên thành tựu và sinh được thiện. Nếu sinh Sắc giới, Dục giới hệ phiền não tùy phiền não do chủng tử thành tựu nên thành tựu, cũng gọi bất thành tựu. Sắc, Vô sắc giới hệ phiền não tùy phiền não do chủng tử thành tựu nên thành tựu và sinh được thiện. Nếu sinh Vô sắc giới, Dục, Sắc giới hệ phiền não tùy phiền não do chủng tử thành tựu nên thành tựu cũng gọi bất thành tựu. Vô sắc giới hệ phiền não tùy phiền não do chủng tử thành tựu nên thành tựu và sinh được thiện. Nếu đã được 3 cõi đối trị đạo, tùy phẩm loại như vậy như vậy đối trị đã sinh, như vậy như vậy phẩm loại do chủng tử thành tựu được bất thành tựu, tùy như vậy như vậy phẩm loại đối trị chưa sinh, như vậy như vậy phẩm loại do chủng tử thành tựu nên thành tựu.

Những gì là tự tại thành tựu? Là các thiện pháp gia hành. Như thế, xuất thế, tĩnh lự, giải thoát, Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề v.v..., công đức và một phần pháp vô ký do tự tại thành tựu nên thành tựu.

Những gì là hiện hành thành tựu? Là các pháp uẩn giới xứ tùy chỗ hiện tiền hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký. Chúng do hiện hành thành tựu nên thành tựu. Nếu đã đoạn thiện thì các thiện pháp do chủng tử thành tựu nên thành tựu, cũng gọi bất thành tựu. Nếu chẳng phải pháp Niết-bàn, Nhất-xiên-đề-ca, cứu cánh thành tựu các pháp tạp nhiễm do thiếu nhân giải thoát cũng gọi là A-điên-đề-ca. Nếu chúng giải thoát được nhân rốt cuộc là bất thành tựu.

Đối với thành tựu thiện xảo được thắng lợi gì? Có thể hiểu rõ các pháp tăng giảm. Biết tăng giảm nên đối với đời lìa tướng quyết định hưng suy, cho đến có thể đoạn ái, nhuế.

Phẩm 1 – 1: PHẨM ĐỀ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là quyết trạch? Lược nói quyết trạch có 4 thứ là: đề quyết trạch, pháp quyết trạch, đắc quyết trạch, luận nghị quyết trạch.

Thế nào là đế quyết trạch? Là 4 Thánh đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Thế nào là khổ đế? Là hữu tình sinh và sinh sở y xứ.

Những gì là hữu tình sinh, tức hữu tình thể gian? Nghĩa là các hữu tình sinh trong các cõi Na-lạc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ, người, trời. Người thì có phương Đông là Ti-đề-ha, phương Tây là Cù-đà-ni, phương Nam là châu Thiệm-bộ, Bắc là châu Câu-lô. Trời thì có trời 4 Đại vương chúng, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phúc sinh, trời Quảng quả, trời Vô tướng hữu tình, trời Vô phiến, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Hiện kiến, trời Sắc cứu cánh, trời Vô biên không xứ, trời Vô biên thức xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Những gì là sinh sở y xứ, tức khí thể gian? Nghĩa là thủy luân dựa vào phong luân, địa luân dựa vào thủy luân. Dựa vào địa luân này có núi Tô-mê-lô, núi Thất kim sơn, 4 đại châu, 8 tiểu châu, biển nội hải biển ngoại hải. Bốn tầng ngoài núi Tô-mê-lô là trời 4 Đại vương chúng. Trời Ba mươi ba ở riêng nơi cung điện hư không ngoài Luân vi sơn. Các trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Sắc giới ở riêng. Các A-tổ-lạc ở riêng, và các Na-lạc-ca ở riêng. Đó là Na-lạc-ca nóng, Na-lạc-ca lạnh, Na-lạc-ca cô độc, và một phần bàng sinh, ngạ quỷ ở riêng. Cho đến một mặt trời một mặt trăng, nơi phương xứ ánh sáng chiếu khắp là một thế giới. Như vậy trong một ngàn thế giới có một ngàn mặt trời một ngàn mặt trăng một ngàn Tô-mê-lô sơn vương một ngàn 4 Đại châu một ngàn 4 chúng trời Đại vương một ngàn trời Ba mươi ba một ngàn trời Dạ-ma một ngàn trời Đổ-sử-đa một ngàn trời Lạc biến hóa một ngàn trời Tha hóa tự tại một ngàn trời Phạm thế. Như vậy gọi chung là một Tiểu thiên thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thế giới gọi chung là đệ nhị

Trung thiên thế giới. Một ngàn Trung thiên thế giới gọi chung là đệ tam Đại thiên thế giới. Như vậy 3 ngàn Đại thiên thế giới có chung núi Đại luân vi sơn bao vây chung quanh. Lại nữa 3 ngàn Đại thiên thế giới này đồng hoại đồng thành. Ví như trời mưa không ngớt, như trục bánh xe quay không gián đoạn từ trên không xuống. Như vậy phương Đông vô lượng thế giới không gián đoạn hoặc có thế giới sắp hoại hoặc có thế giới sẽ thành, hoặc đang hoại hoặc hoại rồi trụ, hoặc đang thành hoặc thành rồi trụ. Giống như phương Đông, cho đến tất cả 10 phương cũng vậy. Nào hữu tình thế gian, nào khí thế gian do nghiệp lực phiền não sinh ra, do nghiệp phiền não tăng thượng khởi lên gọi chung là khổ đế.

Lại có thế giới thanh tịnh, không phải ở trong khổ đế, không do nghiệp lực phiền não sinh ra, không phải do nghiệp phiền não tăng thượng khởi lên, mà do đại nguyện thanh tịnh thiện căn tăng thượng dẫn khởi. Sở sinh xứ này là không thể nghĩ bàn, chỉ có Phật biết, đây còn không phải cảnh giới tinh lự của những bậc đã được tinh lự, huống nữa là tư duy của con người.

Lại nữa tướng khổ có 8 thứ khác nhau là: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu xa lìa khổ, cầu không được khổ, tất cả 5 thủ uẩn khổ.

Do gì sinh khổ? Do các khổ bức bách, các khổ dựa vào. Do gì già khổ? Do thời phần biến hoại nên khổ. Do gì bệnh khổ? Do đại chủng biến đổi nên khổ. Do gì chết khổ? Do thọ mạng biến hoại nên khổ. Do gì oán ghét gặp nhau khổ? Do hội hợp sinh khổ. Do gì thương yêu xa lìa khổ? Do biệt ly sinh khổ. Do gì cầu không được khổ? Do hy vọng mà không đem lại kết quả nên khổ. Do gì 5 thủ uẩn khổ? Vì thô trọng nên khổ. Như vậy 8 thứ đại lực gồm làm 6 là: bức bách khổ, chuyển biến khổ, hội hợp khổ, biệt ly khổ, cầu mong không được khổ, thô nặng khổ. Như vậy 6 thứ mở rộng thành 8. Hoặc 6 hoặc 8 đều như nhau, như nói 3 khổ. Trong đây 8 khổ là 3

gồm 8 hay 8 gồm trong 3? Chúng bao gồm lẫn nhau. Như nói sinh khổ già khổ bệnh khổ chết khổ oán ghét gặp nhau khổ có thể hiển thị khổ khổ. Thương yêu xa lìa khổ cầu không được khổ có thể hiển thị hoại khổ. Lược gồm tất cả 5 thủ uẩn khổ có thể hiển thị hành khổ. Như nói 2 khổ, là thế tục đế khổ, thắng nghĩa đế khổ. Những gì là thế tục đế khổ? Những gì là thắng nghĩa đế khổ? Nghĩa là sinh khổ cho đến cầu không được khổ là thế tục đế khổ. Lược gồm tất cả 5 thủ uẩn khổ là thắng nghĩa đế khổ.

Thế nào là tướng chung của khổ đế? Là tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã. Những gì là tướng vô thường? Lược có 12 là: tướng phi hữu, tướng hoại diệt, tướng biến đổi, tướng biệt ly, tướng hiện tiền, tướng pháp nhĩ, tướng sát-na, tướng liên tục, tướng bệnh v.v..., tướng các thứ tâm hành chuyển, tướng tư sản hưng suy, tướng khí thể thành hoại.

Những gì là tướng phi hữu? Là uẩn giới xứ trong mọi thời tính ngã ngã sở thường phi hữu. Những gì là tướng hoại diệt? Là các hành sinh rồi liền diệt, tạm có rồi hoàn không. Những gì là tướng biến đổi? Là các hành sinh do không tương tự liên tục chuyển. Những gì là tướng biệt ly? Là trong các hành mất sức tăng thượng. Hoặc người khác giữ lấy làm của mình. Những gì là tướng hiện tiền? Là chính ở trong vô thường, do nhân theo đuổi nay thụ vô thường. Những gì là tướng pháp nhĩ? Là đương lai vô thường, do nhân theo đuổi chắc sẽ thụ. Những gì là tướng sát-na? Là các hành sát-na sau ắt không dừng lại. Những gì là tướng liên tục? Là từ thời vô thủy đến nay các hành sinh diệt liên tục không dứt.

Những gì là tướng bệnh v.v...? Là 4 đại, thời phần, thọ mạng biến đổi. Những gì là tướng các tâm hành chuyển? Là trong một lúc có tâm tham khởi, hoặc trong một lúc khởi tâm lìa tham. Như vậy có sân lìa sân, có si lìa si, hoặc hợp hoặc tan, hoặc hạ liệt hoặc cao cử, hoặc trạo cử hoặc lìa trạo cử, hoặc không tịch tĩnh hoặc

tịch tĩnh, hoặc định không định, những thứ như vậy là tâm hành lưu chuyển.

Những gì là tướng tư sản hưng suy? Nghĩa là các hưng thien chung quy thành suy biến. Những gì là tướng khí thể thành hoại? Là thủy hỏa phong 3 thứ thành hoại có 3 tai nạn. Đỉnh là đệ nhị đệ tam đệ tứ tĩnh lự. Các cung điện ngoài đệ tứ tĩnh lự tuy không có thành hoại tai nạn bên ngoài nhưng chư thiên kia cùng với cung điện v.v... đều cùng sinh cùng diệt nên nói có thành hoại. Lại có 3 thứ trung kiếp, như là đói kém, dịch bệnh, giặc giã. Kiếp tiêu tam tai này đến cứu cánh vị mới xuất hiện. Nghĩa là thế giới thành xong, một trung kiếp ban đầu chỉ có giảm, một trung kiếp sau chỉ có tăng, 18 trung kiếp có tăng có giảm, 20 trung kiếp thế giới hoại, 20 trung kiếp thế giới hoại đã trụ, 20 trung kiếp thế giới thành, 20 trung kiếp thế giới thành đã trụ. Hợp 80 trung kiếp này là một đại kiếp. Do kiếp số này hiển thị thọ lượng chư thiên Sắc, Vô sắc giới. Như nói thọ hết phúc hết nghiệp hết các hữu tình kia từ nơi kia chết. Thế nào là thọ hết? Là khi chết. Thế nào là phúc hết? Là chẳng phải khi chết tức chẳng phải phúc chết bởi hữu tình kia tham đắm mùi vị củ định, phúc lực giảm hết nhân đó mạng chung. Thế nào là nghiệp hết? Là thuận sinh thụ nghiệp thuận hậu thụ nghiệp đều hết nên chết.

Những gì là tướng khổ? Là 3 khổ hoặc 8 khổ hoặc 6 khổ rộng như đã nói ở trước gọi là tướng khổ. Vì sao kinh nói nếu vô thường là tướng khổ ư? Do 2 phần có thể rõ vô thường là duyên tướng khổ. Nghĩa là sinh phần vô thường là duyên có thể biết được tính khổ khổ. Diệt phần vô thường là duyên có thể biết được tính hoại khổ. Cả 2 phần vô thường là duyên có thể biết được tính hành khổ. Tức dựa vào nghĩa này Bạc-già-phạm nói: Các hành vô thường các hành biến hoại. Lại dựa vào nghĩa này nói: Ta nói các thụ đều là khổ. Lại nữa, ở trong 2 pháp sinh diệt các hành theo đó có sinh v.v... 8 khổ. Tính của nó có thể biết được. Cho nên Phật nói: Nếu vô thường tức là khổ. Lại

nữa ở trong các hành vô thường có sinh v.v... các khổ có thể biết là Như Lai dựa vào mật ý này mà nói do vô thường nên khổ chứ không phải tất cả hành.

Những gì là tướng không? Nghĩa là nếu ở nơi đó cái này là phi hữu, do lý này chính quán là không. Nếu ở nơi đó những cái khác là hữu, do lý này biết như thật hữu. Đó gọi là khéo nhập vào tính không. Biết như thật là nghĩa không điên đảo. Ở nơi nào cái gì là phi hữu? Ở nơi uẩn giới xứ pháp thường hằng ngưng trụ không biến hoại, ngã ngã sở v.v... là phi hữu. Do lý này chúng đều là không. Ở nơi nào những gì là hữu? Tức tính vô ngã nơi đó. Cái ngã vô tính cái ngã hữu tính này gọi là tính không. Cho nên Bạc-già-phạm mật ý nói: Hữu như thật biết là hữu, vô như thật biết là vô. Lại nữa có 3 thứ tính không là: tự tính không tính, như tính không tính, chân tính không tính. Cái đầu tiên quán dựa vào biến kế sở chấp tự tính. Thứ hai quán dựa vào y tha khởi tự tính. Thứ ba quán dựa vào viên thành thật tự tính.

Những gì là tướng vô ngã? Nghĩa là như những nhà ngã luận lập ngã tướng uẩn giới xứ không phải tướng này, bởi uẩn giới xứ không có ngã tướng nên gọi là tướng vô ngã. Cho nên Bạc-già-phạm mật ý nói: Tất cả pháp đều không có ngã. Như Thế Tôn nói: Đây tất cả chẳng phải ngã sở, đây chẳng phải ngã xứ, đây chẳng phải ngã của ngã. Đối với nghĩa như vậy nên lấy chính tuệ quán sát như thật.

Nói thế là nghĩa thế nào? Nghĩa là đối với ngoại sự mật ý nói đây tất cả chẳng phải ngã sở bởi đối với ngoại sự chỉ chấp tướng của ngã sở. Cho nên chỉ khiến trừ ngã sở. Đối với nội sự thì chấp cả tướng của ngã và ngã sở. Cho nên khiến trừ cả hai ngã và ngã sở.

Trước nói vô thường đều là tướng của sát-na, điều này làm sao biết được? Nếu như tâm tâm sở là tướng của sát-na thì phải biết sắc v.v... cũng là tướng của sát-na. Do tâm chấp thụ, an nguy cùng với

tâm, tùy tâm chuyển biến, là sở y của tâm, tâm tăng thượng sinh, tâm tự tại chuyển. Lại nữa ở nơi vị sau cùng có thể biến hoại cho nên sinh rồi không đợi duyên tự nhiên diệt hoại. Cho nên phải quán sắc v.v... cũng mỗi niệm mỗi niệm diệt.

Như Thế Tôn nói: Các sở hữu sắc tất cả hoặc là 4 đại chủng, hoặc do 4 đại chủng tạo ra. Đây dựa vào ý gì nói? Dựa vào ý dung hữu. Nói cùng ở một chỗ, dựa vào đó mà có là tạo nghĩa. Nếu tự ở đây có thể được đại chủng thì phải biết tự này chỉ có đại chủng này mà thôi chứ không gì khác. Có tự chỉ có một đại chủng, có tự có hai đại chủng, hoặc có tự có đến tất cả đại chủng. Sở tạo sắc cũng vậy. Nếu ở tự này có thể có được những sở tạo sắc này, thì phải biết tự này chỉ có những cái này chứ không gì khác. Hoặc có tự chỉ có một sở tạo sắc, hoặc hai sở tạo sắc, hoặc cho đến có nhiều sở tạo sắc tùy theo thích hợp.

Lại nói thô tự sắc là cực vi tập hợp làm thành. Phải biết trong đó cực vi là vô thể. Chỉ do giác tuệ phân tích dần dần phân vi tế tồn giảm cho đến ranh giới còn có thể phân tích được và lấy ranh giới đó thiết lập cực vi để khiến trừ ý tưởng hợp làm một, và để ngộ nhập các sở hữu sắc là phi chân thật.

Lại nữa khổ pháp, lược có 8 thứ sai biệt là: quảng đại bất tịch tĩnh khổ, tịch tĩnh khổ, tịch tĩnh bất tịch tĩnh khổ, trung bất tịch tĩnh khổ, vi bạc bất tịch tĩnh khổ, vi bạc tịch tĩnh khổ, cực vi bạc tịch tĩnh khổ, phi khổ tự khổ trụ đại tịch tĩnh.

Thế nào là quảng đại bất tịch tĩnh khổ? Đó là những người sinh Dục giới chưa từng tích tập thiện căn.

Thế nào là tịch tĩnh khổ? Tức là những người ở đây đã sinh thiện căn thuận giải thoát phần.

Thế nào là tịch tĩnh bất tịch tĩnh khổ? Là những người đã trong thiện căn ly dục thế gian đạo.

Thế nào là trung bất tịch tĩnh khổ? Là những người sinh Sắc giới viễn ly thuận giải thoát phần.

Thế nào là vi bạc tịch tĩnh khổ? Là những người hữu học. Thế nào là cực vi bạc tịch tĩnh khổ? Là các vô học mạng căn trụ duyên 6 xứ. Thế nào là phi khổ tự khổ trụ đại tịch tĩnh? Là đã được cứu cánh Bồ-tát Ma-ha-tát v.v... thừa đại bi nguyện lực nên sinh trong các hữu.

Lại nữa, trước nói tử khổ, tử có 3 thứ là: thiện tâm tử, bất thiện tâm tử, vô ký tâm tử.

Thiện tâm tử, là tâm sáng suốt nhạy bén trong hiện hành vị, hoặc do sức tự thiện căn duy trì, hoặc do người khác dẫn nhiếp nên phát khởi thiện tâm đến mạng chung vị. Bất thiện tâm tử, cũng là tâm sáng suốt nhạy bén, hoặc do sức của tự bất thiện căn duy trì, hoặc do người khác dẫn nhiếp khởi bất thiện tâm đến mạng chung vị. Vô ký tâm tử, là hoặc ở nơi tâm sáng suốt nhạy bén của hiện hành vị, hoặc ở nơi tâm không sáng suốt nhạy bén của hiện hành vị, hoặc do thiếu hai duyên, hoặc do gia hành không có công năng khởi vô ký tâm đến mạng chung vị.

Người tu tịnh hạnh khi lâm chung, thân lạnh từ dưới trước, người không tịnh hạnh khi lâm chung thân lạnh từ trên trước. Người không tịnh hạnh khi sinh thân trung hữu tướng hiện như con cừu màu đen hoặc âm u như đêm tối. Người tu tịnh hạnh khi sinh thân trung hữu tướng hiển hiện như ánh sáng trắng, hoặc như đêm trong trăng.

Lại nữa thân trung hữu này chính thụ sinh vị tại Dục, Sắc giới cũng từ Vô sắc giới mạng chung hậu vị, cũng gọi là ý sinh, Kiện-đạt-phược v.v... trụ lâu nhất là 7 ngày hoặc giữa chừng thì yếu hoặc có khi di chuyển.

Trong khi trụ trung hữu cũng có thể chứa nhóm các nghiệp. Trước tiên do sức quán tập dẫn nhiếp các thiện v.v... tư duy hiện

hành, lại có thể trong thấy hữu tình đồng loại, lại nữa hình dạng thân trung hữu tương tự nơi sẽ sinh, lại nữa thân trung hữu này sẽ đến không trở ngại nhanh chóng như đủ thân thông qua lại, nhưng ở nơi sinh thì có hạn chế trở ngại. Lại nữa thân trung hữu này ở nơi sinh như cái cân 2 đầu cao thấp khi chết nơi đây sinh nơi kia cũng vậy. Trong khi ở trong thân trung hữu nơi sinh xứ phát khởi tham ái cũng dùng các phiền não khác làm trợ duyên, thân trung hữu này cùng diệt với tham, thân Yết-la-lam cùng sinh với thức. Đây chỉ có dị thực. Từ đây về sau căn dần dần sinh trưởng, như nói trong duyên khởi. Trong 4 loài sinh hoặc thụ sinh trứng, hoặc thụ sinh thai, hoặc thụ sinh nơi ẩm ướt, hoặc hóa sinh.

HẾT QUYỂN 3

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 4

Phẩm 1 – 2: PHẨM ĐẾ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Sao gọi là tập đế? Là các phiền não và phiền não tăng thượng sinh các nghiệp đều gọi chung là tập đế. Nhưng Bạc-già-phạm tùy nghĩa tối thắng mà nói nào ái, nào hậu hữu ái, nào hỷ tham câu hành ái, nào các hỷ lạc ái đều gọi là tập đế. Nói tối thắng là nghĩa của biến hành. Bởi ái có đủ 6 nghĩa của biến hành cho nên là tối thắng.

Những gì là 6? 1. Sự biến hành. 2. Vị biến hành. 3. Thế biến hành. 4. Giới biến hành. 5. Cầu biến hành. 6. Chủng biến hành.

Thế nào là phiền não? Là do số, tướng, duyên khởi, cảnh giới, tương ưng, sai biệt, tà hạnh, giới, chủng, đoạn quán các phiền não.

Những gì là số? Là 6 hoặc 16, tức là tham, sân, mạn, vô minh, nghi, kiến 10, nghĩa là 5 kiến trước lại chia 5, đó là Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ.

Những gì là tướng? Là khi pháp sinh khởi thì tướng không tịch tĩnh, do sinh này nên thân tâm liên tục chuyển không tịch tĩnh. Đó là tướng của phiền não.

Những gì là duyên khởi? Là vì phiền não tùy miên chưa vĩnh đoạn nên thuận theo pháp phiền não hiện tiền, tư duy bất chính hiện tiền khởi, do đó mới sinh phiền não. Đó gọi là duyên khởi.

Những gì là cảnh giới? Là tất cả phiền não trở lại lấy tất cả phiền não làm cảnh sở duyên và duyên các việc phiền não. Lại nữa phiền não của Dục giới trừ vô minh, kiến, nghi, ngoài ra không thể duyên thượng địa làm cảnh. Các phiền não thượng địa không thể duyên hạ địa làm cảnh vì đã lìa cái dục của địa ấy rồi. Lại nữa các phiền não duyên diệt đạo đế, không thể tự thân duyên diệt đạo làm cảnh. Chỉ do dựa vào đó vọng khởi phân biệt nói là sở duyên. Lại nữa, phiền não có 2 thứ là duyên vô sự và duyên hữu sự. Duyên vô sự là kiến và pháp tương ưng với kiến, còn các phiền não khác gọi là duyên hữu sự.

Những gì là tương ưng? Là tham thì không tương ưng với sân. Giống như sân, nghi cũng vậy. Ngoài ra tất cả đều tương ưng được. Giống như tham, sân cũng vậy, nghĩa là sân không cùng tương ưng với tham, mạn, kiến. Mạn không cùng tương ưng với sân, nghi. Vô minh có 2 thứ một là vô minh tương ưng với tất cả phiền não, hai là vô minh không chung. Vô minh không chung là không có trí tuệ đối với đế lý. Kiến không cùng tương ưng với sân, nghi. Nghi không cùng tương ưng với tham, mạn. Phần v.v... các tùy phiền não không tương ưng lẫn nhau. Vô tà, vô quý hăng cùng tương ưng trong tất cả phẩm bất thiện. Hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật hăng cùng tương ưng trong tất cả phẩm nhiễm ô.

Những gì là sai biệt? Là các phiền não dựa vào các nghĩa khác nhau lập ra các môn sai biệt khác nhau. Như kết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, cái, chu ngọt, cấu, thiêu hại, tiền, sở hữu, ác hành, lậu, quý, nhiệt, não, tránh, xí nhiên, trừ lâm, câu ngại v.v...

Kết có mấy thứ? Thế nào là kết? Kết ở đâu? Kết có 9 thứ là: ái kết, nhuế kết, mạn kết, vô minh kết, kiến kết, thủ kết, nghi kết, tật kết, xan kết.

Ái kết là, tham ái 3 cõi kết buộc nên không chán 3 cõi. Do không chán nên rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Sân kết là, đối với khổ và và pháp thuận với khổ có tâm làm tổn hại hữu tình. Do sân kết trói buộc nên đối với cảnh tướng của sân tâm không lìa bỏ. Vì không bỏ nên rộng làm các điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Mạn kết là 7 mạn, tức mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, hạ liệt mạn, tà mạn.

Mạn là đối với hạng hạ liệt chấp cho mình là hơn, hoặc với hạng không bằng chấp cho mình là bằng, tâm cao cử làm tính. Quá mạn là đối với hạng bằng mình thì chấp cho mình là hơn, hoặc với kẻ hơn mình thì chấp cho mình là bằng, tâm cao cử làm tính. Mạn quá mạn là với kẻ hơn mình thì chấp cho mình là hơn, tâm cao cử làm tính. Ngã mạn là trong 5 thủ uẩn quán ngã ngã sở, tâm cao cử làm tính. Tăng thượng mạn là chưa được chứng pháp thượng thắng cho là mình đã được chứng pháp thượng thắng, tâm cao cử làm tính. Hạ liệt mạn là mình được nhiều phần thắng cho là chỉ một ít phần thắng, tâm cử làm tính. Tà mạn là thật không có đức cho là mình có đức, tâm cử làm tính. Mạn kết trói buộc nên không thể hiểu rõ ngã ngã sở, không hiểu rõ nên chấp ngã ngã sở, rộng làm điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Vô minh kết là vô trí vô minh trói buộc trong 3 cõi nên không thể hiểu rõ khổ pháp tập pháp, không hiểu rõ nên rộng làm điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Kiến kết là 3 kiến, tức Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến. Kiết kết trói buộc nên đối với sự xuất ly tà kiến thì vọng chấp tìm cầu

hưng khởi chấp trước, đối với tà xuất ly mà vọng chấp rồi thì rộng làm điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Thủ kết là kiến thủ, giới cấm thủ. Thủ kết trói buộc nên mê vọng chấp trước đối với phương tiện tà xuất ly. Do mê vọng chấp trước phương tiện tà xuất ly nên rộng làm điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Nghi kết là do dự đối với đế lý. Nghi kết trói buộc nên đối với Phật pháp tăng bảo sinh nghi hoặc, do nghi hoặc nên đối với Tam Bảo không tu chính hạnh, do đối với Tam Bảo không tu chính hạnh nên rộng làm các điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Tật kết là đắm trước lợi dưỡng, không chịu được sự vinh hiển của người khác mà sinh tâm đố kỵ. Tật đố trói buộc nên ái trọng lợi dưỡng không tôn kính pháp, trọng lợi dưỡng nên rộng làm điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Xan kết là đắm trước lợi dưỡng, đối với những phương tiện sinh sống thì tâm keo kiệt. Xan kết trói buộc nên ái trọng chứa đê không xa lìa sự chứa đê nên rộng làm các điều bất thiện không làm điều thiện. Do đó chiêu cảm khổ đời vị lai và tương ưng với khổ.

Phược có 3 thứ là tham phược sân phược si phược. Do tham phược nên trói buộc các hữu tình khiến ở nơi hoại khổ. Do sân phược nên trói các hữu tình khiến ở nơi khổ khổ. Do si phược nên trói các hữu tình khiến ở nơi hành khổ. Lại dựa vào tham sân si nên đối với thiện gia hành không được tự tại nên gọi là phược.

Tùy miên có 7. Đó là dục ái tùy miên, sân nhuế tùy miên, hữu ái tùy miên, mạn tùy miên, vô minh tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên.

Dục ái tùy miên là tham phẩm thô trọng của Dục giới. Sân nhuế tùy miên là sân nhuế phẩm thô trọng. Hữu ái tùy miên là tham phẩm thô trọng của Sắc, Vô sắc giới. Mạn tùy miên là mạn phẩm thô trọng. Vô minh tùy miên là vô minh phẩm thô trọng. Kiến tùy miên là kiến phẩm thô trọng. Nghi tùy miên là nghi phẩm thô trọng. Người chur ly dục cầu thì do dục ái sân nhuế tùy miên tùy tăng. Người chưa ly hữu cầu thì do hữu ái tùy miên tùy tăng. Người chưa ly tà Phạm hạnh cầu thì do mạn, vô minh, kiến, nghi tùy miên tùy tăng. Do chúng sinh kia được một ít đối trị liền sinh kiêu mạn, ngu đối với Thánh để hư vọng chấp trước tà giải thoát và phương tiện giải thoát của ngoại đạo, do dự nghi hoặc Tì-nại-da chính pháp Phật dạy.

Tùy phiền não là, tất cả phiền não đều là tùy phiền não. Có tùy phiền não chẳng phải phiền não, nghĩa là trừ phiền não, tất cả tâm sở pháp trong các hành uẩn nhiễm ô khác.

Đây là thế nào? Nghĩa là trừ tham v.v... 6 phiền não, ngoài ra là các tâm sở pháp như phần v.v... trong hành uẩn nhiễm ô.

Lại nữa tham sân si là tùy phiền não, tâm sở pháp do tùy phiền não này theo não loạn tâm khiến không lìa nhiễm, khiến không giải thoát, khiến không đoạn chương nên gọi là tùy phiền não. Như Thế Tôn nói: Các người đêm dài bị tham sân si theo não loạn tâm hằng nhiễm ô.

Triền có 8 thứ là hôn trầm, thùỳ miên, trạo cử, ố tác, tật, xan, vô tầm, vô quý. Vì thường xuyên tăng thịnh vây trói trong tâm nên gọi là triền. Nghĩa là tùy theo sự tu tập nó ngăn chặn tướng cử xả, và khi dựa vào Phạm hạnh nhiếp trì tịnh Thi-la thì vây nhiều trói buộc nơi tâm.

Bạo lưu có 4 là dục bạo lưu, hữu bạo lưu, kiến bạo lưu, vô minh bạo lưu. Theo dòng trôi dạt là nghĩa của bạo lưu vì tùy thuận theo tập nhiễm. Đầu tiên là người cầu tập dục cầu, thứ hai là người tập hữu

câu. Hai cái sau là người tập tà Phạm hạnh vì đạo lý tương ưng năng y sở y.

Ách có 4 thứ là dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Chương ngại ly hệ là nghĩa của ách, vì trái nghịch thanh tịnh. Đây cũng tùy theo thứ tự, người tập 3 câu tương ưng hiện hành.

Thủ có 4 thứ là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Chấp thủ tránh căn, chấp thủ hậu hữu là nghĩa của thủ. Sở dĩ vì sao? Do tham đắm dục trói buộc đam nhiễm làm nhân. Những người tại gia còn đấu tranh nhau, căn nguyên của đấu tranh này vốn là cái thủ thứ nhất, do tham trước trói buộc đam nhiễm làm nhân. Những người xuất gia còn đấu tranh nhau, căn nguyên của đấu tranh này vốn là 3 cái thủ sau. Sáu mươi hai kiến là kiến thủ. Các giới cấm riêng biệt đa phần khổ hạnh là giới cấm thủ. Chúng dựa vào Tát-ca-da kiến, đó là ngã ngữ thủ. Do kiến thủ, giới cấm thủ, các ngoại đạo lại tranh luận nhau. Do ngã ngữ thủ, các ngoại đạo không tranh luận nhau mà có tranh luận với người theo chính pháp. Như vậy đó là căn bản của chấp trước tranh luận. Lại nữa có thể dẫn thủ, hậu hữu, khổ, dị thực nên gọi là thủ.

Hệ có 4 thứ là tham dục thân hệ, sân nhuế thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, thủ thật chấp thủ thân hệ. Bởi có thể chương ngại định ý tính thân nên gọi là hệ. Sở dĩ vì sao? Vì có thể làm nhân cho 4 thứ loạn tâm. Nghĩa là do nhân tham ái tài vật v.v... khiến tâm tán loạn. Trong đấu tranh làm nhân cho những hành vi không chính đáng khiến tâm tán loạn. Trong các giới cấm khó thực hành làm nhân cho khổ não khiến tâm tán loạn, làm nhân cho sự theo đuổi tìm cầu cảnh giới không đúng chính lý khiến tâm tán loạn.

Cái có 5 thứ là tham dục cái, sân nhuế cái, hôn trầm thù miên cái, trạo cử ô tác cái, nghi cái. Có thể làm cho thiện phẩm không được hiển lộ rõ là nghĩa của cái. Nghĩa là lạc xuất gia vị, giác tà hạnh vị, ngăn chặn cử xả vị.

Chu ngọt có 3 là tham chu ngọt, sân chu ngọt, si chu ngọt. Do y chỉ tham sân si, trước tiên quán tập làm phương tiện nên thành tham v.v... các hành, tâm không điều thuận không kham năng việc gì, khó có thể giải thoát, khiến các hữu tình khó đoạn dứt hành này nên gọi là chu ngọt.

Cầu có 3 thứ là tham cầu, sân cầu, si cầu. Do y chỉ tham sân si nên hủy phạm Thi-la học xứ như vậy. Vì thế những người có trí đồng tu phạm hạnh hoặc ở nơi làng xóm, hoặc nơi vắng vẻ thấy đã làm như vậy nói rằng: Trưởng lão ấy làm những việc như vậy, những hạnh như vậy làm bất tịnh nhiễm ô làng xóm. Như vậy gọi là cầu.

Thiêu hại có 3 là tham thiêu hại, sân thiêu hại, si thiêu hại. Do y chỉ tham sân si nên thời gian lâu chịu sinh tử thiêu đốt não hại, nên gọi là thiêu hại.

Tiền có 3 thứ là tham tiền, sân tiền, si tiền. Do y chỉ tham sân si nên đối với hữu và hữu cụ khởi tâm truy cầu liên tục không dứt, đối với Phật pháp tăng khở tập diệt đạo thường sinh nghi hoặc, nên gọi là tiền.

Sở hữu có 3 thứ là tham sở hữu, sân sở hữu, si sở hữu. Do y chỉ tham sân si nên tích chứa tiền bạc của cải, có sợ, có oán phần nhiều ở trong tán loạn, nên gọi là sở hữu.

Ác hành có 3 thứ là tham ác hành, sân ác hành, si ác hành. Hằng làm các ác hành thân ngữ ý, nên gọi là ác hành. Lại nữa tức y nơi tham sân si môn này rộng sinh vô lượng ác bất thiện hạnh, nên thiết lập 3 bất thiện căn. Sở dĩ vì sao? Vì các hữu tình nhân yêu thích sở hữu thế gian mà làm các ác hạnh, nhân phân biệt oán tương thế gian mà làm các ác hạnh, nhân chấp trước tà pháp thế gian mà làm các ác hạnh. Cho nên tham sân si này cũng gọi là ác hạnh, cũng gọi là bất thiện căn.

Lậu có 3 thứ là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu khiến tâm liên miên trôi chảy tứ tán không dứt, nên gọi là lậu. Thế là thế nào? Dựa

vào ngoại môn trôi chảy nên lập ra dục lậu, dựa vào nội môn trôi chảy nên lập hữu lậu, dựa vào 2 môn kia trôi chảy nên lập vô minh lậu.

Quy có 3 thứ là tham quy, sân quy, si quy. Do y chỉ tham sân si nên đối với hữu và tư sinh cụ hể khởi tâm theo đuổi tìm cầu không biết chán đủ, thường bị các khổ nghèo thiếu não loạn, nên gọi là quy.

Nhiệt có 3 thứ là tham nhiệt, sân nhiệt, si nhiệt. Do y chỉ tham sân si nên chấp trước các vtướng, chấp trước tùy hảo không đúng chính lý. Do chấp trước tướng và tùy hảo nên nung đốt não loạn thân tâm, nên gọi là nhiệt.

Não có 3 thứ là tham sở hữu, sân sở hữu, si sở hữu. Do y chỉ tham sân si nên tùy theo chỗ đắm trước yêu thích nơi kia nếu biến hoại thì thêm sầu buồn than thở, va chạm bao nhiêu thứ lo âu buồn khổ, nên gọi là não

Tranh có 3 thứ là tham tranh, sân tranh, si tranh. Do y chỉ tham sân si nên cầm dao gậy nổi lên đấu tranh gây sự, nên tham v.v... gọi là tranh.

Xí nhiên có 3 là tham xí nhiên, sân xí nhiên, si xí nhiên. Do y chỉ tham sân si nên bị ngọn lửa tham lam phi pháp quá lớn thiêu đốt, ngọn lửa tham lam không bình đẳng quá lớn thiêu đốt và bị ngọn lửa tà pháp quá lớn thiêu đốt, nên gọi là xí nhiên.

Trù lâm có 3 là tham trừ lâm, sân trừ lâm, si trừ lâm. Do y chỉ tham sân si nên trong các hạnh sinh tử căn bản nổi lên nhiễm trước quá rộng khiến các hữu tình cảm nhiều thứ thân lưu chuyển trong ngũ thú, vì vậy nên tham v.v... gọi là trừ lâm.

Câu ngại có 3 là tham câu ngại, sân câu ngại, si câu ngại. Do y chỉ tham sân si nên tham luyện thân mạng tài sản không hiểu rõ lạc xứ, hỗn loạn huyền não, được chút thiện pháp đã cho là đủ. Do đó không thể tu các thiện pháp, nên gọi là câu ngại.

Những nghĩa môn phiền não như vậy có vô lượng sai biệt.

Những gì là tà hạnh? Là tham sân 2 phiền não. Mê cảnh giới và kiến khởi tà hạnh mạn. Mê hữu tình và kiến khởi tà hạnh Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến. Mê cảnh sở tri khởi tà hạnh kiến thủ, giới cấm thủ. Mê các kiến khởi tà hạnh nghi. Mê đối trị khởi tà hạnh vô minh. Mê tất cả khởi tà hạnh. Lại nữa, 10 phiền não đều mê khổ tập khởi các tà hạnh là vì nhân duyên sở y xứ kia. Lại nữa 10 phiền não đều mê diệt đạo khởi các tà hạnh là vì do đây có thể sinh sự sợ hãi kia.

Những gì là giới? Là trừ sân còn lại tất cả thông cả tam giới hệ. Sân chỉ có Dục giới hệ.

Lại nữa, tham ở Dục giới tương ưng cùng với lạc, hỷ, xả. Giống như ở Dục giới, 2 tinh lự đầu cũng vậy. Ở tinh lự thứ 3 tương ưng với lạc xả. Trở lên chỉ tương ưng với xả. Sân tương ưng với khổ, ưu, xả. Mạn ở Dục giới, tương ưng với hỷ, xả, ở 2 tinh lự đầu tương ưng với lạc, hỷ, xả. Ở tinh lự thứ 3 tương ưng với lạc, xả. Trở lên chỉ tương ưng với xả. Giống như mạn, Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, kiến thủ, giới cấm thủ cũng vậy. Tà kiến, ở Dục giới tương ưng với ưu, hỷ, xả. Ở Sắc, Vô sắc giới tùy chỗ có thụ thì đều cùng tương ưng. Nghi, ở Dục giới tương ưng với ưu, xả. Ở Sắc, Vô sắc giới tùy chỗ có thụ đều cùng tương ưng. Vô minh có 2 thứ là tương ưng và bất cộng. Tương ưng vô minh là vì tương ưng với tất cả phiền não. Nếu ở nơi nào tùy chỗ có thụ đều được tương ưng. Bất cộng vô minh là ở Dục giới thì tương ưng với ưu, xả. Ở thượng giới thì tùy chỗ có thụ đều được tương ưng.

Vì sao các phiền não đều tương ưng với xả? Vì tất cả phiền não rơi vào trung dung vị mới dứt hết. Lại nữa tham nơi Dục giới nó ở trong 6 thức thân. Giống như tham, sân vô minh cũng vậy. Tham nơi Sắc giới ở trong 4 thức thân, nơi Vô sắc giới ở trong ý thức thân. Giống như tham, vô minh cũng vậy. Mạn, kiến, nghi ở mọi nơi nó ở

tại ý thức thân. Lại nữa, tham sân mạn ở Dục giới duyên một phần sự chuyển. Giống như ở Dục giới, ở Sắc, Vô sắc giới cũng vậy. Ngoài ra các phiền não khác ở mọi nơi nó duyên khắp tất cả mọi sự chuyển.

Những gì là chúng? Là 2 chúng phiền não: 1. Kiến sở đoạn chúng. 2. Tu sở đoạn chúng. Kiến sở đoạn chúng lại có 4 thứ: 1. Kiến khổ sở đoạn chúng. 2. Kiến tập sở đoạn chúng. 3. Kiến diệt sở đoạn chúng. 4. Kiến đạo sở đoạn chúng. Dục giới kiến khổ sở đoạn đủ 10 phiền não. Giống như kiến khổ sở đoạn, kiến tập diệt đạo sở đoạn cũng vậy. Sắc giới kiến khổ v.v... 4 thứ sở đoạn mỗi thứ đều có 9 phiền não trừ sân. Giống như Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như vậy kiến sở đoạn phiền não chúng tổng cộng có 112 phiền não. Dục giới tu sở đoạn có 6 phiền não là câu sinh Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến và tham, sân, mạn, vô minh. Sắc giới tu sở đoạn có 5 phiền não trừ sân. Giống như Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như vậy tu sở đoạn phiền não chúng tổng cộng có 16 phiền não.

Những gì là đoạn? Là như sai biệt đoạn này, do tác ý đoạn này, từ đó mà được đoạn. Như sai biệt đoạn này tức là biến trí, là viễn ly, là được đối trị. Biến trí là nhân duyên sự biến trí, tự thể biến trí, quá hoạn biến trí. Viễn ly là tuy tạm sinh mà không kiên chấp. Được đối trị là chưa sinh thì khiến không sinh, đã sinh thì khiến đoạn nên được đối trị đạo. Do đây tác ý đoạn là những gì tác ý có thể đoạn u? Tổng duyên tác ý, quán tất cả pháp đều vô ngã tính, có thể đoạn phiền não, vô thường v.v... các hạnh. Chỉ vì tu trị vô ngã hạnh, nên từ đó mà được đoạn là từ gì mà được đoạn? Không từ quá khứ đã diệt, không từ vị lai chưa sinh, không từ hiện tại đạo không đầy đủ, nhưng từ các phiền não thô trọng mà được đoạn là đoạn. Như vậy như vậy các thô trọng sinh, như vậy như vậy đối trị. Nếu sự đối trị các phẩm này sinh thì thô trọng các phẩm này diệt. Bình đẳng bình đẳng như thế gian sáng sinh thì tối diệt. Do phẩm này ly hệ khiến các phiền não vị lai trụ trong pháp không sinh, nên gọi là đoạn.

Thế nào là phiền não tăng thượng sinh các nghiệp? Là tư nghiệp, tư dĩ nghiệp, nói chung là nghiệp tướng. Lại nữa có 5 thứ nghiệp: 1. Thủ thụ nghiệp. 2. Tác dụng nghiệp. 3. Gia hành nghiệp. 4. Chuyển biến nghiệp. 5. Chứng đắc nghiệp. Nay trong nghĩa này, ý nhiều phân biệt gia hành nghiệp.

Những gì là tư nghiệp? Là phúc nghiệp, phi phúc nghiệp, bất động nghiệp.

Những gì là tư dĩ nghiệp? Là thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp.

Lại nữa thân ngữ ý 3 nghiệp này, hoặc thiện hoặc bất thiện. Bất thiện tức 10 bất thiện nghiệp đạo. Nghĩa là sát sinh, không cho mà lấy, dục tà hạnh, nói lời lừa dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói lời tạp uế, tham dục, sân nhuế, tà kiến. Thiện tức 10 thiện nghiệp đạo. Nghĩa là liả bỏ sát sinh, liả bỏ việc không cho mà lấy, liả bỏ dục tà hạnh, liả bỏ lời lừa dối, liả bỏ lời ly gián, liả bỏ lời thô ác, liả bỏ lời tạp uế, không tham, không sân, chính kiến.

Lại nữa sát sinh v.v... nên dùng 5 môn phân biệt tướng của nó. Đó là sự, ý lạc, phương tiện, phiền não, cứu cánh.

Như khế kinh nói cổ tư tạo nghiệp. Thế nào là cổ tư tạo nghiệp? Nghĩa là người khác dạy bảo nên tư tạo nghiệp, người khác khuyên nên tư tạo nghiệp, không hiểu biết nên tư tạo nghiệp, căn bản chấp trước nên tư tạo nghiệp, điên đảo phân biệt nên tư tạo nghiệp. Trong đây căn bản chấp trước nên tư tạo nghiệp, điên đảo phân biệt nên tư tạo nghiệp, hoặc tạo tác hoặc tăng trưởng không gì là không thụ dị thực. Tác giả, là khởi tạo các nghiệp khiến chúng hiện hành. Tăng trưởng, là khiến tập khí tăng thêm.

Như khế kinh nói quyết định thụ nghiệp. Thế nào là quyết định thụ nghiệp? Là quyết định tác nghiệp, thụ dị thực quyết định, phần vị quyết định.

Quả dị thực của 10 bất thiện nghiệp đạo, là ở trong 3 ác thú tùy theo hạ trung thượng phẩm mà thụ dị thực của bàng sinh, ngạ quỷ, Na-lạc-ca. Quả đẳng lưu, là tùy theo tướng của nó mà ở trong cõi người cảm được quả tự thân, chúng cụ suy tổn. Quả tăng thượng, là tùy tướng của nó mà cảm được các việc sở hữu bên ngoài suy tổn, như kinh có nói rộng.

Quả dị thực của 10 thiện nghiệp đạo, là ở trong cõi nhân thiên thụ dị thực nhân thiên. Quả đẳng lưu, là ở nơi đó tùy theo tướng cảm được tự thân và chúng cụ hưng thịnh. Quả tăng thượng, là ở nơi đó tùy theo tướng cảm được sở hữu ngoại sự hưng thịnh.

Nghiệp thiện và bất thiện khi cảm sinh dị thực trong thiện thú ác thú có chiêu dẫn nghiệp và viên mãn nghiệp. Chiêu dẫn nghiệp, là do nghiệp này có thể chiêu cảm quả dị thực. Viên mãn nghiệp, là do nghiệp này sinh rồi lãnh thụ quả yêu thích không yêu thích. Có nghiệp do một nghiệp lực dẫn dắt được một thân, có nghiệp do một nghiệp lực dẫn dắt được nhiều thân, có nghiệp do nhiều nghiệp lực dẫn dắt được một thân, có nghiệp do nhiều nghiệp lực dẫn dắt được nhiều thân, nếu một hữu tình thành tựu nhiều nghiệp.

Thế nào là thứ tự thụ quả dị thực? Ở trong thân cái trọng sẽ thực trước, hoặc khi sắp chết nó hiện tiền, hoặc cái trước đã tập nhiều lần, hoặc cái đã làm trước tiên, chúng sẽ trở thành dị thực trước.

Như khế kinh nói có 3 thứ nghiệp là phúc nghiệp, phi phúc nghiệp và bất động nghiệp.

Những gì là phúc nghiệp? Là Dục giới hệ thiện nghiệp. Những gì là phi phúc nghiệp? Là bất thiện nghiệp. Những gì là bất động nghiệp? Là Sắc, Vô sắc giới hệ thiện nghiệp.

Như khế kinh nói vô minh duyên hành nếu là phúc phi phúc cùng với bất động. Thế nào là phúc và bất động hành duyên vô minh sinh? Có 2 thứ ngu: 1. Ngu quả dị thực. 2. Ngu nghĩa chân thật. Do

ngu quả dị thực nên phát khởi các hành phi phúc. Do ngu nghĩa chân thật nên phát khởi các hành phúc và bất động.

Sát sinh nghiệp đạo, tham sân si làm phương tiện do sân cứu cánh. Như sát sinh, lời thô ác, sân nhuế nghiệp đạo cũng vậy. Bất dữ thủ nghiệp đạo, tham sân si làm phương tiện do tham cứu cánh. Như bất dữ thủ, dục tà hạnh, tham dục nghiệp đạo cũng vậy. Hư cuồng ngữ nghiệp đạo, tham sân si làm phương tiện, trong 3 thứ tùy theo do một thứ làm cứu cánh. Như hư cuồng ngữ, ly gián ngữ, tạp uế ngữ nghiệp đạo cũng vậy. Tà kiến nghiệp đạo tham sân si làm phương tiện do si cứu cánh.

Như kế kinh nói có cộng nghiệp có bất cộng nghiệp, có cường lực nghiệp, có liệt lực nghiệp.

Thế nào là cộng nghiệp? Là nghiệp có thể khiến các thứ sai biệt khí thể gian.

Thế nào là bất cộng nghiệp? Là nghiệp có thể khiến các sai biệt của hữu tình thể gian.

Lại có nghiệp khiến các hữu tình lần hồi tăng thượng. Do nghiệp lực này nói các hữu tình trông vọng vào nhau làm duyên tăng thượng, vì chúng có sức tăng thượng lẫn nhau nên cũng gọi là cộng nghiệp. Vì vậy cho nên kinh nói các hữu tình như vậy cùng các hữu tình khác trông thấy nhau mà không thụ dụng là chuyện không dễ.

Thế nào là cường lực nghiệp? Là sức đối trị Bồ-đặc-già-la mạnh nên các bất thiện nghiệp tư sở tạo do sức đối trị nhiếp phục nên khiến nghiệp Na-lạc-ca sẽ thụ chuyển thành hiện pháp thụ, nghiệp phải hiện pháp thụ chuyển khiến không thụ. Sở dĩ nghiệp này gọi là cường lực là do sức mạnh có thể đối trị nghiệp. Lại nữa tư sở tạo tất cả thiện nghiệp đều gọi là cương lực. Dựa vào nghiệp này nên Bạc-già-phạm nói: Các Thánh đệ tử của ta có thể dùng vô lượng nghiệp rộng lớn khéo huân tập vào tâm mình. Các nghiệp tạo tác hữu lượng không

thể dẫn dắt, không thể lưu trú, cũng không thể khiến rơi vào trong số đó. Lại nữa sức đối trị Bồ-đặc-già-la yếu nên các bất thiện nghiệp tư sở tạo trông vọng các thiện nghiệp đều gọi là cường lực. Lại nữa cố tư tạo nghiệp dị thực quyết định khổ đoạn không biết, gọi là cường lực nghiệp. Trong đây ý nói rằng tất cả thiện bất thiện nghiệp dị thực quyết định, sức Thánh đạo không đoạn, đều gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa Dục giới hệ, tính của các bất thiện nghiệp đều là cường lực. Lại nữa những gì trước đã quen tập đều gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa y vào cường vị gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa các nghiệp tạo ra không thể đối trị gọi là cường lực nghiệp, vì không có pháp Niết-bàn. Lại nữa do ruộng nên phát cường lực nghiệp. Lại nữa do tâm gia hành nên phát cường lực nghiệp. Lại nữa do 9 thứ nhân phát cường lực nghiệp. Nghĩa là do ruộng, sự, tự thể, sở y, tác ý, ý lạc, trợ bạn, tu tập nhiều, cùng nhiều chúng sinh thực hành.

Trái với đây là liệt lực nghiệp. Như Thế Tôn nói: Nếu có nói rằng các trượng phu Bồ-đặc-già-la kia tùy theo các nghiệp như vậy, hoặc tạo tác hoặc tăng trưởng trở lại thụ các dị thực như vậy, nếu có việc đó thì lại không nên tu Phạm hạnh thanh tịnh, cũng không thể biết chính xác hết các khổ và biên giới của tạo tác khổ. Nếu có nói rằng các trượng phu Bồ-đặc-già-la kia tùy thuận theo các chỗ thụ nghiệp như vậy, hoặc tạo tác hoặc tăng trưởng trở lại thụ thuận theo các chỗ thụ nghiệp như vậy, nếu có việc đó thì lại nên tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, lại cũng có thể biết chính xác hết các khổ và biên giới của tạo tác khổ.

Kinh nói như vậy là có mật ý gì? Trong đây ý của Phật là muốn ngăn chặn những tà thuyết ấy. Nghĩa là lạc câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được lạc câu hành dị thực, khổ câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được khổ câu hành dị thực, bất khổ bất lạc câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được bất khổ bất lạc câu hành dị thực, cho nên nói như vậy. Lại nữa để chấp nhận chính thuyết như vậy, nghĩa là lạc câu

hành nghiệp thuận lạc thụ thì trở lại thụ lạc dị thực, thuận khổ thụ thì trở lại thụ khổ dị thực, thuận bất khổ bất lạc thụ thì trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực. Bất khổ bất lạc câu hành nghiệp thuận lạc thụ thì trở lại thụ lạc dị thực, thuận khổ thụ thì trở lại thụ khổ dị thực, thuận bất khổ bất lạc thụ thì trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực. Như vậy là mật ý của kinh này.

Lại nữa nghiệp sai biệt có 3 thứ, đó là luật nghi nghiệp, bất luật nghi nghiệp và phi luật nghi phi bất luật nghi nghiệp.

Thế nào là luật nghi nghiệp? Là những nghiệp gồm trong biệt giải thoát luật nghi, những nghiệp gồm trong tĩnh lự luật nghi, những nghiệp gồm trong vô lậu luật nghi.

Những nghiệp gồm trong biệt giải thoát luật nghi tức là những luật nghi của 7 chúng thụ trì: đó là Bí-sô luật nghi, Bí-sô-ni luật nghi, Thức-xoa-ma-na luật nghi, Cần sách luật nghi, Cần sách nữ luật nghi, Ô-ba-sách-ca luật nghi, Ô-ba-tur-ca luật nghi và Cận trụ luật nghi.

Dựa vào những Bồ-đặc-già-la nào thiết lập xuất gia luật nghi? Dựa vào những Bồ-đặc-già-la có thể tu hành xa lìa ác hạnh, xa lìa dục hạnh.

Dựa vào những Bồ-đặc-già-la nào thiết lập Ô-ba-sách-ca luật nghi, Ô-ba-tur-ca luật nghi? Dựa vào những Bồ-đặc-già-la có thể tận thụ xa lìa ác hạnh, không xa lìa dục hạnh.

Dựa vào những Bồ-đặc-già-la nào thiết lập Cận trụ luật nghi? Dựa vào những Bồ-đặc-già-la không thể xa lìa ác hạnh, và không thể xa lìa dục hạnh.

Nếu chỉ tu học một phần học xứ của Ô-ba-sách-ca mà nói là thành tựu Ô-ba-sách-ca luật nghi hay nói là không thành tựu? Nên nói là thành tựu mà gọi là phạm giới. Phiến-sai-bán-trạch-ca v.v... là ngăn chúng thụ Ô-ba-sách-ca luật nghi chăng? Không ngăn chúng

thụ Ô-ba-sách-ca luật nghi, nhưng ngăn chúng Ô-ba-sách-ca tính không được thân cận thừa sự 2 chúng xuất gia là Bí-sô, Bí-sô-ni. Lại nữa Bán-trạch-ca có 5 loại là sinh tiện Bán-trạch-ca, tất đồ Bán-trạch-ca, bán nguyệt Bán-trạch-ca, quán sái Bán-trạch-ca, trừ khử Bán-trạch-ca.

Các nghiệp gồm trong tĩnh lự luật nghi, là có thể tổn phục sự phát khởi chủng tử phiền não phạm giới, xa lìa sở hữu của người ly dục Dục giới, xa lìa sở hữu của người ly dục sơ tĩnh lự, xa lìa sở hữu của người ly dục đệ nhị tĩnh lự, xa lìa sở hữu của người ly dục đệ tam tĩnh lự. Đó gọi là thân ngữ nghiệp gồm trong tĩnh lự luật nghi.

Các nghiệp gồm trong vô lậu luật nghi, là người kiến đế do sức tác ý vô lậu, được vô lậu xa lìa giới tính. Đó gọi là các nghiệp gồm trong vô lậu luật nghi.

Thế nào là bất luật nghi nghiệp? Là những người không có luật nghi, hoặc do sinh vào trong chủng tính ấy, hoặc do nghề nghiệp, trong thời gian hành nghề ấy quyết định. Những ai là người không luật nghi? Đó là những người giết mổ súc vật, nuôi gà, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, săn bắn, bẫy sập, đầu đảng giặc cướp, cầm giữ bò, trói buộc voi, lập đàn chú thuật, cai ngục, gièm siểm hóa tốt ra xấu làm tổn hại v.v...

Thế nào là phi luật nghi phi bất luật nghi nghiệp? Là nghiệp thiện bất thiện của những người trụ phi luật nghi phi bất luật nghi.

Lại nữa nghiệp sai biệt có 3 thứ, là thuận lạc thụ nghiệp, thuận khổ thụ nghiệp và thuận bất khổ bất lạc thụ nghiệp.

Thuận lạc thụ nghiệp là những nghiệp thiện từ Dục giới cho đến đệ tam tĩnh lự. Thuận khổ thụ nghiệp là nghiệp bất thiện. Thuận bất khổ bất lạc thụ nghiệp là những nghiệp thiện từ đệ tam tĩnh lự trở lên.

Lại nữa nghiệp sai biệt có 3 thứ, là thuận hiện pháp thụ nghiệp, thuận sinh thụ nghiệp và thuận hậu thụ nghiệp.

Thuận hiện pháp thụ nghiệp là nếu nghiệp thành thực dị thực trong hiện pháp. Nghĩa là từ từ định khởi rồi, nơi các tạo tác kia hoặc tổn hoặc ích đều được hiện dị thực. Giống như từ định khởi, từ vô tránh định khởi, từ diệt định khởi, từ dự lưu quả khởi, từ A-la-hán quả khởi cũng vậy. Lại nữa đối với Phật là thượng thủ, trong tăng tạo thiện ác nghiệp quyết được hiện dị thực. Lại nữa có có các phương tiện ý lạc mạnh mẽ nhạy bén làm các nghiệp thiện bất thiện cũng được hiện dị thực. Thuận sinh thụ nghiệp là nếu nghiệp ở trong vô gián sinh thành thực dị thực. Tức là nghiệp 5 vô gián. Lại có các nghiệp thiện bất thiện khác trong vô gián sinh thực dị thực, tất cả đều gọi là thuận sinh thụ nghiệp. Thuận hậu thụ nghiệp là nếu nghiệp trong vô gián sinh, sau thành thực dị thực, đó gọi là thuận hậu thụ nghiệp.

Lại nữa nghiệp sai biệt có 4 thứ, là hắc hắc dị thực nghiệp, bạch bạch dị thực nghiệp, hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp, phi hắc bạch vô dị thực nghiệp, có thể hết các nghiệp.

Hắc hắc dị thực nghiệp là bất thiện nghiệp. Bạch bạch dị thực nghiệp là tam giới thiện nghiệp. Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp là Dục giới hệ tạp nghiệp. Hoặc có nghiệp vì ý lạc nên hắc, vì phương tiện nên bạch. Hoặc có nghiệp vì phương tiện nên hắc, vì ý lạc nên bạch. Phi hắc bạch không dị thực nghiệp có thể hết các nghiệp, nghĩa là các nghiệp vô lậu trong gia hành vô gián đạo. Gồm chung tất cả nghiệp vô lậu, có các chương ngại thì tùy thuận thể tính theo thứ tự của nó mà thiết lập tà, uế trước v.v... các nghiệp nhiễm ô, tịnh mâu-ni v.v... các nghiệp thanh tịnh.

Lại nữa có thí v.v... các nghiệp thanh tịnh. Thế nào là nghiệp thí? Nghĩa là nhân duyên, đặng khởi, xứ sở, tự thể, phân biệt các nghiệp thí. Nhân duyên, là các thiện căn không tham, không sân, không si. Đặng khởi, là cùng làm với kia. Tự xứ sở, là vật sở thí. Tự thể, là nghiệp thân ngữ ý khi hành thí. Thế nào là thí viên mãn? Là

thường xuyên thí, thí không thiên lệch, tùy theo yêu cầu mà thí đầy đủ là thí được viên mãn. Lại nữa thí không sở y, thí rộng thanh tịnh, thí cực hoan hỷ, thí thường xuyên, thí điền khí, thí khéo phân bố mới cũ là thí được viên mãn. Thế nào là phải biết thí vật viên mãn? Là những tài vật sở thí không phải do lừa đảo mà được, tài vật sở thí không phải do xâm đoạt mà được, tài vật sở thí không ô uế, tài vật sở thí là thanh tịnh, tái vật sở thí là như pháp. Phải biết những thí vật như vậy là viên mãn.

Như khế kinh nói thành tựu Thi-la, khéo có thể phòng hộ biệt giải thoát luật nghi, mọi quĩ tắc hành trì đều viên mãn, thấy tội lỗi nhỏ phải sinh sợ hãi lớn, phải thụ học tốt các học xứ.

Thế nào là thành tựu Thi-la? Là khéo thụ trì khéo phòng hộ Thi-la. Thế nào là khéo phòng hộ biệt giải thoát luật nghi? Là khéo hộ trì xuất ly Thi-la. Thế nào là mọi quĩ tắc hành trì đều viên mãn? Là đầy đủ tịnh Thi-la khó bị hủy hoại. Thế nào là thấy tội lỗi nhỏ sinh sợ hãi lớn? Là dũng mãnh cung kính đối với Thi-la được học. Thế nào là thụ học tốt viên mãn các học xứ? Là thụ học các Thi-la được học nên từ đó về sau dựa vào Thi-la giải thích các nghĩa về hộ thân trong kinh Phật. Thế nào là phòng hộ thân ngữ? Là do hiểu đúng chỗ nhiếp trì. Thế nào là thân ngữ cụ túc viên mãn? Là hoàn toàn không hủy phạm những gì hủy phạm. Thế nào là thân ngữ hiện hành thanh tịnh? Là do không hối hận v.v... lần lượt tu hành cho đến được định làm y chỉ. Thế nào là thân ngữ hiện hành cực thiện? Là nhiệm ô tầm tư không xen lẫn. Thế nào là thân ngữ hiện hành vô tội? Là xa lìa tà nguyện, tu Phạm hạnh. Thế nào là thân ngữ hiện hành vô hại? Là không khinh chê người khác, dễ dàng ở chung. Thế nào là thân ngữ hiện hành tùy thuận? Là do có thể tùy thuận được Niết-bàn. Thế nào là thân ngữ hiện hành tùy ẩn hiển? Là vì ẩn ác hiển thiện. Thế nào là thân ngữ hiện hành thân thiện? Là đồng với người Phạm hạnh nhiếp thụ Thi-la. Thế nào là thân ngữ hiện hành ứng nghi? Là vì lìa kiêu

mạn đối với bậc đáng tôn trọng. Thế nào là thân ngữ hiện hành kính thuận? Là vì tùy thuận tiếp nhận giáo hội của các bậc tôn kính. Thế nào là thân ngữ hiện hành vô nhiệt? Là vì lia khổ hạnh nhiệt não, dục giải thấp kém. Thế nào là thân ngữ hiện hành bất não? Là xả bỏ tài nghiệp không hối não. Thế nào là thân ngữ hiện hành vô hối? Là tuy được một phần ít không lấy đó làm vui mừng mà không hối hận. Như Thế Tôn nói: Như vậy hữu tình đều do nghiệp của chính mình, nghiệp sinh mâu thuẫn, từ nghiệp sinh, y nghiệp xuất ly, nghiệp có thể phân biệt tất cả hữu tình cao thấp hơn kém. Thế nào là hữu tình đều do nghiệp của chính mình? Là do tự tạo nghiệp mà thụ dị thực. Thế nào là nghiệp sinh mâu thuẫn? Là khi thụ tự nghiệp được dị thực, nghiệp thiện và bất thiện trái chống nhau. Thế nào là từ nghiệp sinh? Là các hữu tình xa lia vô nhân, ác nhân mà chỉ từ nghiệp sinh ra. Thế nào là y nghiệp xuất ly? Là y vào nghiệp đối trị giải tỏa nghiệp trói buộc. Thế nào là do nghiệp mà hữu tình cao thấp? Là do nghiệp nên trong thiên ác thú được tự thể sai biệt. Thế nào là hơn kém? Là các hữu tình thành tự sai biệt của công đức và lỗi lầm.

Như Thế Tôn nói nghiệp dị thực của hữu tình không thể nghĩ bàn. Thế nào là nghiệp dị thực có thể nghĩ bàn, thế nào là nghiệp dị thực không thể nghĩ bàn? Nghĩa là các thiện nghiệp, trong cõi nhân thiên được dị thực đáng ưa thích, đó là có thể nghĩ bàn. Các bất thiện nghiệp đọa 3 ác thú được dị thực không ưa thích, đó là có thể nghĩ bàn. Do nơi nghiệp này cảm các hữu tình tự thân dị thực v.v... các thứ sai biệt là không thể nghĩ bàn. Lại nữa tứ thiện bất thiện nghiệp, xứ sai biệt, sự sai biệt, nhân sai biệt, dị thực sai biệt, phẩm loại sai biệt v.v... đều là không thể nghĩ bàn. Lại có các thứ ngoại sự sai biệt có thể cảm nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Lại nữa ngọc Mạt-ni, dược thảo, chú thuật tương ưng nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Lại nữa uy đức nghiệp dụng của hành giả tu quán không thể nghĩ bàn. Lại nữa nghiệp dụng tự tại của chư Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Như

là mạng tự tại, tâm tự tại, tài tự tại, nghiệp tự tại, sinh tự tại, thắng giải tự tại, nguyện tự tại, thần thông tự tại, trí tự tại, pháp tự tại. Chư Đại Bồ-tát do các sức tự tại như vậy nên các nghiệp dụng làm ra không thể nghĩ bàn. Lại nữa các sở tác các nghiệp dụng sở tác của tất cả chư Phật là không thể nghĩ bàn. Như vậy tập để tổng quát có 4 thứ hành tướng sai biệt. Đó là nhân tướng, tập tướng, sinh tướng và duyên tướng.

Thế nào là nhân tướng? Là có thể dẫn phát, lại có nhân tập khí, gọi là nhân tướng. Thế nào là tập tướng? Là các hữu tình chứa nhóm tập khí, làm nhân đặng khởi cho các loại hữu tình khác, gọi là tập tướng. Thế nào là sinh tướng? Là trong nội thân riêng biệt có vô lượng phẩm loại sinh nhân sai biệt, gọi là sinh tướng. Thế nào là duyên tướng? Là các hữu tình riêng biệt được xả nhân, gọi là duyên tướng.

HẾT QUYỂN 4

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 5

Phẩm 1 - 3: PHẨM ĐẾ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Sao gọi là diệt đế? Là tướng, là thậm thâm, là thế tục, là thắng nghĩa, là không viên mãn, là viên mãn, là không trang nghiêm, là trang nghiêm, là hữu dư, là vô dư, là tối thắng, là sai biệt phân biệt diệt đế.

Những gì là tướng? Nghĩa là chân như Thánh đạo phiền não không sinh. Như diệt y, như năng diệt, như diệt tính là tướng của diệt đế. Như Thế Tôn nói: Nhãn nhĩ cùng với tỷ thiệt thân cùng với ý nơi đây danh sắc rốt ráo diệt không sót. Lại nói: Cho nên các người nay phải quán sát nơi đó. Như nơi đây nhãn rốt ráo diệt, xa lìa sắc tướng, cho đến ý rốt ráo diệt xa lìa pháp tướng. Do đạo lý này hiển thị sở duyên. Trên cảnh chân như pháp hữu lậu diệt, đó là tướng của diệt đế.

Thế nào là thậm thâm? Nghĩa là các hành của nó rốt ráo tịch diệt. Tịch diệt như vậy mà trông vọng các hành của nó thì không thể nói là khác, không thể nói là không khác, không thể nói là cũng khác cũng không khác, không thể nói chẳng phải khác chẳng phải không khác. Sở dĩ vì sao? Vì không hý luận. Ở trong nghĩa này nếu sinh hý luận thì chẳng phải chính tư nghị, phi đạo, phi như, cũng chẳng phải phương tiện tư duy khéo léo. Như Thế Tôn nói: Sáu xúc xứ đây hoàn

toàn lia đục, diệt, vắng lặng, mất v.v... nếu bảo là có khác, nếu bảo là không khác, nếu bảo là chẳng phải có khác chẳng phải không khác, thì đều là ở nơi không hý luận lại sinh hý luận. Cho đến 6 xứ có thể có các hý luận. Sáu xứ đã tuyệt diệt các hý luận tức là Niết-bàn.

Những gì là thế tục? Nghĩa là dùng thế gian đạo xô dẹp chúng tử được diệt. Cho nên Thế Tôn đặc biệt gọi đó là phần Niết-bàn.

Những gì là thắng nghĩa? Nghĩa là dùng Thánh tuệ vĩnh viễn nhổ bỏ chúng tử được diệt.

Những gì là không viên mãn? Là các hữu học, hoặc những gì có diệt ở trong quả dự lưu, hoặc ở trong quả nhất lai, hoặc ở trong quả bất hoàn v.v...

Những gì là viên mãn? Là những gì có diệt gồm trong quả các vô học A-la-hán.

Những gì là không trang nghiêm? Là những gì có diệt trong tuệ giải thoát A-la-hán.

Những gì là có trang nghiêm? Là những gì có diệt trong câu phần giải thoát, 3 minh 6 thông A-la-hán v.v...

Những gì là hữu dư? Là hữu dư y diệt.

Những gì là vô dư? Là vô dư y diệt.

Những gì là tối thắng? Là những gì có diệt trong vô trụ Niết-bàn của Chư Phật Bồ-tát để thường an trụ trong việc lợi lạc tất cả hữu tình.

Những gì là sai biệt? Là vĩnh viễn đoạn trừ không sót, vĩnh viễn ra khỏi, vĩnh viễn nhổ bỏ, hết, lia đục, diệt, vắng lặng, mất v.v...

Vì sao gọi là vĩnh viễn đoạn trừ không sót? Là do các câu sau. Vì sao gọi là vĩnh viễn ra khỏi? Là vì vĩnh viễn ra khỏi các trói buộc. Vì sao gọi là vĩnh viễn nhổ bỏ? Là vĩnh viễn nhổ bỏ các tùy miên. Vì

sao gọi là hết? Là vì kiến đạo đối trị được lìa sự trói buộc. Vì sao gọi là lìa dục? Vì tu đạo đối trị được lìa sự trói buộc. Vì sao gọi là diệt? Vì về sau quả khổ không sinh. Vì sao gọi là vắng lặng? Vì ở trong hiện pháp quả kia tâm khổ vĩnh viễn không hiện hành. Vì sao gọi là mất? Vì các việc khác vĩnh viễn diệt mất. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô vi? Vì lìa 3 tướng. Vì sao cái diệt này lại gọi là khó thấy? Vì vượt quá cảnh của nhục nhãn, thiên nhãn. Vì sao cái diệt này lại gọi là không chuyển? Vì vĩnh viễn lìa sự chuyển đổi sai biệt của các thú. Vì sao cái diệt này lại gọi là không thấp hèn khuất phục? Vì lìa 3 ái. Vì sao cái diệt này lại gọi là cam lồ? Vì lìa uẩn ma. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô lậu? Vì vĩnh viễn lìa tất cả phiền não ma. Vì sao cái diệt này lại gọi là nhà cửa? Vì là nơi nương tựa của những vui mừng vô tội. Vì sao cái diệt này lại gọi là cồn bãi? Vì cách tuyệt 3 cõi. Vì sao cái diệt này lại gọi là rộng cứu giúp? Vì có thể ngăn chặn tất cả tai hoạn lớn. Vì sao cái diệt này lại gọi là quy y? Vì là nơi nương tựa các phương tiện ý lạc không hư dối. Vì sao cái diệt này lại gọi là thắng quy thú? Vì có thể làm chỗ sở y cho sự quy hướng đến Thánh tính tối thắng. Vì sao cái diệt này lại gọi là bất tử? Vì vĩnh viễn lìa sự sinh. Vì sao cái diệt này lại gọi là không nhiệt não? Vì vĩnh viễn lìa tất cả phiền não nóng bức, vĩnh viễn lìa tất cả sầu buồn khổ não. Vì sao cái diệt này lại gọi là an ổn? Vì là nơi nương tựa của sự lìa sợ hãi. Vì sao cái diệt này lại gọi là mát mẻ? Vì là nơi sở y của các sự lợi ích. Vì sao cái diệt này lại gọi là việc vui? Vì là cái vui đệ nhất nghĩa. Vì sao cái diệt này lại gọi là hướng đến chỗ tốt lành? Vì là chỗ sở y của phương tiện dễ tu chứng đắc. Vì sao cái diệt này lại gọi là không bệnh? Vì vĩnh viễn lìa tất cả bệnh chướng ngại. Vì sao cái diệt này lại gọi là bất động? Vì vĩnh viễn lìa tất cả tán động. Vì sao cái diệt này lại gọi là Niết-bàn? Vì là chỗ sở y của đại an lạc trụ vô tướng tịch diệt. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô sinh? Vì lìa sự tiếp tục sinh. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô khởi? Vì vĩnh viễn lìa sự sinh khởi về sau. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô tạo? Vì vĩnh viễn lìa các nghiệp đời trước do thế

lực phiền não dấy dẫn. Vì sao cái diệt này lại gọi là vô tác? Vì chỗ sở y của phiền não không làm các nghiệp hiện tại. Vì sao cái diệt này lại gọi là bất sinh? Vì vĩnh viễn lìa sự tương tục sinh đời sau.

Như vậy diệt để tổng quát có 4 thứ hành tướng sai biệt. Đó là diệt tướng, tĩnh tướng, diệu tướng, ly tướng.

Thế nào là diệt tướng? Vì phiền não ly hệ. Thế nào là tĩnh tướng? Vì khổ ly hệ. Thế nào là diệu tướng? Vì an lạc tịch tĩnh. Thế nào là ly tướng? Vì thường làm việc lợi ích.

Sao gọi là đạo đế? Nghĩa là do đạo này nên biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Đó là nói sơ lược tướng của đạo đế. Đạo có 5 thứ, là tư lương đạo, gia hành đạo, kiến đạo, tu đạo và cứu cánh đạo.

Những gì là tư lương đạo? Nghĩa là các dị sinh có Thi-la, giữ gìn căn môn, ăn uống biết lượng, đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu chỉ quán, trụ ở chính tri. Lại nữa nếu còn có dư thì tiến tập các thiện. Văn thành tuệ, tư thành tuệ, tu thành tuệ. Tu tập như thế nên được thành khí tính sở y của hiện quán giải thoát.

Những gì là gia hành đạo? Nghĩa là có tư lương đạo đều là gia hành đạo. Hoặc có gia hành đạo chẳng phải tư lương đạo. Nghĩa là người đã chứa nhóm tư lương đạo thì có được thiện căn thuận quyết trách phần là noãn pháp, đỉnh pháp, thuận đế nhãn pháp, thế đệ nhất pháp.

Thế nào là noãn pháp? Là các nội chứng riêng biệt ở trong các đế, sáng tỏ được Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ưng với nó.

Thế nào là đỉnh pháp? Là các nội chứng riêng biệt ở trong các đế, sáng tỏ tạng Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ưng với nó.

Thế nào là thuận đế nhãn pháp? Là các nội chứng riêng biệt ở trong các đế, một phần đã nhập tùy thuận Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ưng với nó.

Thế nào là thế đệ nhất pháp? Là các nội chứng riêng biệt ở trong các đế, tâm vô gián Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ứng với nó.

Những gì là kiến đạo? Nếu nói tổng quát là thế đệ nhất pháp, vô gián, vô sở đắc Tam-ma-địa Bát-nhã và các pháp tương ứng với nó. Lại nữa sở duyên, năng duyên, bình đẳng, bình đẳng trí là tướng của nó. Lại nữa khiến trừ các hữu tình giả, pháp giả riêng biệt, khiến trừ khắp 2 giả sở duyên pháp trí làm tướng. Nếu nói riêng về kiến đạo sai biệt thì đó là vô gián khổ pháp trí, nhãn khổ pháp trí, khổ loại trí, nhãn khổ loại trí, tập pháp trí, nhãn tập pháp trí, tập loại trí, nhãn tập loại trí, diệt pháp trí, nhãn diệt pháp trí, diệt loại trí, nhãn diệt loại trí, đạo pháp trí, nhãn đạo pháp trí, đạo loại trí, nhãn đạo loại trí của thế đệ nhất pháp. Như vậy 16 trí nhãn là tướng sai biệt của kiến đạo.

Thế nào là khổ? Nghĩa là khổ đế. Thế nào là khổ pháp? Nghĩa là khổ đế tăng thượng khởi lên giáo pháp. Thế nào là pháp trí? Là pháp trí quán sát để tăng thượng trong gia hành đạo. Thế nào là trí nhãn? Nghĩa là trước quán sát sức tăng thượng nên trong các biệt khổ để khởi hiện chứng tuệ vô lậu. Do tuệ này nên vĩnh viễn xả bỏ kiến khổ, đoạn tất cả phiền não, cho nên gọi là khổ pháp trí nhãn. Thế nào là khổ pháp trí? Nghĩa là nhãn vô gián là do trí này. Ở trước có nói giải thoát phiền não mà được tác chứng, nên gọi là khổ pháp trí. Thế nào là khổ loại trí nhãn? Nghĩa là khổ pháp trí vô gián sinh tuệ vô lậu, trong khổ pháp trí nhãn và khổ pháp trí các biệt nội chứng nói các Thánh pháp sau đều là chủng loại này, cho nên gọi là khổ loại trí nhãn. Thế nào là khổ loại trí? Nghĩa là cái vô gián này sinh trí vô lậu, thâm định ẩn khả khổ loại trí nhãn, cho nên gọi là khổ loại trí. Như vậy trong các đế khác tùy chỗ thích ứng phải biết hết các nhãn các trí.

Ở trong vị này do pháp nhãn pháp trí giác ngộ sở thủ, do loại nhãn loại trí giác ngộ năng thủ. Lại nữa trong tất cả nhãn trí vị gọi

là an trụ vô tướng quán, tức như vậy 16 tâm sát-na gọi là kiến đạo, trong trí sở tri cảnh sinh cứu cánh gọi là một sát-na.

Tất cả đạo để do 4 thứ tương ưng tùy giác liễu. Đó là an lập, tư duy, chứng thụ và viên mãn.

Thế nào là an lập? Nghĩa là Thanh Văn v.v...tùy tự sở chứng đã được cứu cánh, vì muốn khiến người khác cũng hiểu rõ nên do hậu đắc trí dùng vô lượng thứ danh cú văn thân an lập đạo để.

Thế nào là tư duy? Nghĩa là chính tu tập phương tiện hiện quán, dùng thế gian trí, như chỗ an lập tư duy tu tập.

Thế nào là chứng thụ? Nghĩa là như vậy tu tập nhiều lần đã được tự nội chứng thụ trước tiên kiến đạo chính xuất thế gian vô hý luận vị.

Thế nào là viên mãn? Nghĩa là sau vị này chuyển y viên mãn cho đến chứng được cứu cánh. Đã chứng đắc cứu cánh vị rồi, lại do hậu đắc trí dùng danh cú văn thân an lập đạo để.

Như khế kinh nói: Viễn trần ly cấu, trong các pháp sinh chính pháp nhãn. Đó là y theo kiến đạo mà nói các pháp nhãn có thể xa trần, các pháp trí có thể lia cấu, biết khắp tất cả, vĩnh viễn đoạn trừ nên đạo được thanh tịnh.

Như khế kinh nói: Kiến pháp, đắc pháp, cực thông đạt pháp, cứu cánh kiên pháp, vượt qua tất cả sự mong chờ, nghi hoặc, không nhờ duyên khác. Với những gì Đại sư dạy, ngoài ra không có gì có thể lôi kéo. Ở trong các pháp được không sợ hãi. Đây cũng y theo kiến đạo mà nói. Kiến pháp, là các pháp nhãn. Đắc pháp, là các pháp trí. Cực thông đạt pháp, là các loại nhãn. Cứu cánh kiên pháp, là các loại trí. Vượt qua tất cả sự mong chờ, là do các nhãn trí đối với tự sở chứng không lo âu mong chờ. Vượt qua tất cả nghi hoặc, là ở trong vị này không có do dự đối với tha sở chứng. Không nhờ duyên khác, là trong chỗ tu đạo không ai lôi kéo, tự nhiên thiện xảo. Ở trong sự

giáo hóa của Đại sư, không có ai khác có thể lôi kéo, nghĩa là với Thánh giáo của Phật thì không bị tà đạo lôi kéo. Ở trong các pháp được không sợ hãi, là y nơi sở chứng, trong vấn ký pháp hoàn toàn không có tâm hèn kém khiếp sợ.

Những gì là tu đạo? Nghĩa là trên kiến đạo có thể gian đạo, xuất thế gian đạo, duyên đạo, trung đạo, thượng đạo, gia hành đạo, vô gián đạo, giải thoát đạo, thắng tiến đạo v.v... đều gọi là tu đạo.

Thế nào là thế gian đạo? Là thế gian sơ tĩnh lự, đệ nhị tĩnh lự, đệ tam tĩnh lự, đệ tứ tĩnh lự, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy tĩnh lự vô sắc do 4 thứ tướng, phải rộng phân biệt. Đó là tạp nhiễm, thanh bạch, kiến lập, thanh tịnh.

Những gì là tạp nhiễm? Là 4 thứ vô ký căn: 1. Ái. 2. kiến. 3. Mạn. 4. Vô minh. Do có ái nên trên mùi vị của nó tĩnh lự bị nhiễm tạp nhiễm. Do có kiến nên trên kiến, tĩnh lự bị nhiễm tạp nhiễm. Do có mạn nên trên mạn, tĩnh lự bị nhiễm tạp nhiễm. Do vô minh nên trên nghi, tĩnh lự bị nhiễm tạp nhiễm. Như vậy phiền não hằng nhiễm tâm ấy khiến phiền não, tùy phiền não của Sắc, Vô sắc giới liên tục lưu chuyển.

Những gì là thanh bạch? Là tĩnh tĩnh lự vô sắc. Do tính nó thiện nên gọi là thanh bạch.

Những gì là kiến lập? Có 4 thứ kiến lập là chi phần kiến lập, đẳng chí kiến lập, phẩm loại kiến lập, và danh tướng kiến lập.

Thế nào là chi phần kiến lập? Nghĩa là sơ tĩnh lự có 5 chi. Những gì là 5? 1. Tầm. 2. Tứ. 3. Hỷ. 4. Lạc. 5. Tâm nhất cảnh tính. Đệ nhị tĩnh lự có 4 chi. Những gì là 4? 1. Nội đẳng tĩnh. 2. Hỷ. 3. Lạc. 4. Tâm nhất cảnh tính. Đệ tam tĩnh lự có 5 chi. Những gì là 5? 1. Xả. 2. Niệm. 3. Chính tri. 4. Lạc. 5. Tâm nhất cảnh tính. Đệ tứ tĩnh lự có 4 chi. Những gì là 4? 1. Xả thanh tĩnh. 2. Niệm thanh tĩnh. 3.

Bất khổ bất lạc thụ. 4. Tâm nhất cảnh tính. Đối trị chi, lợi ích chi, 2 cái đó là sở y của tự tính chi cho nên trong các Vô sắc không lập chi phần, vì tính của Xa-ma-tha chi có một mùi vị.

Những gì là đẳng chí kiến lập? Nghĩa là do 7 thứ tác ý chứng nhập sơ tĩnh lự. Như vậy cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Những gì là 7 thứ tác ý? Là liễu tướng tác ý, thắng giải tác ý, viễn ly tác ý, nhiếp lạc tác ý, quán sát tác ý, gia hành cứu cánh tác ý, gia hành cứu cánh quả tác ý.

Thế nào là phẩm loại kiến lập? Nghĩa là sơ tĩnh lự đủ duyên trung thượng 3 phẩm huân tu. Giống như sơ tĩnh lự, các tĩnh lự khác và 3 phẩm huân tu của Vô sắc cũng vậy. Do duyên trung thượng phẩm huân tu sơ tĩnh lự, cho nên trong sơ tĩnh lự lại sinh 3 thứ dị thực. Giống như sơ tĩnh lự, ở trong các tĩnh lự khác hoặc huân tu, hoặc sinh quả cũng đều có 3 phẩm như vậy. Ở trong Vô sắc giới, vì không có xứ sở riêng biệt nên không lập xứ sở sinh quả sai biệt. Nhưng do 3 phẩm huân tu Vô sắc định, cho nên khi dị thực kia sinh có cao có thấp có kém có hơn.

Thế nào là danh tướng kiến lập? Nghĩa là gồm trong định của sơ tĩnh lự, chư Phật Thế Tôn và Bồ-tát Ma-ha-tát được đại oai đức cứu cánh nhập Tam-ma-địa. Tam-ma-địa ấy tất cả Thanh Văn và Độc Giác còn chưa biết được tên hưởng chi là biết số, hưởng chi là chứng nhập. Giống như gồm trong định ở sơ tĩnh lự, trong định ở các tĩnh lự khác và Vô sắc cũng vậy. Như vậy những gì đã nói đều y vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa.

Những gì là thanh tịnh? Nghĩa là định cùng tột trong sơ tĩnh lự, cho đến định cùng tột trong phi tưởng phi phi tưởng xứ gọi là thanh tịnh.

Thế nào là xuất thế đạo? Nghĩa là trong tu đạo, pháp trí, loại trí phẩm bao gồm khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí và các Tam-ma-

địa tương ưng với chúng v.v... Hoặc gồm trong trạng thái chưa tới định, hoặc gồm trong sơ tĩnh lự cho đến vô sở hữu xứ. Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ là thế gian, cái tướng không minh liễu hằng hiện tiền nên do đạo lý này gọi là vô tướng. Như Thế Tôn nói: Cho đến hữu tướng Tam-ma-bát-đề mới có thể như thật chiếu liễu thông đạt. Diệt định cũng gồm trong xuất thế gian do chúng đắc sau Thánh đạo. Cho nên phải ở trong cõi người mới có thể dẫn phát. Hoặc ở cõi người hoặc ở Sắc giới có thể hiện tiền, còn sinh Vô sắc giới phần nhiều không hiện khởi. Bởi trụ ở tịch tĩnh giải thoát dị thực thì diệt định này phần nhiều không phát khởi vì cần là phương tiện.

Thế nào là nguyện đạo? Là nguyện nguyện, nguyện trung, nguyện thượng phẩm đạo. Do đạo này nên có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ trong mỗi địa, trói buộc trong 3 cõi.

Thế nào là trung đạo? Là trung nguyện, trung trung, trung thượng phẩm đạo. Do đạo này nên có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não trong mỗi địa là trung thượng, trung trung, trung nguyện, trói buộc trong 3 cõi.

Thế nào là thượng đạo? Là thượng nguyện, thượng trung, thượng thượng phẩm đạo. Do đạo này nên có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não trong mỗi địa là nguyện thượng, nguyện trung, nguyện nguyện, trói buộc trong 3 cõi.

Thế nào là gia hành đạo? Nghĩa là do đạo này có thể xả phiền não. Đó gọi là gia hành đạo trong tu đạo.

Thế nào là vô gián đạo? Nghĩa là do đạo này vô gián vĩnh đoạn phiền não không sót.

Thế nào là giải thoát đạo? Nghĩa là do đạo này chứng, đoạn phiền não, được giải thoát.

Thế nào là thắng tiên đạo? Nghĩa là để đoạn trừ dư phẩm phiền não mà có các gia hành vô gián giải thoát đạo. Đó gọi là thắng tiên đạo. Lại nữa hoặc xả bỏ đoạn phiền não gia hành, hoặc siêng năng phương tiện tư duy các pháp, hoặc siêng năng phương tiện an trụ các pháp, hoặc tiến tu các Tam-ma-bát-đề, các đạo, gọi là thắng tiên đạo. Lại nữa để dẫn phát thắng phẩm công đức, hoặc lại an trụ các đạo đã có, gọi là thắng tiên đạo.

Lại nữa thế nào là tu các đạo như vậy? Nghĩa là đắc tu, tập tu, trừ khử tu, đối trị tu. Đắc tu, là chưa sinh thiện pháp thì tu tập khiến sinh. Tập tu, là đã sinh thiện pháp thì tu khiến kiên trụ không quên lại thêm tăng thêm rộng. Trừ khử tu, là đã sinh ác bất thiện pháp thì tu khiến vĩnh đoạn. Đối trị tu, là chưa sinh ác bất thiện pháp thì tu khiến không sinh. Lại nữa khi đạo sinh có thể an lập tập khí của mình, gọi là đắc tu. Tức là đạo này hiện tiền tu tập, gọi là tập tu. Tức là khi đạo này hiện tại tiền có thể xả bỏ chướng của mình, gọi là trừ khử tu. Tức đạo này đã xả bỏ tự chướng khiến nó vị lai trụ nơi pháp không sinh, gọi là đối trị tu. Lại có 4 thứ đối trị gọi là đối trị tu. Đó là yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị và viễn phân đối trị. Thế nào là yếm hoại đối trị? Là trong các hành hữu lậu thấy nhiều tội lỗi. Thế nào là đoạn đối trị? Là gia hành đạo và vô gián đạo. Thế nào là trì đối trị? Là giải thoát đạo. Thế nào là viễn phân đối trị? Là các đạo từ đó về sau.

Lại nữa đạo có 11 thứ sai biệt. Đó là quán sát sự đạo, cần công dụng đạo, tu trị định đạo, hiện quán phương tiện đạo, thân cận hiện quán đạo, hiện quán đạo, thanh tịnh xuất ly đạo, y căn sai biệt đạo, tịnh tu tam học đạo, phát các công đức đạo, gồm khắp các đạo. Như vậy các đạo tùy theo thứ tự gọi là 37 pháp Bồ-đề phần, 4 thứ chính hành, 4 thứ pháp tích, Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, 3 vô lậu căn.

Trong đó tất cả pháp Bồ-đề phần đều do 5 môn mà được thành lập, là sở duyên, tự thể, trợ bạn, tu tập và tu quả.

Sở duyên của 4 niệm trụ là thân thụ tâm pháp. Lại có 4 sự là ngã sở y sự, ngã thụ dụng sự, ngã tự thể sự và ngã nhiễm tịnh sự. Tự thể, là tuệ và niệm. Trợ bạn, là các tâm tâm sở tương ưng với nó. Tu tập, là trong nội thân v.v... tu tuần thân các quán. Giống như ở trong, ở ngoài, trong ngoài cũng vậy. Nội thân, là các nội sắc xứ trong thân này. Ngoại thân, là các ngoại sắc xứ bên ngoài. Trong ngoài thân, là các căn ở ngoại xứ làm sở y cho các tương ưng trong nội xứ. Lại nữa có các nội sắc xứ trong tha thân.

Thế nào là tu tuần thân quán nơi thân? Nghĩa là đem cái thân ảnh tượng phân biệt, bình đẳng tùy quán với cái thân bản chất. Nội thụ, là nhân nội thân sinh thụ. Ngoại thụ, là nội ngoại thân sinh thụ. Nội ngoại thụ, là nhân nội ngoại thân sinh thụ. Giống như thụ, tâm và pháp cũng vậy. Giống như tu tuần thân quán đối với thân, tu tuần thụ v.v... các quán đối với thụ v.v... cũng vậy, theo thích ứng của nó. Lại nữa, tu tập là dục, cần, sách, lệ, dũng mãnh, không thôi nghỉ, chính niệm, chính tri và không phóng dật, các tu tập sai biệt. Dục tu tập, là để đối trị tùy phiền não bất tác ý. Cần tu tập, là để đối trị tùy phiền não giải đãi. Sách tu tập, là để đối trị tùy phiền não hôn trầm và trạo cử. Lệ tu tập, là để đối trị tùy phiền não tâm hạ liệt tính. Dũng mãnh tu tập, là để đối trị tùy phiền não sơ sót mệt mỏi. Tu tập không thôi nghỉ, là để đối trị tùy phiền não là được một ít thiện pháp thì sinh vui mừng cho là đủ. Tu tập chính niệm, là để đối trị tùy phiền não quên mất những giáo huấn tôn quý. Tu tập chính tri, là để đối trị tùy phiền não hủy phạm, truy hỏi. Tu tập không phóng dật, là để đối trị tùy phiền não xả bỏ các thiện coi như cái ách nặng. Tu quả, là đoạn dứt 4 điên đảo, nhập vào 4 đế thân đẳng ly hệ.

Sở duyên của 4 chính đoạn là pháp đã sinh, chưa sinh, sở trị và năng trị. Tự thể, là tinh tiến. Trợ bạn, là các tâm tâm sở tương ưng với nó. Tu tập, là như khế kinh nói: Sinh, dục, sách, lệ, phát khởi, chính cần, sách tâm, trì tâm. Trong đây các câu hiển thị tu chính cần và sở

y chỉ. Sở y chỉ là dục. Chính cần là sách lệ v.v... Ở trong chỉ cử xả tướng tác ý, bị dục làm tổn giảm hôn trần trạo cử, phát khởi chính cần cho nên tiếp nói sách tâm tri tâm. Tu quả, là xả bỏ hết tất cả sở tri, với năng đối trị hoặc đượ hoặc tăng, gọi là tu quả.

Sở duyên của 4 thân túc, là đã thành tựu viên mãn những việc do định sở tác. Tụ thể, là Tam-ma-địa. Trợ bạn, là quán dục, cần, tâm và tâm tâm sở tương ưng với chúng.

Thế nào là dục Tam-ma-địa? Là ân trọng phương tiện, xúc tâm một cảnh tính. Thế nào là cần Tam-ma-địa? Là do vô gián phương tiện, xúc tâm một cảnh tính. Thế nào là tâm Tam-ma-địa? Là do trước tu sức Tam-ma-địa, xúc tâm một cảnh tính. Thế nào là quán Tam-ma-địa? Là do nghe giáo pháp từ người khác, trong tự lựa chọn, xúc tâm một cảnh tính. Lại nữa dục Tam-ma-địa, là do sách lệ phát khởi chính cần, xúc tâm một cảnh tính. Tâm Tam-ma-địa, là do tri tâm, xúc tâm một cảnh tính. Tu tập, là nhiều lần thường xuyên tu tập 8 thứ đoạn hành. Những gì là 8? Là dục, tinh tiến, tín, an, chính niệm, chính tri, tư và xả. Như vậy 8 thứ lược lại có 4 là gia hành, nhiếp thụ, kế thuộc và đối trị.

Lại nữa, dục, cần, tâm, có 2 thứ tu quán. Đó là tu viên ly cả hai nhân duyên tụ tán, và tu tùy thuận hai sở y bất liệt bất tán. Tu quả, là đã khéo tu trị Tam-ma-địa nên chứng tùy sở dục, phát đượ thông đạt liền có thể tùy tâm thông đạt mà biến hiện. Lại nữa, trong pháp chứng đắc ở các xứ sở riêng biệt có thể có tác dụng tự tại, tùy sở nguyện có thể làm các thứ thần thông, lại có thể dẫn phát thắng phẩm công đức.

Sở duyên của 5 căn là 4 Thánh đế. Tụ thể, là tín, tinh tiến, niệm, định, và tuệ. Trợ bạn, là các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Tu tập tín căn là trong các đế có thể khởi nhẫn. Tu tập tinh tiến căn là trong các đế có thể khởi nhẫn rồi, để giác ngộ nên khởi hành tinh tiến. Tu

tập niệm căn là trong các đế phát tinh tiến rồi, buộc niệm khởi hành không quên mất. Tu tập định căn là trong các đế đã buộc niệm rồi khởi tâm hành một cảnh tính. Tu tập tuệ căn là trong các đế tâm đã được định, khởi hành lựa chọn tu tập. Tu quả, là có khả năng mau phát để hiện quán và có khả năng tu trị noãn đĩnh, dẫn phát thể đệ nhất pháp. Giống như 5 căn, 5 lực cũng vậy. Chỗ khác nhau là do đây có khả năng làm tôn giảm sở đối trị chướng. Không thể khuất phục nên gọi là lực.

Sở duyên của 7 giác chi là tính như thật của 4 Thánh đế. Tự thể, là niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ, an, định, và xả. Niệm là sở y chi. Trạch pháp là tự thể chi. Tinh tiến là xuất ly chi. Hỷ là lợi ích chi. An, định, xả là bất nhiễm ô chi. Do đây không nhiễm ô, nên y chi không nhiễm ô, vì thể của nó là không nhiễm ô. Trợ bạn, là các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Tu tập, là y chỉ viễn ly, y chỉ vô dục, y chỉ tịch diệt, hồi hướng xả bỏ tu niệm giác chi. Giống như niệm giác chi, cho đến xả giác chi cũng vậy. Như vậy 4 câu lần lượt hiển thị sự duyên cảnh 4 đế tu tập giác chi. Tu quả, là vĩnh viễn đoạn trừ phiền não kiến sở đoạn.

Sở duyên của 8 Thánh đạo chi là tính như thật của 4 Thánh đạo ngay sau đó. Tự thể, là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, và chính định. Chính kiến là phân biệt chi. Chính tư duy là hồi thị tha chi. Chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng là linh tha tín chi, vì tính của kiến, giới, mạng thanh tịnh. Chính tinh tiến là tịnh phiền não chướng chi. Chính niệm là tịnh tùy phiền não chướng chi. Chính định là có khả năng tịnh tối thắng công đức chướng chi. Trợ bạn, là các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Tu tập, là giống như đã nói trong giác chi. Tu quả, là phân biệt, giáo hội dạy bày người khác, khiến người khác tin, làm sạch các phiền não chướng, làm sạch các tùy phiền não chướng, làm sạch các chướng ngại của công đức tối thắng.

Bốn thứ chính hành là con đường khổ chậm, con đường khổ nhanh, con đường vui chậm, và con đường vui nhanh. Cái đầu tiên là độn căn chưa được căn bản tĩnh lự. Cái thứ hai là lợi căn chưa được căn bản tĩnh lự. Cái thứ ba là độn căn đã được căn bản tĩnh lự. Cái thứ tư là lợi căn đã được căn bản tĩnh lự.

Bốn thứ pháp tích là không tham, không sân, chính niệm và chính định. Không tham không sân có thể khiến tăng thượng giới học thanh tịnh. Chính niệm có thể khiến tăng thượng tâm học thanh tịnh. Chính định có thể khiến tuệ học thanh tịnh. Xa-ma-tha, là trong giữ nhiếp tâm khiến trụ đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú gìn giữ một hướng bình đẳng. Tì-bát-xá-na, là chọn lựa các pháp. Lựa chọn triệt để, tìm kiếm suy tư khắp cả, quán sát chu đáo để đối trị tướng thô trọng phiền não, để chế phục các điên đảo, khiến tâm khéo an trụ không điên đảo.

Lại nữa y vào Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na lập 4 thứ đạo. Hoặc có một loại đã được Xa-ma-tha mà không phải Tì-bát-xá-na. Loại này dựa vào Xa-ma-tha tiến tu Tì-bát-xá-na. Hoặc có một loại đã được Tì-bát-xá-na mà không phải Xa-ma-tha. Loại này dựa vào Tì-bát-xá-na tiến tu Xa-ma-tha. Hoặc có một loại không được Xa-ma-tha cũng không phải Tì-bát-xá-na. Loại này chuyên tâm chế phục hôn trầm, trạo cử, tu song song cả 2 đạo. Hoặc có một loại đã được Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Loại này Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na 2 đạo hòa hợp bình đẳng chuyên tu song song nhau.

Ba căn, là vị tri đương tri căn, dĩ tri căn và cụ tri căn. Thế nào là vị tri đương tri căn? Là các căn nơi gia hành đạo và trong 15 tâm sát-na nơi kiến đạo. Thế nào là dĩ tri căn? Là từ tâm sát-na thứ 16 trở lên nơi kiến đạo. Đó là các căn trong tất cả hữu học đạo. Thế nào là cụ tri căn? Là các căn trong vô học đạo.

Y vào sơ tĩnh lự địa, khi hiện tu đạo cũng tu các thiện căn Dục giới hệ, vì nơi đó được tự tại. Giống như y sơ tĩnh lự địa tu Dục giới

thiện căn, cũng vậy y tất cả thượng địa khi hiện tu đạo đều có thể tu tập các thiện căn của hạ giới hạ địa, vì nơi đó được tự tại.

Những gì là cứu cánh đạo? Là dựa vào Kim cương dụ định, tất cả thô trọng vĩnh viễn đã dứt, tất cả hệ đắc đã vĩnh đoạn, vĩnh viễn chứng tất cả ly hệ đắc. Từ đây lần lượt vô gián chuyên y, chứng được tận trí và vô sinh trí, 10 pháp vô học v.v... Những gì là 10? Là vô học chính kiến, cho đến vô học chính định, vô học chính giải thoát, vô học chính trí. Tất cả các pháp đó gọi là cứu cánh đạo.

Thế nào là tất cả thô trọng? Nói sơ lược có 24 thứ. Đó là tất cả biến hành hý luận thô trọng, lãnh thụ thô trọng, phiền não thô trọng, nghiệp thô trọng, dị thực thô trọng, phiền não chướng thô trọng, nghiệp chướng thô trọng, dị thực chướng thô trọng, cái thô trọng, tầm tư thô trọng, ăn uống thô trọng, giao hợp thô trọng, chiêm bao thô trọng, bệnh thô trọng, già thô trọng, chết thô trọng, mệt nhọc thô trọng, cứng cõi thô trọng, thô thô trọng, vừa thô trọng, nhỏ thô trọng, phiền não chướng thô trọng, định chướng thô trọng, và sở tri chướng thô trọng.

Thế nào là hệ đắc? Nghĩa là đối với sự tích tập thô trọng, giả lập tính hệ đắc.

Thế nào là ly hệ đắc? Nghĩa là đối với sự lìa tan các thô trọng, giả lập tính ly hệ đắc.

Thế nào là Kim cương dụ định? Là Tam-ma-địa ở tu đạo vị tối hậu đoạn kết đạo vị, hoặc gồm trong gia hành đạo, hoặc gồm trong vô gián đạo. Gồm trong gia hành đạo là từ đây trở đi không phải tất cả chướng có thể cản trở, có thể phá tất cả chướng. Gồm trong vô gián đạo là từ đây sinh vô gián tận trí, vô sinh trí. Lại nữa, Tam-ma-địa này vô gián kiên cố, một mùi vị biến khắp. Để hiển thị nghĩa này Bạc-già-phạm có nói: Như một khối đá núi lớn không mẻ không nứt không có lỗ, hoàn toàn hoàn hảo, gió mạnh 10 phương không làm lay chuyển.

Thế nào là vô gián chuyên y? Là người đã chứng được vô học đạo có 3 thứ chuyên y. Những gì là 3? Là Tâm chuyên y, đạo chuyên y và thô trọng chuyên y.

Thế nào là tận trí? Là do nhân tận được trí. Hoặc duyên tận làm cảnh.

Thế nào là vô sinh trí? Là do quả đoạn được trí. Hoặc duyên quả không sinh làm cảnh.

Phải biết 10 vô học pháp là y chỉ vô học giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà nói.

Như vậy đạo để nói chung có 4 thứ hành tướng sai biệt là đạo tướng, như tướng, hành tướng, và xuất tướng.

Thế nào là đạo tướng? Là nhân đây tìm cầu nghĩa chân thật. Thế nào là như tướng? Là vì có thể đối trị các phiền não. Thế nào là hành tướng? Là khéo thành tựu tâm khiến không điên đảo. Thế nào là xuất tướng? Là đến chỗ chân thường. Trong các đế 16 hành tướng đều thông thế gian và xuất thế gian. Thế gian và xuất thế gian có gì sai biệt? Sai biệt về tính không khéo ngộ nhập và khéo ngộ nhập cảnh sở tri. Sai biệt về tính có chướng và không chướng. sai biệt về tính có phân biệt và không phân biệt. Sở dĩ vì sao? Vì trong các đế vô thường, khổ v.v... 16 hành tướng thế gian không khéo thông đạt tính chân như, phiền não tùy miên, dựa vào danh ngôn môn khởi hý luận. Xuất thế hành tướng trái với đây. Xuất thế hành tướng khi hiện tiền, tuy là hiện chứng thấy nghĩa vô thường, nhưng không dựa vào danh ngôn hý luận môn thấy đây là nghĩa vô thường. Giống như hành tướng vô thường đối với nghĩa của vô thường, các hành tướng khác đối với các nghĩa khác tùy theo thích ứng cũng như vậy.

HẾT QUYỂN 5

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 6

Phẩm 2: PHẨM PHÁP TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là quyết trạch pháp? Pháp là 12 phần Thánh giáo. Mười hai phần là gì? 1. Khế kinh. 2. Ứng tụng. 3. Ký biệt. 4. Phúng tụng. 5. Tự thuyết. 6. Duyên khởi. 7. Thí dụ. 8. Bản sự. 9. Bản sinh. 10. Phương quảng. 11. Hy pháp. 12. Luận nghị.

Những gì là khế kinh? Là dùng trường hàng tập hợp lại các nghĩa đã lược nói. Như Lai quán sát 10 thứ thắng lợi tập hợp làm trường hàng lược nói các pháp. Đó là dễ kiến lập được, dễ tuyên thuyết được, dễ thụ trì được, vì cung kính pháp. Mau được viên mãn Bồ-đề tư lương. Mau thông đạt được thật tính các pháp. Được chứng tịnh tín nơi chư Phật. Được chứng tịnh tín nơi pháp tăng. Xúc chứng đệ nhất hiện pháp lạc trụ. Đàm luận quyết trạch đẹp lòng người trí. Được dự vào trong số những người thông minh anh duệ.

Những gì là ứng tụng? Là các kinh hoặc ở giữa hoặc sau dùng bài tụng tụng lại. Hoặc không rõ nghĩa kinh phải dùng tụng giải thích lại, nên gọi là ứng tụng. Những gì là biệt ký? Là ở nơi ấy Thánh đệ tử v.v... tạ vãng quá khứ, ký biệt đắc thất, sinh xứ sai biệt. Lại nữa, liễu nghĩa kinh thuyết minh ký biệt. Ký biệt khai thị ý sâu kín. Những gì là phúng tụng? Là trong các kinh dùng câu tuyên nói, hoặc dùng 2 câu, hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 6. Những gì là tự thuyết? Là trong

các kinh, hoặc có lúc Như Lai hoan hỷ tự nói. Những gì là duyên khởi? Là nhân có thính mà nói. Lại nữa, có nhân duyên chế lập học xứ, cũng gọi là duyên khởi. Những gì là thí dụ? Là trong các kinh có dùng ví dụ so sánh nói. Những gì là bản sự? Là nói các việc tương ưng đời trước của các đệ tử Phật. Những gì là bản sinh? Là nói các việc tương ưng bản hành tạng của Bồ-tát. Những gì là phương quảng? Là Bồ-tát tạng tương ưng ngôn thuyết. Như nói phương quảng, cũng gọi là quảng phá, cũng gọi là vô tỷ. Vì nghĩa gì gọi là phương quảng? Vì là nơi sở y lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên tuyên thuyết pháp sâu xa rộng lớn. Vì nghĩa gì gọi là quảng phá? Vì có thể phá trừ rộng rãi tất cả chướng? Vì nghĩa gì nên gọi là vô tỷ? Vì không có các pháp nào có thể so sánh. Những gì là hy pháp? Là như ở nơi đó tuyên nói pháp đặc biệt cực kỳ hy hữu của Thanh Văn, các Đại Bồ-tát và Như Lai v.v... Những gì là luận nghị? Là như ở nơi đó giải thích tất cả pháp tướng thâm sâu ẩn mật mà không điên đảo.

Như vậy khế kinh v.v... 12 phần Thánh giáo bao gồm trong 3 tạng. Những gì là 3? 1. Tổ-đát-lãm tạng. 2. Tì-nại-da tạng. 3. A-tì-đạt-ma tạng. Lại cũng có 2: 1. Thanh Văn tạng. 2. Bồ-tát tạng. Khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, 5 phần này trong Thanh Văn tạng thuộc Tổ-đát-lãm tạng. Duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, 4 phần này trong 2 tạng thuộc Tì-nại-da tạng và các sở thuộc. Phương quảng, hy pháp 2 phần này trong Bồ-tát tạng thuộc Tổ-đát-lãm tạng. Luận nghị thì trong 2 tạng Thanh Văn và Bồ-tát thuộc A-tì-đạt-ma tạng.

Vì sao Như Lai thiết lập 3 tạng? Vì muốn đối trị nghi tùy phiền não nên thiết lập Tổ-đát-lãm tạng. Vì muốn đối trị thụ dụng nhị biên tùy phiền não, nên thiết lập Tì-nại-da tạng. Vì muốn đối trị tự kiến thủ chấp tùy phiền não, nên thiết lập A-tì-đạt-ma tạng.

Lại nữa, vì muốn khai thị 3 thứ học nên thiết lập Tổ-đát-lãm tạng. Vì muốn thành lập tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học

nên kiến lập Tì-nại-da tạng. Vì muốn thành lập tạng thượng tuệ học nên kiến lập A-tì-đạt-ma tạng.

Lại nữa, vì muốn khai thị nghĩa của chính pháp nên kiến lập Tổ-đất-lãm tạng. Vì muốn hiển thị pháp nghĩa tác chứng an túc xứ nên kiến lập Tì-nại-da tạng. Vì khiến người trí luận nghị quyết trách thụ dụng pháp lạc trụ nên kiến lập A-tì-đạt-ma tạng.

Như vậy 3 tạng gồm thâm các pháp là cái gì sở hành? Là do văn sở thành, do tư sở thành do tu sở thành, do tâm tâm sở pháp sở hành. Như khế kinh nói: Các tâm tâm sở pháp có sở duyên, có hành tướng, có sở y và tương ưng. Chúng đối với pháp này lấy gì là sở duyên? Là khế kinh v.v... Làm hành tướng gì? Là uẩn v.v... tương ưng nghĩa. Là sở y gì? Là cái khác biểu liễu ức niệm tập khí. Tương ưng những gì? Là làm trợ bạn cho nhau, hiểu rõ bình đẳng đối với hành tướng sở duyên.

Thế nào là sở duyên sai biệt đối với pháp? Nếu nói sơ lược thì có 4 thứ là biến mãn sở duyên, tịnh hành sở duyên, thiện xảo sở duyên, và tịnh hoặc sở duyên.

Biến mãn sở duyên lại có 4 thứ là sở duyên ảnh tượng có phân biệt, sở duyên ảnh tượng không phân biệt, sở duyên sự giới hạn, và sở duyên việc làm thành tựu. Sở duyên ảnh tượng có phân biệt, là do thắng giải tác ý có cảnh giới sở duyên của Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na. Sở duyên ảnh tượng không phân biệt, là do chân thật tác ý có cảnh giới sở duyên của Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na. Sở duyên sự giới hạn, là tất cả các pháp tận sở hữu tính như tính sở hữu. Tận sở hữu tính, là uẩn, giới, xứ. Như tính sở hữu, là 4 Thánh đế, 16 hành tướng chân như. Tất cả hành là vô thường. Tất cả hành là khổ, tất cả pháp là vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, không, vô nguyện, vô tướng. Sở duyên việc làm thành tựu, là chuyển y. Như vậy chuyển y không thể nghĩ bàn. Trong 16 hành tướng, không gồm bao nhiêu hành tướng? Là 2. Vô nguyện gồm bao nhiêu hành tướng? Là 6. Vô tướng gồm bao nhiêu hành tướng? Là 8.

Tịnh hành sở duyên lại có 5 thứ là: Hành giả nhiều tham, duyên cảnh bất tịnh. Hành giả nhiều sân, duyên cảnh tu từ. Hành giả nhiều si, duyên chúng, duyên tính các cảnh duyên khởi. Hành giả kiêu mạn, duyên cảnh giới sai biệt. Hành giả tầm tư, duyên cảnh niệm hơi thở ra vào.

Thiện xảo sở duyên cũng có 5 thứ là uẩn thiện xảo, giới thiện xảo, xứ thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, và xứ phi xứ thiện xảo. Xứ phi xứ thiện xảo nên quán như thế nào? Nên quán như duyên khởi thiện xảo. Xứ phi xứ thiện xảo và duyên khởi thiện xảo có gì sai biệt? Nếu lấy các pháp lưu nhuận các pháp khiến lia vô nhân, bất bình đẳng nhân sinh là duyên khởi thiện xảo, nhân quả tương xứng nhiếp thụ sinh là xứ phi xứ thiện xảo.

Tịnh hoặc sở duyên là hạ địa thô tính, thượng địa tinh tính, chân như và 4 Thánh đế, gọi là tịnh hoặc sở duyên.

Nếu muốn thẩm xét quán sát nơi pháp thì do mấy đạo lý có thể quán sát đúng? Do 4 đạo lý là đạo lý quán đãi, đạo lý tác dụng, đạo lý chứng thành, và đạo lý pháp nhĩ.

Thế nào là đạo lý quán đãi? Là khi sinh các hành phải đợi các duyên. Thế nào là đạo lý tác dụng? Là các pháp khác tướng đều có tác dụng riêng biệt. Thế nào là đạo lý chứng thành? Là chứng thành các nghĩa được làm thành, nói rõ các lượng không mâu thuẫn nhau. Thế nào là đạo lý pháp nhĩ? Là từ vô thủy đến nay nơi tự tướng cộng tướng trụ trong pháp có các pháp tính thành tựu như pháp vậy.

Ở trong các pháp, chính cần quán sát thì khởi tầm tư đối với pháp như thế nào? Khởi 4 thứ tầm tư: 1. Danh tầm tư. 2. Sự tầm tư. 3. Tự thể giả lập tầm tư. 4. Sai biệt giả lập tầm tư.

Thế nào là danh tầm tư? Là suy tìm các pháp thấy danh thân, cú thân, văn thân, tự tướng đều không thành thật. Thế nào là sự tầm tư? Là suy tìm các pháp thấy tướng của uẩn, giới, xứ đều không thành thật.

Thế nào là tự thể giả lập tâm tư? Là trong tướng năng thuyên sở thuyên của các pháp suy tìm tự thể thì chỉ là giả lập danh ngôn nhân tính. Thế nào là sai biệt giả lập tâm tư? Là trong tướng năng thuyên sở thuyên của các pháp suy tìm sự sai biệt thì chỉ là giả lập danh ngôn nhân tính.

Ở trong các pháp chính cần tu tâm tư rồi, làm sao khởi như thật trí đối với pháp? Khởi 4 thứ như thật trí: 1. Như thật trí dẫn xuất từ danh tâm tư. 2. Như thật trí dẫn xuất từ sự tâm tư. 3. Như thật trí dẫn xuất từ tự thể giả lập tâm tư. 4. Như thật trí dẫn xuất từ sai biệt giả lập tâm tư.

Thế nào là như thật trí dẫn xuất từ danh tâm tư? Là cái trí biết cái tên như thật, là không thể có được. Thế nào là như thật trí dẫn xuất từ sự tâm tư? Là cái trí biết sự tướng như thật, là không thể có được. Thế nào là như thật trí dẫn xuất từ tự thể giả lập tâm tư? Là cái trí biết như thật thật có tự tính, là không thể có được. Thế nào là như thật trí dẫn xuất từ sai biệt giả lập tâm tư? Là cái trí biết như thật thật có sai biệt, là không thể có được.

Y theo pháp cần tu Tam-ma-địa thì làm sao biết Du-già địa? Có 5 thứ: 1. Trì. 2. Tác. 3. Kính. 4. Minh ngũ y.

Thế nào là trì? Là chứa nhóm Bồ-đề tư lương, nơi noãn vị v.v... đa văn các Thánh đế. Thế nào là tác? Là duyên cảnh này tác ý đúng như lý. Thế nào là mặt kính? Là Tam-ma-địa duyên cảnh hữu tướng. Thế nào là minh? Là năng thủ, sở thủ, vô sở đắc trí. Y đạo lý này, Phật Bạc-già-phạm khéo vi diệu tuyên thuyết:

*Bồ-tát trong định vị,
Quán ảnh chỉ là tâm.
Nghĩa tướng đã diệt trừ,
Quán xét chỉ tự tướng.
Như vậy trụ nội tâm,
Sở tri thủ phi hữu,*

*Tiếp năng thủ cũng không,
Sau xúc vô sở đắc.*

Thế nào là y? Là chuyển y. Lìa bỏ các thô trọng được thanh tịnh là vì chuyển y. Trong các pháp, thế nào là pháp thiện xảo? Là vì đa văn. Thế nào là nghĩa thiện xảo? Là nơi A-tì-đạt-ma, Tì-nại-da biết rõ tướng của chúng. Thế nào là văn thiện xảo? Là biết rõ huân thích văn từ. Thế nào là từ thiện xảo? Là khéo biết rõ ngã, ngã sở v.v., ngôn từ thế tục, tùy thuận mà nói không chấp trước. Thế nào là mật ý thiện xảo đời trước đời sau? Là có thể khéo biết rõ ở lãnh thụ ở đời trước, xuất ly ở đời sau.

Ở trong các pháp, thế nào là trụ pháp? Nếu không được tu tuệ, chỉ siêng năng phương tiện tu tập văn tự, không gọi là trụ pháp. Nếu không được văn tự, chỉ siêng năng phương tiện tu tập tu tuệ, cũng không gọi là trụ pháp. Nếu đủ được 2 thứ phương tiện an trụ, mới gọi là trụ pháp.

Nếu đối với pháp chỉ thụ trì đọc tụng vì người diễn giảng tư duy nghĩa lý, thì gọi là văn tự. Nếu tu phương tiện Tam-ma-địa mà không tri túc, thì gọi là tu tuệ. Phương tiện Tam-ma-địa là phương tiện an trọng không gián đoạn và phương tiện không điên đảo. Không tri túc, là không sinh đấm trước mũi vị, mà tiến tu lên phương tiện Xa-ma-tha.

Vì nhân duyên gì chỉ một phần Phương quảng gọi là tạng Bồ-tát Ba-la-mật-đa? Do trong phần này nói rộng tất cả số Ba-la-mật-đa, nào là tướng, thứ tự, giải thích từ, tu, sai biệt, bao gồm, sở tri, công đức, và quyết trạch lẫn nhau.

Vì duyên gì phần Phương quảng gọi là rộng lớn rất sâu? Vì tính của nhất thiết chủng trí là rộng lớn rất sâu.

Vì nhân duyên gì một phần chúng sinh trong phần Phương quảng rộng lớn rất sâu không sinh thắng giải, trở lại ôm lòng sợ hãi? Vì xa lìa pháp tính, chưa tròng thiện căn nên ở trong bần ác.

Vì nhân duyên gì một phần chúng sinh trong phần Phương quảng rộng lớn rất sâu tuy sinh thắng giải mà chẳng xuất ly? Vì an trụ sâu nơi tự kiến thủ nên thường kiên chấp như ngôn nghĩa. Dựa vào mật ý này, trong Kinh Đại Pháp Kính Bạc-già-phạm nói: “Nếu các Bồ-tát dựa vào ngôn từ mà lấy nghĩa, không tư duy chọn lựa pháp như chính lý nên lại sinh 28 kiến giải không đúng. Những gì là 28 kiến giải không đúng? Đó là tướng kiến, tồn giảm thi thiết kiến, tồn giảm phân biệt kiến, tồn giảm chân thật kiến, nhiếp thụ kiến, chuyển biến kiến, vô tội kiến, xuất ly kiến, khinh hủy kiến, phần phát kiến, điên đảo kiến, xuất sinh kiến, bất lập tông kiến, kiêu loạn kiến, kính sợ kiến, kiên cố ngu si kiến, căn bản kiến, u kiến vô kiến kiến, xả phương tiện kiến, bất xuất ly kiến, chướng tăng ích kiến, sinh phi phúc kiến, vô công quả kiến, thụ nhục kiến, phỉ báng kiến, bất khả dữ ngôn kiến, quảng đại kiến, và tăng thượng mạn kiến.

Như phần Phương quảng nói tất cả các pháp đều không tự tính là dựa vào mật ý gì mà nói? Vì không có tự nhiên tính, không tự thể tính, vì tự thể là vô trụ, không phải tính tướng như kẻ ngu phu chấp thủ. Lại nữa, nơi biến kế sở chấp tự tính là do tướng vô tính, nơi y tha khởi tự tính là do sinh vô tính, nơi viên thành thật tự tính là do thắng nghĩa vô tính.

Lại nữa, theo câu nói kia tất cả các pháp không sinh không diệt, bản lai tịch tĩnh tự tính Niết-bàn thì dựa vào mật ý gì mà nói? Nếu không tự tính thì không sinh cũng vậy. Nếu không sinh thì không diệt cũng vậy. Nếu không sinh không diệt thì bản lai tịch tĩnh cũng vậy. Nếu bản lai tịch tĩnh thì tự tính Niết-bàn cũng vậy.

Lại nữa, có 4 thứ ý thú. Do ý thú này nên trong một phần Phương quảng ý thú của tất cả Như Lai phải tùy theo đó dùng nghĩa lý quyết định rõ. Những gì là 4? 1. Bình đẳng ý thú. 2. Biệt thời ý thú. 3. Biệt nghĩa ý thú. 4. Bồ-đặc-già-la ý lạc ý thú. Lại nữa, có 4 thứ bí mật. Do bí mật này nên trong một phần Phương quảng bí mật của tất

cả Như Lai phải tùy theo đó dùng nghĩa lý quyết định rõ. Những gì là 4? 1. Khiến nhập vào bí mật. 2. Tướng bí mật. 3. Đối trị bí mật. 4. Chuyển biến bí mật.

Lại nữa, trong phần Phương quảng làm sao có thể biết tướng thiện xảo của Bồ-tát trong pháp Tam-ma-địa? Là do 5 thứ nhân: 1. Sát-na sát-na tiêu trừ tất cả sở y thô trọng. 2. Ra khỏi các tướng được cái vui pháp lạc. 3. Hiểu rõ vô lượng tướng vô phân biệt. 4. Thuận thanh tịnh phần, tướng vô phân biệt hằng hiện tiền. 5. Có thể nhiếp thụ chuyển thượng chuyển thắng, viên mãn thành tựu nhân của pháp thân Phật.

Pháp của Thanh Văn tạng, pháp của Bồ-tát tạng v.v... từ pháp thân Như Lai lưu xuất. Vì nhân duyên gì dùng hương hoa tràng cúng dường cung kính pháp tạng Bồ-tát liền sinh vô biên phúc tụ rộng lớn mà không phải pháp tạng Thanh Văn? Vì pháp tạng Bồ-tát là chỗ dựa lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, có thể tạo dựng ý nghĩa lớn, là nơi phát sinh vô thượng vô lượng đại công đức tụ.

Phẩm 3 – 1: PHẨM ĐẮC TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là đắc quyết trạch? Lược nói có 2: 1. Kiến lập Bồ-đặc-già-la. 2. Kiến lập hiện quán.

Thế nào là kiến lập Bồ-đặc-già-la? Phải biết lược có 7 thứ là bệnh hành sai biệt, xuất ly sai biệt, nhiệm trì sai biệt, phương tiện sai biệt, quả sai biệt, giới sai biệt, và tu hành sai biệt kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là bệnh hành sai biệt? Đây có 7 thứ là tham hành, sân hành, si hành, mạn hành, tầm tư hành, đẳng phần hành, bạc trần hành Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Thế nào là xuất ly sai biệt? Đây có 3 thứ là Thanh Văn thừa, Độc giác thừa, Đại thừa Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Thế nào là phương tiện sai biệt? Đây có 2 thứ là tùy tín hành, tùy pháp hành Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Thế nào là quả sai biệt? Đây có 27 thứ là tín, thắng giải, kiên chí, thân chứng, tuệ giải thoát, câu phần giải thoát, dự lưu hướng, dự lưu quả, nhất lai hướng, nhất lai quả, bất hoàn hướng, bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cực thất phần hữu, gia gia nhất gian, trung Bát-niết-bàn, sinh Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, hữu hành Bát-niết-bàn, thượng lưu, thoái pháp A-la-hán, tư pháp A-la-hán, hộ pháp A-la-hán, trụ bất động A-la-hán, kham đạt A-la-hán, bất động pháp A-la-hán Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Thế nào là giới sai biệt? Là Dục giới dị sinh hữu học vô học. Giống như Dục giới có 3, Sắc, Vô sắc giới cũng vậy. Lại có Dục, Sắc giới Bồ-tát, lại có Dục giới Độc Giác và bất khả tư nghị Như Lai, vì Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Thế nào là tu hành sai biệt? Sơ lược có 5 thứ: 1. Thắng giải hạnh Bồ-tát. 2. Tăng thượng ý lạc hạnh Bồ-tát. 3. Hữu tướng hạnh Bồ-tát. 4. Vô tướng hạnh Bồ-tát. 5. Vô công dụng hạnh Bồ-tát. Vì Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Những gì là tham hành Bồ-đặc-già-la? Là có sự tham dục mãnh liệt nhảy bén và dài lâu. Như vậy sân hành, si hành và tầm tư hành Bồ-đặc-già-la đều có sự mãnh liệt nhảy bén dài lâu sai biệt. Những gì là đẳng phần hành Bồ-đặc-già-la? Là phiền não trụ tự tính vị. Những gì là bạc trần hành Bồ-đặc-già-la? Là các phiền não nhỏ nhẹ mỏng manh trong tự tính vị. Những gì là Thanh Văn thừa Bồ-đặc-già-la? Là trụ Thanh Văn pháp tính. Hoặc định tính hoặc bất định tính, là hạng độn căn tự cầu giải thoát, phát hoằng chính nguyện, tu yếm ly, tham giải thoát ý lạc, lấy Thanh Văn tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành được hết khổ. Những gì là Độc Giác thừa Bồ-đặc-già-la? Là trụ Độc Giác pháp tính. Hoặc định tính hoặc

không định tính, là hạng trung căn tự cầu giải thoát, phát hoằng chính nguyện tu yếm ly, tham giải thoát ý lạc, và tu độc chứng Bồ-đề ý lạc, lấy Thanh Văn tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành. Hoặc trước chưa khởi thuận quyết trạch phần, hoặc trước đã khởi thuận quyết trạch phần, hoặc trước chưa đắc quả, hoặc trước đã đắc quả sinh ra đời không có Phật, chỉ nội tư duy Thánh đạo hiện tiền, hoặc như lân giác độc trụ, hoặc như độc thắng bộ hành được hết tất cả khổ.

Những gì là Đại thừa Bồ-đặc-già-la? Là trụ Bồ-tát pháp tính. Hoặc định tính hoặc bất định tính, là hàng lợi căn vì cầu giải thoát tất cả hữu tình, phát nguyện chân chính rộng tu vô trụ xứ Niết-bàn ý lạc, lấy Bồ-tát tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành, thành tựu chứng sinh, tu tịnh Phật độ, được thụ đại ký chứng thành vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Những gì là chưa đủ tư lương Bồ-đặc-già-la? Là hạng duyên để tăng thượng pháp làm cảnh. Trong các đế thành tựu hạ phẩm để quán sát pháp nhãn, khi thành tựu hạ phẩm thuận quyết trạch phần nhưng chưa quyết định khi sinh.

Những gì là đã đủ chưa đủ tư lương Bồ-đặc-già-la? Là duyên để tăng thượng pháp làm cảnh, phát khởi trung phẩm thanh tín thắng giải, thành tựu trung phẩm thuận giải thoát phần và đã quyết định khi sinh.

Những gì là đã đủ tư lương Bồ-đặc-già-la? Là duyên để tăng thượng pháp làm cảnh, phát khởi thượng phẩm thanh tín thắng giải, thành tựu thượng phẩm thuận giải thoát phần liền sinh.

Lại nữa, người chưa đủ tư lương là người duyên để tăng thượng pháp làm cảnh, trong các đế thành tựu hạ phẩm, quán sát pháp nhãn thành tựu hạ phẩm thuận quyết trạch phần nhưng chưa quyết định khi sinh. Người đã đủ chưa đủ tư lương là người duyên để tăng thượng

pháp làm cảnh, trong các đế thành tựu trung phẩm quán sát pháp nhãn thành tựu trung phẩm thuận quyết trạch phần đã quyết định khi sinh. Người đủ tư lương là người duyên để tăng thượng pháp làm cảnh, ở trong các đế thành tựu thượng phẩm, quán sát pháp nhãn thành tựu thượng phẩm thuận quyết trạch phần liền sinh ngay.

Trong đây 3 phẩm thuận quyết trạch phần là trừ thế đệ nhất pháp. Vì tính của thế đệ nhất pháp này chỉ một sát-na không liên tục. Ngay khi sinh quyết định nhập hiện quán chứ không phải vị trước. Cho nên từ hạ trung phẩm thuận giải thoát phần, thuận quyết trạch phần có nghĩa có thể thoái lui. Còn đây chỉ thoái hiện hành chứ không thoái tập khí. Vì người đã y Niết-bàn trước khởi thiện căn thì không phát khởi nữa.

Những gì là tùy tín hành Bồ-đặc-già-la? Là tư lương đã đủ, tính là độn căn, tùy thuận người khác dạy tu để hiện quán.

Những gì là tùy pháp hành Bồ-đặc-già-la? Là tư lương đã đủ, tính là lợi căn, tự nhiên tùy thuận để tăng thượng pháp tu để hiện quán.

Những gì là tín thắng giải Bồ-đặc-già-la? Là tùy tín hành đã đến quả vị. Những gì là kiến chí Bồ-đặc-già-la? Là tùy pháp hành đã đến quả vị. Những gì là thân chứng Bồ-đặc-già-la? Là các hữu học đã đủ chứng đắc 8 định giải thoát. Những gì là tuệ giải thoát Bồ-đặc-già-la? Là đã tận các lậu mà chưa đủ chứng 8 định giải thoát. Những gì là câu phần giải thoát Bồ-đặc-già-la? Là đã tận các lậu và đủ chứng đắc 8 định giải thoát. Những gì là dự lưu hướng Bồ-đặc-già-la? Là trụ thuận quyết trạch phần vị và trụ kiến đạo 15 tâm sát-na vị. Những gì là dự lưu quả Bồ-đặc-già-la? Là trụ kiến đạo 16 tâm sát-na vị. Tức nơi kiến đạo này cũng gọi là nhập vào chính tính quyết định, cũng gọi là nơi pháp hiện quán. Nếu là người ở Dục giới chưa lìa dục, sau nhập chính tính quyết định vị, sẽ được quả dự lưu. Nếu là người ở Dục giới lìa dục mạnh, sau nhập chính tính quyết định vị, sẽ được quả nhất lai.

Nếu là người ở Dục giới đã lia dục, sau nhập chính tính quyết định vị, sẽ được quả bất hoàn. Nếu đã vĩnh đoạn tất cả phiền não của kiến đạo sở đoạn, sẽ được quả dự lưu. Vì sao chỉ nói vĩnh đoạn 3 kết được quả dự lưu? Vì gồm trong tối thắng. Vì sao tối thắng? Vì đối với giải thoát là nhân không phát thú. Vì tuy đã phát thú lại bị nhân tà xuất ly và bị nhân bất chính xuất ly. Lại nữa 3 kết này là nhân mê của cảnh sở tri. Nhân mê thấy nên nhân mê đối trị. Những gì là nhất lai hướng Bồ-đặc-già-la? Là trong tu đạo đã đoạn 5 phẩm phiền não của Dục giới, an trụ nơi đạo ấy. Những gì là nhất lai quả Bồ-đặc-già-la? Là trong tu đạo đã đoạn phẩm phiền não thứ 6 của Dục giới, an trụ nơi đạo ấy. Những gì là bất hoàn hướng Bồ-đặc-già-la? Là trong tu đạo đã đoạn phẩm phiền não thứ 7, thứ 8 của Dục giới, an trụ nơi đạo ấy. Những gì là bất hoàn quả Bồ-đặc-già-la? Là trong tu đạo đã đoạn phẩm phiền não thứ 9 của Dục giới, an trụ nơi đạo ấy. Nếu đã vĩnh đoạn tất cả phiền não của kiến đạo sở đoạn, và đã vĩnh đoạn tất cả phiền não của Dục giới tu đạo sở đoạn thì được quả bất hoàn. Vì sao chỉ nói vĩnh đoạn 5 thuận hạ phần kết thì được quả bất hoàn? Vì gồm trong tối thắng. Vì sao tối thắng? Vì có thể làm thắng nhân của hạ thú hạ giới. Những gì là A-la-hán hướng Bồ-đặc-già-la? Là đã vĩnh đoạn 8 phẩm phiền não của Hữu đỉnh, an trụ nơi đạo ấy. Những gì là A-la-hán quả Bồ-đặc-già-la? Là đã vĩnh đoạn phẩm phiền não thứ 9 của Hữu đỉnh, an trụ nơi cứu cánh đạo ấy nếu A-la-hán vĩnh đoạn tất cả phiền não trong 3 cõi. Vì sao chỉ nói vĩnh đoạn 5 thuận thượng phần kết thì được quả A-la-hán? Vì gồm trong tối thắng. Vì sao tối thắng? Vì lấy nhân của phần trên và không bỏ nhân của phần trên. Những gì là cực thất phản hữu Bồ-đặc-già-la? Tức là quả dự lưu. Nghĩa là sinh trong cõi người cõi trời qua lại tạp thụ cuối cùng đến 7 lần thì được hết tất cả khổ. Những gì là gia gia Bồ-đặc-già-la? Tức là quả dự lưu, hoặc ở cõi trời hoặc trong cõi người sinh từ nhà này đến nhà khác đến hết tất cả khổ. Những gì là nhất gian Bồ-đặc-già-la? Tức là quả nhất lai, hoặc ở nơi cõi trời chỉ thụ một hữu hết tất cả khổ. Những gì là trung

Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la? Là sinh kết đã đoạn, khởi kết chưa đoạn. Hoặc trung hữu vừa khởi thì Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Hoặc trung hữu khởi rồi, bị thú sinh hữu vừa khởi tư duy thì Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Hoặc tư duy rồi phát thú sinh hữu, chưa đến sinh hữu thì Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Những gì là sinh Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la? Là 2 kết đều chưa đoạn, vừa sinh Sắc giới rồi Thánh đạo liền hiện tiền được hết các khổ. Những gì là vô hành Bát-niết-bàn? Là sinh nơi ấy rồi không do gia hành, Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Những gì là hữu hành Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la? Là sinh nơi ấy rồi, do sức gia hành Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Những gì là thượng lưu Bồ-đặc-già-la? Là nơi Sắc giới trong mỗi địa mỗi địa đều đã thụ sinh rồi, cho đến cuối cùng nhập Sắc cứu cánh, nơi đó vô lậu Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Lại có cho đến Hữu đỉnh, Thánh đạo hiện tiền được hết các khổ. Lại nữa, tạp tu tĩnh lự thứ 4, có 5 phẩm sai biệt là: 1. Hạ phẩm tu. 2. Trung phẩm tu. 3. Thượng phẩm tu. 4. Thượng thắng phẩm tu. 5. Thượng cực phẩm tu. Do tạp tu 5 phẩm nơi tĩnh lự thứ 4 nên theo thứ tự sinh 5 cõi Tịnh cư. Những gì là thoái pháp A-la-hán? Là độn căn tính, hoặc du tán hoặc không du tán, hoặc tư duy hoặc không tư duy đều có thể thoái mất hiện pháp lạc trụ. Những gì là tư pháp A-la-hán? Là độn căn tính, hoặc du tán hoặc không du tán, hoặc không tư duy tức có thể thoái mất hiện pháp lạc trụ, nếu tư duy rồi thì có thể không thoái mất. Những gì là hộ pháp A-la-hán? Là độn căn tính, nếu du tán có thể thoái mất hiện pháp lạc trụ, nếu không du tán tức có thể không thoái. Những gì là trụ bất động A-la-hán? Là độn căn tính, hoặc du tán hoặc không du tán, đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ, cũng không thể luyện căn. Những gì là kham đạt A-la-hán? Là độn căn tính, hoặc du tán hoặc không du tán, đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ, nhưng có khả năng luyện căn. Những gì là bất động pháp A-la-hán? Là lợi căn tính, hoặc du tán hoặc không du tán đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ. Những gì là Dục giới dị sinh Bồ-đặc-già-la? Là ở

Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng không được Thánh pháp. Những gì là Dục giới hữu học Bồ-đặc-già-la? Là ở Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng đã được Thánh pháp còn có dư kết. Những gì là Dục giới vô học Bồ-đặc-già-la? Là ở Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng đã được Thánh pháp không có dư kết. Giống như Dục giới có 3, Sắc Vô sắc cũng vậy. Những gì là Dục, Sắc giới Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là tướng diệt ly Vô sắc giới sinh tĩnh lực phải trụ tĩnh lực lạc mà sinh Dục giới hoặc sinh Sắc giới. Những gì là Dục giới Độc Giác Bồ-đặc-già-la? Là sinh nơi Dục giới khi không có Phật ra đời, tự nhiên chứng được Độc Giác Bồ-đề. Những gì là bất khả tư nghị Như Lai Bồ-đặc-già-la? Là như ở Dục giới mới từ thị hiện, an trụ ở cung điện báu đẹp nơi trời Đổ-sử-đa, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn, thị hiện tất cả chư Phật Bồ-tát làm các đại hạnh. Những gì là thắng giải hạnh Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là trụ trong thắng giải hạnh địa thành tựu hạ trung thượng nhẫn của Bồ-tát. Những gì là tăng thượng ý lạc hạnh Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là các Bồ-tát trong 10 địa. Những gì là hữu tướng hành Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là các Bồ-tát trụ trong cực hỷ, ly cấu, phát quang, diệm tuệ, cực nan thắng, hiện tiền địa. Những gì là vô tướng hành Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là các Bồ-tát trụ trong viển hành địa. Những gì là vô công dụng hạnh Bồ-tát Bồ-đặc-già-la? Là các Bồ-tát trụ trong bất động, thiện tuệ, pháp vân địa.

Lại nữa, như nói dự lưu quả Bồ-đặc-già-la, đây có 2 thứ: 1. Tiệm xuất ly. 2. Đốn xuất ly. Tiệm xuất ly là như đã nói rộng ở trước. Đốn xuất ly là nhập để hiện quán rồi, y chỉ chưa đến định phát xuất thế gian đạo, mau chóng đoạn tất cả phiền não 3 cõi. Mỗi mỗi phẩm đoạn riêng biệt chỉ lập 2 quả là quả dự lưu và quả A-la-hán. Như vậy Bồ-đặc-già-la phần nhiều ở nơi hiện pháp, hoặc khi lâm chung khéo làm xong Thánh chí. Nếu không thể làm xong thì vì do nguyện lực liền dùng nguyện lực trở lại sinh Dục giới đời không có Phật thành thắng quả Độc Giác.

HẾT QUYỂN 6

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN

QUYỂN 7

Phẩm 3: PHẨM ĐẮC TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là kiến lập hiện quán? Lược có 10 thứ là: pháp hiện quán, nghĩa hiện quán, chân hiện quán, hậu hiện quán, bảo hiện quán, bất hành hiện quán, cứu cánh hiện quán, Thanh Văn hiện quán, Độc Giác hiện quán, và Bồ-tát hiện quán.

Những gì là pháp hiện quán? Là trong các pháp để tăng thượng đã được thượng phẩm tịnh tín thắng giải tùy tín mà hành. Những gì là nghĩa hiện quán? Là trong các pháp để tăng thượng đã được thượng phẩm để sát pháp nhãn. Nhãn này ở thuận quyết trạch phần vị. Đây do 3 thứ như lý tác ý hiển phát nên lại thành 3 phẩm là thượng nhuuyến, thượng trung, thượng thượng. Những gì là chân hiện quán? Là đã được các Thánh đạo của 16 tâm sát-na vị trong kiến đạo. Lại nữa, được hiện quán biên trong kiến đạo. An lập đế, thế tục trí không hiện tiền, trong tu đạo vị thế tục trí này mới có thể hiện tiền. Những gì là hậu hiện quán? Là tất cả tu đạo. Những gì là bảo hiện quán? Là chứng tịnh nơi Phật, chứng tịnh nơi pháp, chứng tịnh nơi tăng. Những gì là bất hành hiện quán? Là đã chứng đắc vô tác luật nghi. Tuy ở học vị mà nói ta nay đã hết Na-lạc-ca, đã hết bàng sinh, đã hết ngã quý, đã hết điên đảo đọa lạc ác thú, ta không tạo trở lại nghiệp cảm ác thú, dị thực ác thú. Những gì là cứu cánh hiện quán? Như đã nói cứu cánh đạo trong đạo đế. Những gì là Thanh Văn hiện

quán? Là như trước đã nói 7 thứ hiện quán. Từ nghe âm thanh người khác mà chứng đắc, gọi là Thanh Văn hiện quán. Những gì là Độc Giác hiện quán? Là như trước đã nói 7 thứ hiện quán. Vì không do nghe âm thanh người khác mà chứng đắc, nên gọi là Độc Giác hiện quán. Những gì là Bồ-tát hiện quán? Là chư Bồ-tát trong 7 hiện quán đã nói ở trước, khởi tu tập nhân mà không tác chứng, nhưng trong cực hỷ địa của Bồ-tát, nhập vào chính tính quyết định của các Bồ-tát thì gọi là Bồ-tát hiện quán.

Thanh Văn hiện quán và Bồ-tát hiện quán có gì sai biệt? Lược nói có 11 thứ là: Cảnh giới sai biệt, nhiệm trì sai biệt, thông đạt sai biệt, thệ nguyện sai biệt, xuất ly sai biệt, nhiếp thụ sai biệt, kiến lập sai biệt, quyền thuộc sai biệt, thắng sinh sai biệt, sinh sai biệt, quả sai biệt.

Quả sai biệt đó lại có 10 thứ là: chuyển y sai biệt, công đức viên mãn sai biệt, 5 tướng sai biệt, 3 thân sai biệt, Niết-bàn sai biệt, chứng đắc, hòa hợp, trí dụng sai biệt, chương thanh tịnh sai biệt, hòa hợp tác nghiệp sai biệt, phương tiện, thị hiện, thành đẳng chính giác, nhập Bát-niết-bàn sai biệt, 5 thứ bạt tế sai biệt, các vô lượng tối thắng công đức. Hiện quán gì bao gồm hậu hiện quán, cứu cánh hiện quán? Bao gồm chúng như thế nào? Đó là vô lượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải, thân thông, tướng tùy hảo, thanh tịnh, lực, vô úy, niệm trụ, bất hộ, vô vong thất pháp, vĩnh đoạn tập khí, đại bi, bất cộng Phật pháp, nhất thiết chủng diệu trí. Các công đức như vậy có tuyên thuyết trong các khế kinh.

Vô lượng, là 4 vô lượng. Thế nào là từ? Là y chỉ tĩnh lự, đối với các hữu tình trụ trong cụ túc ý lạc tương ưng cho vui, như định, tuệ và các tâm sở tương ưng với chúng. Thế nào là bi? Là y chỉ tĩnh lự, đối với các hữu tình trụ trong cụ túc ý lạc lìa khổ, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là hỷ? Là y chỉ tĩnh lự, đối với các hữu tình trụ trong cụ túc ý lạc không lìa lạc, như định, tuệ, ngoài ra

như trước đã nói. Thế nào là xả? Là y chỉ tĩnh lự đối với các hữu tình, trụ trong cụ túc ý lạc lợi ích, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Giải thoát, là 8 giải thoát. Thế nào là hữu sắc quán các sắc? Là y chỉ tĩnh lự, đối với những gì bên trong chưa đề bẹp mà thấy là sắc tướng, hoặc an lập mà thấy là sắc tướng. Quán các sắc trông thấy trụ trong cụ túc, như định, tuệ và các tâm tâm sở tương ưng với chúng cho đến giải thoát biến hóa chương. Thế nào là vô sắc tướng bên trong quán các sắc bên ngoài? Là y chỉ tĩnh lự, đối với những gì đã đề bẹp mà thấy là sắc tướng, hoặc hiện an lập mà thấy là vô sắc tướng. quán các sắc được trông thấy trụ trong cụ túc, như định, tuệ ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là tịnh giải thoát thân trụ trong cụ túc tác chứng? Là y chỉ tĩnh lự, đối với các sắc tịnh bất tịnh bên trong đã được tướng lần lượt trông đợi nhau, lần lượt nhập vào nhau, lần lượt thành một mùi vị, chúng đã được trụ trong cụ túc, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói, cho đến là giải thoát tịnh bất tịnh, biến hóa phiền não sinh khởi chương. Thế nào là vô biên không xứ giải thoát? Là với sự tùy thuận giải thoát vô biên không xứ, trụ trong cụ túc như định, tuệ, và ngoài ra như trước đã nói. Giống như vô biên không xứ giải thoát, vô biên thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát cũng vậy, cho đến là giải thoát, tịch tĩnh giải thoát chương không trở ngại. Thế nào là tướng thụ diệt giải thoát? Là y chỉ phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát, vượt quá các tịch tĩnh giải thoát khác trụ nơi tự chân giải thoát, trụ trong cụ túc tâm tâm sở diệt là giải thoát chương tướng thụ diệt.

Thắng xứ, là 8 thắng xứ. Bốn thắng xứ trước là do 2 giải thoát kiến lập. Bốn thắng xứ sau do 1 giải gthoát kiến lập. Trong đây giải thoát là ý giải sở duyên.. Thắng xứ là thắng phục sở duyên, vì tự tại chuyển. Căn cứ vào số hữu tình, số phi hữu tình nói sắc nhiều ít. Căn cứ vào tịnh bất tịnh nói sắc tốt xấu. Căn cứ vào người và trời nói sắc hơn kém. Ngoài ra như nói trong giải thoát. Thắng phục sở duyên nên gọi là thắng xứ.

Biến xứ, là 10 biến xứ sở duyên khắp cả nên gọi là biến xứ. Ở nơi khắp cả đó, trụ trong cụ túc như định, tuệ, và tâm tâm sở pháp tương ưng với chúng, đó gọi là biến xứ. Vì sao trong biến xứ kiến lập địa v.v...? Do biến xứ này quán sắc sở y năng y đều biến khắp cả, ngoài ra tùy theo thích ứng như giải thoát nói. Như vậy biến xứ có thể thành tựu viên mãn giải thoát.

Vô tránh, là y chỉ tĩnh lự, đối với việc phòng hộ tha sở phải khởi phiền não trụ trong cụ túc như định, tuệ và các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Nguyện trí, là y chỉ tĩnh lự, đối với việc hiểu rõ sở tri nguyện trong cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Vô ngại giải, là 4 vô ngại giải. Thế nào là pháp vô ngại giải? Là y chỉ tĩnh lự, đối với tất cả pháp trong danh sai biệt vô ngại cụ túc, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là nghĩa vô ngại giải? Là y chỉ tĩnh lự trong các tướng và ý thú vô ngại cụ túc, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là huân từ vô ngại giải? Là y chỉ tĩnh lự trong vô ngại cụ túc đối với các tiếng phương ngôn và ngôn từ huân thích các pháp, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là biện tài vô ngại giải? Là y chỉ tĩnh lự trong vô ngại cụ túc đối với các pháp sai biệt, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Thần thông, là 6 thần thông. Thế nào là thần cảnh thông? Là y chỉ tĩnh lự trong các thứ thần biến oai đức cụ túc, như định, tuệ và các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Thế nào là thiên nhĩ thông? Là y chỉ tĩnh lự đối với các thứ âm thanh được nghe, oai đức cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là tâm sai biệt thông? Là y chỉ tĩnh lự đối với việc nhập vào tâm hành sai biệt của hữu tình khác, oai đức cụ túc như định, , tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là túc trụ tùy niệm thông? Là y chỉ tĩnh lự đối với các tùy niệm đã làm đời trước, oai đức cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là tử sinh thông? Là y chỉ tĩnh lự đối với việc quán hữu tình tử sinh sai biệt, oai đức cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước

đã nói. Thế nào là lậu tận thông? Là y chỉ tĩnh lực đối với lậu tận trí, oai đức cụ túc như định, tuệ, và các tâm tâm sở tương ưng với chúng.

Tướng tùy hảo là, y chỉ tĩnh lực trong tướng tùy hảo trang nghiêm sở y, thị hiện cụ túc như định, tuệ, và các tâm tâm sở tương ưng với chúng và các dị thực do chúng khởi.

Thanh tịnh là 4 thanh tịnh. Thế nào là y chỉ thanh tịnh? Là y chỉ tĩnh lực, trong tùy sở dục y chỉ trong thủ trụ xả cụ túc như định, tuệ và các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Thế nào là cảnh giới thanh tịnh? Là y chỉ tĩnh lực, trong cảnh giới tùy sở dục cụ túc trí biến hóa như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là tâm thanh tịnh? Là y chỉ tĩnh lực, đối với Tam-ma-địa môn như sở dục tự tại cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là trí thanh tịnh? Là y chỉ tĩnh lực, đối với Đà-la-ni môn tùy sở dục nhiệm trì cụ túc như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Lực, là 10 lực của Như Lai. Thế nào là xứ phi xứ trí lực? Là y chỉ tĩnh lực, trong nhất thiết chủng cụ túc xứ phi xứ trí, như định, tuệ và các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Thế nào là tự nghiệp trí lực? Là y chỉ tĩnh lực, trong nhất thiết chủng cụ túc nghiệp trí, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Các lực khác tùy theo thích ứng cũng như vậy.

Vô úy, là 4 vô úy. Thế nào là chính đẳng giác vô úy? Là y chỉ tĩnh lực, do tự lợi môn, trong nhất thiết chủng cảnh giới sở tri kiến lập cụ túc đức hiệu tự xưng chính đẳng giác, như định, tuệ, và các tâm tâm sở tương ưng với chúng. Thế nào là lậu tận vô úy? Là y chỉ tĩnh lực, do tự lợi môn, trong nhất thiết chủng kiến lập đức hiệu tự xưng lậu tận như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là chương pháp vô úy? Là y chỉ tĩnh lực, do lợi tha môn, trong nhất thiết chủng kiến lập cụ túc đức hiệu tự xưng thuyết chương ngại pháp, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là xuất khổ đạo vô úy? Là y chỉ tĩnh lực, do lợi tha môn, trong nhất thiết chủng kiến lập cụ túc đức

hiệu tự xưng thuyết xuất khổ đạo pháp, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Niệm trụ, tức 3 niệm trụ. Nghĩa là khi điều khiển đại chúng thì hoàn toàn không hiện hành tất cả các thứ tạp nhiễm, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Bất hộ, tức 3 bất hộ. Nghĩa là khi điều khiển đại chúng thì đầy đủ phương tiện dạy răn tùy theo sở dục, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Không quên mất pháp là trong tất cả mọi thứ tùy theo chỗ ra làm chỗ nói đều ghi nhớ rõ ràng đầy đủ, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Vĩnh đoạn tập khí, là người có nhất thiết trí thì hoàn toàn không hiện hành những việc làm chẳng phải nhất thiết trí, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Đại bi, là khi duyên cảnh khổ vô gián thì hoàn toàn trụ trong đại bi, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Bất cộng Phật pháp, tức 18 thứ Phật pháp không chung. Nghĩa là trong thân ngữ ý nghiệp không chung, đầy đủ thanh tịnh, trong sở y và quả căn hoàn toàn chưa được không thoái chuyển, trong nghiệp không chung đầy đủ hiện hành, trong trí không chung trụ đầy đủ, như định, tuệ, ngoài ra như trước đã nói.

Nhất thiết chủng diệu trí, là trong uẩn giới xứ đầy đủ tất cả diệu trí tính, như định, tuệ, và các tâm tâm sở tương ưng với chúng.

Thế nào là dẫn phát các công đức như vậy? Nghĩa là y chỉ thanh tịnh 4 tĩnh lự thì hoặc ngoại đạo, hoặc Thanh Văn, hoặc Bồ-tát v.v... dẫn phát 4 vô lượng, 5 thần thông. Phần nhiều y chỉ biên giới tĩnh lự thứ 4 thì hoặc Thanh Văn, hoặc Bồ-tát, hoặc Như Lai v.v... dẫn phát các công đức khác. Do nhân nào dẫn phát các công đức như vậy? Nghĩa là y chỉ tĩnh lự, thường thường tư duy tùy theo đó kiến lập

pháp. Các công đức như vậy lược có 2 thứ: 1. Hiện tiền phát khởi tự tác dụng. 2. An trụ tự tính. Nếu hiện phát khởi tự tác dụng thì lấy thể tục trí xuất thể hậu sở đắc làm thể. Nếu an trụ tự tính thì lấy xuất thể trí làm thể.

Vô lượng làm nghiệp gì? Nghĩa là xả bỏ sở trị chướng trụ nơi ai mãi có thể mau chóng viên mãn phúc đức tư lương, thành thực hữu tình, tâm không mệt mỏi.

Giải thoát làm nghiệp gì? Nghĩa là dẫn phát việc biến hóa. Đối với tịnh bất tịnh, biến hóa không khó khăn. Đối với tịch tĩnh giải thoát không có trở ngại. Có thể an trụ đệ nhất tịch tĩnh Thánh trụ, do thắng giải tư duy.

Thắng xứ làm nghiệp gì? Nghĩa là có thể khiến cảnh giới sở duyên của 3 giải thoát trước chuyển một cách tự tại, do thắng phục duyên.

Biến xứ làm nghiệp gì? Nghĩa là khéo có thể làm xong giải thoát sở duyên, vì lưu bố biến khắp.

Vô tránh làm nghiệp gì? Nghĩa là ngôn ngữ nói ra người nghe đều tin phục, vì có tâm tối thắng ái hộ người khác, phát ngôn ứng tiếp đúng lúc.

Nguyện trí làm nghiệp gì? Nghĩa là khéo ghi nhớ rõ ràng những việc trong 3 đời. Những người trong thế gian đều cung kính, vì xa tất cả những gì người đời quy ngưỡng.

Vô ngại giải làm nghiệp gì? Nghĩa là khéo nói pháp làm hy duyệt tâm chúng sinh, có thể tuyệt dứt tất cả lưới nghi.

Thần thông làm nghiệp gì? Nghĩa là dùng thân nghiệp ngữ nghiệp ghi vào trong tâm hóa đạo hữu tình khiến nhập Thánh giáo. Khéo biết tất cả tâm hành và quá khứ vị lai của hữu tình rồi, nên giáo thụ thì khiến vĩnh ly.

Tướng và tùy hảo làm nghiệp gì? Nghĩa là có thể khiến tạm thấy, nghĩa là tâm đại trọng phu sinh tịnh tín.

Thanh tịnh làm nghiệp gì? Nghĩa là do thế lực này nên thủ sinh hữu, tùy theo lạc dục hoặc trụ một kiếp, hoặc hơn một kiếp, hoặc xả thọ hành, hoặc tự tại chuyển các pháp, hoặc tự tại chuyển các định, hoặc lại nhiệm trì chính pháp chư Phật.

Lực làm nghiệp gì? Nghĩa là trừ xả luận, vô nhân luận, ác nhân luận, không làm mà được luận, tuyên thuyết không điên đảo, tăng thượng sinh đạo, ngộ nhập tất cả tâm hành của hữu tình, chính thuyết pháp phẩm, ý lạc tùy miên cảnh giới tư lương sẽ có thể xuất ly, tùy chỗ thích ứng tuyên thuyết quyết định thắng đạo, hàng phục các ma, khéo có thể ghi nhận rõ ràng tất cả vấn luận.

Vô úy làm nghiệp gì? Nghĩa là ở trong đại chúng, chính tự mình kiến lập ta là Đại sư xô bẹp tất cả tà nạn ngoại đạo.

Niệm trụ làm nghiệp gì? Nghĩa là có thể không nhiễm ô, gìn giữ điều khiển đại chúng.

Bất hộ làm nghiệp gì? Nghĩa là có thể dạy răn đồ chúng không gián đoạn.

Không quên mất pháp là làm nghiệp gì? Nghĩa là có thể không lìa bỏ tất cả Phật sự.

Vĩnh đoạn tập khí là làm nghiệp gì? Là lìa các phiền não, cũng không hiển hiện, tương tự như các phiền não làm các sự nghiệp.

Đại bi là làm nghiệp gì? Là ngày đêm 6 thời quán khắp thế gian.

Bất cộng Phật pháp là làm nghiệp gì? Là do thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh đã được không thoái chuyển. Hoặc đi hoặc đứng, tỏa sáng che khắp tất cả Thanh Văn, Độc Giác.

Nhất thiết chủng diệu tri là làm nghiệp gì? Là có thể tuyệt dứt lưới nghi của tất cả hữu tình, khiến chính pháp nhãn tạng trụ lâu dài.

Do đó hữu tình chưa thành thực thì khiến thành thực, đã thành thực thì khiến được giải thoát.

Trên đây đã nói trong hiện quán vị sau khi chứng đắc thắng phẩm đạo sau, thì xả bỏ hạ liệt phẩm đạo trước đã được. Lại nữa ngay khi ấy tập đoạn tác chứng nơi vô dư y Niết-bàn giới vị. Thanh Văn, Độc Giác tất cả Thánh đạo không gì không nhanh chóng xả sở xả không phải là các Bồ-tát. Cho nên chỉ nói các Bồ-tát v.v... là người vô tận thiện căn, là người vô tận công đức. Vì sao kiến lập các việc vô ký? Vì chỗ kia hỏi không như lý. Vì sso chỗ hỏi không như lý? Vì xa lìa chỗ phải tư duy về nhân quả nhiễm tịnh.

Vì duyên gì Bồ-tát đã nhập vào Bồ-tát siêu thắng ly sinh vị mà chẳng phải dự lưu? Do được bất trụ đạo nên hoàn toàn dự lưu hạnh không thành tựu. Vì duyên gì cũng không phải nhất lai? Vì cố thụ vô lượng sinh các hữu. Vì duyên gì cũng chẳng phải bất hoàn? Vì an trụ tĩnh lự trở lại sinh Dục giới.

Lại nữa các Bồ-tát đã được để hiện quán, trong 10 địa tu đạo vị chỉ tu sở tri chướng đối trị đạo, không phải phiền não chướng đối trị đạo. Nếu khi được Bồ-đề thì nhanh chóng đoạn phiền não chướng và sở tri chướng, nhanh chóng thành A-la-hán và Như Lai. Các Bồ-tát này tuy chưa vĩnh đoạn tất cả phiền não, nhưng các phiền não này cũng như chú thuật và thuốc đê bẹp các độc, không khởi tất cả phiền não tội lỗi, như A-la-hán đã đoạn phiền não trong tất cả địa.

Lại nữa các Bồ-tát trong cảnh sở tri phải tu thiện xảo, trong các phương tiện phải tu thiện xảo, trong hư vọng phân biệt phải tu thiện xảo, trong vô phân biệt phải tu thiện xảo, trong mọi thời phải tu luyện căn.

Thế nào là cảnh sở tri? Sơ lược có 6 thứ: 1. Mê loạn. 2. Mê loạn sở y. 3. Không mê loạn sở y. 4. Mê loạn không mê loạn. 5. Không mê loạn. 6. Không mê loạn đẳng lưu.

Thế nào là phương tiện thiện xảo? Sơ lược có 4 thứ: 1. Phương tiện thiện xảo thành thực hữu tình. 2. Phương tiện thiện xảo viên mãn Phật pháp. 3. Phương tiện thiện xảo mau chứng thông tuệ. 4. Phương tiện thiện xảo đạo không tuyệt dứt.

Thế nào là hư vọng phân biệt? Sơ lược có 10 thứ: 1. Căn bản phân biệt. 2. Tướng phân biệt. 3. Tướng hiển hiện phân biệt. 4. Tướng biến dị phân biệt. 5. Tướng hiển hiện biến dị phân biệt. 6. Tha dẫn phân biệt. 7. Bất như lý phân biệt. 8. Như lý phân biệt. 9. Chấp trước phân biệt. 10. Tán loạn phân biệt. Đây lại có 10 thứ: 1. Vô tính phân biệt. 2. Hữu tính phân biệt. 3. Tăng ích phân biệt. 4. Tồn giảm phân biệt. 5. Một tính phân biệt. 6. Khác tính phân biệt. 7. Tự tính phân biệt. 8. Sai biệt phân biệt. 9. Theo tên hiệu nghĩa phân biệt. 10. Theo nghĩa đặt tên phân biệt.

Thế nào là vô phân biệt? Sơ lược có 3 thứ: 1. Tri túc vô phân biệt. 2. Vô điên đảo vô phân biệt. 3. Vô hý luận vô phân biệt. Như đây 3 thứ dị sinh, Thanh Văn, Bồ-tát phải biết theo thứ tự tướng của chúng là vô hý luận vô phân biệt. Lại lia 5 tướng: 1. Chẳng phải không tác ý. 2. Chẳng phải siêu quá tác ý. 3. Chẳng phải tịch tĩnh. 4. Chẳng phải tự tính. 5. Chẳng phải gia hành đối với sở duyên. Nghĩa là đối với sở duyên không khởi gia hành, nếu tính các Bồ-tát là lợi căn.

Thế nào là lại khiến tu luyện căn hành? Nghĩa là khiến dựa vào lợi căn hay nhuyển căn mà dẫn phát lợi căn trung căn, lại dựa vào lợi căn trung căn dẫn phát lợi lợi căn.

Phẩm 4: PHÃMLUẬN NGHỊ TRONG QUYẾT TRẠCH PHÂN

Thế nào là luận nghị quyết trạch? Sơ lược có 7 thứ là nghĩa quyết trạch, thích quyết trạch, phân biệt hiển thị quyết trạch, đẳng luận quyết trạch, nhiếp quyết trạch, luận quĩ quyết trạch, và bí mật quyết trạch.

Những gì là nghĩa quyết trạch? Nghĩa là y vào 6 nghĩa mà khởi lựa chọn quyết định. Những gì là 6? Là tự tính nghĩa, nhân nghĩa, quả nghĩa, nghiệp nghĩa, tương ưng nghĩa và chuyển nghĩa. Tự tính nghĩa, là 3 tự tính. Nhân nghĩa, là 3 nhân: 1. Sinh nhân. 2. Chuyển nhân. 3. Thành nhân. Quả nghĩa, là 5 quả: 1. Dị thực quả. 2. Đẳng lưu quả. 3. Tăng thượng quả. 4. Sự dụng quả. 5. Ly hệ quả. Nghiệp nghĩa, là 5 nghiệp: 1. Thủ thụ nghiệp. 2. Tác dụng nghiệp. 3. Gia hành nghiệp. 4. Chuyển biến nghiệp. 5. Chứng đắc nghiệp. Tương ưng nghĩa, là 5 tương ưng: 1. Tụ kết tương ưng. 2. Tùy trực tương ưng. 3. Liên xuyết tương ưng. 4. Phần vị tương ưng. 5. Chuyển biến tương ưng. Chuyển nghĩa, là 5 chuyển: 1. Tướng chuyển. 2. An trụ chuyển. 3. Điền đảo chuyển. 4. Không điền đảo chuyển. 5. Sai biệt chuyển.

Những gì là thích quyết trạch? Nghĩa là có thể giải thích tông yếu các kinh. Đây là thế nào? Sơ lược có 6 thứ: 1. Biết khắp các việc. 2. Biết khắp các nghĩa. 3. Biết khắp nhân duyên. 4. Biết khắp tự tính. 5. Biết khắp quả. 6. Chứng thụ kia. Lại có 14 môn biện thích quyết trạch. Những gì là 14? Là nhiếp thích môn, nhiếp sự môn, tổng biệt môn, hậu hậu khai dẫn môn, giá chỉ môn, chuyển biến tự môn, hoại bất hoại môn, an lập Bồ-đặc-già-la môn, an lập sai biệt môn, lý thú môn, biến tri đẳng môn, lực vô lực môn, biệt biệt dẫn môn, và dẫn phát môn.

Những gì là phân biệt hiển thị quyết trạch? Nghĩa là như đã nói uẩn v.v... trong các pháp tùy chỗ thích ứng tạo tác một hành, thuận câu trước, thuận câu sau, 2 câu, 3 câu, 4 câu, câu có thể thuật nói, câu ngăn chặn v.v...

Những gì là đẳng luận quyết trạch? Nghĩa là dựa vào 8. Tám thứ gì? Như từ vấn đáp quyết trạch tất cả chân ngụy. Lại có 4 thứ đạo lý đẳng luận quyết trạch: 1. Năng lập. 2. Năng phá. 3. Năng đoạn. 4. Năng giác.

Những gì là nhiếp quyết trạch? Nghĩa là do 10 xứ gồm các quyết trạch. Những gì là 10 xứ? 1. Thành sở tác quyết trạch xứ. 2. Thú nhập quyết trạch xứ. 3. Thắng giải quyết trạch xứ. 4. Đạo lý quyết trạch xứ. 5. Luận quyết trạch xứ. 6. Thông đạt quyết trạch xứ. 7. Thanh tịnh quyết trạch xứ. 8. Dẫn phát quyết trạch xứ. 9. Câu khác nhau quyết trạch xứ. 10. Không do công dụng khi tác ý thành tất cả nghĩa quyết trạch xứ.

Những gì là luận quĩ quyết trạch? Sơ lược có 7 thứ: 1. Luận thể. 2. Luận xứ. 3. Luận y. 4. Luận trang nghiêm. 5. Luận phụ. 6. Luận xuất ly. 7. Luận nhiều chỗ tác pháp.

Thư nhất, luận thể lại có 6 thứ: 1. Ngôn luận. 2. Thượng luận. 3. Tránh luận. 4. Hủy luận. 5. Thuận luận. 6. Giáo luận. Ngôn luận, nghĩa là tất cả ngôn ngữ thế gian. Thượng luận, nghĩa là luận những điều được nghe trong các thế gian mà thế trí ưa chuộng. Tranh luận, nghĩa là ngôn luận tương phản được lập ra. Hủy luận, nghĩa là phần nộ nhau phát ra lời thô ác. Thuận luận, nghĩa là ngôn luận có lựa chọn tùy thuận trí kiến thanh tịnh. Giáo luận, nghĩa là những ngôn luận dạy dỗ dắt dẫn hữu tình, người tâm chưa định thì khiến tâm định, người tâm đã định khiến được giải thoát.

Thứ 2, luận xứ nghĩa là hoặc ở nơi vương gia, hoặc ở nơi nhà chấp lý, hoặc đối với người thuần chất có thể làm lượng, hoặc đối với bạn lành, hoặc đối với Sa-môn Bà-la-môn hiểu rõ pháp nghĩa mà khởi luận nghị v.v...

Thứ 3, luận y nghĩa là dựa vào lập luận này lược có 2 thứ: 1. Sở thành lập. 2. Năng thành lập. Sở thành lập có 2 thứ: 1. Tự tính. 2. Sai biệt. Năng thành lập có 8 thứ: 1. Lập tông. 2. Lập nhân. 3. Lập dụ. 4. Hợp. 5. Kết. 6. Hiện lượng. 7. Tỷ lượng. 8. Thánh giáo lượng. Sở thành lập tự tính, là tự tính của ngã hoặc tự tính của pháp. Sai biệt, là ngã sai biệt, hoặc pháp sai biệt. Lập tông, là những gì được thành

lập, tự phải có nghĩa, lấy nghĩa ấy nói rõ cho người được hiểu. Lập nhân, là những gì được thành lập chưa hiển thị rõ nghĩa, chính nói cái tướng tín giải của hiện lượng là được hay không thể được v.v... Lập dụ, là hòa hợp phía được thấy và phía chưa được thấy để nói cho đúng. Hợp, là dẫn các nghĩa khác của chủng loại này khiến nói đúng lý thú của pháp này. Kết, là những gì chính thuyết để đi đến cứu cánh. Hiện lượng, là là nghĩa tự nó đúng dẫn rõ ràng không mê loạn. Tỷ lượng, là hiện các tín giải khác. Thánh giáo lượng, là giáo pháp không mâu thuẫn 2 lượng.

Thứ 4, luận trang nghiêm nghĩa là dựa vào luận chính lý mà bắt đầu lập luận. Hết sức tốt đẹp gọi là luận trang nghiêm. Đây lại có 6 thứ: 1. Thiện tự tha tông. 2. Ngôn âm viên mãn. 3. Vô úy. 4. Biện tài. 5. Đôn hậu nghiêm túc. 6. Ứng cúng.

Thứ 5, luận phụ nghĩa là xả ngôn, ngôn khuất, và ngôn quá. Xả ngôn là tự phát ngôn nói lỗi của luận của mình nói đức của luận của người. Ngôn khuất là mượn các việc khác mà phương tiện thoái khuất, hoặc nói ngoại sự mà bỏ bản tông, hoặc hiện phần nộ, kiêu mạn, che giấu v.v..., như kinh có nói rộng. Ngôn quá là sơ lược có 9 thứ: 1. Tạp loạn. 2. Thô khoáng. 3. Không làm xong. 4. Không hạn lượng. 5. Phi nghĩa tương ưng. 6. Không hợp thời. 7. Không quyết định. 8. Không rõ ràng. 9. Không liên tục.

Thứ 6, luận xuất ly nghĩa là quan sát đức và lỗi khiến luận xuất ly hoặc không lập luận. Nếu biết luận của kẻ đối địch là phi chính pháp khí, chúng không có đức, tự mình không thiện xảo thì không nên khởi luận. Nếu biết luận của kẻ đối địch là chính pháp khí, chúng có đức, tự mình có thiện xảo mới có thể khởi luận.

Thứ 7, luận nhiều chỗ tác pháp. Sơ lược có 3 thứ: 1. Khéo thông đạt tông chỉ của tông mình và người, do đó có thể khởi đàm luận. 2. Không sợ sệt, do đó có thể khởi luận giữa mọi người. 3. Có tài biện luận, do đó có thể đối đáp các vấn nạn.

Lại nữa, nếu muốn tự cầu lợi ích an lạc thì đối với các luận quỹ phải giỏi thông suốt, không nên khởi tranh luận với người. Như Bạc-già-phạm có nói trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma: Nếu các Bồ-tát muốn siêng năng tinh tiến tu các thiện phẩm, muốn hành chân thật pháp tùy pháp hành, muốn khéo nhiếp ích tất cả hữu tình, muốn được mau chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề thì phải chính quán sát 12 xứ pháp, không nên khởi tranh luận cùng người. Những gì là 12?

1. Khi tuyên thuyết chứng vô thượng nghĩa vi diệu pháp, rất khó được người tin hiểu.
2. Khởi tâm thụ giáo mà xin hỏi là rất khó được.
3. Khi chúng hiền thiện quan sát đức và lỗi là rất khó được.
4. Tất cả chỗ khởi luận có thể lia 6 lỗi là rất khó được. Những gì là 6? Là lỗi chấp trước tà tông, lỗi nói lời kiêu loạn, lỗi nói không đúng lúc, lỗi thoái khuất, lỗi nói lời thô ác, lỗi tâm giận dữ.
5. Phạm khi khởi luận không ôm lòng ác độc là rất khó được.
6. Phạm khi khởi luận khéo hộ tha tâm là rất khó được.
7. Phạm khi khởi luận khéo hộ định tâm là rất khó được.
8. Phạm khi khởi luận có tâm muốn khiến mình kém người hơn là rất khó được.
9. Tâm chịu mình kém người hơn mà không phiền não là rất khó được.
10. Tâm đã phiền não mà được trụ an ổn là rất khó được.
11. Đã không an trụ mà thường tu thiện pháp là rất khó được.
12. Với các thiện pháp đã không hằng tu, tâm chưa được định có thể mau được định, tâm đã được định có thể mau giải thoát là rất khó được.

Những gì là bí mật quyết trạch? Nghĩa là nói bao nhiêu nghĩa danh cú văn thân ẩn kín chuyển biến thành bao nhiêu nghĩa hiển rõ, như khế kinh nói:

*Nghịch hại với cha mẹ,
Vua và 2 đả vãn,
Diệt nước và tùy hành,
Người đó là thanh tịnh.*

Lại như khế kinh nói:

*Không tin, không biết ơn,
Đoạn mật không chỗ chứa,
Ăn của người nôn mửa,
Là tối thượng trượng phu.*

Lại như khế kinh nói:

*Biết không kiên là kiên
Thường ở nơi điên đảo,
Và cực kỳ phiền não,
Được tối thượng Bồ-đề.*

Lại như khế kinh nói: Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu 5 pháp thì thí Ba-la-mật-đa mau được viên mãn. Những gì là 5? 1. Tăng ích xan lẫn pháp tính. 2. Với thí có một mối. 3. Cầu xin tăng ố. 4. Không hổ thẹn ít thí. 5. Xa lìa thí.

Lại như khế kinh nói: Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu 5 pháp gọi là người Phạm hạnh, thành tựu đệ nhất thanh tịnh Phạm hạnh. Những gì là 5? 1. Thường cầu lấy dục lìa dục. 2. Xả bỏ pháp đoạn dục. 3. Dục tham đã sinh thì liền kiên chấp. 4. Sợ pháp trị dục. 5. Ba mươi hai số tham.

Vì sao luận này gọi là Đại Thừa A-tì-đạt-ma Tập? Sơ lược có 3 nghĩa, đó là đẳng sở tập, biến sở tập và chính sở tập.

TRỌN BỘ 7 QUYỂN HẾT

SỐ 1606
ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN
QUYỂN 1

*An Huệ Bồ-tát tập hợp
 Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1 – 1: PHẨM 3 PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

*Các hội chân tịnh lý cứu cánh,
 Vượt biển Thánh hạnh lên bờ kia,
 Chứng đắc tất cả pháp tự tại,
 Khéo quyền hóa đạo không nghĩ bàn.
 Vô lượng hy hữu thắng công đức,
 Tự tha đều lợi sở y chỉ.
 Kính lễ như vậy đáng Đại Giác,
 Vô đẳng diệu pháp, các Thánh chúng,
 Kính lễ khai diễn bản luận sư,
 Bạc thân thừa Thánh chỉ phân biệt.
 Do ngộ kế kinh và giải thích,
 Nên phát chính cần làm tổng hợp.*

Nay trong tụng này kính đánh lễ xưng tán công đức tối thắng không điên đảo để cúng dường Tam Bảo và hai sư đã tạo và giải thích luận này. Sở dĩ vì sao? Vì là sở y và năng khởi của luận này. Phật

Bạc-già-phạm là sở y bình đẳng tất cả giáo pháp của khế kinh v.v... Không thầy tự ngộ thật tính các pháp, chỗ sở y của một phần giáo khởi, nên từ đó không ngớt chúng Thánh đệ tử y pháp tùy học, làm chỗ sở y vì từ pháp giới lưu xuất. Kinh thích 2 sư cũng khế hợp chính pháp Như Lai nói ra, một phần cũng không điên đảo, văn tự tu hành làm y chỉ, nên theo đó mà tạo luận.

Hai bài tụng đầu hiển thị 6 nghĩa thắng đức của Như Lai. Đó là nghĩa của tự tính, nhân, quả, nghiệp, tương ưng, và sai biệt. *Các hội chân tịnh lý cứu cánh*, là hiển thị nghĩa của tự tính. Nghĩa là pháp thân chư Phật lấy nhất thiết chủng, chuyển y chân như làm thể tính. *Vượt biển Thánh hạnh lên bờ kia*, là hiển thị nghĩa của nhân. Nghĩa là Phật Bồ-đề từ nhất thiết chủng cực hỷ v.v... 10 địa Thánh hành vô lượng vô số đại kiếp viên mãn nhân tu tập sinh ra. *Chúng đắc tất cả pháp tự tại*, là hiển thị nghĩa của quả. Nghĩa là vĩnh đoạn tất cả phiền não chướng, sở tri chướng và các tập khí khác, chúng được quả vô thượng Tam Bồ-đề vô biên hy hữu công đức, tự tại chuyển đổi với tất cả pháp. *Khéo quyền hóa đạo không nghĩ bàn*, là hiển thị nghĩa của nghiệp. Nghĩa là vì siêu việt cảnh phi nhất thiết trí, thần thông, ký thuyết, giáo giới, biến hiện v.v..., vô lượng phương tiện điều phục dắt dẫn các hữu tình có thể hóa độ khiến tâm giới thanh tịnh. *Vô lượng hy hữu thắng công đức*, là hiển thị nghĩa tương ưng. Nghĩa là siêu vượt số lượng suy tầm tư duy vô lượng các thứ khổ hạnh khó làm, phát sinh sức đại bi vô úy vô thượng tương ưng với công đức pháp bảo. *Tự tha đều lợi sở y chỉ*, là hiển thị nghĩa sai biệt. Nghĩa là thụ dụng thân, biến hóa thân, tự tính thân của Như Lai, như thứ tự là sở y của tự tha đều lợi. Sở y là nghĩa của thân, nghĩa của thể, là không sai biệt. Sở y của tự tha đều lợi là đứng về nghĩa thù thắng mà nói. Nghĩa là chỗ tự lợi tối thắng của thụ dụng thân là trong đại pháp hội có thể thụ được pháp Thánh tài rất sâu, rộng lớn đệ nhất. Biến hóa thân là tha lợi tối thắng biến

khắp 10 phương tất cả thế giới, có thể khởi không ngót như các việc biến hóa của nghề công xảo, thiết lập những gì hữu tình phải làm. Tự tính thân là pháp thân cộng hữu của các Thiện Thệ, cực kỳ vi tế, vì tất cả chuyển y chân như làm thể. Với tự tha lợi đều là tối thắng, vì do chúng thân này được bao nhiêu thân khác. Ba thân Phật đây là nghĩa của sai biệt. Nên biết rằng trong đây cũng tán thán công đức của pháp tăng. Pháp bảo là gồm các nghĩa về tự tính nhân quả v.v... Tăng bảo là tùy theo đây tu học mà phát sinh, ngõ hầu khiến người học không có các sự sợ hãi nên mới tạo luận kiến lập thể tính này.

*Bản sự với quyết trạch,
Mỗi đều có 4 thứ.
Gồm 3 pháp nên thành,
Để pháp được luận nghị.
Bao nhiêu nhân thủ tướng,
Kiến lập với thứ tự.
Nghĩa dụ rộng phân biệt,
Gồm chung trong các tụng.*

Hỏi: Vì sao mở đầu luận trước tiên nói về uẩn?

Đáp: Vì muốn khiến người học trong bao nhiêu nhân, các chỗ tư duy lựa chọn được thiện xảo. Sở dĩ vì sao? Vì do thiện xảo này có thể được 2 thứ xung tán lợi ích. Đó là tác ý xung tán lợi ích và luận nghị quyết trạch xung tán lợi ích.

Tác ý xung tán lợi ích, nghĩa là khéo thuận tăng trưởng Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na. Khéo thuận tăng trưởng Xa-ma-tha là ở nơi các tư duy lựa chọn như vậy đã làm thiện xảo vô ngại, tùy chỗ sở thích trong một cảnh giới chính quán hiện tiền, tâm dễ định. Khéo thuận tăng trưởng Tì-bát-xá-na là dùng vô lượng môn quán sát tất cả cảnh giới sở tri, mau khiến chính tuệ cứu cánh viên mãn.

Luận nghị quyết trạch xung tán lợi ích, nghĩa là do khéo thông đạt các chỗ tư duy lựa chọn, nên thành tựu tất cả, vấn đáp tự tại, không sợ hãi các dị luận.

Hỏi: Uẩn, giới, xứ mỗi loại có bao nhiêu thứ?

Đáp: Uẩn có 5 thứ là sắc uẩn, thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn. Giới có 18 là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Xứ có 12 là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Hỏi: Vì nhân gì uẩn chỉ có 5?

Đáp: Vì hiển thị 5 việc của ngã, cho nên gọi là hiển thị việc đầy đủ thân của ngã, việc thụ dụng của ngã, việc nói năng của ngã, việc tạo tác tất cả pháp và phi pháp của ngã, và việc y chỉ tự thể của ngã. Trong 5 việc này 4 việc trước là ngã sở, thứ 5 là ngã tướng. Nói thân cụ, là gồm cả sắc uẩn trong và ngoài. Thụ v.v... các uẩn là nghĩa của thụ dụng v.v... Trong tướng phải nói chỗ y chỉ của nó là tự thể của ngã. Nghĩa là thức uẩn là nghĩa ngã tướng sở y của thân cụ v.v... Sở dĩ vì sao? Hữu tình thế gian phần nhiều đối với thức uẩn kể chấp làm ngã, đối với các uẩn khác kể chấp làm ngã sở.

Hỏi: Vì nhân gì giới chỉ có 18?

Đáp: Do thân cụ v.v... có thể duy trì tính thụ dụng của 6 hành trong quá khứ và hiện tại. Thân, là nhãn v.v... 6 căn. Cụ, là sắc v.v... 6 cảnh. Thụ dụng của 6 hành trong quá khứ hiện tại, là 6 thức. Có thể duy trì, là 6 căn 6 cảnh có thể duy trì 6 thức, vì là sở y sở duyên. Quá khứ hiện tại 6 thức có thể duy trì thụ dụng, vì không bỏ tự tướng. Phải biết 18 thứ này do có nghĩa là có thể duy trì nên gọi là giới.

Hỏi: Vì nhân gì xứ chỉ có 12?

Đáp: Vì chỉ có thân và cụ có thể cùng với 6 hành vị lai thụ dụng làm sinh trưởng môn. Nghĩa là giống như quá khứ hiện tại tướng thụ dụng của 6 hành là nhãn v.v... duy trì, thì vị lai tướng thụ dụng của 6 hành lấy nhãn và nghĩa làm sinh trưởng môn cũng vậy. Nói chỉ có, nghĩa là chỉ dựa vào căn cảnh lập ra 12 xứ, không dựa vào 6 thứ thụ dụng tướng và thức.

Hỏi: Sao gọi là thủ uẩn?

Đáp: Bời hợp với thủ nên gọi là thủ uẩn. Thủ, nghĩa là trong các uẩn có dục tham. Vì sao dục tham gọi là thủ? Nghĩa là trong vị lai hiện tại các uẩn có thể dẫn không bỏ nên mong cầu vị lai nhiệm trước hiện tại dục tham gọi là thủ. Dục, là tướng của mong cầu. Tham là tướng của nhiệm trước. Do dục mong cầu tự thể vị lai làm phương tiện, nên dẫn thủ đương lai uẩn khiến khởi hiện tiền. Do tham nhiệm trước tự thể hiện tại làm phương tiện, nên chấp thủ hiện tại uẩn, khiến không lìa bỏ. Cho nên 2 thuyết này gọi là thủ.

Hỏi: Vì sao giới, xứ nói là có thủ pháp?

Đáp: Nên nói như uẩn. Phải biết giới, xứ hợp với thủ, nên nói là có thủ pháp.

Hỏi: Tướng của sắc uẩn như thế nào?

Đáp: Tướng biến hiện là tướng của sắc. Đây có 2 thứ: 1. Xúc đối biến hoại. 2. Phương sở thị hiện.

Xúc đối biến hoại, là do tay chân cho đến muỗi, rắn khi chạm xúc đối nhau thì liền biến hoại. Phương sở thị hiện, là phương hướng, nơi chốn có thể hiện ra sắc tướng như thế như thế. Những sắc như vậy hoặc do định tâm hoặc do bất định, tâm tư tương ưng các nét tạo thành.

Phương sở, là xứ sở hiện tiền. Sắc như thế như thế, nghĩa là như các ảnh tượng do quán cốt tủa biết v.v... Sắc như thế như thế,

nghĩa là hiển thị hình tướng sai biệt. Các nét tạo thành, nghĩa là như tướng tưởng tượng.

Hỏi: Tướng của thụ uẩn như thế nào?

Đáp: Tướng lãnh nạp là tướng của thụ uẩn. Nghĩa là do thụ nên lãnh nạp các thứ nghiệp tịnh bất tịnh mà được dị thực. Nếu là nghiệp thanh tịnh thì thụ quả dị thực vui, nghiệp không thanh tịnh thì thụ quả dị thực khổ, nghiệp tịnh và bất tịnh thì thụ quả dị thực không khổ không vui. Sở dĩ vì sao? Do nghiệp tịnh bất tịnh cảm được thức A-lại-da dị thực thường cùng xả thụ tương ưng. Chỉ xả thụ này là thể của dị thực thật sự. Khổ vui 2 thụ là từ dị thực sinh cho nên giả nói là dị thực.

Hỏi: Tướng của tướng uẩn như thế nào?

Đáp: Tướng tạo thành là tướng của tướng. Do tướng này nên tạo ra hình tượng các pháp, tùy theo nghĩa của thấy nghe hiểu biết mà khởi các ngôn thuyết. Thấy nghe hiểu biết, là mắt tiếp nhận nghĩa của cái thấy, tai nhận nghĩa của cái nghe, tự nhiên tư duy tạo thành như vậy. Như thế là nghĩa của hiểu. Những gì nhận từ bên trong là nghĩa của biết. Các ngôn thuyết là nghĩa của sự làm rõ.

Hỏi: Tướng của hành uẩn như thế nào?

Đáp: Tướng tạo tác là tướng của hành. Do hành này nên khiến tâm tạo tác. Nghĩa là nó sai khiến cái tâm đối với các phẩm thiện ác vô ký. Lại còn sai khiến cái tâm đối với các thứ khổ lạc v.v...

Hỏi: Tướng của thức uẩn như thế nào?

Đáp: Tướng hiểu biết phân biệt là tướng của thức. Do thức này nên phân biệt hiểu biết các cảnh giới của sắc thanh hương vị xúc pháp.

Hỏi: Tướng của nhãn giới như thế nào?

Đáp: Nghĩa là mắt đã từng và hiện thấy sắc, và chủng tử này chứa nhóm trong thức A-lại-da dị thực là tướng của nhãn giới. Mắt

từng thấy sắc, là có thể duy trì nghĩa thụ dụng của quá khứ thức để hiển thị tính của giới. Hiện thấy sắc, là có thể duy trì nghĩa thụ dụng của hiện tại thức để hiển thị tính của giới. Và chủng tử này chứa nhóm trong thức A-lại-da dị thực, nghĩa là chủng tử của nhãn, hoặc chỉ tích tụ để dẫn nhãn căn sau này, hoặc đã thành thực làm sinh nhãn căn hiện tại. Hai thứ này gọi là nhãn giới, vì sinh nhân của nhãn. Giống như tướng của nhãn giới, tướng của nhĩ tỷ thiết thân ý giới cũng vậy.

Hỏi: Tướng của sắc giới như thế nào?

Đáp: Các sắc mắt từng thấy hiện thấy, và nhãn giới tăng thượng nơi đây, gọi là tướng của sắc giới. Nhãn giới tăng thượng nơi đây, nghĩa là dựa vào sức tăng thượng của sắc căn sinh ngoại cảnh. Giống như tướng của sắc giới, tướng của thanh hương vị xúc pháp giới cũng vậy.

Hỏi: Tướng của nhãn thức giới như thế nào?

Đáp: Nghĩa là dựa vào nhãn duyên sắc, minh liễu phân biệt sắc tương tự, và các chủng tử này tích tụ trong thức A-lại-da dị thực, là tướng của nhãn thức giới. Giống như nhãn thức giới, tướng của nhĩ tỷ thiết thân ý thức giới cũng vậy.

Hỏi: Tướng của xứ như thế nào?

Đáp: Giống như giới, tùy theo chỗ thích ứng. Nghĩa là mắt thì thấy sắc, và chủng tử này tùy theo nghĩa mà nói.

Sắc uẩn kiến lập như thế nào? Đó là các sở hữu sắc. Như 4 đại chủng và 4 đại chủng sở tạo. Nói sở tạo, nghĩa là do 4 đại chủng có nghĩa là nhân của sinh, y, lập, trì, dưỡng, tức dựa vào 5 nhân gọi là tạo. Sinh nhân, tức là khởi nhân. Bởi vì tách rời đại chủng thì sắc không khởi. Y nhân, tức là chuyển nhân. Vì do đại chủng biến đổi khác, có thể dựa vào tạo sắc tùy theo sự biến đổi khác. Trì nhân, tức là

trụ nhân. Nghĩa là do đại chủng, các sở tạo sắc tương tự liên tục sinh, duy trì khiến không tuyệt mất. Dưỡng nhân, tức trưởng nhân. Nghĩa là do đại chủng nuôi dưỡng các tạo sắc kia làm cho tăng trưởng.

Bốn đại chủng là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Địa giới tính cứng chắc. Thủy giới tính ướt và chảy. Hỏa giới tính ấm nóng. Phong giới tính nhẹ và động.

Sở tạo sắc, là nhãn v.v... 5 căn, sắc thanh hương vị xúc một phần và pháp xứ sở nhiếp sắc.

Nhãn căn, là sở y của nhãn thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể. Nhĩ căn, là sở y của nhĩ thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể. Tỷ căn, là sở y của tỷ thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể. Thiệt căn, là sở y của thiệt thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể. Thân căn, là sở y của thân thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể. Ý căn, là sở y của ý thức do 4 đại chủng tạo thành, thanh tịnh sắc là thể.

Sắc, là nghĩa sở hành của nhãn căn do 4 đại chủng tạo ra. Nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, cao, thấp, ngay, không ngay, ánh sáng, bóng, sáng, tối, mây, khói, bụi, mù, huỳnh sắc, biểu sắc, không nhất hiển sắc. Đây lại có 3 thứ là sắc tốt, sắc không tốt và sắc trái với cả hai. Ba thứ này tạo lập ra 25 sắc như xanh v.v... do 6 nhân là tướng, an lập, tồn ích, tác sở y, tác tướng và trang nghiêm. Như thế theo thứ tự có 4, 10, 8, 1,1,1. Huỳnh sắc, là sắc lia các ngại xúc có thể được rất xa. Không nhất hiển sắc, là các hiển sắc thấy ở trên như xanh v.v...

Thanh, là nghĩa sở thủ của nhĩ căn do 4 đại chủng tạo thành, hoặc vừa ý, hoặc không vừa ý, hoặc trái với cả hai, hoặc nhân thụ đại chủng, hoặc nhân không thụ đại chủng, hoặc đều nhân đại chủng, hoặc thể cộng thành, hoặc thành sở dẫn, hoặc biến kế sở chấp, hoặc gồm cả Thánh ngôn hoặc không gồm Thánh ngôn. Như vậy là 11 thứ

thanh, được thành lập bởi 5 thứ nhân. Đó là tướng, tồn ích, nhân sai biệt, thuyết sai biệt, và ngôn sai biệt. Tướng, là nhĩ căn thủ nghĩa. Thuyết sai biệt, là thể sở cộng thành v.v..., còn 3 cái khác tùy thích ứng. Nhân thụ đại chủng, là tiếng nói tiếng kêu v.v... Nhân không thụ đại chủng, là tiếng cây cối v.v... Nhân cả hai, là tiếng vỗ tay v.v.... Thể sở cộng thành, là gồm những tiếng nói của thể tục. Thành sở dẫn, là tiếng nói của các Thánh giả. Biến kế sở chấp, là những gì ngoại đạo nói. Gồm Thánh ngôn hoặc phi Thánh ngôn, là y kiến v.v... 8 thứ ngôn thuyết.

Hương, là nghĩa sở thủ của tỹ căn do 4 đại chủng tạo ra. Hương có mùi thơm, mùi hôi, mùi bình đẳng, mùi câu sinh, mùi hòa hợp, mùi biến đổi. Mùi hương do 3 nhân thành lập là tướng, tồn ích, và sai biệt. Mùi câu sinh là như mùi Chiên-đàn-na v.v..., mùi hòa hợp là các mùi hòa vào nhau, mùi biến đổi là như mùi trái cây chín v.v...

Vị, là nghĩa sở thủ của thiết căn do 4 đại chủng tạo ra. Vị có đắng, chua, ngọt, cay, mặn, nhạt, hoặc vừa ý hoặc không vừa ý hoặc trái cả hai, hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp, hoặc biến đổi. Sự thành lập của vị này cũng giống như sự thành lập hương.

Xúc một phần, là nghĩa sở thủ của thân căn do 4 đại chủng tạo ra. Như trơn láng, thô ráp, nhẹ, nặng, mềm, hoãn, gấp, lạnh, đói, khát, no, sức yếu, ngọt ngạt, ngứa, dính, bệnh, già, chết, mệt, nghỉ, mạnh mẽ. Xúc một phần này do 8 nhân thành lập là tướng, cợ xát, khen, đụng chạm, nắm cầm, trà trộn, giới không bình đẳng, giới bình đẳng. Nước có gió vào thì lạnh. Đất có nước vào thì dính. Giới bình đẳng nên nghỉ, có sức mạnh. Sức mạnh là không sợ no. Do 2 thứ giới không bình đẳng nên có đói. Ngoài ra trạng thái khác là xúc.

Pháp xứ sở nhiếp sắc, đại lược có 5 thứ là cực lược sắc, cực huỳnh sắc, thụ sở dẫn sắc, biến kế sở khởi sắc, và tự tại sở sinh sắc. Cực lược sắc, là sắc cực vi. Cực huỳnh sắc, là sắc lia các xúc ngại.

Thụ sở dẫn sắc, là vô biên sắc. Biến kế sở khởi sắc, là sắc ảnh tượng. Tự tại sở sinh sắc, là cảnh sắc hiện hành của tinh lự giải thoát.

Thụ uẩn kiến lập như thế nào? Là 6 thụ thân, do nhãn xúc sinh thụ cho đến ý xúc sinh thụ. Thụ có thể vui, khổ hoặc không vui không khổ. Lại có lạc thân thụ, khổ thân thụ và không khổ không lạc thân thụ, có lạc tâm thụ, khổ tâm thụ và không khổ không lạc tâm thụ. Lại có lạc vị thụ, khổ vị thụ, không khổ không lạc vị thụ, không lạc vị thụ, không khổ vị thụ, không khổ không lạc vị thụ. Lại có lạc y đam trước thụ, khổ y đam trước thụ, không khổ không lạc y đam trước thụ, lạc y xuất ly thụ, khổ y xuất ly thụ, không khổ không lạc y xuất ly thụ. Thân thụ, là 5 thức tương ưng thụ. Tâm thụ, là ý thức tương ưng thụ. Có vị thụ, là tự thể ái tương ưng thụ. Không vị thụ, là ái này không tương ưng thụ. Y đam trước thụ, là diệu ngũ dục ái tương ưng thụ. Y xuất ly thụ, là ái này không tương ưng thụ. Như vậy thụ là do 4 nhân thành lập, tức là sở y, tự thể, nhóm hợp sở y, và tạp nhiễm thanh tịnh. Nhóm hợp sắc sở y thành lập thân thụ. Nhóm hợp vô sắc sở y thành lập tâm thụ. Do tạp nhiễm nên thành lập có vị v.v... Do thanh tịnh nên thành lập không vị v.v... Nói ái này không tương ưng, là ly hệ và tùy thuận ly hệ.

Tướng uẩn kiến lập như thế nào? Là 6 tướng thân, do nhãn xúc sinh tướng cho đến ý xúc sinh tướng. Do tướng này nên biết hữu tướng, biết vô tướng, biết tiểu, đại, vô lượng, biết vô thiếu, sở hữu, vô sở hữu xứ. Hữu tướng tướng, là các tướng trừ bất thiện ngôn thuyết, vô tướng giới định và Hữu định định tướng. Vô tướng tướng, là trừ các tướng trước. Tiểu tướng, là các tướng có thể biết Dục giới. Đại tướng, là các tướng có thể biết Sắc giới. Vô lượng tướng, là các tướng có thể biết không vô biên xứ, thức vô biên xứ. Vô sở hữu xứ tướng, là các tướng có thể biết vô sở hữu xứ. Bất thiện ngôn thuyết tướng, là vì chưa học ngôn ngữ nên tuy đối sắc khởi tướng mà không thể biết. Đây gọi là sắc nên gọi là vô tướng tướng. Vô tướng giới định

tướng, là tướng vô tướng Niết-bàn, lia sắc v.v... tất cả tướng, nên gọi là vô tướng tướng. Hữu đỉnh định tướng, là tướng ấy không sáng suốt nhạy bén, không thể đối cảnh vẽ ra các tướng, nên gọi là vô tướng tướng. Tiểu, là Dục giới thấp kém. Đại, là Sắc giới tăng thượng. Vô lượng, là không vô biên xứ, thức vô biên xứ, không có giới hạn, cho nên duyên các tướng kia cũng gọi là nhỏ, lớn, vô lượng.

Hành uẩn kiến lập như thế nào? Là 6 tư thân, do nhãn xúc sinh tư, cho đến ý xúc sinh tư. Do tư này nên tư tạo ra các thiện, tư tạo tạp nhiễm, tư tạo phần vị sai biệt. Lại nữa, tư này trừ thụ và tướng cùng các tâm sở hữu pháp với tâm bất tương ưng hành, gọi chung là hành uẩn. Tuy trừ thụ tướng, tất cả tâm sở hữu pháp và tâm bất tương ưng hành đều là tướng của hành uẩn. Nhưng tư tối thắng, với tất cả hành là dẫn đầu cho nên nghiêng về hiển thị nghĩa này nên nói do tư tạo thiện pháp v.v... Thiện, là phải nói là tín v.v... Tạp nhiễm, phải nói là tham v.v... căn bản phiền não và tham v.v... thiếu phần phiền não của phiền não phần. Phần vị sai biệt, là nơi tư phát ra các thứ hành vị, giả lập tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Những gì gọi là các tâm sở hữu pháp?

Đáp: Là tác ý, xúc, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, tuệ, tin, tâm, quý, không tham, không sân, không si, cần, an, không phóng dật, xả, không hại, tham, sân, mạn, vô minh, nghi, Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến, phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại, không tâm, không quý, hôn trầm, trạo cử, không tin, lừa dối, phóng dật, quên mất niệm, không biết đúng, tán loạn, ham ngủ, làm điều xấu, tâm, tứ. Như vậy tư có 55 pháp, gồm biến hành, biệt cảnh, thiện, phiền não, tùy phiền não, và bất định. Theo thứ tự là 5, 5, 11, 10, 20, 4. Lại nữa các tâm sở hữu pháp này cần phải phân biệt rộng về tướng và về nghiệp.

Tư, là trong tâm tạo tác ý nghiệp làm thể, trong thiện, bất thiện, vô ký phẩm sai khiến tâm làm nghiệp. Trong tâm tạo tác ý nghiệp

làm thể là nói tướng của nó. Trong thiện phẩm v.v... sai khiến tâm làm nghiệp là nói nghiệp của nó, vì phát khởi tâm trong các pháp tác thiện v.v...

Tác ý, là tâm phát động làm thể, trong cảnh sở duyên giữ tâm làm nghiệp. Trong cảnh sở duyên giữ tâm làm nghiệp, nghĩa là ngay trong cảnh này thường thường dẫn tâm, cho nên tâm được định gọi là được tác ý.

Xúc, là dựa vào 3 hòa hợp, các căn biến đổi phân biệt làm thể, thụ sở y làm nghiệp. Nghĩa là khi thức sinh, các căn sở y tùy thuận sinh khởi hành tướng biến đổi như khổ lạc các thụ v.v... tùy theo hành tướng này phân biệt sinh xúc.

Dục, là đối với lạc sự dẫn phát sự mong muốn làm thể, chính căn sở y làm nghiệp. Nói dẫn phát các mong muốn, nghĩa là dục dẫn dắt tất cả tác dụng gồm thấy nghe v.v...

Thắng giải, là đối với sự quyết định tùy chỗ quyết định giữ in như vậy làm thể, không thể dẫn chuyển làm nghiệp. Tùy chỗ quyết định giữ in như vậy, nghĩa là hiểu rõ sự việc như vậy mà quyết định rồi, không quyết định gì khác. Do thắng giải nên có thắng duyên không thể dẫn chuyển.

Niệm, là đối các việc quen tập khiến tâm ghi nhớ rõ ràng không quên làm thể, không tán loạn làm nghiệp. Việc quen tập, nghĩa là trước đã thụ. Nghiệp không tán loạn, là do niệm đối với cảnh ghi nhớ rõ ràng khiến tâm không tán.

Tam-ma-địa, là đối cảnh sở quán khiến tâm chuyên nhất làm thể, trí sở y chỉ làm nghiệp. Khiến tâm chuyên nhất, là trong một cảnh giới khiến tâm không tán. Trí sở y, là tâm ở trong tĩnh định biết như thật.

Tuệ, là đối với cảnh sở quán, trạch pháp làm thể, đoạn nghi làm nghiệp. Đoạn nghi, nghĩa là do tuệ trạch pháp được quyết định.

Tin, là đối với hữu thể, hữu đức, hữu năng thì nhẫn khả, thanh tịnh, hy vọng làm thể, lạc dục sở y làm nghiệp. Nghĩa là đối với thật hữu thể thì khởi nhẫn khả hành tín, đối với hữu đức thì khởi thanh tịnh hành tín, đối với thật hữu năng thì khởi hy vọng hành tín. Nghĩa là tin rằng ta có năng lực có thể thành.

Tàm, là đối với tội ác tự hồ thẹn làm thể, chãm dứt sở y ác hành làm nghiệp.

Quý, là đối với tội ác hổ thẹn với người làm thể, nghiệp thì giống như nói ở tàm.

Không tham, là đối với những gì mình có, không đắm trước làm thể, sở y của ác hành không chuyển làm nghiệp.

Không sân, là đối với các khổ và khổ cụ của hữu tình không giận làm thể, sở y của ác hành không chuyển làm nghiệp.

Không si, là do báo giáo chứng trí, quyết trạch làm thể, sở y của ác hành không chuyển làm nghiệp. Tàm v.v... dễ hiểu nên không giải thích lại. Báo giáo chứng trí, nghĩa là hiện được tuệ sinh do văn tư tu. Quyết trạch, là gồm có tuệ dũng và cần.

Cần, là mặc áo giáp phương tiện, không hạ thấp không thoái lui không cho là đủ, tâm dũng mạnh làm thể, thành mãn thiện phẩm làm nghiệp. Nghĩa là như kinh nói: Có thể, có cần, có dũng, cứng mạnh không bỏ phương tiện chuyển thắng thiện. Như thứ tự nên phối hợp giải thích các câu mặc áo giáp, tâm dũng mạnh v.v... Mãn thiện phẩm, nghĩa là có thể viên mãn tùy theo mới nhập căn bản tĩnh lự. Thành thiện phẩm, nghĩa là ngay nơi đây tu trị cực thiện.

An, là chãm dứt thân tâm thô trọng, thân tâm điều hòa thoải mái làm thể, trừ bỏ tất cả chướng ngại làm nghiệp. Trừ bỏ tất cả chướng ngại, nghĩa là do y chỉ thế lực này mà chuyển.

Không phóng dật, là y chỉ chính cần không tham sân si tu các thiện pháp, trong tâm phòng hộ các pháp hữu lậu làm thể, thành mãn

tất cả phúc thể và xuất thể làm nghiệp. Nghĩa là do chính cần v.v... làm trước có thể tu tất cả thiện pháp và phòng ngừa hữu lậu. Cho nên dựa vào 4 pháp này giả lập cái thể của không phóng dật. Pháp hữu lậu, nghĩa là các lậu và cảnh giới xứ sở của lậu.

Xả, là y chỉ chính cần không tham sân si, trái với tạp nhiễm trụ, tâm bình đẳng tính, tâm chính trực tính, tâm vô công dụng trụ tính làm thể, không dung chứa tạp nhiễm sở y làm nghiệp. Tâm bình đẳng tính, nghĩa là lấy sơ trung hậu vị, xả bỏ sai biệt. Sở dĩ vì sao? Vì xả với tâm tương ưng, lia tính bất bình đẳng như trầm một v.v... trước tiên chứng được tâm bình đẳng tính. Do tâm bình đẳng, xa lia gia hành, tự nhiên liên tục cho nên tiếp đến lại chứng được tâm chính trực tính. Do tâm chính trực, đối với các tạp nhiễm không lo không khiếp sợ cho nên cuối cùng chứng được tâm vô công dụng trụ tính.

Không hại, là không sân, một phần của thiện căn, tâm bi mẫn làm thể, không tổn não làm nghiệp. Phải biết rằng không hại không tách rời không sân nên cũng là giả.

Tham, là 3 cõi ái làm thể, chúng sinh khổ làm nghiệp. Chúng sinh khổ, nghĩa là do ái lực 5 thủ uẩn sinh.

Sân, là đối với các hữu tình khổ và khổ cụ tâm ghét giận làm thể, sở y của không an ổn trụ ác hành làm nghiệp. Không an ổn trụ, nghĩa là tâm ôm ghét giận phần nhiều trụ trong khổ.

Mạn, là y chỉ Tát-ca-da kiến, tâm cao cử làm thể, sở y của bất kính khổ sinh làm nghiệp. Bất kính, nghĩa là kiêu ngạo đối với sư trưởng và người có đức. Khổ sinh, nghĩa là sinh hậu hữu.

Vô minh, là 3 cõi vô trí làm thể, trong các pháp là sở y của tà quyết định, nghi, tạp nhiễm sinh khởi làm nghiệp. Tà quyết định, nghĩa là trí điên đảo. Nghi, nghĩa là do dự. Tạp nhiễm sinh khởi, nghĩa là tham v.v... các phiền não hiện hành. Các sở y ấy, nghĩa là do ngu si khởi các phiền não.

Nghi, là đối với để lý do dự làm thể, y chỉ của thiện phẩm không sinh làm nghiệp. Đối với để lý do dự, là cũng gồm trong do dự đối với sự thật. Tùy theo thích ứng, cũng gồm diệt đạo để. Thiện phẩm không sinh, nghĩa là do không quyết định, không tạo thiện nghiệp không tu hành.

Tát-ca-da kiến, là đối với 5 thủ uẩn v.v... tùy quán hoặc chấp thường hoặc chấp đoạn, các nhãn, dục, giác, quán, kiến làm thể, chương ngại sự xuất ly xử trung hành làm nghiệp. Xử trung hành, nghĩa là lia duyên đoạn thường, khởi chính trí.

Kiến thủ, là đối với các kiến và 5 thủ uẩn sở y của kiến v.v... tùy quán chấp cho là tối thắng thượng diệu, các nhãn, dục, giác, quán kiến làm thể, sở y của chấp bất chính kiến làm nghiệp.

Giới cấm thủ, là đối với các giới cấm và 5 thủ uẩn sở y của giới cấm v.v... tùy quán chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, các nhãn, dục, giác, quán kiến làm thể, sở y của việc làm cực nhọc mà không kết quả làm nghiệp. Giới cấm, nghĩa là ác kiến làm trước. Cực nhọc mà không kết quả, là do việc làm đây không thể xuất ly được.

Tà kiến, là phỉ báng nhân phỉ báng quả, hoặc chê bai tác dụng, hoặc phá hoại sự thật, hoặc tà phân biệt, các nhãn, dục, giác, quán kiến làm thể, đoạn thiện căn làm nghiệp, và sở y cho bất thiện căn kiên cố làm nghiệp, sinh khởi bất thiện căn làm nghiệp, thiện không sinh khởi làm nghiệp. Phỉ báng nhân, nghĩa là không thí cho, không ái lạc, không thờ phụng, không diệu hành, không ác hành v.v... Phỉ báng quả, nghĩa là cho rằng không có nghiệp diệu hành và ác hành chiêu cảm dị thực v.v... Phỉ báng tác dụng, nghĩa là cho rằng không có thể gian này không có thể gian khác, không cha, không mẹ, không có hữu tình hóa sinh v.v..., phỉ báng tác dụng của sự qua lại các đời khác, phỉ báng tác dụng của chủng tử tự nhiên duy trì, phỉ báng tác dụng liên tục. Phá hoại sự thật, nghĩa là cho rằng không thể gian

A-la-hán v.v... Tà phân biệt, nghĩa là bao nhiêu tất cả kiến chấp phân biệt điên đảo. Đoạn thiện căn, nghĩa là do tăng thượng tà kiến phi nhất thiết chủng.

Hỏi: Như vậy 5 kiến có bao nhiêu kiến là tăng ích có bao nhiêu kiến là tổn giảm?

Đáp: Có 4 là tăng ích kiến. Ở trong cảnh sở tri tăng ích tự tính và sai biệt, cho nên trong các kiến tăng ích đệ nhất và thanh tịnh. Nghĩa là trong 5 thủ uẩn cảnh sở tri vô ngã tăng ích tự tính ngã ngã sở là Tát-ca-da kiến, tăng ích sai biệt, ngã thường vô thường là biên chấp kiến. Trong các ác kiến tăng ích đệ nhất là kiến thủ. Ở nơi kiến này tăng ích thanh tịnh là giới cấm thủ. Một đa phần, là tổn giảm kiến. Một đa phần, là do tà phân biệt không cần tổn giảm.

Hỏi: Các kiến chấp đời trước đời sau, trong 5 này gồm trong bao nhiêu kiến?

Đáp: Hoặc 2 hoặc tất cả.

Hỏi: Có các kiến đối với những việc không thể ghi nhớ thì trong 5 này gồm trong bao nhiêu kiến?

Đáp: Hoặc 2 hoặc tất cả. Hai, là tự tướng của biên chấp kiến và tà kiến. Tất cả, là quyền thuộc của 5 kiến.

Hỏi: Bạc-già-phạm quán sai lầm gì mà trong uẩn giới xứ dùng 5 thứ tướng chê bai chấp ngã?

Đáp: Quán chúng nhiếp thụ Tát-ca-da kiến là có 5 thứ sai lầm. Đó là sai lầm do khác tướng, sai lầm do vô thường, sai lầm do không tự tại, sai lầm do không thân, sai lầm không do công dụng giải thoát. Sai lầm do khác tướng, nghĩa là sắc uẩn v.v... không phải là thể tính của ngã, vì khác tướng ngã. Sai lầm do vô thường, nghĩa là không phải ngã ở trong sắc uẩn v.v..., vì ngã phải vô thường. Sở dĩ vì sao? Vì không phải không sở y có năng y. Sai lầm do không tự tại, nghĩa

là không nên quán ngã có sắc v.v..., vì ngã phải không tự tại. Sở dĩ vì sao? Vì ngã đối với sắc v.v... không thể chuyển một cách tự tại. Sai lầm do không thân, nghĩa là không phải tách rời sắc v.v... có ngã nơi khác, vì ngã phải là không thân. Sở dĩ vì sao? Tách rời thân mà chấp ngã là không thể được. Sai lầm không do công dụng giải thoát, nghĩa là giả sử phân biệt tướng ngã như vậy cũng không hợp lý. Vì ngã vô sắc v.v... là không do công dụng nên giải thoát. Sở dĩ vì sao? Vì thân trói buộc, vô ngã thì tự nhiên giải thoát.

Hỏi: Năm thủ uẩn có 20 câu Tát-ca-da kiến. Nghĩa là chấp sắc là ngã, ngã có các sắc. Sắc thuộc nơi ngã, ngã ở trong sắc. Như vậy chấp thụ tướng, hành, thức là ngã, ngã có thức v.v..., thức v.v... thuộc ngã, ngã ở trong thức v.v... Trong các kiến đây bao nhiêu là ngã kiến, bao nhiêu là ngã sở kiến?

Đáp: Năm là ngã kiến. Mười lăm là ngã sở kiến. Nghĩa là chấp sắc là ngã, chấp thụ, tướng, hành, thức là ngã. Năm thứ này là ngã kiến. Ngoài ra 15 thứ là ngã sở kiến.

Vì nhân gì 15 là ngã sở kiến? Vì tương ưng ngã sở, vì tùy chuyển theo ngã sở, vì không tách rời ngã sở. Tương ưng ngã sở, nghĩa là vì ngã có sắc cho đến ngã có thức. Sở dĩ vì sao? Do ngã tương ưng với chúng nên nói có chúng. Tùy chuyển theo ngã sở, nghĩa là sắc thuộc ngã cho đến thức thuộc ngã. Sở dĩ vì sao? Nếu chúng do sức tự tại chuyển này, hoặc xả bỏ, hoặc sai khiến, thế gian nói chúng là ngã sở. Không tách rời ngã sở, nghĩa là ngã ở trong sắc cho đến ngã ở trong thức. Sở dĩ vì sao? Vì chúng chấp thật ngã ở trong uẩn, tùy hành khắp cả thể.

Hỏi: Tát-ca-da kiến phải nói là đối với sự rõ ràng hay không rõ ràng?

Đáp: Phải nói là đối với sự, không được quyết định rõ ràng. Như thấy cái dây vọng khởi cho là con rắn. Đối với sự không quyết

định rõ ràng, là nêu quyết định rõ ràng thật tướng của sắc v.v... thì chắc chắn không khởi hư vọng ngã kiến. Ví như có người chọt bông nhiên thấy sợi dây liền chấp cho là con rắn, không rõ tướng sợi dây nên mới khởi chấp con rắn.

Phần, là một phần của sân, y chỉ tướng hiện tiền không đem lại lợi ích, tâm tức giận làm thể, sở y của việc phần uất mà cầm cây gậy làm nghiệp. Phải biết phần v.v... là giả kiến lập, vì tách rời sân ngoài ra không có tính nào khác.

Hận, là từ đây trở ra sau tức một phần của sân, ôm oán vào lòng không bỏ làm thể, sở y của không nhẫn nhịn làm nghiệp. Từ đây trở ra sau, nghĩa là từ sau phần. Không nhẫn nhịn, nghĩa là không chịu được những việc gì không đem lại lợi ích.

Phú, là đối với việc tạo tội khi người khác nêu lên, một phần của si che giấu làm thể, sở y của hối, không an trụ làm nghiệp. Người che giấu tội làm ra tất nhiên tâm lo âu hối hận, do đó không được trụ trong an ổn.

Não, là một phần của sân, trước nó là phần và hận, tâm giận vặt ray rút làm thể, sở y của nói năng thô bạo làm nghiệp, sinh khởi phi phúc làm nghiệp, ở không yên ổn làm nghiệp. Nói năng thô bạo, nghĩa là ngôn ngữ hung bạo làm đau lòng người.

Tật, là đắm trước lợi dưỡng, thấy người phồn vinh thì không chịu được, một phần của sân, tâm đố kỵ làm thể, khiến tâm ở trong lo buồn không yên ổn làm nghiệp.

Xan, là đắm trước lợi dưỡng, một phần của tham đối với của cải vật chất cho đời sống, tâm keo kiệt làm thể, sở y của không xả bỏ làm nghiệp. Không xả bỏ, là do keo kiệt bần sần, không phải thứ cần dùng cũng hằng cóp nhặt chứa để.

Cuống, là đắm trước lợi dưỡng, một phần của tham, si, dối trá hiện công đức làm thể, sở y cho tà mạng làm nghiệp.

Siêm, là đấm trước lợi dưỡng, một phần của tham, si, giả tạo phương tiện che giấu tội ác làm thể, chương ngại chính giáo thụ làm nghiệp. Giả tạo phương tiện che giấu tội ác, nghĩa là mượn việc này để tránh việc khác. Chương ngại chính giáo thụ, là không như thật phát lồ chỗ sai phạm nên không đảm nhiệm việc dạy dỗ.

Kiêu, là dựa vào tướng trẻ tuổi sống lâu không bệnh, hoặc được một vinh lợi hữu lậu nào đó, một phần của tham khiến tâm vui mừng làm thể, sở y của tất cả phiền não và tùy phiền não làm nghiệp. Tướng sống lâu, nghĩa là biết không chết là trước phân biệt tướng này. Do đó sinh kiêu hãnh phóng túng về tuổi thọ. Tùy theo một vinh lợi hữu lậu nào đó, nghĩa là những việc như dòng họ, sắc đẹp, sức mạnh, thông minh, giàu có, tự tại v.v... Vui mừng, nghĩa là các vui mừng ô nhiễm sai biệt.

Hại, là một phần của sân, không ai, không bi, không mãn làm thể, tổn não hữu tình làm nghiệp.

Không tâm, là thuộc phần tham sân si, đối với các tội lỗi không tự hổ thẹn làm thể, trợ bạn cho tất cả phiền não và tùy phiền não làm nghiệp.

Không quý, là thuộc phần tham sân si, đối với các tội lỗi không xấu hổ với người làm thể, nghiệp giống như nói ở không tâm.

Hôn trầm, là thuộc ngu si phần, tâm không kham nhiệm làm thể, chương Tì-bát-xá-na làm nghiệp.

Trạo cử, là thuộc tham dục phần, tùy niệm tịnh tướng, tâm không tịch tĩnh làm thể, chương Xa-ma-tha làm nghiệp. Tùy niệm tịnh tướng, nghĩa là hồi ức lại việc đã qua, tùy thuận tham dục mà cười giỡn v.v... nên tâm không tịch tĩnh.

Không tin, là thuộc ngu si phần, đối với các thiện pháp tâm không nhẫn chịu, tâm không thanh tịnh, tâm không hy vọng làm thể, sở y của lười biếng làm nghiệp. Sở y của lười biếng là do không tin nên không thích muốn có phương tiện gia hành.

Lười biếng, là thuộc ngu si phân, ưa vật dựa ngủ nghề, tâm không siêng năng làm thể, chướng tu phương tiện thiện phẩm làm nghiệp.

Phóng dật, là dựa vào lười biếng và tham sân si không tu thiện pháp, đối với pháp hữu lậu tâm không phòng hộ làm thể, sở y của tăng ác tổn thiện làm nghiệp.

Quên mất niệm, là niệm tương ưng phiền não làm thể, sở y cho tán loạn làm nghiệp.

Không biết đúng, là tuệ tương ưng phiền não làm thể. Do tuệ này nên khởi hiểu biết không đúng đối với hành động của thân ngữ và tâm. Sở y của hủy phạm làm nghiệp. Không hiểu biết đúng đối với hành động của thân ngữ và tâm, nghĩa là đối với các việc quá vãng, vị lai không chính quán sát, bởi không biết rõ những gì nên làm không nên làm nên có nhiều hủy phạm.

Tán loạn, là thuộc phần tham sân si, tâm lưu tán làm thể. Đây lại có 6 thứ là tự tính tán loạn, ngoại tán loạn, nội tán loạn, tướng tán loạn, thô trọng tán loạn, và tác ý tán loạn. Tự tính tán loạn, nghĩa là 5 thức thân do tự tính của chúng không có công năng trong nội tĩnh định. Ngoại tán loạn, nghĩa là khi tu chính thiện pháp, đối với 5 diệu dục tâm đuổi theo tứ tán. Tức phương tiện tu các thiện pháp như văn v.v... bỏ sở duyên đó mà tâm giống ruồi tứ tán trong diệu dục bên ngoài. Nội tán loạn, nghĩa là khi chính tu thiện thì nhiệm trước mùi vị của hôn trầm trạo cử. Tức là người tu định phát khởi hôn trầm, trạo cử và nhiệm trước mùi vị nên thoái mất tĩnh định. Tướng tán loạn, nghĩa là vì để người tin theo, giả vờ tỏ ra tu thiện, muốn khiến người tin mình có đức nên hiện tướng này. Do nhân duyên ấy mà chỗ tu thiện pháp dần dần bị thoái mất. Thô trọng tán loạn, là dựa vào sức thô trọng của chấp ngã, ngã sở và ngã mạn phẩm, khi tu thiện pháp đã sinh khởi các thụ, khởi ngã, ngã sở và ngã mạn chấp thụ thủ tướng xen tạp. Nghĩa là do sức thô trọng của ngã chấp v.v... nên trong các thụ đã sinh khởi như lạc v.v... hoặc chấp làm ngã, hoặc chấp là ngã sở, hoặc khởi ngã mạn.

Do đó chỗ tu thiện phẩm vĩnh viễn không thanh tịnh. Chấp thụ, nghĩa là sơ chấp thụ. Xen tạp, nghĩa là từ đây trở về sau do sự xen tạp này các tâm nối tiếp nhau. Thủ tướng, nghĩa là đối với thụ này thường chấp tướng khác. Tác ý tán loạn, nghĩa là trong các thừa, các định, hoặc y vào, hoặc nhập vào có các lưu tán. Nghĩa là hoặc y vào các thừa, hoặc nhập vào các định, bỏ chỗ tu tập trước mà phát khởi tán loạn. Phải biết nó có khả năng chướng ngại sự ly dục làm nghiệp. Nghĩa là dựa vào tính của tùy phiền não mà nói tán loạn.

Ngủ nghệ, là y vào nhân duyên của sự buồn ngủ, là thuộc ngu si phần, tâm giản lược làm thể, hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký, hoặc thời hoặc phi thời, hoặc như vậy hoặc không như vậy, y chỉ cho sự vượt mất chỗ làm làm nghiệp. Nhân duyên của buồn ngủ, là gây ốm mệt mỏi, thân cảm thấy nặng nề, đầu óc tối tăm, bỏ các việc làm, những lúc như vậy thường hay buồn ngủ. Hoặc nhân quạt phe phẩy gió mát v.v... Ngu si phần nói là khác với định. Lại thiện v.v... nói là hiển thị thù miên thuộc si phần không phải định. Thời, là cho đến chưa xuất ly. Phi thời, là xuất ly trở về sau. Nên như vậy, là chỗ đúng. Không nên như vậy, là chỗ sai.

Tâm, là hoặc dựa vào tư, hoặc dựa vào tuệ quán sát ý ngôn khiến tâm tinh tế làm thể. Dựa vào tư, dựa vào tuệ, là nơi suy đặc vị và không suy đặc vị, theo thứ tự quán sát phân biệt ý ngôn của hành tướng. Như vậy 2 thứ sở y an trụ và không an trụ làm nghiệp, vì tương tự với 2 thứ hành tướng tầm và tứ, lấy thô và tế kiến lập sai biệt. Lại nữa các thiện tâm pháp đoạn tự sở trị làm nghiệp, phiền não tùy phiền não chướng tự năng trị làm nghiệp. Giống như tín, tầm v.v... có thể đoạn không tin và không tầm v.v..., các phiền não như tham v.v... có thể chướng ngại các pháp đối trị như không tham v.v... Nghĩa là chướng ngại không cho chúng phát sinh. Phải biết các tùy phiền não như phần v.v... có thể chướng ngại từ v.v..., các đối trị khác cũng vậy.

HẾT QUYỂN 1

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 2

Phẩm 1 – 2: PHẨM 3 PHÁP TRONG BẢN SỰ PHÂN

Những gì là tâm bất tương ưng hành? Là đắc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực, mạng căn, chúng đồng phân, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thế tức, thứ đệ, thời, phương, số, hòa hợp. Như vậy tâm bất tương ưng hành phải lấy 5 môn kiến lập sai biệt là y xứ, tự thể, giả lập, tác ý, và địa. Hai vô tâm định đầy đủ 5 môn, trời vô tướng dị thực thì trừ tác ý, ngoài ra chỉ có 3 thứ đầu.

Đắc, là trong pháp thiện bất thiện vô ký, hoặc tăng hoặc giảm giả lập được thành tựu. Pháp thiện, bất thiện, vô ký, là hiển thị y xứ. Hoặc tăng hoặc giảm, là hiển thị tự thể. Bởi vì sao? Là do có tăng nên nói là thành tựu thượng phẩm tín v.v..., do có giảm nên nói là thành tựu hạ phẩm tín v.v... Giả lập đạt được thành tựu, là hiển thị giả lập. Như vậy phải biết đối với những cái khác kiến lập tùy theo thích ứng.

Vô tướng định, nghĩa là đã lìa biến tịnh dục, chưa lìa thượng dục. Xuất ly tướng, tác ý làm đầu cho nên đối với tâm tâm pháp không hằng hành diệt, giả lập vô tướng định. Đã lìa biến tịnh dục, là đã lìa tham của đệ tam tĩnh lự. Chưa lìa thượng dục, là chưa lìa tham từ đệ tứ tĩnh lự trở lên. Xuất ly tướng, tác ý làm đầu, là giải thoát tướng thì tác ý là phương tiện trước tiên. Không hằng hành, là có

trong chuyển thức. Diệt, nghĩa là định tâm dẫn khởi, không thường xuyên hiện hành. Các tâm tâm pháp tạm thời gián diệt sở y vị sai biệt. Vì năng diệt nên gọi là diệt.

Diệt tận định, nghĩa là đã lìa vô sở hữu xứ dục, siêu quá Hữu đỉnh. Tạm dứt tướng, tác ý làm đầu cho nên trong các tâm tâm pháp không hằng hành và một phần tâm tâm pháp hằng hành diệt, giả lập diệt tận định. Trong đây sở dĩ không nói chưa lìa thượng dục là để hiển thị lìa dục của Hữu đỉnh, vì A-la-hán v.v... cũng được định này. Một phần hằng hành, nghĩa là có trong nhiễm ô ý.

Vô tướng dị thực, nghĩa là đã sinh vào trời vô tướng hữu tình, đối với tâm tâm pháp không hằng hành diệt, giả lập vô tướng dị thực.

Mạng căn, nghĩa là trong chúng đồng phần, trước tiên do nghiệp cảm, trụ thời quyết định giả lập thọ mạng. Chúng đồng phần, là các uẩn liên tục trong một đời. Trụ thời quyết định, là cùng đồng một thời gian khiến chúng đồng phần thường được an trụ, hoặc trải trăm năm ngàn năm v.v... do nghiệp dặt dẫn công năng sai biệt.

Chúng đồng phần, nghĩa là các hữu tình trong các chủng loại, trong tự thể tương tự, giả lập chúng đồng phần. Trong các chủng loại, là các chủng loại khác nhau trong người, trời. Trong tự thể tương tự, là trong một chủng loại tính.

Sinh, nghĩa là các hành trong chúng đồng phần, tính vốn không nay có, giả lập là sinh.

Hỏi: Ngoài ra các sắc v.v... cũng có tướng sinh, sao chỉ nói chúng đồng phần?

Đáp: Vì trong hữu tình liên tục kiến lập tướng hữu vi. Sở dĩ vì sao? Tướng hữu vi của các sắc bên ngoài v.v... hiển thị sự thành hoại. Tướng hữu vi của các hành bên trong hiển thị tướng sinh, lão.

Lão, nghĩa là tính biến đổi khác liên tục của các hành trong chúng đồng phần giả lập là lão.

Trụ, nghĩa là tính không biến đổi hoại diệt liên tục của các hành trong chúng đồng phần giả lập là trụ.

Vô thường, nghĩa là tính liên tục biến đổi hoại diệt của các hành trong chúng đồng phần giả lập vô thường liên tục.

Biến hoại, nghĩa là khi xả bỏ thọ mạng, phải biết trong đây dựa vào tương tục vị kiến lập sinh, không dựa vào sát-na.

Danh thân, nghĩa là trong các pháp tự tính tăng ngôn, giả lập danh thân. Tự tính tăng ngôn, nghĩa là nói các việc thiên nhân nhân nhĩ v.v...

Cú thân, nghĩa là trong các pháp sai biệt tăng ngôn, giả lập cú thân. Sai biệt tăng ngôn, nghĩa là nói các nghĩa như các hành vô thường, tất cả hữu tình phải chết v.v...

Văn thân, nghĩa là các chữ nơi 2 sở y kia, giả lập văn thân. Các chữ nơi 2 sở y kia, tức là các chữ sở y nơi tự tính tăng ngôn và sai biệt tăng ngôn, như bao, nhất, ỏ v.v... Lại nữa tự tính, sai biệt và 2 cái này bao gồm tất cả. Như vậy tất cả là do 3 thứ này biểu thị sở thuyên. Cho nên thiết lập 3 cái này là danh thân, cú thân, và văn thân. Đây nói văn, là có thể làm rõ 2 cái kia, cho nên đây cũng gọi là hiển thị nghĩa năng hiển. Lại nữa đây danh tự không đối khác. Sở dĩ vì sao? Như tên con mắt khác với con mắt. Ngoài tên này lại còn chuyển đổi những tên khác như chiếu, liễu, đạo v.v... vì chúng cùng hiển thị ý tưởng này. Chẳng phải như các chữ bao, chữ nhất v.v... nếu lia sự khác biệt của chữ bao, chữ nhất ngoài ra không thể hiển thị sự khác biệt nào khác. Vì là chữ không chuyển đổi khác nên gọi là chữ không đổi khác. Chuyển, nghĩa là không lưu biến.

Dị sinh tính, nghĩa là trong Thánh pháp không được giả lập dị sinh tính.

Lưu chuyển, nghĩa là trong nhân quả liên tục không dứt giả lập lưu chuyển. Sở dĩ chỉ trong liên tục không dứt lập lưu chuyển, là vì ở trong một sát-na hoặc trong gián đoạn thì không nói như thế này.

Định dị, nghĩa là trong nhân quả các thứ sai biệt giả lập định dị. Nhân quả các thứ sai biệt, là quả khả ái thì diêu hành là nhân, quả không khả ái thì ác hành là nhân. Các thứ nhân quả như vậy khác biệt lẫn nhau.

Tương ưng, nghĩa là trong nhân quả tương xứng giả lập tương ưng. Nhân quả tương xứng, nghĩa là tuy nhân quả khác loại nhưng thuận nhau cũng gọi là tương xứng. Như bố thí thì cảm được quả giàu có v.v...

Thế tốc, nghĩa là trong nhân quả lưu chuyển nhanh chóng giả lập thế tốc.

Thứ đệ, nghĩa là mỗi một lưu chuyển trong nhân quả giả lập thứ đệ nhân quả. Mỗi một lưu chuyển nghĩa là không lưu chuyển cùng một lúc.

Thời, nghĩa là trong nhân quả liên tục lưu chuyển giả lập là thời. Bởi vì sao? Do có nhân quả liên tục chuyển nên nếu nhân quả này đã sinh đã diệt thì lập thời quá khứ, nếu chưa sinh thì lập thời vị lai, đã sinh mà chưa diệt thì lập thời hiện tại.

Phương, nghĩa là trong hướng Đông Tây Nam Bắc 4 góc và trên dưới nhân quả sai biệt giả lập là phương. Bởi vì sao? Tức ở nơi 10 phương nhân quả phổ biến đầy khắp, giả tạm nói là phương. Phải biết rằng trong đây là chỉ nói về nhân quả của sắc pháp. Vô sắc pháp thì không có công năng phổ biến khắp xứ sở.

Số, nghĩa là trong các hành mỗi mỗi sai biệt giả lập là số. Mỗi mỗi sai biệt, là đối với 1 thì không khác, số 2, số 3 v.v... thì không hợp lý.

Hòa hợp, nghĩa là trong nhân quả các duyên tụ hội giả lập là hòa hợp. Nhân quả các duyên tụ hội, là chẳng hạn như thức pháp nhân quả nối nhau ắt phải mượn các duyên hòa hội. Tức là căn không hư hoại, cảnh giới hiện tiền có thể sinh thức này chính lúc khởi tác ý. Phải biết đối với tất cả những cái khác cũng như vậy.

Như vậy tất cả tâm bất tương ưng hành pháp chỉ dựa vào phần vị sai biệt mà kiến lập. Phải biết tất cả đều là giả có. Nghĩa là đối với thiện, bất thiện, tăng giảm phần vị sai biệt kiến lập 1 thứ, đối với tâm tâm pháp phần vị sai biệt kiến lập 3 thứ, đối với trụ phần vị sai biệt kiến lập 1 thứ, đối với tương tự phần vị sai biệt kiến lập 1 thứ, đối với tương phần vị sai biệt kiến lập 4 thứ, đối với ngôn thuyết phần vị sai biệt kiến lập 3 thứ, đối với bất đắc phần vị sai biệt kiến lập 1 thứ, đối với nhân quả phần vị sai biệt kiến lập các thứ khác. Nhân quả, nghĩa là tất cả pháp hữu vi có thể sinh ra cái khác gọi là nhân, từ những cái khác sinh ra gọi là quả.

Thức uẩn kiến lập như thế nào? Là sai biệt của tâm, ý và thức.

Tâm, là tập khí của uẩn, giới xứ huân tất cả chủng tử vào A-lại-da thức, cũng gọi là dị thực thức, cũng gọi là A-đà-na thức, vì chúng có công năng tích tập các tập khí. Tập khí, nghĩa là do uẩn v.v... hiện hành khiến các chủng tử kia đều được tăng ích. Nói nhất thiết chủng tử thức, nghĩa là có thể sinh và tích tập chủng tử các pháp của uẩn v.v... Nói A-lại-da thức, nghĩa là có khả năng thâm giữ chủng tử các pháp. Lại nữa vì hữu tình chấp thủ nó làm ngã. Nói dị thực thức, nghĩa là vì do nghiệp trước sinh ra. Nói A-đà-na thức, nghĩa là có công năng thường xuyên khiến sinh liên tục, duy trì các căn khiến không hoại. Cũng nói là tâm vì có khả năng chứa nhóm tập khí tất cả các pháp.

Làm sao biết có thức A-lại-da? Nếu không có thức này thì không có chấp thủ, không có bắt đầu minh liễu phân biệt, không có chủng tử, không có nghiệp, không có thân thụ, không có vô tâm định, không có mạng chung, như vậy là không hợp lý. Giải thích kệ này, có nói trong Quyết trạch phần là do 8 thứ tướng chứng minh thức A-lại-da chắc chắn là có. Nghĩa là nếu lia thức A-lại-da thì không có y chỉ chấp thủ, sinh khởi ban đầu không có được thì minh liễu phân biệt không sinh khởi được, thể tính chủng tử không thể có được, thể

tính của nghiệp dụng không thể có được, thể tính của thân thụ không thể có được, không thể ở trong vô tâm định được, không có cái thức khi mạng chung được.

Thế nào là y chỉ chấp thụ không thể có được? Vì 5 nhân, nghĩa là nhân thức A-lại-da đi trước cảm nhãn v.v... chuyển thức hiện phát sinh duyên nhân. Như nói căn, cảnh, sức tác ý nên các chuyển thức sinh, cho đến nói rộng, gọi là nhân ban đầu. Lại nữa 6 thức thân có được thiện ác, đó là nhân thứ hai. Lại nữa 6 thức thân có được một loại dị thực có tính vô ký, đó là nhân thứ ba. Lại nữa 6 thức thân đều có y chuyển riêng biệt. Tùy chỗ y chỉ, khi thức ấy sinh liền thích ứng thức ấy chấp thụ chỗ y chỉ. Ngoài ra không chấp thụ là không hợp lý. Dẫu cho rằng chấp thụ cũng không hợp lý, vì tách rời thức, đó là nhân thứ tư. Lại nữa chỗ y chỉ phải thành lỗi thường xuyên chấp thụ. Bởi vì sao? Do nhãn thức kia có lúc chuyển có lúc không chuyển, các thức khác cũng vậy, đó là nhân thứ năm.

Thế nào là sinh khởi ban đầu không thể được? Nghĩa là giả sử có người vấn nạn nói rằng nếu có thức A-lại-da thì trong một hữu tình phải có 2 thức đồng thời khởi. Nên bảo người kia rằng ông ở chỗ không có lỗi mà vọng sinh lỗi, vì chấp nhận có 2 thức đồng thời chuyển. Sở dĩ vì sao? Cũng như có một mà đồng thời dựng kiến cho đến dựng thức rồi tùy theo một thức sinh khởi trước là không hợp lý. Bởi vì sao? Vì khi tác ý là không có sai biệt, hiện tiền căn và cảnh không hoại tại sao thức không đồng thời chuyển?

Thế nào là minh liễu sinh khởi không thể được? Nghĩa là nếu chấp chặt rằng thức không đồng thời sinh với nhãn thức v.v... đồng hành một cảnh thì minh liễu ý thức không thể có được. Sở dĩ vì sao? Nếu khi nhớ lại cảnh đã từng thụ, bấy giờ sinh ý thức không rõ ràng, không phải như ý thức sinh nơi hiện cảnh. Được cái tướng không rõ ràng như vậy, cho nên phải tin các thức cùng chuyển, hoặc phải chấp nhận tính không rõ ràng của đệ lục ý thức.

Thế nào là thể tính của chúng tử không thể được? Nghĩa là 6 chuyển thức thân mỗi mỗi đều khác. Sở dĩ vì sao? Sáu chuyển thức này từ thiện vô gián tính bất thiện sinh, bất thiện vô gián tính thiện lại sinh, từ 2 vô gián tính vô ký sinh. Hạ giới vô gián trung giới sinh, trung giới vô gián diệu giới sinh, diệu giới vô gián cho đến hạ giới sinh. Hữu lậu vô gián vô lậu sinh, vô lậu vô gián hữu lậu sinh. Thế gian vô gián xuất thế sinh, xuất thế vô gián thế gian sinh. Không như vậy thì tướng thức là thể của chúng tử phải đúng lý. Lại nữa tâm tương tục gián đoạn thời gian dài, trải qua lưu chuyển lâu không ngắt, cho nên chuyển thức có thể duy trì chúng tử là không đúng lý.

Thế nào là nghiệp dụng không thể được? Nghĩa là nếu không có các thức đồng thời sinh thì khởi nghiệp dụng cùng chuyển là không hợp lý. Sở dĩ vì sao? Thức nghiệp lược nói có 4 thứ là liễu biệt ngoại khí, liễu biệt y chỉ, năng liễu biệt ngã, và liễu biệt cảnh giới. Như vậy 4 thứ liễu biệt nghiệp của thức mỗi mỗi sát-na đều có thể hiện hành, không phải trong một sát-na trong một thức có các nghiệp dụng sai biệt như vậy. Cho nên chắc chắn có các thức cùng chuyển.

Thế nào là thể tính của thân thụ không thể được? Nghĩa là như có một, hoặc như lý tư duy, hoặc không như lý tư duy, hoặc không tư duy, hoặc lại suy tìm, hoặc tâm tại định, hoặc không tại định, thân thụ sinh khởi không phải một mà rất nhiều. Nếu không có thức A-lại-da thì không thể có thân thụ như vậy được. Hiện đã được như vậy nên chắc chắn có thức A-lại-da.

Thế nào là ở trong vô tâm định không thể được? Như Thế Tôn nói nhập vô tưởng định và diệt tận định phải biết lúc bấy giờ thức chẳng rời thân. Nếu không có thức A-lại-da thì lúc bấy giờ thức phải rời thân. Mà thức đã rời thân tức là xả mạng, chẳng phải ở trong định.

Thế nào là cái thức khi mạng chung không thể được? Nghĩa là khi lâm chung, thức dần dần rời bỏ thân phần sở y, phát ra cảm xúc

lạnh hoặc trên hoặc dưới chứ không phải ý thức kia có lúc không chuyên. Cho nên biết chỉ có thức A-lại-da có thể gìn giữ thân tùy ở nơi thân phần. Nếu xả bỏ thức này thì có cảm xúc lạnh, thân không còn giác thụ. Ý thức thì không như vậy. Cho nên nếu không có thức A-lại-da thì cái thức khi mạng chung chắc chắn không thể có được.

Ý, là tất cả mọi thời duyên thức A-lại-da, tư đặc làm tính, hằng tương ưng với 4 phiền não là ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, và vô minh. Lại nữa ý này biến hành khắp tất cả vị thiện bất thiện và vô ký, chỉ trừ Thánh đạo hiện tiền hoặc ở diệt tận định và tại vô học địa. Lại nữa 6 thức lấy vô gián diệt thức làm ý. Phải biết trong đây do sở duyên, thích nghĩa, tương ưng, khi sinh khởi hiển rõ nơi ý. Vì sao Thánh đạo hiện tiền không có nhiễm ô ý? Vì do thắng nghĩa trí với ngã kiến hiện hành rất trái nghịch nhau. Sau khi xuất Thánh đạo, từ thức A-lại-da lại hiện khởi là vì hữu học vị chưa vĩnh đoạn. Lại nữa diệt tận định vọng vô tướng định cực kỳ vắng lặng cho nên nhiễm ô ý không hiện hành được. Vô gián diệt ý, là do tùy giác cho nên nghĩa của vô gián giác là nghĩa của ý. Phải biết rằng trong đây là theo hiển tướng mà nói.

Thức, là 6 thức thân như nhãn thức cho đến ý thức. Nhãn thức là dựa vào mắt duyên sắc hiểu biết phân biệt làm tính. Nhĩ thức là dựa vào tai duyên âm thanh hiểu biết phân biệt làm tính. Tỷ thức là dựa vào mũi duyên mùi hiểu biết phân biệt làm tính. Thiệt thức là dựa vào lưỡi duyên vị hiểu biết phân biệt làm tính. Thân thức là dựa vào thân thể duyên sự chạm xúc hiểu biết phân biệt làm tính. Ý thức là dựa vào ý duyên pháp hiểu biết phân biệt làm tính. Phải biết trong đây do sở y, sở duyên, tự tính mà kiến lập thức.

Giới kiến lập như thế nào? Là sắc uẩn tức 10 giới. Nhãn v.v... 5 căn giới. Sắc v.v... 5 cảnh giới và một phần của pháp giới. Thụ tướng hành uẩn tức một phần của pháp giới. Thức uẩn tức 7 thức giới, nghĩa là nhãn v.v... 6 thức giới và ý giới.

Vì sao kiến lập giới, xứ không có tướng riêng biệt? Vì trong kiến lập uẩn đã nói nhân v.v... đều có tướng riêng biệt. Cho nên từ trong các uẩn kiến lập ra giới, từ trong các giới kiến lập ra xứ.

Trong những giới pháp nào không gồm có uẩn? Trong pháp giới, vô vi pháp không gồm có uẩn. Vô vi pháp này lại có 8 thứ là thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như, hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, và tướng thụ diệt.

Như vậy trong kiến lập 8 vô vi, phải biết là sở y vào sai biệt, cho nên phân tích chân như giả lập 3 thứ không do tự tính. Thiện pháp chân như, là tính vô ngã, tính không, thật tế, vô tướng, pháp giới thắng nghĩa.

Vì sao chân như, theo như nói, gọi là chân như? Vì tự tính của nó không biến đổi khác. Nghĩa là trong mọi thời thật tính vô ngã không chuyển đổi, nên nói là không biến đổi khác. Phải biết rằng đó là tính vô ngã vì lia 2 ngã.

Vì sao lại gọi là tính không? Vì tất cả tạp nhiễm không hiện hành. Sở dĩ vì sao? Vì duyên nơi đây nên có thể khiến tất cả các việc tạp nhiễm đều vắng không. Tuy cũng có lúc nói có tạp nhiễm, nhưng phải biết đó chỉ là khách trần phiền não làm nhiễm ô. Những gì gọi là khách trần nhiễm ô? Nghĩa là do chưa nhỏ hết góc rẽ chúng tử sở thủ năng thủ cho nên khiến dựa vào tính tâm khác 2 hành tướng chuyển, chẳng phải pháp tính tâm, bởi vì tự tính pháp tính các pháp là thanh tịnh.

Vì sao lại nói đây là vô tướng? Vì các tướng vắng lặng. Các tướng, là sắc, thụ v.v... cho đến Bồ-đề. Những các hý luận, trong tính chân như tướng của chúng đều vắng lặng nên gọi là vô tướng.

Vì sao lại gọi đây là thật tế? Vì không điên đảo sở duyên. Thật, nghĩa là không điên đảo. Nơi đây cứu cánh nên gọi là thật tế, quá vô ngã tính không còn chỗ tìm cầu.

Vì sao còn gọi đây là thắng nghĩa? Vì đây là chỗ sở hành tối thắng của Thánh trí.

Vì sao còn gọi đây là pháp giới? Vì là tướng sở y của diệu pháp của tất cả Thanh Văn Độc Giác chư Phật. Giống như thiện pháp chân như, phải biết bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như cũng vậy.

Hư không, là tính không có sắc, thụ nhận tất cả sở tác nghiệp. Tính không có sắc nghĩa là chỉ trái với sắc. Pháp tướng vô tính, cảnh giới của ý thức, là hư không. Cảnh giới của ý thức là gồm trong pháp giới. Chỉ trái với sắc gọi là biệt thụ v.v..., cộng hữu, chân như, trạch diệt, phi trạch diệt, tính vô thường v.v... Tuy sùng thờ v.v... cũng là vô tính nhưng nó không mâu thuẫn với các pháp bởi nó rốt ráo là không. Lại nữa sùng thờ v.v... không phải chỉ trái với sắc bởi nó chung với các pháp như thụ v.v... cho nên chỉ nói trái với sắc. Vô tính tướng là pháp vô sắc biệt thụ v.v... Bởi vì sao? Vì thụ v.v... tự thể là hữu tính tướng chẳng phải vô tính tướng.

Phi trạch diệt, là diệt phi ly hệ, không vĩnh hại tùy miên. Trạch diệt, là diệt ly hệ, vĩnh hại tùy miên.

Bất động, là đã diệt dục của biến tịnh, chưa diệt dục cõi trên, khô lạc diệt, vô vi.

Tướng thụ diệt, là đã lia dục của vô sở hữu xứ, chấm dứt tướng, tác ý làm đầu, cho nên các tâm tâm pháp bất hằng hành và một phần tâm tâm pháp hằng hằng hành diệt, vô vi.

Phải biết trong đây có 2 pháp phải đoạn, là phiền não và thụ sở y ở đây. Thụ có 2 thứ, là biến dị và không biến dị, như thứ tự đó khô lạc và phi khô lạc. Phải biết phiền não đoạn cho nên kiến lập trạch diệt 2 thụ đoạn, như thứ tự đó kiến lập bất động và tướng thụ diệt. Phiền não đoạn, là trừ thô trọng của phẩm này được các chuyển y. Thụ đoạn, là trừ nặng trị định chướng này được các chuyển y. Cho nên khi được đệ

nhị tĩnh lự, tuy chứng khổ diệt mà không kiến lập vô vi, vì chưa đoạn hết biên dị thụ. Lại nữa như 5 thứ sắc, như thụ, tướng, hành uẩn và đây nói 8 pháp vô vi, như vậy gọi chung 16 là pháp giới.

Xứ kiến lập như thế nào? Là 10 sắc giới, tức 10 sắc xứ. Bảy thức giới tức ý xứ. Pháp giới tức pháp xứ. Do đạo lý này các uẩn, giới, xứ 3 pháp gồm thân. Nghĩa là sắc uẩn pháp giới và ý xứ. Do sắc uẩn bao gồm 10 sắc giới. Pháp giới tức gồm pháp giới. Ý xứ gồm 7 thức giới. Cho nên 3 pháp gồm tất cả pháp.

Như vậy đã kiến lập xong uẩn, giới, xứ. Nay nhân nghĩa này cần phân biệt lại.

Hỏi: Nhãn, nhĩ, và tỷ đều có 2 thứ, sao không lập thành 21 giới?

Đáp: Chúng tuy có 2 nhưng giới thì không khác. Sở dĩ vì sao? Vì tướng của nó tương tự cả 2 nhãn tướng, sở tác tương tự cả 2 nhãn cảnh mà nhãn thức sở tác thì có 1. Cũng giống như vậy nhĩ và tỷ theo lý thì biết. Thân đoạn nghiêm đều sinh 2 thứ. Bởi vì sao? Như vậy phân bố 1 giới 2 chỗ thân được đoạn nghiêm vì không do gì khác.

Hỏi: Thường thường dựa vào 1 con mắt mà nhãn thức được sinh hay cũng dựa vào cả 2 con?

Đáp: Cũng dựa được cả 2 để được rõ ràng. Sở dĩ vì sao? Nếu mở cả 2 mắt thì tiếp nhận sắc rõ ràng hơn, không như mở 1 mắt. Ví như trong 1 phòng cùng thắp 2 ngọn đèn, cùng phát 1 ánh sáng mà rất sáng tỏ. Như vậy 1 ánh sáng dựa vào 2 đèn chuyển, trong đây đạo lý cũng như vậy.

Hỏi: Nơi mỗi một căn môn nhiều cảnh giới khác nhau đồng thời hiện ra trước, đối với nhiều cảnh này có nhiều thức lần lượt khởi lên hay đồng thời khởi?

Đáp: Chỉ có 1 thức mà nhiều hành tướng đồng thời khởi. Cũng giống như cách ăn đoàn thực hợp với thiết căn. Phải biết rằng thân

và thiết 2 thức thường đồng thời khởi. Lại nữa âm thanh vì gián đoạn nên không từ nơi khác lần lượt sinh khởi liên tục đi đến phương khác. Nhưng thí dụ như ngọn đèn đặt tại một chỗ này, có thể trong một lúc tùy theo thể lực của nó khắp phát ánh sáng thì âm thanh phát ra khắp, lý cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao có vật chướng ngại ở gần thì âm thanh nghe không rõ?

Đáp: Vì âm thanh là hữu đối, nơi chướng ngại khe hở nhỏ nên sinh không rõ ràng.

Hỏi: Trong 6 thức, bao nhiêu có phân biệt?

Đáp: Chỉ có 1 ý thức, do 3 phân biệt nên có phân biệt.

Ba phân biệt, là tự tính phân biệt, tùy niệm phân biệt, và kế đặc phân biệt. Tự tính phân biệt, là trong hiện tại thụ các hành, tự tướng phân biệt. Tùy niệm phân biệt, là xưa từng thụ các hành bây giờ nhớ lại phân biệt. Kế đặc phân biệt, là những việc không hiện thấy trong quá khứ vị lai hiện tại, do suy tưởng phân biệt. Lại có 7 thứ phân biệt, là đối với sở duyên nhiệm vận phân biệt, hữu tướng phân biệt, vô tướng phân biệt, tâm cầu phân biệt, tí sát phân biệt, nhiễm ô phân biệt, và bất nhiễm ô phân biệt. Phân biệt đầu tiên là 5 thức thân như tướng sở duyên phân biệt không khác, vì nơi tự cảnh giới mà vận chuyển. Hữu tướng phân biệt, là tự tính và tùy niệm 2 thứ phân biệt, vì nhận lấy các tướng của quá khứ hiện tại. Vô tướng phân biệt, là phân biệt mong cầu cảnh vị lai. Ngoài ra các phân biệt khác đều dùng kế đặc phân biệt làm tự tính. Sở dĩ vì sao? Vì so đo tư duy nên có các thứ phân biệt khi tìm cầu, khi dò xét, có khi nhiễm ô, có khi không nhiễm ô.

Hỏi: Nếu liễu biệt sắc v.v... nên gọi là thức, vì sao chỉ gọi tên nhãn thức v.v... không gọi là sắc thức v.v..?

Đáp: Bởi vì dựa vào nhãn v.v... 5 thứ giải thích mà thành đạo lý, chẳng phải dựa nơi sắc v.v... Bởi vì sao? Vì thức ở trong mắt nên

gọi là nhãn thức, dựa nơi nhãn xứ mà thức được sinh. Lại nữa do có mắt mà có được thức. Sở dĩ vì sao? Nếu có nhãn căn chắc chắn sinh nhãn thức. Người không mù lòa thì cho đến trong tối cũng có khả năng thấy, chứ không phải do có sắc là nhất định sinh nhãn thức, vì người mù lòa thì không thể nào thấy được. Lại nữa, mắt phát sinh thức nên gọi nhãn thức. Do mắt biến đổi khác thì thức cũng biến đổi khác. Sắc tuy không biến đổi mà thức thì có biến đổi. Như bệnh ca-mạt-la làm tổn hại nhãn căn, đối với các sắc xanh v.v... đều thấy ra màu vàng. Lại nữa, thức thuộc về mắt nên gọi nhãn thức, do chủng tử của thức theo đuôi nơi mắt mà được sinh. Lại nữa, cái thức trợ giúp cho mắt nên gọi nhãn thức, làm cho nó thành tổn ích. Sở dĩ vì sao? Do căn hợp với thức có chỗ lãnh thụ khiến căn tổn ích, chứ không phải cảnh giới. Lại nữa, như thức của mắt nên gọi nhãn thức, điều này tất cả hữu tình đều như vậy, còn với sắc thì không như vậy, vì không quyết định. Nhãn thức đã vậy các thức khác cũng thế.

Hỏi: Là mắt thấy sắc, hay là thức?

Đáp: Chẳng phải mắt thấy sắc cũng chẳng phải thức. Bởi vì tất cả pháp không tác dụng. Do có hòa hợp, giả lập là thấy. Lại do 6 tướng. Mắt trong việc thấy sắc là tối thắng chứ không phải thức v.v... cho nên nói là mắt có thể thấy các sắc. Những gì là 6? 1. Do sinh nhân, mắt có thể sinh sự thấy kia. 2. Do y xứ, vì cái thấy là dựa vào mắt. 3. Do không động chuyển, vì mắt là luôn luôn một loại. 4. Do tự tại chuyển, không đợi duyên hợp, mỗi niệm mỗi niệm sinh. 5. Do đoạn nghiêm. Chuyển do đây trang nghiêm thân sở y. 6. Do Thánh giáo, như trong kinh nói mắt có thể thấy sắc. Như vậy 6 thứ tướng mạo đã nói, ở trong thức v.v... không thể có được. Thức động chuyển, là phải biết nhiều thứ sai biệt sinh khởi.

Vì sao vô vi lập nơi giới, xứ không lập nơi uẩn? Vì không có nghĩa uẩn. Sở dĩ vì sao? Sắc v.v... các pháp có quá khứ vị lai các thứ sai biệt tổng lược tích tụ gọi là uẩn. Nghĩa chứa nhóm là nghĩa của

uẩn. Pháp thường trụ thì không có nghĩa này. Cho nên vô vi không gồm trong uẩn. Vì sao pháp như vậy dùng uẩn, giới, xứ môn sai biệt mà nói? Vì muốn khiến các hữu tình được hóa độ phát sinh thiện xảo đối với các pháp môn rộng cũng như giản lược. Sở dĩ vì sao? Trong uẩn môn, lược nói sắc thức. Trong giới, xứ môn, tùy chỗ thích ứng rộng nói thành 17. Lại nữa, nơi uẩn môn rộng nói thụ v.v..., nơi giới, xứ môn lược nói là 1 pháp giới pháp xứ. Lại nữa trong uẩn môn chỉ nói kiến lập tướng của pháp hữu vi. Giới môn rộng nói kiến lập năng thủ, sở thủ, và thể tính của thủ. Xứ môn chỉ nói kiến lập năng thủ, sở thủ. Do đây chỉ hiển thị thủ sinh môn.

Đã nói xong nghĩa của bàng thừa, nay sẽ giải thích bản văn.

Hỏi: Như trong kinh nói nhãn và nhãn giới. Vậy nhãn cũng là nhãn giới ư, hay nhãn giới cũng là nhãn ư?

Đáp: Cũng có nhãn chẳng phải nhãn giới, đó là tối hậu nhãn của A-la-hán. Cũng có nhãn giới chẳng phải nhãn, đó là trường hợp ở trong trứng, trong vỏ khi là yết-la-lam, là át-bộ-đà, là bết-thi, ở trong bụng mẹ hoặc không có mắt, có nhưng đã mất, nếu sinh Vô sắc dị sinh có nhãn nhân. Cũng có nhãn cũng là nhãn giới, là ở các vị khác. Cũng có không nhãn không nhãn giới, là trường hợp đã nhập vô dư Niết-bàn giới và các thánh giả sinh Vô sắc giới. Giống như nhãn với nhãn giới, nhĩ, tỹ, thiệt, thân với nhĩ giới v.v... cũng như vậy, tùy chỗ thích ứng phải biết. Tối hậu nhãn của A-la-hán, nghĩa là sát-na sau cùng khi nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ nhãn chẳng phải nhãn giới vì chẳng phải nhân của các nhãn khác. Nói dị sinh ở Vô sắc giới có nhãn nhân, nghĩa là từ nơi kia thoái đạo sẽ sinh cõi Sắc giới, bởi vì thức A-lại-da duy trì chủng tử nhãn chắc chắn sẽ sinh nhãn. Chúng thánh sinh nơi kia không thoái hoàn cho nên không có nhãn giới. Có thân giới không thân, nghĩa là chỉ các dị sinh sinh Vô sắc giới, vì chúng chỉ có thân nhân. Chẳng phải ở trong trứng, trong vỏ v.v... chúng ắt có thân cho nên nếu thân hoại diệt thì thọ mạng cũng không.

Hỏi: Nếu có ý, cũng là ý giới ư? Nếu có ý giới, cũng là ý ư?

Đáp: Cũng có ý chẳng phải ý giới. Đó là tối hậu ý của A-la-hán. Cũng có ý giới chẳng phải ý. Đó là người ở diệt định có ý nhân. Hoặc có ý cũng là ý giới. Đó là ở các vị khác. Hoặc cũng có không ý không ý giới. Đó là trường hợp đã nhập vô dư Niết-bàn giới, chỉ có ý giới mà chẳng phải ý. Sở dĩ không thủ nhập vô tướng định bởi chúng có nhiễm ô ý.

Hỏi: Nếu sinh trưởng địa ấy, tức dùng con mắt của địa ấy trở lại thấy sắc của địa ấy chẳng?

Đáp: Có trường hợp dùng con mắt của địa ấy trở lại thấy sắc của địa ấy. Hoặc lại các địa khác. Nghĩa là sinh trưởng Dục giới dùng con mắt của Dục hành trở lại thấy sắc của Dục hành. Hoặc dùng con mắt của Sắc hành thấy sắc của Sắc hành. Hoặc dùng con mắt của địa trên thấy sắc của địa dưới. Giống như dùng mắt đối sắc, dùng tai đối âm thanh cũng như vậy. Giống như sinh trưởng Dục giới, sinh trưởng Sắc giới cũng như vậy. Sinh, nghĩa là lúc mới thụ sinh. Trưởng, nghĩa là sau tăng trưởng. Nếu sinh trưởng Dục giới tức dùng mũi, lưỡi, thân của Dục hành trở lại ngửi, nếm, cảm giác mùi, vị, và sự chạm xúc của Dục hành. Nếu sinh trưởng Sắc giới tức dùng thân của Sắc hành trở lại cảm giác sự chạm xúc của tự địa. Cõi ấy tự tính không có mùi, vị, lia tham của cách ăn đoàn thực. Do đạo lý này cũng không có 2 thức là tỷ thức và thiết thức. Nếu sinh trưởng Dục giới tức dùng ý của Dục hành hiểu pháp 3 cõi và pháp vô lậu. Giống như sinh trưởng Dục giới, sinh trưởng Sắc giới cũng như vậy. Nếu sinh trưởng Vô sắc giới dùng ý của Vô sắc hành hiểu pháp tự địa và pháp vô lậu của Vô sắc hành. Nếu dùng ý vô lậu hiểu pháp 3 cõi và pháp vô lậu, ý của Vô sắc hành hiểu pháp tự địa và pháp vô lậu của Vô sắc hành, nghĩa là căn cứ vào Thánh đệ tử nói. Nếu ngoài ra các dị sinh thì chỉ hiểu pháp của tự địa. Nếu trụ pháp này thì hoặc do sức nghe và huân tập trước, và cũng duyên địa trên mà phát khởi.

Hỏi: Vì sao các uẩn theo thứ tự như vậy?

Đáp: Là vì do thức trụ. Nghĩa là 4 thức trụ và thức. Lại nữa trước là sở y của sau. Như y vào sắc tướng có lãnh thụ, y vào lãnh thụ mà hiểu biết, dựa vào hiểu biết mà tư tác, do tư tác mà hiểu biết phân biệt. Y vào sắc tướng có lãnh thụ, nghĩa là tùy thuận lạc thụ v.v... căn cảnh 2 sức mà lạc thụ sinh. Y vào lãnh thụ mà hiểu biết, nghĩa là tùy theo chỗ thụ nhận các tướng. Y vào hiểu biết mà tư tác, nghĩa là tùy theo chỗ tướng mà tạo tác các nghiệp. Y vào tư tác mà phân biệt hiểu biết, nghĩa là tùy chỗ tác nghiệp trong các cảnh giới và trong các thú khác mà thức chuyển biến. Lại nữa do nhiễm ô thanh tịnh, nghĩa là nếu y nơi đây mà khởi nhiễm tịnh, nếu do lãnh thụ thủ tướng tạo tác nên nhiễm ô thanh tịnh, hoặc sở nhiễm ô và sở thanh tịnh. Do lý này nên nói thứ tự của uẩn. Nếu y nơi đây khởi nhiễm tịnh, nghĩa là y vào có thân căn. Nếu do lãnh thụ, nghĩa là do có các thụ có nhiễm không nhiễm v.v... như thứ tự nhiễm ô thanh tịnh ấy. Nếu do thủ tướng tạo tác, nghĩa là do như lý, không như lý chuyển nên có thứ tự nhiễm ô thanh tịnh. Như sở nhiễm ô và sở thanh tịnh, nghĩa là tâm có sinh thô trọng và không thô trọng.

Vì sao các giới theo thứ tự như vậy? Do tùy theo thế sự sai biệt chuyển. Thế sự sai biệt chuyển như thế nào? Là người đời lúc mới gặp nhau lần đầu, gặp nhau rồi thăm Hỏi nhau, thăm Hỏi nhau rồi tắm gội, xúc nước hoa đeo tràng hoa, rồi thết đãi ăn uống, rồi thị nữ hầu hạ nghỉ ngơi. Nhiên hậu ý giới phân biệt các xứ, theo thứ tự nội giới nên kiến lập ngoại giới, tùy theo thứ tự này kiến lập thức giới. Giống như thứ tự của giới, thứ tự của xứ cũng vậy.

Hỏi: Nghĩa của uẩn thế nào?

Đáp: Các sở hữu sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng lược gọi là một sắc uẩn do nghĩa chứa nhóm như chứa nhóm của cái. Giống như vậy cho đến thức uẩn, phải biết y

chỉ vào 11 thứ. Vì là chỗ y chỉ của ái nên trong sắc pháp v.v...kiến lập quá khứ v.v... các sai biệt. Mười một thứ ái là: cố luyện ái, hy vọng ái, chấp trước ái, nội ngã ái, cảnh giới ái, dục ái, định ái, ác hành khổ ái, diệu hành lạc ái, viển ái, và cận ái. Do cảnh sở duyên của ái như vậy nên theo thứ tự lập quá khứ v.v... các thứ sai biệt. Lại nữa có sai biệt gọi là đã sinh chưa sinh sai biệt, năng thủ sở thủ sai biệt, nội môn ngoại môn sai biệt, nhiễm không nhiễm sai biệt, gần xa sai biệt. Theo chỗ thích ứng đối với sắc v.v... các pháp kiến lập quá khứ v.v... các sai biệt. Đã sinh, là quá khứ hiện tại. Chưa sinh, là vị lai. Ngoại môn, là bất định địa. Nội môn, là các định địa. Các câu khác dễ hiểu không phải phân biệt nữa. Lại nữa khổ tướng rộng lớn nên gọi là uẩn. Như đại tài uẩn y chỉ sắc v.v... phát khởi sinh v.v... quảng đại khổ. Như kinh nói: Như vậy thuần đại các khổ uẩn nhóm họp. Lại nữa gánh vác tạp nhiễm nên gọi là uẩn như vai gánh. Gánh vác tạp nhiễm, nghĩa là các pháp tạp nhiễm phiền não v.v... dựa vào sắc v.v... Ví như người đời, một phần của thân có thể gánh vác, một phần đó tức là vai, là uẩn. Sắc v.v...cũng vậy, có thể gánh cái gánh tạp nhiễm, nên gọi là uẩn.

Hỏi: Nghĩa của giới thế nào?

Đáp: Là nghĩa chủng tử của tất cả pháp. Nghĩa là chủng tử các pháp y chỉ trong thức A-lại-da gọi là giới. Giới là nghĩa của nhân. Lại có thể duy trì nghĩa của tự tướng là nghĩa của giới. Lại có thể duy trì nghĩa của tính nhân quả là nghĩa của giới. Có thể duy trì tính nhân quả, nghĩa là trong 18 giới căn cảnh các giới và 6 thức giới, theo thứ tự đó lại gìn giữ tất cả. Nghĩa sai biệt của pháp là nghĩa của giới. Gìn giữ tất cả pháp sai biệt, nghĩa là các kinh nói địa v.v...các giới và các giới khác, tùy chỗ thích ứng đều gồm trong 18 giới.

Hỏi: Nghĩa của xứ thế nào?

Đáp: Nghĩa của thức sinh trưởng môn là nghĩa của xứ. Phải biết nghĩa của chủng tử gồm nghĩa sai biệt của tất cả pháp, cũng là nghĩa của xứ.

Lại nữa, như Phật nói: Sắc như bọt nước tụ, thụ như bong bóng, tưởng như sóng nắng, hành như cây chuối, thức như ảo hóa.

Hỏi: Vì nghĩa gì mà sắc như bọt nước tụ, cho đến thức như ảo hóa?

Đáp: Vì vô ngã, vì thanh tịnh, vì thiếu vị, vì không kiên thật. Nghĩa là chẳng phải có nghĩa xa lìa hư vọng không chắc thật kinh ấy nói các cú nghĩa. Lại nữa để đối trị ngã, tịnh, lạc, thường 4 điên đảo nên theo thứ tự nói vô ngã v.v... các câu sai biệt.

HẾT QUYỂN 2

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 3

Phẩm 1 – 3: PHẨM 3 PHÁP TRONG BẢN SỰ PHÂN

Lại nữa, uẩn, giới, xứ phân biệt rộng như thế nào?

Ôt-đà-nam nói:

*Tính thật hữu v.v..., sở tri v.v...,
Sắc v.v..., lậu v.v..., đã sinh v.v...,
Đời quá khứ v.v..., các duyên v.v...,
Thế nào? Máy thứ? Nghĩa ra sao?*

Hỏi: Trong uẩn, giới, xứ thế nào là thật hữu, bao nhiêu là thật hữu, vì nghĩa gì mà quán thật hữu ư?

Đáp: Nghĩa là không đợi danh ngôn, bao nhiêu căn cảnh này là nghĩa của thật hữu. Tất cả đều là thật hữu. Để xả bỏ chấp trước ngã thật hữu, nên quán sát thật hữu. Sở dĩ lập ra 3 câu Hỏi này là để đoạn tướng, sự, 2 ngu và chấp tăng ích.

Thế nào là thật hữu? Biện biệt tướng thật hữu là đoạn tướng ngu. Tất cả thật hữu là đoạn sự ngu. Xả chấp thật ngã là đoạn chấp tăng ích. Như vậy bao nhiêu chỗ khác như lý phải biết. Không đợi danh ngôn căn cảnh, nghĩa là không phân biệt sắc thụ v.v... các danh ngôn mà lấy nghĩa tự sở thủ. Không đợi các căn cảnh này, nghĩa là không đợi các nghĩa này mà biết cảnh tự sở giác. Không phải như đối

với cái bình v.v...phải đợi đến danh ngôn và sắc hương v.v... mới khởi cái biết về cái bình v.v...

Thế nào là giả hữu? Bao nhiêu là giả hữu? Vì nghĩa gì mà quán giả hữu? Nghĩa là đợi nơi danh ngôn các căn cảnh này là nghĩa của giả hữu. Tất cả đều là giả hữu. Để xả bỏ chấp trước ngã thật hữu, nên quán sát giả hữu.

Thế nào là thế tục hữu? Có bao nhiêu là thế tục hữu? Vì nghĩa gì nên quán thế tục hữu? Nghĩa là tạp nhiễm sở duyên là nghĩa của thế tục hữu. Tất cả đều là thế tục hữu. Để xả bỏ chấp trước tướng ngã tạp nhiễm nên quán sát thế tục hữu.

Tạp nhiễm sở duyên, nghĩa là có thể phát tất cả nghĩa tạp nhiễm. Tướng ngã tạp nhiễm, nghĩa là chấp ngã là nhân của tạp nhiễm.

Thế nào là thắng nghĩa hữu? Bao nhiêu là thắng nghĩa hữu? Vì nghĩa gì nên quán thắng nghĩa hữu? Nghĩa là thanh tịnh sở duyên là nghĩa của thắng nghĩa hữu. Tất cả đều là thắng nghĩa hữu. Để xả bỏ chấp trước ngã tướng thanh tịnh nên quán sát thắng nghĩa hữu.

Thanh tịnh sở duyên, nghĩa là để được thanh tịnh duyên cảnh giới này. Là nghĩa sở hành của tối thắng trí cho nên tất cả đều là thắng nghĩa hữu, nghĩa là vì tất cả pháp không tách rời chân như nên tính vô ngã của các pháp gọi là chân như. Tính vô ngã kia là chân thật có.

Thế nào là sở tri? Bao nhiêu là sở tri? Vì nghĩa gì nên quán sở tri? Sở tri có 5 thứ: sắc, tâm, tâm sở hữu pháp, tâm bất tương ưng hành, và vô vi.

Sắc, là sắc uẩn, 10 sắc giới, 10 sắc xứ, và pháp giới pháp xứ sở nhiếp các sắc. Tâm, là thức uẩn, 7 thức giới và ý xứ. Tâm sở hữu pháp, là thụ uẩn, tưởng uẩn, tương ưng hành uẩn, và một phần của pháp giới pháp xứ. Tâm bất tương ưng hành, là bất tương ưng hành uẩn, và một phần của pháp giới pháp xứ. Vô vi, là một phần của pháp giới pháp xứ.

Hoặc y nơi tạp nhiễm thanh tịnh, hoặc sở tạp nhiễm và sở thanh tịnh, hoặc năng tạp nhiễm và năng thanh tịnh, hoặc ở nơi phân vị này, hoặc tính thanh tịnh này, do y nơi đây nên tất cả đều là sở tri. Xứ, là sắc pháp. Sở nhiễm tịnh, là tâm pháp. Năng nhiễm tịnh, là tâm sở hữu pháp như tham v.v..., tín v.v... theo thứ tự của chúng. Phần vị, là phần vị nơi sắc, tâm, và tâm pháp giả lập tâm bất tương ưng hành pháp. Tính thanh tịnh, là pháp vô vi thanh tịnh tùy chỗ thích ứng chẳng phải tất cả. Sở dĩ vì sao? Vì chỉ có pháp giới và trạch pháp là tính thanh tịnh. Lại nữa pháp sở tri, là sở hành của trí tín giải, sở hành của trí đạo lý, sở hành của trí không tán loạn, sở hành của trí nội chứng, sở hành của trí tha tính, sở hành của hạ trí, sở hành của thượng trí, sở hành của trí chán bỏ, sở hành của trí không khởi, sở hành của trí vô sinh, sở hành của trí trí, sở hành của trí cứu cánh, sở hành của đại nghĩa trí. Phải biết trong đây lấy 13 thứ trí duyên cảnh giới hiển thị nghĩa sở tri. Mười ba trí là: văn sở sinh trí, tư sở sinh trí, thế gian tu sở sinh trí, thắng nghĩa trí, tha tâm trí, pháp trí, chủng loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận vô sinh trí, Đại thừa trí, như vậy các trí tùy theo thứ tự là tín giải v.v... các trí. Tha tâm trí gọi tha tính trí, nghĩa là vì duyên tha tâm làm cảnh. Pháp trí gọi hạ trí, là vì các đế sinh đầu tiên. Chủng loại trí gọi thượng trí, là vì từ pháp trí sau sinh ra cho nên vì yếm hoạn nên gọi là yếm hoạn trí, vì không khởi nên gọi là bất khởi trí, vì duyên vô sinh nên gọi là vô sinh trí, vì duyên trí nên gọi là trí trí, vì duyên cứu cánh nên gọi là cứu cánh trí, vì duyên đại nghĩa nên gọi là đại nghĩa trí. Tự lợi lợi tha gọi là đại nghĩa. Để xả bỏ chấp trước về ngã tri kiến, nên quán sát sở tri.

Thế nào là sở thức? Bao nhiêu là sở thức? Vì nghĩa gì nên quán sở thức? Vì vô phân biệt, vì có phân biệt, vì nhân, vì chuyên, vì tướng, vì tướng sinh, vì năng trị sở tri, vì vi tế sai biệt, phải biết đó là nghĩa của sở thức.

Vô phân biệt, là 5 thức thân. Có phân biệt, là ý thức thân. Nhân, là thức A-lại-da. Chuyên, là các thức khác. Tướng, là căn và nghĩa.

Tướng sinh, là nghĩa của căn sinh các thức. Năng trị sở trị, là có tham lìa tham, có sân lìa sân, có si lìa si. Như vậy các vi tế sai biệt, là 7 thứ thức khó liễu biệt sai biệt. Bảy thứ thức khó liễu biệt là: 1. Không thể biết liễu biệt khí liễu biệt. Nghĩa là hành tướng của vô phân biệt tất cả mọi thời. 2. Các thứ hành tướng liễu biệt. Nghĩa là một pháp, một hành, có các thứ tướng. Đây khó kiến lập cho nên vi tế. 3. Câu hữu liễu biệt. Nghĩa là các thức cùng khởi trong một thời gian. Làm sao hiểu rõ được cảnh giới riêng biệt? Điều này khó kiến lập cho nên vi tế. Phải biết cái vi tế này nói chung tất cả xứ. 4. Năng trị sở trị mau chóng hồi chuyển liễu biệt. Nghĩa là nói cụ phược, làm sao có tâm tham v.v.? Giây lát chuyển biến khởi lìa tâm tham v.v... 5. Tập khí liễu biệt. Nghĩa là các nghiệp hiện hành huân tập nơi tâm. Thế nào là chẳng phải lìa tâm, riêng có ở ngoài? Tập khí cũng chẳng phải tức tâm, lại cùng quả tuần tự mà chuyển. 6. Tương tục liễu biệt. Nghĩa là vô lượng chủng cảm tự thân nghiệp, huân tập tại thức. Sao đối với các minh liễu khác khi lâm chung mới tạm khởi giác ngộ? Các nghiệp khác huân tập chuyển nơi dị thú khiến sinh tương tục. 7. Giải thoát liễu biệt. Nghĩa là tâm A-la-hán chứng được đệ nhất pháp tính không hý luận, siêu quá sinh tử, từng tích tập tất cả chủng hữu lậu hạnh. Hành tướng của tâm này lưu chuyển như thế nào? Đây khó kiến lập cho nên vi tế. Như vậy phải biết tất cả đều là sở thức. Để xả bỏ chấp trước ngã năng kiến v.v... nên quán sát sở thức. Nói kiến v.v... phải biết nói kiến v.v... là nói thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc, và biết.

Thế nào là sở thông đạt? Bao nhiêu là sở thông đạt? Vì nghĩa gì nên quán sở thông đạt? Nghĩa là chuyển biến, tùy văn, nhập hành, đến, đi, xuất ly, là nghĩa của sở thông đạt.

Nói sở thông đạt là các cảnh giới của 6 thân thông. Dùng như ý thông, vận chuyển hiển thị sai biệt cho nên nói những cảnh giới thông đạt này là chuyển biến. Dùng thiên nhĩ thông, hiểu rõ các thứ

âm thanh của các cõi khác, nên gọi là tùy văn. Dùng tha tâm thông, hiểu các thứ tâm hành như tham v.v..., nên gọi là nhập hành. Dùng túc trụ thông, hiểu rõ những việc quá khứ lần lượt chuyển đến, nên gọi là đến. Dùng thiên nhãn thông, hiểu rõ những việc tương lai sẽ đi tới, nên gọi là đi. Dùng lậu tận thông, hiểu rõ phương tiện giải thoát 3 cõi, nên gọi là xuất ly. Như vậy tất cả đều là sở thông đạt. Sau dùng 3 thần thông duyên khắp tất cả cảnh giới. Để xả bỏ chấp trước cái ngã oai đức nên quán sát sở thông đạt.

Thế nào là hữu sắc? Bao nhiêu là hữu sắc ? Vì nghĩa gì nên quán hữu sắc? Là tự tính của sắc, là dựa vào đại chủng, là hỷ tập, là có phương sở, là phổ biến khắp nơi, là có thể nói phương sở, là phương xứ sở hành, là 2 đồng sở hành, là thuộc vào nhau, là đuổi theo, là hiển rõ, là biến hoại, là hiển thị, là tích tập kiến lập, là ngoại môn, là nội môn, là xa tấp, là phần hạn, là tạm thời, là thị hiện. Đó là nghĩa của hữu sắc.

Tự tính của sắc, tức là lấy sắc pháp làm tự tính nên gọi là hữu sắc, chẳng phải hợp cùng các sắc khác nên gọi là hữu sắc. Cho nên trước tiên nói tự tính của sắc. Dựa vào đại chủng, nghĩa là đây hiển thị sự hợp cùng với các sắc khác nên gọi là hữu sắc. Các sở tạo sắc hợp cùng với sắc của đại chủng nên gọi là hữu sắc. Các sắc của đại chủng lần lượt hợp nên gọi là hữu sắc. Hỷ tập, tức là hữu sắc pháp vì thích hợp nên hợp lại, nên gọi là hỷ tập, không như hỷ ái của hiện tại trước tiên là xúc, rồi thụ v.v... mà tập hợp, nên gọi là hỷ tập. Có phương sở, là có phần lượng. Phổ biến khắp nơi, là hình lượng biến khắp 10 phương. Có thể nói phương sở, là có thể nói ở nơi đây ở nơi kia. Phương xứ sở hành, là tính duyên của tùy chỗ trụ phương sở. Hai đồng sở hành, là tính duyên của 2 hữu tình cùng chỗ. Không phải như pháp vô sắc, như cái gì mình thụ người khác không thể nhận lấy. Thuộc vào nhau, là nhãn thức v.v... cũng gọi là hữu sắc hệ, vì thuộc hữu sắc căn. Đuổi theo, là dị sinh sinh ở Vô sắc giới chủng tử các

sắc đuổi theo. Hiển rõ, là các tâm tư do có thể hiển rõ cảnh sở duyên. Biến hoại, là 5 uẩn do tay v.v... chạm xúc, thụ v.v...phối hợp, tùy chỗ thích ứng liền biến hoại, vì biến hoại là nghĩa của sắc. Hiển thị, là các ngôn thuyết hiển thị nghĩa. Tích tập kiến lập, là các sắc cực vi trở lên, vì có phần cực vi có thể kiến lập. Ngoại môn, là sắc của Dục giới, do diệu dục ái sinh. Nội môn, là sắc của Sắc giới, do ái của định tâm sinh. Do đạo lý này nói các sắc kia là ý sinh thân. Xa tấp, nghĩa là sắc của dị sinh không thể kiến lập, vì 2 ranh giới trước sau có biên lượng. Phân hạn, nghĩa là sắc của hữu học, vì đã làm phân hạn của sinh tử. Tạm thời, là sắc của vô học, vì ngoài ra hiện tại có một thân. Thị hiện, là các sắc của Như Lai hiện ra, vì chỉ thị hiện này là phi chân thật. Tất cả đều là hữu sắc, hoặc tùy chỗ thích ứng. Nói tất cả là hữu sắc, nghĩa là sắc biến hoại. Tùy chỗ thích ứng, nghĩa là các sắc ngoại môn v.v...6 sắc sai biệt, phải biết cùng chung với thụ v.v... Để xả bỏ chấp trước cái ngã hữu sắc, nên quán sát hữu sắc.

Thế nào là vô sắc? Bao nhiêu là vô sắc? Vì nghĩa gì nên quán vô sắc? Trái với hữu sắc là nghĩa của vô sắc. Tất cả đều là vô sắc, hoặc tùy chỗ thích ứng. Để xả bỏ chấp trước cái ngã vô sắc, nên quán sát vô sắc. Tất cả là vô sắc, là vì cùng hệ thuộc với vô sắc.

Thế nào là hữu kiến? Bao nhiêu là hữu kiến? Vì nghĩa gì nên quán hữu kiến? Cảnh sở hành của mắt là nghĩa của hữu kiến. Ngoài ra các sai biệt như đã nói ở hữu sắc. Nghĩa là như trước nói, tự tính của sắc v.v... cho đến thị hiện, gọi là hữu sắc. Như vậy tự tính của hữu kiến v.v... cho đến thị hiện, gọi là hữu kiến. Tất cả đều là hữu kiến, tùy theo chỗ thích ứng. Nói tất cả là hữu kiến, nghĩa là tương thuộc với hữu kiến v.v... Sở dĩ vì sao? Vì các pháp vô sắc tương thuộc với sắc hữu kiến nên cũng gọi là hữu kiến. Để xả bỏ chấp trước cái ngã của nhãn cảnh, nên quán sát hữu kiến.

Thế nào là vô kiến? Bao nhiêu là vô kiến? Vì nghĩa gì nên quán vô kiến? Trái với hữu kiến là nghĩa của vô kiến. Tất cả đều là vô kiến,

hoặc tùy chỗ thích hợp. Để xả bỏ chấp trước ngã không phải nhãn cảnh, nên quán sát vô kiến.

Thế nào là hữu đối? Bao nhiêu là hữu đối? Vì nghĩa gì nên quán hữu đối? Các hữu kiến đều là hữu đối. Lại nữa vì 3 nhân nên gọi hữu đối, đó là chủng loại, tích tập, và không tu trị. Chủng loại, là có thể chướng ngại các sắc pháp và cũng bị sắc pháp chướng ngại. Có thể chướng ngại sự đi, đến, là nghĩa của hữu đối. Đây chỉ nên nói là năng ngại. Sở dĩ lại nói là sở ngại vì kiến lập sắc sáng sửa là hữu đối, bởi chúng chỉ là sở ngại chẳng phải tính năng ngại. Tính tự nó như vậy, nên chủng loại là nghĩa của tự tính. Tích tập, là cực vi trở lên, vì 1 cực vi không có đối ngại. Không tu trị, là không phải Tam-ma-địa, sắc tự tại chuyển, vì sức của định tự tại chuyển các sắc không đối ngại, như bình đẳng tâm. Các sắc lại tổn hại chỗ sở y, là nghĩa của hữu đối. Nghĩa là hoặc y, hoặc duyên, có thể sinh sân giận, gọi là hữu đối. Tức là vì nghĩa hữu đối như vậy, nên tất cả đều là hữu đối. Hoặc tùy chỗ thích ứng, nghĩa là các nghĩa khác. Để xả bỏ chấp trước ngã không biến hành, nên quán sát hữu đối.

Thế nào là vô đối? Bao nhiêu là vô đối? Vì nghĩa gì nên quán vô đối? Trái với hữu đối là nghĩa của vô đối. Tất cả đều là vô đối, hoặc tùy chỗ thích ứng. Để xả bỏ chấp trước ngã biến hành, nên quán sát vô đối.

Thế nào là hữu lậu? Bao nhiêu là hữu lậu? Vì nghĩa gì nên quán hữu lậu? Vì tự tính lậu, vì thuộc vào lậu, vì bị lậu trói buộc, vì lậu đi theo, vì lậu tùy thuận, vì chủng loại của lậu. Đó là nghĩa của hữu lậu. Tự tính lậu, là các tự tính của lậu hợp với tính lậu, nên gọi là hữu lậu. Thuộc về lậu, nghĩa là có chung tâm tâm pháp với lậu, và nhãn v.v... lậu tương ưng, sở y của lậu, nên theo thứ tự của nó gọi là hữu lậu. Bị lậu trói buộc, nghĩa là nói thiện pháp hữu lậu, vì do thế lực của lậu chiêu cảm hậu hữu. Lậu tùy theo, nghĩa là pháp của các địa khác cũng bị các lậu thô trọng của các địa khác theo đuổi. Lậu tùy thuận,

nghĩa là thuận quyết trạch phân, tuy bị phiền não thô trọng theo đuổi nhưng được kiến lập là tính vô lậu vì nghịch lại tất cả những gì có thuận với đối trị chúng. Chủng loại của lậu, nghĩa là các uẩn hữu lậu của A-la-hán, vì phiền não đời trước khởi. Năm thủ uẩn, 15 giới, toàn 10 xứ, và một phần ít của 2 xứ trong 3 cõi là hữu lậu, nghĩa là trừ một phần ít Thánh đạo quyết thuộc và các vô vi sau cùng của 2 xứ trong 3 cõi không phải hữu lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp với lậu, nên quán sát hữu lậu.

Thế nào là vô lậu? Bao nhiêu là vô lậu? Vì nghĩa gì nên quán vô lậu? Trái với hữu lậu là nghĩa của vô lậu. Toàn 5 vô thủ uẩn, và một phần ít của 2 xứ trong 3 cõi, là vô lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã lia lậu nên quán sát vô lậu.

Thế nào là hữu tránh? Bao nhiêu là hữu tránh? Vì nghĩa gì nên quán hữu tránh? Dựa vào tham sân si nên cầm dao gậy phát khởi đấu tranh. Cầm dao gậy v.v... là nhân của đấu tranh, tham v.v... là tự tính của đấu tranh. Như vậy tự tính của nó, nó tương thuộc, nó trói buộc, nó đi theo, nó tùy thuận, chủng loại của nó, cho nên đó là nghĩa của hữu tránh. Cho đến hữu lậu, hữu nhĩ sở lượng, hữu tránh cũng vậy, vì nó tùy theo nghĩa. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp với tránh, nên quán sát hữu tránh.

Thế nào là vô tránh? Bao nhiêu là vô tránh? Vì nghĩa gì nên quán vô tránh? Trái với hữu tránh là nghĩa của vô tránh. Cho đến vô lậu hữu nhĩ sở lượng vô tránh cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã lia tránh, nên quán sát vô tránh.

Thế nào là hữu nhiễm? Bao nhiêu là hữu nhiễm? Vì nghĩa gì nên quán hữu nhiễm? Là y vào tham sân si như vậy nên nhiễm trước tự thân hậu hữu, tự tính của nó, nó tương thuộc, nó trói buộc, nó theo đuổi, nó tùy thuận, chủng loại của nó, đó là nghĩa của hữu nhiễm. Nhiễm trước hậu hữu, nghĩa là tham sân si là nhiễm trước hậu hữu

nhân, nên gọi là nhiễm. Thế nào là sân nhuế là nhiễm trước hậu hữu nhân? Nghĩa là do tăng tạt các pháp thanh tịnh nhiễm trước hậu hữu. Như vậy cho đến hữu tránh hữu nhĩ sở lượng hữu nhiễm cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp nhiễm, nên quán sát hữu nhiễm.

Thế nào là vô nhiễm? Bao nhiêu là vô nhiễm? Vì nghĩa gì nên quán vô nhiễm? Trái với hữu nhiễm là nghĩa của vô nhiễm. Cho đến vô tránh hữu nhĩ sở lượng vô nhiễm cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã lia nhiễm, nên quán sát vô nhiễm.

Thế nào là dựa vào đam thị? Bao nhiêu là dựa vào đam thị? Vì nghĩa gì nên quán dựa vào đam thị? Là dựa vào tham sân si như vậy nên nhiễm trước 5 dục, tự tính của nó, nó tương thuộc, nó trôi buộc, nó theo đuổi, nó tùy thuận, chủng loại của nó, đó là nghĩa của đam thị. Những sân nhuế nào có thể khởi nhiễm trước? Nghĩa là tăng, tạt, xuất ly, như vậy cho đến hữu nhiễm hữu nhĩ sở lượng, dựa vào đam thị cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp đam thị nên quán sát dựa vào đam thị.

Thế nào là dựa vào xuất ly? Bao nhiêu là dựa vào xuất ly? Vì nghĩa gì nên quán dựa vào xuất ly? Là trái với dựa vào đam thị là nghĩa của y vào xuất ly. Cho đến vô nhiễm hữu nhĩ sở lượng xuất ly cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã lia đam thị, nên quán sát xuất ly.

Thế nào là hữu vi? Bao nhiêu là hữu vi? Vì nghĩa gì nên quán hữu vi? Là nếu pháp có thể biết có sinh diệt trụ dị, đó là nghĩa của hữu vi. Tất cả đều là hữu vi, chỉ trừ một phần của pháp giới pháp xứ. Để xả bỏ chấp trước ngã vô thường, nên quán sát hữu vi.

Thế nào là vô vi? Bao nhiêu là vô vi? Vì nghĩa gì nên quán vô vi? Nghĩa là trái với hữu vi là nghĩa của vô vi. Một phần của pháp giới pháp xứ là vô vi. Để xả bỏ chấp trước ngã thường trụ nên quán sát vô vi.

Hỏi: Vô thủ 5 uẩn nên nói là hữu vi hay nên nói là vô vi?

Đáp: Không nên nói nó là hữu vi hay vô vi.. Bởi vì sao? Vì các nghiệp phiền não không làm cho nên không nên nói hữu vi. Vì tùy dục hạn tiền không hạn tiền, cho nên không nên nói vô vi. Sở dĩ vì sao? Các uẩn vô thủ tùy chỗ dục lạc hoặc hiện tiền hoặc không hiện tiền, vô vi không như vậy vì nó thường trụ.

Hỏi: Như Bạc-già-phạm nói: Tất cả pháp có 2 thứ là hữu vi và vô vi. Vì sao nay nói pháp này chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi?

Đáp: Vì đây cũng không lia 2 thứ. Sở dĩ vì sao? Nếu do nghĩa này nói là hữu vi thì không dùng nghĩa này nói là vô vi. Nếu do nghĩa này nói là vô vi thì không dùng nghĩa này nói là hữu vi. Dựa vào đạo lý này chỉ nói 2 thứ. Bởi vì sao? Vì nghĩa tùy dục hiện tiền hay không hiện tiền mà nói là hữu vi. Vì nghĩa các nghiệp phiền não không làm nên nói là vô vi. Cho nên đây cũng không tách rời 2 thứ.

Thế nào là thế gian? Bao nhiêu là thế gian? Vì nghĩa gì nên quán thế gian? Nghĩa là bao gồm 3 cõi, và xuất thế trí hậu sở đắc tựa như kia hiển hiện, là nghĩa của thế gian. Nói tựa như kia hiển hiện, nghĩa là tựa như 3 cõi bao gồm các tướng hiển hiện. Tựa như chân như v.v.. hiển hiện các tướng mạo, là xuất thế gian vì chưa từng được. Như vậy một phần các uẩn, toàn 15 giới, 10 xứ, và một phần 2 xứ của 3 cõi, là thế gian. Nói một phần, là trừ bao gồm trong chính trí, và hậu sở đắc tựa như xuất thế gian tương hiển hiện đều là vô vi pháp. Để xả bỏ chấp trước ngã y vào thế gian, nên quán sát thế gian.

Thế nào là xuất thế? Bao nhiêu là xuất thế? Vì nghĩa gì nên quán xuất thế? Nghĩa là có thể đối trị 3 cõi. Không điên đảo, không hý luận, không phân biệt cho nên là vô phân biệt xuất thế gian. Có thể đối trị 3 cõi, là các Thánh đạo này lại có 2 thứ: 1. Thanh Văn, Độc giác sở đắc đối trị thường v.v... các điên đảo, vì không điên đảo phân biệt nên gọi là vô phân biệt. 2. Bồ-tát sở đắc đối trị tất cả sắc v.v...

các pháp hý luận, không hý luận phân biệt nên gọi là vô phân biệt. Vì các pháp vô vi không phải chỗ sở y của tất cả phân biệt, nên là vô phân biệt. Lại nữa, xuất thế hậu sở đắc cũng gọi là xuất thế vì y chỉ vào xuất thế. Như vậy một phần của các uẩn và một phần 2 xứ của 3 cõi là xuất thế. Để xả bỏ chấp trước ngã độc lập tồn tại nên quán sát xuất thế.

Thế nào là đã sinh? Bao nhiêu là đã sinh? Vì nghĩa gì nên quán đã sinh? Nghĩa là quá khứ hiện tại là nghĩa đã sinh. Tất cả, một phần là đã sinh. Để xả bỏ chấp trước ngã chẳng phải thường, nên quán sát đã sinh. Lại nữa có 24 thứ đã sinh là đầu tiên đã sinh, liên tục đã sinh, nuôi lớn đã sinh, y chỉ đã sinh, chuyển biến đã sinh, thành thực đã sinh, thoái đọa đã sinh, thắng tiến đã sinh, thanh tịnh đã sinh, không thanh tịnh đã sinh, vận chuyển đã sinh, hữu chủng đã sinh, vô chủng đã sinh, ảnh tượng tự tại thị hiện đã sinh, lần lượt đã sinh, sát-na hoại đã sinh, ly hội đã sinh, dị vị đã sinh, sinh tử đã sinh, thành hoại đã sinh, tiên thời đã sinh, tử thời đã sinh, trung thời đã sinh, thời gian liên tục đã sinh. Đầu tiên đã sinh, là khi đầu tiên tiếp tục sinh. Liên tục đã sinh, là tiếp tục sinh trở về sau. Nuôi lớn đã sinh, là do ngũ chiêm bao, ăn uống, Phạm hạnh, định làm nhân 4 thứ nuôi lớn. Y chỉ đã sinh, là các căn bên trong. Chuyển biến đã sinh, là có thể tùy thuận sinh lạc thụ v.v... các căn biến đổi khác. Thành thực đã sinh, là ở trong suy lão vị. Thoái đọa đã sinh, là xả bỏ thiện thú sinh trong ác thú. Thắng tiến đã sinh, là trái với kia. Thanh tịnh đã sinh, là du hý, vong niệm, ý tương phần oán, Lạc biến hóa thiên, Tha hóa tự tại thiên, Sắc, Vô sắc giới chư thiên phần nhiều phóng dật cho nên tùy chỗ thích ứng đối với cảnh thụ dụng và ở trong định mà tự tại chuyển. Không thanh tịnh đã sinh, là ngoài những cái kia. Vận chuyển đã sinh, là vãng lai vị. Hữu chủng đã sinh, là trừ uẩn cuối cùng của A-la-hán. Vô chủng đã sinh, là uẩn cuối cùng. Ảnh tượng tự tại thị hiện đã sinh, là sở tri sự đồng phần sắc, giải thoát sở sinh

sắc, và Như Lai v.v...sắc theo như thứ tự. Lần lượt đã sinh, là trước sau sinh liên tục. Sát-na hoại đã sinh, là các hành tướng của mỗi một sát-na. Ly hội đã sinh, là ái, bất ái trong hội ly vị, và tâm trong các vị có tham lìa tham v.v... Khác vị đã sinh, là trong vị yết-la-lam v.v... Sinh tử đã sinh, là hữu tình thế gian. Thành hại đã sinh, là khí thế gian. Tiên thời đã sinh, là hữu của thời trước. Tử thời đã sinh, là tử hữu. Trung thời đã sinh, là trung hữu. Tục thời đã sinh, là sinh hữu.

Thế nào là chẳng phải đã sinh? Bao nhiêu là chẳng phải đã sinh? Vì nghĩa gì nên quán chẳng phải đã sinh? Nghĩa là vị lai và vô vi pháp là nghĩa của chẳng phải đã sinh. Tất cả, một phần, là chẳng phải đã sinh. Để xả bỏ chấp trước ngã thường trụ, nên quán sát chẳng phải đã sinh.. Lại nữa, trái với đã sinh là nghĩa của chẳng phải đã sinh.

Thế nào là năng thủ? Bao nhiêu là năng thủ? Vì nghĩa gì nên quán năng thủ? Nghĩa là các sắc căn và tâm tâm pháp là nghĩa của năng thủ. Toàn 3 uẩn, một phần của sắc uẩn, hành uẩn, căn tướng, tương ưng tướng theo thứ tự 12 giới, toàn 6 xứ và một phần của pháp giới pháp xứ. Tương ưng tự thể, là năng thủ. Để xả bỏ chấp trước ngã năng thụ dụng, nên quán sát năng thủ. Ngã thụ dụng, nghĩa là chấp ngã có khả năng được cảnh ái bất ái. Lại nữa năng thủ có 4 thứ, là bất chí năng thủ, chí năng thủ, tự tướng hiện tại năng thủ cảnh giới riêng biệt, và tự tướng cộng tướng trong mọi thời năng thủ tất cả cảnh giới. Bất chí năng thủ, là nhãn căn, nhĩ căn, và ý căn. Chí năng thủ, là các căn khác. Tự tướng hiện tại năng thủ cảnh giới riêng biệt, là 5 căn sinh. Tự tướng cộng tướng trong mọi thời năng thủ tất cả cảnh giới, là căn thứ 6 sinh. Lại nữa do các thức hòa hợp sinh cho nên giả lập tính năng thủ. Sở dĩ vì sao? Bởi dựa vào các duyên hòa hợp sinh thức v.v... giả nói là năng thủ vì các pháp không tác dụng, không phải do nghĩa chân thật.

Thế nào là sở thủ? Bao nhiêu là sở thủ? Vì nghĩa gì nên quán sở thủ? Nghĩa là các năng thủ cũng là sở thủ. Bởi nhãn căn v.v... là

sở thủ của ý thức. Hoặc cũng có sở thủ không phải năng thủ, nghĩa là chỉ có hành nghĩa của sở thủ. Nói chỉ, là nói nghĩa quyết định. Đây là nói riêng về tâm sở hữu pháp, tất cả đều là sở thủ. Để xả bỏ chấp trước cảnh giới của ngã nên quán sát sở thủ.

Thế nào là ngoại môn? Bao nhiêu là ngoại môn? Vì nghĩa gì nên quán ngoại môn? Nghĩa là các pháp hệ thuộc Dục giới là nghĩa của ngoại môn, trừ y vào Phật dạy phát sinh văn tuệ tư tuệ và các tâm tâm pháp trong tùy pháp hành v.v...

Hỏi: Vì sao các văn tuệ tư tuệ được phát sinh và các tâm tâm pháp trong tùy pháp hành không phải là ngoại môn?

Đáp: Vì pháp đẳng lưu là nhân, do thế lực này duyên Niết-bàn v.v... Pháp đẳng lưu là các chủng loại giáo pháp chân chứng của chư Phật. Tỷ thức, thiết thức, hương, vị 4 giới, toàn hương, vị 2 xứ, và một phần các thứ khác gồm trong Dục giới là ngoại môn. Để xả bỏ chấp trước ngã không lia dục, nên quán sát ngoại môn.

Thế nào là nội môn? Bao nhiêu là nội môn? Vì nghĩa gì nên quán nội môn? Nghĩa là trái với ngoại môn là nghĩa của nội môn. Trừ 4 giới toàn 2 xứ và một phần các thứ khác là nội môn. Để xả bỏ chấp trước ngã lia dục, nên quán nội môn.

Thế nào là nhiễm ô? Bao nhiêu là nhiễm ô? Vì nghĩa gì nên quán nhiễm ô? Là pháp bất thiện và hữu phú vô ký là nghĩa của nhiễm ô. Hữu phú vô ký, nghĩa là các phiền não tương ưng biến hành ý, và các phiền não thuộc Sắc giới, Vô sắc giới. Các uẩn, 10 giới, một phần của 4 xứ là nhiễm ô. Mười giới là 7 thức, sắc giới, thanh giới và pháp giới. Bốn xứ là sắc xứ, thanh xứ, ý xứ và pháp xứ. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp với phiền não, nên quán nhiễm ô.

Thế nào là không nhiễm ô? Bao nhiêu là không nhiễm ô? Vì nghĩa gì nên quán không nhiễm ô? Là pháp thiện và vô phú vô ký là nghĩa của không nhiễm ô. Toàn 8 giới, 8 xứ, các uẩn và một phần

của các giới, xứ khác là không nhiễm ô. Để xả bỏ chấp trước ngã lia phiền não, nên quán sát không nhiễm ô.

Thế nào là quá khứ? Bao nhiêu là quá khứ? Vì nghĩa gì nên quán quá khứ? Là tướng đã sinh, đã diệt, nhân quả đã thụ dụng, công dụng nhiễm tịnh đã hết, nhiếp nhân đã hoại, quả và tự tướng hữu phi hữu, tướng ức niệm phân biệt, luyến là tướng tạp nhiễm, xả là tướng thanh tịnh, đó là nghĩa của quá khứ. Nhân quả đã thụ dụng, nghĩa là đã sinh nên đã diệt như thứ tự. Công dụng nhiễm tịnh đã hết, nghĩa là như hiện tại tham v.v..., tín v.v... khiến tâm nhiễm tịnh, vì không công năng. Nhiếp nhân đã hoại, nghĩa là bỏ tập khí rồi mới diệt. Quả và tự tướng hữu phi hữu, nghĩa là ngay hiện nay sở dẫn tập khí là có, nên năng dẫn thật sự là không. Tướng ức niệm phân biệt, nghĩa là chỉ có cảnh tướng sở duyên kia. Tất cả một phần là quá khứ, vì trừ vị lai hiện tại và vô vi. Để xả bỏ chấp trước ngã lưu chuyển, nên quán sát quá khứ.

Thế nào là vị lai? Bao nhiêu là vị lai? Vì nghĩa gì nên quán vị lai? Là có nhân chẳng phải đã sinh, chưa được tự tướng, nhân quả chưa thụ dụng, tính tạp nhiễm thanh tịnh chưa hiện tiền, tự tướng nhân quả hữu phi hữu, mong cầu là tướng của tạp nhiễm, không mong cầu là tướng của thanh tịnh, đó là nghĩa của vị lai. Có nhân chẳng phải đã sinh, là chọn vô vi, vì tuy chẳng phải đã sinh mà không nhân. Chưa được tự tướng, là tự thể chưa sinh. Nhân quả chưa thụ dụng, là các chủng tử của nó chưa làm sở tác vì tính của nó chưa sinh. Tất cả một phần là vị lai. Để xả bỏ chấp trước ngã lưu chuyển, nên quán sát vị lai.

Thế nào là hiện tại? Bao nhiêu là hiện tại? Vì nghĩa gì nên quán hiện tại? Là tự tướng đã sinh chưa diệt, nhân quả thụ dụng chưa thụ dụng, nhiễm tịnh hiện tiền, có thể hiển thị tướng quá khứ vị lai, tác dụng hiện tiền, đó là nghĩa của hiện tại. Nhân quả thụ dụng chưa thụ dụng, nghĩa là nhân đã diệt quả hãy còn. Có thể hiển thị tướng quá

khứ vị lai, nghĩa là đời hiện tại có thể thiết tướng của đời quá khứ vị lai. Sở dĩ vì sao? Vì y chỉ hiện tại giả lập quá khứ vị lai. Ước chừng quá vị sẽ được mà giả lập vị lai. Ước chừng quá vị đã từng được mà giả lập quá khứ. Tác dụng hiện tiền, nghĩa là các pháp như nhãn v.v... chính là chỗ sở y của thức v.v... tất cả một phần là hiện tại. Để xả bỏ chấp trước ngã lưu chuyển, nên quán sát hiện tại.

Hỏi: Vì sao quá khứ vị lai hiện tại nói là sự, chẳng phải Niết-bàn?

Đáp: Vì nội tự sở chứng không thể nói. Chỉ đã từng, sẽ, hiện là chỗ sở y của ngôn thuyết. Sở dĩ vì sao? Nhân nói quá khứ các việc mà hiển thị 3 thứ trong kinh nói về sự. Nghĩa là dựa vào kiến lập 3 đời chẳng phải là Niết-bàn, vì đó là nội tự sở chứng, lìa danh ngôn nên không thể tuyên thuyết. Lại nữa, chỉ có quá khứ, vị lai, hiện tại là chỗ sở y ngôn thuyết của kiến văn giác tri.

Thế nào là thiện? Bao nhiêu là thiện? Vì nghĩa gì nên quán thiện? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, là đệ nhất nghĩa, là sinh đắc, là phương tiện, là hiện tiền cúng dường, là nhiều ích, là dẫn nhiếp, là đối trị, là tịch tĩnh, là đấng lưu. Đó là nghĩa của thiện. Năm uẩn, 10 giới, một phần của 4 xứ là thiện. Mười giới là 7 thức, sắc giới, thanh giới, và pháp giới. Bốn xứ, là sắc xứ, thanh xứ, ý xứ, và pháp xứ. Để xả bỏ chấp trước ngã hợp với pháp, nên quán sát thiện. Tự tính thiện, là tín v.v... 11 tâm sở hữu pháp. Tương thuộc thiện, là pháp tương ưng với nó. Tùy trực thiện, là các pháp tập khí của nó. Phát khởi thiện, là nó phát thân nghiệp ngữ nghiệp. Đệ nhất nghĩa thiện, là chân như. Sinh đắc thiện, là các thiện pháp của nó, do trước quán tập nên cảm được báo như vậy. Do tự tính này tức ở nơi đó tự nhiên lạc trụ mà không do tư duy. Nói tức ở nơi này, nghĩa là ở nơi tín v.v... các xứ. Do tự tính này không do tư duy, nghĩa là vô công dụng, không nhờ sức của thiện hữu v.v.... Tự nhiên lạc trụ, nghĩa là không phải chỉ có dục lạc, là sinh đắc và cũng cùng với tín v.v... tự nhiên đồng khởi. Phương tiện thiện,

là y chỉ thân cận thiện trượng phu nghe chính pháp, như lý tác ý tu tập tịnh thiện pháp tùy pháp hành. Tu tập tịnh thiện, là ở trong chính pháp tất cả thiện pháp sinh ra do nghe v.v... Hiện tiền cúng dường thiện, là tưởng như đối trước Như Lai xây dựng tháp miếu đắp vẽ tôn nhan, hoặc tưởng đối trước chính pháp sao chép chỉnh sửa pháp tạng cúng dường. Nhiều ích thiện, là dùng 4 nhiếp sự làm lợi tất cả hữu tình. Dẫn nhiếp thiện, là do thí tính phúc nghiệp sự và giới tính phúc nghiệp sự dẫn nhiếp sinh thiên lạc dị thực, dẫn nhiếp sinh nhà giàu sang, dẫn nhiếp tùy thuận pháp thanh tịnh. Dẫn nhiếp sinh thiên lạc dị thực và sinh nhà giàu sang, là hiển thị được nhân tôn quý. Dẫn nhiếp tùy thuận pháp thanh tịnh, là hiển thị được nhân Niết-bàn. Đối trị thiện, là yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị, viễn phần đối trị, phục đối trị, ly hệ đối trị, phiền não chướng đối trị, sở tri chướng đối trị. Các đối trị này sau sẽ giải thích rộng. Tịch tĩnh thiện, là vĩnh đoạn tham dục, vĩnh đoạn sân nhuế, vĩnh đoạn ngu si, vĩnh đoạn tất cả phiền não, như tướng thụ diệt, như hữu dư y Niết-bàn giới, như vô dư y Niết-bàn giới, như vô sở trụ Niết-bàn giới, như vậy đều là pháp tịch tĩnh thiện. Đăng lưu thiện, là người đã được tịch tĩnh, do sức tăng thượng này nên phát khởi thắng phẩm thần thông v.v... thể xuất thế, cộng bất cộng công đức.

HẾT QUYỂN 3

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 4

Phẩm 1 – 4: PHẨM 3 PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

Thế nào là bất thiện? Bao nhiêu là bất thiện? Vì nghĩa gì nên quán bất thiện? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, là đệ nhất nghĩa, là sinh đắc, là phương tiện, là hiện tiền cúng dường, là tổn hại, là dẫn nhiếp, là sở trị, là chướng ngại, đó là nghĩa của bất thiện. Năm uẩn, 10 giới, một phần của 4 xứ là bất thiện. Để xả bỏ chấp trước chẳng phải ngã hợp với pháp nên quán sát bất thiện. Tự tính bất thiện, là trừ nhiệm ô ý tương ưng và Sắc Vô sắc giới phiền não v.v..., ngoài ra là các phiền não và tùy phiền não có thể phát khởi ác hành. Đây là thế nào? Nghĩa là những gì thuộc Dục giới hệ khởi một cách tự nhiên là bất thiện. Nếu tự nhiên khởi có thể phát ác hành cũng là bất thiện, ngoài ra là hữu phú vô ký. Tương thuộc bất thiện, là các pháp tương ưng với phiền não tùy phiền não này. Tùy trực bất thiện, là các tập khí của nó. Phát khởi bất thiện, là nó khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp. Đệ nhất nghĩa bất thiện, là tất cả lưu chuyển. Sinh đắc bất thiện, là do quán tập bất thiện nên cảm được dị thực như vậy. Do tự tính này tự nhiên lạc trụ nơi bất thiện. Phương tiện bất thiện, là y chỉ thân cận bất thiện trọng phụ, nghe pháp bất chính, không như lý tác ý, làm các ác hạnh thân ngữ ý. Hiện tiền cúng dường bất thiện, là tưởng đối trước một thiên chúng quy y theo rồi hoặc trước tiên là do ý giết hại, hoặc trước tiên là do tà ác kiến

xây dựng đền miếu tạo nghiệp cúng dường, khiến rộng rãi vô lượng chúng gieo trồng phi phúc. Trước tiên là do ý sát hại xây dựng đền miếu, nghĩa là nơi đó giết bò dê v.v... để cúng tế thiên thần. Trước tiên do tà ác kiến xây dựng đền miếu, nghĩa là nơi đó tự chịu các khổ như nhin đói v.v... để cầu nguyện cầu phúc. Tồn hại bất thiện, nghĩa là ở mọi nơi phát khởi các thứ tà hạnh thân ngữ ý. Dẫn nhiếp bất thiện, nghĩa là làm các ác hạnh thân ngữ ý rồi, dẫn nhiếp quả dị thực bất ái trong các ác thú thiện thú, hoặc dẫn hoặc mãi. Ở trong ác thú thì thụ đầy đủ quả dị thực dẫn mãi. Ở trong các thiện thú thì chỉ thụ quả mãi. Nghĩa là sinh nơi kia rồi, do sức của ác hạnh chịu khổ nghèo cùng. Sở trị bất thiện, nghĩa là các pháp đối trị sở đối trị. Chương ngại bất thiện, nghĩa là có khả năng chương ngại các pháp thiện phẩm, như số với chúng tập v.v...

Thế nào là vô ký? Bao nhiêu là vô ký? Vì nghĩa gì nên quán vô ký? Là tự tính, là tương thuộc, là tùy trực, là phát khởi, là đệ nhất nghĩa, là sinh đắc, là phương tiện, là hiện tiền cúng dường, là nhiều ích, là thụ dụng, là dẫn nhiếp, là đối trị, là tịch tĩnh, là đấng lưu, đó là nghĩa của vô ký. Toàn 8 giới, 8 xứ, và một phần của các uẩn giới xứ khác là vô ký. Tám giới là 5 sắc căn, hương giới, vị giới, và xúc giới. Tám xứ cũng vậy. Để xả bỏ chấp trước ngã lia pháp phi pháp, nên quán sát vô ký. Tự tính vô ký, nghĩa là 8 sắc giới xứ ý tương ưng phẩm, mạng căn, chúng đồng phần, danh cú văn thân. Tương thuộc vô ký, nghĩa là hoại phi uế phi tịnh tâm, tức các tâm tâm pháp được nhiếp thụ trong danh cú văn thân. Phi uế phi tịnh tâm, là hiển thị tâm thiện bất thiện trái nhau. Do danh cú văn thân nhiếp thụ, là hiển thị nghĩa của hành tướng của nó, do ý ngôn môn của nó chuyển. Tùy trực vô ký, tức là hý luận tập khí của nó do danh thân v.v... huân tập tâm, do tập khí này sau hý luận sinh. Phát khởi vô ký, nghĩa là nó gồm các tâm tâm pháp phát khởi thân nghiệp ngữ nghiệp. Đây bao gồm, nghĩa là hoại phi uế phi tịnh tâm, là có danh thân v.v... các hành tướng hý luận bao gồm tâm tâm pháp. Đệ nhất nghĩa vô ký,

nghĩa là hư không phi trạch diệt. Sinh đắc vô ký, nghĩa là các bất thiện, hữu lậu thiện pháp báo. Phương tiện vô ký, nghĩa là phi nhiệm phi thiện tâm, tức có các oai nghi lộ công xảo xứ pháp. Phi nhiệm phi thiện tâm, là đây hiển thị nếu phi nhiệm phi thiện tâm phát oai nghi lộ v.v... là tính vô ký, ngoài ra tùy theo thích ứng hoặc thiện hoặc bất thiện. Hiện tiền cúng dường vô ký, nghĩa là như có tướng đối trước một thiên chúng quy y, xa lìa ý sát hại, tà ác kiến, mà xây dựng đền miếu tạo nghiệp cúng dường, khiến vô lượng chúng ở nơi đó không sinh trưởng phúc hay phi phúc. Nhiêu ích vô ký, nghĩa là như có một người đầy tớ của mình khiến hành huệ thí vợ con bằng tâm phi uế phi tịnh. Thụ dụng vô ký, nghĩa là như có một người thụ dụng tư cụ bằng tâm không lựa chọn, không nhiễm ô. Tâm không lựa chọn, là biệt thiện tính. Tâm không nhiễm ô, là biệt bất thiện tính. Dẫn nhiếp vô ký, nghĩa là như có một người quán tập nơi nghề công xảo, đến đời sau lại dẫn thụ thân tướng như vậy. Do thân như vậy nên tập nghề công xảo mau được thành đạt. Đối trị vô ký, nghĩa là như có một người vì chữa trị tật bệnh được an lạc nên dùng tâm chọn lựa thích uống thuốc thang. Tịch tĩnh vô ký, nghĩa là các phiền não v.v... của Sắc giới, Vô sắc giới, do Xa-ma-tha làm cho làm cho nép phục chôn giấu. Đăng lưu vô ký, nghĩa là biến hóa tâm câu sinh phẩm là chúng đăng lưu, cho nên gọi là đăng lưu vô ký. Tâm biến hóa tương ứng với các pháp cộng hữu, gọi là câu sinh phẩm. Tâm tâm pháp này là hy hý nên phát khởi biến hóa, đó là tính vô ký. Nếu là lợi ích an lạc hữu tình thì đó là thiện. Lại nữa còn có thị hiện thiện bất thiện vô ký pháp. Đây là thế nào? Nghĩa là Phật và các Bồ-tát Ma-ha-tát được đệ nhất cứu cánh vì muốn làm lợi ích hữu tình nên có các thị hiện. Phải biết trong đó không có một pháp chân thật nào có thể có được. Nói có các thị hiện, nghĩa là Phật Bồ-tát do sức hóa độ hữu tình mà thị hiện có nhiều thứ thiện bất thiện v.v... Thị hiện bất thiện, là như hóa làm giặc v.v... thị hiện các việc chặt tay, chặt đầu v.v... làm cho các hữu tình khác khiếp sợ để điều phục chúng.

Thế nào là Dục giới hệ? Bao nhiêu là Dục giới hệ? Vì nghĩa gì nên quán Dục giới hệ? Là người chưa lìa dục, có các pháp thiện bất thiện vô ký, đó là nghĩa của Dục giới hệ. Chưa lìa dục, nói rõ là còn chưa lìa bỏ thiểu phần dục của Dục giới, là chưa chứng được nghĩa Tam-ma-địa. Những người khác đây mà chưa đến được định pháp cũng là Dục giới hệ. Sở dĩ vì sao? Do chúng đã được Tam-ma-địa nên yêu thích đoạn diệt. Bởi đoạn thiểu phần thô trọng sở tri, nên cũng được gọi là có một phần lìa dục. Ngoài các sắc v.v... là chưa lìa dục. Vì sức của nghiệp tăng thượng sinh, cũng gọi là Dục giới hệ. Kinh nói: Sức nghiệp tăng thượng cộng hữu của tất cả hữu tình sinh, là để nói rõ những người sinh ở Sắc giới, Vô sắc giới cũng có người chưa lìa dục, vì nghiệp chung theo đuổi. Toàn 4 giới, 2 xứ và một phần uẩn, giới, xứ khác, là Dục giới hệ. Bốn giới, là hương giới, vị giới, tỷ giới, thiết giới, và thức giới. Hai xứ, là hương xứ và vị xứ. Một phần khác, là trừ Sắc giới hệ, Vô sắc giới hệ, và vô lậu pháp. Để xả bỏ chấp trước ngã dục tăng thượng, nên quán sát Dục giới hệ.

Thế nào là Sắc giới hệ? Bao nhiêu là Sắc giới hệ? Vì nghĩa gì nên quán Sắc giới hệ? Là người đã lìa dục của Dục giới, chưa lìa dục của Sắc giới, có thiện pháp vô ký pháp là nghĩa của Sắc giới hệ. Trừ trước đã nói 4 giới 2 xứ, một phần của uẩn giới xứ khác là Sắc giới hệ. Nói một phần, nghĩa là trừ Dục giới hệ, Vô sắc giới hệ và vô lậu pháp. Để xả bỏ chấp trước ngã lìa dục của Dục giới, nên quán sát Sắc giới hệ.

Thế nào là Vô sắc giới hệ? Bao nhiêu là Vô sắc giới hệ? Vì nghĩa gì nên quán Vô sắc giới hệ? Là người đã lìa dục của Sắc giới, chưa lìa dục của Vô sắc giới, có thiện pháp, vô ký pháp, là nghĩa của Vô sắc giới hệ. Một phần của 3 giới, 2 xứ, 4 uẩn, là Vô sắc giới hệ. Ba giới, là ý giới, pháp giới, và ý thức giới. Hai xứ, là ý xứ và pháp xứ. Bốn uẩn, là thụ v.v... Cũng có sắc do Tam-ma-địa sinh ra nhưng ít nên không nói. Một phần, là trừ Dục giới hệ, Sắc giới hệ và vô lậu

pháp. Để xả bỏ chấp trước ngã lia dục của Sắc giới, nên quán sát Vô sắc giới hệ.

Lại nữa còn có nhất phần ly dục, cụ phần ly dục, thông đạt ly dục, tổn phục ly dục, vĩnh hại ly dục. Nhất phần cụ phần ly dục. Nghĩa là hoặc y vào địa lia dục mà nói, như ở địa này cho đến có thể đoạn 8 phẩm phiền não là nhất phần ly dục, nếu đã đoạn phẩm thứ 9 là cụ phần ly dục. Hoặc y vào Tát-ca-da li dục mà nói thì nếu ở hữu học vị là nhất phần ly dục, nếu vô học vị là cụ phần ly dục. Thông đạt ly dục, là do kiến đạo mà ly dục. Tổn phục ly dục, là do thế gian đạo mà ly dục. Vĩnh hại ly dục, là do xuất thế gian đạo ly dục.

Lại có 11 thứ ly dục, đó là tự tính ly dục, tổn hại ly dục, nhiệm trì ly dục, tăng thượng ly dục, ngu si ly dục, đối trị ly dục, biến tri ly dục, vĩnh đoạn ly dục, hữu thượng ly dục, vô thượng ly dục. Như vậy phải biết 10 thứ ly dục là trái ngược nghĩa không cứ phải đoạn nghĩa. Do tự tính nên lia dục, cho nên gọi là tự tính ly dục. Cho đến do vĩnh viễn đoạn trừ nên lia dục, vì vậy gọi là vĩnh đoạn ly dục. Phải biết dùng các cú nghĩa như vậy mà phân biệt chủng loại. Tự tính ly dục, nghĩa là đối với khổ thụ và pháp thuận khổ thụ xứ sinh tính chán nghịch lại. Tổn hại ly dục, nghĩa là người tập dục quá nhiệt não rồi sinh tính chán nghịch. Nhiệm trì ly dục, nghĩa là người đã ăn no rồi, đối với món ăn ngon sinh tính chán nghịch. Tăng thượng ly dục, nghĩa là được thắng xứ rồi, đối với hạ liệt xứ sinh tính chán nghịch. Cũng như người đời đã được làm chúa thành v.v... địa vị cao thắng rồi thì đối với địa vị thôn trưởng thấp kém sinh tâm chán nghịch. Ngu si ly dục, nghĩa là hạng ngu phu đối với Niết-bàn giới sinh tính chán nghịch, vì không thấu rõ tính vắng lặng nên chấp chặt Tát-ca-da. Đối trị ly dục, nghĩa là do thế xuất thế gian đạo đoạn các phiền não. Biến tri ly dục, nghĩa là đã được kiến đạo thì đối với pháp trong 3 cõi sinh tính chán nghịch do biết rõ hết khắp cả tính hành khổ nên chán nghịch tất cả việc hữu lậu. Vĩnh đoạn ly dục, nghĩa là đã vĩnh viễn

đoạn trừ các phiền não ở mỗi địa mỗi địa rồi sinh tính chán nghịch. Hữu thượng ly dục, nghĩa là các người Thanh Văn, Độc Giác ở thế gian có sự lia dục. Vô thượng ly dục, nghĩa là Phật Bồ-tát có sự lia dục là vì muốn lợi lạc hữu tình.

Thế nào là hữu học? Bao nhiêu là hữu học? Vì nghĩa gì nên quán hữu học? Là người cầu giải thoát có các thiện pháp, đó là nghĩa của hữu học. Từ tích tập tư lương vị trở đi gọi là người cầu giải thoát. Phải biết, cầu chứng giải thoát phần vị gọi là tích tập tư lương vị. Mười giới, 4 xứ, một phần các uẩn là hữu học. Mười giới, là 7 thức, sắc giới, thanh giới, và pháp giới. Bốn xứ, là sắc xứ, thanh xứ, ý xứ, và pháp xứ. Để xả bỏ chấp trước ngã cầu giải thoát, nên quán sát hữu học.

Thế nào là vô học? Bao nhiêu là vô học? Vì nghĩa gì nên quán vô học? Là người đã cứu cánh trong các học xứ có các thiện pháp, đó là nghĩa của vô học. Vì các A-la-hán đối với tầng thượng giới học xứ, tâm học xứ, và tuệ học xứ đã được cứu cánh nên gọi là vô học. Mười giới, 4 xứ, một phần các uẩn là vô học. Để xả bỏ chấp trước ngã đã thoát, nên quán sát vô học.

Thế nào là phi học phi vô học? Bao nhiêu là phi học phi vô học? Vì nghĩa gì nên quán phi học phi vô học? Là các dị sinh có các pháp thiện, bất thiện, vô ký, và các hữu học giả có pháp nhiễm ô, vô ký, các vô học giả có pháp vô ký và vô vi. Đó là nghĩa của phi học phi vô học. Các dị sinh, là trừ những người cầu giải thoát. Bởi những người này đối với các học xứ cầu tu học, tức gọi là hữu học. Hữu học nhiễm ô vô ký là tùy theo thích ứng. Bất thiện và hữu phú vô ký là nhiễm ô. Vô phú vô ký là vô ký. Toàn 8 giới, 8 xứ và một phần các uẩn giới xứ khác là phi học phi vô học. Để xả bỏ chấp trước ngã không giải thoát, nên quán sát phi học phi vô học.

Thế nào là kiến sở đoạn? Bao nhiêu là kiến sở đoạn? Vì nghĩa gì nên quán kiến sở đoạn? Là do phân biệt khởi nhiễm ô kiến nghi,

kiến xứ nghi xứ, và từ nơi kiến v.v... khởi tà hạnh phiền não tùy phiền não, và kiến v.v... phát thân ngữ ý nghiệp, cùng tất cả uẩn giới xứ của ác thú v.v..., là nghĩa của kiến sở đoạn. Trong đây do phân biệt khởi nhiễm ô kiến nghi, là trước tiên nghe pháp bất chính khởi 5 kiến chấp, phân biệt khởi là giản, là câu sinh Tát-ca-da kiến và biên chấp kiến.

Hỏi: Tướng của biên chấp kiến thế nào? Có phải là câu sinh không?

Đáp: Nghĩa là người đoạn kiến rồi, học hiện quán có nỗi sợ như thế này: Ta nay, ta ở đâu? Kiến xứ, nghĩa là các kiến tương ưng với pháp cộng hữu và chủng tử nghi xứ của chúng cũng vậy. Đối với kiến v.v... khởi tà hạnh phiền não tùy phiền não, nghĩa là y vào kiến v.v.. môn và duyên kiến v.v... khởi tham v.v... tất cả, một phần, là kiến sở đoạn. Một phần, là trừ tu sở đoạn và vô lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã kiến viên mãn, nên quán sát kiến sở đoạn.

Thế nào là tu sở đoạn? Bao nhiêu là tu sở đoạn? Vì nghĩa gì nên quán tu sở đoạn? Là sau khi được kiến đạo, các pháp hữu lậu trái với kiến sở đoạn, là nghĩa của tu sở đoạn. Nói trái với kiến sở đoạn, nghĩa là các pháp hữu lậu khác trừ phân biệt khởi các kiến nhiễm ô v.v... Pháp hữu lậu cũng gồm tùy thuận quyết trách phần thiện vì có thô trọng đi theo.. Tất cả, một phần, là tu sở đoạn. Một phần, là trừ kiến sở đoạn và pháp vô lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã tu viên mãn, nên quán sát tu sở đoạn.

Thế nào là phi sở đoạn? Bao nhiêu là phi sở đoạn? Vì nghĩa gì nên quán phi sở đoạn? Là các pháp vô lậu trừ quyết trách phần thiện, là phi sở đoạn. Pháp vô lậu, là xuất thế Thánh đạo và hậu sở đắc và pháp vô vi. Mười giới, 4 xứ, một phần các uẩn, là phi sở đoạn.

Hỏi: Những sắc thanh nào là phi sở đoạn?

Đáp: Tự tính thiện nghiệp của thân ngữ trong thân vô học là phi sở đoạn. Để xả bỏ chấp trước ngã thành mãn, nên quán sát phi sở đoạn.

Thế nào là duyên sinh? Bao nhiêu là duyên sinh? Vì nghĩa gì nên quán duyên sinh? Là tướng, là phân biệt chi, là lược nhiếp chi, là kiến lập chi duyên, là kiến lập chi nghiệp, là chi tạp nhiễm nhiếp, là nghĩa, là thậm thâm, là sai biệt, là thuận nghịch, đó là nghĩa của duyên sinh.

Tướng, nghĩa là vô tác duyên sinh, là vô thường duyên sinh, là thể dụng duyên sinh, đó là tướng của duyên sinh. Do tướng này nên Bạc-già-phạm nói: Đây có nên kia có. Đây sinh nên kia sinh. Nghĩa là vô minh duyên hành cho đến nói rộng. Đây có nên kia có, là hiển thị nghĩa của vô tác duyên sinh. Chỉ do có duyên nên có quả pháp. Chẳng phải duyên có thật tác dụng có thể sinh quả pháp. Đây sinh nên kia sinh, là hiển thị nghĩa của vô thường duyên sinh. Vì chẳng phải pháp vô sinh làm nhân nên ít sở sinh pháp được thành lập. Vô minh duyên hành v.v..., là hiển thị nghĩa của thể dụng duyên sinh. Tuy các pháp là vô tác vô thường, nhưng không theo một pháp làm duyên nên tất cả quả sinh. Sở dĩ vì sao? Vì các pháp có công năng sai biệt, như từ sức vô minh nên các hành sinh, cho đến sức của sinh nên có lão tử. Phân biệt chi, nghĩa là phân biệt duyên sinh làm 12 phần bởi 12 chi duyên khởi khác nhau. Những gì là 12? Là vô minh, hành, thức, danh sắc, 6 xứ, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh và lão tử.

Lược nhiếp chi, nghĩa là trước có phân biệt vô minh v.v... 12 chi. Nay lại lược gồm làm 4 nhân. Đó là năng dẫn chi, sở dẫn chi, năng sinh chi, và sở sinh chi. Chỉ do 4 thứ chi như vậy lược gồm tất cả pháp nhân quả sinh khởi. Nghĩa là khi ở trong nhân thì có năng dẫn sở dẫn, khi ở trong quả thì có năng sinh sở sinh. Năng dẫn chi, là vô minh, hành, thức làm sinh khởi đời vị lai. Đối với các cảnh giới đế lý trước tiên là vô trí tạo các hành nghiệp huân tập vào tâm. Sở dẫn chi, là danh sắc, 6 xứ, xúc, và thụ, do sức tập khí của tâm có thể khiến danh sắc v.v...trước sau dựa vào nhau thứ tự sinh khởi làm tăng trưởng chủng tử. Năng sinh chi, là ái, thủ, hữu, do ái lực của

dục v.v... chưa vĩnh đoạn nên ở trong dục còn ái lạc. Trước tiên là sự sai biệt giữa diêu hạnh và ác hạnh làm phát khởi tham dục. Do có hữu thủ thức nên nơi mạng chung vị sẽ cùng dị thực tùy thuận tham dục, tùy một nghiệp có tập khí hiện tiền. Sở sinh chi, là sinh, và lão tử. Do nghiệp sai biệt như vậy nên có tập khí hiện tiền. Tùy theo một thú, một đời v.v..., trong sai biệt chúng đồng phần như trước đã dẫn danh sắc v.v... mà dị thực sinh khởi. Sinh, lão tử nói hiển là dựa vào tam hữu làm tướng. Sở dĩ lão tử hợp làm 1 chi là hiển thị lia lão có tử, không phải như thai sinh trong thân lia danh sắc v.v... có các pháp của 6 xứ, nên đối với chúng đều lập ra chi riêng biệt.

Kiến lập chi duyên, là tập khí, là dẫn phát, là tư duy, là câu hữu. Kiến lập chi duyên là tùy theo thích ứng dựa vào tướng của 4 duyên kiến lập chi duyên. Hơn nữa như vô minh trông đợi hành, trước sinh tập khí cho nên được làm nhân duyên. Do tập khí kia liên tục sinh các nghiệp có thể tạo hậu hữu, khi ấy hiện hành vô minh có thể dẫn phát làm đẳng vô gián duyên. Do dẫn phát sai biệt kia, các hành lưu chuyển liên tục sinh, tư duy kia làm sở duyên duyên. Do chấp tối thắng v.v... không như lý tư duy, duyên ngu si vị làm cảnh giới, kia câu hữu nên làm tăng thượng duyên. Do sức tăng thượng kia khiến tương ưng tư duy điên đảo duyên cảnh mà tạo tác. Như vậy tất cả tùy chỗ thích ứng cần phải biết hết.

Kiến lập chi nghiệp, là vô minh chi có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình ở trong ngu si. 2. Cùng với hành làm duyên. Khiến các hữu tình ở trong ngu si, nghĩa là do chúng ngăn che, trong đời trước đời này đời sau không biết được như thật. Do nhân duyên ấy nên khởi nghi như vậy: Trong đời quá khứ có ta hay không có ta v.v... Cùng với hành làm duyên, nghĩa là do thế lực kia khiến nghiệp hậu hữu được tăng trưởng. Hành có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình ở trong các thú có nhiều thứ sai biệt. 2. Cùng với thức làm duyên. Khiến các hữu tình ở trong các thú có nhiều thứ sai biệt, nghĩa là do

thể lực của nghiệp khiến các hữu tình đến các thú khác nhau. Cùng với thức làm duyên, nghĩa là do sức của tập khí có thể khiến về sau danh sắc v.v...chúng tử sinh khởi được tăng trưởng. Thức có 2 thứ nghiệp: 1. Giữ các nghiệp trôi buộc của hữu tình. 2. Tác duyên với danh sắc. Giữ các nghiệp trôi buộc của hữu tình, nghĩa là cùng voéi hành dắt dẫn tập khí cùng sinh diệt. Tác duyên với danh sắc, nghĩa là do thức nhập vào thai mẹ danh sắc được tăng trưởng. Danh sắc có 2 thứ nghiệp: 1. Nhiếp giữ tự thể các hữu tình. 2. Tác duyên với 6 xứ. Nhiếp giữ tự thể hữu tình, là do kia sinh rồi được dự vào số chúng đồng phần sai biệt của hữu tình. Tác duyên với 6 xứ, là do sắc v.v... các chi trước làm y chỉ 6 xứ v.v... các chi sau được sinh khởi. Sáu xứ lại có 2 thứ nghiệp: 1. Nhiếp giữ tự thể viên mãn của các hữu tình. 2. Tác duyên với xúc. Nhiếp giữ tự thể viên mãn của các hữu tình, là do kia sinh rồi các căn không thiếu. Xúc có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình lưu chuyển trong cảnh giới sở thụ dụng. 2. Tác duyên với thụ. Khiến các hữu tình lưu chuyển trong cảnh, nghĩa là dựa vào đây làm cửa ngõ thụ dụng thuận lạc thụ v.v... 3 thứ cảnh giới. Thụ có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hữu tình lưu chuyển trong quả do sở thụ dụng sinh. 2. Tác duyên với ái. Khiến hữu tình lưu chuyển trong quả do sở thụ dụng sinh, nghĩa là do đây làm chỗ dựa thụ dụng các thứ nghiệp dị thực khả ái. Làm duyên với ái, nghĩa là mong cầu hòa hợp với đây làm cửa ngõ các ái sinh. Ái có 2 thứ nghiệp: 1. Dẫn các hữu tình lưu chuyển sinh tử. 2. Tác duyên với thủ. Dẫn các hữu tình lưu chuyển sinh tử, nghĩa là do thể lực ấy sinh tử lưu chuyển không đoạn dứt. Tác duyên với thủ, nghĩa là ái vị cầu dực làm cửa ngõ, trong dực v.v... tham dực chuyển. Thủ có 2 thứ nghiệp: 1. Vì thủ hậu hữu khiến các hữu tình phát hữu thủ thức. 2. Tác duyên với hữu. Vì thủ hậu hữu phát hữu thủ thức, nghĩa là vì Na-lạc-ca thú v.v... sai biệt nên hậu hữu nối tiếp nhau không dứt khiến nghiệp tập khí được quyết định. Tác duyên với hữu, nghĩa là do thể lực ấy các tập khí của hành được chuyển biến. Hữu có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến các hậu hữu của các

hữu tình hiện tiền. 2. Tác duyên với sinh. Khiến hậu hữu hiện tiền, nghĩa là có thể dẫn không gián đoạn đến các thú. Tác duyên với sinh, nghĩa là do thế lực đó các chúng đồng phần khác chuyển. Sinh có 2 thứ nghiệp: 1. Khiến danh sắc, 6 xứ, xúc, thụ của các hữu tình thứ tự sinh khởi. 2. Tác duyên với lão tử. Khiến danh sắc v.v... thứ tự khởi, nghĩa là có thể dẫn các hậu vị sai biệt sau này. Tác duyên với lão tử, nghĩa là do có sinh này nên các biến hoại liên tục kia đều được hiện hữu. Lão tử có 2 thứ nghiệp: 1. Thường khiến thời phần biến hoại của hữu tình ít thịnh. 2. Thường khiến thọ mạng của hữu tình biến hoại.

Chi tạp nhiễm nhiếp, nghĩa là như vô minh, ái, thủ là gồm trong phiền não tạp nhiễm. Như hành, thức, hữu là gồm trong nghiệp tạp nhiễm. Ngoài ra là gồm trong sinh tạp nhiễm.

Hỏi: Vì sao thức chi gồm trong nghiệp tạp nhiễm?

Đáp: Vì tạp khí các hành hiển lộ.

Nghĩa, nghĩa là nghĩa vô tác giả, nghĩa có nhân, nghĩa ly hữu tình, nghĩa y tha khởi, nghĩa vô tác dụng, nghĩa vô thường, nghĩa có sát-na, nghĩa nhân quả liên tục không dứt, nghĩa nhân quả tương tự nhiếp thụ, nghĩa nhân quả sai biệt, nghĩa nhân quả quyết định, đó là nghĩa của duyên khởi. Nghĩa là lìa bỏ Tự tại thiên v.v... là tác giả, đó là nghĩa của vô tác giả. Vì vô minh v.v... là nhân nên đó là nghĩa của có nhân. Vì không có ngã tự nhiên, nên đó là nghĩa của ly hữu tình. Nhờ các duyên mà sinh, đó là nghĩa của y tha khởi. Tác dụng của các duyên là không, đó là nghĩa của vô tác dụng. Vì không phải hằng thường, nên đó là nghĩa của vô thường. Thời gian sinh qua rồi không tạm dừng, là nghĩa của có sát-na. Thời phần của nhân sát-na diệt quả sát-na sinh v.v... là nghĩa của nhân quả liên tục liên tục không dứt. Không từ tất cả mà tất cả sinh, là nghĩa của nhân quả tương tự nhiếp thụ. Từ không phải nhất nhất loại nhân, nhất phi nhất loại quả sinh, là nghĩa của nhân quả sai biệt. Trong các tương tục khác không thụ quả,

là nghĩa của nhân quả quyết định. Thâm thâm, là nhân thâm thâm, tướng thâm thâm, sinh thâm thâm, trụ thâm thâm, chuyển thâm thâm, đó là nghĩa của thâm thâm. Nghĩa là do nghĩa vô tác giả v.v...hiển rõ 5 thứ thâm thâm của pháp duyên khởi. Do 2 thứ nghĩa hiển rõ nhân thâm thâm, vì đối trị luận bất bình đẳng nhân và vô nhân. Do một thứ nghĩa hiển rõ tướng thâm thâm, là tướng vô ngã. Do 2 thứ nghĩa hiển thị sinh thâm thâm. Tuy từ các duyên mà quả pháp được sinh, nhưng chẳng phải do chúng làm ra. Do 2 nghĩa hiển thị trụ thâm thâm, thật không an lập vì hiển hiện tựa trụ. Do 4 nghĩa hiển chuyển thâm thâm, vì nhân quả lưu chuyển khó hiểu rõ. Lại nữa các pháp duyên khởi tuy sát-na diệt mà có thể trụ được, tuy không tác dụng duyên mà có thể có được công năng duyên, tuy ly hữu tình mà có được hữu tình, tuy không có tác giả mà có thể có được các nghiệp quả không hoại, cho nên là thâm thâm. Nghiệp quả không hoại, nghĩa là tuy trong không có tác giả mà có tác nghiệp thụ quả báo kia. Lại nữa các pháp không từ tự sinh, không từ tha sinh, không từ cộng sinh, chẳng phải không tự tác nhân tha tác nhân sinh, cho nên là thâm thâm. Không từ tự sinh, nghĩa là tất cả pháp không phải tự sở tác, vì khi chúng chưa sinh không có tự tính. Không từ tha sinh, nghĩa là vì các duyên kia không phải là tác giả. Không từ cộng sinh, nghĩa là tức 2 nhân này. Chẳng phải không tự tác nhân tha tác nhân sinh, nghĩa là duyên trông mong quả sinh có công năng. Lại nữa có sai biệt, nghĩa là đợi các duyên mới sinh, nên chẳng phải tự tác. Tuy có các duyên mà không chủng tử cũng không sinh, nên chẳng phải tha tác. Chúng đều không có tác dụng, nên chẳng phải cộng tác. Chủng tử và các duyên đều có công năng, nên chẳng phải không nhân mà sinh. Vì vậy cho nên nói có tự chủng nên không từ tha, đợi các duyên nên chẳng phải tự tác, không tác dụng nên chẳng phải cộng sinh, có công năng nên chẳng phải không nhân. Nếu lý duyên khởi là phi tự phi tha, thì khiến trừ 2 câu hãy còn thâm thâm, huống nữa bỏ hết 4 câu. Cho nên duyên khởi là cực kỳ thâm thâm.

Sai biệt, nghĩa là thức sinh sai biệt, nội tử sinh sai biệt, vô ngoài sinh sai biệt, thành hoại sai biệt, thực trì sai biệt, ái phi ái thú phân biệt sai biệt, thanh tịnh sai biệt, oai đức sai biệt, đó là nghĩa của sai biệt. Thức sinh sai biệt, nghĩa là mắt duyên sắc sinh nhãn thức. Như vậy v.v..nội tử sinh sai biệt là dựa vào hữu tình thế gian mà nói. Nghĩa là vô minh v.v... là duyên sinh hành v.v... Vô ngoài sinh sai biệt, nghĩa là hạt duyên mầm, mầm duyên chồi, như vậy lần lượt đến lá cành hoa quả lần lượt sinh. Thành hoại sai biệt, nghĩa là sức tăng thượng của công nghiệp của tất cả hữu tình là duyên đại địa v.v... sinh. Thực trì sai biệt, nghĩa là 4 cách ăn là duyên mà nhờ đó hữu tình trong 3 cõi tương tục tồn tại. Ái phi ái thú phân biệt sai biệt, nghĩa là diệu hạnh ác hạnh là duyên đi đến thiện thú ác thú. Thanh tịnh sai biệt, nghĩa là thuận giải thoát phần thiện là duyên sinh thuận quyết trạch phần thiện. Như vậy kiến đạo v.v... dần dần cho đến được quả A-la-hán v.v... Hoặc nghe âm thanh người khác từ bên ngoài, trong như lý tác ý là duyên phát sinh chính kiến lần lượt cho đến vĩnh viễn hết các lậu. Oai đức sai biệt, nghĩa là nội chứng là duyên phát sinh thần thông v.v... công đức tối thắng. Do các sai biệt này nên tùy theo đó nói rộng duyên khởi các hành.

Thuận nghịch, là tạp nhiễm thuận nghịch, thanh tịnh thuận nghịch. Tức là nói thuận nghịch của duyên khởi. Tạp nhiễm thuận nghịch, nghĩa là hoặc dựa vào lưu chuyển lần lượt nói như vô minh duyên hành, như vậy thuận theo thứ tự nói. Hoặc dựa vào an lập để mà nói như lão tử khổ, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử thú diệt hành, như vậy nghịch thứ tự nói. Phải quán nghĩa của duyên sinh khởi như vậy. Tất cả đều là duyên sinh, chỉ trừ pháp giới pháp xứ, một phần của các pháp vô vi. Để xả bỏ chấp trước ngã không có nhân, nhân không bình đẳng, nên quán sát duyên sinh.

Thế nào là duyên, có bao nhiêu là duyên, vì nghĩa gì nên quán duyên? Là nhân, là đẳng vô gián, là sở duyên, là tăng thượng, đó là nghĩa của duyên, tất cả là duyên. Để xả bỏ chấp trước ngã là nhân

pháp, nên quán sát duyên. Nhân duyên, nghĩa là thức A-lại-da và tập khí thiện cùng các pháp hữu lậu vô lậu theo thứ tự của nó là nhân duyên. Thức A-lại-da lại có 2 thứ là dị thực và gia hành. Dị thực, là nhân duyên các pháp sinh đắc. Gia hành, là các pháp phương tiện và các nhân duyên của thức A-lại-da đời sau. Lại nữa gia hành thức A-lại-da, là chỗ huân tập các chuyển thức hiện hành trong đời này. Thiên tập khí, là tập khí của thuận giải thoát phần. Do tập khí này dùng xuất thế gian chứng pháp đẳng lưu làm duyên sinh nên có thể làm nhân duyên với pháp xuất thế. Lại nữa, tự tính, sai biệt, trợ bạn, đẳng hành, tăng ích, chướng ngại, nhiếp thụ, là tướng của nhân duyên. Phải biết rằng trong đây lấy lấy tự tính v.v... 6 thứ tướng của nhân hiển thị nghĩa của nhân duyên. Nghĩa là 2 câu tự tính, sai biệt kiến lập nhân năng tác. Các câu khác theo thứ tự của nó kiến lập nhân câu hữu, tương ưng, đồng loại, biến hành, và dị thực.

Tự tính, nghĩa là tự tính của nhân năng tác, vì dựa vào tự tính của nhân kiến lập nhân năng tác. Phải biết rằng tất cả nhân đều gồm trong nhân năng tác. Để hiển thị nghĩa sai biệt, nên lại kiến lập riêng nhân trợ bạn v.v...

Sai biệt, nghĩa là sai biệt của nhân năng tác. Sai biệt lược có 20 thứ: 1. Sinh năng tác, nghĩa là thức hòa hợp trông ngóng thức, do hòa hợp này tạo ra vì vốn không nay có. 2. Trụ năng tác, nghĩa là cái ăn trông ngóng đã sinh và cầu sinh hữu tình, do thế lực này sinh rồi nối tiếp không dứt. 3. Trì năng tác, nghĩa là đại địa trông ngóng hữu tình, chuyên chờ khiến không rơi rụng. 4. Chiếu năng tác, nghĩa là ngọn đèn trông ngóng các sắc làm sáng tỏ tối tăm. 5. Biến hoại năng tác, nghĩa là lửa ngóng trông củi, khiến nó liên tục đổi khác. 6. Phân ly năng tác, nghĩa là lưỡi liềm trông đợi cái gì để cắt đứt, khiến vật dính liền thành ra 2 đoạn. 7. Biến chuyển năng tác, nghĩa là trí công xảo trông tìm các vật vàng bạc v.v... chuyển đổi nó thành ra tướng khác. 8. Tín giải năng tác, nghĩa là khói trong ngóng lửa, do đó so sánh biết

cái không hiện thấy. 9. Hiên liễu năng tác, nghĩa là tông, nhân, dụ trông mong thành nghĩa, do đó được chính quyết định. 10. Đẳng chí năng tác, nghĩa là Thánh đạo mong cầu Niết-bàn, do đây chứng kia. 11. Tùy thuyết năng tác, nghĩa là danh, tướng, kiến. Do như danh tự, thủ tướng, chấp trước tùy khởi mà nói. 12. Quán đãi năng tác, nghĩa là quán đợi nơi đây muốn cầu sinh nơi kia. Như đói khát đợi cầu ăn uống. Do đây là nhân muốn sinh kia. 13. Chiêu dẫn năng tác, nghĩa là duyên xa, như vô minh trông ngóng lão tử, do đây khác vị lần lượt chiêu cảm cái sẽ có. 14. Sinh khởi năng tác, nghĩa là duyên gần, như vô minh trông ngóng hành, do đây không gián đoạn sinh cái sẽ có. 15. Nhiếp thụ năng tác, nghĩa là ngoài ra các duyên khác, như ruộng, nước, phân v.v... trông đợi lúa mọc v.v... tuy hạt giống mọc nhưng tăng sức cho hạt giống. 16. Dẫn phát năng tác, nghĩa là duyên tùy thuận, như bề tôi thờ vua làm cho vua vui lòng, do tùy thuận dẫn phát. 17. Định biệt năng tác, nghĩa là duyên sai biệt, như duyên ngũ thú trông đợi quả ngũ thú, do tự tính sai biệt chiêu cảm quả khác nhau. 18. Đồng sự năng tác, nghĩa là duyên hòa hợp, như căn không hoại cảnh giới hiện tiền. Chính khi tác ý khởi là trông mong sinh thức. Bởi thành tự sở tác là phải đợi các năng tác. 19. Tương vi năng tác, nghĩa là duyên chướng ngại, như mưa đá trông lúa má, vì có thể làm tổn hại chúng. 20. Bất tương vi năng tác, nghĩa là không chướng ngại, như lúa má không chướng ngại với trái nghịch ở trên. Ở đây trong năng tác nhân sai biệt chỉ nói thức hòa hợp v.v... là chỉ nêu lên cương yếu để các trí giả dựa theo cách này loại suy những cái khác.

Trợ bạn, nghĩa là các pháp cộng hữu mà sinh ắt không khuyết giảm, như 4 đại chủng và sở tạo sắc tùy chỗ thích ứng, không phải tất cả tụ phải có 4 đại và sắc v.v... tạo ra. Nếu ở nơi đó thì có sở lượng. Đây chắc chắn không tách rời câu sinh.

Đẳng hành, nghĩa là các pháp cộng hữu bình đẳng hành sở duyên ắt không khuyết giảm. Như tâm tâm pháp trước thuộc trợ bạn,

quyết định kiến lập trong câu hữu nhân, chỉ nói đại chung và sở tạo sắc là đây chỉ lược nêu cương mục bởi tâm tâm pháp có tính không tách rời nhau quyết định cho nên cũng gồm trong trợ bạn. Nếu vậy không nên biệt lập tương ưng nhân, vì các tâm tâm pháp cũng gồm trong cộng hữu nhân. Tuy vậy nhưng nghĩa có khác. Nghĩa là các pháp cộng hữu, đẳng hành, sở duyên không tách rời nhau. Đẳng hành này vẫn lập tương ưng nhân không phải chỉ có nghĩa cộng hữu như tâm tâm pháp.

Tăng ích, nghĩa là đời trước tu tập pháp thiện bất thiện vô ký nên có thể khiến đời sau các pháp thiện v.v... lần lượt tăng trưởng sinh khởi về sau. Đời trước tu tập, có nghĩa là hiện hành những gì trước đã thường tu tập. Đời sau lần lượt tăng trưởng sinh khởi về sau, nghĩa là do trước kia trưởng dưỡng các chủng tử nên đời vị lai các chủng loại đó tăng trưởng mà sinh khởi. Như vậy các pháp có thể làm nhân tương tự tăng trưởng, cho nên lập đồng loại nhân.

Chướng ngại, nghĩa là tùy chỗ thường tập các phiền não nên tùy chỗ có hoặc đều được liên tục tăng trưởng kiên cố rồi khiến liên tục xa lánh Niết-bàn. Nhân biến hành này chẳng phải chỉ khiến tương tự phiền não tăng trưởng. Sở dĩ vì sao? Nếu có tùy tập tham v.v... các phiền não thì đều khiến sân v.v... tất cả phiền não liên tục tăng trưởng kiên cố. Do sự trói buộc sâu nặng này nên chướng ngại giải thoát. Vì vậy kiến lập biến hành nhân.

Nhiếp thụ, nghĩa là các pháp bất thiện và thiện hữu lậu có thể nhiếp thụ tự thể, nên đó tức là nhân dị thực. Do đó có thể dẫn nhiếp hoàn toàn không tương tự trong vị lai. Tự thể của vô phú vô ký bao gồm quả dị thực cho nên đó tức là nghĩa của nhiếp thụ kiến lập dị thực nhân. Thiện hữu lậu là gián biệt vô lậu, do trái nghịch sinh tử cho nên không thể chiêu cảm quả dị thực.

HẾT QUYỂN 4

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 5

Phẩm 1 – 5: PHẨM 3 PHÁP TRONG BẢN SỰ PHẦN

Đẳng vô gián duyên, nghĩa là trung gian không gián cách, bình đẳng không gián đoạn, đồng phần dị phần tâm tâm pháp sinh bình đẳng không gián đoạn, là nghĩa của đẳng vô gián duyên. Trung gian không gián cách, bình đẳng không gián đoạn, nghĩa là bất tất trong sát-na không gián cách mà tuy sát-na gián cách chỉ không có dị tâm gián cách cũng gọi là trung gian không gián cách. Nếu không như vậy thì nhập vô tâm định tâm trông đợi xuất định tâm phải chẳng còn là đẳng vô gián duyên. Nhưng là duyên của nó cho nên trong một tương tục có tâm trước trông ngóng tâm sau. Trung gian không có các tâm khác gián cách, là đẳng vô gián duyên. Giống như tâm trông ngóng tâm, tâm pháp phải biết cũng như vậy. Đồng phần dị phần tâm tâm pháp sinh bình đẳng không gián đoạn, nghĩa là thiện tâm tâm pháp trông ngóng đồng phần thiện dị phần bất thiện và vô ký không gián đoạn sinh tâm tâm pháp, là đẳng vô gián duyên. Như vậy bất thiện vô ký tâm tâm pháp trong ngóng đồng phần dị phần không gián đoạn sinh tâm tâm pháp cũng như vậy. Lại nữa Dục giới tâm tâm pháp trông ngóng Dục, Sắc, Vô sắc giới và vô lậu không gián đoạn sinh tâm tâm pháp, là đẳng vô gián duyên. Như vậy Sắc giới v.v... tâm tâm pháp mỗi mỗi đều trông ngóng riêng sắc giới v.v... và Dục giới v.v... không gián đoạn sinh tâm tâm pháp tùy theo chỗ thích ứng đều phải biết hết.

Hỏi: Là tất cả tâm không gián đoạn tất cả tâm sinh, hay là có quyết định riêng biệt ư?

Đáp: Có. Nay trong đây nếu nói rộng riêng biệt tâm không gián đoạn như vậy tâm sinh như vậy thì nói nhiều vô lượng. Cho nên chỉ tổng quát kiến lập sơ lược tướng sinh khởi của tâm. Nghĩa là các tâm sinh khởi do 10 sức: 1. Sức do quán tập. 2. Sức do lạc dục. 3. Sức do phương tiện. 4. Sức do đẳng chí. 5. Sức do dẫn phát. 6. Sức do nhân. 7. Sức do cảnh giới. 8. Sức do nghĩ nhớ. 9. Sức do tác ý. 10. Sức do sự liên tục.

Sức quán tập, lại có 3 thứ là hạ phẩm trung phẩm thượng phẩm. Nếu trong các định chưa hiểu rõ tướng nhập trụ xuất, đó là hạ phẩm. Tuy đã hiểu rõ chưa quán tập tốt, đó là trung phẩm. Đã hiểu rõ rồi lại quán tập tốt, đó là thượng phẩm. Nếu có sức quán tập hạ phẩm thì đối với các tĩnh lực, các Vô sắc định chỉ có thể theo thứ tự nhập. Nếu có sức quán tập trung phẩm cũng có thể siêu việt nhập, nhưng chỉ có thể phương tiện siêu việt một khoảng. Nếu có sức quán tập thượng phẩm thì tùy ý muốn hoặc siêu vượt tất cả, hoặc thuận hoặc nghịch nhập các đẳng chí.

Sức lạc dục, nghĩa là người đã được đệ nhị tĩnh lực nhập sơ tĩnh lực rồi nếu muốn dùng tâm đệ nhị tĩnh lực địa xuất, hoặc muốn dùng tâm Dục giới thiện và vô phú vô ký xuất, liền có thể hiện tiền mà xuất định. Như vậy cho đến nói rộng. Ngoài ra tất cả địa khác như lý phải biết.

Sức phương tiện, nghĩa là người mới tu hành chỉ Dục giới thiện tâm vô gián thì Sắc giới tâm sinh. Vị chí định thiện tâm vô gián thì sơ căn bản tĩnh lực tâm sinh. Sơ căn bản tĩnh lực thiện tâm vô gián thì đệ nhị tĩnh lực địa tâm sinh. Như vậy nói rộng cho đến Hữu định đều như lý mà biết.

Sức đẳng chí, nghĩa là đã nhập thanh tịnh Tam-ma-bát-đề, hoặc có khi trở lại sinh thanh tịnh đẳng chí, hoặc có khi sinh nhiễm.

Sức dẫn phát, nghĩa là từ Tam-ma-địa khởi cho đến hiện hành địa địa tâm với bất định sát-na tâm xen tạp tùy chuyển. Cho đến do phiền não trái nhau của chúng hiện hành nên liền thoái mất tâm tương ưng với phiền não trái nhau này. Lại nữa do nhân v.v... 4 sức mới được hiện hành.

Sức của nhân, là trước do tích tập có thể thoái chương nên quyết định phải thoái.

Sức của cảnh giới, nghĩa là tịnh tướng của thể lực tăng thượng cảnh giới hiện tiền, cho nên có thể tùy thuận sinh tham v.v... các phiền não.

Sức nghĩ nhớ, nghĩa là nghĩ nhớ phân biệt các cảnh giới quá khứ mà sinh hý luận.

Sức tác ý, nghĩa là do quán sát tác ý tư duy các thứ tướng mạo tịnh diệu.

Sức tương tục có 9 thứ. Mạng chung tâm với tự thể ái tương ưng, trong 3 cõi đều khiến sinh tương tục Dục, Sắc, Vô sắc giới. Nghĩa là người từ Dục giới chết trở lại sinh Dục giới, là vì Dục giới tự thể ái tương ưng, mạng chung tâm kết sinh tương tục. Cũng giống như vậy từ Sắc, Vô sắc giới chết tức sinh nơi ấy hoặc sinh nơi khác. Có 6 thứ tâm tùy theo chỗ thích ứng đều phải biết hết. Lại nữa cái tự thể ái này chỉ là câu sinh, không biết cảnh sở duyên, ở trong tính hữu phú vô ký mà có thể phân biệt tự thể của ngã, sinh cảnh giới sai biệt. Do thể lực này các dị sinh khiến trong vô gián có tương tục. Các Thánh giả chưa lìa dục cũng vậy, khi sắp sửa mạng chung cho đến khi chưa đạt tới địa vị không minh liễu tướng, trong khoảng trung gian đó có thể khởi hiện hành ái này, nhưng có thể hiểu rõ dùng sức đối trị mà nhiếp phục. Các Thánh giả đã lìa dục có sức đối trị mạnh nên tuy chưa vĩnh đoạn nhưng cái ái này không trở lại hiện hành. Chúng do thể lực của tùy miên khiến tương tục trong trung hữu. Sát-

na tương tục đầu tiên chỉ có vô phú vô ký, do đó nó gồm trong dị thực. Từ đó về sau, hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký là tùy chỗ thích ứng trừ một tâm của nó, bởi một tâm của trung hữu thường là nhiễm ô. Cũng như sát-na của tử hữu, sinh hữu, tương tục tâm cũng chỉ có vô phú vô ký. Nếu là nguyên lực của các Bồ-tát thụ sinh thì mạng chung các tâm ấy đều hoàn toàn là thiện. Đã nói xong nghĩa của nhân luận, sinh luận, đẳng vô gián duyên.

Sở duyên duyên, nghĩa là cảnh sở duyên có phân tề, cảnh sở duyên không phân tề, cảnh sở duyên không hành tướng khác, cảnh sở duyên có hành tướng khác, cảnh sở duyên hữu sự, cảnh sở duyên vô sự, sự sở duyên, phân biệt sở duyên, sở duyên có điên đảo, sở duyên không điên đảo, sở duyên hữu ngại, sở duyên vô ngại, đó là nghĩa của sở duyên duyên.

Cảnh sở duyên có phân tề, nghĩa là cảnh giới sở duyên của 5 thức thân, bởi 5 thức thân đều có cảnh giới riêng biệt. Cảnh sở duyên không phân tề, nghĩa là cảnh giới sở duyên của ý thức, bởi ý thức thân duyên tất cả pháp làm cảnh giới.

Cảnh sở duyên không hành tướng khác, nghĩa là không thể hiểu rõ danh tướng chúng sinh, ý thức sở duyên cảnh giới do nó đối với cảnh không thể làm ra danh tự. Cảnh sở duyên có hành tướng khác, là trái ngược với đây.

Cảnh sở duyên hữu sự, là các cảnh giới sở duyên trừ kiến, mạn và pháp tương ưng với đây. Cảnh sở duyên vô sự, cảnh giới sở duyên đã trừ ở trước, vì do kia khởi nơi ngã. Sự sở duyên, là các cảnh giới sở duyên trừ vô lậu duyên không đồng phần giới địa biến hành nơi sự không quyết liễu và vị lai sở duyên. Phân biệt sở duyên, là cảnh giới sở duyên đã trừ ở trước, bởi chúng chỉ duyên tự sở phân biệt làm cảnh giới. Sở duyên có điên đảo, là thường đẳng hành với cảnh sở duyên. Sở duyên không điên đảo là không thường đẳng hành với cảnh sở duyên. Sở duyên hữu ngại, là người chưa

đoạn sở tri chướng duyên cảnh giới. Sở duyên vô ngại, là người đã đoạn sở tri chướng duyên cảnh giới. Lại nữa, nếu muốn quyết trạch nghĩa sở duyên duyên thì nên dùng tướng, dùng sai biệt, dùng an lập, dùng biến tri, dùng đoạn. Tướng kiến lập sở duyên, nghĩa là như nghĩa tựa như đây hiển hiện sinh nhân của tâm tâm pháp, khi đã sinh rồi lại có thể chấp trước, hiển rõ nội chứng nghĩa này là tướng của sở duyên. Sai biệt có 29 thứ: 1. Phi hữu sở duyên, là tâm tâm pháp điên đảo và duyên các cảnh giới sở duyên trong quá khứ, vị lai, trong chiêm bao và ảo ảnh. 2. Hữu sở duyên, là các cảnh giới sở duyên khác. 3. Vô sở duyên duyên, là sắc, tâm bất tương ưng hành, vô vi. 4. Hữu sở duyên duyên, là tâm, tâm pháp. 5. Chính tính sở duyên, là thiện pháp. 6. Tà tính sở duyên, là nhiễm ô pháp. 7. Phi chính tính phi tà tính sở duyên, là vô phú vô ký pháp. 8. Như lý sở duyên, là thiện tâm tâm pháp. 9. Bất như lý sở duyên, là nhiễm ô tâm tâm pháp. 10. Phi như lý phi bất như lý sở duyên, là khác các tâm tâm pháp này. 11. Đồng loại sở duyên, là thiện v.v... duyên thiện v.v..., tự địa duyên tự địa, hữu lậu duyên hữu lậu, vô lậu duyên vô lậu, v.v... 12. Dị loại sở duyên, là thiện v.v... duyên bất thiện v.v..., các địa khác duyên các địa khác, hữu lậu vô lậu duyên vô lậu hữu lậu, v.v... 13. Dị tính sở duyên, là tâm tâm pháp sở duyên có tâm có tứ. 14. Uy thế sở duyên, là vô tướng và cảnh giới sở duyên của phương tiện tâm tâm pháp nơi đó, và cảnh giới sở duyên của không vô biên xứ, thức vô biên xứ. Trong đó 2 câu đầu là có thể trừ tướng nên gọi là uy thế. Ngoài ra tính lớn nên gọi là uy thế. 15. Lược tế sở duyên, là cảnh giới sở duyên của vô sở hữu xứ. 16. Cực tế sở duyên, là sở duyên của phi tướng phi phi tướng. Vì quá đây không còn tính cực kỳ vi tế nữa. 17. Phiền não sở duyên, tức là đây có thể có sở duyên, như trong kinh nói đoạn diệt sở duyên. 18. Pháp sở duyên, là các Thánh giáo danh cú văn thân. 19. Nghĩa sở duyên, là dựa vào pháp nghĩa này. 20. Hiệp tiểu sở duyên, là Thanh Văn thừa v.v... 21. Quảng đại sở duyên, là Đại thừa. 22.

Tướng sở duyên, là tướng chỉ, cử, xả. 24. Vô tướng sở duyên, là Niết-bàn và đệ nhất hữu. 25. Chân thật sở duyên, là chân như và 16 hành sở duyên các đế. 26. An trụ sở duyên, là diệt tận định và định phương tiện tâm tâm pháp sở duyên. 27. Tự tại sở duyên, là giải thoát v.v... cho đến nhất thiết chủng trí các công đức sở duyên. 28. Tu du sở duyên, là sở duyên của vô học chỉ đây sinh. 29. Tùy chuyển sở duyên, là cảnh giới sở duyên của Phật Bồ-tát.

An lập, nghĩa là thể của cảnh sở duyên chẳng phải chân thật vì chỉ an lập. Do 4 thứ nhân mà biết thể của cảnh sở duyên chẳng phải chân thật. Nghĩa là trái với tướng của thức nên không có cảnh sở duyên. Thức có thể được nên không do dụng công, ứng vô đảo nên tùy theo 3 trí chuyển. Do đạo lý này, thể tính của năng thủ cũng chẳng phải chân thật. Ba trí là tự tại trí, quan sát trí, và vô phân biệt trí. Để làm rõ 4 nhân nên nói bài tụng như sau:

*Quý, bàng sinh, người, trời
 Đều tùy theo chỗ ứng,
 Đẳng sự tâm khác nên
 Có nghĩa chẳng chân thật.
 Như các việc quá khứ,
 Chiêm bao, cùng ảnh tượng,
 Tuy sở duyên, chẳng thật
 Mà tướng cảnh thành tựu.
 Nếu nghĩa thành nghĩa tính,
 Không trí vô phân biệt,
 Đây nếu không Phật quả,
 Chứng đắc, không đúng lý.
 Được tự tại Bồ-tát,
 Vì do sức nguyện giải.
 Như dục địa ... được thành,
 Người được định cũng vậy.*

*Người thành tựu giản trạch,
 Người có trí được định,
 Tư duy tất cả pháp,
 Như nghĩa đều hiển hiện.
 Hành trí vô phân biệt,
 Các nghĩa đều không hiện.
 Phải biết không có nghĩa,
 Do đó cũng không thức.*

Biên tri, nghĩa là biết như thật cảnh sở duyên của tướng, sai biệt, an lập.

Đoạn, nghĩa là Thanh Văn v.v... và Đại thừa được chuyển y. Thanh Văn thừa v.v... được chuyển y tuy đối với sở duyên của uẩn giới xứ được giải thoát nhưng họ không được tự tại. Đại thừa được chuyển y thì được đủ 2 thứ đã nói. Sở duyên duyên thì tùy văn mà quyết trạch nghĩa.

Tăng thượng duyên, là nhiệm trì tăng thượng, là dẫn phát tăng thượng, là câu hữu tăng thượng, là cảnh giới tăng thượng, là sản sinh tăng thượng, là trụ trì tăng thượng, là thụ dụng quả tăng thượng, là thể gian thanh tịnh ly dục tăng thượng, là xuất thể thanh tịnh ly dục tăng thượng. Đó là nghĩa của tăng thượng duyên.

Nhiệm trì tăng thượng, nghĩa là phong luân v.v... trong thủy luân v.v... khí thể gian, trong đại chủng của hữu tình thể gian, trong các căn sở tạo, trong các thức v.v... Dẫn phát tăng thượng, nghĩa là cộng nghiệp của tất cả hữu tình ở trong khí thể gian, là nghiệp hữu lậu trong quả dị thực v.v... Câu hữu tăng thượng, nghĩa là tâm đối với tâm pháp tác ý, đối với tâm xúc nơi thụ v.v... Từ đây về sau tăng thượng dựa vào 22 căn kiến lập. Cảnh giới tăng thượng, nghĩa là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn ý căn do sức tăng thượng đây sinh sắc v.v... Sản sinh tăng thượng, nghĩa là nam căn

nữ căn do sức tăng thượng đây được nhập thai. Trụ trì tăng thượng, nghĩa là mạng căn do sức tăng thượng đây chúng đồng phần được trụ. Quả thụ dụng tăng thượng, nghĩa là khô căn, lạc căn, ưu căn, hỷ căn, xả căn do đây có thể thụ ái phi ái dị thực. Thế gian thanh tịnh ly dục tăng thượng, nghĩa là tín căn, cần căn, niệm căn, định căn, tuệ căn do đây chế phục các phiền não. Xuất thế thanh tịnh ly dục tăng thượng, nghĩa là sở kiến lập vị tri dục tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn do đây vĩnh hại các tùy miên.

Thế nào là đồng phần bỉ đồng phần, bao nhiêu là đồng phần bỉ đồng phần, vì nghĩa gì quán đồng phần bỉ đồng phần? Vì không lia thức chúng tương tự căn đối với cảnh tương tục sinh, lia thức tự nó tương tự tương tục sinh, đó là nghĩa của đồng phần bỉ đồng phần. Ban đầu là đồng phần, các căn cùng với thức tương tự với thức tương tục sinh trong các cảnh giới do căn với thức có chuyên nghĩa tương tự nên gọi là đồng phần. Thứ hai là bỉ đồng phần, các căn lia thức tự loại tương tự tương tục sinh, do căn không hợp cùng thức chỉ tự thể tương tự tương tục sinh. Tướng của căn có nghĩa tương tự gọi là bỉ đồng phần. Một phần của sắc uẩn, một phần của nhãn v.v...5 hữu sắc giới xứ, là đồng phần bỉ đồng phần. Để xả bỏ chấp trước ngã với thức tương ưng không tương ưng, nên quán sát đồng phần bỉ đồng phần.

Thế nào là chấp thụ, bao nhiêu là chấp thụ, vì nghĩa gì nên quán sát chấp thụ? Nghĩa là sự thụ sinh được dựa vào sắc nên đó là nghĩa của chấp thụ. Nếu dựa vào sắc này thụ được sinh, đó gọi là chấp thụ. Một phần của sắc uẩn, toàn 5 hữu sắc giới xứ, và một phần của 4, là chấp thụ. Một phần của sắc uẩn, là căn trong căn cư xứ. Toàn 5 hữu sắc giới xứ, là nhãn v.v... Một phần của 4, là không lia căn sắc hương vị xúc. Để xả bỏ chấp trước thân tự tại chuyển ngã, nên quán sát chấp thụ.

Thế nào là căn, bao nhiêu là căn, vì nghĩa gì nên quán sát căn? Là thủ cảnh tăng thượng, là chúng tộc bất đoạn tăng thượng, là chúng đồng phần trụ tăng thượng, là thụ dụng tịnh bất tịnh nghiệp quả tăng

thượng, là thế gian ly dục tăng thượng, là xuất thế gian ly dục tăng thượng, đó là nghĩa của căn. Thủ cảnh tăng thượng, nghĩa là mắt v.v... 6 thứ do sức tăng thượng này đối với sắc v.v... các cảnh tâm tâm pháp chuyển. Chúng tộc bất đoạn tăng thượng, nghĩa là nam căn nữ căn do sức tăng thượng này, con cháu nối tiếp lưu chuyển không tuyệt, ngoài ra như đã nói trong phần tăng thượng duyên. Toàn thụ uẩn, thức uẩn, một phần sắc uẩn, hành uẩn, toàn 12 giới 6 xứ, một phần pháp giới pháp xứ, là căn. Một phần của sắc uẩn, là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn. Một phần của hành uẩn, là mạng căn, tín căn, cần căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Toàn 12 giới, là 6 căn và 6 thức giới. Toàn 6 xứ, là 6 xứ bên trong. Một phần pháp giới pháp xứ, là mạng và lạc v.v... tín v.v... 5 căn. Để xả bỏ chấp trước ngã tăng thượng, nên quán sát căn.

Thế nào là tính khổ khổ, bao nhiêu là tính khổ khổ, vì nghĩa gì nên quán tính khổ khổ? Là tự tướng của khổ thụ, là tự tướng của pháp tùy thuận khổ thụ, đó là nghĩa của tính khổ khổ. Tự tướng của khổ thụ, nghĩa là khổ thụ tức dùng thể của khổ làm tự tướng nên gọi là tính khổ khổ. Tự tướng của pháp tùy thuận khổ thụ, nghĩa là có thể sinh căn cảnh của thụ này và pháp tương ưng tùy thuận khổ thụ nên gọi là tính khổ khổ. Tất cả một phần là tính khổ khổ. Để xả bỏ chấp trước ngã hữu khổ, nên quán sát tính khổ khổ.

Thế nào là tính hoại khổ, bao nhiêu là tính hoại khổ, vì nghĩa gì nên quán tính hoại khổ? Là tự tướng biến hoại của lạc thụ, là tự tướng biến hoại của pháp tùy thuận lạc thụ, vì ái tâm đối với chúng biến hoại, đó là nghĩa của tính hoại khổ. Trong đây lạc thụ và pháp tùy thuận lạc thụ trong biến hoại vị có thể sinh ưu não cho nên biến hoại này là tính của hoại khổ. Lại nữa do ái nên khiến tâm biến hoại cũng là hoại khổ. Như trong kinh nói: Nhập biến hoại tâm, tất cả một phần, là tính của hoại khổ. Để xả bỏ chấp trước ngã hữu lạc, nên quán sát tính của hoại khổ.

Thế nào là tính của hành khổ, bao nhiêu là tính của hành khổ, vì nghĩa gì nên quán tính của hành khổ? Là tự tướng của bất khổ bất lạc thụ, là tự tướng của pháp tùy thuận bất khổ bất lạc, là nhiếp thụ trong 2 thô trọng kia, là không lìa 2 vô thường theo đuổi không an ổn là nghĩa của tính hành khổ. Bất khổ bất lạc thụ, nghĩa là thức A-lại-da tương ưng thụ. Pháp tùy thuận bất khổ bất lạc thụ, nghĩa là thuận với các hành của thụ này. Nhiếp thụ trong 2 thô trọng kia, nghĩa là khổ hoại 2 khổ thô trọng theo đuổi. Không lìa 2 vô thường theo đuổi, không an ổn, nghĩa là không giải thoát 2 khổ, hoặc trong nhất thời đọa tại khổ vị, hoặc trong nhất thời đọa tại lạc vị, không phải tất cả mọi thời chỉ có bất khổ hay bất lạc vị, cho nên là nghĩa vô thường theo đuổi không an ổn. Đó là tính của hành khổ. Trừ một phần các uẩn của 3 cõi 2 xứ, tất cả là tính của hành khổ. Ba cõi, là ý giới, pháp giới và ý thức giới. Hai xứ, là ý xứ và pháp xứ. Một phần, là trừ tướng vô lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã có bất khổ bất lạc, nên quán sát tính của hành khổ.

Thế nào là hữu dị thực, bao nhiêu là hữu dị thực, vì nghĩa gì nên quán sát hữu dị thực? Nghĩa là bất thiện và thiện hữu lậu là hữu dị thực. Bởi bất thiện và pháp thiện hữu lậu có khả năng có thức A-lại-da và tương ưng dị thực sau này. Do chúng là dị thực nên 2 thứ này gọi là hữu dị thực. Một phần các uẩn, 10 giới, 4 xứ, là hữu dị thực.. Mười giới là 7 thức, sắc giới, thanh giới, và pháp giới. Bốn xứ là sắc xứ, thanh xứ, ý xứ, và pháp xứ. Một phần là trừ vô ký, vô lậu. Để xả bỏ chấp trước ngã có thể xả bỏ, có thể tương tục các uẩn, nên quán sát hữu dị thực. Lại dị thực nghĩa là duy chỉ thức A-lại-da và pháp tương ưng. Ngoài ra chỉ là dị thực sinh, chẳng phải dị thực. Nói ngoài ra, là nhãn, nhĩ v.v... và khổ, lạc v.v... là thức A-lại-da, ngoài đây ra chỉ được gọi là dị thực sinh vì từ dị thực sinh ra.

Thế nào là ăn, bao nhiêu là ăn, vì nghĩa gì nên quán cái ăn? Nghĩa là vì biến hoại nên có biến hoại, vì cảnh giới nên có cảnh giới,

vì hi vọng nên có hy vọng, vì thủ nên có thủ, đó là nghĩa của ăn. Trước tiên là đoàn thực, do khi biến hoại nuôi lớn các căn. Hai là xúc thực, do y vào cảnh khả ái xúc nhiếp ích sở y. Ba là ý tư thực, do cột ý hi vọng vào việc khả ái, lực nhiếp ích sở y. Bốn là thức thực, do sức chấp trì của thức A-lại-da thân được trụ. Sở dĩ vì sao? Nếu lia thức này, chỗ y chỉ của thân sẽ hư hoại. Ba uẩn, 11 giới và một phần của 5 xứ là ăn. Để xả bỏ chấp trước ngã trụ do ăn, nên quán sát cái ăn. Lại nữa, 4 cái ăn này sai biệt kiến lập lược có 4 thứ: 1. Bất tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là Dục giới dị sinh do đủ các trói buộc. 2. Tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là hữu học và dị sinh cõi Vô sắc có những trói buộc khác. 3. Thanh tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là A-la-hán v.v... giải thoát tất cả trói buộc. 4. Thị hiện trụ thực. Nghĩa là chư Phật và các Bồ-tát đã chứng đại oai đức, do chỉ thị hiện sự ăn uống mà trụ.

Thế nào là hữu thượng, bao nhiêu là hữu thượng, vì nghĩa gì nên quán hữu thượng? Là tất cả hữu vi, là một phần vô vi, đó là nghĩa của hữu thượng. Trừ một phần pháp giới pháp xứ, tất cả là hữu thượng. Bởi trong tất cả pháp Niết-bàn và thanh tịnh chân như là tướng tối thắng. Để xả bỏ chấp trước ngã hạ liệt, nên quán sát hữu thượng.

Thế nào là vô thượng, bao nhiêu là vô thượng, vì nghĩa gì nên quán vô thượng? Là một phần vô vi là nghĩa của vô thượng, một phần của pháp giới pháp xứ như trước đã nói là nghĩa của vô thượng. Để xả bỏ chấp trước ngã tối thắng, nên quán sát vô thượng. Do đây nói đạo lý sai biệt này, ngoài ra vô lượng môn có thể theo đây quán sát. Lại nữa sai biệt của uẩn giới xứ đại lược có 3 thứ là sai biệt của tướng biến kế sở chấp, sai biệt của tướng sở phân biệt, và sai biệt của tướng pháp tính. Sai biệt của tướng biến kế sở chấp, nghĩa là trong uẩn giới xứ, biến kế sở chấp ngã là mạng của hữu tình, là sinh, là dưỡng, là sở thủ thú, là ý sinh, là Ma-nạp-bà v.v... Ở trong uẩn v.v... thật không có tự tính của ngã v.v... vì chỉ là tướng biến kế sở

chấp. Sai biệt của tướng sở phân biệt, tức là pháp của uẩn giới xứ. Do nơi xứ này ngã hữu tính v.v... hư vọng phân biệt chuyển. Sai biệt của tướng pháp tính, nghĩa là tức ở trong uẩn giới không có tính ngã v.v..., có tính vô ngã, do lia tướng hữu vô, dụng của chân như v.v... nên trong uẩn v.v...ngã v.v...có tính vô tính vô ngã làm tướng. Phải biết trong đây y vào 3 tự tính và đa phần y vào lý số thủ thú vô ngã mà nói 3 thứ tướng.

Lại có 4 thứ sai biệt, là tướng sai biệt, phân biệt sai biệt, y chỉ sai biệt, và tương tục sai biệt. Tướng sai biệt, nghĩa là uẩn xứ giới mỗi mỗi tự tướng sai biệt như sắc thụ v.v...Phân biệt sai biệt, nghĩa là tức ở trong uẩn giới xứ thật hữu giả hữu, thế tục hữu thắng nghĩa hữu, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, có vô lượng sai biệt như vậy. Phân biệt, như trước đã nói. Y chỉ sai biệt, nghĩa là cho đến hữu tính y chỉ sai biệt có như vậy thì phải biết uẩn giới xứ cũng vậy. Do dựa vào các khác biệt nội thân uẩn v.v... các pháp khác nhau. Tương tục sai biệt, nghĩa là mỗi một sát-na uẩn giới xứ chuyển. Ở trong một thân uẩn v.v... các pháp tính của nó biến khác từng mỗi một sát-na.

Hỏi: Đối với tướng sai biệt thiện xảo làm sao biết?

Đáp: Biết lỗi lầm của ngã chấp.

Hỏi: Đối với phân biệt sai biệt thiện xảo làm sao biết?

Đáp: Biết lỗi lầm của tự tướng.

Hỏi: Đối với y chỉ sai biệt thiện xảo làm sao biết?

Đáp: Biết lỗi lầm của không làm mà được tuy làm mà mất.

Hỏi: Đối với tương tục sai biệt thiện xảo làm sao biết?

Đáp: Biết lỗi lầm của tướng an trụ.

Lại nữa, uẩn giới xứ có 6 thứ sai biệt. Đó là ngoại môn sai biệt, nội môn sai biệt, trường thời sai biệt, phần hạn sai biệt, tạm thời sai biệt, hiển thị sai biệt. Ngoại môn sai biệt, nghĩa là đa phần sai biệt

Dục giới. Nói đa phần là pháp giản đẳng lưu, là nhân văn tư sinh tuệ. Nội môn sai biệt, nghĩa là tất cả định địa. Trường thời sai biệt, nghĩa là các dị sinh. Phần hạn sai biệt, nghĩa là các hữu học và trừ uẩn xứ giới của sát-na sau cùng các vô học khác. Tam thời sai biệt, nghĩa là uẩn xứ giới của sát-na sau cùng các vô học. Hiện thị sai biệt, nghĩa là chư Phật và các Bồ-tát Ma-ha-tát đã được cứu cánh thị hiện các uẩn giới xứ.

Phẩm 2: PHẨM NHIẾP TRONG BẢN SỰ PHÂN

Lại nữa, nếu nói đại lược, nhiếp có 11 thứ. Đó là tướng nhiếp, giới nhiếp, chủng loại nhiếp, phần vị nhiếp, bạn nhiếp, phương nhiếp, thời nhiếp, nhất phần nhiếp, cụ phần nhiếp, cánh hỗ nhiếp, thắng nghĩa nhiếp.

Tướng nhiếp, nghĩa là uẩn giới xứ mỗi mỗi tự tướng tức thể tự nhiếp. như sắc uẩn nhiếp sắc uẩn, nói rộng cho đến pháp xứ nhiếp pháp xứ. Giới nhiếp, nghĩa là uẩn giới xứ có các chủng tử, thức A-lại-da có thể thâm nhiếp giới của chúng, do chủng tử của nó có trong đó. Chủng loại nhiếp, nghĩa là tướng của uẩn giới xứ tuy khác nhau nhưng nghĩa của uẩn, nghĩa của giới, nghĩa của xứ lẫn lược nhiếp thuộc lẫn nhau. Nghĩa của uẩn v.v., nghĩa là sắc thụ v.v..đều có nghĩa tụ. Tuy tướng khác nhau, nhưng tất cả nhiếp thuộc lẫn nhau, rồi lại ngóng trông nhau bởi vì đồng một loại. Nghĩa của giới v.v..., nghĩa là mắt tai v.v...đều có nghĩa có khả năng duy trì thụ dụng cho nên tất cả nhiếp thuộc lẫn nhau. Nghĩa của xứ v.v..., nghĩa là mắt tai v.v... đều có nghĩa sinh trưởng môn tương ưng cho nên tất cả nhiếp thuộc lẫn nhau.

Phần vị nhiếp, nghĩa là lạc vị uẩn giới xứ tức tự tướng nhiếp, khổ vị bất khổ bất lạc vị cũng vậy. Vì đều là phần vị nên như sắc thụ v.v... tuy đồng một loại uẩn nhưng khổ lạc v.v... phần vị sai biệt, lạc vị trở lại nhiếp thuộc lạc vị không phải khổ vị v.v... Như vậy khổ vị

bất khổ bất lạc vị trở lại tự nhiếp thuộc lẫn nhau. Giống như uẩn, giới xứ cũng vậy.

Bạn nhiếp, nghĩa là sắc uẩn với các uẩn khác là bạn của nhau cho nên là bạn tiếp trợ. Các uẩn giới xứ khác cũng vậy. Như sắc uẩn với các thụ v.v... làm trợ bạn cho nhau có thể nhiếp thụ 5 uẩn. Như vậy thụ v.v... mỗi mỗi trợ bạn đều nhiếp thụ 5 uẩn. Giống như uẩn, giới xứ cũng vậy. Vì là trợ bạn của nhau nên mỗi mỗi đều nhiếp thụ tất cả giới xứ. Phương nhiếp, nghĩa là các uẩn giới xứ dựa vào phương Đông trở lại tự nhiếp thuộc với các phương khác. Uẩn giới xứ cũng vậy.

Thời nhiếp, nghĩa là các uẩn giới xứ đời quá khứ trở lại tự nhiếp thuộc lẫn nhau, các uẩn giới xứ đời vị lai hiện tại cũng vậy.

Nhất phần nhiếp, nghĩa là có các pháp thân nhiếp trong uẩn giới xứ, là chỉ nhiếp thuộc một phần mà không phải các phần khác. Như giới uẩn chỉ thân nhiếp một phần sắc uẩn v.v..., định tuệ uẩn v.v... chỉ nhiếp thuộc một phần của hành uẩn. Dục, nhuế, hại giới chỉ nhiếp thuộc một phần của pháp giới. Không, vô biên xứ v.v... chỉ nhiếp thuộc một phần của ý xứ pháp xứ v.v...

Cụ phần nhiếp, nghĩa là có các pháp thân nhiếp trong uẩn giới xứ có thể nhiếp thuộc toàn phần. Như khổ uẩn thân nhiếp 5 thủ uẩn. Dục giới thân nhiếp 18 giới. Vô tướng hữu tình xứ thân nhiếp 10 xứ, trừ hương, vị. Do đạo lý này trong các kinh các uẩn giới xứ thuộc tất cả pháp có thể nhiếp thuộc toàn phần.

Cánh hỗ nhiếp, nghĩa là sắc uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Mười toàn phần, một thiểu phần. Thụ uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Một thiểu phần. Như thụ uẩn, tướng uẩn hành uẩn cũng vậy. Thức uẩn nhiếp bao nhiêu giới bao nhiêu xứ? Bảy giới, một xứ. Nhãn giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Thiểu phần sắc uẩn toàn phần một xứ. Như nhãn giới, nhĩ tỷ thiệt thân sắc thanh

huong vị xúc giới cũng vậy. Ý giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Một uẩn một xứ. Pháp giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Toàn 3 uẩn, thiếu phần sắc uẩn, toàn phần 1 xứ. Nhãn thức giới nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu xứ? Thức uẩn nhiếp thiếu phần ý xứ. Như nhãn thức, nhĩ tỷ thiết thân ý thức giới cũng vậy. Nhãn xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Nhiếp thiếu phần sắc uẩn, toàn phần 1 giới. Như nhãn xứ, nhĩ tỷ thiết thân sắc thanh hương vị xúc xứ cũng vậy. Ý xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Một uẩn 7 giới. Pháp xứ nhiếp bao nhiêu uẩn bao nhiêu giới? Toàn 3 uẩn, 1 thiếu phần, 1 giới toàn phần. Như vậy bao nhiêu các pháp khác lấy tên uẩn giới xứ nói, và bao nhiêu chẳng phải tên uẩn giới xứ nói, như thật hữu giả hữu, thế tục hữu thắng nghĩa hữu, sở tri sở thức sở đạt, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến v.v... như trước đã nói rõ tùy chỗ thích ứng cùng với uẩn giới xứ nhiếp thuộc lẫn nhau. Nói tùy chỗ thích ứng, là như mỗi mỗi uẩn nhiếp các giới xứ, mỗi mỗi giới nhiếp các uẩn xứ, mỗi mỗi xứ nhiếp các uẩn giới, như vậy nói rộng, phải suy nghĩ hiểu biết.

Thắng nghĩa nhiếp, nghĩa là uẩn giới xứ thâm nhiếp trong chân như. Như vậy tướng của nhiếp là tùy các thế gian cùng chung thành lập. Đạo lý của tướng nhiếp lại có 6 thứ: 1. Y xứ nhiếp, nghĩa là như thế gian nói Thiệm-bộ châu thuộc về người, A-luyện-nhã là nơi thuộc về loài nai. Phải biết trong đây nhãn v.v... các căn thuộc nhãn v.v... các thức cũng vậy. 2. Nhiệm trì nhiếp, là như thế gian nói sợi dây thuộc về loại để bó củi v.v... Phải biết trong đây thân căn thâm nhiếp nhãn v.v... các căn cũng vậy. 3. Đồng sự nhiếp, là như thế gian nói nhiều người cùng làm việc bảo đảm tin nhau tùy thuộc vào nhau. Phải biết trong đây đồng một duyên chuyển, các pháp tương ưng nhiếp thuộc lẫn nhau cũng vậy. 4. Nhiếp thụ nhiếp, là như thế gian nói ông chủ có thể thâm nhiếp sai khiến tôi tớ của mình v.v... Phải biết trong đây thức A-lại-da nhiếp thụ tự thân cũng

vậy. 5. Bất lưu tán nhiếp, là như thế gian nói cái bình chứa giữ nước. Phải biết trong đây các Tam-ma-địa thâm giữ các tâm tâm sở cũng vậy. 6. Lược tập nhiếp, là như thế gian nói biển thâm nạp các dòng nước. Phải biết trong đây sắc thụ uẩn v.v... thau nhiếp nhãn nhĩ v.v... cũng vậy. Như trước đã nói 11 thứ nhiếp đều dựa vào trong đây mà lược tập nói về nhiếp.

Hỏi: Đối với nhiếp thiện xảo được thắng lợi gì?

Đáp: Được lược tập thắng lợi nơi sở duyên, tùy theo các cảnh lược tụ nơi tâm, cứ như thế thiện căn tăng thắng.

Phẩm 3: PHẨM TƯƠNG ƯNG TRONG BẢN SỰ PHẦN

Lại nữa lược nói tương ưng có 6 thứ, là bất tương ly tương ưng, hòa hợp tương ưng, tụ tập tương ưng, câu hữu tương ưng, tác sự tương ưng, và đồng hành tương ưng.

Bất tương ly tương ưng, nghĩa là tất cả sắc có phương phần với cực vi xứ không rời nhau, do các sắc được cực vi thâm nhiếp cùng một chỗ không tách rời nhau. Hòa hợp tương ưng, nghĩa là từ cực vi trở lên tất cả sắc có phương phần hòa hợp lẫn nhau, như trong nước đục cực vi của đất và nước hòa hợp lẫn nhau. Tụ tập tương ưng, nghĩa là phương phần tụ sắc lẫn lượt tập hội, như 2 cục bùn đập vào nhau thành một. Câu hữu tương ưng, nghĩa là các uẩn giới xứ trong một thân cùng thời lưu chuyển đồng sinh trụ và diệt. Tác sự tương ưng, nghĩa là trong một việc làm lẫn lượt nhiếp lẫn nhau, như hai Bí-sô cùng làm một việc tương ưng với nhau. Đồng hành tương ưng, nghĩa là tâm tâm pháp lẫn lượt đồng hành trong một sở duyên. Đồng hành tương ưng này lại có nhiều nghĩa. Nghĩa là tha tính tương ưng không phải kỷ tính, như tâm không tương ưng với các tâm khác thụ không cùng tương ưng với các thụ khác v.v... Lại nữa bất tương vi tương ưng không phải tương vi, như tham sân không tương ưng,

thiện bất thiện không tương ưng v.v... Lại nữa đồng thời tương ưng không phải khác thời, như hiện tại quá khứ vị lai không tương ưng. Lại nữa đồng phần giới địa tương ưng, không phải dị phần giới địa, như Dục giới Sắc Vô sắc giới không tương ưng, sơ tĩnh lự đệ nhị tĩnh lự không tương ưng v.v... Lại nữa có tất cả biến hành đồng hành tương ưng, nghĩa là thụ tướng tư xúc tác ý và thức, do 6 pháp này quyết định tương ưng trong tất cả vị, vì tùy 1 pháp không tất cả các pháp khác cũng không. Lại có nhiệm ô biến hành đồng hành tương ưng, là 4 thứ phiền não trong nhiệm ô ý, do 4 pháp này hằng tương ưng trong mọi thời. Lại có phi nhất thiết thời đồng hành tương ưng, là y chỉ hoặc có lúc khởi tín v.v... các thiện pháp, hoặc có lúc khởi tham v.v... các pháp phiền não tùy phiền não. Lại có phần vị đồng hành tương ưng, là các pháp tương ưng với lạc thụ, các pháp tương ưng với khổ thụ bất khổ bất lạc thụ. Lại có vô gián đồng hành tương ưng, là tại hữu tâm vị. Lại có hữu gián đồng hành tương ưng, là vô tâm định sở gián. Lại có ngoại môn đồng hành tương ưng, là đa phần tâm tâm pháp của Dục giới hệ. Lại có nội môn đồng hành tương ưng, là các tâm tâm pháp ở các định địa. Lại có tăng tập đồng hành tương ưng, là các tâm tâm pháp của các dị sinh và một phần tâm tâm pháp của hữu học vô học. Nói một phần là gồm hoàn toàn thể gian thiện bất thiện vô ký pháp tùy chỗ thích ứng. Lại có vị tăng tập đồng hành tương ưng, là các tâm tâm pháp xuất thể gian và các tâm tâm pháp đạt được lúc sơ hậu thời sau khi xuất thể. Nói sơ hậu thời là hiển thị không phải chủng loại trước, mà tâm tâm pháp xuất thể của niệm đầu tiên đã qua và niệm thứ hai v.v... đã qua là tính chưa từng tập.

Hỏi: Đối với tương ưng thiện xảo được thắng lợi gì?

Đáp: Có thể liễu ngộ tốt, chỉ y chỉ tâm có nghĩa tương ưng bất tương ưng các pháp nhiễm tịnh của thụ tướng v.v... Do liễu ngộ này tức có thể xả bỏ chấp trước nhiễm tịnh cái ngã năng thụ năng tướng năng tư năng niệm, lại có thể thiện xảo mau ngộ nhập vô ngã.

Phẩm 4: PHẨM THÀNH TỰU TRONG BẢN SỰ PHẦN

Lại nữa, tướng thành tựu như trước đã nói là đối với pháp thiện bất thiện vô ký, hoặc tăng hoặc giảm giả lập đạt được thành tựu. Đây có 3 thứ sai biệt, mà chúng tử thành tựu, tự tại thành tựu, và hiện hành thành tựu.

Chúng tử thành tựu, nghĩa là nếu sinh Dục giới, các phiền não tùy phiền não thuộc Dục, Sắc, Vô sắc giới hệ do chúng tử thành tựu nên thành tựu, và sinh được thiện sinh, Dục giới thì phiền não tùy phiền não 3 cõi thành tựu là dựa vào dị sinh chưa ly dục mà nói. Nếu đã ly dục hoặc sinh thượng địa nơi địa ly dục thì các phiền não tùy phiền não của địa này cũng thành tựu cũng không thành tựu vì chưa vĩnh hại tùy miên, đối trị đạo làm tổn giảm theo thứ tự của nó. Và sinh được thiện thì tùy nơi địa sinh liền thành tựu địa này. Nếu sinh Sắc giới thì các phiền não tùy phiền não thuộc Dục giới hệ do chúng tử thành tựu nên thành tựu cũng gọi không thành tựu. Các phiền não tùy phiền não thuộc Sắc, Vô sắc giới hệ do chúng tử thành tựu nên cũng thành tựu và sinh được thiện. Nếu sinh Vô sắc giới thì các phiền não tùy phiền não thuộc Dục, Sắc giới hệ do chúng tử thành tựu nên thành tựu nên cũng gọi không thành tựu. Các phiền não tùy phiền não thuộc Vô sắc giới hệ do chúng tử thành tựu nên thành tựu và sinh được thiện. Nếu đã được đối trị đạo 3 cõi tùy phẩm loại như vậy như vậy đã sinh như vậy như vậy phẩm loại chúng tử thành tựu, được không thành tựu là tùy như vậy như vậy phẩm loại chưa sinh. Các phẩm loại như thế như thế do chúng tử thành tựu nên thành tựu. Nói đã được đối trị đạo 3 cõi, nghĩa là đã được xuất thế Thánh đạo. Nói tùy phẩm loại như vậy như vậy đối trị đã sinh, nghĩa là tu đạo sở đoạn, các phiền não thượng phẩm v.v... đối trị đã sinh, như thế như thế chúng loại chúng tử thành tựu được không thành tựu nghĩa là vì đã vĩnh hại tùy miên.

Tự tại thành tựu, nghĩa là phương tiện thiện pháp, như thế các công đức xuất thế tính lự giải thoát Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề v.v... và một phần của vô ký pháp, do tự tại thành tựu nên thành tựu. Phương tiện thiện pháp, nghĩa là do nghe mà sinh tuệ v.v..., tuy trước có chủng tử nhưng nếu đời này lìa sự tu tập tăng trưởng thì hoàn toàn không thể khởi hiện tiền. Một phần của vô ký pháp, nghĩa là tâm biến hóa nơi công xảo.

Hiện hành thành tựu, nghĩa là các pháp uẩn giới xứ tùy hiện tiền hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký, chúng do hiện hành thành tựu nên thành tựu. Nếu người đã đoạn thiện căn có các thiện pháp thì do chủng tử thành tựu mà thành tựu. Cũng gọi không thành tựu nếu chẳng phải pháp Niết-bàn, các pháp tạp nhiễm cứu cánh thành tựu của Nhất-xiển-đề-ca, do thiếu nhân giải thoát. Cũng gọi là A-điên-đề-ca bởi giải thoát được nhân, rất ráo không thành tựu.

Hỏi: Thế nào là giải thoát được nhân?

Đáp: Nếu đối với chân như trước đã tập khởi phiền não thô trọng, nếu gặp duyên được tùy thuận đối trị liền có thể vĩnh hại tính kham nhiệm này, gọi là giải thoát được nhân. Nếu trái với đây thì gọi là không có nhân giải thoát.

Hỏi: Đối với thành tựu thiện xảo được thắng lợi gì?

Đáp: Có thể khéo hiểu rõ các pháp tăng giảm. Biết tăng giảm nên lìa tướng quyết định hưng thịnh hay suy vong, cho đến có thể đoạn ái đoạn sân.

HẾT QUYỂN 5

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẠP TẬP LUẬN

QUYỂN 6

Phẩm 1 – 1: PHẨM ĐẾ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Lại nữa, quyết trạch lược nói có 4 thứ, là đế quyết trạch, pháp quyết trạch, đắc quyết trạch, và luận nghị quyết trạch. Đế quyết trạch lại có 4 thứ là dựa vào khổ tập diệt đạo 4 Thánh đế mà nói.

Thế nào là khổ đế? Nghĩa là hữu tình sinh và nơi sinh, tức hữu tình thể gian và khí thể gian. Như thứ tự hoặc sinh hoặc nơi sinh đều gọi là khổ đế. Hữu tình sinh, nghĩa là các hữu tình sinh trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cõi người và cõi trời. Cõi người có Đông Tì-đề-ha, Tây Cù-đà-ni, Nam Thiệm-bộ châu, Bắc Câu-lô châu. Cõi trời có các trời 4 Đại vương, trời 33, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phúc sinh, trời Quảng quả, trời Vô tướng hữu tình, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện hiện, trời Thiện kiến, trời Sắc cứu cánh, trời Vô biên không xứ, trời Vô biên thức xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Nơi sinh y xứ tức khí thể giới, là thủy luân dựa vào phong luân, địa luân dựa vào thủy luân. Dựa vào địa luân này có núi Tô-mê-lô, núi Thất kim sơn, 4 Đại châu, 8 Tiểu châu và biển Nội hải, Ngoại hải. Bốn tầng cấp bên ngoài núi Tô-mê-lô có trời

4 Đại vương chúng, là nơi biệt cư của trời 33, ngoài luân vi sơn là hư không cung điện. Trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, và các trời Sắc giới ở riêng, các A-tổ-lạc ở riêng, và các Na-lạc-ca ở riêng như là nhiệt Na-lạc-ca, hàn Na-lạc-ca, cô độc Na-lạc-ca, và một phần bàng sinh, nga quý ở riêng. Cho đến một mặt trời một mặt trăng ánh sáng châu biến chiếu đến nơi, gọi là một thế giới. Như vậy trong 1 ngàn thế giới có 1 ngàn mặt trời 1 ngàn mặt trăng 1 ngàn núi chúa Tô-mê-lô 1 ngàn tứ đại châu 1 ngàn tứ đại thiên vương chúng thiên 1 ngàn trời 33 1 ngàn trời Dạ-ma 1 ngàn trời Đổ-sử-đa 1 ngàn trời Lạc biến hóa 1 ngàn trời Tha hóa tự tại 1 ngàn trời Phạm thế. Như vậy gọi chung là Tiểu thiên thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thế giới gọi chung là đệ nhị Trung thiên thế giới. Một ngàn Trung thiên thế giới gọi chung là đệ tam Đại thiên thế giới. Như vậy 3 ngàn Đại thiên thế giới có chung một giải núi Đại luân vi sơn vây bọc. Lại nữa 3 ngàn Đại thiên thế giới này cùng hoại cùng thành. Ví như giọt mưa trên trời từ trên không rơi xuống không ngớt như bánh xe quay không gián đoạn. Như vậy ở phương Đông không gián đoạn có vô lượng thế giới hoặc sắp hoại, hoặc sắp thành, hoặc đang hoại, hoặc hoại rồi trụ, hoặc đang thành, hoặc thành rồi trụ. Giống như phương Đông cho đến tất cả 10 phương cũng vậy. Như vậy hữu tình thế gian hay khí thế gian do sức của nghiệp phiền não sinh nên nghiệp phiền não tăng thượng khởi đều gọi chung là khổ đế. Sức của nghiệp phiền não sinh, nghiệp phiền não tăng thượng khởi, là 2 câu này như thứ tự hiển thị hữu tình thế gian và khí thế gian đều là khổ tính. Lại có thanh tịnh thế giới không nhiếp thuộc khổ đế, chẳng phải do sức nghiệp phiền não sinh nên chẳng phải nghiệp phiền não tăng thượng khởi, mà do đại nguyện thanh tịnh thiện căn tăng thượng dẫn phát. Sở sinh xứ này là không thể nghĩ bàn chỉ có Phật giác tri, chẳng phải người được tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự hưởng chi là người tư duy tìm hiểu mà có thể biết được.

Lại nữa đã lược nói về tướng của khổ đế, nay sẽ hiển thị rộng về khổ tướng sai biệt được nói trong các kinh. Như nói sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương chia lìa khổ, mong cầu không được khổ, lược gồm tất cả trong 5 thủ uẩn khổ.

Sinh do đâu mà khổ? Do các khổ bức bách, là chỗ dựa của các khổ khác. Các khổ bức bách, là từng ở trong thai mẹ, trong thời gian sinh các tạng khí nhận đủ các thứ bất tịnh bức bách nên khổ. Chính khi xuất thai lại chịu các khổ lớn bức bách chi thể. Nói chỗ dựa của các khổ khác, nghĩa là vì có sinh nên có già bệnh chết v.v... các khổ đeo đuổi. Già do đâu khổ? Thời phần biến hoại nên khổ. Bệnh do đâu khổ? Đại chủng biến khác nên khổ. Chết do đâu khổ? Thọ mạng biến hoại nên khổ. Sao oán ghét gặp nhau khổ? Do hội hợp sinh khổ. Sao thương yêu chia lìa khổ? Do biệt ly sinh khổ. Sao mong cầu không được thì khổ? Do mong cầu mà không kết quả nên khổ. Gồm tất cả 5 thủ uẩn vì sao khổ? Vì thô trọng nên khổ. Như vậy 8 thứ lược gồm làm 6, là bức bách khổ, chuyển biến khổ, hội hợp khổ, biệt ly khổ, điều mong cầu không kết quả khổ, và thô trọng khổ. Như vậy 6 thứ mở rộng thành 8. Trong chuyển biến khổ chia làm 3 thứ như 6, 8, bình đẳng bình đẳng.

Hỏi: Như nói 3 khổ thì trong đây 8 khổ là 3 bao gồm 8, hay 8 bao gồm 3?

Đáp: Lần lượt thâm nhiếp lẫn nhau. Như nói sinh khổ cho đến oán ghét gặp nhau khổ có thể hiển thị khổ khổ, vì thuận khổ thụ pháp, nghĩa tự tướng của khổ. Thương yêu chia lìa khổ, mong cầu không được khổ có thể hiển thị hoại khổ, vì đã được chưa được thuận lạc thụ pháp, nghĩa tự tướng của hoại. Lược gồm tất cả 5 thủ uẩn khổ có thể hiển thị hành khổ. Vì không giải thoát 2 vô thường theo đuổi, nghĩa của không an ổn.

Hỏi: Như nói 2 khổ là khổ của thế tục đế và khổ của thắng nghĩa đế. Những gì là thế tục đế khổ, những gì là thắng nghĩa đế khổ?

Đáp: Sinh khổ cho đến mong cầu không được khổ là khổ của thế tục đế, vì đó là cảnh giới của thế gian trí. Lược gồm tất cả 5 thủ uẩn khổ là khổ của thắng nghĩa đế, do an lập chân như môn, là cảnh giới của xuất thế trí.

Lại nữa những hành giả tu quán đối với khổ Thánh đế thực hành 4 thứ quán sát cộng tướng. Đó là tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, và tướng vô ngã.

Tướng vô thường, sơ lược có 12: là tướng phi hữu, tướng hoại diệt, tướng biến dị, tướng biệt ly, tướng hiện tiền, tướng pháp nhĩ, tướng sát-na, tướng tương tục, tướng bệnh v.v..., tướng chung chung tâm hành chuyển, tướng tư sản hưng suy, tướng khí thể thành hoại.

Tướng phi hữu, là uẩn giới xứ trong mọi thời tính của ngã ngã sở thường phi hữu. Nói vô thường là nghĩa của phi hữu, do khổ thánh đế hằng không có tự tính của ngã ngã sở. Vô, là nghĩa của khiên trừ. Thường, là nghĩa của tất cả mọi thời. Bởi thường không, nên gọi là vô thường. Tướng hoại diệt, là các hành sinh rồi liền diệt, tạm có hoàn không. Tướng biến dị, là các hành dị dị sinh do không tương tự tương tục chuyển. Tướng biệt ly, là trong các hành mất sức tăng thượng, hoặc người khác giữ chấp làm của riêng mình, hoặc có khi hỏng mất tự tại, hoặc người khác cướp đoạt làm của mình. Tướng hiện tiền, là chính ở trong vô thường, do nhân đuổi theo nay thụ vô thường. Tướng pháp nhĩ, là đương lai vô thường, do nhân đuổi theo định sẽ thụ nên tính vô thường của sự chết nhất định sẽ thụ. Tướng sát-na, là các hành sau một sát-na ắt không trụ. Các hành niệm niệm tự thể yếu kém, không mấy chốc ắt hoại. Tướng tương tục, là từ thời vô thủy đến nay các hành sinh diệt liên tục không dứt. Do vô thủy sinh tử lần lượt tiếp nối nhau luân hồi không ngớt. Tướng bệnh v.v..., là 4 đại, thời phần, thọ mạng biến đổi khác do 4 đại trái nhau, răng rụng tóc rụng v.v... sức sống yếu ớt. Tướng các thứ tâm hành chuyển, là có khi khởi tâm tham, có khi khởi tâm lìa tham. Cũng như

vậy, có sên lia sên, có si lia si, hoặc hợp hoặc tan, hoặc hạ xuống hoặc nhắc lên, hoặc lay động hoặc lia lay động, hoặc không vắng lặng hoặc vắng lặng, hoặc định hoặc không định, tâm hành lưu chuyển như vậy v.v... do trụ ở năng trị sở trị khác nhau. Tướng của tư sản hưng suy, là các hưng thịnh chung quy biến thành suy yếu, vì giàu sang vinh hiển của thế gian là không thể ái lạc chẳng phải cứu cánh. Tướng của khí thể thành hoại, là sự thành hoại của 3 thứ hỏa, thủy, phong. Do hỏa tai thủy tai phong tai khiến đại địa nhiều lần thành hoại có thể đốt cháy tràn ngập cuốn trôi. Lại có tam tai đỉnh, là đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩn lự do thủy hỏa phong có thể phá hoại thế giới, an lập xứ sở, cho đến tận đệ nhất, đệ nhị, đệ tam tĩn lự. Tiếp đến ngoài ra gọi là tam tai đỉnh theo thứ tự đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩn lự xứ sở khác nhau. Các cung điện ngoài đệ tứ tĩn lự v.v... tuy không tai nạn bên ngoài làm thành hoại, nhưng chư thiên và cung điện kia đều câu sinh câu diệt. Nói có thành hoại là do chúng hữu tình kia khi mới sinh thì các cung điện cùng sinh, khi mất thì cung điện cùng diệt. Cho nên gọi đó là thành hoại. Lại có 3 thứ trung kiếp, là nạn đói, nạn dịch bệnh, và nạn đao binh. Kiếp tiêu tam tai này hết rồi mới xuất hiện thế giới thành. Một trung kiếp đầu chỉ có giảm, một trung kiếp sau chỉ có tăng, 18 trung kiếp có tăng có giảm. Một trung kiếp đầu chỉ có giảm, nghĩa là khi kiếp thành đến kiếp thứ 21. Một trung kiếp sau chỉ có tăng, nghĩa là các kiếp sau cùng. Mười tám trung kiếp có tăng có giảm, nghĩa là trong trung gian 18 kiếp. Hai mươi trung kiếp là lúc thế giới hoại. Hai mươi trung kiếp thế giới hoại rồi trụ. Hai mươi trung kiếp là lúc thế giới thành. Hai mươi trung kiếp thế giới thành rồi trụ. Hợp 80 trung kiếp này làm 1 đại kiếp. Do kiếp số này thấy rõ thọ lượng của chư thiên ở cõi Sắc, Vô sắc. Như nói tuổi thọ hết, phúc hết, nghiệp hết, các hữu tình các cõi kia chết. Thế nào là thọ mạng hết? Là khi chết nói là thọ mạng hết, do thời gian duy trì thọ mạng hết nên ứng với thời gian khi đó gọi là chết. Thế nào là phúc hết? Nghĩa là chết phi thời là chết phi phúc. Đây là dựa theo phi thời mà

nói là chết. Do hữu tình kia tham đắm mùi thiền định, phúc lực giảm hết nhân đó mạng chung. Do tham ái mùi vị thiền định tổn hại chỗ tu hành, dẫn đến nghiệp lực thọ mạng phi thời mà chết. Thế nào là nghiệp hết? Nghĩa là thuận sinh thụ nghiệp, thuận hậu thụ nghiệp đều hết nên chết. Đây là dựa trên sự tương tục mà nói là chết. Do ở cõi này sự thụ dụng của thuận sinh thụ nghiệp và thuận hậu thụ nghiệp đến đây đã hết. Vì không có nghiệp nên không sinh lại nơi đây.

Tướng khổ, là có 3, hoặc 8, hoặc 6 như trước đã nói rộng. Vì sao kinh nói vô thường tức là khổ? Do 3 phần vô thường làm duyên có thể biết tướng của khổ, đó là sinh phần vô thường, diệt phần vô thường, và câu phần vô thường. Sinh phần vô thường làm duyên nên có thể biết tính của khổ khổ. Sinh phần vô thường, là vốn không nay có. Các hành của khổ phẩm, thể của nó là bức bách, do đó vô thường làm duyên có thể biết được tính của khổ khổ. Diệt phần vô thường làm duyên có thể biết được tính của hoại khổ. Diệt phần vô thường, là đã có hoàn không, không thể ái lạc các hành của lạc phẩm. Do vô thường này làm duyên có thể biết được tính của hoại khổ. Câu phần vô thường làm duyên có thể biết được tính của hành khổ. Câu phần vô thường, là các hành thô trọng liên tục lưu chuyển, nào sinh nào diệt đều không thể lạc. Do câu phần vô thường này làm duyên có thể biết được tính của hành khổ. Tức dựa vào nghĩa này Bạc-già-phạm nói: Các hành vô thường các hành biến hoại. Lại dựa vào nghĩa này nói: Sở hữu các thụ Ta nói đều khổ. Phải biết trong đây với bất khổ bất lạc thụ và lạc thụ, vì mật ý nên nói khổ khổ. Còn tính của thụ khổ thể gian đều biết nên không phải nói mật ý nữa. Lại nữa đối với 2 pháp sinh diệt, tùy theo các hành có sinh v.v...8 khổ, có thể biết tính của nó. Phật nói: Nếu là vô thường tức là khổ. Lại nữa trong các hành vô thường có sinh khổ v.v... có thể biết được là Như Lai dựa vào đây nói mật ý. Do vô thường nên khổ chẳng phải tất cả hành. Nếu không như vậy thì Thánh đạo vô thường nên cũng phải là khổ.

Tướng không, là nếu ở nơi đó đây là phi hữu, do lý này chính quán là không. Nếu ở nơi đó những cái khác là hữu, do lý này như thật biết là hữu. Đó gọi là khéo ngộ nhập tính không. Biết như thật, là nghĩa không điền đảo.

Hỏi: Ở đâu những gì là phi hữu?

Đáp: Ở nơi uẩn giới xứ thường hằng ngưng trụ pháp không biến hoại ngã ngã sở v.v... là phi hữu. Do lý này chúng đều là không.

Hỏi: Ở đâu những gì khác là hữu?

Đáp: Tức ở đây tính vô ngã, cái ngã vô tính này là hữu tính của vô ngã. Đó gọi là tính không. Do các hành kia thường đẳng tướng ngã trong đây không có, cho nên các hành thường lìa ngã tính tướng. Chân tính vô ngã trong đây có, cho nên chẳng phải hoàn toàn không. Đây đều gọi là tính không. Cho nên Bạc-già-phạm mật ý nói hữu là như thật biết hữu, vô là như thật biết vô. Lại có 3 thứ tính không, là tự tính không tính, như tính không tính, và chân tính không tính. Thứ nhất dựa vào biến kế sở chấp tự tính quán, do đó biết chắc chắn tự tướng là phi hữu. Thứ hai dựa vào y tha khởi tự tính quán, do đó biết như chỗ so đo chấp trước là phi hữu. Thứ ba dựa vào viên thành thật tự tính quán, do đó tức biết chân tính của không.

Tướng vô ngã, là như các lập luận về ngã có lập ra tướng ngã. Uẩn giới xứ chẳng phải tướng này, bởi uẩn giới xứ không có tướng ngã, nên gọi là tướng vô ngã. Các ngoại đạo luận về ngã so đo chấp trước các hành cho là ngã. Các hành kia chẳng phải là tướng này, nên gọi là vô ngã. Vì vậy Bạc-già-phạm mật ý nói: Tất cả pháp đều vô ngã. Như Thế Tôn nói: Đây tất cả là phi ngã sở, đây là phi ngã xứ, đây là phi ngã ngã. Đối với các nghĩa ấy phải dùng chính tuệ như thật quán sát. Câu này có nghĩa gì? Nghĩa là đối với ngoại sự mật ý nói đây tất cả chẳng phải sở hữu của ta. Đối với nội sự mật ý nói đây chẳng phải nơi của ta, đây chẳng phải là ta, sở hữu của ta. Sở dĩ vì

sao? Vì đối với ngoại sự chỉ chấp cái tướng của ngã sở nên chỉ khiến trừ ngã sở. Đối với nội sự chấp cả tướng ngã và ngã sở cho nên khiến trừ cả hai ngã và ngã sở.

Hỏi: Trước có nói vô thường đều là tướng của sát-na. Điều này làm sao biết?

Đáp: Như tâm tâm pháp là tướng sát-na. Phải biết sắc v.v... cũng là tướng sát-na, vì do tâm chấp thụ, cùng tâm an nguy, tùy tâm chuyển biến, là tâm sở y, tâm tăng thượng sinh, tâm tự tại chuyển. Lại nữa ở tối hậu vị có thể biến hoại, vì sinh rồi không đợi duyên tự nhiên hoại diệt, cho nên phải quán sắc v.v... cũng niệm niệm diệt. Các tướng vô thường hành hoại diệt, tướng tâm tâm pháp sát-na thế gian đều rõ không phải nói lại nữa. Các tướng sát-na diệt của sắc pháp v.v... thế gian không cùng hiểu rõ nên nay thành lập. Do tâm chấp thụ, nghĩa là sắc thân v.v... do tâm sát-na niệm niệm chấp thụ nên sát-na diệt. Cùng tâm an nguy, nghĩa là sắc thân v.v... hằng cùng với thức, nếu thức rời bỏ thì liền hư hoại. Bởi thân với tâm an nguy như nhau, nên quyết định như tâm, niệm niệm sinh diệt. Tùy tâm chuyển biến, nghĩa là thế gian hiện thấy tâm ở nơi khổ lạc tham sân các vị, thân tùy chuyển biến, tùy theo tâm sát-na mà chuyển biến nên thân niệm niệm diệt. Là sở y của tâm, nghĩa là thế gian đều biết tâm y chỉ có căn thân. Nếu pháp y vào đây sinh không phải đây tự không hoại. Năng y có thể thấy, như lửa, mầm chồi v.v... y vào củ, hạt giống v.v... Vì vậy thân này là chỗ y chỉ của tâm sát-na nên cũng sát-na diệt. Tâm tăng thượng sinh, nghĩa là tất cả sắc trong ngoài đều do tâm tăng thượng sinh. Nhân năng sinh sát-na diệt, nên quả sở sinh cũng sát-na diệt. Như Thế Tôn nói: Các nhân các duyên có thể sinh nơi sắc chúng cũng vô thường vì do sức của nhân duyên vô thường sinh ra. Sắc vì sao là thường? Tùy cú nghĩa của kinh ấy, thân định sát-na diệt. Tâm tự tại chuyển, nghĩa là nếu chúng đắc thắng uy đức tâm thì đối với tất cả sắc đều được tự tại chuyển theo ý muốn, do tùy

sát-na có thể biến thắng giải chuyển biến sinh cho nên sắc v.v...đạo lý sát-na thành tự. Ở nơi tối hậu vị có thể biến hoại, nghĩa là các sắc v.v... lúc mới lìa tự tính, niệm niệm biến hoại. Nói ở tối hậu vị thì chột biến hoại là không đúng đạo lý nhưng điều này có thể có được. Cho nên biết sắc v.v... từ ban sơ đến giờ niệm niệm biến hoại. Tự loại tương tục dần tăng làm nhân, có thể dẫn đến sự biến hoại của thô tướng sau cùng. Cho nên sắc v.v... niệm niệm sinh diệt. Sinh rồi không đợi duyên tự nhiên hoại diệt, nghĩa là tất cả pháp theo duyên sinh rồi không đợi hoại duyên tự nhiên hoại diệt. Bởi tự nhiên hoại diệt không đợi các duyên khác nên sinh rồi nhất định hoại diệt. Nếu nói sinh rồi ban đầu không hoại diệt mà sau mới có là không đúng, vì không sai biệt cho nên biết tất cả là pháp có thể hoại diệt, vừa mới bắt đầu sinh thì liền hoại diệt, nên thành nghĩa sát-na của các pháp.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: Các sở hữu sắc tất cả là 4 đại chủng, hoặc do 4 đại chủng tạo ra. Đây là do ý gì nói?

Đáp: Đây là y vào ý dung hữu mà nói cùng tại một chỗ. Y vào đây mà có là nghĩa của tạo ra. Do sở tạo sắc không có công năng tách rời đại chủng ở riêng tự biệt lập. Nếu ở nơi tụ này có thể có được đại chủng này, thì phải biết tụ này chỉ có đại chủng này không gì khác. Hoặc có tụ chỉ có 1 đại chủng, như cục bùn khô v.v... Hoặc có 2 đại chủng, tức có tính ẩm ướt. Hoặc có 3 đại chủng, tức tính ẩm nóng. Hoặc có tất cả đại chủng, tức cục bùn ẩm ướt ẩm nóng v.v... Các sở tạo sắc trong di chuyển vị cũng vậy. Nếu ở trong tụ này có được sở tạo sắc, thì phải biết tụ này chỉ có đây mà không gì khác. Hoặc có tụ chỉ có 1 sở tạo sắc, như ánh sáng v.v... Hoặc có 2 sở tạo sắc, như gió có âm thanh, mùi hương v.v... Hoặc có 3 sở tạo sắc, như mùi hương, khói v.v... Do khói hương này có sắc, hương, xúc hiển thị sai biệt. Xúc sai biệt, nghĩa là tính nhẹ ở trong đó. Hoặc có 4 sở tạo sắc, như cục đường cát v.v... Hoặc có 5 sở tạo sắc, tức khi có âm thanh. Lại nữa nơi tụ này đại chủng tạo sắc tùy phần có thể được, phải biết trong

đó có cái này mà không phải cái khác. Đây là y vào vật thô mà nói không phải chủng tử. Vì trong mỗi một tụ có tất cả chủng tử.

Lại nữa nói thô tụ là các sắc cực vi tập hợp tạo thành. Phải biết trong đó cực vi là vô thể, vô thật, vô tính, chỉ giả lập lần lượt phân tích vô hạn lượng. Cho nên chỉ do giác tuệ dần dần phân tích tồn giảm nhỏ dần cho đến mức có thể phân tích. Tức nơi mức đó thiết lập cực vi.

Hỏi: Nếu các cực vi không thật thể tính thì vì sao thiết lập?

Đáp: Vì khiến trừ nhất hợp tướng. Nếu dùng giác tuệ phân phần phân tích các sắc, bấy giờ vọng chấp tất cả các sắc là nhất hợp tướng, tức liền lìa bỏ, do đó thuận nhập tính vô ngã của sở thủ thú. Lại nữa ngộ nhập các sắc là phi chân thật nên nếu dùng giác tuệ như vậy phân tích các sắc cho đến chỗ vô sở hữu, bấy giờ liền có thể ngộ nhập các sắc đều phi chân thật. Nhân đây ngộ nhập đạo lý duy thức, do đó thuận nhập tính vô ngã của các pháp.

Lại nữa khổ pháp lược có 8 thứ khác nhau, là có quảng đại bất tịch tĩnh khổ, có tịch tĩnh khổ, có tịch tĩnh bất tịch tĩnh khổ, có trung bất tịch tĩnh khổ, có vi bạc bất tịch tĩnh khổ, có vi bạc tịch tĩnh khổ, có cực vi bạc tịch tĩnh khổ, có phi khổ tự khổ trụ đại tịch tĩnh. Thế nào là quảng đại bất tịch tĩnh khổ? Nghĩa là người sinh Dục giới chưa từng tích tập các thiện căn, do tất cả sinh thú ở Dục giới hiển thị đầy đủ các khổ nên chưa tích tập thiện căn không thể ngăn chặn các thú trước. Theo thứ tự gọi là quảng đại bất tịch tĩnh khổ. Thế nào là tịch tĩnh khổ? Nghĩa là người đã sinh thuận giải thoát phần thiện căn, quyết định hướng đến Bát-niết-bàn. Thế nào là tịch tĩnh bất tịch tĩnh khổ? Nghĩa là người đã trồng thiện căn lìa dục thế gian đạo, tức cái khổ nơi Dục giới này vì đã trồng thiện căn lìa dục thế gian đạo, quyết định siêu việt các khổ nhưng không phải rốt ráo. Theo thứ tự, như vậy trung bất tịch tĩnh khổ v.v... tùy chỗ thích hợp sẽ giải thích. Thế nào

là trung bất tịch tĩnh khổ? Nghĩa là người sinh Sắc giới xa lìa thuận giải thoát phần. Thế nào là vi bạc bất tịch tĩnh khổ? Nghĩa là người sinh Vô sắc giới xa lìa thuận giải thoát phần. Thế nào là vi bạc tịch tĩnh khổ? Nghĩa là các hữu học. Thế nào là cực vi bạc tịch tĩnh khổ? Nghĩa là các vô học mạng căn trụ duyên 6 xứ. Thế nào là phi khổ tự khổ trụ đại tịch tĩnh? Nghĩa là các Bồ-tát Ma-ha-tát đã được cứu cánh v.v... thừa nguyện lực đại bi nên sinh trong các hữu, do có thể trừ diệt vô lượng đại khổ tương tục của chúng sinh nên gọi là trụ đại tịch tĩnh.

Lại nữa, trước có nói đến chết khổ. Có 3 thứ chết, là hoặc chết với thiện tâm, hoặc chết với bất thiện tâm, hoặc chết với vô ký tâm. Chết với thiện tâm, nghĩa là ở trong hiện hành vị, tâm sáng suốt linh lợi, hoặc do sức tự thiện căn duy trì, hoặc do từ người khác dẫn nhiếp phát khởi thiện tâm hướng đến mạng chung vị. Chết với bất thiện tâm, nghĩa là ở trong hiện hành vị, tâm sáng suốt linh lợi, hoặc do sức tự bất thiện căn duy trì, hoặc do từ người khác dẫn nhiếp phát khởi bất thiện tâm hướng đến mạng chung vị. Nếu ở trong hiện hành vị, tâm không linh lợi sáng suốt, hoặc do thiếu 2 duyên, hoặc do không có công năng gia hành nên khởi tâm vô ký hướng đến mạng chung vị. Trong đây nói chết với thiện tâm v.v... phải biết là dựa vào ngã ái tương ưng trước khi đến mạng chung vị mà nói. Người tu tịnh hạnh khi đến mạng chung vị phần dưới nơi thân bắt đầu lạnh trước. Người không có tịnh hạnh khi đến mạng chung vị, phần trên nơi thân bắt đầu lạnh trước. Lại nữa người không tịnh hạnh khi sinh thân trung hữu, tướng hiển hiện như bóng con dê con cừ đen, hoặc như bóng đêm. Người tu tịnh hạnh khi sinh thân trung hữu, tướng hiển hiện như ánh sáng trắng, hoặc như đêm trong sáng. Lại nữa thân trung hữu này chính thụ sinh vị, tại Dục giới Sắc giới, cũng từ mạng chung hậu vị, của Vô sắc giới cũng gọi là ý sinh, Kiện-đạt-phược v.v... , trụ lâu nhất là 7 ngày, có khi nửa chừng chết yếu, hoặc có khi di chuyển. Nói ý sinh, nghĩa là thụ thân hóa sinh vì chỉ lấy tâm làm nhân. Vì

mùi hương dẫn đường nên gọi là Kiện-đạt-phước, tức là đi theo mùi hương mà đến chỗ thụ sinh. Trụ lâu nhất là 7 ngày, hoặc có khi chết yếu giữa chừng, đó là đứng về trường hợp sớm có sinh duyên mà nói. Nếu quá 7 ngày không được sinh duyên thì mạng chết rồi lại sinh trung hữu. Như vậy lần hồi cho đến không được quá 7 lần. Hoặc có khi di chuyển, nghĩa là ở vị này sinh đến nơi khác duyên mạnh hiện tiền, như Tì-khuru được đệ tứ tinh lự khởi A-la-hán tăng thượng mạn khi sinh trung hữu nơi địa kia do tà kiến hủy báng giải thoát nên chuyển sinh trung hữu nơi địa ngục. Lại nữa trong khi trụ trung hữu cũng có thể tập hợp các nghiệp do sức quen tập trước dẫn đến hiện hành tư duy thiện v.v... , lại có thể thấy đồng loại hữu tình như những người trước cùng làm thiện bất thiện, như trong chiêm bao thấy mình cùng người kia vui chơi. Lại thân hình trung hữu tương tự như nơi sắp sinh mà khởi có thân hình trước. Lại thân trung hữu này đến đó không trở ngại như đủ thần thông đi lại nhanh chóng, nhưng ở nơi sinh có chỗ câu ngại. Lại nữa thân trung hữu này ở nơi sinh xư như đạo lý cân bằng thấp cao của 2 đầu cân, thời phần khi chết đi và khi kết sinh cũng vậy. Lại nữa trụ trong thân trung hữu đối với nơi sinh phát khởi tham ái cũng dùng các phiền não làm trợ duyên thân trung hữu này với tham cùng diệt, thân Yết-la-lam với thức cùng sinh. Đây chỉ là dị thực, từ đây về sau, căn dần dần sinh trưởng, như nói trong duyên khởi nói có 4 loài sinh hoặc thụ sinh trứng hoặc thụ sinh thai, hoặc thụ sinh nơi ẩm ướt, hoặc thụ hóa sinh. Như trong duyên khởi nói, nghĩa là danh, sắc v.v... trước sau theo thứ tự. Như nói:

*Đầu tiên Yết-la-lam,
Tiếp sinh Át-bộ-đàm,
Từ đây sinh Bé-thi,
Bé-thi sinh Kiện-nam
Tiếp Bát-la-xa-khu,
Rồi sau tóc lông móng v.v...*

*Và hình tướng sắc căn
Dần dần mà sinh trưởng.*

Thế nào là tập đế? Nghĩa là các nghiệp do các phiền não và phiền não tăng thượng sinh ra đều gọi là tập đế. Do tập này, khởi sinh tử khổ. Nghiệp do phiền não tăng thượng sinh ra, là nghiệp hữu lậu. Nếu vậy vì sao Thế Tôn chỉ nói ái là tập đế? Vì nó tối thắng. Nghĩa là Bạc-già-phạm tùy theo cái thắng hơn mà nói. Như ái, hậu hữu ái, tham hỷ câu hành ái, bỉ bi vọng lạc ái. Đó là tập đế. Nói tối thắng là nghĩa của biến hành. Do ái có đủ 6 nghĩa của biến hành cho nên là tối thắng. Những gì là 6? 1. Sự biến hành, nghĩa là nó biến hành khắp tự thân, cảnh giới đối với tất cả những gì đã được chưa được. Đối với tự thân đã được thì khởi ái. Đối với tự thân chưa được thì khởi hậu hữu ái. Đối với cảnh giới đã được thì khởi tham hỷ câu hành ái. Đối với cảnh giới chưa được thì khởi bỉ bi hy lạc ái. 2. Vị biến hành, nghĩa là đối với khổ khổ tính v.v...3 vị trong các hành biến khắp tùy hành, cho nên đối với đã được khổ khổ tính vị, khởi biệt ly ái. Đối với chưa được khổ khổ tính vị, khởi bất hòa hợp ái. Đối với hoại khổ tính vị, khởi bất biệt ly ái và hòa hợp ái, vì đã được và chưa được khác biệt nhau. Đối với hành khổ tính vị, khởi ngu si ái. Do phiền não thô trọng hiển hiện và bất khổ bất lạc thụ hiển hiện, chỉ có thức A-lại-da là tối thắng hành khổ vị. Y chỉ vị này làm nhân, ngã si môn tham ái chuyển. 3. Thế biến hành, nghĩa là biến khắp tùy hành trong 3 đời, cho nên trong đời quá khứ khởi truy ức hành biến tùy hành ái. Trong đời vị lai khởi hy lạc hành biến tùy hành ái. Trong đời hiện tại khởi đam trước hành biến tùy hành ái. 4. Giới biến hành, nghĩa là Dục, Sắc, Vô sắc 3 ái thứ tự biến khắp 3 cõi. 5. Cầu biến hành, nghĩa là do tham ái khắp tìm cầu muốn có tà hạnh phạm hạnh. Do sức dục cầu không thoát ra ngoài Dục giới nên chiêu cái khổ Dục giới. Do sức mong cầu không thoát 2 cõi nên chiêu cái khổ Sắc, Vô sắc giới. Do sức mong cầu tà phạm hạnh không thoát sinh tử nên lưu

chuyên mãi mãi. Sáu thứ biến hành là hữu vô hữu ái biến hành đoạn thường nhất thiết chủng.

Phiền não, là do số, tướng, duyên khởi, cảnh giới, tương ưng, sai biệt, tà hạnh, giới, chúng, đoạn. Quán các số phiền não, là hoặc 6 hoặc 10. Sáu, là tham sân mạn vô minh nghi kiến. Mười là 5 thứ trước, kiến lại chia 5 là Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, và giới cấm thủ.

Tướng, là như tướng khi pháp sinh không tịch tĩnh, do đây sinh nên thân tâm tương tục. Không tịch tĩnh chuyển là tướng của phiền não. Tính không tịch tĩnh là cộng tướng của các phiền não. Đây lại có 6, là tính tán loạn không tịch tĩnh, tính điên đảo không tịch tĩnh, tính trạo cử không tịch tĩnh, tính hôn trầm không tịch tĩnh, tính phóng dật không tịch tĩnh, tính vô si không tịch tĩnh.

Duyên khởi, là vì phiền não tùy miên chưa vĩnh đoạn nên thuận phiền não pháp hiện tiền, hiện tiền khởi tư duy bất chính, như vậy phiền não mới được sinh. Phiền não tùy miên chưa vĩnh đoạn, nghĩa là phẩm thô trọng kia chưa vĩnh viễn nhỏ bỏ. Thuận phiền não pháp hiện tại tiền, nghĩa là hiện tiền gặp cảnh khả ái v.v... Hiện tiền khởi tư duy bất chính, nghĩa là nơi các cảnh giới kia thủ tướng tịnh v.v.... có thể tùy thuận sinh tham sân v.v...

Cảnh giới, là tất cả phiền não trở lại dùng tất cả phiền não làm cảnh sở duyên và duyên các việc phiền não. Lại nữa Dục giới phiền não trừ vô minh, nghi, kiến các phiền não khác không thể duyên địa thượng làm cảnh. Vô minh đây v.v... tuy cũng có thể duyên thượng địa nhưng chúng không thể đích thân duyên thượng địa như duyên tự địa, do dựa vào môn kia khởi phân biệt nên lập kia làm sở duyên. Nói vô minh duyên thượng địa, nghĩa là cùng với kiến v.v... tương ưng. Kiến thì trừ Tát-ca-da kiến không thấy thế gian duyên các hành của địa khác chấp làm ngã, cho nên các phiền não thượng địa không

duyên hạ địa làm cảnh, vì đã lia đục của địa kia rồi. Lại nữa duyên diệt đạo đế, các phiền não không thể đích thân duyên diệt đạo làm cảnh, vì diệt đạo đế do xuất thế gian trí và hậu đắc trí nội chứng. Chỉ do dựa vào vọng chấp kia khởi phân biệt mà nói là sở duyên, vì cảnh bị phân biệt không tách rời phân biệt mà có. Lại nữa phiền não có 2 thứ, là duyên vô sự và duyên hữu sự. Duyên vô sự, là kiến và pháp tương ưng với kiến. Kiến, là Tát-ca-da kiến và biên chấp kiến, ngoài ra các phiền não khác là duyên hữu sự.

Tương ưng, là tham không tương ưng với sân, giống như sân nghi cũng vậy, ngoài ra đều được tương ưng. Vì sao tham không tương ưng với sân? Vì là pháp hoàn toàn trái nhau thì chắc chắn không cùng chuyển. Lại nữa tham không tương ưng với nghi, là do tuệ đối với cảnh không quyết định thì chắc chắn không nhiễm trước. Ngoài ra đều được tương ưng, là ngoài ra những thứ khác như mạn v.v...vì không trái nhau. Giống như tham sân cũng vậy, nghĩa là sân không tương ưng với tham, mạn, kiến. Nếu đối với việc gì khởi tâm giận ghét thì không đề cao và tìm cầu việc ấy, những gì tương ưng với nó theo lý nên biết. Mạn không tương ưng với sân, nghi. Vô minh có 2: 1. Vô minh tương ưng với tất cả phiền não. 2. Vô minh không chung. Vô minh không chung, nghĩa là không có trí tuệ đối với đế lý. Kiến không tương ưng với sân, nghi. Nghi không tương ưng với tham, mạn, kiến. Phần v.v... các tùy phiền não không tương ưng lẫn nhau, vì các pháp lần lượt trái nhau ắt không tương ưng với nhau. Như tham với sân nếu không trái nhau thì cũng như các phiền não lần lượt tương ưng. Vô tà, vô quý hăng tương ưng trong tất cả các phẩm bất thiện thiện. Nếu lia bỏ tính bất chấp tự tha thì bất thiện sẽ không hiện hành. Hôn trầm, trạo cử, không tin, biếng nhác, phóng dật hăng tương ưng nhau trong tất cả các phẩm nhiễm ô. Nếu lia bỏ tính không kham nhiễm v.v... sẽ không thành tính nhiễm ô.

Sai biệt, là các phiền não dựa vào các thứ nghĩa mà lập ra các thứ môn sai biệt. Như là kết, phược, tùy miên phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, hệ, cái, chu ngột, cấu, thiêu, hại, tiền, và các ác hành như lậu, quĩ, nhiệt não, tránh, xí nhiên, trừ lâm, câu ngại v.v...

Hỏi: Kết có mấy thứ, kết như thế nào, kết ở đâu?

Đáp: Kết có 9 thứ, là ái kết, nhuế kết, mạn kết, vô minh kết, kiến kết, thủ kết, nghi kết, tật kết, và xan kết.

Ái kết, là tham ái 3 cõi. Kết trói buộc nên không nhầm chán 3 cõi. Do không nhầm chán nên rộng làm các điều bất thiện, không làm điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và tương ưng với khổ đời vị lai. Phải biết trong đây nói rõ các kết như tướng, như dụng, như vị là làm rõ sự sai biệt của kết, chẳng hạn như ái kết. Những gì là kết? Nghĩa là 3 cõi tham là tự tính của kết. Kết như thế nào? Nghĩa là có cái này thì không nhầm chán 3 cõi. Do đó lần lượt điều bất thiện hiện hành, điều thiện không hiện hành. Kết ở vị nào? Là ở khổ quả sinh vị nơi đời sau. Cũng như thế nhuế kết v.v... đều như lý mà biết.

Nhuế kết, là tâm có tổn hại đối với khổ và thuận khổ pháp của hữu tình. Nhuế kết trói buộc nên đối với nhuế cảnh, tâm không xả bỏ. Không xả bỏ nên rộng làm điều bất thiện, không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng trong đời vị lai.

Mạn kết, tức 7 thứ mạn. Đó là mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, hạ liệt mạn, và tà mạn. Mạn, nghĩa là đối với đối tượng thấp kém chấp cho mình là hơn, hoặc với đối tượng tương đương chấp cho mình cũng tương đương mà hãnh diện, tâm cử làm tính. Quá mạn, nghĩa là với đối tượng tương đương chấp cho mình là hơn, hoặc hơn mình thì cho là mình cũng tương đương, tâm cử làm tính. Mạn quá mạn, nghĩa là với đối tượng hơn mình thì cho mình là hơn, tâm cử làm tính. Ngã mạn, nghĩa là với 5 thủ uẩn quán ngã ngã

sở, tâm cử làm tính. Tăng thượng mạn, nghĩa là chưa chứng được pháp thượng thắng cho rằng mình đã chứng được, tâm cử làm tính. Hạ liệt mạn, nghĩa là với đa phần thắng cho rằng mình kém phần ít, tâm cử làm tính. Tà mạn, nghĩa là thật không có đức mà cho mình có đức, tâm cử làm tính, vì mạn kết trói buộc không hiểu được ngã ngã sở. Vì không hiểu nên chấp ngã ngã sở, rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Vô minh kết, nghĩa là 3 cõi vô trí, vì vô minh kết trói buộc nên không thể hiểu rõ được khổ pháp tập pháp. Vì không hiểu rõ cho nên rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai. Đối với khổ pháp tập pháp không hiểu rõ, nghĩa là đối với quả tính, nhân tính, các hành hữu lậu có tội lỗi mà không biết.

Kiến kết, tức 3 kiến, là Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, và tà kiến. Kiến kết trói buộc nên đối với tà là thoát ly lại vọng chấp theo đuôi. Nghĩa là ta phải giải thoát ngã sở giải thoát, đã giải thoát rồi ta phải thường trụ hoặc phải đoạn diệt. Lại nữa bảo trong Phật pháp chắc chắn không có giải thoát. Chấp trước là tà xuất ly rồi rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Thủ kết, là kiến thủ, giới cấm thủ. Thủ kết trói buộc nên đối với phương tiện tà xuất ly vọng chấp mà xả bỏ 8 Thánh đạo chi, vọng chấp Tát-ca-da kiến v.v...và kia làm trước như giới như cấm, làm thanh tịnh đạo. Bởi vọng chấp phương tiện tà xuất ly nên rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Nghi kết, là do dự với đế lý. Nghi kết trói buộc nên đối với Phật pháp tăng bảo vọng sinh nghi hoặc. Bởi nghi hoặc nên đối với Tam

bảo không tu chính hạnh. Do đối với Tam bảo không tu chính hạnh nên rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Tật kết, là đấm trước lợi dưỡng, không chịu được sự phồn vinh của người khác khởi tâm đố kỵ. Tật kết trói buộc nên ái trọng lợi dưỡng không tôn kính pháp. Trọng lợi dưỡng nên rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Xan kết, là đấm trước lợi dưỡng, đối với công cụ tư sinh tâm sinh bồn sển. Xan kết trói buộc nên yêu thích quý trọng chứa đê không biết trọng sự xa lìa. Trọng chứa đê rộng làm điều bất thiện không làm các điều thiện. Do đó có thể chiêu cảm khổ và khổ tương ưng nơi đời vị lai.

Phược có 3 thứ, là tham phược, sân phược, và si phược. Do tham phược nên trói buộc chúng sinh khiến ở trong hoại khổ. Do sân phược nên trói buộc chúng sinh khiến ở trong khổ khổ. Do si phược nên trói buộc chúng sinh khiến ở trong hành khổ. Do tham phược v.v... trói buộc ở nơi hoại khổ v.v... nghĩa là do tham sân si nên thường tùy miên với lạc thụ v.v... Lại nữa dựa vào tham sân si nên đối với thiện phương tiện không được tự tại nên gọi là trói buộc. Ví như bên ngoài trói buộc các chúng sinh khiến không được tự tại đối với 2 việc: một là không được tùy ý đi lại, hai là ở đâu không được làm gì tùy ý. Phải biết nội pháp tham sân si cũng trói buộc như vậy.

Tùy miên có 7 thứ là: dục ái tùy miên, sân nhuế tùy miên, hữu ái tùy miên, mạn tùy miên, vô minh tùy miên, kiến tùy miên, và nghi tùy miên. Dục ái tùy miên, nghĩa là dục tham phẩm thô trọng. Sân nhuế tùy miên, là sân nhuế phẩm thô trọng. Hữu ái tùy miên, là Sắc, Vô sắc tham phẩm thô trọng. Mạn tùy miên, là mạn phẩm thô trọng.

Vô minh tùy miên, là vô minh phạm thô trọng. Kiến tùy miên, là kiến phạm thô trọng. Nghi tùy miên, là nghi phạm thô trọng. Nếu người chưa lìa dục cầu thì do dục ái sân nhuế tùy miên mà miên man theo đuổi. Do dựa vào môn kia mà hai cái này tăng trưởng. Người chưa lìa hữu cầu thì do hữu ái tùy miên mà miên man theo đuổi. Người chưa lìa cầu tà phạm hạnh thì do mạn, vô minh, kiến, nghi tùy miên mà miên man theo đuổi. Bởi các chúng sinh kia được một ít đối trị liền sinh kiêu mạn, ngu muội đối với Thánh đế, hư vọng chấp trước tà giải thoát của ngoại đạo, phương tiện giải thoát, tùy theo thứ tự 3 kiến 2 thủ như trong phần nói về kết, đối với chính pháp Tì-nại-da trong Thánh giáo của Phật mà do dự nghi hoặc.

HẾT QUYỂN 6

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 7

Phẩm 1 – 2: PHẨM ĐỀ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Tùy phiền não, nghĩa là các phiền não đều là tùy phiền não, nhưng có tùy phiền chẳng phải phiền não. Nghĩa là trừ phiền não, ngoài ra các hành uẩn nhiễm ô gồm tất cả tâm pháp. Đây là thế nào? Là trừ tham v.v... 6 phiền não, ngoài ra các hành uẩn nhiễm ô bao gồm các tâm pháp như phẫn v.v... Lại nữa tham, sân, si là tùy phiền não tâm pháp, do tùy phiền não này theo não loạn nơi tâm khiến không lìa nhiễm, khiến không giải thoát, khiến không đoạn chướng, nên gọi là tùy phiền não. Như Thế Tôn nói: Các người đê mê dài bị tham sân si theo não loạn tâm hằng nhiễm ô.

Triền có 8 thứ, là hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác, tật, xan, vô tâm, vô quý, thường thường tăng thịnh quán quanh nơi tâm nên gọi là triền. Do các triền này thường tăng thịnh quán quanh nơi tâm tất cả hành giả tu quán làm chướng ngại việc tu thiện phẩm. Tu thiện phẩm, nghĩa là tùy tu tạp tướng chỉ, cử, xả và khi y vào phạm hạnh nhiếp trì tịnh giới. Đây là thế nào? Nghĩa là khi tu chỉ thì hôn trầm, thù miên làm chướng, vì ở trong nó đưa đến sự chìm lặn, khi tu cử thì trạo cử, ác tác làm chướng, vì ở ngoài nó dẫn đến tán loạn, khi tu xả thì tật, xan làm chướng, vì nó thường làm tâm dao động trong môn xan lẫn tật đổ đối với việc thành tựu tự tha lợi, khi tu tịnh giới

thì vô tâm, vô quý làm chướng, vì đủ 2 phạm này các học xứ không biết xấu hổ.

Bạo lưu có 4, là dục bạo lưu, hữu bạo lưu, kiến bạo lưu, và vô minh bạo lưu. Theo dòng cuốn trôi là nghĩa của bạo lưu vì thuận theo tập nhiễm. Ban đầu là tập dục cầu, thứ hai là tập hữu cầu, sau 2 cái đó là tập cầu tà phạm hạnh, vì tương ưng với đạo lý năng y sở y. Kiến bạo lưu là năng y. Vô minh bạo lưu là sở y. Do có ngu si điên đảo suy cầu giải thoát và phương tiện..

Ách có 4 thứ, là dục ách, hữu ách, kiến ách, và vô minh ách. Chướng ngại ly hệ là nghĩa của ách, vì trái nghịch với thanh tịnh. Đây cũng theo thứ tự tập 3 cầu là tương ưng hiện hành.

Thủ có 4 thứ, là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, và ngã ngữ thủ. Chấp thủ tránh căn chấp thủ. Hậu hữu là nghĩa của thủ. Sở dĩ vì sao? Do tham trước dục hệ trói buộc đam nhiễm làm nhân, người tại gia thì đấu tranh giành giật nhau, căn bản của đấu tranh giành giật này là cái thủ thứ nhất. Do tham trước kiến hệ trói buộc đam nhiễm làm nhân, người xuất gia tranh cãi nhau, căn bản của tranh cãi này là 3 cái thủ sau. Sáu mươi hai kiến là kiến thủ. Các cấm giới khác nhau đa phần khổ hạnh là giới cấm thủ. Chỗ y chỉ Tát-ca-da kiến là ngã ngữ thủ. Do kiến thủ, giới cấm thủ các ngoại đạo tranh luận nhau, bởi chỗ chấp kiến không đồng nhất. Do ngã ngữ thủ các ngoại đạo tranh luận nhau, đối với ngã hữu tính chúng đều đồng kiến chấp nhưng do chấp thủ đó các ngoại đạo cùng tranh luận với chính pháp, vì chúng không tin có vô ngã. Như vậy căn bản của tranh luận chấp trước lại có thể dẫn lấy cái khổ dị thực hậu hữu nên gọi là thủ.

Hệ có 4 thứ, là tham dục thân hệ, sân nhuế thân hệ, giới cấm thủ thân hệ, và thật chấp thủ thân hệ. Vì có thể chướng ngại định ý tính thân nên gọi là hệ. Sở dĩ vì sao? Do đây có thể làm chướng ngại cái thân của tự tính định tâm nên gọi là hệ chứ hệ không phải chướng ngại sắc thân. Bởi vì sao? Vì là nhân có thể làm loạn 4 thứ tâm. Nghĩa

là do tham ái tài vật là nhân khiến tâm tán loạn. Đối với việc đấu tranh, hành động bất chính là nhân khiến tâm tán loạn. Đối với giới cấm khó thực hành, khổ não là nhân khiến tâm tán loạn. Không như chính lý suy tìm cảnh giới là nhân khiến tâm tán loạn, vì chỗ y chỉ kia đều có chấp kiến khác biệt. Đối với cảnh sở tri, không như chính lý suy đạt các thứ vọng sinh chấp trước, nghĩa là duy chỉ đây là chân thật ngoài ra đều là ngu vọng. Do đó làm nhân khiến tâm tán động. Tán động ở đâu? Là ở nơi định tâm như thật trí kiến.

Cái có 5 thứ, là tham dục cái, sân nhuế cái, hôn trầm thù miên cái, trạo cử ác tác cái, và nghi cái. Có khả năng làm cho thiện phẩm không được lộ rõ, là nghĩa của cái, vì che khuất tâm, làm chướng ngại các thiện phẩm khiến không chuyên.

Hỏi: Làm chướng ngại các thiện pháp ở những vị nào?

Đáp: Ở lạc xuất gia vị, giác chính hành vị, chỉ cử xả vị. Đối với khi thích muốn xuất gia thì tham dục cái làm chướng ngại, mong cầu thụ dụng cảnh giới môn bên ngoài, đối với sự xuất gia kia không sinh vui thích. Đối với khi giác ngộ chính hành thì sân nhuế cái làm chướng ngại. Đối với chỗ phạm học giới, người phạm hạnh chính khi phát giác do tâm sân nhuế không chính học. Đối với chỉ, cử 2 vị thì hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác cái làm chướng ngại như trước đã nói có thể dẫn đến tình trạng lặn chìm và tán loạn. Đối với xả vị, nghi cái làm chướng, vì xa lìa quyết định không thể xả được.

Chu ngọt có 3, là tham sân si. Do y chỉ tham sân si lấy những quen tập trước làm phương tiện nên thành tham v.v... tâm hành không điều thuận, không kham năng khó có thể giải thoát, khiến các chúng sinh khó đoạn được hành vi này nên gọi là chu ngọt. Sở dĩ vì sao? Đối trị đạo chắc chắn khó có thể phá hoại. Đứng về nghĩa này nên lập là chu ngọt. Trong vô lượng kiếp quen tập tham v.v... đã thành hạnh kiên cố rồi khó nhổ bỏ được giống như cái gốc cây trơ trụ.

Cầu có 3 thứ, là tham sân si. Do y chỉ tham sân si nên hủy phạm Thi-la học xứ. Do đó những người có trí cùng tu phạm hạnh hoặc ở nơi thôn xóm, hoặc ở nơi vắng vẻ thấy vậy nói rằng: Trưởng lão này làm việc như vậy, hành động hạnh như vậy bị xóm làng chê bai là nhiễm bất tịnh. Gọi là cầu, bởi tham sân si có thể hiện tướng phạm giới bất tịnh.

Thiêu hại có 3, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên thời gian lâu chịu nhiều sinh tử thiêu đốt não hại nên gọi là thiêu hại. Do từ vô thủy sinh tử lưu chuyển nhân tham sân si nên thường bị khổ sinh tử thiêu đốt não hại.

Tiền có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên đối với hữu và hữu cụ khởi tâm truy cầu không dứt. Đối với Phật pháp tăng, khổ tập diệt đạo thường sinh nghi hoặc nên gọi là tiền. Đối với người có của cải Tam bảo, Tứ đế thì do ái nghi môn có thể làm bị thương như xuống tên bắn.

Sở hữu có 3, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên chứa để tiền bạc của cải, có lo sợ có ân oán, phần nhiều ở trong tán loạn nên gọi là sở hữu. Do nhiều chứa để của cải nên hằng tương ưng với sự lo sợ.

Ác hành có 3, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên hằng làm các ác hành thân ngữ ý nên gọi là ác hành. Do tham sân si có thể dẫn đến sát sinh v.v... các hành bất thiện. Lại nữa tức y vào tham sân si môn này, rộng sinh vô lượng ác bất thiện hành nên thiết lập 3 bất thiện căn. Sở dĩ vì sao? Bởi các hữu tình tham đắm mùi vị thế gian nên sở hữu là nhân làm các ác hành tham cầu tài lợi. Làm ác hạnh nên phân biệt thế gian, tương oán là nhân làm các ác hạnh. Do ôm tâm sân nhuế không nhẫn chịu lỗi người, làm nhiều điều ác nên chấp trước thế gian, tà pháp làm nhân làm các ác hạnh. Do ôm tâm ngu si khởi kiến chấp điên đảo, nhân thờ phụng cúng tế v.v...

làm các điều ác cho nên tham sân si này cũng gọi là ác hạnh, cũng gọi là bất thiện căn.

Lậu có 3 thứ, là dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu khiến tâm liên tục rót chảy tan không ngớt nên gọi là lậu. Đây là thế nào? Y ngoại môn rót chảy nên lập dục lậu. Y nội môn rót chảy nên lập hữu lậu. Y sở y 2 môn kia rót chảy nên lập vô minh lậu. Khiến tâm liên tục rót chảy tan không ngớt là nghĩa của lậu.

Quỹ có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên đối với hữu và những vật tư sinh, hằng khởi tâm truy cầu không biết chán đủ, thường bị các khổ nghèo thiếu bức não nên gọi là quỹ. Bởi tham sân si có thể khiến thân tâm hằng thiếu hụt.

Nhiệt có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên không như chính lý chấp trước các tướng chấp trước tùy hảo. Do chấp trước tướng và tùy hảo nên thiêu đốt bức não thân tâm nên gọi là nhiệt, vì không như chính lý vọng chấp tướng hảo thiêu đốt thân tâm.

Não có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên tùy theo các chỗ kia đắm trước ái lạc, nếu chúng biến hoại thì càng thêm sầu than gặp phải các thứ lo âu sầu khổ nhiệt não nên gọi là não. Do đối với sắc v.v... các việc khả lạc, ái trước đã sâu, nếu chúng biến hoại thì các hữu tình lại bị các thứ sầu khổ não loạn.

Tránh có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên cầm đao gây nổi lên gây sự đấu tranh các thứ. Vì vậy tham v.v... gọi là tranh.

Xí nhiên có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên bị ngọn lửa tham lớn phi pháp thiêu đốt. Tham phi pháp, nghĩa là theo tham trước bất thiện nghiệp đạo, lại còn bị ngọn lửa tham lớn bất bình đẳng thiêu đốt. Tham bất bình đẳng, nghĩa là phi pháp phi lý tham cầu cảnh giới, lại còn bị ngọn lửa tà pháp lớn thiêu đốt. Tà pháp là ác thuyết pháp luật của các ngoại đạo. Bởi tham phi pháp v.v...

có thể phát ngọn lửa lớn trong thân tâm hừng hực đốt cháy. Như lửa cháy hừng hực nên gọi là xí nhiên.

Trừ lâm có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên trong các hành căn bản của sinh tử rộng nổi lên các nhiệm trước khiến các hữu tình, cảm các thứ thân lưu chuyển trong 5 thú, khiến các hữu tình ở trong bản hành sinh tử như trong rừng cây đại thụ rậm rạp khó có thể thoát ly ra khỏi. Cho nên tham v.v... gọi là trừ lâm.

Câu ngại có 3 thứ, là tham sân si, do y chỉ tham sân si nên cố lưu luyến thân mạng tài sản không biết giác ngộ, ưa ở nơi hỗn tạp huyên náo, được chút thiện pháp liền sinh chán đủ. Do đó không thể tu các thiện pháp nên gọi là câu ngại. Y nơi tham sân si chiếu cố thân mạng tài sản v.v... câu thúc làm trở ngại hữu tình không được tự tại tu các thiện. Lại nữa, sự cố luyến thân v.v... là y vào 5 thứ tâm câu thúc trở ngại mà nói. Những gì là 5? Là cố luyến thân, cố luyến các dục lạc tướng tạp trụ. Thiếu sót sự tùy thuận giáo giới giáo thụ, đối với các thiện phẩm được chút ít cho là đủ, câu thúc trở ngại tâm nên gọi là tâm câu ngại. Có vô lượng các sai biệt nghĩa môn như vậy của phiền não.

Tà hạnh, là tham sân 2 phiền não. Mê cảnh giới và kiến khởi tà hạnh, tu đạo sở đoạn kiến đạo sở đoạn theo thứ tự đó. Tham sân 2 thứ duyên thiếu tịnh tướng và tương vi tướng làm cảnh giới nên gọi là mê cảnh giới. Tuy cũng duyên hữu tình khởi tham sân, nhưng y cảnh giới môn khởi nên cũng gọi là mê cảnh giới. Mạn mê hữu tình và kiến khởi tà hạnh. Bởi ở nơi hạ liệt đấng khởi chấp mình hơn, nên nơi hữu tình môn tà giải chuyển. Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến mê cảnh sở tri khởi tà hạnh, y tăng ích tổn giảm môn tùy theo chỗ thích hợp. Kiến thủ, giới cầm thủ là mê các kiến khởi tà hạnh. Do nơi lỗi lầm các kiến lấy làm đệ nhất và giới cầm thanh tịnh nên nghi mê đối trị khởi tà hạnh. Ở trong các đế thành ra 2 cái hiểu, cho nên vô minh mê tất cả khởi tà hạnh. Lại nữa, 10 phiền não đều mê

khổ tập khởi các tà hạnh, đó là chỗ sở y của nhân duyên kia. Sở dĩ vì sao? Khổ tập 2 để đều là nhân duyên của 10 thứ phiền não, lại là chỗ sở y cho nên tất cả mê chỗ sở y của nhân duyên này khởi các tà hạnh. Lại nữa, 10 phiền não đều mê diệt đạo khởi các tà hạnh sợ do đây có thể sinh kia. Sở dĩ vì sao? Do sức của phiền não ưa đắm trước sinh tử, đối với pháp thanh tịnh khởi ý tưởng như đứng trên bờ vực thẳm mà sinh cả sợ hãi. Lại nữa, các ngoại đạo đối với diệt đạo để, vọng khởi các thứ điên đảo phân biệt. Cho nên 10 hoặc đều mê diệt đạo khởi các tà hạnh.

Giới là thế nào? Là trừ sân, còn bao nhiêu tất cả thông tam giới hệ. Sân chỉ thuộc Dục giới hệ, vì sinh do duyên cảnh trái nghịch tổn hại. Lại nữa, tham ở Dục giới tương ưng với lạc hỷ xả. Giống như ở Dục giới ở sơ và nhị tinh lự cũng vậy. Ở đệ tam tinh lự tương ưng với lạc xả. Trở lên trên chỉ tương ưng với xả. Tham nơi Dục giới tương ưng với lạc là ở 5 thức thân, tương ưng với hỷ là ở ý thức thân, tương ưng với xả là ở mọi nơi. Ở vị cuối cùng tương tục, sở dĩ không cùng với khổ tương ưng, là do đây hân hành chuyển. Sân với khổ ưu xả tương ưng. Khổ tương ưng là ở 5 thức thân. Ưu tương ưng là ở 6 thức thân. Sở dĩ không cùng hỷ lạc tương ưng là do đây thích hành chuyển nên sân có thể bức não. Tụ tương tục nên gọi là thích hành. Cùng với xả tương ưng là ở mọi nơi, như trước đã nói. Mạn ở Dục giới tương ưng với hỷ xả. Ở sơ và nhị tinh lự tương ưng với lạc xả và hỷ xả. Ở đệ tam tinh lự tương ưng với lạc xả. Trở lên chỉ tương ưng với xả. Mạn ở Dục giới không tương ưng với lạc vì 5 thức không có. Nếu vậy ở sơ và nhị tinh lự làm sao tương ưng với lạc? Tương ưng với ý địa lạc nên không lỗi. Làm sao ở đó có ý địa lạc? Do nói địa ấy có hỷ lạc. Như kinh nói: Thế nào là hỷ? Nghĩa là người đã chuyển y, y nơi chuyển thức tâm duyệt, tâm dũng, tâm thích, tâm điều, tâm an, thích, thụ, thụ sở nhiếp. Y nơi chuyển thức, tức y vào ý thức, vì ở Tam-ma-hứ-đa vị các thức khác không có. Thế nào là lạc? Nghĩa là người đã chuyển y, y vào thức A-lại-da nhiếp thụ sở y, sở y di, duyệt, an, thích,

thụ, thụ sở nhiếp. Kinh này ý nói lạc thụ khi y vào sơ và nhị tinh lự sinh thì cùng tương ưng với các nhóm tâm tâm pháp như vậy. Do hân dũng hành trở lại khiến nhóm này được dũng duyệt. Lại khiến tự thể của thức A-lại-da sở y an lạc di thích. Do lạc thụ này làm 2 việc, cho nên thể tuy là 1 mà kiến lập 2 thứ hoặc hỷ hoặc lạc. Cho nên nói tương ưng này là mạn với lạc hỷ tương ưng. Giống như Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, kiến thủ, giới cấm thủ cũng vậy. Tà kiến ở Dục giới tương ưng với ưu, hỷ, xả, ở Sắc giới, Vô sắc giới, tùy chỗ có thụ đều cùng tương ưng. Thế nào là tà kiến ở Dục giới cùng ưu, hỷ tương ưng? Nghĩa là người trước tạo diệu hạnh ác hạnh thấy đây không quả mà sinh vui mừng hay lo âu. Sở dĩ không tương ưng với khổ lạc, do tất cả kiến đều ở nơi ý địa. Nghi ở Dục giới tương ưng với ưu xả. Ở Sắc giới, Vô sắc giới tùy chỗ có thụ đều tương ưng. Sở dĩ Dục giới không tương ưng với hỷ vì tâm không quyết định, nếu chưa diệt dứt thì không sinh. Trong Sắc giới, nghi, nghi thượng tinh lự thì do định lực của hỷ lạc duy trì dắt dẫn nên cũng được tùy chuyển. Cho nên ở đó cũng tương ưng với hỷ lạc.

Vô minh có 2 thứ là tương ưng và bất cộng tương ưng vô minh. Vì tương ưng với tất cả phiền não nên ở đó tùy chỗ có thụ đều được tương ưng. Bất cộng vô minh thì ở Dục giới tương ưng với ưu xả. Ở thượng giới thì tùy chỗ có thụ đều được tương ưng. Hỷ lạc tương ưng không tương ưng, lý nói như nghi. Vì sao các phiền não đều tương ưng với xả? Vì tất cả phiền não rơi vào trung dung vị mới mất hết. Sở dĩ vì sao? Phiền não sinh khởi lần lượt tương tục dần dần mờ nhạt, thể lực sắp hết rơi vào nơi trung vị, ở trong vị này ắt phải tương ưng với xả thụ.

Lại nữa, tham ở Dục giới ở tại 6 thức thân. Giống như tham, sân vô minh cũng vậy. Tham ở Sắc giới thì tại 4 thức thân, vì ở đó không có tỷ thức thiết thức. Ở Vô sắc giới thì chỉ ở tại ý thức thân. Giống như tham, vô minh cũng vậy. Mạn kiến nghi ở mọi nơi chúng

chỉ ở tại ý thức thân, do chúng ở xứng lượng môn v.v... chuyên. Lại nữa tham sân mạn ở Dục giới duyên một phần sự chuyên. Giống như ở Dục giới, ở Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Mạn duyên một phần sự chuyên, nghĩa là tùy nơi một phần cao cử sinh, ngoài ra các phiền não khác ở tất cả mọi nơi duyên khắp tất cả sự chuyên.

Thế nào là chúng? Là 2 chúng phiền não: một chúng kiến đạo sở đoạn và một chúng tu đạo sở đoạn. Dục giới kiến khổ sở đoạn có đủ 10 phiền não. Giống như kiến khổ sở đoạn, kiến tập diệt đạo sở đoạn cũng vậy. Nếu mê đây khởi tà hạnh thì thấy đây tức đoạn được.

Hỏi: Nếu duyên đây làm cảnh tức là mê đây khởi tà hạnh ư?

Đáp: Không nhất thiết như vậy. Duyên vô lậu làm cảnh. Phiền não chỉ tùy tăng nơi việc hữu lậu. Nếu nơi đó là nhân duyên và sở y xứ, mê đây khởi tà hạnh là kiến khổ sở đoạn. Giống như kiến khổ sở đoạn, kiến tập diệt đạo sở đoạn cũng vậy tùy chỗ thích hợp.

Sắc giới có 4 thứ kiến sở đoạn đều mỗi thứ có 9 phiền não trừ sân. Giống như Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như vậy chúng kiến đạo sở đoạn phiền não tính chung là 112.

Dục giới tu sở đoạn có 6 phiền não là: câu sinh Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, và tham sân mạn vô minh.

Những gì là tu sở đoạn? Câu sinh Tát-ca-da kiến, là Thánh đệ tử tuy kiến đạo đã sinh nhưng y chỉ đây nên ngã mạn hiện hành. Như kinh nói: Trưởng lão Đà-sách-ca phải biết ta trong 5 thủ uẩn không thấy có ngã ngã sở, nhưng trong 5 thủ uẩn có ngã mạn ngã dục ngã tùy miên chưa vĩnh đoạn, chưa biết khắp, chưa diệt, chưa thối ra. Như người vú nuôi có chiếc áo bẩn mồ hôi, tuy dùng đất mặn nước v.v... giặt kỹ cho sạch bẩn mà chưa xông ướp hương mùi hôi vẫn còn vương vấn, phải dùng các thứ hương thơm xông thì mùi hôi mới hết. Như vậy các đệ tử Phật tuy dùng kiến đạo vĩnh đoạn cấu uế của phân biệt thân kiến, nhưng nếu chưa dùng tu đạo huân tập liên tục thì

những tập khí chấp trước hư vọng tập quen từ vô thủy dẫn đến không phân biệt sự, ngã kiến tùy chuyển, phải dùng tùy đạo huân tập liên tục kia mới vĩnh diệt. Câu sinh biên chấp kiến, là gồm trong đoạn kiến. Đây do kiến, nên đối với Niết-bàn giới tâm thoái chuyển sinh rất sợ hãi bảo ta nay là ở đâu đây? Tham v.v... các phiền não tu đạo sở đoạn, là trừ các phiền não gồm trong kiến phẩm. Sắc giới tu đạo sở đoạn có 5 trừ sân. Giống như Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như vậy tu đạo sở đoạn phiền não tổng kết có 16.

Đoạn như thế nào? Nghĩa là như sai biệt đoạn này do tác ý đoạn này từ cái này được đoạn. Như sai biệt đoạn này, là biến trí, là viễn ly, là đặc đối trị. Biến trí, là nhân duyên sự biến trí, tự thể biến trí, quá hoạn biến trí. Nhân duyên sự biến trí, nghĩa là biết phiền não tùy miên chưa vĩnh đoạn v.v... như trước đã nói. Tự thể biến trí, nghĩa là biết loại phiền não này sinh rồi rất não loạn tâm tính. Quá hoạn biến trí, nghĩa là biết loại phiền não này có thể dẫn đến tự hại, có thể dẫn đến hại người khác, có thể dẫn đến hại cả hai, có thể sinh lỗi hiện pháp, có thể sinh sinh lỗi hậu pháp, có thể sinh lỗi hiện pháp và hậu pháp, có thể khiến hữu tình thụ tội lỗi này sinh thân tâm ưu khổ. Viễn ly, là lỗi lầm kia tuy tạm sinh nhưng không kiên chấp. Do nhân duyên sự biến trí v.v... 3 thứ biến trí, nơi lỗi lầm đó đã sinh tất cả phiền não tâm không kiên chấp phương tiện xa lìa. Đặc đối trị, là chưa sinh thì khiến không sinh, đã sinh thì khiến đoạn dứt cho nên được đối trị đạo. Để khiến các phiền não chưa sinh hoặc đã sinh vĩnh viễn đoạn trừ không sinh nên tu trị đạo.

Hỏi: Những tác ý nào có thể đoạn trừ?

Đáp: Duyên chung tác ý quán tất cả pháp đều là tính vô ngã, có thể đoạn phiền não. Duyên chung tác ý, nghĩa là hợp duyên tất cả pháp cùng hành tác ý.

Hỏi: Nếu chỉ có trí tổng duyên các pháp vô ngã có thể đoạn phiền não thì vì sao còn hiển thị các hành vô thường v.v...?

Đáp: Chẳng phải vì đoạn phiền não nên tu tập các hành ấy, mà chỉ vì tu trị vô ngã hành. Do y vô thường hành dẫn đến được khổ hành, y chỉ khổ hành dẫn đến vô ngã hành. Như kinh nói: Vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Vì vậy kiến lập vô ngã hành này là vô thượng. Có 3 thứ vô thượng, là trí vô thượng, hành vô thượng, và giải thoát vô thượng. Trí vô thượng là trí vô ngã. Được trí này rồi thì không còn cầu gì khác. Hành vô thượng là thông hành tất cả một cách dễ dàng nhanh chóng, là đứng đầu tất cả các hành. Giải thoát vô thượng là vô học bất động giải thoát, là hơn tất cả giải thoát. Ba vô thượng này theo thứ tự là y chỉ kiến tu vô học đạo mà nói.

Hỏi: Từ đâu mà được đoạn?

Đáp: Không từ quá khứ đã diệt, không từ vị lai chưa sinh, không từ hiện tại cả hai đàng, mà từ các phiền não thô trọng được đoạn. Để đoạn các phẩm thô trọng như vậy như vậy nên sinh các phẩm đối trị như vậy như vậy. Nếu phẩm đối trị này sinh thì phẩm thô trọng này diệt. Hoàn toàn bình đẳng như ở thế gian sáng sinh thì tối diệt. Do phẩm ly hệ này khiến vị lai phiền não trụ không sinh trong pháp, thế gọi là đoạn.

Lại nữa, phiền não tăng thượng sinh nghiệp như thế nào? Nghĩa là hoặc tư nghiệp, hoặc tư dĩ nghiệp, gọi chung là nghiệp tướng. Lại nữa có 5 thứ nghiệp, là thủ thụ nghiệp, tác dụng nghiệp, gia hành nghiệp, chuyển biến nghiệp, và chứng đắc nghiệp. Thủ thụ nghiệp, là như mắt v.v... có khả năng thấy sắc v.v.... Tác dụng nghiệp, là như đất v.v... có khả năng duy trì kham nhiệm v.v... Hoặc các pháp tự tướng sở tức, nghĩa là nó có sắc chất làm cản trở sự biến hoại v.v... Gia hành nghiệp, là ý giải làm trước tiên khởi thân nghiệp v.v... Chuyển biến nghiệp, là như thợ kim hoàn chế tác các vật trang sức v.v... Chứng đắc nghiệp, là Thánh đạo v.v..., chứng Niết-bàn v.v... Nay trong nghĩa này, vai trò của ý có nhiều phân biệt trong gia hành nên cũng có phần nào gồm có 2 nghiệp là chứng đắc nghiệp và tác

dụng nghiệp. Thế nào là tư nghiệp? Là phúc nghiệp, phi phúc nghiệp, và bất động nghiệp. Thế nào là tư dĩ nghiệp? Là thân nghiệp, ngữ nghiệp, và ý nghiệp. Lại nữa, 3 nghiệp thân ngữ ý này hoặc thiện, hoặc bất thiện. Bất thiện, là 10 bất thiện nghiệp đạo. Tức sát hại sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời gây chia rẽ, nói lời thô ác, nói lời thù ghét, tham dục, sân nhuế, và tà kiến. Thiện, là 10 thiện nghiệp đạo. Tức là lia bỏ sát sinh, cho đến lia bỏ lời nói tạp uế, không tham, không sân, và chính kiến. Nay trong đây chỉ lấy nghiệp đạo làm rõ thân nghiệp v.v... Để tùy thuận kinh mà nói chỗ thắng hơn, còn các phương tiện của chúng v.v... cũng gồm trong thân v.v... các nghiệp. Cho nên trước 3 trong 4, sau 3 nghiệp đạo tùy theo thứ tự là thân nghiệp tướng, ngữ nghiệp tướng, và ý nghiệp tướng. Lại nữa sát sinh v.v... nên lấy 5 môn phân biệt tướng của nó. Nghĩa là vì sự việc, vì ý lạc, vì phương tiện, vì phiền não, và vì cứu cánh mà sát sinh. Nói đấng sự, nghĩa là có hữu tình số và phi hữu tình số, tùy theo chỗ thích hợp mà dựa vào đó khởi sát sinh v.v... Ý lạc, nghĩa là đối với việc này khởi ý tưởng vui thích và khởi ý thích sẽ làm nghiệp đạo này. Phương tiện, nghĩa là tác dụng này hoặc tự mình hoặc do người khác mà phát khởi thân ngữ ý. Phiền não, là tham sân si, tùy chỗ thích hợp hoặc chung hoặc riêng rẽ. Cứu cánh, là các phương tiện kia viên mãn các nghiệp đạo như vậy như vậy, hoặc ngay lúc ấy hoặc lúc sau. Trong nghĩa này, sát sinh sự, nghĩa là hữu tình số. Ý lạc, là ý tưởng đó và ý phải sát hại. Phương tiện, là như dao gậy v.v... để làm việc sát hại. Phiền não, là tham v.v... Cứu cánh là các chúng sinh ấy vì do phương tiện nên hoặc chết liên tục, hoặc chết lúc sau.

Không cho mà lấy v.v... các việc và cứu cánh phải rộng phân biệt, ngoài ra như lý phải suy nghĩ. Việc không cho mà lấy, nghĩa là sở hữu của người khác, hoặc hữu tình số, hoặc phi hữu tình số. Cứu cánh là lấy làm sở hữu của mình. Việc dâm dục tà hạnh, nghĩa là không phải người nữ có thể làm việc đó, hoặc tuy có thể nhưng

không đúng thân phận, không phải nơi, không phải lúc, không phải lượng, và không hợp lý như người nam, người bất nam. Cứu cánh là cả hai giao hợp suông rỗng. Việc nói lời lừa dối, nghĩa là thấy nghe hay biết nói là không thấy không nghe không hay không biết. Ý lạc là ý tưởng khác lạ muốn nói chuyện khác lạ. Cứu cánh là lúc, số đông, người đối thoại hiểu. Việc nói lời chia rẽ, nghĩa là các hữu tình hoặc hòa hợp hoặc không hòa hợp. Ý lạc là đối với người kia khởi ý trái nghịch ly cách và không hòa hợp. Cứu cánh là phá sự lãnh hội hiểu biết. Việc nói lời thô ác, nghĩa là các hữu tình có thể bị tổn hại. Cứu cánh là phát ra lời thô ác. Việc nói lời thù dật, nghĩa là có thể dẫn đến nghĩa không làm lợi ích. Cứu cánh là chính phát ra lời này. Việc tham dục, nghĩa là của cải của người khác. Ý lạc là khởi tưởng này và ái lạc. Phương tiện là suy nghĩ tính toán muốn làm sao thành của mình. Cứu cánh là quyết định lấy làm của mình. Việc sân nhuế, nghĩa là các hữu tình có thể bị tổn hại. Cứu cánh là quyết định làm hại.v.v... Việc tà kiến, nghĩa là thật hữu nghĩa. Ý lạc là đối với thật hữu khởi tưởng phi hữu và dục lạc kia. Cứu cánh là quyết định chê bai. Như kinh nói: Cố tư tạo nghiệp. Sao gọi là cố tư tạo nghiệp? Lược có 5 thứ: Người khác sai bảo nên cố tư tạo nghiệp, người khác thỉnh mời nên cố tư tạo nghiệp, không hiểu biết nên cố tư tạo nghiệp, căn bản chấp trước nên cố tư tạo nghiệp, và điên đảo phân biệt nên cố tư tạo nghiệp. Người khác sai bảo nên suy nghĩ tạo nghiệp, là như có một người tuy không do dục lạc nhưng bị người khác dùng sức mạnh sai bảo nên suy nghĩ làm nghiệp bất thiện. Người khác khuyên mời nên suy nghĩ tạo nghiệp, là như có một người tuy không do dục lạc nhưng người khác khuyên mời dắt dẫn chấp là lợi ích mà phát khởi suy nghĩ làm nghiệp bất thiện. Không hiểu biết nên suy nghĩ tạo nghiệp, là như có một người không hiểu biết phúc đức tội lỗi không chấp trước gì cả cứ tùy ý muốn mà phát khởi suy nghĩ làm nghiệp bất thiện. Căn bản chấp trước nên suy nghĩ tạo nghiệp, là như có một người bị tham sân v.v... các bất thiện căn trói buộc che lấp tâm, chấp

trước quá mạnh phát khởi suy nghĩ tạo nghiệp bất thiện. Điên đảo phân biệt nên suy nghĩ tạo nghiệp, là như có một người y vào nhân bất bình đẳng thấy ái lạc tà pháp, vì muốn cầu đời sau được quả dị thực khả ái phát khởi suy nghĩ làm nghiệp bất thiện. Trong 5 thứ này, căn bản chấp trước cố tư tạo nghiệp và điên đảo phân biệt cố tư tạo nghiệp, 2 thứ này hoặc làm, hoặc tăng trưởng không thứ nào là không thụ dị thực. Hai cố tư tạo nghiệp sau, hoặc làm hoặc tăng trưởng nặng nên chắc chắn thụ dị thực. Tác, nghĩa là khởi tạo các nghiệp khiến nó hiện hành. Tăng trưởng, nghĩa là khiến tập khí tăng lên, nuôi lớn chủng tử dị thực trong thức A-lại-da. Như kinh nói: Quyết định thụ nghiệp, thế nào là quyết định? Nghĩa là tác nghiệp quyết định, thụ dị thực quyết định, và phần vị quyết định. Tác nghiệp quyết định, nghĩa là do nghiệp lực đời trước cảm được quyết định dị thực tương tục, cho nên trong khi sinh ắt tạo nghiệp này. Bởi vì sao? Vì kỳ hạn quyết định phải tạo nghiệp này hoàn toàn không thể vượt hạn mà tạo nghiệp này được. Cho đến sức thần thông lớn của chư Phật Thế Tôn cũng không thể làm ngăn trở khiến không tạo được, vì tùy theo sức quyết định của nhân, quả tương tục chuyển biến. Thụ dị thực quyết định, nghĩa là như trước đã nói cố tư tạo nghiệp. Phần vị quyết định, nghĩa là hiện pháp thụ v.v... phần vị quyết định nghiệp. Như do nghiệp này ở trong hiện pháp chắc chắn nhất định thụ dị thực. Do nghiệp này chắc chắn thụ dị thực ở đời sau. Do nghiệp này chắc chắn thụ hậu dị thực ở đời sau sau nữa. Lại nữa 10 bất thiện nghiệp đạo quả dị thực ở trong 3 ác thú tùy theo hạ trung thượng phẩm mà thụ dị thực bàng sinh, ngạ quỷ, Na-lạc-ca. Đẳng lưu quả, nghĩa là mỗi mỗi tùy theo tướng của nó ở trong cõi người cảm được tự thân đầy đủ hay suy tởn. Nghĩa là từ cõi ác chết đi sau sinh vào loài người, do sát sinh, trộm đạo v.v... tùy theo tướng đó mà cảm được tự thân đầy đủ hay suy tởn, như là thọ mạng ngắn ngủi, thường nghèo cùng v.v... tương ứng với đó. Tăng thượng quả, nghĩa là tùy theo mỗi tướng cảm được sở hữu ngoại sự suy tởn. Nghĩa là sát sinh v.v... đều tùy theo

tướng đó mà cảm đến mùa màng v.v... các ngoại sự suy tôn, như là thiếu tốt tươi. Đó là các tăng thượng quả của sát sinh v.v... Như kinh nói: Quen tập trong tất cả 10 bất thiện nghiệp đạo, thường tập nhiều nên sinh vào Na-lạc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ. Đó là dị thực quả của chúng. Nếu được đến đồng phần trong loài người thì do sát sinh nên bị đoản mạng, không cho mà lấy nên bị thiếu thốn của cải, dâm dục tà hạnh nên bị vợ không trinh tiết, do nói lời dối gạt nên bị nhiều phi báng, vì nói lời chia rẽ nên bị bạn bè lia bỏ, nói lời thô ác nên thường bị nghe những điều không như ý, do nói lời thù dết nên không oai nghi nghiêm túc, do tham dục nên tham càng chuyển mạnh, do sân nên sân càng chuyển mạnh, do tà kiến nên si càng chuyển mạnh, các tà kiến là do si tăng thượng. Đó là đẳng lưu quả của chúng. Do quá thường tập nghiệp sát sinh nên tất cả ngoại sự thiếu tươi sáng. Không cho mà lấy nên gặp nhiều sương rơi mưa đá, dâm dục tà hạnh nên nhiều bụi bặm, nói dối nên nhiều xú uế, lời dâm thục nên cao thấp hiểm trở, lời thô ác nên đất đai ngập mặn cần cỗi xấu bản, lời thù dết nên thời tiết khí hậu thay đổi trái nghịch, tham dục nên cây trái thừa thớt, sân nhuế nên trái cây cay đắng, tà kiến nên trái cây cay đắng, hoặc hoàn toàn cây không ra trái. Đó là tăng thượng quả của chúng. Lại nữa dị thực quả của 10 thiện nghiệp đạo là thụ dị thực của trời và người trong cõi trời cõi người, đẳng lưu quả tức là ở nơi đó đều tùy theo tướng mà cảm được tự thân đầy đủ sung mãn, tăng thượng quả tức là ở nơi đó tùy theo tướng mà cảm được ngoại sự sung túc. Giống như bất thiện nghiệp đạo thiết lập dị thực quả v.v... 3 thứ sai biệt. Như vậy thiện nghiệp đạo hữu lậu ở trong cõi trời cõi người có 3 quả sai biệt tùy theo thích hợp cũng phải thiết lập. Lại nữa, thiện nghiệp bất thiện nghiệp ở trong thiện thú ác thú khi cảm sinh dị thực có 2 thứ sai biệt, là chiêu dẫn nghiệp và viên mãn nghiệp. Chiêu dẫn nghiệp là do nghiệp này có thể dẫn đến quả dị thực. Viên mãn nghiệp là do nghiệp này sinh rồi lãnh thụ quả ái bất ái. Lại nữa, có nghiệp do 1 nghiệp lực dẫn đến được một thân, nghĩa là do 1 nghiệp lực nuôi

dưỡng chủng tử của 1 đời dị thực. Hoặc có nghiệp do 1 nghiệp lực dẫn đến được nhiều thân, nghĩa là do 1 nghiệp lực nuôi dưỡng chủng tử dị thực của nhiều đời. Hoặc có nghiệp do nhiều nghiệp lực dẫn đến được 1 thân, nghĩa là nhiều nghiệp sát-na sát-na thường nuôi dưỡng chủng tử dị thực của 1 đời. Hoặc có nghiệp do nhiều nghiệp lực dẫn đến được nhiều thân, nghĩa là nhiều sát-na nghiệp cung cấp nhu cầu cho nhau lần hồi nuôi lớn chủng tử dị thực của nhiều đời.

Hỏi: Nếu một hữu tình thành tựu nhiều nghiệp thì thứ tự thụ quả dị thực như thế nào?

Đáp: Ở trong thân hữu tình ấy, nghiệp nặng thành thực trước, hoặc khi sắp chết hiện ra trước, hoặc trước đã tập nhiều, hoặc đã làm trước tiên, những dị thực đó thành thực trước. Như kinh nói có 3 thứ nghiệp, là phúc nghiệp, phi phúc nghiệp, và bất động nghiệp. Phúc nghiệp, là nghiệp thiện của Dục giới hệ. Phi phúc nghiệp, là nghiệp bất thiện. Bất động nghiệp, là nghiệp thiện của Sắc giới, Vô sắc giới hệ.

Hỏi: Vì sao nghiệp thiện của Sắc giới Vô sắc giới hệ gọi là bất động?

Đáp: Như các thú trong Dục giới viên mãn nghiệp thiện bất thiện, gặp duyên chuyển được dị thực các thú khác không phải nghiệp thuộc Sắc Vô sắc hệ. Có việc như vậy vì chỗ thụ dị thực giới địa quyết định. Vì vậy cho nên đứng về mặt không thể di chuyển với dị thực gọi là bất động. Lại nữa ở trong định địa nên nói là bất động.

Hỏi: Như trong kinh nói vô minh duyên hành, nếu phúc, phi phúc và bất động sao phúc và bất động hành duyên vô minh sinh?

Đáp: Có 2 thứ ngu, là ngu đối với dị thực và ngu đối với nghĩa chân thật. Do ngu dị thực nên phát khởi hành phi phúc, do ngu nghĩa chân thật nên phát khởi hành phúc và bất động. Do ngu dị thực nên phát khởi hành phi phúc, nghĩa là do nó hoàn toàn là tính nhiễm ô,

khi hợp với vô minh ắt không chấp nhận tin hiệu, vì hành tướng của dị thực là chính kiến. Do ngu nghĩa chân thật phát khởi hành phúc và bất động, nghĩa là nghĩa chân thật tức 4 Thánh đế, ngu si đối với đó, gọi là ngu nghĩa chân thật. Người chưa kiến đế tuy khởi thiện tâm, do tùy miên kia theo trói buộc nên gọi là ngu si. Do sức mạnh đó không biết như thật cái khổ trong 3 cõi liền phát khởi tính nhân hậu hữu. Phúc hành, bất động hành không phải người đã kiến đế có thể phát khởi nghiệp này, vì ngu không có nghĩa chân thật. Cho nên nói nghiệp kia nhân đây sinh. Lại nữa sát sinh nghiệp đạo là do tham sân si làm phương tiện do sân làm cứu cánh. Giống như sát sinh, thô ác ngữ, sân nhuế nghiệp đạo cũng vậy. Sát sinh, tham làm phương tiện là vì da, thịt v.v... sân làm phương tiện là vì trừ oán v.v..., si làm phương tiện là vì cúng tế v.v... Do sân cứu cánh, là lia bỏ tâm không từ bi thì chắc không sát hại hữu tình khác. Lời thô ác v.v... như lý nên biết. Nghiệp đạo không cho mà lấy, tham sân si làm phương tiện, do tham làm cứu cánh. Giống như không cho mà lấy, dục, tà hạnh, tham dục cũng vậy.

Hỏi: Tham dục v.v...sao dùng tham v.v... làm phương tiện?

Đáp: Trước nói tham dục nghiệp đạo đối với của cải của người quyết định lấy làm của mình làm tính. Nếu đối với của cải này trước khởi các tham khác, gia hành truy cầu muốn làm của mình, tức lập đây là tham phương tiện. Nếu trước khởi sân, tức là sân phương tiện. Nếu trước khởi si, nghĩa là đối với vật của người lấy làm của mình không có tội lỗi gì hết, là si phương tiện. Như vậy, ngoài ra như lý nên biết. Hư cuồng ngữ nghiệp đạo tham sân si làm phương tiện, trong 3 thứ tùy theo lấy 1 làm cứu cánh. Giống như vọng ngữ, ly gián ngữ, ý ngữ cũng vậy. Tà kiến nghiệp đạo tham sân si làm phương tiện, do si làm cứu cánh.

Lại nữa, như kinh nói có nghiệp chung, có nghiệp không chung, có nghiệp thế mạnh, có nghiệp thế yếu. Thế nào là nghiệp chung? Là

nêu nghiệp có thể khiến các khí thể gian các thứ sai biệt. Thế nào là nghiệp không chung? Là nghiệp có thể khiến hữu tình thể gian các thứ sai biệt. Hoặc lại có nghiệp khiến các hữu tình lần lượt tăng thượng. Do nghiệp lực này nói các hữu tình trông vọng nhau làm tăng thượng duyên, vì chúng có sức tăng thượng lẫn nhau nên cũng gọi là nghiệp chung. Do thế lực này các loài hữu tình lần lượt làm các tâm tâm pháp biến đổi làm sinh nhân cho nhau. Cho nên kinh nói: Như vậy hữu tình với các hữu tình khác trông nhau v.v... mà không thụ dụng không dễ được. Thế nào là cường lực nghiệp? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la có sức mạnh đối trị nên tư sở tạo các nghiệp bất thiện. Do bị sức đối trị nhiếp phục nên khiến phải thụ nghiệp Na-lạc-ca chuyển thành hiện pháp thụ, ứng hiện pháp thụ nghiệp chuyển khiến không thụ. Sở dĩ nghiệp này gọi là cường lực vì có sức mạnh có thể đối trị nghiệp. Năng trị nghiệp này so với sở trị nghiệp có sức mạnh hơn khiến nó cảm các khổ dị thực chuyển biến diệt. Lại nữa cố tư sở tạo tất cả thiện nghiệp so với bất thiện nghiệp, sức đối trị mạnh đều gọi là cường lực. Y cứ nghiệp này nên Bạc-già-phạm nói: Các thánh đệ tử của ta có thể dùng cái nghiệp rộng lớn vô lượng khéo huân tập vào tâm. Các nghiệp sở tạo tác hữu lượng, nghiệp này không thể dặt dãn không thể lưu trú cũng không thể khiến rơi vào trong số ấy. Lại nữa Bồ-đặc-già-la có sức đối trị yếu nên tư sở tạo các nghiệp bất thiện so với các thiện nghiệp đều gọi là cường lực. Lại nữa, cố tư tạo nghiệp dị thực quyết định bất đoạn bất tri gọi là cường lực nghiệp. Trong đây ý nói tất cả thiện bất thiện nghiệp không có sai biệt, chỉ dị thực quyết định. Các sức Thánh đạo không đoạn được gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa các bất thiện nghiệp của Dục giới hệ tính của nó đều mạnh, vì chúng được nhiều phiền não, tùy phiền não làm trợ bạn. Lại nữa, trước đã quen tập gọi là cường lực nghiệp, bởi huân tập nhiều nơi tương tục nên lại y vào cường vị gọi là cường lực nghiệp do ở tuổi thanh tráng niên tạo các nghiệp sắc mạnh chấp trước tịnh tín phát sinh. Lại nữa các nghiệp sở tạo không thể trị gọi là cường lực nghiệp,

do không có pháp Niết-bàn làm sức đối trị không thể đè bẹp các nghiệp ấy gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa do ruộng nên phát cường lực nghiệp, nghĩa là các nghiệp hại mẹ v.v... Lại do tâm gia hành nên phát cường lực nghiệp, nghĩa là phát đại nguyện mạnh mẽ đối với vô thương Bồ-đề v.v... Nghiệp do đây sinh có sức rất mạnh gọi là cường lực nghiệp. Lại nữa do 9 thứ nhân phát cường lực nghiệp, là ruộng, sự, tự thể, sở y, tác ý, ý lạc, trợ bạn, nhiều tu tập, với nhiều chúng sinh cùng làm. Do 9 nhân này phát cường lực nghiệp. Ruộng, là đủ công đức lớn có thể làm ruộng phúc. Sự, là vật bố thí nhiều và tốt. Tự thể, là giới thắng hơn thí, tu thắng hơn giới v.v... Sở y, là người đã lià dục làm các phúc nghiệp. Tác ý, là sắc mạnh tịnh tín đều hành tác ý. Ý lạc, là có ý thích muốn mong cầu Niết-bàn. Trợ bạn, là cùng nhiếp thụ rộng tu tập các việc phúc nghiệp khác. Nhiều tu tập, là thường thường tu tập hoặc thường thường tư duy suy tìm. Với nhiều chúng sinh cùng làm, là tự mình làm, chỉ dạy người làm, thấy người làm thì tùy hỷ. Trái với đó là liệt lực nghiệp.

Như Thế Tôn nói: Nếu nói các Bồ-đặc-già-la trượng phu kia tùy theo nghiệp như vậy như vậy hoặc làm hoặc tăng trưởng trở lại thụ dị thực như vậy như vậy. Nếu có điều đó thì không cần phải tu thanh tịnh phạm hạnh, cũng không thể biết chính lúc hết các khổ tác khổ. Nếu nói các Bồ-đặc-già-la trượng phu kia tùy theo thuận sở thụ nghiệp như vậy như vậy hoặc làm hoặc tăng trưởng trở lại thuận sở thụ dị thực như vậy như vậy. Nếu có điều đó thì không cần phải tu thanh tịnh phạm hạnh, cũng không thể biết chính lúc hết các khổ tác khổ. Kinh nói như vậy có mật ý gì? Trong đây ý của Phật là muốn ngăn chặn tà thuyết như thế. Nghĩa là lạc câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được lạc câu hành dị thực. Khổ câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được khổ câu hành dị thực. Bất khổ bất lạc câu hành nghiệp trở lại có thể cảm được bất khổ bất lạc câu hành dị thực. Cho nên nói như vậy. Nếu nói các Bồ-đặc-già-la trượng phu kia tùy theo nghiệp như vậy như vậy hoặc làm hoặc tăng trưởng trở lại thụ dị thực như

vậy như vậy. Nếu có điều đó thì không cần phải tu thanh tịnh phạm hạnh, cũng không thể biết chính lúc hết các khổ tác khổ. Vì sao lại không cần phải tu thanh tịnh phạm hạnh? Bởi vì các phiền não rất sắc mạnh phải do trí tuệ tự cố gắng, cùng với ưu khổ hộ trì cấm giới. Nếu đời sau, khi thụ dị thực ấy lại cùng với ưu khổ thì sự hộ trì cấm giới chẳng có nghĩa cũng chẳng lợi ích gì. Lại như hủy phạm cấm giới hoan lạc với vợ người, nếu đời sau khi thụ dị thực ấy trở lại được cùng hoan lạc thì sự tinh cần viễn ly trở thành vô ích. Cho nên nói nếu có điều đó thì không cần phải tu thanh tịnh phạm hạnh. Vì sao cũng không thể biết được chính lúc hết các khổ tác khổ? Chính do như vậy tu tập phạm hạnh chiêu khổ dị thực, cho nên Thế Tôn để ngăn chặn tà thuyết ngoại đạo chủ trương lạc câu hành nghiệp trở lại thụ lạc dị thực, khổ câu hành nghiệp trở lại thụ khổ dị thực, bất khổ bất lạc câu hành nghiệp trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực, dị thực nhân dị thực quả nhất định tương tự, cho nên nói kinh này. Lại để khai mở chính thuyết nói lạc câu hành nghiệp thì nếu thuận lạc thụ sẽ trở lại thụ lạc dị thực, thuận khổ thụ sẽ trở lại thụ khổ dị thực, thuận bất khổ bất lạc sẽ trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực. Khổ câu hành nghiệp thì thuận lạc thụ sẽ trở lại thụ lạc dị thực, thuận khổ thụ sẽ trở lại thụ khổ dị thực, thuận bất khổ bất lạc thụ sẽ trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực. Bất khổ bất lạc thụ câu hành nghiệp thì thuận lạc thụ sẽ trở lại thụ lạc dị thực, thuận khổ thụ sẽ trở lại thụ khổ dị thực, thuận bất khổ bất lạc thụ sẽ trở lại thụ bất khổ bất lạc dị thực. Lạc câu hành nghiệp có 2 thứ, là thiện và bất thiện tùy chỗ thích hợp sẽ thuận với khổ thụ, lạc thụ, bất khổ bất lạc thụ trở lại cảm được lạc v.v... các dị thực trong đời sau. Giống như vậy, khổ câu hành nghiệp, bất khổ bất lạc câu hành nghiệp đều có 2 thứ, tùy thuận lạc v.v... thì cảm được lạc v.v... các dị thực, tùy chỗ thích ứng của nó. Như thế gọi là mật ý của kinh này.

HẾT QUYỂN 7

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỂN 8

Phẩm 1 – 3: PHẨM ĐẾ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Lại nữa nghiệp sai biệt có 3 thứ, là nghiệp luật nghi, nghiệp bất luật nghi, và nghiệp phi luật nghi phi bất luật nghi. Nghiệp luật nghi lại có 3, là gồm trong biệt giải thoát luật nghi, gồm trong tỉnh lự luật nghi, và gồm trong vô lậu luật nghi.

Nghiệp gồm trong biệt giải thoát luật nghi, nghĩa là các luật nghi của 7 chúng thụ. Đó là luật nghi của Tì-khuru, luật nghi của Tì-khuru-ni, luật nghi của Thức-xoa-ma-na, luật nghi của Sa-di, luật nghi của Sa-di-ni, luật nghi của Ô-ba-sách-ca, luật nghi của Ô-ba-tur-ca, và luật nghi của cận trụ.

Y chỉ các Bồ-đặc-già-la nào lập ra luật nghi của xuất gia? Y vào khả năng trọn đời xa lìa sát sinh v.v... các ác hạnh và có thể xa lìa các phi phạm hạnh. Y chỉ các Bồ-đặc-già-la nào lập ra luật nghi của Ô-ba-sách-ca, luật nghi của Ô-ba-tur-ca? Y vào khả năng trọn đời xa lìa ác hạnh không xa lìa dục hạnh, do đó 2 chúng lập ra trọn đời lìa dục tà hạnh, chẳng phải lìa phi phạm hạnh. Y chỉ các Bồ-đặc-già-la nào lập ra luật nghi của cận trụ? Y chỉ vào trường hợp không thể xa lìa ác hạnh và không xa lìa dục hạnh. Cho nên vì họ chỉ chế luật nghi cận trụ một ngày đêm để khiến họ tu học dần dần.

Hỏi: Nếu chỉ tu học một phần học xứ của Ô-ba-sách-ca là nói thành tựu luật nghi của Ô-ba-sách-ca hay nói không thành tựu?

Đáp: Nên nói thành tựu nhưng gọi là phạm giới.

Hỏi: Phiền-sai-bán-trạch-ca v.v... thì ngăn chúng thụ luật nghi của Ô-ba-sách-ca chăng?

Đáp: Không ngăn chúng thụ luật nghi Ô-ba-sách-ca, nhưng ngăn chúng có tính Ô-ba-sách-ca, không được thân cận phục vụ 2 chúng xuất gia Tì-khuru và Tì-khuru-ni v.v... Giống như Phiền-sai-bán-trạch-ca không được thân cận phục vụ 2 chúng xuất gia Tì-khuru, Tì-khuru-ni v.v... nên ngăn chúng có tính Ô-ba-sách-ca. Nhị hình cũng vậy. Vì thường hiện hành những phiền não về nam nữ, không được thân cận phục vụ 2 chúng, cho nên không nói riêng. Lại nữa Bán-trạch-ca có 5 thứ, là sinh tiện Bán-trạch-ca, tật đồ Bán-trạch-ca, bán nguyệt Bán-trạch-ca, quán sái Bán-trạch-ca, trừ khử Bán-trạch-ca.

Nghiệp gồm trong tinh lự luật nghi, nghĩa là có thể làm tổn phục chủng tử phiền não, phát khởi phạm giới. Người lìa dục Dục giới có viễn ly, người lìa dục sơ nhị tam tinh lự có viễn ly. Đó là tính thân ngữ nghiệp gồm trong tinh lự luật nghi. Phiền não phát khởi phạm giới, là tham sân v.v... các phiền não tùy phiền não thuộc Dục giới. Có thể làm tổn phục chủng tử kia, nghĩa là do sức đê bệp đối trị làm suy tổn chủng tử kia. Người lìa dục Dục giới, nghĩa là do sức đê bệp đối trị, hoặc ly dục một ít, hoặc ly dục hoàn toàn. Có viễn ly, nghĩa là từ phạm giới kia mà có tính viễn ly. Người lìa dục sơ nhị tam tinh lự, nghĩa là do sức viễn phần đối trị khiến phiền não phát khởi phạm giới kia có chủng tử chuyển thành suy tổn. Sở dĩ không nói lìa dục đệ tứ tinh lự là vì Vô sắc giới không có thô sắc nên lược không kiến lập giới luật nghi của Sắc.

Nghiệp gồm trong vô lậu luật nghi, nghĩa là người đã kiến đế do sức tác ý vô lậu mà được vô lậu viễn ly giới tính.

Nghiệp bất luật nghi, nghĩa là những người bất luật nghi hoặc do sinh trong chủng tính kia, hoặc do thụ trì sự nghiệp kia nên thời kỳ hiện hành nghiệp kia quyết định. Những người nào là người bất luật nghi? Là những người giết dê, nuôi gà, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, săn nai, bẫy thỏ, trộm cướp, giết người, giết hại bò, trói voi, lập đàn chú rồng, cai ngục, sàm cầu, tốt làm ra xấu v.v... Người giết dê, là người làm nghề nuôi súc vật giết thịt để sinh sống. Cũng giống như vậy đối với nuôi gà nuôi heo v.v... Trói voi, là người ở trong rừng núi làm nghề thuần dưỡng voi hoang. Lập đàn chú rồng, là luyện tập rồng rắn làm trò để nuôi sống. Sàm cầu, là dùng lời ly gián người khác để nuôi thân. Hoặc do sinh trong chủng tính kia, hoặc do thụ trì sự nghiệp kia, tức là sinh nơi nhà kia hay sinh các nhà khác theo thứ tự. Thời kỳ hiện hành nghiệp kia quyết định, nghĩa là phương tiện thân ngữ làm trước, quyết định thì phải có thời kỳ hiện hành. Nghiệp đó gọi là nghiệp bất luật nghi.

Nghiệp phi luật nghi phi bất luật nghi, nghĩa là nghiệp thiện bất thiện của người trụ phi luật nghi phi bất luật nghi, như bố thí, ái ngữ v.v... các nghiệp, như đánh đập v.v... các nghiệp. Không gồm trong luật nghi bất luật nghi gọi là phi luật nghi phi bất luật nghi.

Lại nghiệp sai biệt có 3 thứ, là thuận lạc thụ nghiệp, thuận khổ thụ nghiệp, và thuận bất khổ bất lạc thụ nghiệp. Thuận lạc thụ nghiệp, là các thiện nghiệp từ Dục giới cho đến đệ tam tinh lự. Thuận khổ thụ nghiệp, là nghiệp bất thiện. Thuận bất khổ bất lạc thụ nghiệp, là các thiện nghiệp từ đệ tứ tinh lự trở lên.

Lại nữa nghiệp sai biệt có 3 thứ, là thuận hiện pháp thụ nghiệp, thuận sinh thụ nghiệp, và thuận hậu thụ nghiệp.

Thuận hiện pháp thụ nghiệp, nghĩa là nếu nghiệp ở trong hiện pháp thành thực dị thực. Nghĩa là từ từ định khởi rồi đối với các tạo tác ấy hoặc tổn hoặc ích chắc chắn được hiện dị thực. Giống như từ

từ định khởi, từ vô tránh định, diệt tận định, dự lưu quả, A-la-hán quả khởi cũng vậy. Lại nữa với Phật là thượng thủ trong tăng, tạo thiện ác nghiệp chắc chắn được hiện dị thực. Lại có các phương tiện ý lạc sắc mạnh, khác hành thiện bất thiện nghiệp, cũng được hiện dị thực, vì vậy gọi là hiện pháp thụ nghiệp. Vì như nghiệp làm ở đời này, tức thành thực ở đời này.

Thuận sinh thụ nghiệp, nghĩa là nếu nghiệp thành thực dị thực trong vô gián sinh. Vô gián sinh tức sau đời này. Nghĩa là 5 vô gián nghiệp v.v...có thể được sinh dị thực.

Hỏi: Nếu tạo 1 vô gián, trong vô gián sinh có thể thụ dị thực của nó. Nếu tạo nhiều vô gián nghiệp, trong vô gián sinh làm sao có thể thụ dị thực của chúng?

Đáp: Trong một đời có thể thụ được ngay tất cả dị thực mà không lỗi gì cả. Sở dĩ vì sao? Nếu tạo nhiều nghiệp vô gián thì cảm thân hình cực kỳ nhu nhuyễn, cảm các khổ rất nhiều sắc mạnh, do đó thụ ngay nhiều khổ lớn. Lại có các nghiệp thiện bất thiện khác thành thực dị thực trong vô gián sinh, tất cả đều gọi là thuận sinh thụ nghiệp.

Thuận hậu thụ nghiệp, nghĩa là như nghiệp thành thực dị thực ở đời sau vô gián sinh. Ở trong nghiệp này từ sơ thực vị, thiết lập các tên thuận hiện pháp thụ v.v... Không phải chỉ thụ một vị dị thực này, nếu nghiệp tạo ở đời này tức từ đời này trở đi thành thực dị thực gọi là thuận hiện pháp thụ nghiệp. Nếu nghiệp tạo ở đời này, từ vô gián sinh trở đi thành thực dị thực gọi là thuận sinh thụ nghiệp. Nếu nghiệp tạo ở đời này qua khỏi vô gián sinh trở đi thành thực dị thực gọi là thuận hậu thụ nghiệp. Nếu nói như vậy là khéo thuận Ha Oán Tâm Kinh. Như kinh ấy nói: Do vô gián nghiệp ở trong Na-lạc-ca nhiều lần sinh tử thụ dị thực đại khổ.

Lại nữa có 4 thứ nghiệp sai biệt, là hắc hắc dị thực nghiệp, bạch bạch dị thực nghiệp, hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp, phi hắc bạch

vô dị thực nghiệp có thể hết các nghiệp. Hắc hắc dị thực nghiệp, là nghiệp bất thiện do nhiễm ô, là dị thực không khả ái. Bạch bạch dị thực nghiệp, là nghiệp thiện trong 3 cõi. Nghĩa là tạp nghiệp trong Dục giới hệ vì thiện bất thiện xen tạp.

Thế nào là 1 nghiệp cũng thiện cũng bất thiện? Trong đây là không đứng về tướng sinh sát-na mà nói 1 thứ nghiệp cũng vừa là thiện vừa là bất thiện, mà đứng về ý lạc và phương tiện nói chung 1 nghiệp. Đó là ý kinh đứng về 2 thứ này. Nếu hắc hoặc bạch không giống nhau thì thiết lập một thứ hắc nghiệp, bạch nghiệp. Hoặc có nghiệp ý lạc nên hắc, phương tiện nên bạch. Hoặc có nghiệp phương tiện nên hắc, ý lạc nên bạch. Ý lạc nên hắc phương tiện nên bạch, nghĩa là như có một người vì muốn lừa gạt người khác nên trước hiện tướng khiến tin rồi sau hành huệ thí, cho đến xuất gia phương tiện nên là hắc. Ý lạc nên bạch, nghĩa là như có một người muốn con mình và môn đồ mình tránh nơi nguy hiểm ở nơi an ổn, do tâm thương xót hiện phát các thứ thân ngữ thô ác, liền khi ấy phát sinh tạp nhiễm phi hắc bạch vô dị thực nghiệp. Có thể hết các nghiệp, nghĩa là các nghiệp vô lậu ở trong phương tiện vô gián đạo. Bởi phương tiện vô gián đạo là các nghiệp kia đoạn đối trị. Phi hắc là lìa cấu uế phiền não, bạch là hoàn toàn thanh tịnh, vô dị thực là trái với sinh tử, có thể hết các nghiệp là do sức của nghiệp vô lậu vĩnh viễn nhổ bỏ hắc v.v... 3 nghiệp hữu lậu và dị thực tạp khí.

Lại nữa nói chung tất cả nghiệp vô lậu không có sai biệt, có chướng ngại là tùy thuận thể tính. Như theo thứ tự thiết lập khúc, uế, trước v.v... các nghiệp nhiễm ô, tịnh Mâu-ni v.v... các nghiệp thanh tịnh. Khúc nghiệp, là như nghiệp thân ngữ ý có thể chướng ngại 8 Thánh đạo khiến không sinh trưởng. Uế nghiệp, là các nghiệp thân v.v... có thể làm ô nhiễm tương tục. Y cứ nơi đây phát sinh chướng nghiệp như vậy. Trước nghiệp, là như thân nghiệp v.v... dựa vào kiến

điên đảo của ngoại đạo sinh, không tin chỗ đối trị của Thánh giáo thanh tịnh của tất cả Như Lai, vì gồm trong uế trược.

Lại có sai biệt rơi vào đoạn thường. Hành vi thiên chấp sai trái là nghĩa của khúc, gồm trong tổn giảm kiến. Tăng ác thanh tịnh lập pháp là nghĩa của uế, gồm trong Tát-ca-da kiến. Chướng chân vô ngã kiến là nghĩa của trược. Tịnh nghiệp, nghĩa là loại trái với các nghiệp tạp nhiễm như thế. Ba tịnh nghiệp là thiện tịnh Thi-la, gồm trong chính trực kiến, vì thân ngữ ý nghiệp xa lìa cấu uế của hủy phạm giới kiến. Tam Mâu-ni nghiệp, nghĩa là học, vô học có các nghiệp vô lậu thân ngữ ý, vì chỉ các Mâu-ni có nghiệp này. Lại có thí v.v... các thanh tịnh nghiệp. Thí nghiệp là thế nào? Là nhân duyên, là đấng khởi, là xứ sở, là tự thể. Phân biệt thí nghiệp nhân duyên, là các thiện căn vô tham vô sân vô si. Đấng khởi, là kia cùng hành tư. Xứ sở, là vật sở thí. Tự thể, là thân ngữ ý nghiệp chính khi hành thí. Thế nào là thí viên mãn? Là thường xuyên thí, là thí không thiên lệch, là tùy ý muốn thí viên mãn nên thí được viên mãn. Y theo nghĩa đó nên kinh nói là đại thí chủ, tức hiển thị nghĩa thường xuyên thí, vì do kia quen tập thành tính thường hay thí. Tất cả Sa-môn Bà-la-môn v.v..., là đây hiển thị nghĩa thí không thiên vị, thí tất cả không sai biệt. Như thức ăn thức uống v.v..., là đây hiển thị nghĩa tùy ý muốn thí viên mãn như ý nguyện. Tất cả của cải đều thí cho, nên lại không sở y thí, rộng thanh tịnh thí, cực hoan hỷ thí, thường xuyên thí, ruộng đất đồ vật thí, khéo phân bố mới cũ thí, cho nên thí được viên mãn. Y theo nghĩa đó nên kinh nói giải thoát xả, duỗi tay thí vui, xa lìa thường tế tự, xả đầy đủ. Chính khi thí là phân bố niềm vui. Các câu nói ấy tùy theo thứ tự hiển thị thí vô sở y v.v... Thí vô sở y, nghĩa là không hồi hướng sở hữu và của cải mà hành huệ thí. Điền khí, là bản khổ điền, công đức điền. Duỗi tay, là rộng hành huệ thí, không rút tay lại. Thường tế tự, là đã quen tập tế tự thành tính. Xả đầy đủ, là lấy trí tuệ làm trước. Chí khi thí là phân bố niềm vui, là có các thí vật phân bố

cho người đến cầu xin. Làm sao biết thí vật viên mãn? Nghĩa là tài vật đem bố thí không phải do lừa đảo mà được, của cải đem bố thí không phải do chiếm đoạt mà được, của cải đem bố thí không phải đồ bẩn thỉu, của cải đem bố thí là thanh tịnh, của cải đem bố thí là đúng như pháp, đó gọi là thí vật viên mãn. Ý theo nghĩa đó nên kinh nói phát khởi chính cần mà được của cải tài vật, là hiển thị thí vật này chẳng phải do lừa đảo mà được. Lừa đảo mà được là không khởi chính cần mà được. Tài vật nơi chỗ mình ở, vật được người ký gửi mưu tính lừa đảo mà được nên dùng sức mạnh mà được tài vật, đây nói rõ thí vật là không phải chiếm đoạt của người mà được. Chiếm đoạt của người mà được là không phải do sức làm việc của mình mà được, mà xâm lăng chiếm lấy tài vật của người cần khổ mới có được. Cho nên vật lia cầu ướ là hiển thị thí vật là lia cầu ướ, do thí vật xa lia cầu ướ nhiễm ô. Như pháp tài, nghĩa là đây hiển thị thí vật thanh tịnh xa lia đao kiếm rượu độc v.v... chẳng phải vật tịnh thí. Cho nên được như pháp, là hiển thị thí vật do như pháp mà có xa lia của cải do tà mạng như lường cân tráo đấu.

Lại nữa như trong kinh nói: Thành tựu Thi-la có thể phòng hộ tốt biệt giải thoát luật nghi, phép tắc thi hành thấy đều viên mãn, thấy tội lỗi nhỏ sinh sợ hãi lớn, đối với các học xứ có thể thụ học tốt.

Sao gọi là thành tựu Thi-la có thể thụ, có thể hộ tịnh Thi-la? Nghĩa là thụ trì tịnh giới tương ưng không khuyết gọi là thành tựu Thi-la. Sao gọi là khéo có thể phòng hộ biệt giải thoát luật nghi? Vì khéo hộ trì xuất ly Thi-la. Nghĩa là vì cầu giải thoát nên biệt biệt phòng hộ các luật nghi. Gọi là biệt giải thoát luật nghi, do luật nghi này có thể mau xuất ly sinh tử khổ. Sao gọi là phép tắc thi hành thấy đều viên mãn? Vì đủ tịnh Thi-la khó bị chê bai trách móc. Sở hành viên mãn, là xa lia 5 thứ nơi chúng Tì-khuru không đi đến. Những gì là 5? Là nơi ca xướng, nhà dâm nữ, tửu quán, vương gia quyền quý, nhà Chiên-đồ-la Yết-si-na. Sao gọi là thấy tội lỗi nhỏ sinh sợ hãi lớn?

Vì dũng mãnh cung kính chỗ học Thi-la, ở trong giá tội cũng dũng mãnh cung kính tu học hộ trì như tính tội vậy. Cho nên gọi là thấy tội lỗi nhỏ sinh sợ hãi lớn. Sao gọi là ở các học xứ có thể thụ học tốt? Vì thụ học chỗ học Thi-la viên mãn. Nghĩa là thụ học học xứ đầy đủ viên mãn, nên gọi là đối các học xứ có thể thụ học tốt. Từ đây về sau y chỉ Thi-la giải thích nghĩa hộ thân v.v... trong kinh Phật. Sao gọi là phòng hộ thân ngữ? Vì do kia hiểu đúng chỗ nhiếp trì, nghĩa là như Phật đã chế qua lại các việc, trước phải quan sát biết rõ mới đi. Sao gọi là thân ngữ đầy đủ viên mãn? Vì hoàn toàn không hủy phạm chỗ hủy phạm. Nghĩa là không trái không tổn thanh tịnh Thi-la. Sao gọi là thân ngữ thanh tịnh hiện hành? Do không hối v.v... lần lượt tu hành lâu đến được định làm y chỉ. Nghĩa là dựa vào định lực khiến rất xa lìa phạm giới cấu uế. Sao gọi là thân ngữ rất khéo hiện hành? Vì không bị tâm tư nhiễm ô xen tạp. Nghĩa là hoàn toàn tịnh, tâm tư nhiễm ô không thể xen tạp. Sao gọi là thân ngữ vô tội hiện hành? Vì xa lìa tà nguyên tu phạm hạnh. Nghĩa là không hồi hướng về hữu và tư tài mà tu phạm hạnh, mà để được các thánh hiền ngợi khen. Sao gọi là thân ngữ vô hại hiện hành? Vì để ở chung không khinh khi người khác. Nghĩa là không do tự cao khinh chê người làm tổn hại khó ở chung. Sao gọi là thân ngữ tùy thuận hiện hành? Vì do có thể tùy thuận được Niết-bàn. Nghĩa là có khả năng tùy thuận được Niết-bàn, có thể dẫn thánh đạo. Sao gọi là thân ngữ tùy ẩn hiển hiện hành? Vì ẩn điều thiện hiển điều ác. Nghĩa là ẩn giấu công đức của mình, nói rõ tội lỗi của mình. Sao gọi là thân ngữ thân thiện hiện hành? Vì đồng với những người phạm hạnh nhiếp thụ Thi-la nên quy thú về hợp với những người đồng phạm hạnh nhiếp thụ Thi-la. Sao gọi là thân ngữ ứng nghi hiện hành? Vì lìa kiêu mạn đối với tôn vị. Nghĩa là đối với các bậc tôn trưởng và ngang hàng với tôn trưởng, xô dẹp kiêu mạn như phải hầu hạ. Sao gọi là thân ngữ kính thuận hiện hành? Vì kính thuận lãnh thụ những lời dạy dỗ tôn quý. Nghĩa là kính thuận lãnh thụ những lời quý báu, bỏ kiến chấp thủ của mình. Sao gọi là

thân ngữ vô nhiệt hiện hành? Vì xa lìa khổ hạnh nhiệt não hạ liệt dục giải. Nghĩa là lìa bỏ hạ liệt dục giải của ngoại đạo làm các khổ hạnh vì không tự thiêu đốt mình. Sao gọi là thân ngữ bất não hiện hành? Vì lìa bỏ của cải sự nghiệp không hối não. Nghĩa là do xả bỏ tài nghiệp không truy hối nên sau đó không nhiệt não. Sao gọi là thân ngữ vô hối hiện hành? Vì tuy được một phần ít không lấy đó làm vui mừng nên không hối hận. Nghĩa là tu thiện phẩm tuy được một phần ít không sinh vui mừng không cho là đủ, lìa các hối hận mà tu tập hết năng lực của mình. Như Thế Tôn nói: Như vậy hữu tình đều do tự nghiệp, nghiệp trái chống, từ nghiệp sinh, y nghiệp xuất ly, nghiệp có thể phân tích phán đoán tất cả cao thấp hơn kém của hữu tình. Sao gọi là hữu tình đều do tự nghiệp? Vì do nghiệp tự tạo mà thụ dị thực. Nghĩa là các hữu tình là do nghiệp của mình nên gọi là tự nghiệp. Tự, nghĩa là không cùng với người khác. Thụ tự nghiệp dị thực nên gọi là tự nghiệp. Sao gọi là nghiệp trái chống? Vì khi thụ tự nghiệp được dị thực thì nghiệp thiện và bất thiện trái chống nhau. Nghĩa là vì các hữu tình nghiệp trái chống nhau nên gọi là nghiệp trái chống, tùy nghiệp lực thiện ác tự phải thụ dị thực ái hay bất ái khác nhau.

Hỏi: Các hữu tình này khi thụ dị thực ái bất ái do tự tác nghiệp, trước tiên từ đâu sinh? Là không có nhân mà sinh ư? Hay là nhân thể tính tự tại v.v... ư?

Đáp: Do từ nghiệp sinh. Thế nào là từ nghiệp sinh? Là vì các hữu tình xa lìa vô nhân ác nhân, chỉ do từ nghiệp sinh. Nghĩa là các hữu tình xa lìa vô nhân ác nhân, chỉ do nghiệp v.v... nhân duyên sinh. Như vậy đã nói y nghiệp lưu chuyển là minh quy diệt cũng y các nghiệp. Cho nên kinh nói y nghiệp xuất ly. Thế nào là y nghiệp xuất ly? Là y đối trị nghiệp cởi mở nghiệp trói buộc. Nghĩa là y vô lậu nghiệp có thể đoạn hữu lậu nghiệp. Cho nên chỉ y nghiệp mà được xuất ly. Thế nào là hữu tình cao hạ? Nghĩa là do nghiệp nơi thiện ác thú được tự thể sai biệt. Thế nào là hơn kém? Nghĩa là các hữu tình

thành tựu công đức và tội lỗi sai biệt. Như Thế Tôn nói nghiệp dị thực của hữu tình không thể nghĩ bàn. Như vậy ý kinh chẳng phải nhất thiết chúng đều không thể nghĩ bàn. Thế nào là nghiệp dị thực không thể nghĩ bàn? Thế nào là có thể nghĩ bàn? Nghĩa là các nghiệp thiện được dị thực khả ái trong cõi nhân thiên, là có thể nghĩ bàn. Các nghiệp bất thiện đọa trong 3 ác thú được dị thực bất ái, là có thể nghĩ bàn. Bởi nghiệp thiện ác đi đến các thú thiện ác, cảm được dị thực khả ái bất khả ái, người trí ở thế gian có thể nghĩ bàn được. Do đó có thể dẫn phát các công đức chính kiến v.v... cho nên tức do nghiệp này cảm các hữu tình tự thân các thứ dị thực khác nhau không thể nghĩ bàn. Nghĩa là nội thân v.v...dị thực có hình sắc v.v... vô lượng sai biệt khó có thể nghĩ bàn. Trừ nhất thiết trí không thể nghĩ bàn, nếu cưỡng nghĩ bàn sẽ sinh lỗi phát cuồng. v.v...

Lại nữa tức xứ sai biệt, sự sai biệt, nhân sai biệt, dị thực sai biệt, phẩm loại sai biệt v.v... của nghiệp thiện bất thiện đều không thể nghĩ bàn. Do tức xứ sai biệt của nghiệp này v.v... vô lượng vô biên khó có thể nghĩ bàn. Xứ, là ở chỗ như vậy, tạo nghiệp như vậy, hoặc ở nơi thành ấp, hoặc ở nơi làng xóm v.v... Sự, là sở y sự, hoặc thuộc hữu tình số hoặc không phải hữu tình số. Nhân, là thiện căn bất thiện căn tùy chỗ thích ứng. Dị thực, là dị thực nội thân. Phẩm loại, là các thứ phẩm loại vô lượng sai biệt. Lại có các thứ ngoại sự sai biệt có thể cảm nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Do những nghiệp gì cảm như những mũi nhọn sắc đâm chích? Những loại như vậy đọa tại thế gian. Bất tư nghị nhiếp tư nghị thế gian do Phật chế. Lại như ngọc mặt-ni châu, dược thảo, chú thuật tương ưng nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Mặt-ni tương ưng nghiệp, nghĩa là ngọc nguyệt ái châu v.v... có thể xuất ra nước v.v... nghiệp dụng khó nghĩ bàn. Dược thảo tương ưng nghiệp, nghĩa là cầm thú thuốc này thì ẩn thân tàng hình v.v... Chú tương ưng nghiệp, nghĩa là tụng chú này thì vào lửa không cháy v.v... Thuật tương ưng nghiệp, nghĩa là do các thuật

kia trị được nhiệt bệnh v.v... lại nữa các hành giả tu quán có uy đức nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Làm sao sức oai đức của tâm kia có thể động đại địa, thẳng lên hư không v.v...? Lại nữa các Bồ-tát tự tại nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, như là mạng tự tại, tâm tự tại, của cải tự tại, nghiệp tự tại, sinh tự tại, thẳng giải tự tại, nguyện tự tại, thần thông tự tại, trí tự tại, pháp tự tại. Các đại Bồ-tát do có các sức tự tại như vậy nên làm các nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Nghĩa là các Bồ-tát do sức tự tại của mạng có duy trì các thọ mạng ở nơi nào lúc nào tùy thích. Do sức tự tại của tâm tùy thích tự tại xuất nhập Tam-ma-địa. Do sức thẳng giải tự tại có thể chuyển đại địa v.v... thành ra nước lửa v.v... thẳng giải tự tại. Do sức tự tại của nguyện, tùy thích có thể dẫn vô số tự lợi lợi tha viên mãn đại nguyện. Do sức thần thông tự tại, vì muốn nhiếp hóa vô lượng hữu tình có thể hiển thị các thứ thần thông biến hiện. Do sức của trí tự tại, đối với nghĩa của các pháp giải thích ngôn từ biện luận không trở ngại viên mãn cứu cánh. Do sức của pháp tự tại có thể dùng vô lượng các thứ danh cú văn thân kiến lập Tổ-đất-lãm v.v... vô thượng giáo pháp tùy chỗ thích ứng, cho đến tất cả hữu tình trong một thời gian có thể khiến chúng tâm đều đại hoan hỷ. Lại nữa tất cả chư Phật làm những việc chư Phật phải làm, nghiệp dụng không thể nghĩ bàn. Thế nào là Như Lai đến chỗ cứu cánh vô công dụng, chứng được pháp giới thuần một vị thanh tịnh? Điều chư Phật Thế Tôn phải làm là việc lợi ích an lạc các hữu tình, tùy lúc thích ứng đều có thể thành lập. Như vậy chư Phật và cảnh giới chư Phật là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, như vậy tập để tổng kết có 4 thứ hành tướng. Đó là nhân tướng, tập tướng, sinh tướng, và duyên tướng. Thế nào là nhân tướng? Nghĩa là có thể dẫn phát nhân tập khí hậu hữu. Đó là nhân tướng, vì nghiệp phiền não là nhân có thể dẫn phát tập khí hậu hữu. Thế nào là tập tướng? Nghĩa là các hữu tình tập hợp các tập khí làm nhân đặng khởi nơi loại hữu tình kia. Đó là tập tướng, do các hữu

tình nhóm họp tập khí, ở trong loại hữu tình như nhân thiên v.v... có thể làm các loại hình mạo tương tự vì nhân bình đẳng khởi. Thế nào là sinh tướng? Nghĩa là nội thân riêng biệt có vô lượng sinh nhân phẩm loại sai biệt. Đó là sinh tướng, là các hữu tình nội thân riêng biệt, tương tục quyết định nơi sẽ sinh về v.v... có tất cả phẩm loại sai biệt cho đến nhân sinh Hữu đỉnh. Thế nào là duyên tướng? Nghĩa là các hữu tình riêng biệt riêng biệt được xả nhân. Đó là duyên tướng có thể khiến hữu tình được điều chưa từng được, vì tự thể xả rồi từng được tự thể. Như vậy gọi là thể tướng của tập đế.

Thế nào là diệt đế? Nghĩa là do tướng, thậm thâm, thể tục, thắng nghĩa, không viên mãn, viên mãn, không trang nghiêm, có trang nghiêm, hữu dư, vô dư, tối thắng, sai biệt mà phân biệt diệt đế.

Tướng, là chân như thánh đạo phiền não không sinh. Hoặc diệt y, hoặc năng diệt, hoặc diệt tính, là tướng của diệt đế. Như Thế Tôn nói: Nhân, nhĩ và tỹ, thiết, thân với ý, ở đây danh sắc cứu cánh diệt vô dư. Lại nói: Cho nên nay ông phải quán nơi đó. Như là, ở đây nhãn rốt ráo diệt, xa lìa tướng về sắc. Cho đến ý rốt ráo diệt, xa lìa tướng về pháp. Do đạo lý này hiển thị sở duyên. Trên cảnh chân như, pháp hữu lậu diệt, đó là tướng của diệt đế.

Thậm thâm, là các hành kia rốt ráo tịch diệt. Cái tịch diệt ấy vọng đến các hành không thể nói khác hay không khác, chẳng phải khác chẳng phải không khác. Sở dĩ vì sao? Vì nếu các hành rốt ráo tịch diệt, như vậy tịch diệt với các hành kia có thể nói là khác, phải cùng các hành khác thể không hệ thuộc lẫn nhau. Nếu không khác thì phải là tướng nhiễm. Do đạo lý này chẳng phải cùng chẳng phải không cùng. Bởi vì sao? Vì không hý luận. Trong nghĩa này nếu sinh hý luận thì không phải suy nghĩ đúng vì chẳng phải đạo lý, chẳng phải như thật, cũng chẳng phải phương tiện tư duy khéo léo. Như Thế Tôn nói: Sáu xúc xứ này đều lìa dục, diệt hết, tịch tĩnh lặn chìm v.v... nếu bảo là có khác không khác, cũng có khác cũng không khác,

chẳng phải có khác chẳng phải không khác, thì trong cái không hý luận liền sinh hý luận, cho đến có 6 chỗ có thể có các hý luận. Sáu chỗ đã diệt, hết các hý luận tức là Niết-bàn. Nếu đối với sự tuyệt dứt các hý luận tịch diệt Niết-bàn như vậy mà tư duy bất chính tức là hý luận. Vì ứng với dị tư nghị lại là dị tư nghị. Thế nào là ứng với dị tư nghị? Là các thứ tư nghị chính, diệu, ly v.v...

Thế tục, là dùng thế gian đạo xô dẹp chủng tử được diệt. Cho nên Thế Tôn gọi đó biệt danh là phần Niết-bàn.

Thắng nghĩa, là thánh tuệ vĩnh viễn nhổ bỏ chủng tử được diệt.

Không viên mãn, là diệt trong các hữu học hoặc gồm trong quả dự lưu, hoặc gồm trong quả nhất lai, hoặc gồm trong quả bất hoàn v.v...

Viên mãn, là diệt trong các vô học gồm trong quả A-la-hán v.v...

Không trang nghiêm, là diệt của tuệ giải thoát A-la-hán, vì không có 3 minh v.v... là tối thắng công đức trang nghiêm.

Có trang nghiêm, là diệt của câu phần giải thoát, của A-la-hán đủ 3 minh 6 thông, có vô lượng các thứ thắng công đức trang nghiêm.

Hữu dư, là hữu dư sự diệt.

Vô dư, là vô dư sự diệt.

Tối thắng, là diệt của chư Phật Bồ-tát trong vô trụ Niết-bàn, bởi thường an trụ nơi việc lợi lạc tất cả hữu tình.

Sai biệt, là vô dư vĩnh đoạn, vĩnh xuất, vĩnh thổ, tận, ly dục, tịch diệt, tĩnh một v.v... Vì sao gọi là vô dư vĩnh đoạn? Vì do các câu. Nghĩa là vô dư vĩnh đoạn là câu nêu lên. Dư là câu giải thích. Cho nên nói do các câu khác. Do câu biệt cú sau giải thích cái chung này. Vì triền và tùy miên thấy đều vĩnh đoạn, nên gọi là vô dư vĩnh đoạn. Vì sao gọi vĩnh xuất? Vì hăng ra khỏi các triền. Đây là dựa vào đoạn các triền mà nói. Nghĩa là đã sinh thì đều viễn ly. Vì sao gọi vĩnh thổ?

Vì vĩnh viễn nhờ bỏ tùy miên. Đây là dựa vào đoạn tùy miên mà nói. Nghĩa là trừ căn bản, vĩnh viễn không sinh. Như vậy các diệt khác biệt do kiến tu đạo đối trị kiến lập 2 thứ: tận và ly dục. Tiếp hỏi vì sao gọi là tận? Vì kiến đạo đối trị được ly hệ, vì trong tụ phiền não còn thừa một phần ít nên cũng gọi là tận. Vì sao gọi ly dục? Vì tu đạo đối trị được ly hệ. Do tu đạo lia dục các địa dần dần hiển lộ nên gọi ly dục. Do có đều ly hệ như vậy nên về sau khổ diệt. Tiếp hỏi vì sao gọi diệt? Vì quả kia về sau khổ không sinh, có thể thành pháp vị lai khổ không sinh nên gọi là diệt. Lại nữa đối với hiện pháp thì ưu não vắng lặng. Tiếp hỏi vì sao gọi tịch tĩnh? Vì trong hiện pháp quả kia tâm khổ vĩnh viễn không hiện hành. Vì sao gọi một? Do các câu biệt cú như vậy giải thích câu vô dư vĩnh diệt tổng cú ở trước. Vì sao diệt này lại gọi là vô vi? Vì lia 3 tướng. Sinh diệt, trụ, dị 3 tướng hữu vi rất ráo trái nhau nên gọi là vô vi. Vì sao diệt này cũng gọi là khó thấy? Vì vượt quá cảnh của nhục nhãn thiên nhãn, là cảnh giới của con mắt thánh tuệ mới có thể thấy được nên gọi khó thấy. Vì sao diệt này lại gọi là không chuyển? Vì vĩnh viễn xa lia sự lưu chuyển của các thú sai biệt. Thường hằng an trụ lia sự lưu chuyển qua lại của địa ngục v.v... nên gọi là không chuyển. Vì sao diệt này lại gọi là không ti khuất? Vì lia 3 ái, vĩnh viễn lia 3 ái của Dục, Sắc, Vô sắc, ở trong các hữu không thấp hèn không khuất phục nên gọi không ti khuất. Vì sao diệt này lại gọi là cam lộ? Vì lia uẩn ma, vĩnh viễn lia tất cả sự chết dựa vào uẩn nên gọi cam lộ. Vì sao diệt này lại gọi là vô lậu? Vì vĩnh viễn lia tất cả phiền não ma. Vì sao diệt này lại gọi là nhà cửa? Vì sự sở y của hỷ lạc vô tội, là chỗ y chỉ của giải thoát hỷ lạc nên gọi là nhà cửa. Vì sao diệt này lại gọi là còn bãi? Vì cách tuyệt 3 cõi, là gò nông cao nguyên nhô lên khỏi biển lớn sinh tử nên ví như còn bãi. Vì sao diệt này lại gọi là hoàng tế? Vì có thể ngăn chặn tất cả tai họa khổ lớn, vì chứng được diệt này thì vĩnh viễn lia xa các khổ tai họa sinh lão bệnh v.v... Vì sao diệt này lại gọi là quy y? Vì là nơi sở y của không hư vọng, của phương tiện ý lạc. Do ở nơi diệt ấy phát

sinh ý lạc và là chỗ y chỉ của chính phương tiện không có tính hư dối. Nghĩa của chỗ y chỉ là nghĩa của quy y. Vì sao diệt này gọi là thắng quy y? Là chỗ sở y có thể quy về tất cả tối thắng thánh tính. Cho nên do tịch diệt này có thể làm chỗ y chỉ quy về tối thắng thánh tính, là cảnh phương tiện sở duyên của A-la-hán chứng đắc. Vì sao diệt này lại gọi là bất tử? Vì vĩnh ly sinh, nên các vô sinh ắt phải bất tử. Vì sao diệt này lại gọi là vô nhiệt não? Vì vĩnh ly tất cả phiền não nhiệt nên vĩnh ly tất cả cầu không được khổ đại nhiệt não. Vì sao diệt này lại gọi là không đốt cháy? Vì vĩnh ly tất cả sàu than ưu khổ các não loạn, vì cực kỳ mát mẻ tất cả các sàu v.v... đốt cháy dứt vĩnh viễn nên gọi là không đốt cháy. Vì sao diệt này lại gọi là an ổn? Vì trụ chỗ sở y lìa sợ hãi, không có tất cả sợ hãi về già bệnh chết, nơi thánh trụ sở y nên gọi là an ổn. Vì sao diệt này lại gọi là thanh lương? Vì là chỗ sở y của các việc lợi ích, là sở y của tất cả thiện pháp mát mẻ nên gọi là thanh lương. Vì sao diệt này lại gọi là lạc sự? Vì là đệ nhất nghĩa của lạc sự, là sở y của lạc sự xuất thế gian. Vì sao diệt này gọi là thú cát tường? Vì là chỗ sở y của các phương tiện dễ tu để chứng đắc, là cảnh sở duyên các phương tiện dễ tu để chứng Niết-bàn. Vì sao diệt này lại gọi là không bệnh? Vì vĩnh viễn xa lìa tất cả bệnh chướng ngại, lìa phiền não v.v... các bệnh chướng ngại nên gọi là không bệnh. Vì sao diệt này lại gọi là bất động? Vì vĩnh ly tất cả tán động, lìa các cảnh giới hý luận tán động nên gọi là bất động. Vì sao diệt này lại gọi là Niết-bàn vô tướng? Vì là chỗ sở y của tịch diệt đại an lạc trụ, vĩnh ly tất cả sắc v.v... các tướng, là cảnh sở duyên cứu cánh tịch diệt, đại an lạc trụ nên gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, y diệt để biện luận về vô sinh v.v... là nghĩa của sai biệt, vì trái nhau với nghĩa của tướng khổ đế. Tướng của khổ đế là ở các nơi kia tương tục sinh trong loài hữu tình, là nghịch lại với tướng kia. Cho nên hỏi là vì sao diệt này cũng gọi là vô sinh., vì lìa tương tục. Tướng của khổ đế là sau khi tương tục sinh, tự thân các phần dần dần viên mãn. Vì nghịch lại tướng kia nên hỏi. Vì sao diệt này lại gọi

là không khởi? Vì vĩnh ly đây, sau dần sinh khởi. Tướng của khổ đế là do sức mạnh của nghiệp phiền não đời trước tạo ra. Vì ngược lại tướng kia nên hỏi. Vì sao diệt này lại gọi là không tạo? Vì vĩnh ly sức mạnh dẫn dắt của các nghiệp phiền não đời trước. Lại nữa, khổ hiện tại là năng tạo tác, ngoài ra có các nghiệp phiền não của dị thực làm chỗ y chỉ. Vì nghịch lại tướng ấy nên hỏi. Vì sao diệt này lại gọi là không làm? Vì không làm chỗ sở y của các nghiệp phiền não hiện tại. Lại nữa tướng khổ là dị thực hậu hữu liên tục sinh khởi không gián đoạn. Vì ngược lại tướng kia nên hỏi. Vì sao diệt này lại gọi là không sinh? Vì vĩnh ly vị lai tương tục sinh.

Lại nữa diệt đế có 4 thứ tướng. Là diệt tướng, tĩnh tướng, diệu tướng, và ly tướng. Vì sao gọi diệt tướng? Vì phiền não ly hệ. Nghĩa là lưu chuyển nhân phiền não ly hệ nên gọi là diệt. Vì sao gọi là tĩnh tướng? Vì khổ ly hệ, gồm trong hành khổ tướng không tịch tĩnh thủ uẩn ly hệ nên gọi là tĩnh. Vì sao gọi là diệu tướng? Vì lạc tịnh sự, các khổ phiền não cứu cánh ly hệ, lầy lạc tịnh tự nhiên làm tự thể nên gọi là diệu. Vì sao gọi là ly tướng? Vì thường làm việc lợi ích, hết sức an ổn không thoái lui trở lại. Như thứ tự đó gọi là thường lợi ích, an ổn lợi ích. Tối thắng thiện tính là tướng của diệt đế.

Thế nào là đạo đế? Nghĩa là do đạo này nên biết khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo. Đó là lược nói tướng của đạo đế. Nay trong đây y vào 4 Thánh đế lấy tác dụng của nó hiển thị thể tướng của đạo.

Lại nữa đạo có 5 thứ. Là tư lương đạo, phương tiện đạo, kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo. Như vậy 5 thứ dựa vào tự tính và quyền thuộc của đạo để hiển thị sai biệt của đạo đế.

Tư lương đạo, nghĩa là các dị sinh có Thi-la, thủ hộ căn môn, ăn uống biết lượng, đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu chỉ quán, trụ trong chính tri. Lại có chỗ dư thì tu tập các thiện. Do văn tư tu sinh tuệ, tu tập đây nên được thành sở y khí tính của hiện

quán giải thoát. Nghĩa là các dị sinh có các Thi-la, cho đến trụ trong chính tri v.v... là đạo thể của tư lương, do tu tập tịnh Thi-la v.v... cực kỳ viên mãn. Lại có chỗ dư thì tu tập các thiện, nghĩa là không hồi v.v... do văn tư tu sinh các tuệ được thành noãn v.v... lần lượt kiến đế vĩnh đoạn các chướng tương tục tính kham nhiệm.

Phương tiện đạo, nghĩa là có các tư lương đều là phương tiện. Hoặc cũng có phương tiện không phải tư lương. Nghĩa là người đã tích tập tư lương đạo thì có thuận quyết trạch phần thiện căn. Nghĩa là noãn pháp, đỉnh pháp, thuận để nhãn pháp, thế đệ nhất pháp. Noãn pháp, nghĩa là riêng biệt nội chứng, trong các đế được rõ ràng Tam-ma-địa Bát-la-nhã, và như các pháp tương ưng. Do đỉnh pháp kia lần lượt tăng tiến lên thượng vị. Thuận để nhãn pháp, là các biệt nội chứng, ở trong các đế một phần đã nhập tùy thuận Tam-ma-địa Bát-la-nhã, và các pháp tương ưng với chúng. Một phần đã nhập, là đối với vô sở thủ hoàn toàn nhãn hiệu. Một phần tùy thuận, là với vô năng thủ, tùy thuận thông đạt sở y xứ. Thế đệ nhất pháp, nghĩa là các biệt nội chứng, ở trong các đế vô gián tâm Tam-ma-địa Bát-la-nhã, và các pháp tương ưng với chúng. Từ vô gián này chắc chắn khởi tối sơ xuất thế đạo.

HẾT QUYỂN 8

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẠP TẬP LUẬN

QUYỀN 9

Phẩm 1 – 4: PHẨM ĐẾ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là kiến đạo? Nếu nói chung, là thế đệ nhất pháp vô gián, vô sở đắc Tam-ma-địa Bát-la-nhã, và các pháp tương ưng với nó. Do vô phân biệt Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na v.v... làm thế tướng. Lại sở duyên, năng duyên, bình đẳng, bình đẳng trí làm tướng. Do đây thông đạt sở thủ năng thủ vô tính chân như.

Lại nữa, khiến trừ riêng biệt hữu tình giả, pháp giả, và khiến trừ khắp cả 2 giả, sở duyên pháp trí làm tướng. Thế nào là khiến trừ riêng biệt hữu tình giả sở duyên pháp trí làm tướng? Là do trí này ở trong tự tương tục không phân biệt ngã tướng. Không phân biệt là nghĩa của khiến trừ. Thế nào là khiến trừ riêng biệt pháp giả sở duyên pháp trí làm tướng? Là do trí này trong tự tương tục không phân biệt sắc v.v... các pháp tướng. Thế nào là khiến trừ khắp cả 2 giả sở duyên pháp trí làm tướng? Là do trí này trong tất cả mọi nơi, không sai biệt, không phân biệt ngã tướng và pháp tướng.

Lại nữa, nếu nói riêng kiến đạo sai biệt thì thế đệ nhất vô gián, khổ pháp trí, nhãn khổ pháp trí, khổ loại trí, nhãn khổ loại trí, tập pháp trí, nhãn tập pháp trí, tập loại trí, nhãn tập loại trí, diệt pháp trí, nhãn diệt pháp trí, diệt loại trí, nhãn diệt loại trí, đạo pháp trí, nhãn đạo pháp trí, đạo loại trí, nhãn đạo loại trí, như vậy 16 thứ trong các

Thánh đế pháp loại trí nhãn và pháp loại trí là tướng kiến đạo sai biệt. Khô, là khô đế. Khô pháp, là giáo pháp do khô đế tăng thượng khởi. Pháp trí, là pháp trí tăng thượng do quán sát đế trong phương tiện đạo. Trí nhãn, là sức quán sát tăng thượng trước tiên trong các khô đế riêng biệt khởi tuệ vô lậu hiện chứng. Do tuệ này nên vĩnh viễn xả bỏ tất cả phiền não do kiến khô đoạn. Nay trong đây nói nghĩa, tức là quán sát trong phương tiện đạo, y chỉ khô đế khởi các pháp của khế kinh v.v..., vì như lý tác ý gồm thâm sức trí tăng thượng. Trong tự tương tục khô đế hiện chứng chân như kia, thể của xuất thế gian tuệ chính kiến sinh, do tuệ này nên vĩnh viễn xả bỏ 28 tùy miên trói buộc trong 3 cõi, tất cả do kiến khô đoạn. Đó gọi là khô pháp trí nhãn.

Khô pháp trí, là nhãn vô gián. Do trí này giải thoát các phiền não trước đã đoạn mà được chứng đắc. Sở dĩ vì sao? Trước do nhãn nên vĩnh viễn xả bỏ tất cả phiền não do kiến khô đoạn. Nay sở y chuyển từ vô gián này, do trí sinh chứng đắc chuyển y như vậy. Đó gọi là khô pháp trí.

Khô loại trí nhãn, là khô pháp trí vô gián vô lậu sinh, trong khô pháp trí nhãn và khô pháp trí nội chứng riêng biệt. Các Thánh pháp nói sau đều là chủng loại này. Sở dĩ vì sao? Do 2 thứ đầu, hoặc nhãn, hoặc trí là chủng loại Thánh pháp của tất cả học và vô học sau. Từ đây mà kia được sinh, cho nên các nội chứng riêng biệt duyên đây làm cảnh sinh tuệ vô lậu. Các Thánh pháp nói sau đều là chủng loại này. Cho nên gọi là khô loại trí nhãn.

Khô loại trí, là trí vô lậu vô gián này sinh, thẩm định ẩn khả khô loại trí nhãn. Sở dĩ vì sao? Do trí vô lậu vô gián của khô loại trí nhãn sinh, nó ẩn khả cái nội chứng của khô loại trí nhãn. Cho nên gọi là khô loại trí.

Như vậy trong các đế khác tùy chỗ thích ứng của nó, các nhãn các trí tất cả đều phải biết. Ở trong vị này, giác ngộ pháp nhãn pháp

trí là sở thủ, giác ngộ loại nhãn loại trí là năng thủ. Sở dĩ vì sao? Xuất thế gian đạo có 2 cảnh giới, là chân như và chính trí. Pháp trí phàm đạo thì chân như làm cảnh. Loại trí phàm đạo thì chính trí làm cảnh. Do đó hiểu biết như thật các nhãn trí. Lại nữa trong tất cả nhãn trí vị, nói an trụ vô tướng quán, là như Bạc-già-phạm nói Bồ-đặc-già-la vô tướng trụ thứ 6, tức là cái hiện trụ trong nhãn trí vị này vậy. Ở trong vị này tất cả tướng đều không thể có được. Lại nữa vô tướng trụ có 6 thứ, là không, vô tướng, vô nguyện, diệt định, hữu định, và kiến đạo. Như vậy 16 tâm sát-na gọi là kiến đạo. Sở dĩ vì sao? Do nhãn trí gồm thâu 16 tâm sát-na như vậy. Trong trường hợp chưa từng thấy cảnh 4 Thánh đế thì đều lấy 4 sát-na mà thấy, cho nên gọi là kiến đạo. Và lại tâm sát-na, là ở nơi cảnh sở tri trí sinh cứu cánh gọi là 1 sát-na, không phải vốn không nay có, khi sinh gọi là tâm sát-na. Bởi vì sao? Cho đến trong cảnh sở tri, trí năng tri sinh, được cứu cánh cũng gọi là 1 sát-na. Cho nên nói khổ thì phải biết khắp là 1 tâm sát-na. Giống như vậy, tập phải vĩnh đoạn v.v... cũng thế. Lại nữa, như trên đã nói kiến đạo sai biệt đều giả kiến lập chẳng phải chân thật. Bởi vì sao? Vì trong xuất thế vị, các biệt nội chứng, tuyệt dứt hý luận.

Lại nữa tất cả đạo đế do 4 thứ tương ưng tùy giác liễu. Đó là an lập, tư duy, chứng thụ, và viên mãn. An lập, là Thanh Văn v.v... tùy tự sở chứng đã được cứu cánh, vì muốn khiến người khác cũng hiểu biết nên do hậu đắc trí dùng vô lượng danh cú văn thân an lập đạo đế. Nghĩa là ở trong các đế có nhãn như vậy như vậy, có trí như vậy như vậy v.v... Tư duy, là chính tu tập phương tiện hiện quán dùng thế gian trí như chỗ an lập tư duy tu tập. Chứng thụ, là tu tập như vậy nhiều rồi, tự nội chứng thụ trước tiên kiến đạo chính xuất thế gian vô hý luận vị. Viên mãn, là sau vị này viên mãn chuyển y cho đến chứng được cứu cánh. Đã chứng được cứu cánh vị rồi, lại do hậu đắc trí dùng danh cú văn thân an lập đạo đế. Như vậy bánh xe 4 tướng chân thật đạo lần lượt chuyển, dựa vào nhau mà chuyển không dứt. Như kinh nói: Viễn trần ly cấu, ở trong các pháp sinh chính pháp

nhân, là y nơi kiến đạo này mà nói các pháp nhãn có thể viễn trần, các pháp trí có thể ly cấu, do trước tiên trong các đế diệu thánh tuệ nhãn làm tự tính. Pháp nhãn có thể viễn trần, là do các pháp nhãn vĩnh đoạn tất cả bụi bặm phiền não. Pháp trí có thể ly cấu, là do các pháp trí đã đoạn chướng cấu uế được sinh. Lại nữa ở nơi nhãn và trí 2 vị theo như thứ tự biến khắp trí nên vĩnh đoạn, nên đã được thanh tịnh, y theo đó mà nói viễn trần ly cấu. Lại nữa kinh nói: Kiến pháp, đắc pháp, cực thông đạt pháp, cứu cánh kiên pháp, vượt qua tất cả hy vọng nghi hoặc, không mượn duyên khác. Đối với vị thầy vĩ đại ngoài ra không ai có thể dẫn dắt. Trong các pháp được vô úy, đây cũng là y vào kiến đạo mà nói. Đối với hữu tình được hóa độ là thánh đế hiện quán vô gián mà nói. Kiến pháp, là các pháp nhãn, do chúng thông đạt pháp chân thật. Đắc pháp, là các pháp trí, vì trong chuyển y có thể tác chứng. Cực thông đạt pháp, là các loại nhãn, thông đạt các thánh pháp là 2 loại này. Cứu cánh kiên pháp, là các loại trí, vì đã cứu cánh đối với các sở tri. Vượt qua tất cả hy vọng, là các pháp trí xuất thế gian đạo chứng được thánh quả đê mê dài hy vọng, không lo đối với tự sở chứng. Vượt qua tất cả nghi hoặc, là ở trong vị này không do dự với sở chứng khác, nghĩa là những cái khác cũng có thể chứng thắng vị này. Không mượn duyên khác, là trong chỗ tu đạo tuy không có người dắt dẫn mà tự nhiên thiện xảo. Đối với vị thầy vĩ đại, ngoài ra không ai có thể dẫn dắt, là trong thánh giáo của Phật đã được chứng tịnh, tuy chuyển sinh đời khác cũng không bị tà đạo lôi kéo. Ở trong các pháp được không sợ hãi, là y vào sở chứng trong vấn ký pháp như ác dục, tăng thượng mạn, hoàn toàn không có tâm khiếp sợ.

Thế nào là tu đạo? Là trên kiến đạo có thế gian đạo, xuất thế gian đạo, duyên đạo, trung đạo, thượng đạo, phương tiện đạo, vô gián đạo, giải thoát đạo, thắng tiến đạo v.v... đều gọi là tu đạo. Sở dĩ vì sao? Các thánh đệ tử của Phật được đế hiện quán, từ đây trở lên để đoạn các kết phương tiện thường tập thế gian đạo khác v.v... gọi là tu đạo.

Thế gian đạo, là thế gian sơ tĩnh lự, tĩnh lự thứ hai, tĩnh lự thứ ba, tĩnh lự thứ tư, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy tĩnh lự Vô sắc do 4 thứ tương ưng rộng phân biệt, như tạp nhiễm, thanh bạch, kiến lập, và thanh tịnh.

Tạp nhiễm, là 4 vô ký căn: một ái, hai kiến, ba mạn, bốn vô minh. Do 4 hoặc này nhiễm ô nơi tâm, trong các nhiễm ô tĩnh lự định môn khiến Sắc Vô sắc giới tất cả hữu phú vô ký phiền não tùy phiền não sinh trưởng không dứt. Sở dĩ vì sao? Do có ái nên trên mùi vị tĩnh lự nhiễm phải tạp nhiễm, vì tham thích mùi vị tịnh định khinh an. Do có kiến nên trên cái kiến tĩnh lự nhiễm phải tạp nhiễm, vì y chỉ tĩnh lự phát khởi chấp trước các kiến đời trước. Do có mạn nên trên cái mạn tĩnh lự nhiễm phải tạp nhiễm, vì dựa vào chứng thắng định khởi cao mạn. Do vô minh cho nên trên cái nghi tĩnh lự nhiễm phải tạp nhiễm. Người cầu giải thoát do chưa thông đạt đạo lý chân thật, đối với thắng phẩm đã chứng thường sinh nghi hoặc cho là giải thoát chẳng hay không giải thoát. Những phiền não như vậy hằng nhiễm nơi tâm khiến Sắc Vô sắc 2 hoặc lớn nhỏ tương tục lưu chuyển.

Thanh bạch, là tịnh tĩnh lự không có sắc. Do tính thiện nên gọi là thanh bạch. Tuy là thế gian nhưng li triền cấu nên cũng gọi là tịnh.

Kiến lập, là có 4 thứ kiến lập. Tức chi phần kiến lập, đẳng chí kiến lập, phẩm loại kiến lập, và danh tướng kiến lập. Trong các tĩnh lự đủ 4 kiến lập, trong các Vô sắc chỉ có 3 thứ, trừ chi phần.

Chi phần kiến lập, là 1.Tâm, 2.Tứ, 3.Hỷ, 4.Lạc, 5.Tâm một cảnh tính. Tĩnh lự thứ hai có 4 chi. Những gì là 4? Là 1.Nội đẳng tịnh, 2.Hỷ, 3.Lạc, 4.Tâm một cảnh tính. Tĩnh lự thứ ba có 5 chi. Những gì là 5? Là 1.Xả, 2.Niệm, 3.Chính trí, 4.Lạc, 5.Tâm một cảnh tính. Tĩnh lự thứ tư có 4 chi. Những gì là 4? Là 1.Xả thanh tịnh, 2.Niệm thanh tịnh, 3.Bất khổ bất lạc thụ, 4.Tâm một cảnh tính.

Hỏi: Pháp có vô lượng, vì sao chỉ lập tâm v.v... làm chi?

Đáp: Vì là đối trị chi, là lợi ích chi, 2 sở y ấy là tự tính chi. Do 3 thứ chi phần này là đầy đủ không phải đợi có những thứ khác. Trong sơ tĩnh lục, 2 thứ tầm tứ là đối trị chi, vì nó có thể đoạn dục, nhuế, hại v.v... các tầm tứ của Dục giới. Hỷ lạc 2 chi là lợi ích chi, vì do tầm tứ chi trị sở trị, đã được ly sinh hỷ lạc. Tâm một cảnh tính, là 2 sở y kia là tự tính chi, vì y chỉ định lực mà tầm v.v... chuyển. Trong tĩnh lục thứ hai, nội đẳng tịnh là đối trị chi, vì do đây có thể trị tầm tứ. Hỷ lạc là lợi ích chi. Tâm một cảnh tính là 2 sở y kia. Tự tính chi, nghĩa như đã nói ở trước. Trong tĩnh lục thứ ba, xả, niệm, chính tri là đối trị chi, vì do 3 chi đây có thể trị hỷ. Lạc là lợi ích chi. Tâm một cảnh tính là sở y của 2 cái kia. Tự tính chi, nghĩa như đã nói ở trước. Trong tĩnh lục thứ tư xả thanh tịnh, niệm thanh tịnh là đối trị chi, vì do 2 chi này có thể trị lạc. Bất khổ bất lạc thụ là lợi ích chi. Tâm một cảnh tính là sở y của 2 kia. Tự tính chi, trong các Vô sắc không lập chi phần, vì chỉ có tính một mùi vị là Xa-ma-tha.

Đẳng chí kiến lập thế nào? Nghĩa là do 7 thứ tác ý chứng nhập sơ tĩnh lục. Như vậy cho đến phi tướng phi phi tướng xứ. Những gì là 7 thứ tác ý? Là liễu tướng tác ý, thắng giải tác ý, viễn ly tác ý, nhiếp lạc tác ý, quán sát tác ý, phương tiện cứu cánh tác ý, và phương tiện cứu cánh quả tác ý. Đây rộng phân biệt như Thanh Văn địa, hậu Du-già xứ. Sao gọi là khi chứng nhập sơ tĩnh lục do 7 tác ý? Nghĩa là do định địa tác ý thấy trong Dục giới tội lỗi v.v... nên hiểu rõ thô tướng. Trong sơ tĩnh lục không có tướng này nên gọi là tĩnh tướng. Đó gọi là liễu tướng tác ý. Tác ý như thế còn bị văn tư xen tạp. Từ đây trở lên mới siêu vượt văn tư, một mực tu tướng duyên thô tĩnh tướng làm cảnh giới. Tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, thường tư duy như tầm tứ thô tĩnh tĩnh tướng. Đó gọi là thắng giải tác ý. Do tu tập đây nên trước tiên đoạn đạo sinh câu hành tác ý, gọi là viễn ly tác ý do đây có thể đoạn thượng phẩm phiền não và có thể viễn ly phẩm thô trọng kia.

Hành giả tu quán này lại vui mừng với thượng đoạn kiến, thượng đoạn công đức, đã chạm đến một phần ít viễn ly hỷ lạc. Vì muốn trừ bỏ hôn trầm thù miên, thường thường tu tập tịnh diệu tác ý cho tâm vui vẻ. Đó gọi là nhiếp lạc tác ý. Như vậy người chính tu hành phương tiện gìn giữ thiện phẩm, khiến phiền não triền cấu của Dục giới hệ không hiện hành trở lại. Nhân đây vì muốn thâm xét phiền não đoạn với chưa đoạn, nên lại tác ý quán sát kia sinh tùy thuận tịnh tướng đó gọi là quán sát tác ý. Như vậy hành giả thường thường quán sát tiến tu đối trị để khiến tất cả phiền não của Dục giới tạm thời được ly hệ. Đối trị đạo này tương ưng tác ý là tối hậu phương tiện của tối sơ tĩnh lự, cho nên gọi là phương tiện cứu cánh tác ý. Từ đây vô gián chứng được căn bản tối sơ tĩnh lự câu hành tác ý. Đó là phương tiện cứu cánh quả tác ý. Lại nữa do liễu tướng tác ý phát hy nguyện tâm, vì chính liễu tri phải đoạn, phải đắc. Để đoạn, để đắc nên do thắng giải tác ý vì sở cầu nghĩa phát chính phương tiện, do viễn ly tác ý xả thượng phẩm hoặc, do nhiếp lạc tác ý xả trung phẩm hoặc, do quán sát tác ý an tâm nơi sở chứng viễn ly tăng thượng mạn, do phương tiện cứu cánh tác ý xả hạ phẩm hoặc, do phương tiện cứu cánh quả tác ý lãnh sở tu tác ý tu quả kia. Như để chứng nhập sơ tĩnh lự định tu 7 tác ý. Như vậy cho đến để chứng nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định cần phải biết. Lại nữa, thô tướng nghĩa là ở tất cả hạ địa từ Dục giới cho đến vô sở hữu xứ. Như vậy thô tướng lược có 2 thứ: 1. Trụ nơi khổ nặng, vì trụ bất tịch tĩnh. 2. Mạng hành nhỏ bé, vì thọ mạng ngắn ngủi. Tĩnh tướng, là ở nơi tất cả thượng địa từ sơ tĩnh lự cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì trái nghịch với thô tướng.

Phẩm loại kiến lập, là ở sơ tĩnh lự định đủ 3 phẩm huân tu, nghĩa là nhuyển, trung, thượng. Giống như sơ tĩnh lự, các tĩnh lự khác và Vô sắc 3 phẩm huân tu cũng vậy. Do nhuyển trung thượng phẩm huân tu sơ tĩnh lự cho nên trong sơ tĩnh lự trở lại sinh 3 dị thực. Giống như sơ tĩnh lự, trong các tĩnh lự khác hoặc huân tu hoặc sinh quả cũng đều 3 phẩm như vậy. Trong các tĩnh lự 3 phẩm huân tu sinh

3 quả là trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, và trời Đại phạm. Như vậy v.v... nói rộng như trước. Trong Vô sắc giới, không phân biệt xứ sở nên không lập sinh quả sai biệt. Sở dĩ vì sao? Vì ở Vô sắc giới không có cung điện v.v... nên không kiến lập sinh quả sai biệt. Nhưng do 3 phẩm huân tu Vô sắc định cho nên khi sinh dị thực có cao có hạ có thắng có liệt. Dị thực kia khi sinh có cao có hạ, là do thọ mạng có sai biệt, có thắng có liệt là vì có nhiễm ô không nhiễm ô nhiều hay ít khác nhau.

Danh tướng kiến lập, là trong 4 tĩnh lục Tam-ma-địa sai biệt vô lượng không thể tính toán không thể nghĩ bàn. Bởi vì sao? Ở trong định trong sơ tĩnh lục, chư Phật Thế Tôn và các Bồ-tát Ma-ha-tát được cứu cánh đại oai đức nhập các Tam-ma-địa. Các Tam-ma-địa ấy tất cả Thanh Văn và Độc Giác còn không biết được tên không biết được số bao nhiêu, huống nữa là chứng nhập. Như trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói số Tam-ma-địa đến quá số trăm. Cũng như vậy trong các kinh Đại thừa khác nói số Tam-ma-địa vô lượng. Giống như các định gồm trong sơ tĩnh lục, các định gồm trong các Vô sắc tĩnh lục khác cũng vậy. Những điều đã nói như vậy đều y vào tĩnh lục Ba-la-mật-đa.

Thanh tịnh, là định tận cùng trong sơ tĩnh lục, cho đến định tận cùng của phi tướng phi phi tướng xứ, gọi là thanh tịnh. Định tận cùng của tĩnh lục Vô sắc, là muốn dẫn phát thắng phẩm công đức được tự tại v.v... tu kham nhiệm định đến chỗ cứu cánh.

Xuất thế gian đạo, là trong tu đạo, pháp trí loại trí phẩm bao gồm khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí. Như vậy tướng của 8 trí đã nói rộng trong kiến đạo. Và các Tam-ma-địa tương ưng với chúng, hoặc chưa gồm trong định, hoặc gồm trong sơ tĩnh lục cho đến vô sở hữu xứ. Phi tướng phi phi tướng xứ chỉ là thế gian, vì tướng không minh liễu hằng hiện hành. Do tướng không minh liễu hằng hiện tiền nên không phải chỗ y chỉ của Thánh đạo cực kỳ minh liễu hiện hành, cho

nên là hoàn toàn gồm trong thế gian. Do đạo lý này tưởng kia là yếu kém không thể sắc mạnh. Vì thủ sở duyên tướng nên gọi là vô tướng. Lại nữa làm sao biết phi tướng phi phi tướng xú không có Thánh đạo? Do Thế Tôn nói. Cho đến hữu tướng Tam-ma-bát-đề mới có thể như thật chiếu rõ. Thông đạt diệt tận Tam-ma-bát-đề là xuất thế gian. Do Thánh đạo sau được chứng đắc cho nên cần phải ở trong cõi người mới có thể dẫn phát. Nói dẫn phát là nghĩa sơ khởi, có thể hiện tiền hoặc ở cõi người hoặc ở Sắc giới, trước đã sinh khởi sau hiện tiền trở lại. Hoặc ở cõi người, nghĩa là tức ở đời này. Hoặc ở Sắc giới, là sau sinh nơi kia. Sao thánh đệ tử đã được Vô sắc định đã lìa Sắc giới lại muốn sinh Sắc giới? Không cần vĩnh viễn lìa Sắc giới mà lại muốn nhập Vô sắc định, cho nên trong đây phải làm 4 câu: Nếu người đã lìa dục của Sắc giới, tất cả đều có thể nhập tịch tĩnh giải thoát định của Vô sắc giới chăng? Giả sử có thể nhập tịch tĩnh giải thoát định của Vô sắc giới thì tất cả đã lìa dục của Sắc giới chăng?

Đáp: Câu đầu tiên là dựa vào chưa đến định đã lìa dục Sắc giới mà không thể được nhập tịch tĩnh giải thoát định của Vô sắc giới. Câu thứ hai là các thánh giả đã được tĩnh lự thứ tư không cầu sinh Vô sắc giới mà khởi chán bỏ. Các hành của tĩnh lự thứ tư hằng hiện tiền, xả đoạn kết đạo, y thắng tiến đạo, dần dần có thể nhập tịch tĩnh giải thoát định của Vô sắc giới. Câu thứ ba là tức nơi đây hành giả cần cầu lìa dục dựa vào đoạn kết đạo dần dần có thể nhập tịch tĩnh giải thoát định của Vô sắc giới. Câu thứ tư là trừ các tướng như vậy ở trên.

Hỏi: Vì sao trong Vô sắc giới diệt định không khởi hiện tiền?

Đáp: Sinh Vô sắc giới, diệt tận định này phần nhiều không khởi hiện tiền, do người trụ tịch tĩnh giải thoát dị thực, trong diệt định này đa số không phát khởi cần phương tiện. Sở dĩ vì sao? Vì các thánh đệ tử vì muốn an trụ nơi tịch tĩnh trụ, cho nên đối với cõi người v.v... dẫn diệt định này khiến hiện tiền. Còn nếu người đã sinh Vô sắc giới thì không phải do công dụng mà tự nhiên an trụ đệ nhất tịch tĩnh giải

thoát dị thực trụ, không phát khởi phương tiện công dụng cầu diệt định này khiến hiện tiền nữa.

Nhuyên đạo, là có nhuyên nhuyên, nhuyên trung, nhuyên thượng phẩm đạo. Do đạo này có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não thượng thượng, thượng trung, thượng hạ trong các địa, trói buộc trong 3 cõi. Trung đạo, có trung nhuyên, trung trung, trung thượng phẩm đạo. Do đạo này có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não trung thượng, trung trung, trung nhuyên trong mỗi địa mỗi địa, trói buộc trong 3 cõi. Thượng đạo, có 3 phẩm đạo là thượng nhuyên, thượng trung, thượng thượng. Do đạo này nên có thể xả bỏ 3 phẩm phiền não nhuyên thượng, nhuyên trung, nhuyên nhuyên trong mỗi địa mỗi địa, trói buộc trong 3 cõi.

Như vậy nhuyên trung thượng phẩm đạo lại riêng biệt chia làm nhuyên v.v... 3 thứ, kiến lập 9 phẩm để thấy rõ tu đạo đoạn phiền não là lần lượt đoạn dần dần. Lại nữa vì nhân duyên gì nhuyên nhuyên phẩm đạo có thể đoạn thượng thượng phẩm phiền não? Do phiền não này cực kỳ sắc mạnh hủy diệt tâm quý. Trong người không biết xấu hổ, sự thô trọng hiện hành dễ thấy biết dễ phân biệt. Cho nên thượng phẩm phiền não này như những cái bản sơ sai, một chút đối trị nhỏ cũng trừ bỏ được. Nếu hạ hạ phẩm phiền não trái nghịch với trên nó vi tế ẩn trong thân, hiện hành của nó khó thấy biết khó phân biệt, phải có sức mạnh tẩy trừ cầu uest vi tế ẩn giấu đem đối trị mới trừ bỏ được. Do đạo lý này phải biết các tướng năng trị sở trị khác chuyển sang kiến lập cũng vậy.

Phương tiện đạo, là do đạo này có thể xả bỏ phiền não. Sở dĩ vì sao? Do khi chính tu đạo như vậy có thể dần dần xả ly các phiền não thượng phẩm riêng biệt đã sinh các phẩm loại thô trọng, một phần dần được chuyển y. Đó là phương tiện đạo trong tu đạo.

Vô gián đạo, là do đạo này không gián đoạn, vĩnh đoạn phiền não khiến không còn sót. Sở dĩ vì sao? Do đạo này không gián đoạn,

có thể vĩnh viễn đoạn trừ các phẩm phiền não này đã sinh các phẩm loại thô trọng khiến không còn sót, lại chuyển thô trọng thành không thô trọng. Đó gọi là vô gián đạo trong tu đạo.

Giải thoát đạo, là do đạo này chứng đoạn phiền não được giải thoát. Sở dĩ vì sao? Do đạo này có thể chứng phiền não vĩnh đoạn, được chuyển y.

Thắng tiến đạo, là có phương tiện vô gián giải thoát đạo để đoạn trừ dư phẩm phiền não. Đó gọi là thắng tiến đạo. Sở dĩ vì sao? Vì đoạn phẩm này sau các dư phiền não có phương tiện vô gián giải thoát đạo so với phẩm này là thắng tiến nên gọi là thắng tiến đạo. Lại nữa xả bỏ phương tiện đoạn phiền não, hoặc siêng dùng phương tiện tư duy các pháp, hoặc siêng dùng phương tiện an trụ các pháp, hoặc có các đạo tiến tu các Tam-ma-bát-đề, gọi là thắng tiến đạo. Lại nữa để làm rõ các nghĩa xả bỏ các phương tiện đạo đoạn phiền não, chỉ chính tư duy các pháp trong khế kinh v.v..., hoặc trở lại an trụ quán sát trong các pháp trước đã tư duy đã chứng, hoặc lại tiến nhập các thắng phẩm định, như vậy đều gọi là thắng tiến đạo. Lại nữa, để dẫn phát công đức thắng phẩm, hoặc lại an trụ nơi các đạo, gọi là thắng tiến đạo. Sở dĩ vì sao? Nếu để dẫn phát thần thông vô lượng các công đức thắng phẩm, hoặc đã sinh rồi an trụ hiện tiền, những đạo như vậy gọi là thắng tiến đạo. Như vậy đã nói rộng tướng tu đạo sai biệt.

Tu như thế nào? Lược nói có 4 thứ, là đắc tu, tập tu, trừ khử tu, và đối trị tu. Đắc tu, nghĩa là chưa sinh thiện pháp, tu tập làm cho sinh. Tập tu, nghĩa là đã sinh thiện pháp, tu khiến kiên trụ không mất lại làm cho rộng thêm. Trừ khử tu, nghĩa là đã sinh ác bất thiện pháp, tu khiến vĩnh đoạn. Đối trị tu, nghĩa là chưa sinh ác bất thiện pháp, tu khiến không sinh. Như vậy 4 thứ tướng tu sai biệt, tùy chỗ thích ứng dựa vào 4 chính đoạn mà nói. Để được nên tu gọi là đắc tu. Do sức tu này được các thiện pháp chưa được. Tập tức là tu, gọi là tập tu. Do sức tu này thường tập các thiện pháp đã được. Để trừ bỏ nên tu, gọi

là trừ khử tu. Do sức tu này trừ bỏ hiện hành vị các bất thiện pháp. Tu tập đối trị, gọi là đối trị tu. Đối trị vị lai các bất thiện pháp khiến thành pháp không sinh. Lại nữa, khi đạo sinh có thể an lập tự tập khí, đó gọi là đắc tu. Từ chủng loại này dần dần tăng thịnh liên tục sinh, lại ngay đạo này hiện tiền tu tập, nên gọi là tập tu. Tức do đạo này hiện tiền hành. Lại nữa, tức khi đạo này hiện tiền có thể xả bỏ tự chướng, đó gọi là trừ khử tu. Do đây có thể diệt thô trọng chướng tự phải đối trị. Lại nữa, ngay đạo này đã xả bỏ tự chướng, lại khiến nó vị lại trụ trong pháp không sinh. Đó gọi là đối trị tu. Do đã được chuyển y nơi đời vị lai an trí các chướng khiến trụ trong pháp không sinh, lại do đủ 4 thứ đối trị, nên gọi là đối trị tu, tức yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, tri đối trị, và viễn phần đối trị. Yếm hoại đối trị, là trong các hành hữu lậu thấy nhiều tội lỗi, như bệnh tật như ung nhọt v.v... chán bỏ 5 thủ uẩn. Đoạn đối trị, là phương tiện và vô gián đạo. Do nó có thể đoạn các phiền não. Tri đối trị, là giải thoát đạo, do nó duy trì đoạn đắc. Viễn phần đối trị, là các đạo về sau, do nó khiến các phiền não trước đã đoạn chuyển thành viễn ly. Như vậy 4 thứ đối trị sai biệt là nghĩa đối trị tu sai biệt ở trước.

Lại nữa đạo sai biệt có 11 thứ. Đó là quán sát sự đạo, cần công dụng đạo, tu trị định đạo, hiện quán phương tiện đạo, thân cận hiện quán đạo, hiện quán đạo, thanh tịnh xuất ly đạo, y căn sai biệt đạo, tịnh tu tam học đạo, phát chur công đức đạo, và biến nhiếp chur đạo đạo. Phải biết trong đây do giác phần v.v...sai biệt nên kiến lập 11 thứ đạo, theo thứ tự của nó là 37 pháp Bồ-đề phần, 4 thứ chính hành, 4 thứ pháp tích, Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, và 3 vô lậu căn. Quán sát sự đạo, là 4 niệm trụ. Do đây trước tiên dùng các hạnh bất tịnh v.v... quán sát tất cả thân thụ tâm pháp sự. Cần công dụng đạo, là 4 chính cần. Do khắp quán sát tất cả sự rồi để đoạn các chướng phát cần tinh tiến. Tu trị định đạo, là 4 thần túc. Như vậy trừ sạch tất cả chướng rồi, lại do dục cần tâm quán môn, tu Tam-ma-địa khiến thành điều thuận kham nhiệm tính. Hiện quán phương tiện đạo, là tín v.v... 5 căn. Như

vậy tu trị Tam-ma-địa rồi, vì muốn chứng đắc vô lậu Thánh đạo siêng tu phương tiện tăng thượng duyên noãn đĩnh. Thân cận hiện quán đạo, là tín v.v... 5 lực. Như vậy người đã được tăng thượng duyên rồi, vì muốn vô gián thông đạt đế lý, tu tập xô dẹp các chướng bất tín v.v... vì gần phương tiện nhẫn đệ nhất pháp. Hiện quán đạo, là 7 giác chi. Do đây trước tiên riêng biệt nội chứng giác chân lý. Thanh tịnh xuất ly đạo, là Thánh 8 chi đạo. Do từ đây về sau để khiến các phiền não do tu đạo sở đoạn vĩnh viễn được thanh tịnh nên tu xuất ly đạo. Do đạo lý này pháp Bồ-đề phần theo thứ tự như vậy. Y căn sai biệt đạo, là 4 chính hành. Vì do y cận phần căn bản các địa sai biệt và sự sai biệt của lợi căn độn căn, người khổ chính hành thì y chỉ chưa đến được Vô sắc định vì như thứ tự chỉ quán còn yếu kém. Người lạc chính hành thì y chỉ căn bản tĩnh lực hai đạo chuyển. Người hai chậm thông là độn căn y khổ lạc. Người hai nhanh thông là lợi căn y khổ lạc. Tĩnh tu tam học đạo, là 4 pháp tích, do tịnh tu này tăng thượng giới v.v... 3 học. Không tham không giận có thể tịnh tu trị tăng thượng giới học. Hoàn toàn không ở nơi tham dục sân nhuế môn, hủy phạm chỗ học xứ. Chính niệm có thể tịnh tu trị tăng thượng tâm học. Do không mất sở duyên, giữ tâm khiến định. Chính định có thể tịnh tu trị tăng thượng tuệ học. Do tâm được định, có thể chứng như thật trí. Phát các công đức đạo, là Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na. Do đây có thể gồm sơ trung cứu cánh tất cả đạo. Chưa biết dục biết căn, gồm phương tiện đạo và kiến đạo. Đã biết căn gồm tu đạo. Đủ biết căn gồm cứu cánh đạo.

HẾT QUYỂN 9

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỀN 10

Phẩm 1 – 5: PHẨM ĐỀ TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Lại nữa, tất cả pháp Bồ-đề phần không có sai biệt, đều được kiến lập do 5 môn, là sở duyên, tự thể, trợ bạn, tu tập, và tu quả. Như đầu tiên 4 niệm trụ có 5 môn, ngoài ra các pháp Bồ-đề phần cũng vậy.

Bốn niệm trụ sở duyên cảnh, là thân thụ tâm pháp. Lại có 4 việc, là ngã sở y sự, ngã thụ dụng sự, ngã tự thể sự, và ngã nhiệm tịnh sự. Vì sao chỉ kiến lập đây làm sở duyên cảnh? Do điên đảo giác, ngu si phàm phu, phần nhiều chấp ngã, y chỉ có căn thân, thụ dụng khổ vui v.v..., thủ liễu cảnh làm tướng, do tham v.v... nhiệm ô, do tín v.v... thanh tịnh, cho nên trước tiên để chính quán sát sự tướng chân thật nên kiến lập 4 việc này làm sở duyên cảnh.

Niệm trụ tự thể, nghĩa là tuệ và niệm, do trong kinh Phật có nói đến tuần quán trong thân và có niệm trụ, theo thứ tự.

Niệm trụ trợ bạn, nghĩa là tâm tâm pháp tương ưng với kia. Nói kia là nói 2 pháp niệm và tuệ.

Niệm trụ tu tập, nghĩa là trong nội thân v.v... tu các quán tuần thân. Giống như nội, đối với ngoại, và nội ngoại cũng vậy. Nội thân, là nội sắc xứ trong thân này. Do trong tự thân nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn do nội xứ thâu nhiếp. Đọa vào trong số hữu

tình nên gọi là nội. Ngoại thân, là các ngoại sắc xứ bên ngoài. Do sắc thanh hương vị xúc ở ngoài. Do ngoại xứ thâm nhiếp không phải trong số hữu tình nên gọi là ngoại. Nội ngoại thân, nghĩa là tương ứng với nội xứ, có chỗ y chỉ của các căn ngoại xứ. Do ở trong thân mình, nhãn v.v...5 xứ tương ứng với chỗ y trụ của căn có sắc v.v... ngoại xứ. Đọa vào số hữu tình nên ngoại xứ thâm nhiếp gọi là nội ngoại. Lại nữa, trong thân khác có nội sắc xứ, đứng về xứ kiến lập, đứng về thân kiến lập gọi là nội ngoại.

Sao gọi là trong thân tu tuần thân quán? Nghĩa là để phân biệt thân ảnh tượng với thân bản chất bình đẳng. Quán sát khắp nơi thân cảnh, quán sát khắp thân tương tự tính, gọi là quán sát khắp thân nơi thân. Do quán sát khắp phân biệt ảnh tượng thân môn, thẩm xét quán sát kỹ bản chất thân. Nội thụ, là nhân nội thân sinh ra thụ, vì duyên nhãn v.v...các xứ làm cảnh giới. Y tự thân sinh nên gọi nội. Ngoại thụ, là nhân ngoại thân sinh ra thụ, vì duyên sắc v.v... các xứ làm cảnh giới. Y tha thân sinh nên gọi là ngoại. Nội ngoại thụ, là nhân nội ngoại thân sinh ra thụ. Vì duyên trong tự thân ngoại xứ làm cảnh, vì duyên trong tha thân nội xứ làm cảnh nên gọi là nội ngoại. Như thụ tâm pháp cũng vậy. Giống như đối với thân tu tuần thân quán, cũng vậy đối với thụ v.v...tu tuần thụ quán v.v...tùy theo thích hợp.

Lại nữa, tu tập, là dục, cần, sách, lệ, dững mãnh, không ngừng nghỉ, chính niệm, chính tri, và không phóng dật các tu tập sai biệt. Dục tu tập là để đối trị tùy phiền não không tác ý. Cần tu tập là để đối trị tùy phiền não giải đãi. Sách tu tập là để đối trị tùy phiền não hôn trầm trạo cử. Lệ tu tập là để đối trị tùy phiền não tâm hạ liệt tính. Tâm hạ liệt tính, nghĩa là đối với công đức thắng phẩm đã chứng, do tự khinh miệt môn, tâm sinh khiếp nhược tính. Dững mãnh tu tập là để đối trị tùy phiền não sơ lậu, mệt mỏi. Sơ lậu mệt mỏi, nghĩa là có thể dẫn đến những chỗ ruồi muỗi làm khó chịu. Không ngừng nghỉ tu tập là để đối trị tùy phiền não đối với trường

hợp được chút ít thiện pháp sinh tâm vui mừng cho là đủ. Do được chút ít thiện pháp sinh vui mừng cho là đủ nên ngừng nghỉ không tiếp tục tu tập các thiện phẩm thắng tiến khác. Chính niệm tu tập là để đối trị tùy phiền não quên mất giáo pháp tôn quý. Chính tri tu tập là để đối trị tùy phiền não hủy phạm truy hồi. Hủy phạm truy hồi, nghĩa là đối với các việc qua lại không có chính tri mà đi, trước là vượt bậc học xứ, sau là sinh hồi não. Không phóng dật tu tập là để đối trị tùy phiền não xả các thiện ách. Xả thiện ách, nghĩa là phóng dật tội lỗi, đối với thiện phẩm đã tu thắng tiến xả bỏ sự siêng năng phương tiện, không thể cứu cánh. Niệm trụ tu quả, là đoạn 4 diên đảo hướng nhập 4 đế thân v.v... ly hệ. Đó là tu quả đoạn. Bốn diên đảo là 4 niệm trụ tùy theo thứ tự có thể đoạn 4 thứ diên đảo là tịnh, lạc, thường, ngã. Tu quán bất tịnh nên hiểu rõ các thụ đều là khổ, vì thông đạt các thức, dựa vào duyên sai biệt, niệm niệm biến đổi. Quán sát nhiễm tịnh chỉ có các pháp không có tác dụng. Lại nữa 4 thứ này theo thứ tự hướng vào 4 đế cũng gọi là tu quả. Do thân niệm trụ hướng nhập khổ đế, hễ có sắc thân đều hành khổ tướng, vì thô trọng hiển lộ. Cho nên khi tu quán hành có thể trị khinh an này vì trong thân sai biệt sinh. Do thụ niệm trụ hướng nhập tập đế, vì lạc v.v... các thụ là hòa hợp ái v.v... với chỗ sở y. Do tâm niệm trụ hướng nhập diệt đế, quán lìa ngã thức phải không có sự sợ ngã đoạn môn, sợ sinh Niết-bàn, vì vĩnh viễn xa lìa. Do pháp niệm trụ hướng nhập đạo đế để đoạn pháp sở trị, để tu pháp năng trị. Lại nữa 4 thứ này theo thứ tự có thể chứng đắc quả ly hệ thân thụ tâm pháp. Do tu tập đây dần dần có thể xa lìa các thô trọng của thân v.v... Bốn chính đoạn sở duyên cảnh, là pháp đã sinh, chưa sinh, sở trị, năng trị. Trước tiên chính đoạn duyên đã sinh, pháp sở trị làm cảnh, là để đoạn pháp ác bất thiện đã sinh, sinh lạc dục. Thứ hai, chính đoạn duyên chưa sinh, pháp sở trị làm cảnh. Thứ ba, chính đoạn duyên chưa sinh, pháp năng trị làm cảnh. Như kinh nói nên phối hợp giải thích rộng.

Chính đoạn tự thể, là tinh tiến.

Chính đoạn trợ bạn, là các tâm tâm pháp tương ưng với nó.

Chính đoạn tu tập, là như kinh nói: Sinh dục sách lệ, phát khởi chính cần, sách tâm trì tâm. Trong đây các câu nói rõ tu chính cần và chỗ y chỉ. Chỗ y chỉ, là dục lạc dục, để trước phát tinh tiến. Chính cần, là sách lệ v.v...trong các tướng tác ý chỉ, cử, xả v.v... Nếu do tác ý tướng chỉ v.v... thì không cố luyện cảnh sở duyên, thuần tu tập đối trị, bấy giờ gọi là sách lệ. Vì muốn tổn giảm trăm một, trạo cử phát khởi chính cần. Sở dĩ vì sao? Vì nếu khi tùy phiền não hôn trầm phát sinh, để làm tổn giảm nó dùng tác ý tịnh diệu v.v... sách luyện cái tâm. Nếu khi tùy phiền não trạo cử sinh, thì dùng nội chứng lược nhiếp môn chế trì cái tâm, bấy giờ gọi là phát khởi chính cần. Tức là làm rõ phương tiện khéo léo làm tổn giảm cái hôn trầm trạo cử này. Cho nên tiếp theo nói sách tâm trì tâm.

Chính đoạn tu quả, là xả bỏ hết tất cả sở trị, với năng đối trị hoặc được hoặc tăng, đó gọi là tu quả. Chính đoạn đầu và thứ hai là xả hết tất cả sở trị, tùy theo chỗ thích ứng. Đoạn xả tất cả ác bất thiện pháp đã sinh chưa sinh. Chính đoạn thứ ba được năng đối trị, có thể sinh các thiện pháp chưa sinh. Chính đoạn thứ tư tăng năng đối trị, thiện pháp đã sinh khiến tăng rộng thêm.

Bốn thần túc sở duyên cảnh, là đã hoàn thành đầy đủ những việc do định làm ra. Đây là thế nào? Là do đã hoàn thành viên mãn sức của Tam-ma-địa, phát khởi các thứ thần biến. Đó là sở duyên cảnh.

Tự thể của thần túc, là Tam-ma-địa.

Thần túc trợ bạn, là dục, cần, tâm, quán và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Dục Tam-ma-địa, là do ân trọng phương tiện chứng tâm một cảnh tính. Ân trọng phương tiện, nghĩa là lạc dục sắc mạnh, cung kính sắc mạnh phương tiện được Tam-ma-địa. Cần

Tam-ma-địa, là do vô gián phương tiện xúc tâm một cảnh tính. Cần, là thường tính tiến không lúc nào gián đoạn. Tâm Tam-ma-

địa, là do trước tu định lực xúc tâm một cảnh tính. Sở dĩ vì sao? Do đời trước tu nhiều định lực khiến chủng tử kia công năng tăng trưởng. Do sức của chủng tử khiến tâm tự nhiên tùy thuận chuyển biến trong Tam-ma-địa. Do đây mau chứng tâm một cảnh tính. Lại, dục Tam-ma-

địa, là do sinh dục xúc tâm một cảnh tính. Quán Tam-ma-địa, là khi nghe giáo pháp khác, trong tự lựa chọn xúc tâm một cảnh tính. Lại, dục Tam-ma-địa, là do sinh dục xúc tâm một cảnh tính. Cần Tam-ma-địa, là do sách lệ phát khởi chính cần xúc tâm một cảnh tính. Tâm Tam-ma-địa, là do trì tâm xúc tâm một cảnh tính. Quán Tam-ma-địa, là do sách tâm xúc tâm một cảnh tính. Để làm rõ nhân tính phát sinh thân tức nên dẫn trong tu chính đoạn sinh dục, sách lệ v.v... các câu trì tâm, sách tâm. Đó là thứ tự này. Tâm Tam-ma-địa, là do trì tâm nên được định trì tâm. Ở trong tịch tĩnh lược nhiếp mau chứng định. Quán Tam-ma-địa, là do sách tâm nên được định, vì dựa vào pháp quán môn mà luyện tâm nên mau được định.

Thần túc tu tập, là thường tu tập nhiều 8 thứ đoạn hành. Những gì là 8? Là dục, tinh tiến, tín, an, chính niệm, chính tri, tư, xả. Như vậy 8 thứ lược lại gồm làm 4. Đó là gia hành, nhiếp thụ, kế thuộc, và đối trị. Gia hành, là dục, tinh tiến, và tín. Dục là chỗ dựa của tinh tiến. Tín là nhân của dục. Sở dĩ vì sao? Do dục cầu nên để được nghĩa này phát siêng năng tinh tiến. Như vậy dục cầu không tách rời tín thụ, vì là hữu thể v.v... Nhiếp thụ, là an. Do sự khinh an này nhiếp ích thân tâm. Kế thuộc, là chính niệm, chính tri. Vì do không quên mất sở duyên, an tâm một cảnh. Nếu có sinh phóng dật, như thật hiểu biết nên tùy theo thứ tự. Đối trị, là tư, xả. Vì 2 sức gia hành là sách tâm trì tâm đã sinh thì có thể xa lìa hôn trầm trạo cử, lại có thể dẫn phát lìa tùy phiền não chỉ v.v... các tướng.

Lại nữa dục, cần, tâm, có 2 thứ tu quán. Là gồm nhân duyên tu tán viễn ly. Tu bất liệt bất tán, 2 thứ đó dựa vào tùy thuận tu. Trong đây hiển thị dục v.v... có thể viễn ly tu tán, và nhân duyên v.v... 2 nghĩa của tu. Tụ nhân duyên, là viễn ly Tì-bát-xá-na, cho nên do giải đãi môn sinh ra trầm một. Tán nhân duyên, là viễn ly bất tịnh tướng, cho nên do trạo động môn sinh ra cao cử. Tụ, là do hôn trầm thù miên môn, bên trong bồi hồi không an. Tán, là do tùy thuận tịnh diệu tướng môn, bên ngoài giống ruồi. Bất liệt tùy thuận tu, là dựa vào quán sát tướng quán sát các pháp. Bất tán tùy thuận tu, là dựa vào bất tịnh tướng quán sát tóc lông các việc. Hai thứ đó dựa vào tùy thuận tu, nghĩa là tu quang minh tướng dựa vào thứ tự như vậy. Bạc-già-phạm nói: Dục lạc của ta không có hạ liệt cũng không có cao cử. Ở trong không tụ, ở ngoài không tán. Có tướng trước sau và tướng trên dưới, khai phát cái tâm xa lìa trời buộc. Cùng với quang minh tự tu tâm mình, khiến tâm ta không bị che tối. Thần túc tu quả, là đã khéo tu trị Tam-ma-địa cho nên tùy chỗ muốn chứng thông đạt pháp tức có thể tùy tâm thông đạt biến hiện. Lại ở những chỗ khác nhau trong pháp chứng đắc, đủ sức tác dụng tự tại, như tùy thích có thể làm các thứ thần thông v.v... lại có thể dẫn phát công đức thắng phẩm.

Năm căn sở duyên cảnh, là 4 Thánh đế, do đế hiện quán phương tiện nên làm hành này.

Năm căn tự thể, là tín, tinh tiến, niệm, định, và tuệ.

Năm căn trợ bạn, là các tâm tâm pháp tương ưng với nó.

Năm căn tu tập, là tín căn trong các đế khởi nhẫn khả thực hành tu tập. Tinh tiến căn trong các đế sinh nhẫn khả rồi, để giác ngộ nên khởi tinh tiến thực hành tu tập. Niệm căn trong các đế phát tinh tiến rồi, khởi không quên mất thực hành tu tập. Định căn trong các đế đã buộc niệm rồi, khởi tâm một cảnh tính thực hành tu tập. Tuệ căn trong các đế, tâm đã được định, khởi lựa chọn thực hành tu tập.

Nắm căn tu tập quả, là có khả năng mau phát để hiện quán. Do sức tăng thượng này, không lâu sẽ có thể sinh kiến đạo. Lại có thể tu trị noãn, đỉnh, dẫn phát nhãn, thể đệ nhất pháp. Tức hiện thân này rồi nhập thuận quyết trạch phần vị.

Giống như 5 căn, 5 lực cũng vậy. Sai biệt, là do đây có thể tổn giảm chướng sở đối trị không thể khuất phục, nên gọi là lực. Nghĩa là sở duyên cảnh của 5 lực v.v... cũng tương tự với căn, nhưng quả thì có sai biệt. Sở dĩ vì sao? Như nói quả, là có thể tổn giảm bất tín v.v... các chướng, cho nên quá hơn trước, tuy cùng với cảnh giới sở duyên của 5 căn tự thể v.v... tương tự, nhưng về nghĩa không khuất phục thì có sai biệt, cho nên lập riêng ra có lực phần.

Bảy giác chi sở duyên cảnh, là 4 Thánh đế như thật tính. Như thật tính, tức là thắng nghĩa thanh tịnh sở duyên.

Giác chi tự thể, là niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ, an, định, xả. Như vậy 7 pháp là tự thể của giác chi. Niệm, là sở y chi, do buộc niệm nên khiến các thiện pháp đều không quên mất. Trạch pháp, là tự thể chi, vì là tự tướng của giác. Tinh tiến, là xuất ly chi, vì do thế lực này có thể đến nơi đến. Hỷ, là lợi ích chi, vì do thế lực này, thân được điều hòa thích hợp. An, định, xả, là bất nhiễm ô chi, vì do đây không nhiễm ô. Dựa vào không nhiễm ô đây nên thể là không nhiễm ô. Theo như thứ tự đó do an nên không nhiễm ô. Do đây có thể trừ lỗi thô trọng. Dựa vào định nên không nhiễm ô vì y chỉ nơi định được chuyển y. Xả, là không nhiễm ô, thể vĩnh trừ tham, ưu, vì không nhiễm ô vị là tự tính.

Giác chi trợ bạn, là các tâm tâm pháp tương ưng với nó.

Giác chi tu tập, là y chỉ viễn ly, y chỉ vô dục, y chỉ tịch diệt, hồi hướng khí xả, tu niệm giác chi. Giống như niệm giác chi, cho đến xả giác chi cũng vậy. Như vậy 4 câu tùy theo thứ tự hiển thị duyên cảnh 4 để tu tập giác chi. Sở dĩ vì sao? Nếu duyên khổ thể, là khi nào khổ

thì đối với cảnh giới khổ ắt cầu xa lìa, nên gọi là y chỉ viễn ly. Nếu duyên ái tướng khổ tập, là khi khổ tập thì đối với cảnh giới này ắt cầu lìa dục, nên gọi là y chỉ ly dục. Nếu duyên khổ diệt, là khi khổ diệt thì đối với cảnh giới này ắt cầu tác chứng, nên gọi là y chỉ tịch diệt. Khí xả, nghĩa là hướng đến khổ diệt hành, vì do thế lực này xả bỏ khổ. Cho nên nếu khi duyên cảnh này thì đối với cảnh giới này ắt cầu tu tập, nên gọi là hồi hướng khí xả.

Giác chi tu quả, là vĩnh đoạn các phiền não do kiến đạo đoạn, vì do 7 giác chi là tự thể của kiến đạo.

Tám thánh đạo chi sở duyên cảnh, là sau đó 4 Thánh đế như thật tính do cảnh giới sở duyên sau khi kiến đạo, là vì trước đã thấy các đế như thật tính làm thể.

Đạo chi tự thể, là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, và chính định. Như vậy 8 pháp gọi là tự thể của đạo chi. Chính kiến, là phân biệt chi, vì như trước đã chứng chân thật giản trạch. Chính tư duy, là hồi thị các chi khác. vì như chỗ chứng, phương tiện an lập phát ngữ ngôn. Chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, là khiến kia tín chi. Theo như thứ tự khiến kia nơi chỗ chứng lý quyết định tin có kiến giới chính mạng thanh tịnh tính. Sở dĩ vì sao? Do chính ngữ nên tùy chỗ mình chứng có thể giới vấn đáp nghị luận quyết đoán lựa chọn, do đây biết rõ có kiến thanh tịnh. Do chính nghiệp nên qua lại đi đứng đầy đủ chính hạnh, do đây biết rõ có giới thanh tịnh. Do chính mạng nên như pháp cầu xin, được Phật chấp nhận cho y bát và các thứ vật dụng., do đây biết rõ có mạng thanh tịnh. Chính tinh tiến, là tịnh phiền não chướng chi, vì do đây vĩnh đoạn tất cả kết. Chính niệm, là tịnh tùy phiền não chướng chi, vì do đây không quên mất tướng chính, chỉ, cử v.v..., vĩnh viễn không thụ các tùy phiền não hôn trầm trạo cử. Chính định, là năng tịnh tối thắng công đức chướng chi, vì do đây dẫn phát thần thông vô lượng thắng công đức v.v...

Đạo chi trợ bạn, là các tâm tâm pháp tương ưng với nó.

Đạo chi tu tập, là như giác chi nói. Nghĩa là y chỉ viễn ly, y chỉ vô dục, y chỉ tịch diệt, hồi hướng khí xả tu tập chính kiến, cho đến nói rộng. Các cú nghĩa như vậy như trước đã nói, nên tùy thuận mà biết đạo lý.

Đạo chi tu tập quả, là phân biệt hồi thị người khác, khiến người tin rằng phiền não chướng được thanh tịnh, tùy phiền não chướng được thanh tịnh, tối thắng công đức chướng được thanh tịnh.

Bốn chính hành, là khổ trì thông hành, khổ tốc thông hành, lạc trì thông hành, lạc tốc thông hành. Đầu tiên là chỉ cho trường hợp độn căn chưa được căn bản tĩnh lự. Thứ hai là lợi căn chưa được căn bản tĩnh lự. Thứ ba là độn căn đã được căn bản tĩnh lự. Thứ tư là lợi căn đã được căn bản tĩnh lự. Khổ chính hành, nghĩa là y vào chưa đến và Vô sắc địa. Theo thứ tự đó Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na nhỏ yếu. Lạc chính hành, nghĩa là y vào tĩnh lự song đạo chuyển. Trì thông, là người độn căn y vào khổ lạc 2 địa. Tốc thông, là người lợi căn y vào khổ lạc 2 địa.

Bốn pháp tích, là không tham, không sân, chính niệm, chính định. Không tham, không sân có thể khiến tăng thượng giới học thanh tịnh, vì không nhân tham nhuế môn mà hủy phạm học xứ. Chính niệm có thể khiến tăng thượng tâm học thanh tịnh, do nơi sở duyên không quên mất, trì tâm khiến định. Chính định có thể khiến tăng thượng tuệ học thanh tịnh, do định tâm có thể biết khắp như thật. Xa-ma-tha, là bên trong nhiếp giữ tâm khiến trụ đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú hoàn toàn, bình đẳng nhiếp trì. Như vậy 9 hành khiến tâm an trụ là Xa-ma-tha. Nói khiến trụ là nhiếp phan duyên bên ngoài, lìa tán loạn bên trong, trước tiên là buộc tâm lại. Đẳng trụ, là trước tiên trói buộc cái tâm thô động rồi tiếp tục buộc niệm đối với sở duyên., những vi tế dần dần lược bỏ. An trụ, là có khi mất chính niệm giống ruồi bên ngoài, tìm cách cột giữ lại. Cận trụ, là

từ trước đến giờ để khiến tâm không tán loạn bên ngoài nên thân cận niệm trụ. Điều thuận, là từ trước đến giờ đối với nhân tán loạn, như sắc v.v... trong các pháp khởi tướng tội lỗi sức tăng thượng điều phục cái tâm ấy khiến không lưu tán. Tịch tĩnh, là đối với tâm nhiễu động, tán loạn, ác giác trong các tùy phiền não thấy tội lỗi một cách sâu sắc, nên nhiếp phục tâm ấy khiến không lưu tán. Tối cực tịch tĩnh, là hoặc có khi mất niệm, tán loạn giác v.v... chợt khởi hiện hành liền kèm giữ khiến không khởi trở lại. Chuyên chú hoàn toàn, là tinh cần gia hành không gián đoạn không thiếu sót, liên tục an trụ thẳng Tam-ma-địa. Bình đẳng nhiếp trì, là khéo tu tập, không do gia hành viễn ly công dụng, định tâm liên tục, lìa tán loạn chuyển. Tì-bát-xá-na, là lựa chọn triệt để các pháp lựa chọn, tầm tứ khắp cả, quán sát thâm xét chu đáo vì muốn đối trị tướng kết thô trọng, vì muốn chế phục các điên đảo khiến tâm không điên đảo, được an trụ tốt. Các câu trong đây là y vào cảnh sở duyên của chính hành mà nói. Các pháp lựa chọn, là nói tất cả. Triệt để lựa chọn, là như tất cả những gì có. Tầm tứ khắp cả, là do có phân biệt tác ý cùng hành tuệ kiến lập tướng các pháp. Quán sát thâm xét chu đáo, là ủy cụ suy cầu.

Lại dựa vào Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na lập 4 thứ đạo. Hoặc có một loại đã được Xa-ma-tha mà không phải Tì-bát-xá-na. Loại này dựa vào Xa-ma-tha tiến tu Tì-bát-xá-na. Hoặc có một loại đã được Tì-bát-xá-na mà không phải Xa-ma-tha. Loại này dựa vào Tì-bát-xá-na tiến tu Xa-ma-tha. Hoặc có một loại không được Xa-ma-tha cũng không phải Tì-bát-xá-na. Loại này chuyên tâm chế phục song tu 2 đạo hôn trầm trạo cử. Hoặc có một loại đã được Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Loại này Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na 2 đạo hòa hợp bình đẳng cùng chuyển. Trong này y nơi chỉ quán nói 4 thứ đạo. Đầu tiên đã được chỉ nên yên tọa trụ tâm cho đến bình đẳng nhiếp trì. Chưa được quán nên trở lại yên tọa dựa vào Tam-ma-địa lựa chọn các pháp cho đến quán sát thâm xét chu đáo. Thứ hai là ngược lại với đây. Thứ ba

là cả hai đều chưa được, phải tu tập cả hai. Thế nào là tu tập? Nghĩa là nghe pháp, do thụ trì môn, tiến tu chính quán, lấy đây làm trước tiến tu nơi chỉ. Thứ tư là đã được 2 thứ tương ưng đều chuyển.

Ba căn là vị tri dục tri căn, dĩ tri căn, và cụ tri căn. Vị tri dục tri căn, nghĩa là các căn có trong 15 tâm sát-na nơi phương tiện đạo và nơi kiến đạo. Trong đây hiển thị thuận quyết trạch phần thâm nhiếp phương tiện đạo và các căn có trong 15 sát-na của kiến đạo là thể của vị tri dục tri căn. Nói các căn là ý căn tín v.v...5 căn. Do chưa đến đẳng địa nên sở y sai biệt. Theo như chỗ thích ứng có lạc, hỷ, ưu, xả căn tùy theo một. Ưu căn là khi phương tiện đạo, sau thuận quyết trạch, đối với thượng giải thoát lo âu muốn cầu chứng. Như vậy 10 căn trước chưa biết chân, vì muốn được biết để tu tập chuyển, gọi là vị tri dục tri căn. Dĩ tri căn, nghĩa là từ 16 kiến đạo tâm sát-na trở lên các căn trong tất cả hữu học đạo là đã biết thể của căn. Sở dĩ vì sao? Tức là 10 căn trước từ thứ 16 kiến đạo tâm sát-na cho đến Kim cương dụ định, trong hữu học đạo như vậy chưa có cảnh phải biết, từng có điều chưa biết, nên gọi là dĩ tri căn. Cụ tri căn, nghĩa là các căn trong vô học đạo. Nói các căn tức 9 căn đã nói ở trước, trừ ưu căn. Trong vô học đạo nói đó là cụ tri căn. Cụ tri, nghĩa là A-la-hán v.v... có các căn này gọi là cụ tri căn. Trong thân những bậc vô học không có ưu căn vì không lo có gì phải học nữa.

Lại nữa, nghĩa tu đặc biệt y chỉ tu đạo phần, là khi dựa vào sơ tĩnh lự địa hiện tu đạo thì cũng tu các thiện căn của Dục giới hệ vì đối với chúng được tự tại. Giống như dựa vào sơ tĩnh lự địa tu Dục giới thiện, cũng vậy dựa vào tất cả thượng địa khi hiện tu đạo đều có thể tu tập các thiện căn của hạ giới hạ địa, vì đối với chúng được tự tại. Phải biết trong đây nói nghĩa, tức y chỉ thượng địa hiện tiền khi tu tập đạo, các thiện căn của hạ giới hạ địa tuy không hiện tiền cũng đều tu tập. Bởi vì sao? Vì với chúng được tự tại. Nói tự tại, nghĩa là hiện hành chuyển tăng thắng được tự do tự tại.

Cứu cánh đạo, là y vào Kim cương dụ định, tất cả mọi thô trọng đã vĩnh viễn dứt hết, tất cả các hệ đặc vĩnh viễn đoạn hết, vĩnh viễn chứng tất cả ly hệ đặc. Từ đây tuần tự chuyển y không gián đoạn, chứng đặc tận trí và vô sinh trí 10 pháp vô học. Những gì là 10? Đó là vô học chính kiến, cho đến vô học chính định, vô học chính giải thoát, và vô học chính trí. Những pháp như vậy gọi là cứu cánh đạo.

Thể nào là tất cả thô trọng? Lược có 24 thứ, là tất cả biến hành hý luận thô trọng, lãnh thụ thô trọng, phiền não thô trọng, nghiệp thô trọng, dị thực thô trọng, phiền não chướng thô trọng, nghiệp chướng thô trọng, dị thực chướng thô trọng, cái thô trọng, tâm tứ thô trọng, âm thực thô trọng, giao hội thô trọng, mộng thô trọng, bệnh thô trọng, già thô trọng, chết thô trọng, cực nhọc mệt mỏi thô trọng, kiên cố thô trọng, thô thô trọng, trung thô trọng, tế thô trọng, phiền não chướng thô trọng, định chướng thô trọng, sở tri chướng thô trọng. Như vậy là 24 thứ lược gồm tất cả thô trọng.

Tất cả biến hành hý luận thô trọng, nghĩa là chấp nhận v.v... các pháp tập khí từ vô thủy đến nay dựa vào thức A-lại-da liên tục không đoạn dứt, tức đây gọi là hý luận tập khí. Từ tập khí này, nhãn v.v... các pháp và danh ngôn chấp thường thường sinh khởi. Lãnh thụ thô trọng, nghĩa là hữu lậu các thụ tập khí. Phiền não thô trọng, nghĩa là phiền não tùy miên. Nghiệp thô trọng, nghĩa là hữu lậu nghiệp tập khí. Dị thực thô trọng, nghĩa là dị thực tính không kham năng. Phiền não chướng thô trọng, nghĩa là tính phiền não sắc mạnh và dài lâu. Nghiệp chướng thô trọng, nghĩa là tính nghiệp chướng có thể chướng đạo vô gián v.v... Dị thực chướng thô trọng, nghĩa là trái với để hiện quán. Địa ngục v.v... tự thể đặc. Cái thô trọng, nghĩa là tính quá tham dục v.v... có thể chướng ngại thiện phẩm phương tiện. Tâm tứ thô trọng, nghĩa là tính tâm tứ v.v... có thể chướng ngại sự vui thích xuất gia. Âm thực thô trọng, nghĩa là ăn uống quá nhiều ít đối với tính không kham nhiệm phương tiện hành. Giao hợp thô trọng, nghĩa là tính tổn hại thân tâm mệt mỏi của hai thân hình giao hợp. Mộng

thô trọng, nghĩa là tính ngu mê phát sinh. Bệnh thô trọng, nghĩa là các giới trái nhau phát sinh tính không an ổn. Già thô trọng, nghĩa là đại chúng suy thoái biến đổi, phát sinh tính không tùy chuyển. Chết thô trọng, nghĩa là tính rối loạn các căn khi lâm chung. Cực nhọc mệt mỏi thô trọng, nghĩa là đi xa v.v... làm chi thể tồi tệ. Kiên cố thô trọng, nghĩa là người không có pháp Niết-bàn. Như chỗ thích ứng có tính hý luận thô trọng v.v... Thô, trung, tế thô trọng, nghĩa là các thô trọng của Dục, Sắc, Vô sắc theo thứ tự. Phiền não chướng thô trọng, nghĩa là Thanh Văn, Độc Giác Bồ-đề sở tri. Định chướng thô trọng, nghĩa là 9 định theo thứ tự phát công đức sở tri. Sở tri chướng thô trọng, nghĩa là tất cả trí tính sở tri, tùy chỗ thích ứng tất cả thô trọng vĩnh viễn đã dứt nên gọi là cứu cánh đạo. Như nói như vậy hành giả tâm giải thoát viên mãn, tuệ giải thoát viên mãn, thân thô trọng vĩnh viễn dứt. Do thành tựu niệm làm nhân cho nên trong tối sơ môn, thiện điều, thiện hộ, thiện phòng, thiện phú cực, thiện tu tri, nghĩa là nơi nhãn nhận thức sắc cho đến nơi ý nhận thức pháp cũng vậy.

Hệ đặc, là thô trọng tích tập giả lập tính hệ đặc.

Ly hệ đặc, là các thô trọng lìa tan giả lập tính ly hệ đặc. Kim cương dụ định, là có Tam-ma-địa nơi tu đạo sau cùng đoạn kết đạo vị. Đây lược có 2 thứ, là phương tiện đạo nhiếp và vô gián đạo nhiếp. Phương tiện đạo nhiếp, nghĩa là từ đây trở đi không bị tất cả chướng làm trở ngại mà có thể phá tất cả chướng. Vô gián đạo nhiếp, nghĩa là từ đây vô gián tận trí và vô sinh trí sinh. Lại Tam-ma-địa này vô gián kiên cố hoàn toàn biến mãn. Sao Kim cương dụ định này gọi là vô gián? Nghĩa là đây liên tục trôi chảy, thể gian hành không thể làm gián khuyết. Kiên cố, là tất cả các chướng không làm hư hoại được mà có thể phá hoại tất cả chướng, vì rất cứng mạnh. Nói hoàn toàn, là không có tính phân biệt, chỉ thuần một mùi vị. Biến mãn, là vì duyên tất cả pháp chân như cộng tướng làm cảnh. Để làm rõ nghĩa này, Bạc-già-phạm nói: Như núi đá lớn không khuyết, không khe nứt, không một lỗ hang, cực kỳ hoàn hảo, 10 phương gió mạnh thổi không làm

chuyên động. Vô gián chuyên y, là người đã chứng đắc vô học đạo, có 3 thứ chuyên y. Những gì là 3? Là tâm chuyên y, đạo chuyên y, và thô trọng chuyên y. Tâm chuyên y, là đã được vô học đạo, chứng đắc pháp tính tâm, tự tính thanh tịnh, vĩnh viễn lìa tất cả khách trần tùy phiền não nên gọi là chuyên y. Tức là nghĩa của chân như chuyên y. Đạo chuyên y, là xưa thế gian đạo, khi hiện quán chuyên thành xuất thế gọi là hữu học, vì ngoài ra còn chỗ sở tác. Nếu vĩnh trừ tất cả sở trị, khi vĩnh ly tam giới dục, thì tự thể của đạo này cứu cánh viên mãn lập làm chuyên y. Thô trọng chuyên y, là thức A-lại-da tất cả phiền não tùy miên vĩnh viễn xa lìa nên gọi là chuyên y.

Tận trí, là do nhân hết mà được trí, hoặc duyên hết làm cảnh. Sở dĩ vì sao? Do hữu tận mà khởi trí này nên gọi là tận trí, hoặc duyên tận làm cảnh nên gọi là tận trí. Nghĩa này ý nói ở trong vị này do vĩnh đoạn tập, khiến không còn dư sót nên được trí gọi là tận trí, hoặc duyên nhân hết làm cảnh nên gọi tận trí.

Vô sinh trí, là do quả đoạn mà được trí, hoặc duyên quả không sinh làm cảnh. Sở dĩ vì sao? Do có vô sinh, nên trí sở đắc gọi là vô sinh trí, hoặc duyên vô sinh làm cảnh gọi là vô sinh trí. Nghĩa này ý nói do có đời sau hết tất cả khổ quả không sinh pháp tính mà được trí này, tuy duyên các đế làm cảnh cũng gọi vô sinh trí, hoặc duyên khổ đế vô sinh làm cảnh nên gọi vô sinh trí.

Lại, 10 pháp vô học, phải biết là y chỉ vô học giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn mà nói. Bởi vì sao? Vì vô học chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng là vô học giới uẩn. Vô học chính niệm, chính định là vô học định uẩn. Vô học chính kiến, chính tư duy, chính tinh tiến là vô học tuệ uẩn. Vô học chính giải thoát là vô học giải thoát uẩn. Vô học chính trí là vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Lại nữa đạo đế có 4 hành tướng, là đạo tướng, như tướng, hành tướng, và xuất tướng. Vì sao gọi là đạo tướng? Vì nhân đây tìm cầu nghĩa chân thật. Sở dĩ vì sao? Do Thánh đạo này là con đường các

thánh giả chứng chân nghĩa, cho nên gọi là đạo. Vì sao gọi là như tướng? Bởi có thể đối trị các phiền não. Sở dĩ vì sao? Vì tất cả phiền não đều không như lý. Đạo có thể trừ những thứ đó, cho nên gọi là như. Vì sao gọi là hành tướng? Khéo có thể hoàn chỉnh cái tâm khiến không điên đảo. Sở dĩ vì sao? Tâm không giác ngộ đạo lý chân thật, với các pháp vô thường khởi điên đảo cho là thường. Khéo có thể tu trị cái tâm điên đảo này, khiến lìa điên đảo, giác ngộ nghĩa chân thật, cho nên gọi là hành. Vì sao gọi là xuất tướng? Vì theo dấu chân thường. Sở dĩ vì sao? Do Thánh đạo này có thể đưa đến xuất ly cứu cánh trở lại chân thường dấu xưa, cho nên gọi là xuất.

Hỏi: Ở trong các đế có 16 hành đều thông cả thế gian và xuất thế gian, vậy thế hành và xuất thế hành có gì khác biệt?

Đáp: Trong cảnh sở tri không khéo ngộ nhập và khéo ngộ nhập đó là tính khác biệt, có chướng và không chướng là tính khác biệt, có phân biệt và không phân biệt là tính khác biệt. Sở dĩ vì sao? Ở trong các đế, vô thường, khổ v.v... 16 thế gian hành đối với cảnh sở tri vì không thông đạt tính chân như, bị phiền não tùy miên, y danh ngôn môn khởi hý luận, cứ theo thứ tự như vậy nên không khéo ngộ nhập, có chướng ngại, có phân biệt. Xuất thế gian hành thì trái lại với đây nên khéo ngộ nhập, không chướng ngại, không phân biệt. Do đạo lý này thế hành và xuất thế hành có sai biệt nhau.

Làm sao xuất thế hành không có phân biệt mà khéo ngộ nhập cảnh giới sở tri?

Do các hành kia khi hiện tiền, tuy là hiện chứng thấy nghĩa vô thường nhưng không dựa vào danh ngôn hý luận môn mà thấy, đây là nghĩa của vô thường. Giống như vô thường hành đối với vô thường nghĩa, các hành khác đối với các nghĩa khác, tùy thích ứng cũng như vậy.

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẠP TẬP LUẬN

QUYỂN 11

Phẩm 2 – 1: PHẨM PHÁP TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là quyết trạch pháp? Pháp, là 12 phần Thánh giáo. Những gì là 12? 1. Khế kinh, 2. Ứng tụng, 3. Ký biệt, 4. Phúng tụng, 5. Tụ thuyết, 6. Duyên khởi, 7. Thí dụ, 8. Bản sự, 9. Bản sinh, 10. Phương quảng, 11. Hy pháp, và 12. Luận nghị.

Khế kinh, là biên tập lược nói các nghĩa cần nói.

Hỏi: Vì sao Như Lai không rộng khai diễn các nghĩa cần nói?

Đáp: Như Lai quán sát 10 thứ thắng lợi, lược nói các pháp. Nghĩa là dễ kiến lập được, dễ nói rõ được, dễ chấp nhận được. Vì cung kính pháp nên Bồ-đề tư lương mau được viên mãn, mau có thể thông đạt thật tính các pháp, được chứng tịnh tín đối với chư Phật, được chứng tịnh tín đối với pháp tạng, xúc chứng đệ nhất hiện pháp lạc trụ, đàm luận quyết trạch đẹp lòng người trí, được dựa vào hàng thông minh anh duệ.

Sao gọi là dễ kiến lập được? Vì những người thuyết pháp dùng vô lượng pháp môn, an lập khai thị nghĩa cần phải nói, nay dùng sơ lược mà dễ kiến lập được.

Sao gọi là dễ nói rõ được? Vì có thể dùng một ít ngôn từ mà làm rõ rộng được nghĩa lớn, như nói có thể khiến tâm trụ bình đẳng trụ,

như vậy nói rộng. Có thể dễ chấp nhận, nghĩa là khiến người nghe dễ thụ trì. Vì cung kính pháp nên Bồ-đề tư lương mau được viên mãn, nghĩa là hiểu biết Phật pháp do trí tuệ sâu mới chứng được nên đối với pháp sinh kính ái sâu xa, do kính ái môn, tín v.v... các tư lương mau viên mãn. Mau có thể thông đạt thật tính các pháp, tức là do sức phương tiện kính pháp nên trí tuệ lại chuyển tăng sắc mạnh, dần dần có thể thông đạt thật tính các pháp. Được chứng tịnh tín đối với Tam Bảo, nghĩa là do ngộ Thánh giáo khéo kiến lập, với người nói được sinh tịnh tín. Xúc chứng đệ nhất hiện pháp lạc trụ, nghĩa là đối với mật ý thâm nghĩa của Như Lai, gia hành sắc mạnh chính tư lương rồi, đạt được tăng thượng chứng hoan hỷ. Đàm luận quyết trạch làm đẹp lòng người trí, nghĩa là khéo có thể khai phát ý nghĩa sâu kín. Được dự vào số những bậc thông minh anh duệ, nghĩa là được tiếng khen rộng lớn loan khắp 10 phương. Phải biết sau hai thứ hợp làm một thắng lợi.

Ứng tụng, nghĩa là trong các kinh hoặc giữa kinh hoặc cuối kinh dùng kệ tụng lặp lại. Lại với kinh bất liễu nghĩa thì dùng kệ tụng giải thích lại, nên gọi ứng tụng.

Ký biệt, nghĩa là ở nơi đó đệ tử Phật v.v... đã tịch vãng quá khứ, ghi nhận sai biệt chỗ nào đã sinh công đức hoặc lỗi lầm. Lại với kinh liễu nghĩa gọi ký biệt là ghi nhận phân biệt khai thị ý sâu kín.

Phúng tụng, nghĩa là trong các kinh dùng câu để nói rõ, hoặc dùng 2 câu, hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 6.

Tự thuyết, nghĩa là trong các kinh, hoặc có khi Như Lai nhiệm ý tự nói. Như Già-tha nói: Nếu đối với pháp như thế, phát dũng mãnh tinh tiến tĩnh lự tư duy kỹ, khi ấy gọi là Phạm chí.

Duyên khởi, nghĩa là nhân thỉnh mà nói, tùy theo Bồ-đặc-già-la như vậy mà nói như vậy. Lại nữa có nhân duyên chế lập học xứ cũng gọi là duyên khởi. Nghĩa là dựa vào nhân duyên như vậy, dựa vào sự việc như vậy, cho đến nói rộng.

Thí dụ, nghĩa là trong các kinh có nói các so sánh, sánh ví để được rõ bản nghĩa nên nói các thí dụ.

Bản sự, nghĩa là nói các việc tương ứng của các đệ tử Phật v.v... trong đời trước.

Bản sinh, nghĩa là nói các việc vốn tương ứng với hạnh Bồ-tát.

Phương quảng, nghĩa là tương ứng các điều nói về Bồ-tát tạng. Giống như nói phương quảng cũng gọi là quảng phá, cũng gọi vô tỷ. Vì nghĩa gì gọi là phương quảng? Vì là chỗ sở y lợi ích an lạc của tất cả hữu tình, nên nói pháp quảng đại thậm thâm. Vì nghĩa gì gọi là quảng phá? Vì có thể rộng rãi phá hủy tất cả chướng. Vì nghĩa gì gọi là vô tỷ? Vì không có pháp nào có thể so sánh. Các phương quảng này đều là các nghĩa khác của Đại thừa. Do tương ứng với 7 thứ tính đại nên gọi là Đại thừa. Những gì là 7 thứ tính đại? 1. Cảnh đại. Vì Bồ-tát đạo duyên trăm ngàn vô lượng các kinh, giáo pháp rộng lớn làm cảnh giới. 2. Hạnh đại. Vì hạnh rộng lớn chính hành tất cả tự lợi lợi tha. 3. Trí đại. Vì hiểu rõ pháp Bồ-đặc-già-la rộng lớn là vô ngã. 4. Tinh tiến đại. Vì trong 3 đại kiếp A-tăng-xí-da phương tiện siêng tu vô lượng trăm ngàn hạnh khó làm. 5. Phương tiện thiện xảo đại. Vì không trụ sinh tử và Niết-bàn. 6. Chứng đắc đại. Vì chứng đắc các lực, vô úy, bất cộng Phật pháp v.v... vô lượng vô số đại công đức của Như Lai. 7. Nghiệp đại. Vì cùng tột biên tế của sinh tử, thị hiện tất cả thành Bồ-đề v.v... kiến lập các Phật sự rộng lớn.

Hy pháp, nghĩa là nếu ở nơi đó nói các pháp đặc thù thậm thâm hy hữu của Thanh Văn, chư đại Bồ-tát và Như Lai v.v...

Luận nghị, nghĩa là nếu ở nơi đó không diên đảo, giải thích tất cả pháp tướng sâu kín, bởi không diên đảo tất cả pháp tướng, nên luận nghị nghĩa sâu kín của kinh v.v...

Như vậy khế kinh 12 phần Thánh giáo đều gồm trong 3 tạng. Những gì là 3? 1. Tổ-đát-lãm tạng, 2. Tì-nại-da tạng, 3. A-tì-đạt-ma

tạng. Đây lại chia làm 2: 1. Thanh Văn tạng, 2. Bồ-tát tạng. Khế kinh, úng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết 5 loại này gồm trong Tổ-đất-lấm tạng của Thanh Văn tạng. Duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh 4 loại này gồm trong Tì-nại-da tạng và các quyển thuộc của 2 tạng. Duyên khởi, là giảng nói có nhân duyên kiến lập các học xứ, đây chính gồm trong Tì-nại-da tạng. Thí dụ v.v... 3 loại gồm trong quyển thuộc kia. Phương quảng và hy pháp 2 loại này gồm trong Tổ-đất-lấm tạng của Bồ-tát tạng. Phương quảng là văn nghĩa rộng, chính gồm trong Bồ-tát tạng. Hy pháp thì sai biệt khó tư nghị, tối thắng tương ưng với oai đức rộng lớn, cho nên cũng gồm trong Bồ-tát tạng. Nghị luận một loại thì gồm trong A-tì-đạt-ma tạng của 2 tạng Thanh Văn và Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao Như Lai kiến lập 3 tạng?

Đáp: Vì muốn đối trị nghi tùy phiền não nên lập ra Tổ-đất-lấm tạng. Vì muốn đoạn trừ các hữu tình được hóa độ phát khởi các thứ nghi hoặc, nên giảng nói khế kinh, úng tụng v.v... Vì muốn đối trị thụ dụng, nhị biên tùy phiền não, nên thiết lập Tì-nại-da tạng. Nhị biên, nghĩa là dục lạc hạnh biên và tự khổ hạnh biên. Đối trị thụ dụng, nghĩa là ngăn chặn kia thụ dụng chứa đễ v.v... khai mở cho kia thụ dụng trăm ngàn thứ y phục đúng như pháp v.v... Để đối trị tự kiến thủ chấp tùy phiền não, nên lập A-tì-đạt-ma tạng, xứ xứ giải thích rộng rãi các pháp sai biệt như thật tướng. Lại nữa vì muốn khai thị 3 thứ học, nên kiến lập Tổ-đất-lấm tạng. Sở dĩ vì sao? Cần phải dựa vào tạng này các hữu tình được hóa độ hiểu rõ 3 học. Do trong tạng này rộng mở 3 thứ phải tu học. Vì muốn thành lập tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học nên kiến lập Tì-nại-da tạng. Phải dựa vào tạng này 2 tăng thượng học mới được thành lập. Sở dĩ vì sao? Rộng giải thích biệt giải thoát luật nghi học, Thánh đạo giáo làm chỗ y chỉ, mới có thể tu trị tịnh Thi-la. Vì dựa vào tịnh Thi-la sinh vô hối v.v... dần dần tu học tâm được định. Vì muốn thành lập tăng thượng

tuệ học nên kiến lập A-tì-đạt-ma tạng. Phải dựa vào tạng này tăng thượng tuệ học mới được thành lập. Sở dĩ vì sao? Do trong tạng này có thể rộng khai thị, lựa chọn các pháp xảo phương tiện. Lại nữa vì muốn khai thị nghĩa của chính pháp nên kiến lập Tổ-đất-lăm tạng. Dựa vào văn nghĩa của tạng này thì dễ hiểu. Để làm rõ pháp nghĩa tác chứng và an túc xứ, nên kiến lập Tì-nại-da tạng. Dựa vào tạng này có thể tu 2 thứ tác chứng và học hạnh. Tì-nại-da là pháp nghĩa tác chứng an túc xứ. An túc xứ, nghĩa là nghĩa sở y. Để khiến người trí luận nghị, lựa chọn, thụ dụng pháp lạc trụ, nên kiến lập A-tì-đạt-ma tạng. Dựa vào tạng này các người có trí vấn đáp nghị luận nhau, lựa chọn mà trụ nơi pháp lạc. Do trong tạng này dùng vô lượng môn khai thị tự tướng cộng tướng của các pháp v.v..., pháp tính chân thật. Như vậy 3 tạng có đủ 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn, là dựa vào Thanh Văn thừa Tôn giả A-nan thường thụ trì.

Hỏi: Mỗi mỗi pháp uẩn số lượng bao nhiêu?

Đáp: Số lượng của pháp uẩn là 10 trăm. Mười trăm nghĩa là 1 ngàn.

Nếu vậy sao không nói thẳng là 1 ngàn? Là để hiển thị kiến lập mỗi một pháp uẩn là 1 ngàn. Sở dĩ vì sao? Số 1 đầu tiên tăng lên thành số 10. Số 10 lại tăng lên thành số 100, số 1000 v.v... Do đó số 10 trăm mới được thành lập. Gọi 10 trăm là ngàn. Trăm ngàn là 100 ngàn. Trăm 100 ngàn là Câu-chi. Như vậy tất cả những số vị, về sau quyết định dùng 2 số mười trăm làm 1. Vì vậy cho nên trong đây chỉ lấy chung 2 số mười trăm để kiến lập mỗi mỗi pháp uẩn. Do số lượng này tổng kê có 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn, thành 8 Câu-chi 40 Lạc-xoa.

Hỏi: Như vậy 3 tạng bao gồm những pháp gì, sở hành bao nhiêu cảnh giới?

Đáp: Là văn, tư, tu sinh ra các tâm tâm pháp sở hành cảnh giới. Sở hành tức là nghĩa sở duyên.

Lại nữa, nhân tướng sở duyên này, dựa vào tâm tâm pháp kiến lập nghĩa có duyên v.v... Như trong kinh nói: Các tâm tâm pháp này có duyên, có hành, có y tương ưng.

Chúng đối với pháp này lấy gì làm sở duyên? Là khế kinh v.v.... Đây hiển thị danh cú văn thân bao gồm các giáo pháp trong khế kinh làm cảnh sở duyên. Làm các hành gì? Là các nghĩa tương ưng với uẩn v.v... Đây là nói rõ dựa vào nghĩa của uẩn mà phát khởi giáo pháp ngôn giáo. Các tâm tâm pháp kia làm hành tướng này. Y chỉ vào đâu? Nghĩa là người kia biểu lộ sự hiểu rõ nghĩ nhớ tập khí. Đây nói rõ chính khi nói pháp lấy việc người kia biểu lộ hiểu rõ làm sở y. Như nói từ ngôn ngữ âm thanh của người kia, sau đó nghĩ nhớ làm chỗ y chỉ. Như đã nghe rồi tùy theo đó nghĩ nhớ nhiều lần. Rồi sau đó tập khí làm chỗ y chỉ. Do sau nhiều lần tập quen, sức tập khí mạnh, tuy lìa nghĩ nhớ mà tựa như nó hiển hiện. Những gì là tương ưng? Nghĩa là cùng nhau làm trợ bạn, trong sở duyên hành bình đẳng hiểu rõ. Do tâm tâm pháp làm trợ bạn nên trong cảnh giới sở duyên trong khế kinh, dùng nghĩa tương ưng với uẩn v.v... hành bình đẳng hiểu rõ.

Thế nào là sở duyên sai biệt đối với pháp? Nếu lược nói có 4 thứ, là biến mãn sở duyên, trị hành sở duyên, thiện xảo sở duyên, và tịnh hoặc sở duyên. Biến mãn sở duyên lại có 4 thứ: Hữu phân biệt ảnh tượng sở duyên, vô phân biệt ảnh tượng sở duyên, sự biên tế sở duyên, và sở tác thành tựu sở duyên. Hữu phân biệt ảnh tượng sở duyên, nghĩa là do thắng giải tác ý có các cảnh sở duyên của Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na. Thắng giải tác ý, là tác ý hoàn toàn thế gian. Vô phân biệt ảnh tượng sở duyên, nghĩa là do chân thật tác ý có cảnh sở duyên của chỉ quán. Chân thật tác ý, là tác ý hoàn toàn xuất thế gian và các tác ý có sau đó. Sự biên tế sở duyên, nghĩa là tất cả pháp tận sở hữu tính, như sở hữu tính. Tận sở hữu tính, là uẩn, giới, xứ. Để làm rõ thể sự các pháp chỉ có phần lượng biên tế như vậy nên kiến lập 3 uẩn, giới, xứ. Như sở

hữu tính, là 4 Thánh đế 16 hành chân như. Tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, không, vô nguyện, vô tướng. Do như vậy các nghĩa sai biệt môn hiểu cảnh sở tri, nên gọi là như sở hữu tính. Hoặc dùng để môn hiểu cảnh sở tri, nghĩa là như trước đã nói các uẩn giới xứ, tùy chỗ thích ứng hiểu là khổ cho đến là đạo. Hoặc dùng hành môn hiểu cảnh sở tri, nghĩa là mỗi mỗi để đều do 4 hành và tất cả pháp không có sai biệt, đều chân như hành. Hoặc dùng các pháp Ô-đà-na môn hiểu cảnh sở tri, nghĩa là các hành vô thường cho đến Niết-bàn tịch tĩnh. Hoặc dùng giải thoát môn hiểu cảnh sở tri, nghĩa là không, vô nguyện, vô tướng như vậy v.v... sở tác thành tựu. Sở duyên, nghĩa là chuyển y. Đã được chuyển y thì không điên đảo vì sở duyên hiển hiện. Như vậy chuyển y là không thể nghĩ bàn. Trước nói trong sở hữu tính có 16 hành và 3 giải thoát môn. Như vậy 2 thứ lại nhiếp thuộc lẫn nhau.

Hỏi: Không, nhiếp bao nhiêu hành?

Đáp: Hai, là không hành và vô ngã hành.

Hỏi: Vô nguyện nhiếp bao nhiêu hành?

Đáp: Sáu, là vô thường hành, khổ hành, nhân hành, tập hành, sinh hành, và duyên hành. Vì chúng trong 3 cõi không có chỗ nguyện cầu.

Hỏi: Vô tướng nhiếp bao nhiêu hành?

Đáp: Tám, là diệt đạo 8 hành. Vì chúng không thể hành các tướng.

Trị hành sở duyên, lược có 5 thứ: Đa tham hành thì duyên cảnh bất tịnh. Đa sân hành thì duyên cảnh tu từ. Đa si hành thì duyên chúng duyên tính các cảnh sở duyên. Kiêu mạn hành, thì duyên cảnh giới sai biệt. Tâm tứ hành, thì duyên cảnh niệm hơi thở ra vào.

Vì sao đa tham hành v.v..., thì duyên cảnh bất tịnh v.v...? Là cảnh sở duyên của tu trị hành chẳng? Vì do đây có thể dứt trừ tăng thượng tham v.v...

Thiện xảo sở duyên, lược có 5 thứ: Uẩn thiện xảo, giới thiện xảo, xứ thiện xảo, duyên khởi thiện xảo, và xứ phi xứ thiện xảo. Xứ phi xứ thiện xảo nên quán như thế nào? Nên quán như duyên khởi thiện xảo.

Hỏi: Duyên khởi thiện xảo với xứ phi xứ thiện xảo có gì khác biệt?

Đáp: Nếu lấy các pháp lưu nhuận các pháp khiến lia vô nhân, bất bình đẳng nhân sinh, là duyên khởi thiện xảo. Nghĩa là lấy vô minh v.v... các pháp lưu nhuận hành v.v... các pháp, chẳng phải các pháp ấy không có nhân mà sinh, cũng chẳng phải trời Tự Tại v.v..., bất bình đẳng nhân sinh. Quán trí như vậy gọi là duyên khởi thiện xảo. Nhân quả tương xứng nhiếp thụ mà sinh khởi, là xứ phi xứ thiện xảo. Nghĩa là tuy có pháp làm nhân, nhưng do nhiếp thụ nhân tương xứng mới có thể sinh khởi quả tương xứng. Như thiện hành thì cảm khả ái dị thực, ác hành thì cảm bất khả ái dị thực. So sánh như vậy, quán trí như vậy, gọi là xứ phi xứ thiện xảo.

Tịnh hoặc sở duyên, là hạ địa thô tính thượng địa tinh tính, chân như và 4 Thánh đế. Hạ địa thô tính thượng địa tinh tính, là y thể gian đạo mà nói, vì do đây chế phục các triền. Chân như và 4 Thánh đế, là y xuất thể gian đạo nói. Lược nên nói chân như. Rộng nên nói 4 Thánh đế. Vì do đây vĩnh hại các tùy miên.

Lại nữa, nhân biện luận về quán sát khế kinh v.v... các pháp, cần phải giải thích đạo lý các pháp. Do dựa vào đạo lý này có thể quán các pháp ấy.

Hỏi: Nếu muốn quán sát thâm xét các pháp thì do bao nhiêu đạo lý có thể quán sát đúng?

Đáp: Do 4 thứ đạo lý. Đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý, và pháp nhĩ đạo lý. Quán đãi đạo lý, là khi sinh các hành cần phải đợi các duyên. Như khi nầy mầm cần phải đợi có

các duyên là hạt giống, thời tiết, nước, ruộng v.v... Khi các thức sinh phải đợi có các duyên như căn, cảnh, tác ý v.v... Tác dụng đạo lý, là các pháp có tướng khác nhau có tác dụng khác nhau. Như nhãn căn v.v... là sở y tác dụng của nhãn thức v.v... Sắc v.v... các cảnh giới là sở duyên tác dụng của nhãn thức v.v... Nhãn v.v... các thức phân biệt hiểu biết sắc v.v... Thợ vàng bạc v.v... khéo chế tạo các vật bằng vàng bạc cũng ví như vậy. Chứng thành đạo lý, là để chứng thành cần phải thành nghĩa. Nói rõ các lượng, lời không mâu thuẫn. Cần phải thành nghĩa, tức là phải thành nghĩa trong tự thể sai biệt. Các lượng, lời nói không mâu thuẫn, nghĩa là hiện lượng v.v... lời nói không mâu thuẫn với chỗ lập tôn. Pháp nhĩ đạo lý, nghĩa là từ vô thủy đến nay tự tướng cộng tướng đều trụ trong pháp mà thành tự pháp tính pháp nhĩ. Như lửa có thể đốt cháy, nước có thể làm nhão loãng, các pháp thành tự pháp tính pháp nhĩ như vậy. Như kinh nói: Nhãn tuy viên tịnh không vô hữu thường cho đến vô ngã. Sở dĩ vì sao? Tính của nó là pháp nhĩ. Lại nữa, trong các pháp chính cần quán sát 4 đạo lý rồi, làm sao mà khởi tầm tư? Nghĩa là khởi 4 thứ tầm tư: 1. Danh tầm tư, 2. Sự tầm tư, 3. Tự thể giả lập tầm tư, 4. Sai biệt giả lập tầm tư. Danh tầm tư, nghĩa là suy tìm tự tướng của các pháp như danh thân cú thân văn thân đều không thành thật. Bởi danh thân v.v... là giả hữu, cho nên quán tự tướng của chúng đều không thành thật. Sự tầm tư, nghĩa là suy tìm tướng uẩn, giới, xứ của các pháp đều không thành thật. Bởi các uẩn v.v... như danh thân v.v... việc tuyên thuyết đều không thành thật, cho nên quán tướng của chúng là không thành thật. Suy tìm là nghĩa của quán sát. Tự thể giả lập tầm tư, nghĩa là suy tìm tự thể trong tương ưng năng thuyên sở thuyên của các pháp, chỉ là giả lập ngôn thuyết về tính nguyên nhân. Tương ưng của năng thuyên sở thuyên, nghĩa là 2 cái này là tính nguyên nhân để hiểu lẫn nhau. Sở dĩ vì sao? Giới danh ngôn thì chỉ nghe năng thuyên rồi do ức niệm môn liền hiểu được sở thuyên, hoặc chỉ được sở thuyên rồi do ức niệm môn liền hiểu được năng thuyên. Trong những chủng loại

như vậy, cộng lập tương ưng, nhân v.v... tự tướng chỉ là giả lập, chỉ nơi danh ngôn của cục thịt v.v... vì trong nhân khởi lên danh ngôn này. Nếu quán sát như vậy, gọi là tự thể giả lập tầm tư. Sai biệt giả lập tầm tư, nghĩa là trong tương ưng năng thuyên sở thuyên của các pháp suy tìm sai biệt chỉ là giả lập tính nguyên nhân của danh ngôn. Sở dĩ vì sao? Bởi ở trong tương ưng năng thuyên sở thuyên suy tìm các tướng sai biệt như thường vô thường, hữu thượng vô thượng, có sắc không sắc, có thấy không thấy v.v... chỉ là giả lập tính nguyên nhân của danh ngôn. Quán sát như vậy gọi là sai biệt giả lập tầm tư.

Lại nữa trong pháp chính cần tu tầm tư rồi, chắc chắn đối với các pháp được trí như thật. Thế nào là khởi trí như thật? Nghĩa là khởi 4 trí như thật: 1. Danh tầm tư sở dẫn như thật trí, 2. Sự tầm tư sở dẫn như thật trí, 3. Tự thể giả lập tầm tư sở dẫn như thật trí, 4. Sai biệt giả lập tầm tư sở dẫn như thật trí. Danh tầm tư sở dẫn như thật trí, nghĩa là trí như thật biết danh ngôn là không thể có được. Sự tầm tư sở dẫn như thật trí, nghĩa là trí như thật biết sự tướng cũng không thể có được. Tự thể giả lập tầm tư sở dẫn như thật trí, nghĩa là trí như thật biết thật có tự tính là không thể có được. Sai biệt giả lập tầm tư sở dẫn như thật trí, nghĩa là trí như thật biết thật có sai biệt là không thể có được. Bốn trí như thật này như trước suy tìm hiểu biết danh v.v... như thật là đều không thể được.

Lại nữa, y pháp tu Tam-ma-địa, là Du-già địa. Làm sao biết? Địa này lược có 5 thứ, là trì, nhiệm, kính, minh, và y. Trì, nghĩa là đã tích tập Bồ-đề tư lương. Ở noãn vị v.v... y vào các Thánh để được đa văn, như chỗ đa văn an lập chỉ quán sở duyên cảnh nên gọi là trì. Lại nữa, đã tích tập Bồ-đề tư lương, là vì cầu để hiện quán mà nghe thụ các pháp khế kinh nên gọi là đa văn. Nhiệm, nghĩa là duyên cảnh này, như lý tác ý. Do tác ý này dựa vào chỗ đa văn không tư duy điên đảo nên nghĩa tướng được nghe tự nhiên duy trì trong tâm. Kính, nghĩa là duyên cảnh này hữu tướng Tam-ma-địa. Tam-ma-địa

này liền duyên đa văn làm cảnh. Cùng với tướng định nên gọi là hữu tướng vì do Tam-ma-địa này hãy còn mang tướng ảnh tượng của sở tri sự đồng phần. Lại Tam-ma-địa này có thể thâm chiếu quán sát cái chất của sở tri sự nên ví dụ như tấm gương. Minh, nghĩa là trí vô sở đắc của năng thủ sở thủ. Do kiến đạo của trí này nhiếp hiện quán chuyển. Thế nào là Bồ-tát y vào phương tiện của Du-già địa tu học chứng vô sở đắc? Nghĩa là chư Bồ-tát đã khéo tích tập 2 thứ tư lương là phúc đức trí tuệ rồi, qua vô số đại kiếp thứ nhất rồi, nghe và tùy thuận thông đạt chân như, các pháp của khế kinh như lý tác ý, phát khởi Tam-ma-địa, y chỉ định tâm, tư duy các ảnh tượng sở tri trong định, quán ảnh tượng này không khác định tâm, dựa vào ảnh tượng này xả bỏ tướng ngoại cảnh, chỉ dùng định quán sát ảnh tượng tự tướng. Bây giờ Bồ-tát biết các pháp chỉ là tự tâm, trong trụ nơi tâm biết tất cả mọi thứ cảnh giới sở thủ đều không có sở hữu. Tiếp đến nội tâm lại xả bỏ 2 thứ tự tính sở đắc, chứng vô sở đắc. Y theo đạo lý này Phật Bạc-già-phạm đã khéo nói rõ: Bồ-tát trong định vị, quán ảnh chỉ là tâm, tướng nghĩa đã diệt trừ, thâm quán chỉ là tự tướng, biết sở trụ nội tâm, biết sở thủ là phi hữu, tiếp đến năng thủ cũng không, sau xúc vô sở đắc. Y, là chuyển y, vì lìa bỏ tất cả thô trọng được chuyển y thanh tịnh. Phải biết trong đây dùng 2 vị nhân quả giải thích Du-già địa. Do trì v.v...4 thứ giải thích nhân của địa này, sau cùng 1 thứ giải thích quả của địa này,

Lại nữa, thế nào là pháp thiện xảo trong các pháp? Thế nào là nghĩa thiện xảo? Thế nào là văn thiện xảo? Thế nào là từ thiện xảo? Thế nào là tiền tế hậu tế mật ý thiện xảo? Như vậy 5 câu hỏi, tùy thuận trong kinh có nói các câu: Như Tôn giả A-nan bảo Xá-lợi tử: Trưởng lão nên biết rằng nếu các Tì-khưu thành tựu 5 pháp tức có thể thụ nhanh, thụ nhiều, thụ tốt, thụ rồi không mất. Ở trong kinh này là do 5 pháp tùy chỗ thích ứng mà có nghĩa của 4 câu như thụ nhanh v.v...

Thế nào là pháp thiện xảo? Là đa văn. Với pháp thiện xảo thì có thể thụ nhanh, do nghe nhiều đầy đủ phần nhiều có thể thụ nhanh chỗ sai biệt của câu văn.

Thế nào là nghĩa thiện xảo? Là trong A-tì-đạt-ma, Tì-nại-da biết rõ tướng của nó nên với nghĩa thiện xảo có thể thụ nhiều. Nếu khéo hiểu rõ tướng của A-tì-đạt-ma v.v... thì đối với những điều nói trong uẩn, giới, xứ v.v... mới có thể thâm nhập nhiều văn. Thế nào là văn thiện xảo? Nghĩa là biết huân thích, giỏi văn từ. Thế nào là từ thiện xảo? Nghĩa là biết giỏi các ngôn từ thể tục như ngã, ngã sở v.v... không chấp trước sâu, tùy thuận nói. Nếu đối với văn từ đều được thiện xảo thì có thể lãnh thụ tốt điều nói ra. Biết giỏi huân thích văn từ nên biết giỏi ngôn từ thể tục như ngã ngã sở v.v... Không chấp trước sâu, tùy thuận nói nên có thể lãnh thụ văn nghĩa không đảo lộn. Thế nào là tiền tế hậu tế mật ý thiện xảo? Nghĩa là khéo biết những gì đã lãnh thụ đời trước và những gì đời sau sẽ xuất ly. Nếu mật ý thiện xảo đối với đời trước đời sau thì có thể những gì thụ rồi không hỏng mất. Dựa vào các pháp đời trước đã thụ, đời sau có thể chứng đắc xuất ly. Do khéo hiểu rõ mật ý của Như Lai có thể chứng được Thánh giáo kiên thật. Thế nào là an trụ nơi pháp trong các pháp? Nếu không được tu tuệ, chỉ siêng năng phương tiện tu tập văn, tư, không được gọi là an trụ nơi pháp. Nếu được cả hai thứ phương tiện an trụ, như vậy mới gọi là an trụ nơi pháp, mới có thể gọi là Tì-khuru trụ pháp. Trong kinh này Thế Tôn nói rõ: Nếu có thể trụ đầy đủ vào văn, tư, tu, mới gọi là trụ pháp, không phải tùy trụ một phương tiện tu tập được gọi là trụ pháp. Nếu chỉ đối với pháp thụ trì đọc tụng giảng nói cho người khác v.v... là văn, tư sinh tuệ. Như nói nếu ở chỗ này nghiên cứu nhiều văn, đọc tụng giảng nói lại nhiều tư duy suy tìm, là chỉ tu văn tư tuệ. Không tu tập tu tuệ, lia bỏ Du-già v.v... không thể kiến lập là trụ pháp. Nếu tu Tam-ma-địa phương tiện bất tri túc, gọi là tu sinh tuệ. Như nói nếu có không được tu văn, tư, chỉ tu tu tuệ cũng

không thể lập là trụ pháp. Cho nên Thế Tôn nhân Tì-khuru trụ pháp mà nói lời ấy. Nếu Tì-khuru cứu cánh nơi pháp, như khế kinh, ứng tụng, cho đến nói rộng. Về sau lại nói không bỏ Du-già. Những điều như vậy nên như lý mà biết. Nếu có đủ được văn tự tu tuệ dựa vào 2 thứ trụ, thì gọi là trụ pháp không bỏ Du-già. Như vậy v.v..., nghĩa là tu Tam-ma-địa phương tiện bất tri túc, hiển thị do tu mà sinh tuệ. Tam-ma-địa phương tiện, nghĩa là vô gián ân trọng phương tiện và vô điên đảo phương tiện. Đây là hiển thị 2 thứ phương tiện: 1. Gồm trong vô gián ân trọng phương tiện là như nói không bỏ Du-già. 2. Gồm trong vô điên đảo phương tiện là như nói không bỏ tác ý. Bất tri túc, nghĩa là không sinh mùi vị chấp trước tu thượng Xa-ma-tha phương tiện. Như nói không bỏ nội tâm Xa-ma-tha. Đây tức hiển thị không sinh mùi vị đắm trước và tu thượng Xa-ma-tha phương tiện, gọi là không bỏ.

Lại nữa, vì nhân duyên gì trong 12 phần Thánh giáo, phần Phương quảng được gọi là Bồ-tát Ba-la-mật-đa tạng? Do trong phần này nói rộng số, tướng, thứ tự, giải thích từ, tu, sai biệt, nhiếp, sở trị, công đức, quyết trạch lẫn nhau của tất cả các Ba-la-mật-đa.

Hỏi: Nói ở đâu?

Đáp: Như trong kinh nói: Đại thừa tức Ba-la-mật-đa tạng của Bồ-tát.

Thế nào là tuyên thuyết số, tướng, thứ tự, cho đến sự quyết trạch lẫn nhau của Ba-la-mật-đa?

Số có 2 thứ: 1. Số kế toán, 2. Số quyết định. Số kế toán, là 6 Ba-la-mật-đa. Số quyết định, là số của Ba-la-mật-đa chỉ có 6 không tăng không giảm. Bởi vì sao? Tất cả Bồ-tát đạo lược có 2 thứ: 1. Tăng thượng sinh đạo, 2. Quyết định thắng đạo. Theo thứ tự gồm có 3 và 3. Sở dĩ vì sao? Tăng thượng sinh có 3 thứ: 1. Đại tư tài, 2. Đại tự thể, 3. Đại quyết thuộc. Thí Ba-la-mật-đa cảm quả đại

tư tài. Giới Ba-la-mật-đa cảm quả đại tự thể, do giữ tịnh giới sinh trong nẻo thiện được thân tôn quý. Nhân Ba-la-mật-đa cảm quả đại quyền thuộc. Tu hành nhân nhục thì tất cả chúng sinh đều về theo. Quyết định thắng đạo có 3 thứ: 1. Đè bẹp các phiền não, tu tập thiện phẩm phương tiện. 2. Thành thực hữu tình phương tiện. 3. Thành thực Phật pháp phương tiện. Như vậy trong 3 thứ thiếu 1, chắc chắn Bồ-tát không thành tựu thắng đạo. Thành thực hữu tình phương tiện, nghĩa là tinh lực Ba-la-mật-đa, vì dựa vào đây phát thân thông thành thực hữu tình. Lại nữa, Ba-la-mật-đa là vô trụ xứ Niết-bàn phương tiện. Số của nó chỉ có 6. Sở dĩ vì sao? Bởi chư Bồ-tát là trái nghịch với trụ Niết-bàn, ở trong sinh tử gồm tăng thượng sinh để trái nghịch với trụ sinh tử. Tức ở trong sinh tử mà không nhiễm ô. Cho nên 3 thứ trước là đặc tăng thượng sinh phương tiện. Ba thứ sau là bất nhiễm ô phương tiện. Tùy theo chỗ thích ứng, nên biết như trước. Bất nhiễm ô phương tiện, nghĩa là do tinh tiến cho nên tu tập đối trị, do tinh lực cho nên đè bẹp các phiền não, do trí tuệ nên vĩnh hại tất cả phiền não tùy miên.

Lại nữa, để nhiếp ích tất cả hữu tình, đối trị tất cả phiền não nên Ba-la-mật-đa chỉ có 6 thứ. Sở dĩ vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát do bố thí nên dẫn nhiếp tư tài phương tiện nhiếp ích tất cả hữu tình. Do trì giới nên không khởi xâm tổn bức bách nào loạn, phương tiện nhiếp ích hữu tình. Như thứ tự đó không hủy hoại của cải thân tâm người khác. Do nhân nhục nên chịu đựng được sự xâm tổn bức bách nào loạn, phương tiện nhiếp ích tất cả hữu tình do kham chịu người khác xâm tổn của cải của mình v.v... Do 3 thứ này có thể nhiếp ích tốt tất cả hữu tình. Do tinh tiến nên tuy chưa vĩnh viễn đè bẹp tất cả phiền não mà y vào thiện phẩm tu đối trị kia. Do tinh lực nên vĩnh viễn đè bẹp phiền não. Do trí tuệ nên vĩnh hại tùy miên. Do 3 thứ này có thể đối trị tốt tất cả phiền não.

Tướng, nghĩa là tướng Ba-la-mật-đa của chư Bồ-tát.

Thế nào là tướng của thí Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính, Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm xả bỏ tất cả thân, ngữ, ý nghiệp của tất cả mọi thời. Như vậy do chủng tính, do nguyện, do ý lạc, do sự, do tự thể, hiển thị tướng của thí Ba-la-mật-đa. Chủng tính, nghĩa là pháp tính của Bồ-tát. Nguyện, là Bồ-đề tâm. Ý lạc, là bi đạo tâm. Sự, là xả các sở hữu. Tự thể, là thân ngữ ý nghiệp.

Thế nào là tướng của giới Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm khi thụ trì tất cả giới Bồ-tát có các nghiệp thân ngữ ý.

Thế nào là tướng của nhẫn Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm khi kham chịu các oán khổ có các nghiệp thân ngữ ý.

Thế nào là tướng của tinh tiến Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm khi dẫn phát tất cả thắng thiện pháp có các nghiệp thân ngữ ý.

Thế nào là tướng của tĩnh lự Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm khi khởi tất cả thứ nghiệp thân ngữ ý tự tại dụng có tất cả tâm hằng an trụ.

Thế nào là tướng của tuệ Ba-la-mật-đa? Nghĩa là chư Bồ-tát an trụ pháp tính Bồ-đề tâm của Bồ-tát làm y chỉ, dùng bi đạo tâm khi khởi tất cả thứ nghiệp thân ngữ ý tự tại dụng có tất cả các pháp giản trạch.

Lại nữa, nếu chỗ hành thí y chỉ vào tính Tát-phạt-nhã, có thể cảm tính Tát-phạt-nhã, nhiếp thụ tính Tát-phạt-nhã, có thể làm tất cả việc Tát-phạt-nhã, đó gọi là tướng của thí Ba-la-mật-đa. Bốn câu như vậy theo thứ tự của nó do phát khởi, do tập khí, do tự thể, do đẳng lưu hiển lộ tướng của Ba-la-mật-đa. Phát khởi, là y chỉ tính nhất thiết trí, vì mọi sinh khởi tất cả hạnh thí đều hồi hướng tính Tát-phạt-nhã. Tập khí, là có thể cảm tính nhất thiết trí, vì sở hành thí liên tục huân

tu, vào đời sau có thể cảm tính Tát-phạt-nhã. Tự thể, là nhiếp thụ tính nhất thiết trí, vì sở hành thí cứu cánh viên mãn, bấy giờ có thể thành Phật pháp thân. Đăng lưu, là có thể làm tất cả việc nhất thiết trí. Từ đó về sau do thụ dụng biến hóa thân đăng lưu môn phát khởi tất cả việc Tát-phạt-nhã. Giống như tướng của thí Ba-la-mật-đa, cho đến tướng của tuệ Ba-la-mật-đa đều phải nói như vậy.

Thứ tự, nghĩa là các Ba-la-mật-đa trước có thể làm chỗ y chỉ cho sau. Sở dĩ vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát do thí Ba-la-mật-đa quen xả thí nội ngoại sự, nên không kể gì thân mạng, bỏ của cải thụ trì cấm giới. Do hộ giới nên dẫu bị người chê mắng cũng không đáp lại. Do như vậy nên mới có thể kham chịu nhẫn nhục, có thể nhẫn chịu các khổ lạnh nóng. Tuy gặp phải duyên này cũng gia hành không nghỉ, phát siêng năng tinh tiến. Phương tiện tinh tiến chứng quả cứu cánh thành mãn tĩnh lự. Tĩnh lự đầy đủ rồi, do tịnh định tâm biết được như thật, nên chứng đắc xuất thế cứu cánh đại tuệ. Lại nữa, các Ba-la-mật-đa trước được những cái sau duy trì, nghĩa là giới có thể duy trì thí, cho đến tuệ có thể gìn giữ tĩnh lự. Do đủ Thi-la, thí được thanh tịnh. Bởi vì sao? Do hành bố thí nhiếp ích hữu tình. Do đủ Thi-la không bị não hại. Cho nên Bồ-tát với người thụ thí, bởi lia não hại mới có thể thí đủ cái vui thanh tịnh. Do sức của tịnh giới, thí được thanh tịnh. Như vậy do sức của nhẫn nên giới được thanh tịnh. Bởi vì sao? Do có thể nhẫn chịu người không làm lợi ích, hoàn toàn không phạm chỗ học xứ. Do tinh tiến nên nhẫn được thanh tịnh. Bởi vì sao? Do sức dũng mãnh nên ở lâu trong sinh tử không lấy làm khó, có thể chịu cái khổ bị chúng sinh làm trái nghịch. Do tĩnh lự nên tinh tiến thanh tịnh. Bởi vì sao? Do hỷ lạc đều có thể siêng tu tập tất cả thiện pháp không thôi nghỉ. Do đủ tuệ nên tĩnh lự thanh tịnh. Bởi vì sao? Nếu do vô lượng môn thường thường quán các pháp có thể chứng nội tịch tĩnh, tăng trưởng Tam-ma-địa. Lại nữa, Già-tha nói: Không có tĩnh lự nào mà không do tuệ. Lại nữa, do thô tế nên Ba-la-mật-đa trước sau tuần tự. Sở dĩ vì sao? Trong các hành, hành thí là thô nhất

nên kiến lập trước. Trong nhẫn v.v..., hành giới là thô nên kiến lập tiếp theo. Cho đến trong tuệ, tinh lự là thô. Trong tất cả hành, tuệ là thô nhất nên lập sau cùng.

Giải thích từ, nghĩa là chư Bồ-tát hành bố thí sở dĩ gọi thí Ba-la-mật-đa là do đại thí nên lia lỗi, lia cấu uế, nên gọi là thí Ba-la-mật-đa. Đại thí, là xả bỏ tất cả việc trong ngoài, thí dài lâu. Lia lỗi, là xa lia các lỗi theo đuổi bất bình đẳng. Lia cấu uế, là vĩnh đoạn tất cả sở tri xan, như nói trong Thí vô tận trong Kinh Vô Tận Tuệ: Thế nào là lia cấu uế? Vì vĩnh viễn đoạn sở tri và tập khí. Như vậy 3 câu hiển thị 3 thứ tối thắng của Ba-la-mật-đa. Những gì là 3? 1. Tự thể tối thắng và tích tập. 2. Phương tiện tối thắng. 3. Quả tối thắng. Tích tập, là thí dài lâu. Như thí Ba-la-mật-đa có 3 thứ, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa cũng vậy. Giới v.v... lia lỗi, nghĩa là xa lia ngã tăng ích v.v... tùy chỗ thích ứng, như Kinh Vô Tận Tuệ có nói rộng. Lại nữa do tương ứng với 12 thứ tối thắng nên gọi là Ba-la-mật-đa. Những gì là 12 tối thắng? 1. Quảng đại tối thắng, vì không cầu cái vui thế gian, lại nữa là tối thượng. 2. Trường thời tối thắng, là vì tích tập trải qua 3 đại kiếp A-tăng-xí-da. 3. Chỗ làm tối thắng, vì lợi ích an lạc tất cả hữu tình. 4. Vô tận tối thắng, vì hồi hướng đại Bồ-đề cứu cánh vô tận. 5. Vô gián tối thắng, do được tự tha bình đẳng thắng giải, khiến các hữu tình trong sự bố thí v.v... mau chóng viên mãn Ba-la-mật-đa. 7. Đại tự tại tối thắng, do được hư không tạng v.v... các Tam-ma-địa khiến bố thí v.v... mau chóng viên mãn Ba-la-mật-đa. 8. Nhiếp thụ tối thắng, là vì trí vô phân biệt nhiếp thụ. 9. Phát khởi tối thắng, là trong giải hành địa thượng phẩm nhẫn vị hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa. 10. Chứng đắc tối thắng, là trong sơ địa được thí v.v... các Ba-la-mật-đa. 11. Đẳng lưu tối thắng, là ngoài ra trong 8 địa hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa. 12. Viên mãn tối thắng, là địa thứ 10 và Như Lai địa có thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Theo thứ tự đó Bồ-tát viên mãn, Phật viên mãn. Lại nữa, tối thắng sở tác, tối thắng sở chí, nên gọi là Ba-la-mật-đa, vì tất cả Phật Bồ-tát đã làm và đã đạt đến. Lại nữa, đến chỗ biết

của bờ kia nên gọi là Ba-la-mật-đa, vì an trụ Phật tính. Lại nữa, tế độ tự tha tai nạn cực kỳ to lớn nên gọi là Ba-la-mật-đa, vì có thể khiến mình và người vượt qua biển khổ lớn sinh tử.

Từ cộng đã giải thích, nay sẽ nói về từ bất cộng. Năng xả thí thì đòi sau nghèo khổ, năng xả thụ thì hiện tại nhiệt não, nên gọi là thí. Có thể khiến các căn vĩnh viễn tịch tĩnh nên có thể hướng đến các cõi thiện thanh tịnh. Có thể làm chỗ sở y cho thanh lương, nên gọi là giới. Tùy theo thứ tự, có thể dẫn đến việc thủ hộ các căn môn, đó là nhân hướng đến cõi thiện thanh tịnh, có thể làm vô hồi v.v... lần lượt cho đến sở y của Niết-bàn, xa lìa tất cả giận dữ nóng nảy, xa lìa tâm không bỏ oán hại, hiển phát tổn, thường an ổn nên gọi là nhẫn. Tâm oán hại, là tâm khởi báo oán. Bất xả, là không bỏ cái tâm ấy. Có thể hoại cái oán tâm, gọi là tổn. Làm rõ cái vô úy này nên gọi là hiển phát. Tổn nên thường an ổn. Tổn hại sinh trưởng tác dụng tương ung nên gọi là tinh tiến. Tổn hại tác dụng tương ung, là 2 chính đoạn trước, vì có thể tổn hại pháp bất thiện. Sinh trưởng tác dụng tương ung, là 2 chính đoạn sau, vì có thể sinh trưởng các thiện pháp. Năng trì, năng tức, năng tĩnh, năng điều, lại năng dẫn phát, nên gọi là tĩnh lự. Năng trì, nghĩa là buộc tâm đối với cảnh. Năng tức, nghĩa là dứt các tán loạn. Năng tĩnh, nghĩa là khiến tâm vắng lặng. Năng điều, nghĩa là điều phục các trói buộc. Năng dẫn phát, nghĩa là có thể dẫn phát các tác dụng một cách tự tại. Trí từ người khác phát sinh, trí do tự chứng bên trong, trí phân biệt các chủng loại, trí được vắng lặng, trí thắng đức, gọi là tuệ. Trí từ người khác phát sinh, là tuệ sinh ra do từ tiếng nói lời nói của người khác, và tuệ tương ung với tác ý như lý. Trí do tự chứng bên trong, là tuệ xuất thế gian. Trí phân biệt các chủng loại, là tuệ xuất thế gian hậu sở đắc. Trí được vắng lặng, là tuệ trị phiền não trong lúc tu đạo. Trí thắng đức, là tuệ có thể dẫn phát công đức thù thắng.

HẾT QUYỂN 11

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẠP TẬP LUẬN

QUYỂN 12

Phẩm 2 – 2: PHẨM PHÁP TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là tu? Lược có 5 thứ: y chỉ nhiệm trì tu, y chỉ tác ý tu, y chỉ ý lạc tu, y chỉ phương tiện tu, và y chỉ tự tại tu.

Y chỉ nhiệm trì tu lại có 4 thứ: 1. Y chỉ nhân tu, nghĩa là do sức của chủng tính tu tập chính hạnh đối với Ba-la-mật-đa. 2. Y chỉ báo tu, nghĩa là do sức thắng tự thể tu tập chính hạnh đối với Ba-la-mật-đa. 3. Y chỉ nguyện tu, nghĩa là do sức bản nguyện tu tập chính hạnh đối với Ba-la-mật-đa. 4. Y chỉ sức giản trạch, nghĩa là do sức tuệ tu tập chính hạnh đối với Ba-la-mật-đa.

Y chỉ tác ý cũng có 4 thứ: 1. Y chỉ thắng giải tác ý tu, nghĩa là tương ưng kinh giáo khởi tăng thượng thắng giải đối với tất cả Ba-la-mật-đa. 2. Y chỉ ái vị tác ý tu, nghĩa là đối với Ba-la-mật-đa đã được, thấy thắng công đức khởi ái vị sâu sắc. 3. Y chỉ tùy hỷ tác ý tu, nghĩa là ở trong tất cả thế giới, tất cả hữu tình được hành thí v.v... sinh tùy hỷ sâu sắc. 4. Y chỉ hỷ lạc tác ý tu, nghĩa là đối với tự tha, đương lai thắng phẩm Ba-la-mật-đa sinh nguyện lạc sâu sắc.

Y chỉ ý lạc lại có 6 thứ là do vô nhiễm ý lạc, quảng đại ý lạc, hoan hỷ ý lạc, ân đức ý lạc, vô nhiễm ý lạc, và thiện hảo ý lạc tu các Ba-la-mật-đa. Trong đây Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa ý lạc không chán, nghĩa là chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình trong khoản 1 sát-na

giả sử đem 7 báu đây trong thế giới nhiều như số cát sông Khắc-già ra bố thí, lại còn đem thân mạng nhiều như cát sông Khắc-già ra bố thí, bố thí như vậy trải qua số đại kiếp nhiều như cát sông Khắc-già, giống như ở nơi 1 hữu tình, như vậy bố thí cho đến khi ở nơi tất cả cõi hữu tình đều khiến chúng mau chóng được thành thực A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Khi tu hành bố thí sai biệt như vậy, ý lạc Bồ-tát còn không chán đủ. Ý lạc như vậy gọi là Bồ-tát không chán ý lạc đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành thí Ba-la-mật-đa như vậy, lần lượt liên tục không một sát-na thoái lui, gián đoạn cho đến khi cứu cánh ngôi tòa Bồ-đề. Ý lạc như vậy gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành thí Ba-la-mật-đa như vậy, đối với hữu tình do bố thí được nhiếp hóa sinh đại hoan hỷ. Các hữu tình được nhiếp thụ bố thí này sinh hoan hỷ còn không thể bằng được ý lạc kia. Đó gọi là hoan hỷ ý lạc của Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành thí Ba-la-mật-đa như vậy, quán sát tất cả hữu tình được nhiếp thụ bố thí là có ơn đức lớn đối với ta, chứ không thấy mình có ơn đối với chúng, vì giúp thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ý lạc như vậy gọi là ân đức ý lạc của Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành thí Ba-la-mật-đa như vậy, tuy làm việc phúc đại thí đối với vô lượng chư hữu tình mà không mong báo ân quả báo đời sau. Ý lạc như vậy gọi là vô nhiễm ý lạc của Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành thí Ba-la-mật-đa như vậy, được quả báo do tu hành quảng đại bố thí, thí cho chư hữu tình chứ không để cho mình. Lại đem phúc này cùng chư hữu tình hồi hướng A-nậu-đa-

la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ý lạc như vậy là thiện hảo ý lạc của Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa ý lạc không chán, nghĩa là chư Bồ-tát giả sử trải qua nhiều đời sống như cát sông Khắc-già, mỗi mỗi đời sống như cát sông Khắc-già ấy thọ mạng đại kiếp, trong thời gian dài như vậy những thứ cần cho đời sống thường không thiếu hụt. Trong 3 ngàn đại thiên thế giới đầy lửa cháy, hằng ở trong đó đi đứng ngồi nằm, chỉ hay tu tập 1 sát-na giới Ba-la-mật-đa, hoặc cho đến tuệ Ba-la-mật-đa, như vậy lần lượt tu tập sai biệt được giới tụ cho đến tuệ tụ cứu cánh đầy đủ hiện có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đa cho đến tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, đối với giới tụ cho đến tuệ tụ này tu tập ý lạc còn không mãn túc. Ý lạc như vậy gọi là ý lạc không chán của Bồ-tát đối với chỗ tu tập giới Ba-la-mật-đa cho đến tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa như vậy lần lượt liên tục không 1 sát-na có thoái lui gián đoạn cho đến cứu cánh ngồi tòa Bồ-đề. Ý lạc như vậy gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát đối với chỗ tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, đối với chư hữu tình được nhiếp thụ sinh đại hoan hỷ. Các hữu tình được nhiếp thụ này tuy sinh hoan hỷ còn không bằng được ý lạc như vậy. Đó gọi là hoan hỷ ý lạc của Bồ-tát đối với chỗ tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đa, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, quán tất cả hữu tình được nhiếp thụ này có ân đức lớn đối với mình mà không thấy mình có ân đối với họ, do đã giúp mình có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ý lạc như

vậy là ân đức ý lạc của Bồ-tát đối với chỗ tu hành giới Ba-la-mật-đà, cho đến tuệ Ba-la-mật-đà.

Lại khi chư Bồ-tát tu hành giới Ba-la-mật-đà, cho đến tuệ Ba-la-mật-đà như vậy, tuy đối với vô lượng chúng hữu tình đã hưng khởi đại giới phúc cho đến tuệ phúc mà không mong báo ân quả báo đời sau. Ý lạc như vậy là vô nhiễm ý lạc của Bồ-tát đối với chỗ tu hành giới Ba-la-mật-đà, cho đến tuệ Ba-la-mật-đà. Sở dĩ tu hành quảng đại giới tự cho đến tuệ tự đạt được quả báo thí cho các hữu tình mà không vì mình, lại đem phúc này cùng chư hữu tình hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ý lạc như vậy là thiện hảo ý lạc của Bồ-tát đối với chỗ tu hành giới Ba-la-mật-đà, cho đến tuệ Ba-la-mật-đà.

Y chỉ phương tiện tu lại có 3 thứ, là do vô phân biệt trí quán sát tam luân đều thanh tịnh. Sở dĩ vì sao? Do phương tiện này tất cả tác ý tu các hạnh mau thành tựu mỹ mãn.

Y chỉ tự tại tu cũng có 3 thứ, là thân tự tại, hành tự tại, và thuyết tự tại. Thân tự tại, nghĩa là Như Lai tự tính tự dụng. Hai thân hành tự tại, là biến hóa thân của chư Như Lai. Do đây có thể thị hiện tất cả thứ đồng pháp hành của tất cả hữu tình. Thuyết tự tại, nghĩa là có thể tuyên thuyết tất cả thứ sai biệt của 6 Ba-la-mật-đà không chút trở ngại.

Thế nào là sai biệt? Là do 18 thứ nhiệm trì để làm rõ sự sai biệt của 6 Ba-la-mật-đà. Những gì là 18? Là thân nhiệm trì, tâm nhiệm trì, thiện pháp nhiệm trì, thiện nhiệm trì, Bồ-đề nhiệm trì, bi nhiệm trì, bất xả hữu tình nhiệm trì, xả hạ liệt tâm nhiệm trì, vô sinh pháp nhãn nhiệm trì, thiện căn phương tiện nhiệm trì, thiện căn viên chứng nhiệm trì, thiện căn vô tận nhiệm trì, vô yếm quyền nhiệm trì, chư sở tư sự thành mãn nhiệm trì, ngự chúng nghiệp nhiệm trì, chúng nhập đại địa nhiệm trì, dẫn phát Phật tính nhiệm trì, kiến lập Phật sự nhiệm trì, thí v.v... 6 thứ mỗi thứ đều có 3 sai biệt, theo như thứ tự 3

nhiếp 3. Thí 3 thứ là tài thí, vô úy thí và pháp thí. Giới 3 thứ là luật
 nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, và nhiều ích hữu tình giới. Nhẫn 3
 thứ là nại oán hại nhẫn, an thụ khổ nhẫn, và đế sát pháp nhẫn. Tinh
 tiến 3 thứ là bị giáp tinh tiến, phương tiện tinh tiến, và nhiều ích hữu
 tình tinh tiến. Tĩnh lự 3 thứ là hiện pháp lạc trụ tĩnh lự, dẫn phát thần
 thông tĩnh lự, và nhiều ích hữu tình tĩnh lự. Tuệ 3 thứ là duyên thế
 tục tuệ, duyên thắng nghĩa tuệ, và duyên hữu tình tuệ. Phải biết tài thí
 có thể duy trì thân, do ăn uống v.v... và các vật giúp ích cho thân sở
 y của người thụ nhận. Vô úy thí có thể duy trì tâm, vì an ủi làm cho
 người tâm lìa lo sợ. Như vậy các câu khác tùy theo nghĩa suy nghĩ.
 Hạ liệt tâm, nghĩa là chur Bồ-tát chán khổ sinh tử đồng với tâm nhị
 thừa. Do duy trì an chịu nhẫn khổ mới có thể xả bỏ tâm này. Thiện
 căn vô tận, nghĩa là tận cùng biên giới sinh tử, hằng làm việc lợi ích
 an lạc tất cả hữu tình, cho đến vô dư Niết-bàn giới cũng không xả
 bỏ, do duy trì tinh tiến nhiều ích hữu tình. Ngự chúng nghiệp, nghĩa
 là y chỉ nội chứng nên dạy dỗ giáo hóa hữu tình, kẻ tâm chưa định
 thì khiến được định, kẻ tâm đã định khiến được giải thoát, do tĩnh lự
 duy trì sự nhiều ích hữu tình. Chứng nhập đại địa, nghĩa là trước tin
 hiểu giáo pháp thậm thâm, tư lương viên mãn có thể chứng nhập sơ
 cực hỷ địa do duyên thế tục tuệ duy trì. Ngoài ra dễ hiểu nên không
 phải giải thích nữa.

Lại sai biệt là có 7 thứ thí: 1. Căn bản thí, nghĩa là Bồ-tát chủng
 tính vị có thí Ba-la-mật-đa, vì y chỉ chủng tính mà hành thí. 2. Hoằng
 thệ thí, nghĩa là Bồ-tát phát tâm vị có thí Ba-la-mật-đa, vì y thụ đại
 nguyện mà hành thí. 3. Nhiếp thụ thí, nghĩa là Bồ-tát tự tha lợi hành
 vị có thí Ba-la-mật-đa. 4. Vô chấp thụ thí, nghĩa là Bồ-tát quán chân
 thật nghĩa vị có thí Ba-la-mật-đa, vì vô thí giả v.v...phân biệt chấp
 thụ. 5. Vô nhiếp thụ thí, nghĩa là Bồ-tát oai đức vị có thí Ba-la-mật-
 đa. Tuy không nhiếp thụ những vật cần cho đời sống bên ngoài, chỉ
 do sức Tam-ma-địa của hư không tạng v.v... giơ tay vẫy hư không

thì tùy ý muốn châu báu rơi xuống như mưa. 6. Tùy sở ưng thí, nghĩa là Bò-tát thành thực vị có thí Ba-la-mật-đa, vì tùy chỗ hóa nghi mà hành thí. 7. Quảng đại thí, nghĩa là Bò-tát tối thắng Bò-đề vị có thí Ba-la-mật-đa, vì vô thượng. Giống như thí có 7 thứ, cho đến tuệ cũng vậy, tùy chỗ thích ứng.

Nhiếp thế nào? Nghĩa là nhiếp vào Bò-tát địa, trong đó lược nói thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Nhiếp này lược có 4 thứ: 1. Chủng tính nhiếp, nghĩa là thí Ba-la-mật-đa v.v...chủng tính tương ưng tùy thuận biết. 2. Phát tâm nhiếp, nghĩa là sai biệt phát tâm nhiếp. Phát tâm có 2 thứ là vô sai biệt và sai biệt. Vô sai biệt, là nguyện ta sẽ chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sai biệt, là nguyện thí Ba-la-mật-đa của ta mau được viên mãn, cho đến tuệ Ba-la-mật-đa mau được viên mãn. Phải biết trong đây do sai biệt phát tâm nhiếp các Ba-la-mật-đa vì đây là nhân của kia. 3. Tự tha lợi nhiếp, nghĩa là do thí nhiếp nên nhiếp thụ tất cả phú lạc tự tại, đó là tự lợi nhiếp. Do thí này nên dẫn nhiếp tài vật để làm lợi ích cho người, đó là tha lợi nhiếp. Như vậy các tướng nhiếp khác tùy theo nghĩa nên biết. 4. Thắng nghĩa nhiếp, đây lại có nhiều thứ, nghĩa là hoặc y vào pháp giới mà nói, bởi chân như là cộng tướng của thí v.v... Hoặc y vào trí tư lương mà nói, bởi có thể làm thành khí cụ của nhất thiết trí. Hoặc y vào trí nhiếp thụ mà nói, bởi có thể hoàn thành viên mãn nhất thiết trí. Hoặc y vào trí tùy chuyển mà nói, bởi 5 Ba-la-mật-đa tùy theo tuệ Ba-la-mật-đa chuyển. Hoặc y vào trí tướng mà nói, bởi tuệ Ba-la-mật-đa là tự thể của chính trí. Như vậy thắng nghĩa lấy chân như và chính trí làm thể, nên có thể nhiếp thí v.v... Do nói sơ lược này, các nghĩa nhiếp khác nên tư duy như lý.

Sở trị, là thí v.v... 6 theo thứ tự bởi xan lẫn, phạm giới, phần nhuế, giải đãi, tán loạn, ác tuệ là sở trị. Lại nữa cho đến tất cả thiện pháp gồm trong Ba-la-mật-đa, sở đối trị và sở trị chướng của chúng đều là sở trị của Ba-la-mật-đa.

Công đức, là y vào 5 quả vô lượng vô biên xung tán thắng lợi đều gọi là công đức. Nghĩa là có thể vĩnh đoạn tự sở đối trị là quả ly hệ của các Ba-la-mật-đa. Trong hiện pháp do thí này v.v... nhiếp thụ tự tha là quả sĩ dụng. Vào các đời về sau lần lượt tăng thắng sinh khởi là quả đẳng lưu. Đại Bồ-đề là quả tăng thượng. Cảm đại tài phú, vãng sinh nẻo thiện, không oán không hoại, nhiều các hỷ lạc, trong hữu tình được thân tôn quý không tổn hại, tuần tự phát triển dòng họ lớn, là quả dị thực của thí v.v... Ba-la-mật-đa.

Cùng nhau quyết trạch lược có 3 thứ: 1. Phương tiện, 2. Sai biệt, 3. Sai biệt hiển thị. Phương tiện, nghĩa là trong thí phương tiện tất cả có thể được. Như xả trong ngoài tất cả thân mạng tài sản là thí phương tiện. Trong phương tiện này nếu xả tất cả, là thí Ba-la-mật-đa. Tức ở trong đây nếu tâm từ bi ngăn chặn tất cả sự tổn hại bức bách nào loạn người khác, là giới Ba-la-mật-đa. Tức ở trong đây nhẫn chịu những sự trở ngại tổn hại một mỗi, là nhẫn Ba-la-mật-đa. Tức ở trong đây thường thường phát khởi tâm dũng mãnh cố gắng, là tinh tiến Ba-la-mật-đa. Tức ở trong đây tâm thuần thiện, buộc tâm vào một cảnh không lưu tán ra ngoài, là tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Tức ở trong đây thi hành tốt như thật nhân quả, không chấp thủ dị kiến, là tuệ Ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến trong phương tiện tuệ Ba-la-mật-đa, tùy chỗ thích ứng phải khéo kiến lập. Do vô úy thí nên mọi nơi có thí.

Sai biệt lược có 4 thứ: 1. Tự thể sai biệt, 2. Trợ bạn sai biệt, 3. Khuyến tán sai biệt, 4. Chúng thực sai biệt. Thí v.v...Ba-la-mật-đa tự thể sai biệt, là như theo thứ tự lấy khí xả, phòng hộ, kham nại, sách lệ, tâm trụ, quyết trạch làm thể. Trợ bạn sai biệt, là trong phương tiện thí v.v... các Ba-la-mật-đa khác đều chuyển theo, như trước đã nói rộng. Khuyến tán sai biệt, là đối với thí v.v... khuyến khích khen ngợi tùy hỷ. Chúng thực sai biệt, là trong các tương tục khác kiến lập thí v.v...Ba-la-mật-đa. Vì trong đây thí Ba-la-mật-đa là tài thí, 5 Ba-

la-mật-đa là vô úy thí, tất cả 6 là pháp thí, đều gieo trồng trong các tương tục khác. Sai biệt hiển thị, là do nhất hành v.v... sai biệt hiển thị thí v.v... Ba-la-mật-đa. Như có câu hỏi: Nếu thí Ba-la-mật-đa cũng là giới Ba-la-mật-đa? Hay giới Ba-la-mật-đa cũng là thí Ba-la-mật-đa? Để đáp câu hỏi này nên làm câu thuận như sau, nghĩa là tất cả giới Ba-la-mật-đa đều là thí Ba-la-mật-đa. Hoặc có thí Ba-la-mật-đa chẳng phải giới Ba-la-mật-đa. Nghĩa là có giới Ba-la-mật-đa không gồm trong thí Ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến dùng tuệ Ba-la-mật-đa đối thí Ba-la-mật-đa đều nên làm thuận câu sau. Ngoài ra tương vọng vào nhau cũng nên như lý tư duy. Trong đây y vào nghiệp địa ban đầu lần lượt tu, là nói sau phải đợi trước, trước không đợi sau. Cho nên đều làm thuận câu sau. Nếu đã quen tập 6 thứ đốn tu đều nhiếp lẫn nhau, như Bồ-tát địa nói.

Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là 6 Ba-la-mật-đa nếu dựa vào thuận và tạp tương trợ nhau mà nói thì phải làm 4 câu. Lại nữa, tất cả thí đều Ba-la-mật-đa u hay Ba-la-mật-đa đều là thí u? Để đáp câu hỏi này, nên làm 3 câu: Hoặc có thí chẳng phải Ba-la-mật-đa. Nghĩa là chỗ hành thí v.v... không hồi hướng đại Bồ-đề. Hoặc có cũng thí cũng Ba-la-mật-đa. Nghĩa là chỗ hành thí v.v... hồi hướng đại Bồ-đề. Hoặc có chẳng phải thí chẳng phải Ba-la-mật-đa. Nghĩa là trừ chỗ nói pháp trên. Như vậy cho đến dựa vào tuệ Ba-la-mật-đa, mỗi mỗi đều phải làm 4 câu như lý tư duy. Lại nữa, tất cả hành thí đều có thể sinh chủng loại phúc thí Ba-la-mật-đa u? Đây nên làm 4 câu. Câu đầu là hành thí không hồi hướng đại Bồ-đề. Câu thứ hai là thí Ba-la-mật-đa khuyến khích ca ngợi tùy hỷ. Câu thứ ba là hành thí hồi hướng đại Bồ-đề. Câu thứ tư là trừ các tướng trên. Như vậy cho đến y vào tuệ Ba-la-mật-đa mỗi mỗi đều làm 4 câu như lý tư duy.

Lại nữa, vì duyên gì nói phần Phương quảng là quảng đại thậm thâm? Do tính của nhất thiết chủng trí là quảng đại thậm thâm. Nghĩa là vì đây được quả của tính nhất thiết chủng trí quảng đại thậm thâm,

nhân đó nhận lấy tên của quả. Cho nên đặc biệt nói phần Phương quảng là quảng đại thậm thâm.

Lại nữa, vì duyên gì một phần chúng sinh trong phần Phương quảng quảng đại thậm thâm không sinh thắng giải, trở lại ôm nỗi lo sợ? Vì do xa lìa pháp tính, chưa trông thiện căn, bạn ác nhiếp giữ. Pháp tính, nghĩa là chủng tính Bồ-tát là tự thể của nó. Do một phần chúng sinh không có chủng tính Bồ-tát nên tâm tính hạ liệt không thể thắng giải giáo pháp quảng đại thậm thâm cho nên sợ hãi. Lại, một phần chúng sinh tuy có chủng tính Bồ-tát, nhưng đối với đại Bồ-đề chưa trông các thiện căn chính nguyện v.v... nên đối với đây không thể thắng giải mà sinh sợ hãi. Lại, một phần chúng sinh tuy đã trông thiện căn mà bị chúng sinh, bạn ác phi báng Đại thừa giữ lấy, nên đối với đây không thể thắng giải mà sinh sợ hãi.

Lại nữa, vì duyên gì một phần chúng sinh trong phần Phương quảng quảng đại thậm thâm tuy sinh thắng giải, mà không được xuất ly? Do an trụ sâu trong tự kiến thủ nên thường chấp trước chặt cứng như nghĩa của ngôn từ. Vì an trụ sâu trong tự kiến thủ nên không tiến lên cầu hiểu rõ nghĩa kinh. Thường chấp trước chặt cứng như nghĩa của ngôn từ nên thường phong kín chấp cứng không hiểu nghĩa kinh. Như nghe nói tất cả pháp rốt ráo là vô tự tính thì liền bác bỏ cho rằng tất cả các pháp tính tướng đều là vô sở hữu. Như vậy đối với các kinh bất liễu nghĩa khác, chấp chặt như nghĩa của ngôn từ cũng vậy. Vì vậy cho nên tuy tin Đại thừa mà không được xuất ly. Bởi kinh Đại thừa được nói với nhiều ý. Dựa vào mật ý này, Bạc-già-phạm trong Kinh Đại Pháp Kỉnh có nói như vậy: Nếu chư Bồ-tát theo ngôn từ mà thủ nghĩa là vì tư duy chọn lựa pháp không đúng chính lý, liền sinh 28 thứ không chính kiến. Những gì là 28 bất chính kiến? Là tướng kiến, tồn giảm thi thiết kiến, tồn giảm phân biệt kiến, tồn giảm chân thật kiến, nhiếp thụ kiến, chuyển biến kiến, vô tội kiến, xuất ly kiến, khinh hủy kiến, phần phát kiến, điên đảo kiến, xuất sinh kiến, bất lập tông kiến,

kiểu loạn kiến, kính sự kiến, kiên cố ngu si kiến, căn bản kiến, u kiến vô kiến kiến, xả phương tiện kiến, bất xuất ly kiến, chướng tăng ích kiến, sinh phi phúc kiến, vô công quả kiến, thụ nhục kiến, phỉ báng kiến, bất khả dữ ngôn kiến, quảng đại kiến, tăng thượng mạn kiến.

Tướng kiến, nghĩa là nghe trong kinh Đại thừa có nói tất cả các pháp đều không tự tính, không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tính Niết-bàn v.v... không hiểu rõ mật ý, chỉ theo nghĩa của ngôn từ liền sinh thẳng giải, cho rằng Phật có nói tất cả các pháp nhất định không có tự tính, nhất định không sinh v.v..., chấp trước các tướng vô tính như vậy là kiến tướng. Khi chấp trước vô tính v.v... các tướng như vậy thì liền chê bai 3 tự tính, đó là biến kế sở chấp tự tính, y tha khởi tự tính, và viên thành thật tự tính. Biến kế sở chấp tự tính, nghĩa là các ngu phu đối với các sắc tướng chấp khắp tất cả, khởi thêm nhiều chấp trước, bảo đây là sắc, cho đến đây là Niết-bàn. Nghĩa của chấp trước đó là không thật, không thể, chỉ có thi thiết bằng danh ngôn. Y tha khởi tự tính, nghĩa là ngay nơi cái gọi là sắc đây chỉ là hư vọng phân biệt tự thể, lại tính nhân quả hoặc khác hoặc không khác. Viên thành thật tự tính, nghĩa là tất cả pháp chân như thật tính. Trong 3 tính khởi phỉ báng này, tức 3 kiến như sau là tồn giảm thi thiết kiến, tồn giảm phân biệt kiến, và tồn giảm chân thật kiến. Kia khi phỉ báng nhất thiết chủng, nhất thiết pháp, là muốn thành lập tà kiến này, nên lại nhiếp thụ một phần ít đạo lý, và chỗ khai thị chư pháp thật tính ly ngôn trong liễu nghĩa khế kinh, rộng bày phương tiện, đều chuyển đổi tất cả khiến thuận theo kiến chấp của mình. Hai thứ như vậy tức 2 kiến sau đây là nhiếp thụ kiến và chuyển biến kiến. Kia lại khởi kiến như vậy: Nếu dựa vào kiến này mà hành thiện bất thiện, nhất định đều không có tội lỗi gì hết. Tất cả mọi việc làm đều quy về điều thiện. Tất cả chướng cấu tích tập trước kia đều được xuất ly. Hai thứ như thế tức 2 kiến sau đây, là vô tội kiến và xuất ly kiến. Kia đã chấp tự kiến như vậy rồi liền đối với các pháp an lập uẩn v.v... trong Thanh

Văn tạng trái với kiến này, vọng sinh khinh chê, lại sinh ganh ghét sâu sắc những người Thanh Văn không tin tà kiến như thế. Hai thứ này tức 2 kiến sau đây, là khinh hủy kiến và phẫn phát kiến. Kia lại thuận theo ác tà kiến của mình bảo rằng ta sẽ kiến lập như thật không, vô tướng, vô nguyên, với chẳng phải tướng đó thì khởi tướng tướng đó, còn đối với tướng đó thì điên đảo kiến lập. Lại có suy nghĩ như vậy: Nếu có thể ngộ nhập pháp tính như vậy, hoặc khiến người nhập, tất cả đều sinh vô lượng công đức. Hai thứ như vậy, tức là 2 kiến sau đây, là điên đảo kiến và xuất sinh kiến. Nếu người khác đứng lý trách các ác kiến của người kia, bấy giờ người kia thôi không muốn kiến lập tông mình, trở lại chê trách người ấy. Hai thứ như vậy, tức 2 kiến sau đây, là bất lập tông kiến và kiêu loạn kiến. Kia lại khởi tăng thượng mạn như vậy: Nếu có thể tu hành được như vậy là chân thật cúng dường cung kính Thế Tôn. Kiến chấp như vậy gọi là kính sự kiến. Có người thấu hiểu pháp tính không điên đảo, vì muốn khiến người kia lìa bỏ ác kiến, tuy dùng các thứ chân thật thành lập đạo lý làm phương tiện khai ngộ, vẫn giữ chặt kiến chấp ngu muội không bỏ, bảo rằng chỉ có đây là chân thật ngoài ra đều tà vọng. Kiến chấp đó gọi là kiên cố ngu si kiến. Như điều nói trên, các kiến chấp có tập khí thô trọng, là căn bản kiến. Vì muốn khai thị, như trên đã nói các tội lỗi của 17 thứ kiến chấp, lại nói các kiến khác tức tướng kiến gọi là kiến vô kiến kiến. Đây thật cố chấp các tướng vô tính mà khởi. Không chấp tất cả tướng tướng, tức tổn giảm thi thiết kiến, tổn giảm phân biệt kiến, tổn giảm chân thật kiến, gọi là xả phương tiện kiến. Do kia phỉ báng tất cả pháp tính, đối với siêng năng tinh tiến khởi vô dụng tướng, tức nhiếp thụ kiến chuyển biến kiến, gọi là bất xuất ly kiến. Chẳng phải phương tiện tu học không thể chứng quả, tức vô tội kiến, xuất ly kiến, gọi là chướng tăng ích kiến. Làm các điều tà vạy không dung hết chướng, tức khinh hủy kiến, phẫn phát kiến gọi là sinh phi phúc kiến. Do nơi chính pháp đồng phạm hạnh khởi tà hạnh môn, có thể dẫn phát suy tổn lớn, tức điên đảo kiến, xuất sinh kiến

gọi là vô công quả kiến. Do chỗ an lập tính phi chính pháp, người trao người nhận đều không thể chứng quả thắng tiên, tức bất lập tông kiến, kiêu loạn kiến, gọi là thụ nhục kiến. Phi lý lập luận không được đắc thắng, tức kính sự kiến, gọi là phỉ báng kiến. Chỗ không nên nói mà cưỡng tăng ích, tức kiên cố ngu si kiến, gọi là bất khả dữ ngôn kiến. Với người tà chấp không thì không nên nói, dẫu nói nhiều lời cũng thành vô ích, tức căn bản kiến, gọi là quảng đại kiến. Do đây về sau các loại ác kiến chuyển tăng rộng, tức như trên nói 27 kiến đều gọi là tăng thượng mạn kiến, vì đều có thể phát khởi hư vọng không thật tăng thượng mạn. Điều này làm sao biết? Do trong kinh kia, tức sẽ nói sau. Như vậy các kiến 17 tức 10, 10 tức 17, 27 tức 1, 1 tức 27.

Lại nữa, như Phương quảng phần nói: Tất cả các pháp đều không tự tính. Câu này dựa vào mật ý gì mà nói? Là vô tự nhiên tính, vô tự thể tính, vô trụ tự thể, không như người ngu chấp thủ tính tướng. Vô tự nhiên tính, là do không có tính tự nhiên nên nói là vô tự tính, không có tính giá đãi duyên nên nói vô tự tính. Vô tự thể tính, là do tự thể này đã từng có, tức tự thể này không thể lại có nên nói là vô tính. Vô trụ tự thể, là thể tuy hiện tại chưa đến hoại, tiếp đến ắt phải diệt, vì thể không trụ nên nói vô tính. Không như người ngu chấp thủ tính tướng, là những người ngu chưa kiến đế, dựa vào danh ngôn, hý luận, huân tập môn, vọng chấp tính tướng các pháp. Xa lìa sự chấp thủ tự tính như vậy nên nói là vô tính.

Lại nữa nơi biến kế sở chấp tự tính là tướng vô tính, nơi y tha khởi tự tính là sinh vô tính, nơi viên thành thật tự tính là thắng nghĩa vô tính. Lại y vào dị môn mà hiển nghĩa vô tính nên nói như vậy. Lại nữa, tất cả pháp tức 3 tự tính. Nghĩa là biến kế sở chấp tự tính, y tha khởi tự tính, và viên thành thật tự tính. Biến kế sở chấp tự tính nhất định không có tự tướng. Không có tự tướng nên gọi là tướng vô tính. Tướng không có tính nên gọi là vô tính. Y tha khởi tự tính đợi các duyên nên không phải tự nhiên sinh. Không có tính tự nhiên sinh nên

gọi là sinh vô tính. Vì sinh vô tính nên gọi là vô tính. Viên thành thật tự tính thanh tịnh sở duyên. Ở trong y tha khởi không có biến kế sở chấp, tướng sở hiển tự thể nên thắng nghĩa là tự thể, vô tính hiển nên gọi là thắng nghĩa vô tính. Thắng nghĩa không có tính nên gọi là vô tính. Do đạo ý này nên Như Lai nói: Tất cả pháp đều không tự tính. Chẳng phải tất cả mọi thứ tính tướng đều không mà nói là vô tính.

Lại nữa như kia nói: Tất cả các pháp không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tính Niết-bàn. Đây là dựa vào mật ý gì nói? Giống như không tự tính không sinh cũng vậy. Giống như không sinh không diệt cũng vậy. Giống như không sinh không diệt xưa nay vắng lặng cũng vậy. Giống như xưa nay vắng lặng tự tính Niết-bàn cũng vậy.

Lại nữa có 4 thứ ý thú. Do ý thú này nên trong phần Phương quảng tất cả các ý thú của Như Lai đều phải tùy theo đó quyết liễu. Những gì là 4? Là bình đẳng ý thú, biệt thời ý thú, biệt nghĩa ý thú, chúng sinh ý ác ý thú. Bình đẳng ý thú, nghĩa là như nói: Ta lúc bấy giờ từng được gọi là Thắng Quán Như Lai ứng chính đẳng giác, cùng pháp thân kia không sai biệt. Biệt thời ý thú, nghĩa là như nói: Nếu có người nguyện sinh về thế giới cực lạc đều được vãng sinh. Nếu chỉ chốc lát được nghe tên Vô Cấu Nguyệt Quang Như Lai thì liền được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề quyết không thoái chuyển. Ý những câu nói như vậy là ở một biệt thời mà nói. Biệt ý thú, nghĩa là như nói: Tất cả các pháp đều không có tự tính. Những câu nói như vậy không thể y như câu văn mà lấy nghĩa. Chúng sinh ý lạc ý thú, nghĩa là đối với một thiện căn, hoặc có lúc thì khen ngợi để khiến hoan hỷ dừng mãnh mà tu hành, hoặc có khi chê trách là để ngăn chặn tưởng làm được một việc thiện nhỏ đã vui mừng cho là đủ. Với người tu hành còn tâm tham thì ca ngợi cõi Phật là phú lạc trang nghiêm. Với người tu hành còn tâm ngã mạn thì ca ngợi chư Phật còn có tăng thắng. Để hàng giáo hội người tu thiện mà còn não chương nên nói những câu như vậy. Đối với Phật Bồ-tát dấu hành khinh hủy nhưng

những chúng sinh ấy cũng sinh cõi trời. Vì những người chủng tính bất định có ý lạc lìa bỏ Thanh Văn hạ liệt, thụ ký Đại Thanh Văn sẽ được thành Phật. Cho nên nói một thừa mà không có thừa thứ hai.

Lại nữa có 4 thứ bí mật. Do bí mật này nên trong phần Phương quảng có tất cả những bí mật của Như lai đều phải tùy theo đó quyết liễu. Những gì là 4? Là khiến nhập bí mật, tướng bí mật, đối trị bí mật, và chuyển biến bí mật. Như vậy 4 thứ ở trong Đại thừa lược nhiếp tất cả đạo lý bí mật Như Lai nói. Khiến nhập bí mật, nghĩa là đối với Thanh Văn thừa nói sắc v.v... các pháp đều có tự tính để khiến không sợ hãi, dần vào Thánh giáo. Tướng bí mật, nghĩa là đối với 3 tự tính nói tất cả pháp đều không tự tính không sinh không diệt v.v... Đối trị bí mật, nghĩa là để điều phục các tội lỗi, Như Lai tuyên thuyết các thứ Mật giáo. Như để đối trị 8 thứ chướng nên nói tối thượng thừa. Những gì là 8? là khinh Phật pháp, giải đãi, chút ít thiện đã sinh mừng đủ, tham, mạn, hành ác tác, bất định tính, và sai biệt. Nói rộng chỉ sự tùy theo chỗ thích ứng như nói 4 ý thú. Chuyển biến bí mật, nghĩa là kinh nói danh ngôn ẩn mật, như nói: Trong bất kiên, kiên giác thâm trụ nơi điên đảo. Cực phiền não sở não, được tối thượng Bồ-đề. Trong đây mật ý là ở trong không tán động khởi kiên cố thắng giác. Sở dĩ vì sao? Kiên có 2 nghĩa: 1. Trinh thật, 2. Tán động. Do tán động này khiến tâm kiên cường, cho nên cũng gọi là kiên. Thâm trụ nơi điên đảo, nghĩa là đối thường, lạc, ngã, tịnh 4 đảo làm vô thường v.v... nên gọi là điên đảo. Ở đây không thoái nên gọi thâm trụ. Cực phiền não sở não, nghĩa là trong thời gian dài lâu tinh cần khổ hạnh bị rất cực nhọc bức não. Được tối thượng Bồ-đề, nghĩa là đủ như trên nói 3 việc, chắc chắn sẽ mau chứng vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, trong phần Phương quảng làm sao có thể biết tướng thiện xảo của Bồ-tát trong Tam-ma-địa? Nghĩa là do 5 thứ nhân: 1. Sát-na sát-na tiêu trừ tất cả thô trọng sở y. 2. Xuất ly các thứ tướng được vui pháp lạc. 3. Hiểu rõ vô lượng vô phân biệt tướng đại pháp

quang minh. 4. Thuận thanh tịnh phần, tướng vô phân biệt hằng hiện tại tiền. 5. Năng nhiếp thụ chuyển thượng chuyển thắng, thành tựu viên mãn nhân pháp thân của Phật. Như vậy 5 thứ là y vào 3 thứ xung tán công đức chư Bồ-tát mà nói. Tức là Xa-ma-tha xung tán công đức, Tì-bát-xá-na xung tán công đức, gồm cả 2 phần xung tán công đức. Xa-ma-tha xung tán công đức lại có 2 thứ: 1. Sát-na sát-na thắng tiến khinh an không thiếu không gián đoạn, vì sở y biến khắp nên sát-na sát-na tiêu trừ tất cả sở y thô trọng. 2. Thắng giải để quán tất cả giáo pháp không có sai biệt, vì đồng một mùi vị, xa lìa các nghĩa tướng tướng của các thứ uẩn, giới, xứ v.v..., được ý lạc pháp lạc của khế kinh. Tì-bát-xá-na xung tán công đức cũng có 2 thứ: 1. Tùy chỗ trạch pháp không thiếu không gián đoạn vì không quên mất, do ức niệm môn trong vô lượng pháp, tướng vô phân biệt của khế kinh dùng tuệ chiếu rõ. 2. Trước khi chuyển y tuy có các sắc tượng, nhưng hằng hiện tại tiền tướng vô phân biệt, vô gia hành. Một cái thứ 5 là 2 cái này. Gồm cả 2 phần xung tán công đức pháp thân, nghĩa là sở tri chướng vĩnh đoạn nhiếp trong chuyển y. Đây trong địa thứ 10 gọi là viên mãn, trong Như Lai địa gọi là thành tựu. Để khiến pháp thân mau được thành tựu viên mãn nên dẫn thực, chuyển thượng, chuyển thắng, đẳng lưu tập khí nên gọi là nhiếp thụ. Kia 5 thứ nhân như vậy hiển thị 5 tu có thể đắc 5 quả. Những gì là 5? Là dứt tướng tu, hòa hợp tu, vô tướng tu, vô công dụng tu, và chuyển tướng tu.

Hỏi: Tạng pháp Thanh Văn, tạng pháp Bồ-tát v.v... là từ pháp thân lưu xuất, vì sao chúng sinh dùng hương hoa man cúng dường Bồ-tát tạng pháp liền được vô biên phúc tụ rộng lớn mà không phải Thanh Văn tạng pháp?

Đáp: Vì Bồ-tát tạng pháp là chỗ y chỉ lợi ích an lạc của tất cả chúng sinh, có thể kiến lập nghĩa lớn cho nên là nơi sinh vô thượng vô lượng đại công đức tụ.

HẾT QUYỂN 12

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỀN 13

Phẩm 3 – 1: PHẨM ĐẮC TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là được quyết trạch? Lược nói có 2 thứ, là kiến lập Bồ-đặc-già-la và kiến lập hiện quán. Cái trước là năng chúng, cái sau là sở chúng. Bồ-đặc-già-la tuy chẳng phải thật hữu, được kiến lập do 4 duyên là ngôn thuyết dễ, thuận thế gian, lia sợ hãi, và hiển thị tự tha đủ công đức tội lỗi.

Ngôn thuyết dễ, nghĩa là trong pháp sai biệt, vô lượng sai biệt tướng tượng của vô lượng sắc v.v... tổng hợp kiến lập một giả hữu tình, tức kêu gọi, mời, đi, đến v.v... các thứ ngôn thuyết là không khó. Thuận thế gian, nghĩa là chẳng phải các thế gian, chỉ dựa vào pháp tướng mà khởi ngôn thuyết phần nhiều dựa vào tướng của hữu tình mà khởi ngôn thuyết. Cho nên để hóa độ thế gian Thánh giả ắt phải đồng phương tiện với chúng kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Lia sợ hãi, nghĩa là hữu tình thế gian chưa hiểu pháp tính duyên khởi rất sâu, nếu nghe nói tất cả hữu tình là vô ngã liền sinh sợ hãi, không chấp nhận giáo hóa của chính pháp.

Hiển thị tự tha đủ công đức tội lỗi, nghĩa là nếu giả lập hữu tình sai biệt, chỉ nói tướng nhiễm tịnh của các pháp, tức là tất cả không có sai biệt, không thể biết được trong thân này tội lỗi như thế đã đoạn

hay chưa đoạn, trong thân này công đức như thế đã chứng hay chưa chứng, cho nên kiến lập Bồ-đặc-già-la.

Thế nào là kiến lập? Lược có 7 thứ, là bệnh hành sai biệt, xuất ly sai biệt, nhiệm trì sai biệt, phương tiện sai biệt, quả sai biệt, giới sai biệt, và tu hành sai biệt.

Bệnh hành sai biệt lại có 7 thứ, là tham hành, sân hành, si hành, mạn hành, tầm tư hành, đăng phần hành, và bạc trần hành.

Xuất sinh sai biệt có 3 thứ, là Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa, và Đại thừa.

Nhiệm trì sai biệt có 3 thứ, là chưa đủ tư lương, đã đủ chưa đủ tư lương, và đã đủ tư lương.

Phương tiện sai biệt có 2 thứ, là tùy tín hành và tùy pháp hành.

Quả sai biệt có 27, là tín giải kiến đến thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát, dự lưu hướng, dự lưu quả, nhất lai hướng, nhất lai quả, bất hoàn hướng, bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả, cực thất phần hữu, gia gia nhất gian, trung Niết-bàn, sinh Niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, hữu hành Bát-niết-bàn, thượng lưu, thoái pháp A-la-hán, tư pháp A-la-hán, hộ pháp A-la-hán, trụ bất động A-la-hán, kham đạt A-la-hán, và bất động pháp A-la-hán.

Giới sai biệt, là Dục giới dị sinh, hữu học, vô học. Giống như Dục giới có 3, Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Lại có Dục giới, Sắc giới Bồ-tát. Lại có Dục giới Độc Giác, bất khả tư nghị Như Lai.

Tu hành sai biệt lược có 5 thứ: 1. Thắng giải hành Bồ-tát. 2. Tăng thượng ý lạc Bồ-tát. 3. Hữu tướng hành Bồ-tát. 4. Vô tướng hành Bồ-tát. 5. Vô công dụng hành Bồ-tát. Các Bồ-đặc-già-la như vậy có vô lượng sai biệt.

Tham hành Bồ-đặc-già-la, là có thời gian dài lâu tham dục sắc mạnh, tuy ở cảnh giới khả ái hạ liệt, mà có thể phát khởi tham thượng

phẩm. Khởi, là thời gian dài lâu không gián đoạn. Giống như người tham hành, cho đến người tâm tư cũng vậy, mỗi mỗi đều tùy theo cảnh riêng của mình. Sắc mạnh và thời gian dài lâu, là như lý phối hợp giải thích.

Đẳng phần Bồ-đặc-già-la, là trụ tự tính vị phiền não, xa lìa mãnh liệt trụ bình đẳng vị các phiền não tùy thế lực của cảnh giới phiền não hiện hành.

Bạc trần Bồ-đặc-già-la, là các phiền não vi tế bạc nhược ở trong tự tính vị. Nay phiền não này trông vào kia là vi tế bạc nhược nên tuy ở cảnh giới sở duyên tăng thượng mà tính vi tế bạc nhược của phiền não hiện hành, vì xưa bị sức thắng đối trị tu tập đè bẹp.

Thanh văn thừa Bồ-đặc-già-la, là trụ pháp tính Thanh Văn, hoặc định tính hoặc bất định tính là độn căn, phát hoằng chính nguyện tự cầu giải thoát, tu chán lìa, ham thích giải thoát, lấy Thanh Văn tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành, được hết tận cùng khổ. Phải biết trong đây lấy chủng tính căn, nguyện cảnh giới ý lạc, hành quả sai biệt, gọi là Thanh Văn thừa. Đối lại với Độc Giác, Bồ-tát căn tính, gọi đây là độn. Nếu không như vậy, tức nói trái với các bậc lợi căn tùy pháp hành v.v...

Độc Giác thừa Bồ-đặc-già-la, là trụ pháp tính Độc Giác, hoặc tịnh tính hoặc bất định tính, là trung căn, phát hoằng chính nguyện tự cầu giải thoát, tu chán lìa, ham thích giải thoát và tu độc chứng Bồ-đề, ý lạc tức Thanh Văn tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành, hoặc trước chưa khởi thuận quyết trạch phần, hoặc trước đã khởi thuận quyết trạch phần, hoặc trước chưa đắc quả, hoặc trước đã đắc quả, sinh ra trong đời không có Phật, chỉ nội tư duy Thánh đạo hiện tiền, hoặc như lân giác độc trụ, hoặc độc thắng bộ hành, được hết tận cùng khổ. Nếu trước chưa khởi thuận quyết trạch phần cũng không đắc quả, như vậy mới thành lân giác độc trụ, ngoài ra đều thành độc thắng bộ hành.

Đại thừa Bồ-đặc-già-la, là trụ pháp tính Bồ-tát, hoặc định tính hoặc bất định tính, là lợi căn, vì cầu giải thoát tất cả hữu tình, phát hoằng đại nguyện, tu vô trụ xứ Niết-bàn, ý lạc lấy Bồ-tát tạng làm cảnh sở duyên, tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành, thành thực chúng sinh, tu tịnh Phật độ, được thụ đại ký chứng thành vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Được thụ đại ký, nghĩa là trụ Bồ-tát địa thứ 8 chứng đắc vô sinh pháp nhẫn.

Chưa đủ tư lương Bồ-đặc-già-la, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, phát khởi nguyện phẩm thanh tín thắng giải, thành tựu nguyện phẩm thuận giải thoát phần khi chưa quyết định sinh.

Đã đủ chưa đủ tư lương Bồ-đặc-già-la, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, phát khởi trung phẩm thanh tín thắng giải, thành tựu trung phẩm thuận giải thoát phần, đã quyết định khi sinh.

Đã đủ tư lương Bồ-đặc-già-la, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, phát khởi thượng phẩm thanh tín thắng giải, thành tựu thượng phẩm thuận giải thoát phần, chính đây là lúc sinh.

Lại chưa đủ tư lương, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, trong các để thành tựu hạ phẩm để sát pháp nhẫn, thành tựu hạ phẩm thuận quyết trạch phần, chưa quyết định khi sinh.

Đã đủ chưa đủ tư lương, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, trong các để thành tựu trung phẩm để sát pháp nhẫn, thành tựu trung phẩm thuận quyết trạch phần, đã quyết định khi sinh.

Đã đủ tư lương, là duyên pháp để tăng thượng làm cảnh, trong các để thành tựu thượng phẩm để sát pháp nhẫn, thành tựu thượng phẩm thuận quyết trạch phần, chính là lúc sinh.

Như vậy 3 thứ Bồ-đặc-già-la do thành tựu thuận giải thoát phần. Thuận quyết trạch phần đều có 3 phẩm nên có thể dẫn sinh quyết trạch phần và để hiện quán theo thứ tự chưa định, đã định và lúc sinh.

Trong pháp đế tăng thượng, thanh tín thắng tướng là thuận giải thoát phần. Tức ở trong pháp này, để sát pháp nhãn tướng là thuận quyết trạch phần. Theo như thứ tự là tín tăng thượng, tuệ tăng thượng. Trong đây 3 phẩm thuận quyết trạch phần là trừ thể đệ nhất pháp. Bởi tính của thể đệ nhất pháp là chỉ một sát-na quyết không liên tục. Tức ngay khi sinh chắc chắn nhập hiện quán chứ không phải của vị trước. Từ hạ trung phẩm, thuận giải thoát phần, thuận quyết trạch phần có nghĩa là có thể thoái lui. Đây chỉ thoái hiện hành, chẳng phải thoái tập khí. Đã y vào Niết-bàn trước khởi thiện căn rồi thì không khởi mới nữa. Y vào hạ phẩm thuận giải thoát phần thiện căn đây, Bạc-già-phạm nói: Nếu có đủ chính kiến thể gian tăng thượng phẩm thì dầu trải qua ngàn đời cũng không đọa ác thú.

Lại có 4 thứ thuận giải thoát phần: 1. Nương tựa thuận giải thoát phần. 2. Thắng giải thuận giải thoát phần. 3. Ái lạc thuận giải thoát phần. 4. Hướng đến chứng thuận giải thoát phần. Từ ý muốn thiện pháp cho đến vì cầu giải thoát có các thiện căn đều gọi là nương tựa thuận giải thoát phần. Giáo pháp tương ưng với kia, có thắng giải đều hành thiện căn, đó gọi là thắng giải thuận giải thoát phần. Duyên cảnh giải thoát tác ý liên tục cùng thanh tịnh hỷ có các thiện căn, gọi là ái lạc thuận giải thoát phần. Ngay ở đời này quyết định phát khởi thuận quyết trạch phần có các thiện căn, gọi là hướng đến chứng thuận giải thoát phần.

Lại có 6 thứ thuận quyết trạch phần. Đó là tùy thuận quyết trạch phần, thắng tiến thuận quyết trạch phần, thông đạt thuận quyết trạch phần, dư chuyển thuận quyết trạch phần, nhất sinh thuận quyết trạch phần, nhất tọa thuận quyết trạch phần. Nếu đầu tiên khởi duyên để cảnh, hành hạ phẩm thiện căn, gọi là tùy thuận quyết trạch phần. Ngay nơi thiện căn này chuyển thành trung phẩm, gọi là thắng tiến thuận quyết trạch phần. Trông vào hạ phẩm trước là tăng thắng cho nên thiện căn này tăng đến thượng phẩm. Ở trong đời này quyết định

kham năng thông đạt đế lý, gọi là thông đạt thuận quyết trạch phần. Lại ngay trong vị này, bất định chủng tính là hồi hướng tối thắng Bồ-đề, và các Độc Giác vì cầu vô sư tự chứng Bồ-đề, chuyển đến các đời khác, đó gọi là dư chuyển thuận quyết trạch phần. Nếu ở trong đời này quyết định có thể thông đạt, đó gọi là nhất sinh thuận quyết trạch phần. Nếu ở ngay trong định có thể thông đạt, đó gọi là nhất tọa thuận quyết trạch phần.

Tùy tín hành Bồ-đặc-già-la, là tùy tín hành đã đến quả vị. Kiến chí Bồ-đặc-già-la, là tùy pháp hành đã đến quả vị. Thân chứng Bồ-đặc-già-la, là các hữu học đã chứng đắc đủ 8 giải thoát định. Tức quả bất hoàn, gọi là thân chứng. Do thân thân chứng được 8 giải thoát định nên cụ túc trụ. Tám giải thoát là có sắc quán các sắc v.v... sau sẽ nói rộng.

Tuệ giải thoát Bồ-đặc-già-la, là đã hết các lậu nhưng chưa chứng đủ 8 giải thoát định, chỉ cứu cánh đoạn tuệ vì sở đối trị phiền não chướng.

Câu phân giải thoát Bồ-đặc-già-la, là đã đoạn các lậu và chứng đủ 8 giải thoát định, do phiền não chướng phần và định chướng phần đều được giải thoát.

Dự lưu quả hướng Bồ-đặc-già-la, là trụ thuận quyết trạch phần vị và trụ kiến đạo 15 tâm sát-na vị. Trong đây ý nói ban đầu từ nhất tọa thuận quyết trạch phần cho đến chưa được sơ quả đều gọi là dự lưu quả hướng.

Dự lưu quả Bồ-đặc-già-la, là trụ kiến đạo thứ 16 tâm sát-na vị. Tức kiến đạo này cũng gọi nhập chính tính quyết định, cũng gọi ở trong pháp hiện quán.

Hỏi: Ai là người được sơ quả ở kiến đạo tâm vị sau cùng ?

Đáp: Nếu người ở Dục giới chưa lìa dục, sau nhập chính tính quyết định được quả dự lưu. Nghĩa là tuân tự tuy lìa dục được một

phần ít, cũng gọi là chưa lia đục. Người ấy sau nhập chính tính quyết định, đến tâm vị thứ 16 được quả dự lưu. Nếu người lia đục hơn nữa, sau nhập chính tính quyết định được quả nhất lai. Nghĩa là trước dùng thể gian đạo đã đoạn Dục giới tu đạo sở đoạn 6 phẩm phiền não, gọi là bội ly đục. Người ấy sau nhập chính tính quyết định, đến tâm vị thứ 16 được quả nhất lai. Nếu người đã lia đục, sau nhập chính tính quyết định được quả bất hoàn. Nghĩa là trước dùng thể tục đạo đã đoạn Dục giới tu đạo sở đoạn 9 phẩm phiền não, gọi là đã lia đục. Người này sau nhập chính tính quyết định đến tâm vị thứ 16 được quả bất hoàn.

Hỏi: Nếu đã vĩnh đoạn tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn được quả dự lưu, vì sao chỉ nói vĩnh đoạn 3 kết được quả dự lưu?

Đáp: Vì nằm trong tối thắng. Do 3 thứ chướng giải thoát đây được coi là thù thắng hơn cả. Sở dĩ vì sao? Vì đối với giải thoát không phát nhân hướng đến. Tuy đã phát nhân hướng đến lại bị nhân của tà xuất ly và nhân của bất chính xuất ly. Do Tát-ca-da kiến, chấp 5 thủ uẩn làm ngã ngã sở, sinh ái lạc sâu sắc, nên đối với đại khổ tụ không sinh chán bỏ, đối với thắng giải thoát không phát tâm hướng đến. Hoặc có chúng sinh tuy đã phát tâm hướng đến giải thoát, nhưng do giới cấm thủ và nghi, thiên chấp tà đạo nghi ngờ chính đạo, nên đi theo tà xuất ly và bất chính xuất ly.

Lại 3 kết này là nhân của mê cảnh sở tri, nhân của mê kiến, nhân của mê đối trị. Sở dĩ vì sao? Do Tát-ca-da kiến mê cảnh sở tri, đối với đại khổ tụ, hư vọng tăng ích tướng ngã ngã sở. Do giới cấm thủ mê năng tri kiến, đối với điên đảo kiến cho là nhân của thanh tịnh xuất ly. Do nghi mê chính đối trị, không quyết định đối với Tam Bảo.

Nhất lai quả hướng Bồ-đặc-già-la, là ở trong tu đạo đã đoạn Dục giới 5 phẩm phiền não an trụ đạo ấy. Sở dĩ vì sao? Do sau khi kiến đạo đã đoạn Dục giới cho đến trung trung phẩm phiền não và trụ nơi đạo đoạn ấy.

Nhất lai quả Bồ-đặc-già-la, là ở trong tu đạo đã đoạn Dục giới phẩm phiền não thứ 6 an trụ đạo ấy. Sở dĩ vì sao? Do đã vĩnh đoạn trung nguyện phẩm phiền não đoạn đạo cứu cánh kiến lập đây.

Bất hoàn quả hướng Bồ-đặc-già-la, là ở trong tu đạo đã đoạn Dục giới phẩm phiền não thứ 7 thứ 8 an trụ đạo ấy. Sở dĩ vì sao? Do sau quả nhất lai đã đoạn Dục giới nguyện thượng nguyện trung phẩm phiền não và trụ nơi đoạn đạo ấy kiến lập đây.

Bất hoàn quả Bồ-đặc-già-la, là ở trong tu đạo đã đoạn Dục giới phẩm phiền não thứ 9 an trụ đạo ấy. Sở dĩ vì sao? Do kia vĩnh đoạn Dục giới nguyện nguyện phẩm phiền não đoạn đạo cứu cánh kiến lập đây.

Hỏi: Nếu đã vĩnh đoạn tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, và đã vĩnh đoạn tất cả phiền não Dục giới tu đạo sở đoạn được quả bất hoàn, vì sao chỉ nói vĩnh đoạn 5 thuận hạ phần kết được quả bất hoàn?

Đáp: Vì nằm trong tối thắng. Sao gọi là tối thắng? Do 5 kết này có thể làm thắng nhân của hạ thú hạ giới, nên gọi là tối thắng. Sở dĩ vì sao? Hạ thú là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Hạ giới là Dục giới. Bởi Tát-ca-da kiến, giới cấm thủ, nghi, là tối thắng nhân khiến các hữu tình không vượt khỏi hạ thú. Bởi tham dục, sân nhuế là tối thắng nhân khiến các hữu tình vượt xuống hạ giới.

A-la-hán quả hướng Bồ-đặc-già-la, là đã vĩnh đoạn Hữu đĩnh 8 phẩm phiền não an trụ đạo ấy.

A-la-hán quả Bồ-đặc-già-la, là đã vĩnh đoạn Hữu đĩnh phẩm phiền não thứ 9 an trụ cứu cánh đạo ấy.

Hỏi: Nếu A-la-hán vĩnh đoạn 3 cõi tất cả phiền não, vì sao chỉ nói vĩnh đoạn tất cả 5 thuận thượng phẩm kết được quả A-la-hán?

Đáp: Vì nằm trong tối thắng. Sao gọi là tối thắng? Do 5 kết đây là lấy nhân thượng phần, và không bỏ nhân thượng phần nên gọi là tối thắng. Sở dĩ vì sao? Do Sắc, Vô sắc ái thủ Dục giới sinh lên Sắc

, Vô sắc giới, do trạo, mạn, vô minh không bỏ đây mà sinh lên trên, nên vì ái, mạn, nghi thương tĩnh lự bị chúng não loạn.

Cực thất phản hữu Bồ-đặc-già-la, là dự lưu qua lại thụ thân trong cõi trời cõi người cùng cực đến 7 lần mới được hết khổ.

Gia gia Bồ-đặc-già-la, là dự lưu hoặc sinh trong cõi trời cõi người từ nhà này đến nhà kia mới được hết khổ. Sở dĩ vì sao? Là từ dự lưu quả tiến đến nhất lai quả hướng, hoặc ở cõi trời hoặc ở cõi người, quyết định qua lại, cùng cực thụ 2 hữu mới Bát-niết-bàn.

Nhất gian Bồ-đặc-già-la, là nhất lai, hoặc ở cõi trời chỉ thụ một hữu được hết khổ. Sở dĩ vì sao? Vì nhất lai quả tiến đến bất hoàn quả hướng, hoặc ở cõi trời chỉ thụ một hữu thì Bát-niết-bàn. Chỉ có một khoản ngăn cho thụ một đời nên gọi là nhất gian.

Trung Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la, là sinh kết đã đoạn, khởi kết chưa đoạn. Hoặc trung hữu vừa khởi, Thánh đạo hiện tiền mà được hết khổ. Hoặc trung hữu khởi rồi, vừa phát sinh tư duy hướng đến sinh hữu thì Thánh đạo hiện tiền được hết khổ. Hoặc đã phát sinh tư duy hướng đến sinh hữu, nhưng chưa đến sinh hữu thì Thánh đạo hiện tiền mà được hết khổ. Trong đây hiện thị 3 thứ trung bát, do sức phiền não đưa đến sinh xứ, khiến hữu tình tương tục. Phiền não này đã hết, chỉ do sức tùy miên khiến sau khi mạng chung các uẩn tiếp tục khởi. Tùy miên này còn sót lại chưa hết, hoặc trung hữu vừa khởi, do sức quán tập Thánh đạo hiện tiền đoạn các tùy miên còn sót, ngay nơi vị này liền Bát-niết-bàn. Hoặc trung hữu khởi rồi, vừa phát khởi suy nghĩ đi đến sinh hữu thì Thánh đạo hiện tiền đoạn các tùy miên còn sót mà nhập Bát-niết-bàn. Hoặc tư duy đã đi đến nơi sinh hữu nhưng chưa được sinh hữu thì Thánh đạo hiện tiền đoạn các tùy miên còn sót mà nhập Bát-niết-bàn. Như vậy 3 thứ trông vào nơi sinh hữu, hoặc chưa phát, hoặc vừa mới phát, hoặc đã đi xa, kiến lập các vị sai biệt theo Kinh Thất Thiện Trượng Phu Thú.

Sinh Bát-niết-ban Bồ-đặc-già-la, là 2 kết đều chưa đoạn, vừa sinh Sắc giới rồi, thì Thánh đạo hiện tiền được hết khổ.

Vô hành Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la, là sinh nơi kia rồi không do gia hành Thánh đạo hiện tiền được hết khổ. Không do gia hành, nghĩa là do sức quán tập đời trước, vô công dụng Thánh đạo tự nhiên hiện tiền.

Hữu hành Bát-niết-bàn Bồ-đặc-già-la, là sinh nơi kia rồi, do sức gia hành Thánh đạo hiện tiền được hết khổ. Do gia hành tức khác với trên.

Thượng lưu Bồ-đặc-già-la, là ở Sắc giới địa, trong địa đều thụ sinh rồi cho đến sau cùng nhập Sắc cứu cánh, ở đó vô lậu Thánh đạo hiện tiền được hết khổ. Lại có trường hợp đi đến Hữu đỉnh Thánh đạo hiện tiền được hết khổ. Trong đây hiển thị 2 thứ thượng lưu: 1. Cực chí Sắc cứu cánh. 2. Cực chí Hữu đỉnh. Cực chí Sắc cứu cánh, là Bồ-đặc-già-la nhiều ái vị. Do sinh khởi nhiều ái vị sai biệt đối với tính lự như duyên v.v... nên trước tiên từ trời Phạm chúng cho đến Sắc cứu cánh. Trong tất cả các nơi lần lượt mỗi nơi thụ sinh một đời, cho đến cuối cùng nhập Sắc cứu cánh được Bát-niết-bàn. Cực chí Hữu đỉnh, nghĩa là không tạp tu đệ tứ tính lự, chỉ tránh Tịnh cư, rồi như trước lần lượt sinh tất cả mọi nơi, cho đến Hữu đỉnh mới Bát-niết-bàn. Lại nữa tạp tu đệ tứ tính lự có 5 phẩm sai biệt: 1. Hạ phẩm tu, 2. Trung phẩm tu, 3. Thượng phẩm tu, 4. Thượng thắng phẩm tu, 5. Thượng cực phẩm tu. Do 5 phẩm tạp tu ở tính lự thứ tư nên theo thứ tự đó sinh 5 cõi trời Tịnh cư.

Thoái pháp A-la-hán là độn căn tính. Hoặc du tán hoặc không du tán, hoặc tư duy hoặc không tư duy, đều có thể thoái lui mất hiện pháp lạc trụ. Tư duy là muốn hại tự thân. Không tư duy là không muốn hại tự thân. Thoái lui hiện pháp lạc trụ, là thoái lui các định thế gian tính lự.

Tư pháp A-la-hán là độn căn tính. Hoặc du tán hoặc không du tán, hoặc không tư duy tức có thể thoái mất hiện pháp lạc trụ. Nếu tư duy rồi có thể không thoái mất.

Hộ pháp A-la-hán là độn căn tính. Hoặc du tán liền có thể thoái mất hiện pháp lạc trụ. Hoặc không du tán tức có thể không thoái trụ.

Bất động A-la-hán là độn căn tính. Hoặc du tán hoặc không du tán đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ, cũng không thể luyện căn. Luyện căn, nghĩa là chuyên hạ độn căn thành thượng lợi căn. Vì thế cho nên không nói bất động pháp có thể luyện căn, vì tính của nó là lợi căn.

Kham đạt A-la-hán là độn căn tính. Hoặc du tán hoặc không du tán đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ, kham năng luyện căn.

Bất động pháp A-la-hán là lợi căn tính. Hoặc du tán hoặc không du tán đều có thể không thoái hiện pháp lạc trụ.

Dục giới dị sinh Bồ-đặc-già-la, là ở Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng không được Thánh pháp.

Dục giới hữu học Bồ-đặc-già-la, là ở Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng đã được Thánh pháp nhưng còn dư kết.

Dục giới vô học Bồ-đặc-già-la, là ở Dục giới hoặc sinh hoặc trưởng đã được Thánh pháp không còn dư kết. Giống như Dục giới có 3, Sắc Vô sắc giới cũng đều có 3 thứ như vậy theo tướng nên biết.

Dục, Sắc giới Bồ-tát, là với diệt ly Vô sắc giới sinh tĩnh lự tương ưng, trụ tĩnh lự lạc mà sinh Dục giới hoặc sinh Sắc giới.

Hỏi: Vì duyên gì Bồ-tát không sinh Vô sắc giới?

Đáp: Nếu đã chứng đắc tối thắng oai đức, Bồ-tát phạm tất cả nơi thụ sinh đều muốn lợi ích an lạc chúng sinh. Bởi Vô sắc giới không phải nơi thành thực chúng sinh.

Diệt ly Vô sắc giới sinh tĩnh lự, nghĩa là có thể khiến trừ các thắng định. Trụ tĩnh lự lạc, nghĩa là không thoái lui tĩnh lự. Do đây Bồ-tát khéo hồi chuyển, nên muốn thành thực chúng sinh được hóa độ mà hoặc sinh Dục giới hoặc sinh Sắc giới.

Dục giới Độc Giác, là khi không có Phật ra đời, sinh ở Dục giới tự nhiên chứng đắc Độc Giác Bồ-đề.

Bất tư nghị Như Lai, là ở Dục giới đầu tiên từ thị hiện an trụ nơi cung điện Diệu Bảo ở trời ĐỒ-sử-đa, cho đến thị hiện đại Bát-niết-bàn, thị hiện đại hạnh tất cả chư Phật Bồ-tát làm. Tất cả Bồ-tát làm, là từ thị hiện cung trời ĐỒ-sử-đa cho đến hiện đại thần biến, hàng phục ma quân. Chư Phật làm, là từ thị hiện thành đấng chính giác cho đến thị hiện đại Bát-niết-bàn.

Thắng giải hành Bồ-tát, là trụ trong thắng giải hành địa, thành tựu hạ trung thượng nhãn của Bồ-tát. Do an trụ chủng tính Bồ-tát, trước tiên từ sơ phát đại Bồ-đề nguyện cho đến chưa nhập cực hoan hỷ địa, chưa được xuất thế chân thật nội chứng, gọi là thắng giải hành Bồ-tát.

Tăng thượng ý lạc hành Bồ-tát, là các Bồ-tát ở trong 10 địa do đã chứng đắc xuất thế nội chứng thanh tịnh ý lạc.

Hữu tướng hành Bồ-tát, là các Bồ-tát trụ trong các địa cực hỷ, ly cấu, phát quang, diệm tuệ, cực nan thắng, hiện tiền. Do 6 địa này tuy không hỷ lạc nhưng bị các tướng xen tạp.

Vô tướng hành Bồ-tát, là các Bồ-tát trụ trong viễn hành địa. Do các Bồ-tát này hoặc làm công dụng cho đến tùy theo ý muốn có thể khiến các tướng không hiện hành.

Vô công dụng hành Bồ-tát, là các Bồ-tát trụ trong các địa bất động, thiện tuệ, pháp vân. Do các Bồ-tát này đã được thuần thực vô phân biệt trí.

Lại nữa như nói dự lưu Bồ-đặc-già-la, đây có 2 thứ: 1. Tiệm xuất ly, 2. Đốn xuất ly. Tiệm xuất ly, như trước đã nói rộng. Đốn xuất ly, là nhập đế hiện quán rồi y chỉ chưa đến định, phát xuất thế gian đạo mau chóng đoạn tất cả phiền não 3 cõi. Mỗi phẩm mỗi phẩm đoạn riêng biệt, chỉ lập 2 quả là quả dự lưu và quả A-la-hán. Mỗi phẩm mỗi phẩm đoạn riêng biệt, nghĩa là trước tiên mau chóng đoạn các thượng thượng phẩm tùy miên mà tu đạo phải đoạn trong Dục, Sắc và Vô sắc giới, như vậy cho đến nhuyển nhuyển phẩm. Đoạn mau chóng 3 cõi, là như kiến đạo sở đoạn, không như thế gian đạo, giới địa dần dần đoạn từng phẩm riêng biệt.

Nghĩa này lấy gì làm chứng? Như Kinh Chỉ Đoan nói: Những gì có sắc cho đến thức, hoặc quá khứ hoặc vị lai hoặc hiện tại, nói rộng cho đến hoặc xa hoặc gần, chung lại tất cả lược làm một phân, một nắm, một đồng, một nhóm, lược như vậy rồi nên quán tất cả đều vô thường, tất cả đều khổ, cho đến nói rộng. Y như vậy quán chỉ có thể kiến lập trước sau 2 quả. Do đây 2 quả theo thứ tự vĩnh đoạn tất cả phiền não kiến tu sở đoạn trong 3 cõi. Vì hiển thị vô dư nên không lập 2 quả thứ 2 thứ 3. Do 2 quả đây, người đã kiến đế chỉ đoạn Dục giới tu đạo sở đoạn, vì hiển thị hữu dư vô dư. Lại y như vậy, xuất ly mau chóng, là Như Lai trong Kinh Phân Biệt lập ngay dự lưu quả vô gián là A-la-hán quả. Các Bồ-đặc-già-la như vậy phân nhiều trong hiện pháp, hoặc khi lâm chung, khéo hoàn thành ý chỉ của Phật. Giả sử không thể làm xong, là vì do nguyện lực, tức là dùng nguyện lực sinh trở lại Dục giới, sinh ra đời không có Phật thì thành độc thắng quả. Giả sử không làm xong là vì chưa thể lia các dục vô dư. Liên dùng nguyện lực sinh Dục giới là vì người ấy có thể mau chóng chứng Bát-niết-bàn.

Kiến lập hiện quán lược có 10 thứ, là pháp hiện quán, nghĩa hiện quán, chân hiện quán, hậu hiện quán, bảo hiện quán, bất hành hiện quán, cứu cánh hiện quán, Thanh Văn hiện quán, Độc Giác hiện quán, Bồ-tát hiện quán.

Pháp hiện quán, nghĩa là đối với các đế trong pháp tăng thượng đã được thượng phẩm thanh tín thắng giải tùy tín mà hành. Sở dĩ vì sao? Do nơi các đế tăng thượng trong các pháp của khế kinh, là nghe âm thanh từ người khác mà tăng thượng sức duyên, đã được thuận giải thoát phần thiện căn sau cùng, gồm trong thượng phẩm thanh tín thắng giải. Vì được thanh tín thắng giải như vậy nên gọi là dùng pháp hiện quán hiện quán các đế.

Nghĩa hiện quán, nghĩa là nơi các đế trong pháp tăng thượng đã được thượng phẩm, trong đế sát pháp nhãn của các đế cảnh, nhãn này ở thuận quyết trạch phần vị. Sở dĩ vì sao? Tức như lý tác ý những điều nói trên, sức tăng thượng duyên đối với cảnh khổ đế v.v... đã được thuận quyết trạch phần thiện căn sau cùng thâm nhiếp trong thượng phẩm đế sát pháp nhãn. Đế sát pháp nhãn này do 3 thứ như lý tác ý hiển phát, nên lại thành 3 phẩm là thượng nhuuyến, thượng trung, và thượng thượng. Thượng nhuuyến, là nhuuyến vị khi sinh. Thượng trung, là đỉnh nhãn vị. Thượng thượng, là thể đệ nhất pháp.

Chân hiện quán, nghĩa là đã được kiến đạo 16 tâm sát-na vị, có các Thánh đạo. Lại ở trong kiến đạo được hiện quán biên, an lập đế thể tục trí. Do sức tăng thượng duyên của xuất thế trí nuôi lớn chủng tử kia, nên nói được trí này nhưng không hiện tiền. Bởi kiến đạo 16 tâm sát-na không gián đoạn, không cho hiện khởi tâm thế gian. Cho nên ở trong tu đạo vị thể tục trí này mới hiện tiền.

Hậu hiện quán, nghĩa là tất cả tu đạo. Do sau kiến đạo tất cả thế gian xuất thế gian đạo đều gọi là hậu hiện quán.

Bảo hiện quán, nghĩa là chứng tịnh đối với Phật, chứng tịnh đối với pháp, chứng tịnh đối với tăng. Do đệ tử của Phật đối với Tam Bảo đã được quyết định chứng thanh tịnh tín. Nghĩa là Bạc-già-phạm là bậc chân chính đẳng giác. Pháp Tì-nại-da là chân thiện diệu thuyết. Chúng đệ tử Phật là hàng chân tịnh hạnh.

Bất hành hiện quán, nghĩa là đã chứng đắc vô tác luật nghi, cho nên tuy ở học vị, mà nói ta nay đã hết đọa lạc ác thú địa ngục súc sinh nga quý, ta không thể tạo trở lại nghiệp ác thú, cảm ác thú dị thực. Đã được vô tác luật nghi, nghĩa là đã được Thánh sở ái giới, thâm nhiếp trong luật nghi. Do được đây rồi thì không cần phải thực hành đối trị địa ngục dị thực v.v... Bởi địa ngục v.v... đã vĩnh tận không hiện hành nữa, nên gọi bất hành hiện quán.

Cứu cánh hiện quán, là nói cứu cánh đạo trong đạo để. Nghĩa là đã dứt tất cả thô trọng rồi, được nhất thiết ly hệ đắc v.v...

Thanh Văn hiện quán, là như trước đã nói 7 thứ hiện quán. Vì nghe âm thanh từ người khác mà chứng đắc, nên gọi là Thanh Văn hiện quán.

Độc giác hiện quán, là như trước đã nói 7 thứ hiện quán, không do âm thanh từ người khác mà chứng đắc, nên gọi là Độc Giác hiện quán.

Bồ-tát hiện quán, là như trước đã nói trong 7 thứ hiện quán, khởi tu tập nhẫn mà không tác chứng. So với Thanh Văn Độc Giác có được phương tiện điều phục thiện xảo, có lòng thương yêu chúng sinh, không ở hạ thừa mà xuất ly, mà ở trong Bồ-tát cực hỷ địa, nhập các chính tính quyết định của Bồ-tát. Đó gọi là Bồ-tát hiện quán.

Đã nói xong hiện quán, nay sẽ nói đến sai biệt.

Hỏi: Hiện quán của Thanh Văn và Bồ-tát có gì sai biệt?

Đáp: Lược có 11 thứ, là cảnh giới sai biệt, nhiệm trì sai biệt, thông đạt sai biệt, thệ nguyện sai biệt, xuất ly sai biệt, nhiếp thụ sai biệt, kiến lập sai biệt, quyền thuộc sai biệt, thắng sinh sai biệt, sinh sai biệt, và quả sai biệt.

Cảnh giới sai biệt, là duyên phương quảng Đại thừa làm cảnh. Nhiệm trì sai biệt, là mãn đại kiếp A-tăng-xí-da phúc trí tư lương

viên mãn. Thông đạt sai biệt, là do Bồ-đặc-già-la pháp vô ngã lý tăng thượng pháp, phương tiện dẫn xuất thế gian trí đều thông đạt 2 vô ngã. Thệ nguyện sai biệt, là có thể thông đạt tất cả hữu tình đều bình đẳng với mình, thệ nguyện làm lợi ích như tự thân mình vậy. Xuất ly sai biệt, là dựa vào 10 địa mà xuất ly. Nhiếp thụ sai biệt, là nhiếp thụ trong vô trụ Niết-bàn. Kiến lập sai biệt, là khéo tu trị các cõi Phật thanh tịnh. Quyến thuộc sai biệt, là nhiếp thụ tất cả chúng sinh được hóa độ làm quyến thuộc. Thắng sinh sai biệt, là như thế gian bụng mang đứa con, nối tiếp dòng giống của người cha khiến không đoạn tuyệt. Bồ-tát cũng nối thịnh giống Phật khiến không tuyệt dứt. Đó là tướng chân tử của Phật. Sinh sai biệt, là sinh trong đại tập hội của Như Lai. Quả sai biệt, là lại có 10 thứ như chuyển y sai biệt, công đức viên mãn sai biệt, 5 tướng sai biệt, 3 thân sai biệt, Niết-bàn sai biệt, chứng đắc hòa hợp trí dụng sai biệt, chứng thành tịnh sai biệt, hòa hợp tác nghiệp sai biệt, phương tiện thị hiện thành đẳng chính giác nhập Bát-niết-bàn sai biệt, và 5 thứ bạt tế sai biệt. Chuyển y sai biệt, nghĩa là vĩnh đoạn tất cả chủng tử sở y thô trọng, nhiễm hoặc không nhiễm, hằng chuyển tất cả công đức vô thượng sở y. Công đức viên mãn sai biệt, nghĩa là lực, vô úy, bất cộng Phật pháp v.v... vô biên công đức vĩnh viễn thành tựu viên mãn. Năm tướng sai biệt, nghĩa là thanh tịnh v.v... 5 tướng sai biệt: 1. Thanh tịnh sai biệt, nghĩa là vĩnh đoạn tất cả phiền não và tập khí. 2. Viên tịnh sai biệt, nghĩa là khắp tu trị cõi Phật thanh tịnh. 3. Thân sai biệt, nghĩa là pháp thân viên mãn. 4. Thụ dụng sai biệt, nghĩa là mọi lúc mọi nơi trong các đại tập hội, cùng chư Bồ-tát thụ dụng các thứ pháp lạc. 5. Nghiệp sai biệt, nghĩa là tùy chỗ thích ứng khởi các thứ biến hóa khắp 10 phương vô lượng vô biên thế giới làm các Phật sự. Ba thân sai biệt, là chứng đắc viên mãn tự tính thân, thụ dụng thân và biến hóa thân. Niết-bàn sai biệt, là ở nơi vô dư Niết-bàn giới vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình, tất cả công đức không đoạn tuyệt. Chứng đắc hòa hợp trí dụng sai biệt, là chứng đắc tối cực thanh tịnh pháp giới thuần một vị, nơi đó có thể y vào

tất cả thứ diệu trí dụng, công năng của mỗi mỗi Phật đều bình đẳng công năng tất cả Phật. Chương thanh tịnh sai biệt, là vĩnh đoạn tất cả phiền não chướng và sở tri chướng. Hòa hợp tác nghiệp sai biệt, là tác dụng hóa đạo mỗi mỗi hữu tình đều là sức tăng thượng của tất cả Phật. Phương tiện thị hiện thành đẳng chính giác nhập Niết-bàn sai biệt, là trong 10 phương thế giới tùy chỗ thích ứng, cho đến đời sau nhiều lần thị hiện thành chính giác v.v... khiến tất cả chúng sinh được hóa độ sẽ được thành thực giải thoát. Năm thứ bạt tế sai biệt, là cứu tế 5 thứ tai họa: 1. Cứu tế tai hoạn, nghĩa là khi Như Lai vào thành phố làng xóm khiến người mù được thấy người điếc được nghe v.v... 2. Cứu tế phi phương tiện, nghĩa là khiến được thế gian chính kiến xa lìa tất cả tà kiến ác kiến. 3. Cứu tế ác thú, nghĩa là khiến sinh kiến đạo vượt các ác thú. 4. Cứu tế Tát-ca-da, nghĩa là khiến chúng quả A-la-hán hằng thoát ly 3 cõi. 5. Cứu tế thừa, nghĩa là khiến các Bồ-tát không ham thích hạ thừa.

Hỏi: Như kinh nói 4 vô lượng, trong tối thắng công đức nhiếp thuộc hiện quán nào?

Đáp: Thuộc hậu hiện quán, cứu cánh hiện quán. Sở dĩ vì sao? Những công đức tối thắng như vậy, các đệ tử của Phật phát khởi, hoặc trong lúc tu đạo hoặc trong cứu cánh đạo, nên thuộc 2 hiện quán ấy. Hai hiện quán ấy sao gọi là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh nguyện trí, vô ngại giải, thần thông tương tùy, hiển thanh tịnh lực, vô úy, niệm trụ, bất hộ, vô vong thất pháp, vĩnh đoạn tập khí, đại bi, 18 bất cộng Phật pháp, nhất thiết chủng diệu trí? Các công đức như vậy Như Lai trong các kinh tùy theo chỗ thích ứng lược nêu các công đức này trong 5 môn. Đó là sở y, cảnh giới, hành tướng, tự thể, và trợ bạn.

Vô lượng, là 4 vô lượng: 1. Từ vô lượng, 2. Bi vô lượng, 3. hỷ vô lượng, 4. xả vô lượng. Thế nào là từ? Là y chỉ tĩnh lực ý lạc, tương ưng với cho vui các hữu tình, trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ

và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Trong đây hiển thị từ vô lượng lấy tĩnh lự làm sở y, hữu tình làm cảnh giới, nguyện cho vui làm hành tướng, định tuệ làm tự thể, tất cả công đức đều thâm nhiếp trong Xa-ma-tha, Ti-bát-xá-na, các tâm tâm pháp làm trợ bạn. Phải biết bi v.v... tất cả công đức tùy theo chỗ thích ứng cũng như vậy. Thế nào là bi? Là ý lạc làm cho các hữu tình lìa khổ, trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói, vì sở y, tự thể, trợ bạn tương tự với từ. Thế nào là hỷ? Là ý lạc làm cho hữu tình không lìa vui, trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Thế nào là xả? Là y chỉ tĩnh lự, ý lạc làm lợi ích hữu tình, trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Ý lạc lợi ích, nghĩa là tương ưng với cho vui v.v..., hữu tình xả bỏ ái v.v... tư duy như thế này: Phải khiến chúng giải thoát phiền não. Ý lạc như vậy gọi là xả hành tướng. Ý lạc lợi ích hành tướng viên mãn, gọi là trụ cụ túc.

Giải thoát, là 8 giải thoát, như kinh có nói rộng. Thế nào là hữu sắc quán các sắc giải thoát? Nghĩa là y chỉ tĩnh lự, trong là thấy các sắc tướng chưa đê bẹp, hoặc thấy các sắc tướng hiện an lập, quán thấy các sắc trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng, cho đến vì giải thoát biến hóa chướng. Hữu sắc, nghĩa là trong thân chưa dựa vào vô sắc định trừ dẹp các sắc tướng trông thấy, hoặc các sắc tướng trông thấy an lập hiện tiền. Quán các sắc, nghĩa là dùng ý giải quán thấy các sắc tốt xấu v.v... Giải thoát, nghĩa là có thể giải thoát tất cả biến hóa chướng.

Thế nào là trong vô sắc tướng quán ngoài các sắc giải thoát? Nghĩa là trong đã đê bẹp kiến giả sắc tướng, hoặc hiện an lập kiến giả vô sắc tướng. Quán sở kiến sắc trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Nội vô sắc tướng, nghĩa là ở trong nội thân đã dựa vào vô sắc định dẹp trừ kiến giả sắc tướng hoặc kiến giả vô sắc tướng, an lập hiện tiền. Nghĩa là thấy, là tướng hiện hành ra trước, ngoài ra như trước giải thích.

Thế nào là tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ? Nghĩa là ở trong các sắc tịnh bất tịnh đã được lần lượt tướng chờ đợi nhau, lần lượt tướng nhập vào nhau, lần lượt tướng là một mùi vị, cho nên trong chúng đã được trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Cho đến để giải thoát tịnh bất tịnh biến hóa phiền não sinh khởi chướng, trong đây hiển thị các sắc trong tịnh bất tịnh dựa vào tướng lần lượt chờ đợi nhau, tướng lần lượt nhập vào nhau, tướng lần lượt thành một mùi vị. Sở dĩ vì sao? Đợi các tịnh sắc thì trong các sắc khác gọi là bất tịnh. Đợi các sắc bất tịnh thì trong các sắc khác cho là thanh tịnh. Chẳng phải là không đợi nhau. Bởi vì sao? Vì khi chỉ thấy một loại thì không có cái biết là tịnh hay bất tịnh. Lại nữa ở trong tịnh có tính bất tịnh theo vào. Ở trong bất tịnh có tính tịnh theo vào. Bởi vì sao? Nơi lớp da mỏng che đậy thì đều gọi là tịnh, mà trong hiện có tóc lông v.v... 36 thứ bất tịnh vật. Như vậy lần lượt hợp chung tất cả sắc làm một vị thanh tịnh tướng. Hiểu như vậy rồi thì được cái sắc tùy thích muốn. Người giải thoát tự tại là người có thể đoạn tịnh bất tịnh sắc, biến hóa chướng và phiền não sinh khởi chướng trong đó. Những gì gọi là trong phiền não biến hóa? Là trong tịnh sắc biến hóa gia hành công dụng khác với bất tịnh sắc biến hóa.

Thế nào là vô biên hư không xứ giải thoát? Nghĩa là trong tùy thuận giải thoát vô biên hư không xứ, trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Giống như vô biên hư không xứ giải thoát, vô biên thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát cũng vậy. Cho đến là giải thoát tịch tĩnh, giải thoát vô trệ ngại chướng, như vậy 4 thứ nếu đệ tử Phật có thể thuận được vô lậu, là tính thanh tịnh, mới gọi là giải thoát, vì giải thoát ái vị. Tịch tĩnh giải thoát, là vượt quá sự thanh tịnh trong Sắc, Vô sắc, gọi là không trệ ngại. Đắm trước vị vô sắc là chướng này.

Thế nào là tướng thụ diệt giải thoát? Là cái giải thoát dựa vào phi tướng phi phi tướng xứ. Siêu quá các tịch tĩnh giải thoát, trụ nơi

tựa như chân giải thoát, trong cụ túc trụ tâm tâm pháp diệt, là giải thoát tướng thụ diệt chướng. Đây hiển thị tướng thụ diệt giải thoát, lấy phi tướng phi phi tướng xứ làm sở y. Vì không có cảnh giới, hành tướng, trợ bạn, lấy tâm tâm pháp diệt làm tự thể. Lại cái giải thoát này tựa như chân giải thoát, viên mãn làm tính, bởi đệ tử Phật do xuất thể gian đạo đã được chuyển y, các tâm tâm pháp tạm thời không hiện khởi, trong vị này cực kỳ tịch tĩnh, nhiễm ô ý không hiện hành.

Tám giải thoát này cũng gọi là Thánh trụ, vì là chỗ trụ của các thánh giả. Nhưng các thánh giả đa phần y vào 2 nơi trụ, đó là thứ 3 và thứ 8 vì tối thắng. Cho nên trong kinh nói 2 giải thoát này là hữu thân tác chứng cụ túc trụ, không phải những cái khác. Do 2 thứ này, theo thứ tự hữu sắc vô sắc giải thoát, chướng đoạn không sót, được viên mãn chuyển y, nên gọi là tối thắng.

Thắng xứ, là 8 thắng xứ, như kinh có nói rộng. Bốn thắng xứ trước do 2 giải thoát kiến lập. Bốn thắng xứ sau do 1 giải thoát kiến lập, vì do từ kia lưu xuất ra. Sở dĩ vì sao? Nghĩa là do nội sắc tướng quán ngoại sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn, đối với các sắc ấy thắng tri thắng kiến, được tướng như thật, đó là sơ thắng xứ. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, hoặc tốt hoặc xấu, nói rộng cho đến được tướng như thật, là thắng xứ thứ hai. Hai thắng xứ này từ hữu sắc quán các sắc giải thoát phát xuất. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc ít, nói rộng cho đến được tướng như thật, là thắng xứ thứ ba. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, nói rộng cho đến được tướng như thật, là thắng xứ thứ tư. Cho nên 4 thắng xứ trước do 2 giải thoát kiến lập. Nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc, nếu xanh xanh hiển xanh hiện ánh sáng xanh giống như hoa Ô-mạc-ca, hoặc như Bà-la-nại-tư nhuộm áo xanh thắm. Nếu xanh xanh hiển xanh hiện ánh sáng xanh, như vậy nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc nếu xanh cho đến ánh sáng xanh cũng vậy đối với các sắc kia thắng tri thắng kiến được tướng như thật, là thắng xứ thứ năm. Nội vô sắc

tướng quán ngoại các sắc, nếu vàng cho đến ánh sáng vàng giống như hoa Yết-ni-ca, hoặc như Bà-la-nại-tư nhuộm áo vàng thắm. Nếu vàng nói rộng cho đến được tướng như thật, là thắng xứ thứ sáu. Nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc, nếu đỏ cho đến ánh sáng đỏ giống như hoa Bát-đậu-thời-phước-ca, hoặc như Bà-la-nại-tư nhuộm áo đỏ thắm. Nếu đỏ nói rộng cho đến được tướng như thật, là thắng xứ thứ bảy. Nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc, nếu trắng trắng hiển trắng hiện ánh sáng trắng, giống như sắc ngôi sao Ô-sa-tư, hoặc như Bà-la-nại-tư áo cực kỳ trắng. Nếu trắng trắng hiển trắng hiện ánh sáng trắng, như vậy nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc nếu trắng trắng hiển trắng hiện ánh sáng trắng cũng vậy. Đối với các sắc kia thắng tri thắng kiến được tướng như thật, là thắng xứ thứ tám. Như vậy 4 thắng xứ từ tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ phát xuất. Trong đây giải thoát là ý giải sở duyên, thắng xứ là thắng phục sở duyên, ít nhiều v.v... cảnh tùy ý tự tại hoặc khiến ẩn chìm hoặc tùy ý chuyển. Ít sắc, là sắc của hữu tình số, vì lượng của nó ít. Nhiều sắc, là không phải sắc của hữu tình số, như nhà cửa, rừng rú, đất đai, núi non v.v... lượng của nó rất lớn. Sắc tốt sắc xấu, gồm trong sắc tịnh bất tịnh. Sắc kém sắc hơn, như người, như trời tùy theo thứ tự đối với các sắc kia, thắng thì tự tại chuyển. Biết, là do Xa-ma-tha đạo. Thấy, là do Tì-bát-xá-na đạo. Được tướng như thật, là ở trong đã thắng chưa thắng không có tướng tăng thượng mạn. Nếu xanh, là câu nói chung, xanh hiển là xanh câu sinh, xanh hiện là xanh hòa hợp. Ánh sáng xanh, là 2 cái kia phóng ra ánh sáng xanh sạch đẹp. Giống như xanh, nói rộng ra vàng, đỏ, trắng cũng vậy. Ở một chỗ nói 2 thí dụ là hiển câu sinh hòa hợp 2 hiển sắc. Nghĩa là nếu xanh là nêu chung hoa và áo 2 xanh. Xanh hiển, là dựa vào hoa xanh mà nói, vì câu sinh. Xanh hiện, là dựa vào áo xanh mà nói, vì hòa hợp mới thành. Ánh sáng xanh, là dựa vào 2 thứ mà nói, vì 2 thứ ấy đều có ánh sáng sạch đẹp. Như vậy trong 2 thí dụ nếu xanh xanh hiển v.v... câu chung, câu giải thích, như tướng phải biết. Giống như xanh, vàng v.v... cũng vậy, ngoài

ra như được nói trong giải thoát. Những gì là ngoài ra? Nghĩa là nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc v.v..., như hữu sắc quán các sắc v.v... nên giải thích tùy theo tướng. Đã nói xong thắng xứ, cảnh giới của thắng sở duyên.

Biển xứ, nghĩa là trong biển mãn cụ túc hoặc định hoặc tuệ và tâm tâm pháp tương ứng với chúng, gọi là biển xứ. Biển mãn, là lượng của nó rộng lớn phổ biến vô biên. Đây lại có 10 thứ, là địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng, vô biên không xứ, vô biên thức xứ đều biển khắp.

Hỏi: Vì sao trong biển xứ kiến lập địa v.v...?

Đáp: Vì biển xứ này quán sắc năng y sở y đều biển khắp, cho nên nếu trong đây không kiến lập địa v.v... thì biển xứ liền là đại chủng sở y, nên cũng không thể quán xanh v.v... sở tạo sắc làm tướng biển mãn. Vì vậy để quán sở y năng y đều biển mãn, nên kiến lập địa v.v..., ngoài ra tùy chỗ thích ứng như nói trong giải thoát, gọi là vô biên không xứ v.v...

Phải biết trong đây dựa vào giải thoát nên tạo tu, do thắng xứ nên khởi phương tiện, do biển xứ nên thành mãn. Nếu được thành mãn đối với chúng thì cứu cánh giải thoát.

HẾT QUYỂN 13

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỀN 14

Phẩm 3 – 2: PHẨM ĐẮC TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Lại nữa, vô tránh, nghĩa là y chỉ tinh lự đối với việc phòng hộ người khác mà phải khởi phiền não, thì trụ trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Sở dĩ vì sao? Người trụ vô tránh, là người muốn đi đến tất cả nơi nào hữu tình cần gặp, trước tiên ở nơi trụ xứ của mình dùng sức nguyện trí quán sát hữu tình kia là đối với ta sau này phiền não có hiện tiền chăng? Quán như vậy rồi, nếu biết đối với ta sau này sẽ xảy ra các phiền não như ái dục, giận ghét, xan tham, tật đố v.v... thì không đi đến, nếu sẽ không xảy ra thì đến, để có thể giúp người kia không khởi các phiền não tranh cãi, nên gọi là vô tránh.

Nguyện trí, nghĩa là y chỉ tinh lự đối với việc hiểu rõ sở tri nguyện trong cụ túc, hoặc định hoặc tuệ như trước đã nói. Sở dĩ vì sao? Vì người được nguyện trí là muốn hiểu rõ những điều cần phải hiểu biết trong 3 đời v.v... Trước tiên đối với những việc kia phát tâm chính nguyện, nguyện ta hiểu biết như thật như vậy như vậy, tiếp đến nhập tạng thượng tinh lự. Từ tinh lự đó khởi rồi, sở nguyện thành trụ, gọi là có thể hiểu rõ những gì cần hiểu biết.

Vô ngại giải, là có 4 vô ngại: 1. Pháp vô ngại giải, 2. Nghĩa vô ngại giải, 3. Huân từ vô ngại giải, 4. Biện tài vô ngại giải.

Pháp vô ngại giải, nghĩa là y chỉ tĩnh lự đối với tất cả pháp tên gọi sai biệt vô ngại, trong cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước đã nói. Tên gọi sai biệt nghĩa là y nơi vô minh v.v... đối với trong các tên sai biệt như vô trí, vô kiến, bất hiện quán v.v... vô ngại cụ túc hoặc định hoặc tuệ, cho đến nói rộng, gọi là pháp vô ngại giải.

Nghĩa vô ngại giải, nghĩa là đối với các tướng và trong ý thú vô ngại cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Tướng, nghĩa là các pháp tự tướng cộng tướng. Ý thú, nghĩa là nghĩa riêng v.v... Nếu ở trong đây thông đạt vô ngại cụ túc gọi là nghĩa vô ngại giải.

Huấn từ vô ngại giải, nghĩa là đối với các ngôn ngữ địa phương và các ngôn từ giải thích các pháp, vô ngại cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Các ngôn ngữ địa phương, nghĩa là vô lượng quốc gia thành ấp địa phương tùy theo ý tưởng của mình phát khởi các thứ ngôn ngữ khác biệt để giải thích các pháp. Ngôn từ, nghĩa là cái gì có thể phá hoại gọi là thế gian, cái gì có thể biến đổi hư nát gọi là sắc v.v... đại loại như vậy, nếu trong đó thông đạt vô ngại gọi là huấn từ vô ngại giải.

Biện tài vô ngại giải, nghĩa là đối với các pháp sai biệt vô ngại cụ túc hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Các pháp sai biệt, nghĩa là thật hữu, giả hữu, thế tục hữu, thắng nghĩa hữu v.v... nếu trong đó thông đạt vô ngại gọi là biện tài vô ngại.

Thần thông, nghĩa là 6 thần thông: 1. Thần cảnh thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Tâm sai biệt thông, 4. Túc trụ tùy niệm thông, 5. Tử sinh thông, 6. Lộ tận thông. Thần cảnh thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự đối với các thứ oai đức thần biến cụ túc hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Đầy đủ các oai đức thần biến, nghĩa là biến một thành nhiều v.v...đầy đủ các thứ thần biến tự tại.

Thiên nhĩ thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự đối với các thứ âm thanh được nghe, đầy đủ oai đức hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Các thứ tiếng, nghĩa là tiếng người, trời v.v...

Tâm sai biệt thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự đối với việc nhập vào tâm hành sai biệt của các hữu tình khác đầy đủ oai đức hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Vào trong tâm hành sai biệt của các hữu tình khác, nghĩa là biết như thật có tham v.v... các tâm hành sai biệt.

Túc trụ tùy niệm thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự trong tùy niệm đời trước đã làm oai đức đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Tùy niệm đời trước đã làm, nghĩa là tùy nghĩ nhớ quá khứ đời trước như tên mình dòng dõi v.v... các việc sai biệt.

Tử sinh thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự trong quán hữu tình tử sinh sai biệt oai đức đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Quán các hữu tình tử sinh sai biệt, nghĩa là dùng thiên nhãn quán, quán các hữu tình các sắc tốt xấu khi chết khi sinh đời sau sẽ đi vào thiện thú hay ác thú khác nhau.

Lậu tận thông, nghĩa là y chỉ tĩnh lự, trong lậu tận trí oai đức đầy đủ hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Lậu tận trí, nghĩa là do trí này thông đạt tất cả phương tiện lậu tận, và các oai đức lậu tận đầy đủ là trí này thành tựu viên mãn.

Tướng tùy hảo, nghĩa là y chỉ tĩnh lự trong tướng tùy hảo trang nghiêm sở y, thị hiện đầy đủ hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng, và khởi quả dị thực. Sở dĩ vì sao? Vì Phật Thế Tôn do sức tăng thượng của định và tuệ, để hóa độ các hữu tình nên thị hiện 32 tướng đại trượng phu và 80 tướng tùy hảo trang nghiêm sắc thân. Nhưng Phật Thế Tôn chẳng phải là những tự thể đó mà do pháp thân sở hiển. Nếu các Bồ-tát có thể thị hiện được như vậy thì phải biết tự tính của chúng là định tuệ. Nếu ngoài ra trong đại tập hội phát sinh thì lấy quả dị thực được sinh khởi làm tự tính.

Thanh tịnh, là 4 thanh tịnh: 1. Y chỉ thanh tịnh, 2. Cảnh giới thanh tịnh, 3. Tâm thanh tịnh, 4. Trí thanh tịnh. Bốn thứ như vậy tất cả tướng đều thanh tịnh. Chỉ có Phật Thế Tôn và các Bồ-tát Ma-ha-tát đã được đại thân thông mới có được. Y chỉ thanh tịnh, nghĩa là y chỉ tĩnh lự trong tùy ý muốn y chỉ thủ trụ xả đầy đủ hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng.. Thủ trụ xả đầy đủ, nghĩa là tùy ý muốn sinh tức liền có thể thủ. Đã sinh nơi kia rồi tùy theo ý muốn thọ bao lâu liền có thể lưu trú. Nếu muốn xả thọ mạng liền có thể xả, theo như thứ tự 3 thứ đầy đủ. Cảnh giới thanh tịnh, nghĩa là tùy theo ý muốn cảnh giới trí biến hóa đầy đủ hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Trí biến hóa đầy đủ, nghĩa là trước không nay có, như sắc v.v... gọi là chuyển hóa. Trước đã sinh sắc v.v... rồi khiến thành vàng, bạc v.v... gọi là biến. Ngộ tất cả tướng của cảnh sai biệt gọi là trí, như thứ tự 3 thứ đầy đủ. Tâm thanh tịnh, nghĩa là trong chỗ ý muốn Tam-ma-địa tự tại đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói, vì tùy ý muốn nên sát-na sát-na có thể nhập vô lượng Tam-ma-địa sai biệt. Trí thanh tịnh, nghĩa là y chỉ tĩnh lự, tùy theo ý muốn Đà-la-ni môn tự nhiên đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Đà-la-ni môn tự nhiên đầy đủ, nghĩa là trong 42 chữ, tùy tư duy 1 chữ, lấy đó làm trước, liền có thể chứng được tất cả pháp sai biệt danh ngôn một cách khéo léo.

Lực, nghĩa là 10 lực của Như Lai: 1. Xứ phi xứ trí lực, 2. Tự nghiệp trí lực, 3. Tĩnh lự giải thoát Tam-ma-

địa Tam-ma-bát để trí lực, 4. Căn thượng hạ trí lực, 5. Các thứ thắng giải trí lực, 6. Các thứ giới trí lực, 7. Biến thú hành trí lực, 8. Túc trụ tùy niệm trí lực, 9. Tử sinh trí lực, 10. Lậu tận trí lực.

Xứ phi xứ trí lực, nghĩa là y chỉ tĩnh lự trong tất cả xứ phi xứ trí đầy đủ hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Tất cả xứ phi xứ trí đầy đủ, nghĩa là trong tất cả thứ nhân phi nhân trí, trong hiện hành vô trước vô ngại, có các Tam-ma-địa v.v...

Tự nghiệp trí lực, nghĩa là trong tất cả tự nghiệp trí đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Bởi trong tất cả tự nghiệp trong hiện hành vô trước vô ngại, có các Tam-ma-địa v.v... Như vậy ngoài ra các lực khác tùy chỗ thích ứng phải kiến lập đúng đắn thế nào là tùy chỗ thích ứng. Tĩnh lự giải thoát Tam-ma-địa Tam-ma-bát để trí lực, nghĩa là trong tất cả thứ tĩnh lự giải thoát, trí đẳng trì đẳng chí đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Do trong tất cả thứ tĩnh lự giải thoát trí đẳng trì đẳng chí trong hiện hành không chấp trước không trở ngại có Tam-ma-địa v.v... làm thế. Trí lực thượng hạ căn như vậy, nghĩa là trong tất cả căn thượng hạ trí trong hiện hành không chấp trước không trở ngại có các Tam-ma-địa. Các thứ giới trí lực, nghĩa là trong tất cả thứ giới trí sai biệt trong hiện hành không chấp trước không trở ngại có các Tam-ma-địa v.v... Biến thú hành trí lực, nghĩa là đối với tất cả thứ biến thú hành trí, trong hiện hành không đả trước không trở ngại, có các Tam-ma-địa v.v... Túc trụ tùy niệm trí lực, nghĩa là đối với tất cả thứ trí túc trụ tùy niệm, trong hiện hành không đả trước không trở ngại, có các Tam-ma-địa v.v... Tử sinh trí lực, nghĩa là đối với tất cả thứ trí tử sinh trong hiện hành không đả trước không trở ngại, có các Tam-ma-địa. Lậu tận trí lực, nghĩa là đối với tất cả thứ trí lậu tận trong hiện hành không đả trước không trở ngại, có các Tam-ma-địa v.v...

Vô úy, nghĩa là 4 thứ không sợ hãi: 1. Chính đẳng giác vô úy, 2. Lậu tận vô úy, 3. Chưống pháp vô úy, 4. Xuất khổ đạo vô úy.

Chính đẳng giác vô úy, nghĩa là y chỉ tĩnh lự, do tự lợi môn, đối với tất cả thứ cảnh giới sở tri, chính đẳng giác tự xưng đức hiệu, kiến lập đầy đủ hoặc định hoặc tuệ và tâm tâm pháp tương ứng với chúng. Như kinh nói: Ta là bậc chính đẳng giác. Dẫu trên thế gian có Sa-môn Bà-la-môn hoặc thiên ma phạm dựa theo pháp mà vấn nạn, hoặc khiến nghĩ nhớ mà nói rằng pháp ấy chẳng phải chính đẳng giác. Ta đối với sự kiện như thế chính kiến vô duyên, bởi sự kiện này là

không có chính kiến, nên trụ trong an ổn không sợ hãi, tự xưng ta là Đại tiên tôn vị, trong đại chúng cất tiếng rống của con sư tử, chuyên bán xe Đại phạm mà tất cả thế gian Sa-môn Bà-la-môn hoặc thiên ma phạm đều không thể chuyển nổi.

Lậu tận vô úy, nghĩa là y chỉ tĩnh lự, do tự lợi môn, đối với tất cả thứ lậu tận tự xưng đức hiệu, kiến lập đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Như kinh nói: Ta đã vĩnh viễn hết các lậu v.v..., nói rộng như trước.

Chượng pháp vô úy, nghĩa là y chỉ tĩnh lự, do lợi tha môn, đối với tất cả thứ nói pháp chượng ngại tự xưng đức hiệu, kiến lập đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Như kinh nói: Lại nữa ta vì các đệ tử nói pháp chượng ngại, nhiệm chắc chắn là chượng, cho đến nói rộng.

Xuất khổ đạo vô úy, nghĩa là y tĩnh lự, do lợi tha môn, đối với tất cả thứ nói pháp đạo xuất ly, tự xưng đức hiệu, kiến lập đầy đủ, hoặc định hoặc tuệ, ngoài ra như trước nói. Như kinh nói: Lại nữa, ta vì các đệ tử nói đạo xuất ly. Các Thánh tu tập chắc chắn xuất ly chắc chắn thông đạt. Dầu có thế gian Sa-môn Bà-la-môn hoặc thiên ma phạm, dựa vào pháp lập vắn nạn hoặc khiến nghĩ nhớ nói rằng tu đạo này chẳng phải chính xuất ly, chẳng phải chính hết khổ và chứng khổ biên. Đối với sự việc đó ta chính kiến vô duyên, cho đến nói rộng.

Như vậy 4 vô úy lược nói có 2, là tự lợi và lợi tha. Trước 2 là tự lợi, vì do trí đoạn sai biệt, sau 2 là lợi tha, do xa lìa pháp sở tri, tu tập pháp năng tri. Lấy chính đẳng giác vô úy, do nội trí tự lợi môn nói ta đối với tất cả thứ cảnh giới sở tri sai biệt đều chính đẳng giác cho đến tận cùng biên tế, đối với tất cả trước thế gian tự xưng đức hiệu, lập chính pháp đầy đủ không khó khăn, có các định tuệ cho đến nói rộng. Phải biết các vô úy khác cũng như vậy. Tất cả thứ lậu tận, nghĩa là đã vĩnh viễn hết các phiền não và tập khí. Tất cả thứ pháp chượng ngại,

nghĩa là tất cả pháp tạp nhiễm đối trị. Tất cả thứ đạo xuất ly, nghĩa là từ phương tiện đạo cho đến cứu cánh đạo.

Niệm trụ, là 3 bất cộng niệm trụ của Như Lai. Nghĩa là khi điều khiển đại chúng, đối với tất cả thứ phiền não hoàn toàn không hiện hành, hoặc định hoặc tuệ, rộng như trước nói. Những gì là 3 niệm trụ? Như nói: Đại sư thương xót tất cả, muốn cầu nghĩa lợi, khởi tâm đại bi, vì các đệ tử nói rõ pháp yếu, bảo các đệ tử, các ông phải biết, cái này được lợi ích, cái này được an lạc, cái này được lợi ích an lạc. Bây giờ nếu có các chúng đệ tử cung kính lắng nghe, nghe rồi tuân phụng theo lời dạy tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành. Như Lai đối với chúng không sinh hoan hỷ, tâm không biểu lộ mừng vui, chỉ khởi đại xả trụ niệm chính trị, tùy chỗ Thánh chúng phải tu tập mà dạy dỗ, đó gọi là không bỏ niệm trụ đầu tiên.

Lại nữa, Đại sư thương xót tất cả, muốn cầu nghĩa lợi khởi đại bi tâm, vì các đệ tử nói rõ pháp yếu, cho đến cái này có thể lợi ích an lạc. Bây giờ nếu có các chúng đệ tử không cung kính lắng nghe, cho đến không tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành. Như Lai đối với chúng không sinh giận không hờn không bỏ tâm bảo bọc, chỉ khởi đại xả, cho đến nói rộng, đó gọi là bất cộng niệm trụ thứ hai.

Lại nữa, Đại sư thương xót tất cả, muốn cầu nghĩa lợi khởi đại bi tâm, vì các đệ tử nói rõ pháp yếu, cho đến cái này có thể lợi ích an lạc. Bây giờ một số đệ tử cung kính lắng nghe, cho đến tinh tiến tu hành pháp tùy pháp hành. Như Lai đối với chúng không sinh hoan hỷ cho đến tâm không giận hờn, như vậy là niệm trụ thứ ba. Điều đó cho thấy rõ Đại sư điều khiển chúng tùy theo thứ tự, đối với tất cả thứ ái nhuế phiền não và tập khí hoàn toàn không hiện hành, có định tuệ v.v... làm thể.

Bất hộ, là 3 bất hộ. Nghĩa là khi Đại sư điều khiển chúng tùy theo ý muốn dạy dỗ có đầy đủ phương tiện giáo giới, hoặc định

hoặc tuệ cho đến nói rộng. Những gì là 3? Như kinh nói: Như Lai thân nghiệp thanh tịnh hiện hành không gì không thanh tịnh. Hiện hành thân nghiệp cần phải che giấu, nghĩa là chớ để người biết ta có ngữ nghiệp ý nghiệp hiện hành cũng vậy. Bởi Đại sư kia tâm không lo sợ, khéo điều khiển đại chúng được giáo hóa, tùy theo ý muốn tự nhiên có sức mạnh chiết phục nhiếp thụ, có đầy đủ phương tiện dạy dỗ.,

Không quên mất pháp, nghĩa là đối với tất cả thứ, tùy làm tùy nói đều ghi nhớ rõ ràng đầy đủ hoặc định hoặc tuệ, cho đến nói rộng. Trong đây cho thấy rõ y theo hóa sự môn, tùy theo chỗ làm v.v... niệm đầy đủ, có các Tam-ma-địa v.v..., đó là pháp không quên mất.

Vĩnh đoạn tập khí, nghĩa là nhất thiết trí là đối với cái gì phi nhất thiết trí làm ra thì hoàn toàn không hiện hành, hoặc định hoặc tuệ, cho đến nói rộng. Trong đây cho thấy nhất thiết trí đối với cái gì có thể biểu lộ hữu dư phiền não chướng sở tri chướng thân ngữ làm ra thì hoàn toàn không hiện hành, có các Tam-ma-địa v.v..., đó là vĩnh viễn đoạn trừ tập khí.

Đại bi, nghĩa là duyên cảnh khổ vô gián, trụ đầy đủ trong đại bi hoặc định hoặc tuệ, cho đến nói rộng. Trong đây nói rõ đối với duyên tất cả các thứ cảnh khổ vô gián của tất cả hữu tình trong 3 cõi, trụ đầy đủ trong đại bi có các Tam-ma-địa, đó gọi là đại bi.

Bất cộng Phật pháp, tức là 18 bất cộng Phật pháp. Đó là thế nào? Đó là ở trong bất cộng thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh đầy đủ, trong sở y và quả căn chưa được đầy đủ không thoái lui, trong bất cộng nghiệp hiện hành đầy đủ, trụ hoàn toàn trong bất cộng trí, hoặc định hoặc tuệ cho đến nói rộng. Những gì là 18? Như kinh nói: Như Lai không sai lầm, không có âm thanh thô tháo, không quên mất niệm, không có tâm bất định, không có các tướng, không gì không lựa bỏ, chí muốn không thoái lui, tinh tiến không thoái lui, niệm không thoái lui, định không thoái lui, tuệ không thoái lui, giải thoát không thoái

lui, tất cả thân nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyên, tất cả ngữ nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyên, tất cả ý nghiệp trí làm tiền đạo tùy theo trí mà chuyên, biết đời quá khứ không đấm trước không trở ngại, biết đời vị lai không đấm trước không trở ngại, biết đời hiện tại không đấm trước không trở ngại, kiến lập tướng ấy, như kinh nói rộng.

Như Lai không sai lầm, nghĩa là A-la-hán Tì-kheo tuy lậu đã hết, vì khát thực nên đi vào thành phố làng xóm, hoặc nhất thời cùng đi đứng với voi dữ ngựa dữ bò dữ chó dữ, hoặc nhất thời dẫm phải gai đâm, nhảy qua hầm, hoặc nhất thời vào nhà người nữ nói năng không đúng chính lý, hoặc ở trong rừng, nơi đồng nội bỏ đường chính đi đường tắt, hoặc cùng đi đứng với đạo tặc ác thú, những sai lầm như vậy A-la-hán còn mắc phải, Như Lai thì vĩnh viễn không còn.

Không phát âm thanh thô tháo, nghĩa là A-la-hán hoặc có khi đi trong rừng, nơi đồng nội quên mất đường đi, hoặc vào nhà trống cất tiếng kêu lớn, vì không lỗi tập khí không nhiễm ô mà cười lớn hở môi răng, những âm thanh thô tháo như vậy A-la-hán còn mắc phải, Như Lai thì vĩnh viễn không còn.

Không quên mất niệm, là A-la-hán còn có sự không nhiễm ô, quên mất không nghĩ nhớ những gì đã làm, những gì đã nói từ lâu xa. Như Lai thì vĩnh viễn không có. Không có tâm bất định, nghĩa là A-la-hán thâm liễm tâm rồi mới định, xuất định rồi thì bất định. Như Lai ở bất cứ vị trí nào cũng không bất định. Tâm không các tướng, nghĩa là A-la-hán đối với sinh tử hữu dư khởi tướng trái nghịch, đối với Niết-bàn vô dư khởi tướng tịch tĩnh. Như Lai đối với sinh tử Niết-bàn không có tướng sai biệt, vì trụ đệ nhất đại xả. Không có không chọn bỏ, nghĩa là A-la-hán không dùng trí tuệ lựa chọn, xả bỏ việc lợi ích hữu tình. Như Lai không có những việc như vậy không có không chọn bỏ. Lại nữa, A-la-hán đối với sở tri chương tịnh, có thoái lui chưa được, như chí dục thoái, tinh tiến thoái, niệm thoái,

định thoái, tuệ thoái, giải thoát thoái. Sáu sự thoái lui như vậy, Như Lai vĩnh viễn không có.

Lại nữa A-la-hán hoặc nhất thời thiện thân nghiệp chuyển, hoặc nhất thời vô ký thân nghiệp chuyển, ngũ nghiệp ý nghiệp cũng vậy. Như Lai thì trí của 3 nghiệp là tiền đạo nên tùy theo trí mà chuyển vì vậy không có vô ký. Trí làm tiền đạo, nghĩa là trí đẳng khởi. Tùy theo trí mà chuyển, nghĩa là cùng đồng hành với trí.

Lại nữa A-la-hán Tì-kheo đối với việc sở tri trong 3 đời không thể khởi tâm là hiểu ngay, nên trí kiến có chấp trước không thể hiểu rõ được tất cả, vì vậy trí kiến có trở ngại. Như Lai đối với cảnh trong 3 đời, vừa khởi tâm là biết khắp tất cả, cho nên trí kiến không chấp trước không trở ngại. Trong 18 pháp, 6 pháp trước trong bất cộng thân ngũ ý nghiệp thanh tịnh đầy đủ có các Tam-ma-địa làm thể. Không sai lầm là căn cứ vào thân thanh tịnh mà nói. Không phát âm thô tháo là y cứ vào ngũ nghiệp thanh tịnh mà nói. Không quên mất niệm, không có tâm bất định, không có các tướng, không chẳng chọn bỏ, 4 pháp này là y cứ vào ý nghiệp thanh tịnh mà nói. Chí dục không thoái cho đến giải thoát không thoái, 6 pháp này trong sở y và quả căn chưa được đầy đủ bất thoái, có các Tam-ma-địa làm thể. Sở y, là chí dục. Quả, là giải thoát. Căn, là tinh tiến v.v... Tất cả thân ngũ ý nghiệp trí làm tiền đạo theo trí mà chuyển, 3 pháp này trong bất cộng nghiệp hiện hành đầy đủ, có các Tam-ma-địa làm thể. Biết quá khứ, vị lai, hiện tại không chấp trước không trở ngại, 3 pháp này trụ đầy đủ trong bất cộng trí, có các Tam-ma-địa làm thể.

Tất cả thứ diệu trí, nghĩa là trong uẩn giới xứ đầy đủ tất cả thứ diệu trí tính, hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm pháp tương ưng với chúng. Thế nào là trong uẩn giới xứ đầy đủ tất cả thứ diệu trí tính? Nghĩa là trong uẩn v.v... tự tính sai biệt tương thông đạt tất cả sai biệt, trí biên tế thành tựu viên mãn.

Thế nào là dẫn phát các công đức như vậy? Nghĩa là y chỉ 4 tĩnh lực thanh tịnh. Nếu ngoại đạo hoặc Thanh Văn hoặc Bồ-tát v.v... dẫn phát 4 vô lượng 5 thân thông, phần nhiều y chỉ vào biên tế của tĩnh lực thứ tư. Nếu Thanh Văn hoặc Bồ-tát hoặc Như Lai v.v... dẫn phát các công đức khác thì vì lý do gì phát công đức như vậy? Nghĩa là y chỉ tĩnh lực thường tư duy tùy chỗ kiến lập pháp. Trong đây nói rõ các công đức như vậy là dẫn phát chỗ y chỉ, có thể dẫn phát Bồ-đặc-già-la, có thể dẫn phát phương tiện. Sao gọi là có thể dẫn phát phương tiện? Nghĩa là đối với tùy chỗ kiến lập giáo pháp thì dùng nhiều tác ý định tâm khởi thường thường tư duy hành tướng tư. Như khi muốn dẫn phát vô lượng y chỉ tĩnh lực đối với giáo pháp từ cùng với tâm không hận không oán v.v... thì dùng tu tuệ tương ưng tác ý thường thường tư duy. Khi muốn dẫn phát thân thông y chỉ tĩnh lực đối với giáo pháp biến một làm nhiều v.v... thì dùng tu tuệ tương ưng tác ý thường thường tư duy. Như vậy đối với tất cả mọi nơi thường thường tư duy như chỗ kiến lập tùy tướng phải biết.

Lại nữa, những công đức như vậy lược có 2 thứ: 1. Hiện tiền phát khởi tự sở tác dụng. 2. An trụ tự tính. Nếu hiện tiền phát khởi tự sở tác dụng thì dùng xuất thế gian hậu sở đắc thế tục trí làm thể. Nếu an trụ tự tính thì dùng xuất thế gian trí làm tự thể. Lại nữa, hiện tiền phát khởi tự sở tác dụng, nghĩa là các thánh giả tùy chỗ nên phát khởi đoạn sở trị chướng các thứ tác nghiệp. An trụ tự tính, nghĩa là thâm nhiếp trong tối thắng tịch tĩnh vô phân biệt trí vô duyên vô lượng v.v...hiện pháp lạc trụ.

Lại nữa, vô lượng là làm nghiệp gì? Nghĩa là xả sở trị chướng, trụ trong ai mãn, có thể mau chóng viên mãn phúc đức tư lương, thành thực hữu tình tâm không mệt mỏi. Xả sở trị chướng, nghĩa là như thứ tự của 4 vô lượng có thể xả sân hại bất lạc ái nhuế. Trụ trong ai mãn, nghĩa là 4 vô lượng đối với việc lợi ích hữu tình tùy thuận chuyển trụ. Do trụ trong ai mãn đối với tất cả hữu tình nên có thể mau

chóng viên mãn phúc đức tư lương. Thành thực hữu tình tâm không mệt mỏi, nghĩa là do thương các hữu tình mà không đoái tưởng đến thân mình.

Giải thoát làm nghiệp gì? Là dẫn phát các việc biến hóa. Đối với tịnh bất tịnh biến hóa không khó, đối với tịch tĩnh giải thoát không trở ngại, có thể trụ đệ nhất tịch tĩnh thánh trụ do thắng giải tư duy. Trong đây hiển thị 2 giải thoát đầu có thể dẫn phát các việc biến hóa. Do đệ tam giải thoát, đối với tịnh bất tịnh biến hóa không khó. Do 4 Vô sắc giải thoát, đối với tịch tĩnh giải thoát không trở ngại. Do giải thoát sau cùng, có thể trụ đệ nhất tịch tĩnh thánh trụ. Do thắng giải tư duy, là hiển thị nghĩa thắng giải như vậy như vậy tức là nghĩa của giải thoát.

Thắng xứ làm nghiệp gì? Là có thể khiến cảnh giới sở duyên của 3 giải thoát trước được tự tại chuyển do thắng phục sở duyên.

Biến xứ làm nghiệp gì? Là khéo có thể hoàn thành giải thoát sở duyên vì biến mãn lưu bố.

Vô tránh làm nghiệp gì? Là có phát ngôn người nghe đều tin phục, vì có tâm ái hộ người hơn cả, do đó phát ngôn đều thích hợp.

Nguyện trí làm nghiệp gì? Là khéo ghi nhớ các việc trong 3 đời, tất cả thế gian đều cung kính, do được sự quy ngưỡng của mọi người.

Vô ngại giải làm nghiệp gì? Là khéo thuyết pháp làm đẹp lòng chúng sinh, có thể tuyệt dứt lưới nghi.

Thần thông làm nghiệp gì? Là dùng thân nghiệp ngữ nghiệp ghi lòng, hóa đạo hữu tình khiến nhập thánh giáo. Biết rõ tất cả tâm hành của hữu tình và quá khứ vị lai, dạy dỗ thích ứng khiến vĩnh viễn xuất ly. Trong đây hiển thị thần cảnh, thiên nhĩ, cho đến lậu tận thông, theo thứ tự có thể khởi thân nghiệp hóa đạo v.v... Do thiên nhĩ thông có thể hiểu rõ các âm thanh ngôn ngữ sai biệt có thể dẫn ngữ nghiệp.

Tướng và tùy hảo làm nghiệp gì? Là có thể khiến vừa thấy đại trượng phu tâm liền sinh tịnh tín.

Thanh tịnh làm nghiệp gì? Là do thể lực này nên thủ sinh hữu tùy ý muốn, hoặc trụ một kiếp hoặc hơn hoặc xả thọ mạng hoặc trong các pháp tự tại chuyển, hoặc trong các định tự tại chuyển, hoặc tự nhiên trong chính pháp của Phật. Trong đây hiển thị do sở y thanh tịnh, tùy ý muốn đối với thân sở y. Thủ trụ xả tự tại, tức gồm 3 câu là thủ sinh hữu v.v... Do cảnh giới thanh tịnh, trong các pháp được tự tại chuyển. Do tâm thanh tịnh, trong Tam-ma-địa được tự tại chuyển. Do trí thanh tịnh, được nhiệm trì chính pháp vô thượng của Như Lai.

Lực làm nghiệp gì? Là trừ bỏ vô nhân luận, ác nhân luận và luận chủ trương không làm mà được, tuyên thuyết tăng thượng sinh đạo không điên đảo, ngộ nhập tâm hành của tất cả hữu tình, chính thuyết pháp khí, ý lạc tùy miên cảnh giới tư lương sẽ có thể xuất ly, tùy chỗ thích hợp nên nói quyết định thắng đạo hàng phục các ma, khéo ký biệt tất cả câu hỏi luận vấn. Trong đây hiển thị 2 lực đầu có thể nói tăng thượng sinh đạo, còn 8 lực khác có thể nói quyết định thắng đạo. Như vậy 2 thứ cụ túc là hiển thị sở tác của chư Phật. Sở dĩ vì sao? Thế Tôn do xứ phi xứ trí lực chiết phục tất cả những người trong thế gian chủ trương vô nhân luận, ác nhân luận, tuyên thuyết tăng thượng sinh đạo không điên đảo. Các ngoại đạo v.v... đối với tăng thượng sinh hoặc bảo là không có nhân hoặc gọi là tự tính, tự tại v.v... là nhân nên gọi là vô nhân, ác nhân luận. Do tự nghiệp trí lực chiết phục tất cả người trong thế gian chủ trương lập luận không làm mà được, nói rõ thiện thú chính đạo không điên đảo. Các ngoại đạo v.v... nói không tác nghiệp tự nhiên được báo nên gọi là luận không làm mà được. Do đẳng trì, đẳng chí trí lực của tĩn lự giải thoát ngộ nhập tất cả tâm hành của hữu tình. Do tâm tu hành nên gọi là tâm hành. Do căn thượng hạ trí lực ngộ nhập tất cả chính thuyết pháp khí, vì tín v.v... các căn nếu khéo thành thực có thể làm pháp khí. Do các thứ thắng giải lực ngộ nhập tất cả

thắng liệt ý lạc. Do các thứ giới trí lực ngộ nhập tất cả có thể phá tùy miên các phiền não tính. Do biến thú hành trí lực ngộ nhập tất cả cảnh giới trong giáo pháp Đại Tiểu thừa. Do túc trụ tùy niệm trí lực ngộ nhập tất cả tư lương. Nhân duyên thánh đạo tập hợp đời trước, gọi là tư lương. Do tử sinh trí lực ngộ nhập tất cả công năng tính đời sau. Do lậu tận trí lực ngộ nhập tất cả sự xuất ly 3 cõi. Do như vậy ngộ nhập rồi tùy chỗ thích hợp tuyên thuyết giải thoát xuất thế thánh đạo. Mười thứ gọi là lực vì khéo hàng phục được các ma, khéo ký biệt được tất cả vấn luận. Hàng phục các ma, nghĩa là do 10 lực này có thể hàng phục uẩn ma, phiền não ma, thiên ma, tử ma, vì tối thắng. Tuy đoạn sở tri chướng cũng không thể bị trở ngại nên gọi là tối thắng. Ký biệt tất cả vấn luận, nghĩa là đối với xứ phi xứ cho đến lậu tận tất cả xứ nếu có các luận chất vấn ghi nhớ phân biệt không trở ngại.

Vô úy làm nghiệp gì? Là ở trong đại chúng tự chính kiến lập ta là đại sư xô dẹp tất cả tà nạn ngoại đạo. Đại sư là người tự lợi lợi tha các đức viên mãn. Xô dẹp tà nạn ngoại đạo, nghĩa là có thể xô dẹp, vĩnh viễn đoạn các lậu chướng đạo pháp của tà nạn ngoại đạo đối với giáo pháp Như Lai nói thành đẳng chính giác.

Niệm trụ làm nghiệp gì? Là có thể thâm nhiếp điều khiển đại chúng, không nhiễm ô, do cung kính lắng nghe không ái nhuế v.v... các phiền não.

Bất hộ làm nghiệp gì? Là có thể dạy dỗ giáo hóa đồ chúng không gián đoạn, do bộc lộ rõ ràng không che giấu tội lỗi của mình.

Pháp không quên mất làm nghiệp gì? Là có thể không rời bỏ tất cả Phật sự. Sở dĩ vì sao? Do đây đối với hữu tình hiện tiền đáp ứng các việc lợi ích, có thể không phóng dật, không vượt một sát-na.

Vĩnh đoạn tập khí làm nghiệp gì? Là lia các phiền não cũng không hiển hiện làm các sự nghiệp tương tự các phiền não. Chẳng phải như các A-la-hán Tì-kheo còn hiện các sai lầm.

Đại bi làm nghiệp gì? Là ngày đêm 6 thời quán khắp thể gian ai giảm, ai thoái, ai tăng, ai tiến, các quán sát như vậy.

Bất cộng Phật pháp làm nghiệp gì? Là do thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh để được không thoái hoặc đi hoặc đứng chói lóa tất cả Thanh Văn Độc Giác. Các câu như vậy trước đã có nói. Đối với các tướng bất cộng 3 nghiệp thanh tịnh cụ túc, nên phối hợp giải thích như vậy.

Tất cả thứ diệu trí làm nghiệp gì? Là có thể tuyệt dứt lưới nghi của tất cả hữu tình khiến thời gian dài lâu được trụ trong chính pháp nhãn. Do đó hữu tình chưa thành thực khiến cho thành thực, đã thành thực khiến được giải thoát. Dứt lưới nghi, nghĩa là trí vô ngại đối với tất cả mọi nơi. Khiến chính pháp nhãn được trụ lâu dài, nghĩa là ở các lúc ấy các nơi ấy, để đoạn các nghi hoặc của hữu tình được hóa độ, tuyên thuyết các pháp môn sai biệt, lần lượt kết tập các kết tập khiến không diệt mất, y cứ vào pháp nhãn này hữu tình chưa thành thực thì khiến mau thành thực, đã thành thực thì khiến mau giải thoát. Lại nữa, đối với các hiện quán vị, sau khi chứng đắc thắng phẩm đạo sau, thì xả bỏ hạ liệt phẩm đạo đã được trước. Như chứng đắc quả này rồi thì liền xả bỏ đây mà hướng đến cái sẽ đạt tới không cho tái hiện lại.

Lại nữa, ngay khi tập đoạn tác chứng, do khi đắc quả là vĩnh đoạn các chủng loại phiền não phẩm thô trọng sở tri khiến không còn sót, nên chuyển y chứng đắc thắng phẩm.

Lại nữa trong tất cả thánh đạo vô dư Niết-bàn giới của Thanh Văn Độc Giác, do xả bỏ ngay cái phải xả bỏ, không như các Bồ-tát, cho nên chỉ nói các Bồ-tát là người thiện căn vô tận, công đức vô tận. Xả ngay cái phải xả, là cứu cánh không hiện hành nghĩa của xả, không phải xả như các Bồ-tát được thánh đạo là vì muốn lợi ích tất cả hữu tình đều được Niết-bàn. Do nhân duyên này Kinh Vô Tận Tuệ v.v... nói các Bồ-tát là người thiện căn vô tận, công đức vô tận.

Lại nữa, vì sao kiến lập vô ký sự? Do kia hỏi không đúng lý. Vì sao hỏi không đúng lý? Vì chỗ phải tư duy là xa lìa nhân quả nhiễm tịnh. Trong đây hiển thị Như Lai đối với các câu hỏi của ngoại đạo như thế gian là thường hay vô thường v.v... kiến lập 14 việc không thể ghi nhận. Do chỗ kia hỏi không đúng chính lý có thể dẫn đến không nghĩa lợi. Những vấn luận nào có thể dẫn đến nghĩa lợi? Nghĩa là vấn luận y vào 4 thánh đế. Vì vấn luận này gồm chỗ phải tư duy là nhân quả nhiễm tịnh.

Lại nữa, vì duyên gì Bồ-tát đã nhập Bồ-tát siêu thăng ly sinh vị mà chẳng phải dự lưu? Do được không trụ đạo nhất hướng dự lưu hành không thành tựu. Vì duyên gì cũng không phải nhất lai? Vì có thụ các hữu vô lượng sinh. Vì duyên gì cũng chẳng phải bất hoàn? Vì an trụ tịch tĩnh trở lại sinh Dục giới.

Lại nữa các Bồ-tát đã được để hiện quán trong tu đạo vị của 10 địa chỉ tu sở tri chướng đối trị đạo mà chẳng phải phiền não chướng đối trị đạo. Nếu khi được Bồ-đề mau chóng đoạn phiền não chướng và sở tri chướng, mau chóng thành A-la-hán và Như Lai, các Bồ-tát này tuy chưa vĩnh đoạn phiền não, nhưng phiền não này giống như thân chú linh được đề bẹp các độc không khởi tất cả tội lỗi phiền não, như A-la-hán đã đoạn phiền não trong tất cả địa.

Lại nữa các Bồ-tát ở trong cảnh sở tri cần phải tu thiện xảo, trong các phương tiện phải tu thiện xảo, trong hư vọng phân biệt phải tu thiện xảo, trong vô phân biệt phải tu thiện xảo, trong các thời phải tu luyện căn.

Cảnh sở tri lược có 6 thứ: 1. Mê loạn, 2. Mê loạn sở y, 3. Không mê loạn sở y, 4. Mê loạn không mê loạn, 5. Không mê loạn, 6. Không mê loạn đẳng lưu. Mê loạn, nghĩa là chấp năng thủ sở thủ. Mê loạn sở y, nghĩa là thánh trí sở hành chỉ có hành tướng, hư vọng phân biệt làm thể, do có đây nên tất cả ngu phu chấp mê loạn chuyên. Không mê loạn sở y, nghĩa là vì chân như là chỗ sở y của vô phân biệt trí. Mê

loạn không mê loạn, nghĩa là tùy thuận xuất thế trí có văn tuệ v.v... các thiện pháp phân biệt cảnh sở tri, cho nên tùy thuận vô phân biệt trí. Không mê loạn, là vô phân biệt trí. Không mê loạn đẳng lưu, là các thiện pháp đạt được sau thánh đạo. Phương tiện thiện xảo lược có 4 thứ: 1. Thành thực hữu tình thiện xảo, 2. Viên mãn Phật pháp thiện xảo, 3. Mau chứng thần thông thiện xảo, 4. Đạo vô đoạn thiện xảo. Thành thực hữu tình thiện xảo, là 4 nhiếp sự. Do nhiếp thụ đó mà khiến ở trong thiện pháp. Viên mãn Phật pháp thiện xảo, là tuệ Ba-la-mật-đa. Như kinh nói: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát muốn được viên mãn thí Ba-la-mật-đa cho đến nhất thiết chủng diệu trí tính, phải học Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Mau chứng thần thông thiện xảo, là ngày đêm 6 thời phát lồ các ác, tùy hỷ công đức, khuyến thỉnh chư Phật, hồi hướng thiện căn v.v... như nói rộng trong Kinh Thánh Giả Di Lặc Sở Vấn. Đạo vô đoạn thiện xảo, là vô trụ xứ Niết-bàn, vì do đây thường cứu cánh không gián đoạn, biến khắp 10 phương tất cả thế giới, tùy chỗ nên hóa độ mà thị hiện tất cả các hạnh của Phật Bồ-tát.

Hư vọng phân biệt lược có 10 thứ, là căn bản phân biệt, tướng phân biệt, tướng hiển hiện phân biệt, tướng biến dị phân biệt, tướng hiển hiện biến dị phân biệt, tha dẫn phân biệt, không như lý phân biệt, như lý phân biệt, chấp trước phân biệt, tán loạn phân biệt. Căn bản phân biệt, là thức A-lại-da, vì là tất cả phân biệt chủng tử. Tướng phân biệt, là nơi thân ở thức thụ dụng, vì là tướng sở thủ. Kia lại theo thứ tự lấy cảnh giới của các sắc căn các sắc của khí thể giới v.v... làm tướng. Tướng hiển hiện phân biệt, là 6 thức thân và ý như trước đã nói, vì sở thủ tướng mà hiển hiện. Tướng biến dị phân biệt, là như trước đã nói thân v.v... sinh khởi các tướng biến đổi khác. Tướng hiển hiện biến dị phân biệt, là như trước đã nói nhãn thức v.v... các tướng hiển hiện trong khổ lạc v.v... các vị sinh khởi sai biệt. Tha dẫn phân biệt, là giáo pháp thâm nhiếp tướng danh cú văn thân. Đây lại có 2 thứ: 1. Ác thuyết pháp luật làm thể. 2. Thiện thuyết pháp luật làm thể. Do sức tăng thượng này theo thứ tự dẫn nhiếp 2 tác ý là không

như lý phân biệt và như lý phân biệt. Chấp trước phân biệt, là không như lý phân biệt khởi lên gồm 62 kiến. Sở hữu phân biệt, tán loạn phân biệt, là như lý phân biệt khởi chấp vô tính v.v... làm tướng sở hữu phân biệt.

Đây lại có 10 thứ là vô tính phân biệt, hữu tính phân biệt, tăng ích phân biệt, tổn giảm phân biệt, một tính phân biệt, khác tính phân biệt, tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt, tùy danh nghĩa phân biệt, tùy nghĩa danh phân biệt. Như vậy 10 thứ phân biệt y cứ vào Bát-nhã Ba-la-mật-đa sơ phần tuyên thuyết. Như kinh nói: Xá-lợi tử ! Là Bồ-tát thật hữu Bồ-tát, chính bất tùy quán Bồ-tát. Chính bất tùy quán Bồ-tát gọi là chính bất tùy quán Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chính bất tùy quán Bồ-đề, chính bất tùy quán hành, chính bất tùy quán bất hành. Sở dĩ vì sao? Danh tự tính không phi không tính, sắc tự tính không phi không tính, cho đến thức tự tính không phi không tính. Bởi vì sao? Sắc không tính này chẳng phải tức là sắc cũng chẳng phải lìa sắc mà riêng có cái tính không. Sắc tức là không tính, không tính tức là sắc, cho đến thức cũng vậy. Bởi vì sao? Đây chỉ có tên gọi, như đây là tên Bồ-tát, đây là Bồ-tát, đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đây là Bồ-đề, đây là sắc cho đến đây là thức. Do tự tính của chúng là không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Khi Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa, chính bất tùy quán sinh, cho đến chính bất tùy quán tịnh. Bởi vì sao? Trong chỗ so đo lượng đặc các pháp giả lập tên khách, do từ tên khách mà khởi ngôn thuyết, tùy các thứ ngôn thuyết như vậy như vậy khởi các chấp trước như vậy như vậy. Bồ-tát đối với tất cả tên gọi như vậy chính bất tùy quán, chính bất tùy quán nên không sinh chấp trước. Đối với điều này, để đối trị phân biệt vô tính, trong kinh có nói: Là Bồ-tát thật có Bồ-tát. Như vậy là do thật hữu mà nói, vì đó là nghĩa của hữu tính. Để đối trị phân biệt hữu tính, kinh có nói: Chính bất tùy quán Bồ-tát, cho đến chính bất tùy quán bất hành, do khiến trừ Bồ-đặc-già-la và pháp 2 tính. Để đối trị phân biệt tăng ích nên nói: Đó là lý do tại sao gọi là tự tính không, do khiến trừ biến kế

sở chấp tự tính không thật. Để đối trị phân biệt tồn giảm, nên nói: Phi không tính, do đây gọi là biến kế sở chấp tự tính, xa lìa tính nhất thiết thời hữu. Để đối trị phân biệt một tính, nên nói: Sắc không tính này chẳng phải tức là sắc, cho đến thức này không tính chẳng phải tức là thức. Bởi khác với tự tính. Sở dĩ vì sao? Sắc v.v... là biến kế sở chấp tự tính, không tính là viên thành thật tự tính. Để đối trị phân biệt khác tính, nên nói: Cũng không lìa sắc mà riêng có không tính, cho đến không tính tức là thức. Do biến kế sở chấp tự tính không có tướng, vì tách rời các vô tính kia là không thể được. Để đối trị phân biệt tự tính, nên nói: Đây chỉ có tên gọi. Như nói đây là sắc, cho đến đây là thức v.v..., là do lìa năng thuyên không có quyết định tự tính của sở thuyên. Để đối trị phân biệt sai biệt, nên nói: Do tự tính kia là không sinh, cho đến chính bất tùy quán tịnh. Do khiến trừ tướng sinh sai biệt v.v... cho nên để đối trị phân biệt tùy danh nghĩa, nên nói: Ở chỗ so đo lường đặc các pháp giả lập tên khách, do tùy theo tên khách mà khởi ngôn thuyết như vậy v.v... Để đối trị phân biệt nghĩa danh, nên nói: Bỏ-tát đối với tất cả tên gọi như vậy chính bất tùy quán. Vì chính bất tùy quán nên không sinh chấp trước. Do tùy theo nghĩa nên đối với danh không thấy không chấp.

Vô phân biệt lược có 3 thứ: 1. Tri túc vô phân biệt, 2. Vô điên đảo vô phân biệt, 3. Vô hý luận vô phân biệt. Ba thứ này hàng dị sinh, Thanh Văn, Bồ-tát như thứ tự cần phải biết. Do các dị sinh đối với một vô thường v.v.. các pháp tính cứu cánh tư duy rồi liền sinh mừng đủ, cho điều đó là tất nhiên không mong gì khác. Đó gọi là tri túc vô phân biệt. Bấy giờ tất cả tâm tư phân biệt đều chấm dứt. Do các Thanh Văn trong các uẩn để đối trị thường v.v... các điên đảo nên khi như lý quán sát chỉ có sắc pháp v.v... liền được xuất thế gian trí, thông đạt vô ngã tính. Đó gọi là không điên đảo vô phân biệt. Do các Bồ-tát biết sắc v.v... các pháp chỉ là hý luận liền có thể trừ hết tướng của tất cả pháp được trí xuất thế gian sau cùng cực kỳ tịch tĩnh, thông đạt biến khắp chân như. Đó gọi là không hý luận vô phân biệt. Trí vô

phân biệt này lại lia 5 tướng, là chẳng phải không tác ý, chẳng phải siêu quá, chẳng phải tịch chỉ, chẳng phải tự tính, và chẳng phải làm gia hành đối với sở duyên mà gọi là vô phân biệt. Sở dĩ vì sao? Vì nếu không tác ý mà gọi là vô phân biệt thì ngủ mùi, say rượu v.v... cũng là trí vô phân biệt vì nó không tư duy tướng các pháp. Nếu siêu quá mà bảo là vô phân biệt thì từ đệ nhị tính lự trở lên tất cả các địa phải là trí vô phân biệt vì nó siêu quá tầm tứ. Nếu vậy tâm tâm pháp 3 cõi là thể của phân biệt, nói tức là mâu thuẫn. Nếu tịch chỉ mà gọi là vô phân biệt thì diệt thụ tướng định phải là trí vô phân biệt, vì tâm tâm pháp phân biệt trong nó đã chấm dứt. Nếu vậy thì trí cũng phải không có. Nếu tự tính nên nói là vô phân biệt thì sắc v.v... cũng phải là trí vô phân biệt, vì tự tính của chúng là phi phân biệt. Nếu đối với sở duyên làm gia hành mà bảo là vô phân biệt thì phân biệt tính phải là vô phân biệt trí. Nếu bảo đây là vô phân biệt thì tướng gia hành này tức là tướng phân biệt. Cho nên vô phân biệt trí chẳng phải 5 tướng kia. Nếu vậy phải quán tướng vô hý luận vô phân biệt như thế nào? Nghĩa là nơi sở duyên không khởi gia hành. Đây là thế nào? Nếu các Bồ-tát quá tùy thuận dạy quán sát các pháp, hoặc tính hoặc đều không chân thật, do đây sức quán sát, thường tập duy trì, không do gia hành, trong như thật không hý luận, tất cả pháp trong chân như nội tâm tịch định, như vậy mới gọi là vô hý luận vô phân biệt trí.

Lại nữa, nếu các Bồ-tát tính là lợi căn sao lại còn khiến luyện căn? Nghĩa là y lợi duyên căn dẫn phát trung lợi căn. Lại y trung lợi căn dẫn phát lợi lợi căn. Trước đã nói tính tất cả Bồ-tát là lợi căn mà lại nói trong mỗi thời thường thường phải tu luyện căn, là do tự chủng loại lại có duyên v.v... 3 phẩm, sau tiếp tục dẫn phát nên gọi là luyện căn. Nếu khác đây thì các Bồ-đặc-già-la có chủng tính lợi căn, căn chỉ duy nhất có một phẩm. Các Bồ-tát căn phẩm sai biệt nên không thể được mà có thể được tức là trong lợi căn có sai biệt.

HẾT QUYỂN 14

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN

QUYỀN 15

Phẩm 4– 1: PHẨM LUẬN TRONG QUYẾT TRẠCH PHẦN

Thế nào là luận quyết trạch? Lược nói có 7 thứ, là: Nghĩa quyết trạch, thích quyết trạch, phân biệt hiển thị quyết trạch, đẳng luận quyết trạch, nhiếp quyết trạch, luận quỹ quyết trạch và bí mật quyết trạch.

Nghĩa quyết trạch, là y vào 6 nghĩa mà khởi quyết định chọn lựa. Những gì là 6 nghĩa? Là tự tính nghĩa, nhân nghĩa, quả nghĩa, nghiệp nghĩa, tương ưng nghĩa, và chuyển nghĩa. Tự tính nghĩa, là biến kế sở chấp v.v... 3 tự tính. Nhân nghĩa, là 3 nhân: 1. Sinh nhân, 2. Chuyển nhân, 3. Thành nhân. Sinh nhân, nghĩa là nhân v.v... 4 duyên do đây có thể sinh các hữu vi. Chuyển nhân, nghĩa là do thứ tự đây pháp kia chuyển, như vô minh duyên hành v.v... cho đến tập diệt. Do thứ tự đây nhiễm tịnh chuyển. Thành nhân, nghĩa là hiện lượng có thể được, không thể được v.v... gồm trong chính thuyết. Do đây có thể thành lập nghĩa trước chưa rõ. Quả nghĩa, là 5 quả. Những gì là 5? 1. Dị thực quả, 2. Đẳng lưu quả, 3. Tăng thượng quả, 4. Sĩ dụng quả, 5. Ly hệ quả. Dị thực quả là thức A-lại-da v.v... Đẳng lưu quả là các thiện pháp đời trước khởi tương tục các thiện pháp sau. Tăng thượng quả là sức tăng thượng của cộng nghiệp tất cả hữu tình chiêu cảm khí thế gian. Sĩ dụng quả là gieo trồng gặt hái v.v... Ly hệ quả là do thánh đạo tùy miên vĩnh diệt. Nghiệp nghĩa, là 5 thứ nghiệp: 1. Thủ thụ nghiệp,

2. Tác dụng nghiệp, 3. Gia hành nghiệp, 4. Chuyển biến nghiệp, 5. Chứng đắc nghiệp. Nghĩa của 5 nghiệp này như trước đã giải thích trong nghiệp nhiễm. Tương ưng nghĩa, là 5 thứ tương ưng. Những gì là 5? 1. Tụ kết tương ưng, 2. Tùy trực tương ưng, 3. Liên xuyên tương ưng, 4. Phần vị tương ưng, 5. Chuyển biến tương ưng. Tụ kết tương ưng, nghĩa là ở trong nhà thì có gỗ đá v.v... Tùy trực tương ưng, nghĩa là tùy miên v.v... các nhân. Do có đây nên tuy phiền não v.v... không hiện hành mà nói tương ưng với chúng. Liên xuyên tương ưng, nghĩa là thân thuộc v.v... lần lượt tương ưng nhau. Phần vị tương ưng, nghĩa là nhiếp thụ ích v.v... tương tục phần vị. Do phần vị này hiện tiền gọi là tương ưng với lạc, cho đến tương ưng với bất khổ bất lạc. Chuyển biến tương ưng, nghĩa là khách trần phiền não v.v... hiện tiền là do có đây nên nói tương ưng với tham v.v..., tín v.v... Chuyển nghĩa, là 5 thứ chuyển: 1. Tướng chuyển, 2. An trụ chuyển, 3. Điên đảo chuyển, 4. Không điên đảo chuyển, 5. Sai biệt chuyển. Tướng chuyển, là sinh v.v... 3 tướng hữu vi, do 3 tướng sai biệt kia chuyển. An trụ chuyển, là pháp sở trì trụ trong năng trì mà chuyển. Điên đảo chuyển, là pháp tạp nhiễm không như thật chuyển. Không điên đảo chuyển, là pháp thanh tịnh như thật chuyển. Sai biệt chuyển, là tất cả hành quá khứ, vị lai, hiện tại, nội ngoại v.v... sai biệt chuyển.

Thích quyết trạch, nghĩa là có thể giải thích tông yếu khai phát nghĩa các kinh. Đây là thế nào? Lược có 6 thứ, là sở biến tri sự, sở biến tri nghĩa, biến tri nhân duyên, biến tri tự tính, biến tri quả, và kia chứng thụ. Do 6 nghĩa này tùy chỗ thích ứng giải thích khắp các kinh nên gọi là thích quyết trạch. Sở biến tri sự, là uẩn v.v... Sở biến tri nghĩa, là vô thường v.v... Biến tri nhân duyên, là tịnh Thi-la thủ căn môn v.v... Biến tri tự tính, là pháp Bồ-đề phần. Biến tri quả, là giải thoát. Kia chứng thụ, là giải thoát tri kiến.

Lại có 14 môn nói rõ thích quyết trạch. Những gì là 14? Là nhiếp thích môn, nhiếp sự môn, tổng biệt môn, hậu hậu khai dẫn

môn, giá chỉ môn, chuyên biến tự môn, hoại bất hoại môn, an lập sở thủ thú môn, an lập sai biệt môn, lý thú môn, biến tri đẳng môn, lực vô lực môn, biệt biệt dẫn môn, và dẫn phát môn. Nhiếp thích môn, nghĩa là nếu ở nơi đó tuyên thuyết các kinh duyên khởi sở dĩ cú nghĩa lần lượt ý thú thích nan. Nhiếp sự môn, nghĩa là nếu ở nơi đó đại lược việc học việc thánh đế v.v... biện thích các kinh. Như nói: Các ác chớ làm, làm các điều thiện điều phục tự tâm là thánh giáo của chư Phật. Trong Già-tha này là y vào 3 học nói như vậy v.v... Tổng biệt phân môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị trước dùng một câu nêu tổng quát, sau dùng các câu khác giải thích riêng biệt. Như trong Kinh Thập Nhị Hạ Tổng Tập trước nói tự viên tịnh tha viên tịnh, sau 2 câu theo thứ tự 5 câu 5 câu giải thích riêng v.v... Hậu hậu khai dẫn môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị có thể làm sở y các khai dẫn sau nên các pháp nói theo thứ tự như vậy. Như tín v.v... 5 căn theo thứ tự trước sau phải trước tin thụ mới phát tinh tiến, phát tinh tiến rồi nhiên hậu niệm trụ, đã niệm trụ rồi tâm được an định, tâm an định rồi mới biết như thật v.v... Giá chỉ môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị y chỉ việc này ngăn chặn việc này, như trong Kinh Căn Kha Dụ y chỉ lậu tận ngăn chặn 4 thứ Bồ-đặc-già-la, là 1. Ở ngoài chính pháp. 2. Ở trong chính pháp chỉ được văn tư liền sinh mừng đủ. 3. Ở trong tu tuệ tâm sinh khiếp nhược. 4. Tư lương chưa đủ, bảo các Tì-kheo: Ta biết, ta thấy, ta nói lậu tận ... Như vậy một đoạn kinh văn ngăn chặn thứ nhất. Không siêng năng tinh tiến tu tập quán hành là ngăn chặn thứ hai. Nói ví dụ cái cán rìu là ngăn chặn thứ ba. Nói ví dụ thuyền bè là ngăn chặn thứ tư. Chuyên biến tự môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị chuyển các nghĩa chữ hiển rõ khác biến thành các nghĩa, như bất tín, bất tri ân v.v... Già-tha sẽ nói sau đây. Hoại bất hoại môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị hư mất không hư mất 2 đàng liền có 2 sai biệt, như trong Kinh Thiện Sinh nói. Hư mất, là nhiễm trước việc nương tựa trong ngoài. Việc nương tựa bên trong lấy 5 thủ uẩn làm tướng. Việc nương tựa bên ngoài lấy 4 nhà cửa vợ con làm tướng. Không

hoại mất, nghĩa là xa lìa 2 thứ nhiệm trước này. Phương tiện hư mất, nghĩa là không xuất gia, tuy lại xuất gia mà hành vi phóng dật không được lậu tận. Trái nghịch với đây là không hoại mất phương tiện. Phật bảo Thiện Sinh: Nay tộc tính tử ! Có 2 việc đều là việc tốt đẹp. Hoặc là cạo bỏ râu tóc đến ở nơi chẳng phải nhà. Hoặc hết các lậu cho đến tự xưng không thụ thân hậu hữu. Đây chính là hiển thị sự không hoại mất và phương tiện ấy. Lại cũng hiển thị sự hoại mất và phương tiện ấy, do trái với đây. Không mất sai biệt, nghĩa là như trong Già-tha nói rõ rằng cái tốt đẹp của Tì-kheo là tịch tĩnh lìa các lậu. Đây là hiển thị xuất gia và vô lậu. Để hiển thị lậu tận lại có các câu, như: Lìa đục lìa hệ phược, không chấp thụ Niết-bàn, nhiệm trì tối hậu thân, xô dẹp ma sai khiến. Đây là hiển thị do thế gian đạo xuất ly, do xuất thế đạo vĩnh đoạn hạ phần kết, vĩnh đoạn thượng phần kết, vĩnh đoạn nội y sự. Đây tức là lược nói nhân tận quả tận và cũng hiển thị hư mất sai biệt, vì do trái với đây. An lập số thủ thú môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị y nơi đó Bồ-đặc-già-la nói như vậy, trong Kinh Thủy Dụ y nơi 2 số thủ thú nói 3 thứ và 4 thứ sai biệt. Những gì là 2? Là dị sinh và dị sinh kiến đế. Sai biệt có 3, là không có bạch pháp, ít bạch pháp và nhiều bạch pháp. Sai biệt kiến đế có 4, là trụ 4 quả, 3 hữu, một học, và vô học. An lập sai biệt môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị 4 câu v.v... hỏi nghĩa, như Kinh Vô Thường nói: Chính quán là quán tất cả sắc u? Hay quán sắc là tất cả chính quán u? Nên lập 4 câu. Câu đầu là trong thụ v.v... 4 uẩn không có thường, tịnh, lạc, ngã, diên đảo tăng ích, lại quán sát chúng là nên biết nên đoạn. Câu thứ hai là trong sắc uẩn có thường, tịnh, lạc, ngã, diên đảo tăng ích, lại quán sát chúng là nên biết nên đoạn. Câu thứ ba là trong sắc uẩn không có thường, tịnh, lạc, ngã, diên đảo tăng ích, lại quán sát chúng là nên biết nên đoạn. Câu thứ tư là trong thụ v.v... 4 uẩn có thường, tịnh, lạc, ngã, diên đảo tăng ích, lại quán sát chúng là nên biết nên đoạn. Giống như nhân sắc lập 4 câu, nhân thụ v.v... tất cả nơi nên nói rộng cho đến nói như vậy. Nếu việc làm đã xong, tất cả tự gọi là

không thụ hậu hữu ư? Hay tự gọi không thụ hậu hữu là tất cả việc làm đã xong ư? Đây nên lập 4 câu. Câu đầu là các dị sinh cho đến mạng chung hằng làm diệu hạnh. Câu thứ hai là là người đoạn kiến. Câu thứ ba là vô học. Câu thứ tư là trừ các tướng trên. Lý thú môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị nghĩa của 6 lý thú. Những gì là 6? 1. Chân nghĩa lý thú. 2. Chứng đắc lý thú. 3. Giáo đạo lý thú. 4. Ly nhị biên lý thú. 5. Bất tư nghị lý thú. 6. Ý lạc lý thú. Như vậy 6 thứ, trước 3 như thứ tự tùy theo sau 3 mà quyết định rõ, như trong Kinh Ái Vị Phật bảo các Tỳ-kheo trong sắc có vị, cho đến nói rộng. Trong đây hiển thị do lý thú xa lìa nhị biên là tăng ích tồn giảm quyết định rõ chân nghĩa. Lý thú có vị, có hoạn, có xuất ly, là hiển thị lìa bên tồn giảm. Đối với sắc cho đến đối với thức hiển thị lìa bên tăng ích, do hiển thị sự nhiệm ô thanh tịnh là chỉ y vào các uẩn không y vào ngã. Cho đến bảo các Tỳ-kheo: Ta tự chứng tri là do đây vậy. Cho đến đã chứng giác vô thượng chính đẳng Bồ-đề, là hiển thị do bất tư nghị lý thú quyết định rõ chứng đắc lý thú. Đây hiển thị chân chứng nội tự sở thụ. Như vậy tất cả kinh đều dạy dỗ lý thú, nên tùy theo lý thú ý lạc mà quyết định rõ ràng. Nghĩa là y vào sở biến tri sự, sở biến tri nghĩa, biến tri, biến tri quả, kia chứng thụ ý lạc nói kinh này. Sở biến tri sự, là sắc v.v... Sở biến tri nghĩa, là có mùi vị v.v... do nghĩa sai biệt này biết khắp các việc về sắc v.v... Biến tri, là trong 5 thủ uẩn do 3 chuyển như vậy biết khắp như thật. Biến tri quả, là từ đó chư thiên thế gian cho đến cả trời người đều được giải thoát cho đến giải thoát cùng tột. Chứng thụ kia, nghĩa là tự chứng biết ta đã chứng giác vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Biến tri đẳng môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị y vào tướng chân thật tuyên thuyết nghĩa của tướng biến tri, nghĩa của tướng vĩnh đoạn, nghĩa của tướng tác chứng, nghĩa của tướng tu tập, tức là nghĩa của tướng phạm loại sai biệt của tướng chân thật này v.v... Tướng năng y sở y thuộc tướng nghĩa. Biến tri v.v... chứng ngại pháp tướng nghĩa, biến tri v.v... tùy thuận pháp tướng nghĩa, tội lỗi và công đức tướng nghĩa trong bất biến tri và

biến tri v.v... cũng đều có nói rộng trong Kinh Ái Vị. Chân thật tướng, nghĩa là khổ đế tướng trong thủ uẩn. Biến tri tướng, nghĩa là tức biết như thật ở đây có vị v.v... Vĩnh đoạn tướng, tác chứng tướng, nghĩa là từ tất cả thế gian được giải thoát, do vĩnh đoạn các chương chứng đặc chuyển y. Tu tập tướng, nghĩa là lìa tâm điên đảo phần nhiều trụ trong tu tập. Phàm loại sai biệt tướng, nghĩa là chân thật tướng có 5 thứ sai biệt, là sắc cho đến thức. Biến tri tướng có 3 thứ sai biệt, là vị do vị, cho đến xuất ly do xuất ly. Biết như thật vĩnh đoạn tướng, tác chứng tướng, đều có 2 thứ sai biệt, là phiền não giải thoát. Khổ giải thoát là từ đây chư thiên thế gian cho đến người và trời đều được giải thoát, là hiển thị phiền não giải thoát. Để hiển thị nghĩa sai biệt này, tiếp đến nói xuất ly. Bởi vì sao? Vì do các kinh nói. Thế nào là xuất ly? Nghĩa là nếu ở nơi đó tham dục vĩnh diệt, tham dục vĩnh đoạn vì siêu quá tham dục. Như vậy do có khả năng sinh vị lai khổ phiền não được ly hệ nên khổ cũng giải thoát. Để hiển thị nghĩa sai biệt này nên tiếp nói ly hệ phược cực giải thoát. Tu tập tướng có 2 thứ sai biệt, là kiến đạo và tu đạo. Lìa tâm điên đảo là hiển thị kiến đạo. Trụ nhiều trong tu tập là hiển thị tu đạo. Năng y sở y tướng thuộc tướng, là hiển thị chân thật tướng, là tính sở y về sau. Biến tri v.v...chương ngại pháp tướng, nghĩa là như vậy 3 chuyển không biết như thật. Biến tri v.v... tùy thuận pháp tướng, nghĩa là quán sát tướng như chỗ an lập vị của sắc v.v...trong các pháp. Tướng tội lỗi trong bất biến tri v.v..., nghĩa là không giải thoát, cho đến không chứng giác vô thượng Bồ-đề. Trái nghịch với đây gọi là tướng công đức trong biến tri v.v... Lực vô lực môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị mỗi mỗi câu đều có công đức. Nếu không nói nghĩa một câu tức không hiểu rõ. Như Kinh Duyên Khởi nói: Đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh, nên vô minh duyên hành v.v... Các câu như vậy mỗi mỗi câu đều có công năng, như đã nói trong tướng duyên khởi ở trước. Biệt biệt dẫn môn, nghĩa là nếu ở nơi đó hiển thị trước nêu một câu kinh, sau dùng vô lượng nghĩa môn giải thích rộng, như

kinh nói: Nếu Tì-kheo thành tựu 6 pháp còn có thể miệng thổi nát núi chúa Đại Tuyết sơn cao lớn, hưởng hồ cái thầy chết vô minh. Những gì là 6? Nếu các Tì-kheo tâm sinh thiện xảo, cho đến phương tiện thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo tâm sinh thiện xảo? Là nói Tì-kheo lìa dục, ác, bất thiện pháp, cho đến trụ đầy đủ trong đệ tứ tĩnh lự. Tì-kheo như vậy tâm sinh thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo tâm trụ thiện xảo? Là Tì-kheo khéo tu tập, có thuận thoái phần tĩnh lự chuyển thành thuận trụ phần. Tì-kheo như vậy tâm trụ thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo tâm khởi thiện xảo? Là Tì-kheo khéo tu tập có thuận trụ phần tĩnh lự chuyển làm thuận thắng tiến phần. Tì-kheo như vậy là tâm khởi thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo sinh trưởng thiện xảo? Là Tì-kheo chưa sinh thiện pháp phương tiện khiến sinh, cho đến nói rộng 2 chính đoạn. Tì-kheo như vậy sinh trưởng thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo tổn giảm thiện xảo? Là Tì-kheo đã sinh ác pháp phương tiện khiến đoạn, cho đến nói rộng 2 chính đoạn. Tì-kheo như vậy là tổn giảm thiện xảo. Thế nào là Tì-kheo phương tiện thiện xảo? Là Tì-kheo dục Tam-ma-địa đoạn hành thành tựu, tu như ý túc, cho đến nói rộng 4 như ý túc. Tì-kheo như vậy là phương tiện thiện xảo. Dẫn phát môn, nghĩa là nếu ở nơi đó thị hiện trong mỗi mỗi câu tuyên thuyết 4 câu, là mỗi câu mỗi câu lại chia làm 4 câu. Như vậy lần lượt dẫn phát đến vô biên, như kinh dẫn lời Phật nói: Các Bồ-tát có 4 thứ tịnh tu Bồ-đề pháp.: 1. Khéo tu không tính. 2. Trong các chúng sinh tâm không quái ngại. 3. Thường cùng làm lợi ích với các Bồ-tát chúng. 4. Không nhiễm tâm rộng mở pháp thí. Như vậy 4 pháp trong tự lợi lợi tha môn tịnh tu Bồ-đề vì muốn đối trị 4 thứ sở trị chướng. Những gì là 4? 1. Tham đắm mùi vị thiền định. 2. Giận dữ. 3. Mạn. 4. Ái trước lợi dưỡng. Lại có sai biệt. Trước tiên hiển thị phiền não đoạn đối trị, những cái khác hiển thị xa lìa hạ liệt thừa. Do các Bồ-tát có 3 thứ nhân duyên xa hạ liệt thừa: 1. Nhiếp thụ tất cả hữu tình. 2. Người đã nhập pháp khiến được thành thực. 3. Người chưa nhập pháp khiến nhập chính pháp. Lại có sai biệt là ban đầu hiển trí tư lương, ngoài ra

hiển phúc tư lương. Ba sai biệt đây là nhiếp thụ thành thực khiến nhập 3 môn đều có thể sinh trưởng phúc thắng phẩm. Lại do 2 duyên sai biệt: 1. Do ý lạc, nghĩa là cùng với từ tâm. 2. Do chính hành, tức là nói chứng giáo 2 hành. Lại các BỒ-tát thành tựu 4 pháp có thể tu không tính: 1. Trong nội tâm không dao động. 2. Sức tín giải trạch gìn giữ. 3. Trong tất cả pháp thông đạt như thật. 4. Giải thoát tất cả chướng. Như vậy 4 pháp hiển thị tu sở y và tu sai biệt. Lấy gì làm y? Là tinh lự Ba-la-mật-đa. Thế nào là tu sai biệt? 1. Do dị sinh đạo, tức sức văn tu duy trì. 2. Do học đạo, tức đạt đến thật tính các pháp. 3. Do vô học đạo, tức thoát tất cả chướng. Lại các BỒ-tát thành tựu 4 pháp, đối với các hữu tình tâm không quái ngại: 1. Tu từ. 2. Không hủy chính hành. 3. Không phân biệt tướng. 4. Kham chịu cực nhọc. Như vậy 4 pháp hiển thị sở y và tâm không quái ngại sai biệt. Cái gì là sở y? Là chỗ tu từ đời quá khứ. Thế nào là tâm không quái ngại sai biệt? Là trụ nơi tà hạnh tâm không trái phạm, nơi oan gia không phân biệt oán tướng, vì lợi ích người siêng năng khô biếng trễ. Lại các BỒ-tát thành tựu 4 pháp thường hay nhiếp ích các chúng BỒ-tát: 1. Không tự cân lường. 2. Chính giáo hồi chuyển. 3. Nhu hòa dễ có thể ở chung. 4. Siêng năng phụng sự cúng dường. Như vậy 4 pháp hiển thị sở y và nhiếp ích sai biệt. Những gì là y? Là xô dẹp kiêu mạn. Thế nào là nhiếp ích sai biệt? Là 3 câu nói sau. Trong kém, bằng, và hơn 3 thứ, BỒ-tát theo như thứ tự. Lại các BỒ-tát thành tựu 4 pháp có thể tâm không nhiễm rộng mở pháp thí: 1. Giới thông đạt chướng nạn. 2. Khéo có thể khiến trừ ngu si trầm một. 3. Hoan hỷ nhiếp thụ. 4. Ái lạc làm pháp nương cậy. Như vậy 4 pháp hiển thị sở y và quảng khai pháp thí sai biệt. Những gì là y? Nghĩa là khéo thông đạt lợi dưỡng cung kính, là chướng nạn pháp. Thế nào là quảng khai pháp thí sai biệt? Nghĩa là thị hiện dạy dỗ, khen ngợi, khuyến khích, vui mừng. Thị hiện là đối với người ngu si trầm một. Dạy dỗ khuyến khích là đối với người phóng dật, tự khinh hạ liệt. Vui mừng là đối với người chính hành viên mãn. Do tính ái lạc pháp nên trong 4 câu trước mỗi

một câu lại dẫn phát 4 câu sai biệt. Như vậy gọi là dẫn phát môn. Phân biệt hiển thị quyết trạch, nghĩa là như đã nói trong uẩn v.v... các pháp tùy chỗ thích ứng, làm một hành thuận câu trước thuận câu sau, 2 câu, 3 câu, 4 câu thuật câu chấp nhận, câu ngăn cản v.v... Một hành, tức vấn luận pháp. Nghĩa là dùng một pháp cho các pháp khác, mỗi mỗi hỏi lẫn nhau rồi trừ bỏ pháp này. Rồi lại dùng pháp thứ hai hỏi lẫn nhau với các pháp khác, như vậy mỗi mỗi câu hỏi, hỏi tất cả pháp. Như có câu hỏi: Nếu thành tựu nhãn xứ, cũng thành tựu sắc xứ ư? Giả như thành tựu sắc xứ, cũng thành tựu nhãn xứ ư? Đây nên đáp thuận theo câu hỏi trước. Nếu thành tựu nhãn xứ, cũng thành tựu nhĩ xứ ư? Đây nên lập ra 4 câu mà đáp. Như vậy cho đến đối ý xứ, như lý nên nói. Nếu thành tựu nhãn xứ thì cũng thành tựu pháp xứ ư? Đây cũng đáp thuận câu hỏi trước. Nếu thành tựu sắc xứ cũng thành tựu nhãn xứ ư? Giả như thành tựu nhãn xứ cũng thành tựu sắc xứ ư? Đây nên đáp thuận theo câu sau. Nếu thành tựu sắc xứ cũng thành tựu nhĩ xứ ư? Đây cũng nên đáp thuận theo câu sau. Như vậy cho đến đối pháp xứ, như lý nên nói. Nếu thành tựu nhĩ xứ cũng thành tựu nhãn xứ ư? Đây nên lập 4 câu mà đáp. Như vậy cho đến đối pháp xứ, như lý nên nói. Như vậy mỗi mỗi lần lượt giảm dần, các xứ nên nói như lý lẫn nhau. Thuận câu trước, nghĩa là ở trong các pháp, tùy lấy 2 pháp hỏi lẫn nhau, y chỉ pháp trước mà đáp câu hỏi. Như có câu hỏi: Nếu là trí thì cũng biết chẳng? Giả như biết thì cũng là trí chẳng? Đây nên thuận theo câu trước mà đáp. Các trí cũng là sở tri, nhưng có cái sở tri chẳng phải là trí, là các pháp khác. Thuận câu sau, tức là 2 pháp lần lượt hỏi lẫn nhau, y chỉ pháp sau để đáp câu hỏi. Như hỏi: Sở thủ cũng là năng thủ chẳng? Hay năng thủ cũng là sở thủ chẳng? Đây nên đáp thuận theo câu sau: Các năng thủ cũng là sở thủ, nhưng có sở thủ chẳng phải năng thủ. Nghĩa là sắc v.v... 5 cảnh và pháp xứ. Trừ tương ưng 2 câu, nghĩa là câu hỏi nên đáp 2 câu không được có những câu khác. Như có dựa vào uẩn kiến lập có dựa vào giới kiến lập mà đặt ra câu hỏi: Uẩn số cũng là giới số chẳng, hay là giới số

cũng là uẩn số chẳng? Đây nên làm 2 câu đáp. Hoặc uẩn số chẳng phải giới số. Nghĩa là sắc uẩn, thức uẩn. Bởi vì sao? Vì không có 1 giới hoàn toàn gồm tướng của sắc uẩn hoặc hoàn toàn gồm tướng của thức uẩn, hoặc giới số chẳng phải uẩn số là pháp giới. Ba câu, nghĩa là trong câu hỏi chỉ có 3 câu đáp. Như hỏi: Uẩn số cũng là xứ số chẳng, hay xứ số cũng là uẩn số chẳng? Đây nên đáp 3 câu. Hoặc uẩn số chẳng phải xứ số. Nghĩa là sắc uẩn hoặc xứ số chẳng phải uẩn số là pháp xứ. Hoặc uẩn số cũng là xứ số. Nghĩa là thức uẩn ý xứ đều chẳng phải số, nhất định không có trong uẩn xứ. Bốn câu, nghĩa là trong câu hỏi làm 4 câu đáp. Như hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn cũng thành tựu nhĩ căn chẳng, hay thành tựu nhĩ căn cũng thành tựu nhãn căn chẳng? Nên đáp 4 câu. Câu đầu là người điếc nhãn căn đã sinh không bỏ. Câu thứ hai là người mù nhĩ căn đã sinh không bỏ. Câu thứ ba là nhãn nhĩ căn đã sinh không bỏ. Câu thứ tư trừ các tướng trên. Thuật khả cú, nghĩa là nơi câu hỏi thuận như vậy mà đáp. Bởi không như vậy thì gọi là ngăn chặn câu hỏi. Như hỏi: Các hành ngoài uẩn gồm trong mấy đế? Phải ngăn chặn trả lời. Không có một hành nào ngoài uẩn cả. Đăng luận quyết trạch, nghĩa là y vào bát hà từ và bát nhược từ vấn đáp quyết trạch tất cả chân nguy. Bát hà từ, là dùng 8 chữ hà, có nghĩa là sao, cái gì, thế nào v.v... như hỏi: Ai là vô sở đắc? Là Bồ-tát Ma-ha-tát đã được Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Chỗ nào là vô sở đắc? Là tướng của sở thủ năng thủ. Cái dụng gì là vô sở đắc? Là dụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì cái gì là vô sở đắc? Là vì cứu thoát tất cả hữu tình khiến trụ chính đẳng Bồ-đề. Do gì mà vô sở đắc? Là do gặp Phật ra đời nghe chính pháp, như lý tác ý pháp tùy pháp hành. Cái gì là vô sở đắc? Là tất cả pháp là vô sở đắc. Nơi cái gì là vô sở đắc? Là nơi thắng giải hành địa cho đến thứ 10 Bồ-tát địa. Có bao nhiêu vô sở đắc? Có 11 thứ: 1. Đã sinh đã diệt. 2. Chưa sinh. 3. Hiện tiền. 4. Nhân lực sinh ra. 5. Sức của thiện hữu sinh. 6. Tất cả pháp vô sở đắc. 7. Không tính vô sở đắc. 8. Có ngã mạn. 9. Không ngã mạn. 10. Chưa đủ tư lương. 11. Đã đủ tư lương. Như vậy 11 vô sở đắc tùy chỗ có quá

khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc kém hoặc hơn, hoặc xa hoặc gần theo thứ tự phải biết. Giống như hà từ, nhược từ, nghĩa là những từ có chữ nếu, cũng vậy. Nghĩa là nếu năng vô sở đắc, nếu sở vô sở đắc, nếu dụng vô sở đắc, nếu là vô sở đắc, nếu do vô sở đắc, nếu kia vô sở đắc, nếu ở nơi vô sở đắc, nếu vậy vô sở đắc. Như vậy tất cả xứ đều phải biết hết. Lại có 4 thứ đạo lý của đẳng luận quyết trạch, là năng phá, năng lập, năng đoạn, và năng giác. Năng phá, nghĩa là ngăn chặn và phá chỗ lập luận của tông kia. Ác thuyết kia không phải là thiện sự. Năng lập, nghĩa là kiến lập ngôn luận của tông mình. Đây là thiện thuyết, chân thật thiện sự. Năng đoạn, nghĩa là có thể giải quyết các thứ kia sinh nghi. Năng giác, nghĩa là khai mở tâm ngu khiến hiểu diệu nghĩa. Lại có 5 thứ đạo lý của đẳng luận quyết trạch. Như tụng nói:

*Tự tính sở y thức,
Thanh tịnh với phương tiện,
Phải biết 5 điều 6,
Quán các pháp sở tri.*

Tự tính có 6 là: 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Cảnh giới. 4. Hành tướng. 5. Đẳng vô gián. 6. Tăng thượng. Sở y có 6 là: 1. Sở y. 2. Y. 3. Nhiếp. 4. Tương ưng. 5. Thành tựu. 6. Tụ nhiệm. Thức có 6 là: 1. Thức. 2. Thụ. 3. Tưởng. 4. Tác ý. 5. Trí. 6. Biến tri. Thanh tịnh có 6 là: 1. Thanh tịnh. 2. Từ. 3. Xuất ly. 4. Thâm thâm. 5. Giải thoát môn. 6. Nhập tất cả pháp. Phương tiện có 6 là: 1. Phương tiện. 2. Thông đạt. 3. Tu. 4. Viên chứng. 5. Cứu cánh. 6. Dẫn phát.

Tự tính có 4 thứ, là thật tự tính, giả tự tính, thế tục tự tính, và thắng nghĩa tự tính. Nhân có 4 thứ, là sinh nhân, thành nhân, chuyển nhân, và hoàn nhân. Cảnh giới có 7 thứ, là hữu tướng cảnh, hữu phân biệt cảnh, đối trị cảnh, an trụ cảnh, tăng ích cảnh, tổn giảm cảnh, và tự tại cảnh. Hành tướng có 5 thứ, là phân tích hành tướng, sai biệt hành tướng, chính giải hành tướng, quán sát hành tướng, và tác tùy

tác hành tướng. Đẳng vô gián có 9 thứ, là tự loại đẳng vô gián, dị loại đẳng vô gián, Tam-ma-bát-đề đẳng vô gián, thoái đẳng vô gián, sinh đẳng vô gián, lân thứ đẳng vô gián, cách việt đẳng vô gián, khởi đẳng vô gián, và diệt đẳng vô gián. Tăng thượng có 7 thứ, là thủ tăng thượng, sinh tăng thượng, trụ tăng thượng, thụ dụng tạp nhiễm tăng thượng, thanh tịnh tăng thượng, điền tăng thượng, và chấp thụ tăng thượng. Sở y có 8 thứ, là giới sở y, thú sở y, châu chử sở y, thôn điền sở y, Bồ-đặc-già-la sở y, vô bệnh sở y, Thi-la sở y, và trang nghiêm sở y. Y có 5 thứ, là chúng cụ y, thiện hữu y, pháp y, tác ý y, và Tam-ma-bát-đề y. Nhiếp có 11 thứ, là giới nhiếp, tướng nhiếp, chủng loại nhiếp, phần vị nhiếp, trợ bạn nhiếp, thời nhiếp, phương nhiếp, cụ phần nhiếp, nhất phần nhiếp, cánh hỗ nhiếp, và thắng nghĩa nhiếp. Tương ưng có 10 thứ, là tha tính tương ưng, bất tương vi tương ưng, biến hành tương ưng, bất biến hành tương ưng, sở trị tương ưng, năng trị tương ưng, tăng tập tương ưng, vị tăng tập tương ưng, hạ liệt tương ưng, và quảng đại tương ưng. Thành tựu có 3 thứ, là chủng tử thành tựu, tự tại thành tựu, hiện hành thành tựu. Tạp nhiễm có 4 thứ, là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm, chương tạp nhiễm. Thức có 6 thứ, là nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Thụ có 3 thứ, là khổ, lạc, bất khổ bất lạc. Tướng có 20 thứ, là vô thường tướng, vô thường khổ tướng, khổ vô ngã tướng, yêm ly thực tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, quá hoạn tướng, đoạn tướng, ly dục tướng, diệt tướng, tử tướng, bất tịnh tướng, xanh bầm tướng, thối rữa tướng, phá hoại tướng, chương sinh tướng, ăn nuốt tướng, máu me bê bết tướng, ly tán tướng, xương trắng tướng, không quán tướng. Tác ý có 7 thứ, là liễu tướng tác ý, thắng giải tác ý, viễn ly tác ý, nhiếp lạc tác ý, quán sát tác ý, phương tiện cứu cánh tác ý, phương tiện cứu cánh quả tác ý. Trí có 10 thứ, là pháp trí, loại trí, thể tục trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí. Biến tri có 9 thứ, là Dục hệ kiến khổ tập sở đoạn đoạn biến tri, Sắc Vô sắc hệ kiến khổ tập sở đoạn đoạn biến tri, Dục hệ kiến diệt

sở đoạn đoạn biến tri, Sắc Vô sắc hệ kiến diệt sở đoạn đoạn biến tri, Dục hệ kiến đạo sở đoạn đoạn biến tri, Sắc Vô sắc hệ kiến đạo sở đoạn đoạn biến tri, thuận hạ phần kết đoạn biến tri, Sắc ái tận biến tri, Vô sắc ái tận biến tri. Thanh tịnh có 7 thứ, là giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh, kiến thanh tịnh, độ nghi thanh tịnh, đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh, hành trí kiến thanh tịnh, hành đoạn trí kiến thanh tịnh, Từ có 8 thứ, là 8 từ có chữ hà là sao, thế nào, cái gì v.v... và 8 từ có chữ nhược là nếu. Xuất ly có 6 thứ, là thế gian xuất ly, Thanh Văn xuất ly, Độc Giác xuất ly, Đại thừa xuất ly, không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly. Thâm thâm có 10 thứ, là tướng thâm thâm, tạp nhiễm thâm thâm, thanh tịnh thâm thâm, duyên khởi thâm thâm, nghiệp thâm thâm, trí thâm thâm, sinh thâm thâm, Bồ-đề thâm thâm, Phật thâm thâm, giáo thâm thâm. Giải thoát môn có 3 thứ, là không, vô nguyện, vô tướng. Nhập tất cả pháp có 8 thứ, là tất cả pháp dục là căn bản, tác ý sinh, xúc nhóm hợp khởi, thụ dẫn nhiếp, định là thượng thủ, tuệ là tối thắng, giải thoát là kiên cố, xuất ly là tận cùng. Phương tiện có 7 thứ, là nhiệm trì phương tiện, Du-già phương tiện, tướng phương tiện, quyết trạch phương tiện, cách việt phương tiện, lân thứ phương tiện, lân thứ cách việt phương tiện. Thông đạt có 5 thứ, là hữu tướng văn tự thông đạt, sở nhiếp năng nhiếp thông đạt, trì thông đạt, tốc thông đạt, pháp tính thông đạt. Tu có 4 thứ, là đắc tu, tập tu, trừ khử tu, đối trị tu. Viên chứng có 4 thứ, là quả viên chứng, ly dục viên chứng, căn mãn túc viên chứng, công đức viên chứng. Cứu cánh có 6 thứ, là trí cứu cánh, đoạn cứu cánh, tất cánh cứu cánh, bất tất cánh cứu cánh, hạ liệt cứu cánh, quảng đại cứu cánh, . Dẫn phát có 20 thứ, là vô lượng dẫn phát cho đến tất cả thứ diệu trí dẫn phát.

HẾT QUYỂN 15

ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẠP TẬP LUẬN

QUYỂN 16

Phẩm 4 – 2: PHẨM LUẬN TRONG QUYẾT TRẠCH PHẢN

Thật tự tính, nghĩa là tính thật hữu của các pháp. Giả tự tính, nghĩa là tính giả hữu của các pháp. Thế tục tự tính, nghĩa là tính thế tục hữu của các pháp. Thắng nghĩa tự tính, nghĩa là tính thắng nghĩa hữu của các pháp. Sinh nhân, nghĩa là nhân v.v... 4 duyên. Thành nhân, là 3 lượng: 1. Hiện lượng. 2. Tỷ lượng. 3. Thanh lượng. Chuyển nhân, là thuận duyên khởi. Hoàn nhân, là nghịch duyên khởi. Cảnh có tướng, là mắt v.v... 5 thức duyên sắc v.v... 5 cảnh. Do duyên đây sinh, chỉ có tướng không phân biệt. Cảnh có phân biệt, là ý thức duyên cảnh. Do duyên cảnh đây có sinh phân biệt. Cảnh đối trị, là duyên cảnh này xả bỏ tạp nhiễm, vì có thể đối trị. Cảnh an trụ, là duyên cảnh này có thể sinh thánh thiên phạm trụ, vì là nơi an trụ của các thánh. Cảnh tăng ích, là duyên cảnh này có thể chuyển thắng tiến, vì là nhân của thắng tiến. Cảnh tổn giảm, là duyên cảnh này có thể nhập vô tướng định, diệt tận định, vì là nhân của tâm tâm pháp tổn giảm. Cảnh tự tại, là duyên cảnh này phát thân thông v.v... các công đức thắng phẩm, vì là nhân của tự tại. Phân tích hành tướng, nghĩa là phân tích các thứ phẩm loại các pháp, như có sắc không có sắc, có thấy không thấy v.v... Hành tướng sai biệt, nghĩa là nghĩa sai biệt của các pháp, như một tín tướng, hoặc gọi tịnh tâm, hoặc gọi hỷ lạc, hoặc gọi nhãn khả v.v... Hành tướng chính giải, nghĩa là chính giải cảnh

sở duyên của các hành tướng, như hành tướng minh liễu phân biệt gọi là thức. Hành tướng thủ lấy ảnh tượng gọi là tướng. Hành tướng lãnh nạp gọi là thụ v.v... Hành tướng quán sát, có 16 hành tướng, tức vô thường v.v... có 4, nhân v.v... có 4, diệt v.v... có 4. đạo v.v... có 4. Hoặc thế tục 6 hành, là thô hành, chướng hành, khổ hành, tĩnh hành, diệu hành, và ly hành. Hành tướng tác tùy tác, nghĩa là đã làm rồi, lại theo đó làm nữa. Do hành này khéo giữ gìn được mình, rồi lại khởi các sự giữ gìn khác. Tự loại đẳng vô gián, nghĩa là tham vô gián rồi lại sinh tham. Sân v.v... cũng vậy, vì sinh các chủng loại vô gián khác. Dị loại đẳng vô gián, nghĩa là tham vô gián sinh sân v.v..., Dục giới vô gián sinh Sắc giới, Sắc giới vô gián sinh Vô sắc giới v.v... Tam-ma-bát-đề v.v... vô gián, nghĩa là tướng Tam-ma-bát-đề vô gián sinh. Như Dục giới thiện vô gián nhập sơ tĩnh lự, sơ tĩnh lự vô gián trở lại sinh Dục giới. Như vậy ở đệ nhị tĩnh lự v.v... và Vô sắc định, như lý nên biết. Thoái đẳng vô gián, nghĩa là từ bậc tĩnh lự khi thoái, vô gián sinh khởi. Sinh đẳng vô gián, nghĩa là khi thụ sinh, vô gián sinh. Như từ Dục giới vô gián sinh Sắc giới v.v... Lân thứ đẳng vô gián, nghĩa là các tâm tâm pháp vô gián tuần tự sinh, trong trung gian tâm không đoạn tuyệt. Cách việt đẳng vô gián, khi khởi diệt định v.v... tâm tâm pháp sinh trước ngóng trông tâm tâm pháp sinh sau, trung gian có cách vượt. Khởi đẳng vô gián, nghĩa là nếu pháp này vô gián thì pháp kia tuần tự sinh. Diệt đẳng vô gián, nghĩa là pháp này vô gián thì pháp kia tuần tự diệt. Như tâm tâm pháp vô gián diệt rồi, hoặc nhập diệt tận định, hoặc nhập vô tướng định, hoặc nhập vô dư Niết-bàn giới. Thủ tăng thượng, nghĩa là nhãn căn v.v... trông ngóng có thể thủ cảnh giới, vì có sức tăng thượng. Sinh tăng thượng, nghĩa là nam căn nữ căn trông ngóng việc sinh thai, vì có sức tăng thượng. Trụ tăng thượng, nghĩa là mạng căn trông ngóng trụ trong thân v.v..., vì có sức tăng thượng. Thụ dụng tạp nhiễm tăng thượng, nghĩa là 5 thụ căn trông ngóng chỗ thụ dụng, vì có sức tăng thượng. Lại nữa vì tham v.v... tùy miên, tức là lạc tham tùy miên, khổ sân

tùy miên, bất khổ bất lạc si tùy miên. Thanh tịnh tăng thượng, là tín v.v... 5 căn, vị trí dục tri v.v... 3 căn trông ngóng pháp thể xuất thể thanh tịnh, vì có sức tăng thượng. Điền tăng thượng, là cộng nghiệp trông ngóng sinh khí thể gian, vì có sức tăng thượng. Chấp thụ tăng thượng, là 4 đại chủng trông ngóng sở tạo sắc. Giới sở y, là Dục giới v.v... nhiếp giữ thân. Thủ sở y, là 5 thú nhiếp giữ thân. Châu chủ sở y, là Thiệm-bộ châu v.v... Thôn điền sở y, là nếu y vào làng mạc ruộng nương này mà có thì dùng đây làm sở y. Bồ-đặc-già-la sở y, là nếu y vào Bồ-đặc-già-la này mà có tức dùng đây làm sở y. Vô bệnh sở y, là nếu y vào không bệnh mà có tức dùng đây làm sở y. Thi-la sở y, là nếu y vào Thi-a mà có thì dùng đây làm sở y. Trang nghiêm sở y, là nếu y vào các Sa-môn trang nghiêm kia mà các công đức sinh thì dùng kia làm sở y. Chúng cụ y, nghĩa là 4 y, tức y phục v.v... Thiện hữu y, nghĩa là nếu y vào đây thì các thiện sinh khởi. Pháp y, là khế kinh v.v... 12 phần giáo. Tác ý y, là 7 thứ tác ý tức liễu tướng tác ý v.v... Tam-ma-bát-đề y, là 7 y định. Như kinh nói: Ta nói y sơ tĩnh lự có thể hết các lậu. Cho đến y vào vô sở hữu xứ cũng vậy. Giới nhiếp, nghĩa là các giới chủng tử, do đây có thể thâm giữ chủng tử sinh pháp. Tướng nhiếp, nghĩa là tự tướng các pháp trở lại có thể tự nhiếp giữ. Chủng loại nhiếp, nghĩa là đại loại chủng loại của sắc có 10 sắc xứ thâm nhiếp trong sắc uẩn v.v... Phần vị nhiếp, nghĩa là thuận lạc thụ v.v... thâm nhiếp trong phần vị. Trợ bạn nhiếp, nghĩa là sắc, 5 uẩn thâm nhiếp các quyền thuộc của chúng v.v... Thời nhiếp, nghĩa là quá khứ v.v... thì thâm nhiếp quá khứ v.v... Phương nhiếp, nghĩa là phương sở này có các uẩn v.v... thì thâm nhiếp nơi phương sở này. Cụ phần nhiếp, nghĩa là các sắc vô lậu của Dục, Sắc, Vô sắc thâm nhiếp tất cả sắc. Nhất phần nhiếp, nghĩa là nhãn căn thì nhiếp sắc uẩn v.v... Cánh hỗ nhiếp, nghĩa là uẩn giới xứ nhiếp giữ lẫn nhau. Thắng nghĩa nhiếp, nghĩa là các pháp đều ở trong vô thường, khổ, bất tịnh, không, vô ngã, chân như. Tha tính tương ưng, nghĩa là tương ưng với tính khác không phải tính của chính nó. Bất tương vi tương ưng, nghĩa là

tuy tương ứng với tính khác nhưng chẳng trái nhau. Chẳng phải trái nhau như tham với sân, lạc với khổ v.v... Biến hành tương ứng, là xúc, thụ, tưởng, tư, tác ý trong tất cả tâm. Vô minh, ngã mạn, ngã ái, Tát-ca-da kiến, đây là 4 phiền não ở trong nhiễm ô ý. Bất biến hành tương ứng, nghĩa là trừ biến hành, còn ngoài ra tham v.v..., tín v.v... Sở trị tương ứng, nghĩa là các phiền não tương ứng lẫn nhau. Năng trị tương ứng, nghĩa là các thiện pháp trong đối trị đạo tương ứng lẫn nhau. Tầng tập tương ứng, nghĩa là trừ pháp xuất thế gian và xuất thế hậu sở đắc các pháp tương ứng khác. Vị tầng tập tương ứng, nghĩa là trừ các pháp tương ứng trước. Hạ liệt tương ứng, nghĩa là các pháp tương ứng trong Thanh Văn, Độc Giác thừa. Quảng đại tương ứng, nghĩa là các pháp tương ứng của chư Phật Bồ-tát. Thành tựu thức tạp nhiễm v.v... cho đến 7 thứ thanh tịnh, đã nói tướng của chúng không phải giải thích lại.

Tám từ của chữ hà, nghĩa là “gi”, là hà thùy tín, hà sở tín, dụng hà tín, vi hà tín, do hà tín, hà chi tín, ư hà tín, và kỷ hà tín. Tám từ của chữ nhược, nghĩa là “nếu”, là nhược năng tín, nhược sở tín, nhược dụng tín, nhược vi tín, nhược do tín, nhược bị tín, nhược ư tín, nhược nhĩ sở tín. Như vậy các pháp môn vô lượng đều có 8 thứ. Bất tất cánh xuất ly, nghĩa là do thế gian đạo. Tất cánh xuất ly, nghĩa là do xuất thế gian đạo. Bốn thứ trước dễ hiểu nên không giải thích lại. Tướng thậm thâm, nghĩa là 3 tự tính. Tạp nhiễm thậm thâm, nghĩa là chân như vì sao nhiễm mà không nhiễm. Thanh tịnh thậm thâm, nghĩa là chân như vì sao tịnh mà bất tịnh. Duyên khởi thậm thâm, nghĩa là không có pháp mà có thật tác dụng nơi sinh khởi, các pháp kia sinh khởi các thứ v.v... lại thật vô ngã mà tựa hồ ngã hiển hiện. Nghiệp thậm thâm, nghĩa là có nghiệp, có quả báo mà tác giả thì không thể có được. Trí thậm thâm, nghĩa là trí vô phân biệt. Làm sao trí này không có phân biệt mà có thể quán tính chân như một cách phân minh. Sinh thậm thâm, nghĩa là các Bồ-tát sinh không do nghiệp lực phiền não mà thị hiện thụ sinh. Bồ-đề thậm thâm, nghĩa là trong vô lậu giới chư Phật

Bồ-đề không thể kiến lập một tính, vì liên tục vô lượng sở chứng, không thể kiến lập nhiều tính, vì sở y không sai biệt. Chư Phật thậm thâm, nghĩa là trong tất cả đại tập hội có các thứ thân, các thứ ý lạc của vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn, nhưng không nói là có tự tha sai biệt. Lại hóa thân Phật không trụ trong tướng Phật mà có thể tạo tác nhiều Phật sự. Giáo thậm thâm, nghĩa là trong Đại thừa giáo có các thứ bí mật ý lạc sai biệt, 3 môn giải thoát và tất cả pháp, dục là căn bản v.v... đã nói tướng của chúng không phải giải thích lại.

Nhiệm trì phương tiện, nghĩa là các phương tiện trong tư lương. Du-già phương tiện, là Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na. Tướng phương tiện, là các phương tiện trong chỉ, cử, xả. Quyết trạch phương tiện, là các phương tiện trong thuận quyết trạch phần. Cách viết phương tiện, là nhiệm trì phương tiện. Lân thứ phương tiện, tức quyết trạch phương tiện. Lân thứ cách viết phương tiện, tức Du-già và tướng 2 thứ phương tiện. Trong thuận quyết trạch phần gọi là lân thứ, trong nhiệm trì phương tiện gọi là cách viết, vì cách xa thánh đạo. Thông đạt tu viên chứng, đã nói ở các chỗ khác nên không giải thích lại. Trí cứu cánh, nghĩa là tận vô sinh trí. Đoạn cứu cánh, nghĩa là tất cả phiền não đã vĩnh đoạn không sót. Tất cánh cứu cánh, là do xuất thế gian đạo. Bất tất cánh cứu cánh, là do thế gian đạo. Hạ liệt cứu cánh, là Thanh Văn, Độc Giác. Quảng đại cứu cánh, là chư Phật Bồ-tát. Bồ-tát cứu cánh, là ở tối hậu vị. Chư Phật cứu cánh, là khi vô chương ngại sinh, giống như trăm ngàn câu-chi mặt trời nhất thời xuất hiện. Hai mươi thứ dẫn phát, trước đã nói rộng. Nhiếp quyết trạch, nghĩa là do 10 xứ thâm nhiếp các quyết định lựa chọn. Những gì là 10 xứ? Là thành sở tác quyết trạch, thú nhập quyết trạch, thắng giải quyết trạch, đạo lý quyết trạch, luận quyết trạch, thông đạt quyết trạch, thanh tịnh quyết trạch, dẫn phát quyết trạch, cú sai biệt quyết trạch, và không do công dụng, khi vừa tác ý thành tất cả nghĩa quyết trạch. Thành sở tác quyết trạch, nghĩa là có thể quyết trạch xong các thứ phương tiện nuôi sống thế gian. Thú nhập quyết trạch, nghĩa là có

thể quán sát trong 3 thừa mình sẽ vào thừa nào, làm sao khiến người khác cũng được thú nhập. Thắng giải quyết trạch, nghĩa là do văn tuệ, như chỗ nghe giáo pháp khởi thắng tín giải. Đạo lý quyết trạch, nghĩa là do tư tuệ cân nhắc trước sau nói các ý thú. Luận quyết trạch, nghĩa là như chỗ nghe, tư duy kiến lập vấn luận đạo lý, để khiến lần lượt thụ dụng pháp lạc. Thông đạt quyết trạch, nghĩa là kiến đạo có thể thông đạt đế lý. Thanh tịnh quyết trạch, nghĩa là tu đạo để có thể tịnh các phiền não vô dư. Dẫn phát quyết trạch, nghĩa là thắng tiến đạo để có thể dẫn phát thắng công đức. Cú sai biệt quyết trạch, nghĩa là dùng 2,3,4 câu khác nhau dẫn phát môn diễn thuyết vô biên pháp nghĩa sai biệt. Không do dụng công, vừa khi tác ý là thành tất cả nghĩa quyết trạch, nghĩa là trí Như Lai thì trước lia sự dụng công, đối với tất cả nghĩa khi vừa mới tác ý là trí vô trước vô ngại kiến chuyên. Luận quỹ quyết trạch, lược có 7 thứ: 1. Luận thể. 2. Luận xứ. 3. Luận y. 4. Luận trang nghiêm. 5. Luận phụ. 6. Luận xuất ly. 7. Luận nhiều chỗ tác pháp. Đối với 7 môn này phương tiện thiện xảo, gọi là luận quỹ quyết trạch. Luận thể, lại có 6 thứ: 1. Ngôn luận. 2. Thượng luận. 3. Tránh luận. 4. Hủy luận. 5. Thuận luận. 6. Giáo luận. Ngôn luận, nghĩa là ngôn ngữ tất cả thế gian. Thượng luận, nghĩa là các luận được nghe trong thế gian, vì thế trí ưa chuộng. Tránh luận, nghĩa là những ngôn luận tương phản nhau. Hủy luận, nghĩa là những luận điệu giận dữ phát ngôn thô ác với nhau. Thuận luận, nghĩa là tùy thuận trí thanh tịnh quyết trạch ngôn luận. Giáo luận, nghĩa là dạy dỗ hữu tình tâm chưa định thì khiến cho tâm định, tâm đã định thì khiến được giải thoát. Có những diễn đàn ngôn luận hoặc ở nơi vương gia, hoặc ở nơi chấp pháp, hoặc đối trước người thuần chất đủ sức lường đặc, hoặc đối trước bạn lành, hoặc đối trước các Sa-môn Bà-la-môn giỏi pháp nghĩa v.v... mà lập luận. Nơi vương gia, là nơi đó vua đích thân giảng lâm. Nơi chấp pháp, là như nơi xử đoán của triều đình. Người thuần chất đủ sức lường đặc, là thương nhân v.v... Bạn lành, là người lập luận là người trong bạn

bè, đối địch không quá lời. Sa-môn Bà-la-môn giỏi pháp nghĩa, là những người thông hiểu giỏi văn nghĩa trong các luận kia. Luận y, nghĩa là y vào lập luận này, lược có 2 thứ: 1. Sở thành lập. 2. Năng thành lập. Sở thành lập có 2: 1. Tự tính. 2. Sai biệt. Năng thành lập có 8 thứ: 1. Lập tông. 2. Lập nhân. 3. Lập dụ. 4. Hợp. 5. Kết. 6. Hiện lượng. 7. Tỷ lượng. 8. Thánh giáo lượng. Tự tính, nghĩa là ngã tự tính và pháp tự tính, được thành lập hoặc có hoặc không. Sai biệt, nghĩa là ngã sai biệt và pháp sai biệt, hoặc biến khắp tất cả hoặc chẳng phải biến khắp tất cả, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc hữu sắc hoặc vô sắc v.v... vô lượng sai biệt.

Lập tông, nghĩa là căn cứ chỗ phải thành lập, tự cho nghĩa, nói rõ cho người kia hiểu. Sở dĩ vì sao? Nếu không nói chỗ căn cứ phải thành lập, là tự tông đã thành mà nói rõ cho người nên gọi là tông. Nếu không nói tự cho nghĩa, là nói rõ cho người nghĩa tông phải thành lập nên gọi là lập tông. Nếu không nói cho người, chỉ xưng lên lời này nên gọi là lập tông. Nếu không nói rõ, là dùng thân biểu thị nghĩa này nên gọi là lập tông. Nếu không nói khiến cho người khác hiểu, thì người nghe chưa rõ nghĩa này nên gọi là lập tông. Nếu như chỗ an lập không tất cả quá lượng, kiến lập tự tính ngã pháp hoặc có hoặc không, sai biệt ngã pháp biến khắp hoặc không biến khắp v.v... đầy đủ tướng trước, đó là lập tông.

Lập nhân, nghĩa là nơi chỗ thành lập chưa hiển thị rõ nghĩa, chính thuyết hiện lượng có thể được không thể được v.v... tướng của tín giải. Tướng tín giải, là nghĩa của nhân tín giải. Sở dĩ vì sao? Do chính nói rõ tướng của hiện lượng có thể được không thể được v.v... ở nơi chỗ phải thành lập, chưa hiển rõ nghĩa tín giải được sinh. Cho nên chính nói tướng kia là lập nhân. Hiện lượng có thể được không thể được, là dựa vào tự thể và tướng mạo mà nói.

Lập dụ, nghĩa là lấy bên đã thấy với bên chưa thấy hòa hợp chính thuyết. Bên đã thấy, là phần đã hiển rõ. Bên chưa thấy, là phần

chưa hiển rõ. Dùng phần hiển rõ làm rõ phần chưa rõ, khiến nghĩa được bình đẳng có chính thuyết gọi là lập dụ.

Hợp, nghĩa là dẫn các nghĩa khác của chủng loại này khiến chính thuyết lý thú pháp này. Nghĩa là do 3 phần thành lập như trước đã thành nghĩa. Lại nữa, để thành lập các nghĩa khác của chủng loại này lại dẫn nghĩa kia khiến vào trong pháp này chính thuyết đạo lý gọi là hợp.

Kết, nghĩa là đến chỗ rốt ráo có chính thuyết. Do đạo lý này cực kỳ thành tựu hoàn thiện, cho nên việc này quyết định không khác. Kết hội cứu cánh gọi là kết. Đã nói xong các tướng lập tông. Nay sẽ đại lược nói các việc. Như vô ngã luận, là đối lại ngã luận, trước tiên nói các pháp vô ngã. Câu nói này là lập tông. Tiếp nói vì nếu ở trong uẩn thi thiết thì có 4 lỗi. Câu nói này là lập nhân. Sở dĩ vì sao? Nếu ở trong uẩn thi thiết thật ngã, thì cái chấp ngã này tức tướng của uẩn là ở trong uẩn hay ở nơi khác, hay không thuộc uẩn mà thi thiết chăng? Nếu ngã tức tướng của uẩn mà thi thiết, thì uẩn không tự tại, do từ các duyên sinh, là pháp sinh diệt. Nếu tức là tướng kia thì không thành ngã. Đó là lỗi trước tiên. Nếu ở trong uẩn mà thi thiết, thì các uẩn sở y đã là vô thường nên cái ngã năng y cũng phải vô thường. Đó là lỗi thứ hai. Nếu tách rời uẩn mà thi thiết nơi khác, thì ngã không có nhân, ngã cũng trở thành vô dụng. Đó là lỗi thứ ba. Nếu không thuộc uẩn mà thi thiết, thì cái ngã phải độc lập tồn tại, tự tính giải thoát mà lại cầu giải thoát là mất công. Đó là lỗi thứ tư. Tiếp nói, như ở trong hiện tại mà thi thiết quá khứ. Câu nói này là lập dụ. Sở dĩ vì sao? Nếu đồng là tướng hiện tại mà thi thiết có quá khứ, thì cái chấp quá khứ đây là tướng hiện tại, là ở trong hiện tại, hay là nơi khác, hay là không cần hiện tại mà thi thiết chăng? Nếu tức là tướng hiện tại mà thi thiết thì đã sinh chưa diệt là tướng hiện tại, vậy pháp thể của quá khứ cũng phải là tướng đã sinh chưa diệt. Đó là lỗi thứ nhất. Nếu ở trong hiện tại thi thiết, thì ở trong cái chưa diệt thi thiết diệt thể là

không phù hợp nên không đúng đạo lý. Đó là lỗi thứ hai. Nếu tách rời hiện tại mà thi thiết nơi khác nơi khác thì trừ hiện tại ra không thật có tí gì là việc hữu vi, làm sao thi thiết nơi đó? Đó là lỗi thứ ba. Nếu không đợi phải hiện tại mới thi thiết thì cũng nên thi thiết vô vi làm đời quá khứ. Đó là lỗi thứ tư. Nhưng tướng quá khứ đã hoại diệt nên thành nghĩa vô tướng. Nếu đồng hiện tại thi thiết tức thành 4 lỗi. Cho nên tướng quá khứ không thành tựu các pháp. Vô ngã cũng vậy. Nếu thi thiết trong uẩn tức thành 4 lỗi, nên thành nghĩa vô ngã. Tiếp nói như vậy ngăn phá ngã điên đảo rồi, tức do đạo lý này thường v.v... cũng không. Câu nói này là hợp. Sau nói do đạo lý này cho nên 5 uẩn đều vô thường cho đến vô ngã. Câu nói này là kết.

Hiện lượng, nghĩa là tự chính rõ ràng không có nghĩa mê loạn. Tự chính nghĩa ngôn, hiển thị tự chính thủ nghĩa. Như do nhãn chính thủ sắc v.v... Câu nói này là đơn giản thế gian hiện được cái bình v.v... đều cho là hiện lượng được. Do kia là giả cho nên chẳng phải hiện lượng được minh liễu. Nói là phân biệt lựa chọn do có chương v.v.. Không thể được nhân nên không hiện tiền, cảnh không mê loạn nói là phân biệt vòng lửa xoay là bánh xe, sóng nắng v.v...

Tỷ lượng, nghĩa là hiện các tín giải. Thế là thế nào? Nghĩa là trừ hiện lượng sở đắc, các việc không hiện khác quyết định đều chuyển. Trước thấy thành tựu, nay khi hiện thấy một phần kia, thì các phần khác sinh chính tín giải. Nghĩa là kia đối với quyết định này phải do có đều chuyển. Như ở xa trông thấy khói biết ở đó có lửa. Đó gọi là hiện lượng là trước tỷ lượng.

Thánh giáo lượng, nghĩa là giáo pháp không trái 2 lượng. Là thế nào? Là có giáo pháp đều không trái với hiện lượng và tỷ lượng, quyết không di chuyển, nhất định có thể tin thụ nên gọi là thánh giáo lượng.

Luận trang nghiêm, nghĩa là y luận chính lý mà phát luận đoạn rất tốt đẹp, gọi là luận trang nghiêm. Đây có 6 thứ: 1. Thiện tự tha

tông. 2. Ngôn âm viên mãn. 3. Vô úy. 4. Biện tài. 5. Đôn túc. 6. Ứng cúng. Thiện tự tha tông, nghĩa là với tông của mình tông của người, nào văn nào nghĩa, trước sau hiểu rõ ràng minh bạch. Ngôn âm viên mãn, nghĩa là khéo hiểu rõ thanh luận mới khởi luận đọan, lia lổ làm âm thanh ngôn ngữ trong khi nói, phát ngôn không lộn xộn v.v... Vô úy, nghĩa là mặc dù ở trong đám đông có nhiều người giỏi, phát ngôn thản nhiên không sợ sệt. Biện tài, nghĩa là nói năng không vấp vấp. Đôn túc, nghĩa là lời nói không nóng vội không hấp tấp. Quán sát đối phương, ngôn từ đầy đủ rất ráo ròi mới phát ngôn. Ứng cúng, nghĩa là lập tính hiền hòa, phát ngôn đằm thắm, phương tiện tùy thuận tâm của đối phương.

Luận phụ, nghĩa là xả ngôn, ngôn khuất, ngôn quá. Do 3 thứ này những người lập luận sa vào chỗ thua cuộc bị người khuất phục. Xả ngôn, nghĩa là tự phát ngôn nói lổi của luận, mình khen đức tốt của luận người. Nghĩa là tôi không tốt ông tốt. Ngôn khuất, nghĩa là mượn có chuyện khác mà phương tiện rút lui, hoặc nói chuyện ngoài mà bỏ bản tông của mình, hoặc tỏ ra tức giận, khinh khi, che giấu v.v... như kinh nói rộng. Mượn có việc khác mà phương tiện rút lui, nghĩa là mượn các việc khác làm rồi nghĩa đang nói. Như kinh nói: Trưởng lão Xiển-đặc-ca cùng tranh luận với ngoại đạo, hoặc hủy bỏ chỗ lập tông của mình, hoặc lập tông rồi hủy bỏ. Ngôn quá, lược có 9 thứ: 1. Lộn xộn. 2. Thô kệch. 3. Không biện rõ. 4. Không hạn lượng. 5. Tương ưng với phi nghĩa. 6. Không đúng lúc. 7. Không quyết định. 8. Không làm rõ. 9. Không liên tục. Lộn xộn, nghĩa là bỏ việc tranh luận nói rộng ra chuyện khác. Thô kệch, là giận tức phát lời thô bạo. Không biện rõ, là nói pháp không rõ nghĩa, khiến người nghe và đối phương không hiểu. Không hạn lượng, nghĩa là nói nghĩa lý ngôn từ trùng lặp, hoặc tăng hoặc giảm. Tương ưng phi nghĩa, là lược có 5 thứ: 1. Vô nghĩa. 2. Trái nghĩa. 3. Tồn lý. 4. Với sở thành v.v... 5. Chiêu tập nghĩa quá khó, không thể được, nghĩa không phù hợp, không quyết định, năng thành đạo lý lại phải thành, theo đuổi tất cả

ngôn luận phi lý phi đề. Không đúng lúc, nghĩa là những gì cần phải nói trước sau không thứ tự. Không quyết định, nghĩa là lập rồi lại hủy, hủy rồi lại lập, thay đổi mau chóng khó có thể biết được. Không làm rõ, nghĩa là vượt Xiển-đà luận tướng, không hiểu mà đáp, hoặc điển cố hoặc ngôn từ dân gian lộn xộn. Không liên tục, nghĩa là ở giữa chừng ngôn từ đứt đoạn.

Luận xuất ly, nghĩa là quán sát công đức hoặc lỗi lầm khiến luận xuất ly, hoặc lại không làm, sợ rơi vào thất bại nên không khởi luận. Giả như hưng khởi có thể khéo cứu cánh. Lại như biết địch luận là chẳng phải pháp khí, thời, chúng, không có đức, tự mình không có thiện xảo thì không nên khởi luận. Nếu biết địch luận là pháp khí, bấy giờ chúng có đức, tự mình có thiện xảo mới có thể khởi luận. Địch luận chẳng phải pháp khí, nghĩa là kia không thể xuất, không khéo ở nơi thiện xứ. Bấy giờ chúng không có đức, nghĩa là không thuần chất, thích nơi vắng vẻ, chấp hữu, thiện lệch v.v... Tự mình không thiện xảo, nghĩa là trong luận thể cho đến luận trang nghiêm không khéo thông đạt. Trái với đây gọi địch luận là pháp khí v.v...

Luận có nhiều chỗ tác pháp, là lược có 3 thứ phải sẵn sàng trước khi khởi luận đoạn. Những gì là 3: 1. Rõ thấu kỹ tông của mình và tông của người. Do đó có thể khởi đàm luận khắp. 2. Không sợ sệt, do đây có thể ở trong mọi đám đông hưng khởi tranh luận. 3. Tài hùng biện, do đây có thể đáp tốt các vấn nạn.

Lại nữa, nếu muốn tự cầu lợi ích an lạc thì phải thông suốt giỏi các luận pháp, không nên tranh cãi với người khác. Như Bạc-già-phạm trong Kinh Đại Thừa A Tì Đạt Ma nói: Nếu các Bồ-tát muốn siêng năng tinh tiến tu các thiện phẩm, muốn thực hành đúng thật pháp tùy pháp hành, muốn khéo nhiếp ích tất cả hữu tình, muốn được mau chóng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì phải chính quán sát 12 xứ pháp, không nên tranh cãi cùng người. Những gì là 12? 1. Khi nói rõ chúng vô thượng nghĩa vi diệu pháp, là khó có được người

tin hiểu điều đó. 2. Người dùng tâm thụ giáo mà xin hỏi, là rất khó có được. 3. Thời chúng hiền thiện quán sát công đức và lỗi lầm, là rất khó có được. 4. Khi khởi luận có thể lìa 6 lỗi, là rất khó có được. Những gì là 6? Là lỗi chấp trước tà tông, lỗi nói kiêu loạn, lỗi nói không hợp thời, lỗi nói thoái khuất, lỗi nói thô ác, lỗi tâm giận dữ. 5. Khi khởi luận không ôm tâm ác độc, là rất khó có được. 6. Khi khởi luận khéo hộ tâm người, là rất khó có được. 7. Khi khởi luận khéo hộ định tâm, là rất khó có được. 8. Khi khởi luận có tâm muốn mình kém người hơn, là rất khó có được. 9. Mình kém người hơn, tâm không phiền não, là rất khó có được. 10. Tâm đã phiền não được trụ an ổn, là rất khó có được. 11. Đã được trụ an ổn, thường tu thiện pháp, là rất khó có được. 12. Trong các thiện pháp đã không hằng tu, tâm chưa đắc định có thể mau đắc định, tâm đã đắc định có thể mau giải thoát, là rất khó có được. Trong kinh này đã nói siêng năng tinh tiến tu các thiện phẩm, vì sao lại nói hành chân thật pháp tùy pháp hành? Vì để làm rõ ý lạc thanh tịnh. Sở dĩ vì sao? Vì không phải để được lợi dưỡng cung kính v.v... mà tu văn tự v.v... các thiện phẩm. Muốn khéo nhiếp ích hữu tình là biệt Thanh Văn hạnh v.v... bởi các Bồ-tát lấy lợi tha hạnh làm hơn. Như vậy Bồ-tát hạnh tự lợi lợi tha đầy đủ rồi mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Lại nữa ý nghĩa các câu trong kinh này, là khi khởi luận pháp tính Đại thừa là thậm thâm vô thượng, nếu dùng tâm không tranh cãi mà hiểu hãy còn khó. Huống chi là cạnh tranh. Phạm khởi tranh luận, tuy phát hỏi vô tâm cầu hiểu, chỉ tìm kiếm lỗi lầm. Lại nữa tâm của kẻ bàng chứng không thành thật ngay thẳng, không giỏi tông môn lại ưa tà chấp, những điều nói ra phần nhiều đủ 6 lỗi lầm. Sở dĩ vì sao? Phạm khi khởi luận thì hoặc có tư tâm chấp trước tà tông, hoặc bóp méo phương tiện mong bên kia sai lầm, hoặc không đợi nói xong mà nói rối loạn, hoặc luận giả dối địch nói khen chính lý mà lại phỉ báng bài bác, hoặc nói lời thô bỉ làm não lòng luận giả đối phương và tâm của người nghe, hoặc tự ôm giận dữ, đa phần đủ 6 thứ lỗi như vậy. Lại nữa khi khởi

luận, thân tâm tịch tĩnh là điều rất khó được. Không tịch tĩnh nên khó thành 2 việc là khéo hộ tâm người và khéo hộ tâm mình. Do đây khiến tâm người được tịnh tín, nơi giải thoát chính cần phương tiện khiến tự tâm định. Lại nữa, khi khởi luận phần nhiều khởi tâm này thì thế nào là chỗ khiến ta được thắng người bị thua? Nếu không vừa lòng liền ôm sự nóng nảy sâu não, do có tâm trạng đó không trụ trong an lạc, không thể tu thiện không gián đoạn. Cho nên đối với pháp tăng thượng chứng kia chưa được đã thoái đọa.

Bí mật quyết trạch, nghĩa là nói các nghĩa danh cú văn thân, ẩn giấu chuyển biến lại hiển thị các nghĩa khác. Như kinh nói:

*Nghịch hại với cha mẹ,
Vua và hai đũa vãn.
Tru quốc và tùy hành,
Người này nói thanh tịnh.*

Nay trong tụng này biểu lộ bằng những chữ mà thế gian đều cho là tội ác cực nặng, chuyển biến sự ẩn giấu hiển lộ các nghĩa thanh tịnh. Những gì là thế gian đều cho là tội ác cực nặng? Là nghịch hại người tôn quý và đại chúng. Người tôn quý có hai, một là riêng hai là chung. Chung lại có hai, một là người bảo hộ thế gian, hai là người nên cúng dường. Riêng cũng có hai, là cha và mẹ. Người bảo hộ thế gian, là vua. Người nên cúng dường, là đũa vãn phạm chí, vì người đời đều cho là hạng rất thanh tịnh. Cho nên giết hại những bậc ấy thì nói chung là nghịch tôn nhân. Nếu giết hại người trong nước và tùy hành súc sinh gọi là hại đại chúng. Hiển thị nghĩa này bằng những chữ thế gian đều cho là tội ác cực nặng. Thế nào là chuyển các chữ bí mật này hiển thành nghĩa tịnh? Nghĩa là câu nghịch hại cha mẹ v.v... chuyển đổi bí mật thành hiển thị là vĩnh đoạn ái v.v... các nghĩa. Sở dĩ vì sao? Hoặc ái hoặc nghiệp, hoặc hữu thủ thức, giới kiến 2 thủ, nhãn v.v... 6 xứ và cảnh sở hành, theo thứ tự gọi là cha, mẹ v.v... vì pháp tương tự. Ái là phát nhân. Nghiệp là sinh nhân. Do đây có thể trông

loại chủng tử tập khí thể gian cha. Do 2 nhân này khiến hữu thủ thức lưu chuyển không dứt, trong khi lưu chuyển tuy cầu giải thoát, nhưng do 2 thứ pháp phi phương tiện, chướng ngại sự đắc giải thoát, là vọng kể đặc thanh tịnh tối thắng. Giới kiến 2 thủ giống như thể gian đa văn phạm chí. Hằng vọng chấp trước tối thắng thanh tịnh, đây có thủ thức sở y sở duyên cảnh giới của 6 xứ. Giống như đất nước trên thể gian và tùy hành, nếu có thể vĩnh đoạn các pháp như vậy, phải biết người đó là rất thanh tịnh. Lại như kinh nói:

*Bất tín, bất tri ân,
Đoạn mật không chỗ chứa,
Hằng ăn người nôn mửa,
Là tối thượng trượng phu.*

Nay trong bài tụng này tuyên thuyết nghĩa cực kỳ thấp hèn ở thể gian bằng những chữ chuyển đổi bí mật hiển thị thành các nghĩa tối thượng. Ở trên đời có 4 thứ thấp hèn, là ý nghiệp thấp hèn, thân nghiệp thấp hèn, ngữ nghiệp thấp hèn, thụ dụng thấp hèn. Ý nghiệp thấp hèn lại có 2 thứ: 1. Không tin trái với thiện sinh, không tin có đời sau v.v..., không hành thí v.v... 2. Không biết ơn thuận sinh bất thiện, không đoái tưởng đến ơn đã qua trái nghịch lý ở đời, khởi hại mẹ v.v... vì có các ác hành. Thân nghiệp thấp hèn, là phá tường trộm cướp, nuôi sống bằng nghiệp hèn mọn. Ngữ nghiệp thấp hèn, là nói dối đáng khinh, người tốt không dung. Thụ dụng thấp hèn, là những thứ nôn mửa mà quý, chó, chim chóc v.v... thích ăn. Hiển thị nghĩa này bằng những chữ người đời cho là cực kỳ thấp hèn. Thế nào là chuyển đổi những chữ này hiển thị nghĩa vô thượng? Nghĩa là nói không tin v.v... chuyển biến mật ngữ hiển thị thành các thắng nghĩa. Không tin, là giải thoát trí kiến, vi tự hiện chứng. Không biết ơn, là Niết-bàn trí. Hữu vi gọi là ơn. Vô vi là phi ân. Biết phi ân nên gọi là không tri ân. Đoạn mật, là vĩnh đoạn hậu hữu, nhân tiếp tục phiền não. Không chỗ dung chứa, là không sinh lại các khổ xứ trong đời

sau. Ăn thứ nôn mửa, nghĩa là trong hiện pháp tuy tạm thời giữ trong người các thứ cần cho đời sống nhưng đối với thân mạng tài sản không sinh vui thích. Nếu được như vậy là tối thượng trọng phụ. Lại như kinh nói:

*Biết không kiên là kiên,
Khéo trụ nơi điên đảo,
Cực phiền não quấy nhiễu,
Được tối thượng Bồ-đề.*

Đây cũng nói như trước, nhưng thể tính của nó là các Bồ-tát y vào Tam-ma-địa, do kiến tu 2 đạo chứng đại Bồ-đề.

Lại các kinh khác nói: Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu 5 pháp thí Ba-la-mật-đa mau được viên mãn. Những gì là 5? 1. Tăng ích xan lẫn pháp tính. 2. Ư thí hữu quyện. 3. Tăng ố khát cầu. 4. Vô tạm thiếu thí. 5. Viễn ly u thí. Tăng ích xan lẫn pháp tính, nghĩa là do vĩnh đoạn xan lẫn tùy miên và các tập khí của chúng chúng đặc pháp tính chân như chuyển y của chúng. Ư thí hữu quyện, nghĩa là vì tu thí, thế nguyện dài thời gian làm các khổ hạnh khó làm. Tăng ố khát cầu, nghĩa là muốn tự thủ nên chán kia cầu xin. Vô tạm thiếu thí, nghĩa là thí mọi lúc mọi thứ. Viễn ly u thí, nghĩa là thường xa lìa ý tưởng mong thí được báo đáp.

Lại các kinh khác nói: Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu 5 pháp gọi là phạm hạnh, là thành tựu đệ nhất thanh tịnh phạm hạnh. Những gì là 5? 1. Thường cầu để lìa dục. 2. Xả đoạn dục pháp. 3. Dục tham đã sinh tức liền chấp chặt. 4. Sợ pháp trị dục. 5. Hai hai thường gặp. Thành tựu đệ nhất thanh tịnh phạm hạnh, là xuất thế gian đạo. Thường cầu lấy dục để lìa dục, nghĩa là lấy biến trí như thật đây vĩnh đoạn kia. Biến trí như thật đây, nghĩa là có thể thông đạt trí chân như này. Xả pháp đoạn dục, nghĩa là hằng quán sát xả đoạn phi phạm hạnh phương tiện. Dục tham đã sinh tức liền chấp chặt, là nội dục

tham đã sinh tức liền nắm chặt tẩn xuất ra ngoài. Sự pháp trị dục, là nói tội lỗi của dục sợ các hữu tình, lập đôi trị đạo cứu vớt tất cả. Hai hai thường gặp, nghĩa là trong 4 chân đế của nhân quả nhiễm tịnh sai biệt, dùng thể xuất thế 2 đạo và Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na 2 đạo thường thường chứng hội.

Vì sao luận này gọi là Đại Thừa A Tì Đạt Ma Tập? Lược có 3 nghĩa, là đẳng sở tập, biến sở tập, chính sở tập. Do giải thích từ lý để rõ được tên nên lập câu hỏi này. Đẳng sở tập, nghĩa là vì các đại Bồ-tát chứng chân hiện quán cùng nhau kết tập. Biến sở tập, nghĩa là vì thâm nhiếp tất cả những chỗ tư duy lựa chọn trong Kinh Đại Thừa A Tì Đạt Ma. Chính sở tập, nghĩa là do phương tiện kết tập không điên đảo cho đặc chứng đắc Phật Bồ-đề./.

TRỌN BỘ 16 QUYỂN HẾT

SỐ 1607
LUẬN LỤC MÔN GIÁO THỤ TẬP ĐỊNH

*Vô Trước Bồ-tát tạo luận
 Thế Thân Bồ-tát giải thích
 Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Nay muốn lợi ích tất cả hữu tình nên dạy tu tập thể định và xuất thể định để mau xả ly các phiền não. Vì vậy thuật phương tiện này.

Tụng nói:

*Người cầu thoát, tích tập,
 Trụ nơi siêng tu tập,
 Được 3 viên mãn rồi,
 Hữu y người tu định.*

Giải thích: Bài tụng đầu tiên nêu tổng quát 6 môn. Nói người cầu thoát, nghĩa là người cầu giải thoát. Tích tập, là có thể chứa nhóm các tư lương thắng hạnh. Trụ nơi siêng tu tập, là khiến tâm khéo trụ nơi sở duyên, gọi đó là định, vì không tán loạn không dao động.

Hỏi: Tu tập như thế nào? Nghĩa là được 3 viên mãn rồi, nương vào người tu định. Có 3 thứ viên mãn: 1. Sư tư viên mãn. 2. Sở duyên viên mãn. 3. Tác ý viên mãn. Hữu y, nghĩa là 3 định: 1. Định có tâm có tứ. 2. Định chỉ có tứ không có tâm. 3. Định không tâm không tứ. Người tu định, là người có khả năng tu tập Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na.

Nếu người có thể khởi tâm nguyện lạc đối với giải thoát, lại từng chứa nhóm tư lương giải thoát, tâm y nơi định có sự tư v.v... 3 thứ, lại y chỉ hữu y tu tập, do tập định nên có thể thu hoạch được các phúc thể gian và quả viên mãn thù thắng. Trước an lập thứ tự như vậy, gọi là nêu tổng quát.

Tụng nói:

*Nơi 3 thừa lạc thoát,
Là người cầu giải thoát.
Hai thứ chướng trừ hết,
Đó gọi là giải thoát.
Phải biết thức chấp thụ,
Là thể tính 2 chướng.
Hoặc chủng, nhất thiết chủng,
Bởi trời được 2 người.
Đã trừ phiền não chướng,
Tập khí chưa trừ hết.
Đây là Thanh Văn thừa.
Chỉ Phật là trừ hết.
Nếu hoặc kia tuy không,
Tác nghi như có hoặc.
Là tập khí đời trước,
Nếu trừ liền khác đây.*

Giải thích: Bốn tụng này giải thích người cầu giải thoát. Nghĩa là đối với Thanh Văn thừa vì có sai biệt nên trong 3 thừa tâm ưa thích giải thoát, gọi là cầu giải thoát. Thế nào là giải thoát? Hoàn toàn trừ hết 2 thứ chướng, đây gọi là giải thoát. Thứ gì là 2 chướng, trừ nó gọi là thoát? Phải biết chấp thụ thức là thể tính của 2 chướng. Thức, tức là thức A-lại-da. Chấp thụ, là nghĩa y chỉ. Nghĩa là thể tính của 2 chướng phiền não và sở tri. Đây là thế nào? Hoặc chủng, tức tự tính của phiền não chướng. Nhất thiết chủng, tức tự tính của sở

tri chương. Lại, nhất thiết chủng, tức chủng tử 2 chương có thể trói buộc 2 người: Chủng tử phiền não chương có thể trói buộc Thanh Văn. Nhất thiết chủng tử có thể trói buộc Bồ-tát. Do với Thanh Văn, Bồ-tát là trói buộc, hai hạng người này giải thoát khác nhau thế nào? Nghĩa là người Thanh Văn chưa trừ tập khí, đoạn phiền não chương mà chứng giải thoát. Chỉ Phật Thế Tôn có thể trừ hết tất cả. Thế nào là tập khí? Hoặc kia tuy không tạo tác hình nghi như có hoặc, đó là tập khí. Trong này nên nói nếu hoặc tuy không làm ra tướng có hoặc, đây nói tạo tác hình nghi như có hoặc, tức là ở trong nhân nói tên quả, cho nên kia nói Thanh Văn, Độc Giác chưa biết đây là tập khí của ai. Nghĩa là việc quen tập của đời trước còn dư khí. Nay tuy hoặc đã hết mà tướng trạng hình nghi tựa nhiễm, gọi là tập khí. Nếu có thể trừ dứt thì với đây không đồng, nên nói nếu tập khí kia đều không thì không làm hình nghi như hoặc.

Tụng nói:

*Vun trồng các thiện căn,
Không nghi trừ nhiệt não,
Với pháp lưu thanh tịnh,
Đó gọi là chứa nhóm.
Hay giữ, ưa nghe pháp,
Khéo trừ 2 kiến kia,
Chỉ nghe tâm mừng đủ,
Là 4 việc nên biết.*

Giải thích: Tụng thứ hai này giải thích nghĩa của chứa nhóm. Như trong kinh nói người này trước nên tu tập đa văn, lại nghe chính pháp. Các kiến nhiệt não đã trừ bỏ. Sự che chắn trói buộc trong tâm có thể hàng phục, y theo văn nghĩa này nên nói bài tụng đầu. Thế nào là chứa nhóm các thiện căn? Nghĩa là có khả năng duy trì chính pháp. Lấy đó làm trước tiên khiến tín v.v... các thiện pháp kia tăng trưởng. Sao gọi là không nghi? Nghĩa là ưa thích

nghe pháp. Do hiểu biết pháp nên các nghi hoặc đã sinh chưa sinh đều có thể trừ diệt. Sao gọi là trừ nhiệt não? Nghĩa là trừ 2 kiến. Hai kiến gì? Một là muốn cho người khác hay biết. Hai là tự đề cao mình. Nghĩa là có ý nghĩ như thế này: Làm sao khiến người khác được biết ta là người đủ đức. Đó là gọi là kiến chấp khiến người khác biết. Dựa vào kiến chấp này nên tự muốn đề cao, gọi là kiến chấp tự cao. Hai thứ này có thể khiến tâm bị nung đốt nên gọi là nhiệt não. Sao gọi là pháp lưu thanh tịnh? Nghĩa là khiến trừ cái tâm lý chỉ khi nghe pháp tâm đã sinh vui mừng cho là đủ. Chỗ trừ ở trên lưu nhập nơi đây. Nơi pháp lưu thanh tịnh, nghĩa là khi nghe pháp tâm không tán loạn mà liên tục lưu chuyển. Tâm thanh tịnh cho nên chấm dứt sự che chắn trói buộc. Nếu nghe pháp không chán, lại có thể tiến đến tư duy siêng tu không nghỉ mới được gọi là pháp lưu thanh tịnh. Phải biết đây là căn cứ nơi văn tự tu vị. Nên biết như sau đây.

Tiếp đến có 16 bài tụng, giải thích về trụ siêng năng tu tập. Bài tụng đầu nêu tổng quát, còn lại là giải thích riêng biệt.

Tụng nói:

*Sở duyên và tự thể,
Sai biệt và tác ý.
Tâm loạn trụ tư lương,
Tu định xuất ly quả.*

Nói sở duyên có 3 thứ:

*Ngoài, trên với lại trong,
Ba đây sở duyên sinh.
Phải biết trụ có 3,
Tự thể tâm không loạn.*

Giải thích: Nói 3 thứ là: Một là ngoại duyên, hai là thượng duyên, ba là nội duyên. Ngoại duyên, là quán xương trắng v.v... sở

hiện ảnh tượng là cảnh giới sơ học. Thượng duyên, là các tướng chưa đến định, duyên tĩnh v.v... Nội duyên, là các tướng hiện tùy theo ý ngôn làm cảnh sở duyên. Tự thể, là tướng tâm không loạn, gọi đó là trụ. Tâm không loạn, là nơi ngoại v.v... các xứ khi 3 thứ duyên tùy chỗ sở duyên tâm không loạn động.

Tụng nói:

*Thứ nhất trụ tương ưng,
Định tâm thì thấy được.
Với cảnh không dòi niệm,
Tương tục là minh nhân.
Thứ hai trụ tương ưng,
Chán lìa tâm tịch tĩnh,
Chuyên ý không dòi niệm,
Tương tục là minh nhân.
Thứ ba trụ tương ưng,
Nơi tiền cảnh ngưng trụ,
Định ý không dòi niệm,
Tương tục là minh nhân.*

Giải thích: Ba bài tụng này theo thứ tự phối hợp ngoại, thượng và nội. Với cảnh không dòi niệm, nghĩa là đối với các cảnh, tâm không tán loạn, nên gọi là không dòi. Tương tục, là giữ tâm kiên cố, không đoạn tuyệt. Nói minh nhân, nghĩa là hoặc nhân tự tư duy, hoặc được từ người khác dạy, trong pháp tĩnh lự mà khởi gia hành, gọi là minh nhân. Phải biết như thứ lớp là tùy pháp hành và tùy tín hành chủng tính. Nói chán lìa tâm tịch tĩnh, chuyên ý không dòi niệm, nghĩa là trong cảnh ấy sinh tâm chán lìa. Trước chỉ quán cảnh chưa thể sinh chán. Nay thì chuyên chú tâm sinh chán lìa mà không tán động. Nơi tiền cảnh ngưng trụ, nghĩa là cảnh do ý ngôn hiện ra, khi duyên cảnh này tâm ngưng định. Cho nên nói định ý không dòi niệm, tương tục là minh nhân.

Tụng nói:

*Kiên chấp và chính lưu,
Với phú thâm ý kia,
Chuyển được tâm hoan hỷ,
Khi đối trị phẩm sinh.
Hoặc sinh, năng dứt trừ,
Gia hành thường vô gián,
Năng hành đạo tự nhiên,
Phải biết 9 không tán.*

Giải thích: Trong trụ kia, có 9 thứ sai biệt. Là tối sơ trụ, chính niệm trụ, phú thâm trụ, hậu biệt trụ, điều nhu trụ, tịch tĩnh trụ, hàng phục trụ, công dụng trụ, và nhiệm vận trụ.

Những trụ này và y cứ vào Kinh A Cấp Ma, tùy thứ tự câu mà tu tập. Nếu là người mới học đầu tiên khi duyên cảnh, giữ tâm kiên cố, gọi là tối sơ trụ. Sau đó khiến chính niệm rút chảy không dứt, gọi là chính niệm trụ. Nếu nương gá vào đây mà có loạn tâm sinh, thì trở lại thâm xét quán sát cảnh duyên mà trụ, gọi là phú thâm trụ. Sau đó chuyển được sai biệt, gọi là hậu biệt trụ. Sau đó đối trị sinh khởi, tâm được tự tại, khi sinh hoan hỷ gọi là điều nhu trụ. Hỷ ái này khi sinh tâm vô ái đối trị thì được vô sở ái lạc, tâm trở nên an tĩnh, gọi là tịch tĩnh trụ. Sau đó các phiền não chướng nặng đã sinh chưa sinh được hàng phục, nên gọi hàng phục trụ. Sau đó dùng tâm gia hành đối với các cảnh sở duyên, vô gián tùy chuyển một duyên mà trụ, gọi là công dụng trụ. Sau đó đối với cảnh sở duyên, tâm không gia hành, tự nhiên lưu chuyển không gián đoạn, nhập vào định duyên thường tập đạo, gọi là nhiệm vận trụ. Chín tâm này không lưu tán, nên gọi là trụ. Nên biết dùng tính không lưu tán này tất cả phối hợp với tính chấp trì kiên cố.

Tụng nói:

*Gắng sức và xen hở,
Hữu dụng và vô dụng,*

Trong đây 1, 6, 2,
 Bốn tác ý nên biết.
 Là nội ngoại tà duyên,
 Thô trọng và tác ý.
 Loạn tâm này có 5,
 Là trái nhau với định.
 Duyên nơi trụ tâm kia,
 Bất tĩnh, ngoài tán loạn,
 Trạo, trầm, tâm vị đăm,
 Trong tán loạn phải biết.
 Phải biết tướng tà duyên,
 Là bà con của tư v.v...
 Sinh 2 thứ ngã chấp,
 Đó là loạn thô trọng.
 Thấy tiền cảnh rõ ràng,
 Phân biệt quán tướng ấy,
 Là tác ý tán loạn,
 Khác đây chỉ niệm tâm.
 Ở trong loạn tác ý,
 Lại có loạn tướng ấy.
 Nơi thừa và tĩnh lự,
 Hai trước tiên trừ khử.

Giải thích: Tác ý có 4 thứ: 1. Gắng sức đảm nhiệm tác ý. 2. Có gián đoạn đảm nhiệm tác ý. 3. Có dụng công đảm nhiệm tác ý. 4. Không dụng công đảm nhiệm tác ý. Kiên cố chấp trì không tán loạn đây là gắng sức đảm nhiệm tác ý, vì mới lần đầu dùng công sức mà đảm nhiệm. Tiếp đến chính lưu v.v... 6 thứ không tán loạn đảm nhiệm tác ý có gián đoạn, vì giữa chừng thường có khởi loạn tâm. Gia hành không gián đoạn, là đảm nhiệm tác ý có dụng công. Nhập vào thường quen tập, là đảm nhiệm tác ý không dụng công. Nhiếp giữ được như vậy gọi là 1,6,2. Phải biết đó là 4 thứ tác ý. Lại tâm tán

loạn có 5 thứ: 1. Ngoại tâm tán loạn. 2. Nội tâm tán loạn. 3. Tà duyên tâm tán loạn. 4. Thô trọng tâm tán loạn. 5. Tác ý tâm tán loạn. Ngoại tâm tán loạn, là khi nơi trụ tâm khởi duyên cảnh, tâm liền lưu tán duyên các việc. Nội tâm tán loạn, là trạo cử v.v... 3 thứ trong cảnh sở duyên xen tạp loạn khởi. Tà duyên tán loạn, là trong lúc tu định có các tìm cầu thân thức các việc mà sinh lưu luyến. Thô trọng tâm tán loạn, là có 2 ngã chấp khiến tâm tán loạn. Khi trong tu định có 2 việc này gọi là ích và tổn. Nếu thân an ổn gọi là ích. Thân thể suy yếu là tổn. Hoặc nói ta nay được vui, hoặc nói ta nay có khỏe, hoặc nói là cái vui của ta, hoặc nói cái khỏe của ta, trong đó “ta” là nghĩa của của chấp thủ. Nói tác ý tâm tán loạn, có 3 thứ. Trụ phân minh nơi tướng sở duyên, là tính tư duy quán sát. Hoặc từ thừa này lại hướng đến các thừa khác, hoặc từ định này lại hướng đến các định khác. Nghĩa là khi định cực kỳ phân biệt tư duy quán sát liền khiến tâm loạn, gọi là tâm tán loạn. Khác đây, chỉ niệm tâm, thì đây có thể đối trị tác ý tán loạn ban đầu, do không phân biệt mà duyên nơi cảnh. Chỉ có niệm tâm. Đây là nói rõ thành tựu tâm không quên niệm. Ba tán loạn này cái đầu và thứ hai nên xả. Cái thứ ba do từ định hướng đến định, mong hướng thượng nên không phải lỗi.

Tụng nói:

*Trụ giới, giới thanh tịnh,
Là trụ xứ tư lương.
Khéo hộ các thiện căn,
Bốn tịnh nhân phải biết.
Chính hành nơi cảnh giới,
Cùng sở y giúp nhau,
Đầu tiên được tác ý,
Tiếp được thể gian tịnh.
Lại thêm xuất thế trụ,
Ba định chiêu 3 cõi.*

Giải thích: Trụ tư lương, nghĩa là giới tức là chỗ y chỉ của vô biên công đức nên trước phải trụ giới, giới hạnh thanh tịnh không khuyết phạm. Nếu cầu giới thanh tịnh thì có 4 nhân: 1. Khéo hộ các căn. 2. Ăn uống đúng lượng. 3. Đầu hôm sáng sớm luôn tự cảnh giác tương ưng với định. 4. Chính niệm trụ trong các oai nghi. Vì sao khéo hộ các căn v.v... khiến giới thanh tịnh? Do chính hành nơi cảnh và tương trợ với sở y, siêng tu việc thiện có thể trừ các lỗi, vì nhân ban đầu là hành thanh tịnh nơi cảnh sở hành. Hai là nơi sở y thuận trợ giúp cho thân, vì đối với sự ăn uống bỏ ý nghĩ nhiều ít. Ba là vì đối với việc thiện khởi siêng năng tinh tiến. Bốn là có thể trừ lỗi lầm, vì khéo dụng tâm trong oai nghi đi đứng. Do 4 nhân này giới được thanh tịnh. Như vậy nên biết do 3 thứ định được 3 xuất ly. Khi duyên ngoại cảnh được tác ý trụ. Khi duyên thượng cảnh được thể thanh tịnh. Khi duyên nội tâm được xuất thế tịnh. Trụ, tức là được vĩnh viễn xuất ly, chắc chắn hướng đến Niết-bàn không thoái chuyển nữa. Đã giải thích xong trụ cần tu tập.

Tụng nói:

*Đa văn và kiến đế,
Thiện thuyết có từ bi.
Thường sinh tâm hoan hỷ,
Người này dạy định được.
Hết các việc sở hữu,
Như sở hữu mà nói,
Hiểu rõ cảnh sở tri,
Gọi là giỏi dạy người.
Do nghe, sinh ý ngôn,
Nói là nhân tịch diệt.
Là tịch nhân tác ý,
Gọi là khéo viên mãn.*

Giải thích: Có 3 viên mãn: 1. Sư tư viên mãn. 2. Sở duyên viên mãn. 3. Tác ý viên mãn. Trong đây bài tụng đầu nói sư tư viên mãn.

Ý nói người này giỏi dạy dỗ viên mãn, chứng ngộ viên mãn, nói năng tốt viên mãn, không nhiễm tâm viên mãn, liên tục nói pháp gia hành viên mãn. Đây hiển thị các đức viên mãn của giáo thụ sư. Do thầy này nên được nghe chính pháp được chứng ngộ. Tiếp bài tụng thứ hai nói rõ sở duyên viên mãn. Hết tất cả việc, như việc mà nói. Giới cảnh sở tri, là thuyết giỏi. Đây là nói vị thầy có thể thuyết giảng các việc thấu đáo không lẫn tiếc, nên gọi là sở duyên viên mãn. Tiếp bài tụng thứ ba nói tác ý viên mãn. Đây là nói lấy cái nghe làm nhân khởi ý ngôn, vì có thể làm chính nhân với thánh đạo Niết-bàn. Duyên ý ngôn đây, có tác ý đều được viên mãn. Trong đây nhân lời nói mà rõ điều được nghe, tức là nhân của ý ngôn. Nói tịch diệt, tức Niết-bàn và thánh đế. Tự thể tịch diệt và có thể hướng đến diệt, nên nói chung là tịch nhân tác ý, tức nói tác ý này duyên nhân tịch diệt. Sao gọi là sở duyên liễu pháp vô tính? Khi duyên như vậy thì cái nhân đó cũng là tịch diệt, cho nên tác ý này gọi là tịch nhân, là giải thích một thể. Lại duyên tác ý này cũng gọi là tịch nhân. Đây là giải thích câu khác.

Tụng nói: (Theo giải thích như vậy, thì nên nói là tịch nhân tác ý. Trước đây nói như lý tác ý, là phiên dịch không đúng)

*Là tìm cầu ý ngôn,
Sau phải quan sát kỹ.
Ý ngôn không, tức định,
Tướng tĩnh lực có ba.
Vô dị duyên vô tướng,
Tâm duyên chữ mà trụ.
Đây là nơi tâm tịch,
Gọi là Xa-ma-tha.
Quán các thứ cảnh kia,
Là Tì-bát-xá-na.
Sau là một Du-già,
Là một hai phần định.*

*Thô trọng chương kiến chương,
Phải biết hai thứ định,
Có thể đối trị đây,
Làm phương tiện trường thiện.*

Giải thích: Tiếp nói hữu y. Những người tu định chắc chắn phải có y thác, nghĩa là y cứ vào 3 định nói tìm cầu v.v... Nói tìm cầu, là hiển thị có tâm. Đã nói có tâm thì theo đó biết có tứ. Nói quán sát kỹ lưỡng, là hiển thị không có tâm chỉ có tứ. Ý ngôn không, là muốn hiển thị không tầm không tứ. Tầm tứ đều lấy ý ngôn làm tính. Đây căn cứ vào pháp Xa-ma-tha làm rõ định nghĩa ấy. Nói vô dị duyên v.v... là nói nghĩa không sai khác. Chỉ duyên chữ ấy mà tâm được trụ, gọi là vô dị duyên, cũng gọi vô tướng. Chỉ duyên chữ ấy thì đối với quán nghĩa tướng, có tác ý không phải là tướng của nó. Trụ này là Xa-ma-tha. Xa-ma là nghĩa của tịch chỉ, tha là nghĩa của xứ. Chẳng phải một mình Xa-ma mà hết các việc, nghĩa là y cứ vào chỗ tịch chỉ của tâm ấy. Tâm được ngưng trụ y chỉ nơi định. Định này tức trụ xứ của ngưng tâm, cho nên gọi là Xa-ma-tha. Khác đây tức là không. Tiếp đến một tụng căn cứ vào Tì-bát-xá-na pháp nói rõ định nghĩa ấy. Nghĩa là dựa vào nhiều cảnh, gọi là chúng quán. Nói “kia”, nghĩa là cùng với hai kia đều thuộc chấp trước. Tức Xa-ma-tha và chữ sở duyên, là dựa vào Xa-ma-tha được Tì-bát-xá-na, vì căn cứ nơi chữ có các nghĩa mà khởi các quán. Trong “tịch chỉ” có các nghĩa, nương dựa vào chữ, nghĩa là duyên các nghĩa, mà khởi quán sát, gọi là chúng quán. Nói một, hai phần định, là hoặc có khi chỉ có tịch xứ mà không có chúng quán, có khi có chúng quán mà không phải tịch xứ, có khi đều có cả hai, tức là chỉ quán song vận. Lại Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na có 2 chương, là thô trọng chương và kiến chương. Phải biết 2 định là đối trị đó, theo thứ tự mà phối hợp. Vì sao hai cái này gọi là trường thiện phương tiện? Vì là phương tiện có thể trường dưỡng thiện pháp. Làm sao khiến pháp phương tiện được thiện thanh tịnh?

Tụng nói:

*Phải biết thanh tịnh này,
Là tu 3 thứ tướng:
Tịch chỉ, sách cử, xả,
Theo thứ tự phải biết.
Nếu tâm trầm, khủng, một,
Nơi diêu sự khởi duyên
Hoặc trạo khủng cử sinh,
Chán nghịch khiến trừ diệt.
Xả lìa nơi trầm trạo,
Trụ tâm ở nơi xả.
Vô công nhiệm vận lưu,
Hằng tu 3 thứ tướng.
Tu định tu 3 tướng,
Không chỉ riêng tu một.
Để ngăn trầm, các lỗi,
Lại phải tịnh cái tâm.*

Giải thích: Để đáp câu hỏi trước là người cầu định thanh tịnh phải tu 3 thứ tướng. Ba tướng là gì? Là chỉ, cử, xả. Tu như thế nào? Phải biết theo thứ tự. Tùy khi hoặc chứng sinh khởi phải theo thứ tự tu tập, thời nào phải tu tướng gì. Vả lại phân biệt sách cử tướng. Nếu người tu định, tâm trầm khủng một, phải tu 3 tướng như dưới sẽ biết. Nếu tâm trầm một có thể tu sách cử tướng. Đó là những gì? Đối với việc tốt, khởi duyên khiến tâm hoan hỷ làm tướng. Lại tịch chỉ tướng là nếu tâm trạo cử, hoặc khủng trạo cử phải tu tịch xứ. Đây làm sao tu chán nghịch khiến trừ diệt? Đối với cảnh sở duyên sinh tâm cực kỳ chán ghét, đối với tự nội tâm thì khiến chấm dứt. Xả tướng, nghĩa là lìa trầm trạo. Trong tâm gì gọi là tâm trụ xả? Gọi tâm trụ xả, cái xả tướng này tức vô công, nhiệm vận, lưu, hằng tu 3 thứ tướng. Như vậy khi tu theo thứ tự 3 tướng, người tu tập định được tướng thanh tịnh.

Lại Xa-ma-tha v.v..tức là người tu định đối với 3 tướng này không chỉ riêng tu một. Bởi vì sao? Để ngăn trầm v.v... các lỗi, lại phải tịnh tâm, nếu chỉ tu chỉ sự trầm một nội tâm, khi đã trầm một liền phải sách cử. Nếu nhân sách cử tâm trạo loạn thì quán cảnh bất tịnh khiến sinh chán lìa. Trong khi chính tu tập xả tướng này, gọi là chính định có thể hết hữu lậu. Do đó liền khiến tâm cực kỳ thanh tịnh. Nên biết rằng trong đây đều là thuận theo văn cú của chính kinh, như lý cần phải suy nghĩ.

Tụng nói:

*Xuất ly và ái lạc,
Chính trụ có kham năng,
Chướng hoặc này đều trừ,
Người tu định thanh tịnh.*

Giải thích: Đây nói lợi ích của thanh tịnh. Kinh Khử Trần nói: Phật bảo các Bí-sô: Nếu người khi muốn cầu nội tâm tịnh, có hoặc chướng hiện tiền không thể trừ diệt. Muốn đoạn trừ thì trước tiên đối với nghiệp đạo bất thiện chớ tạo lỗi lớn dứt tội ác kiến mà cầu xuất gia mong cầu xuất ly. Nếu ở trong phiền não dục sân hại ý khởi ác tầm tư, chướng thắng ái vị, nói lời ái lạc có thể trừ chướng này. Nếu có vi tế quyến thuộc tầm tư, thế gian tầm tư, bất tử tầm tư chướng ngại chính trụ, thì nói lời chính trụ để đối trị đó. Nếu người có dụng công mới nhập định thì định này chẳng phải tính phi kham nhiệm. Nếu có thể trừ được đây hiển thị hữu kham nhiệm, có thể trừ hoặc nói kham năng. Đây hiển thị người tịnh định được 4 thứ thắng ích. Thế nào là quả của người tu định?

Tụng nói:

*Ở trong định môn này,
Nói về chính tu tập,
Tục định đều rõ ràng,
Cũng biết xuất thế định.*

Tụng này ý nói người tu tập Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na đạt được hiện quả. Nếu người có thể y vào định tướng được nói mà tu tập, sẽ được viên mãn các thắng quả thế gian và quả xuất thế, như trước đã nói.

Hỏi: Như trên nói, là muốn nói rõ điều gì?

Đáp:

*Hiển ý lạc y xứ,
Bản y và chính y.
Thế gian định viên mãn,
Và hiểu rõ xuất thế.*

Giải thích: Lược nói nghĩa đã khắp. Để hợp với việc trước nên nói bài tụng này. Như đầu tiên nói cầu thoát là hiển thị ý lạc viên mãn, tích tập là y xứ viên mãn. Đây nói hữu tâm tu định ắt phải nương cậy vào tích tập tư lương. Trong trụ cần tu tập, là hiển thị bản y viên mãn. Như trong kinh nói: Phật bảo các Bì-sô: Các ông trước phải y vào định có thể hết hữu lậu. Đó là điều ta đã nói. Nếu muốn cầu ra khỏi biển sinh tử mà lìa chính định sẽ không có phương tiện nào khác. Được 3 viên mãn, là hiển thị tu tập viên mãn. Như trước đã nói, những người có trí khi chính tu hành xa lìa phóng dật thì đều viên mãn các định thế gian và xuất thế gian đều có thể chứng ngộ, đó là hiển thị được quả viên mãn./.

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1608

LUẬN NGHIỆP THÀNH TỰU

*Thiên Thân Bồ-tát tạo luận
Thiên Trúc Tam tạng Tỳ Mục Trí Tiên dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Nghiệp có 3 thứ là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Đây là Tu-đa-la. Có người nói rằng thân làm các nghiệp gọi là thân nghiệp, miệng nói các nghiệp gọi là khẩu nghiệp. Hai cái này đều có làm và không làm. Ý tương ưng với nghiệp gọi là ý nghiệp. Nghiệp này là tư duy. Kia nay suy nghĩ thì ý là pháp gì? Có thân ý đều có hình tướng, kia duyên nơi thân mà sinh. Là hình tướng gì? Là hình tướng của thân. Nếu là hình tướng của thân thì cần gì phải nói thân tạo nghiệp? Vì thân là nói chung các phần có trong thân. Duyên đại chủng của thân sinh ra, gọi là thân tác nghiệp. Đó là nói riêng trong cái chung. Ví như người ta nói ở trong thành, ở trong rừng.

Phan duyên kia sinh, vì sao nói cái môi này động và hình tướng? Vì tâm kia không phải duyên cái môi động sinh, không phải duyên hình trạng sinh, mà duyên ngôn ngữ sinh.

Không lấy nguyện đời trước, tâm kia không duyên nguyện đời trước mà sinh, duyên cái nhân của báo dị thực nên tâm sinh.

Vì sao nói ý khởi nghiệp? Vì tâm chuyển người khác biết.

Cái gì hình tướng gọi là dài v.v...? Cái gì dài v.v... Là thấy dài v.v... Là gồm vào cái gì? Là gồm vào trong sắc.

Dài là sắc của vi trần chẳng, hay như vi trần tụ tập chẳng, hay là một vật sắc biến khắp chẳng? Dài nếu là sắc của vi trần, thì cái dài kia có thể chia lấy từng phần như sắc chia lấy. Nếu như vi trần cùng tụ tập thì vi trần của sắc kia với tụ tập kia có gì khác? Vi trần tụ tập kia không khác dài thì nếu vậy một vật sắc biến khắp thì một vật kia biến khắp trong cái dài. Nếu một vật biến khắp trong từng phần từng phần thì đều có thể lấy, vì tất cả mọi chỗ đều có đủ. Nếu chẳng phải một thì phải lấy từng phần từng phần. A-hàm Thập Nhập Vi Trần Hòa Tập thì Phật pháp hoại. Lại theo dị pháp của Ca-na-đa thì thành vi trần tụ tập. Một mặt thấy dài sinh cái biết dài, thấy rút lại sinh cái biết ngắn, ngay ngắn biết là vuông, giáp vòng biết là tròn, giữa nhô lên sinh cái biết là cao, dưới biết là thấp, bằng biết là ngay, thấy nhiều thứ biết là so le, thấy tám tám găm như nguyên trạng như vậy thì biết có các hình tướng, các vật khác nhau ấy không được thấy là một như sắc khác nhau.

Nếu ý nói tất cả phương xứ tất cả hình tướng thì nghĩa không phải như vậy. Như vậy là hình tướng không có vật khác nhau, sắc cũng vậy. Ở nơi chỗ đứng thấy dài ngắn, như cây, chim, kiến nghĩa thành không lỗi.

Nếu như vậy thì sao ở nơi xa mờ không thấy sắc mà thấy hình tướng tụ tập? Sao đều thấy chưa thấy hình tướng như hàng cây, thấy hàng mà không thấy hình tướng kia không có vật khác.

Ở trong tụ tập nếu mờ tối, nếu xa thì không thấy 2 thứ. Tuy thấy không rõ là vật gì, kia thấy vật gì. Tuy thấy sắc kia nhưng không rõ ràng. Nên biết như vậy, ý này không thành tựu nghĩa của hình tướng.

Lại có người nói tâm duyên kia sinh, đi qua nên gọi là ý. Phan duyên kia sinh, là nghĩa gì? Cái môi ấy động v.v... Vì sao gọi là đi

qua? Nghĩa là hướng đến phía kia. Thâu nhiếp vào cái gì? Thâu nhiếp vào sắc.

Làm sao biết đây đi qua phương kia? Vì không thấy khác. Như lửa và tuyết, rượu nồng độ cao và mặt trời v.v... nhân duyên biến đổi vào thì liền ra, chưa thấy biến đổi nhưng không phải không đổi khác. Như đốt loại cây cỏ có thể đốt cháy v.v... không thấy ngọn lửa khác, nhưng ngọn lửa chẳng phải không khác. Khi mới nhập vào, nếu không biến đổi thì sau cũng không biến đổi, bởi nhân duyên kia không riêng khác. Nếu củi, cỏ v.v... thô tế không đồng đều thì độ sáng, sức nóng của ngọn lửa đều khác không đồng. Dem cái thấy không đồng mà nói nghĩa là hướng đến phương kia thì không phù hợp.

Nếu không có diệt nhân, vì sao không không được tâm tâm số pháp? Âm thanh, ngọn đèn v.v... diệt có nhân duyên gì thì những cái khác cũng như vậy. Nhân duyên kia diệt là nhân duyên của chính nó hoại. Nhân duyên các pháp khác tại sao không phải vậy? Lại nữa, như pháp ấy không có nhân duyên thì các pháp khác cũng vậy. Nếu mới châm lửa vào cỏ, cây mà sắc vẫn như cũ không khác thì sau cũng vậy không khác. Vì sao đèn sáng, chuông linh phát ra âm thanh? Gió, tay mới chạm vào liền diệt liền ngừng, không phải đây có thể diệt không phải đây có thể ngừng. Nếu như lửa..., cây ..., đốt cháy..., sắc..., diệt... khi mới nhập vào xuất ra vì sao không khác? Vì nhân duyên ngoài không riêng khác, thực vật không nên có vi, trung, thượng. Vật mới biến thực, nhân cái gì được biến? Nhân duyên duy nhất là năng sinh năng diệt. Đây chẳng phải đạo lý. Chẳng phải lấy 1 nhân có thể thành 2 pháp. Như vậy trung gian lại có diệt nhân. Như trước thủ xả khác tướng liên tục chuyển, phải hiểu như vậy. Nếu diệt có nhân thì không có pháp nào không nhân như tâm sinh.

Diệt pháp không thành, vì tất cả pháp đều có nhân. Cho nên diệt thì không có nhân. Như lửa tuyết, rượu cao độ mặt trời v.v... là

nhân duyên thực biến. Nếu diệt có nhân như sắc, như vậy không có pháp có nhân duyên diệt, sinh cũng không nhân. Thấy pháp khác kia bảo là pháp này sinh thật có nhân. Tâm trước tâm sau như tâm trung gian thực biến. Thực biến như sữa làm phó-mát, rượu nước ép nho làm rượu cao độ. Như vậy không có một pháp nào có trụ tướng. Vật trụ thì không đi, không đi thì trụ. Nếu như vậy thì thấy kia là thấy vật gì? Thấy vật ở nơi này, lẽ nào chẳng phải thấy vật mới ở nơi kia, mà thấy ảnh cỏ cháy chẳng phải ảnh ở nơi kia thấy ở nơi này. Như mặt trời đứng, cũng mặt trời ấy mà hồi chuyển xa gần thấy ảnh hồi chuyển thành tăng giảm, hay mặt trời ở nơi che khuất thì không thấy.

Như lại có người hỏi: Đây là vật ở đâu? Là vật trước kia chuyển hướng đến phương này? Đáp câu hỏi của người kia rằng đây là vật ở đâu. Nay nói nghĩa trước. Như vậy vật trụ thì không đi, nếu vật không đi tức là trụ v.v... Sau thì thấy khác, mỗi niệm mỗi niệm biết khác. Nếu không biết khác vật kia, không biết khác chẳng phải vật kia, sao không nói là khác? Như vậy 2 thứ đều không thể thấy. Và như vậy thì không thành nghĩa của đi và trụ.

Thật sự không có đi hay trụ, thể của pháp hữu vi mỗi niệm mỗi niệm tự hoại. Sinh nhân trong các phương, khởi tâm là nhân. Tay, chân v.v... động, được gọi là hành ý. Đệ tử của Nhật Xuất nói như thế này: Là thân nhiếp vào cái gì? Là thân nhiếp vào sắc. Vì sao vậy? Mắt không trông thấy như các màu xanh v.v... Nếu người khác thấy, có thể nói là ý. Người khác không thấy làm sao nói ý? Làm sao biết có? Làm sao trong thân, tâm động hành chỗ khác? Gió sinh, gió này được gọi là nhân duyên phương khác mà sinh. Làm sao cỏ, lá cây theo gió nghiêng ngã, thì hành cũng như vậy. Phương khác sinh thì sức của hành không thành, cần gì phân biệt?

Kia là sinh nhân của thân và phương như vậy, thì tâm sinh gió như vậy gọi là ý. Sao chẳng phải ý mà được gọi là ý? Đệ tử của Thích-ca pháp xúc nhập chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện.

Kia như vậy tâm phương khác thân sinh, cái sinh này gọi là ý. Nếu như vậy thì ý chỉ là tướng mạo không có vật thật. Thân thì phân nhiều. Ý cũng chẳng phải vị của ý. So với người khác thì pháp của đệ tử Thích-ca không như vậy. Vị v.v... chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện. Tâm sinh sắc nên kia được nói là ý. Chẳng phải tâm kia sinh, tự phong chủng sinh. Pháp của đệ tử Thích-ca thì không như vậy. Sắc nhập chẳng phải thiện cũng chẳng phải bất thiện.

Sắc phương kia sinh ý không thể được. Nếu có vật kia cúng dường trời được, nếu không có vật kia thì không thể cúng dường trời được. Sinh và vật không khác, cái gì có thể thành khác? Kia không thể được, như vậy sắc v.v... như mắt có thể thấy, sinh thì không như vậy. Đã không thể thấy, làm sao nói ý. Đó là trước đã nói, như sinh không như vậy, sắc cũng đã nói.

Chỉ có vô tác là nghiệp của thân. Sao gọi là vô tác? Gồm trong pháp nhập, bố úy v.v... các sắc. Làm sao vô tác được nói là vô tác? Nếu là Dục giới cùng với tâm hợp chuyển thì biết Sắc giới. Vậy là khi tâm khác và vô tâm, sợ sệt với không sợ sệt cùng với tâm đều mất. Nếu khi thụ, thể lực sau thường không mất. Trong Giới Kinh nói, Tì-kheo im lặng. Thế nào là vọng ngữ? Lại nữa, nghiệp vô ký không thể thành. Vô tác 2 thứ là thiện và bất thiện. Kia trong khoảng sát-na vô tác hợp chuyển như kia phân biệt thân khẩu nghiệp sắc, nếu thiện bất thiện cả 2 không thành. Bởi vì sao? Xả thân thì đoạn dứt, đối với quả ái bất ái đời sau không thể được. Lại có người nói nghiệp quá khứ vì có gì bất thành? Nếu nghiệp quá khứ ở đời sau được 2 thứ quả báo ái bất ái, đây tức là trên cái ung nhọt lại sinh cái ung nhọt. Nghiệp quá khứ có quá khứ, là trước có sau không. Như Như Lai nói:

*Tuy lại trải trăm kiếp,
Mà nghiệp thường không mất.
Được nhân duyên hòa hợp,
Bấy giờ quả báo thực.*

Kệ này thế nào? Là có thể cùng quả báo không mất nghĩa. Như vậy là đã giải thích xong nửa đầu bài kệ. Người nào không tin lâu xa được quả? Được quả nghĩa gì? Nếu liên tục chuyển, giống như hạt lúa. Nếu trụ tự tướng nên biết như vậy. Nếu trụ tự tướng có thể cùng quả, nghĩa là không mất không hư hoại, phải thường cùng quả. Kia không tự tướng nên gọi là mất là hư hoại. Lại không như vậy làm rồi không làm. Thế nào là không làm? Quả không cho 2 lần. Vì sao không cho? Vì đã cho rồi, không thể cho rồi lại cho nữa. Như vật đã sinh rồi không sinh nữa. Kia là quả đồng loại sao không cho lại? Sao quả báo đều cho rồi là xong không sinh nữa? Pháp nhân duyên không có năng lực như vậy. Người vô lậu, hậu niệm hết, lậu không cho quả báo. Sao hậu thời được nói là diệt? Chẳng phải sức như vậy có thể thành quả báo. Nếu nhân của chúng tử có sức đối với quả, được nói là sức của nhân có thể cho quả báo. Nếu những ai có quá khứ thì có vị lai. Vì sao vị lai không cho quả báo? Tất cả mọi thời có, có vật gì thời nào không? Kia nói như vậy nếu được hòa hợp quả báo liền thực. Đây thì không phải vậy. Nếu sức của người nào, sức ở thời nào là sức của vật gì, quả của người này rốt ráo không thành có nghiệp quá khứ, vào đời sau được quả báo là không thành.

Lại có người nói các nghiệp thân khẩu thiện bất thiện v.v... trong âm thầm liên tục là tâm pháp huân. Nếu gọi tên là tập, nếu tên không mất, đời sau tức được quả ái bất ái. Nếu ý nghiệp khác tâm sinh diệt chuyển, nếu không huân tâm, làm sao đời sau được quả báo? Nếu người đọc tụng thời gian lâu nghĩ nhớ lại, người kia thấy các vật, như vậy lấy pháp gì huân, nghĩ nhớ vật gì, người kia thấy, người kia đọc tụng v.v... về sau nghĩ nhớ chỗ nào? Tâm sinh diệt tận Tam-muội, tâm ban đầu đã diệt, về sau nơi nào có tâm sinh khởi? Dùng nước khoáng tím bôi lên hoa cây Ma-đăng-long-già. Hai kia cùng diệt. Như vậy trung gian vật gì nhuộm trái cây mà sau quả sinh màu đỏ? Trong pháp, văn và tư cũng vậy. Sức tương tục, sức huân tập của tâm chuyển biến được quả đời sau phải biết cũng như vậy.

Giống như nước khoáng màu tím nhuộm hoa cây Ma-đăng-long-già làm cho trong quả có màu đỏ.

Thân nghiệp như vậy tương tục huân tâm, cho nên không được như vậy tâm kia cùng tương đối với thiện bất thiện. Nếu người này tạo thiện bất thiện, người kia như vậy quả ái bất ái với sức tương ưng chẳng phải tương ưng khác. Nếu lại nghiệp diệt, tâm tương tục nên đòi sau được quả. Làm sao vô tâm, diệt tận Tam-muội và vô tướng tâm tương tục tâm đoạn, quả báo nghiệp trước liền sinh nơi thân kia về sau?

Lại có người nói kia huân nơi tâm tương tục mà được. Kia diệt Tam-muội thì tương tục ở đâu? Tam-ma-bạt-đề sơ tâm nhân duyên. Làm sao diệt đã lâu mà có nhân duyên? Trước tôi đã nói, quá khứ được quả nơi nào tâm như vậy trung gian sinh.

Lại có người nói chủng tử của sắc căn, trên chủng tử kia được tâm tâm số chủng. Hai chỗ y là tâm trong thân và sắc căn trong thân. Như vậy thứ tự như tâm duyên pháp mà sinh ý thức. Trung gian vô tâm, kia làm sao sinh? Kia có chủng tử được gọi là ý căn, nên biết như thế. Nói nhân là quả, như đói khát xúc. Thế nào là tâm tâm số pháp đều có 2 thứ chủng tử? Trong một hạt giống không có 2 thứ mầm. Không thấy như vậy, trong một nhân duyên không thấy sinh nhiều. Lỗi của kia cũng vậy. Vô tâm Tam-muội vô tướng tâm đoạn, làm sao được nghiệp quả về sau? Đây là một sương quá. Là vật sương gì vậy? Tùy theo những người nào là vô tâm Tam-muội? Lại có người nói hữu tâm Tam-muội. Như Tì-bà-sa trong 5 trăm La-hán chúng hòa hợp, Đại đức Bà-tu-mật-đa nói nếu những người nào diệt định vô tâm người ấy bị lỗi này. Ta diệt Tam-muội là hữu tâm, nên dẫn Tu-đa-la để làm chứng ngôn. Thân hành thì diệt, các căn không chuyển thức không lia thân. Lại nữa người ấy tin thụ thức gì? Hữu nhân ý thức. Như Lai nói ý nhân duyên pháp mà sinh ý thức. Ba thứ hòa hợp nên gọi là xúc. Xúc cùng thụ tướng tư v.v... câu sinh. Thế nào là có ý thức chẳng phải 3 việc hòa hợp? Hoặc có hòa hợp

mà chẳng phải xúc? Hoặc lại có xúc mà chẳng phải thụ tướng? Nếu tướng thụ diệt được nói là diệt tận, sao Tu-đa-la Như Lai nói thụ đều duyên ái? Chẳng phải tất cả thụ đều nhân duyên ái, xúc cũng như vậy. Chẳng phải tất cả xúc đều nhân duyên ái, Như Lai trong Tu-đa-la cũng có đặc biệt nói nghĩa ấy. Vô minh sinh xúc, xúc sinh nơi thụ, thụ nhân duyên ái, không có chỗ nào nói xúc lia nơi thụ tướng. Như vậy không nói lỗi ấy tức thành mà không thể ngăn chặn 3 việc đầy đủ được nói là hòa hợp. Không có 3 việc ấy thụ tướng không sinh. Nếu không như vậy, trong Tam-ma-đề còn không có xúc đó thì thụ tướng nơi nào? Lại có người nói chỉ có một ý thức. Đó là thức gì? Là thiện, là nhiễm, ô uế, vô ký? Nay sẽ nói nghĩa này. Nếu là thiện tức tương ưng với các thiện căn vô tham v.v... Thiện vô tham v.v... làm sao không xúc? Nếu thiện tức thời nhân duyên thế lực, nếu là thiện thì sẽ không tách rời các tâm thiện v.v... thế lực của 3 thứ tâm sinh thiện v.v... tâm trở về với vô nhân. Nếu là nhiễm, sao không tương ưng với phiền não? Nếu nhiễm phiền não thì sao không xúc? Lại nữa Như Lai trong Tu-đa-la có nói 10 câu hỏi kia. Nếu có thụ ấm, tướng ấm, hành ấm, tất cả ấm kia đều xúc nhân duyên, vô tướng Tam-muội còn không nhiễm hưởng chi là diệt Tam-muội. Nếu kia là ô uế vô ký thì kia làm sao có báo sinh, có oai nghi, có công xảo, có biến hóa? Nay xin hỏi nếu là báo sinh, làm sao hữu đỉnh Tam-ma-đề tâm, dưới đến 8 địa khoảng giữa rất cách xa Dục giới báo thức với tâm tương tục? Như vậy lại có tâm bất động khởi làm sao tương tục? Như trong kinh, Ma-ha Câu-hi-la hỏi Như Lai: Khởi diệt Tam-muội xúc bao nhiêu xúc? Như Lai đáp: Tuệ Mạng Câu-hi-la ! Xúc 3 xúc. Đó là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Trước cần thời kỳ lực nhập diệt Tam-muội. Trước tâm cần thời kỳ khởi không quá thời hạn. Đây là nghĩa thế nào? Sao đều duyên diệt tận Tam-muội hữu đỉnh tâm trước khi chấm dứt Dục giới nghiệp huân tâm được báo, vì sao chẳng phải tiền tâm được báo? Bởi vì sao? Nếu trước báo sắc, nơi kia đoạn dứt thì không tương tục. Vì sao hậu tâm lại tương tục? Nếu oai nghi v.v... nơi kia

không xúc, làm sao dùng tâm duyên oai nghi v.v... kia? Hữu vi thiện 9 định tuân tự và 8 giải thoát thì không tương ưng. Kia vô nhiễm tâm và vô ký tâm thì không tương ưng. Hữu định Tam-muội y chỉ diệt định ức niệm phan duyên nhập tướng thụ diệt. Nếu nhập diệt định có tâm thức thì phan duyên cái gì? Nếu duyên diệt định thì sao chẳng phải thiện? Nếu thiện thì tương ưng với không tham. Nếu tương ưng thì sao không được là xúc nhân duyên? Nếu khác phan duyên nhập diệt Tam-muội thì sao giữa chừng tương ưng với loạn tâm? Tự tâm phân biệt gọi là vô ký như vậy 2 thứ đều không tương ưng. Như vậy là không biết thật nghĩa của A-hàm. Luận sư kia múa men mà nói rằng trong diệt Tam-muội còn có ý thức phân biệt như vậy.

Thế nào là hữu tâm Tam-muội như Tu-đa-la pháp sư tin nói? Pháp sư Tu-đa-la tin nói như thế nào? Nói tất cả chủng tử của báo thức kia ràng buộc nghiệp chặt chẽ, hành không tuyệt dứt. Sinh nơi kia, tướng báo thức hoại, liên tục mà đi, cho đến Niết-bàn mà không đoạn tuyệt. Kia nếu như vậy thì có thể nói là có tâm, khác với 6 thức thân cho nên không chuyển. Khi mới nhập diệt định, sức của tâm tăng thượng khi ấy chủng tử đều ẩn tàng nên gọi là vô tâm. Tâm có 2 thứ, một là tâm của các chủng tử tụ tập, hai là tâm của các phan duyên hoại. Là cái tâm thứ hai nên gọi là vô tâm. Như cái giường có một chân, vì không có các chân kia nên nói nó là không có chân. Chủng tử kia ẩn giấu, báo thức niệm chuyển có nhuyển, trung, thượng. Như nước như sức nóng, bắn tên v.v... sức của nó từ đây đến kia. Chủng tử thức kia đến kỳ lại sinh. Tùy theo nhân duyên gì, lúc sau sẽ thành các chủng tử khác biệt. Báo thức là kho chứa. Các dị thức đối pháp kia cũng sinh thiện bất thiện huân, như kia lần lượt huân nếu tương tục chuyển, như sức kia huân nơi thân vị lai thì được quả ái bất ái kia. Nhân duyên của thức này nên nói như vậy.

*Chủng tử tâm thức này,
Vô biên liên tục hành,*

*Tự nhân duyên trong tâm,
Kia các sức lực sinh.
Kia lần lượt không mất,
Đến thời liền được quả,
Như Ma-đăng-long-già,
Nhuộm hoa ruột quả hiện.*

Nghĩa này Như Lai giải thuyết trong Kinh Đại Thừa Giải Thâm Mật có kệ như sau:

*Chúng tử A-đà-na,
Thâm tế như mưa lớn.
Không vì ngu phu nói,
Sợ phân biệt chấp ngã.*

Kệ này nói nghĩa gì? Kia lại có trời chặt trong thân, cho nên gọi là thức A-đà-na. Đó là chỗ sở y của chúng tử tất cả pháp, cho nên gọi là thức A-lê-da. Là nghiệp báo đời trước nên gọi là báo thức. Nếu không có thức ấy, thân lấy gì biết được. Thân chưa tận, khắp thân không rời, lại không có thức khác. Nếu lại không đối, thì vật gì đối trị gốc rễ phiền não? Phiền não căn hợp làm sao đối trị? Vì không có 2 pháp.

Nhiễm hành, thiện hành, vô lậu tâm hành, như vậy liên tục Vô sắc giới sinh. Kia hành cái gì, y vật gì báo? Nếu không báo thì hành cũng phải không tương ưng kia.

Như kia, người A-na-hàm tu tập hữu đỉnh lậu tận, vô sở hữu xứ vô lậu hiện tiền có ngã sở gì hữu đỉnh bất thoái? Các phần hòa hợp gọi là mạng căn, không có vật gì khác. Pháp kia chỉ có báo âm tương tự thể lực chuyển hành chẳng phải vật khác. Thể lực tương tự, giống như thể lực của cây lúa và thân lúa, nên biết như vậy. Lại có vật khác, như nói có thức.

Lại sở duyên gì là duyên không quyết định? Sao thức duyên nói là không quyết định? Lại nói thức khác như diệt Tam-muội.

Như Đại đức Đồng Sắc đệ tử kia nói có phân thức, lại có người nói là căn bản thức. Thủ ấm nhiếp cái gì? Theo nghĩa như vậy, thức thân nhiếp trong thủ ấm. Tu-đa-la này vẫn tự chương cú nói như thế nào? Thủ ấm của thức gì gọi là 6 thức thân? Như hành duyên thức, đó là thức gì? Vì 6 thức thân nên theo pháp này nói như hành ấm kia. Cái gì là hành ấm? Sáu tư thân nên không gồm pháp khác. Lại theo cái gì? Theo Thâm Mật Giải Thoát Tu-đa-la v.v... Như Lai đều nói: Ta không vì nói cho ngu phàm phu, sợ phân biệt ngã.

Nhân duyên gì phân biệt như vậy? Kia hữu vi hành xứ xứ lưu chuyển sợ người không biết. Nếu nói như vậy y chỉ phan duyên các thứ liễu tri tăng thượng thắng tâm, nếu các phiền não kia đối trị tương ưng nhiếp tịnh v.v... nói chung tử thức kia, nếu dùng quả so sánh nói thức như vậy không nói nhân thức, kia nói điên đảo ý như vậy nên đây có thân thức. Lại có thân thức như tuần tự nói nghĩa này tương ưng, chẳng phải thấy tất cả Tu-đa-la nói nghĩa tương ưng. Như vậy chẳng phải các Tu-đa-la nói. Chớ nên lấy có vì tất cả trong Tu-đa-la đều không nói mà bảo là không có thức A-lê-da.

Như vậy 2 thứ tâm thức đều dồn vào một chỗ đều có, như là báo thức và thức khác. Nếu như vậy thì có lỗi gì? Nếu có 2 thứ thức thân tương tục, như vậy phải có 2 chúng sinh như thức trong thân.

Không được như vậy thì chúng tử quả kia cùng tương ưng chuyển vào báo thức nên có thể huân thức khác. Thân thức trung gian không phải pháp như vậy. Nếu như vậy thì đây không có lỗi. Lại có chúng tử chúng tử sinh thấy khác hoại. Như cây Xa-lô-ca và Ưu-bát-la v.v... do rễ sinh ra. Nếu thấy hoặc không thấy là không đúng. Nếu nói như vậy thì kia không có lỗi. Thế là thật có thức A-lê-da. Sáu thức vì sao không y chỉ vào ngã mà vào thức gì? Nếu như thức A-lê-da liên tục theo nhân duyên mà chuyển thì kia nào có khác gì? Kia nếu là một thì hoàn toàn bất động, làm sao thức

v.v... được huân? Như nước khoáng màu tím huân hoa cây Ma-đăng-long-già kia. Nếu không huân thì không chuyển thẳng pháp. Làm sao biết trước như tập dục v.v...? Thời gian lâu nhớ biết dục v.v... sinh trưởng. Trong ngã không có tâm thì sau đó tâm sinh từ đâu? Nếu không có ngã thì tâm có năng lực gì y chỉ vào ngã kia phân biệt? Nếu có ngã thì tâm kia làm sao lần lượt sinh? Nếu cùng chung nhân duyên kia sinh năng lực khác làm sao biết được? Nếu là năng lực kia thì sinh trụ niệm chuyển là pháp gì? Nếu như vậy thì vật không giống nhau mà cùng y chỉ là trái với nghĩa của A-hàm nói tất cả pháp đều không có ngã. Như vậy là phi lý tự ý phân biệt suy lường chấp ngã. Cho nên nghĩa của tư huân thức A-lê-da liên tục không dứt thân sau được quả là thành tựu, chẳng phải như thuyết nói là nghiệp của tướng thân khẩu.

Lại nữa, như vậy nghiệp thân khẩu không trái với Tu-đa-la nói có 3 nghiệp. Nghĩa này như thế nào? Nghĩa này không trái với Như Lai nói. Như vậy không có lỗi. Như vậy có thể nói vì sao không lỗi? Nay sẽ nói nghĩa này. Vì nghĩa gì mà nói 3 thứ nghiệp? Sao gọi là thân? Sao gọi là nghiệp? Thân là nghĩa gì? Nghiệp là nghĩa gì? Sao gọi là thân nghiệp? Vậy khẩu nghiệp cũng nói như vậy.

Vì nghĩa gì nói thân nghiệp v.v... không nói nhãn nghiệp? Vì nghĩa gì nên nói nghĩa như vậy? Mười thiện nghiệp đạo gồm trong 3 nghiệp, nói nhiều sợ người như Tì-li-chi tử học 3 thứ giới vì nói 3 thứ là thân tạo tác chẳng phải miệng, chẳng phải ý, chỉ phân biệt một, lại vì người khác nói. Thân nghiệp tướng thân lại gồm căn đại, vì đại tập hợp thành. Gọi thân nghiệp là nghĩa của tư tập. Gọi thân đại, đại tạo thành vì trần tụ tập.

Lại có người nói bất tịnh gọi là thân, vì vật bất tịnh hòa hợp. Thân người cõi trời kia không được gọi là thân.

Ý tạo tác hành gọi là ý nghiệp. Thân động tập hợp nghiệp gọi là thân nghiệp. Tư có 3 thứ là tư lường, quyết định và tiên thú. Nếu vì

thân động thân kia tương tục trong phương sinh nhân phong giới thối gọi là thân nghiệp. Trừ câu trung gian, như đầu Ta-la, hoặc như gió bụi. Nói 3 nghiệp đạo sát, đạo, tà hạnh. Kia thế nào là tư? Thân kia thường nhiếp thủ, thân nghiệp kia động sát, đạo, tà hạnh. Thân kia động chuyển, thân tương tục tạo tác. Kia được nói tạo tác như giặc đốt làng xóm lấy củ nấu cơm.

Tư sao được gọi là nghiệp đạo? Hành ác đạo nghiệp nên gọi là nghiệp đạo. Hoặc thân động chuyển nên gọi là nghiệp đạo. Ba thứ tư nghiệp được gọi là nghiệp. Tư kia trụ trì thì được sát sinh, trộm cắp, tà hạnh. Lại y theo thế đế mà nói thân nghiệp có thiện bất thiện. Lại nói môn kia, vì tư kia nên có nghĩa tương ưng thế gian qua lại. Nếu tư thiện bất thiện như vậy, sao trong Tu-đa-la nói thân 3 thứ tạo tác, tư nghiệp tập, tạo bất thiện sinh khổ, bị khổ báo? Môn kia trụ trì phan duyên kia, là ý Phật như vậy.

Tư kia khác nên nói tư ý nghiệp. Chỉ ý tương ưng, thân khẩu không chuyển, vì sao Như Lai nói tư tư nghiệp? Như trước đã nói, tư có 3 thứ, 2 thứ kia là tư, thứ ba là tiến thứ.

Tư kia là nghiệp. Ngôn ngữ là tiếng vang. Tiếng vang còn có thể hiểu. Nghiệp thứ tư kia, nói tướng danh tự nên gọi là ngôn ngữ, nói nghĩa ức niệm nên gọi là ngôn ngữ, nghiệp như trước nói, ngôn ngữ khởi nghiệp nên gọi là khẩu nghiệp, trừ trung gian ngữ thức ý gọi là ý. Ý xú xú sinh, cảnh giới cũng tâm, ngoài ra như trước nói.

Nếu trong thân nghiệp phải có tư thì khác tâm, vô tâm, khi ấy không có tư làm sao có được có sợ hãi không sợ hãi. Tư huân không hoại được nghĩa tối thắng của sợ hãi không sợ hãi nếu ý khởi phân biệt sợ hãi không sợ hãi.

Ý kia huân làm sao phá hoại? Như tự chứng biết ngăn chặn không ngăn chặn. Tư lại không có nhân, kia hoại cái gì? Nếu xả bỏ

sợ hãi, xả bỏ không sợ hãi. Tư là nhân đó. Ý khởi phân biệt. Lại có xả nhân nhãn ngữ v.v... các nghiệp.

Đã nói giác nghiệp chẳng phải tạo tác nghiệp. Cái gì là giác nghiệp? Nghĩa là tác ý hành. Cái gì là tạo tác? Nhãn v.v... ở đâu? Thứ tự lực chuyên.

*Như Lai nói 3 nghiệp,
Y pháp nghĩa thành tựu.
Ta giải nghiệp thành phúc,
Nguyện chúng sinh thành Phật.*

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1609

LUẬN ĐẠI THỪA THÀNH NGHIỆP

*Thế Thân Bồ-tát tạo luận
Tam tạng pháp sư dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Như nhiều nơi trong kinh, Thế Tôn nói 3 nghiệp là thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Trong đây có nói thân tạo nghiệp nên gọi thân nghiệp, nói năng tức là nghiệp nên gọi ngữ nghiệp. Hai nghiệp này lấy sự có biểu lộ hay không biểu lộ làm tính của nó. Tương ứng với ý gọi là ý nghiệp. Nghiệp này chỉ lấy sự suy nghĩ làm tính của nó.

Nay trong đây, pháp gì gọi là biểu lộ? Như thân biểu lộ nghiệp hình sắc làm tính, duyên đây làm cảnh mà tâm sinh v.v... . Hình sắc cái gì gọi là thân hình sắc? Như hình sắc của thân. Vì sao trước nói thân tạo nghiệp nên gọi thân nghiệp? Đó là nói chung, còn một phần gồm có trong thân nên gọi nó là thân hình sắc. Dựa vào đại chủng của thân mà phát sinh nên gọi là thân tạo. Lấy chung cái thân mà nói thì cái riêng biệt cũng chuyển. Như Thế Tôn nói ở trong làng ở trong rừng. Vì duyên có gì lại nói “duyên đây làm cảnh mà tâm sinh” v.v... ? Là vì muốn đơn giản hình sắc cái môi của thân v.v..., kia không phải duyên kia mà tâm sinh v.v... , mà vì duyên ngôn ngữ âm thanh mà tâm sinh v.v... . Lại nữa để đơn giản nguyện đời trước kia mà tâm dẫn sinh hình sắc, là kia không phải duyên kia mà tâm sinh v.v... , mà các nhân dị thực khác mà tâm sinh v.v... .

Vì sao gọi là biểu? Cái này có thể biểu thị tâm tự phát nghiệp khiến người biết. Để hiển thị nghĩa này, tụng nói:

*Do ngoài phát thân ngữ,
Biểu lộ ý nghĩ trong tâm.
Như cá quậy dưới đáy vực,
Dậy sóng trên mặt nước.*

Hình sắc là gì? Là tính dài v.v... Cái gì dài ...? Là đối với đó sinh ý tưởng dài. Cái dài này ở đâu? Ở trong sắc. Nay nên suy nghĩ phân biệt. Dài v.v... có phải là cực vi sai biệt, giống như hiển sắc, hay là cực vi sai biệt tích tụ lại, hay là riêng biệt một vật có sắc biến khắp? Giả sử như vậy có lỗi gì chăng? Dài v.v... nếu là cực vi sai biệt thì phải như hiển sắc. Trong nhóm sắc, mỗi một mỗi một chia nhỏ ra có thể lấy được cái dài v.v... Nếu là cực vi sai biệt tịch tụ thì đây với cực vi tích tụ của hiển sắc có gì khác nhau? Tức các hiển sắc tích tụ sai biệt phải thành dài v.v... Nếu riêng một vật sắc biến khắp trong nhóm thì vì một là biến khắp nên trong mỗi phần mỗi phần phải có thể lấy được, vì tất cả phần đều có đủ. Hoặc không phải một, vì trong các phần đều trụ riêng biệt. Lại theo Hoại Tự Tông Thập Xứ thì đều là cực vi tích tập. Lại theo Ứng Dụng Trợ Thực Mễ Trai tông chấp phần thật hữu biến khắp các phần, cho nên trong hòa hợp các tụ sắc, thấy một mặt nhiều thì khởi cảm giác dài, thấy một mặt ít thì khởi cảm giác ngắn, thấy 4 mặt bằng nhau thì khởi cảm giác vuông, thấy các mặt đầy thì khởi cảm giác tròn, thấy giữa lồi lên thì khởi cảm giác cao, thấy giữa lõm thì khởi cảm giác thấp, thấy mặt bằng thẳng thì có cảm giác ngay, thấy mặt so le thì có cảm giác không ngay. Như khi bánh xe xoay tròn xem bức gấm thêu liền sinh cảm giác có các thứ hình khác lạ, không phải thật có các loại hình sắc khác nhau đồng ở một chỗ như các hiển sắc. Nếu chấp nhận như vậy thì phải mỗi mỗi nơi khởi cảm giác tất cả hình. Nhưng điều đó là không có. Cho nên hình sắc không có cái thể riêng biệt. Tức là các hiển sắc ở các mặt

không đồng thì có cảm giác dài v.v... như hàng cây, hàng kiến v.v... không có lỗi. Nếu vậy thì sao ở nơi xa mờ không rõ được hiển sắc mà rõ hình sắc? Làm sao không rõ hình sắc của cây mà có thể biết được hình dáng của hàng cây kia? Nhưng lia cây ra không có hàng cây nào khác. Hoặc ở nơi xa mờ, trong các tụ sắc hoặc hiển sắc hoặc hình sắc đều không thể rõ. Tuy năng thủ mà không rõ ràng, nghi là vật gì, đây là thấy cái gì. Do đó nên biết rằng chỉ thủ hiển sắc, bởi xa mờ nên thấy không rõ ràng, cho nên biểu là hình, lý không thành lập.

Có thuyết nói rằng thân biểu lộ hành động làm tính, duyên đây làm cảnh mà tâm sinh. Vì duyên gì lại nói duyên đây làm cảnh mà tâm sinh? Vì muốn giản lược việc dao động của cái môi v.v... Đó không phải duyên kia mà tâm sinh, do duyên ngôn ngữ âm thanh v.v... sinh. Thế nào là hành động? Là chuyển đến hướng khác. Đây nhiếp thuộc nơi nào? Nhiếp thuộc sắc xứ. Duyên gì biết đây chuyển đến hướng khác? Nghĩa là tướng sai biệt không thể biết. Lý này không đúng. Như sự chín là biến đổi vật tuy vừa tiếp xúc lửa, ánh sáng với tuyết, dấm v.v... duyên biến đổi liền có sai biệt, nhưng không thể biết tướng sai biệt của nó. Nhưng nó trước và sau không phải không khác. Đây cũng vậy. Như cây củi dài các phần tương tự nhưng sinh ngọn lửa có khác nhau mà không biết được tướng sai biệt của nó, mặc dầu các phần của nó không phải không khác. Đây cũng vậy. Nếu sự chín biến đổi vật thì khi vừa tiếp xúc duyên, các biến tướng của sự chín nếu không sinh ngay thì sau đó cũng phải không sinh, vì duyên không khác. Nếu cây củi dài các phần tương tự thì không phải trong mỗi phần mỗi phần sinh một ngọn lửa khác. Ngọn lửa kia không do chúng khác mà hình dáng, lượng chiếu sáng, độ nóng khác nhau của ngọn lửa. Cho nên không nên vì cái tướng sai biệt không thể biết, mà bảo rằng chính đây chuyển đến phương khác. Cần phải xét rõ biết tướng sai biệt kia. Nếu bảo diệt nhân không thể được, nên biết tức ngay nơi pháp này chuyển đến phương khác. Đây cũng phi lý. Như tâm tâm sở, âm thanh, ngọn lửa đèn v.v... đâu có

diệt nhân gì mà niệm niệm diệt? Những cái khác cũng phải như vậy. Diệt không đợi nhân. Nếu nói tâm v.v... cũng có diệt nhân, nghĩa là riêng biệt tự có tướng vô thường, vậy thì sao những cái khác không chấp nhận như vậy? Những cái khác đã không như vậy thì tại sao đây lại như vậy? Cho nên biết rằng tâm v.v... diệt không đợi nhân. Tâm v.v... đã như vậy những cái khác cũng phải như vậy. Nếu các pháp diệt không đợi nhân thì củi v.v... chưa cho lửa v.v... hợp với trước. Sắc của nó v.v... tính không thể thủ. Nếu như hợp với hậu vị thì sau cũng phải như tiền vị, làm sao có thể thủ? Gió chưa chạm đến cái đèn, tay chưa cầm cái chuông linh trở về trước, ngọn lửa đèn, tiếng chuông linh có thể thủ rõ ràng, không phải như hậu vị, nhưng ngọn lửa, âm thanh diệt không đợi gió không đợi tay. Củi cũng vậy không nên đặt thành câu hỏi. Lại nữa ngoại duyên kia vì không sai biệt, nên khi các thực biến đổi vật hạ trung thượng phẩm, các thực biến tướng sai biệt sinh là do kia làm nhân. Những cái sau sinh khởi, những cái trước hoại diệt có cái gì làm nhân? Không nên cho rằng pháp này do kia nên sinh, và ngay đó do pháp kia nên diệt. Hai pháp trái nhau không thể chung một nhân. Thế cực thành lập nên pháp hữu vi không đợi diệt nhân, tự nhiên tự diệt như trước có thể thủ. Không thể thủ, là phải biết tướng liên tục tùy chuyển hoại diệt sai biệt, vì có gia tăng vi tế. Lại nữa nếu diệt pháp mà cũng có nhân thì phải không có cái diệt pháp không có nhân. Tâm tâm sở v.v... nếu như đợi nhân sinh, thì diệt cũng phải như vậy. Không phải là tâm v.v... riêng có cái vô thường mà người đời cùng thành lập. Lại nữa nhân khác nên diệt phải sai biệt. Như lửa, ánh sáng, tuyết, dấm v.v... vì khác nên thực biến sai biệt. Lại nữa pháp đã diệt lại phải chấp nhận có cái nhân có thể diệt, giống như sắc v.v... cho nên diệt pháp nhất định không có nhân. Diệt không có nhân cho nên vừa sinh tức diệt. Vì vậy không có chuyển đến phương khác. Nếu bảo sinh nhân là không thể được, cho nên biết ngay pháp này chuyển đến phương khác. Đây cũng phi lý vì có sinh nhân. Nghĩa là trước và sau làm

ra sinh nhân, như tâm niệm trước với tâm niệm sau. Thực biến của niệm trước với thực biến của niệm sau, sữa với phó-mát, nước ép nho với rượu, rượu trở lại thành dấm v.v... không có một chút pháp nào gọi là chuyển đến phương khác. Tướng chuyển đã không, làm gì có hành động chuyển? Lại nữa nếu có trụ thì không có hành động. Đã không hành động thì kia phải thường trụ. Pháp nếu không trụ thì cũng không hành động. Vừa sinh tức diệt là nghĩa của không động. Nếu vậy hiện thấy hành động đó là cái gì? Các phương khác thấy chứ không phải bản vật. Vì sao biết đó không phải bản vật? Do các phương thấy mới thấy mới sinh. Như ngọn lửa đốt cháy cỏ, như ảnh đi, không phải ảnh của phương này các phương khác có thể thấy hình chất không động. Ánh sáng mặt trời hồi chuyển xa gần liền thấy ảnh kia hoặc dài hoặc ngắn hoặc di chuyển, hoặc vì che chắn phần nào ánh sáng sinh ra. Lại có câu hỏi vặn lại rằng: Nghĩa của đến các phương khác phải hiểu như thế nào? Cái mà các phương khác thấy không phải bản vật, đây cũng nên dẫn lý trước để làm chứng. Nghĩa là nếu có trụ tức không động v.v... Lại nữa duyên của lửa bên ngoài v.v... không sai biệt, mà sau đó có thể thủ sai biệt. Do đây chứng minh biết rằng mỗi niệm mỗi niệm đều riêng khác. Lại nữa nếu để chứng minh không có nhân khác, nghĩa là các chỗ thấy khác lại là bản vật. Đã không có nhân chứng minh là bản vật thì sao không nói là chẳng phải bản vật ư? Do đó 2 nghĩa đều bất định. Cho nên cái nghĩa đến các phương khác không thể thành lập.

Nhật Xuất luận giả nói: Các hành thật sự không có nghĩa là đến các phương khác. Vì tính của pháp hữu vi là niệm niệm diệt. Nhưng đặc biệt có pháp thì tâm sai biệt làm nhân, dựa vào tay chân v.v... khởi pháp này có thể làm các vật của tay, chân v.v... sinh nhân phương khác, đó là gọi hành động, cũng gọi là thân biểu. Pháp này thâm nhiếp ở đâu? Thâm nhiếp nơi sắc xứ. Nếu vậy tại sao không chấp nhận mắt thấy như các hiển sắc? Đã chẳng phải chỗ thấy, không biểu thị kia, như thế nào gọi là biểu? Và làm sao biết pháp ấy thật có?

Làm sao pháp ấy có thể khiến tự thân hướng đến các phương khác mà khởi? Nếu nói do tâm sai biệt sinh ra phong giới nên như vậy, tính của phong giới là động, đủ có thể làm sinh nhân phương khác, sao lại lia gió mà chấp có động pháp? Lại nữa, cỏ, lá cây v.v... lia phong giới bên ngoài tự nó không có động pháp làm sao di chuyển? Nhưng phong giới sinh dao động v.v... là tính năng động, như vậy tức phải chấp nhận pháp kia có thể khiến tay v.v... chuyển các phương khác sinh còn chấp gì nữa? Hoặc thể hoặc dụng đều không thể cực thành pháp năng động.

Nếu không như vậy tức tâm sai biệt sinh phong giới có thể làm cho tay v.v... làm sinh nhân phương khác phải là thân biểu. Như vậy phong giới không có biểu thị. Sao gọi là biểu? Lại chấp nhận xúc xú là thiện bất thiện tức chẳng phải Thích tử.

Nếu không như vậy tức tâm sai biệt có thể khiến tự thân sinh khởi phương khác. Tức thân sinh khởi phải là thân biểu. Thế thì thân biểu phải là giả chẳng phải thật. Vì tự thân nhiều pháp hợp lại làm thể. Lại nữa, không biểu thị sao gọi là biểu? Hương v.v... không thể biểu thị, lại nữa cho rằng hương là thiện, bất thiện tức chẳng phải Thích-tử.

Nếu không như vậy tức tâm sai biệt sinh hiển sắc phải là thân biểu. Hiển sắc chẳng phải tâm sai biệt khởi, tự chủng tử của phong sai biệt sinh. Lại nữa, cho rằng hiển sắc là thiện bất thiện tức chẳng phải Thích tử. Nếu hiển sắc này, thể chẳng phải thân biểu, thì các phương khác sinh phải là thân biểu. Trời ái nhiệm ông, ở đó biểu nghiệp tận lực có thể siêng năng gia công chuyển kế. Nhưng đó không phải sức dụng công có thể thành. Sao luống nhọc sức trong đó làm gì. Ai có thể thành lập sinh có một thể riêng biệt? Cái chấp sinh ở đây chẳng phải như sắc v.v... Cái hiện thấy đây chẳng phải như con mắt v.v... Cái có thể hiện thấy đây do đâu biết là có? Lại nữa, không thể thấy, làm sao gọi là biểu? Trước nói không thể biểu thị, lại nếu như hiển

sắc là thiện bất thiện, thì có thể nói cái sinh này là thân biểu nghiệp. Nhưng các hiển sắc chẳng phải thiện bất thiện như trước đã nói cho nên cái sinh cũng phải như vậy. Vì vậy chắc chắn không có thật thân biểu nghiệp. Nếu vậy thân nghiệp phải chỉ là vô biểu. Cái tên vô biểu này là từ pháp gì? Là pháp xứ nhiếp luật nghi sắc v.v... Thế nào là Dục giới có thiện, vô biểu, ly biểu mà phát? Nếu trong Dục giới có vô biểu này thì có lỗi gì? Phải tùy tâm chuyển. Nếu bảo khi thụ phải nói thành lời, dẫn phát nên không có lỗi. Khi thuyết Giới Kinh, im lặng không nói cũng không định kỳ, làm sao bị tội hư cuồng ngữ, lại phải không có thân nghiệp vô ký? Bởi vô biểu nghiệp chỉ có 2 thứ. Lại cũng không có thân nghiệp thiện ác trong một sát-na. Bởi các vô biểu liên tục. Nghĩa là nếu khinh tâm không phát vô biểu, trọng tâm phát thì nhất định liên tục. Tuy kia tùy tình suy lường thật có thân ngữ nghiệp sắc mà không thành tính thiện bất thiện. Sở dĩ vì sao? Kia nói sắc nghiệp lúc mạng chung chắc chắn đều xả bỏ, thì làm sao do đây có thể có được quả ái phi ái về sau? Nói như vậy có gì phi lý? Bảo nghiệp quá khứ thể của nó là thật có vì có thể cảm quả về sau. Đó là trên ung nhọt lại nảy sinh ung nhọt. Nghĩa là chấp nghiệp quá khứ, thể của nó là thật có. Trước có sau không là quá khứ. Làm sao có thể chấp thể của nó là thật có? Nếu vậy vì sao Thế Tôn tự nói:

*Nghiệp tuy trải trăm kiếp,
Mà không hoàn toàn hư mất.
Khi gặp các duyên hợp,
Thì phải trả quả kia.*

Nói không hoại mất là hiển thị nghĩa gì? Hiển thị nghĩa nghiệp đã làm ra không phải không có quả. Do nửa sau bài tụng chứng thành nghĩa này. Ai không tin thụ nghiệp thiện bất thiện, tuy trải dài lâu mà vẫn được quả? Có điều phải tư duy lựa chọn là được quả như thế nào. Là do liên tục chuyển biến sai biệt, như hạt lúa v.v... mà được quả chẳng, hay là do tự tướng trải qua thời gian dài lâu an trụ không

hư hoại mà được quả chẳng? Nếu do liên tục chuyển biến sai biệt mà được quả, nghĩa còn có thể được. Nếu do tự tướng trải thời gian dài lâu an trụ không hoại mà được quả, thì phải nói nghiệp này trải thời gian dài lâu thể của nó không diệt mất nên có thể được quả. Nếu bảo nghiệp này chẳng phải tự tướng, vô danh mà diệt mất, nhưng do nghiệp này không có tác dụng lại mà gọi là diệt mất thì vì sao nghiệp này lại không có tác dụng? Vì do không thể dẫn quả về sau. Vì sao không thể dẫn quả về sau? Vì đây đã từng dẫn quả kia rồi, không thể đã dẫn quả rồi lại dẫn nữa. Theo pháp thì đã sinh rồi không sinh lại lần nữa. Vì sao không dẫn các quả đẳng lưu? Vì quả đẳng lưu không có phần hạn. Lẽ nào chẳng phải quả này cũng ở trong hiện tại đã từng dẫn nên không phải dẫn nữa? Thể của nghiệp không diệt thường phải hiện tại, sao không thường dẫn để được quả? Lẽ nào không phải trước nói không thể đối với quả đã dẫn rồi lại dẫn? Vì theo pháp thì đã sinh rồi không dẫn lại nữa. Sao còn hỏi nữa? Trước tuy có nói mà chưa giải thích câu hỏi. Thể của nghiệp là hằng có, như trong giai đoạn giữa thường gọi là hiện tại thường có thể dẫn quả, trong giai đoạn trước thường lại có thể sinh. Nếu bảo thể của nghiệp quá khứ tuy có, nhưng không tác dụng nên chẳng phải hiện tại, chẳng phải hiện tại nên không thể dẫn quả. Thế cũng không đúng. Thể đã là hằng có, thì phải như hiện tại hằng có tác dụng. Lại nữa, theo tông của ông thì quá khứ các pháp có tác dụng với quả, sao không phải hiện tại? Nếu bảo hiện tại là chỉ y vào các pháp thủ quả dụng mà nói. Lý cũng không đúng. Nghĩa của dụng như nhau, nên phải đều cả hai hiện tại quá khứ các pháp. Không thủ quả dụng gọi là quá khứ, thì có dụng với quả gọi là hiện tại. Khi cái dụng này hết thì gọi là diệt mất. Vậy thì các pháp diệt rồi lại diệt. Nếu vậy cũng phải nói sinh rồi lại sinh. Cho nên nghĩa lý của tông kia không thành lập. Lại nữa, sao gọi là pháp có thể dẫn quả? Nghĩa là an lập nó khiến sẽ sinh. Các lậu hết, tức là sát-na sau cùng phải không dẫn, quả sau không sinh. Thế thì niệm này phải là không phải hiện tại, không được diệt nữa nhập vào

quá khứ. Ban đầu khi hiện tại đã không tác dụng, làm sao lúc sau nói là diệt mất. Nếu tuy không tác dụng mà lại diệt, vậy thì quá khứ cũng lại phải diệt. Nếu diệt rồi lại diệt, thì phải sinh rồi lại sinh, thế là có lỗi tự trái nghịch với trước đã nói. Nếu bảo niệm này tuy có khả năng sinh hậu quả tác dụng, nhưng thiếu duyên nên quả sau không sinh. Đây cũng phi lý. Quả hẳn không sinh làm sao biết có khả năng sinh tác dụng? Phải nói vì niệm này trái thuận 2 duyên, hữu phi hữu. Tuy từ nhân sinh mà không tác dụng có thể sinh hậu quả. Cho nên nghĩa lý các chủng loại có thể dẫn quả của tông kia chắc chắn không thành. Do đó chỉ có đối với quả chủng tử có thể nuôi lớn nên gọi là năng dẫn quả. Lại tông kia nói quá khứ vị lai, thế đều thật có vị lai, vì sao chẳng phải như hiện tại có thể dẫn quả? Nếu tất cả thời, tất cả vật có thời nào vật gì thế là phi hữu mà kinh nói gặp các duyên hợp thời sẽ cho quả ấy. Lại kia nên nói ai ở địa vị gì đối với ai có thể nói an lập kia khiến sẽ sinh, cho nên gọi là năng dẫn quả. Bởi tất cả mọi thời tất cả là có. Cho nên nói nghiệp quá khứ, thế của nó thật có, có khả năng được cảm quả về sau, lý nhất định không thành.

Nếu vậy nên chấp nhận do 2 nghiệp thân ngữ thiện bất thiện, trong uẩn tương tục dẫn khởi pháp khác, thế của nó thật có, được thâm nhiếp trong tâm bất tương ưng hành uẩn. Có thuyết gọi pháp này là tăng trưởng, có thuyết gọi pháp này là không hoại mất. Do pháp này nên về sau có thể được quả ái phi ái. Ý nghiệp cũng phải chấp nhận có pháp này. Nếu không như vậy thì khi các tâm khác khởi, đây liền đoạn diệt. Trong tâm tương tục nếu không dẫn khởi pháp khác thì làm sao có thể được quả đời sau? Cho nên nhất định phải chấp nhận có pháp này. Nếu ở vào thời trước đọc tụng văn nghĩa, sau trải thời gian dài lâu lại sinh nghĩ nhớ. Lại nữa, ở vào thời trước đối với các cảnh đã từng thấy nghe v.v... sau trải qua thời gian dài lâu lại sinh nghĩ nhớ, trong sát-na nào dẫn khởi pháp gì, do đây về sau lại sinh nghĩ nhớ. Lại nữa, trước đã nhập vào diệt định tâm v.v... dẫn khởi pháp gì mà do đó về sau trở lại từ định khởi, sinh tâm xuất định? Lại

nữa, nước khoáng màu tím nhuộm vào hoa câu duyên, cả hai diệt rồi dẫn đến pháp gì? Sau kết trái thì ruột quả sinh màu đỏ. Cho nên lia bỏ cái chấp thân ngữ 2 nghiệp dẫn đến pháp khác. Chỉ nên do tư duy sai biệt tác dụng huân tâm tương tục khiến khởi công năng. Do công năng này chuyển biến sai biệt mà sinh quả sai biệt đời sau. Giống như nước khoáng màu tím nhuộm hoa câu duyên, tương tục chuyển biến cho đến khi kết trái, trong quả có sắc đỏ. Nên biết nội pháp huân tập cũng vậy. Sao lại không chấp nhận thân ngữ 2 nghiệp huân tập tâm tương tục? Bởi vì thân ngữ nghiệp do tâm dẫn thành thiện bất thiện, không phải do tâm thành thiện bất thiện. Đối với quả tương tục, có thể cho quả ái phi ái đời sau, chẳng phải tạo nghiệp khác thụ quả khác. Nếu nghiệp thể tạo ra, tuy diệt mất nhưng do liên tục huân tâm, công năng chuyển biến sai biệt có thể được quả ái v.v... đời sau. Ở vô tâm định và trời vô tưởng, tâm tương tục đoạn, làm sao nghiệp trước có thể được quả ái phi ái đời sau? Có thuyết nói như vậy: Ở đời này trước đã huân vào tâm át trở lại tương tục được quả ái phi ái đời sau. Đã gián đoạn nhân đâu có thể tiếp tục? Tâm nhập định tạo đẳng vô gián duyên, nên có thể khiến tiếp tục. Kia diệt mất đã lâu, làm sao có thể tạo đẳng vô gián duyên? Nếu như phá nghiệp quá khứ có thể đắc quả, thì đây cũng giống như kia phải như lý phá, cho nên xuất định tâm phải không tiếp tục khởi.

Có thuyết nói như vậy: Y phụ vào sức của chủng tử sắc căn, nên sau tâm khởi trở lại, bởi có thể sinh chủng tử của tâm tâm sở. Dựa vào 2 tương tục là tâm tương tục và sắc căn tương tục, tùy chỗ thích ứng lẽ nào kinh chẳng nói? Ý pháp là duyên sinh nơi ý thức, làm sao lia ý mà ý thức sinh? Phải biết ý chủng có khi gọi là ý, là vì ở trong nhân lập tên quả. Như ở nơi xúc lập tên đối khát. Sao mỗi một tâm tâm sở pháp từ 2 chủng tử tương tục sinh mà không thấy mầm v.v... từ hạt giống sinh? Có việc như vậy có thể nhờ nhiều duyên sinh đối với một quả, không từ 2 hạt giống có sinh một quả. Nếu vậy lại không khởi lỗi trước. Nghĩa là vô tâm định và trời vô tưởng tâm tương tục

đoạn, làm sao nghiệp trước có thể được quả ái phi ái đời sau? Là lỗi của tông kia. Sao gọi là tông kia? Nghĩa là chấp vị này là toàn vô tâm. Nếu nói vị này là hữu tâm thì không có lỗi này. Như Tôn giả Thế Hữu tạo vấn luận nói: Nếu chấp diệt định là hoàn toàn không có tâm thì có thể có lỗi này. Ta nói diệt định hãy còn có vi tế tâm nên không có lỗi này. Kia còn dẫn kinh để chứng thành nghĩa này. Như khế kinh nói: Ở trong diệt định, thân hành đều diệt, nói rộng cho đến căn không biến hoại, thức không lìa thân. Nay ở trong vị này còn có thức gì? Có thuyết nói đây có ý thức thứ 6, lẽ nào không phải kinh nói? Ý pháp là duyên sinh nơi ý thức. Ba hòa hợp xúc với xúc câu khởi có thụ tướng tư. Làm sao vị này có được ý thức mà không có 3 hòa, hoặc có 3 hòa mà không có xúc, hoặc lại có xúc mà không thụ tướng? Do đó gọi là diệt thụ tướng định. Có giải thích như vậy. Sao Thế Tôn nói thụ duyên ái mà tất cả thụ chẳng phải đều ái duyên? Xúc cũng vậy, không phải tất cả xúc đều thụ các duyên v.v... Trong các kinh, Thế Tôn giản lược nghĩa này. Nghĩa là vô minh xúc sinh các thụ làm duyên sinh ái, chưa từng có chỗ giản lược xúc sinh thụ. Không giản biệt nên không phải, chẳng phải giải thích tốt. Có giải thích khác rằng 3 hòa xúc là 3 việc có sức hòa hợp nên xúc sinh trong vị này, 3 việc không có sức có thể sinh xúc và sinh thụ tướng. Do tâm nhập định chán hoại nên chính ở trong định vị còn không có xúc huống chi có thụ tướng. Cho nên trong vị này chỉ có các ý thức không có các tâm sở. Nếu vậy vị ý thức này cái gì là tính thiện, là tính nhiễm, là tính vô ký? Giả sử như vậy thì có lỗi gì? Nếu tính thiện thì tính thiện ra sao? Chẳng phải tương ưng với thiện căn vô tham v.v... Giả sử tương ưng với thiện căn vô tham v.v... thì sao không có xúc? Nếu bảo do thiện v.v... các vô gián duyên dẫn phát nên thức này là thiện, thì lý không phải vậy. Vì thiện tâm vô gián sinh 3 tâm. Lại nữa, sức thiện căn dẫn phát thiện tâm, vì không có nhân có thể ngăn chặn vô tham v.v... Lại nữa không thiện căn thì không thành thiện. Nhưng diệt định này như diệt là thiện. Nếu tính nhiễm thì tính nhiễm ra sao? Không tương ưng với

các phiền não tham v.v... Giả sử tương ưng với các phiền não tham v.v... thì sao không có xúc? Như trong kinh với 10 câu hỏi kia, Phật đã nói như vậy: Các thụ uẩn tướng uẩn hành uẩn đều lấy xúc làm duyên. Lại nữa vô tướng định còn không có nhiễm hưởng nữa là diệt tận định. Nếu là tính vô phú vô ký là dị thực sinh, hay là đường oai nghi, hay là chỗ công xảo, hay là khả năng biến hóa? Nếu vậy có lỗi gì? Nếu dị thực sinh, làm sao hữu đỉnh định tâm vô gián? Dưới đây 8 địa trung gian, cách rất xa mà khởi tâm sinh Dục giới dị thực, làm sao lại từ tâm này không gián đoạn mà hiện khởi được tâm bất động v.v...? Như trong kệ kinh, Ma-ha Câu-sắt-chỉ hỏi như vậy: Khi xuất diệt định phải xúc bao nhiêu xúc? Đáp: Đây Cự thọ ! Phải xúc 3 xúc, là bất động xúc, vô sở hữu xúc, và vô tướng xúc. Lại nữa, dị thực tâm do nghiệp đời trước dắt dẫn. Đạo lý như thế nào? Do trước khi diệt định cần có thể lực trong một thời kỳ khiến kia khi xuất định không quá thời hạn. Lại vì duyên gì? Phải ở nơi hữu đỉnh duyên diệt làm biên tế của cảnh định tâm. Nghiệp đời trước ở Dục giới do tập khí dắt dẫn dị thực quả tâm mới được hiện khởi, chẳng phải ở vị trước. Lại vì duyên gì? Ở đây khởi dị thực sinh sắc, đoạn rồi không tiếp tục, dị thực sinh tâm, đoạn rồi lại tiếp tục? Nếu là đường oai nghi, hoặc chỗ công xảo, hoặc năng lực biến hóa, làm sao tâm này duyên oai nghi v.v... không xúc mà có thể có tạo tác? Lại phải có tu 9 định tuần tự và 8 giải thoát thể đều thiện, vị này không được hiện khởi tâm nhiễm ô hoặc vô ký. Lại dùng hữu đỉnh duyên diệt làm cảnh tịch tĩnh, tư duy định làm y chỉ, mới có thể hiện nhập diệt thụ tướng định. Như trong kệ kinh, Ma-ha Câu-sắt-chỉ y vào diệt tận định hỏi như vậy: Bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên làm chỗ y có thể nhập vô tướng giới định? Đáp: Đây Cự thọ ! Y vào 2 nhân 2 duyên có thể nhập vô tướng giới định. Nghĩa là không tư duy tất cả tướng và chính tư duy vô tướng giới. Nếu trong diệt định có ý thức thì duyên này là cảnh gì, làm hành tướng gì? Nếu duyên diệt cảnh làm tĩnh hành tướng, sao không phải thiện? Giả như là thiện, sao không cho là tương ưng

thiện căn như vô tham v.v...? Nếu chấp nhận tương ưng, sao không chấp nhận xúc là duyên khởi? Nếu duyên các cảnh khác, làm các hành tướng khác, sao tâm nhập diệt định vô gián khởi tâm tán loạn mà không trái lý? Giả sử so đo phân biệt có các vô ký là do 2 nhân duyên này, cũng không đúng lý. Cho nên các ông không biết như thật nghĩa của A-cấp-ma, vọng chấp lung tung cho rằng diệt định v.v... có ý thức thứ 6. Do đó nên chấp vị này có tâm.

Nếu vậy, sao chấp nhận diệt định v.v... các vô tâm vị cũng có tâm? Nên như một loại kinh mà suy xét thì chấp nhận tế tâm nơi vị ấy còn có. Nghĩa là dị thực quả thức đủ tất cả chủng tử từ ban đầu kết sinh cho đến diệt mất, lần hồi tương tục chưa hề gián đoạn. Các sinh xứ kia do nhân dị thực, phẩm loại sai biệt tương tục lưu chuyển cho đến Niết-bàn mới diệt rốt ráo. Tức do thức này không gián đoạn nên trong vô tâm vị cũng nói là hữu tâm. Sáu thức thân trong các vị này đều không chuyển nên nói là vô tâm. Do diệt định v.v... gia hành nhập vào sức tăng thượng của tâm khiến 6 thức chủng tạm thời tồn phục không hiện khởi được nên gọi là vô tâm, chứ chẳng phải không tất cả. Tâm có 2 thứ, một là tập khởi tâm, nó là nơi vô lượng chủng tử nhóm họp khởi lên, hai là chủng chủng tâm vì hành tướng sở duyên sai biệt chuyển. Các vị diệt định v.v... thiếu cái tâm thứ hai nên gọi là vô tâm. Như cái giường một chân thiếu các chân kia nên cũng gọi là không chân. Các thức chủng kia bị tồn phục vị, dị thực quả thức sát-na sát-na chuyển biến sai biệt, sức năng tồn phục yếu dần mong manh dần cho đến hết tất cả. Như nước đun, tên bay, sức đốt và sức đi tới yếu dần mong manh dần cho đến khi hết cả. Thức chủng bấy giờ được sinh quả liền ban đầu từ thức chủng sinh ý thức trở lại, sau tùy duyên các thức dần khởi. Tức như trước nói là dị thực quả thức thâm giữ các thứ chủng tử các pháp. Các thức kia và các pháp câu hữu thiện bất thiện trong lúc thường huân tập phát khởi, tùy chỗ thích hợp sức chủng tử tăng thịnh. Do sự liên tục chuyển biến sai biệt này tùy

sức chúng tử thực, tùy gặp trợ duyên liền cảm quả ái phi ái về sau. Y theo nghĩa đó mà có bài tụng rằng:

*Tâm cùng vô biên chúng,
Cùng tương tục hằng lưu.
Gặp các duyên huân tập,
Tâm chúng liền tăng thịnh.
Sức chúng dần dần thực,
Duyên hợp thì cho quả,
Như nhuộm hoa câu duyên,
Ra quả ruột màu đỏ.*

Thế tôn y theo đây, trong Kinh Đại thừa Giải Thâm Mật có nói bài tụng này:

*Thức A-đà-na sâu vi tế,
Tất cả chúng tử như nước lũ.
Đối với phàm phu ta không nói,
Sợ chúng phân biệt chấp làm ngã.*

Có khả năng tiếp nối hậu hữu, có khả năng gìn giữ thân nên gọi đó là thức A-đà-na. Vì thân nhiếp tất cả chúng tử các pháp nên lại có tên là thức A-lại-da. Dẫn nghiệp dị thực đời trước nên cũng gọi là thức dị thực quả. Nếu không chấp nhận có thức dị thực này thì có thức nào có thể giữ gìn thân. Chẳng có thức nào khác có thể khắp giữ gìn thân cho đến mạng chung hằng không rời bỏ. Lại nữa nơi nào uẩn phiền não tùy miên khi đối trị sinh có thể gọi là năng đoạn? Nếu nói uẩn ở nơi tâm năng đối trị thì không đúng lý. Làm sao tùy miên phiền não theo đuôi có thể là năng trị? Lại nữa các hữu tình sinh Vô sắc giới chính khi khởi tâm nhiễm thiện vô lậu có nơi nào thân nhiếp pháp dị thực? Hoặc phải chấp nhận thông phi dị thực và bất hệ pháp thì lại trái lý. Lại nữa quả bất hoàn sinh hữu đỉnh là trừ hết lậu, tu đối trị đạo. Khi vô sở hữu xứ vô lậu khởi, ở hữu đỉnh có vật gì khác? Tự

thể hãy còn mà không gọi chết chẳng phải chúng đồng phần. Hoặc mạng căn lia sắc tâm v.v...riêng có thật vật? Hai sự này chỉ ở nơi các uẩn dị thực tương tự thể phần mà giả kiến lập. Tương tự thể phần không có thật thể riêng biệt. Như cây lúa và một thứ cỏ giống cây lúa v.v... tương tự thể phần. Cho nên phải chấp nhận khác 6 thức thân có thức thể gìn giữ chủng tử như trên nói.

Tức y vào thức này trong kinh của Xích đồng điệp bộ kiến lập có tên là phân thức, kinh của Đại chúng bộ gọi là căn bản thức, Hóa địa bộ gọi là cùng sinh tử uẩn. Hành tướng của thức này duyên cảnh như thế nào? Hành tướng của cảnh này không thể biết được. Sao gọi là thức mà được như vậy? Như chấp diệt định vị v.v...có thức khác thì hành tướng cảnh giới khó biết. Đây cũng vậy, thức này ở trong thủ uẩn nào, lý thật nên nói ở trong thức thủ uẩn. Nếu vậy câu trong kinh phải nói như thế nào cho thông? Như nói thế nào là thức thủ uẩn? Là 6 thức thân. Lại nói sao gọi là thức duyên danh sắc? Thức là 6 thức. Phải biết rằng đây là kinh có mật ý riêng. Như khế kinh nói: Thế nào là hành uẩn? Là 6 tư thân, chẳng phải trong hành uẩn lại không có pháp nào khác. Đây cũng vậy. Nói 6 chẳng phải gì khác là có mật ý gì? Hơn nữa như Thế Tôn trong Giải Thâm Mật nói: Ta đối với phạm phu không khai diễn vì sợ kia phân biệt chấp làm ngã. Vì duyên gì phạm phu chấp đây làm ngã? Đây là từ vô thủy đến nay đến tận cùng sinh tử hành tướng vi tế không biến đổi. Lại nữa dùng hành tướng sở y sở duyên của 6 thức là phẩm loại thô dễ hiểu, tương ưng với các phiền não và đối trị đạo cho nên kiến lập phẩm tạp nhiễm thanh tịnh. Thế là quả thức, do đó so sánh biết có chủng thức. Trong các khế kinh, tùy chỗ giảng nói không nói nhân thức, đều khác với những điều nói trên, nên nói là nói 6 chẳng phải mật ý gì khác. Do đây đã giải thích, trong các bộ kinh chỉ nói 6 thức thân là có phần thức v.v... tùy chỗ thích ứng đều không hại gì. Lại như nay trong mỗi bộ vô lượng khế kinh đều đã ẩn mất, như Thích Quỹ Luận có giải rõ cần phải biết. Cho nên không nên chấp A-lại-da thức không phải

kinh nói là chắc chắn có lý. Như vậy thì trong một thân phải có 2 thức đồng thời chuyển, nghĩa là dị thực thức và các chuyển thức? Như vậy có lỗi gì? Nếu trong một thân có 2 thức cùng chuyển thì phải đồng thời lập 2 thân hữu tình. Như trong các thân 2 thức cùng chuyển, điều đó không có lỗi. Vì nhân quả 2 thức lần lượt làm chỗ dựa không tách rời nhau. Lại nữa dị thực thức được các chuyển thức huân tập, cho nên chẳng phải khác trong thân 2 thức cùng chuyển. Có như vậy nên không có lỗi này. Có thể có chủng tử hiện thấy với quả của chủng tử tương tục khác chăng? Như hiện thấy trên thế gian có hoa sen xanh, rể và cọng v.v... tương tục đều khác mà làm ra quả của chủng tử. Đây cũng vậy. Lại nữa theo thế gian thấy và không thấy, nếu không chấp nhận có thức A-lại-da thì có những chỗ hỏi sai như trước đã nói. Cho nên chắc chắn phải chấp nhận thức A-lại-da là 6 thức thân, thể của nó là thật hữu.

Vi duyên gì không chấp nhận thể của ngã là thật hữu, với 6 thức thân làm chỗ y chỉ? Cái ngã ông chấp đó tương như thế nào mà nói là có thể làm y chỉ cho 6 thức? Nếu chấp nhận ngã như thức A-lại-da sinh diệt tương tục tùy duyên chuyển biến thì có khác gì với thức mà chấp làm ngã? Nếu chấp thể của ngã là một, là thường, hoàn toàn không biến đổi thì làm sao có thể nói thụ thức v.v... huân làm chỗ y chỉ? Đã nói huân tập tức khiến sở huân kia liên tục biến thành công năng sai biệt. Như nước khoáng màu tím huân vào hoa câu duyên khiến nó liên tục chuyển biến công năng. Nếu không huân tập thì không có công năng chuyển biến sai biệt. Làm sao lúc trước lãnh trí tham v.v... thường tập khác, nên sau trải thời gian lâu nghĩ nhờ trí tham v.v... sinh khởi sai biệt. Lại nữa vô tâm vị với lúc sau cái thể của ngã kia không khác, nay đã không có thức thì sau thức v.v... từ đâu sinh? Lại nữa đối với thức v.v... ngã có năng lực gì mà chấp ngã là y chỉ của thức? Nếu nói thức do từ ngã mà sinh, mà thể của ngã hằng thời đã không sai biệt, làm sao thức lần lượt sinh không phải trong một lúc mà tất cả khởi một cách nhanh chóng? Nếu bảo lại phải

đội nhân duyên trợ giúp mới có thể sinh, thì lia các nhân duyên làm sao biết ngã có thể sinh tác dụng? Nếu nói thức y vào ngã mà chuyển, thì các pháp vừa sinh là diệt không gián đoạn, đã không trụ làm sao có nghĩa chuyển? Cho nên không nên chấp thể của ngã là thật hữu và làm chỗ y chỉ cho 6 thức thân. Lại nữa chấp hữu ngã là trái với A-cấp-ma nói tất cả pháp đều không có ngã. Ông chấp ngã là một, là thường, là thật đều không đúng lý, chỉ xuất phát từ vọng tình mà thôi.

Do đây chứng thành chỉ có tư duy sai biệt huân tập đồng thời thức A-lại-da khiến liên tục chuyển biến sai biệt có thể dẫn đến quả ái phi ái đời sau, không phải như kia nói là tướng của thân ngữ nghiệp.

Nếu không chấp nhận có 2 nghiệp thân ngữ, lẽ nào có thể rơi vào sự hủy báng 3 nghiệp trong khế kinh? Không thể hủy báng, nhưng có thể như lý giải thích kinh này khiến không sai lầm. Thế nào là giải thích không sai lầm kinh này? Nếu không bảo thủ cố chấp cái sai của mình tôi sẽ nói rộng. Khế kinh nói 3 nghiệp là như thế nào? Cái gì là thân, cái gì là thân nghiệp? Thân là nghĩa gì, nghiệp là nghĩa gì? Lại vì nghĩa gì gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp? Hỏi cũng như vậy. Lại vì duyên gì khế kinh chỉ nói thân v.v... 3 nghiệp mà không phải nhãn v.v...? Vì sao khế kinh nói 3 nghiệp? Vì để hiển thị 3 nghiệp gồm thân 10 nghiệp đạo. Khuyến lệ bố úy nhiều sở tác. Như lược nói 3 học cho Phật-lật thị tử có chấp các nghiệp chỉ do thân tạo chẳng phải do ngữ, ý. Để hiển thị 2 cái kia cũng có tạo, cho nên nói 3 nghiệp. Thân là các căn đại tạo, hòa hợp sai biệt làm thể. Nghiệp tức tư sai biệt làm tính. Tích tập tạo thành, là nghĩa của thân vì đại tạo cực vi tích tập làm thành. Có thuyết nói các thứ uế ác tập thành là nghĩa của thân, vì thân là chỗ sở y của các thứ vật bất tịnh. Nếu vậy cõi trời phải không có thân, tùy tạo tác mà ý có tạo tác là nghĩa của nghiệp. Năng động thân tư duy gọi là thân nghiệp. Tư có 3 thứ: 1. Thẩm lự tư. 2. Quyết định tư. 3. Động phát tư. Nếu tư có thể động thân thì nói là thân nghiệp, vì tư này có thể dẫn khiến thân

tương tục nơi phương khác sinh nhân khởi phong giới. Nếu đầy đủ nên gọi là nghiệp động thân, trừ động chỉ nói thân nghiệp. Như loại dầu tăng lực chỉ gọi là lực du, như gió động bụi chỉ gọi là trần phong, đây cũng như vậy. Trong 10 nghiệp đạo, 3 nghiệp đạo đầu gồm trong thân nghiệp. Nghĩa là sát sinh, không cho mà lấy, và thủ dục tà hạnh. Sao được gọi là tư nghiệp? Do tư nghiệp này có thể động thân, khiến làm việc sát hại trộm cắp và tà hạnh. Tư lực động thân, khiến có những tạo tác nên gọi là tư tác. Như thế gian nói giặc điên cuồng đốt phá làng xóm lấy củi nấu cơm. Tư sao còn gọi là nghiệp đạo? Tư có tạo tác nên gọi là nghiệp, lại có nẻo thiện nẻo ác là con đường đi tới sinh nơi kia nên gọi là nghiệp đạo. Hoặc chỗ động thân là tư, vì 3 thứ nghiệp đạo tư nghiệp dựa vào đó mà chuyển. Lại nữa, sát, đạo dâm do tư nghiệp khởi, y vào thân mà sinh, theo thế tục nên cũng gọi là thân nghiệp. Nhưng thật ra đây không có tính thiện bất thiện mà cũng theo thế tục giả đặt tên, để khiến thế gian y theo môn này mà tư duy siêng tu thiện chấm dứt ác, nên giả gọi là thiện bất thiện. Nếu chỉ có tư nghiệp là thiện bất thiện, sao trong khế kinh nói nghiệp đạo do thân 3 thứ nên tư tạo nghiệp và vì tạo tác và tăng trưởng là bất thiện nên có thể sinh khổ quả và khổ dị thực? Kinh này ý nói có thể động thân vì thân là cửa ngõ, thân là chỗ dựa duyên sát, đạo, dâm làm cảnh, tư nghiệp làm nhân, có thể cảm khổ quả dị thực là thân 3 thứ nên tư tạo nghiệp. Trừ đây ra các tên tư khác là ý nghiệp. Ý tương ưng nên không thể động phát thân và ngữ. Nếu vậy vì sao kinh nói 2 nghiệp là tư nghiệp và tư dĩ nghiệp? Tức như trước nói trong 3 thứ tư, hai thứ tư đầu là tư nghiệp, một cái thứ ba là tư dĩ nghiệp, không có lỗi trái với kinh. Ngữ là ngôn ngữ âm thanh làm tính. Cái này có thể biểu hiện rõ nghĩa muốn nói ra, nên gọi là ngữ. Có thể phát thành lời suy nghĩ nói ra, nên gọi là ngữ nghiệp. Lại nữa, ngôn ngữ lấy chữ viết v.v... làm chỗ dựa, do mang cái chữ viết v.v... biểu thị nghĩa năng thuyên, nên gọi là ngữ. Đầy đủ nên nói là phát ngữ nghiệp. Trừ tiếng phát nên chỉ nói ngữ nghiệp. Thí dụ như trước. Ý nghĩa là thức có thể

tư duy suy lường hướng đến cuộc sống khác và cảnh giới khác, nên gọi là ý. Ý tư duy tác động, gọi là ý nghiệp, vì khiến ý tạo tác các việc thiện bất thiện v.v... Đầy đủ nên nói là tác ý nghiệp. Trừ tiếng tác, chỉ còn lại nói là ý nghiệp. Hoặc ý tương ưng nghiệp, gọi là ý nghiệp. Trừ 2 tiếng tương ưng chỉ còn nói ý nghiệp. Thí dụ như trước. Nếu 3 thứ nghiệp chỉ có tư là thể thì trong lúc tán loạn tâm và vô tâm vị, bấy giờ không có tư làm sao được gọi là người có đầy đủ luật nghi hay người không có luật nghi? Do tư sai biệt huân tập thành chủng tử, không hư hoại, nên gọi là người đầy đủ luật nghi, hay người không có luật nghi, không có gì sai. Tư sai biệt, nghĩa là phân biệt lựa chọn lấy thắng tư, có thể phát ra sự biểu lộ luật nghi hay không luật nghi. Do tư này huân tập thành 2 thứ chủng tử thù thắng. Dựa vào 2 chủng tử trong vị chưa tổn hoại, giả lập thiện ác và vô biểu luật nghi. Như gì gọi là tổn hoại? Như vậy do tư sai biệt huân thành chủng tử, nghĩa là từ đây về sau không tạo nhân tư, sinh ngăn chận không ngăn chận. Như trước đã thụ, cái gì có thể làm tổn hoại chủng tử đó? Nghĩa là nếu có tư có thể phát ra sự biểu lộ, nhân đó xả bỏ thiện ác luật nghi, và các xả nhân khác, cũng có thể làm tổn hoại. Sở dĩ vì thế mà không nói nhân nghiệp v.v... do đó trong kinh chỉ nói nghiệp gia hành của hữu tính không nói nghiệp tác dụng của các pháp. Sao gọi là nghiệp gia hành của hữu tính? Nghĩa là tùy theo chỗ ý tạo tác của người tạo tác. Sao gọi là nghiệp tác dụng của các pháp? Nghĩa là các công năng khác biệt của mắt, mũi v.v...

*Phật nói 3 nghiệp nghĩa sâu nhiệm,
Ta theo giáo nghĩa mà biện thành.
Nguyện lấy phúc này giúp quần sinh,
Đều mau chứng được thanh tịnh giác.*

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1610
LUẬN PHẬT TÍNH
QUYỂN 1

*Thiên Thân Bồ-tát tạo luận
Thiên Trúc Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phần 1: DUYÊN KHỞI

Hỏi: Vì nhân duyên gì Phật nói Phật tính?

Đáp: Như Lai vì trừ 5 thứ tội lỗi sinh 5 công đức, nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính tất hữu. Trừ 5 thứ tội lỗi là: 1. Vì khiến chúng sinh lìa tâm hạ liệt. 2. Vì lìa người mạn hạ phẩm. 3. Vì lìa chấp hư vọng. 4. Vì lìa phỉ báng pháp chân thật. 5. Vì lìa chấp ngã.

1. Vì khiến chúng sinh lìa tâm hạ liệt, là có các chúng sinh chưa nghe Phật nói lý Phật tính, không biết tự mình chắc chắn phải có được Phật nghĩa, nên đối với thân này sinh khởi tưởng hạ liệt, không thể phát tâm Bồ-đề. Nay muốn khiến phát tâm, xả bỏ tâm hạ liệt, nên nói chúng sinh có Phật tính tất hữu.

2. Vì lìa tâm cao mạn, là nếu có người từng nghe Phật nói chúng sinh có Phật tính nên nhân đây phát tâm. Đã phát tâm rồi liền bảo ta có Phật tính nên có thể phát tâm, có ý khinh mạn cho rằng người khác không thể. Để phá chấp này Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

3. Vì lia chấp hư vọng, là nếu người có tâm khinh mạn này thì không hợp lý, không suy lường, chính trí không sinh được, nên khởi hư vọng. Hư vọng là lỗi lầm của chúng sinh. Có 2 thứ lỗi lầm: một là vốn không, hai là khách. Một là vốn không, nghĩa là đúng như lý vốn không có nhân ngã, chấp nhân ngã. Cái chấp này không có căn bản, do chấp không căn bản nên khởi vô minh, do vô minh nên khởi nghiệp, do nghiệp khởi quả báo. Như vậy 3 thứ này không có căn bản thật sự. Sở chấp đã không, nên năng chấp đều thành hư vọng. Do chấp này khởi vô minh, các nghiệp quả báo đều là hư vọng. Không có người thụ lãnh, không có người tạo tác, mà trong đó chấp có, đó là hư vọng cho nên nói là vốn không. Hai là khách, nghĩa là các pháp hữu vi, diệt trong từng mỗi niệm mỗi niệm không dừng trụ, vậy thì người mắng nhiếc và người bị mắng nhiếc cả hai đều không tồn tại. Chi sát-na đầu là cũ, sát-na tiếp theo là khách, mắng nhiếc và bị mắng nhiếc liền mất ngay. Vậy thì sát-na ban đầu là oán, sát-na tiếp theo là chẳng phải oán. Bởi vì ở trong sát-na khách mà chấp cái chấp của sát-na trước, thì chấp này không thật, nên gọi là hư vọng. Nếu khởi chấp này thì trí không sinh. Để trừ chấp này nên nói Phật tính. Phật tính, tức là nhân pháp 2 không, hiển thị chân như. Do chân như nên không có mắng nhiếc và bị mắng nhiếc, thông suốt lý này thì lia chấp hư vọng.

4. Vì trừ phi báng pháp chân thật, nghĩa là tất cả việc tội lỗi của chúng sinh đều là 2 không. Do hiểu cái không này, nên khởi công đức trí tuệ thanh tịnh. Đó gọi là chân thật. Nói phi báng, là nếu không nói Phật tính thì không rõ nghĩa không mà chấp thật có, trái chống chân như. Công đức tịnh trí đều không thành tựu.

5. Lia chấp ngã, nghĩa là nếu không thấy tội lỗi hư vọng, công đức chân thật, thì đối với chúng sinh không khởi đại bi. Nhờ nghe Phật nói Phật tính, biết tội lỗi hư vọng, công đức chân thật, nên đối với chúng sinh khởi tâm đại bi, không có ý niệm đây kia, trừ được ngã chấp. Do nhân duyên 5 nghĩa này, Phật nói Phật tính sinh 5 thứ

công đức. Năm công đức là: 1. Khởi tâm chính cần. 2. Sinh cung kính. 3. Sinh Bát-nhã. 4. Sinh Xà-na. 5. Sinh đại bi. Do 5 công đức này chuyển đổi 5 lỗi: Do chính cần chuyển đổi tâm hạ liệt. Do cung kính chuyển đổi tâm khinh mạn. Do Bát-nhã chuyển đổi chấp vọng tưởng. Do sinh Xà-na tục trí có thể hiển lộ thật trí, và các công đức cho nên chuyển đổi phi báng chân pháp. Do tâm đại bi, từ niệm bình đẳng nên chuyển đổi ngã chấp. Chuyển ngã chấp, là do Phật tính nên quán tất cả chúng sinh 2 không sở hữu, dứt ý niệm tự ái, quán các chúng sinh gồm trong 2 không, tất cả công đức được thành tựu, cho nên đối với người sinh ái niệm. Do Bát-nhã nên diệt ý niệm tự ái. Do đại bi sinh ý niệm yêu người khác. Do Bát-nhã nên xả bỏ chấp phạm phu. Do đại bi nên xả bỏ chấp Nhị thừa. Do Bát-nhã nên không bỏ Niết-bàn. Do đại bi nên không bỏ sinh tử. Do Bát-nhã nên thành tựu Phật pháp. Do đại bi nên thành thực chúng sinh. Do 2 phương tiện trụ nơi vô trụ, không thoái chuyển, mau chứng Bồ-đề, diệt 5 tội lỗi, sinh 5 công đức. Cho nên Phật nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

Phần 2: PHÁ CHẤP

Phẩm 1: PHÁ CHẤP TIỂU THỪA

Lại nữa Phật tính là có hay không có, cần phải biết nghĩa của thành lập phá lập. Phá có 3 thứ: 1. Phá chấp Tiểu thừa. 2. Phá chấp ngoại đạo. 3. Phá chấp Bồ-tát.

Trước tiên phá chấp Tiểu thừa. Phật vì người Tiểu thừa nói có loại chúng sinh không trụ tính, vĩnh viễn không Bát-niết-bàn, nên sinh nghi này không khởi tín tâm.

Giải thích: Sở dĩ sinh nghi là do Phật nói. Các bộ phái Tiểu thừa có chỗ hiểu và chấp không giống nhau. Nếu nói theo Phân biệt bộ thì tất cả phàm thánh chúng sinh đều lấy không làm căn bản, vì phàm thánh chúng sinh đều từ không mà ra. Không là Phật tính. Phật

tính tức Đại Niết-bàn. Nếu nói theo các bộ Tì-đàm Tát-bà-đa, thì tất cả chúng sinh không có tính được Phật tính, mà chỉ có tu được Phật tính. Chúng sinh được phân biệt có 3 loại: 1. Nhất định không có Phật tính, vĩnh viễn không được Niết-bàn. Đó là hạng Nhất-xiển-đề phạm trọng cấm. 2. Không nhất định có hay không. Nếu tu thì được, không tu không được. Đó là người trong địa vị hiền thiện trở lên. 3. Quyết định có Phật tính, tức người trong 3 thừa. Một là Thanh Văn từ khổ nhẫn trở lên tức được Phật tính. Hai là Độc Giác từ thế pháp trở lên tức được Phật tính. Ba là Bồ-tát 10 hồi hướng trở lên là bất thoái vị tức được Phật tính. Sở dĩ như vậy là như kinh nói có chúng sinh không trụ tính vĩnh viễn không Bát-niết-bàn. Lại A-hàm nói trong 10 lực của Phật tính lực, chiếu cảnh giới chúng sinh có nhiều thứ tính, cho đến các giới thô diệu không đồng, nên gọi là tính lực. Sở dĩ vì sao? Tất cả chúng sinh hữu tính vô tính khác nhau. Người có Phật tính thì tu các thứ diệu hành. Người không Phật tính thì khởi các thứ thô ác. Cho nên người học Tiểu thừa thấy 2 thuyết này đều có lý, mà chưa biết người nào là chắc, nên khởi tâm nghi. Lại nữa người sinh tâm không tin thì trong 2 thuyết đều thiên chấp một bên nên không tin nhau. Sao vậy? Nếu theo thuyết của Phân biệt bộ thì không tin có chúng sinh vô tính. Nếu theo thuyết của Tát-bà-đa bộ thì không tin đều có Phật tính. Người rõ có Phật tính hỏi người chấp vô tính rằng: Vì sao ông nói có chúng sinh vô tính vĩnh viễn không Bát-niết-bàn? Đáp rằng: Chúng sinh đã có nhiều loại thô diệu không đồng, nên theo lý biết là có hữu tính vô tính. Nếu ông không tin có chúng sinh vô tính vĩnh viễn không Niết-bàn mà tin có chúng sinh có nhiều giới thô diệu thì không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Vì chấp không bình đẳng.

Hỏi: Ông tin có chúng sinh có nhiều giới thô diệu, tức khiến tin có chúng sinh vô tính, thì cũng phải tin có chúng sinh vô căn chăng? Bởi vì sao? Do chúng sinh có hữu căn vô căn nên có các giới thô diệu. Nếu ông không tin có chúng sinh vô căn, thì làm sao tin có các giới thô diệu? Nếu bảo có các giới thô diệu không liên quan hữu căn

vô căn, thì tôi cũng tin có giới thô diệu không liên quan đến nghĩa hữu tính vô tính, nào có lỗi gì? Nếu ông nói không có chúng sinh vô căn, tôi cũng nói không có chúng sinh vô tính.

Đáp: Ông lấy hữu căn vô căn thí dụ cho hữu tính vô tính của tôi, là không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Ông bảo vô căn là chúng sinh hay là phi chúng sinh? Nếu là chúng sinh thì có 2 lỗi. Một là lỗi thái quá. Nếu không có 6 căn mà là chúng sinh thì tất cả loài vô tính như cỏ cây đá v.v... đều là chúng sinh, đồng với vô căn. Hai là lỗi bất cập. Vốn nói lấy 6 căn làm chúng sinh, vậy không 6 căn nói là vật gì, lại là chúng sinh chẳng mà ông nói là chúng sinh vô căn? Nghĩa đó không đúng. Cho nên biết rằng không vì hữu căn vô căn mà nói các giới thô diệu. Chính vì hữu tính vô tính mới nói thô diệu.

Hỏi: Nếu ông bảo rằng tôi lập chúng sinh vô căn có 2 lỗi, thì ông lập người phạm trọng Nhất-xiển-đề không có Phật tính vĩnh viễn không được Niết-bàn cũng có 2 lỗi. Một là lỗi thái quá. Chúng sinh vốn lấy ngã kiến vô minh làm pháp phạm phu. Tìm cái vô minh này là do trái nhân không nên khởi, đã khởi vô minh nên có nghiệp báo. Nếu không trái nhân không, thì không có vô minh nghiệp báo, đã không vô minh nghiệp báo thì bình đẳng tam luân. Nếu vậy phải là thánh nhân làm phạm phu. Nếu bảo rằng chúng sinh không có Phật tính, thì chỉ thánh là phạm, không phạm được thánh. Đây thành lỗi thái quá. Hai là lỗi bất cập. Nếu ông bảo rằng có chúng sinh không có Phật tính, thì đã không có không tính thì không có vô minh, nếu không vô minh thì không nghiệp báo, đã không nghiệp báo lẽ nào có chúng sinh? Cho nên thành bất cập mà ông bảo là có chúng sinh không có Phật tính. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Ông đã không tin có chúng sinh vô căn sao lại đột ngột tin có chúng sinh vô tính? Bởi 2 lỗi đồng như nhau.

Hỏi: Ông nói có chúng sinh không có Phật tính, như dòng Sát-đê-lợi vì có đủ 4 tính, và địa ngục nhân thiên tính v.v... là không có đủ. Nếu nói người không có đủ thì người đó phải là người thường,

vĩnh viễn không làm các đạo nghĩa. Nếu có đủ, tức trái với kinh. Như trong kinh nói: Tính lực của Như Lai có thể biết rõ các giới thô diệu. Tính của chúng sinh đã bình đẳng, kinh không chứng. Lại nữa, nếu ông bảo rằng có chúng sinh vĩnh viễn không Bát-niết-bàn, thì cũng không đúng nghĩa. Như người trước là Sát-đề-lợi, sau làm Bà-la-môn, hoặc người hoặc trời không có tướng nhất định. Nếu ông nói không đầy đủ, thì trái với thí dụ đã lập. Bởi vì sao? Vì điều không đủ. Ông nói chúng sinh không Phật tính vĩnh viễn không đắc Phật, như người không thiên tính thì không được quả báo cõi trời. Nếu không thiên tính mà được báo cõi trời thì chúng sinh không Phật tính cũng phải được Niết-bàn. Lại nữa nếu đầy đủ tính tương tự với thí dụ kia, thì chúng sinh không Phật tính phải có đủ Phật tính. Nếu có 2 tính có và không thì trái nhau chẳng? Nếu trái nhau thì phải một có một không. Nghĩa ấy là không thể. Nếu chúng sinh không có tính Niết-bàn, thì phải không nên có tính Niết-bàn. Ông nói có đủ 2 tính là không đúng. Bởi vì sao? Như Sát-đề-lợi không có tính Bà-la-môn. Hai tính trái nhau, quyết định không. Sau không được làm Bà-la-môn, vì trái với thế đạo. Lại nữa nếu điều có đủ tính, thì sau quyết chắc được, nếu không đủ tính, thì sau chắc chắn không được. Nếu một người đủ cả 2 nghĩa này, thì người ấy nhất định thuộc về đàng nào? Lại hỏi, ông lập chúng sinh không Phật tính thì thủy chung là định không, hay bất định? Ví như đại địa ban đầu không có tính vàng, sau thì hoặc có, hoặc có rồi lại không? Ông lập không Phật tính cũng như vậy chẳng? Nếu như vậy thì phải được Nhị thừa tính rồi, sau lại không được, được Đại thừa tính rồi, sau lại mất, được định tính rồi, sau lại bất định, tuy tu được thông đạt giải thoát các công đức, sau lại mất, thế thì tu đạo là vô dụng, vì quyết định lập tính đều thành vô dụng. Lại hỏi: Ông lập chúng sinh vô định tính, như đất có khi chuyển đổi thành vàng v.v... các báu vật, chúng sinh không Phật tính trụ nơi hạ tính. Là nhân tính bất định nên có thể chuyển thành Niết-bàn, thế là đời nay chuyển hay vị lai chuyển? Nếu ông bảo đời

nay chuyển thì được chuyển như thế nào? Là gặp Tam Bảo được 3 thiện căn giải thoát nên chuyển, hay không gặp mà có thể được chuyển? Nếu nói tu công đức phần nên hiện tại chuyển, thì sao bảo rằng chúng sinh không Phật tính vĩnh viễn trụ nơi hạ tính? Nghĩa đó tự diệt. Nếu ông bảo rằng đời này tuy tu thiện căn nhưng hoàn toàn không được chuyển, đời vị lai mới chuyển nên gọi là trụ nơi hạ tính, vậy thì tính này trong đời vị lai do tu thiện nên chuyển hay không tu mà chuyển? Nếu tu nên chuyển thì tại sao nay tu không chuyển? Nếu nói vị lai không tu thiện tự nhiên chuyển thì hiện tại chưa tu tại sao không chuyển? Lại nếu ông nói không Phật tính là nhất định không, như tính lửa nhất định là nóng không thể chuyển thành tính lạnh của nước, thì Phật tính cũng vậy. Có, không, phải chắc chắn đều không thể chuyển. Nếu không thể chuyển, thì cái chắc chắn mà ông lập này là do nhân mà chắc chắn hay không do nhân? Nếu do nhân nên chắc chắn thì cái chắc chắn này không thành chắc chắn rồi. Bởi vì sao? Vì vốn là chưa chắc chắn, do nhân mới chắc chắn. Nếu nói không do nhân mà chắc chắn thì lỗi vô cùng. Cho nên tôi nói tính này cũng lại không chắc chắn vì không do nhân. Như vậy là thành nghĩa này. Như ông nói sự chắc chắn v.v... đều cùng không nhân. Nếu vậy những việc phi lý đều được thành? Hai là lỗi bất bình đẳng. Như người ta bảo người thạch nữ sinh 2 đứa con một trắng một đen, như con thỏ có 2 cái sừng một nhọn một tà. Nếu nói không do nhân thì thành nghĩa bất bình đẳng này. Như chỗ ông nói, nếu đây không thành thì ông cũng không lập. Ba là lỗi đồng với ngoại đạo. Có vốn chắc chắn là có, không vốn chắc chắn là không, có không thể diệt, không không thể sinh. Các lỗi này do ông tà chấp nghĩa của vô tính mà ra.

Hỏi: Nếu vậy sao Phật nói chúng sinh không trụ tính vĩnh viễn không Bát-niết-bàn?

Đáp: Nếu người ghét chống Đại thừa thì pháp này là nhân của Nhất-xiển-đề, vì khiến chúng sinh bỏ pháp này. Nếu theo nhân Nhất-

xiển-đề, trong thời gian lâu luân chuyển không diệt, do nghĩa này nên kinh nói như vậy. Nếu căn cứ đạo lý thì tất cả chúng sinh đều có Phật tính bản hữu thanh tịnh. Vĩnh viễn không được Niết-bàn là không có chuyển đó. Cho nên Phật tính quyết chắc là vốn có vì là sự có không.

Phẩm 2: PHÁ NGOẠI ĐẠO

Lại nữa, vì ngoại đạo không biết Phật tính, nên phải biết chỗ lập nghĩa của họ. Có ngoại đạo nói tất cả các pháp đều có tự tính đẳng hữu, chẳng phải không, tính đều khác nhau. Nếu các pháp là hoàn toàn không, không có tự tính, thì thủy hỏa, sắc tâm, sinh tử Niết-bàn đều không có tự tính. Tự tính đã là không thì có thể chuyển đổi lửa thành nước, chuyển đổi Niết-bàn làm sinh tử. Bởi vì sao? Vì đều như nhau không có tự tính. Hiện thấy tính lửa định chắc là nóng không thể là nước, tính nước định chắc là ướt không thể là lửa. Niết-bàn sinh tử cũng như vậy, không thể chuyển đổi cái này làm cái kia. Như vậy 2 pháp đều có tự tính. Nếu có thể chuyển đổi nhau thì thành vô dụng. Cho nên biết các pháp đều có tự tính, vì vậy không phải là không. Lại nữa để phá ngoại đạo cần phải biết nghĩa của tự tính.

Hỏi: Ông nói các pháp đều có tự tính, không phải là không, tính định khác, thì nghĩa không phải như vậy. Bởi vì sao? Vì tự tính quyết định là không thể được. Quyết định là lia đây quá gần quá xa 8 thứ nhân không thể thấy này ra, nếu vật chắc chắn là có thì phải thấy được, nếu vật chắc chắn là không thì không thể thấy. Ví như sừng con thỏ và tai con rắn. Dùng trí quyết định, y đạo lý tìm quyết không thể được, chắc chắn vĩnh viễn là không, cho nên tự tính các pháp cũng như vậy. Vì vậy cho nên biết các pháp không tự tính nên là không. Nếu ông nói cái bình v.v...các vật đều khác nhau, như cái bình khác cái áo v.v... thì nghĩa không phải vậy. Bởi vì sao? Bình với sắc v.v... là tức tự tính hay ly tự tính? Nếu quyết định là tức hay ly đều không phải nghĩa. Nếu là 1 thì không nên có 8, vì bình với con số là trái nhau, nên

nghĩa 1 không lập. Nếu quyết định là khác, thì duyên sắc tức không phải được bình. Như người duyên con bò thì không thấy con ngựa. Cho nên cái bình v.v... tức hay ly tự tính, đều không thể được. Nếu ông nói có hữu tính, nên các pháp có. Tự tính chẳng phải không, thì nghĩa không như vậy. Bởi vì sao? Vì có tính vô tự tính. Tính có, nếu là tự tính có, thì không tách rời 2 chỗ có không. Nếu trong có lại có cái có, thì 2 cái có cùng tồn tại là vô dụng. Pháp đã là có, sao nhọc sức lại phải tự tính có? Nếu trong không có cái có, sao không thể khiến thô có sừng, rùa có lông? Cho nên biết 2 chỗ đều không lập. Lại hỏi: Ông nói tự tính với cái bình v.v... là một hay khác? Nếu là một thì không nên có 8 tính. Nếu có 8 thì 1 tức là trái rồi. Nếu nói là khác, tức không thông trí vô ngôn. Bởi vì sao? Ông nói do tự tính có nên có ngôn thuyết và sinh trí tuệ. Nay đã là khác, nên biết là không có ngôn thuyết, không có ngôn thuyết nên không sinh trí tuệ. Có, không, tức, ly, đều không thể được, nên tự tính quyết định là không. Lại nữa, nếu ông nói: Ông nói cũng không, cho nên tất cả pháp chẳng phải không, nghĩa này không phải vậy. Bởi vì sao? Như vậy ngôn ngữ nhập vào trong các pháp, nên ngôn ngữ cũng không, cho nên biết các pháp đều không. Nếu ông nói ngôn ngữ có thể nghe cho nên chẳng phải không, nghĩa ấy chẳng phải như vậy. Bởi vì sao? Tự tính của ngôn ngữ là không thể được, vì ngôn ngữ do duyên các thứ khác, cho nên có 8 tướng khác: 1. Giác. 2. Quán. 3. Công dụng. 4. Hơi gió. 5. Tám chỗ. Tám chỗ là rốn, bụng, họng, lưỡi, cổ, răng, mũi, môi. 6. Âm thanh. 7. Tên chữ. 8. Mở đóng. Đủ 8 nghĩa này thì âm thanh ngôn ngữ sinh. Ngôn ngữ phân biệt đều nhập vào tất cả pháp, cho nên biết đều là không. Lại nữa, ông nói: Nếu ông nói không, bình đẳng, thì sao trong 8 thứ nhân duyên chỉ sinh ngôn ngữ không sinh các pháp khác, nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Vì ông không biết nghĩa bản khác nên nêu có người lập không từ nhân duyên có thể phát ra ngôn ngữ, đối với người này ông có thể đưa ra câu hỏi này. Tôi nay nói nhân quả quyết định, chẳng phải không nhân duyên. Nhân quả định, nghĩa là từ nhân

sinh quả. Nếu quả không từ nhân sinh thì phải bản lai có quả. Nếu nhân không sinh quả, quả do duyên gì mà có? Nếu nhân quả đều vô tính, thì tự tha đều không. Sao tự sinh không sinh nơi khác? Vì tự quả sinh, quả khác không sinh cho nên không được vô tính. Do nhân sinh nên không thể nói có, vì từ cái khác sinh nên không thể nói không. Vì nghĩa đó tôi nói nhân quả quyết định, câu hỏi của ông không thành. Như bài kệ trong Trung Luận nói:

*Các pháp ở mọi nơi,
Tự tự không được sinh.
Tự tha hai cũng vậy,
Tự không nhân cũng vậy.*

Câu đầu nói các pháp ở mọi nơi, nghĩa là nói rõ có 3 nơi: 1. Bốn nơi sinh, tức nơi sinh của 3 cõi và nơi sinh vô lưu. Bốn nơi này gồm hết tất cả mọi nơi trong ngoài. Bốn nơi này cũng gồm hết tất cả các pháp nhiếp pháp. 2. Nội đạo ngoại đạo, gồm tất cả sở hữu pháp, thông hết thế xuất thế. 3. Hữu tình vô tình, gồm hết tất cả pháp, thông 3 đời gồm hết cho nên nói “*Các pháp ở mọi nơi* “. Tiếp 3 câu, lấy 4 thứ nhân duyên tìm các pháp thật sinh đều không thể được: 1. Từ tự. 2. Từ tha. 3. Từ tự và tha. 4. Không từ tự tha. Tìm 4 câu này đều không có nghĩa sinh, cho nên biết các pháp hoàn toàn chẳng phải hữu tính. 1. Không từ tự sinh, nghĩa là nếu từ tự sinh thì sinh tức vô dụng, vì tự đã có rồi cần sinh làm gì. Cho nên vẫn nói “*Tự tự không được sinh*”. 2. Nếu từ tha sinh, sao không sinh nơi quả khác? Vì đều là không. Cho nên nói “*từ tha* “ không được sinh. 3. Nếu từ cả tự và tha sinh, thì cũng như vậy. Trước là theo khác thể tương tục mà lập nghĩa tự tha, như 2 vật đối nhau là tự tha của nhau. Bởi lấy Trương nhìn Vương thì Trương là tự Vương là tha, lấy Vương nhìn Trương thì Vương là tự Trương là tha, cũng cùng nghĩa như vậy. Hai cái tính tha này là một hay là khác? Nếu 2 cái tính tha là một, thì không có nghĩa tự tha, không phải 2 cái trông nhau. Cho nên nếu nghĩa tha kia

khác nghĩa tha đây, thì kia không thành tha, bởi khác tính tha. Tha kia đã không phải tha thì tha đây cũng mất gốc, do tha trông vào ta nên ta có nghĩa tha. Tha đã không phải là tha, thì cái tha của ta cũng mất. Vốn do tha, nên có nghĩa tự tha. Đã mất cái lý không tự tính thì cả hai từ cái gì sinh tự tha? Cho nên nói “*hai cũng vậy*”. Tiếp đến, theo nhân quả đồng loại trông nhau luận tự tha, thì vốn do chủng tử làm nhân có thể sinh mầm chồi, mầm chồi phải do nhân nên gọi là quả. Chủng tử ắt sinh quả nên được gọi là nhân. Nhân với quả là một hay khác? Nếu quyết định là một thì không sinh nghĩa. Vốn đã là có thì sinh làm gì? Nếu quyết định là khác thì phải sinh quả khác. Đã đều là khác nhân sao chỉ sinh tự quả không sinh các quả khác. Đã tự tha đều không thể được là một là khác, cho nên biết rằng đều không từ tự tha sinh. Vì vậy mà vẫn nói “*hai cũng vậy*”. Cho nên 4 không từ tự tha sinh, là nghĩa của không có nhân. Nếu ông bảo các pháp không từ nhân duyên mà tự có, thì tất cả các pháp có thể sinh lẫn nhau, lửa có thể sinh nước, nước có thể sinh lửa, vì không có nhân duyên. Nếu không như vậy thì không thành nghĩa không nhân mà sinh. Cho nên vẫn nói “*Từ không nhân cũng vậy*”. Trong 4 câu tìm kiếm tướng sinh đều không tìm được. Cho nên phải biết quyết định không sinh.

Lại nữa, nếu ông hỏi như vậy tức mâu thuẫn với chứng lượng? Nếu các pháp không có thật tính, thì năng sở đều không có. Âm thanh không đến tai, tai không nhận âm thanh. Ta hiện thấy âm thanh và tai đối nhau vì thế mà nghe được cho nên biết chẳng phải không, nghĩa ấy không phải như vậy. Bởi vì sao? Là vì năng sở và tự tính chứng lượng đều không thể được. Cho nên ông nói do tự tính được thành nên chẳng phải không, là nghĩa không phải vậy. Bởi vì sao? Tự tính này trong căn trần chứng lượng, một khác có không v.v... đều không thể được., nên tự tính không thành. Nếu ông nói sao không được? Vì do nhiều nhân thành. Nếu pháp có tự tính, tức không do nhân thành. Vì đã thành vật thì sinh lại là vô dụng. Nếu ông nói nhiều nhân đều

sinh tự tính của âm thanh, ví như tiếng trống chẳng hạn phải do nhân duyên cái tay, cái dùi trống v.v... Cái tay v.v... các tự phần mà có được nghĩa của âm thanh thì nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Trước trong 4 câu tự tha v.v... không tìm được cái sinh là do tính không, đã được làm rõ. Nếu một tính không thành thì nhiều tính làm sao thành? Nếu ông lập tự tính, là nhân không nhọc công lập. Bởi vì sao? Vì tự tính tự có, còn dùng nhân làm gì? Nếu ông nói một quả do một nhân làm thành và quả lấy nhân làm thể, nếu vậy chỉ có một người được nghe. Bởi vì sao? Bởi một người đánh trống thì phải chỉ một người nghe thôi, những người khác đâu có được cùng nghe? Nếu nhiều người cùng nghe, thì biết nhân quả không được là một thể. Nếu ông nói có nhiều quả tức từ nhiều nhân sinh, tùy đến thì nhận. Như người gieo giống xuống ruộng. Người, ruộng chỉ có một mà hạt giống thì nhiều và khi nảy mầm thì cũng không ít. Cũng như một người đánh trống, tiếng trống nhiều nên người nghe cũng nhiều, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì vốn không thể thủ. Nếu vốn đã có tự tính, sao được nói là hiện thấy? Do đánh trống rồi, sau đó mới nghe tiếng. Nếu ông nói âm thanh tự tính vốn có, do 8 thứ không rõ nên chưa được, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Tuy gần xa cũng không nghe cho nên biết vốn không tự tính. Nếu ông nói một âm thanh chuyên làm nhiều âm thanh, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì một và nhiều là số mâu thuẫn nhau, nên phải thành đảo nghĩa. Nghĩa của ông vốn hỏng. Một và nhiều là số mâu thuẫn nhau, là nghĩa do ông lập. Âm thanh có 3 thứ: 1. Chỉ mâu thuẫn với quả. 2. Mâu thuẫn với cả hai nhân và quả. 3. Chỉ mâu thuẫn với nhân. Âm thanh của sát-na đầu tiên chỉ mâu thuẫn với sát-na thứ hai. Âm thanh của sát-na sau cùng chỉ mâu thuẫn với nhân, không có một quả nào khác nữa. Trung gian vô số âm thanh, trước sau trông vọng nhau có vô lượng nhân quả đều tự mâu thuẫn. Vì nghĩa này nên một âm thanh sinh vô lượng âm thanh, là không có nghĩa. Bởi vì sao? Vì đều nghe một lúc. Nếu sinh nhiều tiếng trước sau thì phải nghe trước nghe sau, không nghe trước

nghe sau mà nghe cùng lúc nên biết không phải một tiếng sinh vô lượng tiếng. Lại nữa thành đảo nghĩa, nghĩa là nếu ông bảo một có thể sinh ra nhiều thì tôi cũng nói nhiều có thể sinh ra một. Nếu ông không tin nhiều có thể sinh một, thì tôi cũng không tin một có thể sinh nhiều. Lại nữa, nghĩa của ông vốn hồng, nghĩa là nghĩa của ông nói có vật, được, sự 3 thứ. Chỉ ở trong vật có thể nói có được có sự, không ở trong được lại lập cái được, mà ông nay ở trong thanh được, phân biệt có số lượng được, lẽ nào chẳng tự trái với chỗ vốn chấp của mình sao? Nếu ông nói là số lượng là chỉ y vào danh cú vị không y vào âm thanh. Ví như giặc cướp đến thiêu đốt nhà cửa, thật sự là lửa đốt, vì lửa với giặc cướp tương ưng, chẳng phải cướp đốt, do lửa y vào cướp nên nói cướp đốt. Số lượng cũng vậy. Thật sự nhà cửa là cái được của danh cú vị, danh cú vị này cùng với âm thanh tương ưng, cho nên cái được của số lượng là y vào âm thanh mà nói, nghĩa của tôi vốn không mất. Nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao?

Vì danh cú vị là do nhĩ căn được, danh cú vị này là âm thanh hay chẳng phải âm thanh? Nếu là âm thanh thì không nên có cái được, vì các cái được là vô thể cho nên nếu chẳng phải âm thanh thì khi nghe âm thanh thì không phải được nơi danh cú vị. Nếu nhất thời được, sao lại nói danh cú vị có nơi số lượng mà âm thanh thì không? Cho nên biết rằng nghĩa của ông tự trái với chính mình. Trên đây là phá Vệ-thế sư.

Lại nữa, nên biết phá nghĩa của Tăng-khur, nội nói: Nghĩa của ông nói âm thanh có tự tính vì với tự tính không khác. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Nếu âm thanh có tự tính thì âm thanh phải là gốc của tai. Nếu nói âm thanh là tai, tai tức âm thanh, thì có thể nói tự tính tức âm thanh, âm thanh tức tự tính. Nếu không chấp nhận tai tức âm thanh thì cũng không chấp nhận âm thanh của ông tức tự tính. Nếu ông nói âm thanh là sở văn, tai không phải vậy, thì không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Âm thanh của ông với tai là một hay là khác? Nếu

ông nói âm thanh là sở văn, khác với tai, thì đã là sở văn nên với tự tính cũng khác. Nếu nói âm thanh với tai không khác thì sao không nói âm thanh là tai năng văn? Nếu ông nói được, như tai, thì cũng không đúng. Bởi vì sao? Nếu khi âm thanh diệt, tai phải cùng diệt, vì âm thanh và tai là một. Nếu như tai và âm thanh không thành một vật, thì các việc khác thành không thành cũng vậy. Cho nên biết các pháp quyết không có tự tính, hoàn toàn đều là không. Nếu ông nói chứng lượng thể nào là thành, thì nghĩa ấy không phải vậy. Bởi vì sao? Nay tôi lập chứng lượng làm rõ 2 không. Vì các pháp không, nên tự tính không thể được. Như thấy việc ảo, vật ảo thì chứng lượng chỗ thấy không như thật có. Các pháp cũng vậy, không như chỗ thấy mà có chỗ thấy vì do thể không thật. Chẳng phải có, do chứng lượng. Chẳng phải không, do thể không. Không nghĩa được thành, do chứng lượng nên giả hữu không mất. Lại nữa tất cả các pháp không có tự tính. Bởi vì sao? Vì do nhân duyên. Ví như lửa do cái khác mà sinh, tách rời củi thì không thể thấy. Cũng như lửa đom đóm. Nếu lửa có tự tính thì tách rời củi trong không trung tự cháy, nếu có sự tự cháy thì lia dụng cụ đốt cháy vẫn sinh sự cháy, thể thì lửa thành vô dụng vô sự, nước không thể diệt. Nếu ông nói có tự tính thì phải diệt được. Nếu không tự tính thì như ngọn lửa ảo không có thật tính, không đối trị nên nước không thể diệt. Nghĩa đó không phải vậy. Bởi vì sao? Hỏi ông lửa này là vốn hữu tính hay vô tính? Nếu vốn là hữu tính thì cuối cùng cũng là có. Đầu cuối đều có, như vậy là thường, phải không thể diệt. Lại nữa tự tính đều tự không giống nhau, có thể hoại lẫn nhau. Ví như làm việc gì, việc làm sau thành là việc làm trước hoại, như lửa bị nước diệt. Nếu tất cả các pháp đều có tự tính, làm sao có thể diệt lẫn nhau? Nếu ông nói nếu không tự tính thì lửa và củi không được khác nhau. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Có nhiều lỗi, vì năng và sở không khác. Nếu là một không khác thì cũng có thể nói làm gì có 2 vật năng và sở, lửa và củi? Củi là năng chiếu, lửa là sở chiếu. Nếu không như vậy thì cái nghĩa của ông vốn lập là một, là

không thành. Ngoại nói: Nếu ông nói lửa lia một khác, thì sao nói lửa từ nhân duyên sinh? Nội nói: Như sắc v.v... 5 trần ở trong củi, thì bấy giờ không thành củi. Tức là ở trong nhất thời đều thành tính nóng. Cho nên 4 đại 4 vi, 8 vật đều không phải một không phải khác. Nếu nói lạnh nóng v.v... 8 vật là một là khác thì không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Nếu là một thì lạnh phải đến nóng, tức sa vào thường kiến. Nếu nói khác thì thật không mà sinh, tức là đoạn kiến. Duyên lạnh sinh nóng, nên nếu khác thì phải có 8 thứ lửa. Lửa nếu có 8 thứ thì một thứ lửa không sinh, đều như trước nói. Cho nên các pháp đều y vào duyên sinh. Bởi vì sao? Liên tục không lường nên liên tục không dứt. Không lường nên không thường. Vì nghĩa đó đoạn kiến thường kiến diệt, không một không khác, tùy theo thế gian nên cũng nói một nói khác. Lại nữa nếu ông nói 2 pháp năng lượng sở lượng thành tự, sở dĩ các pháp đều có tự tính nên không phải không. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Lượng từ tự sinh, nên không duyên cảnh sở lượng mà trí năng lượng tự thành, là không có điều đó. Đã không sở lượng thì đối lại cái gì mà lập tên năng lượng? Là lượng cái sở lượng gì? Nếu ông nói do quán sở lượng nên được thành năng lượng, thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Nếu tiền cảnh chưa có thì lượng sở duyên gì? Sở lượng là cảnh sở duyên. Năng lượng là trí năng duyên. Nếu sở lượng đã thành thì năng lượng dùng làm gì? Sở là vốn do năng, nên được tên là sở. Nếu năng lượng chưa có mà đã thành sở lượng, thì năng lượng vô dụng. Nếu sở lượng không liên quan năng lượng mà tự thành thì nào có năng sở gì? Nếu ông nói năng lượng sở lượng tác thành cho nhau thì 2 cái đó đều có tự tính mà hợp với nhau cho nên một gọi là năng lượng một gọi là sở lượng, thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Nếu khi chưa đối nhau 2 pháp đã thành mà sau được tên, thì có 4 lỗi: Một là đối nhau là vô dụng. Bởi vì sao? Tất cả các pháp khi chưa bị duyên đã thành sở lượng. Trí cũng như vậy, khi chưa duyên, đã thành năng lượng. Tự tính đã thành, cần gì đối nhau? Hai là việc gì chưa đủ lại phải đối nhau. Nếu để lập tên thì phải

đổi nhau, còn thể đã lập rồi vì sao không có tên? Nếu ông bảo thể vốn tự tính là có, chỉ vì chưa đổi nhau nên chưa có tên, thì nghĩa đó không thể được. Đã chưa có tên làm sao có cái thể? Ba là sở lượng thành trước, năng lượng thành sau, nếu sở lượng đã thành nên được sở lượng, năng lượng chưa thành thì đổi cái gì mà gọi sở lượng? Bốn là năng sở thành đồng thời, thì nghĩa năng sở hoại. Như con bò và cái sừng sinh đồng thời thì không có năng sở. Đã trước sau đồng thời thì tìm kiếm tự tính đều không thể được. Cho nên biết các pháp là tất cánh không. Lại nữa nếu ông nói ví như cái đèn là năng chiếu, cái bình là sở chiếu. Đèn và bình 2 vật bản tính là có. Chỉ khi đổi nhau có tên năng chiếu sở chiếu, cho nên nghĩa của lượng được thành. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì ví dụ cái đèn chưa thành, với lượng không giống nhau sao có thể ví dụ được? Nếu ông nói sao chưa thành, thì vì trong đèn không có tối, nên không chiếu tự thể. Nếu chiếu tự thể, thì thể là sở chiếu. Chẳng hạn như thí dụ cái bình, cái bình đã là khác biệt. Đèn đến chiếu đèn cũng phải có cái đèn khác chiếu nó. Đây thì có lỗi chiếu chiếu vô cùng, mà không vậy thì ông nói cái lượng của đèn giống nhau nên lấy đèn làm thí dụ. Tôi biết rõ không giống nhau nên thí dụ không được. Bởi vì sao? Đèn chỉ chiếu cái gì khác nó, quyết không chiếu chính nó. Nếu thể có tối, có thể phải từ cái khác chiếu đến. Thể đã không tối, cần gì từ cái khác chiếu? Không phải như cái bình v.v... vật thể tối không tự hiển rõ được nên cần phải có đèn chiếu. Nếu đèn mà lại phải chiếu thì lại phải có cái đèn khác đến chiếu nó, nhưng không vậy thì biết chắc đèn chỉ là năng chiếu không phải sở chiếu. Lượng thì không vậy, là năng là sở. Năng duyên tiền cảnh, gọi là năng lượng, tức tự trí duyên, và tha trí duyên nên gọi là sở lượng. Tức tự duyên, là như nhãn thức làm chứng lượng trực tiếp đối tiền sắc, không thể phân biệt tác ý là sắc xanh. Nếu tác ý hiểu là sắc xanh, tức là ý thức. Đó là 2 tâm đồng khởi. Nhãn thức thủ sắc, không thể thủ chính nó. Ý thức phân biệt xanh vàng tức là thủ. Ý thức không thể thủ sắc cảnh tự thấy, chỉ phân

biệt cái mà nhãn thức sở đắc, tức là phân biệt sở lượng. nhãn thức tức là năng lượng, không phải là sở chiếu, vì không do cái khác chiếu nên được thành lập. Do nhân duyên đó, không được nêu thí dụ này nơi lượng của đèn. Nếu đèn có thể tự chiếu không cần cái đèn khác chiếu đến, thì cái bình v.v... cũng phải tự chiếu không cần cái đèn khác đến chiếu. Nếu thể của đèn là tối nên phải chiếu tự thể mà không cần đèn khác chiếu, thì cái bình cũng vậy. Thể của bình có tối, thì phải tự chiếu tự thể cũng không cần có đèn khác đến chiếu, bình phải tự chiếu. Vậy thì đèn bình là một thứ đều phải tự chiếu và đều không do cái khác. Thế thì bình và đèn có gì khác nhau? Nếu đèn không phải chiếu thì làm sao có thể chiếu tự thể? Nếu thể không tối không cần phải chiếu, nghĩa là không phải chiếu nữa. Nếu chiếu tự thể thì có 2 lỗi. Một là thể phải có tối nên phải chiếu, đây tức với bình là một, vì bình có tối. Đã không thể tự chiếu, đèn cũng có tối làm sao năng chiếu được? Hai là năng chiếu sở chiếu là một, đã là một thể, rốt cuộc cái gì là năng chiếu sở chiếu? Thí dụ cái đèn của ông đã bắt thành, nghĩa chứng lượng cũng hỏng. Lại nữa không chỉ dùng 1 sắc làm cái bình mà hợp 8 vật làm cái bình, thì chỉ thấy 1 sắc làm sao thấy được cái bình? Nếu thấy 1 sắc tức là cái bình, thì chỉ sắc là cái bình, cho nên biết chứng sắc không chứng nơi bình. Lại nữa sắc cũng không thể chứng. Bởi vì sao? Vì lân hư sắc không thành tự. Ông bảo lân hư vi trần thường, không thể là không, cho nên tụ hợp nhiều thì thành bụi trần. Nghĩa của sắc là như vậy thì phải từ trong 1 bụi trần có 6 phương chăng? Nếu có 6 phương tức thành 6 phần. Nếu không có 6 phương không phải gọi là sắc. Đã có 6 phần tức có thể phân tích. Nếu có phương không phần thể là 6 trần nhập chung vào 1 trần, vô lượng các trần đều phải như vậy, như thế là thành nghĩa lớn. Lại nữa như 1 trần, khi ánh sáng mặt trời chiếu là chiếu 1 bên vì Đông Tây đều thấu. Nếu chỉ chiếu 1 bên thì có 6 phần. Nếu Đông Tây đều thấu thì sắc là phi hữu. Cho nên biết phương phần là không thật, tất cả đều là không, có gì chứng kiến. Đã không có chứng lượng,

tỷ v.v... các lượng, lý phải tự mất. Lại nữa như tự tính lia sắc v.v... các trần không thể được tỷ lượng. Bình cũng như vậy. Nếu ông nói trước phải chứng kiến, sau thì so sánh mà biết, như trước từng chứng kiến lửa và khói tương ưng, có lửa so sánh với khói, sau thấy khói, tuy không thấy lửa, mà do trước từng thấy lửa nên so sánh ước đặc lúc trước, biết là có lửa. Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Ông bảo do sắc v.v... các trần có thể so sánh biết tự tính, xưa nay chưa thấy làm sao do sắc v.v... mà so sánh biết được? Cái bình cũng như vậy. Biết rằng xưa nay chưa từng chứng kiến, làm sao thấy sắc có thể so sánh biết là cái bình? Thế cho nên do chứng lượng nên có tỷ lượng, nghĩa này không thành. Chứng đã không thành, tỷ thí, thánh ngôn v.v... các lượng đều lỗi. Lại nữa đã có lỗi, vì nhân quả không sai biệt nên biết tỷ lượng không thành. Nếu ông bảo tự tính sinh 5 duy v.v..., tự tính là nhân, 5 duy là quả. Trong nhân đã có quả thì khi là quả cũng có nhân, cho đến khi là 5 duy tự tính hoàn toàn không mất. Tự tính của 5 duy tức cùng bản hữu, cho nên tự tính với 5 duy thể của chúng là một. Nếu vậy nhân quả không sai, sao nói 5 duy có thể so sánh biết tự tính? Đây tức là lấy tự thể so sánh với tự thể, nghĩa có khác gì? Lại nữa phá nghĩa của Vệ-thế sư nên biết rằng nếu ông bảo cái bình v.v... và sắc v.v... là khác, thì sao được chứng? Nếu lia sắc v.v... thì cái được là vật khả chứng đó phải biết như người thạch nữ có con tắm nước sôi mặc áo lông rùa, đi guốc sừng thỏ, đội không hoa man vào thành Thát-bà cùng chơi đùa với các hóa nữ, những việc đó cũng có thể chứng. Nếu những việc đó không thể chứng thì cái bình v.v... cũng vậy, sắc v.v... đã không, bình làm sao có. Giống như bình, tất cả các lượng cũng đều không thành. Như vậy tự tính hoàn toàn không thể được. Cho nên biết các pháp tất cả đều không.

Lại nữa để phá chấp của Tăng-khur, phải biết: Nếu ông nói trong nhân có quả cho nên các lượng không thành, như các pháp có tự tính, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Nhân quả 1 thể nên ông nói tự tính trong nhân tức có quả, trong các pháp tức có tự tính cho

nên so sánh biết được, nếu vậy nhân với quả là một hay khác? Nếu là 1, thì 1 thể là không có khác, nên không thể đem so sánh. Nếu ông nói nhân và quả không phải 1, thì ông tự mâu thuẫn với nghĩa của ông. Nếu trong nhân định chắc có nơi quả, tức thành 2 lỗi: Một là lấy nhân tức là quả, thì mất nơi nhân, vì tự tính là 1, chỉ được là quả thôi làm sao có nhân? Hai là nếu đã có quả, thì còn dùng nhân làm gì? Vốn do nhân sinh ra, quả đã có rồi sao còn dùng nhân? Nếu ông nói là nhân có, nên tự tính không mất, thì nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Vì tự tính không có xứ sở. Nếu ông nói do mật không xứ chứ sao không có xứ sở, thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì mật không xứ đều chưa có. Nói mật, là 4 đại 4 trần 8 vật. Nói không, là không đại và thanh trần 2 vật. Như đây 5 đại, 5 trần 2 xứ đều chưa có, thì tự tính làm sao được lập? Khi tự tính chưa đổi khác thì 5 duy 5 đại đều chưa có, cho nên không đại là không xứ, 4 đại là mật xứ. Xưa khi 2 xứ chưa có, ông lập tự tính ở xứ nào? Nếu ông nói trước tự tính chưa có không mật, thì nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Vì sinh nhân trái với gốc. Nếu trước khi đổi khác chưa có không mật, thì không dùng nhân, khi đổi khác, bắt đầu có không mật mới có dùng nhân, như vậy thì sự đổi khác phải có thể sinh tự tính. Nếu ông nói khi ấy 2 cái này chưa có, thì nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Vì nhân không thành tự. Vật gì là trước ư? Nếu ông nói không có vật trước tự tính, thì nghĩa không đúng, vì tự tính không có trụ xứ. Nếu không có xứ sở thì trái với thánh ngôn của ông. Tiên Ca-ti-la vì Bà-la-môn A-tu-lợi nói: Xưa đầu tiên chỉ có một khối tối tăm, trong đó chỉ có trí do xứ sở. Đã vô pháp dẫn thánh ngôn tức tự mâu thuẫn, tự tính và ngã đều không thành tự. Lại dùng thí dụ gì được lập tự tính? Nếu ông nói thứ ba là thí dụ, cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì có 2 lỗi. Một là tự mất bản nghĩa. Hai là nhân tính không thành. Nếu ông nói không khác tức là thí dụ, nghĩa ấy không đúng, vì thứ ba không thành. Nếu ông nói do không khác nên thứ ba được thành, thì cũng không đúng vì chỉ có số. Nếu ông nói số có tức trái bản nghĩa. Nếu

bản nghĩa ông nói, nếu có số, số tức là nghĩa, thì cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì khi số diệt thì nghĩa cũng hoại. Cho nên đối khác với tự tính tức là không khác, như chẳng phải như đều không lập. Tự tính và đối khác không sai biệt nên nhân và quả là một, cũng đều không thành. Nếu ông nói nếu nhân quả là một thì không ngôn ngữ. Cho nên câu hỏi của ông cũng không. Nếu nhân và quả khác, một, nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Vì có 3 lỗi: 1. Tự trái nghĩa của ông. 2. Thành tự điên đảo. 3. Ngôn ngữ không nhân. 1. Tự trái bản nghĩa là thế nào? Như nay tôi lấy nghĩa của ông trở lại hỏi ông, ông tin hay không tin? Nếu ông tin câu hỏi của tôi, nghĩa của ông liền hoại. Nếu không tin câu hỏi của tôi thì câu hỏi của ông cũng chẳng phải câu hỏi. Làm sao biết? Vì do tôi hỏi, mà nghĩa của ông nói được thành thì nghĩa của tôi cũng lập. Nghĩa của ông lập là trong lúc nào? Trước câu hỏi của tôi hay sau hay cùng thời? Nếu trước thì tôi chưa có hỏi, ông đối phá ai? Nếu sau câu hỏi của tôi, thì nghĩa của tôi đã thành, nghĩa của ông đâu có lập? Nếu cùng thời thì không có năng sở. Như nước sông biển nhất thời hòa hợp làm sao phân biệt ra khác? Ông và tôi 2 nghĩa thành không sai biệt tức thành nghĩa của tôi. 2. Tự điên đảo, nghĩa là ông lấy sinh nghĩa hỏi tôi hiển nghĩa. Đây chẳng phải chỗ hỏi. Nếu tôi lập sinh nghĩa, ông có thể lấy 3 thời làm câu hỏi hỏi tôi. Sinh thì không lia 3 thời, cho nên nếu không lập 3 thời thì sinh không thành. Nghĩa của hiển, là do đạo lý nên lập. Nếu có đạo lý, thì 3 thời không khác. Nếu không đạo lý, thì không thể hiển nghĩa. Cho nên không thành không do 3 thời. Vì vậy hỏi sinh phải y vào 3 thời. Nay chỗ hỏi phải y vào đạo lý. Ông đem thời tiết ra mà hỏi nghĩa đạo lý cho nên tự thành điên đảo. 3. Ngôn ngữ không nhân, nghĩa là ngôn ngữ do nghĩa được thành. Nếu vô nghĩa thì ngôn ngữ không lập. Nhân quả 1 thể, nghĩa khác không thành, nên không ngôn ngữ. Nếu ông nói là nhân là quả, thì nghĩa đó không phải. Bởi vì sao? Vì có lỗi về vô thường. Quả đã vô thường, thì nhân cũng phải vậy. Nếu nhân vô thường, thì trái bản nghĩa của ông. Nhân của ông là thường,

quả là vô thường. Quả sắc v.v... không thể biến đổi được. Nếu ông nói do sắc so sánh sao không được, thì nghĩa cũng không đúng vì không có cái so sánh, cũng phá như trước. Chứng lượng bất thành nên tỷ lượng cũng bất thành. Chưa có chỗ không mật nên nhân không chỗ trụ nên không thành. Nếu ông nói nếu không thể so sánh, tỷ lượng cũng được thành. Như so sánh có 4 câu: 1. Có so sánh không. 2. Không so sánh có. 3. Có so sánh có. 4. Không so sánh không. Nghĩa đó không đúng. Con người thạch nữ, sừng thỏ v.v... đều có thể so sánh. Sắc v.v... là khả chứng, phi khả chứng, nghĩa này có dùng làm gì? Đó là nhân không đạo lý, cho nên không thể được thành. Nếu ông nói như lân hư trần, lấy quả so sánh nhân, tự tính cũng vậy, là nghĩa đó không đúng. Bởi lân hư không thành, vì nhân quả khác, lìa sắc v.v... không thể có trần, cho nên thí dụ không thành lập được. Nếu ông nói thủ phi chứng, tỷ phi sở chứng, như nước ở dưới đất không thể thấy biết, so sánh tự tính ngã cũng như vậy, là không đúng nghĩa. Bởi vì sao? Nếu ông có thể nhân con người thạch nữ so sánh lông rùa thì tôi tin ông nhân lân hư trần so sánh được với tự tính. Nếu ông nói như đèn tự thành, tỷ lượng cũng vậy thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Lìa sắc v.v... 8 vật không thể thấy đèn. Như lân hư trần, lìa sắc v.v... cũng không thể được. So sánh với tự tính cũng không thể được cho nên biết là không tự tính. Nếu ông nói nghĩ nhớ biết là có, nên chứng lượng tỷ lượng đều thành. Nếu không có chứng tỷ thì nghĩ nhớ cái gì, nghĩa đó không đúng. Nếu lìa 3 thứ biết, ngoài ra có nghĩ nhớ biết, chứng tỷ bất thành. Ba thứ biết là: 1. Biết cảnh khác. 2. Biết riêng khác. 3. Biết một. Biết cảnh khác, là như người xem cái bình, sau thì nhớ ra cái áo. Đây chẳng phải gọi là nhớ, nghĩa của ông cũng vậy. Sắc tức là vật khác, khi đã thấy sắc rồi lại nhớ ra cái bình, nên nghĩa không được. Hai là có thể biết riêng khác, ví như ông Trương xem cái bình, mà sau thì ông Vương nhớ, là không có chuyện như vậy. Nghĩa của ông cũng vậy. Giác có thể thủ cảnh, ngã có thể nhớ biết, 2 thứ này

là 2 loại khác không đồng là giác thấy trước, sau ngã nhớ biết, là không có nghĩa như vậy. Ba là biết một, nghĩa là như người chính khi xem cái bình thì không sinh nghĩ nhớ. Nếu có nhớ biết thì có 2 lỗi: 1. Hai cái biết không được khởi đồng thời, bởi tâm là một. Khi tâm thủ sắc, không được thủ thanh. 2. Chính khi căn đối cảnh chưa rời bỏ, làm sao có thể nhớ các cảnh khác được, cái giác của ông cũng vậy. Chỉ là một cái biết, không niệm niệm diệt, vì từ mới bắt đầu biến đổi cho đến trước khi giải thoát hằng là một, là trong nhớ biết không có nhớ biết. Nếu nghịch lại 3 cái biết đây thì nhớ biết được thành. Nghĩa là cảnh giới đồng loại có thể biết đồng loại. Biết niệm niệm diệt, không được nhất thời. Đủ 3 nghĩa nhớ biết được thành. Nhớ biết của ông không thành, nên chứng lượng tỷ lượng cũng không được thành. Do duyên đó nên nghĩa của tự tính hoại nếu ông nói nhớ biết do tự tính, sở dĩ được thành một khác có không v.v... Niệm ban đầu thủ cảnh thì đủ 3 nghĩa: 1. Cảnh, 2. Người, 3. Trí, nhất thời đều có. Đến niệm thứ hai, 3 cái trước đã diệt, 3 cái sau tiếp tục khởi. Trước sau đồng loại đó là nghĩa của 1. Trước sau đều 1, cũng là nghĩa của 1. Trước không sau có, đó là nghĩa của khác. Trước có thể sinh sau, đó là nghĩa của có. Trước diệt sau sinh, đó là nghĩa của không. Đủ các nghĩa này nên có nhớ biết. Do tự tính, nên nhớ biết được thành là, nội nói: Nếu vậy tôi rất hoan hỷ, đổi thành nghĩa của tôi, nào có mất mát gì. Tôi nay do nghĩa này nên nói không tự tính. Ví như hạt giống trước có thể sinh cây lúa sau. Cây lúa này trước sau chẳng một chẳng hai chẳng có chẳng không. Nếu một thì không có trước sau. Nếu khác thì trước lúa sau đậu. Cho nên không một khác. Tự tính chẳng có chẳng không, là vì nhân diệt quả sinh, nhân diệt nên chẳng có, quả sinh nên chẳng không. Khi là nhân thì chưa có quả nên không thể nói có. Khi quả sinh phải do nhân nên không thể nói không. Vì nghĩa này nên nhân quả nhớ biết đều được thành tựu, cho nên nói không tự tính. Như cây lúa trước sau chẳng một chẳng khác, có thể làm các thứ việc. Nhớ biết cũng vậy, trước

sau chẳng một chẳng khác, cho nên có thể nhớ biết các thứ cảnh. Nếu ông nghe nhớ biết, nếu là vô thường thì làm sao tu tập? Đáp: Đã vô thường thì có tu tập. Ví như giống cây Kiếp-ba-bà gieo trồng xuống đất dùng nước ép cây Khư-đà-la tưới, sau mọc lên mầm cọng nhánh lá là cây Kiếp-ba-bà không có sắc gì khác, chỉ có quả khi chín tức thành màu của Khư-đà-la là làm thành màu đỏ hồng khác với chính màu của Kiếp-ba-bà. Như vậy tâm tác pháp phi pháp thì pháp đó tuần tự tâm trước huân tập tâm sau, phương tiện huân tập như vậy không mất cho nên chẳng một khác. Đến khi quả thực, các quả khô lạc liền hiển hiện. Cho nên từ tâm không tự tính các nghiệp được sinh, như giống Kiếp-ba, sau cùng màu với Khư-đà-la. Nếu chấp cái chấp này có tâm tự tính gọi là nhớ biết, hoặc có người nói thọ giả cũng là nhớ biết. Nếu chấp cái chấp này tức tâm không nhớ biết và thọ giả có tự tính thì không quên mất. Nếu có quên mất thì không nhớ biết. Như sự quên mất này là có tự tính hay không tự tính? Nếu có tự tính thì có mâu thuẫn với tính nhớ biết chẳng? Nếu không mâu thuẫn thì ở trong một vật nhất thời phải cùng có nhớ quên 2 tâm đồng khởi. Nếu mâu thuẫn thì chỉ có tự tính quên mất, tức không nhớ biết. Nhớ biết đã không, thì còn quên mất cái gì? Nếu ông nói là biết trước sinh sau diệt nên nói quên mất. Nếu vậy thì tự tính không thành. Nếu có nhớ biết thì tự tính tác cụ vô dụng, vì nhớ biết hằng có. Nếu ông nói do tác cụ nên được thành, thì không có tự tính, vì có lỗi. Nếu tác với cụ là một thể thì không có nhớ biết, vì cái biết hằng có. Nếu cái biết là không thì tâm có lúc không thì không tự tính, tâm có lúc có thì không có nhớ biết. Nếu không nhớ biết thì tâm phải diệt. Nếu ông nói là có vật khác cho nên tâm được thường, thì khi chứng biết, phải không có nhớ biết, tức để chứng biết phải nhớ biết chỗ, cho nên không mất cái thể của nhớ biết là nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Nếu vật thường trụ thì không sở tập. Đồng loại tương tự mới có thể sở tập. Nếu không tự tính, nghĩa tương tự mới có thể thành. Nếu có tự tính tức phải hằng giữ lấy một vật một việc

cho nên không có tương tự. Không tương tự nên không sở tập. Không sở tập thì không nhớ biết. Nếu ông lập tự tính nhớ biết, thì tỷ lượng v.v... đều không thành tự, vì là một thể. Tất cả nghi tâm phải dùng trí giải quyết. Dục tức lìa dục, trộm cắp tức bố thí, tức vợ là mẹ, là giác, nếu với tự tính không khác thì phải trước có hay sau có? Nếu trước có thì sở giác đã không thì giác cái sở giác gì? Nếu sau có thì trong nhân có nghĩa của quả, tức tự hoại. Nếu ông nói vốn có, thì sở giác là vật gì? Nếu nói ngã là sở giác, thì nghĩa đó không đúng. Dùng chứng, tỷ 2 lượng không thể có ngã, cho nên vật thì không lìa 2 lượng mà có được. Ví như 5 trần 5 căn. Năm trần thì trí không sinh 2 lần, gọi là chứng lượng. Tỷ lượng thì trí sinh nhiều lần. Cho nên trước thấy thức sinh, sau so sánh biết có căn, vì thức không lìa căn. Như trước thấy khói, sau biết có lửa. Ngã thì không như vậy, không như sắc v.v... có thể chứng, quá căn cảnh nên không như căn cảnh có thể so sánh. Vì không có sự tương ưng nên ngã chẳng phải sở giác. Cho nên giác nếu ở trước, thì không thành giác. Cho nên biết tất cả pháp là như thật không có tự tính, chỉ chân thật không là thể tính của nó.

Phẩm 3: PHÁ KIẾN ĐẠI THỪA

Lại nữa, để phá thiên chấp trong những người học Đại thừa, phải biết: Nếu ông nói tất cả hữu đều do tục đế, tất cả vô đều do chân đế, thì nên hỏi thế này:

Thiện hữu ! Cái gì là chân đế? Cái gì là tục đế?

Đáp: Tất cả các pháp không có tự tính, đó là chân đế. Ở trong pháp không có tự tính nói có tự tính, đó gọi là tục đế. Vì ở trong cái không giả nói là có.

Hỏi: Cái chấp không có tự tính này là nhằm vào thể tục nên nói có, hay là chỉ nhằm vào ngôn ngữ? Nếu y vào thể tục nói có chấp

này, thì không thể nói được. Bởi vì sao? Vì chấp là không. Nếu chấp này chỉ là ngôn ngữ, thì không có sở thuyên ngôn ngữ thế tục không thành tựu. Nếu không thành tựu thì thế tục đó là nghĩa không đúng. Lại nữa, nếu ông bảo trong không tự tính chấp có tự tính, đó gọi là tục. Nếu chấp có thì thế nào là không?

Đáp: Vì điên đảo phẩm loại nên trong không nói có. Cho đến đối với các pháp không thường, lạc, ngã v.v... nói đều là có các pháp thường v.v... Thế của nó thật không, chỉ giả nói có. Như cái chấp này là gồm trong 4 điên đảo. Cho nên tuy chấp là có, mà được là không.

Hỏi: Như điên đảo này là có hay là không? Nếu là có, thì tất cả các pháp không có tự tính, là nghĩa không thành. Nếu là không, thì cái chấp điên đảo này cũng không được thành. Nếu trong không có tính, chấp có tự tính là tục đế, thì nghĩa không đúng. Bởi vì sao? Hai đế không thể nói có, không thể nói không, vì chẳng phải có chẳng phải không. Chân đế không thể nói có không thể nói không, là vì không có nhân pháp nên không thể nói là có để làm rõ 2 không. Không thể nói không, tục đế cũng vậy, vì tính phân biệt, nên không thể nói có, vì tính y tha nên không thể nói không. Lại nữa chân đế không nhất định có không, nhân pháp không, chẳng, không hai, không có, chẳng có. Tục đế cũng vậy, vì tính phân biệt nên chẳng phải quyết định không, vì tính y tha nên chẳng phải quyết định có.

HẾT QUYỂN 1

LUẬN PHẬT TÍNH

QUYỂN 2

Phần 3: HIỂN THỂ

Phẩm 1: BA NHÂN

Lại nữa thể của Phật tính có 3 thứ, gồm trong nghĩa của 3 tính. Ba thứ như là 3 nhân 3 thứ Phật tính. Ba nhân là: 1. Ứng đắc nhân . 2. Gia hành nhân. 3. Viên mãn nhân.

Ứng đắc nhân là nhân phải được, tức là 2 không hiện chân như, do không này nên phải được tâm Bồ-đề và gia hành v.v...cho đến đạo hậu pháp thân, nên gọi là phải được.

Gia hành nhân, là tâm Bồ-đề, do tâm này nên có thể được 37 phẩm, 10 địa, 10 Ba-la-mật các pháp trợ đạo cho đến đạo hậu pháp thân, nên gọi là nhân gia hành.

Viên mãn nhân, tức là gia hành , do gia hành nên viên mãn được nhân và viên mãn quả . Viên mãn nhân , nghĩa là phúc tuệ hành. Viên mãn quả, là trí đoạn ân đức. Ba nhân này cái trước nhất lấy vô vi như lý làm thể, sau hai thì lấy hữu vi nguyện hạnh làm thể. Ba thứ Phật tính, là trong ứng đắc nhân có đủ 3 tính: 1. Trụ tự tính tính. 2. Dẫn xuất tính. 3. Chí đắc tính. Ghi chú nói: Trụ tự tính nghĩa là đạo tiền phàm phu vị. Dẫn xuất tính là từ phát tâm trở lên hết hữu học thánh vị. Chí đắc tính là vô học thánh vị.

Phẩm 2: Ba tính

Lại nữa, 3 tính gồm thâu, đó là 3 vô tính và 3 tự tính. Ba vô tính là: 1. Vô tướng tính. 2. Vô sinh tính. 3. Vô chân tính. Ba tính này gồm thâu hết Như Lai tính. Bởi vì sao? Vì lấy hết 3 tính này làm thể.

Vô tướng tính, là tất cả các pháp chỉ hiển thị bằng danh ngôn, tự tính không có tướng mạo, nên gọi là vô tướng tính.

Vô sinh tính, là tất cả các pháp do nhân duyên sinh nên không do tự nó có thể sinh, tự tha đều không thành tự, nên gọi là vô sinh tính.

Vô chân tính, là tất cả các pháp lìa chân tướng, nên không có thật tính riêng biệt nào có thể có được, cho nên gọi là vô chân thật tính. Lại nữa 3 thứ tính là: 1. Phân biệt. 2. Y tha. 3. Chân thật. Đặc biệt có 10 thứ nghĩa cần phải biết. Những gì là 10? 1. Phân biệt danh. 2. Duyên thành. 3. Nhiếp trì. 4. Thể tướng. 5. Phải biết. 6. Nhân việc mà nói. 7. Y cảnh. 8. Thông đạt. 9. Nếu không v.v.... 10. Y chỉ.

1. Phân biệt danh: Nghĩa là tùy theo danh ngôn giả nói nên lập ra tính phân biệt. Nếu không có danh ngôn này thì tính phân biệt không thành. Cho nên biết tính này chỉ là do danh ngôn hiển thị, thật không có thể tướng. Đó gọi là tính phân biệt. Tính y tha, nghĩa là 12 nhân duyên hiển thị đạo lý, làm chỗ y chỉ cho tính phân biệt, cho nên lập tính y tha. Tính chân thật, nghĩa là tất cả các pháp chân như, là cảnh của trí vô phân biệt của thánh nhân, là thanh tịnh 2 tính, là giải thoát 3, hoặc là dẫn xuất tất cả các đức, cho nên lập tính chân thật. Đó gọi là phân biệt danh.

2. Duyên thành:

Hỏi: Tính phân biệt duyên nhân gì mà được hiển hiện?

Đáp: Do duyên tướng gọi là tương ưng nên được hiển hiện.

Hỏi: Tính y tha duyên nhân gì được thành?

Đáp: Duyên chấp tính phân biệt nên được hiển hiện.

Hỏi: Tính chân thật duyên nhân gì được thành?

Đáp: Do 2 tính phân biệt y tha, cực vô sở hữu nên được hiển hiện. Cho nên gọi là duyên thành.

3. Nhiếp trì: Là tính có 3 thứ, pháp có 5 phần. Nói 3 tính là phân biệt, y tha, và chân thật. Năm pháp là: 1. Tướng. 2. Danh. 3. Phân biệt tư duy. 4. Thánh trí. 5. Như như. Trước 3 là trí thế gian. Thánh trí là trí xuất thế. Như như là cảnh vô vi. Để làm rõ 5 pháp này nên gồm trong 3 tính trước.

Hỏi: Trong 5 pháp, bao nhiêu pháp gồm trong tính thứ nhất?

Đáp: Năm pháp đều không thể thâm nhiếp. Bởi vì sao? Vì vô thể.

Hỏi: Tính thứ hai có thể thâm nhiếp bao nhiêu pháp?

Đáp: Gồm có 4 pháp.

Hỏi: Tính thứ ba có thể thâm nhiếp bao nhiêu pháp?

Đáp: Duy chỉ 1 pháp như như có thể thâm nhiếp.

Hỏi: Nếu tính y tha được thâm nhiếp trong thánh trí thì sao nói tính y tha duyên tính phân biệt được thành?

Đáp: Y tha có 2 thứ: nhiễm trực y tha và thanh tịnh y tha. Nhiễm trực y tha duyên phân biệt được thành thanh tịnh y tha. Vì duyên như như được thành.

4. Thể tướng: Thể tướng có 2: 1. Thông. 2. Biệt. Thông, nghĩa là do 3 tính thông có thể thành tựu tất cả các chân đế khác, như các pháp 2, 3, 4, 7 đế v.v... Cho nên các chân đế không ra ngoài 3 tính. Vì vậy 3 tính là thông thể của các chân đế. Biệt thể, nghĩa là trong 3 tính, mỗi tính đều có thật nghĩa. Thật nghĩa là gì? Một là thể của tính phân biệt là hằng vô sở hữu, mà nghĩa này trong tính phân biệt chẳng

phải không là thật. Bởi vì sao? Vì danh ngôn không điên đảo. Hai là thể của tính y tha là có nhưng không thật, do loạn thức căn cảnh nên có. Bởi chẳng phải chân như nên không thật. Bởi vì sao? Vì nghĩa nhân duyên không điên đảo. Do đối với tính phân biệt nên gọi là có. Đối với hậu chân tính nên chẳng phải thật có. Cho nên gọi là không chân thật có. Ba là thể của tính chân thật, nghĩa là có không đều là thể của chân như như, vì chẳng phải có chẳng phải không.

Hỏi: Thật tướng của 3 tính ấy thế nào?

Đáp: Thật tướng của tính phân biệt là tăng ích và tổn giảm của nhân pháp. Do hiểu được tính này nên chấp này không sinh. Đó là tướng phân biệt. Nhân pháp là do phân biệt tạo ra. Nếu y vào chân để quán nhân pháp này là có, gọi là chấp tăng ích. Nếu y vào tục để quán nhân pháp này là không, gọi là chấp tổn giảm. Nếu thông suốt tính phân biệt này, thì không sinh 2 chấp tăng ích tổn giảm. Đó gọi là tướng của thật tính phân biệt. Lại nữa, tướng của thật tính y tha, là tăng ích và tổn giảm của năng chấp sở chấp. Do hiểu tính này nên chấp này không sinh. Đó gọi là tướng của tính y tha. Cái năng chấp sở chấp này, nếu thấy theo chân là có, tức là tăng ích, gọi là thường kiến. Nếu thấy theo tục là không, tức tổn giảm, gọi là đoạn kiến. Nếu thông hiểu 2 tính này thì 2 chấp đoạn thường không sinh. Đó gọi là tướng thật tính của y tha. Chỉ có mừng tượng trần thức thì không có năng sở. Không năng sở nên không chấp tăng ích. Do có tương tự trần thức nên không chấp tổn giảm. Lại nữa tướng của tính chân thật là có không và chấp tăng ích tổn giảm. Do hiểu tính này nên chấp không sinh. Sở dĩ vì sao? Nếu chấp không là có, gọi là phi báng tăng ích. Nếu chấp không là không, gọi là phi báng tổn giảm. Nếu thông suốt tính này thì 2 chấp không sinh. Đó gọi là tướng của tính chân thật.

5. Phải biết:

Hỏi: Ba tính này bao nhiêu là phải biết, bao nhiêu không cần biết?

Đáp: Tất cả đều phải biết. Bởi vì sao? Do biết 3 tính có thể thông đạt 3 giải thoát môn, có thể trừ 3 chướng. Biết tính phân biệt có thể thông đạt không giải thoát môn, trừ nhục phiền não. Biết tính y tha, thông đạt vô nguyện giải thoát môn, trừ bì phiền não. Biết tính chân thật có thể thông đạt vô tướng giải thoát môn, trừ tâm phiền não. Lại nữa trước hết giải thoát chướng, tiếp đến thiền định chướng, sau là nhất thiết trí chướng.

Hỏi: Trong 3 tính, bao nhiêu tính không thể diệt, bao nhiêu tính có thể diệt?

Đáp: Hai tính không thể diệt, một tính có thể diệt. Bởi vì sao? Tính phân biệt bản lai là không, cho nên không thể diệt. Tính chân thật bản lai là chân, nên không thể diệt. Tính y tha tuy có nhưng không chân thật, nên có thể diệt. Vì nghĩa đó nên nói là cần phải biết.

6. Nhân việc mà nói: Chư Phật thuyết pháp có 2 thứ: một là kinh liễu nghĩa, hai là kinh không liễu nghĩa. Kinh không liễu nghĩa, là do 3 tính này nên Phật nói kinh không liễu nghĩa. Như duyên có đèn nên biết vật ở trong tối, lúc sau nhân đèn có thể được biết vật hiện ở trong tối. Như Lai cũng vậy, do có chấp trước 3 tính, nên nói kinh không liễu nghĩa. Thông đạt 3 tính thì tự nhiên hiển rõ, gọi là kinh liễu nghĩa. Như trong kinh nói: Nếu người đã được pháp vô sinh nhẫn thì không thoái đọa.

Hỏi: Câu nói này được thành lập như thế nào?

Đáp: Do có 3 tính nên được thành lập. Như Lai ước theo tính phân biệt nên nói bản lai vô sinh nhẫn, ước theo tính y tha nên nói tự tính vô sinh nhẫn, ước theo tính chân thật nên nói hoặc, cấu, khổ bản tính vô sinh nhẫn.

Hỏi: Như Lai ước theo tính gì nói nghĩa như thế? Nói tất cả các pháp không sinh, không diệt, bản lai vắng lặng, tự tính Niết-bàn ư?

Đáp: Ước theo tính vô tướng nói câu như vậy.

Hỏi: Như Lai ước theo pháp gì nói tất cả các pháp ví như ảo hóa?

Đáp: Ước theo tính vô sinh mà nói.

Hỏi: Như Lai ước theo pháp gì nói tất cả các pháp ví như hư không?

Đáp: Ước theo tính chân thật mà nói. Vì vậy Phật nhân nói 3 tính nên có kinh liễu nghĩa, kinh không liễu nghĩa.

7. Y cảnh:

Hỏi: Ba tính này là trí cảnh gì?

Đáp: Tính phân biệt chỉ là phạm hoặc cảnh chẳng phải thánh trí cảnh. Bởi vì sao? Vì không thể tướng. Tính y tha là thánh phạm tục trí cảnh, là vì tục hữu. Tính chân thật, là vô phân biệt thánh trí cảnh, vì như lượng như lý. Như lượng thì thâm nhiếp tất cả. Như lý thì không điền đảo.

8. Thông đạt:

Hỏi: Người tu quán hạnh nếu thông đạt tính phân biệt, thì có thể nói là trong hành chấp tướng, hay không thể nói là trong hành chấp tướng?

Đáp: Nếu do thể tục trí phân biệt có thể nói trong hành chấp tướng. Nếu do xuất thể vô phân biệt trí thông đạt thì có thể nói không hành trong chấp tướng. Cho nên y tha với phân biệt đồng một vô tướng. Như phân biệt, y tha, chân thật cũng vậy.

Hỏi: Người tu quán hạnh có thể như lý chân thật nhập tính phân biệt chiếu rõ tính gì?

Đáp: Rõ tính chân thật.

Hỏi: Người tu quán hạnh, như lý chân thật nhập tính chân thật, chiếu rõ tính gì?

Đáp: Rõ tính y tha rồi sau được tính chân thật. Đó gọi là thông đạt.

9. Nếu không v.v...:

Hỏi: Nếu tính phân biệt là không, thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu không có tính phân biệt thì danh ngôn không lập, danh ngôn không lập thì tính y tha không được thành tựu, cho đến tịnh bất tịnh phẩm đều không lập.

Hỏi: Nếu không có tính y tha, thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu không có tính y tha thì tất cả phiền não không do công dụng mà phải tự có thể diệt. Nếu vậy tịnh phẩm cũng không được thành.

Hỏi: Nếu không có tính chân thật, thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu không có tính chân thật thì tất cả tất cả thứ cảnh thanh tịnh không được thành. Tất cả, là gồm riêng hết tất cả chân tục. Tất cả thứ, là gồm chung chân tục.

Hỏi: Tính chân thật ấy là có thể lập tịnh hay lập bất tịnh?

Đáp: Không thể nói được nhất định là tịnh hay bất tịnh. Nếu nhất định là tịnh thì tất cả chúng sinh không phải nhọc sức tu hành mà tự được giải thoát. Nếu nhất định là bất tịnh thì tất cả chúng sinh tu đạo tức không có quả báo. Nếu nhất định là tịnh thì không có pháp phàm phu. Nếu nhất định là bất tịnh thì không có pháp thánh nhân. Bởi vì sao? Vì tịnh bất tịnh phẩm đều lấy như làm gốc. Nếu đó nhất định là tịnh, thì không tức vô minh. Nếu đó nhất định là bất tịnh, thì không tức Bát-nhã. Hai chỗ này tính như, là không khác cho nên chân như này chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Bởi vì sao? Muốn làm rõ chân như khác với nhãn v.v... các căn, khác tâm thiên định v.v... cho nên khác với nhãn v.v... các căn, tức là các căn đã không bị nhiễm thì cũng phải được đồng với như lý thanh tịnh. Mà không vậy là do nghiệp hữu lậu làm nhân cho nên bất tịnh từ nơi gốc. Chân như thì không như vậy. Ở nơi Phật địa thì bản tính thanh tịnh, không có từ gốc là nghĩa bất tịnh

cho nên khác với các căn. Khác với định tâm v.v..., là thể của định bản tính tự tịnh, có thể được đồng với chân, mà bị 4 hoặc dẫn dụ cho nên chuyển thành bất tịnh. Lý chân như bản lai thanh tịnh thì không như vậy, tuy ở trong vô minh mà hoàn toàn không bị kia làm ô ướ.

Hỏi: Ba tính này mấy tính là vô thể có thể sinh hữu thể?

Đáp: Chỉ một tính phân biệt là vô thể có thể sinh thể tính y tha.

Hỏi: Đây có mấy tính hữu thể có thể sinh hữu thể?

Đáp: Chỉ một tính y tha có vô thật thể, trở lại có thể sinh thể y tha. Giống như vô minh sinh các hành v.v...

Hỏi: Ba tính này mấy tính hữu thể, có thể sinh vô thể?

Đáp: Một tính chân thật có thể diệt y tha khiến nó thành vô thể. Đó gọi là nếu không v.v...

10. Y chỉ:

Hỏi: Tính phân biệt dựa vào pháp gì được thành?

Đáp: Y vào 3 pháp nên thành. Những gì là 3? 1. Tướng. 2. Danh. 3. Tư duy. Dựa theo 3 pháp này tính phân biệt lập.

Hỏi: Tính y tha dựa vào đâu được thành?

Đáp: Y vào 4 pháp thành. Bốn pháp là tướng, danh, phân biệt, thánh trí. Dựa vào 4 pháp này nên tính y tha được thành.

Hỏi: Tính chân thật dựa vào pháp nào được thành?

Đáp: Tính này là vô trụ, vô trước, không có chỗ dựa, cảnh không phân biệt.

Phẩm 3: NHƯ LAI TẠNG

Lại nữa, phải biết Như Lai tạng có 3 nghĩa. Những gì là 3? 1. Sở nhiếp tạng. 2. Ân phú tạng. 3. Năng nhiếp tạng.

1. Sở nhiếp gọi là tạng, nghĩa là Phật nói ước trụ tự tính như như, tất cả chúng sinh là Như Lai tạng. Nói Như, có 2 nghĩa, một là trí như như, hai là cảnh như như, cả hai đều không điên đảo nên gọi là như như. Nói Lai, là ước từ tự tính đến. Đến, đến được, đó gọi là Như Lai. Cho nên tính Như Lai tuy là tên nhân mà phải được tên quả. Đến được, thể nó không 2. Chỉ khác ở thanh tịnh hay nhiễm trược. Khi ở trong nhân, vì trái 2 không, nên khởi vô minh mà bị phiền não xen tạp nên gọi nhiễm trược. Tuy chưa hiển lộ ngay nhưng chắc chắn có thể hiện ra, cho nên nói là phải được. Nếu khi đến quả hợp với 2 không, không bị hoặc lụy nữa, không nhiễm phiền não nên gọi là thanh. Quả đã hiển hiện nên gọi là đến được. Ví như tính của nước, thể của nó chẳng phải trong chẳng phải đục, chỉ do như bản hay không như bản mà có tên là trong hay đục. Nếu bùn cặn vẩn lên nên không trong trẻo. Tuy không trong trẻo mà tính nước trong không mất. Nếu dùng phương tiện lắng trong tức được thanh tịnh. Cho nên biết cái tên tịnh hay bất tịnh là do có ô uế hay không ô uế mà ra, không quan hệ gì đến tính của nước tự có tịnh uế. Phải được, đến được 2 thứ Phật tính cũng như vậy. Đồng một chân như, không có dị thể, chỉ trái lý không, nên khởi hoặc chấp trước. Phiền não nhiễm loạn nên gọi là trược. Nếu không trái với 2 không, với như cùng một tướng, thì không khởi vô minh, phiền não mê hoặc không nhiễm, giả gọi là thanh. Nói tạng, nghĩa là tất cả chúng sinh đều ở trong trí Như Lai nên gọi là tạng. Đem trí như như xứng cảnh như như, cho nên tất cả chúng sinh quyết không ra ngoài. Cảnh như như, nghĩa là đều được Như Lai nhiếp trì nên gọi là sở tạng. Chúng sinh là Như Lai tạng.

Lại nữa tạng có 3 thứ: 1. Hiển chính cảnh vô tử, lia cảnh như như không có cảnh nào khác xuất từ cảnh này. 2. Hiển chính hành vô tử, lia trí này ngoài ra không có trí nào thắng hơn trí này. 3. Để hiện chính quả vô tử, không có một quả nào khác quá hơn quả này. Cho nên gọi là vô tử. Do quả này có thể nhiếp tàng tất cả chúng sinh nên nói chúng sinh là Như Lai tạng.

2. Ẩn phú là tàng, nghĩa là Như Lai tự ẩn không hiện nên gọi là tàng. Nói Như Lai có 2 nghĩa: Một là hiện nghĩa như, không diên đảo. Do vọng tưởng nên gọi là diên đảo. Không vọng tưởng nên gọi đó là như. Hai là hiện nghĩa thường trụ. Tính như này, từ trụ nơi tự tính tính đến, đến được. Thể của như không biến đổi nên nghĩa là thường. Tính Như Lai trước khi trụ đạo, bị phiền não che lấp, chúng sinh không không thấy, nên gọi là tàng.

3. Năng nhiếp là tàng. Nghĩa là quả địa tất cả quá số Hằng sa công đức. Khi trụ Như Lai phải được tính thâm nhiếp đã hết, cho nên nếu khi đến quả, mới nói là được tính. Tính này tức là vô thường. Bởi vì sao? Chẳng phải mới được. Cho nên biết là vốn có. Vì vậy nói là thường.

Phần 4: BIỆN TƯỚNG

Phẩm 1: TƯỚNG TỰ THỂ

Lại nữa, phải biết tất cả các thứ tướng của Phật tính có 10 nghĩa. Nói 10 tướng là: 1. Tướng tự thể. 2. Tướng nhân. 3. Tướng quả. 4. Tướng sự năng. 5. Tướng tổng nhiếp. 6. Tướng phân biệt. 7. Tướng thứ bậc địa vị. 8. Tướng đủ khắp. 9. Tướng không biến đổi. 10. Tướng không sai biệt.

Tướng tự thể có 2 thứ: một là tướng riêng, hai là tướng chung. Tướng riêng có 3 thứ. Những gì là 3? 1. Tính công đức như ý. 2. Tính không khác. 3. Tính linh hoạt. Như nói tướng công đức như ý, nghĩa là Như Lai tạng có 5 thứ. Những gì là 5?

1. Như Lai tạng. Tự tính là nghĩa của tạng đó. Tất cả các pháp không ra ngoài tự tính Như Lai. Vô ngã là tướng. Cho nên nói tất cả các pháp là Như Lai tạng.

2. Chính pháp tạng. Nhân là nghĩa của tạng đó. Vì tất cả thánh nhân, 4 niệm xứ v.v... các chính pháp đều lấy từ tính này làm cảnh.

Chưa sinh, được sinh, đã sinh được viên mãn, cho nên nói tên là chính pháp tạng.

3. Pháp thân tạng. Đến được, là nghĩa của tạng đó. Đây là chính tính mà tất cả thánh nhân tin ưa, tin ưa nguyện nghe. Do tâm tin ưa này nên khiến các thánh nhân được 4 đức, và quá số Hằng sa như công đức tất cả Như Lai. Cho nên nói tính này là pháp thân tạng.

4. Xuất thế tạng. Chân thật là nghĩa của tạng này. Thế, có 3 lỗi: Một là đối trị. Có thế diệt tận nên gọi là thế. Pháp này thì không đối trị nên gọi là xuất thế. Hai là không tĩn trụ nên gọi là thế. Do quả báo của tâm hư vọng, niệm niệm diệt không trụ. Pháp này không như vậy nên gọi là xuất thế. Ba là do có kiến chấp điên đảo. Tâm tại thế gian thì thường kiến chấp điên đảo. Như người ở trong 3 cõi, trong tâm chắc không thấy được khổ pháp nhãn v.v... Do hư vọng đó nên gọi là thế. Pháp này có thể ra khỏi thế gian nên gọi là chân thật, là xuất thế tạng.

5. Tự tính thanh tịnh tạng. Bí mật là nghĩa của tạng này. Nếu tất cả pháp tùy thuận tính này, thì gọi là nội, là chính không phải tà, tức là thanh tịnh. Nếu các pháp trái nghịch lý này, thì gọi là ngoại, là tà không phải chính, tức là nhiễm trược. Cho nên gọi là tự tính thanh tịnh tạng. Cho nên Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Phật tính là Như Lai tạng, là chính pháp tạng, là pháp thân tạng, là xuất thế tạng, là tự tính thanh tịnh tạng. “ Do nói nghĩa của 5 tạng này nên công đức như ý được hiển hiện. Phật vì hiển thị nghĩa này nên nói như ngọc báu như ý. Ví như người do nghiệp đời trước, cảm được ngọc báu như ý. Được ngọc báu này rồi, tùy theo ý muốn đều tự nhiên được thành. Phật tính cũng vậy. Do phụng sự thiện tri thức, tu các phúc tuệ, cảm được tính này, liền tùy ý người tu hành, đều tự được quả 3 thừa. Công đức như ý là biệt tướng đó.

2. Tính không khác, là phạm phu thánh nhân và chư Phật không phân biệt. Tâm tính lỗi lầm công đức cứu cánh thanh tịnh ở trong

bình đẳng biến khắp như hư không. Lại như đồ đất, bạc, vàng, 3 thứ tuy khác mà tính của nó đều là không. Không xứ không có riêng khác cho nên nói là tính không khác biệt.

Giải thích: Nói lỗi lầm, là phạm phu. Công đức, là hữu học thánh nhân. Cứu cánh thanh tịnh, tức chư Phật. Ba xứ này tuy khác, mà tính không khác. Tức đây lấy đất ví dụ phạm phu. Bạc ví dụ học giả. Vàng ví dụ chư Phật. Tuy 3 thứ đồ vật có khác mà tính không của chúng là một. Lại nữa, là hữu, thanh tịnh, biến mãn 3 nghĩa. Hữu, là hiển thị nghĩa vô vi. Thanh tịnh hiển thị nghĩa vô nhiễm. Biến mãn hiển thị nghĩa vô ngại. Phật bảo Xá-lợi-phất: Chúng sinh giới không khác pháp thân. Pháp thân không khác chúng sinh giới. Do nghĩa này nên không hai không khác, chỉ có danh tự. Như vậy Phật tính trong 3 vị bình đẳng biến khắp, do tịnh bất tịnh phẩm không biến đổi, cho nên nói như tính hư không.

3. Tính nhuận hoạt, là biện minh Như Lai tính trong chúng sinh hiện nghĩa nhân quả, do đại bi đối với chúng sinh, linh hoạt uyển chuyển làm tướng. Đại bi, có 3 nghĩa: một là thể, hai là đại, ba là dị biệt.

Một, nghĩa của thể là lấy Bát-nhã làm thể. Bát-nhã có 2, một là chân trí không phân biệt, hai là tục trí có phân biệt. Nay lấy trí có phân biệt làm thể của đại bi, lấy đại bi duyên chúng sinh khởi.

Hai, đại có 5 nghĩa: Một là tư lương, hai là tướng, ba là hành xứ, bốn là bình đẳng, năm là tối cực. Một, tư lương là có thể làm 2 hạnh tư lương đại phúc đức trí tuệ. Hai, tướng là có thể quán 3 khổ chúng sinh đều cứu tế. Ba, hành xứ là thông cả 3 cõi chúng sinh làm cảnh giới. Bốn, bình đẳng là vì tất cả chúng sinh khởi tâm bình đẳng. Năm, tối cực là quá ngoài cách tu này không có thắng hạnh nào hơn.

Ba, nghĩa của dị biệt có 8 thứ: Một là sai biệt về tự tính. Bi vô lượng là bởi không sâu làm tính. Đại bi lấy không si làm tính. Hai là

sai biệt về tướng. Bi là lấy khổ khổ làm tướng. Đại bi lấy 3 khổ làm tướng. Ba là sai biệt về hành xứ. Bi là lấy Dục giới làm cảnh giới. Đại bi thì thông 3 cõi làm cảnh giới. Bốn là sai biệt về địa. Bi thì lấy đệ tứ thiên làm địa. Đại bi thì lấy quả Như Lai vô lưu làm địa. Năm là sai biệt về cảnh giới. Bi thì lấy phàm phu và Nhị thừa làm cảnh giới. Đại bi thì chỉ Bồ-tát và Phật làm cảnh giới. Sáu là sai biệt về đức. Bi là đức lia dục của Dục giới. Đại bi là đức lia dục 3 cõi. Bảy là sai biệt về cứu tế. Bi là chỉ có tâm bạt khổ không có sự bạt khổ. Đại bi thì có tâm có sự. Tám là sai biệt về cứu cánh không cứu cánh. Bi là có thể tạm cứu tế một ít không thể cứu một cách chân thật. Đại bi là có thể vĩnh viễn cứu tế hằng không lia bỏ.

Nhuận hoạt, nghĩa là nhuận để hiển thị nghĩa năng nhiếp. Hoạt là hiển thị sự trái mặt nghĩa hướng đức. Ví như thủy giới cũng có 2 công năng: một là có thể thâm nhiếp các vật tan rời chỉ làm cho trơn láng không thô nhám. Do nhuận nên có thể thâm nhiếp. Do hoạt nên không thô nhám. Lấy nhuận làm nhân. Lấy hoạt làm quả. Cho nên nói hiện nghĩa nhân quả. Lại nữa tự tính thanh tịnh là nghĩa của thông tướng. Như trước thật không thủy giới v.v... các ví dụ. Tự tính thanh tịnh là thông tướng cho nên tính Như Lai trong phiền não không bị nhiễm ô. Bốn tướng này làm chương 4 hoặc, cho nên chẳng phải 4 người đạt được, vì 4 đức làm gốc, vì lia 4 điên đảo, vì diệt sinh tử đối trị. Cho nên nói 4 tướng thông một, biệt ba. Một thông tướng là chỉ có tướng của tự tính thanh tịnh. Ba biệt tướng là: một là không thể tư duy, hai là phải được, ba là công đức vô lượng. Đó là tướng của tự thể.

Phẩm 2: MINH NHÂN

Lại có 4 thứ nhân có thể trừ 4 chương, được tính Như Lai. Bốn nhân là: 1. Tin ưa Đại thừa. 2. Bát-nhã không phân biệt. 3. Phá hư không Tam-muội. 4. Đại bi của Bồ-tát. Bốn chương là: 1. Ghét Đại thừa. 2. Kế chấp thân kiến. 3. Sợ sinh tử. 4. Không thích quán

sự lợi ích người khác. Trước tiên là chương Xiển-đề, hai là chương ngoại đạo, ba là chương Thanh Văn, bốn là chương Độc Giác. Bốn hoặc này có thể khiến 4 người không thể thấy được tự tính thanh tịnh pháp thân. Nếu lược nói, thế gian có 3 loại chúng sinh: 1. Thích sinh tử hằng hữu. 2. Thích diệt sinh tử hữu. 3. Cả hai đều không thích, hữu diệt đều mất. Một là thích sinh tử hữu lại có 2 thứ: 1. Ghét giải thoát đạo, không có tính Niết-bàn, thích sinh tử không thích Niết-bàn. 2. Đã rơi vào định vị. Định vị là phi thánh phi phàm, không thủ tiến thoái mà là người trong Phật pháp, nghịch lại pháp Đại thừa. Nhân hạng người này nên Phật nói: Ta không phải thầy của những người ấy, những người ấy chẳng phải đệ tử ta. Xá-lợi-phất ! Hạng người này từ chỗ mờ ám nhẹ vào trong mờ ám nặng. Lại từ chỗ mờ ám nặng vào chỗ mù tối, làm bạn với sự tối tăm. Lại lấy Xiển-đề làm bạn. Cho nên ta nói hạng người này có 2 cái thích. Hai là diệt sinh tử hữu có 2 thứ: 1. Rơi vào phi phương tiện. 2. Rơi vào trong phương tiện. Rơi vào phi phương tiện lại có 2: Một là ngoại đạo, nghĩa là 16 thứ. Hai là người trong Phật pháp đồng chấp với ngoại đạo. Vì đại loại theo chính pháp mà khởi tà chấp ngã kiến, không thể hiểu rõ nghĩa của chính giáo. Nhân hạng người này nên Phật nói: Nếu không tin yêu chân không, thì không khác gì ngoại đạo. Lại nữa có người tăng thượng mạn, thủ không làm kiến, làm chân không giải thoát môn. Đại loại khởi không, chấp không giải thoát môn này, bảo rằng tất cả có không, đều là không. Cái chấp không này, tức là vô sở hữu. Vì vô sở hữu nên đạo lý nhân quả nhị đế đều mất. Cái chấp trống trơn này tức rơi vào tà vô. Những chấp như vậy do không mà khởi nên thành tà chấp. Tất cả tà chấp không có gì là không do không, cho nên có thể diệt trừ. Cái chấp này đã dựa vào không mà khởi, cho nên không thể trị. Nhân hạng người này, nên Phật bảo Ca-diếp: Nếu người khởi ngã kiến chấp lớn như núi Tu-di ta còn cho phép. Bởi vì sao? Bởi có thể diệt. Nếu người tăng thượng mạn này khởi chấp không, cho dù bằng một phần tư

đầu sợi tóc, ta liền quở trách quyết định không chấp nhận. Hai, rơi vào trong phương tiện có 2: Một là người Thanh Văn tu hành tự lợi, chỉ vì tự độ không vì lợi tha. Hai là người Độc Giác, đối với tâm lợi tha, vô lạc vô sự, chỉ khởi tâm xả. Vô lạc là không thích lợi tha. Vô sự là hoàn toàn không có việc độ người, chỉ vì tự giác tự lợi. Chỉ khởi tâm xả nghĩa là xả là tâm trụ bình đẳng không nguyện lợi người cũng không tổn người. Riêng tự mình giác ngộ nên gọi Độc Giác. Rơi vào phương tiện Thanh Văn cũng vậy. Như Mạt-điền-địa và A-tu-na 2 Tì-khuru khi Phật Niết-bàn cả 2 đều không đến. Sau đến khi Ca-diếp kết tập pháp tạng, bị triệu tập mới ra. Ca-diếp quở trách hỏi: Có phải ông theo Phật được thánh đạo chăng? Đáp: Thật vậy. Ca-diếp lại trách: Ông có lỗi lớn. Từ nay trở đi tôi giao phó Phật pháp cho ông giữ gìn. Nếu không như pháp là tội của ông. Bèn cam chịu tội sám hối, nhận chỉ thị phụng hành. Ba là đều không yêu thích, nghĩa là người rất có lợi căn tu hành Đại thừa đã không đồng với Xiển-đề yêu thích sinh tử hữu, cũng không rơi vào phi phương tiện đồng chấp như ngoại đạo, cũng không rơi vào trong phương tiện như người Nhị thừa, cho nên người như vậy thực hành đầy đủ đạo bình đẳng sinh tử Niết-bàn, trụ ở chỗ không trụ, tuy hành sinh tử mà không nhiễm, tuy hành Niết-bàn cũng chẳng phải tịnh. Chỉ vì đại bi nên không bỏ sinh tử, vì Bát-nhã nên không bỏ Niết-bàn. Không lìa Niết-bàn, là khác cái chấp của Thanh Văn vĩnh trụ vô vi. Không bỏ sinh tử, là khác Nhất-xiển-đề yêu thích nơi sinh tử. Nếu yêu thích đắm trước sinh tử, là Nhất-xiển-đề. Người trong Phật pháp rơi vào định vị cũng đồng với Xiển-đề. Như vậy 2 người rơi vào trong tà định tự. Nếu ưa thích diệt sinh tử hữu, người này rơi vào trong phương tiện. Và đều không ưa thích được 2 cái trước, tu đạo bình đẳng, người như vậy là ở trong chính định tự. Trừ người phát tâm hành Đại thừa tu tập vô chướng đạo, ngoài ra bao nhiêu Xiển-đề, ngoại đạo, Thanh Văn, Độc Giác 4 hạng người có 4 thứ chướng, nên không thấy Phật tính.

Những gì là 4 chướng? 1. Ghét nghịch Đại thừa, là Xiên-đề chướng. Để đối trị chướng này, Phật nói pháp Bồ-tát tu tập tín lạc Đại thừa. 2. Trong các pháp khởi chấp ngã kiến, là ngoại đạo chướng. Để đối trị chướng này, nên Phật nói Bồ-tát tu tập Bát-nhã Ba-la-mật. 3. Trong sinh tử định chấp khổ tương, và tâm nhằm chán sợ hãi, đó là Thanh Văn chướng. Để đối trị chướng này, Phật nói Bồ-tát tu tập phá không Tam-muội. Không Tam-muội là từ sơ địa trở lên có thể được Tam-muội này, thì phá hư không v.v... các chấp, khi nhập quán thì không tức hữu vô, không ly hữu vô. Dụ như 8 địa chân tục song quán mà khác địa thứ 8, là địa thứ 8 trở lên không có xuất nhập quán. Sơ địa khi nhập thì đồng, khi xuất thì khác. Việc lợi ích 4 loại chúng sinh, xả bỏ ý chúng sinh, là Độc Giác chướng. Để đối trị chướng này, Phật nói tu tập Bồ-tát đại bi. Đại bi của Bồ-tát lấy lợi tha làm sự nghiệp. Người Độc Giác chỉ tự quán nhân duyên không có ý độ tha nên không đại bi. Thanh Văn cũng vậy. Để diệt 4 chướng này nên lấy tín lạc v.v... 4 thứ làm nhân khiến các Bồ-tát tu tập nhân này, đến được vô thượng pháp thân thanh tịnh Ba-la-mật. Đó gọi là Phật tính thanh tịnh nhân. Người như vậy được gọi là Phật tử. Vì vậy Phật tử có 4 nghĩa: 1. Nhân. 2. Duyên. 3. Y chỉ. 4. Thành tựu. Trước hết nói nhân có 2: 1. Phật tính. 2. Tín lạc. Hai pháp Phật tính này là vô vi tín lạc hay hữu vi tín lạc? Ước theo tính được Phật tính là liễu nhân, vì có thể hiển liễu tính chính nhân. Tín lạc ước theo gia hành là sinh nhân, vì có thể sinh khởi các hành. Hai là duyên, nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật có thể sinh Bồ-tát thân, đó là gia duyên công đức vô vi. Ba là y chỉ, nghĩa là phá không định v.v... người thích hữu chấp đoạn, vì không có chỗ nào có lạc tịnh v.v... Bồ-tát tu phá không Tam-muội có thể trừ phá chấp. Do định lực này nên pháp thân Bồ-tát kiên cố không yếu kém. Bốn là thành tựu, nghĩa là Bồ-tát đại bi làm việc lợi tha vô tận. Đó là gia nhân phải được của Phật tính: 1. Nhân như cha. 2. Duyên như mẹ. 3. Y chỉ như bào thai. 4. Thành tựu như sữa mẹ. Bồ-tát do 4 nghĩa này được gọi là Phật tử.

Phẩm 3: HIỂN QUẢ

Lại nữa, cần phải biết nghĩa của quả tướng. Quả tướng có 2 xứ: 1. Địa tiền phạm thánh 2 vị. 2. Mười địa các vị. Địa tiền có tín lạc v.v... 4 đức như vậy là nhân của Phật tính thanh tịnh để đối trị 4 điên đảo. Bốn tướng công đức Ba-la-mật của pháp thân Như Lai là quả. Phải biết 4 điên đảo là với sắc v.v... 5 ám thật là vô thường khởi thường kiến, thật khổ khởi lạc kiến, thật vô ngã khởi ngã kiến, thật bất tịnh khởi tịnh kiến. Đó gọi là 4 điên đảo. Điên đảo có 3 nghĩa: 1. Do kiến diệt. 2. Do tu diệt. 3. Chẳng phải 2 cái đó diệt. Khi kiến chân đế có thể trừ kiến đảo. Định phá tư hoặc có thể trừ tướng đảo. Chẳng phải 2 cái diệt có thể trừ tâm đảo. Để đối trị 4 cái này nói 4 không đảo. Những gì là 4? Với sắc v.v... 5 ám chưa có, có, đã có, phải diệt nên thật vô thường. Như thật khởi cái hiểu vô thường, khi khổ là khổ, khi lạc diệt là khổ, xả 3 thời là khổ, cho nên thật là khổ. Ở trong sinh cái hiểu về khổ. Vô thường là nhân, vô thường là quả, do nhân quả được thành bởi chấp y tha. Quả không tự tại. Nhân cũng vậy. Chưa có, có, đã có hoàn không, đã do nhân trước, cho nên y tha cũng không tự tại. Lìa nhân quả, ngoài ra không một pháp nào khác là ngã. Cho nên vô ngã là thật, sinh cái hiểu về ngã. Bất tịnh có 2 thứ: 1. Sắc. 2. Phi sắc. Sắc bất tịnh có 3, là sơ, trung, hậu. Sơ, là mới nhập thai hòa hợp chủng tử bất tịnh. Trung, là xuất thai trở về sau ăn uống nuôi lớn nhiều các bất tịnh. Hậu, là xả thân trở về sau, khi thân thể hoại có nhiều thứ bất tịnh. Phi sắc, là hoặc mừng, hoặc lo, hoặc ghét, hoặc vô ký, hoặc các trói buộc v.v... không lìa dục nên là phi sắc. Do các pháp này nên bất tịnh. Do đó thánh nhân quán khắp 3 cõi đều là bất tịnh. Như vậy 5 ám như thật bất tịnh, sinh cái hiểu về bất tịnh. Bốn pháp này đều thật nên chẳng phải đảo. Nếu ước về Phật tính là thường v.v... 4 đức thì 4 pháp vô đảo này trở lại thành điên đảo. Để đối trị điên đảo này cho nên an lập 4 đức của pháp thân Như Lai.

Bốn đức là: 1. Thường Ba-la-mật. 2. Lạc Ba-la-mật. 3. Ngã Ba-la-mật. 4. Tịnh Ba-la-mật. Như Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Các chúng sinh này sinh tâm điên đảo, bên trong 5 thủ ám vô thường thấy thường, trong khổ thấy vui, vô ngã thấy ngã, bất tịnh thấy tịnh. Thế Tôn ! Tất cả Thanh Văn Độc Giác do không không hiểu rõ chưa từng thấy biết cảnh nhất thiết trí, nên pháp thân Như Lai phải tu không tu. Nếu người Đại thừa do tin Thế Tôn nên đối với pháp thân Như Lai thường khởi cái hiểu thường lạc ngã tịnh. Người như vậy không gọi là đảo, gọi là được chính kiến.” Sao pháp thân Như Lai như thế là thường lạc ngã tịnh các Ba-la-mật? Nếu người có kiến giải như vậy gọi là chính kiến, là đưa con trong lòng Như Lai. Đưa con trong lòng tức thường ở trong tâm Phật. Lại nữa 4 đức Ba-la-mật của Như Lai do nhân lần lượt càng đi sâu. Phải biết nói nghịch, nghĩa là ngược sau ra trước, là tịnh ngã lạc thường. Do Nhất-xiển-đề ghét nghịch Đại thừa, để nghịch lại chúng thích trụ sinh tử bất tịnh nên tu tập tin ưa pháp Đại thừa của Bồ-tát. Được tịnh Ba-la-mật, phải biết đó là quả. Do tất cả ngoại đạo đối với sắc v.v...5 ám có tính vô ngã thì chấp cho là ngã, mà sắc v.v... các pháp với cái chấp ngã tương của ông trái nhau nên hằng thường vô ngã. Chư Phật Bồ-tát do trí chân như đến được tất cả pháp vô ngã Ba-la-mật. Cái vô ngã Ba-la-mật này với tướng vô ngã của ông thấy không trái nhau nên Như Lai nói tướng ấy hằng thường vô ngã. Vì đó là chân thể tính của tất cả pháp. Cho nên nói vô ngã Ba-la-mật là ngã. Như kinh nói:

*Hai không đã thanh tịnh,
Được vô ngã thắng ngã.
Vì Phật được tịnh tính,
Vô ngã chuyển thành ngã.*

Các ngoại đạo trong 5 thủ ám chấp kiến có ngã. Để ngược lại cái ngã chấp hư vọng nên tu tập Bát-nhã Ba-la-mật đến được tối thắng vô ngã, tức ngã Ba-la-mật, đó là quả. Phải biết do các người

Thanh Văn sợ hãi sinh tử khổ vui, trụ trong tịch tĩnh sinh tử khổ, để ngược lại ý lạc này nên tu tập phá hư không Tam-muội. Tất cả tướng của pháp thể xuất thể lạc Ba-la-mật, đó là quả. Phải biết do Độc Giác thánh nhân không quán các việc lợi ích chúng sinh chỉ thích ở một mình nơi tĩnh trụ. Để ngược lại ý này nên tu tập đại bi vì lợi ích chúng sinh của Bồ-tát cho đến tận cùng sinh tử thường xuyên hộ trì thường Ba-la-mật, đó là quả. Phải biết tín lạc Đại thừa Bát-nhã Ba-la-mật như vậy phá hư không Tam-muội, đại bi Bồ-tát v.v... 4 nhân, có thể thành tựu 4 công đức Ba-la-mật của pháp thân Như Lai. Cho nên Phật nói do 4 đức này tất cả Như Lai duy chỉ pháp giới là thắng hơn, do như hư không, lấy hư không làm biên tế sau cùng. Bốn câu như vậy thể hiện những nghĩa gì? Do tu tập tín lạc pháp Đại thừa nên chư Phật đến được thanh tịnh Ba-la-mật cùng tột. Phật nói duy chỉ pháp giới là thắng hơn, là trên hết, do tu tập Bát-nhã Ba-la-mật nên đến được chúng sinh thế giới, khí thế giới cực vô ngã Ba-la-mật. Năm ấm là chúng sinh thế gian, tức nhân không. Cõi nước, 4 đại là khí thế giới, tức pháp không. Đó là hiển thị 2 không, cho nên nói do như hư không. Để tu tập phá không Tam-muội v.v.. nên các pháp tất cả mọi nơi được tự tại như ý nên lấy hư không làm biên tế. Do tu tập đại bi của Bồ-tát nên đối với các chúng sinh thường khởi tâm bi hộ trì không biên tế, cho nên nói là cùng cực đến biên tế sau cùng. Cùng cực biên tế sau cùng, là giả sử ranh giới sau cùng mà còn có sau nữa thì đại bi của Bồ-tát cũng có thể qua đó. Cho nên biện rõ tổng quát 2 địa vị thánh phàm của địa tiền không được 4 đức. Lại nữa, 10 địa do 4 chướng nên chưa được cực quả của 4 đức. Phải biết kim cương hậu tâm mới được. Bởi vì sao? Bởi vì có 3 loại thánh nhân ra ngoài 3 cõi, là Thanh Văn, Độc Giác, Đại lực Bồ-tát, trụ ở cõi vô lưu. Có 4 thứ oán chướng, do 4 oán chướng này nên không được 4 thứ công đức Ba-la-mật của pháp thân Như Lai. Bốn chướng là: 1. Phương tiện sinh tử. 2. Nhân duyên sinh tử. 3. Hữu hữu sinh tử. 4. Vô hữu sinh tử.

Một, phương tiện sinh tử là vô minh trụ địa có thể sinh nghiệp vô lậu mới. Ví như vô minh sinh hành, hoặc nhân phương tiện phiền não sinh quả đồng loại gọi là nhân duyên. Như vô minh sinh bất thiện hành nếu sinh quả không đồng loại chỉ gọi là phương tiện. Như vô minh sinh thiện hành, bất động hành nên khiến vô minh trụ địa sinh nghiệp vô lậu mới cũng vậy. Hoặc sinh đồng loại, hoặc không đồng loại. Sinh phúc hành gọi là đồng loại, do đồng duyên tục. Sinh trí tuệ hành gọi là không đồng loại, do trí là chân tuệ. Đó gọi là phương tiện sinh tử.

Hai là nhân duyên sinh tử, nghĩa là vô minh trụ địa sinh nghiệp vô lậu. Nghiệp đó gọi là nhân duyên sinh tử. Ví như vô minh sinh hành là nghiệp. Chỉ cảm đồng loại không sinh quả không đồng loại. Thiện hành chỉ sinh lạc quả. Bất thiện chỉ chiêu khổ báo. Cho nên gọi là nhân duyên sinh tử. Phương tiện sinh tử ví như phạm phu vị. Nhân duyên sinh tử ví như Tu-đà-hoàn trở lên chỉ thụ dụng nên nghiệp không sinh nghiệp mới.

Ba là hữu hữu sinh tử, nghĩa là vô minh trụ địa làm phương tiện, nghiệp vô lậu làm nhân, 3 thứ thánh nhân là ý sở sinh thân. Ví như 4 thủ làm duyên, nghiệp hữu lậu làm nhân, sinh thân trong 3 cõi. Hữu hữu, là có vị lai sinh. Lại có một đời gọi là hữu hữu. Như người thượng lưu A-na-hàm ở trong đời thứ hai Bát-niết-bàn còn có một đời, nên gọi là hữu hữu.

Bốn là vô hữu sinh tử, nghĩa là thân sau cùng của 3 thánh ý sinh làm duyên là không thể tư duy thoát đạo. Ví như sinh làm duyên, lão tử v.v... là lỗi lầm, cho nên vô minh trụ địa là nơi y chỉ của tất cả phiền não, mà tất cả phiền não gọi chung là vô minh, là vì vô minh là căn bản của tất cả các hoặc. Căn bản đã chưa diệt hết do bị tất cả phiền não cấu uế huân tập. A-la-hán, Bích-chi-phật và tự tại Bồ-tát không thể đến được đại tịnh Ba-la-mật không nhiễm ô. Lại nữa y vào duyên này, tướng vọng tưởng vi tế của vô minh trụ địa này du hành chưa dứt, cho nên chưa đến được cùng cực vô hành vô tướng đại ngã

Ba-la-mật. Nhân vô minh trụ địa này làm duyên, và vi tế vọng tưởng khởi nghiệp vô lậu làm nhân, được khởi 3 thứ ý sinh thân nên không thể đến được chỗ cùng cực lìa khổ nhân quả, đại lạc Ba-la-mật. Nếu chưa chứng được nghiệp khó sinh khó diệt hết vô dư Như Lai cam lồ giới, và chưa chứng được bất khả tư duy thoát địa giới, chưa diệt mất nên không thể đến được chỗ cùng tận không khác biệt lão tử v.v... được đại thường Ba-la-mật. Lại nữa phải biết vô minh trụ địa như phiền não nạn, nghiệp vô lậu như nghiệp nạn, 3 thứ ý sinh thân như quả báo nạn, không thể tư duy thoát địa như lỗi lầm nạn. Nếu ở trong 3 thứ ý sinh thân thì không thường lạc ngã tịnh Ba-la-mật. Cho nên pháp thân Như Lai là thường v.v... 4 Ba-la-mật. Bởi pháp thân Như Lai đều đã diệt hết tất cả phiền não tập khí. Đó gọi là cực tịnh. Tất cả cái chấp hư vọng về ngã, vô ngã đã dứt hết nên gọi là đại ngã. Rốt ráo hết tất cả nhân quả ý sinh thân nên gọi là đại lạc. Sinh tử Niết-bàn bình đẳng thông đạt nên gọi là đại thường. Lại nữa 4 đức đều có nghĩa của 2 duyên. Phải biết trước tiên có 2 nhân duyên nên nói pháp thân Như Lai có đại tịnh Ba-la-mật. Một là bản tính thanh tịnh gọi là thông tướng. Hai là vô cấu thanh tịnh nên gọi là biệt tướng. Bản tính thanh tịnh thì cả thánh phàm đều có, nên gọi là thông. Vô cấu thanh tịnh thì chỉ Phật quả có, nên gọi là biệt. Lại có 2 thứ nhân duyên nói pháp thân Như Lai có đại ngã Ba-la-mật. Một là do xa lìa biên kiến chấp ngoại đạo nên không có ngã chấp. Hai là do xa lìa chấp vô ngã của Nhị thừa thì không vọng chấp vô ngã. Hai chấp diệt dứt nên nói đại ngã Ba-la-mật. Lại có 2 thứ nhân duyên nói pháp thân Như Lai có đại lạc Ba-la-mật. Một là do diệt hết tất cả tướng khổ tập không sót, nên trừ bỏ tập khí chướng dứt sự nối tiếp. Hai là do chứng đắc tướng tất cả khổ diệt, nên 3 thứ ý sinh thân diệt, không sinh trở lại. Khổ diệt không còn sót nên gọi là đại lạc Ba-la-mật. Lại có 2 thứ nhân duyên nói pháp thân Như Lai có đại thường Ba-la-mật. Một là vô thường sinh tử không tồn giảm, xa lìa bên đoạn. Hai là thường trụ Niết-bàn không tăng ích, xa lìa bên thường. Do lìa 2 chấp đoạn thường này

nên gọi là đại thường Ba-la-mật. Cho nên Kinh Thắng Man nói: “ Nếu thấy các hành vô thường đó gọi là đoạn kiến không gọi là chính kiến. Nếu thấy Niết-bàn là thường trụ, đó gọi là thường kiến chẳng phải chính kiến.” Cho nên pháp thân Như Lai là 2 kiến, gọi là đại thường Ba-la-mật. Do đạo lý môn của pháp giới như thật nên tức Niết-bàn tức sinh tử không thể phân biệt, thể là được nhập vào pháp môn không hai, cũng chẳng một chẳng hai, trụ nơi vô trụ cho nên do diệt các hoặc không trụ sinh tử, do bản nguyện nên không trụ Niết-bàn, do Bát-nhã nên các hoặc được diệt, do đại bi nên bản nguyện được thành. Cho nên trong bài kệ Kinh Bất Khả Tư Lượng nói:

*Các hoặc thành giác phân,
Sinh tử thành Niết-bàn.
Tu tập đại phương tiện,
Chư Phật khó nghĩ bàn.*

Phẩm 4: SỰ NĂNG

Lại nữa phải biết nghĩa của tướng sự năng. Tính thanh tịnh này có 2 sự năng: 1. Trong sinh tử khổ có thể sinh chán lìa. 2. Trong Niết-bàn muốn cầu lạc nguyện. Nếu không có tính thanh tịnh, thì 2 sự như vậy không thành. Cho nên trong kinh nói: “ Thế Tôn ! Nếu không có Như Lai tạng thì trong khổ sinh tử không có ý chán lìa cũng không có tâm muốn cầu lạc nguyện. “ Cho nên chúng sinh bất định tụ khởi 2 sự này làm dụng. Một là trong khổ sinh tử quán sát tội lỗi làm chỗ y chỉ, sinh tâm chán lìa chúng sinh bất định tụ. Hai là trong Niết-bàn lạc quán sát công đức làm chỗ y chỉ sinh chúng sinh bất định tụ muốn cầu lạc nguyện.

Dục cầu nguyện lạc là 4 thứ tâm khác như thế nào? Trước tiên dục gọi là tín. Tín có 4 thứ: 1. Tín có. 2. Tín không thể nghĩ bàn. 3. Tín phải có thể được. 4. Tín có vô lượng công đức. Đủ 4 nghĩa này nên gọi là dục.

Hai là cầu, nghĩa là đến được pháp này tâm hằng cần cầu, không hồi hận thoái lui, gọi đó là cầu.

Ba là lạc, nghĩa là tư duy lựa chọn phương tiện như, bất như. Phương tiện như, là Niết-bàn. Phương tiện bất như, là sinh tử. Tư duy lựa chọn Niết-bàn không cầu mau chứng. Tư duy lựa chọn sinh tử không cầu lia bỏ, nên gọi là lạc.

Bốn là nguyện, nghĩa là từ nay phát nguyện cho đến cùng tốt đời vị lai hằng dùng nguyện nhiếp hóa tất cả chúng sinh chưa từng lia bỏ. Tùy chỗ hành đạo đều vào trong nguyện hải Bồ-đề. Vì tự lợi nên không bỏ Niết-bàn. Vì lợi tha nên không bỏ sinh tử. Cho nên có 2 quán: 1. Trong sinh tử quán khổ tội lỗi. 2. Trong Niết-bàn quán vui công đức. Cho nên người tịnh phần, do tính thanh tịnh quán này được thành. Nói tịnh phần là: 1. Phần phúc đức. 2. Phần giải thoát. 3. Phần thông đạt. Phần phúc đức là thiện căn đời trước có thể cảm đến thân này đầy đủ các căn được thụ pháp khí. Phần giải thoát là đã gieo hạt giống công đức, có thể cảm quả báo giải thoát trong đời vị lai. Phần thông đạt, là do thánh đạo nên có thể thông đạt chân như, gọi là tịnh phần. Người này do tịnh phần làm duyên, tịnh tính làm nhân, nên thành quán này chứ không phải không nhân duyên. Nếu không do nơi 2 sự này, thành quán không nhân duyên. Như người Xiển-đề không có tính Niết-bàn phải được quán này, mà Nhất-xiển-đề đã không có quán này, cho nên biết chắc phải quán nhân duyên mới có thể hiện tính thanh tịnh, không bị khách trần làm nhiễm ô, tùy trong 3 thừa chưa khởi tín lạc một thừa. Lại nữa chưa thể đích thân phụng sự thiện tri thức, cho đến 4 thứ thánh luân cũng chưa tương ưng. Nói 4 luân là: 1. Ở nơi cõi nước đúng như pháp. 2. Y cứ vào thiện tri thức. 3. Điều phục tự thân. 4. Trông thiện căn đời trước. Luân có 3 nghĩa: 1. Chưa được khiến được, được khiến không mất. 2. Năng độ, nghĩa là từ đây đến kia, từ tha tương tục đến tự tương tục, từ tự tương tục lại đến tha. 3. Năng tải, nghĩa là có thể từ sinh tử đến Niết-bàn. Một ở chỗ thiện, tức

là có thể tu chính hạnh nơi chỗ người thiện ở. Nếu ở trong đó thường thấy người này nên được giác ý. Giác là giác ngộ. Ý là thiện tâm. Như đây thụ trì thiện pháp các việc. Cho nên Phật nói kệ rằng:

*Vô tri không thiện thức,
Bạn ác tổn chính hạnh
Như nhện rơi trong sữa,
Sữa đó hóa thành độc.*

Đó gọi là nên ở cõi nước đưng như pháp. Hai, gần bạn lành. Bạn lành có 7 phần, như kệ nói:

*Năng thí, trọng đáng tin,
Năng thuyết năng nhẫn chịu,
Nói sâu là bạn lành,
Đặt đệ tử chỗ thiện.*

Bảy phần là: 1. Năng thí. Do năng thí nên khiến người thương yêu, yêu nên tôn trọng, trọng nên đáng tin, đáng tin nên có thể thuyết pháp, do năng thuyết pháp nên năng kham chịu các nạn bên ngoài, năng nhẫn chịu nên năng thuyết nghĩa lý sâu, lợi ích bạn lành, do thuyết pháp sâu nên có thể đặt bạn lành nơi chỗ thiện an ổn. Nếu người có khả năng đầy đủ 7 đức thì có thể kham y chỉ làm thiện tri thức. Nếu tổng luận 7 phần này thì không ra ngoài 3 nghĩa: 1. Thích thương yêu. 2. Thông minh. 3. Kham nhẫn. Ba nghĩa này nếu thiếu một thì không thành bạn lành. Nếu chỉ thương yêu mà không thông minh, ví như cha mẹ tuy nghĩ đến con bệnh thương yêu mà không chữa trị được. Nếu chỉ có thông minh mà không tình thương thì như thầy oan gia không trị bệnh cho người. Nếu không thể kham chịu thì tự làm cũng không đủ, có thương yêu, thông minh cũng chẳng thành tựu. Tách rời thì tuy 7 thứ nhưng hợp lại không ra ngoài 3 là: năng thí, tôn trọng và khả tín. Ba cái này thuộc trong thương yêu. Năng thuyết pháp và thuyết lý sâu, 2 cái này thuộc trong thông minh. Năng

nhẫn chịu thuộc trong kham nhẫn. Đặt an ổn nơi chỗ thiện đều thuộc chung 3 thứ. Thông minh là biểu thị lia ngu si. Năng kham nhẫn là biểu thị khác phạm phu. Ba thương yêu là biểu thị khác Nhị thừa. Chỉ Phật Thế Tôn có đủ 3 đức này, nên kham làm chân thiện tri thức cho chúng sinh. Ba điều phục tự thân tâm, là như chính giáo hành, khi nghe tâm tán loạn, tư duy thì tâm không khinh mạn, tu thì tâm không điên đảo. Nếu không tự điều phục thân tâm thì dù có ở với bạn lành cũng chẳng ích dụng gì. Bốn trông căn lành đời trước, là vì giải thoát phần tu thiện căn. Thiện căn, là tín, giới, vãng, xả, trí. Tín, là không lia chính niệm Tam Bảo. Giới là không lia con đường thiện. Vãng, là mình nghe pháp và khiến người nghe. Không khiến người nghe đảo lộn, không làm trở ngại người nghe. Nhân 4 nghe nên đời nay được nghe và tư duy tu hành v.v... có thể làm pháp khí. Ba tuệ đầy đủ. Xả, có 2: 1. Do xưa xả vật thí cho người nên nay giảm tôn tham ái. 2. Do xưa xả pháp thí cho người nên nay nhẹ nhàng diệt vô minh. Do cái xả này nên tham ái, vô minh đều nhẹ. Do nhân duyên ấy được quả giải thoát. Người trí, là người đời trước đã từng tư trạch Tam Bảo, Tứ đế cho nên đời này được thể chính kiến, cho đến tận trí và vô sinh trí. Người như vậy tuy đủ 3 luân, nếu không có thiện đời trước thì đời nay 5 căn không đầy đủ và sinh nơi có 8 nạn. Cho nên biết nếu không có thiện căn đời trước thì 3 luân trước chẳng có chỗ ích dụng. Tổng kết lại 4 nghĩa này ví như 4 bánh xe nếu thiếu 1 bánh thì không thành, tên giải thoát không do đâu được lập. Do 4 pháp này hòa hợp cho nên được đạo giải thoát, như bánh xe có thể vận chuyển. Đến khi giải thoát không có lại năng lực này. Như bánh xe của thánh vương có đủ 4 vật: đùm, vành, cãm, trục. Nếu không có 4 thứ này thì không thành bánh xe. Do nghĩa đó nên nếu chưa cùng 4 luân tương ưng thì khi đó quán chán lia sinh tử và quán công đức Niết-bàn đều không được thành. Cho nên trong kinh nói: Người Nhất-xiển-đề đọa vào tà định tụ, có 2 loại thân: 1. Bản tính pháp thân. 2. Tùy ý thân. Phật nhật tuệ quang chiếu 2 thân này. Pháp thân, tức lý chân như. Tùy ý thân,

tức từ như lý khởi Phật quang minh vì thương xót Xiển-đề. Hai thân, là: 1. Khiến pháp thân được sinh. 2. Khiến gia hành được tu hạnh Bồ-đề dài lâu. Cho nên quán được thành. Lại có kinh nói: Xiển-đề chúng sinh quyết không có tính Bát-niết-bàn. Nếu vậy 2 kinh lại tự mâu thuẫn nhau? Lãnh hội 2 thuyết này một liễu một bất liễu, cho nên không mâu thuẫn nhau. Nói hữu tính thì gọi là liễu thuyết, nói vô tính là bất liễu thuyết. Cho nên Phật nói nếu không tin lạc Đại thừa gọi là Nhất-xiển-đề. Muốn lìa bỏ tâm Nhất-xiển-đề nên nói khi làm Xiển-đề thì quyết không giải thoát. Nếu có chúng sinh có tự tính thanh tịnh tịnh, vĩnh viễn không được giải thoát là không có chuyện đó. Cho nên Phật quán tất cả chúng sinh có tự tính, sau quyết được pháp thân thanh tịnh. Cho nên kệ trong kinh nói:

*Người thông minh lần lượt,
Thường thường tế tế tu,
Trừ diệt thân cấu bẩn,
Như thợ vàng luyện vàng.*

Người thông minh lần lượt, nghĩa là nói rõ người này có hiểu không điên đảo năng tu như thứ lớp. Thường thường, nghĩa là không tạm thời xả bỏ, hằng tự nghiên cứu tìm cầu. Tế tế, nghĩa là từ vi tế tới hiển rõ. Như vẩn, tu, tu tuệ tu tập từ vi tế. Trừ diệt tự thân cấu bẩn, nghĩa là trừ vô minh các hoặc khinh trọng khiến thanh tịnh, bản tính mãi mãi hiển hiện, nên nói giống như thợ vàng luyện vàng loại trừ tạp chất được vàng ròng sáng chói.

HẾT QUYỂN 2

LUẬN PHẬT TÍNH

QUYỂN 3

Phẩm 5: TỔNG NHIẾP

Lại nữa, phải biết nghĩa của tổng nhiếp. Nhiếp có 2 thứ: 1. Do nhân. 2. Do quả. Do nhân nhiếp, nghĩa là Như Lai tính thanh tịnh có 4 thứ nhân, 3 thứ pháp, và 3 thí dụ tương tự, cho nên lấy biển làm thí dụ.

Ba pháp là: 1. Pháp thân thanh tịnh nhân. 2. Phật trí đức sinh nhân. 3. Phật ân đức nhân.

Pháp thân thanh tịnh nhân, nghĩa là tu tập tín lạc Đại thừa. Phật trí đức sinh nhân, nghĩa là tu tập Bát-nhã và thiền định. Ân đức nhân, nghĩa là tu tập Bồ-tát đại bi. Tu tập tín lạc Đại thừa tương tự với khí. Trong đây có vô lượng định tuệ, đại bảo sở đầy khắp, cho nên nói tương tự với khí. Tu tập Bát-nhã thiền định tương tự với bảo, là vì Bát-nhã không phân biệt, thiền định không thể tư duy, là chỗ y chỉ của công đức cho nên Bát-nhã như bảo vật thanh tịnh. Thiền định như bảo vật như ý. Tu tập Bồ-tát đại bi như nước trong sạch, đối với tất cả chúng sinh trong thế gian chỉ có một mùi vị nhuần hoạt. Ví như biển lớn chỉ có một vị mặn. Bồ-tát đại bi nhuần hoạt chúng sinh cũng như vậy. Cho nên 3 pháp này trong nhân địa làm sở y năng y, nên gọi là tổng nhiếp, nghĩa là gồm chung tất cả. Gọi biển pháp Như Lai là nhân nhiếp. Tiếp do quả nhiếp, là nói rõ pháp thân Như Lai có 3 thứ

pháp và 3 thí dụ tương tự nên có thể gồm chung 3 thí dụ. Tương tự, là như mặt trời có 3: 1. Thể. 2. Quang. 3. Minh. Ba cái này tương tự như 3 thân. Ba pháp là: 1. Thần thông. 2. Lưu diệt. 3. Hiện tịnh.

Một, thần thông là ví như mặt trời có ánh sáng có thể trừ chướng từ cảnh giới tối tăm của vô minh làm tác dụng, nên tương tự với sự chiếu sáng của mặt trời.

Hai, lưu diệt là tận vô sinh trí có thể đốt cháy nghiệp phiền não khiến không còn sót làm tác dụng nên tương tự với ánh sáng của mặt trời. Nói diệt có nghĩa là chân trí có thể trừ hoặc. Cho nên với diệt gọi là tận, tức là khi hoặc không còn nữa gọi là giải thoát, cho nên cũng gọi với tận.

Ba, hiện tịnh là tận vô sinh cảnh gọi là chuyển y, vì cực kỳ thanh tịnh, không cấu bẩn, trong trẻo yên lặng, tương tự với vàng mặt trời. Thanh tịnh là giải thoát chướng diệt. Không cấu bẩn là tất cả trí chướng diệt. Trong trẻo yên lặng là khách trần không thể nhiễm, vì bản tính thanh tịnh. Chuyển y là hơn cả pháp y chỉ của 3 hạng người Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát.

Lại có 4 thứ tướng: 1. Sinh y. 2. Diệt y. 3. Thiện thực tư lương quả. 4. Pháp giới thanh tịnh tướng.

Một, sinh y là tương tục y chỉ vô phân biệt đạo của Phật. Nếu không duyên pháp này, vô phân biệt đạo không sinh. Do y duyên đây nên gọi pháp này là đạo sinh y.

Hai, diệt y là tất cả các hoặc và tập khí rốt ráo diệt không sinh, không có chỗ y chỉ. Nếu không y theo pháp chuyển y này mà rốt ráo diệt hoặc thì sự diệt hoặc của Thanh Văn Độc Giác với Phật không khác. Do không đồng như nhau, nên biết pháp này là chỗ y chỉ của sự diệt hoặc rốt ráo.

Ba, thiện thực tư lương quả, nghĩa là khéo thông suốt đúng đắn, cung kính dài lâu, tu tập sở tri chân như, không gián đoạn không

thiếu sót, là chuyển y quả. Nếu trên đường tu tập, đó là nhân chuyển y. Nếu ở sau khi tu tập, thì gọi là quả. Nếu chuyển y không phải là quả của thiện thực tư lương, thì tự tính chư Phật phải thực tư lương lại, phải diệt lại, phải tịnh lại. Nhưng không phải như vậy, nên biết chuyển y là quả thiện thực tư lương.

Bốn, pháp giới thanh tịnh tướng, nghĩa là tất cả vọng tướng ở trong diệt hết, nên pháp giới này quá sức tư lương quá sức ngôn thuyết có thể hiển hiện, cho nên lấy pháp giới thanh tịnh làm tướng. Đây tức là tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, không thể giải thích làm rõ, mới là được lý chân như vô sở đắc.

Lại nữa, Như Lai chuyển y có 8 thứ pháp nhiếp trì. Tám pháp là: 1. Không thể tư duy lượng đặc. 2. Không hai. 3. Không phân biệt. 4. Thanh tịnh. 5. Chiếu rõ nhân. 6. Đối trị. 7. Lìa dục. 8. Lìa nhân của dục. Tám pháp này hợp lại có 2 ý: Một là lìa dục, tức diệt đế. Hai là lìa nhân của dục, tức đạo đế. Trước không thể tư duy lượng đặc v.v... 3 câu thuộc trong diệt đế. Tiếp đến thanh tịnh v.v... 3 câu thuộc trong đạo đế.

Trước tiên là lìa dục, có 3 câu:

Một là thế nào là không thể tư duy lượng đặc? Trong hữu vô v.v... 4 câu giác quán tư lương không thể thông đạt nên tất cả ngôn ngữ danh cú vị của chúng sinh không thể hiểu rõ. Chỉ có trí vô phân biệt của thánh nhân chứng biết, cho nên gọi là không thể tư lương.

Hai là không hai. Như trong kinh nói: “Xá-lợi-phất ! Pháp thân chư Phật là pháp không hai, là pháp không phân biệt.” Nói hai, là phiền não và nghiệp gọi là hai. Pháp thân Như Lai không có hai pháp này, nên gọi là không hai.

Ba là không phân biệt. Phân biệt chính là nghiệp phiền não, tập tư duy bất chính. Do tư duy bất chính nên khởi hai. Do thông đạt tự tính nên diệt hai. Đó là hai và phân biệt. Không tương ưng không

hành. Không tương ưng là thượng tâm phiền não không tương ưng cùng hành. Không hành là tùy miên phiền não không cùng tùy hành. Tức không tương ưng không hành hai xứ này. Cho nên nói pháp thân Như Lai khổ diệt cứu cánh, vĩnh viễn không sinh khởi. Vì sao như vậy? Không phải trừ diệt một pháp mà gọi là diệt. Vì bản lai không sinh nên gọi là diệt. Như trong Kinh Vô Thượng Y nói: “A-nan ! Trong pháp không sinh không diệt, tâm, ý và thức quyết định không sinh.”

Giải thích: Tâm, tức 6 thức tâm. Ý là thức A-đà-na. Thức là thức A-lê-da. Trong 3 cái này không được sinh. Trong đây nếu không 3 thức thì không phân biệt. Phân biệt đã không thì cũng không có bất chính tư duy v.v... Đã không có 3 thức thì không khởi vô minh được. Vì vậy pháp thân Như Lai lìa bất chính tư duy nên không khởi vô minh. Nếu không khởi vô minh thì 12 hữu phần không bị sinh duyên, nên gọi là bất sinh. Lại nữa Kinh Thắng Man nói: “Khổ diệt đó chẳng phải pháp diệt hoại, gọi là khổ diệt.” Hoại là phá kiến đế trong 3 cõi được Niết-bàn hữu dư. Diệt là trừ 4 thứ phiền não tư duy sinh tử, được Niết-bàn vô dư nên nói diệt. Hoại do khổ tên khổ diệt. Thời vô thủy chẳng phải tạo tác chẳng phải sinh không diệt lìa tận, thường trụ hằng tịch, tự tính trạm nhiên, thanh tịnh giải thoát. Tất cả phiền não công đức, quá Hằng sa số tương nhiếp chẳng tương ly, không lìa bỏ trí, không thể tư duy, cùng tương ưng với pháp Như Lai. Pháp thân Như Lai do chư Phật nói. Pháp thân Như Lai đó gọi là lìa dục.

Hai là nhân lìa dục là được pháp thân này là do kiến đế tu đạo. Do cảnh giới nên nói trí không phân biệt có 3 nghĩa tương tự với mặt trời. Vì vô lưu thanh tịnh tương tự với vàng mặt trời. Có thể chiếu rõ tất cả cảnh giới nên tương tự với sự chiếu sáng của mặt trời. Có thể trị tất cả tối tăm chướng ngại sự thấy rõ nên tương tự với ánh sáng mặt trời.

Giải thích: Tối tăm chướng ngại sự thấy rõ, nghĩa là đầy đủ tướng, phiền não nạn, nghiệp nạn, quả báo nạn. Cụ túc tướng, là lấy

tùy miên phiền não làm nhân, 5 trần dục làm duyên, bất chính tư duy làm nhân câu khởi. Đủ 3 thứ này nên gọi là cụ túc tướng, là tối tăm chướng ngại không thấy không biết như thật. Lia dục pháp thân một cõi nên liền được sinh khởi. Như thế nên thấy nên biết pháp thân Như Lai lia dục. Thế nào là thấy biết? Nghĩa là tư duy suy lường như thật, không thấy tướng và không thấy cảnh. Cảnh, là tính phân biệt. Tướng, là y tha. Không thấy 2 tính phân biệt y tha nên gọi là thấy biết một cõi chân thật. Lại nữa tướng là nhân, cảnh là pháp. Không thấy cảnh tướng nhân pháp này nên gọi là hai không. Như vậy tất cả các pháp Như Lai đều thấy đều biết do bình đẳng. Bình đẳng đã thông đạt như chân thật nên cảnh trí v.v... không tăng giảm, đó là bình đẳng quán. Pháp quán này có thể trừ cái tối tăm chướng ngại cái thấy chân thật, là nhân tự thân đến được pháp thân Như Lai, gồm trong kiến tu 2 đạo. Bởi nghĩa đó nhân lia dục này không tách rời 2 pháp môn tu mà được thành tựu. Hai pháp môn tu là: một là lý tu, hai là lượng tu. Cho nên thế gian chỉ biết có 2 thứ một là nhân hai là pháp. Nếu có thể thông đạt hai không này thì vĩnh viễn được như thật tế, nên gọi là như lý. Như lượng tế, là tận cùng nguồn đạt thấu tính, cứu xét tận cùng nguồn gốc pháp giới nên gọi là tế. Tu như lý thì không hoại nhân pháp. Bởi vì sao? Như nhân pháp này bản lai diệu cực vắng lặng là tính nên không tăng không giảm, lia có lia không. Tướng vắng lặng, là tự tính thanh tịnh, các hoặc xưa nay không sinh. Thấy được hai không này gọi là tướng vắng lặng. Tự tính thanh tịnh tâm, là đạo đế. Hoặc vốn không sinh, tịnh tâm không chấp, là diệt đế. Tâm có tự tính thanh tịnh và có phiền não hoặc chướng. Như 2 pháp này trong giới vô lưu, thiện tâm ác tâm riêng tự hiện hành. Ở trong một niệm 2 tâm không tương ưng, nên 2 pháp này khó có thể thông đạt. Như Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Thiện tâm niệm niệm diệt không trụ, các hoặc không thể nhiễm. Ác tâm niệm niệm diệt, các hoặc cũng không nhiễm. Thế Tôn ! Phiền não không xúc tâm, tâm không xúc phiền não. Sao không có pháp xúc mà có thể nhiễm tâm được? “ Biết

như vậy là trí như lý. Trí như lượng, là rốt ráo biết cùng tận tất cả cảnh, gọi là trí như lượng. Nếu thấy tất cả chúng sinh trái nghịch trí như cảnh thì thành sinh tử, nếu theo trí cảnh thì được Niết-bàn. Tất cả pháp của Như Lai do nghĩa này nên gọi là như lượng. Đến sơ địa Bồ-tát được 2 trí này do thông đạt lý biến mãn pháp giới, nên sinh tử Niết-bàn 2 pháp đều biết. Lại nữa 2 trí này là tự chứng trí kiến, do tự mình được hiểu rõ không được từ người khác. Vì chỉ tự được chứng tri không làm cho người khác biết được, nên gọi là tự chứng tri kiến. Lại nữa 2 trí này có 2 thứ tướng: một là vô trước, hai là vô ngại. Nói vô trước, là thấy chúng sinh giới tự tính thanh tịnh, gọi là vô trước, đó là tướng của trí như lý. Vô ngại, là có thể thông đạt quán vô lượng vô biên giới, cho nên gọi là vô ngại, đó là tướng của trí như lượng. Lại nữa 2 trí này có 2 nghĩa, trí như lý là nhân, trí như lượng là quả. Nói như lý là nhân, là có thể làm nhân sinh tử và Niết-bàn. Như lượng là quả, là do lý này nên biết thành tựu đầy đủ trong các pháp chân tục của Như Lai. Lại nữa trí như lý là nhân thanh tịnh. Trí như lượng là nhân viên mãn. Nhân thanh tịnh là do trí như lý, 3 hoặc diệt tận. Nhân viên mãn là do trí như lượng, 3 đức viên mãn. Không thể nghĩ bàn, không hai, không phân biệt 3 cái trước là lia dục. Thanh tịnh, chiếu rõ, đối trị, 3 cái là lia dục nhân. Đó gọi là 8 thứ công đức chuyển y nhiếp trì của Như Lai.

Lại nữa, pháp thân chuyển y có 7 tên: 1. Chìm mất, vì chìm mất thủ ấm. 2. Vắng lặng, vì các hành không sinh. 3. Lia bỏ, vì lia bỏ các trợ bạn khác. 4. Quá độ, vì ra khỏi 2 khổ. 5. Nhỏ bỏ, vì nhỏ bỏ bản thức. 6. Tế độ, là tế độ 5 sự sợ hãi. 7. Cắt đứt, là cắt đứt khổ báo trong 6 đường.

Giải thích: Nói thủ ấm chìm mất, nghĩa là thủ gọi là tham ái, có 4 thứ: 1. Dục 2. Kiến thủ 3. Giới thủ 4. Ngã ngữ thủ.

Thủ có 2 nghĩa, một là thụ thủ hai là thụ tư lương. Thụ thủ là như nhân thụ sinh ái. Thụ tư lương là vì tham thụ này nên lấy 4 thứ

tư lương. Bốn tư lương tức là 4 thủ: Một là dục thủ, là tham 6 trần của cõi Dục. Hai là kiến thủ, là trong cõi Dục chỉ trừ giới thủ với thường kiến 2 thứ còn lại 4 kiến, gọi là kiến. Tham ái kiến này gọi là kiến thủ. Ba là giới thủ, là trong 3 cõi lấy thế gian tà chính 2 đạo làm lìa khổ được vui, gọi là giới. Tham trước giới này nên gọi là thủ. Bốn là ngã ngữ thủ. Ngã ngữ là duyên nội thân, nên tất cả nội pháp là ngã ngữ. Tham trước nội pháp, gọi là ngã ngữ thủ. Sắc giới và Sắc giới định duyên nội pháp thành, nên gọi là ngã ngữ. Tham trước định này gọi là thủ. Bốn thủ này trước 2 thuộc đoạn kiến, chỉ chấp hiện tại cho rằng không có vị lai, sau 2 thuộc thường kiến vì chấp có vị lai. Lại nữa trước 2, là người tại gia khởi, sau 2 là người xuất gia chấp. Lại nữa trước 2 là nhân đấu tranh của tại gia xuất gia, sau 2 là nhân tu hành của tại gia xuất gia. Lại nữa trước 2, dục thủ là sở thành, kiến thủ là năng thành, sau 2, ngã ngữ là năng thành, giới thủ là sở thành. Lại nữa, tiếp đến ám có nhiều nghĩa có giải thích riêng. Nay lược nói rõ 2 nghĩa: Một là có khả năng sinh thủ. Năm ám của phàm phu có thể làm nhân duyên của thủ. Hai là từ thủ sinh, tức 5 ám này là quả thủ của chính chúng, nên nói là thủ ám. Nhưng nói là chìm mất, nghĩa là trong pháp thân nhân quả đều không, nên gọi là chìm mất. Thủ vì đối trị nên chìm, ám vì báo hết nên gọi là mất. Cho nên nói pháp thân là ước theo thủ ám vĩnh viễn không còn, đó là chìm mất.

Hai là các hành vắng lặng, nghĩa là tất cả pháp hữu vi gọi là hành vì tương ưng với 4 tướng. Bốn tướng là sinh, dị, trụ và diệt. Tất cả pháp hữu vi đại loại thời gian trước tương ưng với tướng sinh, thời gian sau tương ưng với tướng diệt, thời gian giữa tương ưng với tướng dị và trụ. Việc hiện hành không dứt nên gọi là hành. Pháp thân Như Lai thì không như vậy, trước không sinh sau không diệt khoảng giữa không bệnh, lão, trạm nhiên thường trụ. Không sinh nên nói tịch, không diệt nên nói tĩnh. Ước theo trước không sinh lại, vì lìa ý sinh thân. Ước theo sau không chết nữa, vì đã qua sự không thể tư

duy thoái đọa. Ước trước sau không bị tổn ô uế, vì quá vô minh trụ địa phiền não bệnh.

Ba là lia bỏ các tàn dư. Các tàn dư là người Nhị thừa có 3 cái tàn dư: 1. Phiền não tàn dư, tức là vô minh trụ địa. 2. Nghiệp tàn dư, tức vô lậu nghiệp. 3. Quả báo tàn dư, tức ý sinh thân. Một, phiền não tàn dư phải diệt. Hai, đạo tàn dư phải tu. Ba, hư vọng tàn dư phải trừ. Như Lai đã lia hư vọng nên nói là vô dư. Nhị thừa chưa lia nên gọi là hữu dư. Như Lai chuyển y pháp thân đã qua khỏi 4 thứ sinh tử nên tất cả phiền não hư vọng đã diệt hết, tất cả đạo đã tu, bỏ sinh tử xả đạo đế, nên 2 cái này không 4 đức, duy chỉ pháp thân riêng trụ 4 đức viên mãn. Đó gọi là lia bỏ các tàn dư.

Bốn là quá độ 2 khổ. Khổ là nghĩa trái nghịch. Nghịch có 2, một là trái ý thánh nhân, là thánh nhân oán vì não hại thánh. Hai là trái nghịch thánh ý vì thánh có thể trừ nó. Hai khổ là: Một là phàm phu khổ lạc 2 thụ. Hai là thánh nhân hành khổ, tức xả thụ. Lại nữa 2 là một thân khổ, hai tâm khổ. Lại nữa 2 là một danh khổ, hai sắc khổ. Lại nữa 2 là một Nhị thừa giới nội khổ, hai là Bồ-tát giới ngoại khổ. Cho nên trong pháp thân địa không có Nhị thừa thô khổ cho nên gọi là quá, không có 4 thứ tế khổ sinh tử của Bồ-tát nên gọi là độ. Đó là quá độ 2 khổ.

Năm là nhổ bỏ A-lê-da. A-lê-da là dựa vào ẩn làm nghĩa, là gốc của sinh tử, có thể sinh ra 4 thứ nhánh nhóc. Bốn nhánh nhóc đó là: Phiền não có 2, nghiệp 1, quả báo 1. Trước tiên phiền não gốc có 2: Một là tất cả các kiến, lấy vô minh làm gốc, vô tướng giải thoát môn làm đối trị. Hai là lia các kiến ra tất cả các phiền não, lấy tham ái làm gốc, vô nguyện giải thoát môn làm đối trị đạo. Tiếp đến nghiệp gốc 1, là lấy phàm phu tính làm gốc. Phàm phu tính là tức thân kiến. Tiếp đến quả báo gốc 1, là tất cả quả báo sinh tử dựa vào thức A-lê-da làm gốc, bởi chưa lia thức này thì quả báo chưa dứt. Trong pháp thân do 2 đạo nên 2 đời diệt hết, cho nên gọi là nhổ bỏ. Nói 2 đạo là: Một

là vô phân biệt trí, có thể nhỏ bỏ hư vọng hiện tại, có thể thanh tịnh pháp thân, tức gọi là tận trí. Hai là vô phân biệt hậu trí có thể khiến hư vọng vị lai vĩnh viễn không khởi được. Viên mãn pháp thân, tức vô sinh trí. Nhỏ, là thanh tịnh diệt hoặc hiện tại. Bỏ, là viên mãn đoạn dứt hoặc vị lai.. Cho nên gọi là nhỏ bỏ.

Sáu là cứu tế 5 sự sợ hãi. Năm sợ hãi là: 1. Sợ tự trách. 2. Sợ người trách. 3. Sợ trị phạt. 4. Sợ ác đạo. 5. Sợ các tập. Một, sợ tự trách là như người làm các tội ác, ngày đêm sợ hãi. Hai, sợ người trách là đã tự làm ác thường sợ người khác và các thiên thần vô hình thấy mà ôm sợ sợ hãi. Ba, sợ trị phạt là thân đã làm ác thường sợ luật pháp trị tội. Bốn, sợ ác đạo là đã có tội nên sợ sinh vào ác đạo. Năm, sợ chúng tập là 3 nghiệp bất tịnh với sự hiểu biết không sâu, hằng sợ hãi các đức. Nếu người đã chứng thấy pháp thân thì lìa 5 sự sợ hãi này. Cho nên nói pháp thân là tế độ 5 sợ hãi.

Bảy là cắt đứt quả báo 6 đường. Đường có nhiều nghĩa, lược nói 2 thứ: Một là hành xứ gọi là con đường. Năm âm là sở hành xứ. Ba đời là năng hành. Lại lấy nơi 4 khổ sinh lão bệnh tử đạo qua nên gọi là con đường. Hai là 6 thứ giống nhau khác nhau gọi là con đường, như người giống người khác, đối với 5 con đường khác cũng vậy là loại giống loại khác. Sao gọi là con đường? Có 2, một là nơi chúng sinh luân chuyển, hai là nơi nghiệp đi tới. Lấy 2 nghĩa này đặt tên là con đường. Pháp thân Như Lai thì không có con đường này. Nếu hữu dư Niết-bàn nghiệp hết quả luân chuyển của chúng sinh chưa hết. Vô dư Niết-bàn thì nhân quả 2 thứ đều hết cho nên gọi là đoạn diệt 6 đường. Nếu có nơi nói pháp thân Như Lai thì biết tương ứng với 7 tên này. Nói thế là đủ. Lại nữa nói tướng của pháp thân, là các khổ tĩnh dứt là tướng của pháp thân vì tĩnh khổ duyên. Lại nữa nói mùi vị của pháp thân thì mùi vị có 2, một là không thoái đạo nên gọi là vị, hai là an lạc nên gọi là vị. Chúng sinh ở trong sinh tử, cho đến trong mơ đều chưa từng thấy. Nếu

người tu chính hạnh cầu thấy pháp này, khi thấy được tức được an lạc không thoái lui, lấy an lạc làm vị. Lại nói sự của pháp thân, sự là lấy vô tướng làm sự vì trong đó tướng 5 âm đều hết không còn sót. Lại lấy không hý luận làm sự. Hý luận có 3 là tham ái, ngã mạn và các kiến. Vì 3 hý luận này Như Lai đã diệt hết, nên lấy không hý luận làm sự. Hý luận có 3 nghĩa: 1. Hay trái chướng thật lý. 2. Luống dối thế gian. 3. Chướng cách giải thoát. Trước tiên trái chính cảnh. Tiếp nghịch chính hạnh. Sau là trái chính đắc. Hợp 3 nghĩa này là hý luận. Lại hý luận có 9 thứ: 1. Chấp chung là ngã. 2. Đích thị chấp là ngã. 3. Chấp ngã tái sinh. 4. Chấp ngã không tái sinh. 5. Chấp ngã hữu sắc phải sinh. 6. Chấp ngã vô sắc phải sinh. 7. Chấp ngã hữu tướng phải sinh. 8. Chấp ngã vô tướng phải sinh. 9. Chấp ngã phi tướng phi phi tướng phải sinh.

Một, chấp chung là ngã, nghĩa là trong 5 âm chấp chung là có ngã mà không phân biệt tức và ly, chỉ chấp một cách mơ hồ.

Hai, là ngã, nghĩa là trong 5 âm của đời này tùy lấy 1 âm chấp làm ngã. Nói là, nghĩa là đích thị. Định là 2 chỗ: một định ở trong đời hiện tại, hai, định chấp nơi 1 âm. Cho nên nói đích thị là

Ba, chấp ngã tái sinh, nghĩa là tất cả kiến chấp không ra ngoài 2 thứ hữu vô. Do hữu kiến nên chấp thường. Trong vô kiến lại có 2 thứ: 1. Tà kiến, là tất cả không nhân không quả và bác bỏ 3 đời. 2. Đoạn kiến, là cho rằng chỉ có hiện tại, không tin có vị lai.

Bốn, chấp ngã không tái sinh, nghĩa là chấp này nhân đoạn kiến khởi.

Năm, chấp ngã hữu sắc phải sinh, nghĩa là trong Dục giới và Sắc giới lấy sắc làm ngã. Chấp này nhân thường kiến khởi.

Sáu, chấp ngã vô sắc phải sinh, nghĩa là trong Vô sắc giới chấp thụ tâm pháp làm ngã quán sắc hoại diệt. Ba pháp này bắt diệt nhân thường kiến khởi.

Bảy, chấp ngã hữu tướng phải sinh, nghĩa là trong 3 cõi trừ trời vô tướng và phi tướng, ngoài ra các xứ khác đều chấp hữu tướng làm ngã, nhân thường kiến khởi.

Tám, chấp ngã vô tướng phải sinh, nghĩa là chấp trời vô tướng và cỏ cây v.v... là ngã, bởi đồng với vô tướng tâm, nên do nhân thường kiến khởi.

Chín, chấp ngã phi tướng phi phi tướng phải sinh, nghĩa là chấp này cho rằng hữu đỉnh xứ là ngã, lấy quán tướng là trói buộc, chấp Niết-bàn là hàm hồ sâu, nếu không trừ tướng không làm sao giải thoát vì có sự trói buộc. Nếu trừ bỏ tướng lại sợ mất ngã rơi vào hồ sâu Niết-bàn. Bởi vì sao? Vì tướng với ngã không được tách rời nhau. Cho nên không được bỏ với không bỏ. Vì trói buộc nên muốn trừ tướng, gọi là phi tướng. Sợ mất ngã nên không dám bỏ hẳn, mới gọi phi phi tướng. Do tâm tán loạn này nên không được Niết-bàn. Nói những tên gọi như vậy là hý luận. Nếu có thể quán chứng pháp thân, tất cả hý luận đều không sinh nữa.

Ngoại nói: Trong pháp thân cần gì lập các nghĩa của tướng này? Như chỗ ông lập pháp thân phải quyết định là không, vì không thể chấp. Nếu vật không phải do 6 thức được thì quyết định là không, như sừng con thỏ. Sừng thỏ không phải do 6 thức mà được, nên chắc chắn là không. Pháp thân cũng vậy. Cho nên pháp thân quyết định là không. Còn dùng nghĩa làm gì?

Đáp: Ông nói không phải do 6 thức thấy được, nên pháp thân là không có, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì do phương tiện có thể chứng Niết-bàn. Tương xứng với chính hạnh là phương tiện. Do phương tiện này cho nên pháp thân có thể biết có thể thấy. Ví như do tha tâm thông có thể thấy được xuất thế thánh tâm.

Giải thích: Tha tâm thông, nghĩa là có 3 thứ nhân duyên được 2 là phương tiện. Một là chính đạo phương tiện. Hai là một nhân

thiên nhĩ, hai do thiên nhãn. Nhân thiên nhĩ nên nghe giác quán tiếng nói, do tiếng nói này nên được biết tâm người khác. Dựa vào thiên nhãn có thể thấy các lỗ trong quả tim có nước, tướng của nước đó nếu đen thì biết là si, sinh vàng biết là tham, đỏ thì biết là sân, thanh bạch thì biết là thiện, thấy xanh nhạt biết là vô ký. Nhân nơi mắt tai làm phương tiện nên so sánh biết tâm người khác. Tiếp đến, chính đạo nghĩa là muốn được tha tâm thông phải duyên tự tâm, trước tu quán hạnh. Không dùng tâm hiện tại quán tâm hiện thế. Tự thể không được thấy nhất thời. Cho nên dùng tâm hiện tại có thể quán tâm quá khứ. Bởi vì sao? Vì có thể truy duyên từ xa đến gần, lần lượt hướng ra sau. Ban đầu thì quán vô lượng niệm. Như vậy dần dần đến một sát-na, cho đến diệt một sát-na ở trong quán tự tâm mà được tự tại. Nhiên hậu lấy tâm của người đối diện làm cảnh giới của mình để tu quán hạnh. Trước tiên lúc mới nhập quán, phải có tâm nguyện khởi ý thời kỳ cần thiết. Trước phải giả tưởng quán người đối diện thân tướng đầy đủ. Như vậy mô xẻ trừ bỏ da thịt xương 3 tướng đều hết chỉ còn lại tâm, tu tập thật tinh vi kỹ lưỡng, duyên tâm người đối diện, tùy theo lợi động, xa gần, xa xúc, tự có thể thấy suốt. Như chỗ sở duyên đó ta đều có thể thấy các thứ tâm, nên như tha thánh tâm. Tuy quá cảnh của 6 căn cũng có thể thấy được. Pháp thân Như Lai cũng như vậy. Tuy chẳng phải 6 thức thấy, mà do phương tiện chính hạnh có thể thấy. Cho nên biết là có không thể đồng với không. Lại nữa còn có nghĩa khác, biết được pháp thân không phải không có. Bởi vì sao? Nếu pháp thân là không, thì các chính hạnh đều phải không, phải mất. Bởi vì chính kiến là hạnh trước tiên gồm giới định tuệ các thiện pháp. Cho nên chỗ tu hành không thể không có quả. Do đó chính hạnh này có thể được quả. Cho nên biết pháp thân chẳng phải không. Nếu ông nói pháp thân nhất định là không, mà chính hạnh có thể khiến đến 5 ấm nhập v.v...diệt hết, cho nên biết rằng chính hạnh chẳng phải không quả, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì Niết-bàn chẳng có. Nếu

5 âm v.v.... là không tức là Niết-bàn, thì quá khứ vị lai 2 đời đều không có âm phải là Niết-bàn, mà âm của 2 đời này là không có chỗ. Đã chẳng phải Niết-bàn nên biết là không thủ. Chỗ không có âm gọi là Niết-bàn. Lại nữa nếu ông lấy đây làm Niết-bàn thì người cuồng say v.v... phải có Niết-bàn, nhưng mà không, cho nên biết chỗ không có âm, chẳng phải Niết-bàn. Lại nếu ông nói hiện thể 5 âm không, tức là Niết-bàn, thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì không là không. Nếu pháp hiện tại thì chẳng phải là không, vì mâu thuẫn lẫn nhau. Nếu pháp đã diệt thì chẳng phải hiện tại, nếu hiện tại thì không diệt, vì cái có và không không được song song cùng tồn tại.

Lại nữa, y vào âm hiện tại, khi tu thánh đạo phải không được Niết-bàn. Cho nên 8 thánh đạo y 5 âm hiện tại được thành, là khi ấy 5 âm hiện thể thật có, chưa không. Trong đó vĩnh viễn không được nghĩa Niết-bàn. Thế là thế nào? Ông chấp cho rằng hiện thể 5 âm không có chỗ gọi là Niết-bàn. Y vào hiện 5 âm tu 8 chính đạo được Niết-bàn,

cho nên ông chấp hiện thể 5 âm không, gọi là Niết-bàn, nghĩa đó không đúng. Nếu ông nói rằng khi ấy phiền não chẳng phải hiện tại cho nên không có lỗi, thế cũng không đúng. Nếu ông nói khi tu 8 thánh đạo, 5 âm hiện tại, thì các phiền não chẳng phải là hiện thể, vì khi ấy phiền não không sinh được, cho nên do 8 thánh đạo được chứng đắc kiến. Cho nên hiện thể được Niết-bàn, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Phiền não trước tiên chẳng phải hiện thể, nên tu đạo là vô dụng. Khi tu thánh đạo các phiền não đó chưa trừ diệt, nên ông thấy chẳng phải tương ưng, liền bảo là chẳng phải hiện thể. Nếu theo nghịch lưu, khi mới tu hành, phiền não đã không tương ưng. Cái không tương ưng này là chẳng phải hiện thể. Đây tức là cái ông chấp cho là Niết-bàn. Nếu ông chấp đây là Niết-bàn thì khi thánh đạo chưa khởi đã phải diệt hoặc, vì đã được Niết-bàn, cho

nên sau tu thánh đạo thì lại vô dụng. Tám thánh đạo này có thể diệt các hoặc và được Niết-bàn là không có nghĩa. Cho nên biết rằng cái nơi phiền não diệt không gọi là Niết-bàn. Nếu ông nói do thánh nói cho nên diệt hết tất cả dục là Niết-bàn, như Kinh Cát Tường có kệ nói:

*Diệt hết và lìa dục,
Không chết đọa vi diệu.
Nếu người thấy kinh này,
Thành Phật được tịch diệt.
Không pháp cùng với đây,
Nếu chúng thì không lo.
Là chân diệu pháp bảo,
Do nghĩa cát tường này.*

Nếu ông nói dục v.v... các hoặc chẳng phải hiện thế, chẳng phải hữu tức là hết, do 3 nghĩa này gọi là diệt để thì nghĩa không phải vậy. Bởi vì sao? Vì quả thứ tư đồng với nghĩa này. Trong kinh Phật nói: “Thế nào là quả A-la-hán? Do hết hoặc trong 3 cõi là quả La-hán.” Chỉ lấy sự diệt dục v.v... làm quả thì quả này không đúng như vậy. Chính vì quả báo xuất thế, 4 ấm, giới v.v... 5 thân là quả A-la-hán. Chỉ do hoặc này diệt mà được thành quả La-hán. Cho nên trong quả nói tên nhân này. Niết-bàn cũng vậy. Do Niết-bàn nên các hoặc được diệt. Cho nên trong nhân nói tên quả. Cho nên ông nói do 8 thánh đạo có thể được Niết-bàn đạo bất không, nghĩa đó không phải vậy. Lại nữa, thời gian pháp thân trụ ngắn sát, pháp tướng hữu vi, phi công dụng được, là 3 lầm lỗi, nghĩa của ông hỏng. Nếu ông nói dục v.v... các hoặc diệt gọi là pháp thân thì trong chỗ lập nghĩa của ông có 3 lỗi: 1. Thời gian trụ ngắn sát. Ngắn sát nghĩa là các pháp niệm niệm không dừng trụ, gọi là diệt tận. Vì diệt tận nên không tạm dừng. Ông làm sao lập đây là nghĩa diệt tận? Là pháp thân ư? Vì thời gian ngắn sát cho nên mất cái nghĩa thường của

pháp thân. 2. Lỗi lầm về pháp tướng hữu vi, là nếu cái diệt tận này là pháp thân, thì pháp thân là pháp tướng hữu vi. Pháp thân nếu là pháp tướng hữu vi là không có chuyện đó. 3. Lỗi về phi công dụng, là tất cả các pháp dựa vào nhân duyên mà diệt là tự tính. Bởi vì sao? Vì diệt là gốc, cho nên nếu diệt mà phi công dụng được, thì pháp thân cũng không nhân nơi công dụng mà được. Đã không công mà được thì những kẻ ngủ mê, cuồng say cũng đều phải được Niết-bàn. Do 3 lỗi này nên nghĩa của ông bất thành. Lại nữa nếu diệt tận là Niết-bàn thì tương ưng với pháp hữu vi, bởi diệt cũng đồng với 2 pháp động khổ. Các pháp hữu vi đều bị dục v.v... các lửa hoặc thiêu đốt, cho nên hằng tán động không dừng trụ, tức bị sinh, lão, tử v.v... hủy hoại nên hằng khổ. Như Phật nói: Tì-khuru ! Sinh lão tử v.v... là pháp hữu vi. “ Cho nên tất cả hữu vi là hằng thiêu đốt hằng khổ, là chết tức là diệt tận. Cái diệt tận này là hữu vi. Nếu là hữu vi cho nên biết ông lập pháp thân không được là thường. Đã là chẳng phải thường thì nghĩa của ông làm sao lập? Bởi vì sao? Là nghĩa của ông chấp cái vô cùng tĩnh làm động, vô cùng lạc làm khổ, cho nên không phải như vậy. Nếu ông nói từ một cái diệt này vĩnh viễn không sinh trở lại, đó là Niết-bàn, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì không rời khỏi các lỗi trước. Cái vĩnh diệt ông nói không khác cái diệt của sống và chết, cho nên nghĩa không thể được. Nếu ông nói vĩnh diệt là Niết-bàn, thì đạo cũng phải thành Niết-bàn. Bởi vì sao? Không có một cái diệt nào vĩnh viễn không sinh lại. Không có pháp như thế. Nay tôi theo ý ông nói nguyện của tôi có cái diệt này. Nếu có cái diệt này thì hoàn toàn không thể lìa các lỗi trước. Lại đạo sau khi diệt, phiền não cũng không sinh lại. Nếu bảo vĩnh diệt là Niết-bàn thì lấy diệt phải là Niết-bàn. Lại nữa nếu ông nói năng diệt là Niết-bàn thì không có cái Niết-bàn khác để làm năng diệt, chỉ lấy đạo dụng chính là năng diệt. Cho nên biết đạo thể mới có thể làm diệt. Nếu ông nói phiền não không sinh là Niết-bàn thì nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì không khỏi 2 lỗi. Nếu phiền

não không sinh, tức đồng thể với diệt tận như tử diệt ở trước v.v... 5 lỗi. Cái không sinh đó là ở trước đạo hay sau đạo? Nếu ở trước đạo, có nghĩa là khi chưa tu đạo đã phải được rồi, còn tu đạo làm chi? Nếu sau đạo, tức thuộc vị lai. Quá nghĩa 3 đời thì không thành lập. Lại ông lập không sinh, nghĩa ấy như thế nào? Là có hoặc nên không sinh hay không có hoặc nên không sinh? Nếu có phiền não thì không có không sinh. Bởi vì sao? Hai pháp có không, được đồng thời hiện hữu. Ví một như người khi đi thì không đứng, khi đứng thì không đi. Vì 2 pháp mâu thuẫn nhau không thể vừa đi vừa đứng. Cho nên biết khi có phiền não thì không lập được vì không sinh. Nếu không phiền não lập không sinh, bấy giờ phiền não đã không thì lấy cái gì mà nói không sinh? Ví như người ta nói người con gái thạch nữ không thể sinh con. Lại nữa ông lập phiền não không sinh, đó là có vật hay không có vật? Có vật, là như 4 đại v.v... có thật pháp, có giả danh gọi là có vật. Không có vật, là như hoa đóm giữa hư không, sừng con thỏ v.v... hoàn toàn tự nó không có, nên nói không có vật. Nếu nói là có vật, thì do 4 duyên tạo thành. Bốn duyên tạo thành nên nghĩa không sinh không lập. Do nghĩa này thì hữu vi vô vi là không khác nhau. Nếu ông nói vật có, không, là do 4 duyên tạo thành tức đồng với tà kiến ngoại đạo chấp tự tính lân hư, ngã, thời, phương v.v... Nếu không có vật, là Niết-bàn thì chỉ là danh tự, như người ta nói sừng con thỏ nhọn. Nếu vậy tức đồng với chỗ phá chấp ở trước, là tu đạo vô dụng.

Ngoại nói: Nếu không lấy không sinh làm Niết-bàn, sao Phật nói hết cái không sinh diệt là Niết-bàn, đó sao?

Đáp: Đạo y vào Niết-bàn có thể khiến phiền não vị lai không sinh. Hiện tại là trong diệt nhân nói quả, nên gọi Niết-bàn là hết cái không sinh diệt.

Ngoại nói: Vì sao quả nói tên nhân mà không lấy thẳng thể của quả tự gọi tên?

Đáp: Vì cực kỳ vi tế. Trong tất cả pháp không có pháp tinh tế vi diệu như Niết-bàn. Cho nên được pháp này tất cả dục v.v... các hoặc diệt không sinh lại. Nên mượn cái tên thô này làm rõ cái lý vi tế. Lý tướng có thể biết, cho nên trong kinh này nói như vậy.

Hỏi: Làm sao biết Niết-bàn này là cực kỳ vi tế?

Đáp: Đại tiên không muốn thuyết pháp, vì thánh trí vô phân biệt biết được. Đại sư quán Niết-bàn cực kỳ vi tế, quán căn tính chúng sinh không tương xứng, cho nên tâm Phật hồi hướng về tịch diệt nhập Niết-bàn không muốn thuyết pháp. Cho nên kinh nói: “ Ta thà không thuyết pháp mau nhập Niết-bàn vậy.” Thánh trí vô phân biệt biết được, là như Kinh Ma-kiền-trì nói: “ Thế Tôn ! Nếu Niết-bàn là có, thì tôi nay tự có thông minh lợi trí, sao không thấy? Phật nói: Niết-bàn thật có. Nay ông chưa được thánh trí vô phân biệt nên không thấy được vì nó vi tế, không phải do văn tuệ mà được vì nó chân thật, không phải do tư tuệ được, vì tư tuệ có thể thông đạt cả hai chân đế và tục đế, không khắp giáp được cõi diệu lý vô tư vì rất sâu, không phải thế gian tu tuệ mà được, tu tuệ chỉ được lý cạn chưa thể thông đạt lý sâu. Do sự vi tế này mà ngôn ngữ không thể nói được, vì vậy mượn thô danh để làm rõ diệu lý. Do thánh trí vô phân biệt thấy được, nên nói vi tế được thành.

Ngoại nói: Nếu Niết-bàn là do tu đạo mà được thì với người chưa thể tu đạo là không được tương ưng. Đã không tương ưng nên không chung. Nếu không chung tức là vô thường.

Đáp: Nếu từ trở về trước là không, trở về sau là có, thì có thể nói là vô thường. Vì không có nghĩa này nên trước không có, nói là vô sinh. Nếu ông nói khi chưa tu đạo không thể được nên không vô sinh là không phải nghĩa như vậy. Bởi vì sao? Vì chẳng phải do đạo sinh ra. Pháp này là quyết phải nhân nơi đạo mà đến được chứ chẳng phải đạo có thể sinh ra. Cho nên khi chưa tu, không được nói là

không có. Thế đó là lập nghĩa của vô sinh. Không có sau, nên không có diệt, trung gian không nghiệp phiền não nên không biến đổi. Do không có 3 lỗi sinh ra, biến đổi khác, diệt mất nên nói là thường trụ, không giống như ngoại đạo lấy sự không có nhân cũng gọi là thường trụ. Nghĩa đúng là không lấy nhân làm pháp thường trụ. Như Niết-bàn không do nhân mà có. Ông bảo lân hư v.v... cũng không do nhân nên là có, là không có nghĩa như vậy. Bởi vì sao? Niết-bàn lia có lia không, 4 pháp chống báng cũng không kịp được, vì không do nhân duyên nên được cái thường ấy. Ông chấp lân hư đã có, có nên không được không nhân, mà là có nhân tức vô thường rồi. Nếu ông nói Niết-bàn không có 3 lỗi nên thường trụ, thì lân hư v.v... cũng không 3 lỗi nên thường trụ, nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì sự chứng nghĩa tướng của ông không thành tựu. Niết-bàn thường trụ không đồng tướng khác tướng với lân hư. Lân hư v.v... là có phân biệt, không có chứng nghĩa được thành. Niết-bàn là không phân biệt nên Niết-bàn thường trụ. Lân hư v.v... thường trụ là lập không được. Lại nữa lân hư v.v... cũng không thành tựu. Bởi vì sao? Bởi không độc lập thành một nhóm được, nên không thành nghĩa độc lập, vì 4 đại không tách rời nhau. Nếu tụ nhóm cũng không thành tựu, vì tướng thô nên cũng chẳng phải là lân hư trần. Nếu tách rời Niết-bàn thì không có một pháp, vì là thường trụ. Bởi Niết-bàn là thật có, thường trụ, y phương tiện được giải thoát. Cho nên tu đạo chẳng phải luống qua một cách vô bổ, vì có Niết-bàn. Tiền tế v.v... vì không, nên biết thường trụ. Vượt quá tướng các sắc nên nói phi sắc, không lia các sắc tướng thanh lương nên nói phi phi sắc. Đại công dụng, trí vô phân biệt đạt được nên nói thật có nhân xuất thế. Đại tinh tiến là con đường thành tựu Phật đạt được nên biết thật có. Như trong kinh nói: “Tì-khuru ! Pháp này là thật có, không sinh, không khởi, không tạo, không tác.” Cho nên biết Niết-bàn thật tướng trụ. Pháp này là Như Lai chuyển y cho nên gọi tên là tổng nhiếp, cũng gọi là tương ưng.

Phẩm 6: PHÂN BIỆT

Lại nữa phải biết nghĩa của tướng phân biệt. Phân biệt là tính Như Lai rõ biết tất cả pháp như như thanh tịnh. Đó là thông tướng. Như trong các Kinh Bát-nhã có nói tất cả pháp là pháp 3 tính. Như như, là tục như tức chân như, chân như tức tục như, chân tục 2 như, không khác biệt. Thanh tịnh, có 2 thứ: Một là trong nhân như như, chưa được vô cấu quả địa như như, không cấu uế nữa. Hai là nhân quả đều tịnh. Trong nhân là thanh tịnh vô nhiễm vì đến quả là thanh tịnh vô cấu. Các nghĩa như thế là thông tướng của Phật tính. Để hiển thị nghĩa này, Phật nói các Kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Phật tính đó, phân biệt chúng sinh tự có 3 thứ: Một là không chứng kiến Phật tính, gọi là phàm phu. Hai là có thể chứng kiến Phật tính, gọi là thánh nhân. Ba là chứng đến lý này rốt ráo thanh tịnh, gọi là Như Lai. Lại nữa, theo Phật tính này chúng sinh có 3 sự dụng: Một là điên đảo làm sự dụng. Hai là không điên đảo làm sự dụng. Ba là không điên đảo không tán loạn, có pháp riêng làm chính sự dụng. Điên đảo, là tất cả phàm phu. Không điên đảo, là tất cả hữu học thành nhân. Không điên đảo tán loạn, là đạo hậu pháp thân. Có pháp riêng làm chính sự là ứng hóa 2 thân để hóa độ chúng sinh do sức bản nguyên đại bi. Nói điên đảo, nghĩa là tất cả phàm phu có 3 điên đảo là tướng, kiến và tâm, tức so sánh 3 phiền não như ở ngoài da, trong thịt và trong lòng. Hai là không điên đảo, là không hoặc không hành 2 thứ điên đảo, tức tất cả Bồ-tát hữu học thánh nhân. Mê hoặc điên đảo, là trái nghịch chân như nên khởi tất cả phiền não, gọi là hoặc đảo. Hành đảo, là người Nhị thừa phải tu thường v.v... 4 đức, ngược lại 4 điên đảo hành Bồ-đề đạo mà nay không tu, chỉ tu vô thường, khổ v.v... làm nhân giải thoát nên gọi là hành đảo. Đây là làm rõ không nghiêng về tu hạnh Tiểu thừa. Là 2 điên đảo này nên nói Đại thừa hữu học thánh nhân. Ba là không điên đảo tán loạn có

pháp riêng làm chính sự, nghĩa là diệt trừ 3 chướng của thiền định, giải thoát và nhất thiết trí nên pháp giới trong lặng, tịch tĩnh thanh tịnh, không trần cấu nào không xả, chính sự bản nguyện đại bi hằng hóa chúng sinh, gọi là Như Lai. Cho nên theo tính này phân biệt chúng sinh, gọi là tướng phân biệt.

Phẩm 7: GIAI VỊ

Lại nữa phải biết nghĩa của tướng giai vị. Nghĩa của giai vị là, trong các thứ pháp môn nếu có phân biệt nói rộng pháp giới vô lưu thì không ra ngoài 6 thứ: 1. Tự tính. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Sự. 5. Tổng nhiếp. 6. Phân biệt. Để hiển thị tự thể của pháp giới vô lưu nên trước nói tự tính. Ý chỉ tự tính này nên khởi tín lạc v.v... 4 thứ thắng nhân. Do nhân này nên được thường trụ v.v... quả của 4 đức. Do Phật tính nên chán ghét sinh tử ưa cầu Niết-bàn sự dụng thành tựu. Do tự tính này nên được lìa dục. Được nhân lìa dục gọi là tổng nhiếp. Ước theo Phật tính nên được phân biệt 3 loại chúng sinh. Như Lai có nói 8 vạn 4 ngàn pháp môn được gồm trong 6 thứ, lần lượt ở trong 3 vị. Ba vị là: Một là bất tịnh vị, tức chúng sinh giới. Hai là tịnh vị, tức Bồ-tát địa. Ba là tối thanh tịnh vị, tức Phật địa. Cho nên Kinh Vô Thượng Y nói: “A-nan ! Pháp giới Như Lai ấy là chỗ ẩn chứa vô lượng vô biên các phiền não, theo dòng sinh tử trôi nổi trong 6 đường, vô thủy luân chuyển, ta gọi là chúng sinh giới. A-nan ! Chúng sinh giới đó, trong khổ sinh tử mà khởi chán lìa, trừ dục 6 trần, dựa vào 8 vạn 4 ngàn pháp môn gồm trong các Ba-la-mật tu đạo Bồ-đề, ta nói là Bồ-tát. A-nan ! Chúng sinh giới đó đã được xuất ly các phiền não, vượt qua tất cả khổ, tẩy trừ cấu uế, rốt ráo pháp nhiên trong lặng thanh tịnh, vì các chúng sinh muốn được thấy vi diệu thượng địa, nhất thiết trí địa, nhất thiết vô ngại, vào trụ trong đây, đến năng lực vô tỷ, đã được sức đại tự tại của pháp vương, ta gọi là Như Lai.”

Phẩm 8: BIẾN MÃN

Lại nữa, phải biết tướng biến mãn. Biến mãn, là phàm phu, thánh nhân và các Như Lai. Tính vô phân biệt lần lượt trong 3 vị: 1. Điền đảo hư vọng. 2. Vô đảo thánh đạo. 3. Bốn đức cứu cánh thanh tịnh. Ba nơi này tướng bình đẳng thông đạt và tùy theo đạo lý biến khắp đầy đủ. Ví như trong đồ đựng bằng đất, bạc, vàng, hư không chứa đầy đủ bình đẳng không sai khác. Pháp giới Như Lai biến mãn trong 3 vị cũng như vậy. Cho nên theo thứ lớp giai vị nói biến mãn này. Như Kinh Vô Thượng Y nói: “A-nan ! Pháp giới Như Lai này ở trong 3 vị tất cả mọi nơi đều không quái ngại, bản lại tịch tĩnh. Ví như hư không, tất cả sắc chủng không thể che, không thể lấp. Như đồ vật dù bằng đất, bạc hay vàng, đối với chỗ hư không đều không quái ngại, nên gọi là biến mãn.”

HẾT QUYỂN 3

LUẬN PHẬT TÍNH

QUYỂN 4

Phẩm 9: VÔ BIẾN DỊ

Lại nữa phải biết nghĩa của vô biến dị, tức không biến đổi khác, lý thì có 6 nghĩa, hợp thì thành 3. Lý có 6 thứ là: 1. Không có biến đổi khác về tiền tế hậu tế. 2. Không có biến đổi khác về nhiễm tịnh. 3. Không có biến đổi khác về sinh. 4. Không có biến đổi khác về chuyển. 5. Không có biến đổi khác về y trụ. 6. Không có biến đổi khác về diệt.

Nói không có biến đổi khác về tiền tế hậu tế, như trong Kinh Giải Tiết, Phật vì Bồ-tát Hải Trí nói bài kệ rằng:

*Vì khách trần tương ưng,
Nên có tự tính đức.
Nhu tiền hậu cũng vậy,
Là tướng không đổi khác.*

Lại nữa giải thích trong bất tịnh vị có 9 thứ khách trần chẳng bị nhiễm ô, nên trong vị tịnh, bất tịnh 4 đức thường lạc ngã tịnh và Như Lai Hằng sa công đức hằng tương ưng, cho nên nói tính Như Lai tiền hậu không đổi khác. Nếu lược nói, tất cả khách trần phiền não có 9 thứ: 1. Tùy miên tham dục phiền não. 2. Tùy miên sân. 3. Tùy miên si. 4. Tham sân si cực trọng thượng tâm hoặc. 5. Vô minh trụ địa. 6. Kiến đế diệt. 7. Tu tập diệt. 8. Bất tịnh địa. 9. Tịnh địa hoặc.

Nếu phiền não tại trong chúng sinh tương tục lia dục thế gian, thì đó là nguyên nhân chính tăng trưởng nghiệp bất động, có thể sinh Sắc giới Vô sắc giới. Phiền não này bị trí xuất thế vô phân biệt tiêu diệt. Cho nên gọi tùy miên dục sân si là 3 độc.

Giải thích: Nói phiền não tại trong ..., có 2 là: một, hữu thể nói là tại, hai là vô thể. Tại, là ước về nhân nên nói tại. Nói thể tại, tức kiến đế. Tùy miên chưa được trị đạo nên nói tại. Ước về nhân tại, tức tư duy tùy miên vì đã được trị đạo. Bởi tư duy dùng kiến đế làm nhân. Tư duy tuy diệt, nhưng do có kiến đế làm nhân tư duy nên nói nhân tại. Tư duy ắt do kiến đế sinh, nếu trừ nhân tư duy có căn bản kiến đế hoặc tại, sau lại sinh hoặc của tư duy cho nên nói tư duy nhân tại. Nhân chính làm tăng trưởng nghiệp bất động, là: 1. Tư duy có thể thành nghiệp. 2. Kiến đế có thể được quả. Bởi vì sao? Vì đoạn hết tư duy thì nghiệp không thành, đoạn hết kiến đế thì không cảm quả. Cho nên nói bất động nghiệp là nhân chính làm tăng trưởng vì có thể sinh Sắc Vô sắc giới. Bị trí xuất thế vô phân biệt diệt, nghĩa là có 2 thứ diệt: một là tính diệt, hai là trị đạo diệt. Một, tính diệt có 2 là: niệm niệm diệt và tương vi diệt. Tương vi diệt lại có 2 thứ: một là đẳng loại tương vi, như tham trái với sân v.v... , hai là bất đẳng loại tương vi, như chính tư duy thì trái với dục, sân v.v... Đó là tính diệt. Hai, trị đạo diệt có 2 thứ là: một thông , hai biệt. Một, thông đạo, là quán chân như, diệt phiền não 3 cõi. Hai, biệt đạo là như quán bất tịnh v.v... có thể diệt tham sân các phiền não. Như quán khổ để diệt khổ để hoặc, không diệt tập để hoặc. Cho nên gọi tùy miên, dục, sân, si v.v...

4. Ba độc cực trọng thượng tâm hoặc, là có các phiền não tại trong dục hành chúng sinh tương tục là chính nhân làm tăng trưởng tội phúc 2 hành chỉ sinh Dục giới tu quán bất tịnh v.v... có thể phá. Đó gọi là tham sân si cực trọng thượng tâm phiền não.

5. Vô minh trụ địa hoặc, là tại trong A-la-hán tương tục là chính nhân sinh nghiệp vô lưu, có thể sinh ý sinh thân, là Bồ-đề Như Lai có

thể phá. Đó là vô minh trụ địa hoặc. A-la-hán đại loại an lập để quán có thể phá các phiền não. Vô minh trụ địa này không phải an lập để quán có thể phá được, nên hãy còn trong La-hán tương tục làm nhân chính sinh nghiệp vô lưu. Nguyên nhân chính sinh nghiệp vô lưu, là lưu có 3 nghĩa: 1. Lưu nhập sinh tử 3 cõi. 2. Thoái mất, như mất Dục giới lưu, qua Sắc giới, hoặc mất Sắc giới lưu, xuống Dục giới. Nghĩa là tùy theo sinh tử không nhất định một nơi, nên gọi là lưu. 3. Lưu thoát công đức thiện căn, mất giới định tuệ. Ví như phá bờ đắp ngăn nước thì nước không ở một chỗ. Không có 3 lưu này nên gọi là vô lưu. Nghiệp là tác ý làm nghĩa. Ý nghiệp này có thể sinh 4 thứ sinh tử. Như Lai Bồ-đề phá, là Như Lai Bồ-đề không phải an lập để quán. Đó gọi là Như Lai Bồ-đề. Nhân đạo này có thể diệt hoặc này, nên gọi vô minh trụ địa.

6. Kiến đế sở diệt hoặc, là có 2 loại học nhân: một phàm phu, hai thánh nhân. Hoặc này tại trong học đạo phàm phu tương tục, vô thủy đến nay chưa từng kiến lý. Nhân trước tiên xuất thế thánh đạo phá, gọi là kiến đế.

Giải thích: Trong học đạo phàm phu tương tục, là nêu Tiểu thừa là từ noãn, đỉnh, nhãn, thể pháp. Bốn cái này là học đạo phàm phu vị. Kiến đế tùy miên chưa diệt được nên nói là tại trong. Từ thời vô thủy chưa thấy, là từ vô thủy đến nay đạo này chưa từng thấy an lập thánh đế, cho nên nói chưa từng được thấy. Trước tiên xuất thế thánh đạo phá, là ban đầu từ sơ niệm đạo khổ pháp nhãn có thể phá phiền não gọi là kiến đế. Từ đây về sau đều thuộc tư duy. Người quán bình đẳng có lợi có độn. Người lợi căn trong một niệm bình đẳng quán 4 đế, 88 hoặc nhất thời đều đoạn đều gọi là kiến đế. Nếu người độn căn trong thứ tự quán thì sơ niệm quán khổ, không thấy 3 đế khác, chỉ đoạn khổ hạ 4 đế gọi là kiến đế, các chưa đoạn khác đều thuộc tư duy. Đó gọi là hoặc do kiến đế diệt. Nếu Đại thừa thì thập tín v.v... các vị. Thánh nhân, là sơ địa trở lên.

7. Tu đạo sở diệt hoặc, là tại trong học đạo thánh nhân tương tục, xưa đã từng kiến xuất thế thánh đạo phá. Đó gọi là hoặc do tu đạo diệt.

8. Bất tịnh địa hoặc, là tại trong chưa cứu cánh hành Bồ-tát tương tục đối chướng Bồ-tát thất địa là vô tướng vô công dụng đạo phá đối chướng.

Giải thích: Thất địa, tức 7 địa trước. Vô tướng vô công dụng đạo, tức 8 địa trở lên. Vô tướng, tức cảnh chân như. Vô công dụng, tức tự nhiên thắng tiến đạo. Đó gọi là bất tịnh địa hoặc.

9. Tịnh địa hoặc, là tại trong cứu cánh hành Bồ-tát tương tục có thể chướng địa thứ 8 trở lên địa thứ 3. Vì Kim cương định tuệ phá. Nói cứu cánh, là 8 địa trở lên thấy cảnh đều đồng, không có cảnh khác, chưa thấy nên gọi cứu cánh. Chỉ phương tiện do có cạn sâu nên các địa có khác nên phân biệt phiền não có 9 thứ này. Theo phiền não này lập chúng sinh có 4 thứ: 1. Phạm phu. 2. La-hán. 3. Hữu học. 4. Bồ-tát. Bốn loại chúng sinh này y vào vô lưu giới do 4 phiền não nên bất tịnh. Thứ nhất, chúng sinh do 4 phiền não nên bất tịnh. Thứ hai, chúng sinh do 1 phiền não nên bất tịnh. Thứ ba, chúng sinh do 2 phiền não nên bất tịnh. Thứ tư, chúng sinh do 2 phiền não nên bất tịnh. Thứ nhất, phạm phu do 4 hoặc, là trước 3 là tùy miên tham sân si, sau 1 tức thượng tâm phiền não. Do 4 đây nên bất tịnh. Thứ hai, do 1 hoặc, tức La-hán do vô minh trụ địa nên bất tịnh. Thứ ba, do 2 hoặc, nghĩa là kiến đế tư duy, tức hữu học thánh phạm phu học đạo. Phạm phu do kiến đế phiền não nên bất tịnh. Hữu học thánh nhân do tư duy phiền não nên bất tịnh. Đó gọi là do 2 hoặc. Thứ tư, do 2 hoặc, là tịnh bất tịnh, tức từ Bồ-tát sơ địa trở lên đến địa thứ 7, do bất tịnh địa hoặc nên bất tịnh. Nếu từ địa thứ 8 trở lên địa thứ 3, do tịnh địa hoặc nên bất tịnh. Đó gọi là do 2 hoặc nên nói bất tịnh.

Lại nữa, để hiện 9 thứ phiền não này nên lập 9 thí dụ.

1. Để hiển thị tham dục phiền não, nên lập thí dụ hoa sen hóa Phật. Ví như khi hoa sen mới nở thật đáng yêu thích, sau héo tàn thì người chán ghét. Tham dục cũng vậy. Ban đầu do trần thành sau y trần hoại, nên lấy hoa thí dụ cho tham, mà khi hoa tàn hóa Phật xuất thế như tham che pháp thân.

2. Để hiển thị sân phiền não nên dùng con ong làm thí dụ. Như con ong nếu bị người chạm đến thì phóng nọc độc chích người. Sân cũng vậy. Nếu tâm khởi sân tức có thể tự hại lại có thể hại người khác, mà có mật ngọt tức ví cho pháp thân vì bị sân che lấp.

3. Để hiển thị vô minh hoặc, nên thí dụ hạt gạo trong vỏ trấu. Ví như hạt gạo trắng bị lớp cám bao bọc không thụ dụng được. Pháp thân cũng vậy, bị lớp vỏ vô minh bao che không hiện ra được.

4. Để hiển thị thượng tâm 3 thứ phiền não nên lập thí dụ vàng rơi trong bùn nhơ, ví như vàng ròng sạch quý báu bị bê bết đồ ô uế. Người lia dục trái nghịch nhân tâm cũng như vậy, bị thượng tâm phiền não trái nghịch ý, cho nên nói thí dụ này. Pháp thân vốn thanh tịnh bị thượng tâm hoặc che lấp nên nói bất tịnh.

5. Để hiển thị vô minh trụ địa nên lập thí dụ người đàn bà nghèo và kho báu. Ví như trong nhà người đàn bà nghèo dưới đất có một kho vàng chôn giấu nên chịu nghèo khổ. Nhị thừa cũng vậy, bị vô minh che lấp không thấy Phật quả, chịu 4 thứ khổ sinh tử.

6. Để hiển thị kiến đế hoặc, nên lập thí dụ quả xoài. Ví như khi quả xoài nảy mầm ắt phá vỏ của nó sau mầm mới ló ra. Vỏ ví như kiến đế, mầm ví pháp thân. Kiến đế cũng vậy, trước tiên thấy chân lý tức phá hoặc này thì pháp thân hiển hiện.

7. Để hiển thị tư duy hoặc, nên lập thí dụ vải rách gói vàng báu. Ví như áo rách không thể mặc được. Thân thấy chân thật trước nay

đã phá vì thánh đạo đối trị thường tu tập. Các tư duy phiền não không còn sức mạnh nữa ví như áo rách. Vàng như pháp thân bị tư duy hoặc chướng ngại.

8. Để hiển thị bất tịnh địa hoặc, nên lập thí dụ người đàn bà nghèo mang thai một vương tử. Ví như con một Chuyển luân vương ở trong bào thai của một người đàn bà nghèo. Thai không thể làm ô uế. Phiền não của địa thứ 7 trở lại cũng vậy. Tuy gọi là phiền não mà có 3 đức: 1. Không nhiễm trước vì được hàm dưỡng bởi trí tuệ từ bi. 2. Không lỗi lầm vì không tổn tự tha. 3. Vô lượng công đức có thể thành thực Phật pháp và chúng sinh. Nếu tăng trưởng phiền não tức thành phàm phu không thể thành thực Phật pháp. Nếu đoạn phiền não, tức thành Nhị thừa không thể thành thực chúng sinh.

9. Để hiển thị tịnh địa hoặc, nên lập thí dụ tượng vàng trong khuôn đúc. Ví như thợ đúc tượng vàng, khi chưa gỡ khuôn tượng đã hoàn thành. Nước v.v... các vật không thể phá vỡ khuôn, chỉ búa mới phá được. Các hoặc của địa thứ 8 trở lên cũng như vậy, chỉ có Kim cương tâm mới có thể phá hoàn toàn. Cho nên nhân 3 thứ tự tính để hiển thị pháp giới tâm thanh tịnh., gọi là Như Lai tạng. Vì vậy nói 9 thứ thí dụ như là thí dụ hoa sen v.v...

Ba thứ tự tính là: một là pháp thân, hai là như như, ba là Phật tính. Hợp 9 thí dụ này làm thành 3. Ba thí dụ đầu ví pháp thân. Một thí dụ tiếp ví như như. Năm thí dụ sau ví Phật tính. Làm sao như thế nói rõ pháp thân chư Phật có 2 thứ một là chính đấng hai là chính thuyết? Nói pháp thân chính đấng là pháp giới tối thanh tịnh, là trí cảnh vô phân biệt. Đương thể chư Phật là pháp tự sở đắc. Pháp thân chính thuyết là để được pháp thân thanh tịnh pháp giới chính lưu từ như chỗ giáo hóa chúng sinh sinh thức, gọi là pháp thân chính thuyết. Pháp thân chính thuyết lại có 2 thứ: một thâm diệu, hai thô thiển. Để an lập 2 đạo lý này thì thâm diệu là để an lập đạo lý Đại thừa, thô thiển là vì người Nhị thừa nói đạo lý này. Lại nữa, đệ nhất nghĩa để

là an lập pháp tạng thậm thâm của Bồ-tát. Theo chân tục 2 để thì an lập các thứ pháp tạng 12 bộ v.v... của Nhị thừa.

Giải thích: Một, chính đặc pháp thân, nghĩa là thể là chân như, thể gian không vật gì có thể thí dụ, nên lấy tượng Phật trong hoa làm thí dụ. Hai, chính thuyết thâm diệu pháp thân, là vì chân như chỉ có một mùi vị, nên lấy con ong và mật làm thí dụ. Ba, thô thiển chính thuyết pháp thân, là để hiển thị các ý nghĩa chân tục nên lấy hạt gạo trong lớp cám làm thí dụ. Do 3 thí dụ này hiển thị chính đặc pháp thân và chính thuyết pháp thân của chư Phật. Ba pháp thân này biến khắp gồm thâu chứa tất cả chúng sinh không sót một chúng sinh nào. Cho nên kinh nói không một chúng sinh ra ngoài pháp thân Như Lai, như không một sắc màu nào ra ngoài hư không. Tiếp đến một thí dụ vàng rơi trong bất tịnh, ví với như như. Như như có 3 nghĩa nên lấy vàng làm thí dụ. Một là tính không biến đổi khác. Hai là công đức không cùng. Ba là thanh tịnh không hai. Tự tính cũng như vậy không biến đổi khác, công đức cũng như vậy không tăng giảm, thanh tịnh cũng như vậy không nhiễm ô. Cho nên nói như như là chân như. Như trong tất cả tà định tụ và trong các chúng sinh Nhất-xiển-đề vốn không sai khác. Nếu đến sau khi khách trần diệt thì gọi là Như Lai tạng. Cho nên nói tất cả chúng sinh là Như Lai tạng, có thể ẩn tàng Như Lai không được hiển hiện. Để hiển thị thanh tịnh không hai này nên Phật nói kinh này: “ Văn-thù-sư-lợi ! Chư Phật đã xuất ly khỏi căn bản ngã thủ. Do tự tính thanh tịnh này nên tất cả chúng sinh thanh tịnh. Tự tính thanh tịnh này với chúng sinh thanh tịnh này không có 2. “ Để hiển thị cái “như” này, nói thí dụ vàng báu. Năm thí dụ sau ví với Phật tính. Phật tính có 2 thứ: một là trụ nơi tính tự tính, hai là tính dẫn xuất. Ba thân của chư Phật nhân 2 tính này được thành tựu. Để hiển thị trụ tự tính nên nói thí dụ kho báu chôn giấu dưới đất. Cái Phật tính trụ tự tính này có 6 đức nên nói như kho báu. Một là rất khó được. Phật tính cũng vậy. Trong vô số thời, khởi tâm chính cần, nhân phúc đức trí tuệ

đầy đủ trang nghiêm mới bắt đầu hiển hiện. Cho nên ví với kho báu như ý. Do thắng nhân mới cảm được. Hai là thanh tịnh không cấu uế. Do Phật tính với phiền não không bị nhiễm. Cho nên ví với báu như ý không bị bất tịnh làm nhiễm ô. Ba là oai thần vô cùng. Nói rõ công đức viên mãn của 6 thần thông. Báu như ý cũng vậy, tùy ý có thể làm được nên ví với kho báu. Bốn là có thể trang nghiêm tất cả thiện căn công đức cho thế gian, có thể tương xứng trong tất cả mọi nơi. Báu như ý cũng vậy, có thể làm các thứ khí cụ trang nghiêm cho thế gian. Năm là tối thắng. Trong tất cả các pháp không pháp nào bì kịp. Cũng như báu như ý là hơn hết tất cả mọi vật, nên nói thí dụ kho báu. Sáu là trong 8 thứ thể pháp không biến đổi khác, vì là nhân của 10 thứ thường trụ. Chân bảo cũng vậy, tuy thiêu đốt đập mài cũng không thể đổi khác được tự tính. Cho nên lấy kho báu ví cho Phật tính trụ tự tính. Hai là Phật tính dẫn xuất. Từ lúc sơ phát ý cho đến Kim cương tâm, trong đó Phật tính gọi là dẫn xuất. Có tất cả là 5 vị: 1. Có thể dẫn xuất Xiển-đề vị. 2. Có thể dẫn xuất ngoại đạo vị. 3. Có thể dẫn xuất Thanh Văn vị. 4. Có thể dẫn xuất Độc Giác vị. 5. Có thể dẫn xuất Bồ-tát-vô minh trụ địa vị. Pháp thân này có thể phá phiền não, hiển hiện thể kia.

Thứ 6 nói thí dụ mầm cây xoài. Như mầm cây xoài có thể phá vỡ vỏ và thịt của hạt xoài để sinh ra một cây đại thụ. Vì vậy nói dẫn xuất Phật tính như mầm cây xoài có thể sinh ra một cây đại thụ. Đề dựa theo 2 nhân này nên Phật nói quả của 3 thân.

Một là nhân Phật tính trụ tự tính nên nói pháp thân. Pháp thân có 4 thứ công đức. Cho nên thứ 7 nói thí dụ vãi rách gói vàng ròng. Bốn công đức, là một tự tính hữu, như vàng là vốn có không phải do cái gì tạo ra vàng. Hai là thanh tịnh, như vàng vốn sạch không bị bụi bặm làm nhiễm ô. Ba là chỗ dựa của tất cả công đức, như vàng có thể cảm các thứ quý vật. Bốn là sở đắc bình đẳng, nghĩa là tất cả chúng sinh đều có thể được như nhau. Ví như vàng không có ai là chủ thực

sự, mọi người đều có thể có. Tùy theo công sức tu hành mà được. Cho nên nói pháp thân như vàng ròng.

Hai là nhân Phật tính dẫn xuất, nên nói ứng thân. Ứng thân có 4 công đức. Cho nên thứ 8 nói như người đàn bà nghèo mang thai một Chuyển luân vương. Bốn công đức là: Một là y chỉ. Y chỉ là 37 đạo phẩm là chỗ y chỉ. Hai là chính sinh, nghĩa là đục đẽo ung đúc, tức là vị tri đục tri căn. Ba là chính trụ, nghĩa là chính đắc, tức tri căn. Bốn là chính thụ dụng, tức tri dĩ căn. Hợp 4 nghĩa này gọi là ứng thân. Như trong thai Chuyển luân vương cũng có 4 nghĩa: Một là lấy nghiệp đời trước làm y chỉ. Hai là chưa được vương vị muốn được như mới sinh. Ba là chính đắc vương vị như trụ. Bốn là được rồi không mất như thụ dụng. Do đó ứng thân lấy Chuyển luân vương ở trong thai làm thí dụ.

Ba là nhân Phật tính dẫn xuất lại xuất hóa thân. Hóa thân có 3 việc: Một là có tướng, như mặt trăng trong nước, lấy ảnh tướng làm thể. Hai là, do công lực, vì do nguyện đời trước tạo ra. Ba là, có thủy có chung.

Thứ 9, lấy thí dụ tượng Phật ở trong khuôn đúc.

Giải thích: Ba nghĩa, là: Một, có tướng mạo, ví như bóng trăng. Chỉ tương tự chứ không phải chính thật. Hóa thân cũng vậy, vì không phải thật thể. Hai, do nhân công tạo tác, ví như hóa thân do nguyện đời trước khởi. Ba là làm rõ có thủy có chung, ví như hóa thân tùy duyên biến hóa cho nên có bắt đầu có kết thúc. Lại nữa lấy 3 nghĩa hiển thị 3 thân này. Trước tiên là nghĩa rất sâu, hiển thị cho pháp thân. Rất sâu, là vì thể vi tế, cho nên pháp thân này đầy đủ 5 tướng, 5 thứ công đức. Năm tướng là: Một là tướng vô vi, vì lìa lỗi của 4 tướng sinh lão v.v... Hai là tướng không một không khác, chân đế với tục đế không một không khác. Lại có 2 thứ, một là theo pháp mà nói, hai là về người mà luận.

Theo pháp mà nói không một không khác là vì chân thông nên không thể nói là khác, vì tục khác nên không được nói là một. Như con ốc màu trắng. Con ốc với màu sắc không phải một không phải hai. Nếu nói khác, thì khi thấy con ốc màu trắng không được lấy con ốc mà hiểu. Nếu nói một, thì không nên có khác về hương vị xúc. Chỉ nên là sắc mà thôi. Hai là về người mà luận chân tục không phải một không phải khác, là nếu chân với tục là một thì tất cả người thấy tục thì phải thông chân. Nếu thông chân thì phải là thánh nhân. Vì không thấy chân nên biết không phải một. Nếu nói khác thì thánh nhân thấy tục không nên thông chân. Nếu không thông chân tức là phạm phu. Vì thánh nhân thấy nên không được là khác. Vì vậy cho nên không một không khác.

Ba là lia tướng nhị biên. Có 6 thứ trung đạo có thể xuất ly 6 thứ nhị biên. Những gì là 6? Một là chấp khả diệt diệt. Hai là chấp khả úy úy. Ba là chấp khả chấp chấp. Bốn là chấp chính với tà. Năm là chấp hữu tác vô tác. Sáu là chấp không sinh với sinh là một. Chấp có thể diệt với diệt là có người bảo rằng tất cả các pháp rốt ráo có thể diệt gọi là một bên. Rốt ráo diệt hết đó gọi là không lại là một bên. Nhân cái thiên chấp 2 bên này mà sinh sợ hãi. Để lia cái thiên chấp nhị biên này nên Phật nói các pháp không có chứ chẳng phải có thể diệt, chẳng không cho nên chẳng phải không diệt. Chẳng phải diệt chẳng phải không diệt, gọi là trung đạo, nên Phật lập thí dụ hư không. Vì vậy Kinh Bảo Đỉnh nói: “ Ca-diếp ! Ví như có người sợ hãi hư không, đấm ngực kêu gào nói: Thiện hữu ! Các người vì ta trừ hư không này. Ca-diếp ! Ý ông thế nào? Cái hư không này có thể trừ bỏ được không? Ca-diếp nói: Không được Thế Tôn. Phật nói: Ca-diếp ! Nếu có Sa-môn Bà-la-môn sợ tính không như vậy, ta nói người này thất tâm cuồng loạn. Sở dĩ vì sao? Ca-diếp ! Tất cả các pháp đều là phương tiện nói không. Nếu sợ cái không này thì sao không sợ tất cả các pháp? Nếu tiếc các pháp, sao không tiếc cái không này? “

Hỏi: Kinh này hiển thị nghĩa gì?

Đáp: Để hiển thị tất cả các pháp bản tính là phi hữu, nên nói pháp không, chẳng phải liên quan gì pháp diệt, sau đó mới được không. Cho nên không nên sinh sợ hãi đối với tính không. Đó gọi là lia khả diệt diệt. Nhị biên hiển thị trung đạo chẳng phải năng diệt sở diệt 2 chấp khả úy úy. Nhị biên là dùng tính phân biệt khởi sắc v.v... 6 trần chấp là thật khổ, đó là một bên sinh tâm sợ hãi. Lại một bên đây là nhân tính y tha chấp tính phân biệt, trong đó chấp có thật khổ mà sinh sợ hãi. Để lia thiên chấp nhị biên này và muốn hiển thị trung đạo nên Phật dùng thí dụ người thợ vẽ: “Ca-diếp ! Ví như người thợ vẽ vẽ tượng La-sát thật dễ sợ. Người thợ vẽ trông thấy tượng tự sinh sợ hãi che mặt chẳng dám nhìn, thất tâm điên cuồng. Ca-diếp ! Như vậy phàm phu do tự mình tạo tác sắc v.v... các trần, lưu chuyển sinh tử. Đối với các pháp như vậy không thể thông đạt đạo lý như thật. Thí dụ này để hiển thị nghĩa gì? Để làm rõ sắc v.v... các trần chẳng phải thật có chỉ do vọng tưởng phân biệt tạo nên, như người thợ vẽ kia tự phân biệt làm ra tượng ác La-sát rồi trông thấy mà sinh sợ hãi, người ấy cũng vậy, tự nơi không trung mà sinh sợ hãi.”

Giải thích: Một thí dụ trước tiên là ước theo Thanh Văn Tiểu thừa nói. Thứ hai ước theo Đại thừa mà nói. Thế nào là người Tiểu thừa vì không thường tập trong chân như nên sinh sợ hãi, người Đại thừa có thể thường tập không, nên không sinh sợ hãi? Như con con sư tử nghe con sư tử rống không sinh sợ hãi. Nếu không rõ 2 tính phân biệt và y tha, chấp là thật có, nên bị nhiễm ô. Ba, khả chấp chấp nhị biên, là phân biệt khả chấp với năng chấp cho là thật có. Để lia nhị biên này, nên trong kinh Phật lấy nhà ảo thuật làm thí dụ: “Ca-diếp ! Tì-khuru quán hạnh như vậy, tùy quán một cảnh hiển hiện chỉ không, thật không sở hữu, rỗng không không chân thật. Làm sao có thể lia được nhị biên này? Do y ý thức sinh duy thức trí. Duy thức trí tức vô trần thể trí. Duy thức trí này nếu thành thì có thể trở lại diệt

tự bản ý thức. Bởi vì sao? Bởi trần là vô thể nên thức không sinh. Ý thức không sinh nên duy thức tự diệt. Ý thức như nhà ảo thuật, duy thức trí như con hổ ảo. Do ý thức có thể sinh duy thức nên duy thức quán thành trở lại có thể diệt nơi ý thức. Bởi vì sao? Do trần v.v... là không, nên ý thức không sinh. Ví như con hổ ảo trở lại ăn thịt nhà ảo thuật, như pháp sư Đề-bà nói kệ rằng:

*Ý thức gốc tam hữu,
Các trần đó là nhân.
Nếu thấy trần vô thể,
Giống hữu tự nhiên diệt.*

Bốn, tà chính nhị biên, nghĩa là chính là trong thông đạt vị chân thật quán hạnh phân biệt là chính. Trước khi thông đạt phân biệt là tà. Đề lia nhị biên này nên dùng 2 cây sinh lửa làm thí dụ. Như trong kinh nói: “Ca-diếp ! Ví như 2 cây ma sát vào nhau tức có thể sinh ra lửa. Khi lửa sinh ra trở lại tự đốt cháy cây. Như vậy chính tướng chân thật quán hạnh với tà tướng trị sinh thánh trí căn. Trí căn nếu thành trở lại trừ tà chính 2 phân biệt, cho nên ví như lửa sinh ra trở lại đốt cháy 2 cây. Hai cây nếu hết thì lửa cũng chẳng còn dựa vào đâu. Tà chính không 2 nên nói là trung đạo.

Năm, hữu tác vô tác nhị biên, là có người chấp nói trí tuệ vô sự vô năng. Bởi vì sao? Do giải và hoặc đối nhau nên giải sinh thì hoặc tự nhiên diệt, không phải giải có thể trừ, cho nên nói trí tuệ vô sự vô năng. Đề lia 2 cái này cho nên lập thí dụ như ngọn đèn. Như kinh nói: “Ca-diếp ! Ví như thắp đèn. Đèn đã sáng lên thì tối tăm liền diệt, mặc dầu ánh sáng đèn kia tuy không tác ý nói có thể diệt tối tăm, nói tối tăm do ta diệt, mà do ánh sáng khởi lên tối tăm mới được diệt. Cho nên ánh sáng đèn tuy không tác ý không phải không có sự năng. Trí tuệ cũng vậy, không tác ý là ta có thể diệt hoặc, mà cũng không phải không do trí tuệ sinh hoặc liền trừ diệt. Cho nên biết trí tuệ không phải không có sự năng. Nếu nói tác ý ta có thể diệt hoặc

thì đó là tăng ích, tức tạo ra bên có. Nếu nói khi trí tuệ khởi thì vô minh tự diệt, không phải do trí tuệ thì đó là tổn giảm, tức tạo ra bên không. Để lia nhị biên này nên nói trí tuệ sinh không tác ý. Tác ý và không tác ý, chẳng phải tác nên không tăng, chẳng phải không tác nên không giảm. Đó gọi là trung đạo.

Sáu, không sinh đồng sinh nhị biên, nghĩa là một chấp không sinh ví như trong phạm phu tương tục, phiền não hằng khởi chưa từng sinh đạo do hoặc ngại. Vị lai cũng vậy, cho nên biết vĩnh viễn không giải thoát, tức là một bên, hai đồng sinh là làm rõ các hoặc trong vô thủy thời gian dài lâu vốn có. Nếu đối trị đạo với hoặc đồng thời khởi có thể diệt được hoặc. Nếu đạo mới sinh thì sức của đạo này yếu không thể diệt hoặc, cho nên biết vĩnh viễn không giải thoát. Để lia nhị biên này nên Phật nói thí dụ thứ hai về cái đèn: “Ca-diếp ! Như đường núi tối tăm hiểm trở và trong ngôi nhà ngàn năm tối tăm chưa từng có người thắp đèn chiếu sáng. Giả sử có người có thể thắp được ngọn đèn trong đó chẳng? Đáp: Thắp được. Ca-diếp ! Trong đây các tối tăm có thể nghĩ rằng ta trụ ở đây đã lâu, nay ta không bỏ tối tăm này, có thể nghĩ vậy được chẳng? Không được, thưa Thế Tôn. Bởi vì sao? Sáng đèn đã thành không thể không bỏ đi được. Ca-diếp ! Như vậy phiền não và nghiệp từ vô số kiếp đến nay tương tục trong chúng sinh. Nếu có thể sinh một niệm chính tư duy thì phiền não nhiều kiếp đã lâu đều tự diệt. Ca-diếp ! Ánh sáng đèn đó, tức ví cho thánh trí vô phân biệt, tối tăm tức ví như nghiệp phiền não của chúng sinh. Do thí dụ cây đèn này phá chấp đạo không sinh. Bởi vì sao? Bởi đạo dựa vào nhân duyên sinh, nếu nhân duyên chưa hợp đạo không sinh được. Nhân duyên đủ thì đạo được sinh. Như do thắp đèn sau tối tăm mới diệt. Tối tăm diệt là phá chấp đồng sinh. Vì cái tối tăm suy yếu nên có thể diệt. Đó là cảnh giới không điên đảo, bởi bạch tịnh rất mạnh có cảnh chân thật không điên đảo. Đó gọi là lia 6 thứ nhị biên, hiển thị 6 thứ trung đạo.

Bốn, lia tướng chướng. Có 3 thứ chướng: 1. Chướng phiền não. Lia chướng này có thể được tuệ giải thoát A-la-hán. 2. Chướng thiên định. Do lia chướng này nên được câu giải thoát A-la-hán và Độc Giác v.v... 3. Chướng nhất thiết trí. Bỏ-tát đạo phá chướng này. Lia chướng này được chính giải thoát. Pháp thân Như Lai ở trong 3 vị, tuy có 3 chướng nhưng không bị nhiễm ô.

Năm, tướng thanh tịnh của pháp thân giới. Có tất cả 4 thí dụ đều có 4 nghĩa. Bốn nghĩa đầu tiên là pháp thân không đổi như vàng, như như thanh tịnh như nước. Đệ nhất nghĩa để là vô tướng như hư không. Đại Bát-niết-bàn hiển rõ như giác. Bốn nghĩa thứ hai là thân thông chuyển biến như vàng, từ bi nhuận trạch như nước, tự tính không bỏ chúng sinh như hư không, Bát-nhã giải tịnh như giác. Bốn nghĩa thứ ba là do bản tịnh không nhiễm như vàng, thắng đạo rửa sạch như nước, giải thoát không vướng như hư không, quả thể hiển hiện như giác. Bốn nghĩa thứ tư là lạc tính lợi ích như vàng, thể trong sạch như nước, thường đức không hoại như hư không, không chấp nghĩa ngã như giác.

Hỏi: Năm tướng này hiển thị nghĩa gì?

Đáp: Trước tiên tướng vô vi hiển thị nghĩa về chủng loại. Bởi vì sao? Vì pháp thân Như Lai lấy vô vi làm tướng chủng loại. Hai là không riêng khác, hiển thị tướng của nghĩa, nói rõ tướng Như Lai là tướng không một không hai. Ba là lia tướng nhị biên, hiển thị nghĩa y chỉ đầy đủ. Đầy đủ tức nói các thánh đạo của Bỏ-tát. Y chỉ, tức chỗ y chỉ của thánh đạo. Vì lia bỏ nhị biên có thể y vào lý trung đạo đến được pháp thân. Bốn là lia tất cả chướng, hiển thị công đức của pháp thân không các nhiễm ô vì vĩnh viễn vượt qua trí chướng. Năm là tướng pháp thân thanh tịnh, hiển thị quả của pháp thân là trong lặng không cấu uế. Lại nữa nên biết tuần tự của 5 tướng. Trước tiên là tướng vô vi hiển thị thường trụ. Hai là tướng không khác biệt hiển thị nghĩa chân thật. Ba là tướng lia nhị biên hiển thị nghĩa đối trị.

Bốn là tướng lia tất cả chướng hiển thị nghĩa giải thoát. Năm là pháp giới thanh tịnh hiển thị nghĩa tự tính thanh tịnh. Như vậy tướng sinh cũng được theo từ trước ra sau, theo từ sau ra trước. Lại nữa tuần tự của 5 nghĩa, là: 1. Tự tính nên nói là vô vi. 2. Không phân biệt nên nói không một không hai. 3. Cảnh giới của thánh trí nên nói lia nhị biên. 4. Tự tính thanh tịnh nên nói lia tất cả chướng. 5. Rốt ráo thành tựu nên nói pháp giới thanh tịnh. Đó là 5 tướng. Lại nữa 5 đức là: 1. Không thể lường. 2. Không thể đếm. 3. Không thể nghĩ. 4. Không thể so sánh. Hai là rốt ráo thanh tịnh.

Một, không thể lường có 4 nghĩa: 1. Do thời gian lâu nên không ước lượng được. 2. Công dụng lớn nên không thể lường. 3. Vô dư bất túc nên không thể lường. 4. Không gián đoạn nên không thể lường. Như Phật hỏi Xá-lợi-phất: “ Ông có thể như lượng thông đạt công đức Như Lai chăng? Xá-lợi-phất nói: Thưa Thế Tôn, không thể. Lại hỏi: Ông làm sao tin được công đức Như Lai? Xá-lợi-phất nói: Con nay y theo Thanh Văn có thể quán thấy công đức giới v.v... của Như Lai không đâu là không sinh hy hữu. Ví như người đi trong công viên của trời, trên đường đi thấy cây báu trang nghiêm sinh tâm hy hữu, con nay cũng vậy. Thưa Thế Tôn ! Ví như có người ở ngoài thành lớn thấy những người ra vào thành người nào cũng đáng thương rồi cho rằng những người trong thành đều đáng thương xót. Con nay cũng vậy, vì y vào Thanh Văn nên có thể quán công đức giới v.v... của Như Lai không gì không hy hữu vì tin mà biết.”

Hai, không thể đếm, là không thể lường công đức là một hay là nhiều, số ấy vô cùng hơn cả số cát sông Hằng, như trong Kinh Mã Tiên Hành có bài kệ nói:

*Nếu người có ngàn đầu
Mỗi đầu có trăm miệng.
Mỗi miệng có trăm lưỡi,
Mỗi lưỡi nói trăm tiếng.*

*Mười lực bằng một phần,
Cùng kiếp nói không hết.*

Ba, không thể nghĩ, là vì không phải cảnh giới giác quán.

Bốn, không thể so sánh, vì không phải Thanh Văn Độc Giác Bồ-tát 3 thừa cùng đạt được.

Năm, rất ráo thanh tịnh, vì vô minh trụ địa vĩnh diệt không sót. Đó gọi là 5 đức của pháp thân.

Lại nữa ứng thân vì thể lực và công dụng rộng lớn nên thân này vốn có 3 đức: 1. Đại Bát-nhã. 2. Đại thiên định. 3. Đại từ bi. Đại Bát-nhã thì thánh trí vô phân biệt là thể tướng. Đại thiên định thì không tác ý là thể tướng vì đã lia ý xuất nhập. Đại từ bi thì có thể cứu vớt là thể tướng. Khiến được viên mãn như ý chúng sinh phải có 3 cái này: 1. Pháp lạc. 2. Sáu thần thông. 3. Cứu tế. Vì vậy đại bi là cứu vớt khổ trong 3 đường ác, đặt để nhân thiên vào đại định, có thể hiển hiện 6 thần thông khiến sinh tín lạc. Bát-nhã là thụ pháp lạc có thể thành thực giải thoát. Đó gọi là ứng thân.

Lại nữa hóa thân thì đại bi làm gốc, thiên định làm biến hiện. Bát-nhã có thể khiến có 5 thứ công năng: 1. Khiến sinh chán sợ. 2. Khiến vào trong thánh đạo. 3. Khiến bỏ chấp xưa. 4. Khiến tin yêu đại pháp. 5. Khiến thụ Đại Bồ-đề ký. Ba đại pháp này, trong nhân địa huân tu như như, an lập bản nguyện. Do bản nguyện này sau khi đến đạo tùy nơi 3 thân có thể làm việc lợi ích chúng sinh, cho nên xuất hiện trong đời ác 5 trước. Sự có 14: 1. Hiện bản sinh. 2. Hiện sinh trời Đâu-suất. 3. Từ cõi trời xuống thụ thân trung ấm. 4. Nhập thai. 5. Xuất thai. 6. Học các kỹ năng. 7. Đồng tử du hý. 8. Xuất gia. 9. Khổ hạnh. 10. Đến cây Bồ-đề. 11. Phá ma quân. 12. Thành Phật. 13. Chuyển pháp luân. 14. Bát-niết-bàn. Mười bốn việc này hiện đời 5 trước đến hết chúng sinh, 14 việc làm 5 nhân duyên: 1. Vì nói vô thường, khổ, vô ngã, không, Niết-bàn tịch tĩnh. Do đây

chính thuyết âm thanh có thể khiến chúng sinh ở trong tam hữu sinh sợ hãi. 2. Sinh sợ hãi rồi khiến vào trong thánh đạo Nhị thừa. 3. Vào thánh đạo rồi, sinh tâm cứu cánh Niết-bàn. Để phá tâm tăng thượng mạn như vậy nên nói Đại Thừa Pháp Hoa v.v... các giáo pháp chân thật khiến các chúng sinh xả bỏ chỗ vốn chấp, tiếp nhận phương tiện từ bi Bát-nhã. 4. Đã tiếp nhận rồi, thành thực trong vô thượng thừa. 5. Thành thực rồi truyền thụ đạo ký vô thượng Bồ-đề, gọi là hóa thân sự. Lại nữa, y 3 thân này tùy mỗi thân đều có một đức. Pháp thân vi diệu nên thậm thâm là đức. Ứng thân oai thần đầy đủ nên quảng đại là đức. Hóa thân năng tế độ phàm phu v.v... các chúng sinh nên hòa thiện là đức. Lại nữa 3 thân này hằng năng sinh khởi các việc lợi ích thế gian nên nói thường trụ. Thường trụ, là y vào 10 thứ nhân duyên. Mười thứ là: 1. Nhân duyên vô biên. 2. Chúng sinh giới vô biên. 3. Đại bi vô biên. 4. Như ý túc vô biên. 5. Vô phân biệt trí vô biên. 6. Hằng tại thiền định không tán loạn. 7. An lạc thanh lương. 8. Hành 8 pháp thế gian không nhiễm. 9. Cam lồ tịch tĩnh xa lìa tử ma. 10. Bản tính pháp nhiên không sinh không diệt.

Một, nhân duyên vô biên nên thường, là vô lượng kiếp đến nay xả thân mạng tài vì nhiếp chính pháp, chính pháp đã vô biên tế vô cùng vô tận, rồi lại do nhân vô cùng cảm quả vô cùng. Quả tức 3 thân cho nên được thường.

Hai, chúng sinh vô biên nên thường, là lúc mới phát tâm kết 4 hoằng thệ, khởi 10 vô tận đại nguyện, nếu chúng sinh không cùng tận thì nguyện ta cũng không cùng tận, chúng sinh nếu hết nguyện ta mới hết. Chúng sinh đã không cùng tận cho nên hóa thân thường tại thế gian giáo hóa dắt dẫn chúng sinh không cùng tận.

Ba, đại bi vô biên nên thường, là nếu các Bồ-tát phần có đại bi còn có thể hằng cứu chúng sinh tâm không kỳ hạn ở lâu trong sinh tử không nhập Niết-bàn. Huống chi Như Lai các đức viên mãn

thường ở trong đại bi cứu bạt hằng ân lẽ nào có giới hạn cho nên nói là thường.

Bốn, 4 như ý vô biên nên thường, là thế gian người có được 4 thần túc còn có thể trụ thọ mạng 40 tiểu kiếp. Huống chi Như Lai là đại thần túc sư mà không thể trụ thọ mạng tự tại ức trăm ngàn kiếp rộng hóa độ chúng sinh cho nên nói là thường.

Năm, vô phân biệt tuệ vô biên nên thường, là xa lìa 2 chấp sinh tử Niết-bàn. Nhất hướng tương ưng với đệ nhất nghĩa đế, bất động bất xuất nên biết là thường.

Sáu, hằng tại thiên định nên thường, là thế gian có người được thiên định còn có thể không bị nước trôi lửa cháy đao tên làm thương tổn, huống chi Như Lai thường tại thiên định mà có thể hoại được nên gọi là thường.

Bảy, an lạc thanh lương nên thường, là an lạc tức Kim cương tâm có thể trừ tối hậu niệm vô thường khổ của vô minh trụ địa, là vì không có khổ nên gọi an lạc. Quả Phật hiện thành nên gọi thanh lương, là đạo giải thoát nên gọi là thường.

Tám, hành 8 pháp trong thế gian mà không nhiễm nên thường, là Phật thân tuy lại ở trong đạo tiền, tương ưng sinh tử nhưng không bị các phiền não kia nhiễm, không duyên vọng tưởng, nên là thường trụ.

Chín, cam lồ tịch tĩnh xa lìa tử ma nên thường, là cam lồ khiến người sống lâu không chết. Tâm kim cương có thể trừ niệm hoặc sau cùng của vô minh cho nên được Phật quả thường lạc. Thường lạc nên tịch tĩnh. Tịch tĩnh nên xa lìa tử ma. Lìa tử ma nên là pháp thường trụ.

Mười, tính không sinh diệt nên là thường, nghĩa là pháp thân chẳng phải vốn không nay có, vốn có nay không, tuy hành trong 3 đời mà chẳng phải pháp 3 đời. Bởi vì sao? Đây là bản hữu, chẳng phải nay mới có, vượt qua pháp 3 đời cho nên gọi là thường.

Hỏi: Phật nói các kinh Đại thừa, nhất hướng đều nói hiển thị các pháp không, như mây như mộng ảo. Phiền não năng chướng ngại nên lấy mây làm thí dụ. Tất cả các nghiệp không chân thật nên lấy mộng làm thí dụ. Tất cả 5 ấm quả báo do nghiệp phiền não khởi nên lấy sự ảo hóa làm thí dụ. Trước nói kinh này hiển thị nghĩa này. Sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính?

Đáp: Như trước tiên đã nói 5 thứ công đức, trừ 5 tội lỗi, nói rõ có Phật tính. Cho nên nói là có. Tiếp đến 9 thứ thí dụ để hiển thị Phật tính có 5 nghĩa. Năm nghĩa, là: 1. Chân thật có. 2. Dựa vào phương tiện thì có thể thấy. 3. Được thấy rồi công đức vô cùng. 4. Không có trước tiên, không được, tương ưng.

Giải thích: Không có trước tiên, nghĩa là phiền não nghiệp báo đều là vô thủy, nên nói không có trước tiên. Không được, là do 3 cái này nên trái nghịch pháp thân, cho nên nói không được. Tương ưng, là do dựa vào pháp thân được khởi 3 cái này, cho nên nói tương ưng.

5. Không có trước tiên tương ưng thiện tính là pháp.

Giải thích: Không có trước tiên, là vì tính được Bát-nhã, đại bi, thiện định pháp thân đều là bản hữu cho nên nói không có trước tiên. Thể dụng chưa từng tách rời nhau nên nói tương ưng. Đó là không có trước tiên. Tương ưng thiện tính là pháp, là tự tính pháp thân không thay đổi. Do Bát-nhã nên tính có oai đức. Do thiện định nên tính có thể nhuận hoạt. Do đại bi nên gọi thiện tính là pháp. Như vậy 9 thí dụ giải thích xong nghĩa của tiền tế hậu tế biến đổi khác.

Hai, không nhiễm tịnh đổi khác, là pháp thân không bị sinh tử ấm giới nhập v.v... làm ô uế nên nói không nhiễm, chẳng phải trí số tạo tác nên gọi là không tịnh. Ba, không sinh biến đổi khác, là pháp thân không sinh nên chẳng phải khởi thành, chẳng phải khởi thành nên chẳng phải mới bắt đầu có, không luận đổi khác. Bốn, không già biến đổi khác, là pháp thân không động chuyển, không

đôi khác nên nói không già. Năm, không y trụ biến đổi khác, là nếu pháp có y có trụ tức có biến đổi khác. Pháp thân không do cái khác, không y chỉ, không sở tại, nên nói không trụ. Sáu, không diệt biến đổi khác, là pháp thân thường trụ không thể phá hoại, nên nói không diệt biến đổi khác. Đó gọi là không biến đổi khác. Giải thích xong 6 thứ biệt nghĩa.

Lại nữa hợp 6 làm 3, là: 1. Tiền hậu tịch tĩnh, nghĩa là tiền tế hậu tế không khác. 2. Vô lưu, tức nhiễm tịnh không khác. 3. Vô vi, nghĩa là không 4 tướng sinh trụ diệt v.v... nên không đôi khác. Cho nên tất cả các pháp vọng tướng có 3 biến đổi khác: 1. Quả báo hết nên biến đổi khác. 2. Đối trị phá nên biến đổi khác. 3. Sát-na niệm niệm diệt nên biến đổi khác. Pháp thân không như vậy vì lia 3 lỗi: 1. Vì tiền tế hậu tế tịch tĩnh nên không quả báo hết biến đổi khác. 2. Vô lưu nên không đối trị phá biến đổi khác. 3. Chẳng phải pháp hữu vi nên không niệm niệm hoại biến đổi khác, nên không biến đổi khác.

Phẩm 10: VÔ SAI BIỆT

Lại nữa phải biết nghĩa của vô sai biệt. Vô sai biệt, là tính Như Lai này đã đến địa vị cực kỳ thanh tịnh. Nếu lược nói là trong cảnh giới vô lưu, ước theo Như Lai tính có 4 nghĩa. Nhân 4 nghĩa này nên lập 4 tên ước theo 4 người hiển thị bằng 4 đức. Bốn nghĩa đó là: 1. Tất cả Phật pháp trước sau không tách rời nhau. 2. Tất cả xứ đều như. 3. Phi vọng tướng đảo pháp. 4. Bản tính tịch tĩnh.

Giải thích: Tất cả Phật pháp trước sau không tách rời nhau, nghĩa là như Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Như Lai tạng bất không, quá hơn số cát sông Hằng không tách rời nhau, không bỏ trí không thể tư duy chư Phật công đức. Cho nên biết Như Lai tạng do công đức Như Lai nên bất không. Bất không , tức rõ ràng Phật đầy đủ tất cả công đức.” Tính này, tất cả xứ đều như, là vì tất cả các pháp

là không tự tính. Như Kinh Vô Thượng Y nói: “ Tất cả chúng sinh có âm giới nhập, các chủng loại trong ngoài hiện hành tương tục lưu chuyển từ thời vô thủy. Pháp nhiên sở đắc, sáng suốt diệu thiện. “ Vì nghĩa đó nên biết tất cả xứ đều như. Phi vọng tưởng điên đảo pháp, là như trong Kinh Giải Tiệt nói: “ Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý: Thiện nam tử ! Tính của Như Lai là chân thật đế. Như Lai xuất thế và không xuất thế, tính tướng thường nhiên, chẳng phải pháp hư vọng.” Do kinh này cho nên biết pháp không vọng tưởng điên đảo gọi là chân thật đế. Bản tính tịch tĩnh, là như Kinh Văn-thù-sư-lợi Biến Hành nói: “ Phật nói: Văn-thù-sư-lợi ! Bản tính chư Phật Như Lai từ Bát-niết-bàn không sinh không diệt.” Vì ý nghĩa đó nên biết bản lai tự tính vắng lặng. Lại nữa, lập 4 tên, là: 1. Do Phật pháp không tách rời nhau nên gọi là pháp thân. 2. Do tính tất cả xứ như nên gọi là Như Lai. 3. Do không hư vọng điên đảo nên gọi là chân thật đế. 4. Do bản lai tịch tĩnh nên gọi Bát-niết-bàn. Bốn nghĩa 4 tên này trong Như Lai tính không có sai biệt cho nên nói là tướng vô sai biệt. Lại nữa ước theo 4 người, là: 1. Phi thân kiến chúng sinh cảnh giới. Do chân tính này là đối trị tà chấp cho nên là người thân kiến gọi là pháp thân.

Hỏi: Thế nào là đối người này bằng chân như gọi là pháp thân?

Đáp: Với các phàm phu, sắc v.v... các âm không có tính này cường chấp có ngã và có ngã sở. Do 2 chấp nhân pháp này làm nhiễm ô tâm. Chỗ diệt thân kiến là cam lồ giới không thể tin lạc, làm sao có thể thông đạt pháp giới của Như Lai. Nếu thấy giới này chấp thân kiến diệt, dù thân kiến đã trừ chưa trừ, giới này hằng thường như vậy, cho nên giới này mới là chân thân. Chỗ chấp của phàm phu đã chẳng phải chân thật nên không cùng tồn tại, không được gọi thân. Để đối lại thân kiến như vậy phàm phu lập tên là thân.

2. Đối lại người điên đảo, gọi là Như Lai. Người điên đảo, là người Nhị thừa. Như Lai thường trụ, nên tu, nên hành, mà ngược lại đảo tu vô thường tướng v.v... Bởi vì sao? Cái tu này dựa vào cảnh

hư vọng khởi nên gọi đảo tu. Lạc ngã tịnh cũng như vậy. Do đảo hành nên tất cả Nhị thừa không thể tiến tu được tương xứng cùng đạo quả của Như Lai, cho nên thường v.v... chân như chẳng phải là cảnh giới đó. Chân như này là bất như, vô thường v.v... vì đối trị thế gian. Cái chân như này chẳng phải trong như có như, không chẳng phải như, cũng là như. Cái như của Nhị thừa là chẳng phải như trong như, không chẳng phải chẳng phải như trong như. Sao người Nhị thừa như vậy theo hư vọng quán các tướng vô thường là chân như? Cái quán hư vọng này duy chỉ trong nhân có quả địa tức là không. Cho nên cái như này hoặc thành hoặc hoại. Trong nhân thì thành, trong quả địa thì hoại. Cái như của Bồ-tát thì lìa hư vọng, theo chân tính để quán chân như, cho nên cái như như thế trong nhân quả 2 xứ không khác, nên chỉ thành mà không hoại. Vì vậy cái như của người Nhị thừa là đuổi theo định diệt, đi mà không trở lại. Cái như của Bồ-tát là nhân quả hằng hữu, khứ lai không khác. Xả nhân đến quả nên gọi là như khứ. Từ quả xuất dụng nên gọi như lai. Cho nên Như Lai chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa. Cho nên đổi lại với Nhị thừa lập tên Như Lai.

3. Đổi lại với người tâm tán động, gọi là chân đế. Chân như, là pháp không tăng giảm. Người tâm tán động, là mới hành Đại thừa Bồ-tát, mê Như Lai tạng có 2 loại người: Một là chỉ tin diệt trừ các pháp, gọi đó là không. Tất cả các pháp khi chưa phân tích thì gọi là có, nếu phân tích rồi thì gọi là không. Hai là chấp có thật pháp, gọi đó là không, ta nay phải tu, phải chứng đắc. Hạng hạng người này đều mê Như Lai tạng. Người trước mê vì chấp không, người sau mê vì chấp có. Đạo lý Như Lai tạng tương như thế nào như kệ nói:

*Không có một pháp tồn,
Không có một pháp tăng.
Phải thấy thật như thật,
Thấy thật được giải thoát.*

*Do khách trần nên không,
 Cùng pháp giới tương ly,
 Pháp vô thương chẳng không,
 Cùng pháp giới tương tùy.*

Như Lai tính, là tự thanh tịnh. Có thể nhiễm khách trần, là vì tự tính không, cho nên nói không một pháp có thể làm tổn. Chân như không tách rời với nhân thanh tịnh, quá hơn số cát sông Hằng không bỏ trí không thể tư duy. Vì hằng tương ứng với công đức chư Phật cho nên nói không một pháp có thể tăng. Nếu pháp không nhân đây thì không có pháp quán chân như không, vì các pháp có. Quán như bất không, nên nói chân như, cũng không bất không. Bởi vì sao? Bởi lìa tăng giảm nhị biên. Không một pháp có thể làm tổn, nên là không. Không một pháp có thể làm tăng cho nên là phi không. Quán như vậy là quán chân thật, nên xa lìa được 2 bên tăng giảm là mới hành Bồ-tát. Không thấy được lý của tạng này nên để đối với người này nói chân thật đế. Từ sơ địa đến địa thứ 10 là cảnh giới quán nơi lý này hành thập địa hạnh. Cho nên chẳng phải liên quan cảnh giới mới hành.

4. Đối lại với Bồ-tát địa thứ 10, gọi là Niết-bàn. Duy chỉ một mình Phật có thể được Niết-bàn. Bao nhiêu các Bồ-tát không thể đến được. Như Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Do được Niết-bàn nên Thế Tôn thành tựu Như Lai A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà, được tất cả vô lượng không thể tư duy công đức cứu cánh thanh tịnh của chư Phật. Vì vậy 4 thứ công đức của Niết-bàn là tướng không sai biệt. Lại nữa 4 công đức là: 1. Nhất thiết công đức. 2. Vô lượng công đức. 3. Bất khả tư duy công đức. 4. Cứu cánh thanh tịnh công đức. Do được Niết-bàn nên thành Như Lai. Vì vậy cho nên Như Lai với Niết-bàn không có sai biệt. Bởi vì sao? Nếu lìa Phật không được Niết-bàn. Nếu lìa Niết-bàn không được Phật.

Giải thích: Công đức, trước tiên là nhất thiết công đức, tức địa vị bất động thứ 8, không xuyên lậu, không trung gian, tự nhiên

thành, vì hằng tương ứng với thánh đạo của Bồ-tát. Chư Phật Như Lai trong vô lượng giới tất cả công đức đều được thành tựu. Hai là vô lượng công đức, là địa vị thiện tuệ thứ 9 vô số thiên định biến Đà-la-ni môn có thể thâm nhiếp chỗ y chỉ của vô lượng công đức trí, nên vô lượng công đức đều được thành tựu. Ba là công đức không thể tư duy, là địa vị pháp vân thứ 10, là chỗ sở y của trí tuệ sáng suốt chứng thấy tất cả pháp tạng bí mật của Như Lai, cho nên không thể tư duy đều được thành tựu. Bốn là cứu cánh thanh tịnh, là đã diệt hết tất cả hoặc và tập khí tất cả trí chướng cho nên do diệt hết trí chướng mà rốt ráo thanh tịnh. Công đức viên mãn thành tựu Niết-bàn cùng 4 đức này thâm nhiếp nhau không tách rời nhau, cho nên chỉ Phật được Niết-bàn, những người khác chưa được. Cho nên Như Lai tính với 4 nghĩa, 4 tên, 4 người, 4 đức này không có sai biệt. Cho nên nói công đức không sai biệt. Do nhân duyên ấy tự tính v.v... 10 tướng là để hiển thị 3 nghĩa: 1. Hiển thị bản hữu là cảnh giới không thể nghĩ bàn. 2. Hiển thị y vào đạo lý tu hành, tu hành thì có thể chứng đắc. 3. Hiển thị chứng đắc rồi có thể khiến viên mãn cứu cánh vô lượng công đức, cho nên tạo luận này./.

TRỌN BỘ 4 QUYỂN HẾT

SỐ 1611
LUẬN CỨU CẢNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH
QUYỂN 1

*Hậu Ngụy Trung Ấn Độ Tam tạng Lạc-na-ma-đề dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: GIÁO HÓA

*Con nay đều quy mạng
Tất cả vô thương tôn.
Vì khai pháp vương tạng
Rộng lợi ích quần sinh.
Chư Phật thắng diệu pháp,
Chê cho là phi pháp.
Ngu si không trí tuệ,
Vì mê nơi tà chính.
Người đầy đủ trí tuệ,
Khéo phân biệt chính tà.
Như vậy làm luận giả,
Không trái với chính pháp.
Thuận 3 thừa Bồ-đề,
Đối 3 cõi phiền não.
Tuy là đệ tử tạo.
Chính lấy, tà thì bỏ.
Khéo nói rõ cú nghĩa,*

Sơ trung hậu công đức.
Người trí nghe nghĩa này,
Không lấy các pháp khác.
Như con hiểu ý Phật,
Kiên trụ sâu chính nghĩa.
Người như thật tu hành,
Thủ đồng như Phật nói.
Tuy nói chẳng xảo ngôn,
Chỉ có nghĩa chân thật.
Pháp ấy phải thụ trì,
Như lấy vàng bỏ đá.
Diệu nghĩa như vàng ròng,
Xảo ngữ như gạch đá.
Y danh không y nghĩa,
Người ấy không đui mù.
Y tự tội nghiệp chướng,
Chê diệu pháp chư Phật.
Những hạng người như vậy,
Bị chư Phật quả trách.
Hoặc có thủ tha tâm,
Chê diệu pháp chư Phật
Những hạng người như vậy,
Bị chư Phật quả trách.
Vì các thứ cúng dường,
Chê diệu pháp chư Phật
Những hạng người như vậy,
Bị chư Phật quả trách.
Ngu si và ngã mạn,
Thích hành các tiểu pháp.
Chê pháp và pháp sư,

Bị chư Phật quả trách.
 Ngoài hiện tướng oai nghi,
 Chẳng biết Như Lai giáo.
 Chê pháp và pháp sư,
 Bị chư Phật quả trách.
 Vì muốn được tiếng tăm,
 Khởi các thứ dị thuyết.
 Chê pháp và pháp sư,
 Bị chư Phật quả trách.
 Nói trái Tu-đa-la,
 Bảo là nghĩa chân thật.
 Chê pháp và pháp sư,
 Bị chư Phật quả trách.
 Cầu lợi dưỡng dạy chúng,
 Lừa dối kẻ vô trí.
 Chê pháp và pháp sư,
 Bị chư Phật quả trách.
 Phật quán những thứ ấy
 Chúng sinh tội cực ác.
 Tâm từ bi tự tại,
 Vì nói pháp trừ khổ.
 Trí sâu đại từ bi,
 Năng như vậy lợi ích.
 Con nói không cầu lợi,
 Vì chính pháp dài lâu.

Phẩm 2: PHẬT BẢO

Phật thể không tiền tế,
 Và không trung gian tế,

Cũng không có hậu tế,
 Tịch tĩnh tự giác tri.
 Đã tự giác tri rồi,
 Vì muốn người khác biết,
 Cho nên vì người nói,
 Đạo thường hằng vô úy.
 Phật năng chấp trì kia,
 Đạo trí tuệ từ bi.
 Và chày diệu kim cương,
 Cắt đứt mầm móng khổ.
 Xô nát núi kiến chấp
 Che phủ ý điên đảo.
 Và cả rừng phiền não,
 Nên con nay kính lễ.

Phẩm 3: PHÁP BẢO

Phi hữu cũng phi vô,
 Và cũng phi hữu vô.
 Nơi kia cũng phi tức,
 Và kia cũng bất ly.
 Tư lường không thể được,
 Phi văn tuệ cảnh giới.
 Xuất ly đường ngôn ngữ,
 Nội tâm biết thanh lương.
 Mặt trời chân diệu pháp,
 Thanh tịnh không bụi nhơ.
 Ánh sáng đại trí tuệ
 Chiếu khắp các thế gian.
 Năng phá các u ám,
 Giác quán tham sân si.

*Hết thấy các phiền não,
Nên con nay kính lễ.*

Phẩm 4: TĂNG BẢO

*Người chính giác chính tri,
Thấy tất cả chúng sinh,
Thanh tịnh không có ngã,
Tịch tĩnh chân thật tế.
Viết được kia là
Tự tính tâm thanh tịnh.
Thấy phiền não không thật,
Nên lià các phiền não.
Người không chướng tịnh trí,
Thấy chúng sinh như thật.
Tính tự tính thanh tịnh,
Cảnh giới Phật pháp tăng.
Người không ngại tịnh trí,
Thấy tính các chúng sinh,
Khắp cảnh giới vô lượng.
Nên con nay kính lễ.*

Hỏi: Y theo các pháp gì có Tam bảo này?

Đáp: Kệ nói:

*Chân như các tạp cấu,
Và xa lià các cấu.
Phật vô lượng công đức,
Và tác nghiệp của Phật.
Cảnh giới vi diệu đó,
Là cảnh giới Phật biết.
Y theo pháp thân này,
Xuất sinh có Tam bảo.*

Phẩm 5: TẤT CẢ CHÚNG SINH CÓ NHƯ LAI TẠNG

Hỏi: Làm sao biết được tất cả chúng sinh có Như Lai tạng?

Đáp: Kệ nói:

*Tất cả chúng sinh giới,
Không tách rời Phật trí.
Vĩ kia tịnh và uế,
Thể tính không hai thứ.
Y tất cả chư Phật,
Thân pháp tính bình đẳng.
Biết tất cả chúng sinh,
Đều có Như Lai tạng.*

Lại lược nói kệ rằng:

*Thế và nghiệp nhân quả,
Tương ứng cùng với hành.
Thời sai biệt biến xứ,
Bất biến không sai biệt.
Tuần tự diệu nghĩa kia,
Đệ nhất chân pháp tính.
Ta lược nói như vậy,
Ông nay phải khéo hiểu.*

Kệ này nói ý nghĩa gì? Kệ nói:

*Tự tính thường không nhiễm,
Như báu, không, nước sạch.
Tin pháp và Bát-nhã,
Tam-muội với đại bi,
Tịnh ngã lạc và thương,
Bi ngạn quả công đức.
Chán khổ cầu Niết-bàn,
Dục nguyện cùng các nghiệp.*

*Biển lớn chứa nước báu,
Vô lượng không thể hết.
Như đèn sáng chiếu vật,
Tính công đức như vậy.
Thấy thật thì nói là
Phàm phu thánh nhân Phật.
Chúng sinh Như Lai tạng,
Chân như không sai biệt.
Có bất tịnh, tạp tịnh
Vời thiện tịnh v.v...
Như vậy tuần tự nói,
Chúng sinh Bồ-tát Phật.
Như hư không biến khắp
Hư không chẳng phân biệt.
Tự tính tâm vô cầu,
Cũng khắp không phân biệt.
Như hư không biến khắp,
Thế vi tế không nhiễm.
Phật tính khắp chúng sinh,
Các phiền não không nhiễm.
Như tất cả thế gian,
Y hư không sinh diệt.
Y nơi vô lậu giới,
Có các căn sinh diệt.
Lửa không đốt hư không,
Nếu đốt là không đúng.
Lão bệnh tử cũng vậy,
Không thể đốt Phật tính.
Đất nương nơi nước trụ,
Nước lại nương nơi gió.
Gió nương nơi hư không,
Hư không chẳng nương đất.*

Ấm giới căn cũng vậy,
 Trụ trong nghiệp phiền não.
 Tất cả nghiệp phiền não,
 Y tư duy bất thiện.
 Bất thiện tư duy hành,
 Trụ trong tâm thanh tịnh.
 Tự tính tâm thanh tịnh,
 Không trụ các pháp kia.
 Ấm nhập giới như đất,
 Nghiệp phiền não như nước,
 Không chính niệm như gió,
 Tịnh tâm giới như không.
 Y tính khởi tà niệm,
 Niệm khởi nghiệp phiền não.
 Y nhân nghiệp phiền não,
 Hay khởi ấm giới nhập.
 Y chỉ nơi 5 ấm,
 Giới nhập v.v... các pháp,
 Có các căn sinh diệt
 Như thế giới thành hoại.
 Tịnh tâm như hư không,
 Không nhân cũng không duyên.
 Và không nghĩa hòa hợp,
 Cũng không sinh trụ diệt.
 Tịnh tâm như hư không,
 Thường sáng không chuyển biến.
 Vì hư vọng phân biệt,
 Nhiễm phiền não khách trần.
 Bồ-tát Ma-ha-tát,
 Biết Phật tính như thật.
 Không sinh cũng không diệt,

Cũng không các lão bệnh.
 Bò-tát biết như vậy,
 Được là nơi sinh tử.
 Vì thương xót chúng sinh,
 Thị hiện có sinh diệt.
 Phật thân không biến đổi,
 Bởi được vô tận pháp.
 Nơi chúng sinh quy y,
 Bởi vì vô biên tế.
 Thường trụ pháp không hai,
 Bởi là vọng phân biệt.
 Hằng không chấp không tác,
 Vì tâm lực thanh tịnh.
 Pháp thân và Như Lai,
 Thánh đế với Niết-bàn,
 Công đức chẳng lìa nhau,
 Như ánh sáng với ban ngày.

Phẩm 6: VÔ LƯỢNG PHIÊN NÃO TRÍ BUỘC

Trong hoa tàn chư Phật,
 Trong bày ong mật ngọt,
 Trong vỏ cám hạt gạo,
 Trong trái cây mầm chồi,
 Tấm áo cũ vải rách
 Bọc lấy pho tượng vàng,
 Người đàn bà nghèo xấu
 Mang thai Chuyển luân vương.
 Trong khuôn đúc đất đen
 Có pho tượng đẹp đẽ.
 Chúng sinh tham sân si,

Các phiền não vọng tưởng
 Trong trần lao cấu ứ
 Đều có Như Lai tạng.
 Hoa, ong, cám, bùn đất,
 Trái cây và áo rách,
 Đàn bà nghèo, khuôn đúc,
 Tương tự phiền não cấu.
 Phật mật với vàng ròng,
 Mâm, tượng vàng, Luân vương,
 Pho tượng đẹp quý báu,
 Tương tự Như Lai tạng.

Hỏi: Thí dụ hoa Phật để nói ý nghĩa gì?

Đáp: Hoa tàn ví các phiền não. Nói chư Phật ví dụ Như Lai tạng. Kệ nói:

Phật công đức trang nghiêm,
 Trụ trong cái hoa tàn.
 Tịnh thiên nhãn trông thấy,
 Bỏ hoa hiển chư Phật.
 Phật nhãn quán tự pháp,
 Khắp tất cả chúng sinh
 Dưới đến ngục A-tì
 Đầy đủ Như Lai tạng.
 Tự ở cõi thường trụ,
 Dùng phương tiện từ bi
 Khiến tất cả chúng sinh
 Xa lìa các chướng ngại.
 Như trong cái hoa tàn
 Có chư Phật Như Lai.
 Người thiên nhãn thấy biết
 Trừ bỏ cánh hoa tàn.

*Như Lai cũng như vậy,
Thấy tham phiền não cấu
Bất tịnh trong chúng sinh
Đầy đủ Như Lai tạng.
Dùng tâm đại từ bi,
Vi thương xót thế gian,
Vi tất cả chúng sinh,
Trừ hoa tàn phiền não.*

Hỏi: Ví dụ mật ong để nói ý nghĩa gì?

Đáp: Nói bầy ong ví dụ các phiền não. Nói mật ngọt ví dụ Như Lai tạng. Kệ nói:

*Mật ngọt rất thơm ngon,
Bị bầy ong bao quanh.
Phải tạo lập phương tiện
Đuổi ong mà lấy mật.
Như Lai cũng như vậy
Dùng con mắt trí tuệ
Thấy các ong phiền não
Vây quanh mật Phật tính.
Dùng sức đại phương tiện
Đuổi ong phiền não kia,
Hiện xuất Như Lai tạng
Như lấy mật thụ dụng.
Giống như trăm ngàn ức
Na-do-tha các trùng
Ngăn che mật ngon ngọt
Không ai đến gần được.
Người có trí lấy mật,
Giết hại các trùng kia,
Lấy được mật ngon ngọt,*

*Tùy ý mà thụ dụng,
Trí vô lậu như mật
Ở trong thân chúng sinh,
Phiền não như độc trùng,
Bị Như Lai giết hại.*

Hỏi: Ví dụ cám và hạt gạo để nói ý nghĩa gì?

Đáp: Nói vỏ cám thí dụ các phiền não. Nói hạt bên trong thí dụ Như Lai tạng. Kệ nói:

*Hạt ở trong vỏ cám,
Không ai có thể dùng.
Khi có người muốn dùng,
Phương tiện trừ vỏ cám.
Phật thấy các chúng sinh
Thân có tính Như Lai,
Vỏ cám phiền não bực
Không làm được Phật sự.
Dùng sức phương tiện tốt
Khiến 3 cõi chúng sinh
Trừ vỏ cám phiền não,
Tùy ý làm Phật sự.
Giống như xay sát gạo,
Không bỏ hết vỏ cám,
Gạo chưa được xay sạch,
Không có được gạo ngon.
Như Lai tạng cũng vậy
Không lìa cám phiền não
Khiến tất cả chúng sinh
Bị đói khát phiền não.
Phật tự tại pháp vương
Ở trong thân chúng sinh*

*Hay hiển thị ái vị
Trừ khổ đói khát kia.*

Hỏi: Thí dụ vàng và phân nhơ nói lên ý nghĩa gì?

Đáp: Thí dụ phân nhơ như các phiền não. Thí dụ vàng ròng như Như Lai tạng. Kệ nói:

*Như người đi đường xa,
Rơi vàng trong phân nhơ.
Trải qua trăm ngàn năm,
Như cũ không biến đổi.
Tịnh thiên nhãn thấy rồi,
Bảo khắp các người rằng:
Trong đây có vàng ròng,
Ông có thể lấy dùng.
Phật quán tính chúng sinh
Chìm trong phân phiền não.
Vì muốn cứu vớt chúng,
Mưa pháp vũ vi diệu.
Như chỗ đất bất tịnh,
Rơi mất vàng ròng báu.
Các thiên nhãn thấy rõ,
Mà chúng sinh không biết.
Chư thiên đã thấy rồi,
Bảo các người đều biết,
Dạy phương tiện trừ bản,
Dùng được vàng ròng tốt.
Vàng Phật tính cũng vậy,
Rơi trong phân phiền não,
Như Lai quan sát rồi,
Vì nói pháp thanh tịnh.*

Hỏi: Thí dụ kho báu và đất để nói ý nghĩa gì?

Đáp: Đất thí dụ các phiền não. Kho báu thí dụ Như Lai tạng.
Kệ nói:

*Vì như nhà người nghèo,
Dưới đất có kho báu.
Người kia không hề biết,
Mà báu không thể nói.
Chúng sinh cũng như vậy.
Ở trong nhà tự tâm,
Có pháp bảo vô tận
Kho tàng bất tư nghị.
Tuy có kho báu này,
Mà không tự hay biết.
Vì không hay biết, nên
Chịu sinh tử nghèo khổ.
Vì như kho của báu
Trong nhà người nghèo kia.
Người chẳng nói là nghèo.
Kho báu cũng làm thịnh.
Kho pháp bảo cũng vậy,
Ở trong tâm chúng sinh.
Chúng sinh như người nghèo.
Phật tính như kho báu.
Vì muốn khiến chúng sinh
Được kho của báu này,
Nên chư Phật Như Lai
Xuất hiện ở thế gian.*

Hỏi: Thí dụ mầm trái cây nói lên ý nghĩa gì?

Đáp: Vô trái cây thí dụ các phiền não. Mầm cây thí dụ Như Lai tạng. Kệ nói:

Như các thứ trái cây,
 Mầm cây không bị hư,
 Trồng xuống đất tưới nước,
 Mọc lên thành cây to.
 Tất cả các chúng sinh,
 Trong các thứ phiền não,
 Đều có tính Như Lai,
 Vô vô minh bao bọc.
 Trồng xuống đất thiện căn,
 Nảy mầm cây Bồ-đề.
 Lần lượt tăng trưởng lên
 Thành Như Lai thụ vương.
 Y địa, thủy, hỏa, phong,
 Không, thời, nhật, nguyệt duyên
 Đa-la trong các thứ
 Xuất sinh đại thụ vương.
 Tất cả các chúng sinh
 Đều cũng giống như vậy.
 Trong vỏ trái phiền não
 Có mầm giống chính giác.
 Y bạch tịnh các pháp,
 Và nhờ các thứ duyên
 Tuần tự sinh trưởng lên,
 Thành Phật đại pháp vương.

Hỏi: Thí dụ áo và tượng nói lên ý nghĩa gì?

Đáp: Áo rách ví như các phiền não. Tượng vàng ví Như Lai tạng. Kệ nói:

Áo rách quần tượng vàng,
 Trên đường người qua lại.
 Chư thiên vì người nói:
 Trong đó có tượng vàng.

*Các thứ bản phiền não
 Vây bọc Như Lai tạng.
 Mắt Phật không chường thấy
 Dưới đến ngục A-tì.
 Đều có thân Như Lai.
 Để khiến đượcthân ấy
 Rộng lập các phương tiện
 Nói các thứ diệu pháp.
 Áo rách bọc tượng vàng
 Lăn lóc bên đường đi.
 Người thiên nhãn trông thấy
 Liền mách bảo cho người.
 Như Lai tạng chúng sinh
 Áo rách phiền não bọc,
 Nơi đường hiểm thế gian,
 Mà không ai hay biết.
 Mắt Phật quán thế gian,
 Đều có Như Lai tạng.
 Vì nói các thứ pháp,
 Khiến chúng sinh giải thoát.*

Hỏi: Thí dụ người đàn bà mang thai một vương giả nói lên ý nghĩa gì?

Đáp: Người đàn bà nghèo thí dụ các phiền não. Trong Ca-la-la 4 đại có thân một Chuyển luân vương thí dụ trong cái bọc Ca-la-la sinh tử có Chuyển luân vương Như Lai tạng. Kệ nói:

*Ví như gái cô đợc,
 Ở trong nhà nghèo khổ.
 Mang thai Chuyển luân vương
 Mà không tự hay biết.*

Giống như nhà nghèo kia,
 Ba côi cũng như vậy.
 Người nữ mang thai ấy,
 Ví chúng sinh bất tịnh.
 Như trong bọc thai kia,
 Tính chúng sinh cũng vậy.
 Trong có tính vô cấu,
 Gọi là không cô độc.
 Gái nghèo mặc áo bẩn,
 Rất hôi hám chịu khổ.
 Ở trong nhà cô đơn
 Mà mang thai vương giả.
 Các phiền não cũng vậy,
 Ô nhiễm tính chúng sinh.
 Chịu vô lượng khổ não,
 Không có nơi nương tựa.
 Thật có chỗ quy y,
 Mà tâm không quy y,
 Vì không biết tự thân
 Vốn có Như Lai tạng.

Hỏi: Thí dụ khuôn đúc và tượng đúc nói lên ý nghĩa gì?

Đáp: Khuôn đất thí dụ như các phiền não. Tượng báu thí dụ Như Lai tạng. Kệ nói:

Như người thợ nấu vàng,
 Rót vào trong khuôn đất.
 Ngoài bùn đất cháy đen,
 Trong tượng vàng quý báu.
 Người kia thấy khuôn nguội,
 Đập vỡ lớp đất bùn

Phá khuôn cho hiển hiện,
 Lấy tượng báu bên trong.
 Phật tính thường sáng sạch,
 Khách trần cấu nhiễm ô.
 Chư Phật khéo quán sát
 Trừ chướng khiến hiển hiện.
 Trừ bản tượng sáng sạch,
 Ở trong khuôn bùn đất.
 Thợ đúc biết hết nóng,
 Sau đó phá khuôn đất.
 Như Lai cũng như vậy
 Thấy Phật tính chúng sinh,
 Nghiễm nhiên trong phiền não
 Giống như tượng trong khuôn.
 Dùng phương tiện khéo léo,
 Như chày vỡ thuyết pháp,
 Đập phá khuôn phiền não,
 Phát hiện Như Lai tạng.

Phẩm 7: VÌ NGHĨA GÌ NÓI?

Hỏi: Trong các Tu-đa-la đều nói tất cả là không. Vì sao ở đây nói có Phật tính chân như? Kệ nói:

Các nơi trong kinh nói,
 Nội ngoại tất cả không.
 Pháp hữu vi như mây,
 Và cũng như mộng ảo.
 Ở đây vì sao nói
 Tất cả các chúng sinh
 Đều có tính chân như
 Mà không nói không tịch?

Đáp: Kệ nói:

*Vì có tâm khiếp nhược,
 Các chúng sinh khinh mạn
 Chấp trước pháp hư vọng,
 Chê thật tính chân như.
 Chấp thân có thần ngã.
 Để khiến chúng sinh ấy
 Lìa xa 5 lỗi nặng
 Nên nói có Phật tính.*

Phẩm 8: THÂN CHUYỂN THANH TỊNH THÀNH BỒ-ĐỀ

*Được tịnh và lìa xa,
 Tự tha tương ưng lợi.
 Ý chỉ sâu rộng lớn
 Đó chính là nghĩa kia.*

Trước tiên nói Phật Bồ-đề và phương tiện được Bồ-đề. Kệ nói:

*Trước nói pháp thân Phật,
 Tự tính thể thanh tịnh.
 Bị các bản phiền não
 Khách trần làm nhiễm ô.
 Ví như trong hư không,
 Nhật nguyệt lìa tịnh cấu.
 Vì bị mây dày đặc,
 Che phủ như lưới bao.
 Công đức Phật vô cấu
 Thường hằng không biến đổi.
 Không phân biệt các pháp,
 Được chân trí vô lậu.*

Tiếp nói thể thanh tịnh vô cấu. Kệ nói:

Như nước ao thanh tịnh,
 Không có bụi trần nhơ.
 Cỏ cây và hoa lá
 Mọc khắp giáp chung quanh.
 Như trăng không nguyệt thực,
 Mặt trời không mây che.
 Đủ công đức vô cầu
 Hiện hiện tức thể kia.
 Ong, vua, mật ngon ngọt,
 Kiên thật, tịnh, chân kim,
 Kho báu, quả cây lớn,
 Tượng vàng ròng không nhơ.
 Thân Chuyển luân thánh vương,
 Tượng Như Lai quý báu.
 Như vậy các pháp ấy
 Tức là thân Như Lai.

Tiếp nói thành tựu tự lợi lợi tha. Kệ nói:

Vô lậu và biến khắp,
 Pháp bất diệt hằng thường
 Thanh lương không biến đổi,
 Không thoái nơi tịch tĩnh.
 Thân chư Phật Như Lai
 Như hư không vô tướng.
 Vì những người thắng trí,
 Tạo cảnh giới 6 căn.
 Thị hiện sắc vi diệu,
 Phát âm thanh vi diệu,
 Khiến nghe giới hương Phật
 Cùng pháp vị của Phật.
 Khiến giác xúc Tam-muội,
 Khiến biết diệu pháp sâu.

*Tế tư duy đậm đặc,
Phật là tướng hư không.*

Tiếp nói đệ nhất nghĩa tương ưng. Kệ nói:

*Như không, chẳng nghĩ bàn,
Thường hằng và thanh lương.
Không đối cùng tịch diệt,
Khắp là các phân biệt.
Không chấp tất cả chỗ,
Lìa ngại thô nhám xúc.
Cũng không thể kiến thủ,
Tâm Phật sạch không nhơ.*

Tiếp nói pháp thân Phật. Kệ nói:

*Chẳng đầu, chẳng giữa sau,
Không phá hoại, không hai.
Xa lìa nơi 3 cõi,
Không nhơ, không phân biệt.
Cảnh giới rất sâu này,
Chẳng phải Nhị thừa biết.
Đủ thắng tuệ Tam-muội,
Người như thế thấy được
Quá hơn cát sông Hằng,
Không nghĩ bàn công đức.
Chỉ Như Lai thành tựu,
Không chung cùng người khác.
Sắc thân Như Lai đẹp,
Thể thanh tịnh không nhơ.
Xa lìa các phiền não,
Và tất cả tập khí.
Các thứ pháp thắng diệu,
Lấy quang minh làm thể.*

Khiến chúng sinh giải thoát,
 Thường không bao giờ nghỉ.
 Việc làm không nghĩ bàn,
 Như ngọc báu Ma-ni
 Hiện được các thứ hình,
 Mà thể kia chẳng thật.
 Vì thế gian thuyết pháp
 Thị hiện chỗ vắng lặng.
 Giáo hóa khiến thuần thực,
 Thụ ký cho nhập đạo.
 Thân Như Lai ảnh tượng,
 Mà không lìa bản thể.
 Ví như tất cả sắc,
 Không tách rời hư không.

Tiếp nói thân Như Lai thường trụ. Kệ nói:

Thể Tôn thể thường trụ,
 Do tu vô lượng nhân.
 Chúng sinh giới bất tận,
 Tâm từ bi như ý.
 Trí thành tựu tương ưng,
 Trong pháp được tự tại.
 Hàng phục các ma oán.
 Thể vắng lặng nên thường.

Tiếp nói thể không thể nghĩ bàn. Kệ nói:

Chẳng ngôn ngữ nói năng,
 Là đệ nhất nghĩa đế.
 Lìa các chỗ giác quán,
 Không nói thí dụ được.
 Pháp thắng diệu vô thượng,
 Không thủ lấy Niết-bàn.

*Chẳng phải 3 thừa biết,
Chỉ có cảnh giới Phật.*

Phẩm 9: NHƯ LAI CÔNG ĐỨC

*Tự lợi và lợi tha,
Thân đệ nhất nghĩa đế.
Y thân chân đế kia,
Có thể thế đế này.
Quả xa lia thuần thực,
Trong đó có đầy đủ
Sáu mươi bốn thứ pháp,
Các công đức sai biệt.*

Lược nói kệ rằng:

*Sức Phật: chày kim cương,
Phá chướng người vô trí.
Như Lai không sợ hãi:
Sư tử giữa đám đông.
Pháp Như Lai không chung,
Trong sạch như hư không.
Như mặt trăng dưới nước,
Chúng sinh thấy có hai.*

Trước tiên nói 10 sức. Kệ nói:

*Quả báo xír phi xír,
Nghệp và nơi các căn.
Tín tín chí xír đạo,
Ly cầu các thiên định.
Nghĩ nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn trí vắng lặng.
Các câu nói như vậy,
Gọi là 10 thứ sức.*

Như chày kim cương, kệ nói:

*Tính nghiệp xú phi xú,
 Chúng sinh các tín căn.
 Các thứ tùy tu địa,
 Quá túc mạng sai biệt.
 Thiên nhãn và lậu tận,
 Sức Phật chày kim cương.
 Có thể đập phá tan
 Khối ngu si như núi.*

Tiếp nói 4 không sợ hãi, kệ nói:

*Biết như thật các pháp,
 Ngăn các đường chướng ngại.
 Nói đạo được vô lậu,
 Là 4 không sợ hãi.
 Với cảnh giới sở tri,
 Biết tự tha rốt ráo.
 Mình biết dạy người biết,
 Đây chẳng chướng ngại đạo.
 Chúng được quả thắng diệu,
 Mình được khiến người được.
 Nói lý lợi tự tha,
 Là chỗ không sợ hãi.*

Như sư tử chúa, kệ nói:

*Vì như sư tử chúa,
 Tự tại giữa muôn thú.
 Thường ở nơi núi rừng
 Chẳng sợ các thú khác.
 Phật nhân vương cũng vậy,
 Ở trong giữa mọi người,*

*Không sợ và ở tốt,
Vững chắc và dững mãi.*

Tiếp nói 18 pháp không chung của Phật. Kệ nói:

*Phật không lỗi, không tranh,
Không có các vọng niệm
Không bất định tán tâm,
Không có các thứ tướng,
Không tác ý, hộ ba,
Dục, tinh tiến không thoái,
Niệm tuệ và giải thoát,
Tri kiến không thoái lui,
Các nghiệp trí làm gốc,
Biết 3 đời không ngại.
Phật 18 công đức,
Và ngoài ra không nói.
Phật thân khẩu không lỗi,
Nếu ai đến phá hoại,
Nội tâm tướng không động,
Không tác tâm xả tâm.
Thế Tôn dục tinh tiến,
Niệm tịnh trí giải thoát.
Thường không mất tri kiến,
Thị hiện cảnh khả tri.
Tất cả các nghiệp v.v...
Trí làm gốc lần lượt
Ba đời không chướng ngại,
Trí rộng lớn hành thường.
Đó là thể Như Lai,
Tương ưng đại trí tuệ.
Giác ngộ đại Bồ-đề
Pháp thắng diệu tối thượng.*

*Vì tất cả chúng sinh
Chuyển bánh xe đại pháp.
Pháp thắng diệu vô úy
Khiến chúng sinh giải thoát.*

Tiếp nói nghĩa hư không chẳng tương ưng. Kệ nói:

*Như đất nước lửa gió
Pháp kia không trung không,
Trong các sắc cũng không,
Pháp hư không không ngại.
Chư Phật không chướng ngại,
Giống như tướng hư không.
Như Lai tại thế gian
Như đất nước lửa gió.
Mà chư Phật Như Lai
Sở hữu các công đức,
Cho đến không một pháp
Thế gian cùng có được.*

Tiếp nói 32 tướng đại nhân. Kệ nói:

*Tướng dưới chân bằng phẳng,
Đủ ngàn dấu vòng xoay.
Gót chân thì đầy đặn,
Như gót nai I-ni.
Tay chân đều mềm mại,
Các ngón đều thon dài.
Ngón có màn chân ngỗng.
Cánh tay trên dưới đều.
Hai vai trước sau thẳng,
Trái phải đều đầy đủ.
Tay duỗi dài quá gối.*

Tướng mã âm kín đáo.
Thân tướng thì trang nhã
Như Ni-câu thụ vương.
Tướng 7 chỗ đầy đặn.
Thân trên như sư tử.
Oai đức thể vững chắc
Giống như Na-la-diên.
Thân sắc mới tịnh diệu.
Da sắc vàng mềm mại.
Sạch nhuyển mịn bằng phẳng
Mỗi lỗ một sợi lông.
Lông mềm đẹp tươi tốt,
Đều xoay về bên phải.
Thân sáng sạch viên mãn,
Trên đỉnh tướng nổi cao
Đỉnh như đỉnh chim công.
Má vuông như sư tử.
Tóc sạch sắc vàng ròng
Vị như Nhân-đà-la.
Trên trán tướng lông trắng.
Khuôn mặt sạch sáng loáng.
Miệng có 40 răng,
Hai răng trắng hơn tuyết.
Trong ngoài đều khít khao,
Răng trên dưới đồng đều .
Tiếng Ca-lăng-tần-già,
Diệu âm nghe rất xa.
Ăn uống đều hoàn toàn,
Được vị trong thượng vị.
Lưỡi mịn mỏng rộng dài,
Đôi mắt màu xanh biếc.

*Mi mắt như ngư vương
 Công đức như hóa sen.
 Như vậy nói nhân tôn
 Đủ 32 tướng tốt.
 Mỗi mỗi không tạp loạn,
 Toàn thân đều hoàn hảo.*

Tiếp nói như trăng trong nước. Kệ nói:

*Trời thu không mây che,
 Trăng trên trời dưới nước.
 Người trên khắp thế gian
 Đều thấy bóng trăng sáng.
 Trong sạch bóng Phật tròn
 Đủ sức mạnh công đức.
 Phật tử thấy Như Lai,
 Thân công đức cũng vậy.*

Phẩm 10: PHẬT NGHIỆP TỰ NHIÊN KHÔNG NGỪNG NGHỈ

*Với chúng sinh khả hóa,
 Dùng phương tiện giáo hóa.
 Khởi nghiệp hóa chúng sinh,
 Giáo hóa chúng sinh giới.
 Chư Phật người tự tại,
 Với chúng sinh khả hóa.
 Thường chờ nơi chờ lúc
 Tự nhiên làm Phật sự.
 Khắp hiểu biết Đại thừa,
 Công đức vi diệu nhất.
 Như nước báu biển lớn,*

*Trí Như Lai cũng vậy.
 Bô-đề rộng vô biên,
 Giống như hư không giới.
 Phóng vô lượng công đức,
 Ánh sáng đại trí tuệ.
 Chiếu khắp các chúng sinh,
 Có Phật diệu pháp thân.
 Vô cầu công đức tạng,
 Như thân ta không khác.
 Phiền não chướng, trí chướng,
 Như mây bùa lưới che.
 Chư Phật gió từ bi
 Thổi tan tiêu diệt hết.*

Tiếp nói thí dụ nghiệp Đại thừa. Kệ lược nói:

*Trống trời: mây Đé Thích,
 Mặt trời Phạm: Ma-ni.
 Vang chiếu cõi hư không,
 Thân Như Lai cũng vậy.*

Trước tiên nói thí dụ ảnh tượng trong gương Đé Thích. Kệ nói:

*Như Tì-lưu-ly kia,
 Trong sạch trong đại địa.
 Thân thiên chủ Đé Thích,
 Hiện ảnh tượng trong gương.
 Tâm chúng sinh cũng vậy,
 Trong sạch trong đại địa.
 Thân chư Phật Như Lai,
 Ảnh tượng hiện ở trong.
 Đé Thích hiện không hiện,
 Y địa tịnh bất tịnh.
 Các thế gian cũng vậy,*

Ảnh tượng hiện không hiện.
Như Lai có khởi diệt,
Y trước không trước tâm.
Các chúng sinh cũng vậy,
Ảnh tượng hiện không hiện.
Thân thiên chủ Đế Thích,
Ảnh tượng có sinh diệt.
Không thể nói là có,
Không thể nói là không.
Thân Như Lai cũng vậy.
Ảnh tượng có sinh diệt,
Không thể nói là có,
Không thể nói là không.
Như đại địa chu biến,
Xa lìa cao thấp nhơ.
Đại lưu ly sáng sạch,
Đức ly cấu bình đẳng.
Bởi Tì-lưu-ly kia,
Trong sạch không cấu ố.
Thiên chủ hiện trong gương,
Và các thứ trang nghiêm.
Nếu người nam người nữ,
Thấy thiên chủ trong đó,
Cùng các thứ trang nghiêm,
Nguyện sinh về nơi ấy.
Chúng sinh nếu muốn sinh,
Tu hành các thiện hạnh.
Giữ giới và bố thí,
Rãi hoa, xả châu báu.
Về sau công đức hết,
Địa diệt kia cũng diệt.

*Tâm lưu ly địa sạch,
Chư Phật ảnh tượng hiện.
Chư Phật tử Bồ-tát,
Thấy Phật tâm hoan hỷ.
Vì mong cầu Bồ-đề,
Khởi nguyện tu các hạnh.*

Không sinh không diệt, tức là Như Lai. Kệ nói:

*Như Tì-lưu-ly diệt,
Ảnh trong gương cũng diệt.
Không thể hóa chúng sinh,
Như Lai không ra đời.
Đất báu lưu ly sạch,
Thị hiện ảnh tượng Phật.
Tịnh tâm kia không hoại,
Mầm tin căn tăng trưởng.
Pháp bạch tịnh sinh diệt,
Ảnh Phật cũng sinh diệt.
Như Lai không sinh diệt,
Giống như trời Đế Thích.
Nghiệp này tự nhiên có,
Thấy như vậy hiện tiền.
Pháp thân không sinh diệt.
Mãi mãi hằng thường trụ.*

Tiếp nói thí dụ tiếng trống nhiệm màu trên trời. Kệ nói:

*Tiếng trống trời màu nhiệm,
Y tự nghiệp mà có.
Chư Phật nói pháp âm,
Chúng sinh tự nghiệp nghe.
Như diệu âm xa lìa,
Công dụng ở thân tâm.*

Khiến tất cả chư thiên,
 Là sợ được tịch tĩnh.
 Tiếng Phật cũng như vậy,
 Là công dụng thân tâm.
 Khiến tất cả chúng sinh
 Được chứng đạo tịch diệt.
 Trong khi đang chiến đấu,
 Để phá sức Tu-la,
 Phát tiếng trống kinh sợ
 Khiến Tu-la lui tan.
 Như Lai vì chúng sinh
 Diệt các khổ phiền não.
 Vì thế gian nói pháp,
 Chỉ dạy đạo thiên định.

Tất cả người thế gian không biết tội lỗi mình. Kệ nói:

Điếc không nghe tiếng nhỏ,
 Thiên nhĩ nghe không khắp.
 Chỉ cảnh giới người trí,
 Do tâm nghe không nhiễm.

Tiếp nói thí dụ mây mưa. Kệ nói:

Biết có khởi tâm bi,
 Biến khắp trong thế gian.
 Định trì vô cầu tạng,
 Phật mưa nhân tịnh cốc.
 Thế gian theo thiện nghiệp,
 Theo gió sinh mây mưa.
 Theo từ bi tăng trưởng,
 Mây mưa Phật pháp mầu.

Y chỉ khí thế gian vị nước mưa biến hoại. Kệ nói:

*Ví như trong hư không,
 Mưa nước 8 công đức.
 Đến các nơi có mặt,
 Sinh các vị khác nhau.
 Mây Như Lai từ bi,
 Mưa nước 8 thánh đạo.
 Rớt vào tâm chúng sinh,
 Hiểu được các thứ vị.*

Tâm không sai biệt. Kệ nói:

*Tin diệu pháp Đại thừa,
 Và trong kẻ chê pháp,
 Người, Giá-đa, chim, quỷ,
 Ba tụ đây tương tự.
 Chính định tụ chúng sinh,
 Tập khí bất định tụ,
 Thân kiến tà định tụ,
 Tà kiến trôi sinh tử.
 Trời thu không mây mưa,
 Nhân không chim chịu khổ.
 Trời hè nhiều mưa nước,
 Thiêu đốt quỷ chịu khổ.
 Phật hiện thế không hiện,
 Mây bi mưa pháp vũ.
 Tin pháp khí thì được,
 Chê pháp thì không nghe.*

Không hộ chúng sinh. Kệ nói:

*Trời mưa như trực xe,
 Trút xuống tràn đại địa.
 Mưa đá sấm rền vang,
 Kim cương phát nổ lửa.*

Chẳng hộ vi tế trùng,
 Núi rừng các cây cối.
 Lúa má với hoa màu,
 Người đi đường mắc mưa.
 Như Lai cũng như vậy,
 Với thô tế chúng sinh,
 Tương ưng các phương tiện,
 Bát-nhã mây mưa bi.
 Các tập khí phiền não,
 Ngã, tà kiến chúng sinh,
 Các chủng loại như vậy,
 Nhất thiết trí không hộ.

Để diệt lửa khổ, kệ nói:

Biết bệnh là bệnh nhân,
 Dùng thuốc để không bệnh.
 Khổ nhân kia diệt đạo,
 Biết là xúc tu v.v...
 Đòi vô thủy sinh tử,
 Lưu chuyển trong 5 đường.
 Trong 5 đường thụ lạc,
 Giống như thứ phân hôi.
 Lạnh nóng não cảm xúc
 Các khổ đều có đủ.
 Để trừ diệt được kia
 Mưa xuống đại diệu pháp.
 Biết trời thoái đạo khổ,
 Người thì tìm cầu khổ.
 Người có trí không cầu,
 Người trời tự tại vui.
 Người tuệ tin lời Phật,
 Đã tin thì biết khổ.

*Lại phải biết nhân khổ,
Quán diệt và biết đạo.*

Tiếp nói thí dụ Phạm thiên, kệ nói:

*Phạm thiên quá khứ nguyện,
Y chư thiên tịnh nghiệp.
Phạm thiên tự nhiên hiện,
Thân hóa Phật cũng vậy.
Trong Phạm cung không động,
Thường hiện nơi Dục giới.
Chư thiên thấy sắc đẹp,
Mắt cảnh giới 5 dục.
Pháp thân Phật không động
Mà thường hiện thế gian.
Chúng sinh thấy hoan hỷ,
Không ưa vui hữu lậu.*

Có hiện không hiện, kệ nói:

*Từ trời thoái nhập thai,
Hiện sinh có cha mẹ.
Tại gia như đứa trẻ,
Học tập các kỹ nghệ.
Vui chơi và du hành,
Xuất gia tu khổ hạnh.
Hiện đến học ngoại đạo,
Hàng phục chúng thiên ma.
Thành Phật chuyển pháp luân,
Thị hiện nhập Niết-bàn.
Các chúng sinh phúc mỏng
Không được thấy Như Lai.*

Tiếp đến thí dụ mặt trời, kệ nói:

*Như mặt trời mới mọc,
 Chiếu khắp các hoa sen.
 Có hoa đồng thời nở,
 Có hoa thì lại khép.
 Mặt trời Phật cũng vậy,
 Chiếu tất cả chúng sinh,
 Có trí như hoa nở,
 Có tội như hoa khép.
 Như mặt trời chiếu hoa
 Mặt trời không phân biệt.
 Mặt trời Phật cũng vậy,
 Chiếu mà không phân biệt.*

Kệ lần lượt nói:

*Mặt trời vừa xuất hiện,
 Phóng ra ngàn tia sáng.
 Trước chiếu các núi cao,
 Sau chiếu núi vừa, thấp.
 Mặt trời Phật cũng vậy,
 Lần lượt chiếu thế gian.
 Trước chiếu các Bồ-tát,
 Sau chiếu các chúng sinh.*

Vàng ánh sáng không đồng, kệ nói:

*Thân sắc trí 2 pháp,
 Thân đại bi như không.
 Khắp chiếu các thế gian,
 Phật không như mặt trời.
 Mặt trời không chiếu khắp,
 Các cõi nước hư không.
 Không phá vô minh ám,
 Không bày nào biết cảnh.*

*Phóng ra các thứ sắc,
 Sáng chiếu các lưới mây.
 Rõ thể đại từ bi,
 Cảnh giới chân như diệu.
 Phật vào thành, làng xóm,
 Thì người mù sáng mắt.
 Thấy Phật được lợi lớn,
 Cũng diệt được ác pháp.
 Vô minh chìm các hữu
 Tà kiến chướng tối tăm.
 Mặt trời Như Lai chiếu
 Thấy tuệ chưa thấy xứ.*

Tiếp nói thí dụ ngọc Ma-ni, kệ nói:

*Đồng thời ở một chỗ,
 Thỏa mãn ý tìm cầu.
 Ngọc Ma-ni vô tâm,
 Mà mãn chúng sinh nguyện.
 Đại pháp vương tự tại,
 Đồng trụ nơi tâm bi.
 Chúng sinh nghe các thứ,
 Tâm Phật không phân biệt.*

Tiếp nói thí dụ tiếng vang, kệ nói:

*Ví như các tiếng vang,
 Dựa cái khác được khởi.
 Tự nhiên không phân biệt,
 Chẳng trụ trong trụ ngoài.
 Tiếng Như Lai cũng vậy,
 Y tha tâm mà khởi.
 Tự nhiên không phân biệt,
 Chẳng trụ trong trụ ngoài.*

Tiếp nói thí dụ hư không, kệ nói:

*Không vật không thể thấy,
Không quán không y chỉ.
Quá cảnh giới nhãn thức,
Không sắc không thể thấy.
Trong không, thấy cao thấp,
Mà không, chẳng như vậy.
Trong Phật thấy tất cả,
Nghĩa ấy cũng như vậy.*

Tiếp nói thí dụ đất, kệ nói:

*Tất cả các cỏ cây,
Đều dựa vào đất sinh.
Đất không tâm phân biệt,
Mà tăng trưởng thành tựu.
Tâm chúng sinh thiện căn,
Dựa vào Phật địa sinh,
Phật không tâm phân biệt,
Mà tăng trưởng thành tựu.
Tiếng Phật như tiếng vang,
Bởi không nói danh tự.
Thân Phật như hư không,
Khắp không thể thấy thường.
Như các pháp dựa đất,
Tất cả các thuốc hay.
Khắp vì các chúng sinh,
Không hạn một người nào.
Các pháp y Phật địa,
Pháp dược bạch tịnh diệu.
Khắp vì các chúng sinh,
Không hạn một người nào.*

Phẩm 11: HIỆU LƯỢNG TÍN CÔNG ĐỨC

*Phật tính Phật Bồ-đề,
Phật pháp và Phật nghiệp.
Các tịnh nhân xuất thế,
Cũng không thể nghĩ bàn
Các cảnh giới chư Phật.
Nếu như có người tin,
Được vô lượng công đức,
Hơn tất cả chúng sinh.
Để cầu Phật Bồ-đề,
Quả báo bất tư nghị.
Được vô lượng công đức,
Nên hơn các thế gian.
Nếu có người xả được,
Ma-ni các trân bảo.
Bồ thí 10 phương cõi,
Vô lượng các cõi Phật.
Vì cầu Phật Bồ-đề,
Bồ thí các pháp vương.
Người ấy thí như vậy,
Vô lượng Hằng sa kiếp.
Nếu lại có người nghe,
Một câu diệu cảnh giới.
Đã nghe rồi lại tin,
Quá thí phúc vô lượng.
Nếu có người trí tuệ,
Phụng trì vô thượng giới.
Thân khẩu ý nghiệp tịnh,
Tự nhiên thường hộ trì.
Vì cầu Phật Bồ-đề,*

Như vậy vô lượng kiếp.
 Người này được phúc đức,
 Không thể nghĩ bàn được.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu diệu cảnh giới.
 Đã nghe rồi lại tin,
 Quá giới phúc vô lượng.
 Nếu người nhập thiền định,
 Đốt 3 cõi phiền não.
 Quá trời hành bỉ ngạn,
 Không phương tiện Bồ-đề.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu diệu cảnh giới.
 Đã nghe rồi lại tin,
 Quá thiên phúc vô lượng.
 Người vô tuệ xả được,
 Chỉ được báo giàu sang.
 Người tu trì cấm giới,
 Được sinh cõi người, trời.
 Tu hành đoạn các chướng,
 Bị tuệ không thể trừ.
 Tuệ trừ phiền não chướng,
 Cũng trừ được trí chướng.
 Nghe pháp là tuệ nhân,
 Cho nên nghe pháp hơn.
 Hướng chi nghe pháp rồi,
 Lại sinh được lòng tin.
 Ta nói ra pháp này,
 Là tự tâm thanh tịnh.
 Y các Như Lai dạy,
 Tương ưng Tu-đa-la.

Nếu người có trí tuệ,
Nghe và tin thụ được.
Ta nói ra pháp này,
Cũng để độ người ấy.
Y đèn, điện, Ma-ni,
Mặt trời, trăng, các sáng.
Tất cả người có hạn,
Đều thấy được cảnh giới.
Y ánh sáng Phật pháp,
Người mắt tuệ thấy được.
Vì pháp lợi như vậy,
Nên ta nói pháp này.
Nếu tất cả chỗ nói
Có nghĩa, có pháp cú
Khiến cho người tu hành
Được xa lìa 3 cõi.
Và dạy pháp tịch tĩnh,
Đạo vô thượng tối thắng.
Phật nói là chính kinh,
Ngoài ra điên đảo thuyết.
Tuy nói pháp cú nghĩa,
Đoạn phiền não 3 cõi.
Vô minh che mắt tuệ,
Các tham cấu trói buộc,
Lại ở trong Phật pháp,
Chỉ thụ lấy phần ít.
Sách đời thì khéo nói,
Kia 3 còn khả thụ.
Huống chi chư Như Lai,
Lìa xa bản phiền não.
Người trí tuệ vô lậu,

Giảng nói Tu-đa-la.
 Bỡi lìa chư Phật ra,
 Tất cả trong thế gian
 Không ai trí tuệ hơn
 Biết các pháp như thật.
 Như Lai nói liễu nghĩa
 Kia không thể nghĩ bàn
 Tư duy là chê pháp
 Vì không biết Phật ý.
 Chê Phật phá hoại pháp,
 Đó các tà tư duy.
 Người ngu si phiền não,
 Vọng thấy liền sinh chấp.
 Vậy không nên chấp trước,
 Tà kiến các pháp bản.
 Bỡi áo sạch nhuộm màu,
 Như bản không nhuộm được.

Hỏi: Vì nhân duyên gì có sự chê pháp này?

Đáp: Kệ nói:

Ngu không tin bạch pháp,
 Tà kiến và kiêu mạn.
 Quá khứ chướng chê pháp,
 Chấp trước không liễu nghĩa.
 Chấp cứng durezza kính,
 Chỉ thấy có tà pháp.
 Xa lìa thiện tri thức,
 Gần gũi người chê pháp.
 Ưa chấp pháp Tiểu thừa,
 Các chúng sinh như vậy
 Không tin nơi Đại thừa,

*Nên chê các Phật pháp.
Người trí không nên sợ,
Oan gia, rắn, lửa, độc,
Nhân-đà-la sấm rền,
Đao gậy các thú dữ.
Cọp sói cùng sư tử,
Chúng chỉ hại mạng người.
Chứ không thể khiến người,
Đọa A-tì đáng sợ.
Phải sợ việc chê pháp,
Và tri thức chê pháp.
Chắc chắn khiến người đọa,
Ngục A-tì đáng sợ.
Tuy gần ác tri thức,
Tâm ác xuất Phật huyết.
Và giết hại cha mẹ,
Đoạn mạng các thánh nhân.
Phá hoại tăng hòa hợp,
Và đoạn các thiện căn.
Để buộc niệm chính pháp,
Giải thoát được nơi kia.
Nếu lại có người khác,
Phỉ báng pháp thậm thâm,
Người ấy vô lượng kiếp,
Không thể được giải thoát.
Nếu người khiến chúng sinh,
Hiểu tin pháp như vậy,
Người ấy cha mẹ ta,
Cũng là thiện tri thức.
Người ấy là trí giả,
Vì sau Như Lai diệt,*

*Hồi tà kiến điên đảo
 Khiến nhập vào chính đạo.
 Tam bảo thanh tịnh tịnh,
 Bồ-đề công đức nghiệp.
 Ta lược nói 7 thứ,
 Tương ưng với kinh Phật.
 Ý các công đức này,
 Nguyên sau khi mạng chung,
 Thấy Phật Vô Lượng Thọ,
 Thân công đức vô biên,
 Ta cùng các tín giả,
 Đã thấy Phật ấy rồi,
 Nguyên được mắt ly cấu,
 Thành vô thượng Bồ-đề.*

Luận nói: Đệ nhất: Giáo hóa phẩm. Như trong các kệ đã nói, phải biết luận này quảng môn có 11 phẩm, trung thì 7 phẩm, lược 1 phẩm duy nhất. Trước tiên giải thích 1 phẩm gồm đủ thể tướng của pháp nghĩa. Phải biết kệ nói:

*Phật pháp và chúng tăng,
 Tịnh đạo công đức nghiệp.
 Lược nói thể luận này,
 Bảy thứ câu kim cương.*

Kệ này nói lên nghĩa gì? Nói kim cương là như kim cương khó hủy hoại. Nghĩa sở chứng cũng như vậy nên nói kim cương. Nói câu, là dùng câu luận này có thể làm căn bản với chứng nghĩa. Đây nói lên nghĩa gì? Nội thân chứng pháp thể vô ngôn. Bởi trí văn tự khó có thể chứng đắc. Giống như kim cương, danh tự văn cú lấy năng thuyên chứng trí trong lý kia tùy thuận chính đạo. Có thể làm căn bản nên gọi là cú. Đây lại nói nghĩa gì? Có 2 nghĩa. Hai nghĩa là gì? Một là

nghĩa khó chứng, hai là nghĩa của nhân. Đó gọi là nghĩa. Phải hiểu tự cú của kim cương là như vậy.

Lại sao gọi là nghĩa? Sao gọi là tự? Nghĩa, là có 7 thứ chứng nghĩa. Bảy nghĩa đó là gì? 1. Phật nghĩa. 2. Pháp nghĩa. 3. Tăng nghĩa. 4. Chúng sinh nghĩa. 5. Bồ-đệ nghĩa. 6. Công đức nghĩa. 7. Nghiệp nghĩa. Đó gọi là nghĩa. Cho nên kinh nói: “ Lại đệ nhất nghĩa đế, nghĩa là tâm duyên còn không thể biết huống chi là danh tự chương cú.” Nói tự, nghĩa là tùy dùng những danh tự, chương cú, ngôn ngữ, phong thanh, năng biểu, năng thuyết, năng minh, năng thị gì. Bảy thứ nghĩa này gọi là tự. Cho nên kinh nói: “ Lại thế đế, nghĩa là những việc trong thế gian dùng danh tự chương cú ngôn ngữ để nói.” Lại 7 thứ cú nghĩa kim cương như trong các kinh có nó rộng, cần phải biết. Nên biết y Phật nghĩa như thế nào, cho nên trong kinh Như Lai bảo A-nan rằng: “ A-nan ! Nói Như Lai, là chẳng phải pháp có thể trông thấy, cho nên nhãn thức không trông thấy được.”

Y pháp nghĩa, trong kinh Như Lai bảo A-nan rằng: “ A-nan ! Nói pháp, là chẳng phải việc có thể nói, cho nên nhĩ thức không nghe được.”

Y tăng nghĩa, trong kinh Như Lai bảo A-nan rằng: “ A-nan ! Nói tăng, là vô vi, cho nên không thể thân khẩu cúng dường lễ bái tán thán.”

Y chúng sinh nghĩa, trong kinh Như Lai bảo Xá-lợi-phất rằng: “ Xá-lợi-phất ! Nói chúng sinh, đó là cảnh giới chư Phật Như Lai. Tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... dùng chính trí tuệ không thể quán sát nghĩa của chúng sinh huống chi có thể chứng. Mao đạo phàm phu đối với nghĩa này chỉ tin vào Như Lai. Cho nên Xá-lợi-phất ! Tùy theo Như Lai tin nghĩa chúng sinh này. Xá-lợi-phất ! Nói chúng sinh, tức là đệ nhất nghĩa đế. Xá-lợi-phất ! Nói đệ nhất nghĩa đế, tức là chúng sinh giới. Xá-lợi-phất ! Nói chúng sinh giới, tức là Như Lai tạng. Xá-lợi-phất ! Nói Như Lai tạng, tức là pháp thân. “

Y Bô-đề nghĩa, nên trong kinh nói: “Thưa Thế Tôn ! Nói A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề, là Niết-bàn giới. Thế Tôn ! Niết-bàn giới, tức là pháp thân.”

Y công đức nghĩa, nên trong kinh Như Lai bảo Xá-lợi-phất rằng: “Xá-lợi-phất ! Như Lai nói nghĩa của pháp thân, là quá hơn số cát sông Hằng không lìa không thoát Phật pháp không thể nghĩ bàn, công đức trí tuệ của Như Lai. Xá-lợi-phất ! Như đèn của thế gian, ánh sáng và sự chạm xúc không tách rời, không thoát. Lại như ngọc báu Ma-ni sắc sáng và hình tướng không tách rời, không thoát. Xá-lợi-phất ! Nghĩa của pháp thân cũng như vậy, quá hơn số cát sông Hằng không lìa không thoát Phật pháp không thể nghĩ bàn, công đức trí tuệ của Như Lai.”

Y nghiệp nghĩa, nên trong kinh Như Lai bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: “Văn-thù-sư-lợi ! Như Lai chẳng phân biệt, chẳng phân biệt không phân biệt, mà tự nhiên không phân biệt, cứ như chỗ tác nghiệp mà tự nhiên làm. Các tên gọi như vậy là lược nói 7 thứ kim cương tự cú. Phải biết đó là gồm chung thể tướng của luận này. Cho nên kệ nói:

*Bảy thứ tướng lần lược,
Tổng trì tự tại vương.
Bồ-tát Tu-đa-la,
Tự phần có 3 câu.
Còn lại 4 câu là
Trong Bồ-tát Như Lai.
Trí tuệ phân sai biệt,
Cần phải biết như thế.*

Kệ này nói ý nghĩa gì? Lấy 7 thứ kim cương tự cú gồm chung luận này. Tất cả Phật pháp nói rộng tướng này. Như Kinh Đà-la-ni Tự tại Vương, 3 câu trong Tự phần, còn 4 câu là sai biệt phần của Tu-đa-la Bồ-tát Như Lai pháp. Thế nào là tự phần có 3 câu đầu? Trong

tự phân Tu-đa-la kia nói: “ Bà-già-bà bình đẳng chứng tất cả pháp, khéo chuyển pháp luân, khéo giáo hóa điều phục vô lượng chúng đệ tử. Như vậy 3 thứ tự cú căn bản lần lượt thị hiện Phật pháp tăng bảo, nói Tam bảo lần lượt sinh khởi thành tựu. Phải biết còn 4 câu là nói tùy thuận Tam bảo nhân, thành tựu Tam bảo nhân. Phải biết đây nói ý nghĩa gì? Bởi các Bồ-tát ở trong địa thứ 8, 10 tự tại làm đầu, đầy đủ được tất cả tự tại. Cho nên Bồ-tát ngồi ở nơi đạo tràng thắng diệu, trong tất cả các pháp đều được tự tại. Vì vậy kinh nói Bà-già-bà bình đẳng chứng tất cả pháp. Bởi các Bồ-tát khi trụ ở địa thứ 9, trong tất cả pháp được là vị pháp sư lớn nhất cao nhất, biết rõ tâm tất cả chúng sinh, đến được căn cơ đệ nhất bỉ ngạn của tất cả chúng sinh, có thể đoạn tất cả tập khí phiền não của chúng sinh, cho nên Bồ-tát thành đại Bồ-đề. Cho nên kinh nói khéo chuyển pháp luân. Bởi các Bồ-tát ở trong địa thứ 10 được trụ vô thượng pháp vương vị, sau có thể ở nơi tất cả Phật tác nghiệp mà tự nhiên làm, thường không dừng nghỉ. Cho nên kinh nói khéo giáo hóa điều phục vô lượng chúng đệ tử. Khéo giáo hóa điều phục vô lượng chúng đệ tử, tức trong kinh ấy tiếp sau thị hiện. Cho nên kinh nói cùng đủ chúng đại Tì-khưu. Như vậy cho đến lại có vô lượng chúng Bồ-tát, như vậy lần lượt khéo giáo hóa Thanh Văn vị địa và Phật Bồ-đề. Khéo điều phục tất cả phiền não, như vậy rất ráo có vô lượng công đức. Lại nói các công đức của Thanh Văn Bồ-tát xong, tiếp nói cảnh giới Tam-muội không thể nghĩ bàn của chư Phật Như Lai. Lại nói cảnh giới Tam-muội của chư Phật Như Lai xong, tiếp nói thành tựu bảo điện vô cấu đại bảo trang nghiêm. Lại nói thành tựu bảo điện đại bảo trang nghiêm xong, tiếp nói đại chúng vân tập cúng dường các thứ tán thán Như Lai, mưa các thứ y phục, mưa các thứ hoa, mưa các thứ hương v.v... như vậy thị hiện Phật bảo không thể nghĩ bàn. Phải biết lại tiếp nói diệu pháp trang nghiêm pháp tòa. Lại nói diệu pháp trang nghiêm pháp tòa xong, tiếp nói pháp môn danh tự và thị hiện công đức. Đây là nói rõ công đức sai biệt của pháp bảo. Phải biết lại nói các Bồ-tát

Ma-ha-tát lần lượt cùng đến cảnh giới hành Tam-muội thị hiện các thứ công đức. Đây là nói rõ công đức sai biệt của tạng bảo. Phải biết lại nói Như Lai phóng đại quang minh trao cho các Bồ-tát Ma-ha-tát chức vị thái tử pháp vương. Lại nói cùng đại vô úy biện tài không khiếm nhược. Lại tán thán đệ nhất công đức của chư Phật Như Lai. Lại nói pháp Đại thừa tối thượng đệ nhất, thị hiện tu hành như thật Đại thừa ấy nên trong pháp chứng quả, tức thứ tự sai biệt công đức vô thượng của Tam bảo ấy. Đại khái là nghĩa trong tự phần cần phải biết như thế.

Đã nói xong Tam bảo trong tự phần của Tu-đa-la Tự Tại Vương Bồ-tát. Tiếp đến nói nghĩa của Phật tính. Có 60 pháp thanh tịnh công đức ấy. Bởi vì sao? Vì có tính công đức vô lượng thanh tịnh ấy. Vì tính thanh tịnh ấy tu 60 thứ pháp. Vì ý nghĩa đó nên trong Kinh Thập Địa thường thường nói vàng làm thí dụ để thanh tịnh nghĩa Phật tính ấy. Lại ngay trong Kinh Đà-la-ni Tự Tại Vương nói xong Như Lai nghiệp. Tiếp nói thí dụ đại Tì-lưu-ly Ma-ni bảo không thanh tịnh. Cho nên kinh nói: “Thiện nam tử ! Ví như người thợ ngọc Ma-ni giỏi biết rõ ngọc báu đại Ma-ni thanh tịnh vào trong núi có ngọc đại Ma-ni lấy những ngọc báu Ma-ni chưa thanh tịnh. Lấy xong ngọc báu ấy dùng tro đậm tẩy rửa. Tẩy rửa bằng tro đậm rồi, sau dùng áo bằng tóc đen đánh bóng. Làm như vậy chưa đủ, lại còn siêng năng không ngừng nghỉ, tiếp đến dùng thức uống có vị cay tẩy rửa. Tẩy rửa xong lại dùng áo bọc cây gỗ vào bên trong mà chà sát. Làm như vậy chưa đủ lại còn siêng năng không ngừng nghỉ. Tiếp đến dùng nước đại được tẩy rửa. Rửa nước đại được rồi, tiếp sau dùng áo vải mịn đánh bóng. Dùng áo vải mịn đánh bóng xong, sau tách bỏ hết các quặng bẩn đồng sắt v.v.. ra khỏi Tì-lưu-ly mới được gọi là báu đại Tì-lưu-ly. Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai cũng như vậy. Biết rõ tính bất tịnh của các chúng sinh. Biết rồi mới vì chúng nói vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh làm cho chúng kinh sợ cái vui thế gian khiến chán

thế gian mà vào trong pháp Thanh Văn. Nhưng Phật Như Lai không lấy đó làm đủ, siêng năng không thôi nghỉ, tiếp đến vì nói không vô tướng vô nguyện khiến chúng sinh ấy hiểu ít nhiều pháp luân Như Lai đã nói. Nhưng Phật Như Lai không lấy đó làm đủ, siêng năng không thôi nghỉ, lại vì nói bất thoái pháp luân, tiếp nói hạn thanh tịnh Ba-la-mật. Nghĩa là không thấy 3 việc khiến chúng sinh vào trong cảnh giới Như Lai. Như vậy dựa vào các thứ nhân, y cứ vào các thứ tính vào trong Phật pháp. Vào trong pháp rồi nên gọi là vô thượng tối đại phúc điền. Lại nữa y cứ tính Như Lai tự tính thanh tịnh này nên trong kinh có kệ nói:

*Ví như trong quặng đá,
Không thấy được vàng ròng.
Làm thanh tịnh thì thấy,
Thấy Phật cũng như vậy.*

Trên đây có nói Phật tính có 60 thứ công đức tịnh nghiệp. Những gì là 60? Đó là 4 thứ trang nghiêm của Bồ-tát, 8 thứ quang minh của Bồ-tát, 16 thứ đại bi của Bồ-tát Ma-ha-tát, 32 thứ nghiệp của Bồ-tát

Đã nói nghĩa Phật tính, tiếp nói Phật Bồ-đề. Có 16 thứ vô thượng Bồ-đề tâm đại từ bi.

Đã nói Phật Bồ-đề, tiếp nói công đức của chư Phật Như Lai. Đó là 10 lực, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung.

Đã nói công đức, tiếp nói 32 thứ vô thượng đại nghiệp của Như Lai. Như vậy 7 thứ kim cương cú nghĩa, Tu-đa-la ấy đã nói rộng thể tướng cần phải biết.

Hỏi: Bảy câu ấy thứ tự như thế nào?

Đáp: Kệ nói:

*Từ Phật, tiếp có pháp,
Từ pháp, lại có tạng.*

*Sau tăng, tính vô ngại,
Từ tính, tiếp có trí.
Mười lực các công đức
Vì tất cả chúng sinh,
Mà làm nghiệp lợi ích,
Có thứ tự như vậy.*

Đã nói phẩm 1 đủ bao gồm thể tướng pháp nghĩa của luận này. Tiếp nói 7 phẩm đủ bao gồm thể tướng pháp nghĩa của luận này. Giải thích nghĩa của kệ phải biết quy kính Tam bảo. Đây là ý nghĩa gì? Là Như Lai giáo hóa chúng sinh. Các chúng sinh ấy quy y nơi Phật, tôn kính Như Lai, quy nơi pháp, tôn kính Như Lai, quy y nơi tăng. Y nơi Tam bảo, nói 12 kệ. Trước tiên thuyết minh Phật bảo nên nói 4 kệ.

HẾT QUYỂN 1

LUẬN CỨU KÍNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH

QUYỂN 2

Phẩm 2: PHẬT BẢO

*Phật thể không tiền tế,
 Và không trung gian tế,
 Cũng không có hậu tế.
 Tịch tĩnh tự giác tri.
 Mình đã giác tri rồi,
 Muốn người khác giác tri.
 Cho nên vì người nói,
 Đạo thường hằng vô úy.
 Phật thường năng chấp trì
 Đạo trí tuệ từ bi
 Và chày kim cương mạnh
 Cắt đứt các mầm khổ
 Xô nát núi kiến chấp
 Che lấp ý điên đảo
 Và cả rừng phiền não
 Nên nay con kính lễ.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Vô vi lễ tự nhiên,
 Không y tha mà biết.*

*Từ bi cùng với lực,
Tự tha lợi đầy đủ.*

Kệ này lược nói Phật bảo gồm 8 thứ công đức. Những gì là 8? Một là lễ vô vi. Hai là tự nhiên. Ba là không dựa vào người khác mà biết. Bốn là trí. Năm là bi. Sáu là lực. Bảy là tự lợi ích. Tám là tha lợi ích. Kệ nói:

*Chẳng đâu chẳng giữa sau,
Tự tính: vô vi thể.
Pháp thể là vắng lặng,
Nên tự nhiên phải biết.
Chỉ nội thân tự chứng,
Nên không dựa khác biết.
Như vậy 3 giác tri,
Từ tâm là thuyết đạo.
Trí bi cùng với lực,
Nhỏ khổ phiền não chích.
Ba câu đầu tự lợi,
Ba câu sau lợi tha.*

Kệ này nói nghĩa gì? Xa lìa hữu vi là vô vi. Lại nữa phải biết hữu vi là pháp sinh trụ diệt. Không có hữu vi kia nên thể của Phật chẳng phải sơ trung hậu, nên được gọi là pháp thân vô vi. Phải biết kệ nói Phật thể không tiền tế, và không trung gian tế, cũng không có hậu tế. Lại xa lìa tất cả hý luận hư vọng phân biệt. Thể vắng lặng nên gọi là tự nhiên. Phải biết kệ nói vắng lặng nên không y tha biết, nghĩa là không y nhân duyên khác mà chứng tri. Không y nhân duyên khác mà chứng tri, nghĩa là không y nhân duyên khác sinh. Không y nhân duyên khác sinh, nghĩa là vì tự giác không y tha giác. Như vậy y nơi tướng pháp thân vô vi của Như Lai, nên tất cả Phật sự từ vô thủy đến nay, tự nhiên mà làm thường không ngừng nghỉ. Như vậy cảnh giới chư Phật hy hữu, không thể nghĩ bàn, không phải nghe từ người

khác. Không nghe từ người khác là không nghe từ thầy, mà từ nơi cái thể vô ngôn của trí tự tại mà tự giác tri. Tự giác tri rồi, nhiên hậu vì chúng sinh mù lòa khác, khiến được giác tri cho chúng chúng được pháp thân vô vi, nên nói đạo vô thượng. Vì vậy gọi là trí bi vô thượng. Phải biết kệ nói mình đã giác tri rồi, muốn người khác giác tri, cho nên vì người nói, đạo thường hằng vô úy. Đạo thường hằng vô úy, là nói đạo vô úy là thường, là hằng, vì là pháp xuất thế gian không thoái chuyển. Như vậy lần lượt lại nhỏ gốc rễ khổ não khác. Trí tuệ, từ bi và thần lực của Như Lai như vậy 3 câu thị hiện thí dụ đao, chày kim cương. Lại lấy cái gì làm gốc rễ của khổ? Lược nói đó là danh sắc, sinh trong 3 cõi. Lại nữa gốc rễ của phiền não là gì? Là thân kiến v.v..., hư vọng, tà kiến, nghi, giới thủ v.v... Lại nữa danh sắc là chúng bao gồm các mầm móng sinh khổ. Phải biết trí tuệ và tâm từ bi của Như Lai có thể cắt đứt phá hủy mầm móng ấy. Vì ý nghĩa đó ví dụ như đao. Kệ nói Phật năng chấp trì đạo trí tuệ từ bi kia, nên cắt đứt các mầm móng khổ. Lại nữa tà kiến và nghi thâm giữ phiền não, xa lìa kiến đạo. Do trí thế gian không thể biết được, phiền não là rừng rậm không thể phá hoại, như rừng cây tường vách trong thế gian. Pháp tương tự kia dùng sức Như Lai có thể phá hoại. Vì vậy pháp ấy ví như chày kim cương. Cho nên kệ nói chày kim cương mạnh xô nát núi kiến chấp bao che ý phiền não và tất cả rừng rậm. Sáu câu này là trí tuệ trang nghiêm sáng suốt của Như Lai, vào trong tất cả cảnh giới Phật. Trong kinh lần lượt nói rõ cần phải biết. Phải biết như thế nào? Trong kinh nói: “Văn-thù-su-lợi ! Như Lai ứng chính biến tri không sinh không diệt.” Đó là nói tướng vô vi của Như Lai. Lại nữa, nói trong cảnh địa lưu ly thanh tịnh vô cấu, thân vua Đế Thích hiện trong gương v.v... Như vậy cho đến 9 thứ thí dụ đều nói rõ Như Lai không sinh không diệt. “Lại nói: “Văn-thù-su-lợi ! Như Lai ứng chính biến tri, pháp thân thanh tịnh cũng như vậy chẳng động, chẳng sinh, tâm chẳng hý luận, chẳng phân biệt không phân biệt, chẳng tư không tư, chẳng nghĩ bàn, không niệm, tịch diệt tịch tĩnh, chẳng sinh, chẳng

diệt, chẳng thể thấy, chẳng thể nghe, chẳng thể ngửi, chẳng thể nếm, chẳng thể chạm xúc, không các tướng, không thể hiểu, không thể biết.” Các câu như vậy đều nói tướng sai biệt của tịch tĩnh. Đây nói ý nghĩa gì? Nói Phật trong các việc làm, xa lìa tất cả hý luận phân biệt, tịch tĩnh tự nhiên. Tiếp nói còn các Tu-đa-la khác, trong đó nói như thật giác tri tất cả pháp môn, là nói Như Lai không y tha nên chứng đại Bồ-đề. Lại nữa nói Bồ-đề của Như Lai có 16 thứ. Cho nên kinh nói: “ Văn-thù-sư-lợi ! Như Lai như thật giác tri tất cả các pháp như vậy, quán sát tất cả pháp tính chúng sinh không thanh tịnh, có cấu uế, có khuyết điểm, phần tán trong chúng sinh đại bi hiện tiền. Đây là nói trí bi vô thượng của Như Lai. Văn-thù-sư-lợi phải biết ! Như Lai như thật giác tri tất cả các pháp như vậy.” Nghĩa là như trước đã nói vô thể là thể. Như thật giác tri, nghĩa là biết như thật vô phân biệt. Quán sát pháp tính của tất cả chúng sinh, nghĩa là cho đến tà tụ chúng sinh đều như pháp tính, pháp thể, pháp giới Như Lai tạng v.v... trong thân ta. Các chúng sinh cũng như vậy không sai khác vì con mắt trí của Như Lai biết rõ. Không thanh tịnh, là vì các phàm phu bị phiền não chướng. Có cấu uế, là vì các Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v.. có trí chướng. Có khuyết điểm, là vì các Bồ-tát Ma-ha-tát còn y vào 2 chướng tập khí. Phần tán, là có thể biết như thật các phương tiện hóa độ chúng sinh, vào các môn phương tiện có thể hóa độ chúng sinh. Đại bi, là thành đại Bồ-đề, được tâm đại từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sinh vì muốn khiến tất cả chúng sinh kia được chứng trí như Phật. Giác tri như vậy là chứng đại Bồ-đề.

Tiếp đến đối với tất cả chúng sinh bình đẳng chuyên đại pháp luân thường không ngơi nghỉ. Ba câu này có thể làm việc lợi tha, nên gọi là lực. Phải biết đây lại có 6 câu theo thứ tự 3 câu đầu là các công đức vô vi. Pháp thân Như Lai tương ưng thị hiện lợi ích. Ba câu còn lại là trí thị hiện tha lợi ích. Lại còn có nghĩa là do có trí tuệ nên chứng được đệ nhất tịch tĩnh pháp thân, cho nên gọi là tự lợi ích. Lại dựa vào sức từ bi v.v... 2 câu chuyên đại pháp luân thị hiện tha lợi ích.

Đã nói xong Phật bảo, tiếp nói pháp bảo.

Phẩm 3: PHÁP BẢO

Luận nói: Y vào Phật bảo có chân pháp bảo. Vì nghĩa đó nên tiếp sau Phật bảo là thị hiện pháp bảo. Căn cứ pháp bảo nói 4 kệ:

*Phi hữu cũng phi vô,
Và cũng phi hữu vô.
Nơi kia cũng phi tức,
Và kia cũng bất ly.
Tư lờng không thể được,
Phi văn tuệ cảnh giới.
Xuất ly đường ngôn ngữ,
Nội tâm biết thanh lương.
Mặt trời chân diệu pháp,
Thanh tịnh không bụi nhơ.
Ánh sáng đại trí tuệ
Chiếu khắp các thế gian.
Năng phá các u ám,
Giác quán tham sân si.
Hết thấy các phiền não,
Nên con nay kính lễ.*

Kệ này thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Không nghĩ bàn, không hai,
Không phân, tịnh, hiện, đối.
Dựa gì được pháp gì?
Lìa pháp, tướng 2 đế.*

Kệ này lược nói pháp bảo gồm 8 thứ công đức. Những gì là 8?

1. Không thể nghĩ bàn. 2. Không hai. 3. Không phân biệt. 4. Tịnh. 5. Hiện hiện. 6. Đối trị. 8. Lìa nhân. Lìa, nghĩa là kệ nói:

*Diệt đế, đạo đế v.v...
Hai đế lia nhiếp thủ.
Chúng có 3 công đức,
Lần lượt nói, phải biết.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trong 6 thứ công đức ở trước, 3 thứ công đức đầu tiên không nghĩ bàn, không hai và không phân biệt là thị hiện nhiếp thủ ly phiền não. Còn lại 3 câu tịnh, hiển hiện, đối trị là thị hiện đạo đế nhiếp thủ đoạn nhân phiền não. Lại nữa phải biết chứng pháp có ly gọi là diệt đế. Dùng các pháp gì tu hành đoạn phiền não gọi là đạo đế? Dùng 2 đế này hợp làm tịnh pháp. Dùng tướng 2 đế gọi là ly pháp. Kệ nói:

*Không tư lường, vô ngôn,
Người trí nội trí biết.
Vì nghĩa lý như vậy,
Nên không thể nghĩ bàn.
Thanh lương pháp không hai,
Và pháp không phân biệt.
Tịnh, hiển hiện, đối trị,
Ba câu như mặt trời.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói diệt đế có 3 pháp. Vì ý nghĩa đó nên không thể nghĩ bàn. Phải biết vì nghĩa gì mà không thể nghĩ bàn? Vì có 4 nghĩa? Những gì là 4? 1. Vô. 2. Hữu. 3. Hữu vô. 4. Hai. Kệ nói phi hữu cũng phi vô, lại cũng phi hữu vô, nơi kia cũng phi tức, lại cũng không ly kia. Diệt đế có 3 pháp. Phải biết, là nói ý nghĩa gì? Diệt đế chẳng phải pháp khả tri. Có 3 pháp. Những gì là 3? 1. Chẳng phải cảnh giới của tư lường. Kệ nói không thể nghĩ bàn được, vì chẳng phải cảnh giới của văn tuệ. 2. Xa lia tướng mạo của tất cả âm thanh, tiếng vang, danh tự, chương cú, ngôn ngữ. Kệ nói xa lia đường ngôn ngữ. 3. Pháp nội chứng của thánh nhân. Kệ nói nội tâm biết. Lại nữa, diệt đế sao gọi là pháp không hai? Và sao là không

phân biệt? Như trong Kinh Bất Tăng Bất Giảm, Như Lai nói: “Xá-lợi-phất ! Pháp thân Như Lai thanh lương vì là pháp không hai, vì là pháp không phân biệt.” Cho nên kệ nói là thanh lương. Cái gì là hai, mà nói không hai? Nói hai, là nghiệp và phiền não. Nói phân biệt, là nhân tập khởi nghiệp phiền não và tà niệm v.v... Bởi biết tự tính của nó bản lai tịch diệt, bất nhị vô nhị hạnh, biết khổ bản lai không sinh, đó là khổ diệt đế, chẳng phải diệt pháp nên gọi là khổ diệt đế. Cho nên kinh nói: “Văn-thù-su-lợi ! Trong những pháp nào vô tâm ý y thức hành? Trong pháp không phân biệt, vì không phân biệt nên không khởi tà niệm, bởi có chính niệm nên không khởi vô minh, bởi không khởi vô minh tức không khởi 12 hữu chi, bởi không khởi 12 hữu chi tức gọi là không sinh.” Vì vậy thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Chẳng phải diệt pháp nên gọi khổ diệt đế. Thế Tôn ! Nói khổ diệt là vô thủy, vô tác, vô khởi, vô tận ly tận, thường hằng thanh lương không biến đổi, tự tính thanh tịnh lia tất cả sự trói buộc của phiền não tạng. Thế Tôn ! Quá hơn cát sông Hằng không lia, không thoát, không khác, Phật pháp không nghĩ bàn, rốt ráo thành tựu là pháp thân Như Lai. Thế Tôn ! Pháp thân Như Lai như vậy không lia sự trói buộc của phiền não tạng là Như Lai tạng.” Phải biết trong Kinh Thắng Man nói rộng diệt đế như vậy. Lại nữa, do nhân gì được pháp thân Như Lai diệt đế này? Nghĩa là phải biết nơi kiến đạo và trong tu đạo 3 thứ mặt trời vô phân biệt trí, tương tự tương đối pháp. Nên kệ nói mặt trời chân diệu pháp. Những gì là 3? 1. Mặt trời thanh tịnh tương tự tương đối pháp, vì xa lia tất cả cấu bản phiền não, nên kệ nói thanh tịnh không bụi nhơ. 2. Hiện hiện tất cả sắc tượng tương tự tương đối pháp, vì nhất thiết chủng, nhất thiết trí, có thể chiếu soi biết, nên kệ nói ánh sáng đại trí tuệ. 3. Đối trị tối tăm tương tự đối trị pháp, vì khởi nhất thiết chủng trí đối trị pháp, nên kệ nói khắp chiếu các thế gian. Lại nữa lấy gì làm pháp sở trị? Đó là y thủ sự tướng không thật, niệm hư vọng phân biệt, sinh tham sân si kết sử phiền não. Đây nói ý nghĩa gì? Phàm phu ngu si y phiền não

kết sử, thủ sự tướng không thật, niệm khởi tâm tham, y sân nhuế nên khởi tâm sân, y vô minh hư vọng, niệm khởi tâm si, y tà niệm tâm khởi kết sử, y kết sử khởi tham sân si. Vì nghĩa đó, thân miệng ý tạo tác nghiệp tham nghiệp sân nghiệp si. Y nghiệp này nên lại có sinh sinh, không tuyệt không dứt. Tất cả phàm phu ngu si như vậy y phiền não kết sử tập khởi tà niệm, y tà niệm khởi các phiền não, y phiền não khởi tất cả nghiệp, y nghiệp khởi sinh. Tất cả các thứ phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm như vậy, phàm phu ngu si không biết như thật, không thấy như thật cảnh giới nhất thật tính. Nếu như tính như thật kia, quán sát tính như thật mà không thủ tướng, do không thủ tướng nên có thể thấy thật tính. Thật tính đó chư Phật Như Lai bình đẳng chứng biết. Lại nữa, không thấy pháp tướng hư vọng như vậy, thấy biết như thật, như thật có pháp chân như pháp giới. Do thấy đệ nhất nghĩa đế nên 2 pháp như vậy không tăng không giảm. Cho nên gọi là bình đẳng chứng trí, nên gọi là nhất thiết chủng trí. Sở tri chứng pháp phải biết như vậy. Để khởi trí chân như đối trị pháp nên pháp sở tri kia rốt ráo không sinh khởi hiện tiền trở lại. Kệ nói có thể phá tối tăm che chướng giác quán tham sân si tất cả phiền não. Lại nữa đây được pháp thân Như Lai diệt đề nhân nơi trí vô phân biệt trong kiến đạo và trong tu đạo, được nói rộng như Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật v.v... Trong Tu-đa-la nói:” Tu-bồ-đề ! Chân như Như Lai chân như bình đẳng không sai biệt.”

Đã nói pháp bảo, tiếp nói tăng bảo.

Phẩm 4: TĂNG BẢO

Luận nói: Y pháp bảo Đại thừa có tăng bảo Bồ-tát không thoái chuyển. Vì nghĩa đó nên tiếp sau pháp bảo là thị hiện tăng bảo. Y tăng bảo đó nói 4 kệ:

*Người chính giác chính tri,
Thấy tất cả chúng sinh,*

*Thanh tịnh không có ngã,
 Tịch tĩnh chân thật tế.
 Vì biết được kia là
 Tự tính tâm thanh tịnh.
 Thấy phiền não không thật,
 Nên lià các phiền não.
 Người không chướng tịnh trí,
 Như thật thấy chúng sinh
 Tính tự tính thanh tịnh,
 Cảnh giới pháp thân Phật.
 Mắt tịnh trí không ngại ,
 Thấy tính các chúng sinh,
 Khắp cảnh giới vô lượng.
 Nên con nay kính lễ.*

Kệ này thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Như thật biết nội thân,
 Do trí kiến thanh tịnh.
 Nên gọi vô thượng tăng,
 Chư Phật Như Lai nói.*

Kệ này nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Như thật thấy chúng sinh,
 Chân pháp thân tịch tĩnh.
 Do thấy tính vốn tịnh,
 Phiền não bản lai không.*

Kệ này nói nghĩa thế nào? Phải biết lấy như thật thấy bản tế đến nay không ngã không pháp, nên kệ nói người chính giác chính tri thấy tất cả chúng sinh thanh tịnh không có ngã, tịch tĩnh chân thật tế. Lại như thật biết từ đời vô thủy đến nay bản tế tịch tĩnh không ngã không pháp, chứ không phải khi diệt phiền não chúng mới có.

Đây nói nghĩa gì? Đây thấy pháp thân tự tính thanh tịnh, lược có 2 pháp. Những gì là 2? 1. Thấy tính bản lai tự tính thanh tịnh. 2. Thấy các phiền não bản lai tịch diệt. Kệ nói bởi có thể biết tự tính thanh tịnh tâm, thấy phiền não không thật nên lia các phiền não. Lại nữa tự tính thanh tịnh tâm bản lai thanh tịnh, lại nữa bản lai thường bị phiền não nhiễm. Hai pháp này ở trong pháp giới chân như vô lậu có đủ tâm thiện và tâm bất thiện, lại không có tâm thứ ba. Nghĩa đó khó có thể giác tri. Cho nên thánh giả trong Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Sát-ni-ca thiện tâm chẳng phải phiền não nhiễm, Sát-ni-ca bất thiện tâm cũng chẳng phải phiền não nhiễm. Phiền não không xúc tâm. Tâm không xúc phiền não. Làm sao pháp không xúc mà có thể nhiễm được tâm? Thế Tôn ! Nhưng có phiền não, có phiền não nhiễm tâm. Tâm tự tính thanh tịnh mà có nhiễm là khó có thể biết được.” Thánh giả trong Kinh Thắng Man có nói rộng như vậy. Phải biết tâm tự tính thanh tịnh và việc nhiễm phiền não. Lại có 2 thứ tu hành là như thật tu hành và biến khắp tu hành, nghĩa khó chứng biết. Như thật tu hành, nghĩa là thấy chúng sinh cảnh giới Phật tính thanh tịnh, nên kệ nói người không chướng tịnh trí, như thật thấy chúng sinh, tính tự tính thanh tịnh cảnh giới pháp thân Phật. Biến khắp tu hành, nghĩa là tất cả cảnh giới khắp 10 địa, nên thấy tất cả chúng sinh có nhất thiết trí. Lại, biến khắp tất cả cảnh giới, là vì biến khắp tất cả cảnh giới, y xuất thế gian tuệ thấy tất cả chúng sinh cho đến súc sinh có Như Lai tạng, thấy tất cả chúng sinh có chân như Phật tính. Sơ địa Bồ-tát Ma-ha-tát do khắp chứng tất cả pháp giới chân như, nên kệ nói mắt tịnh trí không ngại, thấy tính các chúng sinh, khắp cảnh giới vô lượng. Như vậy nội thân tự giác tri. Pháp giới vô lậu không chướng, không ngại kia y nơi 2 pháp: một là như thật tu hành, hai là biến khắp tu hành. Đây nói nghĩa gì? Nghĩa là xuất thế gian như thật nội chứng pháp trí chân như không cùng với người phàm phu Nhị thừa. Đây nói nghĩa gì? Xuất thế gian thanh tịnh chứng trí của Bồ-tát Ma-ha-tát lược có 2 thứ hơn chứng trí

của Thanh Văn Bích-chi-phật. Những gì là 2? 1. Không chướng. 2. Không ngại. Không chướng là như thật tu hành, thấy các cảnh giới chúng sinh tự tính thanh tịnh nên gọi là không chướng. Không ngại là biến khắp tu hành, lấy như thật biết vô biên cảnh giới nên gọi không ngại. Đây nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Như thật tri kiến đạo,
Thấy Phật trí thanh tịnh,
Nên không thoái thánh nhân,
Làm chỗ dựa chúng sinh.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lại nữa y chứng trí của sơ địa Bồ-tát Ma-ha-tát, thanh tịnh kiến đạo bất thoái địa thừa, có thể làm cho thấy thắng nhân thanh tịnh của vô thượng Bồ-đề kia. Kệ nói tri kiến đạo như thật thấy Phật trí thanh tịnh. Cho nên chứng trí của sơ địa hơn các công đức bố thí trì giới v.v... Ba-la-mật của các Bồ-tát Ma-ha-tát khác. Vì nghĩa đó nên Bồ-tát Ma-ha-tát y như thật thấy chân như chứng trí, cho nên có thể làm nơi quy y cho tất cả chúng sinh, thiên long bát bộ, Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Cho nên kệ nói thánh nhân bất thoái có thể làm chỗ dựa cho chúng sinh.

Hỏi: Vì nghĩa gì không nói quy y Thanh Văn tăng bảo?

Đáp: Bồ-tát tăng bảo công đức vô lượng nên phải cúng dường. Vì phải cúng dường nên phải lễ bái tán thán cúng dường. Người Thanh Văn không có nghĩa như vậy. Vì ý nghĩa đó nên không nói quy y Thanh Văn tăng bảo. Đây nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Cảnh giới các công đức,
Chứng trí và Niết-bàn,
Các địa tịnh vô cầu,
Đầy đủ đại từ bi.
Sinh vào nhà Như Lai,
Đủ thân thông tự tại.*

*Thắng quả tối vô thượng,
Là nghĩa thắng quy y.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói 10 thứ thắng nghĩa của Bồ-tát vì quá hơn các Thanh Văn, Bích-chi-phật. Những gì là 10? 1. Quán thắng. 2. Công đức thắng. 3. Chứng trí thắng. 4. Niết-bàn thắng. 5. Địa thắng. 6. Thanh tịnh thắng. 7. Tâm bình đẳng thắng. 8. Sinh thắng. 9. Thần lực thắng. 10. Quả thắng.

Quán thắng, là quán cảnh giới chân như, gọi là quán thắng, kệ nói cảnh giới. Công đức thắng, là Bồ-tát tu hành không chán đủ, không giống như Nhị thừa thiếu dục, nên gọi công đức thắng, kệ nói công đức. Chứng trí thắng, là chứng 2 thứ vô ngã, nên gọi chứng trí thắng, kệ nói chứng trí. Niết-bàn thắng, là giáo hóa chúng sinh nên gọi Niết-bàn thắng, kệ nói Niết-bàn. Địa thắng, là 10 địa gọi là địa thắng, kệ nói các địa. Thanh tịnh thắng, là Bồ-tát xa lìa trí chướng nên gọi thanh tịnh thắng, kệ nói tịnh vô cấu. Tâm bình đẳng thắng, là đại bi của Bồ-tát che khắp nên gọi tâm bình đẳng thắng, kệ nói đầy đủ đại từ bi. Sinh thắng, là các Bồ-tát sinh vô sinh nên gọi sinh thắng, kệ nói sinh vào nhà Như Lai. Thần lực thắng, là các sức thần thông Tam-muội tự tại thắng, gọi là thần lực thắng, kệ nói đầy đủ thần thông Tam-muội tự tại. Quả thắng, là rốt ráo vô thượng Bồ-đề nên gọi quả thắng, kệ nói quả thắng tối vô thượng. Đây nói nghĩa gì? Người có trí tuệ thể tục biết các Bồ-tát công đức vô lượng tu tập Bồ-đề, công đức rộng lớn vô lượng vô biên, có đại trí tuệ từ bi viên mãn, để chiếu biết tính hành phiền não của vô lượng chúng sinh kia như trăng thượng tuần. Chỉ trừ chư Phật Như Lai trăng tròn, Bồ-tát Ma-ha-tát biết các Thanh Văn cho đến chứng đắc A-la-hán đạo. Người có ít trí tuệ không có tâm đại bi, để chiếu tự thân giống như tinh tú. Đã biết như vậy, muốn lấy thân Như Lai trăng tròn lớn tu Bồ-đề đạo mà xả bỏ trăng thượng tuần Bồ-tát, khởi tâm lễ bái cúng dường các tinh tú Thanh Văn, Bích-chi-phật là không có chỗ đó. Đây lại nghĩa

gì? Là nói vì lợi ích tất cả chúng sinh mới đầu phát khởi tâm Bồ-đề các Bồ-tát đã có thể hàng phục, không vì lợi ích tha chúng sinh thân mà vì tự lợi ích tu trì vô lậu thanh tịnh cấm giới cho đến chúng được người Thanh Văn A-la-hán. Huống chi ngoài ra được 10 tự tại v.v... vô lượng vô biên công đức Bồ-tát Ma-ha-tát mà đồng với người ít công đức Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... là không có chỗ đó. Vì ý nghĩa đó, trong kinh có kệ nói:

*Nếu chỉ vì tự thân,
Tu hành nơi cấm giới,
Xa lìa tâm đọa bi,
Xả phá giới chúng sinh.
Nếu chỉ vì tự thân,
Hộ trì các cấm giới,
Người trì giới như vậy,
Phật nói phi thanh tịnh.
Nếu là vì người khác,
Mà tu hành cấm giới,
Làm lợi ích chúng sinh,
Nhu đất nước lửa gió,
Vì các chúng sinh khác,
Khởi đê nhất bi tâm,
Gọi là tịnh trì giới,
Nếu khác, phi thanh tịnh.*

Hỏi: Vì những nghĩa gì, vì những người nào chư Phật Như Lai nói Tam bảo này?

Đáp: Kệ nói:

*Y năng điều sở chúng
Đệ tử là 3 thừa,
Tin 3 mà cúng dường,
Cho nên nói Tam bảo.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói y 3 nghĩa, vì 6 loại người nên nói Tam bảo. Những gì là 3? 1. Điều ngự sư. 2. Điều ngự pháp sư. 3. Điều ngự sư đệ tử. Kệ nói y nơi Điều ngự sư mà đệ tử chứng đắc. Sáu loại người là: 1. Đại thừa. 2. Trung thừa. 3. Tiểu thừa. 4. Tin Phật. . Tin pháp. 6. Tin tăng. Kệ nói vì 3 thừa nên tin Tam bảo cúng dường. Trước tiên giải thích nghĩa thứ nhất. Người thứ nhất thứ tư quy y Phật bậc tối thắng đệ nhất tôn quý trong lưỡng túc, thị hiện nghĩa Điều ngự sư đại trọng phụ. Cho nên kệ nói y năng điều. các người BỒ-tát vì thủ Phật BỒ-đề nên kệ nói Đại thừa. Vì là người tin cúng chư Phật Như Lai phúc điền , nên kệ nói tin Phật cúng dường. Vì ý nghĩa đó nói lập Phật bảo. Kệ nói cho nên nói Phật bảo.

Đã giải thích nghĩa thứ nhất người thứ nhất thứ tư. Tiếp giải thích nghĩa thứ hai, người thứ hai thứ năm quy y pháp tối thắng đệ nhất trong các pháp lià phiền não, thị hiện pháp công đức Điều ngự sư đã chứng nên kệ nói y sở chứng. Là người Bích-chi-phật tự nhiên biết không do y vào người khác mà biết pháp nhân duyên sâu xa, nên kệ nói là Trung thừa. Vì là người tin cúng dường đệ nhất diệu pháp phúc điền nên kệ nói tin pháp cúng dường. Vì ý nghĩa đó nói lập pháp bảo. Kệ nói cho nên nói pháp bảo.

Đã giải thích nghĩa thứ hai người thứ hai thứ năm. Tiếp giải thích nghĩa thứ ba người thứ ba thứ sáu quy y các BỒ-tát tăng bậc tối thắng đệ nhất trong các chúng, thị hiện đệ tử đáng Điều ngự sư, trong các pháp chư Phật Như Lai nói, như thật tu hành không trái nghĩa, nên kệ nói y đệ tử. Là người Thanh Văn nghe pháp từ người khác, nên kệ nói là Tiểu thừa. Là người tin cúng dường đệ nhất thánh chúng phúc điền nên kệ nói tin tăng cúng dường. Vì ý nghĩa đó nên nói lập tăng bảo. Kệ nói cho nên nói tăng bảo. đó là lược nói y 3 thứ nghĩa. Vì 6 loại người nên chư Phật Như Lai nói Tam bảo này. Kệ nói y năng điều sở chứng đệ tử là 3 thừa. Tin 3 mà cúng dường, cho nên nói Tam bảo. Lại nữa vì chúng sinh có thể giáo hóa khiến toàn

tự vào. Vì ý nghĩa đó nên y thể để thị hiện nói lập 3 quy y. Đây nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Có thể xả, hư vọng,
Không vật và sợ hãi,
Hai thứ pháp và tăng,
Quy y không rốt ráo.*

Kệ này nói nghĩa gì? Pháp có 2 thứ. Những gì là 2? 1. Pháp sở thuyết. 2. Pháp sở chứng. Pháp sở thuyết, nghĩa là Như Lai nói Tu-đa-la v.v... bao gồm danh tự chương cú thân, cho nên những pháp Như Lai sở thuyết khi chứng đạo thì diệt như bỏ thuyền bè. Kệ nói có thể xả. Pháp sở chứng, cũng có 2 thứ, nghĩa là dựa vào 2 thứ nhân quả sai biệt. Do y vào pháp gì và chứng được pháp gì? Đây nói nghĩa gì? Nghĩa là hữu đạo và hữu vi thâm nhiếp lẫn nhau. Nếu bị tướng hữu vi thâm nhiếp thì pháp ấy là hư vọng vì kệ nói: và hư vọng. Nếu hư vọng thì pháp ấy chẳng phải thật. Nếu pháp ấy chẳng phải thật thì đó chẳng phải chân đế. Chẳng phải chân đế tức là vô thường. Nếu vô thường thì chẳng phải có thể quy y. Lại nữa nếu y vào Thanh Văn đạo kia mà được diệt đế thì kia cũng không vật giống như ngọn đèn tắt, chỉ đoạn một phần ít các khổ phiền não. Nếu như vậy tức là không có vật. Nếu không vật thì làm sao cho người khác quy y, kệ nói không vật. Tăng, tất cả có người của 3 thừa. Người trong 3 thừa y Thanh Văn tăng thường có sợ hãi, thường cầu quy y chư Phật Như Lai cầu thoát ly thế gian. Đây là học nhân phải làm, là vì chưa cứu cánh, vì còn hướng đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nói sợ hãi là sợ hãi thế nào? Bởi A-la-hán tuy hết hữu lậu mà không đoạn tất cả tập khí phiền não. A-la-hán đối với tất cả hành tướng hữu vi luôn hiện tiền tâm hết sức sợ hãi. Cho nên thánh giả Kinh Thắng Man nói: “A-la-hán có sợ hãi. Bởi vì sao? A-la-hán đối với tất cả vô hành, sợ hãi tưởng như có người cầm kiếm muốn đến hại mình. Cho nên A-la-hán không có cái vui cứu cánh. Bởi vì sao? Thế Tôn ! Y không cầu y,

như chúng sinh không y kia, kia sợ hãi, bởi sợ hãi nên phải cầu quy y. Như vậy A-la-hán có sợ hãi. Bởi sợ hãi nên quy y Như Lai.” Cho nên kia nếu có sự sợ hãi như vậy, tức người ấy rất ráo vì muốn xa lìa chỗ sợ hãi ấy mà cầu nơi không sợ hãi. Vì ý nghĩa đó, y vào sự xa lìa chỗ sợ hãi kia gọi là người học phải có tác ý muốn được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề như nơi không còn sợ hãi. Cho nên 2 cái báu Thanh Văn pháp và Thanh Văn tạng là thiếu phần quy y, không phải cứu cánh quy y. Vì vậy kệ nói 2 thứ pháp và tạng chẳng phải cứu cánh quy y. Đây là nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Chúng sinh quy một chỗ,
Phật pháp thân bĩ ngạn.
Y Phật thân có pháp,
Y pháp cứu cánh tạng.*

Kệ này nói nghĩa gì? Như trước đã nói chư Phật Như Lai không sinh không diệt tịch tĩnh không hai, pháp thân lia cấu uế, bởi duy nhất pháp thân là nơi cứu cánh thanh tịnh. Lại nữa người của 3 thừa không có người cứu, không có người quy y, bởi duy chỉ có bĩ ngạn là bản thể vô thủy, rốt ráo vô tận là có thể quy y, là hằng có thể quy y. Cho nên nói duy chỉ chư Phật Như Lai thường hằng thanh tịnh không biến đổi, có thể quy y như vậy. Thánh giả trong Kinh Thắng Man có nói rộng, cần phải biết.

Hỏi: Vì ý nghĩa gì Phật pháp chúng tạng gọi là báu?

Đáp: Kệ nói:

*Quý báu đời ít có,
Minh tịnh và thế lực,
Năng trang nghiêm thế gian,
Tối thượng không biến đổi.*

Kệ này nói ý nghĩa gì? Nói quý báu là có 6 thứ tương tự. Vì dựa vào 6 thứ tương tự ấy có đối pháp nên Phật pháp chúng tạng gọi là

quý báu. Những gì là 6? 1. Thế gian khó có một pháp nào tương tự. Vì các chúng sinh không thiện căn thì trăm ngàn vạn kiếp không thể gặp được. Cho nên kệ nói quý báu đời ít có. 2. Pháp tương đối tương tự lia cầu ướ, bởi lia tất cả pháp hữu lậu. Cho nên kệ nói minh tịnh. 3. Pháp tương đối tương tự oai đức, bởi đầy đủ oai đức tự tại không thể nghĩ bàn của 6 thần thông. Cho nên kệ nói thế lực. 4. Pháp tương đối tương tự trang nghiêm thế gian. Bởi có thể trang nghiêm xuất thế gian. Cho nên kệ nói có thể trang nghiêm thế gian. 5. Pháp tương đối tương tự thắng diệu. Bởi là pháp xuất thế gian, nên kệ nói tối thượng. 6. Pháp tương đối tương tự không thể đổi khác. Bởi được pháp vô lậu, 8 pháp thế gian không thể lay động, nên kệ nói không biến đổi.

Hỏi: Y vào những pháp gì có Tam bảo này, mà y vào pháp này có được thế gian và xuất thế gian thanh tịnh sinh khởi Tam bảo?

Đáp: Vì ý nghĩa đó nên nói 2 kệ này:

*Chân như có tạp cấu,
Và xa lia các cấu.
Phật vô lượng công đức,
Và chỗ Phật tác nghiệp.
Cảnh giới vi diệu ấy,
Cảnh giới chư Phật biết
Pháp thân vi diệu này,
Xuất sinh ra Tam bảo.*

Kệ này thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Tính Tam bảo như vậy,
Duy cảnh giới chư Phật,
Bởi 4 pháp tuần tự,
Là không thể nghĩ bàn.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chân như có tạp cấu, nghĩa là Phật tính chân như chưa ra khỏi các phiền não trói buộc Như Lai tạng. Và

xa lìa các cầu, nghĩa là Như Lai tạng kia chuyển thân đến Phật địa, chứng được pháp thân, gọi là pháp thân Như Lai. Phật vô lượng công đức, nghĩa là chuyển thân kia, trong tướng pháp thân Như Lai có xuất thế gian 10 lực, vô úy v.v... các công đức vô lượng vô biên. Và Phật có tác nghiệp, nghĩa là 10 lực kia tất cả các pháp thường tự nhiên tác vô thượng Phật nghiệp, thường không thôi nghỉ, thường không lìa bỏ, thường thụ ký các Bồ-tát. Nơi đó tuần tự có 4 thứ pháp không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là cảnh giới Như Lai. Bốn nơi là gì? Kệ nói:

*Nơi nhiễm tịnh tương ưng,
Không nhiễm mà thanh tịnh,
Pháp không tách rời nhau,
Tự nhiên không phân biệt.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chân như có tạp cầu, nghĩa là trong đồng thời có tịnh có nhiễm, nơi đây không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn, nghĩa là tin sâu pháp nhân duyên của Thanh Văn, Bích-chi-phật, đó không phải cảnh giới. Cho nên trong Kinh Thắng Man, Phật bảo Thắng Man rằng: “ Thiên nữ ! Tự tính thanh tịnh tâm mà có nhiễm ô là điều khó có thể biết được. Có 2 pháp khó có thể biết được. Đó là tự tính thanh tịnh tâm khó có thể biết được. Cái tâm ấy bị phiền não nhiễm ô cũng là điều khó có thể biết được. Thiên nữ ! Như 2 pháp này người và những người thành tựu đại pháp Bồ-tát Ma-ha-tát mới có thể nghe và lãnh thụ. Còn các Thanh Văn, Bích-chi-phật chỉ y vào lời Phật nói mà tin 2 pháp này. Cho nên kệ nói là nơi nhiễm tịnh tương ưng. Và xa lìa các cầu, nghĩa là chân như không phải vốn có nhiễm, sau mới nói thanh tịnh. Đây là chỗ không thể nghĩ bàn. Cho nên kinh nói tâm tự tính thanh tịnh, tự tính thanh tịnh tâm bản lai thanh tịnh, như bản thể tâm kia Như Lai biết như vậy. Cho nên kinh nói: “ Như Lai một niệm tâm tương ưng tuệ, được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.” Cho nên kệ nói không nhiễm mà thanh tịnh. Phật vô lượng công đức, nghĩa là tiền tế hậu tế hoàn toàn ở trong phàm

phu địa nhiệm mà thường không rời bỏ pháp thân chân như, tất cả các Phật pháp không sai không khác. Đó là chỗ không thể nghĩ bàn. Cho nên kinh nói:” Lại nữa, Phật tử ! Trí tuệ Như Lai không nơi nào không đến. Bởi vì sao? Bởi vì trong tất cả chúng sinh giới, hoàn toàn không có một chúng sinh nào trong thân không đầy đủ công đức và trí tuệ của Như Lai. Chỉ vì chúng sinh điên đảo không biết trí Như Lai xa lìa điên đảo khởi nhất thiết trí, vô sư trí, vô ngại trí. Phật tử ! Ví như có một quyển kinh cực kỳ to lớn như 3 ngàn đại thiên thế giới ghi chép tất cả những gì có trong đại thiên thế giới. Nếu với 2 thiên thế giới thì ghi hết mọi việc trong 2 thiên thế giới. Nếu với tiểu thiên thế giới thì ghi hết tất cả mọi việc trong tiểu thiên thế giới. Bốn thiên hạ thì ghi hết tất cả mọi việc trong 4 thiên hạ. Núi chúa Tu-di thì ghi hết tất cả mọi việc của núi chúa Tu-di. Địa thiên cung thì ghi hết tất cả mọi việc trong cung điện địa thiên. Dục thiên cung thì ghi hết tất cả mọi việc trong cung điện Dục thiên. Sắc thiên cung thì ghi hết tất cả mọi việc trong cung điện Sắc thiên. Nếu với Vô sắc thiên cung thì ghi hết tất cả mọi việc trong cung điện Vô sắc giới thiên. Quyển kinh cực kỳ to lớn so sánh như 3 ngàn đại thiên thế giới kia. Trong một vi trần cực nhỏ, tất cả vi trần đều như vậy. Bấy giờ có một người xuất hiện ra đời, trí tuệ thông đạt đầy đủ thành tựu thiên nhãn thanh tịnh thấy quyển kinh này ở trong một vi trần liền suy nghĩ rằng sao quyển kinh to lớn như thế này mà ở trong một vi trần không làm lợi ích chúng sinh? Nay ta phải gắng tạo phương tiện phá hủy vi trần kia lấy quyển kinh ra làm lợi ích chúng sinh. Suy nghĩ như vậy rồi, người ấy làm phương tiện phá hủy vi trần lấy quyển kinh ấy ra làm lợi ích chúng sinh. Phật tử ! Trí tuệ Như Lai là trí tuệ vô tướng, trí tuệ vô ngại, đầy đủ ở trong thân chúng sinh. Chỉ vì chúng sinh ngu si, tưởng điên đảo che lấp, không biết, không thấy, không sinh tín tâm. Bấy giờ Như Lai dùng thiên nhãn thanh tịnh không chướng ngại quan sát tất cả thân chúng sinh. Quán sát xong nói rằng: Lạ thay ! Lạ thay ! Sao Như Lai đầy đủ trí tuệ ở ngay trong thân mà không thấy biết ! Ta phải

phương tiện dạy chúng sinh kia giác ngộ thánh đạo, khiến vĩnh viễn lìa tất cả vọng tưởng điên đảo ràng buộc, khiến thấy đầy đủ trí tuệ Như Lai trong thân mình với Phật không khác. Tức thì Như Lai dạy chúng sinh kia tu 8 thánh đạo, lìa bỏ tất cả hư vọng điên đảo, lìa điên đảo rồi thấy trí Như Lai, cùng Như Lai làm việc lợi ích chúng sinh.” Cho nên kệ nói pháp không tách rời nhau. Và chỗ Phật tác nghiệp, nghĩa là cùng một lúc, tất cả mọi nơi, tất cả mọi lúc tự nhiên không phân biệt, tùy thuận tâm chúng sinh, tùy thuận căn tính chúng sinh có thể hóa độ, không lầm, không lẫn, tùy thuận làm Phật nghiệp. Đó là chỗ không thể nghĩ bàn. Cho nên kinh nói:” Thiện nam tử ! Như Lai vì khiến tất cả chúng sinh vào trong Phật pháp, cho nên vô lượng Như Lai nghiệp tác hữu lượng thuyết. Thiện nam tử ! Như Lai có thật sự tác nghiệp, là đối với tất cả chúng sinh trong thế gian không thể lường, không thể tính, không thể nghĩ bàn, không thể biết, không thể dùng danh tự mà nói. Bởi vì sao? Vì không thể được với chúng sinh ấy. Bởi trong tất cả quốc độ chư Phật không ngơi nghỉ. Bởi tất cả chư Phật đều bình đẳng. Bởi quá hơn tâm tác sự của tất cả các thế gian. Bởi không phân biệt, thấy đều bình đẳng như hư không. Bởi thể của pháp tính không sai không khác. Đã nói rộng như vậy. Lại nói thí dụ ngọc báu đại Tì-lưu-ly Ma-ni bất tịnh: “ Thiện nam tử ! Người dựa theo thí dụ này phải biết nghiệp Như Lai không thể nghĩ bàn, bình đẳng đến khắp cả, không một chỗ nào đáng trách, 3 đời bình đẳng, không tuyệt dứt giống Tam bảo. Chư Phật Như Lai tuy trụ trong không thể nghĩ bàn như vậy, mà không lìa bỏ pháp thân hư không, mà đối với chúng sinh tùy chỗ phải nghe danh tự chương cú vì chúng nói pháp. Tuy vì chúng sinh thuyết pháp như vậy, mà thường xa lìa tâm niệm quán tất cả chúng sinh. Bởi vì sao? Bởi như thật biết tất cả các tâm hành của chúng sinh. Cho nên kệ nói tự nhiên không phân biệt. Y diệu pháp thân này xuất sinh ra Tam bảo, nghĩa là kệ nói:

*Giác ngộ pháp Bồ-đề,
Y Bồ-đề phân biệt.*

*Bồ-đề phân giáo hóa,
 Chúng sinh giác Bồ-đề.
 Câu đầu là chính nhân,
 Ba câu là tịnh duyên.
 Hai câu trước tự lợi,
 Hai câu sau lợi tha.*

Kệ này nói nghĩa gì? Bốn câu này gồm tổng quát cảnh giới sở tri. Đây nói ý nghĩa gì? Một câu đầu là pháp sở chứng. Vì chúng pháp đó gọi là Bồ-đề. Kệ nói giác ngộ pháp Bồ-đề. Câu thứ hai, Bồ-đề y Bồ-đề phân biệt, nghĩa là vì công đức Bồ-đề của chư Phật có thể làm nhân Phật Bồ-đề, nên kệ nói y Bồ-đề phân biệt. Câu thứ ba, Bồ-đề phân giáo hóa, nghĩa là do Bồ-đề phân khiến người giác ngộ. Câu thứ tư, chúng sinh giác Bồ-đề, nghĩa là chúng sinh được hóa độ giác ngộ Bồ-đề. Bốn câu này tuần tự không thủ tướng, y theo đây làm, nên thanh tịnh Bồ-đề xuất sinh ra Tam bảo. Kệ nói giác ngộ pháp Bồ-đề, y Bồ-đề phân biệt. Bồ-đề phân giáo hóa, chúng sinh giác ngộ Bồ-đề. Lấy một câu làm nhân, 3 câu làm duyên. Như Lai được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Để được Bồ-đề thì 10 lực v.v... các pháp của chư Phật Như Lai, 32 thứ tác nghiệp của chư Phật Như Lai, y Như Lai nghiệp chúng sinh nghe tiếng, y theo pháp đó nên được nhân duyên thanh tịnh xuất sinh Tam bảo. Cho nên câu đầu của kệ là chính nhân, còn 3 câu là tịnh duyên.

HẾT QUYỂN 2

LUẬN CỨU CẢNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH

QUYỀN 3

Phẩm 5: TẤT CẢ CHÚNG SINH CÓ NHƯ LAI TẠNG

Luận nói: Từ đây trở đi các kệ của luận này lần lượt y vào 4 câu kia nói rộng sai biệt. Đây nói nghĩa gì? Trước đây kệ nói:

*Chân như có tạp cấu,
Và xa lìa các cấu.
Phật vô lượng công đức,
Và tác nghiệp của Phật.
Diệu cảnh giới như vậy,
Là chỉ chư Phật biết.
Y diệu pháp thân này,
Xuất sinh ra Tam bảo.*

Kệ này thị hiện nghĩa gì? Như trước đã nói tất cả chúng sinh có Như Lai tạng. Kia y vào nghĩa gì mà nói kệ:

*Pháp thân Phật biến khắp,
Chân như không sai biệt.
Đều thật có Phật tính,
Cho nên nói thường hữu.*

Kệ này nói nghĩa gì? Có 3 nghĩa cho nên Như Lai nói tất cả mọi thời, tất cả chúng sinh có Như Lai tạng. Những gì là 3? 1. Pháp thân Như Lai có trong tất cả thân chúng sinh nên kệ nói pháp thân

Phật biến khắp. 2. Chân như Như Lai không sai biệt nên kệ nói chân như không sai biệt. 3. Tất cả chúng sinh thấy đều thật có chân như Phật tính nên kệ nói đều thật có Phật tính. Nghĩa 3 câu này, từ đây trở xuống, luận y vào Như Lai tạng Tu-đa-la hậu thời thuyết. Như bản kệ nói:

*Tất cả chúng sinh giới,
Không lìa trí chư Phật.
Vì kia tịnh không cấu,
Bởi thể tính không hai.
Y tất cả chư Phật
Bình đẳng pháp tính thân.
Biết tất cả chúng sinh
Đều có Như Lai tạng.
Thể và nghiệp nhân quả
Tương ứng với các hành.
Thời sai biệt khắp nơi,
Không đổi không sai biệt.
Diệu nghĩa kia lần lượt
Đệ nhất chân pháp tính.
Ta lược nói như vậy,
Ngươi nay nên khéo biết.*

Kệ này thị hiện nghĩa gì? Kệ này lược nói có 10 nghĩa. Y theo 10 nghĩa này thuyết minh đệ nhất nghĩa của cảnh giới thật trí Phật tính sai biệt. Những gì là 10? 1. Thể. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ứng. 6. Hành. 7. Thời sai biệt. 8. Khắp tất cả mọi nơi. 9. Không biến đổi. 10. Không sai biệt. Trước tiên y thể nhân nói một kệ:

*Tự tính thường không nhiễm,
Như báu không tịnh thủy.
Tin pháp và Bát-nhã,
Tam-muội với đại bi.*

Nửa đầu của bài kệ này thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Tự tại lực không đôi,
 Tự thật thể nhu nhuyễn.
 Báu, không, nước công đức
 Tương tự pháp tương đối.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trước đã nói có 3 nghĩa. Ba nghĩa ấy tuần tự y nơi tự tướng đồng tướng. Ba thứ công đức thanh tịnh của pháp thân Như Lai như hư không tịnh thủy của ngọc báu như ý tương tự pháp tương đối. Đây nói nghĩa gì? Tự, nghĩa là y pháp thân Như Lai tư duy tu tập thấy đều thành tự. Nửa sau kệ thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Có 4 thứ chương ngại,
 Chê pháp và chấp ngã,
 Sợ hãi khổ thế gian,
 Lià bỏ các chúng sinh.*

Kệ này nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Xiển-đề và ngoại đạo,
 Thanh Văn và Tự Giác.
 Tín v.v...4 thứ pháp,
 Đó là nhân thanh tịnh.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói trong tất cả cảnh giới chúng sinh, có 3 loại chúng sinh. Những gì là 3? 1. Cầu hữu. 2. Xa lìa cầu hữu. 3. Không cầu 2 thứ kia. Cầu hữu có 2 thứ. Những gì là 2? 1. Chê giải thoát đạo không có tính Niết-bàn, thường cầu trụ thế gian không cầu chứng Niết-bàn. 2. Trong Phật pháp đồng vị với Xiển-đề, bởi chê bai Đại thừa. Cho nên trong Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “ Xá-lợi-phất ! Nếu có Tì-khuru, Tì-khuru-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hoặc khởi 1 kiến chấp, hoặc khởi 2 kiến chấp, chư Phật Như Lai chẳng phải là Thế

Tôn của chúng. Những người như vậy chẳng phải đệ tử của ta. Xá-lợi-phất ! Người như vậy vì khởi nhân duyên 2 kiến chấp nên từ chỗ tối vào trong tối, từ âm u vào trong âm u. Ta gọi những người như vậy là Nhất-xiển-đề.” Cho nên kệ nói là chê pháp, là Xiển-đề. Người xa lìa cầu hữu cũng có 2 loại. Những gì là 2? 1. Không cầu phương tiện đạo. 2. Có cầu phương tiện đạo. Người không cầu phương tiện đạo cũng có 2 loại. Những gì là 2? 1. Các thứ tà chấp các thứ ngoại đạo. đó là Tăng-khư, Vệ-thế-sur, Ni-kiền-đà, Nhã-đề tử v.v... không cầu phương tiện đạo. 2. Ở trong Phật pháp đồng hành ngoại đạo. Tuy tin Phật pháp mà điên đảo chấp thủ. Họ là những ai? Là Độc tử v.v... chấp trong thân có ngã, không tin đệ nhất nghĩa đế, không tin chân như pháp không. Phật nói chúng không khác gì ngoại đạo. Lại có người chấp không làm hữu, do ngã tướng kiêu mạn. Bởi vì sao? Bởi Như Lai nói không giải thoát môn là khiến họ giác tri, mà họ chấp chỉ không là vô thật. Vì những người đó, trong Kinh Bảo Tích, Phật bảo Ca-diếp: “Thà kiến chấp ngã như núi Tu-di còn hơn chúng sinh kiến chấp kiêu mạn chấp không là hữu. Ca-diếp ! Tất cả tà kiến hiểu không, được lìa. Nếu thấy không là hữu, chúng không thể giáo hóa khiến lìa thế gian được. Cho nên kệ nói và chấp ngã và ngoại đạo. Người có phương tiện cầu đạo cũng có 2 loại. Những gì là 2? 1. Thanh Văn. Kệ nói sợ hãi khổ thế gian là Thanh Văn. 2. Bích-chi-phật. Kệ nói lìa bỏ các chúng sinh và tự giác ngộ. Không cầu 2 kia, nghĩa là đệ nhất lợi căn chúng sinh, đó là các Bồ-tát Ma-ha-tát. Bởi vì sao? Vì các Bồ-tát không cầu cái hữu kia, như Nhất-xiển-đề. Cũng không đồng với cầu đạo không phương tiện, như các thứ ngoại đạo. Lại cũng không đồng với cầu đạo có phương tiện, như Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Bởi vì sao? Bởi các Bồ-tát thấy thế gian đạo và Niết-bàn đạo bình đẳng. Vì tâm không trụ Niết-bàn, vì pháp thế gian không thể nhiễm mà tu hành hạnh thế gian, tâm Niết-bàn từ bi kiên cố vì khéo trụ trong pháp thanh tịnh căn bản. Lại nữa chúng sinh

người Nhất-xiên-đề cầu hữu kia và trong Phật pháp đồng Xiển-đề vị, gọi là chúng sinh tà định tụ. Lại nữa, trong chúng sinh xa lìa cầu hữu, rơi vào loại chúng sinh không phương tiện cầu đạo, gọi là chúng sinh bất định tụ. Lại nữa trong chúng sinh xa lìa cầu hữu, phương tiện cầu đạo, cầu lìa thế gian như Thanh Văn, Bích-chi-phật, và Bồ-tát bình đẳng đạo trí không cầu 2 kia, gọi là chúng sinh chính định tụ. Lại nữa, trừ chúng sinh cầu vô chướng ngại đạo Đại thừa, ngoài ra có 4 loại chúng sinh. Những gì là 4? 1. Xiển-đề. 2. Ngoại đạo. 3. Thanh Văn. 4. Bích-chi-phật. Bốn chúng sinh kia có 4 thứ chướng ngại nên không thể chứng, không thể hiểu, không thể thấy tính của Như Lai. Những gì là 4? 1. Chê pháp Đại thừa, là chướng của Nhất-xiên-đề. Đối trị chướng này là các Bồ-tát Ma-ha-tát tin pháp Đại thừa. Cho nên kệ nói tin pháp. 2. Chấp một cách ngang ngược trong thân có ngã, là chướng của các ngoại đạo. Đối trị chướng này là các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Cho nên kệ nói và Bát-nhã. 3. Sợ hãi các khổ thế gian, là chướng của người Thanh Văn. Đối trị chướng này là các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành các Tam-muội Hư không tạng, Thủ-lăng-nghiêm v.v... Cho nên kệ nói Tam-muội. 4. Bỏ lợi ích tất cả chúng sinh, bỏ tâm đại bi, là chướng của Bích-chi-phật. Đối trị chướng này là các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hạnh đại bi. Đó là 4 thứ chướng, chướng ngại 4 loại chúng sinh. Để đối trị 4 thứ chướng kia nên các Bồ-tát Ma-ha-tát tin tu hạnh Đại thừa 4 thứ pháp đối trị, được pháp thân thanh tịnh vô thượng, đến đệ nhất bi ngạn. Bởi vì sao? Y theo 4 thứ pháp giới thanh tịnh này tu tập các thiện pháp, đó là chư Phật tùy thuận các pháp tử đã sinh trong nhà Phật. Cho nên kệ nói:

*Tin Đại thừa là con,
Lấy Bát-nhã làm mẹ.
Thiền: thai. Đại bi: sữa,
Thật là con chư Phật.*

Kệ nói tín v.v... 4 pháp là nhân thanh tịnh. Lại nữa y theo quả nghiệp nói một kệ:

*Tịnh, ngã, lạc, và thường,
Bỉ ngạn: quả công đức.
Chán khổ cầu Niết-bàn,
Dục, nguyện v.v.. các nghiệp.*

Nửa kệ trên đây thị hiện nghĩa gì? Kệ nói:

*Lược nói nghĩa 4 câu,
Bốn thứ pháp diên đảo.
Diên đảo trong pháp thân,
Tu hành pháp đối trị.*

Kệ này nói nghĩa gì? Tín v.v... 4 pháp kia, pháp thân Như Lai nhân đây có thể thanh tịnh. Kia trước nói 4 thứ pháp. Kia tuần tự lược nói đối trị 4 diên đảo. Phải biết 4 thứ quả công đức Ba-la-mật của pháp thân Như lai nên kệ nói: Lược nói nghĩa 4 câu. Đây nói nghĩa gì? Nghĩa là đối với sắc v.v... trong sự vô thường khởi tướng là thường, trong pháp khổ khởi tướng là lạc, trong vô ngã khởi tướng là ngã, trong bất tịnh khởi tướng là tịnh. Những điều như vậy gọi là 4 thứ diên đảo, nên kệ nói: Bốn thứ pháp diên đảo. Để đối trị 4 thứ diên đảo nên có 4 thứ pháp phi diên đảo. Những gì là 4? Nghĩa là đối với sắc v.v... trong sự vô thường sinh tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng bất tịnh v.v... Đó là 4 thứ đối trị không diên đảo, nên kệ nói: Tu hành pháp đối trị. Như vậy 4 thứ đối trị diên đảo, phải biết rằng y pháp thân Như Lai lại là diên đảo, nên kệ nói: Diên đảo trong pháp thân. Đối trị diên đảo này nói có 4 thứ quả Ba-la-mật công đức của pháp thân Như Lai. Những gì là 4? Đó là thường Ba-la-mật, lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật, tịnh Ba-la-mật, nên kệ nói: Tu hành pháp đối trị. Cho nên Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Chúng sinh phàm phu, trong

pháp 5 âm khởi tướng điên đảo. Nghĩa là vô thường tướng thường, khổ tướng có lạc, vô ngã tướng ngã, bất tịnh tướng tịnh. Thế Tôn ! Tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, là những bậc không trí, vốn không thấy cảnh giới nhất thiết trí và pháp thân Như Lai. Nếu có chúng sinh tin lời Phật nói, đối với pháp thân Như Lai khởi thường tướng, lạc tướng, ngã tướng, tịnh tướng, Thế Tôn ! Các chúng sinh ấy không phải điên đảo kiến mà đó là chính kiến. Thế Tôn ! Người chính kiến là người con chân thật của Phật, từ miệng Phật sinh, từ chính pháp sinh, từ pháp hóa sinh, được các pháp tài.” Lại nữa 4 thứ công đức Ba-la-mật của pháp thân Như Lai từ nhân đến quả tuần tự mà nói là tịnh, ngã, lạc, thường. Thế nào là tuần tự từ nhân đến quả? Nghĩa là chướng của Nhất-xiển-đề phi báng Đại thừa, thật không có tịnh mà tâm chấp lấy thế gian tịnh. Đối trị chướng này, là các Bồ-tát Ma-ha-tát tin Đại thừa tu hành chứng được quả đệ nhất tịnh Ba-la-mật. Trong 5 âm thấy có thần ngã, là chướng của các ngoại đạo, thật không có thần ngã mà chấp lấy ngã. Đối trị chướng này, là các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật chứng được quả đệ nhất ngã Ba-la-mật. Đây nói nghĩa gì? Tất cả ngoại đạo chấp trước những sự không chân thật như sắc v.v... cho là có ngã, rồi các ngoại đạo ấy chấp lấy tướng ngã. Diên đảo hư vọng, không có tướng ngã, như vậy tất cả mọi thời không có ngã. Vì ý nghĩa đó, nói Như Lai biết như thật tất cả pháp không có ngã đến đệ nhất bỉ ngạn mà Như Lai không có ngã kia, không có tướng ngã. Bởi vì sao? Bởi tất cả mọi thời thấy biết như thật không hư vọng, không điên đảo. Đây lấy nghĩa gì? Là lấy cái tức vô ngã gọi là hữu ngã. Tức vô ngã, là không có cái thần ngã hư vọng của ngoại đạo kia. Nói hữu ngã, là Như Lai có cái ngã được tự tại kia. Cho nên kệ nói:

*Như chân không thanh tịnh,
Được đệ nhất vô ngã.*

*Chư Phật được tịnh thể,
Nên gọi được đại thân.*

Kệ này nói nghĩa gì? Được đại thân, nghĩa là Như Lai được pháp thân chân như đệ nhất thanh tịnh. Đó là thật ngã của chư Phật Như Lai, vì được thể tự tại, vì được thân thanh tịnh đệ nhất, nên kệ nói: Chư Phật được tịnh thể. Vì ý nghĩa đó chư Phật gọi là được tự tại thanh tịnh, nên kệ nói: Nên gọi được đại thân. Vì ý nghĩa đó, y theo nghĩa này chư Phật Như Lai trong vô lậu giới được đệ nhất tối tự tại ngã. Lại nữa tức y theo nghĩa như vậy, nên pháp thân Như Lai không gọi là hữu. Vì vô ngã tướng, vô pháp tướng. Vì ý nghĩa đó không được nói hữu, vì như tướng kia là không như vậy. Lại nữa tức y theo nghĩa như vậy, nên pháp thân Như Lai không gọi là vô. Bởi chỉ có ngã thể chân như kia, nên không được nói không có pháp thân. Bởi như tướng kia có như vậy. Y theo nghĩa này nên các ngoại đạo hỏi Như Lai sau khi chết là có thân hay không có thân? Có những trường hợp như vậy, nên Như Lai không ghi nhận, không trả lời. Các người Thanh Văn sợ cái khổ thế gian. Để đối trị cái sợ khổ thế gian kia, các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành các Tam-muội thế gian xuất thế gian, chứng được quả đệ nhất lạc Ba-la-mật. Người Bích-chi-phật xả bỏ tất cả lợi ích chúng sinh, thích trụ nơi tịch tĩnh. Để đối trị sự xả bỏ chúng sinh kia, các Bồ-tát Ma-ha-tát tu hạnh đại từ bi, trụ thế gian vô hạn kỳ, thường lợi ích chúng sinh, chứng được quả đệ nhất thường Ba-la-mật. Đó gọi là tín, Bát-nhã, Tam-muội, đại bi, 4 thứ tu hành của các Bồ-tát Ma-ha-tát. Như vậy tuần tự được tịnh, lạc, ngã, thường, 4 thứ quả công đức Ba-la-mật của thân Như Lai. Lại có nghĩa nữa, là y theo 4 thứ pháp thân Như Lai đây gọi là quảng đại, cứu cánh như pháp giới, tận vị lai tế như hư không. Đây nói ý nghĩa gì? Tin tu hành Đại thừa, cho nên chư Phật Như Lai thường được pháp giới thanh tịnh đến đệ nhất bỉ ngạn. Cho nên nói rộng lớn như pháp giới. Tu hành Bát-nhã Ba-la-mật cho nên chư Phật Như Lai thành tựu pháp thân

hư không, vì khí thể gian rớt ráo vô ngã. Vì tu hành Hư không tạng v.v... vô lượng Tam-muội. Vì ý nghĩa đó nên trong tất cả mọi nơi, tất cả mọi pháp đều được tự tại. Cho nên nói rớt ráo như hư không. Vì tu hành đại bi, đối với tất cả chúng sinh trong thời gian không giới hạn được tâm từ bi bình đẳng. Cho nên nói hết đời vị lai không hạn kỳ. Lại nữa 4 thứ Ba-la-mật này đang trụ trong vô lậu giới. Thanh Văn, Bích-chi-phật được đại lực tự tại. Để chứng đệ nhất bỉ ngạn pháp thân công đức của Như Lai, Bồ-tát có 4 thứ chướng. Những gì là 4? 1. Duyên tướng. 2. Nhân tướng. 3. Sinh tướng. 4. Hoại tướng. Duyên tướng, là vô minh trụ địa, tức vô minh trụ địa này làm duyên cùng với hành. Giống như vô minh duyên hành, vô minh trụ địa duyên cũng như vậy. Nhân tướng, là vô minh trụ địa duyên hành, tức vô minh trụ địa này duyên hành làm nhân. Giống như hành duyên thức, nghiệp vô lậu duyên cũng như vậy. Sinh tướng, là vô minh trụ địa duyên, y vào nghiệp nhân vô lậu sinh 3 thứ ý sinh thân. Giống như 4 thủ duyên y vào nghiệp nhân hữu lậu mà sinh 3 cõi, 3 thứ ý sinh thân cũng sinh như vậy. Hoại tướng, là 3 thứ ý sinh thân duyên cái chết biến dịch không thể nghĩ bàn. Giống như y vào duyên sinh mà có lão tử, 3 thứ ý sinh thân duyên cái chết biến dịch không thể nghĩ bàn cũng như vậy. Lại nữa, tất cả phiền não nhiễm, đều dựa vào căn bản vô minh trụ địa, vì không tách khỏi vô minh trụ địa. Thanh Văn, Bích-chi-phật, đại lực Bồ-tát, chưa lìa xa được vô minh trụ địa cấu, cho nên chưa được cứu cánh vô vi tịnh Ba-la-mật. Lại nữa, tức y nơi vô minh trụ địa kia duyên, vì tập khí của tướng hý luận vi tế, chưa được vĩnh viễn diệt trừ, cho nên chưa được cứu cánh vô vi ngã Ba-la-mật. Lại nữa, tức duyên vô minh trụ địa kia, có tướng hý luận vi tế tập hợp, nhân nghiệp vô lậu sinh trong ý ám chưa được vĩnh viễn diệt, cho nên chưa được cứu cánh vô vi lạc Ba-la-mật. Vì các phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm chưa được vĩnh viễn diệt, cho nên chưa chứng cứu cánh cam lồ Như Lai pháp thân. Vì chưa xa lìa cái sinh tử biến dịch không thể nghĩ bàn, thường chưa cứu cánh, nên chưa

được cái thể không biến đổi khác. Cho nên chưa được cứu cánh vô vi thường Ba-la-mật. Lại nữa, giống như phiền não nhiễm, vô minh trụ địa cũng vậy. Giống như nghiệp nhiễm, vô lậu nghiệp hành cũng vậy. Giống như sinh nhiễm, 3 thứ ý sinh thân và biến dịch sinh tử không thể nghĩ bàn cũng vậy. Như Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Ví như thủ duyên nghiệp nhân hữu lậu mà sinh tam hữu. Như vậy, Thế Tôn ! Y vô minh trụ địa duyên nghiệp nhân vô lậu, sinh 3 thứ ý sinh thân là A-la-hán, Bích-chi-phật và đại lực Bồ-tát. Thế Tôn ! Ba thứ ý sinh thân của 3 thừa địa này sinh là y vô minh trụ địa có duyên, chứ không phải không duyên.” Những điều như vậy trong Kinh Thắng Man có nói rộng.

Lại nữa, vì trong 3 thứ ý sinh thân của Thanh Văn, Bích-chi-phật và đại lực Bồ-tát không có bỉ ngạn công đức thân tịnh, ngã, lạc, thường Ba-la-mật. Cho nên Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Chỉ pháp thân Như Lai là thường Ba-la-mật, lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật, tịnh Ba-la-mật.” Đây nói ý nghĩa gì? Vì pháp thân Như Lai tự tính thanh tịnh là tất cả tập khí phiền não chướng trí chướng nên gọi là tịnh. Cho nên nói duy chỉ pháp thân Như Lai là tịnh Ba-la-mật. Vì được tịch tĩnh đệ nhất tự tại tại ngã, cho nên là vô ngã hý luận, cứu cánh tịch tĩnh nên gọi là ngã. Vì vậy nên nói duy chỉ pháp thân Như Lai là ngã Ba-la-mật. Vì được xa lìa nhân của ý sinh ám thân nên gọi là lạc. Vì vậy nên nói duy chỉ pháp thân Như Lai là lạc Ba-la-mật. Vì chứng thể gian Niết-bàn bình đẳng nên gọi là thường. Vì vậy nên nói duy chỉ pháp thân Như Lai là thường Ba-la-mật. Lại nữa, lược nói có 2 thứ pháp. Y 2 pháp này pháp thân Như Lai có tịnh Ba-la-mật. Những gì là 2? 1. Bản lai tự tính thanh tịnh do nhân tướng. 2. Lìa cấu thanh tịnh do thắng tướng. Có 2 thứ pháp, y 2 pháp này pháp thân Như Lai có ngã Ba-la-mật. Những gì là 2? 1. Xa lìa bên các ngoại đạo vì lìa hư vọng ngã hý luận. 2. Xa lìa bên các Thanh Văn vì lìa vô ngã hý luận. Có 2 thứ pháp, y 2 pháp này pháp thân Như Lai có lạc Ba-la-mật. Những gì là 2? 1. Xa lìa tất cả khổ. 2. Xa lìa tất cả tập khí phiền

não. Đây nói nghĩa gì? Thế nào là xa lia tất cả khổ? Vì diệt tất cả thứ khổ. Vì diệt tất cả ý sinh thân. Thế nào là xa lia tập khí phiền não? Vì chứng tất cả pháp. Có 2 thứ pháp, y 2 pháp này pháp thân Như Lai có thường Ba-la-mật. Những gì là 2? 1. Không diệt tất cả các hành hữu vi, vì lia bên đoạn kiến. 2. Không thủ vô vi Niết-bàn, vì lia bên thường kiến. Vì ý nghĩa đó Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Thấy các hành vô thường là đoạn kiến chẳng phải chính kiến. Thấy Niết-bàn thường là thường kiến chẳng phải chính kiến. Vì thấy vọng tưởng nên có cái thấy như vậy.” Vì ý nghĩa đó, y như vậy trước nói pháp môn đệ nhất nghĩa đế của pháp giới, nói tức thế gian pháp là Niết-bàn. Do 2 pháp không phân biệt, do chứng không trụ thế gian Niết-bàn, nên kệ nói:

*Người không phân biệt,
Không phân biệt thế gian,
Không phân biệt Niết-bàn,
Niết-bàn có bình đẳng.*

Nửa kệ sau hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Nếu không Phật tính thì,
Không được chán các khổ,
Không cầu vui Niết-bàn,
Cũng không dục, không nguyện.*

Vì ý nghĩa đó, Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Nếu không Như Lai tạng thì không chán khổ cầu vui Niết-bàn, cũng không muốn Niết-bàn, cũng không nguyện cầu.” Như vậy là nói nghĩa gì? Lược nói chính nhân Phật tính thanh tịnh, đối với chúng sinh bất định tụ có thể tạo 2 thứ nghiệp. Những gì là 2? 1. Dựa vào thấy các khổ não thế gian, vì chán các khổ nên sinh tâm muốn lia tất cả khổ não trong thế gian. Cho nên kệ nói: Nếu không Phật tính thì không được chán các khổ. 2. Dựa vào thấy vui Niết-bàn, mong cầu cái vui tịch diệt nên sinh cầu tâm, dục tâm, nguyện tâm. Nên kệ nói:

Nếu không Phật tính thì không cầu vui Niết-bàn, cũng không dục, không nguyện. Lại dục, là vì cầu Niết-bàn. Cầu, là vì mong mỏi Niết-bàn. Mong mỏi, là vì không khiếp nhược đối với pháp mong cầu. Muốn được, là phương tiện theo đuổi hỏi han đối với pháp sở cầu. Nguyện, là trong pháp mong cầu, người mong cầu tâm tâm tương hành. Cho nên kệ nói:

*Thấy quả khổ quả vui,
 Đây y tín mà có.
 Nếu không có Phật tính,
 Không khởi tâm như vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì? Phạm thấy quả khổ thế gian, phạm thấy quả vui Niết-bàn, 2 pháp này là do thiện căn chúng sinh có tất cả y nhân chân như Phật tính, chứ không phải là Phật tính, không nhân duyên mà khởi tâm như vậy. Kệ nói thấy quả khổ quả vui, đây y tín mà có. Nếu không nhân duyên sinh tâm như vậy, là như Nhất-xiển-đề, không có tính Niết-bàn cần phải phát tâm Bồ-đề. Nên kệ nói: Nếu không Phật tính thì không khởi tâm như vậy. Bởi tính chưa là tất cả cấu uế của khách trần phiền não, trong 3 thừa chưa từng tu tập tín tâm một thừa, lại chưa gạn gỡ thiện tri thức v.v..., cũng chưa tu tập nhân duyên gạn gỡ thiện tri thức, cho nên trong Phẩm tính khởi, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tiếp đến có thậm chí chúng sinh tà kiến tự v.v... trong thân đều có vàng ánh sáng mặt trời Như Lai chiếu soi làm lợi ích cho chúng sinh ấy, làm nhân thiện căn cho đời vị lai, tăng trưởng các bạch pháp.” Cho nên trước nói Nhất-xiển-đề thường không nhập Niết-bàn. Không có tính Niết-bàn, nghĩa này thế nào? Vì muốn thị hiện nhân phỉ báng Đại thừa. Đây nói nghĩa gì? Vì muốn hỏi chuyển tâm phỉ báng Đại thừa, tâm không cầu Đại thừa, nên y vô lượng thời nói như vậy. Vì kia thật có tính thanh tịnh nên không được nói kia thường rất ráo không có tính thanh tịnh. Lại y nghĩa tương ưng nên nói một kệ:

*Biển lớn đựng nước báu,
Vô lượng không thể hết,
Như đèn sáng chạm sắc,
Tính công đức như vậy.*

Nửa đầu bài kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Pháp thân Phật tuệ định,
Bi nhiếp tính chúng sinh.
Biển với nước quý báu,
Tương tự pháp tương đối.*

Kệ này thuyết minh nghĩa gì? Vì có 3 chỗ nên tuần tự có 3 thứ biển lớn tương tự pháp tương đối. Phải biết ở trong tính Như Lai, y nhân rốt ráo thành tựu nghĩa tương ưng. Những gì là 3 chỗ? 1. Nhân của pháp thân thanh tịnh. 2. Nhân của nhóm hợp Phật trí. 3. Nhân của đấng Như Lai đại bi. Nhân của pháp thân thanh tịnh, nghĩa là tin tu hành khí lượng Đại thừa tương tự pháp tương đối. Vì kia vô lượng không thể hết, nên kệ nói: Pháp thân Phật. Biển tương tự pháp tương đối. Nhân của nhóm hợp Phật trí, nghĩa là Bát-nhã Tam-muội quý báu tương tự pháp tương đối, nên kệ nói: tuệ định. Quý báu tương tự pháp tương đối. Nhân của đấng Như Lai đại bi, nghĩa là tâm đại từ bi như nước, tương tự pháp tương đối, nên kệ nói: Bi nhiếp tính chúng sinh. Nước tương tự pháp tương đối. Lại nữa tu hành Trí tuệ Tam-muội môn, báu tương tự pháp tương đối. Vì kia tương ưng với không phân biệt, không thể nghĩ bàn, có đại thể lực công đức. Lại nữa tu hạnh đại bi của Bồ-tát, nước tương tự pháp công đức. Vì đối với tất cả chúng sinh đại bi nhu nhuyễn được một vị bình đẳng tướng hành. Ba thứ pháp như vậy hòa hợp với 3 nhân này rốt ráo không tách rời nhau nên gọi là tương ưng. Nửa sau bài kệ hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Thông trí và vô cầu,
Không lìa khỏi chân như.*

*Như đèn sáng, hơi nóng,
Tương tự vô cấu giới.*

Kệ này nói nghĩa gì? Có 3 chỗ tuần tự 3 thứ đèn tương tự pháp tương đối. Phải biết ở trong pháp giới Như Lai y nghĩa tương ứng của quả. Những gì là 3 chỗ? 1. Thông. 2. Trí biết lậu tận. 3. Lậu tận. Đây là nghĩa gì? Thông, nghĩa là có 5 thông sáng suốt tương tự pháp tương đối. Vì việc thụ dụng có thể tán diệt. Kia trái ngược với trí, sở tri ám pháp, năng tri tương tự pháp đối tri, nên kệ nói thông, nói sáng. Trí biết vô lậu tận, là hơi nóng của trí vô lậu tương tự pháp tương đối, vì có thể đốt cháy nghiệp phiền não không còn sót lại. Vì khả năng đốt cháy tương tự pháp tương đối, nên kệ nói trí, nói hơi nóng. Lậu tận, nghĩa là chuyển thân lậu tận sắc tương tự pháp tương đối. Vì thường vô cấu, tướng thanh tịnh sáng suốt đầy đủ vô cấu tương tự pháp tương đối, nên kệ nói vô cấu, nói sắc. Lại nữa, vô cấu là vì lìa phiền não chướng, thanh tịnh là vì lìa trí chướng. Sáng suốt là như thể thanh tịnh của tự tính. Hai cái kia là khách trần phiền não. Như vậy lược nói 6 thứ trí vô lậu là pháp sở nhiếp của thân lìa phiền não vô học. Ở trong pháp giới vô lậu kia và đây phối hợp nhau không tách rời. Pháp giới không sai biệt, rốt ráo bình đẳng là nghĩa của tương ứng. Lại nữa, y theo nghĩa của hành nói một kệ:

*Người thấy thật nói rằng
Phàm phu, thánh nhân, Phật,
Chúng sinh, Như Lai tạng,
Chân như không sai khác.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Phàm phu tâm điên đảo,
Thấy thật khác với kia.
Như thật không điên đảo,
Chư Phật lìa hý luận.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trước nói tất cả pháp trong pháp giới của Như Lai là đồng một tướng chân như thanh tịnh sáng suốt. Y vào pháp môn vô phân biệt trí của Bát-nhã Ba-la-mật, vì các Bồ-tát Ma-ha-tát mà nói. Đây là vì nghĩa gì? Lược nói dựa vào 3 hạng người. Những gì là 3? 1. Hạng phàm phu không thấy thật. 2. Hạng thánh nhân thấy thật. 3. Hạng rốt ráo thành tựu pháp thân Như Lai. Đó gọi là 3 thứ hạnh cần phải biết. Phải biết như thế nào? Nghĩa là thủ điền đảo, lia điền đảo, lia hý luận, theo tuần tự như vậy. Đây là nghĩa gì? Thủ điền đảo, nghĩa là phàm phu 3 thứ tâm tướng hư vọng thấy, cho nên kệ nói thấy thật khác với kia. Lia hý luận, nghĩa là chính lia điền đảo và các hý luận. Vì phiền não chướng, trí chướng và phiền não tập khí, chư Phật Như Lai căn bản đã vĩnh viễn hết, nên kệ nói như thật không điền đảo, chư Phật lia hý luận. Từ đây trở xuống tức y hạnh này. Ngoài 4 thứ nghĩa phân biệt nói rộng. Lại nữa, tức y theo 3 hạng người kia, y theo thời sai biệt nên nói một kệ:

*Có bất tịnh có tịnh,
Và cùng với thiện tịnh.
Như vậy tuần tự nói,
Chúng sinh, Bồ-tát, Phật.*

Đây hiển thị nghĩa gì? Nghĩa là trước đã nói pháp tính vô lậu. Như Lai nói rộng nhiều thứ pháp môn. Các thứ pháp môn ấy lược nói y theo 6 thứ cú nghĩa. Đó là nhiếp tụ, thủ, thể, nhân quả nghiệp, tương ưng và hành. Kệ nói thể v.v... 6 cú nghĩa lược nói thể của pháp tính. Rốt ráo phải biết trong 3 thời tuần tự y 3 thứ danh tự, nên kệ nói tuần tự trong 3 thời nói 3 thứ danh tự. Đây là nghĩa gì? Nghĩa là khi bất tịnh gọi là chúng sinh, nên kệ nói có bất tịnh. Khi không tạp tịnh gọi là Bồ-tát, nên kệ nói có tịnh. Khi ở trong thiện tịnh gọi là Như Lai, nên kệ nói và cùng với thiện tịnh. Cho nên chính vì nghĩa ấy Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “ Xá-lợi-phất ! Ngay nơi pháp thân này bị vô lượng phiền não quá hơn số cát sông Hằng ràng buộc, từ

vô thủy đến nay tùy thuận những đợt sóng ba đào sinh tử trong thế gian khứ lai sinh thoái, gọi là chúng sinh. Xá-lợi-phất ! Ngay nơi pháp thân này chán lìa khổ não sinh tử thế gian, xả bỏ tất cả ham muốn, thực hành 10 Ba-la-mật gồm thâu 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu hạnh Bồ-đề, gọi là Bồ-tát. Xá-lợi-phất ! Ngay nơi pháp thân này được lìa tất cả phiền não ràng buộc, vượt qua tất cả khổ, lìa tất cả phiền não cấu uế, được tịnh, được thanh tịnh, được trụ trong pháp bỉ ngạn thanh tịnh, đến địa vị sở quán tất cả chúng sinh, trong tất cả cảnh giới không có cảnh giới nào hơn, lìa tất cả chướng, lìa tất cả ngại, trong tất cả pháp được sức tự tại, được Như Lai ứng chính biến tri.” Cho nên kệ nói như vậy, tuần tự nói chúng sinh, Bồ-tát, Phật. Từ đây trở xuống tức y 3 thời kia nói pháp tính Như Lai biến khắp tất cả xứ. Cho nên kệ nói:

*Như hư không biến khắp,
Hư không không phân biệt.
Tự tính tâm không cấu,
Cũng khắp không phân biệt.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì?

*Quá công đức rốt ráo,
Khắp đến và đồng tướng.
Hạ, trung, thắng chúng sinh,
Như sắc trong không trung.*

Kệ này nói nghĩa gì? Các phàm phu, thánh nhân, chư Phật Như Lai, tự tính thanh tịnh tâm bình đẳng không phân biệt. Tâm thanh tịnh ấy trong 3 thời, tuần tự trong thời gian tội lỗi, trong thời gian có công đức và trong thời gian công đức rốt ráo thanh tịnh đều đồng một tướng không sai khác. Giống như hư không ở trong 3 thứ bình chứa bằng sành, bằng bạc, bằng vàng đều bình đẳng trong mọi thời không sai khác. Vì ý nghĩa đó trong kinh nói có 3 thời tuần tự.

Như Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “ Xá-lợi-phất ! Không lia chúng sinh giới mà có pháp thân. Không lia pháp thân mà có chúng sinh giới. Chúng sinh giới tức pháp thân. Pháp thân tức chúng sinh giới. Xá-lợi-phất ! Hai pháp này nghĩa có một mà tên khác.”

Từ đây trở xuống, tức y vào 3 thời này nói pháp tính của Như Lai biến khắp đến tất cả mọi xứ, y khi nhiệm khi tịnh không đổi không khác, có 15 kệ. Các kệ này lược nói nghĩa thiết yếu cần phải biết. Kệ nói:

*Các quá khách trần đến,
Tịnh công đức tương ung.
Chân pháp thể không đổi,
Như cũ, sau cũng vậy.*

Kệ này nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Mười hai kệ và hai,
Tuần tự thời bất tịnh.
Phiền não khách trần qua:
Là mười bốn, mười lăm.
Còn trong thời thiện tịnh,
Quá Hằng sa Phật pháp.
Không lia thoát tư nghị,
Tự tính công đức Phật.
Bản tế, trung gian tế,
Và cho đến hậu tế,
Như Lai tính chân như,
Thể không đổi, không khác.*

Trước tiên trong thời gian bất tịnh không đổi không khác, 11 kệ là:

*Như hư không biến khắp,
Thể tịnh vi không nhiễm.*

Phật tính khắp chúng sinh,
Các phiền não không nhiễm.
Như tất cả thế gian,
Nương hư không sinh diệt.
Nương nơi vô lậu giới,
Có các căn sinh diệt.
Lửa không đốt hư không,
Nếu đốt là không đúng.
Lão, bệnh, tử cũng vậy,
Không thể đốt Phật tính.
Đất nương nước mà trụ,
Nước lại nương nơi gió,
Gió nương nơi hư không,
Hư không chẳng nương đất v.v...
Cũng vậy ám, giới, căn,
Trụ trong nghiệp phiền não.
Các nghiệp phiền não thì
Trụ tư duy bất thiện.
Hành tư duy bất thiện,
Trụ trong tâm thanh tịnh.
Tâm tự tính thanh tịnh
Không trụ các pháp kia.
Ám, nhập, giới như đất,
Nghiệp phiền não như nước,
Bất chính niệm như gió,
Tịnh tâm giới như không.
Y tính khởi tà niệm,
Niệm khởi nghiệp phiền não.
Y nhân nghiệp phiền não,
Hay khởi ám, nhập, giới.
Y chỉ nơi 5 ám,

*Giới nhập v.v... các pháp
 Có các căn sinh diệt,
 Như thế giới thành hoại.
 Tịnh tâm như hư không,
 Không nhân lại không duyên
 Và không nghĩa hòa hợp,
 Cũng không sinh trụ diệt.
 Như hư không tâm tịnh,
 Thường sáng không chuyển biến.
 Vì hư vọng phân biệt,
 Khách trần phiền não nhiễm.*

Bài kệ thí dụ hư không này hiển thị nghĩa gì? Nói tính của Như Lai khi trong thời bất tịnh, thể không biến đổi. Kệ nói:

*Tư duy bất chính: gió.
 Các nghiệp phiền não: nước.
 Tâm tự tính: hư không.
 Không do 2 kia sinh.
 Tâm tự tính thanh tịnh,
 Tương nó như hư không.
 Tư duy tà niệm: gió.
 Không thể làm tan hoại.
 Các nghiệp phiền não: nước.
 Không thể làm thấm ướt.
 Lão, bệnh, tử lửa mạnh,
 Cũng không thể đốt cháy.*

Kệ này nói nghĩa gì? Giống như nương gió tà niệm, khởi nước nghiệp phiền não, nương nơi nước nghiệp phiền não sinh ấm, giới, nhập thế gian mà hư không tâm tự tính không sinh cũng không diệt, nên kệ nói Tư duy bất chính: gió. Các nghiệp phiền não: nước. Tâm tự tính: hư không. Không do 2 kia sinh. Như vậy do phong tai tà niệm,

thủy tai nghiệp hành phiền não, hỏa tai lão bệnh tử thối, thâm, đốt làm hoại âm, nhập, giới thể gian mà không thể phá hoại cái hư không tự tính thanh tịnh tâm thường trụ. Như vậy trong thời gian bất tịnh, khí thể gian tương tự pháp tương đối. Các phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm có nhóm hợp có tiêu diệt. Tính vô vi của chư Phật Như Lai giống như hư không, không sinh không diệt, thị hiện pháp thể thường không biến đổi. Pháp môn tự tính thanh tịnh này thí dụ hư không. Như trong Kinh Đà-la-ni Tự Tại Vương Bồ-tát có nói rộng. Phải biết trong kinh ấy nói: “ Các thiện nam tử ! Phiền não vốn vô thể, chân tính vốn minh tịnh. Tất cả phiền não là mong manh. Ti-bà-xá-na có thể lực lớn. Tất cả phiền não là khách trần. Tự tính tâm thanh tịnh là căn bản. Tất cả các phiền não là hư vọng phân biệt. Tự tính tâm thanh tịnh là như thật không phân biệt. Các Phật tử ! Ví như đại địa nương nơi nước mà trụ, nước nương gió trụ, gió nương hư không trụ, mà hư không kia không nương một trụ xứ nào. Các thiện nam tử ! Như vậy 4 đại là địa đại, thủy đại, phong đại, không đại, trong 4 đại này duy chỉ hư không đại là hơn cả, vì sức mạnh to lớn, vì bền vững, vì không động, vì không tạo tác, vì không tan, không sinh, không diệt mà trụ tự nhiên. Các thiện nam tử ! Ba thứ đại kia sinh diệt tương ung, thể tính không thật, sát-na không trụ. Các Phật tử ! Ba thứ đại này biến đổi vô thường. Các Phật tử ! Còn cõi hư không là thường không biến đổi. Các Phật tử ! Như vậy âm, giới, nhập y nghiệp phiền não trụ. Các nghiệp phiền não y bất chính tư duy trụ. Bất chính tư duy y Phật tính tự tính tâm thanh tịnh trụ.” Vì ý nghĩa này, trong kinh nói: “ Tự tính thanh tịnh tâm nhiễm khách trần phiền não. Các thiện nam tử ! Có các tà niệm, có nghiệp phiền não, có âm giới nhập, như vậy các pháp từ nơi nhân duyên hòa hợp mà sinh, do các nhân duyên hoại tan mà diệt. Các thiện nam tử ! Tự tính thanh tịnh tâm kia không nhân, không duyên nên không hòa hợp không sinh không diệt. Các thiện nam tử ! Giống như cõi hư không, tự tính thanh tịnh tâm cũng như vậy. Giống như cõi phong đại, bất chính tư duy cũng như vậy. Giống như cõi thủy

đại hải, các nghiệp phiền não cũng như vậy. Giống như cõi địa đại, âm giới nhập cũng như vậy.” Cho nên nói tất cả các pháp đều không căn bản, đều không chắc thật, không trụ, không trụ bản, căn bản thanh tịnh không căn bản.

Đã nói trong thời bất tịnh y tướng không phân biệt, tự tính thanh tịnh tâm thì hư không giới tương tự pháp tương đối. Đã nói nương kia khởi bất chính niệm thì phong giới tương tự pháp tương đối. Đã nói y bất chính niệm thì tướng nhân của các nghiệp phiền não là thủy giới tương tự pháp tương đối. Đã nói y kia sinh quả tướng âm giới nhập chuyển biến thì địa giới tương tự pháp tương đối.

Chưa nói kia thiêu đốt tử, bệnh, lão các tướng quá hoạn thì hỏa giới tương tự pháp tương đối, cho nên tiếp nói kệ:

*Có 3 lửa tuàn tự,
Kiếp thiêu người địa ngục,
Năng tạo các thứ khổ,
Năng thực các hành căn.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì thuyết minh 3 pháp này? Lửa lão, bệnh, tử trong thời gian bất tịnh không thể làm biến đổi khác Như Lai tạng kia. Cho nên Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Sinh tử là y vào thế đế mà nói có sinh tử. Thế Tôn ! Tử là các căn hư hoại. Thế Tôn ! Sinh là các căn mới khởi. Thế Tôn ! Mà Như Lai tạng không sinh, không tử, không lão, không biến đổi. Bởi vì sao? Thế Tôn ! Như Lai tạng là cảnh giới lìa hữu vi. Thế Tôn ! Như Lai tạng thường hằng, thanh lương không biến đổi.”

Đã nói xong về thời gian bất tịnh không đổi không khác. Tiếp nói dựa vào thời gian tịnh, bất tạp tịnh không đổi không khác, nên nói 2 kệ:

*Bồ-tát Ma-ha-tát,
Biết Phật tính như thật*

*Không sinh cũng không diệt
 Cũng không có lão bệnh.
 Bồ-tát biết như vậy,
 Được là nơi sinh tử.
 Vì thương xót chúng sinh
 Thị hiện có sinh diệt.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Lão bệnh tử các khổ,
 Thánh nhân hằng diệt hết.
 Y nghiệp phiền não sinh,
 Chư Bồ-tát thì không.*

Kệ này nói nghĩa gì? Nói lửa lão bệnh tử này trong thời gian bất tịnh y nghiệp phiền não sinh, như lửa thế gian y nơi củi sinh. Vì chư Bồ-tát được ý sinh thân trong thời gian tịnh bất tịnh rốt ráo đã vĩnh viễn diệt hết. Vì nghĩa đó, các nghiệp phiền não thường không thể đốt cháy, mà y vào sức từ bi nên thị hiện sinh lão bệnh tử mà xa lìa sinh v.v... Vì thấy như thật nên, vì nghĩa đó, chư Bồ-tát Ma-ha-tát y thiện căn kết sử sinh, chứ không phải y nghiệp phiền não kết sử sinh. Vì y sức tự tại của tâm sinh, y sức đại bi hiện nơi thế giới thị hiện sinh thị hiện lão thị hiện bệnh thị hiện tử, mà không có các pháp khổ sinh lão bệnh tử, vì thấy như thật chân như Phật tính không sinh không diệt. Đó gọi là thời gian không tạp tịnh. Như trong Tu-đa-la y thụ vô lậu nghiệp căn bản phiền não nói rộng. Như Như Lai trong Kinh Đại Hải Tuệ Bồ-tát nói: “ Đại Hải Tuệ ! Cái gì có thể trụ thế gian thiện căn tương ưng phiền não? Đó là nhóm hợp các thiện căn không chán đủ, vì tâm nguyện sinh nhiếp thủ các hữu, cầu thấy tất cả chư Phật Như Lai, giáo hóa tất cả chúng sinh tâm không mệt mỏi, nhiếp thủ tất cả diệu pháp chư Phật, thường làm lợi ích cho các chúng sinh, thường không xả lìa lạc tham các pháp kết sử, thường không xả lìa các Ba-la-mật kết sử. Đại Hải Tuệ ! Đó gọi là chư Bồ-tát Ma-

ha-tát thể gian thiện căn tương ưng phiền não. Y nơi phiền não này chư Bồ-tát Ma-ha-tát sinh trong 3 cõi thụ các thứ khổ không bị tội lỗi phiền não 3 cõi nhiễm ô. Bồ-tát Đại Hải Tuệ bạch Phật: Thế Tôn ! Các thiện căn này vì nghĩa gì gọi là phiền não? Phật bảo Bồ-tát Đại Hải Tuệ: Đại Hải Tuệ ! Phiền não như vậy chư Bồ-tát Ma-ha-tát có thể sinh 3 cõi chịu các thứ khổ. Vì y phiền não này nên có 3 cõi, chứ không phải nhiễm phiền não mà sinh trong 3 cõi. Đại Hải Tuệ ! Bồ-tát dùng phương tiện trí lực, y sức thiện căn nên tâm sinh 3 cõi. Cho nên gọi là thiện căn tương ưng phiền não mà sinh 3 cõi chứ chẳng phải nhiễm tâm sinh. Đại Hải Tuệ ! Ví như trưởng giả hoặc cư sĩ chỉ có một đứa con rất yêu thương hoan hỷ, mà đứa con kia do tâm ngu si nhân chơi đùa rơi xuống hầm phân rất sâu. Lúc bấy giờ cha mẹ và bà con đứa trẻ kia thấy đứa trẻ rơi xuống hầm phân, thấy rồi đau buồn kêu khóc, mà không thể vào trong hầm phân cứu con mình ra.

Bấy giờ trong số những người ở đó lại có con một trưởng giả hoặc con một cư sĩ thấy đứa trẻ kia rơi xuống hầm phân sâu, thấy rồi liền sinh tưởng như con mình, sinh tâm thương yêu không khởi giận dữ, liền vào hầm phân sâu đưa đứa trẻ kia ra. Đại Hải Tuệ ! Để hiển thị ý nghĩa ấy nên nói thí dụ này. Đại Hải Tuệ ! Nghĩa kia như thế nào? Đại Hải Tuệ ! Nói hầm phân sâu, là 3 cõi. Nói một đứa con, là tất cả chúng sinh. Chư Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh sinh tưởng như con mình. Đại Hải Tuệ ! Bấy giờ cha mẹ và các bà con, là những người Thanh Văn, Bích-chi-phật. Vì người Nhị thừa thấy các chúng sinh sinh trong thế gian như rơi trong hầm phân to lớn rất sâu. Thấy rồi thương khóc mà không thể cứu các chúng sinh kia. Đại Hải Tuệ ! Bấy giờ có con một trưởng giả, con một cư sĩ, đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát lia các phiền não thanh tịnh vô cấu, do tâm ly cấu hiện thấy pháp giới chân như vô vi, dùng tâm tự tại hiện sinh 3 cõi để giáo hóa các chúng sinh kia. Đại Hải Tuệ ! Đó gọi là đại bi của Bồ-tát Ma-ha-tát, rất ráo lia các hữu, rất ráo lia các trói buộc mà trở lại sinh trong các

hữu nơi 3 cõi, vì y sức Bát-nhã phương tiện không bị các lửa phiền não đốt cháy, muốn khiến tất cả chúng sinh lìa xa các trói buộc mà vì thuyết pháp. Đại Hải Tuệ ! Nay ta nói câu Tu-đa-la này là y các tâm Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh được sức tự tại mà sinh trong tam hữu, y tâm lực từ bi của các thiện căn, y nơi sức phương tiện Bát-nhã, đó gọi là thị hiện thời gian tịnh bất tịnh. Lại nữa Bồ-tát Ma-ha-tát dùng trí như thật biết pháp thân Như Lai không sinh không diệt nên được pháp thể công đức của Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy.”

Câu Tu-đa-la này trước đã nói rồi. Từ đây trở xuống nói thí dụ ngọc báu Đại Tì-lưu-ly Ma-ni. Phật nói: “ Đại Hải Tuệ ! Ví như viên ngọc báu vô giá Đại Tì-lưu-ly Ma-ni khéo mài cắt, khéo đánh bóng sáng chiếu rọi trong bùn đến cả ngàn năm. Ngọc báu Ma-ni kia ngàn năm sau mới được lấy ra khỏi bùn. Dem ra rồi tẩy rửa, tẩy rửa rất sạch rồi, rửa rất sạch rồi cực kỳ sáng loáng, tức không mất cái thể của ngọc báu Ma-ni vốn thanh tịnh không cấu uế. Đại Hải Tuệ ! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như vậy, như thật thấy biết tất cả chúng sinh tự tính thanh tịnh, tâm tịnh sáng suốt mà bị các khách trần phiền não nhiễm. Đại Hải Tuệ ! Chư Bồ-tát sinh tâm như vậy, các phiền não kia không nhiễm cái tự tính thanh tịnh tâm của chúng sinh. Đó là các phiền não khách trần, tâm hư vọng phân biệt khởi, mà các Bồ-tát lại sinh tâm như vậy. Nay ta rất ráo khiến các chúng sinh xa lìa các cấu uế phiền não khách trần, vì họ thuyết pháp. Như vậy Bồ-tát không sinh tâm khiếp nhược, chuyển sinh sức tăng thượng đến tất cả chúng sinh. Ta phải rất ráo khiến được giải thoát. Bồ-tát bây giờ lại sinh tâm như vậy. Các phiền não này không có chút thể nào. Bây giờ Bồ-tát lại sinh tâm như vậy. Các phiền não là vô thể, các phiền não là mỏng manh, các phiền não đó không có chỗ trụ. Như vậy Bồ-tát như thật biết các phiền não là do hư vọng phân biệt mà có, y tà kiến niệm mà có. Bởi vì người chính kiến thì các phiền não cấu uế không thể khởi lên được. Bồ-tát bây giờ lại sinh tâm như vậy. Ta phải như thật quán

các phiền não không sinh trở lại. Vì không sinh phiền não nên sinh các thiện pháp. Bồ-tát bấy giờ lại sinh tâm như vậy. Nếu ta tự khởi các phiền não thì làm sao có thể vì các chúng sinh bị phiền não trói buộc thuyết pháp khiến lìa các trói buộc của phiền não được? Bồ-tát bấy giờ lại sinh tâm như vậy. Vì ta không chấp trước các phiền não cho nên vì các chúng sinh bị phiền não trói buộc mới thuyết pháp được. Ta phải tu hành các Ba-la-mật, các thiện căn tương ưng kết sử phiền não vì muốn giáo hóa các chúng sinh.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian? Vì 3 cõi tương tự như ảnh tượng trong gương. Đây nói nghĩa gì? Phải biết y trong pháp giới vô lậu, có 3 thứ ý sinh thân. Chúng nhân vô lậu thiện căn tạo tác, gọi là thế gian. Bởi lìa các nghiệp hữu lậu phiền não tạo tác pháp thế gian, cho nên cũng gọi là Niết-bàn. Dựa vào nghĩa này nên Thánh giả Kinh Thắng man nói: “ Thế Tôn ! Có hữu vi thế gian, có vô vi thế gian. Thế Tôn ! Có hữu vi Niết-bàn, có vô vi Niết-bàn. Lại nữa, hữu vi, vô vi, tâm tâm số pháp, tương ưng pháp nên gọi là thời gian tịnh, bất tịnh. Nghĩa này nói trong thứ 6 Bồ-tát hiện tiền địa. Các lậu kia hết, không chướng ngại Bát-nhã Ba-la-mật giải thoát, hiện tiền tu hạnh đại bi để cứu hộ chúng sinh nên không thủ chứng. Như trong Kinh Bảo Man, y lậu tận nên nói thí dụ nhập thành. Trong kinh kia nói: “ Thiện nam tử ! Ví như có thành dọc ngang đều một do-tuần có nhiều cửa đường đi tới tắm hiểm trở rất đáng sợ. Có người vào thành ấy hưởng nhiều an lạc. Lại có một người chỉ có một đứa con rất mực yêu quý, xa nghe nơi thành kia sung sướng như vậy, liền bỏ đứa con muốn sang qua đó vào trong thành ấy. Người ấy nhờ phương tiện vượt qua đường hiểm đến được cửa thành, một chân đã bước vào một chân còn chưa nhắc lên thì nhớ đến đứa con liền nghĩ rằng: Ta chỉ có một đứa con, sao khi đến không đem nó cùng đến, ai sẽ nuôi nấng bảo dưỡng cho nó khỏi khổ? Nghĩ vậy rồi liền bỏ thành sung sướng, trở lại chỗ đứa con. Thiện nam tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như vậy, vì thương xót nên tu tập 5 thông, đã tu tập

rồi gần được lậu tận mà không thủ chứng. Bởi vì sao? Vì thương chúng sinh nên bỏ lậu tận thông, cho đến làm những việc trong địa vị phàm phu. Thiện nam tử ! Thành ấy dụ cho Đại Bát-niết-bàn. Có nhiều cửa vào dụ cho 8 vạn các pháp môn Tam-muội. Đường hiểm nạn dụ cho các ma nghiệp. Đến cửa thành dụ cho 5 thông. Một chân bước vào dụ cho trí tuệ. Một chân chưa nhấc lên dụ cho các Bồ-tát chưa chứng giải thoát. Nói một đứa con dụ cho tất cả chúng sinh trong 5 đường. Nghĩ nhớ lại đứa con, dụ cho tâm đại bi. Trở lại chỗ đứa con dụ cho điều phục chúng sinh. Có thể được giải thoát mà không chứng, tức là phương tiện. Thiện nam tử ! Bồ-tát Ma-ha-tát có đại từ đại bi không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử ! Như vậy Bồ-tát Ma-ha-tát có sức phương tiện lớn, phát đại tinh tiến, khởi tâm kiên cố, tu hành thiền định được chứng 5 thông. Như vậy Bồ-tát y vào thiền thông nghiệp, khéo tu tâm tịnh, vô lậu diệt tận định hiện tiền. Như vậy Bồ-tát liền được sinh tâm đại bi, vì cứu độ tất cả chúng sinh nên vô lậu trí thông hiện tiền mà quay lại không thủ chứng tịch diệt Niết-bàn. Vì giáo hóa chúng sinh nên trở lại thế gian, cho đến thị hiện người ở địa vị phàm phu. Trong địa thứ tư, Bồ-tát diệt địa vị tự lợi ích khéo khởi tinh tiến, vì lợi ích người khác khéo khởi tâm kiên cố, lậu tận hiện tiền. Trong địa thứ 5, Bồ-tát nan thắng địa, y chỉ 5 thông tự lợi lợi tha, khéo thuận thực tâm hành, vô lậu diệt tận định hiện tiền. Cho nên ở trong địa thứ 6 Bồ-tát địa không chướng ngại Bát-nhã Ba-la-mật khởi, lậu tận hiện tiền. Cho nên trong địa thứ 6, Bồ-tát hiện tiền địa được lậu tận tự tại, gọi là thanh tịnh. Bồ-tát ấy tự thân chính tu hành như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến an trí ở nơi ấy, được tâm đại từ bi, đối với chúng sinh điên đảo sinh tâm cứu hộ, không đả trước Niết-bàn tịch diệt, khéo làm các phương tiện hiện tiền thế gian môn, vì chúng sinh nên hiện tiền Niết-bàn môn. Vì đầy đủ Bồ-đề phần nên tu hành tứ thiền, trở lại sinh Dục giới. Vì lợi ích địa ngục súc sinh ngạ quỷ phàm phu các loại chúng sinh thị hiện các thân, vì đã được tự tại.

Đã nói xong về y thời gian bất tạp tịnh không biến đổi, không khác. Tiếp nói về y thời gian thiện tịnh không biến đổi, không khác, nên nói 2 kệ:

*Phật thân không biến khác,
 Vì được pháp vô lậu.
 Nơi chúng sinh quy y,
 Vì không có biên tế.
 Thường trụ không 2 pháp,
 Vì lia vọng phân biệt.
 Hằng không chấp không tác,
 Vì tâm lực thanh tịnh.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Không sinh và không chết,
 Không bệnh cũng không già.
 Bởi thường hằng thanh lương,
 Và cũng không biến đổi.*

Kệ này nói nghĩa gì? Kệ nói:

*Bởi thường nên không sinh,
 Vì lia ý sinh thân.
 Bởi hằng nên không chết,
 Lìa thoái không nghĩ bàn.
 Thanh lương nên không bệnh,
 Vì không phiền não tập.
 Không đổi nên không già,
 Vì không vô lậu hạnh.*

Đây nói nghĩa gì? Nói tính Như Lai khi ở Phật địa là vô cầu, thanh tịnh, quang minh, thường trụ, tự tính thanh tịnh. Bởi bản thể đến nay thường, nên không sinh vì lia ý sinh thân. Bởi vị lai tế hằng, nên không chết vì lia cái chết biến dịch không thể nghĩ bàn. Bởi bản hậu

tế đến nay thanh lương nên không bệnh vì lia vô minh trụ địa. Nếu như vậy thì không đọa 3 đời, không biến đổi nên không già vì lia sự xoay vần của vô lậu nghiệp. Lại có kệ nói:

*Có 2, lại có 2,
Lại có 2 2 câu.
Lần lượt như thường v.v...
Trong cảnh giới vô lậu.*

Kệ này nói nghĩa gì? Thường, hằng, thanh lương, bất biến, 4 câu này trong pháp giới vô lậu lần lượt 1 1 câu, 2 2 bản, 2 2 giải thích nghĩa sai biệt. Như trong Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Xá-lợi-phất ! Pháp thân Như Lai là thường vì là pháp không khác, vì là pháp bất tận. Xá-lợi-phất ! Pháp thân Như Lai là hằng, vì thường có thể quy y, vì vị lai tế bình đẳng. Xá-lợi-phất ! Pháp thân Như Lai là thanh lương, vì là pháp không hai, vì là pháp không phân biệt. Xá-lợi-phất ! Pháp thân Như Lai là không biến đổi, vì là phi diệt pháp, vì là phi tác pháp.”

Đã nói xong về không biến đổi khác. Tiếp nói về không sai biệt. Không sai biệt, tức là y nơi thời gian thiện tịnh này, từ bản tế đến nay rốt ráo tương tự thể thiện tịnh với Như Lai tạng không sai khác, nên nói một kệ:

*Pháp thân và Như Lai,
Thánh đế với Niết-bàn,
Công đức chẳng lia nhau.
Sáng chẳng lia mặt trời.*

Nửa đầu kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Lược nói về pháp thân,
Nghĩa một mà tên khác,
Y trong vô lậu giới,
Có 4 nghĩa sai biệt.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói trong pháp giới vô lậu, dựa vào Như Lai tạng có 4 nghĩa. Dựa vào 4 nghĩa này có 4 tên. Những gì là 4 nghĩa? Kệ nói:

*Phật pháp không lìa nhau,
Và tính chân như kia.
Pháp thể không hư vọng,
Tự tính bản lai tịnh.*

Kệ này nói nghĩa gì? Phật pháp không lìa nhau, nghĩa là y vào nghĩa này Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Bất không Như Lai tạng là Phật pháp không thể nghĩ bàn, quá hơn số cát sông Hằng không lìa không thoát, không khác.” Và tính chân như kia, nghĩa là y theo nghĩa này nên Kinh Lục Căn Tụ nói: “Thế Tôn ! Như vậy 6 căn từ vô thủy đến nay đều rốt ráo là pháp thể.” Pháp thể không hư vọng, nghĩa là y theo nghĩa này, trong kinh nói: “Thế Tôn ! Lại nữa, đệ nhất nghĩa đế nghĩa là Niết-bàn không hư vọng. Bởi vì sao? Thế Tôn ! Tính kia từ bản tế đến nay là thường, vì pháp thể không biến đổi.” Tự tính bản lai tịnh, nghĩa là y theo nghĩa này nên trong kinh Phật bảo Văn-thù-su-lợi: “Như Lai ứng chính biến tri, từ bản tế đến nay nhập Niết-bàn.”

Lại nữa, y theo 4 nghĩa này lần lược có 4 tên gọi. Những gì là 4?
1. Pháp thân. 2. Như Lai. 3. Đệ nhất nghĩa đế. 4. Niết-bàn. Vì nghĩa đó, Kinh Bất Tăng Bất Giảm nói: “Xá-lợi-phất nói Như Lai tạng tức là pháp thân.” Lại nữa, Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Không lìa pháp thân có Như Lai tạng. Thế Tôn ! Không lìa Như Lai tạng có pháp thân. Thế Tôn ! Y một khổ diệt đế gọi là Như Lai tạng. Thế Tôn ! Như vậy nói pháp thân Như lai vô lượng vô biên công đức. Thế Tôn nói: Niết-bàn tức pháp thân Như Lai.”

Nửa sau bài kệ hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Giác nhất thiết chủng trí,
Lìa nhất thiết tập khí.*

*Phật và thể Niết-bàn,
Không lìa đệ nhất nghĩa.*

Bốn thứ tên này đối với pháp thân Như Lai trong cảnh giới vô lậu chỉ có một mùi vị, một nghĩa không tách rời nhau. Cho nên tuy có 4 tên mà 4 nghĩa không tách rời 1 pháp môn, không tách rời 1 pháp thể. Đây dùng nghĩa gì chứng nhất thiết pháp, giác nhất thiết trí và lìa nhất thiết tập khí của trí chướng phiền não chướng? Hai pháp này trong pháp giới vô lậu không khác, không sai biệt, không đoạn, không tách lìa nhau. Vì nghĩa đó Kinh Đại Bát-niết-bàn có kệ nói:

*Vô lượng các công đức,
Tất cả không nghĩ bàn.
Không sai biệt giải thoát,
Giải thoát tức Như Lai.*

Vì nghĩa đó, Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Nói Thanh Văn, Bích-chi-phật được Niết-bàn, đó là Phật phương tiện.” Đây nói nghĩa gì? Nói Thanh Văn, Bích-chi-phật có Niết-bàn, đó là chư Phật Như Lai làm phương tiện, vì thấy chúng sinh đi trên đường dài đồng rộng mệt mỏi sợ có thoái chuyển nên để dừng nghỉ mà tạo lập hóa thành. Như thế là vì Như Lai trong tất cả các pháp được đại tự tại, đại phương tiện nên nói nghĩa như vậy. Thế Tôn Như Lai ứng chính biến tri chứng bình đẳng Niết-bàn, tất cả công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, thanh tịnh rốt ráo. Đây nói nghĩa gì? Đây y theo 4 thứ nghĩa. Công đức rốt ráo, chư Phật Như Lai không sai biệt. Trong quả vô thượng của tướng Niết-bàn, Phật và Niết-bàn tất cả công đức không tách lìa nhau. Nếu chứng trí tách rời trong Phật địa quả, thì không có ai có pháp Niết-bàn, là hiển thị nghĩa như vậy. Ý nhất thiết chủng trí hiển thị thí dụ trong pháp giới vô lậu của chư Phật Như Lai. Đây nói nghĩa gì? Thí dụ người thợ vẽ trong Kinh Bảo Man hiển thị đầy đủ tất cả công đức. Kệ nói:

*Ví như các thợ vẽ,
 Chỗ hiểu biết khác nhau.
 Chỗ người này biết,
 Thì người kia không biết.
 Có vua nước Tỵ Tại,
 Sắc bảo các thợ vẽ,
 Ở nơi chỗ vẽ tượng,
 Đầy đủ vẽ thân ta.
 Các thợ vẽ trong nước
 Tất cả họp lại vẽ.
 Nếu không thiếu một ai,
 Tượng nhà vua mới thành.
 Thợ vẽ lãnh sắc chỉ
 Họa chân dung nhà vua.
 Trong số thợ vẽ kia,
 Thiếu một người không đến.
 Do vắng mặt một người,
 Tượng vua không hoàn tất.
 Bởi vì không đầy đủ,
 Tất cả các thân phần.
 Nói các người thợ vẽ,
 Dụ đàn giới các hành.
 Nói tượng vẽ nhà vua,
 Là nhất thiết chủng trí.
 Một thợ vẽ vắng mặt,
 Hiện thị thiếu một hạnh.
 Tượng nhà vua không thành,
 Không trí không đầy đủ.*

Kệ này nói nghĩa gì? Vì nghĩa đó nên Kinh Bảo Man nói: “
 Thiện nam tử ! Hãy lắng nghe. Ta nay vì người nói thí dụ này. Thiện

nam tử ! Ví như 3 ngàn đại thiên thế giới có chúng sinh đều giỏi vẽ. Trong đó có người giỏi sơn phết, có người giỏi vẽ hoặc biết vẽ thân mà không biết vẽ tay chân, hoặc biết vẽ tay chân mà không biết vẽ mặt mũi. Bấy giờ có nhà vua dùng một tấm chiếu bảo mọi người rằng tất cả thợ vẽ đều phải tập hợp lại vẽ hình ta trên tấm chiếu này. Bấy giờ các thợ vẽ họp lại, tùy theo khả năng vẽ. Có một thợ vẽ vì việc riêng đã không đến được. Các thợ vẽ xong cùng đem dâng vua. Thiện nam tử ! Có thể nói các thợ vẽ đã vẽ xong chưa? Thưa không, Thế Tôn. Thiện nam tử ! Ta nói thí dụ này chưa rõ nghĩa. Thiện nam tử ! Một người không đến, cho nên không thể nói là cùng vẽ, cũng không được nói là tượng vẽ đã hoàn thành. Người tu hành Phật pháp cũng như vậy. Nếu có một hạnh không thành tựu thì không gọi là đầy đủ chính pháp của Như Lai. Cho nên cần phải đầy đủ các hạnh mới gọi là thành tựu vô thượng Bồ-đề. Cho nên đàn này v.v... các Ba-la-mật mỗi mỗi khác nhau. Là cảnh giới chỉ có Như Lai biết được. Chỉ có Như lai biết được các sai biệt vô lượng vô biên kia. Vì sức tính toán tự tại không thể nghĩ bàn, vì đối trị xan v.v... các cấu uế cho nên được thành thanh tịnh đàn v.v... các Ba-la-mật. Lại nữa vì tu hành nhất thiết chủng trí, nhất thiết không trí và các thứ Tam-muội môn, trong thứ 8 Bồ-tát bất động địa, không phân biệt tất cả Bồ-tát địa, không gián không cách, tự nhiên y chỉ đạo trí, tu hành được vô sinh pháp nhẫn, thành tựu đầy đủ giới vô lậu của Như Lai, thành tựu tất cả công đức. Trong thứ 9 Bồ-tát thiện tuệ địa, y a-tăng-kì Tam-muội Đà-la-ni hải môn, nhiếp thủ vô lượng vô biên pháp y chỉ của Phật, hiểu tất cả căn trí chúng sinh, thành tựu vô lượng vô biên công đức không trí, được vô sinh pháp nhẫn. Trong thứ 10 Bồ-tát pháp vân địa, y chỉ hiện tiền không trí của tất cả Như Lai, thành tựu vô lượng vô biên công đức tự, được vô sinh không pháp nhẫn. Tiếp sau được các Tam-muội, đoạn tất cả phiền não chướng trí chướng, y chỉ các giải thoát môn trí, thành tựu thanh tịnh bị ngạn công đức, đầy đủ được nhất thiết chủng nhất thiết

không trí. Bởi trí của 4 địa như vậy không phải là trí của Thanh Văn, Bích-chi-phật địa vì Thanh Văn, Bích-chi-phật còn cách rất xa. Vì nghĩa đó nên nói 4 thứ kia thành tựu Niết-bàn giới không sai biệt. Cho nên kệ nói:

*Trí tuệ và giải thoát,
Không lìa pháp giới thể,
Không khác Niết-bàn giới,
Là tương tự tương đối.*

Kệ này nói nghĩa gì? Do những tuệ gì, do những trí gì, do những giải thoát gì, 3 cái đó không tách rời thật thể của pháp giới nói rõ 4 thứ công đức thành tựu Niết-bàn giới không sai biệt, nên kệ nói: Không khác Niết-bàn giới. Vì thứ tự 4 thứ nghĩa kia nên có 4 thứ tương tự pháp tương đối. Những gì là 4? 1. Trong pháp thân Phật y vào vô phân biệt tuệ xuất thế gian có thể phá vô minh tối tăm đệ nhất. Ánh sáng kia chiếu tương tự pháp tương đối, nên kệ nói tuệ là tương tự tương đối. 2. Y trí nên được trí nhất thiết trí, biết tất cả mọi thứ, chiếu soi tất cả mọi việc, phóng ánh sáng như bữa lưới tương tự pháp tương đối, nên kệ nói trí là tương tự tương đối. 3. Y chỉ 2 tự tính thanh tịnh tâm giải thoát kia không cầu uế lìa cầu uế sáng suốt thanh tịnh tương tự pháp tương đối, nên kệ nói giải thoát là tương tự tương đối. 4. Ngay nơi 3 thứ này không tách rời pháp giới, không tách rời thật thể, không tách rời nhau tương tự pháp tương đối, nên kệ nói không lìa pháp giới thể vì tương tự pháp tương đối. Cho nên kệ nói:

*Không chứng thân chư Phật,
Không thể được Niết-bàn.
Như lìa bỏ ánh sáng,
Thì không thể thấy được.*

Kệ này nói nghĩa gì? Như trước đã nói trong pháp giới vô lậu, thể giới từ vô thủy đến nay trong pháp thân chư Phật không tách

rời tất cả công đức của các pháp. Vì nghĩa đó xa lìa Như Lai không chướng không ngại, pháp thân trí tuệ lìa tất cả chướng, Niết-bàn thể tướng không thể thấy được, không thể chứng được, như là ánh sáng mặt trời không thể thấy được vằng mặt trời. Vì nghĩa đó, Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Pháp không hơn kém nên được Niết-bàn. Trí bình đẳng biết các pháp nên được Niết-bàn. Trí bình đẳng nên được vui Niết-bàn. Giải thoát bình đẳng nên được Niết-bàn. Giải thoát tri kiến bình đẳng nên được Niết-bàn. Cho nên Thế Tôn nói cảnh giới Niết-bàn chỉ có một mùi vị bình đẳng là vị giải thoát.”

HẾT QUYỂN 3

LUẬN CỨU CẢNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH

QUYỂN 4

Phẩm 6: VÔ LƯỢNG PHIỀN NÃO TRÓI BUỘC

Luận nói: Kệ nói:

*Trước nói Như Lai tạng,
Hiển thị 10 thứ nghĩa.
Tiếp nói phiền não triền,
Dùng 9 thứ thí dụ.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trước y Như lai tạng nói thế giới vô thủy đến nay pháp ấy hằng thường trụ, pháp thể không biến đổi, nói rõ Như lai tạng có 10 nghĩa. Từ đây trở xuống y thế giới vô thủy đến nay phiền não tạng trói buộc nói thế giới vô thủy đến nay tự tính thanh tịnh tâm đầy đủ pháp thân. Dùng 9 thứ thí dụ nói rõ Như Lai tạng bị phiền não tạng quá hơn số cát sông Hằng trói buộc. Như Tu-đa-la nói 9 thứ thí dụ, đó là kệ nói:

*Trong hoa tàn chur Phật,
Trong bầy ong mật ngọt.
Trong vỏ cám hạt gạo.
Trong bùn như vàng ròng.
Trong đất chôn kho báu.
Trong trái cây hạt mầm.*

*Trong áo cũ rách nát,
 Gói bọc pho tượng vàng.
 Người đàn bà nghèo xấu
 Mang thai Chuyển luân vương.
 Trong khuôn đất cháy đen
 Có pho tượng đẹp quý.
 Chúng sinh tham sân si
 Vọng tưởng các phiền não.
 Trong trần lao cấu ứ
 Đều có Như Lai tạng.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Từ đây trở xuống lược nói cú nghĩa của 4 kệ. Còn lại các ví dụ 54 kệ sẽ nói rộng. Bốn kệ này lược nói tổng quát nghĩa trong các kệ kia. Dựa theo nghĩa đó lược nói 2 kệ:

*Hoa, ong, cám, phân nhơ,
 Đất, trái cây, áo rách,
 Đàn bà nghèo, khuôn đất,
 Tương tự bản phiền não.
 Phật, mật, thật vàng ròng,
 Mầm báu, tượng vàng, vua,
 Pho tượng đẹp quý báu,
 Tương tự Như Lai tạng.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Hoa, ong các ví dụ,
 Nói trong thân chúng sinh,
 Thế giới từ vô thủy,
 Có các bản phiền não.
 Phật, mật các ví dụ,
 Nói trong thân chúng sinh,
 Vô thủy nay đầy đủ,
 Tự tính thể không bản.*

Lại nữa, lược nói Như Lai tạng này, trong Tu-đa-la nói tất cả chúng sinh giới từ thế giới vô thủy đến nay khách trần phiền não nhiễm tâm, từ thế giới vô thủy đến nay pháp thân tịnh diệu Như Lai tạng không tách rời nhau. Cho nên kinh nói: “ Y tự hư vọng nhiễm, tâm chúng sinh nhiễm. Y tự tính thanh tịnh, tâm chúng sinh tịnh.” Thế nào là tự tâm nhiễm? Y tự tâm nhiễm có 9 thứ ví dụ. Đó là hoa tàn v.v... Kệ nói:

*Tham sân si tương tục,
Và kết sử huân tập,
Kiến tu đạo, bất tịnh,
Và tịnh địa có bản.
Hoa tàn ... các ví dụ,
Nói 9 thứ tương đối.
Vô biên phiền não buộc,
Nên nói tướng sai biệt.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói có 9 thứ phiền não ở trong pháp giới thân tự tính thanh tịnh của Như Lai. Như hoa tàn v.v...9 thứ ví dụ, trong chư Phật thường tướng ngoại khách các cấu bản phiền não cũng như vậy. Trong chân như Phật tính, thường tướng khách trần lấy những gì làm 9 thứ phiền não? 1. Tham sử phiền não. 2. Sân sử phiền não. 3. Si sử phiền não. 4. Tăng thượng tham sân si kết sử phiền não. 5. Vô minh trụ địa sở nhiếp phiền não. 6. Kiến đạo sở đoạn phiền não. 7. Tu đạo sở đoạn phiền não. 8. Bất tịnh địa sở nhiếp phiền não. 9. Tịnh địa sở nhiếp phiền não. Như vậy 9 thứ phiền não này thị hiện bằng 9 thứ thí dụ ấy. Đây nói nghĩa gì? Thế gian trong thân chúng sinh có các phiền não tham v.v... có thể làm sở duyên nghiệp bất động địa, thành tựu quả báo Sắc giới Vô sắc giới. Xuất thế gian trí có thể đoạn, gọi là tham sân si sử phiền não, nên kệ nói: Tham sân si tương tục. Lại nữa, trong thân chúng sinh có các phiền não tăng thượng tham sân si có thể tạo duyên phúc nghiệp tội nghiệp

chỉ có thể thành tựu quả báo Dục giới. Chỉ có bất tịnh quán trí có thể đoạn, gọi là tăng thượng tham sân si các kết sử phiền não, nên kệ nói và kết sử. Lại nữa, trong thân A-la-hán có phiền não có thể tạo duyên các nghiệp vô lậu, có thể sinh quả báo vô cầu ý sinh thân. Chỉ có trí Bồ-đề của Như Lai có thể đoạn, gọi là phiền não trong vô minh trụ địa, nên kệ nói huân tập. Lại nữa, có 2 hạng người học. Những ai là 2? 1. Phàm phu. 2. Thánh nhân. Phiền não trong thân phàm phu, sơ xuất thế gian tâm thấy là trí xuất thế gian pháp có thể đoạn, gọi là kiến đạo sở đoạn phiền não, nên kệ nói kiến đạo. Phiền não ở trong thân thánh nhân, như trước thấy xuất thế gian pháp, trí tu đạo có thể đoạn, gọi là tu đạo sở đoạn phiền não, nên kệ nói tu đạo. Lại Bồ-tát không cứu cánh, nghĩa là phiền não gồm từ sơ địa đến địa thứ 7. Trong 7 trụ địa có pháp đối trị. Địa thứ 8 trở lên, trong 3 trụ địa, trí tu đạo có thể đoạn, gọi là bất tịnh địa sở nhiếp phiền não, nên kệ nói bất tịnh. Lại nữa phiền não trong thân Bồ-tát hoàn toàn cứu cánh, địa thứ 8 trở lên 3 địa trí tu đạo có pháp đối trị, trí Kim cương Tam-muội có thể đoạn, gọi là tịnh địa sở nhiếp phiền não, nên kệ nói: Và tịnh địa có bản. Đó là sơ lược nói thứ tự 9 thứ phiền não. Hoa tàn v.v... 9 thứ thí dụ tôi đã nói rộng. Lại nữa ngay nơi 9 thứ phiền não này, theo 8 vạn 4 ngàn chúng sinh hành, có 8 vạn 4 ngàn phiền não sai biệt. Giống như trí Như Lai vô lượng vô biên nên có như vậy vô lượng vô biên phiền não trói buộc Như Lai tạng. Cho nên nói vô lượng phiền não tạng trói buộc Như Lai tạng. Cho nên kệ nói:

*Ngu si và La-hán,
 Người học và đại trí,
 Tuần tự 4 thứ bản,
 Và 1, 2 rồi 2,
 Như vậy thứ tự nói,
 Bốn phàm 1 thành nhân,
 Hai học, 2 đại trí,
 Gọi là bất tịnh địa.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chín thứ thí dụ này, trong vô lậu giới như vậy tuân tự 4 thứ thí dụ, và thí dụ thứ 5, sau thì theo 2 và 2 các bản phiền não nhiễm bản phiền não, cho nên nói không thanh tịnh. Lại nữa làm sao biết 9 thứ tham v.v... phiền não này đối với hoa tàn v.v...9 thứ thí dụ là tương tự tương đối? Lại nữa làm sao biết Như Lai tạng trong chư Phật v.v... 9 thứ thí dụ là tương tự tương đối? Kệ nói:

*Y Phật thân lực nên
 Có các diệu hoa kia,
 Mới tốt tươi thì yêu
 Sau héo tàn không thích.
 Như hoa tùy tươi héo,
 Mà có yêu không yêu.
 Tham phiền não cũng vậy,
 Trước thích sau không thích.
 Bày ong vì mật kia,
 Tâm giận cắn các hoa.
 Khi sân giận nổi lên,
 Sinh các thứ khổ não.
 Trong lúa có hạt chắc
 Vỏ cám ngoài bao che.
 Như vậy tâm si buộc,
 Không thấy hạt chắc trong.
 Giống như phân hôi bẩn,
 Trí quán tham cũng vậy.
 Khởi dục tâm các tướng,
 Kết sử như phân nhơ.
 Ví như trong đất kia,
 Có kho báu các thứ.
 Chúng sinh không thiên nhãn,
 Cho nên không thể thấy.*

Như vậy trí tự tại,
 Bị đất vô minh che.
 Chúng sinh không mất trí,
 Cho nên không thể thấy.
 Như hạt thoát khỏi vỏ,
 Lần lượt nảy sinh mầm.
 Kiến đạo đoạn phiền não,
 Lần lượt sinh các địa.
 Để trừ thân kiến v.v..
 Nhiếp thủ diệu thánh đạo.
 Tu đạo đoạn phiền não,
 Nên nói áo cũ rách.
 Trong 7 địa các bản,
 Như cái thai trói buộc.
 Xa lìa thai tạng trí,
 Vô phân biệt thuần thực.
 Ba địa biết các bản,
 Như khuôn đắp đất bùn.
 Chư Bồ-tát đại trí,
 Kim cương định trí đoạn.
 Hoa héo đến khuôn đất,
 Như vậy 9 thí dụ,
 Là tham sân si v.v...
 Chín thứ bản phiền não.
 Trong bản, Như Lai tạng,
 Phật v.v... tương đối pháp.
 Như vậy 9 thứ nghĩa,
 Gồm trong 3 thứ thể.

Kệ này nói nghĩa gì? Nghĩa là y vào pháp thân, tự tính thanh tịnh tâm, Như Lai tạng 3 thứ thật thể có chư Phật v.v... 9 thứ thí dụ tương tự tương đối pháp. Ba thứ thật thể là, kệ nói:

*Pháp thân và chân như,
 Như Lai tính thật thể.
 Ba thứ và 1 thứ,
 Năm thứ dụ hiển thị.*

Kệ này nói nghĩa gì? Ba thí dụ ban đầu thị hiện pháp thân Như Lai. Ba thí dụ đó là chư Phật đẹp đẽ, ngon ngọt, kiên cố hiển thị pháp thân, nên kệ nói pháp thân. Một thí dụ đó là vàng ròng hiển thị chân như, nên kệ nói chân như. Lại nữa những gì là 5 thứ thí dụ? 1. Chôn giấu dưới đất. 2. Cây. 3. Tượng vàng. 4. Chuyển luân thánh vương. 5. Tượng báu. Có thể sinh 3 thứ Phật thân, hiển thị tính Như Lai, nên kệ nói Như Lai tính. Lại nữa, pháp thân là, kệ nói:

*Pháp thân có 2 thứ,
 Thanh tịnh chân pháp giới,
 Và y tập khí kia,
 Do nói nghĩa sâu cạn.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chư Phật Như Lai có 2 thứ pháp thân. Những gì là 2? 1. Tịch tĩnh pháp giới thân, vì là cảnh giới của trí vô phân biệt. Như vậy pháp thân Như Lai của chư Phật chỉ tự pháp giới của nội thân có thể chứng, nên kệ nói: Thanh tịnh chân pháp giới. 2. Vì được nhân kia. Nghĩa là nói pháp về pháp giới tịch tĩnh kia dựa vào chúng sinh có thể hóa độ mà thuyết pháp pháp kia. Vì y vào pháp thân chân như mà có thuyết pháp kia, gọi là tập khí, nên kệ nói: Và y tập khí kia. Thuyết pháp kia, có 2 thứ, một là tế hai là thô. Tế, nghĩa là chư Bồ-tát Ma-ha-tát diễn thuyết pháp tạng bí mật rất sâu, do y đệ nhất nghĩa để nói. Thô, nghĩa là các thứ Tu-đa-la, Kì-dạ, Hòa-già-la-na, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na v.v... các danh tự chương cú sai biệt, vì y thế để nói. Vì vậy kệ nói:

*Vì pháp xuất thế gian,
 Đòi không có thí dụ,*

*Cho nên y tính kia,
Lại nói tính thí dụ.
Như đẹp, mật, một vị,
Pháp vi tế cũng vậy.
Tu-đa-la v.v...nói
Như các mùi vị khác.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chư Phật đẹp, mật và kiên cố v.v... 3 thứ thí dụ. Đây nói Như Lai chân như pháp thân có 2 nghĩa: 1. Nghĩa biến khắp tất cả chúng sinh. 2. Khắp trong thân có tàn dư hữu vô, hiển thị tất cả chúng sinh có Như Lai tạng. Đây là nghĩa gì? Trong chúng sinh giới không có một chúng sinh nào lìa pháp thân Như Lai ra ngoài pháp thân, lìa trí Như Lai ra ngoài trí Như Lai, như các thứ sắc tượng không lìa hư không vậy. Cho nên kệ nói:

*Ví như các sắc tượng,
Không tách rời hư không.
Như vậy thân chúng sinh,
Không lìa trí chư Phật.
Vi ý nghĩa như vậy,
Nói tất cả chúng sinh
Đều có Như Lai tạng.
Như sắc màu trong không
Do tính không biến đổi,
Thế xưa nay thanh tịnh,
Như vàng ròng không đổi
Nên nói dụ chân như.*

Kệ này nói nghĩa gì? Nói tính Như lai chân như kia cho đến trong thân tà tụ chúng sinh, tâm tự tính thanh tịnh, không khác không sai biệt, sáng loáng rõ ràng vì lìa các phiền não khách trần. Về sau nói pháp thân Như Lai như vậy dùng vàng ròng thí dụ, vì y chân như không sai biệt, không lìa pháp thân Phật nên nói các chúng sinh đều

có Như Lai tạng. Do tự tính tâm thanh tịnh, tuy nói thanh tịnh mà bản lai không 2 pháp. Cho nên trong kinh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: “ Văn-thù-sư-lợi ! Như Lai như thật tri kiến, trí tự thân căn bản thanh tịnh. Bởi y vào trí tự thân căn bản nên biết các chúng sinh có thân thanh tịnh. Văn-thù-sư-lợi ! Nói thân Như Lai tự tính thanh tịnh cho đến thân tất cả chúng sinh tự tính thanh tịnh. Hai pháp này không 2, không sai biệt.” Cho nên kệ nói:

*Tất cả các chúng sinh,
 Bình đẳng Như Lai tạng.
 Pháp chân như thanh tịnh,
 Gọi là thể Như Lai.
 Vì theo nghĩa như vậy
 Nói tất cả chúng sinh,
 Đều có Như Lai tạng,
 Như vậy cần phải biết.*

Lại có kệ nói:

*Phật tính có 2 thứ:
 Một như đất chôn giấu,
 Hai như quả của cây.
 Từ vô thủy đến nay
 Tâm tự tính thanh tịnh
 Tu hành đạo vô thượng.
 Y 2 thứ Phật tính,
 Được xuất 3 thứ thân.
 Y thí dụ thứ nhất,
 Biết có sơ pháp thân.
 Y thí dụ thứ 2,
 Biết có 2 Phật thân.
 Chân Phật pháp thân tịnh,
 Giống như pho tượng vàng.*

*Bởi tính không biến đổi,
 Có thật thể công đức.
 Chúng Đại pháp vương vị,
 Như Chuyển luân thánh vương.
 Y chỉ kính tượng thể,
 Có hóa Phật tượng hiện.*

Kệ này nói nghĩa gì? Ngoài ra 5 thứ thí dụ như kho tàng, cây, tượng vàng, Chuyển luân thánh vương, tượng báu hiển thị sinh 3 pháp thân Phật. Vì y tự thể tính, tính Như Lai tạng chứa trong chúng sinh, cho nên nói tất cả chúng sinh có Như Lai tạng. Đây hiển thị nghĩa gì? Vì chư Phật Như Lai có 3 thứ thân được gọi nghĩa, cho nên 5 thứ thí dụ đây có thể làm nhân 3 thứ pháp thân Phật. Vì nghĩa đó nên nói nhân của tính Như Lai. Đây là nghĩa gì? Trong đây nói nghĩa của tính lấy làm nghĩa của nhân. Vì nghĩa đó nên trong kinh có kệ nói:

*Tính, vô thủy đến nay,
 Làm y chỉ các pháp.
 Y tính có các đạo,
 Và chứng quả Niết-bàn.*

Kệ này nói nghĩa gì? Tính từ vô thủy đến nay, nghĩa là như kinh nói chư Phật Như Lai y Như Lai tạng nói các chúng sinh vô thủy bản thể không thể biết được. Cho nên nói tính, là như Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Như Lai nói Như Lai tạng là pháp giới tạng, là xuất thế gian pháp thân tạng, là xuất thế gian thượng thượng tạng, là tự tính thanh tịnh pháp thân tạng.” Như Lai tạng tự tính thanh tịnh nên làm y chỉ cho các pháp, như Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Cho nên Như Lai tạng là y, là trì, là trụ trì, là kiến lập. Thế tôn ! Không lìa, không lìa trí, không đoạn không thoát, không khác vô vi, là Phật pháp không thể nghĩ bàn. Thế Tôn ! Cũng có pháp hữu vi có đoạn, thoát, khác, lìa ngoài trí cũng y, cũng trì, cũng trụ trì, cũng kiến lập y

vào Như Lai tạng.” Y tính có các đạo, nghĩa là như Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Sinh tử y nơi Như Lai tạng. Thế Tôn ! Có Như Lai tạng nên nói sinh tử. Đó là nói đúng.” Và chúng quả Niết-bàn, nghĩa là như Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Y Như Lai tạng nên có sinh tử. Y Như Lai tạng nên chúng Niết-bàn. Thế Tôn ! Nếu không có Như Lai tạng không có được chán khổ cầu vui Niết-bàn.” Vì không muốn Niết-bàn, không nguyện Niết-bàn. Đây nói nghĩa gì? Nói Như Lai tạng cứu cánh không sai biệt với pháp thân Như Lai. Thể tướng của chân như rốt ráo là thể của Phật tính. Phải biết trong tất cả mọi thời, trong thân tất cả mọi chúng sinh đều tận vô dư. Đây làm sao biết? Y pháp tướng biết. Cho nên kinh nói: “Thiện nam tử ! Pháp tính pháp thể này tự tính thường trụ, Như Lai dù xuất thế hay không xuất thế, tự tính thanh tịnh bản lai vẫn thường trụ.” Tất cả chúng sinh có Như lai tạng, đây nói nghĩa gì? Y pháp tính, y pháp thể, y pháp tương ưng, y pháp phương tiện, pháp này là như vậy hay không như vậy không thể nghĩ bàn. Tất cả mọi nơi y pháp, y pháp lượng, y pháp tin, được tâm tịnh, được tâm định. Kia không thể phân biệt là thật hay không thật, chỉ y theo Như Lai mà tin. Cho nên kệ nói:

*Chỉ tin theo Như Lai,
Tin nơi đệ nhất nghĩa.
Như người không có mắt,
Không thể thấy mặt trời.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói trong tất cả cảnh giới chúng sinh có 4 loại chúng sinh. Không biết Như Lai tạng, như người mù bẩm sinh. Những gì là 4? 1. Phạm phu. 2. Thanh Văn. 3. Bích-chi-phật. 4. Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề. Như Thánh giả trong Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Như Lai tạng chẳng phải là cảnh giới của chúng sinh có kiến chấp về thân. Thế Tôn ! Như Lai tạng chẳng phải là cảnh giới của chúng sinh thủ 4 điên đảo. Thế Tôn ! Như Lai tạng

bằng phải cảnh giới của chúng sinh tâm tán loạn mất không.” Đây nói nghĩa gì? Chúng sinh có kiến chấp về thân, là các phàm phu. Vì các phàm phu kia đối với các pháp 5 ấm v.v... thật không có sắc mà chấp thủ cho là có ngã ngã sở, hư vọng chấp trước ngã ngã sở mạn, đối với pháp cam lồ lìa thân kiến v.v... tính vô lậu của diệt đế, còn không thể tin hướng chi có thể hiểu có thể chứng cảnh giới Như Lai tạng của nhất thiết trí xuất thế gian, là không có chuyện đó. Lại nữa, chúng sinh thủ 4 điên đảo, là người Thanh Văn, Bích-chi-phật. Vì các Thanh Văn, Bích-chi-phật kia cần phải tu hành Như Lai tạng là thường, mà không tu hành Như Lai tạng là thường, do điên đảo chấp thủ tất cả pháp vô thường rồi tu hành Như Lai tạng là vô thường, thích tu hành vô thường do không hiểu không biết. Cần phải tu hành Như Lai tạng là lạc mà không tu hành Như Lai tạng lạc do điên đảo chấp thủ tất cả pháp đều khổ rồi tu hành Như Lai tạng khổ, thích tu hành khổ do không hiểu không biết. Cần phải tu hành Như Lai tạng ngã mà không tu hành Như Lai tạng là ngã do điên đảo chấp thủ tất cả pháp vô ngã rồi tu hành Như Lai tạng vô ngã, thích tu hành vô ngã bởi không hiểu không biết. Cần phải tu hành Như Lai tạng tịnh mà không tu hành Như Lai tạng là tịnh, vì điên đảo chấp thủ tất cả pháp bất tịnh rồi tu hành Như Lai tạng là bất tịnh, thích tu hành bất tịnh bởi không hiểu không biết. Như vậy Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... tất cả không thể như thật tùy thuận pháp thân tu hành. Vì nghĩa đó, pháp đệ nhất bỉ ngạn là thường lạc ngã tịnh không phải là cảnh giới sở tri của Thanh Văn, Bích-chi-phật. Như vậy thích điên đảo vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh còn Như Lai tạng không phải cảnh giới của họ. Nghĩa đó trong Kinh Đại Bát-niết-bàn dùng thí dụ nước ao nói rộng ý nghĩa. Kinh ấy nói: “Ca-diếp ! Ví như vào mùa xuân có các người tắm trong ao hồ lớn bơi thuyền dạo chơi đánh rơi mất ngọc báu lưu ly dưới nước sâu. Bấy giờ các người đều xuống nước tìm kiếm ngọc báu. Tranh nhau nhặt lượm nào gạch đá cỏ cây sỏi cuội, ai cũng bảo mình nhặt được ngọc lưu ly vui mừng đem lên mời biết

là không phải. Khi ấy ngọc báu còn ở trong nước. Do năng lực của ngọc làm cho nước lắng trong do đó người ta mới thấy ngọc ở dưới nước giống như ngựa mặt trông thấy trăng trên trời. Bấy giờ trong đám đông có một người trí dùng phương tiện nhẹ nhàng xuống nước lấy được hạt ngọc. Nay các Ti-khuru không nên tu tập vô thường, khổ, vô ngã tướng, bất tịnh tướng v.v... như vậy cho là chân thật, như các người kia nhặt lượm gạch đá sỏi cuội cây cỏ mà cho là ngọc báu. Các vị phải khéo học phương tiện, ở nơi nào cũng thường tu ngã tướng, thường, lạc, tịnh tướng. Lại nữa phải biết trước tu tập tướng mạo 4 pháp đều là điên đảo. Nếu muốn được tu tập chân thật các tướng thì phải như người trí kia khéo lấy được ngọc báu, đó là tướng ngã thường lạc tịnh. Lại nữa, chúng sinh tâm tán loạn mất không, là hạng Bồ-tát mới phát tâm lìa nghĩa không Như Lai tạng, do mất biến hoại vật tu hành, gọi là không giải thoát môn. Đây là nghĩa gì? Bồ-tát mới phát tâm khởi tâm cho rằng có pháp đoạn diệt rồi sau được Niết-bàn. Đó là Bồ-tát mất đi sự tu hành không Như Lai tạng. Lại nữa, có người cho cái không là có vật, ta phải được cái không đó. Lại nữa, sinh tâm cho rằng lìa sắc v.v... các pháp lại có cái không riêng biệt, ta nên tu hành để được cái không đó. Người đó không biết, không lấy pháp gì là Như Lai tạng. Kệ nói:

*Bất không Như Lai tạng,
Là Phật pháp vô thượng,
Không có tướng lìa nhau,
Không một pháp tăng giảm.
Thân Như Lai vô vi,
Tự tính bản lai tịnh.
Khách trần hư vọng nhiễm,
Bản lai tự tính không.*

Kệ này nói nghĩa gì? Không giảm một pháp, là không giảm phần nào. Không tăng một pháp, là trong tính chân như không thêm

một pháp nào. Vì không lìa bỏ thể thanh tịnh nên kệ nói: Không có tướng lìa nhau, không một pháp tăng giảm. Cho nên Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Có 2 thứ Như Lai tạng không trí. Thế Tôn ! Không Như Lai tạng là hoặc lìa hoặc thoát hoặc khác tất cả phiền não tạng. Thế Tôn ! Bất không Như Lai tạng thì quá hơn số cát sông Hằng không lìa, không thoát, không khác, là Phật pháp không thể nghĩ bàn.” Như vậy lấy những phiền não gì, lấy những chỗ nào là không? Thấy biết như thật như vậy gọi là bất không trí. Như vậy là lìa hữu vô nhị biên, như thật biết tướng không. Trong 2 kệ này nói rõ nghĩa như vậy. Lại nữa, chúng sinh nếu lìa cái không trí như vậy thì người đó là ngoài cảnh giới Phật, là không tương ưng, không được định, không được nhất tâm. Vì nghĩa đó gọi là chúng sinh tâm tán loạn mất không. Bởi vì sao? Vì lìa đệ nhất nghĩa không trí môn, vô phân biệt cảnh giới, không chứng được, không thấy được. Cho nên Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “ Thế Tôn ! Như Lai tạng trí là không trí. Thế Tôn ! Cái không trí của Như Lai tạng tất cả Thanh Văn, Bích-chi-phật vốn không thấy, vốn không được, vốn không chứng, vốn không hiểu. Thế Tôn ! Tất cả khổ diệt chỉ Phật chứng đắc vì hoại tất cả phiền não tạng, tu tất cả diệt khổ đạo.” Như vậy, Như Lai tạng này là do pháp giới tạng, nên chúng sinh thân kiến v.v... không thể thấy được.

Đã nói do thân kiến đối trị, pháp giới chân thật chưa hiện tiền, lại nữa xuất thế gian pháp thân Như Lai tạng như vậy không phải cảnh giới của chúng sinh điên đảo. Đã nói do vô thường v.v... thế gian pháp đối trị, xuất thế gian pháp giới chưa hiện tiền, lại nữa tự tính thanh tịnh pháp giới Như Lai tạng như vậy không phải cảnh giới của chúng sinh tâm tán loạn mất không. Đã nói do bản phiền não khách trần nhiễm mà không lìa bỏ pháp công đức không tự tính thanh tịnh nên được gọi là xuất thế gian pháp thân. Đây nói nghĩa gì? Lại nữa, y một vị bình đẳng pháp giới vô sai biệt trí môn, quán sát xuất thế gian tự tính thanh tịnh pháp thân. Đó gọi là như thật thấy biết chân như. Cho nên kinh nói

Bồ-tát thập trụ chỉ có thể thấy một phần ít Như Lai tạng, hưởng chi là người phạm phu Nhị thừa. Cho nên kệ nói:

*Như trong đám mây mỏng,
Trông thấy có mặt trời.
Các thánh nhân tịnh tuệ,
Thấy Phật cũng như vậy.
Thanh Văn, Bích-chi-phật,
Như người không có mắt,
Không thể quán Như Lai,
Mù chẳng thấy mặt trời.
Hiểu biết tất cả pháp,
Có vô lượng vô biên.
Pháp giới khắp hư không,
Trí vô lượng thấy được.
Pháp thân chư Như Lai,
Đầy đủ khắp mọi nơi.
Trí tuệ Phật thấy được,
Vì là trí vô lượng.*

Phẩm 7: VÌ NGHĨA GÌ NÓI LUẬN CỨU CÁNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH

Hỏi: Nghĩa của chân như, Phật tính, Như Lai tạng trụ ở Bồ-tát địa cứu cánh không chương ngại, cũng không phải là cảnh giới của Bồ-tát đệ nhất thánh nhân, vì đó là cảnh giới của bậc nhất thiết trí. Nếu như vậy thì sao lại đem nói cho người phạm phu ngu si điên đảo?

Đáp: Chính vì nghĩa đó nên lược nói 4 kệ:

*Khắp nơi trong kinh nói,
Trong ngoài tất cả không.*

*Pháp hữu vi như mây,
 Và cũng như mộng ảo.
 Trong đây vì sao nói
 Tất cả các chúng sinh
 Đều có tính Như Lai
 Mà không nói trống trơn?
 Vì có các chúng sinh
 Tâm khiếp nhược, khinh mạn
 Chấp trước pháp hư vọng,
 Chê Phật tính chân như.
 Chấp thân có thân ngã.
 Để khiến những hạng ấy
 Xa lìa 5 tội nặng
 Nên nói có Phật tính.*

Bốn kệ này được dùng 11 kệ để sơ lược giải thích. Kệ nói:

*Trong các Tu-đà-la
 Nói các pháp hữu vi
 Là phiền não và nghiệp.
 Như mây với hư vọng.
 Phiền não giống như mây,
 Tạo các nghiệp như mộng.
 Như huyễn, ám cũng vậy,
 Vì phiền não nghiệp sinh.
 Trước đã nói như vậy.
 Trong Luận Cứu Cánh này
 Để lìa 5 tội nặng
 Nói có tính chân như.
 Vì chúng sinh không nghe,
 Không phát tâm Bồ-đề.*

Hoặc có người khiếp nhược,
 Chê tự thân có lỗi,
 Chưa phát tâm Bồ-đề
 Sinh khởi ý khinh mạn.
 Thấy phát tâm Bồ-đề:
 Ta hơn Bồ-tát kia.
 Người kiêu mạn như vậy,
 Không khởi tâm chính trí.
 Nên thủ lấy hư vọng
 Không biết pháp như thật.
 Vọng chấp lỗi chúng sinh
 Không biết khách trần nhiễm.
 Thật không các lỗi kia,
 Tự tính tịnh công đức.
 Do chấp lỗi hư vọng,
 Không biết thật công đức.
 Cho nên không sinh được
 Tự tha bình đẳng từ.
 Nghe tính chân như kia,
 Khởi sức đại dũng mãnh.
 Và cung kính Thế Tôn
 Trí tuệ với đại bi.
 Sinh tăng trưởng 5 pháp,
 Không thoái chuyển bình đẳng.
 Không tất cả các lỗi,
 Chỉ có các công đức.
 Xem tất cả chúng sinh,
 Như thân ta không khác.
 Mau chóng được thành tựu,
 Vô thượng Phật Bồ-đề.

Phẩm 8: THÂN CHUYỂN THANH TỊNH THÀNH BỒ-ĐỀ

Luận nói: Đã nói hữu cầu như. Từ đây trở xuống nói vô cầu như. Vô cầu như, nghĩa là chư Phật Như Lai trong pháp giới vô lậu xa lìa tất cả cầu uế, chuyển thân tạp uế được thân tịnh diệu. Y vào 8 cú nghĩa sai biệt lược nói tính chân như pháp thân vô lậu. Những gì là 8? Kệ nói:

*Tịnh, đắ và viễn ly,
Tự tha lợi, tương ưng.
Y chỉ, sâu, tốt, lớn,
Thời số như pháp kia.*

Đó là 8 thứ cú nghĩa. Lược 1 kệ hiển thị 8 thứ nghĩa. Tám thứ là gì? 1. Thật thể. 2. Nhân. 3. Quả. 4. Nghiệp. 5. Tương ưng. 6. Hành. 7. Thường. 8. Không thể nghĩ bàn.

Thật thể, là trước nói Như Lai tạng không tách rời sự trói buộc của phiền não tạng. Do xa lìa các phiền não chuyển thân được thanh tịnh, đó gọi là thật thể nên kệ nói tịnh. Vì vậy Thánh giả Kinh Thắng Man nói: “Thế Tôn ! Nếu đối với vô lượng phiền não tạng trói buộc Như Lai tạng mà không nghi hoặc, thì đối với pháp thân ra khỏi vô lượng phiền não tạng cũng không nghi hoặc.”

Nhân, là có 2 thứ vô phân biệt trí: một là xuất thế gian vô phân biệt trí, hai là y xuất thế gian trí. Được hành trí của thế gian xuất thế gian y chỉ, gọi là nhân, nên kệ nói đắ.

Quả, là y nơi đắ này được chứng quả trí, gọi là quả, nên kệ nói viễn ly.

Nghiệp, là có 2 thứ viễn ly: một là xa lìa phiền não chướng, hai là xa lìa trí chướng. Lược như vậy nên gọi là viễn ly. Viễn ly như vậy thành tự tự lợi lợi tha, gọi là nghiệp, nên kệ nói tự tha lợi.

Tương ưng, là tự lợi lợi tha được vô lượng công đức, thường rất ráo trụ giữ, gọi là tương ưng, nên kệ nói tương ưng.

Hành, thường, không thể nghĩ bàn, là 3 thứ pháp thân Phật. Từ vô thủy đến nay làm lợi ích chúng sinh thường không thôi nghĩ không thể nghĩ bàn, nên kệ nói y chỉ, sâu, tốt, lớn. Vì nghĩa đó, lược nói kệ rằng:

*Thật thể nhân quả nghiệp,
Cùng với tương ưng hành,
Thường, không thể nghĩ bàn,
Phải biết là Phật địa.*

Lại nữa y thật thể, y nhân, ở trong Phật địa và được phương tiện nhân kia, nên nói 3 kệ:

*Trước nói pháp thân Phật,
Tự tính thể thanh tịnh.
Bị các phiền não bản,
Khách trần làm nhiễm ô.
Ví như trong hư không,
Nhật, nguyệt lia bản sạch.
Bị mây dày đặc kia,
Khấp che như lưới bủa.
Phật công đức vô cầu,
Thường hằng và bất biến.
Không phân biệt các pháp,
Được chân trí vô lậu.*

Ba kệ này được giải thích bằng 4 kệ. Kệ nói:

*Phật thân không lìa bỏ,
Thanh tịnh chân diệu pháp.
Như hư không nhật nguyệt,
Trí lìa nhiễm không hai.
Quá Hằng sa Phật pháp,
Sáng sạch các công đức.*

*Chẳng tác pháp tương ưng,
 Không lia kia thật thể.
 Phiền não và trí chướng,
 Pháp kia thật vô thể.
 Thường bị khách trần nhiễm,
 Nên ví dụ như mây.
 Xa lia 2 nhân kia,
 Cả 2 không phân biệt.
 Chân trí không phân biệt,
 Và y kia chứng đắc.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trước nói chuyên thân thật thể thanh tịnh. Lại nữa, thanh tịnh lược có 2 thứ. Những gì là 2? Một là tự tính thanh tịnh. Hai là ly cấu thanh tịnh. Tự tính thanh tịnh, nghĩa là tính giải thoát không lia bỏ, vì tâm tự tính thanh tịnh ấy thể không bỏ tất cả khách trần phiền não, vì bản lai ấy không tương ưng. Ly cấu thanh tịnh, nghĩa là được giải thoát. Lại cái giải thoát ấy không lia tất cả pháp. Như nước không lia các bụi như v.v... mà nói thanh tịnh. Vì tâm tự tính thanh tịnh xa lia các bản phiền não khách trần không sót, lại y quả kia lia bản thanh tịnh nên nói 4 kệ:

*Như nước ao thanh tịnh,
 Không có các bụi đục.
 Có các loại cây hoa,
 Khấp giáp chung quanh ao.
 Như trăng là La-hầu
 Mặt trời không mây ám.
 Không bán đủ công đức,
 Hiện hiện tức thể kia.
 Ong, vua, mật ngon ngọt,
 Kiên thật sạch vàng ròng.
 Kho báu, và trái cây,
 Pho tượng vàng không bán.*

*Thân Chuyển luân thánh vương,
 Tượng Như Lai đẹp quý.
 Các pháp như vậy đó
 Tức là thân Như Lai.*

Bốn kệ này được sơ lược giải thích bằng 8 kệ. Kệ nói:

*Tham v.v...khách phiền não,
 Giống như nước vẫn đục.
 Vô phân biệt thượng trí,
 Quả pháp như nước ao.
 Thị hiện Phật pháp thân,
 Tất cả các công đức.
 Y kia chứng quả trí,
 Cho nên nói như vậy.
 Tham như nước vẫn đục,
 Tịnh pháp tạp cấu nhiễm.
 Các chúng sinh khả hóa,
 Như cây hoa quanh hồ.
 Thiền định tập khí tốt,
 Xa lìa La-hầu giận.
 Dùng nước đại từ bi,
 Ích lợi khắp chúng sinh.
 Như trăng ngày 15,
 Xa lìa mây giăng bủa.
 Ánh sáng chiếu chúng sinh,
 Phá trừ các tăm tối.
 Phật vô cấu nhật nguyệt,
 Lìa mây tối si mê.
 Trí sáng chiếu chúng sinh,
 Trừ diệt các tăm tối.
 Được pháp không sánh bằng,
 Hay cho diệu pháp vị.*

*Chư Phật như mật, kiên,
 Xa lìa ong, cá, chướng.
 Chân thật diệu công đức,
 Đoạn trừ các bản cùng.
 Hay cho sức giải thoát,
 Nên nói dụ vàng, cây.
 Pháp thể thân chân thật,
 Tăng thượng lương túc tôn.
 Thắng sắc rốt ráo thành,
 Nên nói sau 3 dụ.*

Lại, trước nói 2 thứ trí y nghiệp tự lợi lợi tha. Là 2 thứ gì? Một là xuất thế gian vô phân biệt trí. Hai là y xuất thế gian vô phân biệt trí. Chuyển thân được thân hành nhân, xa lìa phiền não vì được chứng quả trí. Lại những gì là thành tựu tự lợi? Nghĩa là được giải thoát xa lìa phiền não chướng xa lìa trí chướng, được pháp thân thanh tịnh không chướng ngại. Đó gọi là thành tựu lợi ích tự thân. Lại những gì là thành tựu lợi ích người khác? Đã được thành tựu tự thân lợi rồi, từ vô thủy đến nay tự nhiên y vào 2 thứ Phật thân ấy thị hiện thế gian tự tại lực hành, gọi là thành tựu lợi ích thân người khác. Lại nữa, y tự lợi lợi tha mà thành tựu nghĩa của nghiệp, cho nên nói 4 kệ:

*Vô lậu và biến khắp,
 Pháp bất diệt và hằng.
 Thanh lương không đổi khác,
 Bất thoái nơi tịch tĩnh.
 Thân Như Lai chư Phật,
 Vô tướng như hư không.
 Vì các người thắng trí,
 Tạo cảnh giới 6 căn.
 Thị hiện sắc vi diệu,
 Phát ra diệu âm thanh.*

*Khiến nghe giới hương Phật
 Và pháp vị của Phật.
 Khiến rõ Tam-muội xúc,
 Khiến biết diệu pháp sâu.
 Tư duy là phiền não,
 Phật lia tướng hư không.*

Bốn kệ đây được giải thích sơ lược bằng 8 kệ. Kệ nói:

*Lược nói 2 thứ pháp,
 Cần phải biết nghiệp trí.
 Đầy đủ giải thoát thân,
 Thanh tịnh chân pháp thân.
 Giải thoát thân, pháp thân
 Phải biết 2 và 1.
 Là vô lậu biến khắp,
 Và cứu cánh vô vi.
 Phiền não tận vô lậu
 Và tập khí diệt nên
 Không ngại và không chướng.
 Phải biết trí biến khắp.
 Vô vi nên không diệt,
 Thật thể nên không mất.
 Không mất là căn bản,
 Hằng ...giải thích các câu,
 Đối với các câu hằng ...
 Phải biết có 4 lỗi.
 Chết, vô thường, và chuyển,
 Thoái không thể nghĩ bàn.
 Bởi không chết nên hằng.
 Bởi thường nên thanh lương.
 Không chuyển nên không đổi.*

*Tịch tĩnh nên không thoái.
 Dầu vết cứu cánh kia,
 Tịnh trí thể bạch pháp.
 Đầy đủ diệu sắc thanh,
 Thị hiện nơi các căn.
 Như hư không vô tướng,
 Mà hiện các sắc tướng.
 Pháp thân cũng như vậy,
 Đủ cảnh giới 6 căn.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trong kinh nói: “ Như tướng hư không, chư Phật cũng vậy. “ Đây là y vào đệ nhất nghĩa. Pháp thân thanh tịnh của chư Phật Như Lai vì tự thể tướng là pháp không chung cho nên nói như vậy. Vì nghĩa đó, Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật nói: “ Tu-bồ-đề ! Ý ông nghĩ sao, có thể lấy sự thành tựu 32 tướng đại nhân mà thấy được Như Lai chăng? Tu-bồ-đề nói: Như chỗ con hiểu nghĩa Phật nói, không thể lấy tướng thành tựu mà thấy Như Lai được. Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy ! Tu-bồ-đề ! Không thể lấy tướng thành tựu mà thấy Như Lai được. Tu-bồ-đề ! Nếu lấy tướng thành tựu mà quán Như Lai thì Chuyển luân thánh vương phải là Như Lai.” Cho nên không phải lấy tướng thành tựu mà thấy Như Lai được. Đây nói nghĩa gì? Vì y vào đệ nhất nghĩa đế của Như Lai mà nói rõ nghĩa của pháp thân thanh tịnh. Lại nữa, y vào nghĩa tương ưng nên nói 2 kệ:

*Như không, chẳng nghĩ bàn,
 Thường hằng và thanh lương.
 Bất biến và tịch tĩnh,
 Là khắp các phân biệt.
 Khắp mọi nơi không đấm,
 Là si, thô, nhám, xúc,
 Cũng không thể kiến thủ,
 Phật tịnh tâm vô cầu.*

Hai kệ này được lược giải thích bằng 8 kệ. Kệ nói:

Giải thoát thân, pháp thân,
 Là tự lợi, lợi tha.
 Y tự lợi lợi tha,
 Nghĩa tương ưng nơi đó.
 Tất cả các công đức,
 Là không thể nghĩ bàn.
 Bởi phi cảnh 3 tuệ,
 Trí biết nhất thiết chủng.
 Các chúng sinh Phật thể,
 Vì tế, phi cảnh nghe.
 Đệ nhất, phi tư tuệ,
 Bởi xuất thế sâu kín.
 Đòi tu tuệ không biết,
 Các phàm phu ngu si,
 Xưa nay chưa từng thấy,
 Như mù không thấy sắc.
 Nhị thừa: trẻ sơ sinh,
 Không thấy vàng nhật nguyệt.
 Vì không sinh nên thường.
 Vì không diệt nên hằng.
 Là 2 nên thanh lương,
 Pháp tính trụ không đổi.
 Chứng diệt nên tịch tĩnh,
 Biết tất cả nên khắp.
 Không trụ, không phân biệt,
 Là phiền não không chấp.
 Không trí chướng là si,
 Mềm mại là thô nhám.
 Vô sắc không thể thấy,
 Là tướng không thể thủ.

*Vì tự tính nên tịnh,
Lìa nhiễm nên không bản.*

Kệ này nói nghĩa gì? Thí dụ hư không, là nói các công đức vô vi của chư Phật Như Lai không lìa pháp thân Phật. Đối với các hữu được không thể nghĩ bàn, thắng đại phương tiện nghiệp, thắng đại bi nghiệp, thắng đại trí nghiệp, làm lạc tướng, vô cầu, thanh tịnh 3 thứ Phật thân cho tất cả chúng sinh. Phải biết đó là thật Phật, pháp lạc Phật và hóa thân Phật thường không thôi nghỉ, thường không tuyệt dứt, tự nhiên tu hành để làm lợi ích chúng sinh. Vì không chung với bao nhiêu người nên duy chỉ tương ưng với pháp thân Như Lai của chư Phật. Đây là nói nghĩa gì? Vì y nơi thân này có tương ưng với các hành sai biệt nên nói 8 kệ:

*Chẳng đầu, chẳng giữa, sau,
Không phá hoại, không 2.
Xa lìa nơi 3 cõi,
Vô cầu, vô phân biệt.
Đây cảnh giới rất sâu,
Chẳng phải Nhị thừa biết.
Đủ thắng Tam-muội tuệ,
Người như vậy thấy được.
Quá hơn cát sông Hằng,
Không nghĩ bàn công đức.
Chỉ Như Lai thành tựu,
Không chung bao nhiêu người.
Như Lai diệu sắc thân,
Thể thanh tịnh vô cầu.
Xa lìa các phiền não,
Và tất cả tập khí.
Các thứ pháp thắng diệu,
Sáng suốt lấy làm thể.*

Khiến chúng sinh giải thoát,
 Thường không hề thôi nghỉ.
 Việc làm không nghĩ bàn,
 Như ngọc Ma-ni báu
 Hay hiện các thứ hình
 Mà thể kia chẳng thật.
 Vì thế gian thuyết pháp,
 Thị hiện chỗ tịch tĩnh.
 Giáo hóa khiến thuần thực,
 Thụ ký khiến nhập đạo.
 Kính Như Lai thân tượng
 Mà không lìa bản thể.
 Giống như mọi sắc màu
 Không lìa khỏi hư không.

Tám kệ này được sơ lược giải thích bằng 25 kệ. Kệ nói:

Trước nói pháp thân Phật,
 Và nhất thiết chủng trí.
 Tự tại với Niết-bàn,
 Và đệ nhất nghĩa đế.
 Pháp không thể nghĩ bàn,
 Ứng cúng ... các công đức.
 Chỉ trong tự thân chứng,
 Nên phải biết như vậy.
 Kia 3 thân sai biệt,
 Thật pháp, báo, và hóa.
 Gọi là sâu, tốt, lớn.
 Thân công đức vô lượng.
 Nói thân thật thể, là
 Pháp thân của chư Phật.
 Lược nói 5 thứ tướng

Là 5 thứ công đức.
Vô vi, vô sai biệt,
Xa lìa nơi nhị biên,
Thoát khỏi phiền não chướng,
Trí chướng, Tam-muội chướng.
Vì lìa tất cả bản,
Nên cảnh giới thánh nhân
Thanh tịnh chiếu sáng suốt,
Do pháp tính như vậy
Vô lượng a-tăng-kì
Khôn tính nghĩ bàn được
Khôn sánh các công đức,
Đến đệ nhất bỉ ngạn.
Thật pháp thân tương ưng,
Bởi tốt không thể kể,
Cảnh giới chẳng tư lường
Và xa lìa tập khí.
Phật pháp là vô biên,
Lần lượt không lìa báo.
Nhận các thứ pháp vị,
Thị hiện các diệu sắc.
Tịnh từ bi tập khí,
Không hư vọng phân biệt.
Lợi ích các chúng sinh,
Tự nhiên không thôi nghĩ.
Nhu ngọc báu Như ý,
Thỏa mãn tâm chúng sinh.
Thụ lạc Phật như vậy,
Sức thần thông tự tại.
Thần lực tự tại này,
Lược nói có 5 thứ.

Thuyết pháp và khả kiến,
 Các nghiệp không thôi nghĩ.
 Và thôi nghĩ ẩn mật,
 Thị hiện, không thật thể.
 Đó là sơ lược nói,
 Có 5 thứ tự tại.
 Như ngọc báu Ma-ni,
 Y các thứ sắc màu,
 Sinh các tướng khác nhau,
 Tất cả đều không thật.
 Như Lai cũng như vậy,
 Sức phương tiện thị hiện
 Từ Đâu-suất-đà xuống
 Tuần tự nhập thai sinh,
 Học tập các kỹ nghệ,
 Anh nhi nhập vương cung,
 Chán lìa các tướng dục,
 Xuất gia hành khổ hạnh,
 Chắt vắn các ngoại đạo,
 Rồi đi đến đạo tràng,
 Hàng phục các ma chúng,
 Thành đại diệu giác tôn,
 Chuyển pháp luân vô thượng,
 Nhập Niết-bàn vô dư,
 Ở nước không thanh tịnh,
 Hiện các việc như vậy,
 Thế gian không thôi nghĩ
 Tuyên thuyết vô thường, khổ,
 Vô ngã tên tịch tĩnh,
 Sức phương tiện trí tuệ
 Khiến các chúng sinh kia,

Chán lìa khổ 3 cõi,
 Rồi sau nhập Niết-bàn,
 Để vào đạo tịch tĩnh.
 Các người Thanh văn v.v...
 Có tướng hư vọng ấy,
 Nói ta được Niết-bàn.
 Các kinh như Pháp Hoa ...,
 Đều nói pháp như thật,
 Gồm phương tiện Bát-nhã,
 Quay tâm hư vọng lại
 Khiến thuận thực thượng thừa,
 Thụ ký diệu Bồ-đề
 Vì tế đại thế lực.
 Khiến chúng sinh ngu si,
 Qua khỏi đường hiểm nạn,
 Sâu, tốt, và vĩ đại
 Lần lượt đem giảng nói.
 Trước pháp thân Như Lai,
 Thứ hai Phật sắc tướng,
 Ví như trong hư không
 Có tất cả sắc thân,
 Trong Phật thân ban đầu,
 Thân sau cùng cũng vậy.

Từ đây trở xuống tức y 3 thứ Phật thân như vậy vì muốn lợi ích chúng sinh lược nói 2 kệ:

Thế Tôn thể thường trú,
 Do tu vô lượng nhân.
 Cõi chúng sinh bất tận,
 Tâm từ bi như ý,
 Trí thành tựu tương ưng,
 Trong pháp được tự tại,

*Hàng phục các ma oán,
Thể tịch tĩnh nên thường.*

Hai kệ này được giải thích sơ lược bằng 6 kệ. Kệ nói:

*Xả thân mạng của cải,
Giữ lấy các pháp Phật,
Vì lợi ích chúng sinh,
Rốt ráo mãn bản nguyện,
Được Phật thân thanh tịnh
Khởi tâm đại từ bi
Tu hành 4 như ý,
Y sức kia trụ thế
Để thành tựu diệu trí
Lìa Niết-bàn hữu tâm,
Thường được tâm Tam-muội,
Thành tựu lạc tương ưng.
Thường ở tại thế gian,
Không bị thế pháp nhiễm.
Được nơi tịnh cam lộ
Nên lìa tất cả ma.
Chư Phật bản bất sinh,
Vì bản lai tịch diệt.
Bởi thường được quy y,
Nên nói quy y ngã.
Bảy thí dụ ban đầu:
Sắc thân Như Lai thường.
Còn 3 thí dụ sau:
Pháp thân Thiện thế thường.*

Kệ này nói nghĩa gì? Chư Phật Như Lai y pháp thân chuyên được vô thượng thân không thể nghĩ bàn. Y không thể nghĩ bàn nên nói 2 kệ:

Chẳng ngôn ngữ nào nói
 Được đệ nhất nghĩa đế.
 Là các giác quán không
 Thí dụ nào nói được.
 Pháp thắng diệu cao tột
 Không chấp thủ Niết-bàn.
 Ba thừa không biết được.
 Đây là cảnh giới Phật.

Hai kệ này được sơ lược giải thích bằng 5 kệ. Kệ nói:

Không thể nghĩ bàn được,
 Vì là tướng ngôn ngữ.
 Là tướng ngôn ngữ là
 Ở trong đệ nhất nghĩa.
 Trong đệ nhất nghĩa, là
 Phi cảnh giới tư duy.
 Phi cảnh giới tư duy,
 Không thí dụ biết được.
 Không thí dụ biết được
 Vì tối thắng vô thượng.
 Tối thắng vô thượng thì
 Không thủ hữu Niết-bàn.
 Không thủ 2 đây là
 Không thủ công đức, lỗi.
 Năm thứ thí dụ trước
 Vì tế không nghĩ bàn
 Pháp thân Như Lai: thường.
 Thí dụ thứ 6 là
 Vì được tự tại nên
 Sắc thân Như Lai: thường.

Phẩm 9: CÔNG ĐỨC CỦA NHƯ LẠI

Luận nói: Đã nói chân như pháp thân là vô cầu. Tiếp nói y chân như pháp thân vô cầu kia, tất cả công đức như ngọc báu Ma-ni không rời các tướng hình sắc sáng chiếu. Pháp thân Như Lai có vô lượng vô biên công đức vô cầu tự tính thanh tịnh cũng như vậy. Vì nghĩa đó y vào công đức của Phật tiếp nói 2 kệ:

*Tự lợi cũng lợi tha,
Đệ nhất nghĩa đế thân.
Y chân đế thân kia,
Có thể thế đế này.
Quả xa là thuận thực,
Trong đây có đầy đủ
Sáu mươi bốn thứ pháp
Các công đức khác nhau.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Kệ nói:

*Nơi tự thân thành tự,
Trụ giữ các Phật pháp,
Nên gồm đệ nhất thân,
Là trụ giữ tha thân.
Chư Như Lai Thế Tôn
Nên có thể đế thế.
Phật vô lượng công đức
Gồm cả ở sơ thân.
Mười lực, 4 vô úy,
Với tướng đại trượng phu ...
Kia thụ lạc báo thể
Trong đệ nhị Phật thân.*

Kệ này nói nghĩa gì? Nói 10 lực v.v...64 thứ công đức của Phật thân. Đây làm sao biết? Vì y theo nghĩa kia nên nói 2 kệ:

*Sức Phật: chày kim cương,
 Phá chương kẻ vô trí.
 Như Lai không sợ hãi:
 Sư tử giữa đám đông.
 Pháp Như Lai không chung:
 Như hư không thanh tịnh.
 Như trăng trong nước kia,
 Chúng sinh thấy có 2.*

Từ đây trở xuống là những luận kệ còn lại trong phẩm công đức. Đây dựa vào 2 kệ lần lượt hiển thị 10 lực, 64 thứ công đức của Như Lai. Như trong Kinh Đà-la-ni Tự Tại Vương có nói rộng. Trước tiên y vào 10 lực nói 2 kệ:

*Xứ phi xứ quả báo,
 Nghiệp và nơi các căn.
 Tính tín chí xứ đạo,
 Ly cấu các thiên định.
 Nghĩ nhớ đời quá khứ,
 Thiên nhãn trí tịch tĩnh.
 Như vậy các câu ấy,
 Nói tên 10 thứ lực.*

Lại y vào 4 vô úy nên nói 3 kệ:

*Như thật rõ các pháp,
 Ngăn các si đạo chương.
 Nói đạo được vô lậu,
 Là 4 thứ vô úy.
 Với cảnh giới sở tri,
 Rốt ráo biết tự tha.
 Minh biết dạy người biết,
 Đây chẳng ngăn chương đạo.*

*Được chứng quả thắng diệu,
Mình được khiến người được.
Nói lý lợi tự tha,
Là các chỗ vô úy.*

Y 18 pháp Phật không chung nên nói 8 kệ:

*Phật không lỗi, không tranh,
Không vọng niệm các lỗi,
Không bất định, tán tâm,
Không có các thứ tướng,
Không tác ý, hộ tâm,
Dục, tinh tiến, bất thoái,
Niệm tuệ, và giải thoát,
Tri kiến v.v... không thoái,
Các nghiệp trí làm gốc,
Biết 3 đời không chướng,
Phật 18 công đức,
Còn ngoài ra không nói.
Phật thân khẩu không lỗi,
Nếu ai đến phá hoại,
Nội tâm tướng không động,
Chẳng trụ tâm, xả tâm.
Thế Tôn dục tinh tiến,
Niệm tịnh trí giải thoát.
Tri kiến thường không mất,
Thị hiện cảnh khả tri.
Tất cả các nghiệp v.v...
Trí là gốc lần lượt,
Ba đời không chướng si,
Trí rộng lớn hành thường.
Gọi là thế Như Lai,*

*Trí tuệ lớn tương ưng.
 Biết kia đại Bồ-đề,
 Pháp thắng diệu tối thượng.
 Vì tất cả chúng sinh,
 Chuyển bánh xe pháp lớn.
 Pháp vô úy thắng diệu,
 Khiến kia được giải thoát.*

Lại y 32 tướng đại nhân nên nói 11 kệ:

*Lòng bàn chân bằng phẳng
 Đầy đủ ngàn vòng xoáy.
 Bắp đùi chân đầy đặn,
 Như đùi nai I-ni.
 Tay chân đều mềm mại,
 Các ngón đều thon dài.
 Ngón có màn chân ngỗng,
 Tay trên dưới cân đối.
 Hai vai bằng trước sau,
 Trái phải đều tròn trịa.
 Đứng thẳng tay quá gối.
 Tướng mã âm kín đáo.
 Thân tướng thẳng trang nhã,
 Như cây Ni-câu-đà.
 Thể tướng đầy 7 chỗ,
 Thân trên như sư tử.
 Oai đức thể mạnh mẽ,
 Giống như Na-la-diên.
 Sắc thân sạch tốt đẹp,
 Da mịn sắc vàng kim,
 Sạch mịn nhuyễn thẳng kín,
 Một lỗ một sợi lông,*

Lông mềm mượt tươi sáng,
 Vị tế xoay chiều phải.
 Thân sáng sạch viên mãn,
 Trên đỉnh đầu nhô cao,
 Cổ như cổ chim công.
 Cằm vuông như sư tử.
 Tóc sạch bóng sắc xanh,
 Ví như Nhân-đà-la.
 Trên trán tướng lông trắng,
 Khuôn mặt sạch sáng rõ.
 Miệng có 40 răng,
 Hai hàm trắng hơn tuyết.
 Sâu kín trong ngoài sáng
 Trên dưới răng đều đặn.
 Tiếng Ca-lăng-tần-già,
 Diệu âm nghe vang xa.
 Món ăn qua cửa miệng
 Tự hóa thành mỹ vị.
 Lưỡi mỏng rộng và dài.
 Đôi mắt màu xanh biếc.
 Chóp mắt như ngư vương.
 Công đức như hoa sen.
 Như vậy người tôn quý
 Có 32 tướng tốt
 Mỗi mỗi không tạp loạn,
 Trên khắp cả châu thân.

Đó là 10 lực, 4 vô úy, 18 pháp không chung và 32 tướng đại nhân của Phật tập hợp lại, gọi là 64 thứ công đức. Kệ nói:

Sáu mươi bốn công đức,
 Tu nhân và quả báo,

*Mỗi mỗi đều sai biệt,
Kinh Bảo Nữ nói đủ.*

Kệ này nói nghĩa gì? Trước nói chư Phật Như Lai 64 thứ công đức nhân quả sai biệt. Y theo thứ tự này trong Kinh Bảo Nữ có nói rộng. Lại y theo 4 nơi này thứ tự có 4 thí dụ. Đó là chày kim cương và sư tử chúa, thí dụ hư không, mặt trăng dưới nước có 9 kệ. Y 9 kệ kia lược nói kệ rằng:

*Phá hủy, không từ tâm,
Không chung vì vô tâm,
Nên nói chày, sư tử,
Hư không, trăng trong nước.*

Lại y vào 10 lược dụ chày kim cương nên nói 2 kệ:

*Xử phi xử quả tính,
Chúng sinh các tín căn.
Các thứ tu đạo địa,
Quá túc mạng sai biệt.
Thiên nhân với lậu tận ...
Sức Phật chày kim cương.
Có thể phá tan nát,
Cây, tường, núi si mê.*

Kệ này nói nghĩa gì? Lược nói kệ rằng:

*Chư Như Lai 6 lược,
Lần lược 3 và 1.
Trong cảnh giới sở tri,
Các chương là Tam-muội .
Và lia các cấu chương
Ví như phá đập tan
Áo giáp, tường và cây,
Vật nặng và kiên cố*

*Cũng có thể phá hủy.
Như Lai 10 thứ lực
Giống như kim cương kia
Nên nói chày kim cương.*

Lại y theo 4 vô úy thí dụ sư tử chúa, nên nói 2 kệ:

*Ví như sư tử chúa,
Tự tại giữa muôn thú.
Thường ở nơi núi rừng,
Chẳng sợ các thú khác.
Phật: nhân vương, cũng vậy,
Ở giữa các đám đông,
Trụ tốt và chẳng sợ,
Lại kiên cố dững mãi.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Lược nói kệ rằng:

*Biết bệnh khổ biết nhân,
Xa lìa nhân khổ ấy.
Nói thánh đạo: thuốc hay,
Để khỏi bệnh, chứng diệt.
Xa lìa các sợ hãi,
Ở trong thành dững mãi.
Phật: vua trong đám đông,
Như sư tử chẳng sợ.
Bởi biết tất cả pháp,
Cho nên được trụ tốt.
Khắp mọi nơi không sợ,
Lìa phàm phu ngu si,
Nhi thừa và thanh tịnh,
Vì không có ngã kiến.
Ở trong tất cả pháp,
Tâm thường định kiên cố.*

*Vì sao gọi dững mãinh?
 Quá vô minh trụ địa.
 Tự tại chỗ không si
 Nên gọi là dững mãinh.*

Lại y vào 18 pháp không chung thí dụ hư không, nên nói 3 kệ:

*Địa thủy hỏa phong v.v...
 Pháp ấy không trong không.
 Trong các sắc cũng không,
 Hư không, không si pháp.
 Chư Phật không chướng ngại,
 Giống như tướng hư không.
 Như Lai tại thế gian
 Như địa thủy hỏa phong.
 Mà chư Phật Như Lai
 Có đủ các công đức.
 Cho đến không một pháp,
 Cùng các thế gian có.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Lược nói kệ rằng:

*Thanh Văn và không hành,
 Trí giả và tự tại,
 Thượng thượng vi diệu pháp,
 Nên thị hiện 5 đại.
 Các chúng sinh thụ dụng,
 Như địa thủy hỏa phong.
 Là thế là xuất thế
 Nên nói hư không đại.
 Ba mươi hai công đức,
 Y chỉ pháp thân có.
 Như thế gian đốt đèn,
 Sáng nóng và sắc tướng.*

*Tương ưng không sai biệt,
Pháp thân chư Như Lai,
Tất cả các công đức
Không sai biệt cũng vậy.*

Lại y 32 tướng đại trượng phu thí dụ trăng trong nước, nên nói 2 kệ:

*Trời thu không mây che,
Trăng trên trời dưới nước.
Tất cả người thế gian,
Đều thấy sức mặt trăng.
Thanh tịnh trong Phật luân,
Đủ thể lực công đức.
Phật tử thấy Như Lai
Thân công đức cũng vậy.*

Kệ này hiển thị nghĩa gì? Lược nói kệ rằng:

*Ba mươi hai công đức,
Người thấy sinh hoan hỷ.
Y pháp báo hóa thân,
Mà thành có 3 Phật.
Pháp thân sạch không nhơ,
Xa lìa nơi thế gian.
Ở trong Như Lai luân,
Chúng sinh thấy 2 chỗ.
Như trong nước thanh tịnh,
Trông thấy bóng trăng sáng.
Ba mươi hai tướng ấy,
Y sắc thân được tên.
Như ngọc báu Ma-ni,
Không lìa sắc tướng sáng.
Sắc thân cũng như vậy,
Không lìa 32.*

Phẩm 10: PHẬT NGHIỆP TỰ NHIÊN KHÔNG THÔI NGHỈ

Luận nói: Đã nói công đức vô cầu của chư Phật, tiếp nói tác nghiệp của chư Phật Như Lai. Tác nghiệp của chư Phật tự nhiên mà làm, thường không thôi nghĩ việc giáo hóa chúng sinh. Đây y theo lược thuyết có 2 thứ pháp tự nhiên mà làm. Vì nghĩa đó y các Phật nghiệp tự nhiên mà làm thường không thôi nghĩ, thường làm Phật sự, nên nói 6 kệ:

*Với chúng sinh độ được,
Dùng phương tiện giáo hóa.
Khởi nghiệp hóa chúng sinh,
Giáo hóa chúng sinh giới.
Chư Phật: người tự tại,
Với chúng sinh khả hóa,
Thường đợi nơi đợi lúc,
Tự nhiên làm Phật sự.
Biết khắp cả Đại thừa
Tối diệu công đức tự.
Như nước báu biển lớn,
Trí Như Lai cũng vậy.
Bồ-đề rộng vô biên,
Giống như cõi hư không.
Phóng vô lượng công đức
Ánh mặt trời đại trí
Khắp chiếu các chúng sinh
Có diệu pháp thân Phật.
Vô cầu công đức tạng
Như thân ta không khác.
Phiền não chướng trí chướng,
Mây mù lưới khắp che.
Chư Phật: gió từ bi,
Thổi tan khiến tiêu hết.*

Nghĩa của 6 kệ này được sơ lược giải thích bằng 14 kệ. Kệ nói:

Bởi những tính trí gì
 Cái gì thời xứ gì,
 Tác nghiệp không phân biệt,
 Cho nên nghiệp tự nhiên.
 Bởi các căn tính gì,
 Các chúng sinh độ được.
 Bởi các trí tuệ gì,
 Độ được các chúng sinh.
 Lại bởi những gì là
 Phương tiện hóa chúng sinh.
 Chúng sinh do nơi đâu,
 Khi nào có thể hóa.
 Tiến thú và công đức,
 Là quả là nhiếp thủ.
 Chương kia và đoạn chương,
 Các duyên không phân biệt.
 Tiến thú là 10 địa,
 Nhân công đức 2 đế.
 Quả là đại Bồ-đề,
 Gồm Bồ-đề quyền thuộc.
 Chương kia là vô biên,
 Phiền não và tập khí.
 Đoạn chương là đại từ,
 Cùng với tâm đại bi ...
 Gọi là tất cả thời
 Thường gieo trồng nhân duyên
 Như vậy ở 6 chỗ,
 Lần lượt nói nên biết.
 Như nước báu biển lớn,
 Không nhật địa vân phong.

Các địa như biển lớn,
 Nước trí công đức báu.
 Bò-đề như cỡi không,
 Rộng không có ngăn mé.
 Vì lợi ích chúng sinh,
 Hai nghiệp như mặt trời.
 Chiếu soi khắp biết hết,
 Tất cả cỡi chúng sinh
 Đều có tính Như Lai,
 Như trong đất chôn giấu.
 Cũng như đại địa kia
 Thế vững chắc không động.
 Vì lợi ích chúng sinh,
 Thấy kia ta không khác.
 Các phiền não khách trần
 Vốn tự không thể tính.
 Tất cả đều hư vọng,
 Như mây tụ không thật.
 Khởi tâm đại từ bi,
 Giống như gió thổi mạnh.
 Phiền não trí chướng hết,
 Như mây tụ đã tan.
 Việc hóa độ chưa hết,
 Nên thường tại thế gian.
 Từ bản tế đến nay
 Tự nhiên không thôi nghĩ.

Hỏi: Như trước đã nói chư Phật Như Lai không sinh không diệt. Nếu như vậy tức là pháp vô vi. Pháp vô vi thì không có nghiệp tu hành, thì sao có việc thường giáo hóa chúng sinh tự nhiên không thôi nghĩ?

Đáp: Vì để hiển thị việc lớn của chư Phật là đoạn các nghi hoặc, cho nên y nơi cảnh giới thanh tịnh vô cấu không thể nghĩ bàn của chư Phật thị hiện việc lớn, nên dùng thí dụ nói một kệ:

*Mây: trống trời Đế Thích,
Ma-ni: mặt trời Phạm.
Vang rền cõi hư không
Thân Như Lai cũng vậy.*

Y một kệ này Tu-đa-la thủ nghĩa kệ có 9 thí dụ. Từ đây trở xuống nói rộng còn 66 kệ. Lại nữa, y theo kệ nói rộng nghĩa, 9 thứ thí dụ lược nói nghĩa kia, và tuần tự nói rộng Như Lai vô thượng lợi ích, chúng sinh tu hành cứu cánh giải thích bằng 19 kệ. Kệ nói:

*Xa lìa tất cả nghiệp,
Chưa từng thấy có quả.
Vì tất cả người nghi,
Trừ các lưới nghi ấy.
Nói 9 thứ thí dụ,
Kia tên Tu-đa-la.
Rộng nói các pháp này,
Trong Tu-đa-la kia.
Rộng nói 9 thí dụ,
Kia tên trí cảnh giới.
Tốt đẹp trí trang nghiêm,
Người có trí sớm vào.
Đầy đủ cảnh giới Phật,
Nói kia trời Đế Thích.
Kính lưu ly ảnh tượng,
Chín thứ các thí dụ.
Phải biết là yếu nghĩa,
Thấy nói và đến khắp.
Bởi lìa các tướng trí,*

*Nghiệp thân khẩu ý kín.
Đại từ bi thì được,
Lìa các tâm công dụng.
Không phân biệt vắng lặng,
Do trí nên không như.
Như đại Tì-lưu-ly,
Đế Thích v.v... các thí dụ.
Trí cứu cánh đầy đủ,
Nên rốt ráo vắng lặng.
Bởi trí tuệ thanh tịnh,
Cho nên không phân biệt.
Để thành các thứ nghĩa,
Nói Đế Thích v.v... thí dụ.
Để thành các nghĩa ấy,
Nói 9 thứ kiến v.v...
Lìa sinh lìa thân thông,
Chư Phật hiện việc ấy.
Đó gọi là lược nói,
Các thứ nghĩa thí dụ.
Thí dụ trước giải sau,
Thí dụ sau giải trước.
Phật thể ảnh trong gương,
Như kia đất lưu ly.
Người chẳng không có tiếng,
Như trống trời màu nhiệm.
Chẳng không làm Phật sự,
Như mây mưa lớn kia.
Chẳng không làm lợi ích,
Mà cũng chẳng không sinh.
Gieo trồng các chủng tử,
Như Phạm thiên bất động.*

Mà chẳng không thuận thực,
 Như mặt trời lớn kia.
 Chẳng không phá các tối,
 Như ngọc Như ý kia.
 Mà chẳng không hy hữu,
 Giống như tiếng vang kia.
 Chẳng không nhân duyên thành,
 Giống như hư không kia
 Chẳng không làm tất cả
 Y chỉ cho chúng sinh.
 Giống như đại địa kia,
 Mà chẳng không trụ giữ.
 Tất cả mọi thứ vật,
 Do nương đại địa kia.
 Gánh vác các thế gian,
 Tất cả các thứ vật.
 Y chư Phật Bồ-đề,
 Diệu pháp xuất thế gian.
 Thành tựu các bạch nghiệp,
 Các thiền 4 vô lượng.
 Cùng với 4 không định,
 Chư Như Lai tự nhiên,
 Thường trụ các thế gian,
 Có các nghiệp như vậy.
 Nhất thời chẳng trước sau,
 Làm diệu nghiệp như vậy.

Phẩm 11: HIỆU LƯỢNG TÍN CÔNG ĐỨC

Luận nói: Trước đã nói 4 thứ pháp. Từ đây trở xuống nói người có tuệ đối với pháp này có thể sinh tín tâm. Y theo tín tâm đó được các công đức, nên nói 14 kệ:

*Phật tính, Phật Bồ-đề,
Phật pháp và Phật nghiệp.
Các người tịnh thế gian
Không thể nghĩ bàn được.
Đây cảnh giới chư Phật,
Nếu ai có thể tin,
Được vô lượng công đức,
Hơn tất cả chúng sinh.
Vì cầu Phật Bồ-đề,
Quả báo không nghĩ bàn.
Được vô lượng công đức,
Nên hơn các thế gian.
Nếu người có thể xả,
Ngọc Ma-ni trân quý,
Bồ thí khắp 10 phương,
Vô lượng các cõi Phật,
Để cầu Phật Bồ-đề,
Thí cho các pháp vương.
Người kia thí như vậy,
Vô lượng Hằng sa kiếp,
Nếu lại có người nghe,
Một câu diệu cảnh giới,
Nghe rồi phát lòng tin,
Hơn thí phúc vô lượng.
Nếu có người trí tuệ,
Phụng trì vô thượng giới,
Thân khẩu ý nghiệp tịnh,
Tự nhiên thường hộ trì,
Để cầu Phật Bồ-đề
Như vậy vô lượng kiếp,
Người ấy được phúc báo*

Không thể nghĩ bàn được.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu diệu cảnh giới,
 Nghe rồi phát lòng tin,
 Hơn giới phúc vô lượng.
 Nếu người nhập thiền định,
 Đốt phiền não 3 cõi,
 Vượt trời qua bờ kia,
 Không Bồ-đề phương tiện.
 Nếu lại có người nghe,
 Một câu diệu cảnh giới,
 Nghe rồi phát lòng tin,
 Hơn thiền phúc vô lượng.
 Người không tuệ xả bỏ,
 Chỉ được báo giàu sang.
 Người tu trì cấm giới,
 Được sinh cõi trời, người.
 Tu hành đoạn các chướng,
 Phi tuệ không thể trừ.
 Tuệ trừ phiền não chướng,
 Cũng trừ được trí chướng.
 Nghe pháp là tuệ nhân,
 Cho nên nghe pháp hơn.
 Hướng chi nghe pháp rồi,
 Lại còn sinh tín tâm.

Mười bốn kệ này được sơ lược giải thích bằng 11 kệ. Kệ nói:

Thân và kia chuyển thân,
 Công đức và thành nghĩa.
 Cho thấy 4 pháp này,
 Là cảnh giới Như Lai.

Người trí tin là có,
Và tin rất ráo được.
Bồi tin các công đức
Mau chứng vô thượng đạo.
Rót ráo đến bờ kia,
Là Như Lai trụ xứ.
Tin có cảnh giới ấy,
Đó chẳng thể nghĩ bàn.
Chúng ta có thể được,
Công đức kia như vậy.
Chỉ thắng trí tin sâu,
Dục tinh tiến niệm định,
Tu trí... các công đức,
Vô thượng Bồ-đề tâm.
Tất cả thường hiện tiền,
Bồi thường hiện tiền nên
Là Phật tử không thoái.
Bờ kia công đức sạch,
Rót ráo được thành tựu.
Năm độ là công đức
Bồi không phân biệt 3
Rót ráo và thanh tịnh.
Không lìa pháp đối trị,
Thí chỉ thí công đức.
Trì giới chỉ trì giới.
Còn 2 độ tu hành,
Là nhân nhục, thiên định.
Tinh tiến khắp các xứ,
Xan ...pháp sở trị,
Gọi là phiền não chướng.
Vọng phân biệt 3 pháp

Đó gọi là trí chướng.
 Xa lìa các chướng kia
 Không thắng nhân nào khác.
 Chỉ chân diệu trí tuệ,
 Cho nên Bát-nhã hơn.
 Kia trí tuệ căn bản,
 Đó gọi là văn tuệ.
 Do văn tuệ sinh trí,
 Cho nên nghe là hơn.

Lại từ đây trở xuống nói rõ các nghĩa đã nói. Y vào pháp gì nói?
 Y vào nghĩa gì nói? Y vào tướng gì nói? Trước hết y vào pháp kia
 nên nói 2 kệ:

Pháp tôi nói ở đây,
 Là tự tâm thanh tịnh.
 Theo chư Như Lai dạy,
 Tương ứng Tu-đa-la.
 Nếu có người trí tuệ,
 Nghe mà tin thụ được,
 Pháp tôi nói ở đây
 Cũng nhiếp thụ người ấy.

Từ đây trở xuống theo nghĩa ấy nói 2 kệ:

Theo đèn, điện, Ma-ni,
 Nhật, nguyệt các thứ sáng,
 Tất cả người có mắt,
 Đều thấy được cảnh giới.
 Theo Phật pháp quang minh,
 Người mắt tuệ thấy được.
 Vì pháp lợi như vậy,
 Nên tôi nói pháp này.

Từ đây trở xuống, theo tướng ấy nên nói 2 kệ:

*Nếu tất cả nói ra,
Có nghĩa, có pháp cú,
Khiến người tu hành được
Xa lìa nơi 3 cõi.
Và nói pháp tịch tĩnh,
Tối thắng vô thượng đạo,
Phật nói là chính kinh,
Ngoài ra điên đảo thuyết.*

Từ đây trở xuống theo phương tiện hộ pháp nên nói 7 kệ:

*Tuy nói nghĩa pháp cú,
Đoạn phiền não 3 cõi,
Vô minh che mắt tuệ,
Tham ... các bản trời buộc.
Lại ở trong Phật pháp
Chỉ lấy phần ít nói,
Sách đời thì nói sôi,
Ba kia còn khả thụ.
Huống chi chư Như Lai,
Xa lìa bản phiền não.
Người trí tuệ vô lậu,
Giảng nói Tu-đa-la,
Bỏ lìa nơi chư Phật
Tất cả trong thế gian
Lại không thắng trí tuệ.
Người như thật biết pháp,
Như Lai nói liễu nghĩa,
Kia không thể nghĩ bàn.
Tư duy là chê pháp,
Vì không hiểu ý Phật.*

*Chê thánh và hoại pháp,
 Các tà tư duy này,
 Người ngu si phiền não,
 Vì vọng thấy chỗ chấp.
 Vậy không nên chấp trước
 Tà kiến các pháp bản.
 Dùng áo sạch nhuộm màu,
 Như bản không thể nhuộm.*

Từ đây trở xuống y theo sự hủy báng chính pháp nên nói 3 kệ:

*Ngu không tin bạch pháp,
 Tà kiến và kiêu mạn,
 Quá khứ chướng báng pháp,
 Chấp trước bất liễu nghĩa.
 Chấp cúng dường cung kính,
 Chỉ thấy nơi tà pháp.
 Xa lìa thiện tri thức,
 Gân gũi kẻ báng pháp,
 Ưa chấp pháp Tiểu thừa
 Các chúng sinh như vậy,
 Không tin nơi Đại thừa,
 Nên hủy báng Phật pháp.*

Từ đây theo hủy báng chính pháp bị quả báo ác nên nói 6 kệ:

*Người trí không nên sợ,
 Oan gia, lửa, rắn, độc,
 Nhân-đà-la, sấm sét,
 Dao gậy, các thú dữ,
 Sư tử, và cọp, sói,
 Chúng có thể hại mạng,
 Không thể khiến người ta
 Vào A-tì địa ngục.*

*Phải sợ hủy báng pháp,
 Và hủy pháp tri thức.
 Chắc chắn khiến người vào
 Ngục A-tì đáng sợ.
 Tuy gần ác tri thức,
 Ác tâm xuất huyết Phật,
 Và giết hại mẹ cha,
 Đoạn mạng các thánh nhân,
 Phá hoại tăng hòa hợp,
 Và đoạn các thiện căn,
 Bởi một niệm chính pháp
 Giải thoát được nơi kia.
 Nếu lại có ai khác
 Hủy báng pháp thậm thâm,
 Người ấy vô lượng kiếp
 Không thể giải thoát được.*

Từ đây trở xuống theo pháp sư thuyết pháp sinh tâm kính trọng, nên nói 2 kệ:

*Nếu người khiến chúng sinh,
 Biết tin pháp như vậy,
 Đó là cha mẹ ta,
 Cũng là thiện tri thức.
 Người ấy là người trí,
 Vì sau Phật diệt độ,
 Quay tà kiến điên đảo,
 Khiến nhập vào chính đạo.*

Từ đây trở xuống y theo kia thuyết pháp được các công đức đem dùng hồi hướng, nên nói 3 kệ:

*Tam Bảo tính thanh tịnh,
 Bồ-đề công đức nghiệp,*

Tôi lược nói 7 thứ,
 Tương ứng với kinh Phật.
 Y các công đức này,
 Nguyên đến khi mạng chung,
 Thấy Phật Vô Lượng Thọ,
 Thân vô biên công đức.
 Tôi cùng các tín giả,
 Được thấy Phật kia rồi,
 Nguyên được ly cấu nhĩn,
 Thành vô thượng Bồ-đề.

Từ đây trở xuống, lược nói cú nghĩa. Kệ nói:

Y các pháp gì nói?
 Y các nghĩa gì nói?
 Y các tướng gì nói?
 Như pháp kia mà nói.
 Kia tất cả các pháp
 Hiện thị trong 6 kệ.
 Hộ tự thân phương tiện,
 Được dùng 7 kệ nói.
 Nói phỉ báng chính pháp,
 Cho nên có 3 kệ.
 Sáu kệ nói nhân kia,
 Dùng 2 kệ hiển thị.
 Nơi người thuyết pháp kia,
 Thâm sinh tâm kính trọng.
 Đại chúng nghe nhĩn thụ,
 Được đại Bồ-đề kia.
 Lược nói 3 thứ pháp
 Hiện thị quả báo ấy./.

TRỌN BỘ 4 QUYỂN HẾT

SỐ 1612
LUẬN ĐẠI THỪA NGŨ UẨN

*Bồ-tát Thế Thân tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Như Bạc-già-phạm lược nói 5 uẩn: 1. Sắc uẩn. 2. Thụ uẩn. 3. Tưởng uẩn. 4. Hành uẩn. 5. Thức uẩn.

Thế nào là sắc uẩn? Là 4 đại chủng và các sắc do 4 đại chủng tạo nên. Sao gọi là 4 đại chủng? Là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Sao gọi là địa giới? Là tính cứng chắc. Sao gọi là thủy giới? Là tính ướt và chảy. Sao gọi là hỏa giới? Là tính ấm nóng. Sao gọi là phong giới? Là tính động, nhẹ v.v... Sao gọi là các sắc do 4 đại chủng tạo ra? Là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc, vô biểu sắc. Sao gọi là nhãn căn? Nghĩa là sắc là cảnh thanh tịnh sắc. Sao gọi là nhĩ căn? Nghĩa là thanh là cảnh thanh tịnh sắc. Sao gọi là tỷ căn? Nghĩa là hương là cảnh thanh tịnh sắc. Sao gọi là thiệt căn? Nghĩa là vị là cảnh thanh tịnh sắc. Sao gọi là thân căn? Nghĩa là xúc là cảnh thanh tịnh sắc. Sao gọi là sắc? Nghĩa là cảnh giới của nhãn như hiển sắc, hình sắc và biểu sắc v.v... Sao gọi là thanh? Nghĩa là cảnh giới của nhĩ như chấp thụ đại chủng nhân thanh, phi chấp thụ đại chủng nhân thanh, và cả hai đại chủng nhân thanh. Sao gọi là hương? Nghĩa là cảnh giới của tỷ như mùi thơm, mùi hôi, và các mùi khác . Sao gọi

là vị? Nghĩa là cảnh giới của thiết như vị ngọt, vị chua, vị mặn, vị cay, vị đắng, vị nhạt. Sao gọi là một phần của xúc? Nghĩa là cảnh giới của thân. Trừ 4 đại chủng ngoài ra đều có thể tạo xúc như tính trơn láng, tính nhám, tính nặng, tính nhẹ, lạnh, đói, khát v.v... Sao gọi là vô biểu sắc v.v...? Nghĩa là có biểu nghiệp và Tam-ma-địa sinh các sắc vô kiến vô đối. Sao gọi là thụ uẩn? Là 3 sự lãnh nạp: 1. Khổ. 2. Lạc. 3. Không khổ không lạc. Lạc là khi diệt có cái dục hòa hợp. Khổ là khi sinh có cái dục trái lìa. Không khổ không lạc là không có 2 dục. Sao gọi là tưởng uẩn? Là trong cảnh giới thụ nhiều thứ tướng. Sao gọi là hành uẩn? Là trừ thụ và tưởng, các tâm pháp và tâm bất tương ưng hành. Đó là thế nào? Là xúc, tác ý, thụ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, tuệ, tín, tầm, quý, thiện căn không tham, thiện căn không sân, thiện căn không si, tinh tiến, nhẹ nhàng, không phóng túng, xả, không hại, tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi, phần, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, kiêu, hại, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, không tin, lười nhác, phóng túng, mất niệm, tán loạn, biết không đúng, ác tác, thù miên, tầm, tứ. Đó là các tâm pháp gồm 5 biến hành, 5 biệt cảnh, 11 thiện, 6 phiền não. Ngoài ra là các tùy phiền não, và 4 bất định.

Sao gọi là xúc? Là 3 hòa hợp phân biệt làm tính. Sao gọi là tác ý? Là có thể khiến tâm phát ngộ làm tính. Sao gọi là tư? Là đối với công đức cũng như lỗi lầm, và trái với cả 2, khiến tâm tạo tác ý nghiệp làm tính. Sao gọi là dục? Là đối với việc thích muốn thì mong mỏi làm tính. Sao gọi là thắng giải? Là đối với việc quyết định, chấp nhận như đã hiểu rõ làm tính. Sao gọi là niệm? Là đối với việc thường quen tập khiến tâm không quên, ghi nhớ rõ ràng làm tính. Sao gọi là Tam-ma-địa? Là đối với việc sở quán, khiến tâm trụ vào một cảnh, không tán loạn làm tính. Sao gọi là tuệ? Là đối với nơi kia trạch pháp làm tính, hoặc đã dẫn như lý, hoặc đã dẫn không như lý, hoặc đã dẫn không phải cả 2.

Sao gọi là tin? Là trong nghiệp, trong quả, trong các đế lý, hết sức phù hợp, tâm tịnh làm tính. Sao gọi là tâm? Là tự tăng thượng và pháp tăng thượng, đối với chỗ tạo tội, hổ thẹn làm tính. Sao gọi là quý? Là tha tăng thượng, đối với chỗ tạo tội hổ thẹn làm tính. Sao gọi là không tham? Là đối trị lại tham, khiến rất chán không đắm trước làm tính. Sao gọi là không sân? Là đối trị lại sân, lấy tâm từ làm tính. Sao gọi là không si? Là đối trị lại si, lấy chính hạnh như thật làm tính. Sao gọi là tinh tiến? Là đối trị giải đãi, tâm dũng cảm đối với thiện phẩm làm tính. Sao gọi là nhẹ nhàng? Là đối trị thô nặng, thân tâm điều hòa thoải mái làm tính. Sao gọi là không phóng túng? Là đối trị phóng túng, tức không tham cho đến tinh tiến y chỉ đây nên không bỏ thiện pháp, và tu các thiện pháp đối trị đó. Sao gọi là xả? Là không tham cho đến tinh tiến y chỉ đây nên được các tâm bình đẳng tính, tâm chính trực tính, tâm không phát ngộ tính. Lại nữa do đây nên các pháp nhiễm ô đã khiến trừ, an trụ trong không ô nhiễm. Sao gọi là không hại? Là đối trị hại, lấy tâm bi làm tính. Sao gọi là tham? Là trong 5 thủ uẩn, nhiễm ái đắm trước làm tính. Sao gọi là sân? Là đối với sự an lạc của hữu tình gây tổn hại làm tính. Sao gọi là mạn? Là có 7 thứ mạn: 1. Mạn. 2. Quá mạn. 3. Mạn quá mạn. 4. Ngã mạn. 5. Tăng thượng mạn. 6. Tì mạn. 7. Tà mạn. Sao gọi là mạn? Là đối với kẻ kém cho mình là hơn, hoặc đối với người bằng thì chấp mình là bằng, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là quá mạn? Là đối với người bằng mình thì cho mình hơn, hoặc đối với người hơn thì cho mình bằng, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là mạn quá mạn? Là đối với người hơn mình thì cho mình hơn, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là ngã mạn? Là trong 5 thủ uẩn tùy quán là ngã hoặc là ngã sở, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là tăng thượng mạn? Là đối pháp sở chứng, chưa được tăng thượng thù thắng, cho là ta đã được, tâm cao cử làm tính.

Sao gọi là vô minh? Là đối với nghiệp quả và đế lý, vô trí làm tính. Đây có 2 thứ câu sinh khởi và phân biệt khởi. Lại nữa, dục triền

tham, dục triền sân, và dục triền vô minh, gọi là 3 bất thiện căn, tức tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn.

Sao gọi là kiến? Là 5 kiến: 1. Tát-ca-da kiến. 2. Biên chấp kiến. 3. Tà kiến. 4. Kiến thủ. 5. Giới cấm thủ. Sao gọi là Tát-ca-da kiến? Là trong 5 thủ uẩn tùy quán là ngã hoặc là ngã sở, nhiệm ô tuệ làm tính. Sao gọi là biên kiến? Là do sức tăng thượng kia, nên tùy quán là thường hoặc là đoạn, nhiệm ô tuệ làm tính. Sao gọi là tà kiến? Là hoặc hủy báng nhân, hoặc hủy báng quả, hoặc chê bai tác dụng, hoặc phá hoại thiện sự, nhiệm ô tuệ làm tính. Sao gọi là kiến thủ? Là trong 3 kiến và các uẩn kia làm sở y, tùy quán cho là tối, là thượng, là thắng, là cực, nhiệm ô tuệ làm tính. Sao gọi là giới cấm thủ? Là trong các giới cấm và các uẩn nó làm y chỉ, tùy quán cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly, nhiệm ô tuệ làm tính. Sao gọi là nghi? Là đối với các đế lý, do dự làm tính. Trong các phiền não, 3 kiến sau và nghi, chỉ là phân biệt khởi. Ngoài ra thì chung cả câu sinh khởi và phân biệt khởi.

Sao gọi là phẫn? Là trước mắt gặp việc không lợi ích thì tâm tổn não làm tính. Sao gọi là hận? Là oán kết không xả làm tính. Sao gọi là phú? Là tự mình có tội, che giấu làm tính. Sao gọi là nã? Là phát lời thô bạo ác liệt làm tính. Sao gọi là tật? Là thấy người khác thì tâm tật đố làm tính. Sao gọi là xan? Là trái ngược với thí, tâm lẫn tiếc làm tính. Sao gọi là cuồng? Là lừa dối người, trá hiện điều không thật làm tính. Sao gọi là siểm? Là dùng phương tiện che giấu lỗi mình, tâm tà vạy làm tính. Sao gọi là kiêu? Là đối với chỗ tốt của mình thì đố kỵ kiêu ngạo, tâm ý thị làm tính. Sao gọi là hại? Là đối với các hữu tình, tổn não làm tính.

Sao gọi là vô tâm? Là đối với tội đã làm không tự hổ thẹn làm tính. Sao gọi là vô quý? Là đối với tội đã làm không hổ thẹn với người khác làm tính. Sao gọi là hôn trầm? Là tâm không điều hòa sáng khoái, không làm được việc gì, hôn muội làm tính. Sao gọi là

trạo cử? Là tâm không yên tĩnh làm tính. Sao gọi là không tin? Là đối trị của tin, đối với nghiệp quả v.v...không tin thuận đúng, tâm không thanh tịnh làm tính. Sao gọi là biếng nhác? Là đối trị của tinh tiến, đối với các thiện phẩm tâm không dũng mãnh làm tính. Sao gọi là phóng túng? Là do tham sân si biếng nhác nên đối với các phiền não tâm không phòng hộ, đối với các thiện phẩm không thể tu tập làm tính. Sao gọi là mất niệm? Là ý niệm nhiễm ô, đối với các thiện pháp không thể ghi nhớ rõ ràng làm tính. Sao gọi là tán loạn? Là trong phần tham sân si, tâm lưu đãng làm tính. Sao gọi là biết không đúng? Là trong các việc làm hiện tiền của thân ngữ ý, y trụ bất chính làm tính.

Sao gọi là ác tác? Là tâm biến hối làm tính. Sao gọi là thù miên? Là chuyển tâm không tự tại, mơ hồ không rõ ràng làm tính. Sao gọi là tầm? Là tìm cầu ý ngôn phân biệt, tư tuệ sai biệt, khiến tâm thô làm tính. Sao gọi là tứ? Là hay quan sát dò xét ý ngôn phân biệt, tư tuệ sai biệt, khiến tâm tế làm tính. Sao gọi là tâm bất tương ưng hành? Là y sắc tâm tâm pháp phần vị, chỉ giả lập những gì không thi thiết được, quyết định tính khác và tính không khác. Đó là thế nào? Nghĩa là đắc, vô tướng đẳng chí, diệt tận đẳng chí, vô tướng sở hữu, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính các loại v.v...

Sao gọi là đắc? Là hoặc được hoặc thành tựu. Đây lại có 3 là hoặc chủng tử, hoặc tự tại, hoặc hiện tiền tùy thích ứng.

Sao gọi là vô tướng đẳng chí? Là đã lìa biến tịnh tham, chưa lìa thượng tham, do xuất ly tướng tác ý làm trước, không hằng hiện hành tâm tâm pháp diệt làm tính.

Sao gọi là diệt tận đẳng chí? Là đã lìa vô sở hữu xứ tham, từ đệ nhất hữu lại cầu thắng tiến, do ngưng dứt tướng tác ý làm trước, không hằng hiện hành, và hằng hành một phần tâm tâm pháp diệt làm tính.

Sao gọi là vô tướng sở hữu? Là quả vô tướng đẳng chí, sinh trong cõi trời vô tướng hữu tình rồi, không hằng hiện hành tâm tâm pháp diệt làm tính. Sao gọi là mạng căn? Là trong chúng đồng phần, nghiệp trước dẫn khi trụ quyết định làm tính. Sao gọi là chúng đồng phần? Là các hữu tình, tự loại tương tự làm tính. Sao gọi là sinh? Là trong chúng đồng phần, các hành vốn không nay có làm tính. Sao gọi là lão? Là như các hành liên tục biến đổi khác làm tính. Sao gọi là trụ? Là như các hành liên tục tùy chuyển làm tính. Sao gọi là vô thường? Là như các hành liên tục tàn tạ diệt mất làm tính. Sao gọi là danh thân? Là các pháp tự tính tăng ngữ làm tính. Sao gọi là cú thân? Là các pháp sai biệt tăng ngữ làm tính. Sao gọi là văn thân? Là các chữ làm tính, dùng để biểu thị rõ 2 thứ trước, nên cũng gọi là hiển. Do cùng danh cú làm chỗ y chỉ mà làm rõ nghĩa, nên cũng gọi là chữ, chứ không phải sai biệt môn làm biến đổi. Sao gọi là dị sinh tính? Là các thánh pháp, bất đắc là tính. Các loại như vậy đã nói, đó là hành uẩn.

Sao gọi là thức uẩn? Là đối với cảnh sở duyên, liễu biệt làm tính. Cũng gọi là tâm ý, vì do thân thập tích tụ, vì gồm trong ý. Tâm tối thắng là thức A-lại-da. Bởi vì sao? Do chúng tử các hành đều thân thập tích tụ trong thức này. Lại nữa hành duyên này không thể phân biệt, trước sau một loại liên tục tùy chuyển. Lại nữa do đây nên từ diệt tận đẳng chí, vô tướng đẳng chí, vô tướng sở hữu khởi thì liễu biệt cảnh chuyển thức hoàn sinh, đọi sở duyên duyên sai biệt chuyển, nên thường gián đoạn rồi chuyển trở lại, lại khiến sinh tử lưu chuyển xoay vần. Thức A-lại-da có khả năng thân chứa tất cả chúng tử, lại có khả năng thân chứa tướng ngã mạn, lại duyên thân làm cảnh giới, cho nên đó cũng gọi là thức A-đa-na vì có khả năng gìn giữ thân mạng. Ý tối thắng, là cái thức duyên thức A-lại-da làm cảnh, hằng tương ưng cùng ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái, trước sau một loại liên tục tùy chuyển, trừ quả A-la-hán và địa vị thánh đạo diệt tận đẳng chí hiện tiền.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là uẩn?

Đáp: Vì nghĩa tích tụ gọi là uẩn. Nghĩa là các phẩm loại thể gian liên tục, nơi đến khác nhau, sắc v.v... tổng quát đại lược đều gồm hết.

Lại có các nơi đến là 12 xứ. Tức nhãn xứ sắc xứ, nhĩ xứ thanh xứ, tỷ xứ hương xứ, thiệt xứ vị xứ, thân xứ xúc xứ, ý xứ pháp xứ. Nhãn v.v... 5 xứ và sắc thanh hương vị xứ, như trước đã giải thích. Nói xúc xứ, là 4 đại chủng, và trước có nói xúc một phần. Nói ý xứ, tức là thức uẩn. Nói pháp xứ, là thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, vô biểu sắc v.v... và vô vi. Sao gọi là vô vi? Là hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi, trạch diệt vô vi, và chân như v.v... Sao gọi là hư không? Là nếu dung nhận các sắc. Sao gọi là phi trạch diệt? Là nếu diệt thì chẳng phải ly hệ. Đây là thế nào? Là lia sự đối trị phiền não mà các uẩn hoàn toàn không sinh. Sao gọi là trạch diệt? Là nếu diệt tức là ly hệ. Đây là thế nào? Nghĩa là do đối trị phiền não nên các uẩn rốt ráo không sinh. Sao gọi là chân như? Là pháp tính, pháp vô ngã tính của các pháp.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là xứ?

Đáp: Nghĩa sinh trưởng môn của các thức là nghĩa của xứ.

Lại có 18 giới, là nhãn giới sắc giới nhãn thức giới, nhĩ giới thanh giới nhĩ thức giới, tỷ giới hương giới tỷ thức giới, thiệt giới vị giới thiệt thức giới, thân giới xúc giới thân thức giới, ý giới pháp giới ý thức giới.

Nhãn v.v... các giới và sắc v.v... các giới như đã nói trong xứ. Sáu thức giới, là y nhãn v.v... các căn duyên sắc v.v... các cảnh, liễu biệt làm tính. Nói ý giới, là thức kia vô gián diệt v.v... đó là muốn hiển thị ý thức thứ 6 và để kiến lập rộng rãi 18 giới. Như vậy sắc uẩn tức 10 xứ 10 giới và pháp xứ một phần pháp giới. Thức uẩn tức ý xứ và 17 giới. Ngoài ra 3 uẩn và một phần sắc uẩn, cùng các vô vi tức pháp xứ pháp giới.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là giới?

Đáp: Vì có khả năng nhiệm trì tính vô tác dụng. Tự tướng là nghĩa của giới.

Hỏi: Vì nghĩa gì giảng nói về uẩn?

Đáp: Vì muốn đối trị 3 thứ ngã chấp. Theo thứ tự 3 thứ ngã chấp là nhất tính ngã chấp, thụ giả ngã chấp và tác giả ngã chấp.

Lại nữa 18 giới này có bao nhiêu hữu sắc? Là một phần ít của 10 giới, tức tự tính của sắc uẩn.

Bao nhiêu vô sắc? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu kiến? Là một sắc giới.

Bao nhiêu vô kiến? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu đối? Là 10 hữu sắc giới. Như ở nơi có chương ngại là nghĩa của hữu đối.

Bao nhiêu vô đối? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu lậu? Là 15 giới và một phần ít của 3 giới sau, do ở nơi đó phiền não khởi nên là nơi có hiện hành.

Bao nhiêu vô lậu? Là một phần ít của 3 giới sau.

Bao nhiêu Dục giới hệ? Là tất cả.

Bao nhiêu Sắc giới hệ? Là 14, trừ hương, vị, tỷ, thiệt thức.

Bao nhiêu Vô sắc giới hệ? Là 3 giới sau.

Bao nhiêu bất hệ? Là vô lậu giới.

Bao nhiêu uẩn gồm thân? Trừ vô vi.

Bao nhiêu thủ uẩn gồm thân? Là hữu lậu

Bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký? Là 10 thông, 3 thứ, 7 tâm giới, và sắc, thanh, pháp giới, 8 vô ký.

Bao nhiêu là nội? Là 12, trừ sắc thanh hương vị xúc và pháp giới.

Bao nhiêu là ngoại? Là 6, tức đã trừ.

Bao nhiêu là hữu duyên? Là 7 tâm giới và một phần ít của pháp giới, tâm sở hữu pháp.

Bao nhiêu là vô duyên? Là còn lại 10 và một phần ít của pháp giới.

Bao nhiêu là có phân biệt? Là ý giới, ý thức giới và một phần ít của pháp giới.

Bao nhiêu chấp thụ? Là 5 nội giới và một phần ít của 4 giới là sắc hương vị xúc.

Bao nhiêu phi chấp thụ? Là còn lại một phần ít của 94.

Bao nhiêu đồng phần? Là 5 nội hữu sắc giới, do cùng với cảnh giới của tự thức v.v...

Bao nhiêu đồng phần kia? Là khi tự thức kia không và tự loại v.v.../.

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1613

LUẬN ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN

*Bồ-tát An Huệ tạo luận
Trung Thiên Trúc Tam tạng Địa-bà-ha-la dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phật nói 5 uẩn là sắc uẩn, thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Sao gọi là sắc uẩn? Là 4 đại chủng và các sắc do 4 đại chủng tạo nên. Sao gọi là 4 đại chủng? Là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Đó là thế nào? Là địa tính cứng, thủy tính ướt, hỏa tính ấm, phong tính nhẹ. Giới, nghĩa là khả năng duy trì tính của sắc được tạo ra.

Sao gọi là các sắc do 4 đại chủng tạo ra? Là nhãn căn, nhĩ căn, tỹ căn, thiệt căn, thân căn, sắc, thanh, hương, vị, và một phần của xúc, vô biểu sắc. Tạo, là nghĩa của nhân. Căn, là nghĩa của tối thắng tự tại, nghĩa chủ, nghĩa tăng thượng. Đó là nghĩa của căn. Nói nghĩa chủ, là với ai là chủ? Nghĩa là nhãn căn thì với nhãn thức là chủ vì sinh ra nhãn thức. Như vậy cho đến thân căn, với thân thức là chủ vì sinh ra thân thức.

Sao gọi là nhãn căn? Là vì lấy sắc làm cảnh, tịnh sắc làm tính. Nghĩa là trong nhãn có một phần tịnh sắc như tịnh đề hồ. Vì có tính này nên nhãn thức được sinh, không thì không sinh.

Sao gọi là nhĩ căn? Là vì lấy thanh làm cảnh, tịnh sắc làm tính. Nghĩa là trong nhĩ có một phần tịnh sắc. Vì có tính này nên nhĩ thức được sinh, không thì không sinh.

Sao gọi là tỹ căn? Là vì lấy hương làm cảnh, tịnh sắc làm tính. Nghĩa là trong tỹ có một phần tịnh sắc. Vì có tính này nên tỹ thức được sinh, không thì không sinh.

Sao gọi là thiết căn? Là vì lấy vị làm cảnh, tịnh sắc làm tính. Nghĩa là trên thiết châu biến tịnh sắc. Có thuyết nói có một ít không châu biến, như đầu một sợi lông. Vì có tính này nên thiết thức được sinh, không thì không sinh.

Sao gọi là thân căn? Là vì lấy xúc làm cảnh, tịnh sắc làm tính. Nghĩa là trong thân châu biến tịnh sắc. Vì có tính này nên thân thức được sinh, không thì không sinh.

Sao gọi là sắc? Nghĩa là cảnh của nhãn như hiển sắc, hình sắc và biểu sắc v.v... Hiển sắc có 4 thứ, là xanh vàng đỏ trắng. Hình sắc là dài ngắn v.v...

Sao gọi là thanh? Nghĩa là cảnh của nhĩ như chấp thụ đại chủng nhân thanh, phi chấp thụ đại chủng nhân thanh, và cả hai đại chủng nhân thanh.

Nghĩa là tâm tâm pháp là năng chấp thụ. Các loài xuẩn động là sở chấp thụ. Chấp thụ đại chủng nhân thanh, là như tiếng do tay đánh vào nhau, tiếng do nói. Phi chấp thụ đại chủng nhân thanh, là các thứ tiếng như tiếng gió rừng, nước chảy. Tiếng do đều cả 2 đại chủng như tiếng trống do tay đánh.

Sao gọi là hương? Nghĩa là cảnh của tỹ như mùi thơm, mùi hôi, mùi bình thường. Mùi thơm, là khi hợp với mũi liên tục trong uẩn có thuận ích. Mùi hôi, là khi hợp với mũi liên tục trong uẩn có nghịch tổn. Mùi bình thường, là khi hợp với mũi chẳng tổn cũng chẳng ích.

Sao gọi là vị? Nghĩa là cảnh của thiết như vị ngọt, vị chua, vị mặn, vị cay, vị đắng, vị nhạt v.v...

Sao gọi là một phần của xúc? Nghĩa là cảnh của thân trừ đại chủng. Nghĩa là tính trơn láng, tính thô ráp, tính nặng, tính nhẹ, lạnh, đói, khát v.v...

Trơn láng là mịn nhuyễn, ráp là thô cứng, nặng là có thể cân, nhẹ là ngược lại, muốn ấm là lạnh, xúc thì lạnh là nhân. Đây tức là nơi nhân mà lập quả mà nói. Như cách nói chư Phật xuất thế vui, diễn nói chính pháp vui, chúng tăng hòa hợp vui, đồng tu tinh tiến vui. Tinh tiến cần khổ, tuy nhiên đó là nhân của vui, nên nói là vui. Đây cũng vậy. Muốn ăn là vì đói, muốn uống là vì khát. Cách nói ở đây cũng vậy. Đã nói 7 thứ tạo xúc, và 11 thứ của 4 đại trước.

Sao gọi là vô biểu sắc v.v...? Nghĩa là có biểu nghiệp và Tam-ma-địa sinh các sắc vô kiến vô đối v.v... Hữu biểu nghiệp, nghĩa là thân ngữ biểu. Đây thông cả tính thiện bất thiện vô ký. Sắc được sinh ra, là các sắc được sinh từ thiện biểu, bất thiện biểu kia. Đây không thể hiển thị, gọi là vô biểu. Sắc sinh từ Tam-ma-địa, là các sắc do 4 tĩnh lực sinh. Vô biểu sắc này là tính được tạo ra, gọi là thiện luật nghi, bất thiện luật nghi v.v... cũng gọi là nghiệp, cũng gọi chủng tử. Như vậy các sắc sơ lược là 3 thứ: 1. Có thể thấy, có đối. 2. Không thể thấy, có đối. 3. Không thể thấy, không đối. Trong đây có thể thấy, có đối, là hiển sắc v.v... Không thể thấy, có đối, là nhãn căn v.v... Không thể thấy, không đối, là vô biểu sắc v.v...

Sao gọi là thụ uẩn? Thụ có 3 thứ là lạc thụ, khổ thụ, bất khổ bất lạc thụ. Lạc thụ là khi cái này diệt có cái dục hòa hợp. Khổ thụ là khi cái này sinh có cái dục trái lia. Bất khổ bất lạc thụ là không có 2 dục. Không có 2 dục, là không có hòa hợp và nghịch trái. Thụ là sự lãnh nạp của thức.

Sao gọi là tướng uẩn? Là có khả năng tăng thắng thủ các cảnh tướng. Tăng thắng thủ, là sức mạnh có khả năng thủ, như đại lực nên gọi thắng lực.,

Sao gọi là hành uẩn? Là trừ thụ và tướng, các tâm pháp và tâm bất tương ưng hành. Thế nào là các tâm pháp khác? Là các hành tương ưng với tâm: xúc, tác ý, tư, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa, tuệ, tín, tầm, quý, không tham, không sân, không si, tinh tiến, nhẹ nhàng, không phóng túng, xả, không hại, tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, không tin, lười nhác, mất niệm, tán loạn, không hiểu đúng, ác tác, thù miên, tầm, tứ. Đó là các tâm pháp gồm 5 biến hành. Đây biến khắp tất cả tâm thiện, bất thiện, vô ký, nên gọi là biến hành. Năm là biệt cảnh, 5 cái này đều mỗi mỗi là cảnh sai biệt lần lượt quyết định, tính không lia nhau, trong đây có một là có tất cả. Mười một là thiện, 6 là phiền não, ngoài ra là tùy phiền não, 4 là bất định vì chẳng phải chính tùy phiền não bởi tính nó thông cả thiện và vô ký. Xúc v.v... thể tính và nghiệp cần phải giải thích.

Sao gọi là xúc? Là 3 hòa hợp phân biệt làm tính. Ba hòa, là nhãn, sắc, thức. Như vậy các hòa hợp này tâm tâm pháp sinh, nên gọi là xúc, cùng với thụ sở y làm nghiệp.

Sao gọi là tác ý? Là có thể khiến tâm phát ngộ làm tính, khiến tâm tâm pháp hiện tiền cảnh cáo báo động. Đó là nghĩa của ức niệm, tâm gìn giữ phân duyên làm nghiệp.

Sao gọi là tư? Là đối với công đức cũng như lỗi lầm, và trái với cả 2, khiến tâm tạo tác ý nghiệp làm tính. Tính này nếu có thức phan duyên thì dụng liền hiện tiền. Giống như đá nam châm dẫn sắt khiến động. Có khả năng suy thiện bất thiện vô ký tâm làm nghiệp.

Sao gọi là dục? Là đối với việc thích muốn thì mong mỏi làm tính. Việc thích muốn, nghĩa là những việc thấy nghe thì thích. Đó là nghĩa của mong cầu, có thể cùng với tinh tiến sở y làm nghiệp.

Sao gọi là thắng giải? Là đối với việc quyết định, chấp nhận như đã hiểu rõ làm tính. Cảnh quyết định, là 5 uẩn v.v... Như Thế

Thân nói: Sắc như bọt nước tụ, thụ như bong bóng nước, tướng như sóng nắng, hành như cây chuối, thức như cánh ảo. Như vậy quyết định hoặc như các pháp sở trụ tự tướng, nghĩa là tức như vậy mà sinh quyết định. Nói quyết định tức là nghĩa ẩn trì, ngoài ra không dẫn chuyển là nghiệp, vì đây tăng thắng, những gì khác không thể dẫn.

Sao gọi là niệm? Là trong việc thường quen tập tâm không quên mất, ghi nhớ rõ ràng làm tính. Việc quen tập, là việc đã từng tập làm, với không tán loạn sở y làm nghiệp.

Sao gọi là Tam-ma-địa? Là đối với việc sở quán, tâm trụ vào một cảnh tính. Việc sở quán, là 5 uẩn v.v... và vô thường, khổ, không, vô ngã v.v... Tâm một cảnh, là nghĩa chuyên chú, với trí sở y làm nghiệp. Do tâm định nên hiểu biết như thật.

Sao gọi là tuệ? Là đối với nơi kia trạch pháp làm tính, hoặc dẫn như lý, hoặc dẫn không như lý, hoặc dẫn không phải cả 2. Đối với nơi kia, là việc sở quán. Trạch pháp, là đối các pháp tự tướng cộng tướng do tuệ lựa chọn nên được quyết định. Dẫn như lý, là các đệ tử Phật. Dẫn không như lý, là các ngoại đạo. Dẫn không phải cả 2, là các chúng sinh khác. Đoạn nghi là nghiệp, tuệ có khả năng lựa chọn, trong các pháp được quyết định.

Sao gọi là tin? Là trong nghiệp, trong quả, trong các đế lý, hết sức phù hợp, tâm tịnh làm tính. Đối với nghiệp, là phúc nghiệp, phi phúc nghiệp, bất động nghiệp. Đối với quả, là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Đối với đế, là khổ, tập, diệt, đạo. Đối với bảo, là Phật pháp tăng bảo. Như vậy trong nghiệp, quả v.v... hết sức thuận hợp, cũng gọi là thanh tịnh và nghĩa mong cầu, với dục sở y làm nghiệp.

Sao gọi là tà? Là tự tăng thượng và pháp tăng thượng, đối với chỗ tạo tội, hổ thẹn làm tính. Tội, là tội lỗi. Người trí chán ghét quá hoạn. Hổ thẹn, là không làm các tội, phòng dứt ác hành sở y làm nghiệp.

Sao gọi là quý? Là tha tặng thượng, đối với chỗ tạo tội hồ thẹn làm tính. Tha tặng thượng là sợ trách phạt và chê bai v.v... Có tội lỗi xấu hổ với người khác, nghiệp giống như nói ở tà.

Sao gọi là không tham? Là đối trị lại tham, khiến rất chán không đắm trước làm tính. Nghĩa là đối với các hữu, và hữu tư cụ đắm trước là tham, đối trị lại đó là không tham. Đây tức là nói không nhiễm trước đối với các hữu và hữu tư cụ. Biết tất cả các tội lỗi sinh tử nên nói là chán sợ, sở y không khởi các ác hành làm nghiệp.

Sao gọi là không sân? Là đối trị lại sân, lấy tâm từ làm tính. Nghĩa là đối với chúng sinh không làm tổn hại, nghiệp như nói ở không tham.

Sao gọi là không si? Là đối trị lại si, lấy chính hạnh như thật làm tính. Như thật, nghĩa là nói lược là 4 thánh đế, rộng là 12 duyên khởi. Gia hành chúng là nghĩa của chính tri, nghiệp như nói ở không tham.

Sao gọi là tinh tiến? Là đối trị giải đãi. Thiện phẩm hiện tiền, siêng năng dũng cảm làm tính. Nghĩa là như mặc áo giáp, như gia hành, như không khiếp nhược, như không thoái chuyển, như không mừng đủ, viên mãn thành tựu các nghĩa như vậy. Thiện tính làm nghiệp.

Sao gọi là nhẹ nhàng? Là đối trị thô nặng, thân tâm điều hòa thoải mái làm tính. Nghĩa là có thể xả bỏ 10 hạnh bất thiện. Trừ chướng làm nghiệp. Do sức đây nên trừ tất cả chướng, chuyển bỏ thô nặng.

Sao gọi là không phóng túng? Là đối trị phóng túng, y chỉ không tham cho đến tinh tiến, bỏ các bất thiện, tu các thiện pháp đối trị đó. Nghĩa là tham, sân, si với biếng nhác là phóng túng, đối trị đó là không phóng túng. Nghĩa là y vào không tham, không sân, không si, tinh tiến 4 pháp, đối trị bất thiện, tu tập thiện pháp. Thế xuất thế gian chính hành sở y làm nghiệp.

Sao gọi là xả? Là y như vậy không tham không sân cho đến tinh tiến, được các tâm bình đẳng tính, tâm không công dụng tính. Lại nữa do đây lìa các pháp tạp nhiễm, an trụ pháp thanh tịnh. Nghĩa là y vào không tham, không sân, không si tinh tiến tính, nên hoặc khi xa lìa các tội lỗi hôn trầm trạo cử mới được tâm bình đẳng, hoặc khi tự nhiên không phải cố gắng mà tiếp được tâm chính đạo, hoặc khi xa lìa các tạp nhiễm nên cuối cùng được tâm không công dụng. Nghiệp như nói nơi không phóng túng.

Sao gọi là không hại? Là đối trị hại, lấy tâm bi làm tính. Nghĩa là do bi nên không hại quần sinh. Đó là phần không sân. Không tổn não làm nghiệp.

Sao gọi là tham? Là trong 5 thủ uẩn, nhiễm ái đắm trước làm tính. Nghĩa là cái này trói buộc luân hồi 3 cõi. Sinh khổ làm nghiệp. Do ái lực nên sinh 5 uẩn.

Sao gọi là sân? Là đối với quần sinh gây tổn hại làm tính, trụ không an ổn và ác hành sở y làm nghiệp. Không an ổn, là tổn hại người khác vì tự trụ trong khổ.

Sao gọi là mạn? Là có 7 thứ mạn: Mạn, quá mạn, quá quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ti mạn, tà mạn. Sao gọi là mạn? Là đối với kẻ kém cho mình là hơn, hoặc đối với người bằng thì chấp mình là bằng, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là quá mạn? Là đối với người bằng mình thì cho mình hơn, hoặc đối với người hơn thì cho mình bằng, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là quá quá mạn? Là đối với người hơn mình thì cho mình hơn, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là ngã mạn? Là trong 5 thủ uẩn chấp là ngã hoặc là ngã sở, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là tăng thượng mạn? Là đối pháp sở chứng, chưa được tăng thượng thù thắng, cho là ta đã được, tâm cao cử làm tính. Pháp sở chứng tăng thượng thù thắng, là các thánh quả, Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề v.v... Đối với các pháp kia chưa được, nói là ta đã được mà tự kiêu căng. Sao gọi là ti mạn? Là phần nhiều được thù thắng mà

chấp cho mình chỉ được một phần ít thấp kém, tâm cao cử làm tính. Sao gọi là tà mạn? Là thật không có đức mà chấp cho mình có đức, tâm cao cử làm tính. Không sinh kính trọng sở y làm nghiệp. Nghĩa là đối với bậc tôn trọng và người có đức mà khởi kiêu ngạo không sinh tôn trọng.

Sao gọi là vô minh? Là đối với nghiệp quả và đế lý, vô trí làm tính. Đây có 2 thứ: 1. Câu sinh. 2. Phân biệt. Lại nữa, Dục giới tham, sân, và vô minh là 3 bất thiện căn, tức tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn. Đây lại có câu sinh, không câu sinh và phân biệt khởi. Câu sinh, là cảm thú v.v... Không câu sinh, là tham tương ưng v.v... Phân biệt, là các kiến tương ưng với hư vọng quyết định. Nghi phiền não sở y làm nghiệp.

Sao gọi là kiến? Kiến có 5 thứ là: Tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Sao gọi là Tát-ca-da kiến? Là trong 5 thủ uẩn tùy chấp là ngã hoặc là ngã sở, nhiệm tuệ làm tính. Tát, nghĩa là bại hoại. Ca-da, nghĩa là hòa hợp tích tụ. Tức ở trong đây kiến nhất, kiến thường, dị uẩn, hữu ngã uẩn là ngã sở v.v... Vì sao lại nói như vậy? Nghĩa là, Tát là phá thường tướng, Ca-da là phá nhất tướng. Vô thường tích tụ nên trong đó không ngã và ngã sở. Nhiệm tuệ, nghĩa là cùng với phiền não. Tất cả kiến phẩm sở y làm nghiệp.

Sao gọi là biên chấp kiến? Là sức tăng thượng của Tá-ca-da kiến kia, tức nơi sở thủ hoặc chấp là thường hoặc chấp là đoạn, nhiệm tuệ làm tính. Bên thường, là chấp ngã tự tại, là thường khắp cả. Bên đoạn, là chấp có tác giả, trọng phụ v.v..., kia chết rồi không sinh lại, như cái bình vỡ không còn dùng để đựng nữa. Chương trung đạo xuất ly làm nghiệp.

Sao gọi là tà kiến? Là hủy báng nhân, quả, hoặc chê bai tác dụng, hoặc phá hoại thiện sự. Nhiệm tuệ làm tính. Hủy báng nhân, là nhân là tính của nghiệp phiền não. Hợp có 5 chi. Phiền não có 3

thứ là vô minh, ái, thủ. Nghiệp có 2 thứ là hành và hữu. Hữu, nghĩa là y vào chủng tử các nghiệp của thức A-lại-da. Đây cũng gọi là nghiệp. Như Thế Tôn nói: “A-nan ! Nếu nghiệp có thể cho quả vị lai thì nghiệp đó cũng gọi là hữu. “ Như vậy v.v... hủy báng đó gọi là báng nhân. Hủy báng quả, là quả có 7 chi, tức là thức, danh sắc, 6 xứ, xúc, thụ, sinh, lão tử. Hủy báng này là hủy báng quả. Hoặc hủy báng không có thiện hành ác hành, là hủy báng nhân, hủy báng không có quả báo của thiện hành ác hành, là hủy báng quả. Hủy báng không có đời này đời khác, không cha không mẹ, không có chủng sinh hóa sinh. Đó là hủy báng tác dụng. Nghĩa là tác dụng từ đời này sang đời khác, chủng tử tác dụng tự nhiên, kết sinh tác dụng liên tục v.v... Hủy báng không có thế gian A-la-hán v.v... là hoại thiện sự. Đoạn thiện căn làm nghiệp. Bất thiện căn kiên cố sở y làm nghiệp. Lại sinh bất thiện, không sinh thiện làm nghiệp.

Sao gọi là kiến thủ? Là trong 3 kiến và các uẩn sở y, tùy chấp cho là tối, là thượng, là thắng, là cực. Nhiệm tuệ làm tính. Ba kiến là Tát-ca-da, biên chấp, tà kiến. Uẩn sở y, là uẩn các kiến kia y chi. Nghiệp giống như nói ở tà kiến.

Sao gọi là giới cấm thủ? Là trong các giới cấm và các uẩn sở y, tùy chấp cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Nhiệm tuệ làm tính. Giới, là do ác kiến làm trước, là 7 thứ ác. Cấm, là cấm bò, chó v.v... và tự nhổ tóc. Chấp 3 chi, Tăng-khư, định tuệ v.v...đây không phải nhân giải thoát. Lại chấp Đại Tự Tại, hoặc chấp Thế chủ, và đi vào trong nước trong lửa v.v... đây không phải nhân sinh cõi trời. Như vậy v.v... kia chấp làm nhân. Uẩn sở y, là uẩn của giới cấm sở y. Thanh tịnh, là nói phương tiện vô gián này cho là thanh tịnh. Giải thoát, là lấy đây làm giải thoát. Phiền não xuất ly, là lấy đây cho là xuất ly sinh tử. Nghĩa như vậy có thể cho vô quả đường lao. Khô nhọc sở y làm nghiệp. Vô quả đường lao, nghĩa là đây cực nhọc vô ích không thể thoát xuất khỏi khổ được.

Sao gọi là nghi? Là đối với các đế lý, là hữu, là vô? Do dự làm tính. Không sinh thiện pháp sở y làm nghiệp. Trong các phiền não, 3 kiến sau và nghi, chỉ là phân biệt khởi. Ngoài ra thì chung cả câu sinh khởi và phân biệt khởi.

Sao gọi là phần? Là trước mắt gặp việc không lợi ích thì tâm công phần làm tính, có thể gây bạo ác bằng roi gây làm nghiệp.

Sao gọi là hận? Là phần làm trước, oán kết không xả làm tính, có thể gây bất nhân sở y làm nghiệp.

Sao gọi là phú? Là đối với tội lỗi, che giấu làm tính. Nghĩa là vì che giấu tội nên có người dùng chính giáo khuyên răn, không thể phát lộ. Đó là một phần của si, có thể gây hối hận, không an ổn trụ sở y làm nghiệp.

Sao gọi là não? Là phát lời bạo ác, lăng nhục xúc phạm làm tính. Phần hận làm trước, tâm khởi tổn hại. Lời bạo ác, nghĩa là khắc nghiệt dữ dằn có thể gây lo âu khổ sở, không an ổn trụ sở y làm nghiệp. Lại có thể phát sinh phi phúc làm nghiệp, khởi ác danh xung làm nghiệp.

Sao gọi là tật? Là thấy người khá thì tâm tật đố làm tính. Vì danh lợi nên thấy người khá thì không chịu được sinh tâm đố kỵ, tự trụ ưu khổ sở y làm nghiệp.

Sao gọi là xan? Là trái ngược với thí, tâm lẫn tiếc làm tính. Nghĩa là đối với của cải v.v...sinh lẫn tiếc không thể huệ thí. Như vậy là xan. Tâm chấp trước khắp các thứ lợi dưỡng là phần của tham gây nên sự không chán đủ sở y làm nghiệp. Không chán đủ là do xan lẫn nên chẳng phải vật cần dùng cũng thường gom góp.

Sao gọi là cuồng? Là lừa dối người, trá hiện điều không thật công đức làm tính. Đó là phần của tham có thể gây tà mạng sở y làm nghiệp.

Sao gọi là siểm? Là dùng phương tiện che giấu lỗi mình, tâm tà vạy làm tính. Nghĩa là đối với danh lợi có chỗ chấp đắm. Đó là phần

của tham si, chương chính giáo hối làm nghiệp. Lại do có tội không tự như thật phát lồ sám hối, không chịu giáo thụ.

Sao gọi là kiêu? Là đối với việc tốt của mình thì đắm nhiễm kiêu ngạo, năng tận làm tính. Việc tốt, là việc tốt hữu lậu. Đắm nhiễm kiêu ngạo, là đối với nhiễm ái thì vui mừng kiêu căng ý thị. Đó là phần của tham. Năng tận, nghĩa là đây có thể làm mất hết các thiện căn.

Sao gọi là hại? Là đối với chúng sinh, tổn não làm tính. Là phần của sân. Tổn não, nghĩa là roi vọt đánh đập v.v... tức đây sở y làm nghiệp.

Sao gọi là vô tâm? Là đối với tội đã làm không tự hổ thẹn làm tính. Tất cả phiền não và tùy phiền não trợ bạn làm nghiệp.

Sao gọi là vô quý? Là đối với tội đã làm không hổ thẹn với người khác làm tính. Nghiệp như đã nói ở vô tâm.

Sao gọi là hôn trầm? Là tâm không điều hòa sáng khoái, không làm được việc gì, hôn muội làm tính, là phần của si, gây ra tất cả phiền não và tùy phiền não sở y làm nghiệp.

Sao gọi là trạo cử? Là tùy các việc hỷ lạc nhớ lại, tâm không yên tĩnh làm tính. Nghĩa là nhớ lại những việc du hý hoan lạc trước đã làm, tâm không yên tĩnh. Đó là phần của tham. Chương Xa-ma-tha làm nghiệp.

Sao gọi là không tin? Là đối trị của tin, đối với nghiệp quả v.v... không tin thuận đúng, tâm không thanh tịnh làm tính. Có thể gây biếng nhác sở y làm nghiệp.

Sao gọi là biếng nhác? Là đối trị của tinh tiến, đối với các thiện phẩm tâm không dũng mãnh làm tính. Có thể chương siêng tu các thiện làm nghiệp.

Sao gọi là phóng túng? Là do tham sân si biếng nhác nên đối với các phiền não tâm không phòng hộ, đối với các thiện phẩm không thể tu tập làm tính. Bất thiện tăng trưởng, thiện pháp thoái mất sở y làm nghiệp.

Sao gọi là mất niệm? Là ý niệm nhiễm ô, đối với các thiện pháp không thể ghi nhớ rõ ràng làm tính. Niệm nhiễm ô, là cùng với phiền não. Đối với thiện pháp không ghi nhớ rõ ràng, nghĩa là đối với chính giáo thụ không thể ghi nhớ nghĩa có thể cho tán loạn sở y làm nghiệp.

Sao gọi là tán loạn? Là trong phần tham sân si, khiến tâm tâm pháp lưu tán làm tính. Có thể chương ly dục làm nghiệp.

Sao gọi là biết không đúng? Là tuệ tương ưng phiền não, có thể khởi hành vi thân ngữ ý bất chính làm tính. Vi phạm luật hành sở y làm nghiệp. Nghĩa là trong việc đi lại, không quán sát đúng đắn mà không thể biết nên làm hay không nên làm, khiến phạm luật nghi.

Sao gọi là ác tác? Là tâm thay đổi hồi hận làm tính. Nghĩa là những điều ác đã làm nên gọi ác tác. Ác tác này thể phi tức thay đổi hồi hận, do trước làm ác sau hồi hận lại. Đây tức lấy quả theo nhân mà gọi, nên gọi ác tác. Ví như 6 xúc xứ nói là nghiệp trước. Đây có 2 vị, là thiện và bất thiện. Trong mỗi vị lại có 2, nếu trong thiện vị trước làm bất thiện sau khởi hồi tâm, nhân đó là thiện, hồi cũng là thiện. Nếu trước làm ác sau khởi hồi tâm, nhân đó là bất thiện, hồi tức là thiện. Nếu trong bất thiện vị trước không làm ác sau khởi hồi tâm, nhân đó bất thiện, hồi cũng bất thiện. Nếu trước làm thiện sau khởi hồi tâm, nhân đó là thiện, hồi là bất thiện.

Sao gọi là thùy miên? Là không tự tại chuyên, mơ hồ không rõ ràng làm tính. Không tự tại, là khiến tâm v.v... không tự tại chuyên. Đó là phần của si. Lại cái tự tính này không tự tại nên khiến tâm tâm pháp thành hết sức mơ hồ. Tính thiện, bất thiện và vô ký này có thể gây lỗi làm sở y làm nghiệp.

Sao gọi là tâm? Là tư tuệ sai biệt tìm cầu ý ngôn, khiến tâm thô tướng phân biệt làm tính. Ý ngôn, nghĩa là ý thức, trong đó hoặc y vào tư, hoặc y vào tuệ mà khởi. Phân biệt thô tướng, là tìm kiếm thô tướng của cái bình, cái áo, cái xe v.v... lạc xúc sở y làm nghiệp.

Sao gọi là tứ? Là tư tuệ sai biệt ý ngôn dò xét, khiến tâm tế làm tính. Tế tướng, nghĩa là đối với cái bình cái áo v.v... phân biệt tế tướng thành không thành v.v...

Sao gọi là tâm bất tương ưng hành? Là y sắc tâm v.v... phần vị giả lập. Nghĩa là đây và kia những gì không thi thiết được, tính khác và tính không khác. Đó là thể nào? Nghĩa là đặc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng thiên, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính v.v...

Sao gọi là đặc? Là hoặc được hoặc thành tựu. Đây lại có 3 thứ là chủng tử thành tựu, tựu tại thành tựu, hiện khởi thành tựu, tùy thích ứng.

Sao gọi là vô tướng định? Là đã lìa biến tịnh nhiễm, chưa lìa thượng nhiễm, do xuất ly tướng tác ý làm trước, không hằng hiện hành tâm tâm pháp diệt làm tính.

Sao gọi là diệt tận định? Là đã lìa vô sở hữu xứ nhiễm, từ đệ nhất hữu lại khởi thắng tiến, do ngưng dứt tướng tác ý làm trước, không hằng hiện hành, và hằng hành một phần tâm tâm pháp diệt làm tính. Không hằng hành, là 6 chuyển thức. Hằng hành, là gồm tạng thức và nhiễm ô ý. Trong đó 6 phẩm chuyển thức và nhiễm ô ý thức đều diệt tận định.

Sao gọi là vô tướng thiên? Là quả đạt được của vô tướng định, sinh lên cõi trời kia rồi, không hằng hiện hành tâm tâm pháp diệt làm tính.

Sao gọi là mạng căn? Là trong chúng đồng phần, khi nghiệp trước dẫn trụ, phần hạn làm tính.

Sao gọi là chúng đồng phần? Là các quần sinh, tự loại tương tự làm tính.

Sao gọi là sinh? Là trong chúng đồng phần, các hành vốn không nay có làm tính.

Sao gọi là lão? Là các hành liên tục biến đổi khác làm tính.

Sao gọi là trụ? Là các hành liên tục tùy chuyển làm tính.

Sao gọi là vô thường? Là các hành liên tục tàn tạ diệt mất làm tính.

Sao gọi là danh thân? Là trong tự tính các pháp, tăng ngữ làm tính. Như nói nhãn v.v...

Sao gọi là cú thân? Là trong sai biệt của các pháp, tăng ngữ làm tính. Như nói các hành vô thường v.v...

Sao gọi là văn thân? Là các chữ. Đây dùng để biểu thị rõ 2 tính trước, nên cũng gọi là hiển. Do cùng danh cú làm chỗ y chỉ mà làm rõ nghĩa, nên cũng gọi là chữ, nghĩa là không đổi khác. Hai tính trước là làm rõ tự tính và sai biệt. Hiển , nghĩa là rõ ràng.

Sao gọi là dị sinh tính? Là các thánh pháp, bất đắc là tính.

Sao gọi là thức uẩn? Là đối với cảnh sở duyên, liễu biệt làm tính. Cũng gọi là tâm, vì có khả năng thâm thập tích tụ nên cũng gọi là ý và gồm trong ý. Nếu tâm tối thắng tức là thức A-lại-da. Do thức này có khả năng thâm thập tích tụ chủng tử các hành. Lại nữa hành tướng này không thể phân biệt, vì trước sau một loại liên tục tùy chuyển. Lại nữa do thức này nên từ diệt tận định, vô tướng định, vô tướng thiên khởi thì cảnh giới liễu biệt của chuyển thức hoàn sinh, đọi sở duyên duyên sai biệt chuyển, nên thường gián đoạn rồi sinh khởi trở lại, lại khiến sinh tử lưu chuyển xoay vần. Thức A-lại-da có khả năng thâm chứa tất cả chủng tử, lại có khả năng thâm chứa tướng ngã mạn, lại duyên thân làm cảnh giới, cho nên đó cũng gọi là thức A-đà-na vì

có khả năng gìn giữ thân mạng. Ý tối thắng, là cái thức duyên tạng thức làm cảnh, hằng tương ưng cùng ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái, trước sau một loại liên tục tùy chuyển, trừ A-la-hán thánh đạo và địa vị diệt định hiện tiền. Như vậy 6 chuyển thức và nhiễm ô ý, thức A-lại-da đây gọi là thức uẩn

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là uẩn?

Đáp: Vì nghĩa tích tụ gọi là uẩn. Nghĩa là các phẩm loại thế gian liên tục, nơi đến khác nhau, sắc v.v...tổng quát đại lược đều gồm hết. Như Thế Tôn nói: “ Tì-khuru ! Có sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc hơn hoặc kém, hoặc gần hoặc xa đều gồm trong một sắc uẩn.

Lại có 12 xứ. Tức nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Nhãn v.v...5 xứ và sắc thanh hương vị xứ, như trước đã giải thích. Nói xúc xứ, là các đại chủng, và trước có nói một phần của xúc. Nói ý xứ, tức là thức uẩn. Nói pháp xứ, là thụ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, vô biểu sắc v.v... và các vô vi.

Sao gọi là vô vi? Là hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi, trạch diệt vô vi, và chân như v.v...Hư không là dung nhận các sắc. Phi trạch diệt là nếu diệt thì chẳng phải ly hệ.

Sao gọi là phi ly hệ? Là lia sự đối trị phiền não mà các uẩn hoàn toàn không sinh.

Sao gọi là trạch diệt? Là nếu diệt tức là ly hệ.

Sao gọi là ly hệ? Nghĩa là do đối trị phiền não nên các uẩn rốt ráo không sinh.

Sao gọi là chân như? Là pháp tính, pháp vô ngã tính của các pháp.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là xứ?

Đáp: Nghĩa sinh trưởng môn của các thức là nghĩa của xứ.

Lại có 18 giới, là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Nhãn v.v... các giới và sắc v.v... các giới như đã nói trong xứ. Sáu thức giới, là y nhãn v.v... các căn duyên sắc v.v... các cảnh, liễu biệt làm tính. Nói ý giới, là thức kia vô gián diệt v.v... để hiển thị y chỉ của ý thức thứ 6 và để kiến lập rộng rãi 18 giới. Như vậy sắc uẩn tức 10 xứ 10 giới và pháp xứ một phần pháp giới. Thức uẩn tức ý xứ và 7 tâm giới. Ngoài ra 3 uẩn và một phần sắc uẩn, cùng các vô vi tức pháp xứ pháp giới.

Hỏi: Vì nghĩa gì gọi là giới?

Đáp: Vì có khả năng nhiệm trì tính vô tác dụng. Tự tướng là nghĩa của giới.

Hỏi: Vì nghĩa gì giảng nói về uẩn giới xứ?

Đáp: Vì muốn đối trị 3 thứ ngã chấp. Theo thứ tự 3 thứ ngã chấp là nhất tính ngã chấp, thụ giả ngã chấp và tác giả ngã chấp.

Lại nữa 18 giới này có bao nhiêu hữu sắc? Là một phần ít của 10 giới, tức tự tính của sắc uẩn.

Bao nhiêu vô sắc? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu kiến? Là một sắc giới.

Bao nhiêu vô kiến? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu đối? Là 10 hữu sắc giới. Như ở nơi có chương ngại là nghĩa của hữu đối.

Bao nhiêu vô đối? Là các giới còn lại.

Bao nhiêu hữu lậu? Là 15 giới và một phần ít của 3 giới sau. Nghĩa là ở nơi đó phiền não khởi nên là nơi có hiện hành.

Bao nhiêu vô lậu? Là một phần ít của 3 giới sau.

Bao nhiêu Dục giới hệ? Là tất cả.

Bao nhiêu Sắc giới hệ? Là 14, trừ hương, vị, tỷ, thiết thức.

Bao nhiêu Vô sắc giới hệ? Là 3 giới sau.

Bao nhiêu bất hệ? Là vô lậu giới.

Bao nhiêu uẩn gồm thân? Trừ vô vi.

Bao nhiêu thủ uẩn gồm thân? Là hữu lậu

Bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký? Là 10 thông 3 tính, 7 tâm giới, và sắc, thanh, và một phần của pháp giới, 8 vô ký tính.

Bao nhiêu là nội? Là 12, trừ sắc thanh hương vị xúc và pháp giới.

Bao nhiêu là ngoại? Là 6, tức đã trừ.

Bao nhiêu là hữu duyên? Là 7 tâm giới và một phần ít của pháp giới, tâm sở hữu pháp.

Bao nhiêu là vô duyên? Là còn lại 10 và một phần ít của pháp giới.

Bao nhiêu là có phân biệt? Là ý giới, ý thức giới và một phần ít của pháp giới.

Bao nhiêu chấp thụ? Là 5 nội giới và một phần ít của 4 giới là sắc hương vị xúc.

Bao nhiêu phi chấp thụ? Là 9 còn lại và một phần ít của 4.

Bao nhiêu đồng phần? Là 5 nội hữu sắc giới, do cùng với cảnh giới của tự thức v.v...

Bao nhiêu đồng phần kia? Là khi tự thức kia không, và tự loại v.v.../.

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1614
LUẬN ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP MINH MÔN
(Lược lục danh số trong Bản sự phần)

*Bồ-tát Thiên Thân tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Như Thế Tôn nói tất cả pháp vô ngã. Những gì là tất cả pháp?
Thế nào là vô ngã?

Tất cả pháp lược có 5 thứ: 1. Tâm pháp. 2. Tâm sở hữu pháp.
3. Sắc pháp. 4. Tâm bất tương ưng hành pháp. 5. Vô vi pháp. Có 5
câu kệ như sau:

*Vì tất cả tối thắng,
Vì cùng đây tương ưng,
Hai, vì ảnh sở hiện,
Ba, vì vị sai biệt,
Bốn, vì sở hiển thị.*

Theo thứ tự như vậy.

Thứ nhất, tâm pháp lược có 8 thứ: 1. Nhân thức. 2. Nhĩ thức. 3. Tỷ thức. 4. Thiệt thức. 5. Thân thức. 6. Ý thức. 7. Mạt-na-thức. 8. A-lại-da thức.

Thứ hai, tâm sở hữu pháp lược có 51 thứ chia làm 6 vị: 1. Biến hành có 5. 2. Biệt cảnh có 5. 3. Thiện có 11. 4. Phiền não có 6. 5. Tùy phiền não có 20. 6. Bất định có 4.

1. Năm biến hành là: 1. Tác ý. 2. Xúc. 3. Thọ. 4. Tưởng. 5. Tư.

2. Năm biệt cảnh là: 1. Dục. 2. Thắng giải. 3. Niệm. 4. Định. 5. Tuệ.

3. Mười một thiện là: 1. Tín. 2. Tinh tiến. 3. Tàm. 4. Quý. 5. Vô tham. 6. Vô sân. 7. Vô si. 8. Khinh an. 9. Bất phóng dật. 10. Hành xả. 11. Bất hại.

4. Sáu phiền não là: 1. Tham. 2. Sân. 3. Mạn. 4. Vô minh. 5. Nghi. 6. Bất chính kiến.

5. Hai mươi tùy phiền não là: 1. Phẫn. 2. Hận. 3. Nỗi. 4. Phú. 5. Cuồng. 6. Siểm. 7. Hại. 8. Kiêu. 9. Tật. 10. Xan. 11. Vô tàm. 12. Vô quý. 13. Bất tín. 14. Giải đãi. 15. Phóng dật. 16. Hôn trầm. 17. Trạo cử. 18. Thất niệm. 19. Bất chính tri. 20. Tán loạn.

6. Bốn bất định là: 1. Thùy miên. 2. Ác tác. 3. Tầm. 4. Tứ.

Thứ ba, sắc pháp lược có 11 thứ: 1. Nhãn. 2. Nhĩ. 3. Tỷ. 4. Thiệt. 5. Thân. 6. Sắc. 7. Thanh. 8. Hương. 9. Vị. 10. Xúc. 11. Pháp xứ sở nhiếp sắc.

Thứ tư, tâm bất tương ưng hành pháp lược có 24 thứ: 1. Đắc. 2. Mạng căn. 3. Chúng đồng phần. 4. Dị sinh tính. 5. Vô tướng định. 6. Diệt tận định. 7. Vô tướng báo. 8. Danh thân. 9. Cú thân. 10. Văn thân. 11. Sinh. 12. Lão. 13. Trụ. 14. Vô thường. 15. Lưu chuyển. 16. Định dị. 17. Tương ưng. 18. Thế tốc. 19. Thứ đệ. 20. Phương. 21. Thời. 22. Số. 23. Hòa hợp tính. 24. Bất hòa hợp tính.

Thứ năm vô vi pháp lược có 6 thứ: 1. hư không vô vi. 2. Trạch diệt vô vi. 3. Phi trạch diệt vô vi. 4. Bất động diệt vô vi. 5. Tưởng thụ diệt vô vi. 6. Chân như vô vi.

Nói vô ngã là lược có 2 thứ: 1. Bồ-đặc-già-la vô ngã. 2. Pháp vô ngã.

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1615
LUẬN VƯƠNG PHÁP CHÍNH LÝ

*Bồ-tát Di-lặc tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Như Phật Thế Tôn vì Xuất Ái vương có nói kinh rằng: Một lúc nọ nhà vua ấy đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật bạch rằng: “ Thế Tôn ! Có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn đến chỗ tôi đem những điều lỗi lầm không đúng sự thật can gián trách móc tôi. Lúc bấy giờ tôi không sinh tâm buồn rầu hối hận. Bởi vì sao? Tôi quán sát những lỗi lầm này trong tự thân đều không thấy. Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đến chỗ tôi đem những điều công đức không chân thật khen ngợi khuyến khích tôi. Lúc bấy giờ tôi không sinh tâm vui mừng hoan hỷ. Bởi vì sao? Tôi quán sát những công đức này trong tự thân đều không thấy. Khi các Sa-môn và Bà-la-môn ấy lui về rồi, tôi một mình trong căn phòng yên vắng đem tâm suy xét kiểm tìm. Tôi phải làm sao biết được đúng lỗi lầm cũng như công đức chân thật của các vua chúa. Nếu biết được, tôi sẽ bỏ lỗi lầm tu các công đức. Sa-môn, Bà-la-môn, ai là người có thể hiểu đúng lỗi lầm cũng như công đức chân thật của các vua chúa, có thể khai thị rộng rãi cho tôi? Suy nghĩ tìm kiếm như vậy rồi, liền nghĩ rằng chỉ Thế Tôn ta biết tất cả, thấy tất cả, nhất định sẽ biết đúng lỗi lầm cũng như công đức chân thật của các vua chúa. Nay tôi phải đi đến chỗ Phật thưa hỏi nghĩa này,

nên tôi đã đến chỗ Phật xin quyết định nghĩa này. Kính xin Như Lai khai thị cho tôi.

Thưa Thế Tôn ! Thế nào là tội lỗi chân thật của các vua chúa? Thế nào là công đức chân thật của các vua chúa? Hỏi như vậy rồi, bấy giờ Thế Tôn bảo Xuất Ái vương rằng: “ Đại vương ! Nay Đại vương nên biết rõ lỗi lầm của một nhà vua, công đức của một nhà vua, những gì thuộc suy tôn, những gì là phương tiện, những gì là pháp khả ái và những gì có thể dẫn phát pháp khả ái của một nhà vua.

Thế nào là lỗi lầm của một nhà vua? Đại vương nên biết, có 9 thứ lỗi lầm của vua. Nếu vua tạo nên lỗi lầm như vậy thì dù có kho phủ lớn, có quan phụ tá lớn, có quân đội lớn, dân chúng cũng không quy phục.

Những gì là 9? 1. Không được tự tại. 2. Lập tính bạo ác. 3. Nổi giận dữ tợn. 4. Ân huệ quá mỏng manh. 5. Nghe lời tà nịnh. 6. Làm việc gì không suy nghĩ, không theo lễ nghi phép tắc. 7. Không kể gì đến thiện pháp. 8. Không biết sai biệt, quên chỗ làm ơn. 9. Mặc tình phóng túng.

Sao gọi là vua không được tự tại? Nghĩa là có quốc vương nhu nhược, ý chí không vững mạnh, bị các đại thần, phụ tướng, quốc sư, các quan cản trở, không cho làm theo ý muốn nên làm, như ban thưởng quần thần, đối với diêu ngữ dục không được như ý vui chơi. Như vậy là vua không được tự tại.

Sao gọi là vua lập tính bạo ác? Nghĩa là có quốc vương, các quần thần hoặc những người khác ở một nơi nào đó làm một việc nhỏ nhặt không như ý, liền đối diện dùng lời thô ác quát tháo giận dữ đuổi đi, nổi giận đứng cau mày nhăn mặt, dẫu không đối diện mà quay lưng hướng về người khác mà mắng nhiếc đuổi đi như việc làm trước, dẫu không đối diện cũng không quay lưng hướng về người khác mà mắng nhiếc đuổi đi như việc làm trước, nhưng chỉ nội trong

ý giận dữ, ôm tâm nào hại ôm tâm oán hận mặc dầu không giữ tâm giận dữ lâu không bỏ, hoặc có trong y giận dữ ôm tâm nào hại tâm oán hận, ôm giữ lâu không bỏ, do đó đối diện bạo ác, hoặc bạo ác sau lưng, giận dữ bạo ác thời gian ngắn hoặc bạo ác lâu dài, như vậy gọi là vua lập tính bạo ác.

Đại vương nên biết, bạo ác lâu dài là lỗi lớn không phải như những lỗi khác.”

Sao gọi là vua nổi giận dữ tợn? Nghĩa là có quốc vương có các quần thần phạm lỗi hoặc sai trái nhỏ thì liền tức bỏ bổng lộc, đoạt lấy thê thiếp, hoặc phạt hình phạt nặng. Như vậy gọi là vua nổi giận dữ tợn.

Sao gọi là vua ân huệ quá mỏng manh? Nghĩa là có nhà vua được các quần thần cung phụng hầu hạ, tuy hết sức trong sạch rất xứng đáng mà chỉ an ủy phủ dụ một cách hời hợt, còn việc ban thưởng tước lộc thì không trọn vẹn không đúng thường thức. Hoặc tổn hao rồi, hoặc chậm trễ rồi, hoặc đùn đẩy rồi, hoặc oán hận rồi nhiên hậu mới cho. Như vậy gọi là nhà vua ân huệ quá mỏng manh.

Sao gọi là vua nghe lời tà nịnh? Là nếu có nhà vua có các quần thần thật không thông minh duệ trí mà trá hiện thông duệ, tham ô thiên lệch bè đảng, không thông pháp chế, ôm lòng mưu phản không giúp việc triều chính, nghe và tin dùng bọn người như vậy nói ra nói vào. Do nhân duyên đó việc vua việc nước, của cải, tiếng khen giỏi việc triều chính đều suy tổn. Như vậy là vua nghe lời tà nịnh.

Sao gọi là việc làm của vua là không suy nghĩ, không theo lễ nghi phép tắc? Nghĩa là có quốc vương không thể cứu xét, không biết rõ cứu xét, không thể tư duy lựa chọn, không biết rõ tư duy lựa chọn, các quần thần không kham nhiệm việc cơ mật thì ủy nhiệm việc cơ mật còn người kham nhiệm thì không ủy nhiệm, người có thể giao việc thì không giao việc, người không thể giao việc thì giao việc,

người đáng thương thì hình phạt, người đáng hình phạt thì thương. Lại trong quần thần không khéo xử yên lễ nghi phép tắc của tiên vương, do đó những quần thần này ở trong đại triều hội phát ngôn dư luận không ngớt, không kính, không sợ mà nói ra nói vào không phụng hành tốt như chỉ giáo, không an trụ đúng đắn giáo mệnh của vua. Như vậy gọi là vua làm việc không suy xét, không thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là vua không kể gì đến thiện pháp? Nghĩa là có nhà vua không tin có đời khác, cũng không hiểu ngộ. Do không tin không hiểu ngộ có đời khác nên đối với nghiệp thiện bất thiện, quả ái phi ái đời sau không thể tin hiểu. Vì không tin hiểu nên không có hổ thẹn, tha hồ tạo 3 thứ ác hành của thân ngữ ý nghiệp, không thể thường thường bố thí, tu phúc, thụ trai, học giới. Như vậy gọi là vua không đoái hoài đến thiện pháp.

Sao gọi là vua không biết sai biệt, quên chỗ làm ơn? Nghĩa là có nhà vua đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần, tâm điên đảo không hiểu rõ không phân biệt ai là người trung tín, ai là người có kỹ năng tài nghệ, ai là người có trí tuệ. Do không biết cho nên chẳng phải trung tín tưởng là trung tín, trung tín thì tưởng là không trung tín, không có kỹ nghệ tưởng có kỹ nghệ, có kỹ nghệ tưởng là không có kỹ nghệ, với ác tuệ tưởng là thiện tuệ, với thiện tuệ tưởng là ác tuệ. Do tâm điên đảo như vậy nên đối với bề tôi không trung tín, không có kỹ nghệ, và ác tuệ thì kính trọng ái dưỡng, còn bề tôi trung tín, có kỹ nghệ, có thiện tuệ thì lại sinh khinh tiện. Lại nữa các bề tôi già nua suy yếu đã từng thời gian dài cung phụng hầu hạ, biết họ không còn thể lực không còn mạnh mẽ nên không kính yêu, không ban thưởng tước lộc đền đáp, dẫu họ bị chê bai khinh miệt cũng bỏ qua không hỏi đến. Như vậy gọi là vua không biết phân biệt và quên ơn.

Sao gọi là vua mặc tình phóng túng? Nghĩa là có quốc vương mặc tình chìm trong ngũ dục, đam mê ái lạc du hý, không thể thường

xuyên khuyên khích tạo phương tiện làm việc nên làm và thưởng công lao cho quần thần. Như vậy gọi là vua mặc tình phóng túng.

Nếu có quốc vương đủ 9 lỗi như vậy thì dù có kho phủ lớn, có phụ tá lớn, có quân đội lớn mà dân chúng cũng không thể quy phục. Đại vương nên biết 9 lỗi lầm này là lỗi lầm tự tính của vua đó.

Thế nào là công đức của một nhà vua? Đại vương nên biết, công đức của một nhà vua lược có 9 thứ. Nếu nhà vua có các công đức như vậy thì dù không có kho phủ lớn, không có phụ tá lớn, không có quân đội lớn mà dân chúng có thể quy phục. Những gì là 9? 1. Được đại tự tại. 2. Tính không bạo ác. 3. Nổi nóng thì nguôi nhẹ. 4. Ân huệ thì mạnh mẽ nhanh chóng. 5. Chấp nhận lời nói ngay nói thẳng. 6. Việc làm có suy nghĩ đúng thuận theo lễ nghi phép tắc. 7. Nghĩ đến thiện pháp. 8. Biết rõ sai biệt, biết chỗ làm ơn. 9. Không buông thả phóng túng.

Sao gọi là một nhà vua được đại tự tại? Nghĩa là có quốc vương tùy theo ý muốn làm điều nên làm, ban thưởng công lao quần thần, đối với diệu ngữ dục như ý vui chơi, đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần v.v... có ban bố giáo mệnh gì đều không trở ngại. Như vậy là nhà vua được đại tự tại.

Sao gọi là vua tính không bạo ác? Nghĩa là có quốc vương, các quần thần v.v... tùy ở nơi nào tùy làm một việc tăng thượng không như ý, tính có thể chịu được, không dùng lời thô ác quát tháo giận dữ đuổi đi, nói rộng cho đến không đối diện cũng không quay lưng mà làm việc như trước, cũng không trong ý ngầm ôm giận dữ, cũng không ôm giữ lâu không bỏ, cũng không hiện bạo ác, hoặc bạo ác sau lưng, không giấu bạo ác cũng không bạo ác lâu dài. Như vậy gọi là vua tính không bạo ác.

Sao gọi là vua giận nhưng nhẹ nhàng? Nghĩa là có quốc vương có các quần thần phạm lỗi nặng, sai trái nặng mà không tức bỏ tất cả bổng lộc, đoạt lấy thê thiếp, không phạt hình phạt nặng, mà tùy

theo lỗi nặng nhẹ xử phạt. Như vậy gọi là vua giận nhưng nhẹ nhàng khoan dung.

Sao gọi là vua ân huệ trọng hậu? Nghĩa là có nhà vua được các quần thần chính trực hiện tiền cung phụng hầu hạ, tâm trong sạch điều thuận thì thường thường nhẹ nhàng an ủy phủ dụ, còn việc ban thưởng tước lộc thì trọn vẹn đúng công lao, không để cho họ bị tổn hao, hoặc chậm trễ, hoặc oán hận. Dễ dàng trong việc cung phụng không khó khăn. Như vậy gọi là nhà vua ân huệ trọng hậu.

Sao gọi là vua nghe lời chính trực? Nghĩa là có nhà vua có các quần thần thật thông minh duệ trí không tham ô không thiên lệch, thông hiểu pháp chế, không mưu phản thích tu thiện pháp, nghe và tin dùng bọn người như vậy. Do nhân duyên đó việc vua việc nước, của cải, tiếng khen giỏi việc triều chính đều tăng thêm. Như vậy là vua nghe lời chính trực.

Sao gọi là việc làm của vua là suy nghĩ kỹ, thuận theo lễ nghi phép tắc? Nghĩa là có quốc vương có khả năng cứu xét, có khả năng cứu xét rõ, có khả năng tư duy lựa chọn, có khả năng tư duy lựa chọn đúng, các quần thần không kham nhiệm việc cơ mật thì không ủy nhiệm việc cơ mật, người kham nhiệm thì ủy nhiệm, người có thể giao việc thì giao việc, người không thể giao việc thì không giao việc, người đáng thưởng thì thưởng, người đáng phạt thì phạt đúng tội. Phạm làm việc gì thì suy xét lựa chọn rồi sau mới làm mà không nóng vội. Lại đối với quần thần thì khéo an xử nghi tắc của tiên vương, do đó những quần thần này ở trong yến hội không phát ngôn gián tuyệt dư luận, đợi nói xong cung kính, nể sợ mà can gián, phụng hành tốt như chỉ giáo, có thể an trụ đúng đắn giáo mệnh của vua. Như vậy gọi là vua làm việc suy xét kỹ, thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là vua lưu tâm đến thiện pháp? Nghĩa là có nhà vua tin biết có đời khác. Do tin đúng nên đối với nghiệp tịnh bất tịnh, quả

ái phi ái đời sau có thể tin hiểu. Vì tin hiểu nên đầy đủ hổ thẹn, mà không buông lòng tạo 3 thứ ác hành của thân ngữ ý, thường thường tư duy lựa chọn, bổ thí, tu phúc, thụ trai, học giới. Như vậy gọi là vua lưu tâm đến thiện pháp.

Sao gọi là vua biết rõ sai biệt, biết chỗ làm ơn? Nghĩa là có nhà vua đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần v.v..., tâm không điên đảo, hiểu rõ phân biệt ai là người trung tín, ai là người có kỹ năng tài nghệ, ai là người có trí tuệ. Có không đều biết đúng như thật. Nếu không thì bỏ, nếu có thì dùng. Lại nữa các bề tôi già nua suy yếu đã từng thời gian dài cung phụng hầu hạ, tuy biết họ không còn thể lực không còn mạnh mẽ nhưng nghĩ ơn xưa mà ôm lòng kính yêu không khinh bỏ, ban thưởng tước lộc đền đáp công ơn. Như vậy gọi là vua biết phân biệt và biết nhớ ơn.

Sao gọi là vua không mặc tình phóng túng? Nghĩa là có quốc vương không đắm chìm trong ngũ dục, không đam mê ái lạc du hý, thường xuyên khuyến khích tạo phương tiện làm việc nên làm và thường công lao cho quần thần. Như vậy gọi là vua không mặc tình phóng túng.

Nếu có quốc vương có đủ công đức như vậy thì dù không có kho phủ lớn, không có phụ tá lớn, không có quân đội lớn mà dân chúng cũng có thể quy phục. Đại vương nên biết 9 thứ này là tự tính công đức của vua đó.

Thế nào là chỗ suy tổn của nhà vua? Đại vương nên biết, chỗ suy tổn của nhà vua có 5 thứ: 1. Không giỏi quan sát để nắm giữ quần thần. 2. Tuy giỏi quan sát nắm giữ quần thần mà vô ân diệu hạnh, dẫu có cũng không đúng lúc. 3. Chuyên hành phóng túng không nghĩ việc cơ mật. 4. Chuyên hành phóng túng không giữ kho phủ. 5. Chuyên hành phóng túng không tu pháp hành. Như vậy 5 thứ này đều gọi là chỗ suy tổn của nhà vua.

Sao gọi là vua không giỏi quan sát để nắm giữ quần thần? Nghĩa là có quốc vương đối với quần thần không có khả năng cứu xét, không cứu xét rõ, không thể tư duy tuyển chọn, không tư duy tuyển chọn kỹ trung tín kỹ nghệ trí tuệ sai biệt mà giữ làm thân cận hầu hạ lại thêm sủng ái, ban thưởng công lao tước lộc trọng hậu, ủy nhiệm điều tối cơ mật, thường dùng lời dụ dàng ủy dụ. Nhưng các quần thần này được giao phó cho của cải thì làm tổn phí nhiều, gặp giặc giã, kẻ ác, quân trận thì rút lui trước, sợ hãi bỏ người mà chạy không chút lưu luyến, giả dối làm ác sách động vương chính. Như vậy là vua không giỏi quan sát nắm giữ quần thần.

Sao gọi là tuy giỏi quan sát nắm giữ quần thần mà vô ân diệu hạnh, dẫu có cũng không đúng lúc? Nghĩa là có quốc vương tuy đối với quần thần tính có thể cứu xét, có thể cứu xét kỹ, tính có thể tư trạch, có thể tư trạch kỹ trung tín kỹ nghệ trí tuệ sai biệt thân giữ làm thân cận hầu hạ mà không sủng ái, không ban thưởng tước lộc đúng mức, cũng không ủy nhiệm việc cơ mật, không thường dùng lời dụ dàng ủy dụ. Những người ấy một khi vua gặp oán địch bọn ác, quân trận hay nói rộng cho đến những chuyện đáng sợ mạng khó sống còn, bấy giờ vua mới sủng ái họ, nói rộng cho đến thường dùng lời dụ dàng an ủy họ. Bấy giờ các quần thần cùng bảo nhau rằng: Nay vua vì nguy hiểm bức bách nên tạm tốt với chúng ta chứ chẳng lâu dài gì. Biết việc này rồi, tuy họ có trung tín kỹ nghệ trí tuệ cũng giấu mà không hiện ra. Như vậy gọi là vua tuy giỏi quan sát nắm giữ quần thần mà vô ân diệu hạnh, dẫu có cũng không đúng lúc.

Sao gọi là vua chuyên hành phóng túng không nghĩ việc cơ mật của quốc gia? Nghĩa là có quốc vương đối với những việc cơ mật của đất nước cần phải hòa hảo mới thành, vậy mà không thường ở một mình nơi vắng vẻ, hoặc cùng các người trí chính tư duy quan sát cân nhắc phương tiện hòa hảo. Như vậy đối với việc cơ mật phải hết sức thông tuệ mới thành, đối với việc cơ mật phải huệ thí mới thành,

đối với việc cơ mật phải ra quân mới thành, đối với việc cơ mật phải thu nhận những phe đảng có sức mạnh lớn mới thành, thì đều không thường thường ở một mình nơi vắng vẻ, hoặc cùng các người trí chính tư duy quan sát cân nhắc các phương tiện một cách hết sức thông minh, cho đến thu nhận phương tiện các đảng mạnh. Như vậy là vua chuyên hành phóng túng không nghĩ việc cơ mật của quốc gia.

Sao gọi là vua chuyên hành phóng túng không phòng thủ kho phủ? Nghĩa là có quốc vương ít lo xây dựng cơ nghiệp, vụng về việc xây dựng cơ nghiệp, không duy trì sự nghiệp, không xem xét sự nghiệp, không cấm vương môn, không cấm cung môn, không cấm phủ khố, hoặc hay vui chơi nơi ca nhạc xướng hát, hoặc đam mê bài bạc làm tổn phí của cải. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng túng không phòng thủ phủ khố.

Sao gọi là vua chuyên hành phóng túng không tu pháp hạnh? Nghĩa là có quốc vương ở đời biết nhu hòa thuận chất, thông tuệ biện tài được lý giải thoát, xảo tiện không hại lạc không hại pháp, có các Sa-môn Bà-la-môn mà không hay đi đến lễ kính hỏi han thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội, làm những nghiệp gì có thể được tốt lành xa lìa các khổ, đâu có được nghe rồi cũng không cố gắng tu hành, không thể thường thường huệ thí, trồng phúc, thụ trai, học giới. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng túng không tu pháp hạnh.

Nếu có quốc vương đủ 5 môn suy tổn như vậy thì vua này thoái mất nghĩa lợi hiện pháp và hậu pháp. Nghĩa là 4 môn trước là thoái mất nghĩa lợi hiện pháp, một môn sau cùng làm thoái mất nghĩa lợi hậu pháp.

Sao gọi là phương tiện môn của nhà vua? Đại vương nên biết, phương tiện môn lược có 5 thứ. Những gì là 5? 1. Giới quan sát thâm giữ quần thần. 2. Kịp thời thi ơn. 3. Không phóng túng, chuyên

lo việc cơ mật. 4. Không phóng túng, khéo phòng thủ kho phủ. 5. Không phóng túng, chuyên tu pháp hạnh.

Sao gọi là vua có khả năng giỏi quán sát thâm giữ quần thần. Nghĩa là có quốc vương đối với quần thần tính có thể cứu xét có thể cứu xét rõ, tính có thể tư duy lựa chọn có thể tư duy lựa chọn tốt trung tín kỹ nghệ trí tuệ sai biệt thâm làm thân cận hầu hạ. Như vậy gọi là vua có khả năng giỏi quán sát thâm giữ quần thần.

Sao gọi là vua giỏi kịp thời thi ân diệu hạnh? Nghĩa là có quốc vương, đối với quần thần quan sát kỹ rồi thâm nhận làm kẻ thân cận hầu hạ, lại thêm sủng ái, tùy theo sự cân nhắc mà ban cho tước lộc trọng thưởng công lao, ủy nhiệm việc cơ mật, thường dụ dăng ủy dụ. Nhất thời vua gặp oán địch, kẻ ác, quân trận đáng sợ đe dọa tính mạng, chúng liền đem hết trung tín, tài nghệ trí tuệ ra phò vua. Như vậy là vua giỏi kịp thời thi ân diệu hạnh.

Sao gọi là vua không phóng túng, chuyên nghĩ việc cơ mật? Nghĩa là có quốc vương đối với những việc cơ mật quốc gia cần phải hòa hảo mới thành, có thể thường thường ở một mình nơi vắng vẻ, hoặc cùng những người trí chính tư duy, quan sát cân nhắc phương tiện hòa hảo. Như vậy đối với những việc cơ mật quốc gia cần phải hết sức thông minh mới thành, đối với những việc cơ mật quốc gia cần phải huệ thí mới thành, đối với những việc cơ mật quốc gia cần phải ra quân mới thành, đối với những việc cơ mật quốc gia cần phải liên kết đảng có sức mạnh mới thành v.v... đều có thể thường thường một mình ở nơi vắng vẻ hoặc cùng người trí chính tư duy, cân nhắc quan sát phương tiện thông minh nhất, cho đến phương tiện liên kết đảng mạnh. Như vậy là vua không phóng túng, chuyên nghĩ việc cơ mật.

Sao gọi là vua không phóng túng, khéo phòng thủ phủ kho? Nghĩa là có quốc vương rộng mở cơ nghiệp, khéo kinh doanh sự

nghiệp, khéo duy trì sự nghiệp, khéo quan sát sự nghiệp, khéo cầm vương môn, khéo cầm cung môn khéo cầm phủ khố. Lại ở những nơi vui chơi nơi ca nhạc xướng hát, không quá lượng hao phí của cải, cũng không đam mê bài bạc. Như vậy gọi là vua không phóng túng, khéo phòng thủ phủ khố.

Sao gọi là vua không phóng túng, chuyên tu pháp hạnh? Nghĩa là có quốc vương ở đời biết nhu hòa thuận chất, thông tuệ biện tài được lý giải thoát, xảo tiện không hại lạc không hại pháp, có các Sa-môn Bà-la-môn thì hay đi đến lễ kính hỏi han thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không tội, làm những nghiệp gì có thể được tốt lành xa lìa các khổ, đã được nghe rồi lại cố gắng tu hành, cũng hay thường thường huệ thí, trồng phúc, thụ trai, học giới. Như vậy gọi là vua không phóng túng, chuyên tu pháp hạnh.

Nếu có quốc vương đủ 5 môn phương tiện như vậy thì vua này không thoái mất nghĩa lợi hiện pháp và hậu pháp. Đại lược 4 môn trước là có nghĩa lợi không thoái mất hiện pháp, một môn sau cùng là có nghĩa lợi không thoái mất hậu pháp.

Sao gọi là khả ái pháp của nhà vua? Đại vương nên biết sơ lược có 5 thứ là pháp khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý của các quốc vương. Những gì là 5? 1. Đời yêu kính. 2. Tự tại tăng thượng. 3. Đẹp được oán địch. 4. Khéo dưỡng thân. 5. Có thể đi đến nẻo thiện. Năm thứ đó là pháp khả ái, khả lạc, khả hân, khả thích của quốc vương.

Làm sao có thể dẫn đến pháp khả ái của vua? Đại vương nên biết, sơ lược có 5 thứ có thể dẫn đến pháp khả ái của các quốc vương. Những gì là 5? 1. Ân dưỡng thế gian. 2. Anh dũng đầy đủ. 3. Giỏi quyền phương tiện. 4. Chính thụ cảnh giới. 5. Siêng tu pháp hạnh.

Sao gọi là vua ân dưỡng thế gian? Nghĩa là có quốc vương bản tính tri túc, đối với của báu thì tính cẩn thận không tà tham, chứa để

vừa đủ không rộng mưu cầu. Lại có quốc vương tính không tham lẫn, thành tựu pháp bạch tịnh không tham, đem của cải trong kho lẫm tùy sức tùy khả năng cấp thí cho tất cả kẻ bần cùng cô cút. Lại có quốc vương nhu hòa nhẫn nhục, phần nhiều dùng lời dịu ngọt hiểu dụ. Tùy theo thích hợp thường ban thưởng tước lộc, hoàn toàn không vì đó mà sai sử quần thần làm việc ác việc nặng. Nếu có vi phạm có thể tha thứ thì tha thứ. Nếu các vi phạm không thể tha thứ thì như lý trị phạt. Như vậy là vua dùng chính pháp giáo hóa, ân dưỡng thế gian. Do vua thụ hành pháp ân dưỡng thế gian như vậy nên được thế gian kính ái.

Sao gọi là vua anh dũng đầy đủ? Nghĩa là có quốc vương kế sách không lùi , võ lược đầy đủ, người chưa hàng phục thì hàng phục, đã hàng phục rồi thì bảo hộ, rộng kinh doanh sự nghiệp như trước cho đến không đam mê thú vui cờ bạc v.v... Lại giỏi quan sát nên hay không nên cần nơi quan liêu thứ dân, đáng hình phạt thì hình phạt, đáng bảo dưỡng thì bảo dưỡng. Như vậy gọi là vua anh dũng đầy đủ. Do vua thụ hành pháp anh dũng đầy đủ như vậy nên cảm được tự tại tăng thượng.

Sao gọi là vua khéo quyền phương tiện? Nghĩa là có quốc vương cần phải hòa hảo việc cơ mật quốc gia mới được thành, như trước cho đến cần phải thâm nhận bè đảng có sức mạnh thì việc cơ mật quốc gia mới thành, có thể hiểu rõ phương tiện của hòa hảo cho đến phương tiện thâm nhận đảng mạnh. Như vậy gọi là vua khéo quyền phương tiện. Do vua thụ hành pháp khéo quyền phương tiện như vậy nên có thể xô dẹp các oán địch.

Sao gọi là vua chính thụ cảnh giới? Nghĩa là có quốc vương có khả năng khéo tính toán kho phủ tăng giảm, không xa xỉ không bòn sẻn, thụ dụng bình đẳng đúng đắn hợp lý, tùy thời thụ dụng, cùng quần thần, thân thuộc thụ dụng, thụ dụng ở nơi quang minh chính đáng, thụ dụng có tấu nhạc mua vui, thụ dụng mà không sai lầm. Không sai lầm, nghĩa là nếu khi có bệnh thì nên ăn thứ phù hợp, tránh

ăn thứ không hợp với sức khỏe, tiêu rồi mới ăn, nếu ăn chưa tiêu hoặc không có lợi thì đều không nên ăn. Nên cùng ăn với mọi người, nghĩa là trước mọi người không nên ăn một mình, món ăn thượng vị thì sót cho người khác. Như vậy gọi là vua chính thụ cảnh giới. Do vua thụ hành pháp chính thụ cảnh giới như vậy nên khéo dưỡng hộ bản thân.

Sao gọi là vua siêng tu pháp hành? Nghĩa là có nhà vua có đầy đủ tịnh tín, giới, văn, xả, tuệ.

Sao gọi là vua đầy đủ tịnh tín? Nghĩa là có nhà vua tin hiểu đời khác, tin hiểu tịnh nghiệp bất tịnh nghiệp và quả ái, phi ái với dị thực đời sau. Như vậy là vua đầy đủ tịnh tín.

Sao gọi là vua đầy đủ tịnh giới? Nghĩa là có nhà vua xa lìa sát sinh, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, vọng ngữ, uống rượu và các thứ phóng dật. Như vậy là vua đầy đủ tịnh giới.

Sao gọi là vua đầy đủ tịnh văn? Nghĩa là có nhà vua đối với nghĩa hiện pháp, nghĩa hậu pháp, và nghĩa hiện pháp hậu pháp của các pháp môn vi diệu khéo nghe, thụ, tập tụng thông suốt, chuyên tâm nghiên cứu, khéo rõ khéo đạt. Như vậy là vua đầy đủ tịnh văn.

Sao gọi là vua đầy đủ tịnh xả? Nghĩa là có nhà vua tuy ở trong đám người ràng buộc bởi xan lẫn cấu uế mà tâm hằng thanh tịnh xa lìa chỗ xan lẫn cấu uế, thường hành xả bỏ, đưa tay bố thí, thích làm việc phúc tuệ, hạnh xả viên mãn, khi hành thí thường hành bình đẳng. Như vậy là vua đầy đủ tịnh xả.

Sao gọi là vua đầy đủ tịnh tuệ? Nghĩa là có nhà vua như thật hiểu biết pháp thiện bất thiện, có tội không tội, tu với không tu, hơn kém, trắng đen, đối với rộng phân biệt các pháp duyên sinh cũng biết như thật. Dầu có mắt niệm mà sinh ác, tham dục, sân nhuế, phẫn, hận, phú, nã, xan, tật, huyễn, cuồng, siểm, khúc, vô tâm, vô quý, ác dục, ác kiến mà tâm giác ngộ, và những điều đó không trụ vững. Như

vậy là vua đầy đủ tịnh tuệ. Do vua thụ hành pháp hành này nên có thể đi đến nẻo thiện. Như vậy 5 thứ có thể dẫn phát pháp khả ái của vua, có thể dẫn lợi ích hiện pháp hậu pháp của các quốc vương. Nghĩa là 4 thứ đầu có thể dẫn phát lợi ích hiện pháp của vua, 1 thứ sau cùng có thể dẫn phát lợi ích hậu pháp của vua.

Lại nữa, Đại vương nên biết, ta đã lược nói lỗi lầm của vua, công đức của vua, chỗ suy tôn của vua, chỗ phương tiện của vua, pháp khả ái của vua và pháp có thể dẫn phát khả ái của vua. Cho nên Đại vương cần phải tu học. Lỗi lầm của vua cần phải xa lìa. Công đức của vua cần phải tu tập. Chỗ suy tôn của vua cần phải xa lìa. Chỗ phương tiện của vua cần phải tu học. Pháp khả ái của vua cần phải hâm mộ mong cầu. Pháp có thể dẫn phát khả ái của vua cần phải thụ hành. Đại vương ! Nếu có thể tu học như vậy sẽ được tất cả lợi ích an lạc.

Lại nữa, y các hành sai biệt mà kiến lập 3 bậc sĩ, là hạ trung thượng. Không làm tự lợi không làm lợi tha là hạ sĩ. Có làm tự lợi không làm lợi tha, có làm lợi tha không làm tự lợi là trung sĩ. Có làm tự lợi có làm lợi tha là thượng sĩ.

Lại có 4 thứ Bô-đặc-già-la: Hoặc có làm ác mà chẳng phải ưa thích ác. Hoặc có ưa thích ác mà chẳng phải làm ác. Hoặc có làm ác và cũng ưa thích ác. Hoặc chẳng phải làm ác cũng chẳng phải ưa thích ác. Nếu tin các ác có thể cảm quả báo phi ái đời sau, do mất niệm cho nên hoặc phóng dật, gần bạn ác, tạo tác ác hành đó gọi là làm ác mà chẳng phải ưa thích ác. Nếu đời trước quen tập các ác, ưa thích các ác, bị ác dục dắt dẫn, nhưng do gần gũi thiện trạng phu, nghe chính pháp nên như lý tác ý làm y chỉ, thấy các ác hành có thể cảm quả báo phi ái đời sau, tự cố gắng xa lìa các ác, đó gọi là ưa thích ác mà chẳng phải làm ác. Nếu tính ưa thích ác mà không xa lìa, đó gọi là làm ác mà cũng ưa thích ác. Nếu có tính không ưa thích các ác cũng có thể xa lìa, gọi là chẳng làm ác và chẳng ưa thích ác. Trong

đó làm ác và cũng ưa thích ác là hạ sĩ. Nếu làm ác mà chẳng ưa thích ác, hoặc ưa thích ác mà chẳng làm ác là trung sĩ. Nếu chẳng phải làm ác cũng chẳng phải ưa thích ác gọi là thượng sĩ.

Lại có 3 bậc sĩ: 1. Trọng hưởng thụ dục lạc. 2. Trọng công việc. 3. Trọng chính pháp. Đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 3 thứ Bỏ-đặc-già-la: 1. Lấy việc chẳng phải làm việc của mình. 2. Lấy việc của mình làm việc của mình. 3. Lấy việc khác làm việc của mình. Nếu làm việc ác để tự nuôi sống là lấy việc chẳng phải làm việc của mình. Nếu sợ ác hành mà tu hành thiện hành là lấy việc mình làm việc mình. Nếu các Bỏ-tát lấy việc khác làm việc mình v.v... Đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa các quốc vương có 3 thứ viên mãn, là quả báo viên mãn, sĩ dụng viên mãn, công đức viên mãn. Các quốc vương sinh nhà giàu sang, sống lâu ít bệnh, dòng dõi thế gia đại tộc, sinh ra đầy đủ, trí tuệ thông minh. Vua như vậy là quả báo viên mãn. Nếu các quốc vương khéo quyền phương tiện nắm giữ duy trì nên hằng thường thành tựu viên mãn anh dũng, đó là vua có sĩ dụng viên mãn. Nếu các quốc vương tự nhiên gìn giữ chính pháp, đó là pháp vương an trụ chính pháp, gọi là đại vương cùng với nội cung vương tử quần thần các nhà anh kiệt hào quý và người trong nước cùng tu huệ thí, trồng phúc, thụ trai, kiên trì cấm giới, đó là vua công đức viên mãn. Quả báo viên mãn, là thụ dụng quả báo của tịnh nghiệp đời trước. Sĩ dụng viên mãn, là thụ dụng quả hiện pháp khả ái. Công đức viên mãn, là cũng thụ dụng quả báo tịnh nghiệp viên mãn trong đời sau. Nếu có quốc vương 3 thứ viên mãn đều không đầy đủ thì gọi là hạ sĩ. Nếu có quả báo viên mãn hoặc sĩ dụng viên mãn hoặc cả 2 đều viên mãn thì gọi là trung sĩ. Nếu 3 viên mãn đều không thứ nào không đầy đủ thì gọi là thượng sĩ.

Lại có 3 thứ bề tôi: 1. Có trung tín, không có kỹ năng, trí tuệ. 2. Có trung tín có kỹ năng, không có trí tuệ. 3. Đủ cả trung tín, kỹ năng, trí tuệ. Đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 4 thứ ngữ ngôn là: 1. Chẳng ái giống như ái. 2. Ái giống như chẳng ái. 3. Chẳng ái giống như chẳng ái. 4. Ái giống như ái. Có những câu nói lời nói hay thuận nhưng không hợp, đó là câu thứ nhất. Hoặc có câu nói bội nghịch nhưng hợp, đó là câu thứ 2. Có câu nói bội nghịch cũng chẳng hợp, đó là câu thứ 3. Hoặc có câu nói thiện thuận và cũng hợp, đó là câu thứ 4. Nếu có câu nói chẳng phải ái giống chẳng phải ái, chẳng phải ái giống như ái, đó là hạ sĩ. Nếu có câu nói ái giống chẳng ái, đó là trung sĩ. Nếu có câu nói ái giống như ái, đó là thượng sĩ.

Lại có 3 thứ thụ các dục, là: Hoặc có thụ dục phi pháp lỗ mẫn gom góp của cải, không thể an lạc nuôi thân mình và vợ con, nói rộng cho đến không ở nơi Sa-môn Bà-la-môn gieo trồng phúc điền. Hoặc có thụ dục hợp pháp hoặc phi pháp lỗ mẫn hoặc chẳng phải gom góp của cải có thể an lạc nuôi thân mình vợ con bà con bạn bè, mà không ở nơi Sa-môn Bà-la-môn tu hành gieo trồng phúc điền. Hoặc có thụ dục hoàn toàn hợp pháp và không lỗ mẫn gom góp của cải có thể an lạc nuôi thân mình, nói rộng cho đến ở nơi Sa-môn Bà-la-môn tu tập gieo trồng phúc điền. Trong 3 thứ này đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 3 người: 1. Có người tham nhiễm mà ăn, tham lam vô độ cho đến đam mê không thấy tội lỗi không biết thoát ra. 2. Có người tư duy lựa chọn mà ăn, không tham nhiễm không đắm trước cũng không quá độ đam mê, thấy tội lỗi sâu sắc, khéo biết thoát ra, nhưng đối với cái ăn này chưa đoạn chưa biết. 3. Có người tư duy lựa chọn mà ăn không sinh tham nhiễm, nói rộng cho đến thấy sâu sắc tội lỗi khéo biết thoát ra và đối với cái ăn này đã đoạn đã biết. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại căn cứ nơi vật thí nói có 3 người: 1. Có người vật thí chỉ đủ diệu hương không đủ mỹ diệu vị và xúc. 2. Có người vật thí đủ diệu hương diệu vị mà không diệu xúc. 3. Có người vật thí đầy đủ

mỹ diệu hương, vị và xúc. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại căn cứ thí điền nói có 3 người: 1. Có người với ái, với ân mà hành huệ thí. 2. Có người với bản khổ điền mà hành huệ thí. 3. Có người với đủ công đức tối thắng phúc điền mà hành huệ thí. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có sai biệt là thí với ái là hạ sĩ, thí với có ơn là trung sĩ, thí với bản khổ đủ đức thắng điền là thượng sĩ.

Lại y vào thí tâm nói có 3 người: 1. Có người sắp muốn huệ thí thì trước tâm hoan hỷ, khi huệ thí thì tâm không thanh tịnh, huệ thí rồi lại hối tiếc. 2. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi hối tiếc. 3. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi không hối tiếc. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa đối với thụ trì giới phúc nghiệp sự, lập ra 3 người: 1. Có người chỉ lìa một phần, chẳng phải mọi lúc thường có thể xa lìa, chỉ tự mình xa lìa không khuyến khích người khác lìa, cũng không khen ngợi, thấy người đồng pháp, tâm không hoan hỷ, đó là hạ sĩ. 2. Có người lìa tất cả phần, lìa mọi lúc, mà chỉ tự viễn ly không khuyến khích người khác cũng không khen ngợi, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ, đó là trung sĩ. 3. Có người tất cả đều hiện, đó là thượng sĩ.

Lại nữa đối với thụ trì cấm, lập ra 3 người: 1. Có người trụ ác thuyết pháp trong Tì-nại-da thụ trì cấm giới. 2. Có người trụ thiện thuyết pháp trong Tì-nại-da thụ trì cấm giới mà không thiếu sót. 3. Có người tức trụ nơi đây thụ trì cấm giới mà không thiếu sót. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa đối với thụ trì giới, lập ra 3 người: 1. Có người vì để nuôi sống mà thụ trì cấm giới. 2. Có người vì sinh cõi trời mà thụ trì

cấm giới. 3. Có người vì Niết-bàn nên thụ trì cấm giới. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa đối với thụ trì biệt giải thoát luật nghi nói có 3 người: 1. Có người chỉ có thể thụ trì cận trụ luật nghi. 2. Có người cũng có thể thụ trì cận sự luật nghi. 3. Có người cũng có thể thụ trì Bí-sô luật nghi. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa đối với thụ trì Bí-sô luật nghi nói có 3 người: 1. Có người chỉ có thể thành tựu thụ cụ túc chi, không thụ tùy pháp các học xứ chi, cũng không tùy hộ tha nhân tâm chi, cũng không tùy hộ như trước đã thụ các học xứ chi. 2. Có người thành 3 chi trước, không có 2 chi sau. 3. Có người đủ thành 4 chi. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 3 người: 1. Có người chỉ thành tựu biệt giải thoát luật nghi. 2. Có người thành biệt giải thoát tĩnh lự luật nghi. 3. Có người thành biệt giải thoát tĩnh lự vô lậu 3 thứ luật nghi. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 3 người: 1. Có người chỉ có thể thành tựu phi luật nghi phi bất luật nghi, nhiếp sở thụ giới luật nghi. 2. Có người cũng có thể thành tựu tương ưng sở thụ luật nghi của Thanh Văn v.v... 3. Có người cũng có thể thành tựu sở thụ giới luật nghi của Bồ-đề-tát-đoà. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại nữa y phương tiện tư duy tu tập lập ra 3 người: 1. Có người chỉ được gắng sức vận chuyên tư duy. 2. Có người vận chuyên có gián đoạn, nếu được không gián đoạn thì phải tạo công dụng mới có thể vận chuyên. 3. Có người đã được thành tựu tư duy một cách tự nhiên. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại căn cứ đã được tu sai biệt nên lập 3 người: 1. Có người đã được nội tâm Xa-ma-tha định, chưa được tăng thượng tuệ pháp Tì-bát-xá-na. 2. Có người đã được tăng thượng tuệ pháp Tì-bát-xá-na, chưa

được nội tâm Xa-ma-tha định. 3. Có người được cả 2 thứ. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại có 3 người: 1. Có người đã được hữu tâm hữu tứ Tam-ma-địa. 2. Có người đã được vô tâm, chỉ có tứ Tam-ma-địa. 3. Có người đã được vô tâm vô tứ Tam-ma-địa. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ.

Lại y vào trụ tu sai biệt lập ra 3 người: 1. Có người trụ nhiệm ô tĩnh lự. 2. Có người trụ thể gian thanh tĩnh tĩnh lự. 3. Có người trụ vô lậu tĩnh lự. Trường hợp đầu tiên là hạ sĩ, tiếp là trung sĩ, sau là thượng sĩ./.

TRỌN BỘ 1 QUYỂN HẾT

SỐ 1616
LUẬN THẬP BÁT KHÔNG
(Hoặc 16, hoặc 18, hoặc 14, hoặc 17)

*Bồ-tát Long Thọ tạo luận
 Thiên Trúc Tam tạng Chân Đế dịch
 Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Hỏi: Không vô phân biệt làm sao có được 18 thứ?

Đáp: Để làm rõ nhân pháp 2 vô ngã. Đó là tướng chung của tất cả pháp. Nay theo các pháp chủng loại không giống nhau nên triển khai thành 18. Đó là những gì? 1. Nội không. 2. Ngoại không. 3. Nội ngoại không. 4. Đại không. 5. Không không. 6. Chân thật không. 7. Hữu vi không. 8. Vô vi không. 9. Tất cánh không. 10. Vô tiền hậu không. 11. Bất xả ly không. 12. Phật tính không. 13. Tự tướng không. 14. Nhất thiết pháp không. 15. Vô pháp không. 16. Hữu pháp không. 17. Vô pháp hữu pháp không. 18. Bất khả đắc không. Hợp 18 này lại thành 16 không, vì tất cả có 2 nghĩa nên lập ra 16 không, một là thể hai là dụng.

Thứ nhất: Nội không, cũng gọi thụ giả không. Phạm phu, Nhị thừa gọi 6 nhập là thụ giả vì có thể thụ quả báo 6 trần. Nay chỉ nói rõ 6 căn không có năng chấp, do không năng chấp nên nói thụ giả không.

Thứ 2: Ngoại không, cũng gọi sở thụ không. Là 6 ngoại nhập, không có pháp nào khác có thể thụ. Nếu các chúng sinh có thụ có

dụng chỉ là 6 trần, trong đã không có nhân năng thụ, ngoài cũng không có pháp khả thụ. Tức nhân pháp đều không. Chỉ có thức không có cảnh nên gọi là ngoại không. Vì không có cảnh, nên cũng không có thức tức là nội không. Sáu nhập không thức tức là không có nhân. Không có căn trần tức là không có pháp. Cho nên nội ngoại 2 không, 2 nghĩa được thành.

Thứ 3: Nội ngoại không, nghĩa là thân không. Thân này 4 đại là sở y của nội ngoại. Nội y tức 6 căn hoặc 5 căn đều có tịnh sắc và ý căn đều dựa vào thân này, nên gọi là nội y. Ngoại y, là ngoài 6 trần. Nếu 4 đại của thân mình chỉ trừ 5 căn tịnh sắc, ngoài ra sắc hương v.v... thuộc ngoài 6 trần gìn giữ nơi 5 căn nên gọi là ngoại chứ chẳng phải tách rời ra ngoài thân. Thân này có thể duy trì căn trần nên gọi là y, căn trần là sở y. Căn này và phi căn đều là không, cho nên gọi là nội ngoại không.

Thứ 4: Đại không, là chỗ nương gá của thân, tức khí thể giới, 10 phương vô lượng vô biên đều là không, nên gọi là đại không.

Thứ 5: Không không, có thể chiếu tướng chân thật. Hạp với 4 không ở trước, từ cảnh được tên, gọi là không trí. Không trí cũng không, nên lập là không không.

Thứ 6: Chân thật không, nghĩa là chân cảnh không. Hành giả thấy nội ngoại đều không, không nhân không pháp. Cảnh chân thật này lập tên là chân thật. Do tính phân biệt, tính không thể được, gọi là tính phân biệt. Tính không, tức chân thật không. Sáu không này nói về thể của không, tự thành thứ tự: 1. Thụ giả không. 2. Sở thụ không. 3. Tự thân không. 4. Chỗ trụ của thân không. 5. Năng chiếu không. 6. Sở quán cảnh không. Bốn cái trước đều là cảnh sở quán không. Cái thứ 5 là trí năng quán không. Cái thứ 6 là tướng mạo cảnh giới sở phân biệt không. Lại nữa 4 trước là sở tri, thứ 5 là năng tri, thứ 6 là tướng mạo sở tri. Thứ 5 trí không, trị 4 cảnh trước, 4 cảnh

là không. Thứ 6 chân không, trị trí thứ 5, nên trí thành không. Nếu không có thứ 5 là trí không, trị 4 cảnh trước thì có nhân có pháp, tức là tính phân biệt. Do trí này thấy cảnh trước là không nhân không pháp, tức trị cảnh trước. Nếu không có thứ 6 là cảnh không, trị cái trí thứ 5, thì trí này đã chỉ hiểu chân, trở lại thành tính phân biệt. Cho nên nói thứ 6 chân thật không, là trị trí đó.

Nghĩa thứ hai, nói rõ cái không, tự có 12: 1. Hành không. 2. Phi hành không. Bồ-tát học 2 không này được 2 thứ thiện pháp: một là thiện đạo, hai là thiện quả. Đạo tức 37 phẩm. Thiện quả tức Bồ-đề v.v... Hành không, là nói rõ 3 thừa các đạo không nhân pháp, phi chân thật, phi hư vọng, là 4 thứ tâm này gọi là thiện nhân. Để được thiện nhân này nên Bồ-tát học quán hành không. Phi hành không, là 2 thứ thiện quả, tức dư và vô dư Niết-bàn. Nếu hữu dư trừ tập, thì quả này là 4 thứ điên đảo, chẳng phải là thường lạc ngã tịnh. Nếu vô dư diệt khổ, tức là thường lạc ngã tịnh.

Thứ 7 và thứ 8: Hai không này là tịnh Bồ-tát tự độ, sau khi mới đắc đạo được 1 quả.

Thứ 9: Tất cánh không, là vì lợi ích người khác Bồ-tát tu không, rốt ráo hằng muốn lợi tha, thề hằng giáo hóa cho đến hết chúng sinh. Tâm này có chấp trước, nay quán tâm này thì tâm này chắc chắn phải là tâm xả bỏ rốt ráo thì tự nhiên lợi ích, như vậy mới là trí chân thật, gọi là tất cánh không. Nếu tác tâm rốt ráo có thể làm lợi ích, không làm không ích, không tự nhiên, hằng lợi ích bất không. Cái tâm rốt ráo này là trí thứ 9, gọi là tất cánh không.

Thứ 10: Vô tiền hậu không, cũng gọi là vô thủy không. Vì thành tất cánh không, lợi ích tha nhân nên không có trước sau, tức không thủy không chung. Nếu Bồ-tát không rõ cái không này thì sẽ sinh tâm mỗi một chán nản xả bỏ sinh tử. Đã thấy sinh tử là không thì không phân biệt trước với sau, và thủy chung đã không còn phân biệt

thủy chung, thì đối với sự ngắn hạn hay dài lâu không lo âu không vui mừng. Đối với dài lâu không lo âu, đối với ngắn hạn không vui mừng. Đã lìa lo âu vui mừng thì có thể không bỏ sinh tử. Vì không bỏ nên rốt ráo lợi ích mới được thành tựu. Cho nên thứ 10 là quán vô thủy không.

Thứ 11: Bất xả ly không. Bồ-tát tu học định chỉ này là công đức thiện căn vô tận. Bởi vì sao? Tất cả chư Phật trong vô dư Niết-bàn cũng không bỏ công đức thiện căn môn. Quả báo hữu lưu đã hết, công đức thiện căn vốn là hóa vật, cho nên hằng có cái dụng này. Như Lai tuy nhập Niết-bàn còn tùy cơ duyên chúng sinh hiện ứng hóa 2 thân làm lợi lạc hàm thức. Tức là lại khởi tâm nghĩa. Cho nên chúng sinh không hết thì cái dụng của ứng hóa cũng không hết. Cho nên nói tuy nhập vô dư mà không bỏ công đức thiện căn là vậy. Nếu Nhị thừa nhập diệt thì không khởi tâm lại bởi từ bi ít và mỏng không hóa chúng sinh. Nếu chư Phật nhập vô dư mà lại khởi tâm, là vì chư Phật Bồ-tát 3 thân lợi vật vô cùng. Pháp thân Như Lai tức là chỗ y chỉ của tất cả pháp vô lưu, cho nên nói tán diệt không lìa bỏ công đức là vậy. Sở dĩ được biết trong Niết-bàn còn có pháp thân là lấy cái dụng mà chứng cái thể. Đã thấy cái dụng bất tận của ứng hóa cho nên biết cái thể của thân này thường tự trạm nhiên hằng không dời đổi hư hoại. Như sư Tì-bà-sa nói không Niết-bàn, không có tự tướng, mà không thể nói là không. Bởi vì sao? Vì có thể hiển thị sự dụng. Nếu không y Niết-bàn không thành trí tuệ. Trí tuệ không thành thì phiền não không diệt. Niết-bàn đã có thể sinh đạo, đạo có thể diệt hoặc, tức là Niết-bàn gia sự. Đã thấy có sự, tức biết phải có cái thể, cho nên không được nói là không. Pháp thân Như Lai ở trong Niết-bàn, nghĩa cũng như vậy. Để trừ phân biệt Niết-bàn không bỏ công đức, tức là tính phân biệt. Trong nghĩa chân thật không có phân biệt này, cho nên gọi là bất xả ly không, nghĩa là không lìa bỏ cái không.

Về ngữ ngôn thì nói Niết-bàn không bỏ công đức, mà trong Niết-bàn cũng không có cái ý không bỏ, cho nên gọi là bất xả không, tức thành cái ý không bỏ sinh tử. Trước nói rõ không bỏ sinh tử rất ráo lợi tha, khác với Nhị thừa không thể vĩnh viễn làm việc lợi ích. Nay nói rõ tuy ở trong sinh tử và Niết-bàn đều là hóa vật. Nghĩa này không khác, nên từ trước đến đây có tất cả 3 không, gọi là việc lợi tha. Đây tức thứ 11 là bất xả không, cũng gọi là bất tán không đó.

Thứ 12: Phật tính không. Thứ 13: tự tướng không. Thứ 14: Nhất thiết pháp không. Ba cái này nói rõ nhân tự lợi lợi tha.

Hỏi: Không, là cái gì?

Đáp: Là Phật tính thanh tịnh tức không, nên gọi là tính không.

Hỏi: Vì sao gọi tính không?

Đáp: Phật tính tức là tự tính các pháp. Bởi vì sao? Vì tự nhiên có. Duy chỉ tự tính có 2 nghĩa: một là vô thủy, hai là nhân. Ví như trong sinh tử từ vô thủy, 2 pháp có tâm không có tâm, là tự nhiên không có nhân. Nếu tâm có nhân thì nhân này là bản hữu là thủy hữu. Nếu là nhân bản hữu, thì nhân này là tự nhiên. Đã là tự nhiên, thì cũng phải chấp nhận tâm là tự nhiên. Xưa chưa có nhân thì phải không có chúng sinh, khi có nhân mới có chúng sinh. Như đất đá v.v... nếu khi có nhân phải thành chúng sinh. Cho nên biết rằng tự nhiên một phần làm có tâm một phần làm không có tâm. Một phần làm không có tâm, cho nên nói ví như trong sinh tử từ vô thủy, 2 pháp có tâm không có tâm, là tự nhiên không có nhân. Phật tính cũng vậy, tự nhiên không có nhân. Hư vọng còn có nghĩa tự nhiên, hướng chi chân thật mà không tự nhiên. Cho nên do Phật tính vô thủy làm nhân mà có 6 nhập muốn cầu giải thoát. Nếu không có Phật tính thì quả giải thoát không được thành tựu. Ví như ngọc tịnh châu có thể làm trong nước đục. Bởi Phật tính vô thủy nên chúng sinh vô thủy, nhất dị không, tịnh bất tịnh không như trên đã nói. Tính không này

lia 5 lỗi làm rõ 5 thứ công đức. Nhân pháp là tính phân biệt. Từ nhân pháp sinh phân biệt là tính y tha. Vào trong tính phân biệt tìm pháp là không thể tìm được. Vào trong tính y tha tìm nhân pháp sở phân biệt cũng không thể tìm được. Tức là tính chân như, là chân thật vô thể, vô thể nên vô tướng, vô tướng nên vô sinh, vô sinh nên vô diệt, vô diệt nên vắng lặng, vắng lặng tức tự tính của Niết-bàn. Tự tính không này trừ 5 thứ tội lỗi:

1. Trừ tâm hạ liệt. Không tin rằng Phật tính có được hay không, có được vô lượng công đức không, thì không thể phát tâm Bồ-đề. Không phát tâm này, thường giữ tâm hạ liệt. Phật tính khiến phát tâm, nên nói trừ tâm hạ liệt.

2. Trừ tâm cao ngạo. Nếu người không hiểu Phật tính bình đẳng, bảo rằng ta có Phật tính, ta đã phát tâm, người khác không có Phật tính không thể phát tâm nên sinh cao ngạo. Nếu thể theo lý này, không có đây kia, thì tâm cao ngạo liền diệt, cho nên nói là có thể trừ tâm cao ngạo.

3. Trừ chấp trước hư vọng xả bỏ chân thật. Hư vọng sở dĩ là tội lỗi sinh tử, là như người đến đánh đập mắng nhiếc nhục mạ v.v... một là chẳng phải bản hữu, hai là do tâm tạo tác mà hư vọng khởi. Chẳng phải tự nhiên tức là hư vọng. Nếu không theo đạo lý chân thật mà gọi đây là chân thật tức chấp lấy hư vọng mà bỏ chân thật, cho nên sinh 3 độc v.v... các phiền não. Nếu biết sinh tử hư vọng chẳng phải thật có, thì không thấy có đánh mắng và bị đánh mắng, không thấy tội lỗi của chúng sinh, không sinh phiền não, tức bỏ hư vọng chỉ thấy chúng sinh đều có Phật tính, đồng công đức viên mãn, tức có thể thủ lấy chân thật. Do đó tức sinh tâm từ bi thành Bồ-tát.

4. Có thể trừ ngã kiến. Các pháp bản lai tự tính chân thật. Có, không, cả 2 đều bình đẳng. Nếu ai hiểu được như vậy tức bỏ được cái tâm chấp tướng ngã kiến.

5. Trừ sợ sệt, có thể khiến chúng sinh tin thụ chính pháp rất sâu. Thể của chính pháp là hữu tướng vô tướng, hiểu Phật tính tức có thể tin thụ vô tướng chính pháp, thì không hủy báng Đại thừa.

Tiếp nói tính không này có thể dẫn phát 5 thứ công đức, đó là:

1. Trừ hạ liệt, sinh chính cần.
2. Trừ cao ngạo, sinh bình đẳng.
3. Trừ hư vọng, sinh từ bi.
4. Trừ ngã kiến, sinh Bát-nhã.
5. Trừ sợ sệt, thụ chính pháp, nên nói tính không.

Rõ lý Phật tính có 5 thứ công đức, lia 5 tội lỗi, trị hộ tính khiến được thanh tịnh, tức là nhân tự lợi. Cho nên thứ 12 này gọi là tính không. Phật tính tức là không đó.

Thứ 13: Tự tướng không. Là được 32 tướng lớn và 80 tướng nhỏ. Tướng cũng có 2 thứ: 1. Sắc tướng, tức 4 đại, 5 trần. 2. Vô sắc tướng, tức tất cả tâm pháp của 4 ấm. Hóa thân chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn. Bởi vì sao? Sinh tử là hư vọng điên đảo, chẳng qua khổ tập 2 đế. Hóa thân thì không vậy, y vào pháp thân và ứng thân mà có, thể không điên đảo, lại có thể trừ điên đảo của chúng sinh. Cho nên nói phi sinh tử. Phi Niết-bàn, là có thủy chung cho nên bởi phi sinh tử thì không có tướng hư vọng của sinh tử, bởi phi Niết-bàn cũng không có tướng chân thật của Niết-bàn, cho nên gọi là tướng không. Nếu Bồ-tát có thể tu tướng không này thì khiến 32 tướng 80 thứ vẻ đẹp, tức tu trị tướng mạo của hóa thân khiến được thanh tịnh. Cho nên thứ 13 gọi là tướng không.

Thứ 14: Nhất thiết pháp không, nghĩa là tất cả pháp của Như Lai nhiều vô lượng như cát sông Hằng. Như 10 lực, vô úy v.v... nói rõ tương ly bất tương ly không. Nếu dùng pháp thân mà nhìn ứng thân thì có ly có bất ly. Chỉ ứng thân quyết không ly pháp thân. Bởi

vì sao? Một là pháp thân là gốc, ứng thân là ngọn, ngọn không lia gốc, gốc thì lia ngọn.

Hỏi: Pháp thân nếu không lia ứng thân thì có lỗi gì?

Đáp: Nếu vậy thì một người thành Phật, tất cả mọi người đều phải thành Phật. Bởi tất cả người không đều thành, cho nên biết pháp thân có nghĩa không phải tức là ứng thân. Pháp thân cũng không lia ứng thân. Bởi vì sao? Vì pháp thân không có sai biệt, thường không lia công đức của 3 đời chư Phật. Nếu được như vậy thì cũng lia cũng chẳng lia đạo lý mà tu hành thì đây có thể được quả của ứng thân. Chỉ có điều là ứng hóa 2 thân đều có thể lợi vật. Hóa thân chính là xuống giống, ứng thân là thành thực. Nay nhất thiết pháp không này là tất cả Phật pháp thanh tịnh. Tất cả Phật pháp lại có 2 nghĩa: 1. Vô ly vô bất ly, bởi có thể chấp thiên lệch. 2. Vô chấp và sở chấp, bởi cảnh trí không sai biệt.

Đây tức thứ 14 nói nhất thiết pháp không. Đến đây có tất cả 3 không, nói tự lợi lợi tha nhân đã xong.

Thứ 15: Hữu pháp không.

Thứ 16: Vô pháp không. Hai không này đều cùng phát xuất từ 14 thể của không ở trước.

Thứ 17: Hữu pháp vô pháp không: Một không này phát ra các không tướng. Nói hữu pháp vô pháp không, là nói thể tướng của không này quyết định không có pháp, tức gọi là quyết định vô. Có cái đạo lý vô nhân pháp này, nên gọi là quyết định hữu. Vô này hữu này, là thể tướng của không. Thể nói lên lý không tăng giảm. Tướng nói quyết định của thể ấy. Quyết định là vô, quyết định là hữu, tức chân thật vô, chân thật hữu, chân thật vô nhân vô pháp, chân thật có đạo lý này.

Luận này sở dĩ chỉ nói 16 không, chính vì 2 không này thuộc trong 6 thể của không ở trước. Và cũng là 14 không, là vì 4 không sau trở lại biện luận các thể tướng ở trước. Cái không sau đây thuộc

trong 14 không trước. Cho nên có 14, 16, 18, nói rộng hay tóm lược không giống nhau.

Thứ 18: Xuất không quả. Nói bất khả đắc không, nghĩa là nói quả này khó được. Bởi vì sao? Theo như lý không này là phi đoạn phi thường, mà tức là đại thường. Nghĩa của thường đã không thể được, nên nghĩa của đoạn cũng không thể được. Không có tướng nhất định có thể được, nên nói khó được. Bởi vì sao? Cái lý không này phi khổ phi lạc mà là đại lạc, phi ngã vô ngã mà là đại ngã, phi tịnh phi bất tịnh mà là đại tịnh. Cái không này thuộc trong sự dụng của 8 không. Bởi thấy không có nhân pháp chính là thể của không, cho nên nói tùy sự dụng không giống nhau, ly tương thành dị. Như trước đã nói 6 cái không đầu tiên nói thể của không, tức 10 không nói cái dụng của không, dùng giữa và sau 2 không là gồm trong 14 không. Một không thứ 17 gồm trong thể của 6 không. Một không thứ 18 gồm trong dụng của 8 không. Cho nên 18 thành ra 16, 16 trở lại thành 14, hoặc trước nói rộng sau nói tóm lược, hoặc trước nói tóm lược sau nói rộng, sự lý không giống nhau, thể tướng khác biệt nhau, hoặc ly hoặc hợp là nghĩa như vậy.

Dưới đây thứ 4 phân biệt đạo lý không, có 3:

1. Tịnh bất tịnh. Nếu nói không, nhất định là bất tịnh thì tất cả chúng sinh không được giải thoát. Bởi vì sao? Bởi đã nhất định là bất tịnh rồi không thể khiến cho tịnh được. Nếu nói nhất định là tịnh thì tu đạo vô ích. Bởi vì sao? Vì khi chưa được đạo vô lậu giải thoát, thể của không vốn đã tự nhiên thanh tịnh. Thế thì không có phiền não có thể làm chướng trí tuệ, lại có thể trừ thì không cần phải nhờ công lực mà tất cả chúng sinh tự được giải thoát. Hiện thấy lia công lực chúng sinh không được giải thoát, nên biết cái không này chẳng phải nhất định là tịnh. Lại do công lực mới được giải thoát, cho nên biết cái không này chẳng phải nhất định bất tịnh. Tức gọi là đạo lý tịnh bất tịnh, bất tịnh tịnh đó.

Lại giải thích rằng nếu nói cái lý không nhất định là bất tịnh thì tất cả công lực sẽ không có quả báo. Bởi vì sao? Vì tự tính của pháp giới không, là bất tịnh. Tuy lại sinh, đạo tục không thể trừ, vì đạo thì vô dụng, không có nghĩa này. Cho nên biết cái không này chẳng phải tính bất tịnh.

Hỏi: Nếu vậy, đã không có tự tính bất tịnh thì cũng phải không có tự tính tịnh, làm sao quyết đoán rằng pháp giới phi tịnh phi bất tịnh?

Đáp: Thức A-ma-la là tâm tự tính thanh tịnh. Chỉ vì khách trần làm ô nhiễm nên gọi bất tịnh, vì khách trần hết nên lập là tịnh.

Hỏi: Vì sao không nói nhất định là tịnh nhất định là bất tịnh, mà nói hoặc tịnh hoặc bất tịnh?

Đáp: Vì hiển thị pháp giới với 5 nhập và thiền định v.v... nghĩa khác nhau. Sở dĩ không nói bất tịnh, là để rõ nhãn v.v... các căn tuy bị phiền não che lấp mà không bị phiền não nhiễm. Lại chẳng phải tịnh, lại chẳng phải tự tính tịnh nên không nói là tịnh. Nếu là pháp giới tuy bị phiền não che, mà không bị phiền não nhiễm nên chẳng phải bất tịnh mà là tự tính tịnh, vì là tự tính tịnh nên không nói là bất tịnh. Cho nên biết pháp giới với 5 nhập, thể khác nhau.

Hỏi: Vì sao không nói nhất định là bất tịnh?

Đáp: Vì làm rõ có khác với thiền định. Bởi vì sao? Nếu nói pháp giới nhất định có phiền não, tức tự tính bất tịnh, mà pháp giới này tuy bị phiền não che mà tự tính chẳng phải bất tịnh. Cho nên không được nói nhất định là bất tịnh hay phi bất tịnh. Chính đó là đạo lý nhất định có của pháp giới.

Hỏi: Vì sao không nói như như định tịnh, mà nói tịnh bất tịnh?

Đáp: Để khiến chúng sinh tu đạo nên nói là tịnh bất tịnh. Tức hiển thị như như có khác với 5 căn. Bởi vì sao? Như như và 5 căn

đều bị phiền não che mà đều không bị phiền não nhiễm, đều là tịnh mà nghĩa của tịnh có khác nhau. Bởi vì sao? Thể của 5 căn là phiền não, vì không phải tính phiền não, 5 căn chỉ có tịnh chẳng phải bất tịnh. Nếu như như không là phiền não mà là tự tính phiền não nên biết tịnh mà lại có nghĩa bất tịnh. Lại như như và thiền định đồng bị phiền não che, đồng có nghĩa bất tịnh mà nghĩa bất tịnh của chúng không giống nhau. Nếu là thiền định bị phiền não che, mà lại bị nhiễm là hoàn toàn mất tự tính. Nếu cái thể thành phiền não cũng thành bất thiện. Nếu là như như, tuy không là phiền não gọi là bất tịnh, mà do không mất tự tính, cũng không chuyển thành phiền não và bất thiện. Nói tức bất tịnh mà lại có nghĩa tịnh, có thể lập 3 câu: 1. Năm căn là phiền não, không bị phiền não nhiễm, tức chỉ là tịnh, chẳng phải bất tịnh. 2. Thiền định thành phiền não, bị phiền não nhiễm, chỉ là bất tịnh, không lại có tịnh. 3. Như như bởi khác 5 căn nên không bị phiền não nhiễm, là tịnh mà không là phiền não, tức là bất tịnh, cho nên nói bất tịnh, mà do không mất tự tính, cũng không chuyển thành phiền não và bất thiện, nên nói tức bất tịnh mà lại có nghĩa tịnh.

2. Nói rõ đạo lý phi hữu phi vô. Vô nhân vô pháp, nên nói phi hữu thật hữu. Đạo lý vô nhân vô pháp, nên nói phi vô, cũng nói chân thật hữu chân thật vô, tức phi hữu phi vô.

3. Nói rõ đạo lý bất nhất bất dị các tịnh bất tịnh. Tịnh tức là đoạn là thường. Nghĩa của thường khác với ngã nên nói bất nhất. Thể của ngã thường nên nói bất dị.

Đây là nói như như đủ 3 đức. Đến với 16 không này lập ra 4 khoa giải thích: Đầu tiên có 6 không, nói tự tướng của không. Tiếp có 8 không, nói sự dụng của không. Ba, có 2 không, nói tịnh bất tịnh. Bốn, nói lý 16 không này có thể trừ 4 thứ tội lỗi : 1. Trừ hý luận. 2. Trừ bố úy. 3. Trừ giải đãi. 4. Trừ nghi hoặc.

1. Trừ hý luận, là có 2, một thể gian chúng sinh trong pháp nội ngoại khỏi vô lượng hý luận, nghĩa là hữu ngã vô ngã v.v... đều y vào quả nhân đạo v.v... gọi là hý luận. Nếu kiến đạo và đạo quả đều hoàn toàn không, thì có thể trừ các hý luận này. Nếu là nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, 4 không này có thể trừ hý luận của 2 ngã là nhân pháp của thể gian. Nếu là không không và đệ nhất nghĩa chân thật không, thì 2 không này có thể trừ hý luận của cảnh trí nhân quả xuất thể gian.

2. Trừ bồ úy, là chúng sinh nghe người đều là không, thì sinh sợ không chịu tu đạo, nên Như Lai nói cái không này có sự dụng. Bởi vì sao? Nếu ai có thể tu sự dụng của 8 không thì có thể đắc đạo và được đạo quả, cho đến được tất cả công đức của 3 thân.

3. Trừ giải đãi, là nếu chấp nhất định là tịnh thì không nhọc sức tu hành. Nếu nói nhất định là bất tịnh, thì vĩnh viễn không thể trừ diệt, cũng không cần tu đạo, chỉ ở trong sinh tử vĩnh viễn không giải thoát. Cho nên phải nói là có tịnh bất tịnh. Bởi vì sao? Khi có hoặc thì bất tịnh, trừ hoặc rồi thì thanh tịnh nên phải tu đạo.

4. Trừ nghi hoặc, là tâm của người nghi ngờ, nghe như như là hữu là vô thì sinh do dự không thể quyết đoán. Nghĩa là như thấy cây trơ trụ gọi là người, gọi người là cây trơ trụ. Phật vì để phân biệt phán đoán rõ nhân pháp 2 ngã quyết định là vô. Đạo lý vô nhân vô pháp quyết định là hữu, cho nên là không. Vì thế mà tồn tại 2 nghĩa hữu vô. Đạo lý như thế có thể trừ tâm nghi.

Thứ 3, nói rõ chân thật duy thức. Nói tất cả các pháp chỉ có tịnh thức, không có năng nghi cũng không sở nghi. Như Luận Duy Thức có giải thích rộng. Chỉ nghĩa duy thức có 2: Một là phương tiện. Nghĩa là trước quán chỉ có thức A-lê-da, không có cảnh giới nào khác, hiện được cảnh trí 2 không, trừ vọng thức đã hết, gọi là phương tiện duy thức. Hai là chính quán duy thức, trừ sạch tâm thức hư vọng

sinh tử, và cảnh giới đều hoàn toàn tịnh, chỉ có A-ma-la thanh tịnh tâm mà thôi.

Thứ 4, nói y xứ chân thật như nói khổ y đế.

Thứ 5, tà hạnh chân thật, là tập đế.

Thứ 6, thanh tịnh chân thật, là diệt đế. Thứ 7, chính hành chân thật, là đạo đế. Bốn đế lược có 3 thứ như đã giải thích riêng. Kinh Giải Tiết nói rõ Phật nói có 7 thứ chân như : 1. Sinh. 2. Tướng. 3. Thức. 4. Y chỉ. 5. Tà hạnh. 6. Thanh tịnh. 7. Chính hạnh. Thứ nhất, sinh chân như, nghĩa là các pháp hữu vi đều không có như. Hai, tướng chân như, là nhân pháp 2 vô ngã. Ba, thức chân như, là tất cả hữu vi là chỉ có thức. Bốn, y chỉ chân như, là như đã nói khổ đế. Năm, tà hạnh chân như, là như đã nói tập đế. Sáu, thanh tịnh chân như, là như đã nói diệt đế. Bảy, chính hành chân như, là như đã nói đạo đế. Bảy thứ chân như này tức đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế tức gồm trong tính chân thật, cho nên gọi là 7 thứ chân như. Tức trước nói rõ 7 thứ chân thật, như trong Luận Tam Vô Tính giải thích rộng và đầy đủ.

Hỏi: Làm sao biết 7 thứ này đều là đệ nhất nghĩa đế, tức gồm trong tính chân thật?

Đáp: Do 2 nghĩa nên biết 7 thứ này đều tối thắng tối cực. Tức cảnh giới của 2 trí. Nói tối thắng, tức như như đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này tức là trí như lý chiếu nên gọi tối thắng. Tối cực, là cảnh giới của nhất thiết trí, tức là tục đế. Tục đế này là trí như lượng chiếu. Trí như lý, tức trí vô phân biệt. Trí như lượng, tức vô phân biệt hậu trí. Lại trí như lý là nhất thiết chủng trí. Trí như lượng tức nhất thiết trí. Duy chỉ một trí thông chân tức có thông tục, tức không, tức chân nghĩa mà lấy tên trí như lý, cũng gọi nhất thiết chủng trí. Nếu tục nghĩa có nghĩa thì lấy tên như lượng trí, cũng gọi như nhất thiết trí, cho nên nói tối thắng tối cực mà là cảnh giới 2 trí. Tức như lý như lượng 2 trí sở tri.

Lại có nghĩa khác biết 7 thứ chân như gồm trong tính chân thật. Bởi vì sao? Nói rõ tất cả pháp chân thật đều lia vọng tưởng là một là khác. Nghĩa là chẳng phải một chẳng phải khác, vì lia tứ báng pháp. Nói 7 thứ chân như không thể được, nói khác các tướng cũng không thể nói. Không khác các tướng, nên nói khác các tướng cũng không được nói, không khác các tướng cũng không thể nói cũng khác không khác, chẳng phải khác chẳng phải không khác đều không thể nói. Nói 7 thứ chân như, trong các tướng là không thể nói có cũng không thể nói không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không đều không thể nói, vì lia tứ báng.

Lại có riêng được tin có. Bởi vì sao? Tức là vì cảnh giới thanh tịnh nên biết là có. Nếu ai có thể tâm duyên pháp này tâm liền thanh tịnh, cho nên phải biết 7 thứ chân như này đều là thường trụ, trong tất cả mọi thời tính không đổi khác. Vì là cảnh giới thanh tịnh cho nên phải biết tính thiện chân thật này do lý này thường là thiện. Cho nên phải biết là lạc đế. Bởi vì sao? Vì thường cho nên lạc, thiện cho nên tịnh. Như thế 7 thứ chân như tức là thể tính của tất cả pháp. Vì là thể tính cho nên nói là ngã. Tức 4 đức thường lạc tịnh ngã đó.

Lại giải thích sơ dĩ gọi 7 thứ này là chân như là vì tính chân thật đệ nhất nghĩa để đồng một mùi vị vậy.

1. Sinh chân như, nghĩa là thể của nhân quả là một mà danh tự có khác. Vì sao gọi là một? Vì đồng là y tha mà có. Nhân đã y tha, quả cũng y tha. Thể của nhân quả này tức 5 âm. Năm âm vô ký gọi tên là quả. Năm âm thiện ác, nghĩa hữu ký, gọi tên là nhân. Lấy năng sinh làm nhân, sở sinh làm quả. Cũng đối trước là quả, đối sau là nhân. Cho nên biết chỉ là một niệm mà 5 âm có tên là nhân có tên là quả, thể của nó thực sự chưa từng có khác. Cho nên nói nhất thể là danh tự có khác. Nhân này quả này đều y tha thì không có tự tính. Không có tự tính nên thể không chân thật. Cho nên gọi là một mùi vị. Tức đồng là

không chân thật nên gọi là sinh chân như. Hai, nói một mùi vị, là sinh chân như này tính đã là y tha, thì không chân thật sinh cho nên gọi là sinh chân như, tức vô sinh tính không. Bởi vô sinh nên tức là một mùi vị. Ba, tính y tha này ắt có tính phân biệt. Tính phân biệt đã là tính vô tướng, tính vô tướng tức là vô tướng chân như, tức vô tướng chân như tức là một mùi vị. Cho nên 3 nghĩa này gọi là sinh chân như.

2. Tướng chân như, nghĩa là để hiển thị pháp thông tướng, cho nên là nhân pháp 2 vô ngã, tức lý 2 không, gọi là nhất thiết pháp thông tướng, tức gọi là tướng chân như.

3. Thức chân như, nghĩa là duy chỉ có thức không có cảnh giới. Cảnh giới bất thành nên thức cũng bất thành. Đây là năng duyên sở duyên. Cả hai đều là tính bất khả đắc nên gọi là thức chân như.

4. Y chỉ chân như, nghĩa là như nói khổ 5 ấm là thể. Năm ấm này là chỗ y chỉ của chúng sinh. Gá mượn nó làm ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cho nên gọi là y chỉ. Khổ đế có 4 tướng, là khổ, vô thường, không, vô ngã. Cả 4 nghĩa này đều không điên đảo đều gọi là chân thật, tức y chỉ chân như. Dưới đây 4 tướng đều là không vì vô sở hữu nên đều gọi là chân thật, cũng y chỉ vào chân như.

5. Tà hạnh chân như, như nói tập đế. Tập có 2 nghĩa nên gọi là chân như: Một là vô đảo chân như, là nghĩa của năng sinh. Nghĩa này chân thật, tức là tập chân như. Hai là năng sinh sở sinh đều vô sở hữu, vì vô sở hữu nên gọi là tà hạnh chân như.

6. Thanh tịnh chân như, như nói diệt đế. Cũng có 2 nghĩa: Một là vô đảo chân như. Nghĩa là 4 đức đều vô đảo nên gọi là chân như. Hai là diệt đế với sinh tử không có sai biệt, đồng một như như đều vô sở hữu, nên gọi là thanh tịnh chân như.

7. Chính hành chân như, như nói đạo đế. Đạo tức Bát-nhã. Bát-nhã với vô minh thể tính trái nhau. Đạo tức vô đảo. Chân như

như đạo và phiền não thể đồng, nên đối với 2 không đều vô sở hữu, cho nên là một mùi vị như như, cho nên gọi là chính hành chân như, cũng gọi là chân như, cũng gọi là như như, cũng gọi là chân thật đều được hết. Mười thắng trí chân thật, là có 10 thứ thắng trí để trừ 10 thứ ngã kiến: 1. Chấp một. 2. Chấp nhân. 3. Chấp thụ giả. 4. Chấp tác giả. 5. Chấp tự tại. 6. Chấp Tăng thượng. 7. Chấp thường. 8. Chấp bất tịnh tịnh. 9. Chấp tu hành. 10. Chấp triền phược giải thoát.

1. Chấp một, nghĩa là tập hợp các pháp lập chung một tên, tức rơi vào đoạn kiến. Bởi vì sao? Như kệ của Luận Thất Nhập có nói ví như bờ đê vỡ không trở lại như cũ, cho đến gò đất không tái lập lại. Chỉ có cảnh giới của căn gọi là chúng sinh. Như thánh giáo nói như có thể thấy dấu chim trên không. Đây là thể nhập ngoại đạo hiển thị chấp một, nói tức thân là người, thân diệt ngã mất nên rơi vào đoạn kiến. Để phá chấp này nên lập 5 ám. Thắng trí tuy có 3 nghĩa, nghĩa là nhiều tập hợp khác biệt. Sắc tâm 3 đời đều gọi là ám cho nên gọi là nhiều tập hợp. Sắc tâm 3 đời đều tên là ám cho nên gọi là tập hợp, sắc tụ khác tụ, tụ tụ khác với tướng v.v... nên gọi là khác biệt. Đó gọi là 5 ám. Nếu hiểu rõ 5 ám có 3 nghĩa này tức không có chấp một. Nói 3 đời là quá khứ đã mất, vị lai chưa có, hiện tại không dừng trụ, mà lấy tất cả các sắc trong ngoài đều gọi là ám. Lấy 3 nghĩa đối trị 3 thứ vô minh, nghĩa là: một, giả thuyết và tương tạp. Một, vô minh là như thể nhập ngoại đạo v.v... cho rằng thân là một vật, một vật là ngã. Người không biết chỉ có 3 đời 5 ám nên rơi vào đoạn kiến. Đây là chấp ám là ngã, ám diệt thì ngã mất. Phật vì đó nói 3 đời 5 ám là nhiều chẳng phải một, tức phá cái chấp một kia vậy. Hai, giả thuyết vô minh, là như ngoại đạo Ưu-lâu-khư v.v... cho rằng thân khác phần, tức chấp có nhân khác pháp. Đây là lia ám chấp ngã nên rơi vào thường kiến. Bởi vì sao? Nhân pháp đã khác thì nói ám diệt ngã còn tồn tại, do không hiểu tập hợp các ám giả nói là người, chỉ

gọi là vô thể. Mê giả thuyết này nên gọi là giả thuyết vô minh. Cho nên Phật vì đó nói tập hợp giả nói là pháp, thể tức là không. Tức phá chấp này nên nói có thể trừ giả thuyết vô minh vậy. Ba, tướng tạp vô minh, là như Nhất thiết hữu bộ chấp cho rằng trong 8 thánh đạo, chính tư, chính kiến đều thuộc trong Bát-nhã. Vì họ không không thể phân biệt 2 cái khác nhau nên sinh chấp này. Cho nên các sư bên Đại thừa kinh bộ nói chính tư nên muốn tìm kiếm lý trước chưa quyết đoán còn thuộc tác ý. Tác ý tức ý nghiệp nên chẳng phải thuộc trong Bát-nhã. Chỉ có chính kiến mới là Bát-nhã. Thông mà luận tất cả tri kiến có thể thông đạt tuyền trạch đều thuộc Bát-nhã. Năm âm cũng vậy, nếu không thể phân biệt thụ khác tướng, tướng khác hành v.v..., nghĩa là tướng và thụ chỉ là một vật, tức mất thể tính của nó nên gọi là tướng tạp vô minh. Tướng tạp vô minh nên mất chính kiến. Mất chính kiến thì không thể giải thoát được. Cho nên Phật vì đó nói 5 âm thể không đồng nhau. Phân biệt thụ tướng v.v... khác để lập 2 tướng thông và biệt. Biệt tướng sinh chứng kiến. Thông tướng sinh tỷ kiến.

Hỏi: Năm âm làm sao gồm trong chân thật căn bản?

Đáp: Sắc có 3 thứ: 1. Phân biệt sắc. Cũng có nghĩa dài ngắn, lớn nhỏ, vuông tròn v.v... đều thuộc phân biệt giả, là vì không có cái thể riêng biệt. 2. Chung loại sắc. Nghĩa là có chung loại riêng, như từ nhân sinh quả, do hỏa sinh làm nhân sinh chung loại hỏa gia. Chung loại đã tương tự, tức là thật pháp tương sinh, thuộc y tha giả, do chung loại y vào nhân được thành, chẳng phải sức của tự tính. 3. Như như sắc. Nếu là phân biệt giả là hoàn toàn vô thể tức là pháp không. Nếu là y tha giả tuy có cái thể, thể đó không phải chân thật, y tha mà có, tức có pháp không. Cái thể của 2 không này đã là chân thật nên gọi là như như sắc. Vì tự tính của sắc như vậy nên lấy sắc nhân nơi như như. Sắc của như như gia như vậy nên nói như như sắc. Lấy ngọn theo gốc làm tên, cũng có thể nói được là lấy gốc đến

ngọn. Cái chân thật này gọi là chân thật giả. Thể của giả tức không, nên gọi là chân thật. Giả không tức như như. Tướng chân thật cũng không thể được.

Sắc ấm đã tức là 3 giả, vì gồm trong 3 giả, thụ v.v...4 ấm lý đều tự như vậy. Đầu là gồm trong 3 giả, Thụ khổ thụ lạc là phân biệt giả. Thể của phân biệt từ nhân duyên sinh, có nhân có quả tức y tha giả. Như như, gọi là chân thật giả. Nếu có thể phân biệt thông tướng biệt tướng, tâm này là tướng. Nếu thụ lãnh khổ lạc, không có chấp nào khác thì gọi là thụ.

2. Chấp nhân. Để đoạn chấp này thành 18 thắng trí. Các ngoại đạo đều có cái chấp chung là tất cả pháp nhân nơi ngã được sinh, gọi là chấp nhân. Ngã có 9 pháp là: tri, lạc, khổ, dục, sân, công lực, niệm, pháp, và phi pháp. Ngã đã bản hữu, từ ngã sinh pháp phi pháp. Pháp phi pháp khiến tâm hòa hợp với ngã. Hòa hợp nên có thể có sở tri. Tri nên có lạc. Lạc nên có khổ. Do lạc nên sinh dục. Do khổ sinh sân. Muốn được lạc nên chán khổ mà tu công lực. Công lực nên có chính niệm. Muốn được giải thoát nên phải trừ pháp phi pháp. Pháp phi pháp không sinh thì không có tri. Vì không tri nên không khổ lạc v.v... Nếu cầu giải thoát phải tu 4 pháp: 1. Chân thật ngữ, tức tri giới. 2. Thí. 3. Khổ hành. 4. Định. Nếu có thể tu 4 thứ chính pháp này thì được sinh vào con đường thiện. Con đường thiện được lạc. Lạc có trí tuệ. Trí tuệ thì chán pháp phi pháp. Chán pháp phi pháp thì được giải thoát. Đại thừa phá chấp nói rằng: Nếu nói trước có ngã mà chưa có pháp phi pháp, sau thì không có nhân duyên mà sinh, giải thoát cũng vậy, được giải thoát rồi cũng phải không có nhân duyên lại sinh pháp và phi pháp. Như vậy tức không có khi nào giải thoát. Giới là nghĩa của chủng tử. Chủng loại của tự phần gọi là chủng tử. Chủng tử cũng là một nghĩa, bởi chủng loại đồng nhất. Chỉ phân rộng quả mà thành 18 giới. Chủng tử có 3: 1. Năng chấp. 2. Sở chấp. 3. Chấp. Chủng tử

năng chấp của nhân v.v...6 căn, gọi là tự chủng. Chủng loại tức là năng sinh. Chỉ tùy nhân duyên hơn kém mà có quả dị sinh hơn kém không đồng nhau. Do quá khứ tham, 6 trần sinh nghiệp huân vào thức A-lê-da khiến chủng tử đã đồng là một tham, nên nói chủng tử là một mà có thể được quả khác nhau của 6 căn. Cho nên nói nhân có 6 thứ là vậy. Nói căn năng chấp, là căn đã chẳng phải tâm pháp, thật không thể chấp, chỉ vì ngoại đạo nói trong căn riêng có người, đó là năng chấp, cho nên phương tiện nói căn là năng chấp. Sắc v.v... 6 trần là sở chấp. Chủng tử do tự chủng sinh nên nói do quá khứ tham. Nội căn muốn dùng ngoại trần nên lấy tham căn với tham sinh nơi trần này. Lại do tham 6 trần nên có 6 căn rồi lại lấy tham của tham trần sinh nơi 6 căn. Sáu thức là chấp chủng tử. Giả nói giới này có 3 nghĩa: 1. Năng tác. 2. Sở tác. 3. Tác vi. Phá chấp cho Câu-hi-la khi còn theo ngoại đạo, cho ngã là năng tác mà đến hỏi Phật, Phật phương tiện giả nói nhân v.v... là năng tác. Cái chấp nhân v.v... là ngã tác, lại phá chấp một âm nói rằng lìa ngoài căn ra không có cái ngã riêng biệt. Chỉ là nhân v.v... từ nhân duyên sinh. Nghĩa là năng tác, thật chẳng phải năng tác. Giả nói 6 trần gọi là sở tác, là để phá chỗ lập 2 thứ thường ngã của ngoại đạo Tăng-khư: Một, bảo là hữu tri ngã là thường ngã. Đã là thường, nên chẳng phải năng tác. Hai, chấp vô tri ngã, tức tất cả pháp là hữu tri ngã dụng. Tự tính thành tự trí phi sở tác là Phật giả nói 6 trần gọi là sở tác, chẳng phải tính hữu. Đã chẳng phải thật hữu năng tác cho nên biết trần cũng chẳng phải sở tác. Cho nên giả thuyết tác là 6 thức. 1. Phá ngoại đạo, nghĩa là tất cả mọi sự đều do ngã ý. Đây là tăng ích báng. 2. Tà kiến ngoại đạo gọi là ngã thường. Vì ngã thường nên các pháp cũng thường. Hai thứ đều đã là thường, nên không có năng tác và sở tác, tức tổn giảm báng. Để lìa nhị biên này nên giả nói 6 thức là tác, căn trần không tác ý nên không có tác. Nếu lìa căn trần cũng không có thức. Bởi vì sao? Bởi thức phải y

vào căn trần mới sinh được. Thế thì không có bất tác, chính là phá ngoại đạo năng tác sở tác v.v... 3 thứ vô minh nên lập 3 nghĩa này. Để làm rõ chúng tử có năng chấp sở chấp v.v... nên lập 18 giới. Nếu hiểu 18 giới từ 4 duyên sinh thì không chấp ngã là năng sinh v.v... Căn gọi là năng tác, nghĩa là năng tác có 2 thứ, một là năng sinh thức, hai là năng làm trần tác duyên. Trần là sở tác, nghĩa là là tác duyên của nhãn, là sở y của thức. Thức là tác giả, nghĩa là tác là sinh khởi, có nghĩa của sự, nghĩa của giới. Theo chân thật căn bản thì nhãn có 3: một là phân biệt nhãn, hai là chủng loại nhãn, ba là như nhãn. Cho đến hành phi hành thắng trí. Thí dụ như giải thích trong 5 âm. Bốn, để phá chấp tác giả nên nói 12 duyên sinh nhân quả sự. Ba nghĩa không tăng giảm. Nói tăng giảm là trong hành thức v.v... 11 chi lập nhân bất bình đẳng. Bởi vì sao? Bởi pháp vô thường lập thường làm nhân cho nên gọi là bất bình đẳng. Như ngoại đạo Tăng-khur v.v... lập vô tri ngã làm nhân. Cũng như Ưu-lâu-khur lập thường ngã làm nhân và chấp trời Tự Tại là thường v.v... mà năng tác nghiệp cũng là lập thường làm nhân năng tác vô thường quả. Nhân quả tức không cùng loại với nhau cho nên nói lập nhân bất bình đẳng lý mà làm luận quả của vô thường. Tự bởi có vô minh làm nhân mà kia gọi là nhân hữu thường tức là tăng ích nơi nhân. Nghĩa cũng tồn giảm nhân, nghĩa là như ngoại đạo Ni-kiền tử v.v... Nghĩa là các pháp tự nhiên mà có, không có nhân duyên thật hữu nên gọi là không, cho nên nói tồn giảm nhân. Tăng quả, là như nghĩa của Tăng-khur v.v... lập ra. Nghĩa là trong nhân đã có quả. Quả tuy bản hữu, do nhân hiển quả. Đây đã là bản hữu thì không từ nhân sinh, mà lý thì thật do nhân duyên tụ tập mới có quả này, mà chấp nói bản hữu nên gọi là tăng quả. Tồn quả, là như ngoại đạo lập nghĩa đoạn kiến v.v... Nghĩa là tất cả nghiệp đều giảm quả, không có vị lai sinh. Thật hữu cảm thật hữu sinh, mà tà chấp lập là vô, nên gọi là tồn quả. Tăng sự, là như trời Tự Tại chấp.

Nghĩa là tất cả mọi việc đều từ tâm ý ta mà có, như thể của vô minh riêng có tác ý có thể sinh ra hành, mà thể của vô minh thật không riêng có tác ý mà sinh hành. Lại như Ưu-lâu-khư chấp trong pháp thể riêng có sự nghiệp có động chuyển v.v... Sự nghiệp có 5 thứ là trên dưới co duỗi v.v... lấy động chuyển làm thể, lia thể ra thật không có sự nghiệp nào khác, mà tà chấp cho là có, nên gọi là tăng sự. Tồn sự, là ngoại đạo chấp. Nghĩa là vô minh vô lực có thể sinh hành. Vô minh hoặc tại hoặc bất tại, tự nhiên có hành, cho nên biết vô minh vô lực sinh hành. Nếu hiểu 12 hữu phần lần lượt sinh nhau có thể lia nhân quả sự v.v... tăng giảm 6 thứ tà chấp. Lược nói nghĩa của 12 hữu phần nhân quả, tự có 3 thứ: 1. Nói vô thường. 2. Nói ý của vô động chuyển. 3. Nói thể tướng của nhân quả. Nếu tâm là thường thì không có nhân quả. Bởi tâm là vô thường nên nghĩa nhân quả lập. Nếu nói riêng có ý động chuyển thì nhân phải tác ý sinh quả. Quả phải tác ý mới từ nhân sinh. Thế là tự tại chẳng phải gọi là y tha, thì sinh nghĩa y tha nhân y quả, quả nhờ nhân thành, phải đợi nhau đều y tha, vì là giả không có thật tính. Nếu không tương tự thì mất nghĩa nhân quả. Như đậu sinh ra lúa mạch, bởi chẳng phải nhân nên không sinh ra nhau. Nếu khiến quả không giống nhân, nhân không giống quả thì làm ác liền được sinh lên trời, làm thiện thì đọa địa ngục. Cho đến hữu lưu phải cảm giải thoát, vô lưu lại thêm sinh tử. Cho nên vô thường sinh vô thường, đó là lý tự nhiên không cần chấp có tác ý. Nhân quả tương tự gọi là 12 hữu phần. Nghĩa này để phá 3 thứ phiền não, nghĩa là tham ái là da, ngã kiến là thịt, vô minh là tâm. Trong thể của 12 duyên này nếu là quả báo phần là thật nếu chán lia để phá tham ái hiển thị vô nguyện giải thoát môn, nếu là nhân phần thì để phá ngã kiến hiển thị quả do nhân sinh, chẳng phải ngã là thường làm, hiển rõ không giải thoát môn, dùng vô minh trở lại hiển thị vô minh. Nếu có thể hiểu rõ các nghiệp hành từ vô minh sinh, tức vô minh hiển thị cái

tâm tối tăm, tức diệt vô minh tức là 4 báng chấp tướng. Phá cái vô minh này để hiển thị vô tướng giải thoát môn đó. Nếu thể 12 hữu phần không tăng không giảm, thì trừ ngã kiến lìa chấp tác giả nên dùng 12 hữu phần chính là phá chấp này vậy. Ba vốn sở nhiếp, nghĩa là vô minh có 3 nghĩa: 1. Phân biệt sở hiển, tức phân biệt giả. 2. Có đạo lý nhân quả, tức y tha giả. Hai cái này đều vô sở hữu, tức chân thật giả. Vô minh một chi đã vậy còn lại các hành v.v... 11 cũng đều như vậy không phải giải thích nữa. Năm, phá chấp Tự Tại, cho nên nói xứ phi xứ thắng trí. Ngoại đạo chấp trời Tự Tại có thể như ý làm thiện được quả báo ác đạo, sinh ác có thể chiêu cảm thiện đạo, tác hữu lưu được giải thoát, tác vô lưu cảm sinh tử. Bởi vì sao? Vì được tự tại. Để phá chấp này nói xứ phi xứ đều là y tha, hoàn toàn không có tự tại. Không tự tại có 3 nghĩa: 1. Y nghiệp xứ phi xứ. 2. Y phiền não xứ phi xứ. 3. Y quả báo xứ phi xứ. Như trong nghĩa thọ lượng giải thích rộng rõ 7 thứ là nghĩa của xứ phi xứ. Y nghiệp xứ phi xứ, nghĩa là y ác nghiệp gọi là ác đạo, gọi là thị xứ, không có sức tự tại nhập vào. Nếu y ác nghiệp không vào ác đạo, gọi là phi xứ, không có chỗ như vậy. Thiện nghiệp cũng vậy. Y phiền não, nghĩa là nếu ai chưa xả bỏ ngũ cái, chưa tu tập thất giác, hoàn toàn không hết được biên giới của khổ. Y phiền não không đến được giải thoát. Cho nên biết không có nghiệp tự tại. Phạm phu y phiền não có thể tạo sát v.v... các nghiệp không có phiền não làm y xứ nên hoàn toàn không có sức tự tại. Y quả báo, nghĩa là một nước không có 2 vua, đời không có 2 Phật. Nếu khiến 2 vua, 2 Phật đồng thời xuất hiện là không có chuyện đó. Như người nữ làm Chuyển luân vương, cũng không có chuyện đó. Tiểu thừa Thanh Văn và Bích-chi-phật được thành Phật cũng không có chuyện đó. Chuyển luân vương và Phật đồng có nghiệp bất cộng. Nghiệp này tối thắng hơn hết tất cả sức quả báo nhân duyên. Tuy lại tác ý muốn đồng một xứ cũng hoàn toàn không theo ý được. Người nữ có 2

ngiệp: 1. Tâm thiện nên cảm được thân người. 2. Do ác nghiệp nên là thân nữ, hằng lệ thuộc nơi người không được tự tại, đều là quả báo y tha đó. Người Nhị thừa thiếu dục tri túc, y nhân nghiệp này nên nay được quả. Đã được quả này, muốn cầu Bồ-tát, không sức tự tại hoàn toàn không thể được. Như nghĩa này, có 2: 1. Y nghiệp. 2. Y quả. Nếu được 7 thứ xứ phi xứ thắng trí thì lìa ngã kiến sau được tự tại như ý có thể được.

Nghĩa thuộc 3 tính căn bản như trên đã giải thích. Khó được thí dụ không ghi thêm nữa./.

TRỌN BỘ MỘT QUYÊN HẾT

SỐ 1617
LUẬN TAM VÔ TÍNH
(Xuất từ Vô Tướng Luận)
QUYỀN THƯỢNG

Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt

Luận nói:

Trong Phẩm lập không, nhân không đã xong, chưa lập pháp không. Để làm rõ pháp không, nên nói Phẩm các pháp vô tự tính.

Giải thích:

Trước nói Phẩm không, sau nói Phẩm vô tính là để làm gì? Đáp: Trước nói Phẩm không, để hiển thị nhân không, chỉ trừ phiền não chướng, đó là biệt đạo. Sau nói Phẩm vô tính để hiển thị pháp không, thông trừ tất cả trí chướng và phiền não chướng, đó là thông đạo. Lại còn có công dụng khác, là trừ 3 cái luận hư vọng của thế gian: 1. Đấu tránh là thắng luận. Như các luận của Lô-già-da-đề-ca và Tăng-khư v.v... 2. Đa văn là thắng luận. Như các luận của 4 Vĩ-đà và I-đề-ha-bà v.v... 3. Chính hành là thắng luận. Như Nhị thừa giáo v.v...

Nay nói 2 không trừ 3 luận này. Trước nói nhân không để trừ 2 luận của ngoại đạo trước. Tiếp đến nói pháp không để trừ cái chấp thiên lệch của Tiểu thừa cho đến các luận tà chấp của ngoại

đạo, hiển thị chân thật chính hạnh, nhân hạnh này được rốt ráo không gì so sánh. Lại nữa nói nhân không là phá tà pháp, nói pháp không là lập chính pháp. Nếu nói rõ rộng rãi luận dụng như 18 bộ, là hiển thị cái dụng này, cho nên nói luận này. Đây tức thứ nhất nói rõ dụng phần.

Luận nói:

Ngoại đạo hỏi trong pháp gì lập vô tính này, trước phải an lập pháp đó. Nếu nói như vậy thì có chỗ tương ưng với lý vô tướng, thật hư 2 cảnh tức có thể thấy ngay.

Đáp: Tất cả các pháp không ra ngoài 3 tính: 1. Tính phân biệt. 2. Tính y tha. 3. Tính chân thật.

Tính phân biệt, là danh ngôn hiển thị tự tính các pháp. Tức tương tự trần thức phần.

Tính y tha, là dựa vào nhân dựa vào duyên hiển thị tự tính của pháp. Tức loạn thức phần, vì y nhân nội căn duyên ngoại trần khởi.

Tính chân thật, là pháp như như. Pháp là phân biệt y tha 2 tính. Như như tức là 2 tính vô sở hữu. Tính phân biệt do không có thể tướng nên vô sở hữu. Tính y tha do vô sinh nên vô sở hữu. Hai cái vô sở hữu này đều không biến đổi nên nói như như. Vì vậy gọi cái như như này là tính chân thật. Đây tức là đệ nhị tương ưng phần, tức lập danh. Tiếp đến theo 3 tính này, nói 3 vô tính. Do 3 vô tính nên phải biết là lý một vô tính. Theo tính phân biệt thì do tướng vô tính nên nói là vô tính. Bởi vì sao? Như chỗ hiển hiện thì tướng là thật vô, cho nên tính phân biệt lấy vô tướng làm tính. Theo tính y tha thì do sinh vô tính nên nói là vô tính. Bởi vì sao? Sinh này do sức duyên mà thành, không do tự thành. Sức duyên tức là tính phân biệt. Tính phân biệt, thể đã không vì không có sức duyên, nên sinh cũng không được lập. Cho nên tính y tha lấy vô sinh làm tính. Theo tính chân thật thì do chân thật vô tính nên nói là vô tính. Bởi vì sao? Vì lý này là chân

thật, tất cả các pháp do lý này nên đồng một vô tính. Cho nên tính chân thật lấy vô tính làm tính.

Giải thích:

Theo tính chân thật, do chân thật vô tính nên nói là vô tính. Nghĩa là tính chân thật này không có pháp nào khác, tức trở lại cái vô của 2 tính trước là tính chân thật. Vì chân thật là vô tướng vô sinh. Tất cả pháp hữu vi không ra ngoài 2 tính phân biệt và y tha này. Hai tính này đã chân thật vô tướng vô sinh, do lý này nên tất cả các pháp đồng một vô tính. Cái một vô tính này chân thật là vô, chân thật là hữu. Chân thật, không có 2 cái hữu của phân biệt và y tha này. Chân thật, có 2 cái vô của phân biệt y tha này. Cho nên không thể nói hữu cũng không thể nói vô. Không thể nói hữu, như 5 trần. Không thể nói vô như sừng thỏ. Tức là phi hữu tính, phi vô tính, nên gọi là tính vô tính. Cũng lấy vô tính làm tính, nên nói là tính vô tính, tức là phi an lập đế. Nếu vậy 3 tính đều an lập. Hai tính trước là an lập thế đế. Thế thật là vô, an lập là hữu, cho nên tính chân thật tức là an lập chân đế. Đôi khi trừ 2 hữu, an lập 2 vô, gọi là chân đế. Trở lại tìm kiếm tính này, lia hữu lia vô nên phi an lập thì 3 vô tính đều phi an lập. Đây tức đệ tam tướng phần, nói rõ 3 thứ thể tướng.

Luận nói:

Ba thứ tính như vậy đã nói tướng của chúng là vô tính. Nay phải nói đạo lý thành lập. Tính phân biệt là không có thể tướng. Bởi vì sao? Vì tính này không ở trong 5 tạng. Nếu pháp là hữu thì không ra ngoài 5 tạng. Năm tạng là: 1. Tướng. 2. Danh. 3. Phân biệt. 4. Như như. 5. Vô phân biệt trí.

Tướng, là phẩm loại các pháp, chỗ y chỉ của danh, cú, vị. Danh, tức là danh cú vị của phẩm loại các pháp. Phân biệt, là tam giới tâm tâm pháp. Như như, là pháp không, hiển thị cảnh giới của thánh trí. Vô phân biệt trí, là do trí này nên tất cả thánh nhân có thể thông đạt như như.

Trong 5 pháp này, trước 3 là thể đế, sau 2 là chân đế. Tất cả các pháp không ra ngoài 5 pháp này. Nếu tính phân biệt, thể của nó là hữu pháp, thì phải ở trong 5 pháp này. Bởi không ở trong đây nên biết là vô thể.

Ngoại đạo nói: Pháp này nếu không thể tương làm sao phân biệt?

Đáp: Chỉ có tên gọi, không có nghĩa. Bởi vì sao? Như thể gian từ trong nghĩa lập ra tên gọi. Phạm phu chấp lấy tên gọi phân biệt nghĩa tính, gọi cái tên gọi tức nghĩa tính, đó là điên đảo. Cho nên chỉ có phân biệt không có thật thể.

Ngoại đạo nói: Làm sao biết cái phân biệt này là hư vọng chấp?

Đáp: Vì tên gọi và nghĩa này đều là khách. Sở dĩ như vậy là vì ở trong nghĩa, tên gọi là khách chẳng phải nghĩa loại. Ở trong tên gọi, nghĩa cũng là khách chẳng phải loại tên gọi.

Ngoại đạo nói: Làm sao biết được cả hai là khách lẫn nhau?

Đáp: Do 3 nghĩa nên có thể biết lý này. Một là trước cái tên gọi, trí không sinh. Như người đời lập ra tên gọi. Nếu cái tên gọi này tức là thể tính của nghĩa thì khi chưa nghe tên gọi không nên được nghĩa đã thấy, khi chưa được tên gọi trước đã được nghĩa. Lại nếu tên gọi tức là nghĩa, khi được nghĩa tức phải được tên gọi. Vì không có nghĩa này nên biết là khách. Hai là một nghĩa có nhiều tên cho nên nếu tên tức là nghĩa tính. Hoặc có một vật có nhiều thứ tên. Tùy theo nhiều tên nên phải có nhiều thể. Nếu tùy theo nhiều tên tức có nhiều thể thì pháp trái nhau được lập một chỗ. Nghĩa này trái với chứng lượng. Vì không có nghĩa này nên biết là khách. Ba là tên không nhất định. Nếu tên tức là nghĩa tính thì tên đã không nhất định, nghĩa tính cũng phải không nhất định. Bởi vì sao? Hoặc danh mục của vật này ở nơi vật kia cho nên biết tên là vật không nhất định. Không như vậy cho nên biết chỉ là khách. Lại nữa ông nói cái tên này ở trong nghĩa, vậy trong nghĩa như thế nào, trong hữu nghĩa hay trong vô nghĩa? Nếu

trong hữu nghĩa thì trở lại thành 3 câu hỏi trước. Nếu trong vô nghĩa thì tên và nghĩa đều là khách. Đây chắc chắn thành lập.

Ngoại đạo nói: Nghĩa và tên chẳng phải phân biệt tạo ra. Bởi vì sao? Vì thật tên có thể hiển thị thật nghĩa. Như thật có cái đèn chiếu sáng thật có cái bình v.v... Cho nên tên và nghĩa đều chẳng phải phân biệt.

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì sự chiếu không bình đẳng. Nếu như ông nói có thật nghĩa thì dùng tên rõ nghĩa, như đèn chiếu sắc. Nghĩa đó bất thành. Bởi vì sao? Vì trước phải được nghĩa sau mới lập ra tên, khi chưa được nghĩa không được lập tên. Đã do trước thủ nghĩa sau mới lập tên, thủ còn không thể rõ nghĩa huống chi tên mà rõ nghĩa được sao? Bởi đèn chiếu vật, nghĩa thì không vậy. Phải do nơi cái đèn nên có thể biết vật, không có chuyện trước biết vật rồi sau mới cần đèn. Cho nên nghĩa của chiếu là không bình đẳng.

Giải thích:

Nói thủ còn không thể rõ nghĩa, tức là như cái thức được nghĩa trước, tiếp đến thủ lấy nó là xanh hay vàng hoặc đúng hoặc sai v.v..., từ sau khi thủ rồi mới lập tên. Nếu thủ có thể rõ nghĩa thì không được khi chưa thủ đã được nghĩa. Cho nên không do nơi thủ có thể được rõ nghĩa. Tên ở sau thủ lẽ nào có thể rõ được. Lại nữa nếu tên có thể rõ nghĩa thì bao nhiêu người khác khi chưa biết tên thì không nên nghe tên không được nghĩa đó. Ví như do đèn chiếu sắc, người ấy do đèn có thể biết rõ sắc, nhưng những người khác do đó không thể thấy sắc là không có nghĩa như vậy. Chắc chắn do đèn chiếu có thể hiển sắc. Do tên rõ nghĩa thì không như vậy. Cho nên nghĩa của chiếu là không bình đẳng.

Luận nói:

Ngoại đạo nói: Nếu ông bảo do tên phân biệt nghĩa, thật không có chỗ phân biệt nghĩa. Cho nên trong tên không nghĩa, trong nghĩa

không tên. Cả 2 đều là khách, thì nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Nếu người chấp tên khác với nghĩa, nghĩa khác với tên, người này đã không điên đảo thì trong nghĩa phải không chấp sai. Không nên nghe nói tốt xấu mà sinh tâm vui buồn, vì tên và nghĩa không tương quan. Nghe tốt xấu liền sinh tâm vui buồn cho nên biết tên và nghĩa tương ứng không được coi là khách. Phải biết nghĩa khách đó là điên đảo của ông.

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Do tập điên đảo đã lâu nên có chấp sai này, không liên quan đến tương ứng tên và nghĩa. Nếu người đã chấp tên khác nghĩa khác do tên đối với nghĩa cũng chưa khỏi chấp sai. Bởi vì sao? Do thời gian dài lâu thường tập, danh ngôn huân tập tâm nên phải do pháp môn này sinh tâm phân biệt khởi hư vọng tà chấp. Như phạm phu người chính kiến cũng biết thân này chỉ có sắc v.v... hành tự. Do thường tập ngã chấp kiên cố cho nên đối với tự tha tương tục không khỏi có tà chấp nhân ngã. Như phân biệt danh và nghĩa này là pháp tà chấp, tức là điên đảo tăng ích vô vật. Như nhân ngã tà chấp nên biết tên và nghĩa tà chấp là pháp điên đảo. Đã là điên đảo thì làm sao sinh điên đảo này mà chẳng phải trói buộc? Cho nên do tà chấp huân tập bản thức mà thành chủng tử có thể sinh khởi tính y tha là quả vị lai. Tà chấp này tức là tính phân biệt có thể làm nhân cho tính y tha vị lai. Lại nhân đó quả của tính y tha vị lai lại sinh pháp chấp điên đảo vị lai. Tức là do tính y tha làm nhân có thể sinh tính phân biệt vị lai làm quả. Như thế lại làm nhân cho nhau nên sinh tử hằng khởi liên tục không dứt.

Đây tức thứ 4 nói về phân thành lập 3 tính. Nghĩa về thành lập tính phân biệt xong.

Lại riêng có 6 thứ sai biệt. Tiếp theo nói về phẩm loại sai biệt của tính này. Nhưng tính phân biệt này có 6 thứ sai biệt:

1. Tự tính phân biệt. Nghĩa là phân biệt thể tướng các ấm như sắc v.v... nhưng chỉ lấy chứng lượng, 5 thức chỉ có thể trực tiếp thủ

5 trần, cho đến ý thức có thể trực tiếp thủ pháp, không phân biệt các thứ ở trong một cái cho nên gọi là tự tính phân biệt.

2. Sai biệt phân biệt. Nghĩa là có sắc có thể thấy không thể thấy. Sắc thì có thể thấy. Hương, vị 5 trần không phải thứ mắt thấy được. Như vậy tùy trong một tự tính lại phân biệt có nhiều thứ không giống nhau, nên gọi là sai biệt phân biệt.

3. Giác tri phân biệt. Nghĩa là trông thấy pháp liền biết tên gọi và có thể nói cho người khác biết. Đã tự mình biết tên gọi lại có thể khiến người khác biết, nên gọi là giác tri phân biệt.

4. Tùy miên phân biệt. Nghĩa là trông thấy vật không biết tên gọi, vì không thể nói rõ vật gì, nên gọi là tùy miên phân biệt.

5. Gia hành phân biệt. Gia hành phân biệt lại có 5 thứ: 1. Tùy ái phân biệt. 2. Tăng úc phân biệt. 3. Hòa hợp phân biệt. 4. Viễn ly phân biệt. 5. Tùy xả phân biệt. Do 5 phân biệt này sinh 3 độc phiền não nên gọi gia hành. Hợp 5 cái này với 4 cái trước là xác định nghĩa phân biệt.

6. Danh tự phân biệt. Danh tự phân biệt lại có 2 thứ: 1. Hữu danh tự. 2. Vô danh tự. Hữu danh tự, nghĩa là vật này thật như vậy, hoặc sắc cho đến thức, hoặc hữu vi vô vi, hữu thường vô thường, thiện, ác, vô ký, các chấp như vậy đều có tên gọi phân biệt. Vô danh tự, nghĩa là đây là vật gì, đây là thể nào, đây là vì sao, tại sao như thế? Bốn câu phân biệt này, câu đầu tiên tìm thể tính, câu tiếp tìm nguyên nhân, câu ba tìm thể sai biệt, câu bốn tìm sai biệt của nhân. Bốn câu này đều là vô danh tự phân biệt. Đây là 5 thứ dựa vào tên phân biệt tự tính của nghĩa. Lại có 5 thứ sở phân biệt tự tính: 1. Dựa vào tên phân biệt tự tính của nghĩa. 2. Dựa vào nghĩa phân biệt tự tính của tên. 3. Dựa vào tên phân biệt tự tính của tên. 4. Dựa vào nghĩa phân biệt tự tính của nghĩa. 5. Dựa vào tên và nghĩa phân biệt tự tính của tên và nghĩa.

1. Dựa vào tên phân biệt tự tính của nghĩa, nghĩa là loại này là sắc, do thể tính của sắc mà thành, cho đến loại này là thụ, tướng, hành, thức v.v... do thể tính của thức mà thành .

Giải thích:

Nghĩa là người này trước chưa biết được nghĩa, chỉ được nghe nói tên và sắc tướng của sắc ấy, như sắc này có hình tướng có thể nắm cầm, có thể hư hoại. Những tướng mạo và tên như vậy cho là sắc. Người này sau trông thấy tướng mạo phẩm loại của một sắc thể như cái sắc xưa đã từng nghe biết, liền do tên gọi có thể phân biệt thể tính của sắc. Cho đến thức ẩm cũng vậy, trước được nghe tên chưa thấy cái thể, sau được cái thể như xưa đã nghe tức biết là vậy, cho đến thức cũng thế.

Luận nói:

2. Dựa vào nghĩa phân biệt tự tính của tên, nghĩa là loại này có thể gọi là sắc, loại kia không thể gọi tên là sắc, cho đến loại này có thể gọi tên là thức, loại kia không thể gọi tên là thức, do trước được nghĩa rồi sau phân biệt lập ra tên.

3. Dựa vào tên phân biệt tự tính của tên, nghĩa là tên của sắc này, như người tuy được tên chưa biết phẩm loại của tên ấy nên lại tư duy suy lường học các giải thích nghĩa của nó. Đó gọi là dựa vào tên phân biệt tên, cho đến tên thức mà tìm kiếm chỗ giải thích phẩm loại cũng vậy.

4. Dựa vào nghĩa phân biệt tự tính của nghĩa, nghĩa là chưa được tên của sắc do không định tên phân biệt loại sắc. Như người chưa biết tên của vật, chỉ thấy cái thể của vật mà phân biệt cái thể này khác với các vật khác, không biết định là vật gì. Vì không biết định danh của nó chỉ nói là dựa vào nghĩa phân biệt nghĩa. Cũng như đứa con nít chưa biết tên gọi và không phân biệt thức vị. Các cảnh giới sở đắc như 5 thức v.v... đều duyên vào nghĩa không duyên tên gọi.

5. Dựa vào tên và nghĩa phân biệt tự tính của tên và nghĩa, nghĩa là loại này lấy sắc làm thể. Sắc này tức là tên. Như người trước đã biết tên biết nghĩa, sau phân biệt trở lại tên và nghĩa trước đã biết. Nghĩa là đây là thể của sắc, đây tức là tên của sắc. Cho đến loại này lấy thức làm thể, thức này tức là tên. Như vậy đều gọi là dựa vào tên và nghĩa phân biệt tên và nghĩa.

Năm phân biệt này tức nói rộng cái tự tính phân biệt đầu tiên trong 6 thứ sai biệt ở trước. Trước là lược nói cho nên chỉ nói tự tính phân biệt. Sau nói rộng nên phân biệt 5 thứ tự tính. Như vậy trước 6 sau 5 đều là sai biệt về phẩm loại của tính phân biệt.

Đã nói xong về sai biệt phẩm loại của tính phân biệt, tiếp nói công dụng của tính phân biệt. Tính phân biệt này phân biệt trước 6 sau 5. Nay để làm rõ công dụng sai biệt của 6 và 5 tính phân biệt này nên có 8 thứ phân biệt có thể làm thành 3 thứ sự loại. Ba sự loại là: 1. Hý luận loại. 2. Ngã kiến ngã mạn loại. 3. Dục v.v... hoặc loại. Tám thứ phân biệt là:

1. Tự tính phân biệt. Nghĩa là các loại sắc v.v... sắc tức sắc, âm v.v... tức âm loại của 4 âm. Tức là trước dựa vào tên phân biệt nghĩa v.v... 5 thứ phân biệt tự tính, và tự tính trước tiên trong 6 thứ ở trước. Như vậy tất cả những thứ đó đều gọi là tự tính phân biệt.

2. Sai biệt phân biệt. Nghĩa là đối với các loại sắc có thể thấy không thể thấy, ngại không ngại v.v... phân biệt có vô lượng sai biệt đều y chỉ vào tự tính phân biệt. Đó gọi là sai biệt phân biệt.

3. Trong nhóm chấp một phân biệt. Nghĩa là trong sắc âm chấp ngã, chúng sinh, mạng giả, thụ giả, những thứ như vậy gọi là lập cộng kỳ, chấp đó mà khởi phân biệt. Lại trong nhiều pháp tụ chấp tụ làm nhân, nghĩa là nhà, quân, xe, áo, ăn, uống v.v... các tên như vậy đều là lập cộng kỳ, chấp đó mà khởi phân biệt. Đó gọi là trong nhóm phân biệt chấp một. Nếu đây là 2 tức phân biệt nội ngoại. Trước là chấp có nhân, sau là chấp có pháp.

Giải thích:

Cộng kỳ, nghĩa là những tên gọi được lập ra và lưu hành phổ biến ở đời đều là cộng kỳ hợp tác muốn khiến cùng làm một hiểu biết chung.

Luận nói:

4. Ngã phân biệt. Nghĩa là loại này là hữu lưu hữu thủ, thời gian dài lâu ngã chấp thường dựa vào sự quen tập, từ đó tà chấp quen tập duyên thân kiến sở y chỉ khởi hư vọng phân biệt. Đó gọi là ngã phân biệt.

Giải thích:

Loại này là hữu lưu hữu thủ, nghĩa là loại tức là thức A-lê-da là gốc của các hoặc. Hữu lưu tức là vô minh. Hữu thủ tức là tham ái. Quá khứ phiền não 10 sử bởi diệt không thể phân biệt tên các hoặc, nên chỉ gọi chung là vô minh có thể chướng trí minh. Vô minh này có thể làm nhân các hoặc, có thể lưu chuyển sinh tử nên gọi là hữu lưu. Như một số người nói vì lưu chú sinh tử, vì tâm lậu liên tục rót vào, vì chẳng phải con người nắm giữ, cho nên nói là hữu lưu. Thủ, tức là quả của hữu lưu. Nhân tạ diệt quá khứ nên gọi là quả hữu lưu. Vị lai tương tục trong hiện tại nên gọi là thủ. Tức chủng tử tham dục tùy miên trong hiện tại tương tục. Nếu các phiền não đều ở trong hiện tại tương tục nói lưu, nói thủ, tức lưu là 4 lưu, thủ là 4 thủ. Như vậy nói riêng lưu và thủ này đều không lìa bản thức, nên nói loại này là hữu lưu thủ.

Thời gian dài ngã chấp thường y tập quán, nghĩa là nói chung từ vô thủy đến nay vì có các hoặc lưu thủ này, nên nói là thời gian dài lâu. Có 3 thứ ngã chấp: 1. Tùy miên. 2. Thượng tâm. 3. Tập khí. Nói thường, tức nói tùy miên. Ngã chấp thường thường chấp thường bản thức. Nói thường xuyên, tức thượng tâm, ngã chấp thường xuyên khởi. Nói tập, tức nói tập khí, ngã chấp thường thường khởi tùy miên. Thượng tâm là nội phiền não, được kiến đế thì hoặc này liền

dứt. Tập khí là huân tập lâu mà thành, chẳng phải là chính phiền não, cho nên khi được La-hán cái này còn chưa diệt, được pháp như như mới có thể khiến trừ một ít. Ba ngã chấp này đều y bản thức. Loại duyên thân kiến sở y chỉ khởi hư vọng phân biệt, là nói bản thức có 2 nghĩa, là chỗ y chỉ của 3 thứ thân kiến: 1. Có thể làm chủng tử sinh thân kiến. 2. Làm thân kiến duyên cảnh giới khiến khởi hư vọng ngã chấp. chính duyên bản thức này làm cảnh giới khởi, nên gọi là ngã phân biệt.

Luận nói:

5. Ngã sở phân biệt. Nghĩa là loại này là hữu lưu thủ. Thời gian dài ngã chấp thường y tập quán, từ tập quán tà chấp này duyên ngã sở kiến sở y chỉ loại khởi hư vọng phân biệt, gọi là ngã sở phân biệt. Nghĩa của cảnh giới sở chấp không khác với thứ 4, chỉ khác là có thể phân biệt có ngã chấp với ngã sở chấp.

6. Ái phân biệt. Nghĩa là duyên khả ái tịnh loại hư vọng phân biệt, gọi là ái phân biệt.

7. Tăng ức phân biệt. Nghĩa là duyên khả tăng bất tịnh loại hư vọng phân biệt, gọi là tăng ức phân biệt.

8. Phi ái phi tăng phân biệt. Nghĩa là duyên phi khả ái tăng loại, trở ngược lại 2 phân biệt trước, gọi là phi ái phi tăng phân biệt.

Nếu lược nói phân biệt chỉ có 2 thứ, một là phân biệt y chỉ, hai là phân biệt cảnh giới. Trong 8 thứ phân biệt, tự tính và sai biệt, cùng với trong nhóm chấp một, 3 phân biệt này có thể làm hý luận phân biệt y chỉ và làm hý luận phân biệt cảnh giới. Bởi vì sao? Y chỉ loại này gọi là tướng ngôn sở khởi phân biệt, gọi là tướng ngôn sở huân tập phân biệt, gọi là hý luận phân biệt. Trong 3 loại này do duyên 3 tên nên thường khởi các thứ tướng mạo. Phân biệt như vậy gọi là hý luận. Lấy 3 loại làm y chỉ, 3 tên làm cảnh. Hý luận là thể phân biệt. Cảnh giới y chỉ tức là tính phân biệt. Hý luận phân biệt tức là tính y tha.

Giải thích:

Trong 8 phân biệt, 3 phân biệt trước gọi là hý luận. Phân biệt 3 cái này mỗi mỗi tức là thể của y chỉ, tức là thể của cảnh giới, tức là thể của hý luận. Bởi vì sao? Vì trong 3 phân biệt đều có năng sở. Năng tức là thể của hý luận. Trong sở thì có 2, là loại và danh. Loại tức là 3 thứ nghĩa loại. Danh tức là các thứ tên của 3 loại. Vì vậy cho nên lấy nghĩa làm y chỉ, lấy danh làm cảnh giới, duyên tên gọi đây làm pháp môn lấy nơi nghĩa loại nên chính lấy sở thủ làm y chỉ, sở duyên làm cảnh giới nên nói y chỉ loại này duyên danh tướng ngôn sở khởi phân biệt. Nói tướng ngôn, nghĩa là tâm tướng cái tên gọi này nói tên này, cho nên nói là tướng ngôn. Đây tức là phân biệt làm chỗ y chỉ cho tướng ngôn. Nay trong đây lập tướng ngôn đều là danh tự. Muốn làm rõ danh tự có thô tế thì danh là thô, tướng là tế. Thô nói là rất thô, cho nên dùng 3 danh mục 3 phân biệt này trước tiên là tự tính phân biệt, trực tiếp nói rõ thể của sức v.v... các pháp. Nghĩa này là tế cho nên lập tên là danh.

Tiếp đến là sai biệt phân biệt nói rõ thể sai biệt thì nhỏ, là thô cho nên lập tên tướng. Trong nhóm kia chấp một phân biệt, nghĩa là cái bình, cái nhà v.v... đấy là rất thô cho nên theo đó nói là danh. Danh tướng ngôn huân tập phân biệt gọi là hý luận phân biệt, nghĩa là do duyên 3 cái danh này là cảnh giới khởi ra phân biệt. Sở phân biệt tức có huân tập nghĩa của năng phân biệt. Năng phân biệt tức là hý luận phân biệt. Trong 3 loại duyên 3 cái danh thường thường khởi ra các thứ tướng mạo, nghĩa là nói y chỉ 3 loại duyên 3 danh làm pháp môn mà thường sinh khởi các thứ tướng mạo. Phân biệt y chỉ cảnh giới hý luận, thể chỉ là một mà dụng có 3 nghĩa.

Luận nói:

Tiếp đến ngã và ngã sở. hai phân biệt này có thể tạo ra thân kiến và nguồn gốc các kiến, có thể tạo ra ngã mạn và nguồn gốc các kiêu mạn.

Giải thích:

Hai phân biệt này thí dụ trước cũng đã rõ, tức cảnh giới y chỉ và thể của phân biệt trước đã làm rõ thí dụ tự có thể hiểu không phải nói thêm nữa. Chỉ nói rõ năng sinh, sau là ngã kiến và làm gốc của các kiến do chấp có ngã nên sinh các kiến, ngã sở chấp có thể làm gốc của ngã mạn và các mạn.

Luận nói:

Sau ái tạng đối 2, 3 phân biệt này có thể sinh dục sân và vô minh v.v...

Giải thích:

Ba phân biệt này tức 3 độc. Cho nên có thể sinh tất cả 3 độc.

Luận nói:

Như vậy 8 thứ phân biệt có thể tạo ra 3 thứ phẩm loại sự dụng. Ba cái trước tức tạo ra loại hý luận. Tiếp 2 cái tạo ra loại ngã kiến ngã mạn. Ba cái sau tức tạo ra các loại hoặc như dục v.v... Sáu thứ phân biệt đầu tiên hiển thị thâm nhiếp nghĩa của pháp. Tất cả phân biệt không ra ngoài 6 cái này. Tất cả thâm nhiếp 3 nghĩa. Tự tính và sai biệt 2 cái này là y chỉ của phân biệt. Giác tri, tùy miên, gia hành 3 cái này là thể của phân biệt. Sau một, danh tự là cảnh giới của phân biệt. Cho nên 6 thứ gồm thâm hết các pháp. Giác tri, tùy miên thông 3 tính. Gia hành chỉ bất thiện, là thượng tâm hoặc lia hữu 5 thứ. Tùy ái sinh tham, tùy tạng khởi sân, tùy xả sinh vô minh, 3 đây là thể của phiền não. Hòa hợp, viễn ly, là dụng của phiền não. Do tham nên hòa hợp. Do sân nên viễn ly. Do vô minh nên thông thành 2 đây không lập biệt năng. Tham là dẫn đến cảnh nên hòa hợp. Sân là bỏ cảnh nên viễn ly. Do có vô minh nên có dẫn đến bỏ đi, cho nên thông thành 2 dụng.

Tiếp dựa vào tên phân biệt nghĩa v.v... 5 thứ phân biệt là hiển thị phân biệt, y chỉ và cảnh giới. Sai biệt y chỉ và cảnh giới chỉ gồm

trong tính phân biệt. Tám thứ phân biệt sau là hiện thị 3 thứ chướng sự. Nghĩa là trong nhóm tự tính phân biệt chấp một. Ba phân biệt này có thể sinh tâm phiền não làm chướng nhất thiết trí. Ngã và ngã sở 2 phân biệt này có thể sinh nhục phiền não làm chướng giải thoát. Khả ái, khả khả tăng và ngược với 2 cái đây, 3 phân biệt này có thể sinh bị phiền não làm chướng ngại thiền định. Ba phiền não này tức 3 sự loại. Tâm phiền não tức hý luận sự loại. Nhục phiền não tức ngã mạn sự loại. Bị phiền não tức dục v.v... các hoặc sự loại. Ba sự loại này là tính y tha. Nếu nói sơ lược thì phân biệt không ra ngoài 3 thứ: 1. Phân biệt y chỉ. 2. Phân biệt thể. 3. Phân biệt cảnh giới. Nếu nói phân biệt thể, nghĩa là 3 cõi tâm và tâm pháp. Y chỉ và cảnh giới lại không có thể riêng biệt, lấy tương tự nghĩa loại của trần làm y chỉ, lấy tên của tương tự nghĩa loại của trần làm cảnh giới.

Tiếp nói đến tướng hoặc, thô trọng hoặc. Nếu tính phân biệt khởi có thể tạo 2 hoặc trói buộc chúng sinh, một là tướng hoặc, hai là thô trọng hoặc. Tướng hoặc tức tính phân biệt. Thô trọng hoặc tức tính y tha. Sở dĩ 2 hoặc này được lập là vì trong trong tính y tha chấp làm tính phân biệt.

Giải thích:

Gọi tính phân biệt là tướng hoặc, là tướng nghĩa là tướng mạo. Nói tướng mạo là hoặc vì có thể làm hoặc duyên nên gọi là hoặc. Chỉ có tính y tha đúng là chính hoặc, mà nói nhẹ nặng vì tính phân biệt chỉ là hoặc duyên nói hoặc nên nói là nhẹ. Tính y tha chính là thể của hoặc nên nói thô trọng. Do tướng hoặc nên có thể chướng trí vô phân biệt không hợp với cảnh vô phân biệt vì phân biệt tướng mạo. Do thô trọng hoặc chính hoặc sau sinh các khổ v.v... Hai thứ do tương quan nhau mà có cho nên nói 2 hoặc trói buộc chúng sinh.

Luận nói:

Nếu người không được, không thấy 2 tính này thì liền được giải thoát khỏi 2 hoặc đây. Nói không được, nghĩa là không được

tính phân biệt. Tính này vĩnh viễn là thể vô hữu nên không sở đắc. Nói không thấy, nghĩa là không thấy tính y tha. Tính y tha tuy là hữu thể, bởi tâm không duyên tướng nên tính này cũng không có nên nói không thấy. Tính này sở dĩ không được, không thấy là do 2 thứ đạo: một là kiến đạo, hai là trừ đạo. Do kiến đạo nên phân biệt tức không, cho nên nói không được. Do trừ đạo nên tính y tha tức diệt, cho nên nói không thấy.

Giải thích:

Xưa do chưa thấy lý nên khởi tà phân biệt. Phi hữu bảo là hữu gọi là tà kiến. Do tà kiến này có thể chứng trị đạo. Nay đã thấy lý tức thấu đạt sở kiến xưa phi hữu. Nói tính phân biệt, tức không do chính đạo này có thể trừ tà kiến xưa. Nói tính y tha, tức diệt phân biệt y tha xưa lại không có 2 thể. Nay kiến trừ 2 đạo cũng là một mà không có hai.

Luận nói:

Đó gọi là thành lập công dụng của tính phân biệt. Tính phân biệt có 4 nghĩa. Lần này nói thành lập tính y tha. Thể tướng của tính này như trước đã nói. Nay để thành tựu tính này nên nói đạo lý thành lập. Tính này không chỉ lấy ngôn thuyết làm thể. Bởi vì sao? Vì ngôn thuyết ắt phải có chỗ sở y, nếu không y loạn thức phẩm loại danh ngôn được lập là không có chuyện đó. Nếu không vậy, phẩm loại của sở y đã không có thì sở thuyết danh ngôn không được lập. Nếu vậy, là không có 2 tính. Không 2 tính thì không có hoặc phẩm. không có hoặc phẩm thì có 2 lỗi: một là không do công dụng tự nhiên giải thoát, hai là sinh tử Niết-bàn không thể hiển hiện. Do không có 2 lỗi này nên biết chắc chắn có tính y tha.

Giải thích:

Trong này nói danh ngôn chắc chắn có chỗ y chỉ. Lấy tính y tha làm sở y. Do có tính y tha nên được lập danh. Nói nếu không

có tính này thì không thể lập. Cho nên trong đây nói phạm loại sở y khác trước. Trước thì lấy phạm loại của tính phân biệt làm sở y của danh ngôn.

Luận nói:

Thể tướng của tính này như thế nào? Đáp: Chỉ là tướng loại và thô trọng hoặc loại.

Hỏi: Sao loại này nói là y tha?

Đáp: Vì làm nhân duyên cho nhau mà thành. Sở dĩ như vậy là do duyên tướng mà thô trọng được thành, do duyên thô trọng mà tướng loại được thành. Cho nên nói 2 loại này là tính y tha. Bởi vì sao? Vì không có cái thể khác, đều gọi là tính y tha, ước theo nghĩa thì hoàn toàn không đồng.

Hỏi: Nếu vậy sao tính này do vô sinh nên gọi là tính vô sinh?

Đáp: Sở dĩ được gọi là tính vô sinh, là vì do tha lực nên sinh. Tha đã vô thể thì tự không thể sinh, vì vô nhân, vô thể cho nên vô sinh.

Hỏi: Sao không biết tính này là hữu hay là vô?

Đáp: Tính này như chỗ phân biệt không phải hữu như vậy cho nên không thể nói là hữu. Không hoàn toàn là vô nên cũng không thể nói vô. Không phải hữu như vậy nên phi hữu. Không hoàn toàn vô nên phi vô. Nếu hiểu ý thì tất cả các thứ tên đều có thể nói, cũng có thể nói hữu, cũng có thể nói vô, cũng có thể nói cũng hữu cũng vô, cũng có thể nói phi hữu phi vô đều không mâu thuẫn nhau.

Hỏi: Đây nói có là vật hữu hay giả danh hữu?

Đáp: Dù có 2 nghĩa nên có thể nói hữu. Không phải hữu như vậy nên gọi là giả danh hữu. Chẳng phải hoàn toàn vô, nên nói vật hữu. Nghĩa là có vật.

Hỏi: Đã nói là hữu, vậy là tục hữu hay chân hữu?

Đáp: Đều là tục hữu. Bởi vì sao? Vì chẳng phải cảnh giới vô phân biệt.

Hỏi: Tướng tục đế như thế nào?

Đáp: Tục đế có 3 tướng là ngã thuyết, pháp thuyết và sự thuyết. Ngã thuyết, là ngã, chúng sinh, thọ giả, hành giả, nhân, thiên, nam, nữ v.v... Pháp thuyết, là sắc, thụ, tướng, hành, thức v.v... Sự thuyết, là thấy, nghe, sinh, diệt v.v... những thứ này gọi là tục. Tục thành lập loại tính y tha này. Tính phân biệt ở trước cũng có 4 thứ: 1. Thành lập hữu. 2. Thành lập thể tướng. 3. Thành lập sự dụng. 4. Thành lập sai biệt. Nói rộng thể tướng xong như trước nói đủ sự dụng sau lại nói riêng. Nay trong đây trước nói có tính y tha là muốn hiển thị có tính này nên nêu sự dụng các phẩm hoặc bởi sự dụng ở trong thể tướng nên lược nêu trước.

Luận nói:

Thể của tính này như thế nào? Dưới đây lược nói thể tướng.

Hỏi: Tướng tục đế như thế nào? Dưới đây nói sai biệt của tính này. Bảy thứ như như sinh rất nhiều nghĩa. Trong như như nói nghĩa của phân biệt, y tha, dụng, nhân quả, sinh diệt, vô tiền hậu.

Chân đế, nghĩa là 7 thứ như như: 1. Sinh. 2. Tướng. 3. Thức. 4. Y chỉ. 5. Tà hạnh. 6. Thanh tịnh. 7. Chính hạnh.

1. Sinh như như, nghĩa là pháp hữu vi không trước không sau. Pháp hữu vi chỉ gồm 2 tính là phân biệt và y tha. Pháp này không trước không sau, có tất cả 3 thứ: 1. Ước theo 2 tính mà nói không trước sau. Nếu nói tính y tha có trước mà không có tính phân biệt thì y tha không thành. Nếu nói tính phân biệt có trước mà không có tính y tha thì tính phân biệt không thành. Cho nên 2 tính phải cùng nhau không có trước sau để sinh ra nhau. Tính phân biệt đã không, tính y tha cũng không, đều không nên tức là như như. 2. Ước theo nhân quả

mà nói không trước sau. Nếu nhân nhất định có trước mà lại không có nhân cái gì thì không thành nhân. Nếu không do duyên gì mà tự nhiên có nhân thì nhân sẽ nhiều vô số. Nếu quả nhất định có trước thì đã không có nhân thì không thành quả. Nếu không do duyên gì mà tự nhiên có quả thì quả sẽ vô cùng. Cho nên nhân quả là vô định. Trước sau chuyển chuyển hướng vào nhau, hướng về trước thì là quả, hướng về sau thì là nhân. Sinh tử không có cái bắt đầu. Như vậy thể của nhân quả tức phân biệt y tha. Phân biệt đã không thì y tha chẳng có. Đó tức là như như. 3. Ước theo sinh diệt mà nói không trước sau. Nếu sinh trước diệt sau thì có 2 lỗi: 1. Chưa có lão tử đã có được sinh. 2. Chưa bỏ cái sinh này đã được cái sinh kia. Nếu vậy lại có 2 lỗi: 1. Cái sinh sẽ vô dụng, vì đây đã sinh rồi cần gì cái sinh kia vì chưa xả báo. 2. Cái sinh sẽ vô cùng, đã sinh rồi lại sinh chuyển chuyển mà chấp thì bao giờ mới cùng. Nếu vậy lại có 2 lỗi: 1. Chỉ sinh mà không diệt thì phải là thường. 2. Nếu có sinh nhiều thì có nhiều chúng sinh. Nếu vậy thì nhân quả không có nghĩa phát sinh nhau. Lại nếu hằng sinh thì không có Niết-bàn. Nếu diệt trước sinh sau thì đã chưa có sinh lấy gì mà diệt. Lại phải trước Niết-bàn sau thụ sinh tử. Trước có diệt vậy thì giải thoát rồi trở lại chịu trôi buộc. Cho nên sinh diệt không có trước sau, cũng không tách rời phân biệt y tha, cho nên nói là như như.

2. Tương như như, nghĩa là nhân pháp 2 không. Sở dĩ 2 tương không này gọi là như như vì có 3 nghĩa: 1. Lìa hý luận. Hý luận nghĩa là chấp chân và tục hoặc một hoặc khác v.v... 4 báng thông xung hý luận. Nếu chấp chân với tục nhất định là một thì không cần phải nhọc sức tu đạo đều được giải thoát, đều kiến chân nên đều là thánh nhân. Lại nếu chân tục nhất định là một thì chân không thể khiến trừ tục. Nghĩa đã không thể khiến trừ tục, tục hoặc không trừ thì không có nghĩa giải thoát, và chỉ có phàm phu không có thánh nhân. Nếu chấp chân nhất định khác tục thì y vào tục không thể thông chân. Chân không thể hiểu, không phương tiện cho nên 2 không lìa hý luận

này nên gọi là như như. 2. Là cảnh giới của trí vô phân biệt. Trí này không điên đảo, không có tục đế có thể làm cảnh, cho nên chỗ trí này hiểu tức là như như. 3. Là tính chân thật. Nếu trái tính này thì thành sinh tử. Nếu thuận tính này thì được Niết-bàn. Tính này là chân tính của tất cả pháp cho nên gọi là như như. Cho nên 2 là tướng như như, chẳng phải nói tướng không, bởi tướng không, là tướng.

3. Thức như như, nghĩa là tất cả các hành chỉ duy là thức. Thức này 2 nghĩa nên gọi như như: 1. Nhiếp vô đảo. 2. Vô biến dị. Nhiếp vô đảo, nghĩa là 12 nhập v.v... tất cả các pháp chỉ duy là thức, vì lia loạn thức ngoài ra không có pháp nào khác, nên tất cả pháp đều gồm trong thức. Đây là nghĩa quyết định nên gọi là vô đảo, vô đảo nên như như. Vô đảo như như chưa phải là vô tướng như như. Vô biến dị, nghĩa là nói rõ loạn thức này tức là phân biệt y tha tựa như trần thức hiển thị. Do tính phân biệt vĩnh viễn là không, nên tính y tha cũng chẳng có. Hai cái vô sở hữu này tức là thức A-ma-na. Chỉ riêng có thức này không biến đổi nên gọi như như. Trước gọi như như chỉ khiến trừ 12 nhập. Tiểu thừa nói tất cả các pháp chỉ 12 nhập là chẳng phải điên đảo. Nay nghĩa của Đại thừa phá các nhập đều là không, vì chỉ do loạn thức tạo tác mà thôi, nên 12 nhập là điên đảo. Chỉ một loạn thức thì phi điên đảo nên gọi như như. Thể của thức này hãy còn biến đổi.

Tiếp đến lấy phân biệt y tha khiến trừ loạn thức này. Chỉ có thức A-ma-la là không điên đảo, là không biến đổi, là chân như như. Trước trong nghĩa duy thức cũng nên nói cái thức này. Trước lấy chỉ một loạn thức khiến trừ ngoại cảnh. Tiếp thức A-ma-la khiến trừ loạn thức, nên cứu cánh duy nhất một tịnh thức.

4. Y chỉ như như, nghĩa là như nói khổ đế. Khổ đế có 3: 1. Khổ loại. 2. Khổ đế. 3. Khổ thánh đế. Khổ loại, là 5 thủ ám. Y chỉ vào 5 cái này gọi là chúng sinh. Cái khổ y chỉ không ra ngoài 5 cái này nên gọi khổ loại. Khổ đế, là không điên đảo biết rõ khổ loại này

chắc chắn trái nghịch thánh ý. Nghĩa này là thật nên gọi khổ đế. Thánh nhân duyên đây, quyết sinh xả ly, không khởi nhiễm trước. Khổ thánh đế, là một mùi vị khổ, biết rõ khổ đế này vì tính vô thể nên là không, không cho nên vô tướng, vô tướng nên vô nguyện. Không một pháp nào có thể nguyện cầu, là ước theo thông tướng nói thể của 3 giải thoát chỉ là một. Tất cả các pháp không tách rời đây nên gọi là một mùi vị. Thánh, là chính nghĩa. Một mùi vị này không điên đảo không biến đổi nên gọi thánh đế. Trước tiên khổ loại tức tục đế. Tiếp đến khổ đế tức chân đế. Bởi không điên đảo nên an lập chân đế. Còn một sau tức đệ nhất nghĩa đế. Không điên đảo, không biến đổi là phi an lập đế. Sau bỏ 3 đế cũng vậy.

5. Tà hạnh như như, nghĩa là như tập đế. Giống như khổ, cũng có 3: 1. Tập loại. Nghĩa là 6 thứ tham ái, y 6 trần khởi, có thể khiến sinh tử liên tục không ra ngoài loại này. 2. Tập đế. Nghĩa là biết không điên đảo. Sáu tham ái này quyết định có thể khiến các hữu liên tục. Chân thật vô đảo gọi là tập đế. 3. Tập thánh đế. Nghĩa là tập hợp một mùi vị. Không khác 4 đế ở trước, đều lấy 3 môn giải thoát làm một mùi vị.

6. Thanh tịnh như như, nghĩa là diệt đế, cũng có 3 thứ: 1. Diệt loại. Nghĩa là 4 quả Sa-môn, tức kiến tư 2 hoặc diệt hết không sinh, là loại đó. 2. Diệt đế. Nghĩa là không điên đảo. Diệt loại này chắc chắn tịch tĩnh. Đó là nghĩa của đế. 3. Diệt thánh đế. Nghĩa là diệt, một mùi vị cũng không khác trước.

7. Chính hành như như, nghĩa là như nói đạo đế, cũng có 3: 1. Đạo loại. Nghĩa là 8 thánh đạo phần là loại đó. 2. Đạo đế. Nghĩa là không điên đảo. Tám đây quyết định có thể xuất ly khỏi tập. Đó là nghĩa của đế. 3. Đạo thánh đế. Nghĩa là đạo một mùi vị cũng không khác trước. Lại nữa, y chỉ như như, tức như nói khổ đế. Khổ đế, là hành khổ vì vô thường. Vô thường có 3 nghĩa: 1. Không có vô thường. Nghĩa là tính phân biệt của khổ vĩnh viễn là vô sở hữu. cái

vô sở hữu này là nghĩa của vô thường. Chân thật có cái vô sở hữu này, gọi là chân như như. Nếu lấy trước không sau không, làm vô thường, thì đây là tục đế. Không điên đảo gọi là như như, chẳng phải chân như như. 2. Sinh diệt vô thường. Nghĩa là tính y tha của khổ. Tính y tha này đã chẳng phải thật có, cũng chẳng phải thật không, khác với tính chân thật nên chẳng phải thật có, khác với tính phân biệt nên chẳng phải thật không. Chẳng phải thật có cho nên là diệt. Chẳng phải thật không cho nên là sinh. Sinh diệt như thế là nghĩa của vô thường, mà sinh chẳng phải thật sinh, diệt chẳng phải thật diệt, là chân như như. 3. Ly bất ly vô thường. Nghĩa là tính chân thật của khổ. Tính này trước đạo chưa lia cấu, sau đạo thì lia cấu. Ước theo vị trí bất định nên nói vô thường. Thể không biến đổi gọi là như như. Lại nữa, tà hạnh như như, là như nói tập đế. Tập đế nghĩa là chân và tự 2 tập. Chân tập, là các phiền não có thể khiến 5 âm liên tục là có. Tự tập, là các nghiệp có thể được các đạo sai biệt. Tập có 3 thứ: 1. Huân tập tập. Nghĩa là loại hoặc của tính phân biệt có thể huân khởi tập., Bởi vì sao? Do loại hoặc của phân biệt có thể tạo tác tập nhân. 2. Phát khởi tập. Nghĩa là phiền não và nghiệp. Bởi vì sao? Vì do đây thành sinh khởi.

Giải thích:

Phát khởi tập đây tức là tính y tha. Thể của tính y tha tức là phiền não và nghiệp. Do tính này có thể sinh khởi tự thể 5 âm của vị lai. Lại được tính phân biệt sinh tức tự sinh sinh tha, nên gọi là phát khởi tập.

Luận nói:

3. Bất tương ly tập. Nghĩa là tập như như. Như như này, thể chưa lia chướng, gọi là tập. Bởi vì sao? Như như này là tính của tập nên tập chướng gọi là tập như như. Ba đây là 3 vô tính nên gọi như như. Lại nữa, thanh tịnh như như là, như nói diệt đế cũng có 3 nghĩa: 1. Thể tướng không sinh diệt, nghĩa là loại hoặc của phân biệt vốn

không có thể tướng nên gọi là diệt. 2. Năng chấp vô sinh diệt, nghĩa là chỉ loại hoặc của loạn thức do nhân do duyên vốn không có sinh nên gọi là diệt. 3. Cấu tịnh 2 diệt. Nghĩa là bản lai thanh tịnh, vô cấu thanh tịnh. Ước theo tính phân biệt mà nói bản lai vô cấu. Ước theo tính y tha mà nói vô cấu thanh tịnh. Bởi vì sao? Tính này hữu thể thì có thể nhiễm ô. Do đạo trừ cấu nên được thanh tịnh. Bản lai thanh tịnh, tức là trước đạo, trong đạo. Vô cấu thanh tịnh tức là sau đạo. Hai thanh tịnh này cũng gọi 2 thứ Niết-bàn. Trước, tức phi trạch diệt, tự tính bản hữu, chẳng phải do trí tuệ được. Sau, tức trạch diệt, do tu đạo được. Ước theo trước nên nói bản hữu. Ước theo sau nên nói thủy hữu. Thủy hiển gọi là thủy hữu, nên gọi là thanh tịnh như như. Lại nữa, chính hạnh như như, là như nói đạo đế cũng có 3 nghĩa: 1. Tri đạo. Nghĩa là ước theo tính phân biệt. Tính này là vô thể. Chỉ cần biết, không có gì để diệt, cho nên nói tri đạo. 2. Trừ đạo. Nghĩa là ước theo tính y tha. Tính này là hữu thể. Cho nên phải biết là loại phiền não cần phải diệt cho nên gọi là trừ đạo. 3. Chứng đắc đạo. Nghĩa là ước theo tính chân thật. Tính này là 2 không, nên phải biết, phải trừ diệt mới được, cho nên gọi là chính hạnh như như. Bảy thứ thể của chân đế này, tức 3 vô tính nên gọi chung là như như. Trong 7 thứ đây, 3 thứ trước là phi an lập đế. Bởi vì sao? Vì 3 thứ đây chỉ có tên khác nhau mà không có thể khác nhau. Sinh như như sở dĩ ở trước là vì có thể trừ diệt. Tướng như như sở dĩ ở kế tiếp là vì cùng diệt với sinh. Thức như như sở dĩ ở sau vì là phương tiện của diệt. Bốn như như sau là an lập đế. Bởi vì sao? Vì 4 thứ này là ước theo dụng lập tên mà dụng thì có 4. Không ước theo thể lập tên, vì thể chỉ có một mùi vị. Y chỉ sở dĩ trước nhất là vì tri kiến. Hai nghĩa phải biết là một là cảnh sở tri nhiều, hai là chỉ cần phải biết chứ không có nghĩa nào khác. Cảnh sở tri nhiều, là vì trong khổ đế có 4 nghĩa vô thường, khổ, không, và vô ngã. Các đế khác như tập v.v... 3 đế chỉ có 4 tên không có 4 nghĩa khác. Bởi vì sao? Tập đế chỉ nhân nghĩa làm thật, diệt đế chỉ lấy tịch tĩnh làm thật, đạo đế chỉ lấy xuất ly làm thật. Ngoài ra hữu duyên

v.v...9 nghĩa đều là giả danh. Hai là chỉ cần phải biết chứ không có nghĩa nào khác, là khô là quả báo của nghiệp, chẳng phải phiền não nên không thể trừ, chẳng phải thắng đức nên không phải chúng. Vì phi chính hạnh nên không phải tu, chỉ vì chán lia nên phải biết. Cho nên không có các nghĩa đoạn, chúng, tu v.v... Nếu biết đây tức có thể diệt trừ các hoặc. Cho nên tà hạnh ở vào thứ 2. Do hoặc diệt nên chúng đắc thanh tịnh, cho nên thanh tịnh đứng hàng thứ 3. Do chúng đắc thanh tịnh đầy đủ nên chính hạnh viên mãn. Bởi vì sao? Đạo có 3 dụng: 1. Thấy nghĩa chân thật. 2. Trừ ác pháp. 3. Có thể đến tịch tĩnh. Nếu đầy đủ 3 đây thì đạo dụng viên mãn. Cho nên nói chính hạnh vào hàng thứ 4. Bấy như như này là tính chân thật.

QUYỀN THƯỢNG HẾT

LUẬN TAM VÔ TÍNH (Xuất xứ từ Vô Tướng Luận) QUYỀN HẠ

Hỏi: Sao 7 như như này nhập vào tính chân thật?

Đáp: Bảy như như này có thể ca ngợi như cảnh giới tối cực của 2 trí. Hai trí, tức là trí như lượng và trí như lý. Trí này là vô lưu, quá phạm phu, cho nên có thể ca ngợi xuất Nhị thừa. Tối cực lại là trí Bồ-tát, có thể ca ngợi là Phật trí. Tối cực, đây hiển thị nghĩa vô đảo, vì là cảnh giới của trí vô đảo. Lại nữa vô hý luận cho nên gọi là chân thật. Vô hý luận, là đối với tướng v.v... là chấp hư vọng là một là khác. Tướng v.v..., nghĩa là phân biệt tên các tướng. Chính trí v.v... gồm trong 4. Tức 4 pháp tạng ở trong 5 pháp tạng. Vì sao không nói là một là khác? Vì đều có lỗi.

Nếu chân như khác tướng v.v... có 3 lỗi: 1. Chân như này là thật thể phi tướng v.v... 2. Người tu quán không dựa vào các tướng làm phương tiện được thông đạt chân như. 3. Giác ngộ chân như rồi thì phải chưa đạt tướng v.v... các pháp, vì không tương quan.

Nếu chân như với tướng là một cũng có 3 lỗi: 1. Chân như đã không sai biệt, tướng v.v... cũng phải không sai biệt. 2. Nếu thấy tướng v.v... tức thấy chân như. 3. Nếu thấy chân như không thể thanh tịnh. Nếu thấy tướng v.v... thì không có thánh nhân, không được giải thoát, không có Niết-bàn, thể xuất thế khác. Cho nên do lia

một khác v.v... hoặc hý luận nên không biến đổi, không biến đổi nên tức là tính chân thật.

Hỏi: Tính này nếu lìa một khác, thì nó là có hay không có?

Đáp: Tính này không thể nói là không có. Nếu không có tính này, thì tất cả thứ thanh tịnh không thể có được. Bởi vì sao? Vì tướng kết thành chân thật. Cho nên không được không có tính này. Nhất thiết chủng, tức trí như lý như lượng. Tướng kết, tức tính phân biệt tính y tha. Lại nữa tính này thật có, vì do cảnh giới thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì nếu tâm duyên cảnh này liền được thanh tịnh. Lại nữa tính này thật có cho nên gọi là thường trụ. Cảnh giới thanh tịnh nên gọi là thiện. Thường trụ nên gọi là lạc. Chân thật vô tính nên nói vô tính. Bởi vì sao? Tính này là thể tính chân thật của tất cả pháp hý luận. Lìa có lìa không, nên gọi là vô chân tính. Tính chân thật này là cực trí cảnh, lìa hý luận. Cho nên phải biết là tính chân thật. Tiếp ở trong y tha, ước theo biệt đạo lý phân biệt chân thật vô tính. Nếu ở trong tính chân thật thì đủ được nói chân thật và vô tính 2 nghĩa. Bởi vì sao? Vì thể là chân thật, là vô tính. Nếu ở trong 2 tính y tha phân biệt, thì chỉ được nói vô tính, không được nói chân thật. Bởi vì sao? Phân biệt y tha chẳng phải chân thật cho nên 2 thể là vô tính. Nếu không phải vô tính thì phân biệt y tha thành chân thật có. Nếu nói phân biệt y tha là chân thật thì không có nghĩa vô tính. Cho nên không được nói đủ 2 nghĩa chân thật vô tính. Nếu nói nghĩa vô tính chân thật tính thì được. Nếu nói y tha phân biệt chân thật vô tính thì không được. Vì cái tên chân thật quá lạm dụng cho phân biệt y tha.

Hỏi: Trong kinh nói có 5 tướng: 1. Danh ngôn tướng. 2. Sở ngôn tướng. 3. Danh nghĩa tướng. 4. Chấp trước tướng. 5. Phi chấp trước tướng. Lại nói 3 tướng, là phân biệt tướng, y tha tướng, và chân thật tướng. Tướng của 2 nơi này bao gồm nhau như thế nào, là 5 trong 3 hay 3 trong 5?

Đáp: Nay ước theo 3 tướng phân biệt 5 tướng. Phải biết trong 5 tướng thì 2 tướng trước thông gồm trong 3 tướng, tướng thứ 3 thiên về trong tướng phân biệt, tướng thứ 4 chỉ ở trong tướng y tha, tướng thứ 5 chỉ ở trong tướng chân thật.

Giải thích:

Hai tướng đầu tiên sở dĩ gồm thông 3 tướng, là trước tiên danh ngôn tướng tức là danh tự và ngôn thuyết các pháp. Danh ngôn này là do thức tạo tác. Tướng danh ngôn tương tự thức khởi tức tính phân biệt, thức năng phân biệt tức tính y tha. Danh ngôn sở phân biệt đã vô sở hữu, thức năng phân biệt cũng vô sở hữu, tức là tính chân thật. Cho nên tướng đầu tiên gồm trong 3 tính. Tướng thứ 2 cũng gồm trong 3 tính, là nói tướng tức là nói nghĩa của danh ngôn. Nghĩa là tất cả các vật cũng là do thức tạo tác. Có điều là thức có vật tương tự, tướng khởi tức là tính phân biệt, thức năng phân biệt tức là tính y tha. Cả 2 cũng đều vô sở hữu tức là tính chân thật. Tướng thứ 3 chỉ gồm trong tính phân biệt, là đây là danh nghĩa tương ứng tướng. Nghĩa là lấy vật lập tên khiến tương ứng với vật, do tên hiển thị vật. Danh nghĩa này thật vô sở hữu, vì không có nghĩa của tướng mà chỉ là tính phân biệt. Tướng thứ 4 chỉ gồm trong tính y tha. Cái này chấp trước 2 tướng danh và nghĩa, làm công việc năng chấp nên chỉ là tính y tha, không rõ sở chấp nên chẳng phải phân biệt. Trước chỉ phát xuất từ sở phân biệt không phát xuất năng phân biệt nên chẳng phải y tha. Tướng thứ 5 chỉ gồm trong tính chân thật. Cái này không chấp trước 2 tướng danh và nghĩa, tức là cảnh trí vô sai biệt thức A-ma-la. Thứ 4 và thứ 3 cũng không tách rời tính chân thật. Có điều là chỗ sở lập của nó chính thiên về một nghĩa thôi.

Luận nói:

Phân biệt đều có 5 thứ sự dụng. Lại nữa, nên biết rằng 3 tính này trong mỗi một tính đều có đủ tính phân biệt 5 sự dụng. Năm sự dụng là: 1. Có khả năng sinh tính y tha. 2. Trong tính y tha có thể lập danh

ngôn. 3. Có khả năng khởi nhân pháp 2 chấp. 4. Có khả năng thành lập 2 chấp thô trọng. 5. Có khả năng nhập vào y chỉ tính chân thật.

Giải thích:

Cái đầu tiên là có khả năng sinh thể của nghĩa. Cái tiếp theo có khả năng sinh danh ngôn trên nghĩa. Cái thứ 3 có khả năng sinh khởi 2 tướng nhân pháp. Cái thứ 4 có khả năng sinh phiền não. Cái thứ 5 có khả năng giải thoát. Ba cái trước nói rõ có khả năng tạo tác khởi hoặc, cũng như phương tiện được giải thoát. Cái thứ 4 chính nói rõ việc khởi hoặc. Cái thứ 5 nói rõ được giải thoát. Có cái thứ tự này, là phải có cái thể nên lập danh ngôn, do có danh ngôn nên khởi nhân pháp 2 chấp, do nhân pháp 2 chấp nên tăng trưởng khởi các phiền não. Trước chỉ khởi nhân pháp 2 chấp. Đây thì nhẹ và vi tế, do đó sau khởi vô lượng hoặc. Từ đây về sau luân chuyển lâu dài mới có thể y chỉ. Cái phân biệt y tha này được nhập vào tính chân thật nên được giải thoát.

Luận nói:

Năm sự của tính y tha là: 1. Sinh thành cái thể của phiền não. 2. Có khả năng làm y chỉ cho 2 tính phân biệt và chân thật. 3. Có khả năng làm y chỉ khởi 2 chấp nhân pháp danh ngôn. 4. Có khả năng làm y chỉ khởi 2 chấp nhân pháp thô trọng. 5. Có khả năng làm y chỉ nhập vào tính chân thật.

Giải thích:

1. Sinh thành cái thể của phiền não, nghĩa là tính y tha là hữu thể, khác với tính phân biệt là vô thể, nên có thể làm cái thể của phiền não.

2. Có khả năng làm y chỉ cho 2 tính phân biệt và chân thật, nghĩa là tính y tha chấp là nhân pháp ngã, tức là bị tính phân biệt làm y chỉ. Nếu biết tính y tha do phân biệt khởi, thì phân biệt đã không có tính tướng, nên tính y tha không sinh. Không sinh cho nên tức là y chỉ của tính chân thật.

3. Có khả năng làm y chỉ khởi 2 chấp nhân pháp danh ngôn, nghĩa là danh ngôn ắt phải có chỗ sở y. Tính y tha khởi, cho nên nói có khả năng làm y chỉ khởi 2 chấp nhân pháp danh ngôn.

4. Có khả năng làm y chỉ khởi 2 chấp nhân pháp thô trọng, nghĩa là có khả năng sinh thượng tâm thô trọng nhân pháp 2 chấp.

5. Có khả năng làm y chỉ nhập vào tính chân thật, nghĩa là tính y tha không sinh, tức biết phân biệt vô tướng là phương tiện nhập vào tính chân thật, cũng có thể nói trước được rõ tính phân biệt là vô tướng, tức thấu đạt y tha vô sinh, là y chỉ nhập vào tính chân thật. Nhập vào tính chân thật, trước tiên trong văn tư tuệ, phải hiểu rõ đầy đủ tính phân biệt là vô tướng, tính y tha là vô sinh, nhiên hậu mới thấy tính chân thật.

Luận nói:

Ước theo trước phân biệt y tha có 5 sự hợp thành 10 thứ. Sở dĩ như vậy là vì có thể làm 2 tính 5 việc đối trị y chỉ duyên duyên. Thánh đạo 3 thừa là năng đối trị, vì có thể trừ 5 việc của 2 tính trước. Có thể trừ 5 việc của tính phân biệt trước, là: 1. Do quán tính phân biệt là vô tướng, nên tính y tha không sinh. 2. Do y tha không sinh nên danh ngôn không sở y. 3. Do danh không khởi nên nhân pháp 2 chấp không sinh được. 4. Do 2 chấp không sinh nên tướng loại và thô trọng 2 hoặc không khởi. 5. Do 2 hoặc không khởi nên tức là thấy chân, không cần lại phải tu phương tiện nhập vào tính chân thật. Do được thánh đạo nên 5 việc của tính phân biệt vĩnh viễn không khởi trở lại. Trừ 5 việc của y tha là: 1. Do thánh đạo nên thể của y tha phiền não trừ diệt. 2. Do thể diệt nên không tạo tác y chỉ 2 tính phân biệt và chân thật. 3. Do vô thể, nên không thể làm y chỉ cho nhân pháp 2 chấp danh ngôn. 4. Do vô thể, nên không thể làm y chỉ cho 2 chấp thô trọng thượng tâm. 5. Đã thấy chân như, nên không cần nhọc sức tìm kiếm y chỉ nhập vào tính phân biệt.

Giải thích:

Y chỉ xứ duyên duyên, là trong cảnh trí vô phân biệt nói trí là y chỉ, nói cảnh là duyên duyên. Tức là nghĩa chuyển y của Phật Bồ-tát gọi là y chỉ duyên duyên.

Luận nói:

Hỏi: Trong Phẩm lập không, đã phá nhân ngã chấp. trong phẩm này phá pháp ngã. Hai chấp này đều từ nhân nào sinh?

Đáp: Nhân ngã chấp sinh từ pháp ngã chấp. Bởi vì sao? Nhân ngã chấp này phải do thượng tâm, vì nhân ngã chấp diệt sau mới có thể hiểu rõ các pháp.

Giải thích:

Người có thân kiến chưa thể thấy các âm, cho nên trên các âm chấp nhân ngã và ngã sở. Nếu khi được nhân ngã và ngã sở không, thì mới không thấy ngã và ngã sở, mới có thể hiểu rõ chỉ là pháp của các âm. Do hiểu rõ các pháp, nên pháp ngã liền diệt. Hiểu rõ pháp, nghĩa là thấy phân biệt là vô tướng, y tha là vô sinh, chân thật là vô tính. Bởi pháp chấp diệt nên tùy miên ngã kiến diệt. Cho nên biết nhân ngã chấp do từ pháp ngã chấp sinh.

Luận nói:

Hỏi: Vì sao chưa diệt nhân pháp 2 chấp lập bất tịnh phẩm, 2 chấp diệt rồi mới lập tịnh phẩm?

Đáp: Trong tính y tha chấp ngã là tính phân biệt huân tập gọi là bất tịnh phẩm. Nếu trong y tha tu tính chân thật huân tập gọi là tịnh phẩm. Nếu nói bất tịnh phẩm, là hữu lưu giới. Nếu nói tịnh phẩm, là vô lưu giới. Vô lưu giới này lấy chuyển y làm thể. Chuyển y này không thể tư duy, lại có 2 thứ. Nói chuyển y, là ước theo địa vị thì có 5 thứ: 1. Một phần chuyển y. Nghĩa là người Nhị thừa dựa vào ngã kiến ngã ái diệt, nên vô lưu tương tục khác với phàm phu. Do

đó gọi là chuyển hồi chuyển, khác trước phạm phu sở y hữu lưu. 2. Toàn phần chuyển y. Nghĩa là Bồ-tát sơ địa đầy đủ được nhân pháp 2 không. 3. Hữu động chuyển y. Nghĩa là địa thứ 7 còn có xuất nhập quán, nên gọi là động. 4. Hữu dụng chuyển y. Nghĩa là địa thứ 10 có những việc chưa xong, nên không xả bỏ công dụng, nên gọi là hữu dụng. 5. Cứu cánh chuyển y. Nghĩa là Như Lai địa viên mãn, nên gọi cứu cánh. Đó gọi là chuyển y. Nói không thể tư duy, là tự có 4 thứ: 1. Thành tự không thể tư duy. Nghĩa là tất cả hoặc, tất cả khổ không thể làm hại. Vì hoàn toàn thanh tịnh thường trụ không biến đổi nên gọi là thành tự. 2. Tự tính không thể tư duy. Nghĩa là chuyển y này tức sắc là tự tính, ly sắc là tự tính đều không thể tư duy. Như vậy cho đến thức và 6 nhập, 4 đại, 3 cõi, 6 đường, 10 phương v.v... Hoặc tức hoặc ly đều không thể tư duy, như trong Phật Tính có giải thích rộng. 3. Tịch tĩnh không thể tư duy. Nghĩa là chuyển y này ở trong lạc trụ không thể tư duy, ở trong tĩnh trụ không thể tư duy. Như vậy cho đến hữu tâm trụ, vô tâm trụ, thánh trụ, thiên trụ, Phạm trụ, Phật trụ v.v... đều không thể tư duy. 4. Công đức không thể tư duy. Nghĩa là chuyển y này lược nói công đức của Như Lai có 6 thứ: 1. Viên mãn. 2. Vô cầu. 3. Vô động. 4. Vô đẳng. 5. Lợi tha vì sự. 6. Thắng năng.

Giải thích:

Tám trụ: 1. Lạc trụ, là tam thiên trở lại. 2. Tĩnh trụ, là tứ thiên trở lên. 3. Hữu tâm trụ, là hữu tâm định. 4. Vô tâm trụ, là vô tướng định và diệt tận định. 5. Thánh trụ, là tất cả vô lưu quán. 6. Thiên trụ, là sơ thiên đến phi tướng. 7. Phạm trụ, là Phạm là vô lượng, nghĩa là tứ vô lượng định. 8. Phật trụ, là Phật không trụ sinh tử không trụ Niết-bàn, trụ ở vô trụ xứ Niết-bàn.

Luận nói:

Hữu, có 4 thứ đạo có thể được chuyển y. Những gì là 4? 1. Bốn thánh hạnh. 2. Bốn thứ tầm tư. 3. Bốn thứ như thật tri. 4. Bốn thứ cảnh giới.

Trước tiên 4 thánh hạnh là: 1. Ba-la-mật, tức 10 Ba-la-mật. Nói chung là một hạnh Ba-la-mật hướng đến Đại thừa. Đây nói rõ nhân lợi tha, cũng gọi là duyên nhân duyên. Nghĩa của Ba-la-mật, như trong Phẩm chương của Luận Trung Biên có giải thích. 2. Đạo hành, tức 37 phẩm. Nói chung là trợ đạo hành. Có thể hiểu rõ nghĩa chân thật của cảnh giới, cho nên đây gọi là nhân tự lợi, cũng gọi là duyên quảng minh đạo phẩm, như có nói trong Phẩm tu đối trị của Luận Trung Biên. 3. Thần thông hành, tức là 6 thần thông. Nói chung là một thần thông hành có thể khiến chúng sinh được hóa độ quy hướng tôn trọng vào chân lý. Sáu thần thông này tức là 3 luân: 1. Thân thông, tức thân thông luân có thể cử nhẹ đi xa đến chuyển biến ẩn hiện, khiến chúng sinh khởi tâm quy hướng. 2. Ký tâm luân, tức thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm có thể khiến kia tư duy giác quán như thật ghi nhớ giảng nói khiến khởi tôn trọng. 3. Chính giáo luân, tức lưu tận thông khiến lìa khổ đoạn tập chúng diệt tu đạo. Tức mạng một thông thông cả hữu hậu 2 luân. 4. Thành thực chúng sinh hành, tức 4 nhiếp pháp. Nói chung là một thành thực chúng sinh hành. Đây nói rõ ghi nhập lý chúng sinh, lại dùng tài pháp 2 thí khiến thành thực. Tài thì dùng phương tiện lợi ích khiến thành thực. Pháp thì dùng phương tiện giác ngộ khởi hành tùy thuận để khiến thành thực.

Giải thích:

Bồ thí nhiếp khiến kia thành thực. Thành thực là tùy theo vị trí cạn hay sâu. Ái ngữ nhiếp, là khiến kia giác ngộ, lợi hành nhiếp là khiến kia khởi hành, đồng lợi nhiếp là khiến kia tùy thuận.

Luận nói:

Lại nữa, 4 nhiếp đây là ước theo 5 thứ nhiếp, gọi là nhiếp loại. Năm là: 1. Nhiếp thành tự gia. Nghĩa là dùng tài thí nhiếp hóa người oán khiến bỏ giận ghét trở thành người thân thuộc của mình nên gọi là một nhà. 2. Linh thụ giáo nhiếp. Nghĩa là dùng ái ngữ nhiếp hóa người nhà của mình khiến thụ nhận chính giáo. 3. Khởi chính cần

nhiep. Nghĩa là dùng lợi hành nhiếp hóa người thụ giáo chưa khởi chính hành thì khiến như lý siêng thực hành. 4. Thành thực thiện nhiếp. Nghĩa là lại dùng lợi hành nhiếp hóa người chính hành chưa xả khiến xả, chưa đắc khiến đắc. 5. Giải thoát thiện nhiếp. Nghĩa là dùng đồng lợi nhiếp hóa người thứ 4 khiến giải thoát hoặc chướng và tất cả trí chướng.

Giải thích:

Giải thoát hoặc chướng tức người Nhị thừa. Thoát tất cả trí chướng tức Đại thừa Phật Bồ-tát.

Luận nói:

Thứ hai: Bốn thứ tầm tư là: 1. Tầm tư danh ngôn. 2. Tầm tư nghĩa loại. 3. Tầm tư tự tính giả. 4. Tầm tư sai biệt giả.

1. Tầm tư danh ngôn, là Bồ-tát ở trong tầm tư chỉ thấy danh ngôn không thấy danh thể. Bởi vì sao? Danh vốn hiển thị các nghĩa của sắc v.v... Nghĩa của các sắc này ước theo tướng ước theo sinh đã không thành tựu thì danh này không có chỗ hiển thị. Danh đã không thể hiển thị nghĩa, thì khác nào là không có danh. Cho nên danh không thành danh, mà danh này với sắc các loại là đồng hay là khác? Nếu đồng thì sắc đã không, danh cũng đồng không. Nếu khác, thì thế giới không như sừng thỏ v.v... Bởi vì sao? Có vật thì không ra ngoài 2 tính phân biệt y tha, cho nên là Bồ-tát tầm tư nghe danh ngôn không thấy danh thể. Đây nói thể, tức chỉ danh làm thể.

2. Tầm tư nghĩa loại, là Bồ-tát tầm tư nghĩa loại chỉ thấy duy có loại mà không thấy nghĩa khác. Bởi vì sao? Bồ-tát tầm tư nơi nghĩa. Nghĩa này như chỗ hiển thị, không như là có, chỉ có loạn thức, không có danh, không có tướng. Danh là kiến loại. Loại này đã không có sở duyên, vì năng duyên không khởi. Cho nên Bồ-tát tầm tư nghĩa loại chỉ thấy nghĩa loại chân thật là không tướng không sinh.

Giải thích:

Tâm tư nghĩa loại, là nói nghĩa tức như trong 5 âm đều có nghĩa riêng là danh hiển thị, gọi đó là nghĩa. Như sắc để đối với nhãn là nghĩa. Nói loại tức như sắc v.v... các khí loại cũng được gọi là loại. Nay thì không vậy. Bồ-tát quán 5 âm này là do phân biệt tạo tác ra, chỉ là loạn thức, tức gọi là thức loại. Nếu thủy chung tác ngữ, thủ lấy loạn thức vô danh vô tướng này, gọi đó là loại, thì loại đó là sở duyên đã không có, vì năng duyên không khởi. Cho nên nói Bồ-tát tâm tư loại này chỉ thấy nghĩa loại chân thật là không tướng không sinh.

Luận nói:

3. Tâm tư tự tính giả, là Bồ-tát tâm tư tự tính chỉ thấy duy có giả không thấy vật khác. Bởi vì sao? Sắc này v.v... tự tính là giả danh, không thể an lập trong loạn thức vì vô tướng vô danh, cũng không thể an lập trong tính chân thật vì ly tướng ly sinh. Giả danh này chỉ gia tăng pháp sở tác, vì thể không tăng không giảm. Cho nên Bồ-tát tâm tư chỉ thấy tự tính giả, không thấy tự tính.

Giải thích:

Tâm tư tự tính giả, là an lập 5 âm làm tự tính. Bồ-tát tâm tư chỉ thấy cái tự tính giả không thấy tự tính, cho nên nói không thấy vật khác. Vật khác đó là nói tự tính. Bởi vì sao? Dưới giải thích sắc âm này v.v... là giả danh. Trong loạn thức không thể an lập, tức là không thể an lập phân biệt. Nói ly tướng ly sinh, ly tướng là lìa tính phân biệt, ly sinh là lìa tính y tha. Giả danh này chỉ gia tăng sở tác, nghĩa là nếu nghiên cứu tìm kiếm cái thể của âm thì duy chỉ có một thể như như, không tăng không giảm. Nếu lập loạn thức tức là một tầng gia tăng, vào trong loạn thức lại phân biệt lập làm 5 âm là hai tầng gia tăng. Bồ-tát tâm tư chỉ thấy chính cái tự tính giả không thấy giả tự tính.

Luận nói:

4. Tâm tư sai biệt giả, là Bồ-tát tâm tư chỉ thấy sai biệt giả không thấy vật khác. Bởi vì sao? Vì cái giả này là vô danh vô tướng, vô tướng vô sinh. Bồ-tát quán tướng mạo của tên loại, khác cũng thấy không khác. Khác, nghĩa là tên và nghĩa đều chỉ là khách. Không khác, là như trong 10 vô đảo. Giải về danh, cú, vị, có nghĩa, không nghĩa, có giải thích trong vô đảo.

Giải thích:

Sai biệt giả, là trong 5 ám lại phân biệt lập tên các pháp. Như trong sắc ám triển khai ra căn đại v.v... Bồ-tát tâm tư chỉ thấy cái sai biệt giả đó, không thấy giả sai biệt, cho nên nói không thấy vật. Bởi vì sao? Dưới giải thích sai biệt này. Nếu chỉ vào loạn thức cho là sai biệt thì vô danh vô tướng. Nếu lấy tính chân thật làm sai biệt, thì thể là vô tướng. Bồ-tát thấy tướng mạo của tên loại cũng thấy không khác. Nói tên loại, tên là năng hiển, loại là sở hiển nghĩa loại. Nếu tên và loại không tương ưng nhau thì tên là khách, đó tức là khác. Cũng thấy không khác, là như giải thích trong 10 vô đảo. Nếu tên và nghĩa tương ưng, nói dựa vào thứ tự thường xuyên tu tập thì tên này tức là loại năng hiển, tên là không khác. Lại Bồ-tát tâm tư tên và loại nếu khác thì tất cả pháp thế gian không ra ngoài tên và loại này. Bồ-tát đã mỗi mỗi tâm tư tên không thành tên loại không thành loại. Hai căn bản này đã không thành tựu thì hợp làm tự tính cũng không thành tựu. Vào trong 2 tự tính lìa là sai biệt cũng không thành tựu.

Luận nói:

Cho nên luận nói Bồ-tát thấy danh loại khác cũng thấy không khác. Thấy khác là ước theo lìa danh loại bất đồng. Thấy không khác là ước theo tự tính và sai biệt hợp mà thành danh loại. Bốn thứ đây là cảnh giới tâm tư của Bồ-tát.

Giải thích:

Cảnh giới không ra ngoài 4 thứ: 1. Danh. 2. Loại. 3. Tự tính. 4. Sai biệt. Danh chỉ là tính phân biệt. Loại và tự tính sai biệt gồm thông 2 tính. Danh vốn là danh loại. Loại đã không thành thì danh cũng không lập. Hợp danh loại này làm tự tính thì tự tính cũng không lập. Lìa tự tính này làm sai biệt thì sai biệt cũng không thành, vì y tha không lập.

Luận nói:

Thứ ba: Bốn thứ như thật trí là: 1. Tầm tư danh, được như thật trí. 2. Tầm tư loại, được như thật trí. 3. Tầm tư tự tính, được như thật trí. 4. Tầm tư sai biệt, được như thật trí.

1. Tầm tư tên được như thật trí, nghĩa là Bò-tát tầm tư cái tên thì chỉ được tên không được cái thể của tên. Bò-tát biết như thật cái tên này an lập trong loại của thể gian. Tên này có tất cả 3 nghĩa: một là tưởng, hai là thấy, ba là nói. Trong sắc v.v... các loại, nếu thể gian không lập cái tên của sắc v.v... thì không ai có thể tưởng được vật này. Nếu không thể tưởng thì không thể khởi tăng ích cái thấy và chấp. Nếu không thấy không chấp thì không thể nói ra. Vì nghĩa đó, cái tên mà thể gian lập ra Bò-tát biết như thật cái tên này. Đó gọi là tầm tư tên được trí như thật.

Giải thích:

Biết như thật cái tên này, là có 2 thứ biết như thật. Một là ước theo thể gian biết như thật, đó là 3 nghĩa nên lập tên. Hai là ước theo xuất thể quán như thật, đó là ước theo loại nên khởi. Loại là không thể được nên tên cũng không thể được.

Luận nói:

2. Tầm tư loại được như thật trí, nghĩa là Bò-tát tầm tư nghĩa loại là tất cả ngôn thuyết, không thể ngôn thuyết. Thấy các loại

sắc v.v... lìa tất cả ngôn thuyết, nghĩa là Bồ-tát quán loại y tha chỉ có loạn thức không thấy tính phân biệt, cho nên nói lìa tất cả ngôn thuyết. Không thể ngôn thuyết, nghĩa là tầm cái loạn thức này là do phân biệt khởi. Phân biệt đã không, loạn thức cũng diệt. Tức là chân như thì tuyệt đường ngôn ngữ, nên nói là bất khả ngôn thuyết. Đó gọi là Bồ-tát tầm tư nghĩa loại được trí như thật.

3. Tầm tư tự tính được như thật trí, nghĩa là Bồ-tát đối với sắc v.v... các loại tầm tư tự tính giả. Loại này không có tự tính, do tự tính giả tựa như có tự tính. Bồ-tát như thật thấy tự tính này như ảo hóa, như bóng, như tiếng vang, như trăng dưới nước, như ảnh tượng, thể của nó là phi hữu mà hiển hiện tựa như có. Những tầm tư về tự tính như vậy được trí như thật, lấy nghĩa rất sâu làm cảnh. Bởi vì sao? Vì một lúc khiến trừ tên và loại đều không.

Giải thích:

Trước một tầm tư chỉ khiến trừ tên, đó là cạn. Tầm tư thứ 2 khiến trừ loại, có thể ở vào hạng trung. Nay tầm tư thứ 3 có thể khiến trừ cả tên và loại, nên nói nghĩa rất sâu làm cảnh.

Luận nói:

4. Tầm tư sai biệt, được như thật trí, nghĩa là Bồ-tát tầm tư sai biệt giả, đối với sắc v.v... các loại thấy sai biệt giả không 2. Bởi vì sao? Vì các loại sắc v.v... này phi hữu phi vô. Như nói thể không thành tựu nên phi hữu. Do không thể nói là thể quyết chắc thành tựu nên phi vô. Do chân đế nên vô sắc. Do tục đế nên phi vô sắc. Vì trong đó giả nói là sắc. Như hữu phi hữu, như sắc phi sắc, như vậy phải biết đạo lý các sai biệt khác, như có thể thấy, không thể thấy, có ngại không ngại. Nếu Bồ-tát biết giả lìa hữu lìa vô 2 tính như thế đó gọi là tầm tư nghĩa sai biệt được trí như thật.

Đó gọi là tầm tư được 4 thứ như thật trí trong văn tư tuệ.

Thứ tư: Bốn thứ cảnh giới là: 1. Biến mãn cảnh giới. 2. Trị hành cảnh giới. 3. Thắng trí cảnh giới. 4. Tịnh hoặc cảnh giới.

1. Biến mãn cảnh giới lại có 4 thứ: 1. Hữu phân biệt tướng. 2. Vô phân biệt tướng. 3. Chủng loại cứu cánh. 4. Chính sự thành tựu.

Hữu phân biệt tướng và vô phân biệt tướng, là cảnh giới loại, cũng gọi là đẳng phần, là tĩnh định vị. Cảnh, tức Tì-bát-xá-na duyên duyên. Cảnh giới loại, là như duy thức. Bởi vì sao? Tất cả cảnh thể xuất thể chẳng qua là duy thức, vì là cảnh giới như lượng. Do như lượng này cho nên biến mãn. Cũng gọi là đẳng phần, là duy thức này do ngoại cảnh thành. Ngoại cảnh đã không, duy thức cũng không, cảnh không tướng thức không sinh. Đó là tất cả các pháp bình đẳng như lý, cho nên gọi là đẳng phần, gọi là biến mãn. Là cảnh giới tĩnh định, nghĩa là quá phạm phu Nhị thừa được định nên gọi là tĩnh. Chẳng phải tán tâm duyên cảnh nên gọi là định. Nếu Bồ-tát nhập quán rất sâu mới thấy lý này, cho nên nói cảnh tĩnh định vị. Trong đó nếu Tì-bát-xá-na thắng thì lập tên là phân biệt. Nếu Xa-ma-tha thắng thì lập tên là vô phân biệt. Đây nói phân biệt, là chẳng phải tính phân biệt, chỉ nói trí vô phân biệt gọi là phân biệt.

3. Chủng loại cứu cánh, là ở cảnh phân biệt vô phân biệt trước 2 thứ phẩm loại như lượng như lý gồm thấu hết tất cả chân tục cứu cánh, nên gọi là biến mãn.

4. Chính sự thành tựu, là Bồ-tát chư Phật chuyển y vô phân biệt trí sở duyên gọi là chính sự. Không thể trị lại nên gọi là thành tựu.

Thâu nhiếp hết cảnh trí nên gọi là biến mãn cảnh giới.

2. Trị hành cảnh giới có 5 thứ: 1. Bất tịnh quán. 2. Vô lượng tâm. 3. Nhân duyên quán. 4. Phân biệt giới. 5. Xuất nhập tức niệm.

Trước tiên quán bất tịnh trừ 4 thứ dục: sắc, tướng mạo, oai nghi, xúc. Vô lượng tâm, tức quán 4 vô lượng trừ 4 thứ sân: sát hại, bức

não, tật đồ, bất an. Nhân duyên quán, tức quán 12 nhân duyên trừ vô minh 3 đời. Phân biệt giới, tức quán giới nhập trừ ngã ngã sở. Xuất nhập tức niệm, tức quán trừ giác. Giải thích rộng như các nghĩa khoa.

3. Thắng trí cảnh giới có 5 thứ:

1. Âm thắng trí để trừ trong nhóm chấp một ngã. Âm có 3 nghĩa: 1. Nhiều, nghĩa là 3 đời không phải một. 2. Khác, nghĩa là sắc v.v... sai biệt. 3. Hòa hợp, nghĩa là nhóm hợp một chỗ. Cho nên hoặc nhiều hoặc khác hòa hợp làm một thể gian gọi là tập. Ngoại đạo chấp ngã có 3 nghĩa: 1. Chấp ngã là thường, nên lấy nghĩa 3 đời để phá chấp. 2. Chấp ngã là một, lấy nghĩa sai biệt phá. 3. Chấp ngã thật hữu, lấy nghĩa hòa hợp phá. Nếu người thấy 3 nghĩa này thì ở trong nhóm không khởi một ngã chấp.

2. Giới thắng trí để trừ chấp ngã làm nhân. Có 18 giới. Lập giới để hiển thị nghĩa của chủng tử. Nhãn v.v... 6 giới là chủng tử năng chấp. Ở trong loại của nó là tự phần nhân, như nhãn căn trước v.v... sinh nhãn căn sau v.v... Sắc v.v... 6 giới là chủng tử sở chấp. Ở trong loại của nó sinh tự phần nhân, như sắc trước v.v... sinh sắc sau v.v... Nhãn thức v.v... 6 giới là chủng tử chấp. Ở trong loại của nó sinh tự phần nhân, như nhãn thức trước v.v... sinh nhãn thức sau v.v... Để trừ 3 thứ vô minh nên trong thân hiển thị 3 thứ chủng tử. Ba vô minh là: 1. Trừ tác giả nên nói chủng tử năng chấp. 2. Trừ nghiệp vô minh nên nói chủng tử sở chấp. Bởi vì sao? Vì chỉ sắc v.v... là sở tác nghiệp, lia sắc v.v... không có nghiệp nào khác. 3. Để trừ sự vô minh nên nói chủng tử chấp. Bởi vì sao? Chỉ lấy nhãn v.v... 6 thức làm tác nghiệp sự, lia thức này v.v... không có sự gì khác. Nếu người hiểu rõ giới như vậy thì không chấp ngã là nhân sinh các pháp. Giới thắng trí có khả năng trừ chấp ngã làm nhân.

3. Nhập thắng trí để trừ thụ giả ngã chấp. Có 12 thứ nhập. Nói nhập, là có nghĩa vào cửa thụ dụng. Bởi vì sao? Nhãn v.v... 6 căn có thể thụ dụng khổ lạc xả 3 thụ. Sắc v.v... 6 trần có thể thụ dụng oán

thân trung bình 3 tướng. Nói thụ dụng là nghĩa của nhân. Vào cửa tức căn trần. Cho nên 6 căn có thể làm cửa thụ dụng của thụ, 6 trần có thể làm cửa thụ dụng của tướng. Căn và trần đây không có pháp nào khác được gọi là cửa vào. Nếu người rõ thấu nhập này thì không chấp ngã là kẻ thụ dụng.

Hỏi: Ngoại đạo chấp ngã là kẻ thụ dụng, tướng đó như thế nào?

Đáp: Chấp có một ngã riêng biệt có thể thụ dụng căn trần biết được khổ vui v.v... Phật phá cái chấp thụ này, nói rõ nhờ nội căn ngoại trần có thể làm nhân duyên thụ dụng, trong thụ biết được khổ vui.

4. Duyên sinh thắng trí để trừ kiến chấp cho ngã là tác giả. Có 12 thứ duyên sinh là vô minh cho đến lão tử. Duyên sinh có 2 nghĩa, cũng có 3 nghĩa. Hai nghĩa, là một không tăng, hai không giảm. Nghĩa là trong nhân quả và sự 3 thứ không tăng không giảm. Ba nghĩa, là vô thường, vô sự, hữu năng. Ba đây là tướng nhân duyên. Tăng nhân, nghĩa là nhân chấp pháp thường trụ là hành v.v... cho đến nhân tất cả không bình đẳng. Nghĩa là tự tính vi trần, trời Tự Tại v.v... có thể sinh hành cho đến lão tử, Đó gọi là tăng nhân. Nói không bình đẳng, là ngoại đạo kia chấp nhân là thường, quả là vô thường, nhân không từ cái khác sinh, nhân chỉ có thể sinh quả. Nhân quả không tương tự nhau nên không bình đẳng. Giảm nhân, nghĩa là chấp các hành là tự nhiên có, không từ nhân sinh ra. Đó gọi là giảm nhân. Gọi chung tăng giảm, là nếu luận về dụng của nhân thì ắt phải vô thường vô sự hữu năng 3 thứ không được tăng giảm. Nếu ngoại đạo chấp riêng có pháp thường v.v... cho đến vi trần có thể làm nhân của hành, làm tăng trưởng 3 nghĩa này nên gọi là tăng. Lại ngoại đạo chấp hành v.v... là tự nhiên có, không từ nhân sinh, thì thiếu ngay 3 nghĩa này. Đó gọi là giảm nhân. Tăng quả, nghĩa là chấp hành v.v... bản lai là hữu thể duyên vô sinh v.v... sinh. Đây gọi là tăng quả. Giảm quả, nghĩa là chấp không có hành từ vô minh v.v... sinh. Đó là giảm quả. Tăng sự, nghĩa là chấp vô minh v.v... do có một công dụng

khác với vô minh, cũng khác với hành riêng có cái dụng này nên vô minh mới có thể sinh hành v.v... Đó gọi là tăng sự. Giảm sự, nghĩa là chấp vô minh v.v... không có công năng có thể sinh hành v.v... Bởi vì sao? Chỉ có do vô minh cho nên nói là nhân của hành không do công năng. Đó gọi là giảm sự. Nếu lia 3 chỗ tăng giảm này thì gọi là không tăng không giảm mà 12 duyên sinh vậy.

Hỏi: Vì sao chỉ căn cứ vào hành do nhân sinh hay không do nhân sinh mà không nói vô minh do nhân v.v... ư?

Đáp: Hành đã có nhân cho nên nghiêng về nói nghĩa của hành đến vô minh. Vô thường, vô sự, hữu năng là tướng nhân duyên, nghĩa là vô thường là chưa có thì có, đã có thì diệt. Nếu lấy đây làm nhân có thể chấp bất bình đẳng nhân và vô nhân. Bởi vì sao? Chưa có thì có là phá chấp vô nhân. Đã có thì diệt là phá chấp thường nhân. Cho nên cái vô thường này gọi là hữu nhân và bình đẳng nhân. Vô sự là tất cả các hữu pháp, nhân đồng loại tụ họp. Từ tụ họp này trước chưa có quả mà nay được sinh. Nhân đồng loại này chỉ có tụ họp có thể sinh quả sau, chứ không có công dụng nào khác. Đó gọi là vô sự. Lấy đây làm nhân phá chấp cho rằng có sự khác. Nói đồng loại, nghĩa là nhân quả giống nhau, nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Hữu năng, nghĩa là do đây có nên kia có, do đây sinh nên kia sinh. Vậy kia có kia sinh là kia do đây, chứ không phải do tự không phải do tha, chắc chắn do đây cho nên đây chắc chắn có công năng đối với kia. Đó gọi là hữu năng. Như vô minh này sinh hành kia v.v..., hành không tự sinh mà do vô minh sinh, nên nói kia do đây không do tự. Không do tự tại v.v... sinh nên nói không do tha. Do đây có nên kia có, phá chấp vô nhân. Do đây sinh nên kia sinh, phá chấp thường nhân, vì thường pháp không sinh. Do đây có nên kia có, đây sinh nên kia sinh. Cho nên biết đây đối với kia không làm việc gì khác, tức phá chấp có việc khác. Lia đây kia không thành, nên đây đối với kia chẳng phải không, tự nhiên có công năng,

tức phá chấp không có công năng. Nếu người được thắng trí này tức trừ chấp ngã là tác giả.

5. Xứ phi xứ thắng trí, là để trừ chấp ngã là tự tại. Nói xứ phi xứ, nghĩa là hệ thuộc vào cái khác không được tự tại. Chỗ hệ thuộc gọi là xứ, chẳng phải chỗ hệ thuộc gọi là phi xứ. Có 7 thứ xứ phi xứ: 1. Phi ái. 2. Ái. 3. Thanh tịnh. 4. Đồng sinh. 5. Tăng thượng. 6. Chí đắc. 7. Hành chúng sinh hệ thuộc. Bảy xứ này không được tự tại.

1. Phi ái, là chúng sinh hệ thuộc ác đạo. 2. Ái, là chúng sinh hệ thuộc thiện nghiệp, tuy không thuộc sinh thiện đạo nhưng chắc chắn sẽ sinh thiện đạo. 3. Thanh tịnh, là chúng sinh chưa tu 7 giác, không trừ 5 cái thì không thể hết được phiền não hệ thuộc nơi khổ biên, đối với pháp thanh tịnh không được tự tại. 4. Đồng sinh, là 2 Như Lai với Chuyển luân vương quyết không được đồng thời sinh cùng một xứ. Trong đồng sinh không được tự tại hệ thuộc, vì vô đẳng sinh. 5. Tăng thượng, là nói người nữ không được làm Chuyển luân vương, vì hệ thuộc tự tại. 6. Chí đắc, là nói người nữ không được làm Duyên Giác và Phật là chỗ chí đắc hệ thuộc đại trọng phụ. 7. Hành, là người đầy đủ chính kiến không làm các việc làm ác như sát sinh v.v... chỉ có phạm phụ làm mà thôi. Bởi vì sao? Vì hệ thuộc kiến đế.

Bảy đây lược nói có 3 hệ thuộc, là nghiệp, hoặc, sinh. Hai cái đầu hệ thuộc nghiệp. Tiếp đến một cái hệ thuộc hoặc. Sau 4 cái hệ thuộc sinh. Nếu người hiểu rõ 7 xứ phi xứ này, tức trừ được chấp ngã tự tại, nên gọi là xứ phi xứ thắng trí.

Năm đây gọi là cảnh giới của thắng trí. Thắng trí, tức là trí nhân không. Năm pháp môn này là hiển thị 5 thứ nghĩa của nhân ngã không.

4. Tịnh hoặc cảnh giới có 2 thứ: 1. Thế gian đạo cảnh giới. 2. Xuất thế gian đạo cảnh giới.

Thế gian đạo cảnh giới lại có 2 thứ: 1. Ba tướng của các địa dưới: thô động, ưu bức, hậu chướng. 2. Ba tướng của các địa trên: tịch tĩnh, vi diệu, viễn ly.

Xuất thế gian đạo cảnh giới cũng có 2 thứ: 1. Để lìa phiền não chướng tu quán 4 đế. 2. Để lìa nhất thiết trí chướng tu quán phi an lập đế.

Hai cảnh giới này có thể trừ 3 chướng. Trước quán cảnh giới thế gian đạo trừ chướng của phàm phu và bị phiền não. Tiếp quán 4 đế trừ chướng của Nhị thừa, tức nhục phiền não. Sau quán phi an lập đế trừ chướng của Bồ-tát, tức tâm phiền não. Cho nên gọi là cảnh giới tịnh hoặc. Như thế, đây nói thánh hạnh là 4 tâm tư, 4 trí như thật, 4 cảnh giới. Do 4 đạo này có thể được chuyển y. Lại có 3 thứ chuyển y là 3 thừa chuyển y. Nhị thừa, là theo Thanh Văn thừa tự có 2 thứ: 1. Hoàn toàn hướng về tịch tĩnh. 2. Hồi hướng Bồ-đề.

Hỏi: Người đã hết hậu sinh, làm sao được thụ vô thượng Bồ-đề?

Đáp: Trụ nơi hóa thân tu đạo Bồ-đề, mà không phải trụ ở báo thân. Thanh Văn chuyển y, trở ngược sinh tử tu đạo vô lưu. Độc Giác cũng vậy đều tu tập mà được. Bồ-tát chuyển y thì do tu chính phương tiện và y chỉ vô nhị trí. Chính phương tiện là gì? Tự có 5 thứ: 1. Thông đạt vô thượng pháp giới, tức Bát-nhã lấy như như làm cảnh. 2. Biến mãn pháp giới, tức đại bi duyên tất cả chúng sinh làm cảnh. 3. Chính cần công dụng, tự có 2 thứ: 1. Phục hoặc nhiếp hoặc. 2. Tu trí phục trí. Phục hoặc, là khác phàm phu. Nếp hoặc nhiều không thể tự lợi hướng chi lợi tha, cho nên phải siêng năng chế phục các hoặc. Nhiếp hoặc, là khác nhị thừa, nếu người không có hoặc, một mặt thẳng đến Niết-bàn thì không thể thành thực Phật pháp giáo hóa chúng sinh. Cho nên Bồ-tát phải siêng năng nhiếp lưu hoặc. Tu trí, là khác phàm phu, nếu người không có trí thì bị

nhiệm ô vào trong sinh tử. Cho nên phải siêng tu trí. Phục trí, là khác Nhị thừa, nếu tu trí mà thiên lệch thì xả sinh tử không thể tự lợi lợi tha. Cho nên phải khởi chính căn chế phục trí Nhị thừa. Đó là công dụng của chính căn sai biệt. 4. Do quán việc chúng sinh diệt trừ sinh tử, là nếu Bồ-tát chỉ quán tự lợi diệt trừ sinh tử thì đồng với Nhị thừa. Nếu Bồ-tát chỉ quán chúng sinh không diệt trừ sinh tử thì đồng với thế gian phàm phu cha mẹ v.v... Nếu nghịch lại đây thực hành cả hai thì thông tự lợi và lợi tha. Đó gọi là quán việc chúng sinh. 5. Đề cầu vô tỷ vô thượng trí, là vô tỷ tức Như Lai trí. Trí này chẳng phải hữu vi vì lấy chân như làm thể, chẳng phải vô vi vì lấy trí kiến làm thể.

Giải thích:

Chẳng phải vô vi vì lấy trí kiến làm thể, là khác với Tiểu thừa giáo cho rằng Phật sau khi nhập Niết-bàn không có trí kiến nữa, không có chỗ tác vi. Vô thượng trí, là vi cứu cánh cao tốt trong 4 trí tín, tỷ, chúng, chí. Cho nên phương tiện của Bồ-tát khác với Nhị thừa. Năm phương tiện này tức có 5 ý. Phương tiện thứ nhất chân để làm thể. Phương tiện thứ 2 tục để làm thể. Hai phương tiện này đều căn cứ vào cảnh có thể sinh trí. Lấy cảnh năng sinh làm thể của phương tiện. Phương tiện thứ 3 chính hành làm thể. Phương tiện thứ 4 cộng lợi làm thể. Phương tiện thứ 5 y chỉ làm thể. Tuy có 5 ý cũng không ra ngoài 4 nghĩa. Trước 2 là phương tiện duyên duyên. Tiếp 1 là chính phương tiện. Thứ 4 là quả của phương tiện, vì do phương tiện này được tự tha đều lợi. Thứ 5 là phương tiện y chỉ, cũng gọi là nhân nhân, vì y trí này phương tiện được thành. Y chỉ trí vô nhị, thì ở trong nhân vị đối với sinh tử Niết-bàn 2 xứ không ngại. Bởi vì sao? Do ái chúng sinh không ái sinh tử. Ở trong quả vị, nhập Niết-bàn còn có khởi tâm. Như Tiểu thừa nói Phật nhập vô tâm định lại còn khởi tâm. Trí này trong nhân quả 2 vị vô trước bắt trước, vô tại bất tại. Vô trước bắt trước, là vi khác phàm phu

Nhị thừa, nên không đấm trước sinh tử Niết-bàn. Vô tại bất tại, là căn cứ nơi quả địa Nhị thừa sở tại hữu dư vô dư Niết-bàn, Niết-bàn nên bất tại, lại có khởi tâm nên chẳng phải bất tại. Cho nên phải biết Phật trí là vô đẳng. Bởi vì sao? Trí của những người khác thì hoặc đấm trước sinh tử hoặc đấm trước Niết-bàn. Phật không như vậy. Trí này có thể làm lợi ích tất cả chúng sinh. Bởi vì sao? Vì có khả năng thành tựu tự lợi lợi tha. Trí của Phật không thể tư duy, vì không chấp trước 2 xứ, vì công năng lợi ích tự tha, vì giải thoát Niết-bàn nên không Bát-niết-bàn.

Xong Phẩm ba vô tính./.

QUYỂN HẠ HẾT

SỐ 1618
LUẬN HIỂN THỨC
(Xuất xứ từ LUẬN VÔ TƯỞNG)

Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt

Tất cả 3 cõi duy chỉ có thức. Sao như vậy? Ba cõi có 2 thứ thức: 1. Hiển thức. 2. Phân biệt thức. Hiển thức, tức bản thức. Bản thức này chuyển làm 5 trần 4 đại. Cái gì là phân biệt thức? Tức ý thức. Trong hiển thức, phân biệt ra nhân, thiên, dài, ngắn, lớn, nhỏ, nam, nữ, cây cối, dây bìm các vật v.v... phân biệt tất cả pháp. Thức này phân biệt pháp trần, gọi là phân biệt thức. Ví như dựa vào tấm gương ảnh của sắc được hiện. Cũng như vậy duyên vào hiển thức, phân biệt thức được khởi. Sự phân biệt này nếu khởi, an lập sức huân tập vào thức A-lê-da. Do sức huân tập này bản thức vị lai được sinh. Duyên hiển thức vị lai này, phân biệt thức vị lai được khởi. Do nghĩa của nhân này, cho nên sinh tử không có trước sau. Để làm rõ nghĩa này, trong Kinh Giải Tiết, Phật nói kệ rằng:

*Hiển thức phân biệt khởi,
 Phân biệt khởi huân tập,
 Huân tập khởi hiển thức,
 Nên sinh tử luân chuyển.*

Nói huân tập, là: 1. Chấp trước tính phân biệt. 2. Quán tập tính chân thật. Do 2 nghĩa này nên gọi là huân tập.

Huân tập thứ nhất, là tăng trưởng thức A-lê-da, thức A-lê-da bị tăng trưởng, đầy đủ các công năng có thể sinh lực đạo thụ sinh các thức. Vì nghĩa đó sinh tử đầy đủ.

Huân tập thứ hai, gọi là quán tập tính chân thật. Huân tập này có thể trừ tính phân biệt chấp trước. Đó là cái huân tập thứ nhất bị tổn hoại, cho nên thức A-lê-da cũng bị tổn.

Thức A-lê-da đã bị tổn, thức thụ sinh cũng bị tổn. Vì thức A-lê-da có thể sinh 3 cõi, do bị tổn nên được 3 cõi chuyển. Dựa vào đây, nghĩa chuyển y có 5 thức, như trong tướng sai biệt của diệt có giải nói.

Hiện thức có 9 thức: 1. Thân thức. 2. Trần thức. 3. Dụng thức. 4. Thế thức. 5. Khí thức. 6. Số thức. 7. Bốn thứ ngôn thuyết thức. 8. Tự tha dị thức. 9. Thiện ác sinh tử thức.

Tiếp đến phân biệt thức có 2 thức: 1. Hữu thân giả thức. 2. Thụ giả thức, trong 9 thức ở trước.

Thứ nhất, thân thức, là chuyển tác tương tự như thân, nên thức gọi là thân thức. Nói tương tự là như chấp tướng mạo tương tự của thân mà chẳng phải chân thật nên nói tương tự thân. Thức này có thể làm thân tương tự, nên gọi là thân thức, tức là 5 căn. Ngoài ra trần v.v... 8 thức thức cũng như vậy, tức là nghĩa của duy thức. Nói thân thức là có 5 thức, tức nhãn căn giới v.v... Đó là thân thức, nói chung là 5 căn.

Thứ 2, trần thức, cũng có 6 thức. Sắc giới v.v... cho đến thức trần, gọi chung là ứng thụ thức.

Thứ 3, dụng thức, là 6 thức nhãn thức giới v.v..., tức 6 thức, trong Đại Luận gọi đó là chính thụ thức.

Thứ 4, thế thức, có 3 thức, tức 3 đời: quá khứ vị lai hiện tại. Lại sinh tử liên tục không dứt nên gọi thế, tức là đời.

Thứ 5, khí thức, Đại Luận gọi là xứ thức, lược tức khí thể giới. Nghĩa là ngoài 4 đại 5 trần, rộng tức 10 phương 3 cõi v.v...

Thứ 6, số thức, tính toán đo lường.

Thứ 7, 4 thứ ngôn thuyết thức, nghĩa là 4 thứ kiến, văn, giác, tri, tất cả ngôn thuyết không ra ngoài 4 thứ này. Nếu không nói thấy, tức nói nghe. Hay, biết cũng vậy

Thứ 8, tự tha dị thức, là căn cứ vào xứ đều khác, 6 nẻo không giống nhau. Y xứ tức là thân. Sáu thú thân là tự tha dị thức.

Thứ 9, thiện ác thú sinh tử thức, là tất cả sinh tử không lìa 2 đường. Thiện là nhân thiên, ác là 4 nẻo. Thiện ác đạo này không lìa sinh tử, tức sinh tức diệt không dừng trụ.

Lại hữu thân giả thức bị ngã kiến che lấp. Thức này bị ngã kiến tham ái che lấp nên thụ sinh 6 nẻo đường. Thức này là thân sinh tử. Nếu có thức này tức có thân thức. Thức này nếu hết thì thân sinh tử hết. Ngã kiến sinh tất cả nhục hoặc. Tham ái sinh tất cả bì hoặc. Cho nên có thân sinh tử. Nếu lìa ái ngã kiến tức không có bì nhục phiền não. Nếu không có bì nhục phiền não tức không có tam giới thân. Cho nên thân thức thụ sinh tử.

2. Thụ giả thức. Ý giới gọi là thụ giả. Thức tức 3 thứ ý thức: 1. A-lê-da thức, là ý thức thuộc tế phẩm, hằng thụ quả báo, không thông thiện ác, chỉ là vô phú vô ký. 2. Đà-na-thức, là ý thức thuộc trung phẩm, chỉ thụ quả báo thân phàm phu. 3. Ý thức thường rõ ràng, là ý thức thuộc thô phẩm, thông thụ quả 3 tính thiện ác vô ký.

Năm thức cũng vậy. Ba phẩm ý thức này có thể thông quả báo thụ dụng. Có điều là nay căn cứ vào sự hưng phế mà nói, nên gọi Lê-da thức là thụ giả thức. Lại Lê-da thức là chỗ mà phàm phu chấp ngã, do Đà-na chấp Lê-da thức làm ngã cảnh. Năng chấp chính là Đà-na. Thức thứ 7 là thể của ngã kiến. Phân biệt thức có 2 thứ: 1. Hữu thân thức 2. Thân giả thức. Hợp gọi là ý căn. Vốn là căn nhiễm ô tức Đà-

na thức. Hai là lần lượt duyên thể của ý căn, tức duyên bản thức làm ngã cảnh, tự xuất duyên kia làm rõ hiển thức có 9 thứ. Như trên, hiển thức chỉ là Lê-da. Nếu là phân biệt thức tức Đà-na và ý thức. Đà-na phân biệt ngã. Ý thức phân biệt vạn pháp. Ý thức có 3 thứ phân biệt . năm thức chỉ có tự tính phân biệt. Huân tập có 4 thứ phương tiện: 1. Nhẫn. 2. Danh. 3. tướng. 4. Thế đệ nhất pháp. 1. Nhẫn có 2: một rộng, hai sơ lược. Tất cả chúng sinh đều mê tính chân thật. Nay tu tập trước quán rộng, tiếp quán sơ lược được nhập chân thật. Nói rộng, tức quán 4 đế. Khổ tập tức là phạm phu tục đế. Diệt đạo tức là thánh nhân chân đế. Đều có 9 thứ quán khổ 9 phần, tức 3 cõi đều có 3 đời thành 9. Lại Dục giới 1 hữu, Sắc giới 4 hữu, Vô sắc giới 4 hữu, nên là 9 thứ. Tập đế 9 phần, tức là 9 kết phần, diệt 9 kết này là 9 diệt đế. Đạo đế 9 phần, là 9 thứ tự Tam-ma-đề, tức 9 thứ tự của định. Tiếp đến quán sơ lược, trước tiên quán khổ đế làm 8 thứ, là quán 4 đại 4 tên 4 đại, tức sắc âm 4 tên tức 4 âm, làm 8 thứ. Khổ tập có 8, tức 8 tà, 8 thánh đạo. Diệt đế 8 thứ, là diệt 8 tà, tức gọi là 8 thứ diệt. Đạo đế 8, là tu 8 thánh đạo làm đạo đế.

Tiếp lại lược quán khổ làm 7: 6 thứ và trung âm. Tập 7 tức 7 sử. Bảy sử là tham sân si mạn nghi kiến Dục giới dục gọi là dục sử. Sắc, Vô sắc giới gọi là hữu sử. Hợp làm 7 sử. Diệt 7 sử gọi là 7 thứ diệt. Đạo đế 7, tức 7 giác phần.

Tiếp lược quán khổ làm 6 thứ, là 6 thứ nội nhập. Tập 6 thứ, là 6 thứ tham ái, tức 6 trần sinh 6 thứ tham. Diệt 6 tham là 6 diệt. Đạo 6, là 6 thứ xuất ly giới: 1. Xuất ly sát tha sân, tu từ giới. 2. Xuất ly bức não sân, tu bi giới. 3. Xuất ly tật đố sân, tu hỷ giới. 4. Xuất ly tham dục, tu xả giới.. 5. Xuất ly giác quán, huân tu niệm xuất nhập tức giới. 6. Xuất ly vô minh hoặc, tu vô ngã giới. Tu 6 thứ này gọi là ra khỏi phạm vi lãnh vực này.

Tiếp lược quán khổ làm 5, tức 5 âm. Tập là 5, tức 5 cái. Diệt 5 cái này là 5 thứ diệt. Đạo 5, tức 5 căn, cũng tức 5 lực v.v...

Tiếp lược quán khổ 4 thứ, tức 4 niệm xứ: thân, thụ, tâm, pháp. Tập 4, tức 4 thủ cũng tức là 4 lưu. Bốn thủ là, thủ chỉ là tham. Có 4 thứ tham, tức là thủ có 4 thứ: 1. Dục thủ. 2. Kiến thủ. 3. Giới thủ. 4. Ngã ngữ thủ. Ngã ngữ thủ là nội thủ duyên nội 5 ấm. Tham Sắc Vô sắc 8 thiền định nội pháp, gọi là ngã ngữ thủ. Trong đó thủ gọi là ngã ngữ thủ. Nếu tham Dục giới trần là ngoại pháp, gọi là Dục thủ. Dục thủ là chúng sinh đoạn kiến. Ngã ngữ thủ là chúng sinh thường kiến. Hai pháp này duyên sự khởi. Kiến thủ, giới thủ lấy thường kiến duyên lý khởi. Bốn thủ này là thụ tư lương, nói rõ thụ, ái, hữu 3 thứ: 1. Xa lìa tham ái, tức tất cả chúng sinh trong 3 đường. 2. Cầu được tham ái, tức nhân thiên đến 3 không. 3. An trụ tham ái, tức phi tướng phi phi tướng, gọi là Niết-bàn. Giống như 4 thứ thủ gọi là tập đế, diệt 4 thủ gọi là 4 diệt đế. Đạo đế 4, là 4 niệm xứ, tức là 4 thứ Bát-nhã: quán thân thông đạt khổ đế, quán thụ thông đạt tập đế, quán tâm thông đạt diệt đế, quán pháp thông đạt đạo đế. Quán thân là thô, quán thân 3 cõi thô là khổ, quán thân Dục giới lạnh nóng v.v... là khổ, quán thân Sắc giới 4 oai nghi là khổ, quán thân Vô sắc giới tâm niệm niệm không trụ là khổ. Quán thụ thông đạt tập đế, là chúng sinh tất cả tham ái duyên thụ nên khởi, vì nếu không thụ thì tham ái không sinh, nên quán thụ thông đạt tập đế. Nếu quán tâm thông đạt diệt đế, là tất cả chúng sinh an lập ngã kiến trong tâm, cho nên chúng sinh chấp ngã kiến thì không tin có diệt. Chỉ do Đà-na thức chấp Lê-da là một là thường cho nên thể của ngã chẳng phải diệt. Quán tâm chẳng phải ngã nên tin có diệt vì xả ngã kiến. Quán nhân pháp 2 vô ngã nên quán tâm thông đạt diệt đế. Quán pháp thông đạt đạo đế, là pháp có 2: 1. Tịnh phẩm. 2. Bất tịnh phẩm. Quán bất tịnh phẩm là khổ tập. Tịnh phẩm là diệt đạo. Lại bất tịnh phẩm tức tất cả các hoặc, tịnh phẩm là tất cả trị đạo, cho nên phải thông đạt đạo đế.

Tiếp lược quán khổ 3 thứ, tức quán 3 cõi là khổ. Quán Dục giới là khổ khổ. Quán Sắc giới là hoại khổ. Sinh trụ không dừng, khi cái vui hoại tức là khổ nên hoại khổ. Quán Vô sắc giới là hành khổ. Sinh

trụ hoại 3 thời đều khổ. Có điều chúng sinh có 2 đường: đường ác là khổ, đường thiện là vui. Xả nhị biên này gọi là Niết-bàn. Tâm này có hành có động, cho nên vô thường cho nên khổ. Tập có 3, tức 3 độc. Lại 3 thứ thân kiến, giới thủ, nghi. Thân kiến, là chúng sinh chấp trước thân kiến, chấp có thường lạc ngã tịnh nên trụ sinh tử không tu đạo xuất thế. Giới thủ, là không chịu tu chính đạo. Nghi, là nghi ngờ không quyết định diệt đế. Diệt 3 thứ phiền não này tức là 3 diệt đạo. Ba là giới định tuệ.

Tiếp lược quán khổ là 2, là thân, tâm, hay danh, sắc cũng vậy. Tập 2, là trong 12 nhân duyên là vô minh tham ái. Diệt 2 thứ này là 2 thứ diệt. Đạo đế 2, tức định, tuệ.

Tiếp lược quán khổ là một, là vô thường là khổ. Tập, là không chính tư duy. Diệt cái tư duy này là diệt. Đạo, là thân niệm xứ, tức quán chung 4 niệm xứ gọi là thân niệm xứ. Lại nghĩa như chính tư duy là đạo đế, bất chính tư duy là tập đế. Muốn khiến thật tuệ phân minh nên làm ra rộng và lược 2 thứ quán. Quán khổ tất cả pháp làm ra 9 phần cho đến 1 phần. Còn 3 đế khác cũng vậy. Ngũ ngôn và phân biệt huân tập có 4 thứ phương tiện xứ. Ngũ ngôn huân tập là từ tên nhãn cho đến tự tính pháp xứ. Nói xứ, tức tên là sở, và cảnh giới là xứ. Phân biệt huân tập từ tướng đến đệ nhất tất cả pháp tu đắc. Tất cả tu đắc pháp xứ, là từ hạ phẩm cho đến tướng thượng phẩm tướng đệ nhất tất cả là xứ. Nếu người dựa vào tên mà tư duy lựa chọn thì gọi là ngũ ngôn huân tập. Nếu người lià danh cú v.v... đi thẳng vào nghĩa mà tư duy lựa chọn thì gọi là phân biệt huân tập. Đó là hiển thức hiển thị 2 thức sau. Hai thức là: 1. Bốn thứ ngôn thuyết thức. 2. Tự tha sai biệt thức. Làm rõ 2 thức này ngoài 7 thứ thức khác và phân biệt thức. Tám thứ thức này duyên ngũ ngôn huân tập được khởi. Lại 2 thức là: 1. Thân thức. 2. Thụ giả thức, và tự tha dị thức, 3 thức này duyên thân kiến huân tập được sinh. Lại, thiện ác sinh tử thức duyên hữu phần huân tập được khởi. Như vậy các thức gọi là tất cả 3 cõi duy chỉ có thức.

Luận nói:

Tất cả 3 cõi chỉ có thức

Hỏi: Tất cả pháp chỉ là 3 cõi. Cần gì nói ra làm 2?

Đáp: Có 2 nghĩa: 1. Phân đoạn là tam giới, biến dịch là ngoại giới. Bốn thứ sinh tử là tất cả. 2. Nói rộng là tất cả. Sao gọi là 10 phương? Mười phương không phải 3 cõi. Nói tất cả, là nói 3 cõi. Nay duy chỉ có thức, là 7 thứ chết ở trên duy chỉ có thức hiển hiện, vì lia thức không có một thể riêng biệt nên nói 3 cõi duy chỉ có thức. Giới là cõi, là nghĩa tự tính. Tự tính có 2: Một là tính có nghĩa không xen tạp, tính của Dục khác với Sắc, Sắc chẳng phải Vô sắc. Hai là tính có nghĩa không đổi không chuyển, Dục là Dục, Sắc là Sắc, Vô sắc là Vô sắc. Thiện ác cũng vậy. Ba tính không đổi là nghĩa. Chỉ có thức, nghĩa là lia thức không có cảnh nào khác. Do thức thấy tựa như có trần, lia thức thì trần là vô thể.

Luận nói:

Thức là gì? Đó gọi là 3 cõi.

Giải thích:

Trước nói lia thức không có 3 cõi. Nay nói lia 3 cõi không có thức. Lại, trước nói cái dụng của 2 thức.

Luận nói:

Thức có 2 thứ: 1. Hiện thức. 2. Phân biệt thức.

Giải thích:

Một thức đầu tiên gọi là bản thức. Bản thức hiện 6 trần. Một thức tiếp theo là 6 thức. Sáu thức phân biệt đây khác kia. Lại, trước một nói sở duyên. Sau một nói năng duyên. Với hiện thức, có 2 thứ hồi chuyển: 1. Hồi chuyển tạo tác ra 6 trần. 2. Hồi chuyển tạo tác ra 5 căn.

Tiếp phân biệt thức hồi chuyển tạo tác ra mừng tượng tựa ngã. Như vậy ý chấp 2 thức cho là ngã. Tức Đà-na với ý thức hợp lại tạo ra ngã kiến. Đà-na chấp bản thức khởi tướng ngã thể. Ý thức phân biệt chấp ngã có nhiều dụng sai biệt. Cho nên tất cả pháp chẳng có chẳng không, do 6 trần có 6 thức, không thể nói nhất định là không. Lìa 6 thức không có 6 trần, không thể nói nhất định là có. Lại tất cả pháp không thể nói nhất định là có, cũng không thể nói nhất định là không. Nhân pháp 2 ngã là không thật cho nên không thể nói là có. Chân thật có nhân pháp 2 không, cho nên không thể nói là không. Lại, nghĩa tất cả pháp quyết định có quyết định không. Nhân pháp quyết định không. Nhân pháp 2 không này là quyết định có. Cả 3 này hiển tục thì đều là có, hiển chân thì đều là không. Hai nói dụng của thức.

Luận nói:

Phân biệt thức này nếu khởi thì an lập sức huân tập trong thức A-lê-da.

Giải thích:

Sức huân tập, là ví như đốt hương xông vào áo, vật thể của hương mất mà mùi hương còn ở trong áo gọi là xông hương cho áo. Hương này không thể nói có, vì vật thể của hương mất rồi. Không thể nói không, vì còn mùi hương. Cho nên gọi là huân, tức là xông ướp. Như 6 thức khởi thiện ác, lưu giữ sức huân tập trong bản thức, có thể được báo vị lai, gọi là chủng tử. Nếu theo nghĩa của Tiểu thừa Chính lượng bộ, gọi là không mất. Ví như khoán ước. Cho nên Phật nói kệ:

*Các nghiệp không mất,
Trong vô số kiếp,
Đến khi tu tập
Cho báo chúng sinh.*

Ma-ha-tăng-kì kha bộ gọi là nhiếp thức, tức là bất tương ưng hành. Ví như tụng kinh, mới tụng một biến lần đầu chưa được. Tụng biến thứ 2 là có chấp trì lần thứ nhất trước. Như vậy cho đến khi tụng biến thứ 10 thông suốt, tức thông suốt 9 lần trước. Như vậy sơ thức ở trong lần thứ nhất có thể biến đổi khác cho đến trong lần thứ 10 có sự biến đổi của 9 lần trước, tức cái dụng của sự biến đổi lần thứ 10 này gọi là nhiếp thức. Có 9 cái dụng trước nên không mất 9 lần trước, Tát-bà-đa bộ gọi là đồng tùy đắc. Đồng, nghĩa là cùng với những lần khác nơi khác đều bằng nhau. Tùy, nghĩa là với 3 tính không hại nhau, mà được nghĩa là không mất. Đồng cũng không mất, tùy cũng không mất. Ví như Ma-đầu-lâu, đây gọi là Du hoa, lấy nước ép Lạc-kha, tức nước ép màu đỏ điểm vào nhụy hoa Ma-đầu-lâu, nhụy hoa đều có màu đỏ, sau ra quả chín có màu đỏ. Đó gọi là đồng thời tu đắc. Màu đỏ cho đến khi ra quả không mất cho nên gọi là đồng như trước cho ra màu đỏ. Đó là đồng tu đắc. Màu đỏ đến quả không mất nên gọi đồng như trước cho đến sau không mất gọi là tùy. Theo cho đến hiển thị sau cùng nên gọi là đắc. Như vậy Tì-lê bộ gọi là hữu phần thức thì hữu là tam hữu, tức 3 cõi, cũng có hữu là 7 hữu: 1. Trung hữu. 2. Sinh hữu. 3. Nghiệp hữu. 4. Tử hữu, thông với 3 hữu trước thành 7 hữu. Dục, Sắc 2 cõi đủ 4 hữu. Nếu Vô sắc giới thì không có trung hữu. Trung hữu, là chính nói tên là hướng sinh xứ. Xứ, là có nhân duyên gọi là xứ, như 12 nhân duyên. Hữu chi là sự hữu nên gọi là sự hữu, là sự sinh nên gọi là sự sinh. Hữu, là nhân. Nhân có 2: Một là nhân trước, hai là nhân đồng thời. Như hạt quýt nảy mầm là nhân trước. Mầm sinh tức đồng thời có cây quýt là nhân đồng thời. Hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên 6 nhập, 6 nhập duyên xúc, thụ v.v... là đồng thời. Sở dĩ nói là sự hữu cho nên là sự hữu, là để phá cái nghĩa sinh hữu của ngoại đạo. Nghĩa của ngoại đạo nói rằng tất cả chúng sinh từ nơi cái ngã hữu của trời Tự Tại thiên nên sinh từ là hữu, nói nội nghĩa đồng như nhau. Nay phá do nhân trước sinh nên

được sinh. Trời Tự tại thiên của ông là vô hữu, chẳng phải sinh sinh tử, vì hữu là sinh nên không được là hữu. Cho nên cái không được là hữu, đó là hữu. Cho nên Phật lập nghĩa, là sự hữu tức hữu sinh. Trời Tự Tại thiên của ông là hữu chẳng phải là sinh. Sinh đó không đồng với nội nghĩa. Cho đến từ thế tính, vi trần v.v... sinh, cũng vậy. Lại, ngoại đạo lập không nhân có quả, quả tự nhiên sinh, cho nên phá ngoại đạo. Vật này có là nhân có nên có quả sự. Sở dĩ nói 2 nghĩa, là nói nhân duyên đầy đủ nên được sinh. Nếu vật này có cho nên vật này có là duyên. Nếu vật này sinh nên vật này sinh, là nói nghĩa của nhân. Hữu phần, là sinh xứ, tức là sinh nhân sinh duyên. Thể của hữu phần thức này là quả báo pháp quyết là tự tính vô ký.

Bốn hữu, là từ thức chi đến 6 tuổi là sinh hữu. Từ 7 tuổi trở lên có thể phân biệt sinh thực khởi tham, đến chưa xả mạng là nghiệp hữu. Tử hữu, là chỉ trong 1 niệm hữu, tức trung âm. Vào trong nghiệp hữu, 6 thức khởi 3 thứ nghiệp: thiện, bất thiện, bất động. Hữu là hữu vi, hữu phần thức nhiếp trì 6 thức tự tạ diệt, do công dụng sức nhiếp trì của hữu phần thức mà tồn tại.

Hỏi: Vì sao lập hữu phần thức? Trong một thời kỳ sinh thường duyên một cảnh. Nếu sinh cõi người cõi trời thức này thấy lâu quán các việc báo, nếu khởi 6 thức, dùng thô che chướng thì không biết cái dụng của thức này. Nếu sinh ác đạo, thức này chỉ duyên lửa, xe v.v..., nếu báo khởi 6 thức, dùng cường thì không biết thức này duyên. Nếu Dục giới 6 thức duyên dục cảnh, phàm phu không thể biết. Cho đến Vô sắc cũng vậy. Nếu Vô sắc các thức diệt, dùng hữu phần thức này thì hiển, như Lê-da và ý thức vậy.

Nói chủng tử, là cái tương tục này biến đổi khác có thể cảm quả báo vị lai, gọi là chủng tử. Tương tục không biến đổi cũng chẳng phải chủng tử. Nếu chỉ biến đổi không tương tục cũng chẳng phải chủng tử. Tương tục biến đổi không tách rời nhau nên thành chủng tử. Như con ốc với màu trắng chẳng phải một chẳng phải

khác. Nếu màu trắng là ốc, thì ốc không có 3 trần. Nếu màu trắng khác ốc thì thấy màu trắng không được ốc. Không thể nói nhất định khác, bởi không khác cho nên gọi là ốc trắng. Tương tục và biến đổi cũng vậy cho nên thành chủng tử. Duyên sức huân tập này bản thức vị lai được sinh.

Giải thích:

Duyên sức huân tập, chủng tử nếu thành, bản thức được sinh. Duyên vị lai hiền thức, vị lai phân biệt 6 thức được sinh. Cho nên sinh tử không trước sau, là nếu lìa nghiệp phiền não thì không được sinh. Nếu sinh tử có phần trước, thì có riêng nơi phần trước chúng sinh khởi nghiệp phiền não cảm nơi phần trước. Đã không có chúng sinh phần trước khởi nghiệp, thì không có sinh tử phần trước. Cho nên biết sinh tử là vô thủy là không có bắt đầu. Bốn nghĩa nói rõ cái không:

1. Chẳng phải gốc. Nếu chúng sinh ban đầu không sau có, thì cái không này không làm có gốc. Có 2 thứ lỗi: 1. Nếu không không thể sinh sau. Nếu có thể sinh có tức chẳng phải không. 2. Lỗi bình đẳng. Nếu hư không sinh ra hoa, thì có thể từ không sinh có.

2. Không thấy chúng sinh lìa dục sinh, cho nên sinh tử không có cái bắt đầu. Nếu sinh tử ban đầu không tham dục v.v... sau mới có tham dục v.v..., thì A-la-hán v.v... không dục cũng phải sinh dục. Bởi La-hán không sinh dục trở lại nên biết sinh tử không có cái bắt đầu.

3. Vi tu hành phạm hạnh vô dụng nên sinh tử không có bắt đầu. Tất cả thánh nhân tu 8 thánh hạnh để diệt khiến không sinh, vì người tu phạm hạnh lìa dục không sinh diệt nữa, nên biết sinh tử không có bắt đầu.

4. Sinh tử có 2 thứ: một là ác báo, hai là thiện đạo. đó là thiện ác do 2 nhân thiện ác, không được không có nhân. Là sinh tử thì bắt

dầu là thiện đạo hay ác đạo? Nếu là thiện đạo thì chưa có nhân thiện. Nếu ác đạo thì chưa có nhân ác. Lìa 2 đường thiện ác không có con đường thứ ba, cho nên biết không có bắt đầu.

Hỏi: Ban đầu tự nhiên không dùng nhân duyên, sau phải có nhân duyên.

Nếu vậy không đúng, vì có 2 lỗi. Một là lý không bình đẳng. Hai là nhân quả không giống nhau. Nếu ông nói sinh tử không do nhân, sau mới do nhân là không bình đẳng. Ban đầu hay sau đều là sinh tử, tại sao một thì do nhân một lại không do nhân? Hai là không giống nhau, là quả cũng có nhân, nhân cũng có nhân. Nhân quả đều có nhân cho nên được giống nhau. Nếu giống nhau thì có thể sinh đồng loại. Nếu như ông nói trước không nhân, thì sau cũng phải không nhân. Nếu trước không nhân, sau có nhân, thì không thể sinh. Nếu sinh được thì đậu phải sinh lúa mì, lúa mì cũng phải sinh đậu, mà không như vậy cho nên biết lập luận của ông không thành. Bài kệ Phật nói câu đầu hiển thức tức là Lê-da. Lê-da tức quả báo thức. Phân biệt thức tức là phiền não thức. Đó là từ quả báo thức khởi phiền não thức. Phiền não thức tức Đà-na v.v... Câu tiếp theo nói từ phiền não khởi thức, thức khởi huân tập. Huân tập tức là công năng của nghiệp có thể chuyển biến bản thức thành chủng tử thức. Câu tiếp theo là từ nghiệp khởi quả báo. Câu tiếp theo nữa tổng kết sinh tử luân chuyển. Luân chuyển là vì bất định nên hoặc nhân chuyển thành quả hoặc quả chuyển làm nhân.

Nói huân tập có 2 thứ, dưới đây là hiển 2 nghĩa: 1. Hiển sinh tử phương tiện gọi là tà, cũng gọi là trái nghịch. 2. Hiển Niết-bàn phương tiện gọi là chính., cũng gọi là tùy thuận chấp trước. Tính phân biệt, là tất cả các pháp có 3 thứ tính: 1. Tính phân biệt. 2. Tính y tha. 3. Tính chân thật. Tính phân biệt, là nói hiển thị các pháp bằng danh ngôn. Tính y tha, là hiển thị các pháp bằng đạo lý nhân quả. Tính chân thật, là hiển thị tất cả các pháp bằng tính như như. Phân biệt, thì vô tướng

là tính. Y tha thì vô sinh là tính. Nói tính có 5 nghĩa: 1. Tự tính chủng loại nghĩa. Tất cả những thứ như cái bình, cái áo v.v... không tách rời nghĩa loại của 4 đại chủng. Đồng là tính của 4 đại là tự tính nghĩa. 2. Nhân tính nghĩa. Đạo lý sở duyên của tất cả thánh pháp 4 niệm xứ. Duyên đạo lý này có thể sinh thánh pháp cũng là nghĩa của nhân. 3. Sinh nghĩa. Nếu vật không sinh thì không thể thấy cái tính. Thấy được nghĩa của sinh nên tính sinh. Năm phần pháp thân là nghĩa của sinh tính. Như Lai nói chúng sinh tin lạc sinh 3 thứ tin: 1. Tin có đạo lý chân thật. 2. Tin được công đức 5 phần pháp thân. 3. Đức tự lợi lợi tha tu đầy đủ 5 phần thân. Năm phần thân sinh thì hiển thị tính chí đặc. Cho nên 5 phần pháp thân sinh, lấy đó làm nghĩa của tính. 4. Bất hoại nghĩa. Cái tính này ở phạm phu không nhiễm ở thánh không tịnh. Cho nên gọi là bất hoại, nghĩa là không hư hoại. 5. Bí mật tạng nghĩa. Gần gũi thì hành tịnh, trái nghịch thì xa lìa. Pháp này sâu kín khó được nên gọi là bí mật, tức gọi là nghĩa chôn giấu. Sinh có 4 thứ: 1. Xúc sinh. Như nam nữ giao hợp sinh con. 2. Khứu sinh. Như các loại bò dê v.v... con cái con đực có dục tâm, con đực dùng mũi người cắn của con cái thì có con. 3. Sa sinh. Như gà, chim sẻ v.v... Con chim sẻ mái có dục tâm, vui mình dưới đất cát mà có trứng sinh con. 4. Thanh sinh. Như các loài chim hạc chim công v.v... có dục tâm nghe tiếng con trống kêu cũng sinh trứng sinh con. Tất cả trứng ấy đẻ ra không được ăn vì đều có con. Tính phân biệt, là vô hữu không, vì không có pháp phân biệt nào có thể có được. Tính y tha, là bất như không, như thế phá sở chấp. Tính chân thật, là tự tính không. Không có nhân pháp 2 ngã, là tự tính không.

Lại nữa tính phân biệt như không hoa, là cực vô. Tính y tha khác với không hoa, tựa như ảo hóa chẳng phải không hữu vô, vì quán tính y tha không có không không, cho nên có thể đặc đạo thành thánh. Không vô, là đoạn quán, không vô không thể đặc đạo thành thánh. Tất cả phiền não chấp trước tính phân biệt. Tất cả các

pháp dục lạc quán tập tính chân thật. Chấp trước và quán tập, 2 cái này thuộc tính y tha. Hai pháp này gọi là huân tập: 1. Huân tập chủng tử phiền não. 2. Huân tập chủng tử đạo. Cái huân tập thứ hai tăng trưởng bản thức vì đồng loại. Bản thức duyên như như khởi tứ báng là hư vọng. Huân tập chủng tử phiền não đồng là hư vọng. Cho nên huân tập có khả năng tăng trưởng bản thức. Ví như vật ngọt có thể làm tăng trưởng cái nhạt. Nhạt cũng là tính ngọt. Đồng tính nên có thể làm tăng trưởng. Đây đủ các năng lực, là nói nghiệp có 4 thứ: 1. Bị làm, không bị phát triển. Như người có trí gặp ác tri thức, khởi bất thiện nghiệp, đó là làm. Nhưng rồi sau hối hận, đó là không bị phát triển. 2. Bị phát triển, không bị làm. Như người biết xấu hổ, theo người tu hành. Cái thiện này được phát triển, không tự khởi tâm nên không làm. 3. Cũng làm, cũng phát triển. Như người làm thiện nghiệp, lại thường xuyên tập, thiện nghiệp này trở nên rộng lớn. 4. Không làm, không phát triển, tức vô lậu thiện nghiệp. Nếu tăng trưởng báo sinh tử, gọi là tác giả. Vô lậu có thể trừ sinh tử tác giả, cho nên không phát triển. Trước 3 là nghiệp. Sau một phần là chẳng phải. Vào trong 3 cái trước lấy câu thứ 3: Cũng làm cũng phát triển. Cho nên nói là đầy đủ các pháp. Có thể sinh lực thứ, là tức có thể được quả báo sinh tử trong 6 nẻo. Sinh nhân của thức A-lê-da, cái nhân của thân sinh tử viên mãn này huân tập phương tiện cho nên thành sinh tử. Cho nên nói nghĩa nhân này là sinh tử viên mãn. Thứ hai, quán tập tính tính chân thật. Quán 3 thứ vô tính, gọi là quán tập tính chân thật. Quán có 4 dụng: 1. Trừ quán. 2. Diệt quán. 3. Chứng quán. 4. Tu quán. Quán như như là khổ để tính tính, 3 để cũng vậy. Quán 4 để như như đủ 4 dụng. Quán như như diệt khổ diệt tập. Quán như như tức chứng diệt. Hiểu như như tức tu đạo, có thể trừ chấp trước. Tính phân biệt, là phân biệt trong cái không làm có. Quán chân thật, là rõ hữu trái nhau vô với tự tính cho nên nói trừ. Tính phân biệt là đệ nhất huân tập. Bị tổn hoại, là

hiện tại bị tổn vị lai bị hoại. Nếu tổn tập đế, khổ cũng bị tổn. Thức A-lê-da bị tổn, là vốn có 7 lớp khổ đế. Ba cõi tức là 3 lớp. Ba lớp bị tổn rồi thức A-lê-da thụ quả báo. Vốn tuy không bị hoặc nghiệp dẫn không sinh lại vào 3 cõi, mà ở trong cõi vô lưu nội thụ sinh trong 4 thứ sinh tử. Như vậy cho đến không có sinh tử vị. Lê-da bị tổn cho nên thụ sinh cũng bị tổn. Bởi vì sao? Hiển thức là phân biệt thức. Do hiển thức bị tổn cho nên biết phân biệt thức cũng bị tổn. Cái thức phân biệt nhân ngã và 6 trần v.v... đã diệt hết, đâu chỉ bị tổn. Nay nói bị tổn là căn cứ tịnh phẩm mà nói. Đây với bản thức đều hết là A-lê-da có thể diệt trừ./.

HẾT

SỐ 1619
LUẬN VÔ TƯỚNG TỰ TRẦN

*Bồ-tát Trần-na tạo
 Trần, Tây Ấn Độ, Tam tạng pháp sư Chân Đế dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

*Nếu nói lân hư
 Là nhân căn bản,
 Không giống mà khởi,
 Cảnh chẳng như căn.
 Thức như tự khởi,
 Không từ kia sinh.
 Tự không hữu thể,
 Như hai mặt trăng.
 Do hai nghĩa này,
 Ngoại vật phi trần,
 Nói có lân hư,
 Tự thành vạn vật.
 Thức giống kia khởi,
 Nên lập là trần.
 Thể tướng lân hư,
 Nếu là thật có,
 Vì thức không giống,
 Cảnh chẳng như trần.*

*Lân hư nếu trần,
 Thì thức không khác.
 Nếu nói khác nhau,
 Thì thức không giống.
 Tướng khác tại giả,
 Nên thể chẳng chân.
 Thể lượng lân hư,
 Các nơi không khác.
 Nếu trừ lân hư,
 Vạn thức không khởi.
 Cho nên muôn vật,
 Đều là giả danh.
 Tướng trần ở trong,
 Như ngoài hiển thị
 Lập làm thức trần.
 Thức tựa hiển hiện,
 Là thức duyên duyên.
 Tùy sinh quyết định,
 Cùng lập công năng,
 Khiến tuần tự khởi.
 Hai căn cùng sinh,
 Hơn thì làm căn.
 Với thức không ngại,
 Lại cùng làm nhân
 Hơn thì làm trần,
 Cùng sinh vô thủy.*

Nếu có người chấp 6 thức, nhãn v.v...duyên ngoại cảnh khởi, thì người đó hoặc phân biệt lân hư làm cảnh, vì là nhân của thức, hoặc phân biệt lân hư tự lại làm cảnh giống như tự thức khởi.

Tướng của trần như thế nào? Nếu thức có thể hiểu rõ thể tướng, đúng như thể tướng thức khởi, cho nên gọi đây là trần. Lân hư không có việc đó. Nếu lân hư thật là nhân của thức ví như 5 căn, thì lân hư chẳng phải trần. Nếu vậy lân hư tự lại phải là cảnh, như tự thức khởi vậy. Thế nhưng tuy là như vậy, như tướng khởi, thức không từ đó sinh, cho nên tự cũng chẳng phải trần. Bởi vì sao? Nếu trần có thể sinh thức, thì cái tựa như thể tướng có thể tin là trần. Bởi vì sao? Có thể nói trần này là duyên sinh thức, thì tự là không phải như vậy, vì nó chẳng phải thật có. Ví như do nhãn căn loạn mà thấy 2 mặt trăng. Thức giống như mặt trăng thứ hai khởi, mặt trăng thứ hai chẳng phải cảnh giới của thức, vì thật nó không có. Tự cũng như vậy, vì lia lân hư không có thật thể. Tự chẳng phải cảnh giới của thức. Cho nên ngoại trần do 2 nghĩa này chẳng phải cảnh giới của thức, vì mỗi một phần không đủ. Có các sư nói lân hư tự tập thành vạn vật, có nhiều thứ tướng đầy đủ, lập đó làm cảnh giới. Bởi vì sao? Có biệt tướng có thể sinh chứng trí, chẳng phải chỉ lân hư và lân hư tự. Cho nên ở trong lân hư và lân hư tự, có tướng là làm cảnh của 6 thức. Tướng lân hư chẳng phải trần. Ví như cứng chắc v.v... trong lân hư có cứng, ướt, nóng, động, xúc. Vật này thật có, không phải cảnh giới của nhãn thức. Nhãn thức không như kia khởi, nên trong lân hư vạn vật cũng như thế. Bởi vì sao? Lân hư thì trong vạn vật nếu sinh thức thì thức là vô sai biệt, bởi vì trong vạn vật lân hư không có khác. Nếu ông nói do tướng sai biệt nên sinh thức khác, cái bình v.v... các vật tướng mạo không giống nhau, duyên tướng này nên khởi thức có khác. Nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Như tướng mạo sai biệt này, ở trong cái bình v.v... vật giả danh chẳng phải không có nơi lân hư. Trong thật vật thì không lân hư, vì thể lượng không khác, Ở trong vạn vật thể lượng của lân hư là viên mãn vi tế không có sai biệt. Cho nên tướng mạo của vạn vật chẳng phải thật có, chỉ có cái giả danh. Tướng của giả danh đó là cái bình v.v... các vật. Nếu trừ lân hư, tựa bình v.v... thức không sinh. Thật vật, là nếu phân tích pháp tương ưng, tựa thật vật thức không

diệt. Như khi chưa phân tích, trong cái bình 5 trần thức sinh, phân tích rồi 5 trần thức cũng không diệt, cho nên 5 trần v.v... là thật có do lân hư và tụ này. Vạn vật không thể sinh thức, cho nên ngoại trần chẳng phải cảnh giới của thức. Nếu vậy pháp gì gọi là trần? Ở trong tướng trần hiển hiện như bên ngoài, gọi là thức trần, ngoại trần thật vô sở hữu. Ở bên trong thức, chúng sinh loạn tâm phân biệt, nên khởi 6 trần phân biệt. Phân biệt này như ở bên ngoài hiển hiện như thế. Đó trong 4 duyên gọi là thức duyên duyên. Vì là thể tướng của thức nên do đó thức sinh. Sở dĩ vì sao? Thức này làm tướng của nội trần, từ nội trần sinh, vì đủ 2 pháp nên nội trần gọi là cảnh giới.

Hỏi: Như trần khởi thức, điều đó còn có thể được. Nội trần là một phần của thức, cùng khởi một lúc, sao có thể làm duyên duyên được?

Đáp: Lập ra duyên duyên, là vì thức duyên đây sinh chứ không có 2. Duyên, nghĩa là hoặc nhất thời cùng khởi có thể thành các pháp khác. Từ cái khác sinh chắc chắn theo đuổi sinh không sinh.

Hỏi: Nếu tuần tự sinh thì tướng sở duyên năng duyên như thế nào?

Đáp: Nếu nhân ở trước quả ở sau, thì quả theo nhân nhân không theo quả. Nếu có nhân ắt có quả. Nếu không có nhân ắt không có quả. Quả tùy theo nhân hoặc có hoặc không. Đó gọi là tướng nhân quả.

Lại nữa, vì đặt đề thứ tự của công năng nên lập sở duyên năng duyên. Đó là tựa trần thức tuần tự khởi là sinh. Tương tự quả khởi công năng, sinh tương tục của thức.

Hỏi: Nếu nội trần là thức, duyên duyên là duyên sinh, thì kinh sẽ giải thích làm sao khi kinh nói dựa vào căn duyên sắc được sinh nhãn thức, như kinh có nói rộng rãi?

Đáp: Công năng thể tướng có thể cùng tạo quả, gọi là căn.

Hỏi: Thể dụng của căn như thế nào?

Đáp: Cái thắng hơn có thể làm thể.

Cái thể này do pháp nào có thể so sánh lượng đặc biệt được?

Có do sinh tự quả, cho nên có thể biết được cái ưu việt hơn của nó. Chẳng phải có 4 đại sắc mà công năng này không có phương ngại ở trong thức. Công năng này ở trong thức nếu lia thức thì thể của nó không thể hiển thị. Như chỗ lập căn của tôi và chỗ lập căn của ông đồng công năng làm thể. Đó có gì khác? Như công năng đây và tướng tương tự trần làm nhân cho nhau. Như vthế công năng và tướng tương tự trần phải sinh từ vô thủy đến nay. Dựa vào công năng gọi là căn. Duyên tướng nội trần gọi là cảnh. Đó là loạn thức, không thể nói là tướng của nó, được sinh pháp này lại cùng làm nhân cho nhau cũng không có bắt đầu. Bởi vì sao? Hoặc công năng thành thực nên khởi tương tự trần thức. Hoặc tương tự trần thức cho nên thành công năng. Thức hoặc khác cả hai, hoặc không khác cả hai, hoặc không thể nói. Như thế nội trần đủ cả 2 pháp cho nên có thể làm cảnh của thức./.

HẾT

SỐ 1620
LUẬN GIẢI QUYỀN

*Bồ-tát Trần-na tạo luận
Trần, Tây Ấn-Độ Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Ba cõi chỉ lấy ngôn từ làm thể, do miễn cưỡng phân biệt, chẳng phải pháp thật có, nên không được chân thật. Do pháp môn phân biệt lựa chọn tự tính các pháp, để sinh trí không điên đảo nên lập luận này.

*Sợ dây tưởng con rắn,
Thấy dây cảnh không còn.*

Trong lúc mê muội, ở nơi không xa có một sợi dây thấy tựa như con rắn. Đó là bị cảnh đánh lừa, chưa thấy được sai biệt, cho nó là con rắn. Nếu thấy là sợi dây, hình tướng khác không như phân biệt vì do hư vọng sinh, nên cái biết trước đây chỉ là cái biết rối loạn, thì không có cảnh đó.

*Thấy dây phân tích rồi,
Biết dây như biết rắn.*

Nếu phân tích suy lường cái dây rồi, không thấy có cái thể của dây. Nếu không có cái thể, thì cái biết về cái dây này, cũng như cái biết về con rắn, chỉ là cái biết của sự mê loạn. Trong các phần của

cái dây cũng như vậy, tư duy phân tích không thấy chỗ nào có cái thể của nó. Duyên cái dây hay duyên một phần của cái dây đều là cái biết mê loạn

*Tất cả loại giả danh,
Khi giản trạch tự tính,
Giả danh từ kia khởi,
Cho đến tục trí cảnh.*

Dựa vào từng phần phân tích quan sát cái dây không thấy tự thể, cho nên cái biết là con rắn với cái biết sợi dây chỉ là cái biết của sự mê loạn, thật không có cảnh, tất cả là giả danh, như cái bình, cái áo, người v.v... Nếu quan sát các phần của gốm sứ cho đến các cảnh của tục trí và phần sau cùng, trong đó cái giả danh cái bình v.v... là do cái khác khởi lên. Sau cùng không phân tích khó hiển hiện, lia thì đều không. Tất cả loại giả danh, phần sau cùng không phân tích chỉ một lân hư duy nhất. Nếu lia một đại, các đại khác và một đại đều không thể hiển hiện vì không có cái thể, như sừng thỏ v.v... Chúng khác như thế nào? Lân hư thì không thể lập làm một vật. Nếu có vật ắt phải có phương có khác, như cái bình v.v... Cái bình v.v... các vật là cái có của thể gian. Có 6 phương khác, cho nên có phần không thành một vật. Nếu lân hư là có, thì phải có 6 phương, như vậy thì có phần không thành một vật. Nếu không thành một vật, thì do nhiều vật làm thành, thể không khác với cái bình, là cũng không thật thể.

*Người trí, với tục cảnh,
Chớ khởi ý chân thật.*

Do đó 3 cõi chỉ có tán loạn. Nếu người trí muốn cầu giải thoát, không nên khởi chấp chân thật.

Hỏi: Có loạn thức?

Đáp: Nếu ông nói tôi tin cái bình v.v... ngoại vật tự tính không thể có được, nên chỉ có loạn thức phân biệt duyên vô cảnh mà khởi. Bởi vì sao? Người ảo hóa, thành trì Càn-thát-bà v.v... thật phi hữu, loạn thức tựa ảo v.v... khởi mà phi vô, thì nghĩa đó không đúng, vì không thành tựu. Vì sao không thành tựu? Vì chỗ thấy không có như vậy. Loạn thức này tựa như không có vật do vật không có thật thể. Sao thức lại có? Như sở duyên trần tự tính năng duyên, tự tính cũng vậy, sở duyên trần đã không, loạn thức này không thể tự khởi mà do công lực khác. Cái khác kia đã không thành, thì cái nghĩa khởi ở chỗ nào? Vì nghĩa đó mà loạn thức có nghĩa. Làm sao được lập? Trong thế gian không có sinh nhân như chủng tử pháp này. Nếu không sinh mầm mà có quả là không có chỗ như vậy. Cho nên nói các thí dụ ảo hóa v.v... cũng không lập được.

*Tất cả vật giả danh,
Nếu tế tâm suy xét,
Người trí dục các hoặc,
Có thể trừ sợ rấn.*

Như đã nói thức 3 cõi chỉ là giả danh. Trừ bình v.v... thô thức, tập tâm vi tế. Như thế gian lập cái bình, cái áo v.v... các vật do giả danh mà có. Đúng về tâm thể tục thì không trái việc này. Sau để khiến trừ tục tâm này, mới khởi tâm giản trách. Chỉ thấy duy có loạn thức không có ngoại trần. Nhân của loạn thức này không thành tựu nên tựa như vô vật, do đó thể không thành tựu. Nội ngoại đã vô sở hữu, thì có thể hiểu pháp không, tất cả là phân biệt tạo ra. Dục v.v... các hoặc người trí dễ trừ. Ví như sợi dây vọng tưởng con rấn mà sinh sợ hãi. Nếu thấy sai khác biết chắc là sợi dây, thì có thể trừ cái sợ con rấn, do có thể khởi tư duy suy lường. Dục v.v... các trần tự tính mau dễ diệt. Dục v.v... các vọng hoặc, cũng như vậy.

*Người trí không trái đời,
Tùy nói thế gian pháp.
Nếu muốn diệt hoặc chương,
Nên y chân quán sát.*

Như thế gian cái bình, cái áo các vật, tin là có cũng không sai. Hoặc nói như người trí, trước tùy theo việc này, sau nếu cầu giải thoát thì phải tu lý chân thật. Phân biệt lựa chọn tự tính của thế pháp, nếu phân biệt lựa chọn đúng như lý, thì các hoặc hiện khởi sẽ diệt, chưa khởi thì không sinh. Đó là công dụng của lập luận này./.

HẾT

SỐ 1621
LUẬN CHUỖNG TRUNG

*Bồ-tát Trần-na tạo luận
Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Luận nói: Bảo rằng trong 3 cõi chỉ có giả danh, thật không có ngoại cảnh vì do vọng chấp. Nay muốn làm cửa ngõ cho những người chưa chứng chân quyết định lựa chọn tự tính các pháp khiến không hiểu điên đảo nên tạo luận này.

Tụng nói:

*Nơi dây thấy là rắn,
Thấy dây biết cảnh không.
Nếu khi rõ các phần,
Biết như rắn là sai.*

Luận nói: Như ở nơi không xa lắm không rõ ràng thấy sợi dây giống như con rắn. Chưa hiểu rõ tự tính sai biệt, bị hoặc loạn nên chấp cho là rắn. Sau khi hiểu rõ pháp sai biệt kia rồi, biết do chấp cuồng loạn sinh, nên chỉ là sự hiểu biết sai lầm không có sự thật. Lại nữa ở nơi cái dây khi quan sát kỹ các phần sai biệt thì tự thể của cái dây cũng không thể có được. Biết như vậy rồi thì sự hiểu là cái dây cũng giống như sự hiểu con rắn là chỉ có vọng thức, như ở nơi cái dây có hoặc loạn thức, cũng ở nơi sợi dây kia các phần biết là tướng vay

mượn không có được thật thể. Cho nên cái tâm duyên sợi dây và các phần của nó có tướng trạng gì đều chỉ là vọng thức.

Tụng nói:

*Có các việc giả thiết,
Khi quán rõ tự tính,
Từ cái khác: giả danh,
Cho đến cảnh thế tục.*

Luận nói: Như nơi các phần của sợi dây khi phân tích quan sát riêng rẽ biết không có thật thể chỉ là vọng tâm. Như vậy nên biết tất cả các pháp chỉ là giả danh. Như cái bình, cái áo các vật nhờ bùn đất, vải sợi mà thành. Cho đến ngôn thuyết, thức sở hành, cảnh chưa đến phá hoại, thì gọi là cái bình v.v... Nói từ cái khác, nghĩa là từ nơi ngôn thuyết của thế tục mà có, chứ chẳng phải nơi thắng nghĩa.

Tụng nói:

*Vì vô phân, phi kiến,
Chỉ cực đồng phi hữu.
Chỉ do tâm hoặc loạn,
Người trí không nên chấp.*

Luận nói: Nếu lại chấp cho rằng các việc giả hữu đến cực vi thì không thể phân tích. Lại nữa không phương phân là thật hữu, là như hoa đóm giữa hư không và sừng thỏ v.v... vì không thể thấy nên không có sức có thể sinh duyên thức kia, nên chỗ chấp cực vi chắc chắn chẳng phải thật hữu. Vì vậy phải nói không thể thấy nhân, do nó không thể an lập cực vi thành thật hữu. Sở dĩ vì sao? Do có sự sai biệt về phương phần, giống như hiện thấy cái bình, cái áo các vật. Đông Tây Nam Bắc v.v... vì có phương phần khác biệt đây đều hiện hữu, chi phần có thể được. Nếu nói cực vi là hiện hữu, thì ắt phải có phương phần, vì tính khác biệt cho nên phải chấp nhận có Đông Tây Nam Bắc. Chi phần phân biệt nên thật, cực vi này lý không thành

tự, cũng không phải một thể mà do nhiều phần hợp thành. Thấy sự khác biệt nên một thật cực vi chắc chắn không thể có được. Như vậy phải bỏ cái lý luận cực vi. Cho nên người trí hiểu biết 3 cõi đều là vọng tính. Muốn cầu diệu lý không nên chấp là thật.

Tụng nói:

*Vì vọng hữu phi thật,
Với chỗ thấy chẳng đồng.
Do tướng cảnh hư vọng,
Năng duyên cũng phi hữu.*

Luận nói: Nếu nói ngã cũng như việc cái bình cái áo kia, chấp nhận nó có tự tính là không thể được, đều là sở phân biệt của vọng thức. Nhưng cái loạn thức duyên tướng trạng kia là thật có. Quán thành Càn-thát-bà và người ảo hóa v.v... thức đó là có. Giả sử có cái thức này cũng chẳng phải thật, cho nên không tương ưng với việc sở kiến. Thức hoặc loạn này đối với cảnh sở duyên hiểu là có tính. Tự tính của việc kia đã rõ là phi hữu. Cảnh đã là không, vọng thức năng duyên cũng chẳng phải thật có, làm sao khiến cái vọng thức kia có được? Nhưng trong thế gian chưa từng thấy chủng tử không có khả năng sinh, mà có mầm được sinh ra. Do đó những thí dụ ảo hóa, thành Càn-thát-bà v.v... ông nói là không thành đạo lý.

Tụng nói:

*Đây đều là giả thiết,
Khéo hiểu có thể biết.
Người trí dứt phiền não,
Dễ như trừ sợ rắn.*

Luận nói: Như nói 3 cõi chỉ có giả danh. Cái bình v.v... đã khiến trừ cái biết thô thiển. Biết từ danh ngôn mà có việc đó. Người giỏi quan sát đã có thể biết rồi tức ở nơi sợi dây trừ bỏ cái sợ con rắn. Lại thăm xét tư duy rồi sự sai biệt đối với chỗ vọng chấp sợi dây

cũng không. Như vậy khi quán tất cả pháp năng sinh lìa nhiễm dễ mau chóng trừ bỏ lưới phiền não và các nghiệp quả tự sẽ đoạn diệt.

Tụng nói:

*Người trí quán việc tục,
Phải theo tục mà làm.
Muốn cầu dứt phiền não,
Phải rõ chân thẳng nghĩa.*

Giống như người đời đời với các việc tục như cái bình cái áo v.v... cho là thật có gọi là cái bình cái áo v.v... Người trí cũng vậy, phải thuận theo thế gian mà nói. Biết chẳng phải thật có. Nếu ra quan sát tội lỗi phiền não, cầu giải thoát thì phải ở trong chân thẳng nghĩa suy tìm khắp giáp, như lý tác ý. Đối với các cảnh và vọng thức năng duyên, phiền não trói buộc không sinh trưởng nữa./.

HẾT

SỐ 1622
LUẬN THỦ NHÂN GIẢ THIẾT

*Bồ-tát Trần-na tạo luận
Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Luận nói: Để ngăn chặn tính một, tính khác, chẳng phải có biên giới, nên Đại sư chỉ căn cứ vào các việc giả thi thiết mà tuyên nói pháp yếu. Muốn khiến hữu tình có phương tiện vào tác ý như lý, xa lìa tà tông, vĩnh viễn dứt phiền não, 3 bên như vậy đều có lỗi nên tôi phải khai diễn giải thích. Trong đây lấy nhân làm giả thiết, lược có 3 thứ: 1. Tổng tụ. 2. Tương tục. 3. Phần vị sai biệt.

Nói tổng tụ, nghĩa là trong một lúc có nhiều pháp tụ lại, tùy thuận thế gian dùng một tính mà nói, như nói thân thể, rừng cây v.v... Nói tương tục, nghĩa là ở vào thời khác nhân quả không tuyệt mất, dùng một tính mà nói, như Yết-la-la vị v.v... gọi đó là người, mầm v.v... chuyển đổi thành khác gọi đó là cây lúa. Nói phần vị sai biệt, nghĩa là trong một việc có nhiều tính khi khác không khác mà kiến lập, như sắc sinh vị khác tính vô thường, hữu kiến hữu đối, nghiệp đủ tính v.v... do 3 nghĩa này, mật ý nói có Bồ-ốt-yết-la và chứng viên tịch. Nhưng 3 nghĩa này chỉ là giả thiết, không thể nói là một tính hay tính khác và hoàn toàn vô tính, vì có lỗi.

Trong đây hãy nói tổng tụ có tụ không tính khác. Nói sự có 2 thứ là phải chấp nhận có. Hai tụ tính này ngăn chặn biệt tính, nghĩa

là trong có tụ. Tổng tụ gọi là không khác hay chỉ là vô dư? Nói không khác, đây có lỗi gì?

Tụng nói:

*Nếu tính không khác, thể không khác,
Có tụ thành ra cùng không khác.
Hoặc nơi tổng tụ, riêng sự khác,
Đây lại trở thành thể nhiều thứ.*

Luận nói: Nếu chấp nhận tự tính của cái tay v.v... với thân là một, nói là không khác, tức là tay với thân không có biệt tính, cho nên tay v.v... trở thành không sai biệt, tay cũng thành chân. Thế là trái với thế gian, cho nên hoặc lại nói các chi phần khác biệt kia chẳng phải tự tính của thân, khi tụ tập gọi là thân. Thế tức hoàn toàn không có tự thể của tổng tụ, một phần ít có thể khác nghĩa trước. Cho nên nếu nơi biệt sự chẳng phải tự tính của tổng tụ, tức là tự tính sai biệt là do biệt tính. Cho nên khi tụ tập sao thành được tự tính không khác với kia? Vì không do tổng tụ xả bỏ tự tính. Hoặc biệt hoặc tổng là tính không khác, vì không phải do tổng biệt xả bỏ tự tính. Hoặc nhanh hoặc chậm đều thành nhiều tính, vì trong các sự kia tính không khác. Như vậy nên nói 2 lỗi.

Tụng nói:

*Nếu nói chỉ ngăn các tính có,
Hai thứ chẳng có, ông thành lỗi.
Nếu một tính có là bị ngăn,
Chẳng phải không khác, 2 tương tự.*

Luận nói: Nếu nói chỉ ngăn các tính có, 2 thứ chẳng có, ông thành lỗi, nghĩa là nếu nơi có tụ mà không có biệt. Tổng tụ gọi là không khác, tức là đây đợi nhau mà thành tính không khác. Nếu ở một chỗ có nghĩa không khác thì thứ hai cũng vậy. Làm sao ông khỏi được lỗi này? Nếu không tổng tụ thì có tụ cũng không. Nếu khác đây

thì nói không khác cũng trở thành vô dụng. Nếu một tính có là bị ngăn, nghĩa là dấu chấp nhận như vậy thì đối với người khác chấp có phần thật sự. Chỉ ngăn cái này thôi, gọi là không khác, thì đây cũng không phải vậy. Vì sự không khác biệt, nên 2 chỗ tương tự. Do nói không khác, thì một chỗ đã vậy các chỗ khác cũng thế. Như vì ban đầu nói không khác nên ông không nên chỉ ngăn một chỗ. Nếu nói ý chấp nhận chỉ ngăn kia, thì nên chỉ nói không có hữu phần, chứ nên nói không khác. Vì tính có của kia là không thích hợp, cho nên nếu chấp nhận thể tính của kia là có mà không chấp nhận là khác, thì nói không khác mới hợp lý. Lại có nghĩa có khác, vì chẳng phải không riêng biệt. Hai tương tự, nghĩa là như tách rời tay v.v... không có thân riêng khác, vì là hữu phần. Như vậy tay v.v... cũng phải đợi ngón v.v... mới thành, vì nó là hữu phần của tay. Như thân cũng thành chẳng phải có như vậy. Cho đến cực vi đợi nơi tiếng v.v..., tiếng v.v... lại đợi tát-đũa v.v..., tát-đũa v.v... lại đợi hỷ v.v... đợi công năng khác. Đây tức mỗi phần cùng với hữu phần đồng tính hữu phần, cho nên cái chấp của ông trở thành phi hữu. Như vậy chỉ nên nói chấp nhận tính không khác. Có 2 thứ lỗi.

Tụng nói:

*Tính khác cũng vậy, lấy một bên,
Nơi chỗ chi phần riêng biệt chuyển,
Một bên thì có lỗi vô cùng,
Hoặc chẳng phải một, và toàn không.*

Luận nói: Tính khác cũng vậy, là có 2 lỗi. Nói lưu chuyển đến đây do khi nơi tự chi phần kia chuyển, hoặc chuyển riêng biệt, hoặc chuyển khắp cả. Trong đây nên nói nghĩa chuyển riêng biệt. Nếu lấy một bên, nơi tay v.v... các chỗ, khi hữu phần chuyển, kia cũng một bên, cũng như tay v.v... lại phải có một bên tùy khởi. Như vậy lần lần có lỗi vô cùng. Hoặc chẳng phải một là khác. Lỗi vô cùng nên nói là hoặc nói. Nếu nói một bên thân phần lại không chuyển, tức phải

là không có nghĩa một hữu phần trở lại thành hữu phần mà chỉ có một bên. Nếu vậy phải chấp nhận chỉ có cái tay v.v... cần gì chỉ chấp nơi chi phần của mình hữu phần chuyển ư? Và toàn không, nghĩa là một bên vô cùng, và lại có lỗi nên nói khi lấy một bên này nơi phần chuyển, tức hoàn toàn không có phần nào có thể được, do chẳng phải hữu phần. Như tay, chân v.v... có một bên. Nếu nói hữu phần khi tách rời tay v.v... không có chi phần khác, vì thể của hữu phần là một, nên nếu như vậy thì trở thành nơi ấy, nơi chi phần riêng biệt đều khắp chuyển. Chỉ có 2 chấp này vì không có cái chấp phân biệt thứ 3.

Tụng nói:

*Nếu biến khắp, kia thành nhiều tính,
Và nơi tay ... không có khác nhau.
Hoặc đây chẳng phải kia nên thành,
Các sự đều thành tính nhất vi.*

Luận nói: Nếu nói biến khắp, tức là chấp nhận hữu phần với chi phần đồng lượng. Nơi mỗi mỗi chỗ đều châu biến, cho nên kia tức thành nhiều thứ thể tính. Lại có nghĩa khác, nên nói do nơi một chỗ biến khắp đều có, do không chấp nhận tính riêng biệt kia, và các chi phần lại không sai nhau, do kia hòa hợp nên khi đồng một chỗ sự không riêng biệt. Thế thì nơi tay phải chấp nhận có chân. Như vậy lại trái với đạo lý mà thế gian đều chấp nhận. Hoặc đây chẳng phải kia, tức là có chấp khác, nên nói là hoặc, để tránh lỗi trước nói thể của hữu phần. Khi nơi chân chuyển chẳng phải nơi tay v.v... hữu phần biệt chuyển thì đây không có. Lỗi các chi phần khác đồng một chỗ, là đây giống như đè ép cái bấu ở cổ lại lòi tròn mắt ra. Nếu như vậy thì tất cả hữu phần thành một sự thật. Cho nên các sự thành một cực vi do hữu phần kia khi lần lần khởi ở tự chi phần cho đến chỉ có một thật cực vi là có chỗ trụ. Một chi phần này lại cùng với hữu phần đồng một cực vi, hữu phần này chấp lý thành vô dụng và trái với tôn của mình. Nếu nói tách rời sắc riêng có cực vi, tức không có lỗi như

trước đã nói. Do kia không ở nơi sắc chuyên, cho nên không có lỗi này. Lý cũng không phải vậy. Vì ở đây cũng có lỗi 2 chấp.

Tụng nói:

*Tính có phương phần chẳng cực vi,
Để ngăn một tính và khác tính.
Hoặc không phương phần nhiều không tụ,
Hoặc là chúng đồng một cực vi.*

Luận nói: Do chẳng phải chấp cực vi như vậy mà lý được thành tựu. Vì có phương phần, do phương phần này lại chuyển thành vi tế. Lại nữa kia ngăn tính một tính khác cho nên do đây đối với kia nơi tự chi phần hoặc đồng hoặc khác chỉ 2 thứ này không có cái chấp thứ 3. Đã bác bỏ lỗi kia chẳng phải các cực vi vì có phương phần. Đã không phương phần giả khiến cùng tụ không không hòa lẫn, giả sử chấp nhận đồng một chỗ đều đồng một cực vi nhưng cực vi đây không hòa tụ được. Một cùng với các cực vi chướng ngại nhau, nên tức thể các cực vi chung thành một do đồng một chỗ. Như vậy đã nói tổng tụ có lỗi tụ một và khác.

Tụng nói:

*Tương tục nếu một bỏ ấu nhi,
Lần lượt cho đến tuổi đồng niên.
Phải mất tự thân chẳng khác,
Nếu nói không mất là lẫn lộn.*

Luận nói: Nếu chấp nhận tương tục, đối với sự có tương tục, tính không khác phải chấp nhận tự tính. Có 2 thứ, do đó nói là tính tương tục. Hoặc chỉ ngăn những cái khác. Hai thứ này giống như tổng tụ ở trước. Đã bác bỏ lỗi kia rồi, trong đó cái riêng biệt nay lại phải quyết định lựa chọn. Nếu khi lãnh thụ mỗi vị riêng biệt thì bỏ vị trước mà nhận vị sau hay là sẽ không bỏ? Đây có lỗi gì? Nếu xả bỏ ấu nhi đến địa vị tuổi đồng niên phải mất tự thân. Nếu ông chấp nhận

như vậy, ở địa vị tuổi ấu nhi là không khác, tức kia khi di dịch tự thể phải mất. Ở trong địa vị này vì tính không khác cho nên tôn của ông nói rằng tất cả các sự thật có pháp khởi riêng biệt, có pháp riêng biệt sinh, là chuyển biến thì không phải lý như vậy. Nhưng chẳng phải không khác, địa vị di chuyển riêng biệt, an nguy khác. Nói không khác, thì đây tức là kia. Như vậy nên luận cái lỗi chuyển bỏ. Nếu không mất thì pháp sẽ lẫn lộn nhau, không bỏ tuổi ấu nhi mà thành địa vị tuổi đồng niên. Tuổi ấu nhi và tuổi đồng niên, thể hòa lẫn nhau nên thành không riêng khác, nhưng không thấy có những việc như vậy. Đã nói xong lỗi về tính không khác.

Tụng nói:

*Nếu là tính khác thân không yên,
 Vì muốn cầu yên nên vọng lập.
 Chuyển không tương ưng và sinh diệt,
 Nếu nói thể riêng thành sự thật.*

Luận nói: Tương tục có tiếp nối, thể nếu khác thì như trước có bệnh, sau cầu lành bệnh, tổn công nhọc sức đều thành vô ích, vì lý lưu chuyển không tương ưng. Từng chưa thấy vật có thể riêng khác như bò ngựa v.v... được tương ưng. Cho nên nếu nói không thể nói sự, cũng không thấy thì câu hỏi này phi lý. Đó là vì thành lập nên do lia nhị biên, trong các sự việc thế gian chỗ nhân quả thấy việc nơi đây nhưng chẳng phải ở nơi khác. Lại nữa như rượu chua muốn chuyển thành ngon. Người tâm tán loạn tu tập khiến định tâm vắng lặng, bao nhiêu công lao cực nhọc đều phải vô ích. Vì do thể khác nhau, nếu khác tính thì lý sinh diệt cũng không tương ưng. Các sinh diệt tương tục khởi thì phải ở hiện tại nơi chi phần chuyển quá khứ vị lai hiện tại. Chuyển thể nào? Một phần toàn khắp đều như trước đã phá. Lại nữa tính khác thì thể tương tục khác không được sinh diệt. Đây lại có lỗi gì? Nếu nói riêng biệt, tức là có khác nhau. Đã chấp nhận tương tục thành thật sự có, thì đây là không đúng lý. Tiếp sau đây sẽ nói về tương tục một và khác.

Đã làm rõ lỗi ấy rồi. Tiếp về phân vị sai biệt trong quả tính v.v... việc ấy như thế nào?

Tụng nói:

*Nơi phân vị ở trong quả tính,
Lấy việc kia đã nói ra rồi.
Nếu khác kia thì sự vô thể,
Không khác: 2 lỗi như trước nói.*

Luận nói: Nơi phân vị ở trong quả tính lấy việc kia mà nói. Khác kia thì vô thể, nghĩa là ở trong sắc v.v... nói là nhân quả tính một khác, tính tự tha, tính hữu kiến hữu đối v.v... Nếu nói việc kia khác với đây, tức liền thành phi nhân quả v.v..., cũng không tự thể do không một việc, không đợi nơi đức, ở nơi tự thể có thể thành ngôn thuyết. Cái tính không khác này có 2 lỗi như trước đã làm rõ cái lỗi đó nơi phân nói về tổng tụ. Tùy chỗ có thể tư duy, tùy pháp mà nói tính không khác. Tính bỏ không bỏ cũng như trước nói. Hoặc đây nơi thân khi tương tục chuyển có tính sai biệt. Ví như ngư vị, tên một vị thuốc, có thể chặn dứt bệnh sốt, lại có thể nơi đây làm nhân phát động.

Đã nói xong 3 thứ việc giả thiết. Tiếp sẽ giải thích về tính khác không khác, và các lỗi đều bác bỏ không có.

Tụng nói:

*Nếu không chấp nhận thân thật có,
Vô đảo thuyết pháp nên vô ích.
Lại phải là người không tà kiến,
Cũng không sai biệt việc tác dụng.*

Luận nói: Như ở nơi thân điên đảo nói là thường lạc ngã tịnh. Vô đảo là nói pháp 4 niệm trụ. Nếu không thân thì thành vô dụng. Lại nếu không chấp nhận có tương tục thì năng trị sở trị trở thành sai biệt. Như ở các thân khác chấp cho là thường, để đối trị kia liền ở nơi

các thân khác nói vô thường, đây thành vô dụng. Lại nữa, nếu không phân vị sai biệt, thì nói pháp vô thường v.v... cũng là vô dụng. Lại nữa người tà kiến nói không thí không thụ nhận v.v... và các tổng tụ có các việc phúc phải là chẳng phải tà kiến. Nhưng y thực v.v... có các thí vật đều là tổng tụ, nếu như có nói gió không thể thổi, sông không chảy v.v... nói không tương tục, cũng chẳng phải tà kiến nhưng chẳng phải Phật dạy. Chấp nhận gió kia v.v... có thật nghiệp dụng tuy có cái dụng gió thổi v.v... nhưng không chấp nhận nó không thể hướng đến các phương khác tương tục sinh khởi. Nếu không tương tục thì đều không có việc tà kiến như vậy. Nếu không phân vị sai biệt, thì khi ở nơi một sắc, bác bỏ không có 2 tướng khổ tập, thì tà kiến sai biệt phải thành ra phi hữu, vì sắc không khác biệt, cũng không có việc tác nghiệp sai biệt. Lại nữa nếu không chấp nhận có tổng tụ, thì ở nơi Tì-ha-la, Tốt-đồ-ba v.v... phúc đức sai biệt đều là phi hữu. Lại nữa vì tương tục khác biệt nên phúc ấy cũng khác. Như Thế Tôn bảo trưởng giả Dũng Kiện rằng: “Nếu có Bí-sô thụ thực xong rồi, nhập định Vô lượng ý, chính niệm mà trụ, ở đó phúc đức sai biệt.” Điều đó cũng phải thành phi hữu. Nếu không chấp nhận có phân vị sai biệt, thì vì sai biệt này mà nghiệp dụng sai biệt cũng thành phi hữu. Sự việc tuy không khác mà thể lực có khác. Cái dụng của nó cũng khác biệt là vì cùng chấp nhận. Giống như thuốc độc khi hòa chung với các vật khác liền làm hại mạng. Vì dùng trị bệnh nên những loại như vậy mà bác bỏ không có việc ấy thì đều có lỗi.

Nếu có các lỗi như vậy, sao không chấp nhận chúng có thật vật? Điều này không đúng lý vì có lỗi. Đó là gì?

Tụng nói:

*Vì do ngăn tính một tính khác,
Chẳng phải lần lượt mượn nhân thành.
Tự thể cũng là có thể nói,
Tựa cảnh chỉ từ nơi thức khởi.*

Luận nói: Do nơi sắc v.v... là thật hữu cho nên lại trông đợi nhau tính một khác là có thể nói, còn tổng tụ v.v... là không thể nói. Nếu như vậy thì thân trông đợi các thân khác sao gọi là khác? Đó là do chẳng phải là nhân hỗ tương với nhau. Tất cả sự vật nếu bỏ kia mà tâm lấy đây thì đó không gọi là thủ nhân giả thiết, vì không lấy đây để làm nhân. Nhưng đối với thân v.v... lại trông đợi nhau. Nếu khi bỏ kia mà ý không lấy đây, thế mới gọi là thủ nhân giả thiết. Nếu bỏ sắc v.v... mà không có tổng tụ đó cho nên phải biết chỉ ở nơi tính một khác của tự sự là không thể nói, chẳng phải nơi tất cả. Nhưng phần vị sai biệt trong tính khác v.v... lại gọi nhau là khác, nói đó là giả. Nếu như vậy thì ở nơi sắc v.v... cũng không lấy, cho nên nói là tính khác, phải chẳng phải là thật hữu. Lý không phải vậy do tự thể kia là có thể nói, cho nên cũng là có thể được thể riêng biệt, cho nên chẳng phải đối với các việc khác không bỏ. Nhưng cái tựa như cảnh này cũng từ thức khởi, nơi đó có tất cả cảnh tượng. Nếu tách rời thức thì không thể biết có tự tính, cũng là giả thiết cho nên không có lỗi. Như có tụng nói:

*Quý, bàng sinh, người, trời
Đều tùy chỗ thích ứng,
Vì đều nơi tâm khác,
Nhận cảnh phi thật hữu.*

Lại tổng tụ v.v... chẳng phải thật vật hữu, chẳng phải tính hữu vi vô vi cho nên tất cả các pháp đều gồm tính hữu vi vô vi. Đây hãy coi như chẳng phải tướng hữu vi.

Tụng nói:

*Tướng không tương ưng chẳng hữu vi,
Nếu nói hữu vi là mật ý.
Nơi số thủ thú cũng thấy nói,
Nếu là vô vi phải không hoại.*

Luận nói: Nếu là hữu vi phải như thức v.v... có các tướng hữu vi như sinh trụ v.v... . Đây không như vậy. Nơi tổng tụ v.v... khi 2 vi tụ, tướng là vô biên, có lỗi vô cùng, cũng chẳng phải việc giả. Có tướng như vậy một việc liền có vì tướng vô biên. Nhưng ở nơi việc hiện hữu giả thi thiết, khi tụ tập v.v... liền có sinh diệt. Vì có thể biết rõ nên nếu nói có nói, tức thật có lời nói này: Nói tướng hữu vi của tổng tụ v.v... như có tụng nói:

*Tịch tụ đều tiêu tan,
Chuộng cao ắt rơi xuống,
Hội họp rồi chia lìa,
Có sống đều sẽ chết.*

Đây gọi là Tam-mô-ha v.v... nói có tướng diệt. Nơi Tì-ha-la v.v... nói có tướng sinh. Tuy có nói thế đều là mật ý, không phải nơi thẳng nghĩa có những tướng như vậy. Các tướng sinh v.v... này người đời đều biết nơi chỗ giả thi có, tức như việc đó mà vì nói pháp. Đó là vì việc tùy thuận lia dục nên tuy chẳng phải thẳng nghĩa mà vì thuận thanh tịnh, vì muốn lợi ích các hữu tình nên nói như vậy. Phật bảo các Bí-sô: Nếu thấy người nữ trạc như mẹ thì nên tưởng như mẹ mình. Những lời như vậy đều là giả thuyết. Biết đâu sinh v.v... là mật ý nói chẳng phải thẳng nghĩa chẳng? Vì trong Bồ-ô-t-yết-la nói có sinh v.v... Như có một người xuất hiện nơi thế gian có thể nhiều lợi ích v.v... Lại nói tất cả hữu tình đều dựa vào sự ăn uống mà sống. Lại nói ta nay già yếu phải cung cấp người hầu hạ. Tất cả hữu tính đều quy về cái chết v.v... nhưng chẳng phải nơi người có việc sinh v.v... Như vậy nên nói trong tổng tụ v.v... chẳng phải tính hữu vi. Nếu vậy phải nhận là tính vô vi. Nếu là vô vi thì phải không hoại diệt, vì pháp vô vi không hoại diệt. Các tổng tụ v.v... phải là thường trụ như hư không v.v..., chẳng phải tổng tụ v.v... có thể thành sự thật. Hữu vi vô vi đều không đúng lý. Lẽ nào trong hiện sự ở thế gian lại không thể nói tính một khác hay sao? Có thuyết nói như vậy. Hiện

thấy người đòi đối với áo mặc, vải sợi v.v... không hề suy nghĩ nó là tính một tính khác mà đều mua bán tiêu dùng. Thế Tôn vì muốn lợi ích thế gian phương tiện tuyên thuyết cũng không nói tính nó là một là khác.

Tụng nói:

*Thế Tôn muốn khiến dứt phiền não,
Đồng với thế gian việc tư duy.
Không nói một tính và khác tính,
Phương tiện thuyết pháp độ chúng sinh.*

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn không hoại thế gian những gì thế gian sở hữu, lia những việc khó tư duy, đối với chúng sinh tùy tính chất ý muốn khác nhau, ở trong các trời buộc tùy miên để dứt trừ các phiền não của chúng sinh nên nói rõ chỗ cốt yếu của giáo pháp. Phật bảo các Bí-sô: Các ông chớ nên đồng với thế gian làm những việc tư duy vô ích. Ta nói năng tri năng kiến thì hết các hữu lậu chứ chẳng phải không tri kiến, cho đến tác ý như lý chứ chẳng phải không như lý. Như vậy phải biết tác ý như lý là chính nhân dứt trừ phiền não. Tư duy không như lý có thể sinh các khổ, phải khiên trừ tà tư duy, thuận chính niệm.

Tụng nói:

*Tất cả nghĩa thành do gốc đây,
Dễ làm, phương tiện rất khó gặp.
Sắc mạng giây phút không dừng nghỉ,
Người trí nên phải mau tu tập.*

HẾT

SỐ 1623
QUÁN TỔNG TƯỚNG LUẬN TỤNG

*Bồ-tát Trần-na tạo luận
Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Nếu người thích sơ lược,
Thì kia đã hiển thị.
Còn như thích chi tiết,
Thì sẽ nói tổng tướng.
Do trí tiếng và nghĩa,
Người tục nói là gốc.
Là quán tổng tướng nói,
Tụng này tiếng và nghĩa,
Tiếng và nghĩa là hai,
Trông đó hai thứ trí.
Là trí tiếng và nghĩa.
Nói kia là căn bản,
Là nghĩa đối với nhân
Do người thế gian nói.
Trí tiếng nghĩa làm gốc
Nên trích ra làm tụng,
Thanh nghĩa và trí nghĩa
Để tạo ra luận này.*

*Hỏi: tên nghĩa liên thuộc
Tục nói cho là gốc,
Vì sao nay lại bảo
Chỉ nói nghĩa của thanh?
Đáp rằng không phải vậy.
Dẫu có liên thuộc thanh
Chỉ 2 tên và nghĩa.
Các hữu đều chung tướng
Sở thuyên và năng thuyên.
Trong đây lý ẩn trì
Đều gồm vào trong đó,
Là tính chẳng lìa nhau,
Mới chấp nhận liên thuộc.
Nên nay chỉ nói thuyên,
Do bởi tên năng thuyên
Chỉ hạn nơi liên thuộc.
Hiểu nghĩa sở thuyên kia,
Nên lấy tính tổng tướng
Thì mới được hiểu rõ,
Sau rồi sẽ nói rộng,
Nên chỉ thanh nghĩa trí
Liên thuộc đạo lý thành.
Ngoài ra nếu ý muốn
Hai danh nghĩa trong đây
Có 3 thứ sai biệt
Là thanh và nghĩa 2.*

HẾT

SỐ 1624
LUẬN QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN

*Bồ-tát Trần-na tạo luận
Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Các hữu dục muốn khiến nhãn v.v... 5 thức lấy ngoại sắc làm sở duyên duyên, là vì hoặc chấp cực vi cho là có thật thể có thể sinh thức, cho nên hoặc chấp hòa hợp là vì khi thức sinh có mang tướng của nó. Cả 2 đều phi lý. Bởi vì sao?

*Cực vi trong 5 thức,
Dầu duyên, phi sở duyên.
Tướng nó thức không có
Như nhãn căn vân vân.*

Sở duyên duyên, nghĩa là thức năng duyên mang tướng của nó mà khởi và có thật thể khiến thức năng duyên vin vào nó mà sinh sắc v.v... các cực vi. Giả sử có thật thể, có thể sinh 5 thức bao hàm có nghĩa của duyên nhưng chẳng phải sở duyên. Như nhãn căn v.v... trong nhãn thức v.v... không có tướng ấy. Như vậy trong nhãn thức v.v... cực vi không có nghĩa sở duyên.

*Hòa hợp trong 5 thức,
Lập sở duyên phi duyên.
Vì thể kia không có,
Như mặt trăng thứ hai.*

Sắc v.v... hòa hợp trong nhãn thức v.v... có tướng ấy nên lập ra sở duyên, nhưng không có nghĩa duyên. Như mắt thác loạn thấy mặt trăng thứ hai. Vì kia không thật thể không thể sinh, như vậy hòa hợp nơi nhãn thức v.v... không có nghĩa là duyên. Ngoài 2 việc, nơi sở duyên duyên cùng thiếu một chi đều không đúng lý. Có chấp sắc v.v... đều có nhiều tướng, trong đó một phần là cảnh hiện lượng, cho nên các cực vi tương trợ nhau đều có một tướng hòa tập. Tướng này là thật có, đều có thể phát sinh tương tự như tướng thức của mình, cho nên làm sở duyên duyên với 5 thức. Đây cũng phi lý. Sở dĩ vì sao?

*Hòa tập nếu bền chắc,
Lập nơi nhãn thức v.v...
Là duyên, phi sở duyên,
Vi nhận tướng cực vi.*

Như tướng bền chắc v.v... tuy là thật có, trong nhãn thức có nghĩa duyên mà không phải sở duyên, vì trên nhãn thức v.v... không có tướng ấy. Sắc v.v... các tướng hòa tập của cực vi, lý cũng phải như vậy, vì kia đều chấp là tướng cực vi, nên chấp nhãn thức v.v... có thể duyên cực vi các tướng hòa tập lại mất riêng biệt.

*Biết tướng bình tướng chậu,
Chấp kia phải không khác.
Hình chẳng khác nên khác,
Hình khác vì chẳng thật.*

Cái bình cái chậu các vật lớn nhỏ v.v... đồng là cực vi nhiều ít mà thành, nên duyên cái tướng biết kia phải không sai biệt. Nếu bảo hình tướng vật kia khác cho nên tướng biết khác, lý cũng không phải vậy. Hình dáng khác chỉ có là giả pháp phần trên của cái bình, chứ chẳng phải cực vi nên không nên chấp. Cực vi cũng có hình tướng sai biệt. Sở dĩ vì sao?

*Vi lượng cực vi vân vân,
Hình khác chỉ là giả.*

*Phân tích đến cực vi,
Biết kia chắc phải bỏ.*

Chẳng phải cái bình cái chậu có thể thành cực vi có hình lượng khác nhau. Bỏ tướng vi của cực vi thì biết hình dáng sai biệt chỉ là giả chẳng phải thật. Lại nữa vật có hình dáng sai biệt phân tích đến cực vi thì cái biết kia chắc chắn phải bỏ, chẳng còn là vật màu xanh v.v... Phân tích đến cực vi thì cái biết kia có thể bỏ, do đó cái hình dáng sai biệt này chỉ thế tục có. Chẳng phải như màu xanh v.v... cũng nơi vật thật. Cho nên cái thể sở duyên duyên của 5 thức chẳng phải là sắc ở bên ngoài. Lý này hoàn toàn thành tựu. Cái sở duyên duyên kia lẽ nào hoàn toàn không có?

Chẳng phải hoàn toàn không có, nếu vậy thì sao?

*Sắc trong , như hiện ngoài:
Sở duyên duyên của thức.
Nhận tướng kia ở thức,
Và có thể sinh thức.*

Cảnh bên ngoài tuy không, mà có sắc bên trong tương tự như cảnh hiện bên ngoài, là sở duyên duyên. Chấp nhận nhãn thức v.v... mang tướng kia khởi và từ kia sinh vì đủ 2 nghĩa.

Tướng của cảnh bên trong đã không lia thức làm sao cùng khởi có thể làm duyên cho thức?

*Quyết định theo nhau, nên
Đồng thời cũng làm duyên.
Hoặc trước làm duyên sau,
Vì dẫn công năng ấy.*

Tướng của cảnh với thức chắc chắn theo nhau cho nên tuy cùng thời khởi cũng không làm duyên cho thức. Nhân minh nói nếu đây và kia có hay không theo nhau, tuy cùng thời sinh mà cũng có được

tướng nhân quả. Hoặc thức tướng trước làm thức duyên sau, dẫn sinh trong bản thức, tương tự công năng của tự quả, khiến khởi mà không trái lý.

Nếu 5 thức sinh chỉ duyên sắc bên trong, sao cũng nói nhân v.v... là duyên?

*Trên thức công năng sắc,
Là 5 căn đúng lý.
Công năng với cảnh sắc,
Vô thủy nhân cho nhau.*

Bởi có thể phát thức, so sánh biết có căn, vì đây chỉ là công năng, chẳng phải cảnh bên ngoài tạo ra. Trên bản thức, công năng của 5 sắc gọi là nhân căn v.v... cũng không trái lý. Công năng phát thức lý vốn không sai biệt. Cho nên tuy không thể nói ở trên thức hay các nơi khác mà các pháp bên ngoài lý là phi hữu cho nên chắc chắn phải chấp nhận đây ở trên thức chứ chẳng phải đâu khác. Công năng của căn này với cảnh sắc trước từ vô thủy làm nhân cho nhau, nghĩa là công năng này cho đến khi thành thực sinh 5 nội cảnh sắc trên hiện thức. Nội cảnh sắc này lại có thể dẫn khởi công năng 5 căn trên thức dị thực. Căn cảnh 2 sắc với thức là một hay là chẳng phải một, tùy thích mà nói. Như vậy các thức chỉ có nội cảnh tương làm sở duyên duyên, lý đã thành lập hoàn hảo./.

HẾT

SỐ 1625
QUÁN SỞ DUYÊN LUẬN THÍCH

*Bồ-tát Hộ Pháp tạo luận
Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Nếu nói hay khiến độc người trí,
Là khiến tuệ kia cực sáng suốt.
Và để tiêu trừ nơi tội ác.
Cúi đầu kính lễ rồi quán nghĩa.*

Luận nói: Các chấp nhận nhãn thức v.v... đối với việc bỏ và việc thu nhận, hoặc bỏ hoặc lấy, là quán sát quả. Cho nên bỏ sự thể và điên đảo nhân, là sở hiển thị.

Những điều nói trong đây là bao gồm các chấp nhận khác. Y vào sắc căn, thức của 5 thứ do các chấp nhận khác đối với kia, cứ một mực chấp là duyên thật sự. Ý thức không phải vậy, vì không phải hoàn toàn một chiều chấp nhận thế tục có duyên xe v.v... Dầu chấp nhận ý thức duyên cảnh thật sự có phần phiến diện, cũng có thể đem tương tự của thức tách rời không có cảnh kia. Đối với nhãn thức v.v... cảnh không tách rời nhau, được thành tựu rồi mới là thành lập. Cho nên ở đây không đến nỗi ân cần. Lại nữa trong tập quán tu quả, trí rõ sắc thật chẳng phải cảnh sở hành của Đát-ca và như chỗ thấy mà an lập. Nay đây chỉ quán văn tự sinh được cảnh của trí. Như đây cảnh sở duyên của ý thức hoàn toàn thành phi hữu. Đây nơi tự tự

vì không thể duyên, trở lại duyên quá khứ vị lai. Vì chẳng phải thật sự cho nên giống như vô vi, vì những câu này gồm 5 thức thân.

Nếu vậy căn thức dẫn sinh có ý thức là thế nào?

Chẳng phải đây cùng với căn thức kia đồng thời. Hoặc không gián đoạn, đều diệt, vì sắc v.v... là sở duyên hoặc duyên hiện tại. Đây chẳng phải căn thức từng đã lãnh thụ. Cho nên đây là ý thức, tự có thể tính của ngoại cảnh. Đây thành không điếc đui, lại trái với tỷ lượng biết có căn riêng. Đây ngăn chặn sự tăng sắc là vì sở dục. Nhưng nơi ý thức lại còn tồn tại nhãn v.v... các thức lấy sắc v.v... làm duyên nên mới có, cho nên không biểu hiện vì chỉ là không làm tính. Bản ý tự chấp nhận là không. Đây nơi sở duyên đem làm hiện lượng, vì là tính sở thủ lún sâu trong đường tà. Vì thế chính ý ngăn tính sở duyên, nhân đó mới ngăn tính sở y đây mà chấp nhận căn đồng thời, sắc công năng. Nói ngoại cảnh, là kia chấp tách rời đây mà có cảnh riêng biệt. Đây hiển thị sự điên đảo đó, cho thấy kia chấp có việc khác có thể thủ cho nên nói cảnh.

Phải nói thế nào, hoặc duyên tổng tụ hay do chẳng phải tổng tụ là sự thật đúng lý?

Thật như đến chất vấn đạo lý kia trước sau tự mâu thuẫn, tôi nào có lỗi? Duyên sự thật kia và duyên tổng tụ là đã chấp nhận, nên lại muốn nói lỗi khác, vì vậy mà bỏ qua lỗi này. Hoặc chấp nhận cực vi. Tuy cực vi chỉ cùng tụ tập mà thấy sinh diệt, nhưng thật thể nhất nhất đều duyên không duyên tổng tụ. Giống như sắc v.v... dẫn cho tự các căn đều hiện tiền, cảnh không lộn xộn công năng các căn kia đều quyết định, mà trong sự thật cắt đứt hữu năng, mỗi mỗi cực vi thành cảnh sở duyên. Vì nhân tính kia, vì nhân tính của nhãn thức kia v.v... là phần nghĩa của sinh khởi thân chi. Nhưng có thuyết nói rằng cảnh sở duyên kia là sinh nhân của thức nơi các duyên. Cho nên lại là tổng tụ nơi đó. Các nhà luận giả kia chấp cho rằng các cực vi tụ hợp, do tướng sở duyên đó mà sinh thức. Do nơi tổng tụ mà sinh trí đó,

cho nên biết chắc nó là sở duyên. Như có thuyết nói rằng nếu thức có tướng đó thì đó là cảnh của đây. Hai luận giả này đều nói tướng đó hợp với lý này. Nếu không nói nhân, nhân này không có dụ. Giống như nhân v.v..., tổng tướng cực vi của tính thành nhân v.v.. là tính sở duyên thành lập ra. Lại nữa nếu tự chấp nhận không ở nơi ngoại duyên của thức thì sự thật đó phải có lỗi hữu pháp tự mâu thuẫn.

Nhưng ngài Pháp Xứng thì không chấp nhận, còn đối với các vị khác thì đều chấp nhận tức dùng làm dụ. Nếu chỉ như chỗ nói, thì nên thuộc vào chỗ lập nghĩa. Tiền lượng ý nói 2 nhân của luận bản chỉ nói về nhân. Vì vậy mà không phải là nhân để không cùng thành dụ, vì đây phải phát xuất nhân tương ưng kia. Vì sao như thế?

Tiếp lại hiển thị cái lý của chỗ lập luận của mình là không sai lầm. Nói những người khác cùng chấp nhận là ở thanh thứ 5. Giả sử chấp nhận là nhân, cũng như cùng chấp nhận các sự phi hữu, vì tính phi hữu chẳng phải nhân cực vi, mà dấu chấp nhận cái thể của các cực vi là nhân tính ấy. Chỉ nói không không hợp là tính sở duyên, do chẳng phải tướng kia vì là tướng cực vi. Đây nói căn thức cực trần chẳng phải cảnh. Như căn, là nói cũng như nơi căn dấu thật là thức, nhân của thân y vì không có tướng của căn nên chẳng phải cảnh của nó, cực vi cũng vậy.

Những gì không có tướng đó, chúng chẳng phải cảnh đây thì gọi là gì?

Vì đây nói cảnh là đều nói tự tính, là hiểu tự tướng cộng tướng như thế nào? Đây gọi là hiểu sao? Như tướng kia sinh nên đây nói ý, là đồng tướng mạo kia mà thức sinh khởi vì theo thể kia. Đây tức là nói hiểu cảnh kia, mà thật ra lia thức thì không có hiểu gì khác. Có thể cùng với thức kia làm tính của nhân ư? Nhưng chỉ có tướng trạng của tiền cảnh ở trong tự mình, cũng như an lập ảnh tượng trong gương, cùng chấp nhận gọi đây là hiểu cảnh. Nhưng chẳng phải cực vi mỗi

một thức tự thể tùy theo tướng trạng kia, bởi cực vi này mà làm thể của cảnh. Dầu có tính của nhân do không phải nghĩa của nhân. Sở duyên như căn, tuy là tính của nhân mà không làm sở duyên. Nếu do tính của nhân chấp nhận làm sở duyên thì căn cũng giống như đây, và phải thành kia. Đây nói thuyết trước tướng kia hợp lý, cho nên nhân không thành lỗi. Nhưng ý rõ chẳng phải chỉ là tính của nhân, tức là tướng sở duyên của căn kia. Nếu nói nhân là năng lập, thì tính của nhân kia cố nhiên là tính sở duyên sao? Đối với căn cũng thành lỗi bất định.

Nếu như vậy, do không phải tướng kia thì nghĩa thể nào?

Để nói rõ sự thành lập tông của mình, vì không phải chỉ nói lỗi của tông khác nên nghĩa đã thành. Câu nói này là làm rõ chẳng phải có thể sinh tướng tự thức, cho nên cảnh chẳng phải cực vi, giống như nhãn v.v... Nếu nói kia là tính của nhân tức là đem chỗ luận chủ trước lập tông khác nói tông khác cùng chấp nhận. Ý khi ấy là ngăn chặn tông khác mà hiển thị tông mình thành nghĩa năng phá nên nói như vậy.

Tông chấp nhận định kia bất định tha tông sợ không chấp nhận, hướng giả với tha xuất bất định thành, tức là năng phá sao mượn tông mình lại do tỷ lượng?

Phàm nói bất định là chưa chắc quyết định, bất thành sợ đến nổi nghi hoặc. Cho nên lại phải lập lượng. Hoặc có thể do đây chẳng phải tướng kia, là nơi các cực vi chẳng phải tính định liễu. Như tướng thức sinh đó là quyết liễu. Kia đã chẳng phải nên biết rõ quyết liễu đây cũng không lý do nên có thể nói chẳng phải tính quyết liễu. Chỉ xuất từ nhân này không phải là sở duyên, như căn cực vi, ngoài ra lại làm các thức sai biệt hiển thị sự thành lập đó. Nhãn thức không thể liễu biệt sắc cực vi vì không có tướng kia, như các căn thức khác, như vậy các thức khác, ngược lại đây nên nói như nói căn thật là trái (có

lẽ chữ quai nghĩa là trái, trong văn viết chữ thừa thì không rõ nghĩa – *người dịch chú*). Thí dụ kia phải chuẩn theo nghĩa mà đề xuất.

Lại nữa đầu nói là tính của nhân cũng vô dụng. Kia tuy là cái dụng của nhân, chẳng phải tính sở duyên, đây cũng như vậy thật là hữu dụng. Nhưng chẳng phải âm thanh v.v...có cực vi. Có thể là nhân sinh thức của các căn khác. Có thuyết nói nơi tự thể của thức không có tự hiện. Đó là tính tướng của kia vì đây là phi hữu nên lý thì nói kia không có tự hiện. Như vậy hãy nói Bát-la-ma-nộ không phải là sở duyên, vì năng lập của kia không tương ưng cũng chẳng phải cảnh tính lượng khéo thành. Nếu vậy tổng tự là cảnh. Nhưng do nói các hữu có thể lập, nếu Vọng-mô-a tông đều có tính bất thành. Lý thật như thế nhưng mà tổng tự thật có tướng kia, có thể là tính không nhân của sở duyên. Cho nên thức tướng kia không thể sinh thức tướng của tổng tự đó.

Tổng tự không sinh, kia đã không sinh thì thức này như thế nào?

Khiến đây duyên tướng sở duyên của kia, vì không tương ưng nên chẳng phải nghĩa sở duyên. Do đây trước nói lý tương ưng kia, đây là bất thành.

Nếu vậy sao gọi là tướng của sở duyên?

Phàm là cảnh thì lý phải sinh tự tướng thức tương tự. Thức theo cảnh, kia là năng sinh, kia là sở duyên. Có thuyết nói phàm là cảnh thì lý ắt phải là tâm và nhân của tâm sinh khởi. Đây đã sinh rồi, tùy cảnh lãnh thụ mà nói. Lúc ấy gọi đây là cảnh sở duyên. Nếu nghĩa đủ 2 thứ tướng đây thì đây gọi là sở duyên mới hợp, là cảnh sở duyên của tính năng sinh. Dẫn A-cấp-ma, đây tức là nói tính của sinh duyên. Do đó sinh nhân thức kia sinh duyên, cùng chấp nhận là cảnh sở duyên của kia. Tự thể tướng hiện trong đây vô ích cho nên không nói. Năng phi tổng tự là năng sinh chẳng phải thật sự vì bởi tổng tự kia chẳng phải thật sự. Đây nơi có tự không thể nói 2 tính là một là

khác. Lại nữa không có sự không thật có thể sinh khởi công năng của quả dụng. Giống như 2 mặt trăng, như mặt trăng thứ 2 không thể sinh tướng mặt trăng thứ 2 của thức.

Nếu vậy nhân đâu có tướng này hiện?

Là do căn tổn hại. Nếu khi nhãn căn do bị bệnh màng che tổn hại cái đức sáng thì từ chỗ căn tổn hại thấy sinh 2 mặt trăng, chẳng phải cảnh thật. Do đó dẫu có tướng 2 mặt trăng nhưng chẳng phải cảnh đây. Như mặt trăng thứ 2 dẫu khiến thức này có tướng trạng kia, do không sinh nên không gọi là cảnh đây. Đó là do chẳng phải thật sự có tính v.v... Tổng tụ không phải sinh nhân của thức, vì nó chẳng phải thật tính nên như mặt trăng thứ 2. Do đây mới lập phi nhân tính cho nên không phải sở duyên, trở lại như 2 mặt trăng. Lại nữa đem cái thí dụ mặt trăng thứ 2 này nơi nhân tướng kia phải biết lỗi bất định kia. Lại do thức nghĩa lý thành tựu nên lỗi là mâu thuẫn.

Lại nữa duyên nhãn thức không duyên màu xanh v.v...tụ tập cực vi là do thể kia chẳng phải sinh tính cho nên như các căn thức khác dụ này cùng chấp nhận cho nên không nói riêng. Dụ mặt trăng thứ 2 chẳng phải thật sự cho nên phải biết đây là ở trong phi nhân tính mà thành lập. Như có nói dẫu có tính tướng nhưng chẳng phải cảnh kia, đây nói lại là chẳng phải nghĩa của nhân kia.

Nếu nói không có mặt trăng thứ 2 thì làm sao hiện thấy có 2 tướng sinh?

Nghĩa là từ sai biệt của công năng bên trong, tuần tự thức tương tự chuyển sinh. Giống như khi chiêm bao thấy có cảnh khởi, do đó khiến hiểu như vọng, nơi mặt trăng ấy lại thấy những cái khác. Có các thuyết khác nói rằng khi nơi nhãn thức hiện cả 2, thì 2 cái này khó ấn định cái nào trước cái nào sau cho nên hậu ý thức của 2 thức tướng mạo này đem cho làm đồng thời, rồi ta thấy mặt trăng thứ 2 của mặt trăng. Hoặc lại nói nơi cùng chấp nhận có nhiều thác loạn do căn tổn.

Nếu không chấp nhận là ngoại cảnh mà các thấy như đây chỉ là vọng chấp do chẳng phải nhãn thức duyên không gián đoạn dẫn sinh ý thức, có thể trong một lúc duyên cả 2 tướng mà có kiến giải 2 mặt trắng như đây ư? Lại như nơi âm thanh v.v... duyên thức của kia không biết thứ tự của nó phải có cái thấy biết là 2 âm thanh đồng thời khởi ư?

Người có con mắt tốt tuần tự của ý thức phần nhiều còn khó hiểu, huống chi y nơi thức của sắc căn đo lường sự sai biệt liền thành phần nhiều có 2 tướng thấy một Chiên-đạt-la. Nếu khi lia thức chấp nhận thật có, thì đây căn chi vọng tăng thêm 2 mặt trắng mà nói có nhiều thác loạn tách rời ngoài thức chấp có 2 thứ cực vi tổng tụ. Đây là vì thiếu một phần của nghĩa đó. Lại như nói vì cái sức đạo lỵa của năng lập năng bài xích nên lấy đó làm cảnh thành không tương ưng vì thiếu một phần. Tướng tự thể hiện và tính năng sinh, đủ 2 phần này mới là sở duyên. Ở nơi cực vi thì khuyết chi ban đầu, nơi đệ nhị biên thì mất thứ 2.

Nếu như vậy như trước đã luận 2 thứ sai lầm gồm thâu cả 2. Đề khiến không sai, có thuyết nói về tập tướng, là ở nơi các cực vi đều có tập tướng. Tức là đây tập hợp các trần mà có tướng hiện, tùy có nhiều hay ít cực vi đây đều là thật hữu nơi cực vi, có tổng tụ tướng sinh tự thức tướng, vì tính thật hữu nên là sở duyên. Đây là 2 chi đều là hữu, nên đây tức ở trước đã có thành lập, câu tiên không do đâu, là tụ tập tướng tức là cực vi hay không phải vậy?

Do nghĩa các cảnh có nhiều tướng, tức các cực vi đây chấp nhận có tướng trạng của cực vi, cũng có tập tướng, làm sao khiến 2 tướng cùng ở trong một việc được? Thế là đúng lý sao? Có nhiều tướng. Phạm vật do hữu sắc tập hợp đều lấy địa v.v... 4 đại làm tính. Tự tính của chúng đều có công năng. Các tướng xanh vàng v.v... tùy việc tùy căn mà được liễu biệt. Tức đây ở nơi có nhiều tướng, tướng cực vi có tổng tập tướng. Tức đem tướng này làm nhãn thức v.v... sở hành cảnh nên là tính hiện lượng.

Nếu như vậy thì ở nơi các cực vi, thức có tụ tướng, sao không nói trần có tụ tướng, sao không nói thức có tụ tướng ư?

Sở dĩ lại nói ở nơi cực vi có tổng tụ tướng là lấy câu nói này làm phương tiện, cũng hiển thị thức có tổng tướng của cực vi.

Nếu vậy mỗi một cực vi có tướng này thì vì sao lại nói tổng tập tướng?

Sắc tụ có nhiều, cực vi phân biệt đó là chỗ chấp nhận của luận này. Vì đây tức là tính tổng tụ của nó, cho nên không thật hữu như trước đã trình bày không cần phải nói lại. Có ý thú khác đều khiến là thật sự mỗi thể riêng biệt khác nhau nhưng tướng trạng này chỉ ở nơi tụ tập lại phải nương nhờ nhau nên có thể hiểu rõ, nói tướng quán tập không có gì khác. Lại nữa dẫu khiến cực vi của các hữu hợp tụ làm tính, nhưng mà một việc có chỗ hơn kém tùy việc mà quán sát. Vả lại như sắc xanh là địa giới, nói như vậy thật là đúng lý. Dầu chấp nhận như vậy như vật màu rất đỏ khi mới sinh khởi phần nhiều việc đều mạnh nên không dung nạp. Dựa vào có chỗ dung nạp mà trừ tính như thế.

Nếu vậy làm sao nói các cực vi chẳng phải căn thấy. Lại nữa làm sao chỉ có như biết năng kiến cực vi là do tướng trần chẳng phải là nghĩa của thức chẳng phải dựa vào cảnh giới của căn thức. Cho nên nói chẳng phải căn chẳng phải nghĩa của căn. Độc nhất là như biết chỗ quán sát. Lại như lý gì hiện thấy cực vi mà hình tướng của trần không thấy?

Như tính cứng v.v...như cứng, nhuận v.v...đối với màu xanh kia v.v... cho dẫu có việc đó chẳng phải là cảnh giới của nhãn thức v.v... vì công năng của căn đều quyết định, trần cũng như vậy không mâu thuẫn, cùng chấp nhận lẽ nào chẳng phải hiển thị cực vi?

Không có tính cứng vì do biệt thể. Đây đối với tông pháp chấp nhận cộng 10 xứ chỉ là đại chủng đây nói không quá. Nhưng đây đã

trình bày rồi. Cái biết của ông về cái bình cái chậu là nếu ông chứng như vậy thì với cái bình và cái chậu thành ra cái biết của căn. Tương tự như vậy mà quán đối với tự cảnh kia thức không sai, cho nên lại do căn mà biết. Vì tùy cảnh hiện hữu mà tướng sinh.

Cảnh của thức không khác làm sao biết được?

Do chẳng phải ở nơi cái bình cái chậu các cực vi có khác biệt, mà đây nói các cực vi lấy tổng tụ tướng làm cảnh, chắc chắn chẳng phải khi liễu biệt tự thể đối với cái bình kia v.v... nơi cái thể của nhiều thứ tụ có một phần thật sự của kia ngoài tướng mạo không có một cái thể tích tụ riêng biệt có thể có được. Cho nên duyên căn thức kia trở thành tướng trạng không có sai khác. Do phương này thành nơi tự thể của trần. Đó là tính sở duyên. Lại nữa chẳng phải nơi không có tướng riêng biệt kia xét lại về hiệu tính khác của duyên, như duyên màu xanh v.v... nếu tướng khác, nói khác, tướng nghĩa là sự phân bố hình trạng có khác ở nơi cái bình cái chậu thì cổ bụng đáy v.v... có hình trạng khác, do cảnh có khác nên cái hiệu mới khác, thật là hợp lý. Không có việc như vậy, chẳng phải nơi căn thức quán cảnh mà cực vi có khác, nhưng tổng tụ đây là Tam-ma-bát-đề, mà tổng tụ này chẳng phải cảnh của căn thức. Đây đã phá tất cả, lại phi phi cảnh có khác mà khiến thức tướng có khác có thể là hợp lý.

Lại biết như thế nào?

Trạng thái riêng biệt của nơi các cực vi, chẳng phải có hình tướng của cực vi vì không có dị biệt. Phạm các sự vật có chi phần ắt phải có trạng thái riêng biệt chuyển theo phương xứ. Nhưng thể của các cực vi không có phương phần. Đến chỗ chỗ cùng cực thì chưa bao giờ có hình thù riêng biệt. Ở nơi cái bình cái chậu đâu khiến có sự riêng biệt nhưng tính của cực vi không bao giờ có khác. Đây là một thể không tăng giảm nên biết chắc nơi tổng tụ chẳng phải có vậth thật. Phạm có sự phân bố hình trạng phương xứ đều không phải cảnh sở hành của căn thức. Từ trước đến đây như thế, nhiều người

cật vẫn là ý muốn hiển thị nó có tướng riêng biệt. Cái biết về cái bình cái chậu v.v... là chẳng phải lấy việc khác làm cảnh sở duyên. Giống như tính Tô-khur-độc-khur vậy. Nhưng mà cực vi là không có cảnh riêng biệt, tức rõ ràng là nó chẳng phải tính của cảnh kia. Nếu tướng khác mới nói khác thì lời nói đây là ý hiển. Trước đây nói chẳng phải lấy việc không riêng biệt mà làm cảnh thì lập luận đó đã thành. Ý kia nói cực vi là cảnh, kỳ thật không khác, nhưng vì hình tướng khác nên khác. Cực vi không khác tôi cũng cùng chấp nhận, lập luận đã thành. Bởi lượng của các cực vi không khác nên đây hiển thị việc khác đó là cảnh khác. Câu trả lời chẳng phải đã thành. Hoặc có thể đây nói thức của các căn. Nơi cái bình cái chậu v.v... không có tính tướng trạng của cực vi cho nên chẳng phải là sở duyên. Giống như các thức khác. Nói các thức khác là ý hoặc các căn thức khác. Chỉ khi duyên màu xanh thì không có tướng màu vàng cho nên ở nơi các cực vi tuy thể nhiều không sai biệt mà vì tướng sai biệt của các căn thức nên đây mới cùng thành, chẳng phải tính tướng trạng của trần, tụng nói sai biệt nơi cực vi hỏi đáp giống như trước. Nếu nơi tổng tụ chấp nhận có phú tướng rồi, cái lý hình thức chẳng phải thật cảnh mới có thể thành. Nếu đây là thắng lý thì nên thành lập. Nếu nói lia cực vi như vậy lia tất cả thì cái biết kia trở thành không. Giống như quân lính v.v... Đây nói cái bình v.v... là chẳng phải thật nghĩa do chẳng phải việc thật. Đây hiển thị các tông khác chẳng phải không thật đều chẳng phải bỏ việc mâu thuẫn kia. Như đối với âm thanh v.v..., cái biết màu xanh chẳng phải hữu, đây là hình tướng khác biệt là có phú tướng. Bởi cái bình kia v.v... là tính của cảnh. Tuy dẫn đạo lý nhiều dị kiến mà cảnh không thể hiển thị được cái thể thật sự của cực vi có sai biệt đó. Căn cứ cái thể của nội cảnh, nghĩa là việc lập sở duyên của tông mình, nếu đã bác bỏ hết không có cảnh sở duyên thì thành sai với thể tục, tự chấp nhận lỗi của tông, vì trong kinh có nói tính của 4 thứ duyên. Trong đó nội thanh là hiển thị không lia nơi thức mà có sở duyên. Nói thể của cảnh, là sở thủ phần, là nghĩa thức biến thành tướng của

cảnh, nhưng riêng biệt tồn tại ngoài thức. Dem dùng làm cảnh là lỗi trái với thể tục như trước hãy còn, do các thể tục đều cùng chấp nhận cảnh tồn tại bên ngoài, phải nói như ngoài. Đây không lia thức mà sở thủ phần của nó mà hiện như bên ngoài nói ta thấy cảnh, sinh tướng ngã mạn, thật đây là nhân. Như nhãn thức hiện ngoại cảnh như tóc v.v... tuy không gọi là thật nhưng không có cảnh ở ngoài thì chẳng có tính liễu biệt. Lấy lý tìm kiếm cứ xét không thể rõ biết là tự thể của nó nhất định ở ngoài. Dẫn cho chấp nhận kia thật có tướng bên ngoài, nhưng chẳng phải thức duyên vì chẳng phải tính của tướng kia, chẳng phải tướng cực vi hiện. Như khi tựa như ngoại tướng hiển hiện, đó tức là duyên sở duyên vậy vì tướng kia tương ưng. Bởi nếu lý tương ưng với tướng thì đây tức như nhân tính v.v... do tương ưng với lý tự tướng. Lại nữa hiển thị thể tướng sai biệt của sở duyên như nói thức có tướng kia v.v... thì rõ ràng không cần nhờ ngoại sự làm cảnh. Như tình chấp thì cảnh tùy theo đó mà sinh. Lại tình chấp nếu tách rời thức thì chẳng có gì tồn tại bên ngoài. Cho nên cảnh tướng này vốn không tách rời thức. Do đó gọi là nội cảnh tướng, nghĩa là cảnh tướng bên trong.

Trong đây gọi nội thanh, nghĩa là âm thanh bên trong, nói không tách rời thức thì vốn không có bên ngoài lấy gì làm bên trong? Và từ đây sinh có phương này sinh, hoặc có thể từ đây do nghĩa thứ 7 và 5 có sai biệt.

Do chẳng phải tách rời cảnh có được thức kia, cho nên có phương này mới sinh thức. Không nói thứ 5 vì 2 pháp hợp. Nói sở duyên vì hợp đạo lý hiển thị năng lập. Đây tức chỉ lấy cảnh của cộng tướng làm năng lập. Nếu sai biệt thì Tì-nhã-nam không duyên ngoại sự. Ở trong chiêm bao lấy làm hiển thị, như nói 2 thứ là một năng lập thức có tướng kia, lại là thức sinh, duyên 2 cái dụng này mới thành một lượng. Hơn nữa dẫn lại chấp nhận có nội tướng kia, chỉ xem ngoại cảnh trông có tướng nên nói vô địa tướng như tình

chấp cảnh sinh lãnh thụ tướng trạng của cảnh sắp xếp ở bên trong cho là đúng lý.

Thế nào là một phần của kia được làm cái duyên đồng sinh?

Vì không có cái thức sở thủ phân ly nên một phần của đây lại trở lại sinh thức, lại thành cái lỗi mâu thuẫn với tự thể. Lại nữa trở lại là tính của một phần kia, cho nên như năng thủ phần đây mới thành, chẳng phải tính năng sinh, chỉ do tướng bên ngoài nhiễm thức mà sinh. Đây tức tướng phần với thức đồng khởi, không phải 2 đồng thời có tính nhân quả như bò có 2 sừng. Lại chẳng phải việc không khác nơi kia đồng trong một lúc âm thanh đồng bạn mà hợp lại nói, cũng chẳng phải ở nơi thức riêng nói có cảnh.

Đây là thế nào gọi là tính đồng bạn?

Lý thật như vậy nhưng do sức sai biệt của tướng trạng nên nghi ngờ đoán là khác mà nói ra. Do có sự khác nhau của kiến phần tướng phần mà đem thức này làm có sự sai biệt. Nếu như vậy thì tính duyên cũng phải chỉ là sở chấp, chẳng phải sự phân biệt. Có thể của tự tính đây mới thành. Chẳng phải tính duyên chân thật. Nhân đây mâu thuẫn do nghĩa của duyên kia. Đối với các cảnh chấp sai biệt cũng cùng chấp nhận, như thức đẳng vô gián diệt đồng phần. Khi để cắt đứt, thức này cũng lấy 4 thws đa duyên mà làm duyên./.

HẾT

SỐ 1626
LUẬN ĐẠI THỪA PHÁP GIỚI VÔ SAI BIỆT

*Bồ-tát Kiên Huệ tạo luận
Tam tạng Đề-vân Bát-nhã v.v... dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Kính lễ tâm Bồ-đề,
Hay làm phương tiện tốt
Lìa được sinh già chết
Bệnh khổ do lỗi lầm.*

Tâm Bồ-đề lược nói có 12 nghĩa. Đó là bản thể của luận này. Những người có trí tuệ thông minh nên hiểu tuần tự như sau là: quả, nhân, tự tính, tên khác, không sai biệt, phần vị, không nhiễm, thường hằng, tương ưng, không làm nghĩa lợi, làm nghĩa lợi, một tính.

Trong đây trước tiên hiển thị quả của tâm Bồ-đề khiến thấy thắng lợi. Tiếp nói cái nhân khởi tâm Bồ-đề, rồi sau an lập cái tướng tâm này sinh ra và nói rõ tên khác mà không sai biệt. Trong tất cả phần vị không nhiễm trước, thường cùng tương ưng với pháp thanh tịnh, không có công đức trong các bất tịnh vị, trong các thanh tịnh vị có thể làm lợi ích, phải biết đó là một tính của Niết-bàn.

Nay trong luận này tuần tự triển khai nói rõ 12 nghĩa như vậy.

Thế nào là quả của tâm Bồ-đề? Đó là cảnh giới Niết-bàn vô cùng vắng lặng. Cảnh giới này duy chỉ chư Phật chứng đắc, ngoài ra

không ai khác có thể đạt được. Sở dĩ vì sao? Vì chỉ Phật Như Lai có thể vĩnh viễn hết tất cả phiền não nhiệt vi tế. Trong đó không sinh, vì vĩnh viễn không sinh lại ý sinh của các uẩn. Không già, vì công đức này tăng thượng thù thắng, viên mãn cứu cánh không biến đổi suy đồi. Không chết, vì vĩnh viễn lìa bỏ cái chết biến dịch không thể nghĩ bàn. Không bệnh, vì đã vĩnh viễn đoạn trừ bệnh phiền não sở tri chướng và tập khí. Không khổ vì vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập khí của vô minh trụ địa từ thời vô thủy đến nay. Không lỗi lầm vì không hành sai phạm của tất cả thân ngữ ý. Đây là do tâm Bồ-đề là phương tiện cao tột không thoái mất nhân, tất cả công đức đến cứu cánh mà được quả ấy. Quả ấy tức cảnh giới Niết-bàn.

Cảnh giới Niết-bàn là gì? Là tướng chuyên y pháp thân không thể nghĩ bàn của chư Phật. Bởi tâm Bồ-đề là nhân quả không thể nghĩ bàn như trăng sáng mới lên nên nay đánh lễ.

Tiếp đến tụng nói:

*Thiện pháp ích cho đời,
Thánh pháp và chư Phật,
Là chỗ báu nương tựa,
Như đất, biển, chúng tử.*

Lại nữa tâm Bồ-đề như đất là chỗ nương tựa cho các giống lành thế gian sinh trưởng, như biển là nơi quy tụ tất cả trân báu của thánh pháp, như chúng tử là nhân tương tục nảy sinh ra tất cả cây Phật. Như vậy đã nói xong về quả của tâm Bồ-đề.

Thế nào là nhân này?

Tụng nói:

*Tin là chúng tử đó,
Bát-nhã là mẹ sinh,
Tam-muội là thai tạng,
Đại bi là vú nuôi.*

Lại nữa nhân này tích tập thế nào? Phải biết như con của Chuyển luân vương. Trong đó thâm tín pháp là chủng tử của tâm Bồ-đề. Trí tuệ thông suốt là mẹ. Tam-muội là thai tạng, do định lạc trụ tất cả thiện pháp mà được an lập. Đại bi là vú nuôi, vì thương chúng sinh mà không chán mệt trong sinh tử, được viên mãn nhất thiết chủng trí.

Thế nào là tự tính?

Tụng nói:

*Tự tính không nhiễm trước,
Như lửa báu, không nước.
Và bạch pháp thành tự,
Giống như đại sơn vương.*

Lại nữa phải biết nhân của tâm Bồ-đề này tích tập rồi có 2 thứ tướng, là tướng lìa nhiễm thanh tịnh và tướng thành tựu bạch pháp. Tướng lìa nhiễm thanh tịnh, nghĩa là ngay nơi tự tính của tâm là không nhiễm ô. Lại nữa ra khỏi khách trần phiền não chướng thì được thanh tịnh. Ví như lửa đối với ngọc báu Ma-ni, như nước đối với hư không v.v... khi bị đất bụi và mây bám che, tuy tự tính không nhiễm trước nhưng do xa lìa tro bụi v.v... khiến lửa được thanh tịnh. Như vậy tất cả chúng sinh tự tính không có tâm sai biệt, tuy tham v.v... các phiền não không thể nhiễm nhưng do xa lìa tham v.v... mà tâm được thanh tịnh. Bạch pháp thành tướng, nghĩa là tâm tự tính thanh tịnh như vậy là sở y của tất cả bạch pháp. Tức vì tất cả pháp bạch tịnh mà thành tính. Như nói núi Tu-di là sở y của các báu, tức là vì các báu hợp thành.

Thế nào là tên khác?

Tụng nói:

*Đến khi thành Phật vị,
Không gọi tâm Bồ-đề,*

*Gọi là A-la-hán,
 Tịnh ngã lạc thường độ.
 Tính tâm này sáng sạch,
 Đồng thể với pháp giới.
 Như Lai y tâm này,
 Nói pháp không nghĩ bàn.*

Lại nữa tâm Bồ-đề vĩnh viễn lia tất cả tội ác khách trần, không lia tất cả công đức thành tựu, được 4 thứ Ba-la-mật cao tột, gọi là pháp thân Như Lai. Như nói pháp thân của Thế Tôn Như Lai là thường Ba-la-mật, lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật, tịnh Ba-la-mật. Pháp thân Như Lai tức là cái tên khác sai biệt với cái tâm tự tính thanh tịnh bị khách trần phiền não nhiễm. Lại như nói: Xá-lợi-phất ! Pháp tính thanh tịnh này tức là pháp giới. Ta y vào tâm tự tính thanh tịnh này nói pháp không thể nghĩ bàn.

Thế nào là không sai biệt?

Tụng nói:

*Trong pháp thân chúng sinh,
 Vốn không tướng sai biệt,
 Không làm, không đầu cuối,
 Cũng không có nhiễm ô.
 Tính không, trí sở tri,
 Vô tướng, thánh sở hành.
 Tất cả pháp y chỉ,
 Đoạn, thường, đều lia hết.*

Lại nữa cái tâm Bồ-đề này ở trong thân tất cả chúng sinh, có 10 thứ tướng không sai biệt. Đó là không làm vì vô vi. Không đầu vì không khởi. Không cuối vì không diệt. Không nhiễm trược vì tự tính thanh tịnh. Tính không trí sở tri vì tất cả pháp vô ngã, là tướng một mùi vị. Không có hình tướng vì không có các căn. Thánh sở

hành vì là cảnh giới của Phật đại thánh. Tất cả pháp sở y vì các pháp nhiệm tịnh y chỉ. Chẳng phải thường vì là tạp nhiễm chẳng phải tính của pháp thường. Chẳng phải đoạn vì thanh tịnh chẳng phải tính của pháp đoạn.

Thế nào là phần vị?

Tụng nói:

*Cõi chúng sinh bất tịnh,
Trong nhiễm, Bỏ-tát tịnh.
Bậc thanh tịnh cao tột,
Gọi đó là Như Lai.*

Lại nữa tâm BỒ-đề này không có tướng sai biệt, nên trong bất tịnh vị gọi là cõi chúng sinh, trong nhiễm tịnh vị gọi là BỒ-tát, trong tối thanh tịnh vị gọi là Như Lai. Như nói: Xá-lợi-phất ! Tức pháp thân này trong bản tế bị vô biên phiền não tạng trói buộc, từ vô thủy đến nay lưu chuyển sinh diệt trong các nẻo sinh tử, gọi là cõi chúng sinh. Lại nữa Xá-lợi-phất ! Tức pháp thân này chán lia cái khổ trôi nổi trong sinh tử, xả bỏ tất cả cảnh giới của các dục, trong 10 Ba-la-mật và 8 vạn 4 ngàn pháp môn vì cầu BỒ-đề mà tu các hạnh, gọi là BỒ-tát. Lại nữa Xá-lợi-phất ! Tức pháp thân này giải thoát tất cả phiền não tạng, xa lia tất cả khổ, vĩnh viễn dứt trừ cấu bản phiền não tùy phiền não, thanh tịnh, cực kỳ thanh tịnh, thanh tịnh cùng cực trụ nơi pháp tính, đến chỗ tất cả chúng sinh quán sát, tận cùng tất cả chỗ sở tri, đến bậc trượng phu không 2, được sức tự tại không chướng ngại, không đấm trước tất cả pháp, gọi là Như Lai ứng chính đẳng giác. Cho nên Xá-lợi-phất ! Chúng sinh giới không khác pháp thân, pháp thân không khác chúng sinh giới, chúng sinh giới tức pháp thân, pháp thân tức chúng sinh giới. Đây chỉ có tên khác chẳng phải nghĩa có khác.

Thế nào là không nhiễm?

Tụng nói:

*Như mặt trời sáng sạch,
Không có chút mây che.
Nếu trừ mây phiền não,
Pháp thân sáng hiển lộ.*

Đây là thế nào? Ở trong bất tịnh vị hiện có vô lượng các phiền não mà không bị nhiễm. Ví như vàng mặt trời bị mây che mà tính thường thanh tịnh. Tâm này cũng vậy, vì các tạp phiền não kia chỉ là khách.

Thế nào là thường hằng?

Tụng nói:

*Ví như lửa kiếp tận,
Không thể đốt hư không.
Như vậy già bệnh chết
Không thể đốt pháp giới.
Như tất cả thế gian
Y hư không khởi hết.
Các căn cũng như vậy,
Y vô vi sinh diệt.*

Lại nữa sao trong hiện hữu sinh già chết mà nói là thường? Ví như hư không, dầu lửa của kiếp tai nổi lên cũng không thể làm hại. Pháp giới cũng vậy. Cho nên kinh nói: Thế Tôn ! Sinh tử chỉ là tùy theo tục mà nói có. Thế Tôn ! Tử, chỉ là các căn ẩn mất. Sinh, là các căn mới khởi, chẳng phải Như Lai tạng có sinh lão tử hoặc chìm mất hoặc khởi lên. Thế Tôn ! Như Lai tạng quá tướng hữu vi, vì vắng lặng thường trụ không biến đổi không tuyệt dứt.

Thế nào là tương ưng?

Tụng nói:

*Như ánh sáng và sắc nóng,
 Với đèn không tương khác.
 Như vậy các pháp Phật
 Với pháp tính cũng thế.
 Tính phiền não tương ly
 Không khách phiền não kia.
 Tịnh pháp thường tương ưng,
 Chẳng không pháp vô cầu.*

Lại nữa sao chưa thành chính giác mà nói ở đây pháp Phật tương ưng? Ví như ánh sáng sắc nóng v.v... với đèn không có tương khác. Các pháp Phật nơi pháp thân cũng vậy. Như nói: Xá-lợi-phất ! Pháp thân chư Phật có pháp công đức. Ví như đèn có ánh sáng sắc nóng không lìa không thoát. Ngọc báu Ma-ni sắc sáng và hình trạng cũng như vậy. Xá-lợi-phất ! Như Lai nói pháp thân chư Phật trí và pháp công đức không lìa không thoát, là vì pháp của Như Lai quá hơn cát sông Hằng. Lại nữa như nói có 2 thứ Như Lai tạng không trí. Những gì là 2? Là không Như Lai tạng, là trí hoặc lìa hoặc thoát tất cả phiền não. Bất không Như Lai tạng, là trí không lìa không thoát các pháp Phật không thể nghĩ bàn quá hơn số cát sông Hằng.

Thế nào là không làm nghĩa lợi?

Tụng nói:

*Phiền não tạng trói che
 Không thể ích chúng sinh.
 Như hoa sen chưa nở,
 Như vàng trong đồng phân.
 Như mặt trăng tròn đầy,
 A-tu-la che khuất.*

Lại nữa pháp thân chúng sinh đã cùng tương ưng với các công đức như vậy, sao không có cái đức dụng của Như Lai? Phải biết đây

như hoa sen chưa nở, bị các lá ác kiến bao bọc bên trong, như vàng rơi trong đồng phân, ở trong phân giác quán ô uế, như trăng tròn bị nguyệt thực vì ngã mạn La-hầu chấp thủ, như nước ao bị đục vì bụi trần tham dục hỗn tạp, như núi vàng bị mờ vì bùn nhơ sân nhuế phong bám, như hư không bị che vì mây ngu si dày đặc, như mặt trời chưa mọc vì còn trong vô minh tập khí, như thế giới chưa thành vì còn ở trong 6 chỗ chứa thủy đại, như mây không gió vì duyên mâu thuẫn hiện tiền. Tóm lại là tụng nói:

*Như sen như vàng chưa nở rõ,
Phật thể khách trần che cũng vậy.
Bấy giờ công đức không tự ích.
Ngược lại đây thì được lợi lớn.*

Thế nào là làm nghĩa lợi?

Tụng nói:

*Như ao không vẫn đục,
Như hoa sen nở tròn,
Cũng như trên vàng ròng
Tẩy trừ các phân nhơ,
Như hư không trong sạch
Trăng sáng muôn vì sao,
Khi lìa dục giải thoát
Công đức cũng như vậy.
Ví như nhật nguyệt hiện,
Ánh sáng khắp thế gian.
Như đất sinh ngũ cốc,
Như biển chứa các báu,
Như vậy ích chúng sinh,
Khiến thoát khỏi các hữu.
Hiểu rõ các tính hữu*

Mà khởi tâm đại bi.
 Hoặc hết hoặc không hết
 Đây đều không chấp trước.
 Tâm Phật như mây lớn
 Trụ nơi thật tế không.
 Pháp Tam-muội tổng trì,
 Tùy thời mưa đổ xuống.
 Tất cả các giống lành
 Nhân đây được sinh trưởng.

Nghĩa trong kệ này tương phản với trước. Phải biết là pháp thân thanh tịnh, vì xa lìa các hoạn khách trần, vì thành tựu tự tính công đức. Chứng được pháp này gọi là Như Lai ứng chính đẳng giác, ở trong cõi Niết-bàn thường trụ tịch tĩnh thanh lương không thể nghĩ bàn hằng được an lạc, làm chỗ quy ngưỡng cho tất cả chúng sinh.

Thế nào là một tính?

Tụng nói:

Ngay nơi pháp thân này,
 Cũng tức là Như Lai,
 Như vậy cũng tức là
 Thánh đế đệ nhất nghĩa.
 Niết-bàn không khác Phật,
 Giống như lạnh tức nước,
 Công đức không rời nhau,
 Nên không khác Niết-bàn.

Nếu pháp thân Như Lai khác Niết-bàn thì trong kinh đã không nói như vậy. Như có tụng nói:

Chúng sinh giới thanh tịnh,
 Phải biết tức pháp thân.

*Pháp thân tức Niết-bàn,
Niết-bàn tức Như Lai.*

Lại nữa như có kinh nói: Thế Tôn ! Túc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề này là Niết-bàn giới. Niết-bàn giới này là pháp thân Như Lai. Thế Tôn ! Không khác Như Lai. Như Lai không khác pháp thân. Nói Như Lai tức pháp thân.

Lại nữa phải biết đây không khác chân lý về sự diệt khổ. Cho nên kinh nói: Chẳng phải lấy sự hủy hoại cái khổ mà nói là chân lý về sự diệt khổ. Nói khổ diệt, là từ xưa đến nay không làm, không khởi, không sinh, không diệt, không hết lìa hết, thường hằng không biến đổi không tuyệt dứt, tự tính thanh tịnh xa lìa tất cả phiền não tạng, là đầy đủ trí Phật pháp không thể nghĩ bàn, quá hơn số cát sông Hằng không lìa không thoát, cho nên nói là pháp thân Như Lai. Thế Tôn ! Ngay nơi pháp thân Như Lai này chưa lìa phiền não tạng, gọi là Như Lai tạng. Thế Tôn ! Như Lai tạng trí là Như Lai không trí. Thế Tôn ! Như Lai tạng là cái mà tất cả Thanh Văn Độc Giác vốn không thấy vốn không chứng. Chỉ Phật Thế Tôn vĩnh viễn hoại diệt tất cả phiền não tạng, tu đủ tất cả đạo diệt khổ mới chứng đắc. Cho nên phải biết Phật với Niết-bàn không có sự sai biệt. Ví như cảm xúc lạnh không khác với nước. Lại nữa phải biết chỉ có đạo nhất thừa, nếu không như vậy khác đây là hữu dư Niết-bàn, cho nên đồng một pháp giới lẽ nào có Niết-bàn hạ liệt và Niết-bàn thắng diệu ư? Cũng không thể nói do các nhân hơn kém có hạ trung thượng mà được một quả, bởi hiện tại thấy nhân sai biệt thì quả cũng sai biệt. Cho nên kinh nói: Thế Tôn ! Thật không có pháp hơn kém sai biệt được chứng Niết-bàn. Thế Tôn ! Các pháp bình đẳng chứng Niết-bàn. Thế Tôn ! Trí bình đẳng, giải thoát bình đẳng, giải thoát tri kiến bình đẳng chứng đắc Niết-bàn. Cho nên Thế Tôn ! Niết-bàn giới là một vị đó là vị bình đẳng, vị giải thoát./.

HẾT

SỐ 1627

LUẬN ĐẠI THỪA PHÁP GIỚI VÔ PHÂN BIỆT (Cũng có một tên là LUẬN NHƯ LAI TẠNG)

*Bồ-tát Kiên Tuệ tạo luận
Tam tạng Đề-vân Bát-nhã dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Pháp giới không sinh cũng không diệt,
Không già bệnh chết không uẩn lỗi,
Do kia phát thặng tâm Bồ-đề,
Cho nên nay tôi cung kính lễ.
Hữu tình tâm Bồ-đề đầy đủ,
Năng sinh thánh giả và tự nhiên.
Tất cả thiện pháp nơi sở y,
Giống như đất, biển và chủng tử.
Chủng tử hàm chứa trong thai mẹ,
Cũng như được vú nuôi chăm sóc.
Tín tâm thặng trí gốc Bồ-đề,
Đại định đại bi thường nuôi nấng.
Tịnh tịnh giác tâm không cấu uế
Giống như lửa báu thái hư không.
Như Tô-mê-lô hơn các núi,
Nơi tất cả bạch pháp báu sinh.
Tham sân si thấy đều dứt hết*

Không bị lỗi phiền não lôi kéo.
 Kỹ năng hơn cát sông Khắc-già,
 Muôn pháp viên mãn ánh sáng thấu.
 Ngã tịnh lạc thường Ba-la-mật,
 Được thành ứng cúng 10 phương tôn.
 Khi nhân tức là tâm Bồ-đề,
 Quả mãn đức viên là chính giác.
 Thế kia năng hàm tướng pháp giới,
 Trí sáng thấu triệt không tì vết.
 Tâm Bồ-đề pháp không nghĩ bàn,
 Chư Phật Như Lai đều tán thán.
 Vô thủy đến nay chẳng tạo tác
 Không có chất ngại cũng không cùng.
 Bởi không vô tướng, tuệ hiểu rõ,
 Cảnh giới của chư Phật Như Lai.
 Tính kia tất cả pháp sở y,
 Xa lìa đoạn thường 2 kiến chấp.
 Pháp thân cùng với chúng sinh giới.
 Cho nên Phật nói vốn không khác.
 Bất tịnh cùng với tịnh phi tịnh,
 Cực tịnh tuân tự cần phải biết.
 Trước là chúng sinh, tiếp Bồ-tát,
 Sau cùng Như Lai cực thanh tịnh.
 Trần cấu nhiễm ô tính không sáng,
 Ví như mây đặc phủ trời trong.
 Phiền não lưới mây đều giải thoát.
 Mặt trời chiếu sáng khắp hư không.
 Lửa kiếp hừng hực nơi không trung,
 Thái hư vốn không bị thiêu đốt.
 Cũng vậy pháp tính không bị đốt,
 Lửa già bệnh chết không thể hoại.

Tất cả thế gian pháp sinh diệt
 Thấy đều không lìa nơi hư không.
 Cũng vậy trong pháp giới vô vi,
 Các căn nương đây mà sinh diệt.
 Như đèn sáng nóng hòa hợp nhau,
 Là 3 pháp này đèn không có.
 Cũng vậy Phật pháp cùng với thế,
 Là pháp này ra không thể khác.
 Khách trần phiền não tính phi hữu,
 Với tịnh thể kia trước lìa nhau.
 Bất không, vô cấu pháp tương ưng,
 Không có đoạn thoát thường tùy chuyển.
 Hoa sen nở rồi bị lá che,
 Như vàng tính sạch rơi chỗ bẩn,
 Cũng như trăng tròn bị nguyệt thực,
 Không chiếu thế gian phiền não che.
 Như nước ao trong hoa đẹp nở,
 Núi vàng bụi đất không làm bẩn,
 Như đêm quang đãng trăng sao sáng,
 Hiểu tuệ viên mãn cấu uế trừ.
 Như mặt trời sáng chiếu thế gian
 Muôn ngàn ánh sáng chiếu khắp giáp.
 Như đất như biển ngũ đầy cốc, báu,
 Được thoát sinh tử dưỡng chúng sinh.
 Thường nơi sinh tử phát trí bi,
 Thường, vô thường, đều không trụ trước.
 Thiên định tổng trì nước thanh tịnh,
 Mây Mâu-ni vương là nhân tốt.
 Đây tức pháp thân là Như Lai,
 Cũng gọi thánh đế chân viên tịch.

*Như nước với lạnh không lìa nhau,
Phật quả Niết-bàn cũng như vậy.*

Luận còn có tụng nói:

*Quả nhân và tự tính,
Khác tên và sai biệt.
Tướng khác tính không nhiễm,
Cũng nói thường hòa hợp.
Nghĩa hữu, vô, một tính,
Lược nói có 12.
Gọi là tâm Bồ-đề,
Tuần tự cần phải biết.*

Giải thích: Đây là luận thể.

Trong đây trước nói về quả của tâm Bồ-đề. Tiếp nói đến công năng. Từ nhân kia khởi, nhân đã khởi rồi tức tự tính thi thiết, tướng mạo, dị danh, sai biệt tùy chỗ thụ thân không bị nhiễm ô, cho nên nói là thường hòa hợp. Không tương ưng với thiện pháp khác, trụ trong phiền não, gọi là vô nghĩa. Ra khỏi ràng buộc, thanh tịnh gọi là hữu nghĩa, cũng gọi là một tính. Đều là Niết-bàn nên phải biết tuần tự 12 nghĩa.

Trong đây cái gì là quả của tâm Bồ-đề? Là nói Niết-bàn tịch diệt của chư Phật, không phải gì khác. Bởi vì sao? Vì tất cả tập khí vi tế đã dứt trừ. Nói không sinh, là ý thành các uẩn vốn không sinh. Nói không già, là công năng của tịch diệt tăng trưởng thù thắng đến cùng tốt giới hạn. Nói không bệnh, là vì đều vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tập chướng phiền não và sở tri chướng. Nói không chết, là vì hết cái biến dịch vô chung không nghĩ bàn. Nói không uẩn, là vì đã đoạn hết vô minh trụ địa từ vô thủy. Nói không lỗi, là vì tất cả thân khẩu ý nghiệp không lỗi lầm, vì cũng có thể siêu quá tất cả các công năng.

Kia do đâu được từ tâm Bồ-đề phương tiện tối thắng không thoái mất nhân mà có thể chứng đắc quả Niết-bàn? Niết-bàn giới là gì? Pháp thân chuyển y của tính pháp giới không thể nghĩ bàn của chư Phật là Niết-bàn giới. Cho nên nay tôi đành lễ tâm Bồ-đề không thể nghĩ bàn kia. Nhân quả tăng trưởng dần dần, sáng như trăng mới lên.

Lại nữa chủng tử của tâm Bồ-đề, là chỗ sở y trụ xứ sinh các hạt giống thiện pháp của tất cả thế gian, như đại địa vậy, là nơi xuất xứ tất cả pháp bảo của thánh giả, như biển cả vậy. Vì như chủng tử làm nhân tuần tự cho cây đạo thụ của tất cả chư Phật từ đó sinh. Đó là quả của tâm Bồ-đề.

Lại nữa làm sao biết được tương ưng với nhân kia? Như con của Chuyên luân vương. Nói tịnh tín, tức chủng tử của tâm Bồ-đề. Nói thắng trí, tức Bát-nhã tối thắng có thể hiểu rõ tất cả, gọi đó là mẹ. Tam-ma-địa, là lấy định làm bào thai. Tất cả thiện pháp an trụ trong đó, an lạc làm thể. Nói đại bi, là vì khởi đại bi đối với các chúng sinh, ở trong sinh tử không biết mỗi một và có thể viên mãn nhất thiết chủng trí. Trưởng dưỡng tâm Bồ-đề vì làm mẹ nuôi. Lại nữa nhân kia hòa hợp với tâm Bồ-đề phải biết có 2. Những gì là 2? Một là tướng phiền não làm nhiễm ô. Hai là tướng bạch pháp của tự tính. Trong đó nhiễm là cái tâm tự tính thanh tịnh thường kia không nhiễm, mà bị khách trần phiền não che chướng nhiễm ô. Giống như lửa, tự tính thanh tịnh bị tro bụi mây v.v... che chướng. Ví như lửa với ngọc báu, hư không và nước, tự tính không nhiễm. Nếu rời bỏ bụi tro, tự tính lửa được thanh tịnh. Tất cả chúng sinh cũng như vậy. Cái tâm tự tính đều đồng thanh tịnh. Vì tham v.v... các phiền não làm nhiễm ô. Nếu lìa tham v.v... thì tâm được thanh tịnh. Lại nữa làm sao biết tướng của bạch pháp cũng đều thanh tịnh? Tự tính thanh tịnh là chỗ y chỉ của tất cả bạch pháp, tất cả bạch pháp cũng từ đó sinh. Như núi Tô-mê-lô xuất sinh các báu, tâm Bồ-đề cũng vậy tất cả kỹ nghệ đều được

viên mãn, đạt được 4 thứ đại Ba-la-mật-đa, cho nên nói là pháp thân Như Lai. Như trong kinh nói: Thế Tôn ! Pháp thân Như Lai là thường Ba-la-mật, lạc Ba-la-mật, ngã Ba-la-mật, tịnh Ba-la-mật. Pháp thân Như Lai kia bị phiền não tùy phiền não nhiễm ô. Tâm tự tính thanh tịnh là nói tên khác. Như trong kinh nói: Xá-lợi-phất ! Thiện pháp này là pháp thể, tương ứng với tâm tự tính thanh tịnh của pháp giới chân như như thật. Ta y nơi tâm tự tính thanh tịnh này vì chúng sinh mà nói là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa tâm kia trong tất cả chúng sinh có tướng 10 sự không sai biệt. Đó là không làm, vô thủy, không sinh, vô chung, không diệt, vô ngại, tự tính sáng suốt, dùng không trí biết tất cả pháp là một vị, tướng cũng vô tính. Vô tính tức vô tướng vì lìa cảnh giới các căn, vì là cảnh giới chư Phật mà các thánh giả hành, xa lìa nơi đoạn vì bạch pháp không đoạn.

Đây lại lược có 3 tướng sai biệt. Nói bất tịnh, tức là ban đầu nói là chúng sinh giới. Tịnh bất tịnh, tức tiếp thuyết minh là Bồ-tát. Cực thanh tịnh, là nói Như Lai. Như kinh có nói: Xá-lợi-phất ! Tức pháp giới này quá hơn số cát sông Hằng vô biên vô phiến não bao bọc từ vô thủy đến nay thường bị trôi nổi theo sóng sinh tử hằng qua lại trong dòng sinh diệt, đó gọi là chúng sinh. Xá-lợi-phất ! Tức vô biên pháp giới này chán lìa sinh tử không trụ Niết-bàn, tất cả ở trong cõi Dục hành 10 Ba-la-mật, nhiếp giữ 8 vạn 4 ngàn pháp môn khi tu hành Bồ-đề, thì gọi là Bồ-tát. Xá-lợi-phất ! Tức pháp giới này giải thoát tất cả câu-chi phiền não, vượt qua tất cả khổ, xa lìa tất cả trói buộc như bản của phiền não tùy miên, chứng đắc thanh tịnh, trụ trong pháp tính tối cực thanh tịnh, được tất cả chúng sinh chiêm ngưỡng, trụ ở bậc nhất thiết nhĩ diệm, được thế lực lớn không chướng không trước, trong tất cả pháp được sức tự tại, gọi là Như Lai ứng chính đẳng giác. Cho nên, Xá-lợi-phất ! Không có chúng sinh giới riêng biệt, không có pháp thân riêng biệt. Chúng sinh giới tức pháp thân.

Pháp thân tức chúng sinh giới. Đây vẫn tự sai biệt nhưng không có 2 nghĩa.

Đây là thế nào? Trong khi bất tịnh bị phiền não nhiễm, giống như mây đặc che khuất mặt trời sáng đẹp. Tâm tự tính thanh tịnh không có nhiễm, khách trần phiền não đã khiến trừ rồi thì vàng mặt trời sáng chiếu đầy hư không. Đã có sinh già bệnh chết sao nói tính này là thường? Ví như kiếp hỏa thiêu đốt thái hư không. Cõi hư không là vô vi vốn không có tướng thiêu đốt. Pháp giới vô vi cũng như vậy. Lửa già bệnh chết không thể thiêu đốt hoại diệt được. Cho nên kinh nói: Thế Tôn ! Ngôn thuyết thế gian nói có chết có sinh, chẳng phải Như Lai tạng có sinh có chết. Thế Tôn ! Chết là các căn cũ hư hoại. Sinh là các căn mới khởi lên. Thế Tôn ! Như Lai tạng lia tướng cảnh giới hữu vi thường trụ vắng lặng.

Tính của tạng này đã thường trụ không biến đổi chưa thể phát khởi làm sao được tương ưng với Phật pháp?

Giống như đèn sáng với sắc nóng không có tướng riêng khác. Pháp với pháp thân cũng vậy. Như Phật nói: Xá-lợi-phất ! Ví như đèn không có 2 pháp công năng không khác là vì ánh sáng và sắc nóng không tách rời nhau. Hoặc như ánh sáng và hình sắc của ngọc báu. Cũng như vậy đó, Xá-lợi-phất ! Như Lai nói pháp thân không tách rời pháp, trí tuệ và công năng của pháp của Như Lai quá hơn cát sông Hằng. Như nói: Thế Tôn ! Có 2 thứ Như Lai tạng không bất không trí. Những gì là 2? Thế Tôn ! Nói không Như Lai tạng với cái vô phiền não hòa hợp không chia biệt không rõ giải thoát. Bất không, là thành tựu Phật pháp không thể nghĩ bàn, quá hơn cát sông Hằng không lia không thoát không khác, là nói pháp thân Như Lai.

Vì sao pháp thân viên mãn vạn đức, đầy đủ công đức, chúng sinh nhân đâu không được giải thoát?

Ví như hoa sen bị các lá của lưới tà kiến bao che. Cũng như vàng ròng rơi trong ô ứế bất tịnh của nghi hoặc. Cũng như mặt trăng tròn đầy bị La-hầu của ngã mạn thôn tính. Như nước ao trong bị đục bởi bụi nhơ tham dục. Như núi vàng kia bị nhiễm bẩn bởi bùn của sân nhuế. Như thái hư không bị che khắp bởi mây ngu si. Như mặt trời chưa mọc vì vô minh trụ địa chướng ngại nên trụ trong 6 chỗ đại uẩn thai tạng. Như tướng khí thể gian chưa thành. Như vậy không có mưa duyên chưa hợp.

*Hoa sen, vàng, trăng tròn,
Nước ao, núi vàng, không,
Như mặt trời, đất, mây,
Phật tính khách trần nhiễm,
Phiền não che công năng,
Phật sự không do đâu làm.
Lược nói 9 ví dụ,
Nhiễm tịnh cần phải biết.*

Do đó pháp thân Như Lai cũng như vậy. Là tất cả khách trần phiền não, hết chướng thì tự tính công năng đầy đủ được thành ứng cúng, tất cả chúng sinh đồng chung thụ dụng, chúng được Niết-bàn giới thường trụ tịch tĩnh thanh lương không thể nghĩ bàn. Nói Như Lai ứng chính đẳng giác chẳng phải khác pháp thân Như Lai, ngoài riêng có Niết-bàn. Lại như nói khi chúng sinh giới được thanh tịnh thì phải biết đó là pháp thân. Pháp thân tức Niết-bàn giới. Niết-bàn tức là Như Lai. Như trong kinh nói: Thế Tôn ! Vô thượng chính đẳng giác tức là Niết-bàn. Thế Tôn ! Niết-bàn giới tức là pháp thân Như Lai. Thế Tôn ! Ngoài pháp thân không riêng có Như Lai. Thế Tôn ! Như Lai tức là pháp thân. Đây tức không có khác, tức là khổ diệt v.v... Cho nên kinh nói: Thế Tôn ! Chẳng phải hoại pháp nên gọi là khổ diệt. Nhưng khổ diệt, là vô thủy, vô tác, vô sinh, vô khởi, vô diệt, vô tận, ly tận, thường trụ, bất động, tịch tĩnh, tự tính thanh tịnh,

phá tất cả cái vô phiền não, là đầy đủ Phật pháp không thể nghĩ bàn quá hơn cát sông Hằng không lìa không thoát, gọi là pháp thân Như Lai. Thế Tôn ! Đó là Như Lai tạng. Chưa thoát cái vô phiền não gọi là Như Lai tạng. Thế Tôn ! Như Lai tạng là không trí của chư Như Lai. Thế Tôn ! Như Lai tạng tất cả Thanh Văn Duyên Giác không thể thấy, trước chưa từng thấy, xưa chưa từng chứng đắc. Chỉ có Như Lai chứng đắc và phá tất cả cái vô phiền não, tu tập tất cả đạo diệt khổ. Cho nên như nước với lạnh, tính giác với Niết-bàn không 2 không riêng biệt. Hoặc nói nhất thừa tính dục, hoặc không Niết-bàn. Lại nói đồng một pháp giới , hoặc tiểu Niết-bàn, hoặc trung Niết-bàn, hoặc đại Niết-bàn là không phải vậy. Trong nhân hạ trung thượng chuyển quả phải là một. Nhân đã sai biệt quả cũng sai biệt. Cho nên nói: Thế Tôn ! Không có hạ trung thượng được Niết-bàn. Thế Tôn ! Pháp bình đẳng, trí bình đẳng, giải thoát bình đẳng, giải thoát tri kiến chứng được Niết-bàn. Cho nên Thế Tôn ! Niết-bàn giới là một vị, là vị bình đẳng. Đó gọi là hiểu rõ vị giải thoát./.

HẾT

MỤC LỤC

SỐ 1604: LUẬN ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH	5
Quyển 11	5
Phẩm 21 – 2: Giác Phần	5
Quyển 12	29
Phẩm 22: Công Đức	29
Quyển 13	59
Phẩm 23: Hành Trụ	59
Phẩm 24: Kính Phật	72
SỐ 1605: ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP LUẬN	82
Quyển 1	82
Phẩm 1: Phẩm Ba Pháp Trong Bản Sự Phần	82
Quyển 2	100
Phẩm 1 - 2: Phẩm Ba Pháp Trong Bản Sự Phần	100
Quyển 3	117
Phẩm 1 - 3: Phẩm Ba Pháp Trong Bản Sự Phần	117
Phẩm 2: Phẩm Nhiếp Trong Bản Sự Phần	122
Phẩm 3: Phẩm Tương Ứng Trong Bản Sự Phần	124
Phẩm 4: Phẩm Thành Tựu Trong Bản Sự Phần	125
Phẩm 1 – 1: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần	126
Quyển 4	135
Phẩm 1 – 2: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần	135
Quyển 5	155
Phẩm 1 - 3: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần	155
Quyển 6	171
Phẩm 2: Phẩm Pháp Trong Quyết Trạch Phần	171
Phẩm 3 – 1: Phẩm Đắc Trong Quyết Trạch Phần	178
Quyển 7	185
Phẩm 3: Phẩm Đắc Trong Quyết Trạch Phần	185
Phẩm 4: Phẩm Luận Nghị Trong Quyết Trạch Phần	194
SỐ 1606: ĐẠI THỪA A TÌ ĐẠT MA TẬP TẬP LUẬN	200
Quyển 1	200
Phẩm 1 – 1: Phẩm 3 Pháp Trong Bản Sự Phần	200

Quyển 2.....	221
Phẩm 1 – 2: Phẩm 3 Pháp Trong Bản Sự Phần.....	221
Quyển 3.....	239
Phẩm 1 – 3: Phẩm 3 Pháp Trong Bản Sự Phần.....	239
Quyển 4.....	255
Phẩm 1 – 4: Phẩm 3 Pháp Trong Bản Sự Phần.....	255
Quyển 5.....	271
Phẩm 1 – 5: Phẩm 3 Pháp Trong Bản Sự Phần.....	271
Phẩm 2: Phẩm Nhiếp Trong Bản Sự Phần.....	283
Phẩm 3: Phẩm Tương Ứng Trong Bản Sự Phần.....	286
Phẩm 4: Phẩm Thành Tựu Trong Bản Sự Phần.....	288
Quyển 6.....	290
Phẩm 1 – 1: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần.....	290
Quyển 7.....	309
Phẩm 1 – 2: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần.....	309
Quyển 8.....	329
Phẩm 1 – 3: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần.....	329
Quyển 9.....	346
Phẩm 1 – 4: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần.....	346
Quyển 10.....	359
Phẩm 1 – 5: Phẩm Đế Trong Quyết Trạch Phần.....	359
Quyển 11.....	374
Phẩm 2 – 1: Phẩm Pháp Trong Quyết Trạch Phần.....	374
Quyển 12.....	392
Phẩm 2 – 2: Phẩm Pháp Trong Quyết Trạch Phần.....	392
Quyển 13.....	407
Phẩm 3 – 1: Phẩm Đắc Trong Quyết Trạch Phần.....	407
Quyển 14.....	429
Phẩm 3 – 2: Phẩm Đắc Trong Quyết Trạch Phần.....	429
Quyển 15.....	449
Phẩm 4 – 1: Phẩm Luận Trong Quyết Trạch Phần.....	449
Quyển 16.....	462
Phẩm 4 – 2: Phẩm Luận Trong Quyết Trạch Phần.....	462
SỐ 1607: LUẬN LỤC MÔN GIÁO THỤ TẬP ĐỊNH.....	478
SỐ 1608: LUẬN NGHIỆP THÀNH TỰU.....	492
SỐ 1609: LUẬN ĐẠI THỪA THÀNH NGHIỆP.....	506
SỐ 1610: LUẬN PHẬT TÍNH.....	525
Quyển 1.....	525
Phần 1: Duyên Khởi.....	525
Phần 2: Phá Chấp.....	527
Phẩm 1: Phá Chấp Tiểu Thừa.....	527

Phẩm 2: Phá Ngoại Đạo.....	532
Phẩm 3: Phá Kiến Đại Thừa	548
Quyển 2.....	550
Phần 3: Hiền Thê.....	550
Phẩm 1: Ba Nhân	550
Phẩm 2: Ba Tính	551
Phẩm 3: Như Lai Tạng.....	557
Phần 4: Biện Tướng	559
Phẩm 1: Tướng Tự Thê.....	559
Phẩm 2: Minh Nhân.....	562
Phẩm 3: Hiền Quả.....	566
Phẩm 4: Sự Năng	571
Quyển 3.....	576
Phẩm 5: Tổng Nhiếp	576
Phẩm 6: Phân Biệt.....	594
Phẩm 7: Giai Vị	595
Phẩm 8: Biến Mãn	595
Quyển 4.....	597
Phẩm 9: Vô Biến Dị.....	597
Phẩm 10: Vô Sai Biệt.....	616
SỐ 1611: LUẬN CỨU CÁNH NHẤT THỪA BẢO TÍNH	621
Quyển 1.....	621
Phẩm 1: Giáo Hóa.....	621
Phẩm 2: Phật Bảo.....	623
Phẩm 3: Pháp Bảo.....	624
Phẩm 4: Tăng Bảo.....	625
Phẩm 5: Tất Cả Chúng Sinh Có Như Lai Tạng	626
Phẩm 6: Vô Lượng Phiền Não Trói Buộc.....	629
Phẩm 7: Vì Nghĩa Gì Nói?.....	638
Phẩm 8: Thân Chuyển Thanh Tịnh Thành Bồ-Đề	639
Phẩm 9: Như Lai Công Đức	643
Phẩm 10: Phật Nghiệp Tự Nhiên Không Ngừng Nghỉ	648
Phẩm 11: Hiệu Lượng Tín Công Đức	659
Quyển 2.....	671
Phẩm 2: Phật Bảo.....	671
Phẩm 3: Pháp Bảo.....	675
Phẩm 4: Tăng Bảo.....	678
Quyển 3.....	692
Phẩm 5: Tất Cả Chúng Sinh Có Như Lai Tạng	692
Quyển 4.....	726
Phẩm 6: Vô Lượng Phiền Não Trói Buộc.....	726
Phẩm 7: Vì Nghĩa Gì Nói Luận Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tính	740

Phẩm 8: Thân Chuyên Thanh Tịnh Thành Bồ-Đề	743
Phẩm 9: Công Đức Của Như Lai	758
Phẩm 10: Phật Nghiệp Tự Nhiên Không Thôi Nghỉ	767
Phẩm 11: Hiệu Lượng Tín Công Đức	772
SỐ 1612: LUẬN ĐẠI THỪA NGŨ UẨN	781
SỐ 1613: LUẬN ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN	790
SỐ 1614: LUẬN ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP MINH MÔN (Lược Lục Danh Số Trong Bản Sự Phần)	807
SỐ 1615: LUẬN VƯƠNG PHÁP CHÍNH LÝ	809
SỐ 1616: LUẬN THẬP BÁT KHÔNG (Hoặc 16, Hoặc 18, Hoặc 14, Hoặc 17)	828
SỐ 1617: LUẬN TAM VÔ TÍNH (Xuất Từ Vô Tướng Luận)	851
Quyển Thượng	851
Quyển Hạ	874
SỐ 1618: LUẬN HIỂN THỨC (Xuất Xứ Từ Luận Vô Tướng)	895
SỐ 1619: LUẬN VÔ TƯỚNG TƯ TRẦN	910
SỐ 1620: LUẬN GIẢI QUYỀN	915
SỐ 1621: LUẬN CHƯỠNG TRUNG	919
SỐ 1622: LUẬN THỦ NHÂN GIẢ THIẾT	923
SỐ 1623: QUÁN TỔNG TƯỚNG LUẬN TỤNG	934
SỐ 1624: LUẬN QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN	936
SỐ 1625: QUÁN SỞ DUYÊN LUẬN THÍCH	940
SỐ 1626: LUẬN ĐẠI THỪA PHÁP GIỚI VÔ SAI BIỆT	952
SỐ 1627: LUẬN ĐẠI THỪA PHÁP GIỚI VÔ PHÂN BIỆT (Cũng Có Một Tên Là Luận Như Lai Tạng)	962

